# trăm hoa vẫn nở trên quê hương



cao trào văn nghệ phản kháng tại việt-nam

1986
1989

T U Y Ể N T Ậ P

trăm hoa vẫn nở trên quê hương

# trăm hoa vẫn nở trên quê hương

cao trào văn nghệ phản kháng tại việt-nam

1986
1989

T U Y Ể N T Ậ P



trăm hoa vẫn nở trên quê hương
nhà xuất bản lê trần
hình bìa: phạm kim khải
trình bày: cao xuân huy
đánh máy: bùi ngọc đường, vũ ngọc lộc

# lời nói đầu
# của nhà xuất bản



*Đặt tựa đề **"Trăm Hoa Vẫn Nở..."** cho Tuyển Tập này, chúng tôi có ý làm một việc tương tự công trình sưu tập văn liệu mà cụ Hoàng văn Chí đã làm vào thập niên '50 với cuốn: "Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc". Chúng tôi cũng muốn ghi lại những chứng tích của một cuộc đấu tranh cho Tự do Dân chủ và Nhân quyền khởi đi từ những người trong nước hiện nay. Trước đây cụ Hoàng đã viết:*

*"Bốn mươi năm một thuở" (nhân dịp hạ bệ Stalin), họ (nhóm Nhân văn Giai phẩm) đều đứng dậy đấu tranh chống đảng, đòi phục hồi quyền tự do tư tưởng... Trí thức ở miền Bắc đã sản xuất được trên một trăm bản văn có giá trị. Cộng sản coi những bản văn ấy là những "cỏ độc", nhưng chúng tôi coi những tác phẩm của họ như một "trăm hoa" thực sự".*

*Hôm nay, lại có những người cầm bút nổi dậy đòi phục hồi quyền tự do bất tử ấy:*

***"Hoa Vẫn Nở...".***

*Ở chủ đề này, chúng tôi nhận định rằng:*

***"Hiện có cao trào phản kháng ở trong nước".***

*Đây không phải chỉ là một "phong trào văn nghệ" mà còn xuất hiện đồng thời một cao trào quần chúng đón nhận, thôi thúc và cổ võ dòng văn chương thịnh nộ trong nước. Đây cũng chính là một trong những điểm khác biệt giữa "trăm hoa" bây giờ với "trăm hoa... trên đất Bắc". Nhân văn Giai phẩm trước kia chưa ai có thể đặt thẳng các câu hỏi như bây giờ:*

***– "Có hay không một khuynh hướng phủ nhận 40 năm văn học Xã hội Chủ nghĩa".***

***– Có hay không "cái tâm lý muốn phủ nhận, xóa sạch"***

Hồi đó cũng chưa có ai dám nói toạc ra trước mặt giới lãnh đạo Đảng và

lãnh đạo văn nghệ rằng ***đời Lê, đời Trần đánh thắng ngoại xâm đâu cần đến sự hỗ trợ của phe Xã hội Chủ nghĩa;*** *họ chưa dám công khai phán xét công tội của giới lãnh đạo, của đảng! "Trăm Hoa Trên Đất Bắc" là một thiểu số văn nghệ sĩ làm một hành động bất khuất. Thiểu số ấy đã sớm phản tỉnh vì thấy cái tệ hại của chế độ chuyên chính, trong khi hầu hết dân miền Bắc lúc ấy chưa* ***"mở mắt"*** *hoặc còn sợ sệt. Bây giờ, thế giới ai cũng đã* ***"sáng mắt"*** *cả rồi.*

*Chúng tôi tin rằng các văn bản xuất hiện ở Việt Nam trong giai đoạn 1986-1989 sẽ là những "sử liệu quý báu cho các sử gia mai sau viết về một thời đại đen tối của dân tộc mang tên Thời đại Xã hội Chủ nghĩa".*



*Đi vào việc hình thành Tuyển Tập, chúng tôi đã không tránh khỏi một vài điểm chưa thỏa đáng:*

*Vấn đề tuyển chọn tác giả, tác phẩm, văn liệu và dữ kiện thông tin trong nước: Số lượng tài liệu chúng tôi thu lượm được so với khối lượng sáng tác trong giai đoạn phản kháng vẫn còn quá ít ỏi. Có tác giả được nhận định là tiêu biểu cho dòng văn chương phản kháng thì chúng tôi lại không tìm được tác phẩm của họ. Lại có những tác phẩm rất căn bản đã được nhiều tác giả khác trích dẫn như rường cột tư tưởng phản kháng nhưng không chuyển được ra nước ngoài. Dẫu sao tài liệu hiện có ở đây cũng đã thể hiện rõ nét* ***đa diện*** *và* ***đa nguyên*** *bởi sự khác biệt về* ***động lực phản kháng, đối tượng phản kháng*** *và* ***cường độ phản kháng.***

*Chúng tôi cũng tin rằng các văn bản (tài liệu báo chí, các tác phẩm văn, thơ, ký, kịch, điện ảnh...) trong Tuyển Tập này sẽ đóng góp một số dữ kiện cần thiết cho các cuộc thảo luận giữa những người Việt trong khuôn khổ đấu tranh cho Tự do - Dân chủ và Nhân quyền tại Việt Nam. Vì vậy, chúng tôi đã gom góp và lựa chọn một số sáng tác, tham luận có hệ thống cũng như cảm nghĩ tản mạn của những người đang thao thức vì vận mệnh tổ quốc trong thập niên giao thừa này.*

*Về số lượng các bài viết xuất hiện trên nhiều tạp chí hải ngoại, chúng tôi chỉ xin trích đăng một ít vì sách đã quá dầy.*

*Lời cuối, xin để tỏ lòng thành thật cám ơn bằng hữu gần xa đã trực tiếp hoặc gián tiếp giúp chúng tôi từ bước khởi đầu cho đến ngày ra mắt Tuyển Tập này.*

**Kính chào**

Nhà Xuất Bản Lê Trần
California, USA
Tháng Bảy năm 1990

# MỤC LỤC

**PHẦN BA: HAI BIẾN CỐ PHẢN KHÁNG TIÊU BIỂU**

## PHẦN BỐN: PHÂN TÍCH CHÍNH TRỊ



## PHẦN NĂM: TÀI LIỆU: LÝ LUẬN VĂN HỌC VÀ TỰ DO TƯ TƯỞNG

PHẦN SÁU: VĂN LIỆU / VĂN – THƠ – KÝ



PHẦN BẢY: NHÌN TỪ NƯỚC NGOÀI



CHUNG

# phần một:
# bối cảnh và diễn tiến

# từ nhân văn giai phẩm đến cao trào văn nghệ phản kháng 1986 - 1989



*Thân Trọng Mẫn*

*Sau đại hội lần thứ 20 của đảng Cộng Sản Liên Sô phê bình tệ sùng bái cá nhân, các đảng cộng sản trong phe xã hội chủ nghĩa đều tiến hành phê bình và đã phát hiện ra một số khuyết điểm và sai lầm trong công tác lãnh đạo của mình bên cạnh những ưu điểm và thành công to lớn và là căn bản. Bọn đế quốc đã nhân cơ hội đó gây ra được vụ lộn xộn ở Po-dơ-nan.*

*Trong nước, Trung ương đảng Lao động Việt Nam cũng tự phê bình và phát hiện được những sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức.*

*Nhân cơ hội đó tất cả các lực lượng... đối lập với chủ nghĩa xã hội đều ngóc đầu dậy chống lại sự lãnh đạo của đảng và chính phủ. Bọn phản động trong Công giáo hành động phá rối trật tự ở Nghệ An, Nam Định. Bọn phản động trong các dân tộc thiểu số "xưng vua" ở một vài miền rẻo cao... Một số địa chủ vừa bị đánh đổ liền ngóc đầu dậy, cấu kết với bọn phản động trong tôn giáo và bọn lưu manh, bọn tề ngụy cũ, đánh chửi nông dân để báo thù. Những phần tử3 khiêu khích phá hoại xúi dục một số thương binh làm mất trật tự ở một vài địa phương...*

*Từ Nhân Văn số 4 trở đi, tức là sau khi bọn phản cách mạng ở Hung-Ga-Ri được bọn đế quốc giúp đỡ, đã thực hiện được vụ bạo động phản cách mạng ở Bu-đa-pét, thì chúng đã chuyển hẳn sang chống đối về chính trị, kích động quần chúng biểu tình chống lại đảng và chánh phủ ta nhân lúc Quốc hội ta đang họp...*

Đoạn văn chúng tôi vừa trích dẫn hơi dài dòng, nhưng đó chỉ là phần dẫn nhập cho một bản cáo trạng dài gần 400 trang, mang tựa đề "*Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước toà án dư luận*" do nhà xuất bản Sự Thật Hà Nội phát hành gồm bài Viết của 84 tác giả, trong đó đủ các khuôn mặt "lãnh đạo văn nghệ" đương thời như Trường Chinh, Tố Hữu, Trần Độ, Hà Xuân Trường, Hoài Thanh, Nguyễn Đình Thi, Như Phong, Chính Hữu, Bùi Hiển... Đối chiếu với hoàn cảnh hiện tại, cả trên mặt quốc tế lẫn quốc nội, những điều vừa trích dẫn từ bản cáo trạng xem ra khá tương đồng với những gì đang xảy ra trong nước hiện nay, chỉ khác chút ít về mức độ và tầm ảnh hưởng. Nếu trước đây bước chuyển động bắt đầu từ bản báo cáo chính trị của Kroustchev tại đại hội đảng Cộng Sản Liên Sô lần 20, tố cáo tội ác của Stalin và khởi đầu chính sách "xét lại" thì nay cũng từ Mạc Tư Khoa, ảnh hưởng của chính sách Glasnost (cởi mở) và Perestroika (tái cấu trúc) do Gorbachev chủ trương đã đánh động một sự chuyển hoá trọn khối xã hội chủ nghĩa; nếu trước đây cuộc phản kháng bắt đầu từ công nhân và nghiệp đoàn Đông Đức (ở Podzan) và làm rung chuyển toàn khối Đông Âu trong cuộc cách mạng của Hungary thì nay cũng chính giai cấp công nhân (đội ngũ tiên tiến và cách mạng nhất của xã hội chủ nghĩa!) đã bắn phát súng lệnh tại Ba Lan và đưa đến cuộc cách mạng vĩ đại 1989 trên toàn khối cộng sản thế giới, giải thể chế độ Cộng Sản tại bảy nước Đông Âu, Nicaragua và Mông Cổ.

Tại Việt Nam, nếu trước đây là cuộc nổi dậy của giáo dân tại Nghệ An, Nam Định, cuộc chiến du kích của các dân tộc thiểu số miền "rẻo cao", cuộc đề kháng âm ỉ tại nông thôn sau cải cách ruộng đất, sự bất mãn của thương binh và cựu kháng chiến... thì nay là một phong trào quần chúng rộng lớn và liên tục của các lực lượng tôn giáo, các lực lượng dân tộc thiểu số tại cao nguyên, các phong trào kháng chiến toàn dân, cuộc đấu tranh trực diện của thương bệnh binh, bộ đội phục viên và hàng ngũ cựu kháng chiến... Nếu trước đây là cuộc phản kháng của văn nghệ sĩ và trí thức của phong trào "Trăm hoa đua nở" mà cao điểm đã thu hút được 304 người tham dự, thì nay là một cuộc bừng nở của một cao trào văn nghệ phản kháng trên quy mô toàn quốc với sự dính dự của bốn thế hệ văn nghệ sĩ và trí thức trong cả nước.

Sau 30 năm, lịch sử lại tái diễn gần như trùng hợp, nhưng xét về kích thước, những vận động đang xảy ra trong nước, và nói riêng cao trào văn nghệ phản kháng của văn nghệ sĩ và trí thức, đã có những bước tiến rất căn bản về số lượng lẫn chất lượng. Về phía nhà cầm quyền, những người lãnh đạo chính trị cũng như những người lãnh đạo văn nghệ của chế độ Cộng Sản tại Việt Nam hiện nay, xét về mặt lý luận văn học cũng như về ngôn ngữ phê phán, ta thấy "*một sợi chỉ đỏ xuyên suốt*" trong lập trường và phản ứng của họ. So sánh những bài phát biểu của Trường Chinh, Tố Hữu... của thời Nhân

Văn Giai Phẩm với bài nói chuyện của Nguyễn Văn Linh tại hội nghị Trung Ương đảng kỳ 7 (khoá VI) và kết luận của bộ chính trị BCH đảng CS Việt Nam "về công tác văn hóa và tư tưởng", cũng như các bài diễn văn của Đỗ Mười tại đại hội nhà báo, đại hội nhà văn lần IV năm 1989, rõ ràng lập luận và từ ngữ vẫn y khuôn, cũng *"cuộc đảo chính phản cách mạng", "âm mưu xảo quyệt của bọn đế quốc và các loại phản động", "dân chủ xã hội chủ nghĩa, về bản chất, như Lenin nói, gấp triệu lần dân chủ tư sản..."*, sự sáo mòn về từ ngữ, sự hoá thạch của tư duy, và sự lão suy về tư tưởng của các nhà lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam càng khiến họ trở thành thù địch với nhân dân, cô lập với toàn thế giới đang sôi sục chuyển mình.

Và hiện nay, dù các biện pháp công an tư tưởng và trấn áp văn hoá được đảng thi hành dưới những hình thức "quy chụp chính trị", "chỉ điểm văn nghệ" "uốn nắn những lệch lạc", "báo động giả"... thậm chí cả sự đích thân hiện diện nhằm hăm dọa của cố vấn đảng Lê Đức Thọ, và Trung tướng cục an ninh Dương Thông tại đại hội Nhà Văn lần IV, phong trào văn nghệ đối kháng của giới văn nghệ sĩ và trí thức trong nước cũng không bị dập tắt, điều này chứng tỏ, vào đầu thập niên 90, do xu thế thời đại, do sự liên đới của giới cầm bút và do sự hỗ trợ của đại khối dân tộc, công cuộc vận động tự do dân chủ và thịnh vượng cho đất nước, mà cao trào văn nghệ phản kháng là một bộ phận, đang dành được ưu thế, có đủ tiềm năng và khả năng vượt thắng guồng máy kềm kẹp của đảng.

Để nhìn rõ các kết quả đấu tranh của giới văn nghệ sĩ và trí thức, bài này sẽ phác lược diễn tiến của trọn phong trào phản kháng kể từ thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm đến nay, mà trong đó giai đoạn 1986-1989 chỉ là một cao điểm, một thành quả vận động khi công khai khi âm thầm, mà giới cầm bút, giới làm văn hoá đã thực hiện suốt 35 năm dưới chế độ xã hội chủ nghĩa.

Do sự nghèo nàn về tài liệu cũng như khả năng vô cùng giới hạn của người viết, bài viết này không có tham vọng phân tích và tổng kết cả một thời kỳ văn học mà chỉ nhấn mạnh những khuynh hướng phản kháng trong giai đoạn đó.

### I. *Từ Trăm Hoa Đua Nở:*

Đúng như lời cụ Nguyễn Mạnh Tường trả lời ông Phạm Trần trên báo Độc Lập (Tây Đức) tháng 11 năm 1989, phong trào Nhân Văn Giai Phẩm: "*không hề chống đối đảng*".

Thực vậy, căn cứ trên nội dung ghi lại trong tuyển tập "*Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*" do cụ Hoàng Văn Chí giới thiệu, nhóm văn nghệ sĩ tập họp trên các tạp chí Giai Phẩm, Nhân Văn và Văn (1956-1958), có đòi quyền tự do sáng tác trong một giới hạn nào đó nhưng không hề phủ nhận quyền lãnh

đạo của đảng, những bài thơ "*chống tham ô lãng phí*" hay "*cùng những thằng nịnh hót*" quả có quyết liệt, nhưng cũng chỉ trong khuôn khổ chống tiêu cực mà trên hình thức, đảng vẫn cho phép phát biểu trong những buổi phê bình và tự phê nội bộ, "*Ông Bình vôi*" của Phan Khôi hay "*Con ngựa già của chúa Trịnh*" của Phùng Cung có "phạm thượng" thật nhưng đâu có phạm thượng bằng Trạng Quỳnh hay Cao Bá Quát thời phong kiến!. Có vấn đề nhất là những bài thơ "*Hãy đi mãi*" hay "*Nhất định thắng*" quả thật có thể làm người ta hiểu "bóng gió", nhưng rõ ràng tác giả vẫn kêu gọi "*hãy đi mãi như những người cộng sản*", hoặc sát thời cuộc như bài tham luận của cụ Nguyễn Mạnh Tường đề cập trực tiếp đến những sai lầm trong cải cách ruộng đất, thì lập luận của cụ nào khác gì lập trường đảng trong việc tự phê bình về những sai lầm do chính Hồ Chí Minh nhận lỗi trước nhân dân.

Thơ văn của nhóm Nhân Văn Giai Phẩm chỉ nhằm vào những mục đích khá giới hạn: kêu gọi một sự độc lập tương đối trong sáng tạo, phản ứng những mặt tiêu cực của chính quyền, họ chưa dám (hay vì bước đầu dọ dẫm nên chưa muốn) đề cập đến những vấn đề CĂN NGUYÊN của chế độ như bản chất của chủ nghĩa xã hội, sự hình thành giai cấp mới, tính lão suy của bộ máy nhà nước và đảng, quan hệ giữa chính trị và văn nghệ, quan điểm về nhân bản và tự do... là những vấn đề được trực tiếp nêu lên 30 năm sau (86-89).

Dù với mục đích hạn chế như vậy, phong trào Nhân Văn Giai Phẩm đã chịu những hậu quả vô cùng thảm khốc, bằng thủ đoạn vu khống chính trị, đảng đã thổi phồng vụ án Nhân Văn Giai Phẩm như một âm mưu khuynh đảo quốc tế với sự tham dự trực tiếp của Mỹ và miền Nam, tất cả những từ ngữ thô bỉ nhất, hằn học nhất đều được xử dụng nhằm bôi nhọ các nhà văn của phong trào: Thụy An bị gọi là "*con phù thủy xảo quyệt*", Nguyễn Hữu Đang bị coi là "*quân sư quạt mo*", Trần Đức Thảo bị mỉa mai là "*triết gia phản bội chân lý*", Trần Dần là "*một tâm hồn đồi trụy*", Hoàng Cầm là một "*tên bội bạc...*" (Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước toà án dư luận, từ trang 42-104).

Cả một phong trào quần chúng, mít tinh, biểu tình, học tập... được bộ máy đảng huy động để áp đảo nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, tất cả những ngôn ngữ bôi bẩn đầu đường xó chợ nhất đã được xử dụng trong suốt gần hai năm (1958-1959) để đấu tranh chống Nhân Văn Giai Phẩm, điểm làm cho hậu sinh chúng ta *tê tái* (chữ của Hoàng Ngọc Hiến khi phê bình truyện Nguyễn Huy Thiệp) là những lời chưởi rủa độc ác xách mé nhất lại là do những nhà văn, nhà thơ mà chúng ta vẫn kính trọng tài năng từ thời tiền chiến và kháng chiến như Tế Hanh, Hoài Thanh, Phạm Huy Thông, Nguyễn Đình Thi, Chính Hữu...

Tại sao cả guồng máy đảng, chánh quyền phải huy động toàn lực để chỉ

đối với 34 văn nghệ sĩ của phong trào Nhân Văn Giai Phẩm? Để trả lời câu hỏi nầy, chúng ta phải nhìn lại bối cảnh chính trị của chế độ CS vào thời điểm 1956-1958... Vào thời kỳ kháng chiến chống Pháp, để huy động toàn lực quốc dân, đảng cộng sản phải dương lá cờ dân tộc làm bình phong vận động quần chúng, đảng phải tự giải tán và lui vào bóng tối để củng cố lực lượng và đào tạo đội ngũ cán bộ trung kiên (cốt cán), do đó đứng về mặt cơ cấu nhân sự, trong hàng ngũ kháng chiến (mà tên gọi phổ cập là Việt Minh: chính phủ Việt Minh, mặt trận Việt Minh, bộ đội Việt Minh) nếu đại đa số là nông dân thì thành phần lãnh đạo trung cao (cả trong bộ đội lẫn uỷ ban kháng chiến) đa số là tiểu tư sản (trí thức, tiểu thương, tiểu chủ, phú nông...), số lượng cán bộ cộng sản, dù nắm những chức vụ quyết định, vẫn còn là thiểu số.

Khi tiếp thu miền Bắc, guồng máy kháng chiến trở về thành cũng với cơ cấu nhân sự như vậy. Trong mục tiêu "dọn sân để xây dựng chủ nghĩa xã hội", đảng đã vội vã phát động chiến dịch "cải cách ruộng đất" nhằm triệt tiêu thành phần tiểu nông, trung nông, phú nông và địa chủ tại nông thôn, mặc dù các thành phần này, tự thân họ, hoặc con em họ, lại là thành phần lãnh đạo hoặc tham gia tích cực kháng chiến. Nhằm đánh gục các thành phần này, đảng đã huy động một thiểu số đảng viên và thổi phồng một số vô lại tại địa phương được mệnh danh là "bần cố nông cốt cán" để thành lập những "đội cải cách" với toàn quyền sinh sát trên nông thôn. Hậu quả là, do cuồng tín, vô học và thù hận, chính sách này đã gây những bất mãn, căm phẫn của đại khối nhân dân, và đặc biệt, của chính các thành phần cán bộ có công với kháng chiến, chính họ đã chống đối đảng mãnh liệt nhất, họ đã cầm đầu các cuộc nổi loạn vũ lực khắp miền Bắc mà đảng không thể bưng bít và đành thú nhận qua phần trích dẫn đầu bài.

Sự thất bại của chính sách cải cách ruộng đất khiến đảng phải thay đổi chiến lược, lùi một bước tại nông thôn và nắm vững lại hệ thống đảng bằng một cuộc tổng thanh lọc các tầng lớp tiểu tư sản trong guồng máy đảng và chính quyền, mà đặc biệt hai thành phần trí thức tiểu tư sản và văn nghệ sĩ đã được ưu tiên chiếu cố. Cuộc đàn áp phong trào Nhân Văn Giai Phẩm nằm trong chiều hướng đó.

Trong màn cuối của cuộc đàn áp, hai hội nghị của văn nghệ sĩ, thực chất là hai phiên toà án nhân dân đã được tổ chức để chứng kiến 34 thành viên của phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, sau khi làm việc với công an văn hoá, phải ra trình diện nhận tội - họ và những người liên hệ "*đã tự giác, tự phê bình*" trước đại hội.

Ngoài 34 nhân vật được nêu tên, bản cáo trạng còn dành một án treo cho tất cả giới văn nghệ sĩ bằng một câu thông: "*nhưng đó không phải là tất cả*

***(còn những tên chưa ra mặt)***" (Bọn Nhân văn giai phẩm trước toà án dư luận, trang 309-310, nhấn mạnh của người viết)

Bản án treo này mới thực sự tàn nhẫn, tất cả những nhà văn nhà thơ nào tỏ ra còn chút bất khuất, không tự nép mình trong khuôn khổ đảng, đều bị ghép vào tội "*liên hệ với Nhân văn giai phẩm*" hoặc "*ủng hộ bọn Nhân Văn Giai Phẩm*", như nhà thơ, kịch tác gia Đoàn Phú Tứ bị đấu tố đến mắc bịnh tâm thần, như nhà thơ Nguyễn Bính bị bao vây kinh tế đến nỗi chết lạnh giữa đêm giao thừa, *miệng còn chóp chép thèm cơm* (thơ Trần Mạnh Hảo), hoặc suốt đời sẽ là kẻ "có vấn đề" như Trương Chính tự thuật trong bài "Mấy ý kiến chung quanh việc đảng lãnh đạo văn nghệ".

Hiển nhiên tất cả các biện pháp trấn áp không phải chỉ nhằm vào cá nhân các thành viên trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, bản án 15 năm tù đối với Nguyễn Hữu Đang, Thụy An, Trần Thiếu Bảo, (chúng ta tự hỏi bây giờ đã 32 năm sau, không biết các vị này đã được phóng thích chưa?), hoặc là truất hết quyền cầm bút, quyền công dân, bao vây kinh tế và cô lập về tinh thần khiến tất cả các nạn nhân đều trở nên công dân mạt hạng trong đáy tầng xã hội. Biện pháp trấn áp này nhằm khủng bố tinh thần đối với mọi văn nghệ sĩ khác, gây cho họ một tình trạng lo âu thường trực, sợ hãi thường xuyên, để biến họ thành một đám cừu non dễ bảo.

Sợ hãi trở thành một bản tính thứ hai của văn nghệ sĩ dưới chế độ cộng sản. Ta hãy nghe Nguyễn Minh Châu mô tả một hoạt cảnh về nhà văn Nguyễn Tuân: "*một nhà văn đàn anh nâng chén rượu lên giữa đám đàn em*: "*Tao còn sống đến bây giờ là nhờ biết sợ!*". *Nói rồi ngửa mặt lên trời cười rung giường, nước mắt tuôn lả chả, giọt đổ xuống đất, giọt đổ vào lòng*". (Hãy đọc "lời ai điếu cho một thời văn học minh họa")

Nỗi sợ hãi một cách bi phẫn như vậy là số phận chung của cả một thế hệ nhà văn cuối thập niên 50 và kéo dài cho mãi tới gần đây. Nguyễn Tuân dù sao cũng còn được xưng tụng là cương trực, thẳng thắn, và khi mất đi còn được hậu thế "*ca tụng cái đức "không chịu hèn" của một người cầm bút trung thành với chính mình*" (Phạm Xuân Nguyên - Cái hèn của người cầm bút, Sông Hương số 31), còn những nhà văn khác, không có tài năng và thành tích như ông, tình trạng càng bi thảm đến chừng nào.

Như vậy xét về mặt Văn học sử, qua vụ án Nhân Văn Giai Phẩm, không phải đảng chỉ triệt tiêu sự cống hiến cho văn học của 34 nhà văn thành viên của phong trào và chừng 70 nhà văn nhà thơ bị quy kết là liên hệ với họ, mà đảng đã hủy hoại một thế hệ văn nghệ sĩ đã thành danh từ thời tiền chiến. Giờ đây (1990) nhắc đến các nhà văn tiền chiến, ta vẫn nghĩ đến một thế hệ vang bóng một thời, nhưng vào cuối thập niên 50, tất cả họ chỉ mới trên dưới 40, cái tuổi sung sức nhất của sáng tạo. Quả thật, dù khe khắt đến đâu, chúng

ta cũng phải xác nhận những Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyên Hồng, Chế Lan Viên, Thế Lữ, Thanh Tịnh... là những tài năng xuất chúng, ở lứa tuổi 20, họ đã có những tác phẩm rực rỡ trên văn đàn như Thơ Thơ, Lửa Thiêng, Bỉ Vỏ, Điêu Tàn, Mấy Vần Thơ, Quê Ngoại...

Vậy mà kể từ khi họ chịu khuất phục, gậm nhấm "cái hèn" trong thân phận cầm bút, văn phong họ cũng trở thành "hèn" luôn, họ chỉ có thể sáng tác được những bài vè tuyên truyền, những bài văn nhạt nhẽo, phần nhiều họ kéo dài kiếp sống thêm 30 năm nữa, nhưng sự nghiệp văn học của họ coi như chấm dứt từ ngày đầu của chế độ cộng sản.

**II.** ***Sinh hoạt văn nghệ và những trường hợp phản kháng trong nền văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa.***

Sau khi thanh toán được cuộc vận động của phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, đảng bắt đầu công cuộc tổ chức và đoàn ngũ hoá giới văn nghệ sĩ.

1) Về phương diện tổ chức, cơ quan chỉ đạo hàng ngũ văn nghệ sĩ là ban Tuyên Huấn trung ương trực thuộc ban bí thư T.Ư. đảng, ban này trước đây do Tố Hữu lãnh đạo, và hiện tại do Trần Trọng Tân nắm giữ, nhiệm vụ ban này là phụ trách công tác tư tưởng, giáo dục chính trị và tuyên truyền, phổ biến chính sách đảng; song song với ban Tuyên Huấn, ban Văn Hoá Văn Nghệ phụ trách các sinh hoạt văn học nghệ thuật bao gồm từ sân khấu âm nhạc, hội họa, điêu khắc đến các bộ môn thi ca, văn chương... Vai trò của ban Tuyên huấn và ban Văn hoá Văn nghệ có tính cách chỉ đạo chứ không phải quản lý. Từ năm 1989, cả hai ban được sáp nhập làm một với tên mới: Ban Tư Tưởng - Văn Hoá Trung Ương và hiện do Trần Trọng Tân phụ trách.

Ở trên cả hai ban là một nhân vật thuộc bộ chính trị, thường được xem là "lý thuyết gia" của đảng, nắm vai trò chỉ đạo tối cao. Trường Chinh, sau khi mất chức tổng bí thơ đã nắm chức chưởng này, và hiện nay Uỷ viên bộ chính trị Đào Duy Tùng đã kế vị Trường Chinh đặc trách công tác văn nghệ và tư tưởng.

Xem như thế quả thực đảng đã "chiếu cố đặc biệt" tới thành phần văn nghệ sĩ, một điều khá bất hạnh đối với giới cầm bút là các nhà lãnh đạo chính trị của đảng lại "Sính văn nghệ" và thích có tên trong văn học sử. Thực vậy, giở những sách văn học sử của chế độ, ta thấy một sự sắp xếp rất nghiêm chỉnh, theo một thứ bậc rõ ràng, một ưu tiên minh bạch những tên tuổi các "nhà văn nhà thơ" Hồ Chí Minh, Sóng Hồng (Trường Chinh), Lê Đức Thọ, Tố Hữu, Xuân Thủy... vào phần đầu trang trọng nhất của quyển sách. Có những "nhà văn", "nhà lý luận văn học" sai tùy viên viết một số bài phát biểu hay hồi ký để được trích dẫn một cách kính cẩn và có một chỗ đứng rất uy

nghi trong văn học sử như Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Chí Thanh...

Điều làm phiền lòng giới văn nghệ sĩ nhất là các "văn hữu sang trọng" đó (chữ của Tố Hữu) lại hay có nhiều ý kiến và thắc mắc, lệnh lạc khá bất nhất trong lãnh vực không chuyên môn của mình. Thí dụ, không biết vì lý do gì, "nhà lý luận văn học" Hoàng Văn Hoan lại thù ghét nhà văn tả thực xã hội Vũ Trọng Phụng, người đã mất từ thời tiền chiến, do đó khi đề cập đến tác giả Số Đỏ, giới phê bình miền Bắc phải phê phán thật hằn học tính chất "dâm ô đồi trụy" trong tác phẩm của Vũ. Thế nhưng sau khi Hoàng Văn Hoan đào thoát sang Trung Hoa, Vũ Trọng Phụng được đánh giá lại là một nhà văn "tiến bộ", "có tinh thần cách mạng"...

Một thí dụ khác, do những hiềm khích từ thời Mặt Trận Bình Dân (1936-1939), vị phán quan tối cao Trường Chinh đặc biệt quan tâm đến các nhà văn Khái Hưng, Nhất Linh ("visé" như lời Xuân Diệu kể lại với thân nhân ở miền Nam vào năm 1978, nhà thơ cũng bị "visé" vì ông có thời là "thành viên dự khuyết" của Tự Lực Văn Đoàn thời tiền chiến), do đó khi phải buộc lòng nhắc đến Nhất Linh, Trương Chính đã phê bình: "*rồi gặp những người chủ trương khác mình, ông ta chống lại và theo con đường đó, dần dần ông ta tách rời khỏi nhân dân, phản lại quyền lợi của nhân dân, của dân tộc*" (Mấy ý kiến xung quanh việc đảng lãnh đạo văn nghệ. Trương Chính: Văn học số 2 tháng 4 năm 1989, Hà Nội)

Nhận định về Nhất Linh như vậy tưởng là đã đúng lập trường, nhưng sau đó lãnh đạo văn nghệ đã bắt bẻ Trương Chính "*lập trường không rõ ràng, không dứt khoát*" vì "*trên các chữ "i" tôi không đặt dấu chấm*", chẳng qua chỉ vì Trương Chính, một nhà phê bình văn học đã thành danh từ thời tiền chiến, do lương tâm chức nghiệp, đã dám có nhận xét khá công bình về Nhất Linh: "*tâm sự của Nhất Linh ký thác vào văn chương là một tâm sự sâu sắc*".

Một nhận xét có tính cách lương thiện trong một bài phê bình có "nhiều câu nịnh mà rất ít câu trung", nói như ngôn ngữ Nguyễn Minh Châu, đã khiến Trương Chính bị trù dập suốt đời như chính lời cụ tán thán: "*Các đồng chí đại diện đảng, sống cạnh tôi và có quyền quyết định sinh mệnh chính trị của tôi. Từ đó về sau, tôi trở thành "con người phức tạp", nhận định này theo tôi như một định mệnh! Từ trường đại học nọ đến trường đại học kia, ai cũng tin thế!!...*". (Mấy ý kiến chung quanh...)

Tuy nhiên, sau khi Trường Chinh mất, các bài phê bình, nhận định về Nhất Linh, Khái Hưng... lại "thoáng" hơn, về phần chính trị vẫn còn nghiêm khắc, đúng đường lối, nhưng về lãnh vực văn chương lại được đánh giá lại, công bình và lương thiện hơn, và nhiều khi còn được xưng tụng nữa.

*trên quê hương*

Hai thí dụ vừa nêu cho ta thấy là nhà văn dưới chế độ CS không phải chỉ cần thấm nhuần chính sách của đảng mà còn phải có khả năng đoán ý lãnh tụ, nếu không thì có thể vô tình "phạm húy" và bị ảnh hưởng suốt đời. Từ đó ta mới hiểu tại sao gần đây giới lãnh đạo văn nghệ lại phản ứng lồng lộn trước bài "*về một phương diện của quan hệ giữa chính trị và văn nghệ*" của Lại Nguyên Ân. Trong bài tiểu luận này, ông Lại Nguyên Ân đã chọc vào tử huyệt của bản chất giới lãnh đạo chính trị và văn nghệ cao cấp khi ông ví von nền văn nghệ ấy có tính cách "cung đình", "tao đàn". Sự chỉ đạo của giới lãnh đạo chính trị và văn nghệ của nền văn học XHCN quả thực mang đầy đủ tính khe khắt, tuỳ tiện, chủ quan, duy ý chí và độc đoán của một chế độ quân chủ phong kiến.

2) Về mặt hành chánh, văn nghệ sĩ đặt dưới quyền quản lý của hai bộ Thông Tin (do Trần Hoàn làm bộ trưởng) và bộ Văn Hoá (trước đây Cù Huy Cận là bộ trưởng nay là Trần Văn Phác), tương tự hai ban Tuyên Huấn và ban Văn hoá tư tưởng, bộ Thông Tin có quyền hạn cao hơn, có cơ sở tại địa phương (ty Thông tin Văn hoá tại tỉnh, thành phố, ban thông tin văn hoá tại huyện, phường, xã...), trong khi phần vụ của bộ văn hóa nằm ở trung ương, phụ trách các sinh hoạt văn hoá nghệ thuật, viện bảo tàng, thư viện, bảo tồn di tích lịch sử và văn hoá...

Đối với các văn nghệ sĩ không ở trong biên chế nhà nước, họ được quản lý trong mạng lưới hội đoàn mà đứng đầu là Uỷ ban trung ương liên hiệp Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam hiện do Cù Huy Cận làm chủ tịch: Uỷ ban này là hậu thân của Hội liên hiệp Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam, đi ngược dòng lịch sử, nó thoát thai từ Hội Văn Hoá Cứu Quốc từ năm 1945 mà cương lĩnh hoạt động là bản Đề Cương Văn Hoá Việt Nam do Trường Chinh soạn thảo.

Uỷ ban trung ương liên hiệp Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam là một cơ sở quần chúng, trên danh nghĩa trực thuộc Mặt Trận Tổ Quốc VN, nhưng trên thực tế, nó nằm dưới sự chỉ đạo của ban Tư Tưởng Văn Hoá Trung Ương, Uỷ ban này gồm tám ngành sinh hoạt văn học nghệ thuật là Hội nhà văn, Hội nghệ sĩ tạo hình (hội hoạ và điêu khắc), Hội nhạc sĩ, Hội nghệ sĩ điện ảnh, Hội nghệ sĩ phát thanh và phát hình, Hội nghệ sĩ sân khấu, Hội kiến trúc sư và Hội nghệ sĩ nhiếp ảnh.

Hội nhà văn (bao gồm các bộ môn lý luận văn học, phê bình văn học, sáng tác) được thành lập từ năm 1957, do Nguyễn Công Hoan làm chủ tịch, sau khi thành lập, hội cho xuất bản báo Văn và nhập cuộc với phong trào Nhân Văn Giai Phẩm trong cuộc đấu tranh cho tự do tư tưởng, vì thế báo Văn bị đóng cửa và Nguyễn Công Hoan bị cách chức, Nguyễn Đình Thi được đề cử làm tổng thư ký hội nhà văn từ đó cho đến đại hội IV tháng 9 năm 1989. Vì

tầm mức quan trọng của đại hội này, phần III của tuyển tập này sẽ dành để tường trình đại hội và các bài tham luận tiêu biểu.

3) Về vai trò của văn nghệ sĩ, kể từ sau phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, một nỗ lực đồng phục hoá tinh thần được đảng triệt để áp dụng, các nhà văn được thường xuyên "bồi dưỡng chính trị". Những lý luận của các lãnh đạo chính trị được học tập liên tục để các văn nghệ sĩ thấm nhuần đường lối và áp dụng làm chuẩn mực trong sáng tác, trên căn bản, bản Đề cương văn hóa Việt Nam của Trường Chinh được coi như cương lĩnh hoạt động văn học nghệ thuật. Từ đầu thập niên 60, "tính đảng" bắt đầu được đề cao như một tiêu chuẩn chủ đạo của nền văn học xã hội chủ nghĩa. Tại đại hội văn nghệ toàn quốc lần 3 năm 1962, trong bản báo cáo "*Tăng cường tính đảng, đi sâu vào cuộc sống mới để phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng tốt hơn nữa*", Trường Chinh đã chỉ thị các văn nghệ sĩ phải tuân thủ "tính đảng" với bốn nội dung sau:

- *Văn nghệ sĩ phải thừa nhận rằng văn nghệ phục tùng chính trị, phục vụ đường lối chính sách của đảng. Văn nghệ sĩ phải trung thành với lý tưởng cộng sản và đấu tranh không mệt mỏi cho sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.*

- *Văn nghệ sĩ bằng hoạt động văn nghệ và hoạt động xã hội của mình cần luôn luôn phấn đấu để tăng cường sự lãnh đạo của đảng, củng cố lòng tin của quần chúng đối với đảng, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin.*

- *Văn nghệ sĩ bao giờ cũng giữ thế tiến công chống những tư tưởng phản động và đồi bại của bọn phong kiến và đế quốc, chống tư tưởng tư sản và tiểu tư sản.*

- *Văn nghệ sĩ cộng sản, như mọi đảng viên cộng sản khác, phải phục tùng tổ chức của đảng (người nào chưa phải đảng viên thì phải phục tùng tổ chức nghề nghiệp của mình do đảng lãnh đạo), phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước đảng và trước nhân dân về toàn bộ công tác của mình* (trích dẫn theo Nguyễn Hưng Quốc các tổ chức văn học dưới chế độ CSVN, Văn Học CA số 44-9/89)

Như vậy quả thực minh bạch, vai trò văn nghệ sĩ được đồng hoá với một cán bộ tuyên truyền, họ được chỉ đạo những gì phải viết và được phép viết, mọi sự chệch hướng, lệch lạc được coi như là tội phạm, tội chống đảng, chống nhân dân, chống xã hội.

**Xem ra, văn nghệ sĩ chỉ còn vai trò cài hoa điểm phấn cho chế độ, nhưng thực tế đảng có hoàn toàn kiểm soát được họ không?**

● Theo sự ghi nhận của ông Hoàng Ngọc Thành trong quyển "*tiểu thuyết miền Bắc*" do Phong trào Văn Hoá (Sài Gòn 1969) xuất bản, ít nhất đã có 3 tác phẩm dù không thể xếp loại là chống đối chế độ, thì cũng đã phản ảnh trung thực tình trạng miền Bắc và tố cáo những sai lầm của đảng.

Trong nền văn học xã hội chủ nghĩa, khi một tác phẩm "có vấn đề", vì một

lý do nào đó xuất bản được (có thể vì tác giả khôn khéo ngụy trang và qua mặt được nhân viên có trách nhiệm tại nhà xuất bản - thông thường là đảng viên ngành tuyên huấn - hoặc cán bộ trách nhiệm lại đồng điệu với tác giả), tác phẩm này phải còn qua một cửa ải nữa là các ngự sử văn đàn, các nhà "phê bình", dùng kính chiếu yêu soi rọi kỹ lưỡng tác phẩm để phát hiện những "ẩn ý" chính trị của tác giả.

Qua những bài phê bình, mà thực chất là những bài chỉ điểm văn nghệ như vậy, chúng ta có thể biết được **một số tác phẩm đã vượt khuôn khổ** văn học hiện thực xã hội của đảng.

- Khi cuộc đàn áp phong trào Nhân Văn Giai Phẩm vừa bắt đầu thì trên tờ Văn Nghệ số tháng 3 năm 1958 (trang 106-111), Trần Hải đã viết một bài phê phán tiểu thuyết "*Sắp cưới*" của Vũ Bảo vừa phát hành.

Nội dung tiểu thuyết "*Sắp cưới*" tóm lược theo Trần Hải như sau: Xuân và Bưởi yêu nhau, cha mẹ đôi bên đồng ý cho đôi trẻ kết hôn. Ngày cưới đã định thì một "đội cải cách" về làng, gia đình Bưởi bị quy vào thành phần địa chủ. Sau khi so đo tính toán, Xuân từ hôn để khỏi liên quan. Về sau, đội cải cách xác nhận gia đình Bưởi bị "xếp loại lầm", Xuân viết thư xin lỗi và muốn nối lại duyên xưa nhưng Bưởi đã từ chối, vì cô không muốn chia xẻ đời mình với một thanh niên ích kỷ, không dám bảo vệ kẻ vô tội khi họ sa cơ thất thế.

Trong bài phê bình, tuy chấp nhận rằng có sự sai lầm trong cải cách ruộng đất, nhưng Trần Hải đã kết tội Vũ Bảo đã tô đen xã hội. Trọn tác phẩm tràn ngập một bầu không khí sợ hãi, bất công và đau khổ. Các nhân vật đảng viên trong truyện đều hống hách, tuỳ tiện và khinh rẻ nhân dân. Cải cách ruộng đất được mô tả như một trận cuồng phong làm tan vỡ đời sống êm đềm, tình yêu, hạnh phúc của người dân thôn Bầu, nơi đảng phóng tay đấu tố.

*Về tính giai cấp, Trần Hải cho rằng Vũ Bảo còn ngầm bênh vực các cán bộ tiểu tư sản, là những người đảng phê phán không theo sát nhân dân, không chịu gian khổ và hữu khuynh.*

Chúng ta không có văn bản quyển tiểu thuyết "Sắp cưới" để đối chiếu với bài phê bình của Trần Hải, cũng như tất cả những tác phẩm "có vấn đề" khác, khi đã bị các nhà phê bình đảng phát hiện, quyển sách này bị tịch thu, tuy nhiên ta có thể suy đoán quyển tiểu thuyết "Sắp cưới" là bước đầu cho những tác phẩm phê phán kịch liệt về cải cách ruộng đất như "Thiên đường mù", "Ôi, cam sao mà đắng" của giai đoạn văn nghệ phản kháng 1986-1989.

- Sự tố cáo những bất công của xã hội được thể hiện rõ nét hơn qua tiểu thuyết "*Vào đời*" của Hà Minh Tuân, được Nguyễn Phan Ngọc nêu ra trong bài phê bình: "*Vào đời, một quyển truyện đầy dẫy tư tưởng tư sản phản động, một khuynh hướng nghệ thuật suy đồi*" đăng ở tạp chí Văn Học (Hà Nội) số

tháng 10 năm 1963. Nội dung cốt truyện được Nguyễn Phan Ngọc lược dẫn như sau: Sen, một cô gái Hà Nội, học lớp 8, bị cha mẹ ép duyên nên bỏ gia đình vào làm việc ở một công trường, cô ta bị hiếp dâm sau một buổi tối đi dạy bổ túc văn hoá cho công nhân, cô mang thai và sau đó gặp Hiếu, một cựu đại đội trưởng thời kháng chiến, hai người yêu nhau, lấy nhau và từ đó đời sống là một địa ngục. Hiếu sống trong mặc cảm và định kiến vì gia đình anh bị đấu tố, cha anh phải thắt cổ tự tử trong thời cải cách ruộng đất, nỗi đau khổ của gia đình Hiếu vì đứa con của hai người bị bạo bệnh chết, cộng với nỗi bất mãn vì sự đối đãi tệ bạc của đảng đối với một cựu kháng chiến như anh khiến Hiếu càng quyết liệt hơn trong việc vận động công nhân lập thỉnh nguyện thư tố cáo sự hống hách của cán bộ quản lý nhà máy, do đó Hiếu bị bắt và bị gởi đến một nông trường để "cải tạo tư tưởng"

Tất cả những bất hạnh ấy đè nặng lên số phận Sen, thêm vào đó, đời sống lao động đầy ải, điều kiện làm việc khắc nghiệt đã khiến Sen kiệt lực.

Ở cuối truyện, Hà Minh Tuân đã cố vớt vát bằng cách mô tả Sen cố gắng phấn đấu để vượt qua nghịch cảnh, và do sự cần cù nhẫn nại, cô đã được tuyên xưng là anh hùng lao động! Bên cạnh đó, tác giả đã cố gắng kết thúc "có hậu" bằng cách nêu những nhân vật tích cực như cán bộ Trần Cư, chị Bốn... là những người đã tố cáo những tệ nạn của nhà máy, tranh đấu cho một đời sống công bình và hợp lý hơn, qua những nỗ lực ấy đời sống nhà máy dần dần được cải thiện.

*Qua phần tóm lược và phê phán của Nguyễn Phan Ngọc, ta thấy* ***"Vào Đời"*** *là một bản cáo trạng trình bày thực tế cùng quẫn của xã hội miền Bắc,* trong đó những sai lầm của đảng đã được vạch trần như sự tàn nhẫn của chính sách cải cách ruộng đất, sự bội bạc của đảng đối với cựu kháng chiến, nạn bè phái và tình trạng quản lý tồi tệ của lớp cán bộ vô học được nâng đỡ làm chủ nhà máy, tình trạng bóc lột và kém hiệu năng của chính sách lao động, sự tắc trách và cửa quyền của các cơ quan mậu dịch... Một số chi tiết khác về đời sống xã hội cũng được nêu ra như sự khinh bỉ của người dân đối với lớp văn nghệ sĩ bồi bút tô hồng cuộc sống trên báo Nhân dân, sự tiếc nuối và kính trọng của công nhân với thái độ can đảm của nhóm Nhân văn giai phẩm. Theo Nguyễn Phan Ngọc, Hà Minh Tuân còn rơi rớt nhiều quan điểm phản động và đồi truỵ, cần được cải tạo tư tưởng.

Chúng ta vẫn không biết tại sao Hà Minh Tuân, một đảng viên cao cấp (trung tá) và đã từng sáng tác nhiều quyển sách đúng đường lối như quyển "*Hai trận tuyến*" lại cho ra đời một tác phẩm tố cáo chế độ mạnh mẽ như vậy, và cũng không hiểu đảng đã có biện pháp chế tài nào với ông ta. Duy có điều, sau tác phẩm "*Vào đời*", cũng như Vũ Bảo, Hà Minh Tuân hoàn toàn biến mất trên văn đàn.

*trên quê hương*

- Tác phẩm thứ ba có vấn đề của nền văn học xã hội chủ nghĩa mà ông Hoàng Ngọc Thành ghi nhận là tiểu thuyết "*Đống Rác cũ*" (gồm 2 tập, trên 1000 trang) của Nguyễn Công Hoan.

Nguyễn Công Hoan là một nhà văn tả thực xã hội nổi danh từ hồi tiền chiến, tác phẩm "*Bước đường cùng*" của ông được đảng đánh giá rất cao và ông đã được móc nối từ đó. Nguyễn Công Hoan là một trong những thành viên đầu tiên của hội Văn Hoá cứu quốc, ông đã tham gia kháng chiến và được xếp vào hàng ngũ "lãnh đạo văn nghệ". Sau khi tiếp thu miền Bắc, Nguyễn Công Hoan trở thành chủ tịch đầu tiên của hội Nhà văn và là chủ nhiệm kiêm chủ bút báo Văn, cơ quan ngôn luận của hội, và chính ông đã cùng phó chủ bút Nguyễn Tuân, tổng thư ký Nguyên Hồng lái tờ Văn tiếp sức với các tạp chí Nhân Văn, Giai phẩm, Đất Mới... trong công cuộc đấu tranh cho tự do tư tưởng.

Khi phong trào Nhân văn giai phẩm bị đàn áp, vì các thành tích và công lao với kháng chiến nên Nguyễn Công Hoan chỉ bị kiểm thảo nhưng vẫn được lưu dụng, sau đó ông đã viết nhiều tác phẩm rất đúng đường lối như "*Tranh tối tranh sáng*", "*Hỗn canh hỗn cư*". Đến năm 1964, Nguyễn Công Hoan cho xuất bản "*Đống rác cũ*".

Căn cứ vào bài phê bình của Thế Toàn: "*Đống rác cũ" một điển hình về chủ nghĩa tự nhiên trong văn học*" đăng ở tạp chí Học Tập (sau này là tạp chí Cộng Sản) Hà Nội 1964 (trang 66-71), nội dung quyển tiểu thuyết mô tả đời sống của Trần Bá Thừa, một tên lưu manh và cô Marie, một gái giang hồ, con vô thừa nhận của một linh mục Pháp. Chung quanh hai nhân vật này là một thế giới gian xảo, dâm ô của lớp người giàu mới, trục lợi nhờ công cuộc "khai hoá" của Pháp. Bối cảnh tiểu thuyết xây dựng vào thời kỳ đầu tiên của việc mở mang các thành phố của thực dân (năm 1912-1920), tuy thế, Thế Toàn vẫn quy kết tác giả bày tỏ cảm tình với giai cấp tư sản qua việc mô tả nhà tư sản Phan Lâm có tư tưởng và nhân cách của một sĩ phu thời xưa, theo Thế Toàn, Nguyễn Công Hoan "*đã biểu lộ quan điểm của một cựu tiểu tư sản bị ảnh hưởng nặng nề của giai cấp phong kiến muốn vươn lên trong một xã hội phát triển theo chiều hướng tư bản chủ nghĩa nhưng thất bại trong tuyệt vọng*". Vì thế, Nguyễn Công Hoan đã bị kết tội: "*theo một thứ chủ nghĩ duy lý phản động và gieo rắc nọc độc của chủ nghĩa hư vô trong đám thanh niên trong sạch và lành mạnh ngày nay*".

Thế Toàn còn dùng kính chiếu yêu để phân tích thêm Nguyễn Công Hoan dùng danh từ mới nhất để mô tả đời sống quá khứ: "*gây cho độc giả những liên tưởng không hay giữa cuộc sống ngày nay trong xã hội mới với nếp sinh hoạt ngày xưa và làm độc giả lầm lạc, không biết tác giả phản ảnh xã hội ngày xưa một cách trung thực hay là dụng ý nói xỏ xiên về xã hội ngày nay*".

Và cuối cùng, Thế Toàn đánh giá, sau 20 năm theo đảng Nguyễn Công Hoan đã không tiến bộ mà còn thoái hoá, so với tác phẩm "*Bước đường cùng*" thời tiền chiến, tiểu thuyết "*Đống rác cũ*" có tính chất "*phá hoại cực độ*".

Sau bài phê bình của Thế Toàn, nhờ là một công thần cách mạng, Nguyễn Công Hoan vẫn còn xuất hiện trong các lễ lạc và chiêu đãi khách ngoại quốc, nhưng không còn thấy ông viết thêm môt tác phẩm nào khác nữa.

Ngoài công trình của ông Hoàng Ngọc Thành, chủ yếu dựa vào sách báo của CSVN lưu trữ tại các thư viện đại học và quốc hội Hoa Kỳ, đã 20 năm qua (từ 1969) chúng ta không có một công trình nghiên cứu nào về văn học xã hội chủ nghĩa tại Việt nam, tuy nhiên, căn cứ vào các nhà lý luận văn học, các tác giả miền Bắc thú nhận, nền văn học xã hội chủ nghĩa có thể thu tóm vào một công thức: *mô tả người thật việc thật.*

Theo Chu Văn, một nhà văn kiêm cán bộ tuyên huấn, chủ tịch hội văn nghệ Hà Nam Ninh, công thức "Người thật việc thật" được mô tả như sau"... *những năm ấy (1960-1965), sự tôn sùng viết người thật, việc thật, viết ký... đang rất sôi nổi trong văn học nước nhà. Bằng giấy trắng mực đen, trên báo chí, một số nhà phê bình kiên quyết cho rằng: chỉ có viết người thật việc thật, mới phục vụ được cách mạng có hiệu quả. Có cả anh nói xủng xẻng là: sự thật của cách mạng Việt Nam tự thân nó cũng đã mang đầy đủ yếu tố tư tưởng anh hùng, và giá trị hấp dẫn, thuyết phục của nghệ thuật. Cứ ghi lại được các thứ ấy cho trung thực, cũng đã giá trị lắm rồi. Ai cần đến các anh nhà văn đi hư cấu với tưởng tượng nữa. Và như vậy, viết tiểu thuyết, lúc ấy là vô bổ, không cần thiết*" (Chu Văn: Tiến tới đại hội lần IV hội nhà văn Việt Nam - Tác phẩm Văn học số 4 tháng 7,8 1989 - Hà Nội)

Chức năng văn học, theo công thức "người thật việc thật", đã bị đơn giản hóa thành chức năng báo cáo, nhưng vì thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội tại miền Bắc không lấy gì làm sáng lạng, nền nông nghiệp sau khi hợp tác hoá, dù có tô hồng bao nhiêu cũng chỉ có thể ca tụng "quê hương bốn tấn". Năng suất bốn tấn trên một mẫu ruộng thật quá khiêm tốn khi so sánh năng suất 20 tấn trên một mẫu của Nhật; những ước mơ kỹ nghệ hoá, dù có nêu bao nhiêu điển hình tiên tiến, vẫn ì ạch ngót 30 năm như công trình thủy điện sông Đà, hay cầu Thăng Long.

Vì thực tế không lấy gì làm phấn khởi, mà muốn thúc đẩy một tinh thần "lạc quan cách mạng", dòng văn học "người thật việc thật" thay vì phản ảnh thực tại lại phải tô hồng thực tại, nhà văn phải đánh lừa quần chúng và tự đánh lừa mình để đẹp lòng cấp trên, do đó, đã sản sinh một khối lượng tác phẩm đồng dạng, gượng ép, giả dối mà chính một số tác giả của chúng sau này phải ngượng ngập, xấu hổ khi nhắc đến chúng.

*trên quê hương*

Đánh giá lại thời kỳ văn học này, một số tác giả đã không tiếc lời phê phán bằng những từ ngữ mỉa mai khinh mạn nhất: "*Minh họa*" (Nguyễn Minh Châu), "*Phải đạo*" (Hoàng Ngọc Hiến), "*Tụng ca*" (Nguyên Ngọc), "*Tao đàn*" (Lại Nguyên Ân). Sau lần gặp gỡ với Nguyễn Văn Linh vào tháng 10 năm 1987, cuộc phê phán nền văn học xã hội chủ nghĩa với công thức "người thật việc thật" lại bộc phát mạnh mẽ, những kẻ "lãnh đạo văn nghệ" luôn luôn áp đặt công thức và kiểm soát tư tưởng văn nghệ sĩ bị tố cáo là: "*lính gác trên trận địa văn học*" (Mai Ngữ) "*Những kẻ ngụy trá văn nghệ sĩ và trí thức, thực chất là lớp công chức thuộc địa*" (Dương Thu Hương); sự khắc nghiệt của các biện pháp chỉ đạo và quản lý của đảng đối với văn nghệ sĩ đã bị vạch trần: "*chỉ cần một người suy nghĩ cho mọi người, một cái đầu tối cao suy nghĩ cho mọi cái đầu*" (Lưu Quang Vũ), "*Lãnh đạo khinh bỉ sâu sắc văn nghệ sĩ. Mà con người bị coi thường thì tự nhiên thấy mình như cũng hèn kém, nhỏ lại*" (Nguyễn Đăng Mạnh), "*vấn đề tự do sáng tạo bị cản trở, thậm chí có khi bị chà đạp vì những quan niệm lãnh đạo ấu trĩ, thô bạo, sai trái*" (tập thể nghệ sĩ sân khấu: Tất Đạt, Phạm Thị Thành, Ái Vân, Xuân Thanh)... Những điều phát biểu nêu trên, trích từ tờ Văn Nghệ số ra ngày 17-10-87 đã trình bày thực chất của nền văn học xã hội chủ nghĩa. Khi những nhà phê bình, lý luận và sáng tác nằm trong lòng chế độ đã đánh giá một thời kỳ văn học như thế, hẳn chúng ta không cần bình phẩm gì thêm.

### III- *Những dấu hiệu "Trăn Trở" và "Phản Tỉnh"*

Nền văn học xã hội chủ nghĩa, dưới dạng thức "Người thật việc thật" đã đi vào ngõ cụt, người viết thì gượng gạo, người đọc thì thờ ơ, mãi đến giữa thập niên 60 mới bắt đầu có vài chuyển biến.

Sự chuyển biến này không phải do ý muốn sửa sai của lãnh đạo mà do ở hoàn cảnh thực tế: văn nghệ phải đáp ứng với những đòi hỏi do tình hình chiến tranh.

Trong khi nền văn học tuyên truyền về xã hội chủ nghĩa tại miền Bắc càng ngày càng lạc điệu, trơ trẽn vì khoảng cách giữa thực tế và những điều tô vẽ trong các tác phẩm "*tụng ca*", "*thông tấn*", thì nền văn nghệ để phục vụ chiến tranh, "*viết về chiến tranh*" nói như Nguyễn Minh Châu, lại đòi hỏi một số quy chuẩn khác, mà "tính đảng", "tính giai cấp", "sự lạc quan cách mạng"... xem ra không được thích hợp lắm. Và từ đó, nền văn nghệ "người thật việc thật" mang tính đảng dần dần được thay thế bằng nền văn nghệ theo chủ nghĩa "anh hùng cách mạng", nền văn nghệ "sử thi", trong đó tính dân tộc, lòng ái quốc được tuyên xưng.

Để tiến hành cuộc chiến tranh "giải phóng miền Nam", bắt đầu từ những năm 60, một số văn nghệ sĩ gốc miền Nam được hồi kết, vượt vĩ tuyến 17 để làm nòng cốt cho các hội văn nghệ giải phóng. Nhằm tạo ấn tượng "tự phát",

"độc lập" cho các hội này, các nhà văn hồi kết đều thay tên đổi họ; Bùi Đức Ái biến thành Anh Đức, Nguyễn Ngọc Tấn trở thành Nguyễn Thi, Lê Khâm thành Phan Tứ, Nguyễn Văn Bổng thành Trần Hiếu Minh, Nguyên Ngọc thành Nguyễn Trung Thành... Khi cuộc chiến leo thang, hầu hết các văn nghệ sĩ đều được điều vào hành lang Trường Sơn hay tuyến lửa (Bình Trị Thiên) như Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải... Trong hoàn cảnh đó, nền văn học nghệ thuật mang nặng "tính đảng" hẳn không thích hợp, "tính đảng" được giảm thiểu trong công tác tuyên tuyền, và cũng giống như trong cuộc kháng chiến chống Pháp, vai trò của đảng tạm lui vào bóng tối để làm nổi bật "tính dân tộc" của mặt trận Giải phóng miền Nam. Đảng chỉ được nhắc đến trong một số từ nhiều nghĩa: "cách mạng", "tiến bộ"...

*Đối với văn nghệ sĩ, do điều kiện thực tế của chiến tranh, họ không bị ràng buộc chặc chẽ quá về tính đảng* như bốn nguyên tắc quy định về sự phục tùng của văn nghệ sĩ vào đảng mà Trường Chinh đã chỉ thị nêu trên, tạm thời họ được nới lỏng hơn, tìm cảm hứng qua tình đồng đội chiến đấu, những điều kiện cam khổ của chiến trường, chủ đề của họ nhằm ca tụng những anh hùng mà lòng hi sinh, sự dũng cảm và tình yêu nước được nêu cao hơn là tính đảng, tính giai cấp của nhân vật.

Chiều hướng sáng tác như vậy được gọi là chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đặc điểm chính của nó là tính cách "sử thi" của sáng tác.

Nội dung chính của chủ nghĩa anh hùng cách mạng là sự tô vẽ, thần thánh hoá các chiến sĩ tiêu biểu như Út Tịch, Kan Lịch, Nguyễn Văn Bé, Nguyễn Văn Trổi... thành những anh hùng siêu việt, biến họ thành những gương mẫu để bộ đội học tập theo họ.

*Tính cách "sử thi" được hiểu một cách đơn giản là những gì thuộc về "ta" (C.S) đều tốt đẹp, tốt đẹp tuyệt đối, những gì thuộc về "địch" (Mỹ và miền Nam) đều xấu xa, xấu xa tuyệt đối.*

Mục đích chính của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và dòng văn chương "sử thi" là kích thích người lính chiến đấu, động viên người dân hi sinh chịu đựng, đào sâu sự thù hận giữa "ta" và "địch", điều kiện hoá tinh thần người bộ đội, gieo cho họ một sự cuồng tín khiến họ chỉ biết chiến đấu không ngưng nghỉ cho đến ngày tiêu diệt tên địch cuối cùng.

Một lần nữa, cũng như trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp, khi đảng tạm thời ẩn mặt, chỉ tuyên xưng tinh thần ái quốc và tình tự dân tộc, mặc dù lần ngụy trang này không kín đáo lắm, nền văn nghệ do đảng chỉ huy đã sản sinh ra những tác phẩm không quá đơn điệu và công thức, và ở một khía cạnh nào đó, đã đáp ứng được nhu cầu tuyên truyền của đảng và mang một số giá trị nghệ thuật. "*Dấu chân người lính*" của Nguyễn Minh Châu, "*Người mẹ*

*cầm súng*" của Nguyễn Thi, "*Đất Quảng*" của Nguyên Ngọc, "*Mẫn và Tôi*" của Phan Tứ... cũng như thơ của Giang Nam, Thu Bồn, Lê Anh Xuân, Phạm Tiến Duật..., nhạc của Hoàng Hiệp, Hoàng Vân, Phó Đức Thăng... đã được bộ đội và quần chúng tán thưởng.

Tuy nhiên, cũng chính dòng văn học "anh hùng cách mạng" mang tính cách sử thi ấy, do tính chất công thức và võ đoán của nó, lại sẽ phản tác dụng và là đầu mối cho những "phản tỉnh", "trăn trở" về sau, khi các văn nghệ sĩ chân chính đối diện với sự thực để thấy được những sai biệt giữa tuyên truyền và thực tế kể từ năm 1975.

*Sự thực đầu tiên là sự nhận diện về "địch", trong tập thể đông đảo của quân nhân viên chức được gọi là "ngụy", dĩ nhiên có kẻ tham nhũng, hống hách, xấu xa, nhưng nhìn chung và so sánh với khối lượng bộ đội và cán bộ "cách mạng", rõ ràng những người phục vụ chính quyền miền Nam ngay thẳng, bộc trực, phóng khoáng, và quan trọng nhất, không cố chấp và khát máu, ngược lại, về phía "ta" (CS), từ sau ngày chiến thắng, nhu cầu hưởng thụ, tính nhỏ nhen, cầu lợi càng ngày càng lộ diện, cho dù thiên vị cách mấy cũng không thể gọi là tốt, chưa nói đến "tốt tuyệt đối" như chủ nghĩa anh hùng cách mạng và dòng văn chương sử thi đã tự hào.*

Sau khi "*đối chứng*" (chủ đề sáng tác của Nguyễn Minh Châu sau 1975) những gì trong tuyên truyền, vốn là niềm tin sắt đá của một thời, với những gì trong thực tế của miền Nam, những người cầm bút "chiến thắng" đã có một cảm giác "*hụt hẫng*", một cảm giác sau này đã được một số nhà phê bình thẳng thắn nhìn nhận là một "*khủng hoảng niềm tin*" (Thành Duy - tạp chí văn học tháng 4 năm 1989). Khủng hoảng là một từ cấm kỵ trong ngôn ngữ văn học xã hội chủ nghĩa, nhưng đó là từ chính xác nhất để diễn tả tâm trạng những người cầm bút còn liêm khiết khi phải đối diện với thực tế. Và điều này cũng giải thích tại sao có tình trạng gần như buông bút, tê liệt của một số nhà văn vốn rất là xông xáo năng nổ trong thời chiến, như Nguyên Ngọc đã thú nhận: "*Mất liên hệ với đời sống, chúng ta bỗng bối rối mất phương hướng. Hiện nay có thể nói về cơ bản chúng ta không còn, hoặc có rất ít, những lực lượng sáng tác, nhất là những cây bút chủ lực, bám sâu trên các địa bàn xung yếu nữa...* (Đề cương đề dẫn thảo luận ở hội nghị đảng viên bàn về sáng tác văn học, tháng 6/1979).

Chính những "hụt hẫng", "trăn trở", "tê liệt" đó đã khiến các nhà văn phải nhận định lại về các tác phẩm của mình, tự đánh giá lại niềm tin và nỗi tự hào của quá khứ để từ đó đưa đến một thái độ phản tỉnh. Một cách công khai, người phản tỉnh đầu tiên đã dám đặt vấn đề trên báo chí là ông Nguyễn Minh Châu, đó là bài "*Viết về chiến tranh*" đăng trên báo "Văn Nghệ Quân Đội (tháng 11 năm 1978). Nguyễn Minh Châu là một nhà văn quân đội (cấp

bậc đại tá) trưởng thành trong thời kháng chiến chống Pháp và là một trong những tác giả được trọng vọng nhất của dòng văn chương "sử thi". Nguyễn Khải, trong điếu văn ngày tang lễ Nguyễn Minh Châu, đã nhận định ông ta và Nguyễn Thi là hai nhà văn được mọi người kính trọng về tài năng và tư cách nhất đương thời.

Vì là một bài viết dò đường, lối viết của Nguyễn Minh Châu rất dè dặt, mang "vỏ bọc" khá kỹ lưỡng, đề cập cách xây dựng nhân vật tiểu thuyết, ông viết: *"nhìn lại những tác phẩm viết về chiến tranh của ta, các nhân vật thường khi có khuynh hướng được mô tả một chiều, thường là quá tốt, chưa thực. Hình như tất cả những mặt tính cách đa dạng phải phơi bày trong đời sống thực thì lại có thể tạm thời giấu mình trên trang sách. Vì ý thức cổ động kháng chiến một phần, một phần khác có phải do quan niệm sơ lược về nhân vật anh hùng?."*

Qua đoạn văn này, Nguyễn Minh Châu muốn chỉ trích lề lối xây dựng nhân vật "siêu nhân" của văn chương sử thi, không đếm xỉa đến mặt "đa dạng" của con người bao gồm xấu tốt, anh hùng và khiếp nhược...

Kết luận của Nguyễn Minh Châu đã phân biệt cái thực tại đang tồn tại (thực tế xã hội) và thực tại ước mơ (ở đây ngầm hiểu thực tại áp đặt duy ý chí của đảng) để nêu lên một vấn nạn: *"Những người cầm bút chúng ta vô cùng cảm thông với dân tộc mình, nhưng chẳng lẽ chúng ta có thể làm yên tâm mọi người bằng cách mô tả cái hiện thực ước mơ?*

*Những điều trên chỉ cho thấy: trên con đường đi đến chủ nghĩa hiện thực đôi khi chúng ta phải* **khai chiến** *cả với những quan niệm tốt đẹp và lâu dài của chính mình*" (nhấn mạnh của người viết)

Quan niệm của Nguyễn Minh Châu quả thực là một sự phản tỉnh, cho dù đã chấp nhận lý tưởng CS như một hiện thực ước mơ (một điều trong thâm tâm của các nhà văn, kể cả nhà văn đảng viên, đã trở thành một ảo tưởng) thì chính họ phải **khai chiến** với lý tưởng đó vì nó không phù hợp với thực tại đang tồn tại, thực tại hàng ngày với tính đa dạng của nó.

- Tán đồng lập trường của Nguyễn Minh Châu, trên tờ Văn Nghệ số 23 ngày 6/9/79, Hoàng Ngọc Hiến cho đăng bài lý luận: *"về một đặc điểm của văn học nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa qua"*.

Hoàng Ngọc Hiến thuộc lớp trí thức mới của XHCN, ông ta được du học ở Liên Sô, về nước được cử làm hiệu trưởng trường viết văn Nguyễn Du. Ông là một nhà phê bình cấp tiến nhất trong đội ngũ các nhà phê bình lý luận văn học mới (gồm những người như Lại Nguyên Ân, Lã Nguyên, Nguyễn Đăng Mạnh, Vương Trí Nhàn, Đặng Anh Đào...) không chấp nhận đóng vai chỉ điểm văn nghệ như thế hệ phê bình cũ.

Dựa vào phân tích của Nguyễn Minh Châu về hiện thực đang tồn tại và

hiện thực ước mơ (phải tồn tại) Hoàng Ngọc Hiến viết: "*Đứng ở bình diện cái phải tồn tại, người nghệ sĩ dễ bị cuốn hút theo xu hướng mô tả cuộc sống cho phải đạo, còn đứng trên bình diện cái đang tồn tại, thì mối quan tâm hàng đầu là mô tả sao cho chân thật. Đọc một số tác phẩm, chúng tôi thấy tác giả dường như quan tâm đến sự phải đạo nhiều hơn tính chân thật, có thể gọi loại tác phẩm này là chủ nghĩa hiện thực phải đạo*".

Qua cách đánh giá của Hoàng Ngọc Hiến, nền văn học mệnh danh là chủ nghĩa hiện thực xã hội mang nặng tính đảng thực chất chỉ là chủ nghĩa hiện thực phải đạo, tính "**phải đạo**" không phải chỉ phổ biến trong văn học, mà còn hiện diện trong đời sống xã hội, nó dần dần xâm chiếm cung cách suy nghĩ, nói năng và ứng xử của người dân như ông đã nhận xét "*thực ra, ngay trong đời sống thực tại, do quy luật của thích nghi sinh tồn, dần dần được hình thành những kiểu người phải đạo với cung cách suy nghĩ, nói năng, ứng xử được xem là phải đạo*".

Nhận xét của ông Hoàng Ngọc Hiến đã vạch trần được một sự thật văn học, cũng là một sự thật của đời sống người dân trong xã hội là để có thể sống sót dưới chế độ cộng sản (thích nghi sinh tồn), người cầm bút, cũng như mọi người dân, phải có hai bộ mặt, một bô mặt ngoan ngoãn luôn luôn đúng lập trường đường lối cho "phải đạo" để yên thân, và một bộ mặt chân thật "*yêu ai cứ bảo là yêu, ghét ai cứ bảo là ghét*". Trong những thời kỳ mà nhà nước đủ sức mạnh trấn áp, thì cả xã hội sẽ rất "phải đạo", một thứ ổn định của khiếp hãi, cam chịu. Và cũng có những thời kỳ khác, khía cạnh chân thật sẽ thắng bộ mặt "phải đạo", đó là những lúc bộc phát phản kháng ở văn học, và cách mạng ở mặt chính trị và xã hội.

Tuy nhiên, theo thiển ý, **sự phản tỉnh rõ nét nhất** là ở bản "*đề cương đề dẫn thảo luận ở hội nghị đảng viên bàn về sáng tác văn học*" do Nguyên Ngọc trình bày vào tháng 6/1979 nhưng mãi đến gần mười năm sau nó mới xuất hiện trên tạp chí Lang Bian số 3 (Đà Lạt, tháng 4/1988), và ngay sau đó, tờ báo này bị đóng cửa nên chúng ta không biết nội dung toàn bài như thế nào. (Trên báo Lang Bian chỉ mới đăng phần đầu: Nhìn lại thời kỳ đã qua). Bản "đề cương đề dẫn" này có ảnh hưởng lớn vì hai lý do:

- Thứ nhất, tác giả nó là một nhà văn có uy tín hàng đầu của chế độ, Nguyên Ngọc trưởng thành trong thời kháng chiến chống Pháp, sau khi hoà bình văn hồi ông cho xuất bản tác phẩm "*Đất Nước đứng lên*", và lập tức tác phẩm này trở thành "cổ điển", được dịch ra nhiều thứ tiếng (bản Pháp văn "NOUP le héros des Montagnes", nhà xuất bản Ngoại văn Hà nội 1959), trong thời gian "kháng chiến chống Mỹ" ông là chủ tịch Hội văn nghệ giải phóng Khu V (Cao nguyên và miền Trung) trong thời gian này ông đã sáng tác những tác phẩm có giá trị như "*Rẻo cao*", "*Rừng Tà Nu*", "*Đất Quảng*"...

- Thứ hai, Nguyên Ngọc phát biểu với tư cách bí thư đảng đoàn hội nhà văn, tức là người có quyền lực cao nhất của tập thể giới cầm bút, lập trường của ông là lập trường của một người cộng sản, do đó sự phản tỉnh của ông, ta có thể nhìn trên hai tư cách: tư cách nhà văn và tư cách đảng viên.

Về nội dung, sau phần ca tụng chính sách đảng đối với văn nghệ qua 2 cuộc kháng chiến, điểm những mặt mạnh của nền văn học đáp ứng với hoàn cảnh chiến tranh, Nguyên Ngọc đã nhẹ nhàng phê phán: "*Trong văn học, lồ lộ khá rõ là số phận chung của cả dân tộc, cả đất nước, nhưng còn số phận chung của từng người, từng thành viên của đội ngũ đó thì còn khá sơ lược, giản đơn... Tính thơ lý tưởng của cuộc chiến đấu dược biểu hiện khá mạnh, còn tính sần sùi phức tạp của đời sống thì yếu hơn cho nên tính hiện thực của văn học có bị hạn chế*". Và từ đó Nguyên Ngọc đã nhận xét, về thể loại, thơ, ký, truyện ngắn "mạnh" hơn tiểu thuyết, viết về chiến tranh khá hơn viết về đề tài xây dựng xã hội chủ nghĩa, tác phẩm thuộc thập niên 60 tốt hơn tác phẩm thuộc thập niên 70.

Giải thích sự cách biệt này, Nguyên Ngọc nêu một số ý kiến cho rằng trong văn học đang có hiện tượng "*tụt lùi*", "*tình trạng trì trệ*", "*lằng nhằng*", "*khủng hoảng*", "*Cũng có người bảo một số năm gần đây, ta vẫn có nhiều sách nhưng không có tác phẩm*", từ đó Nguyên Ngọc xác nhận: *Quả văn học đang có vấn đề.*

Truy kích đến cùng, tác giả thú nhận: "*Sách viết ra, in ra, người ta đọc, rồi nó phào đi, không để lại được những dấu vết sâu sắc, đậm nét trong đời sống tinh thần của xã hội. Cảm giác "có nhiều sách mà không có tác phẩm" là như thế. Người đọc thờ ơ với chính những quyển sách mình vừa đọc, tuy chẳng có gì để chê bai nó, có một không khí mệt mỏi, lạnh nhạt giữa người viết và người đọc.*"

Tại sao có không khí mệt mỏi, lạnh nhạt đó? Nguyên Ngọc tự trả lời "*Phải chăng có những vấn đề mới đã nảy ra, những câu hỏi mới đã nảy sinh trong hiện thực trong khi đó văn học vẫn lập lại những vấn đề cũ, trả lời những câu hỏi cũ, có thể trả lời khá hay nhưng vẫn là trả lời những câu hỏi mà hiện thực đã vượt qua rồi*".

Thật khá rõ ràng, ngầm ý của Nguyên Ngọc là nêu lên sự lỗi thời của lý luận văn nghệ của đảng, và nhìn rộng ra, những biện pháp nằm trong hệ thống tư tưởng Marxist Leninist đã không còn hiệu ứng với sự đổi thay của xã hội. Mặc dù đã cố biện minh là niềm phản tỉnh của giới văn nghệ sĩ chân chính "*không có gì có thể gọi là "luồng tà khí", "phản động", "chống đảng"*... Nguyên Ngọc đã tỏ ra rất sắc bén khi phê bình tính công thức của lý luận văn học xã hội chủ nghĩa: "*...không khí phê bình, lý luận, đánh giá đã dung tục hoá mối quan hệ giữa hiện thực và văn học. Nó tuyệt đối hoá hiện thực, và kết quả*

*là buộc văn học phải khiếp nhược trước hiện thực, người nghệ sĩ phải khiếp nhược trước đời sống. Như vậy thực chất là nó phủ nhận khả năng cải tạo trở lại hiện thực của con người, của văn học. Nó hạ thấp văn học xuống thành một sự sao chép hiện thực, có thế thôi*".

Về tương quan giữa chính trị và văn nghệ, một vấn đề cốt lõi của cao trào văn nghệ phản kháng 1986-1989, từ 10 năm trước, Nguyên Ngọc đã viết rất can đảm: "*Quan niệm thô thiển về chức năng của văn học đã dung tục hoá mối quan hệ giữa văn học và chính trị. Nó tuyệt đối hoá chính trị, tuyệt đối hoá sự chi phối tất yếu của chính trị đối với văn học, mà quên rằng với tư cách là những hình thái ý thức xã hội, chính trị và văn học, qua những sự khúc xạ gần xa khác nhau đều là phản ảnh hiện thực đấu tranh của xã hội*".

Có lẽ đây là tiếng nói dõng dạc công khai đầu tiên của một nhà văn dưới chế độ XHCN Việt Nam dám **đặt vấn đề độc lập của văn học đối với chính trị**. Trong một chế độ chuyên chế toàn diện, vấn đề này thuộc lãnh vực bất khả xâm phạm, vì nền chuyên chế toàn diện có thể thoả hiệp trên nhiều lãnh vực, nhưng sẽ tranh đấu đến kỳ cùng để bảo vệ hai công cụ chính yếu: công an và tuyên truyền. Văn nghệ được xem là chủ lực của tuyên truyền, đụng chạm vào nguyên tắc văn nghệ phục tùng chính trị chính là đụng chạm vào "tính đảng", đó là một hình thức "khai chiến", nói như Nguyễn Minh Châu.

Chủ điểm của bản "đề cương đề dẫn..." là sự **khủng hoảng niềm tin,** Nguyên Ngọc đã diễn tả nguyên nhân của khủng hoảng này như sau: "*Cũng có thể nói, có sự giao động, khi một người cầm bút giao động, ấy là khi anh ta giao động về nhân vật trung tâm của mình, về con người lý tưởng của mình. Khi anh ta bắt đầu nghi ngờ con người ấy trong hiện thực, hoặc ít ra là anh ta bối rối về họ, từ đó mà giảm lòng tin yêu họ*"... *Cũng từ đó đưa đến tình trạng: "Phải chăng lúc này có hiện tượng không ít phổ biến là người viết, vẫn cứ viết mà không thực tin ở chính điều mình viết ra*: NGƯỜI LÀ MUỐI MÀ CHÍNH NGƯỜI LẠI KHÔNG MẶN THÌ BIẾT LẤY GÌ ĐỂ MUỐI NGƯỜI. *Văn học, nói theo một cách nào đấy, là lòng tin, "không có lòng tin lớn thì không bao giờ có thể có văn học lớn.*" (nhấn mạnh của người viết)

Một cách lương thiện, không một nhà văn, nhà lý luận nào trong xã hội XHCN tại VN lại dám lộng ngôn rằng họ đã hình thành một nền văn học lớn, họ chỉ có thể thú nhận họ đã hình thành một nền văn học đầy khiếm tật.

Khủng hoảng niềm tin sẽ dẫn đến **khủng hoảng lý luận,** theo một số văn nghệ sĩ rời nước sau này, ở hai tụ điểm Sàigòn và Huế, những nhà văn miền Bắc, nhà văn trên bưng về thường tìm gặp những người cầm bút tự do, và trong những phút cuả sự thật, họ không dấu diếm những khủng hoảng niềm tin và đã thành thật bày tỏ niềm băn khoăn trăn trở đối với sứ mệnh văn học và tình hình đất nước. Chính trong họ, hàng ngũ người cầm bút tự gọi là cách

mạng, đã có một sự phân tuyến rõ rệt, một bên là những "ông bình vôi" văn hoá cố bám lấy đặc quyền đặc lợi và một mớ lý thuyết củ mèm như Huy Cận, Chế Lan Viên, một bên là những nhà văn đã trưởng thành trong chiến tranh và những người có cơ hội du học ở Đông Âu về, đó là những người trăn trở, thao thức để phản tỉnh như Nguyên Ngọc, Nguyễn Minh Châu, Hoàng Ngọc Hiến... thành phần sau càng ngày càng đông đảo, họ dần dần vượt qua thành trì của sợ hãi để làm hạt nhân cho cao trào văn nghệ phản kháng 1986-1989.

## *IV. Tiến trình cao trào văn nghệ phản kháng.*

Mặc dù bị cấm phổ biến, bảng "Đề Cương đề dẫn..." của Nguyên Ngọc cũng như hai bài báo của Nguyễn Minh Châu và Hoàng Ngọc Hiến đã tạo ảnh hưởng lớn lao trong không khí văn học trì trệ đương thời, và đã được sự tán đồng rộng rãi trong các thế hệ nhà văn trưởng thành từ hai cuộc chiến tranh, các nhà trí thức du học ở Đông Âu, các nhà văn gốc miền Nam đã "vô bưng" từng quen thuộc với các quan niệm về tự do sáng tạo và nhất là thế hệ nhà văn trẻ khởi nghiệp sau năm 1975.

Để chận đứng tầm ảnh hưởng của những bài viết này, các lãnh đạo văn nghệ như Tố Hữu, Trần Độ, Hà Xuân Trường, Chế Lan Viên, Kiều Vân... liên tục hai năm (1980-1982) đã viết nhiều bài phản bác trên báo đảng như tạp chí Cộng Sản, báo Nhân Dân, Nghiên cứu Nghệ thuật, nội dung vừa phủ dụ vừa răn đe, chụp mũ "xét lại", "bôi lọ", "lập trường chao đảo" đối với những quan điểm phản tỉnh vừa nhen nhúm. Biện pháp phủ đầu này, trước đây đảng đã áp dụng với phong trào Nhân văn Giai phẩm trước khi thẳng tay đàn áp (xin đọc bài phân tích của nhà văn Nguyễn Mộng Giác ở phần II tập Giai phẩm này), tuy nhiên vì tình hình đã đổi khác, đảng đang tứ đầu thọ địch trên mặt chính trị, ngoại giao và quân sự cũng như đang sa lầy trên mặt kinh tế xã hội, nên một vụ Nhân Văn Giai Phẩm thứ hai vẫn chưa xảy ra.

Dù sao, vì sự kiểm soát và uy lực của đảng vẫn còn mạnh, sự sợ hãi và thói quen chịu đựng của giới văn nghệ sĩ vẫn chưa dễ gì gột rửa, do đó, trước sự đe doạ và phủ dụ của các lãnh tụ gộc, khuynh hướng phản tỉnh của giới cầm bút tuy càng ngày càng lan rộng nhưng không công khai bộc phát, giới văn nghệ sĩ chọn một phản ứng có vẻ "an toàn" hơn mà chúng ta có thể gọi là thái độ đề kháng thụ động.

**1) Các hình thức đề kháng thụ động và dòng văn chương bí mật.**

Từ sau năm 1975, đất nước đã trải qua nhiều biến động; công cuộc cải tạo công thương nghiệp và tiêu diệt tư sản mại bản, chính sách cải tạo nông nghiệp và phong trào hợp tác hoá tại nông thôn, cuộc chiến tranh chống bá quyền phương Bắc, cuộc chiến tại Campuchia... Trong từng ấy biến động trọng đại, mặc dù giới cầm bút đã được chuẩn bị tinh thần kỹ lưỡng, được

học tập chính sách đầy đủ, được đi "tham quan" thực tế tại hiện trường, được động viên để cổ động các chiến dịch đó, nhưng ta vẫn thấy một hiện tượng khá bất thường, là ngoài một Chế Lan Viên luôn luôn xông xáo, hầu hết mọi văn nghệ sĩ khác gần như hoàn toàn im lặng, làm như không hề biết đến các biến động ấy. Trong nền văn học XHCN, thước đo lòng trung thành của văn nghệ sĩ là sự nhậm lẹ, tích cực đáp ứng lời kêu gọi của đảng, sự im lặng của giới cầm bút trước những lời hô hào của đảng và nhà nước, nếu không được xem là một thái độ phản kháng, thì cũng có thể nhìn như một thái độ bất hợp tác khá can đảm, nó chứng tỏ, ở một chừng mực nào đó, có một sự bất đồng tình của giới văn nghệ sĩ với đảng.

Một hình thức khác để biểu lộ sự đề kháng thụ động là hiện tượng làm thơ tình, viết truyện tình, sau 1975, và nhất là từ 1978, đọc trên báo chí cộng sản, ta thấy xuất hiện ào ạt thơ tình, truyện tình, đây cũng là một hiện tượng khá bất thường, nhất là khi đất nước "ngổn ngang trăm mối".

Thật ra, không có văn bản nào cấm đoán việc làm thơ tình, viết truyện tình, nhưng trong nền văn học XHCN 40 năm qua, đề tài tình yêu và thân phận con người cụ thể gần như vắng bóng, đề tài này, theo sự đánh giá của đảng, là sản phẩm của nền văn học suy thoái đồi trụy của xã hội tư bản và mặc nhiên bị cấm đoán. Tuy nhiên vì tình yêu và thân phận con người là nguồn cảm hứng muôn thuở của giới văn nghệ sĩ, cho nên dù một nghệ sĩ ngoan ngoãn, suốt 40 năm cúc cung tận tụy với đảng như Xuân Diệu, vậy mà khi mất đi, người ta tìm ra trong hộc tủ nhà thơ hàng ngàn bài thơ tình. Điều chua xót là những bài thơ tình ấy được gọi là "thơ chui", từ "chui" mang ý nghĩa lén lút, vụng trộm, bất hợp pháp. Nhìn chung, trong không khí luôn luôn căng thẳng, "lên gân" với những khẩu hiệu đao to búa lớn, sáng tác thơ tình, truyện tình cũng là một cách thế để giới cầm bút biểu lộ thái độ đề kháng thụ động của mình.

Và cuối cùng, một phản ứng khác của sự khủng hoảng niềm tin và phản tỉnh của giới văn nghệ sĩ là sự hình thành một dòng văn nghệ đối kháng bí mật, với một nội dung quyết liệt đấu tranh. Trong điều kiện ngặt nghèo của chế độ công an văn hoá, dòng văn học bí mật này phổ biến khá hạn chế, và thường tan loảng, hoà nhập vào dòng văn học truyền khẩu của nhân gian. Thỉnh thoảng ở hải ngoại chúng ta cũng nhận được một vài tác phẩm của dòng văn học này, như "Hoa địa ngục" của Nguyễn Chí Thiện, "Tắm mát ngọn sông Đào" của nhiều tác giả, thơ văn của nhóm Văn nghệ Chân Đất, thơ văn của các nhóm "Tao Đàn"...

Như vậy, kể từ khi đất nước hoàn toàn thống nhất, trong sinh hoạt văn học nghệ thuật đã có những chuyển hoá khá rõ rệt, *khởi đầu là sự chuyển biến về nhận thức của giới cầm bút khi đối chứng với thực tế của miền Nam* và từ đó

nảy sinh những "giao động", "hụt hẫng" trong tâm thức họ, khiến họ phải đánh giá lại niềm tin và lý tưởng của một thời, mà kết quả sẽ đưa họ đến một thái độ phản tỉnh.

Tùy theo mức độ và điều kiện của từng cá nhân người cầm bút, sự phản tỉnh sẽ dẫn đến: hoặc là một thái độ im lặng, ngưng sáng tác, không chịu đồng loã với chính sách của đảng; hoặc là một sự đề kháng thụ động, tự tách mình ra ngoài chiều hướng sáng tác theo đơn đặt hàng để chỉ làm thơ tình, viết truyện tình; hoặc tích cực hơn, tập họp trong một dòng văn học đối kháng bí mật, phổ biến và được truyền tụng trong nhân gian qua những vần ca dao mới, những mẩu chuyện tiếu lâm mới.

Dù ở trong bất cứ loại phản ứng nào, sự phản tỉnh của đa số văn nghệ sĩ sau 1975 cũng đã xác nhận một thực tế: giữa đảng và giới cầm bút đã có một mâu thuẫn. Chính mâu thuẫn này là nguyên nhân đầu tiên và quan trọng nhất của cao trào văn nghệ phản kháng bừng nở trong những năm 1986-1989.

**2) Chính sách cởi trói và các giai đoạn phản kháng của văn nghệ sĩ.**

Mối mâu thuẫn giữa văn nghệ sĩ và đảng thực ra là phản ảnh một mối mâu thuẫn rộng lớn hơn đang diễn ra trong xã hội Việt Nam, đó là mối mâu thuẫn giữa đại đa số nhân dân với đảng.

Nếu vào năm 1975, bằng bạo lực và tuyên truyền, đảng đã thực hiện được một sự thống nhất quốc gia trên mặt lãnh thổ, thì kể từ đầu thập niên 80, bằng sự thật và sự sống của con người Việt, nhân dân Việt Nam đã thực hiện được một sự thống nhất quốc gia trên mặt ý thức dân tộc. Một ý thức dân tộc được thống nhất nhờ sự giao lưu văn hoá giữa hai miền, nhờ sự giác ngộ của toàn dân về thân phận bị lợi dụng qua hai cuộc chiến, mà cuối cùng những mục tiêu độc lập, tự do và phát triển trong hoà bình vẫn không đạt được. Từ sự giác ngộ đó, người dân đã bắt đầu một cuộc đề kháng bằng phương pháp bất hợp tác, sự thất bại của các chính sách hợp tác hóa nông nghiệp, xây dựng công nghiệp nặng, chính sách kinh tế mới và khai hoang phục hoá... là kết quả của sự bất hợp tác ấy, và từ đó đưa đến tình trạng sa lầy trên khắp các lãnh vực của nhà nước chuyên chính vô sản.

Quốc sách "đổi mới" được áp dụng từ sau đại hội VI của đảng Cộng Sản Việt Nam là nhằm giải quyết sự bế tắc nêu trên. Trong lãnh vực văn học nghệ thuật, quốc sách "đổi mới" được thể hiện bằng chính sách "cởi trói". Từ "cởi trói" được sử dụng khá chính xác, nó xác nhận trước tiên, văn nghệ từ xưa đến nay vốn bị trói, nay cần được cởi. Thứ đến, nó ngầm nhắc nhở văn nghệ sĩ, rằng đó là một ân sủng của đảng, đảng có thể cởi trói, thì cũng có thể buộc lại, đảng có thể nới chút đỉnh nhưng vẫn cầm chắc đầu mối để sẵn sàng xiết chặt khi cần.

*trên quê hương*

Về phía văn nghệ sĩ, vốn là những người sinh ra và lớn lên trong lòng chế độ, họ hiểu thấu đáo hơn ai hết những dụng ý của đảng khi ban hành chính sách này, và họ đã khôn khéo nương theo chính sách ấy để biểu lộ một cách công khai những nội dung họ hằng ấp ủ. Có thể nói, trong trận tuyến văn hoá tại nước nhà, có cuộc đọ sức giữa hai đấu thủ không cân xứng, một bên là hệ thống đảng với 60 năm kinh nghiệm dầy dạn các thủ thuật lủng đoạn, mua chuộc, vu khống và trấn áp bằng "bạo lực cách mạng"; và một bên là đội ngũ văn nghệ sĩ với vũ khí duy nhất là ngòi bút và tâm thức phản tỉnh. Trong đấu trường đó, giới cầm bút phải thật khéo léo tế nhị, bởi một sơ sẩy là một chuỗi hoạn nạn, khủng bố, tù đày, cấm cố như lớp văn nghệ sĩ đàn anh thời Nhân văn Giai phẩm đã gánh chịu.

Và từ đó, chúng ta mới hiểu tại sao, người cầm bút viết rào đón rất kỹ lưỡng, một lối thủ thế mà cụ Đào Duy Anh hồi sinh thời đã tâm sự với thân nhân ở miền Nam *"Hãy đọc những quyển sách của tôi ở đoạn ruột, mà đừng để ý đến phần đầu trích dẫn ông Hồ, phần cuối trích dẫn ông Mác, đó là những lá bùa hộ mệnh để quyển sách có thể ra đời"*.

Do đó, từ "**phản kháng**" được dùng trong tuyển tập này không mang ý nghĩa đối đầu nhằm kêu gào lật đổ chế độ, bởi nếu quan niệm như vậy, e rằng không một tác phẩm nào xuất hiện công khai của nền văn học trong nước có thể gọi là phản kháng, nhưng nếu nhìn ở mặt tác dụng của nó, ở khả năng khơi mở, gợi ý, soi sáng và khích động để người dân giác ngộ về thân phận bị trị của mình thì dòng Văn học từ năm 1986 quả thực đã làm tròn được **chức năng phản ảnh xã hội, vận động một ý thức đấu tranh** và dự báo một cuộc chuyển mình của đất nước.

Trong ý nghĩa đó, dòng văn nghệ phản kháng quốc nội kể từ năm 1986 đã trải qua những thời kỳ sau:

- *Thời kỳ dọ dẫm:*

Để chuẩn bị cho đại hội VI của đảng tháng 12 năm 1986, đảng đã nới tay cho báo chí phản ảnh dư luận trên hai lãnh vực: phê phán những mặt "tiêu cực" của xã hội như tham nhũng, móc ngoặc, cửa quyền..., và góp ý với đảng để hoàn thiện tổ chức bộ máy nhà nước. Đây là một thông lệ mà mỗi lần "thay bậc đổi ngôi", đảng vẫn thực hiện dưới những chiêu bài "phát huy dân chủ XHCN", "phê bình và tự phê" mà mục đích thực sự là thanh lọc chân tay của nhóm lãnh đạo cũ và củng cố phe phái quanh lãnh tụ mới đăng quang. Nhưng khác với những chiến dịch "chống tiêu cực" của báo chí trước đây, từ năm 1986, tình hình đã đổi khác, uy tín của đảng càng ngày càng suy thoái do những thất bại liên tiếp về kinh tế xã hội, và sự sợ hãi của giới cầm bút, nếu trước đây là một bản tính thứ hai đối với văn nghệ sĩ miền Bắc, thì nay chưa thực sự ăn sâu vào não tuỷ của giới cầm bút gốc miền Nam và những nhà văn

nhà báo khởi nghiệp sau năm 1975, cho nên cuộc tấn công của báo chí không phải chỉ giới hạn trong việc "chống tiêu cực", vào những "hiện tượng" của xã hội như đảng cho phép mà đã lần lần đi vào "bản chất", vào "căn nguyên" của những hiện tượng đó, nhất là từ khi Nguyên Ngọc nắm vai trò tổng biên tập báo Văn nghệ.

Sự phản tỉnh của Nguyên Ngọc, như đã phân tích ở phần trên, đã xảy ra từ 1979, do đó khi nắm tờ Văn nghệ ông đã quyết tâm thực hiện những gì hằng thao thức. Vai trò của Nguyên Ngọc có thể so sánh với Nguyễn Hữu Đang thời Nhân Văn Giai Phẩm, ông đã khuyến khích, vận động và nâng đỡ các nhà văn, nhất là những nhà văn trẻ, mạnh dạn sáng tác những tác phẩm tấn kích vào cơ chế của nhà nước.

Võ khí đầu tiên được xử dụng là thể loại ký, khác với những loại tường thuật tin tức và phóng sự trên báo chí đương thời, là những bài viết phải theo sát sự việc cụ thể nên tính tổng quát và cô đọng không được sâu sắc và thường chỉ có tác dụng ở một vài địa phương hay cơ quan riêng biệt, ký là một gạch nối giữa phóng sự báo chí và tác phẩm văn học. Nó phải theo sát tình hình cụ thể nhưng đồng thời nó cho phép tác giả sắp xếp theo một bố cục chủ quan để làm nổi bật một chủ đề mà tác giả muốn nhấn mạnh.

Bắt đầu từ giữa năm 1987, các tác giả Hoàng Hữu Các, Lâm Thị Thanh Hà, Hà Văn Thùy, Hồ Chung Tú, Phùng Gia Lộc đã viết nhiều bài ký không những chỉ phản ảnh tình trạng cường hào ác bá tại nông thôn mà còn nêu rõ những nguyên nhân sâu xa của các khuyết tật ấy: đó là sự áp đặt duy ý chí của đảng trong chính sách hợp tác hoá, sự đề kháng thụ động nhưng kiến hiệu của nông dân miền Bắc từ 30 năm và miền Nam từ 10 năm qua đối với chính sách nông nghiệp.

Trên mặt các tệ đoan xã hội và những thất bại của chính sách xây dựng công nghiệp, các bài ký "*lời khai của bị can*", "*tiếng hú của con tàu*", "*vua lốp*", "*đá nổi xôn xao*" đã vạch trần nguyên ủy những thất bại của đảng, đó là kế hoạch kinh tế chủ quan và cứng nhắc, chính sách lý lịch, quan điểm "công bình xã hội" không tưởng đã tạo ra sự bình đẳng trong bần cùng của người dân.

Ưu điểm của những bài ký là đã tấn kích vào sự nguỵ biện của đảng, bởi vì khi đã trình bày những hiện tượng sai sót có tính cách phổ biến từ Bắc vào Nam, từ thành thị đến thôn quê thì những khuyết điểm ấy không còn mang tính chất "hiện tượng" nữa mà đã nằm trong "bản chất" của chế độ, hay ít nhất, nói như ông Hà Sĩ Phu "*thực tiễn mới là thước đo tin cậy nhất của chân lý. Khâu thực hành chưa thành công thì lấy gì chứng minh lý luận không có sai lầm*" (Sông Hương 39, trang 80 tháng 7-8-1989)

*trên quê hương*

Trên mặt sáng tác, những tác phẩm "*Bên kia bờ ảo vọng*" của Dương Thu Hương, "*Thời xa vắng*" của Lê Lựu, "*Một giờ trước lúc rạng sáng*" của Nguyễn Quang Lập là những bước dọ dẫm, tuy chưa có thể xem là những tác phẩm phản kháng thực sự nhưng rõ ràng đã đi ngoài vòng kềm toả của chủ nghĩa hiện thực xã hội, đã trình bày những mâu thuẫn trong nội tâm con người, những hoài nghi, bất mãn của cá nhân và những lo âu, xao xuyến trước những vấn đề của đất nước đi ngoài tinh thần "lạc quan cách mạng" đảng vẫn cổ suý.

- *Thời kỳ bộc phát:*

Trên mặt chính trị và xã hội, ký đã đóng trọn vai trò phản ảnh và thức tỉnh của nó mà đảng và nhà nước, dù bị ký tấn công vào những yếu huyệt của mình, vẫn không dễ trấn áp các tác giả, vì ký chỉ diễn tả sự thật và được biện minh bằng sự chính xác của sự kiện. Trên mặt văn học, sự xuất hiện của ký mang một tác dụng dây chuyền. Một số các bài ký, với nội dung càng ngày càng quyết liệt, không những chỉ xuất hiện trên tờ Văn nghệ mà còn phổ biến ở các tạp chí ở miền Trung và miền Nam, đã tạo nên một tình trạng "xì hơi" và khuyến khích giới cầm bút nhập cuộc vào dòng văn nghệ phản kháng. Có thể nói, trừ thời kỳ tiền chiến, chưa có một giai đoạn nào mà văn nghệ bộc phát rộng rãi trên nhiều lãnh vực, phong phú trên nhiều đề tài như nền văn nghệ phản kháng của những năm 1988-1989.

- Về các lãnh vực văn nghệ, bắt đầu từ năm 1988, đã xuất hiện những cây bút can đảm và cương trực trên lãnh vực lý luận như Lại Nguyên Ân, Nguyễn Đăng Mạnh, Phạm Xuân Nguyên, Hồ Ngọc, Lê Ngọc Trà, Lữ Phương... mà cuộc bút chiến giữa họ và các cán bộ tuyên huấn đảng về quan hệ giữa văn nghệ và chính trị đã ít nhất tạo một thành quả: đảng phải chấp nhận một sự độc lập của văn nghệ, giáo điều văn nghệ phục tùng chính trị, vốn là căn bản của chính sách văn nghệ từ 40 năm qua, không còn là một nguyên tắc bất khả xâm phạm nữa.

- Đứng về mặt phê bình đã xuất hiện một đội ngũ phê bình gia có học và có khả năng thẩm mỹ khiến sinh hoạt văn nghệ "thoáng" hơn, phê bình không còn đóng vai trò chỉ điểm văn nghệ như trước đây, mà trái lại những bài phê bình của Hoàng Ngọc Hiến, Đặng Anh Đào, Vương Trí Nhàn, Văn Tâm... đã khuyến khích và động viên lớp văn nghệ sĩ sáng tác vượt khuôn khổ, vượt giáo điều của nền văn học XHCH, đổi mới bênh vực và đề cao ý hướng nhân bản và khai phóng của các tác giả đổi mới.

- Trong lãnh vực sáng tác, từ năm 1988, đội ngũ văn nghệ sĩ chọn con đường dấn thân càng ngày càng đông đúc và chiếm được vị thế áp đảo trên hầu hết các bộ môn nghệ thuật như Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài... ở Văn; Nguyễn Duy, Trần Vàng Sao, Thanh Thảo... ở Thơ; Trần Văn Thủy, Đặng Nhật Minh, Việt Linh... ở Điện ảnh; Văn Cao, Hoàng

Hiệp... ở Âm nhạc; Nguyễn Tư Nghiêm, Nguyễn Sáng, Bửu Chỉ... ở Hội họa; Lưu Quang Vũ, Tất Đạt... ở Kịch nghệ;

Về phía văn nghệ sĩ, căn cứ vào tuổi tác, chúng ta có thể kể 4 thế hệ giới cầm bút đã tham dự vào phong trào văn nghệ phản kháng:

- Thế hệ thành danh từ tiền chiến, nay đã trên 70, mặc dù không trực tiếp nhập cuộc trong phong trào, nhưng sự tham dự với hình thức sám hối như Bửu Tiến, công khai ủng hộ những vận động của thế hệ đàn em như Nguyễn Văn Bổng, phản ứng thụ động xót xa như Trương Chính... đã là những tấm gương (đôi khi là những gương thất bại) để lớp hậu sinh rút tỉa một kinh nghiệm rất đắt giá: sống dưới chế độ XHCN nếu không tạo được đoàn kết, không biểu lộ một nhân cách can trường thì rất dễ dàng bị khuất phục, và từ đó sẽ suốt đời sống trong sợ hãi như lớp đàn anh.

- Thế hệ trưởng thành qua 2 cuộc kháng chiến, thường ở lứa tuổi 50-60. Phần lớn các văn nghệ sĩ thuộc thế hệ này là những cán bộ trung cao của đảng, một số đã biến thành các "ông quan văn nghệ", và một số, như đã phân tích ở trên, đã phản tỉnh khi tiếp xúc với thực tế như Nguyên Ngọc, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Quang Sáng, Thu Bồn, Xuân Cang, Bùi Minh Quốc... và những người này là điểm tựa vững chắc cho phong trào văn nghệ phản kháng.

Có thể kể vào thế hệ này là những nhà văn thuộc phong trào Nhân văn Giai phẩm còn sống sót như Trần Dần, Phùng Quán, Hoàng Cầm, Hữu Loan... mà sự can đảm và hoạn nạn của họ là niềm kích thích cho lớp nhà văn trẻ sau này.

- Thành phần chủ lực của phong trào là lớp văn nghệ sĩ khởi nghiệp sau 1975 (hoặc đã viết trước đó nhưng mới bắt đầu nổi tiếng sau 1975) phần lớn họ ở lứa tuổi 30-40 như Trần Văn Thủy (sinh 1943), Nguyễn Duy (1945) Dương Thu Hương (1947) Lưu Quang Vũ (1948- đã mất) Trần Mạnh Hảo (1949) Nguyễn Huy Thiệp (1950) Việt Linh (1952), Nguyễn Quang Lập (1954), Phạm Thị Hoài (1960)... Một số lớn gốc bộ đội hoặc được đảng cử đi Đông Âu du học; họ là những người con của chế độ, hầu hết là đảng viên hoặc ít ra là đoàn viên, tuy nhiên họ là những người đã chứng minh lời tiên đoán của một lãnh tụ Cộng sản Ý: "*cuộc đấu tranh cuối cùng sẽ là cuộc đấu tranh giữa đảng viên đảng cộng sản và con cháu họ.*

- Thế hệ thứ tư là thế hệ nhà văn trẻ ở lứa tuổi 20-30. Đây là thế hệ không phân biệt Bắc-Nam, cộng sản hay quốc gia, ta thấy họ xuất hiện trên các tạp chí Sông Hương, Tuổi Trẻ, Thanh Niên... chủ đề sáng tác của họ không vướng mắc vào quá khứ và chỉ nhìn những vấn đề muôn thuở của văn nghệ như tình yêu, thân phận con người, sự hoài nghi và âu lo về tương lai (xin

đọc "*tọa đàm của các tác giả trẻ*" trên Sông Hương số 30, hoặc các cuộc trả lời ý kiến trên tờ Tuổi Trẻ Sài Gòn), một số tích cực hơn đã đi vào con đường văn nghệ đấu tranh như lớp trẻ ở Sài Gòn trong tờ báo Khát Vọng phát hành bí mật.

**3) Nội dung của cao trào văn nghệ phản kháng:**

Trong giới hạn của bài viết, chúng ta không đi sâu vào các tác giả tiêu biểu và khiá cạnh chính trị trong các tác phẩm của họ, đó là nội dung của phần II và IV của tập giai phẩm này. Nhìn một cách tổng quát, có ba chủ đề lớn có tính cách chung nhất của cao trào văn nghệ phản kháng

- Văn nghệ tách rời khỏi sự lãnh đạo của đảng.
- Phủ nhận thành quả quá khứ
- Hạ bệ thần tượng lịch sử và phủ nhận lý tưởng
- Văn nghệ tách rời khỏi sự lãnh đạo của đảng:

Văn nghệ phải phục tùng chính trị, đó là nguyên tắc căn bản của mọi chế độ cộng sản, vi phạm nguyên tắc này có nghĩa là tù đày, cải tạo, không chỉ ảnh hưởng đời sống người cầm bút mà còn liên hệ đến lý lịch con cháu, nhưng vì sứ mệnh của văn nghệ muôn đời vẫn là bảo vệ sự thật, bảo vệ cái đẹp cho nên với một chế độ che dấu sự thật và dung tục hoá cái đẹp như chế độ cộng sản, người làm văn nghệ đúng thiên chức mình luôn luôn mâu thuẫn với chế độ. Vì sự kiểm soát tư tưởng và chính sách công an văn hoá được đảng áp dụng rất chặt chẽ và tinh vi, cho nên để đấu tranh cho tự do sáng tác, người cầm bút phải xử dụng phương pháp gián tiếp, nói như Nguyễn Đình Thi: trong bài phỏng vấn của báo Sông Hương số 31 tháng 5-6-1988, "*khi trong xã hội thiếu dân chủ thì người ta* NÓI VÒNG, NÓI KHÁY. *Truyền Kỳ Mạn lục, Liêu Trai là những con đường vòng như thế*".

Phương pháp NÓI VÒNG, NÓI KHÁY đó đã được xử dụng một cách rất "nhuần nhuyễn" trong lý luận của các tác giả đổi mới trong cuộc bút chiến về quan hệ giữa văn nghệ và chính tri. Luận cứ chính của các tác giả tiến bộ là chống chũ nghĩa Mao, chủ nghĩa Stalin.

Đây chính là vấn đề nhức nhối nhất của đảng Cộng sản Việt Nam. Trong lịch sử cầm quyền, đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn đi dây giữa cuộc tranh luận về lý thuyết của hai đảng cộng sản đàn anh Trung Hoa và Liên Sô. Tuy nhiên trên thực tế, vì bản chất là một đảng cộng sản Châu Á, vẫn còn ảnh hưởng rất nặng nề thói quen độc tài, chuyên đoán của một nền chính trị phong kiến, các lãnh tụ cộng sản Việt Nam rất tâm đắc với nền chuyên chính kiểu Stalin và quan điểm "quyền lực trên đầu lưỡi lê" của Mao, do đó ngoài mặt đảng cộng sản Việt Nam tuyên bố đứng trung lập trong cuộc cấu xé về lý thuyết của hai đàn anh, nhưng bên trong, đảng đã nghiêng hẳn về Trung

Hoa, cuộc đấu tranh chống "chủ nghĩa xét lại" và cuộc thanh trừng Hoàng Minh Chính là những dẫn chứng. Về thực chất, chính quyền Cộng sản Việt Nam là một trong những nước cộng sản hiếm hoi đã trung thành với lý thuyết Stalin-Mao đến cùng.

Sự lúng túng của đảng Cộng sản Việt Nam lại càng thêm sâu sắc khi vì quyền lợi và tham vọng "bá quyền" của mình, đảng đã xung đột với "bọn bá quyền phương Bắc", và nhất là từ khi Gorbachev nắm chính quyền tại Liên Sô và theo đuổi chính sách không những chỉ kết án Stalin mà còn phủ nhận cả chủ nghĩa Lenin, rõ ràng các lãnh tụ CSVN vô cùng "hụt hẫng" trước những sự kiện này, và các văn nghệ sĩ, với sự nhạy bén của trực giác đã khoét sâu vết thương đó.

Trong truyện dài "*Ngày mẹ chờ mong*" của Nguyễn Khắc Phê (Sông Hương, 36 tháng 3-4-1989) tác giả đã cho biết mãi đến năm 1988, báo Văn nghệ ở Hà Nội mới cho đăng bản dịch một bài phân tích của một tác giả Liên sô về "Hiện tượng Stalin" và lập tức bài báo đã gây một sự "choáng váng" cho lớp cán bộ trung kiên của đảng, những người ngoài cửa miệng vẫn hô hào "đổi mới" nhưng trong "quán tính tư duy" vẫn là những tín đồ của chủ nghĩa Stalin. Và tác giả đã mượn lời đứa con để phê phán "*con thật không hiểu bố là người thế nào nữa. Hôm qua thì hăng hái như là lính xung kích trên mặt trận chống tiêu cực, hôm nay thì đích thị là... một ông bảo thủ*"

Giải thích về "quán tính tư duy" này, tác giả viết "*loại chuyên viên như chị, những người đã có trên 30 năm tuổi đảng, từng đọc những trang điều lệ ghi rõ là cùng với chủ nghĩa Mác-lênin, đảng ta lấy tư tưởng Mao Trạch Đông làm kim chỉ nam cho mọi hành động, đều thấy là vị thủ trưởng họ đã không dám nhìn thẳng vào một sự thật đau lòng. Tất cả đều nín thinh, không ai dám trình bày quan điểm của mình. Ôi chao! Một thế hệ từng tỏ ra can đảm vô song trước kẻ thù mà nay đã trở nên hèn nhát thế ư?*"

Dùng chiêu thức chống chủ nghĩa Stalin, chủ nghĩa Mao là một phương cách NÓI VÒNG, NÓI KHÁY để tấn công vào sự nghịch lý, mâu thuẫn trong chính sách của đảng, tấn kích vào chỗ nhược của sự lãnh đạo của đảng.

- *Phủ nhận thành quả quá khứ:*

Cho đến nay, lý do để biện minh cho sự độc tôn, độc quyền trong việc đảng lãnh đạo đất nước, không chấp nhận chế độ đa nguyên đa đảng, là lập luận đảng đã thực hiện thành công hai cuộc kháng chiến, đã xây dựng được một xã hội tốt đẹp xóa bỏ cảnh người bóc lột người do đó được dân tín nhiệm... (diễn văn của Nguyễn Văn Linh ngày 3/2/1990).

Đây là một lập luận đầy mỉa mai khi đối chiếu với thực tế.

Để phản bác với thái độ kiêu căng bệnh hoạn đó, các văn nghệ sĩ lại phải

dùng phương pháp NÓI KHÁY, thành quả xây dựng xã hội chủ nghĩa đã được Nguyên Ngọc đánh giá: *"chủ nghĩa xã hội NHƯ CHÚNG TA LÀM, vì một lẽ nào đó, đang trở nên trì trệ. Nó không chứng minh được tính ưu việt đối với chế độ nó thay thế và với lý tưởng chúng ta mơ ước"* (Nguyên Ngọc - Sông Hương 37) hoặc trực tiếp hơn, như Dương Thu Hương đã nhận định, đó là *"một chủ nghĩa xã hội kiểu trại lính"*

Một trong những "thành quả tốt đẹp" mà đảng đã mang đến cho nhân dân Việt Nam là chính sách "cải cách ruộng đất" đã được các nhà văn phản kháng mổ xẻ quyết liệt, các truyện ngắn "*Ôi cam sao mà đắng*", "*Câu chuyện làng Che*" "*Con suối cạn nguồn*" và tiểu thuyết "*Thiên Đường Mù*" là những bản cáo trạng đầy nghệ thuật, đầy thuyết phục mà đảng không thể nào biện bạch.

Đối với quan điểm của đảng là có "sai" thì sẽ "sửa", Lưu Quang Vũ đã phê phán "*có những cái Sai không thể nào Sửa được... chỉ có cách là đừng bao giờ sai nữa. Hoặc bù lại bằng một việc đúng khác*". (Hồn Trương Ba, da hàng thịt)

*Cả quá trình cầm quyền của đảng đã chứng minh,* ***đảng không có khả năng*** *sửa sai, lại càng không có khả năng "làm việc đúng" để chuộc lỗi* vì thế bằng phương pháp NÓI KHÁY, các văn nghệ sĩ đã nêu chủ đề "*ly dị*", "*cuộc ly hôn cuối cùng*" của Trần Văn Tuấn, "*ly thân*" của Trần Mạnh Hảo và rất nhiều truyện ngắn đăng trên báo chí trong nước đều xoay quanh chủ đề này. Hậu ý của chủ đề ly dị là trong các cuộc hôn nhân miễn cưỡng, nếu một bên trong cuộc hôn phối áp bức, chà đạp người phối ngẫu thì giải pháp duy nhất là phải "giải phóng" cuộc hôn nhân này để đừng di hại cho con cái.

Trong cuộc hôn nhân giữa đảng và nhân dân Việt Nam, nói như Dương Thu Hương, nếu đảng bắt dân phải biết ơn đảng thì đảng cũng phải biết ơn nhân dân, khi đảng vẫn coi dân là nô lệ thì e rằng cuộc hôn nhân miễn cưỡng này đã kéo dài hơn 40 năm cần phải được chấm dứt.

Văn nghệ, với chức năng của nó, khác với những tờ truyền đơn, nó không nhất thiết phải kêu gọi dân đứng lên lật đổ chế độ, nhưng bằng khả năng gợi ý và dự báo của nó, những tác phẩm với chủ đề "ly dị" qua phương pháp "NÓI VÒNG, NÓI KHÁY" đã thức tỉnh người dân để họ chọn một thái độ.

- *Hạ bệ thần tượng và phủ nhận lý tưởng*

Mục tiêu của chế độ XHCN là xây dựng con người mới XHCN, để giáo dục và rèn luyện khuôn mẫu con người mới đó, đảng đã xuất bản và phổ biến rộng rãi hai truyện dịch "*Ruồi Trâu*" của VOYNICH và "*Thép đã tôi thế đấy*" của OSTROVSKY. Ruồi Trâu và Pavel Kortshagin trở thành thần tượng một thời của tuổi trẻ VN dưới chế độ CS. Đó là những thần tượng sắt đá, chiến đấu không mệt mỏi vì lý tưởng CS, **phủ nhận mọi tình cảm và niềm tin**

**bình thường của con người.** Tuy nhiên dưới mắt của Phạm Thị Hoài thì hai tác phẩm trên "*không phải là một tác phẩm chân thực, âu cũng là một dạng cổ tích viết tồi*".

Ảnh hưởng của những loại thần tượng này đã được Phạm Thị Hoài phê phán "*Hai quyển sách quyết định bộ mặt tinh thần của cả một thế hệ. Con đẻ của thế hệ ấy, không thành những Ruồi Trâu thì thành Pavel Kortshagin, đi đứng, nói năng, tư duy, sống và yêu đương trong bộ đồng phục tinh thần may sẵn*" (Thiên Sứ, trang 26)

"*Con đẻ của thế hệ ấy* " những thần tượng CS đã hoá thân vào xã hội VN thành những "*cậu Chính*" trong "*Những thiên đường mù*" của Dương Thu Hương, "*chính uỷ Tràng Giang*" trong "*Ly thân*" của Trần Mạnh Hảo, "*Quang lùn*" trong "*Thiên sứ*" của Phạm Thị Hoài... những mẫu người ty tiện, tàn độc, ngu muội và say mê quyền lực khiến một nhà văn phải thốt lên: "***đảng viên, đấy là bằng chứng rõ ràng nhất cho tư cách của một kẻ bất lương***"

Những thần tượng mới của chủ nghĩa, của xã hội đã bị hạ bệ, riêng đối với những thần tượng lịch sử, vấn đề lại càng tế nhị hơn vì nó đụng chạm vào **cấm địa của chế độ, đó là vai trò và tư cách ông Hồ Chí Minh.** Do đó ta thấy người phê bình của chế độ đã thổi phồng các chi tiết trong bộ ba truyện ngắn *Kiếm sắc - Vàng Lửa - Phẩm tiết* của Nguyễn Huy Thiệp nhằm kết tội anh "*hạ bệ thần tượng lịch sử đưa đến việc hạ bệ bác Hồ*" (ghi nhận theo Thông cáo của chi hội nhà văn Bình Trị Thiên, Sông Hương số 36)

Hồ Chí Minh, theo sự đánh giá của các sử gia Hà Nội, là người tổng hợp tất cả những tinh hoa lịch sử kể từ thời Hùng Vương, mặc dù dựa vào duy vật biện chứng trong việc giải thích sử liệu, nhóm sử gia này đã tỏ ra rất duy tâm, hay đúng hơn duy ý chí, khi thần thánh hoá vai trò ông Hồ. Từ sự võ đoán của họ, con đường Hồ Chí Minh lựa chọn đứng về phía quốc tế cộng sản được coi là một "*tất yếu lịch sử*", và luận cứ này, cho đến nay vẫn là một nền tảng để biện minh cho vai trò độc tôn của đảng cộng sản trên chính trường Việt Nam, không chấp nhận mọi hình thức đa nguyên, đa đảng (diễn văn Nguyễn Văn Linh kỷ niệm 60 năm thành lập đảng 03/02/90).

Để đập vỡ huyền thoại "*tất yếu lịch sử*" đó, Nguyễn Huy Thiệp bằng bút pháp "*ẩn dụ đa nghĩa*" đã nêu những "*hằng số lịch sử*" để phi bác tính "*tất yếu*" đầy võ đoán và phản khoa học đó, và đánh đồng thần tượng lịch sử Quang Trung với Gia Long trong khía cạnh phàm tục nhất của con người là mối liên hệ "ngoại sử" đối với nàng Ngô thị Vinh Hoa, để từ đó khiến người đọc dễ dàng liên tưởng đến tính chất bạo liệt thâm độc của Gia Long trong các "*trò chơi đế vương*" khi so sánh với Hồ Chí Minh trong thực tế.

Lịch sử chỉ là một cái cớ, bộ ba truyện ngắn *Kiếm sắc - Vàng lửa - Phẩm*

*tiết* của Nguyễn Huy Thiệp chỉ nhằm giải hoặc các huyền thoại, dùng phương pháp "dĩ cổ vi kim" để đảo ngược các giá trị vốn là niềm tin nền tảng của chế độ: nhằm phàm tục hoá nhân cách Hồ Chí Minh, và vạch trần sự phi lý của những "tất yếu lịch sử". Bên cạnh đó, các truyện ngắn này là những cảnh tỉnh nghiêm khắc về sự suy vi của xã hội và sự tha hoá của con người Việt Nam ngày nay.

Khi những thần tượng bị hạ bệ thì lý tưởng mà các thần tượng ấy theo đuổi cũng trở nên lố bịch, vô nghĩa.

Lý tưởng tối hậu của chủ nghĩa cộng sản, là một "*thiên đường ngày mai ca hát*" ở giữa thế gian này, qua cách nhìn của Dương Thu Hương, đó chỉ là "*những thiên đường mù*" mà "*trí khôn ngắn ngủi*" của những tín đồ cộng sản không thể nào nắm bắt được. "Thiên đình thượng giới" trong vở kịch "*Hồn Trương Ba, Da hàng thịt*" của Lưu Quang Vũ cũng là một thiên đường khác mà các "thiên tiên" lại phàm tục, xấu xa, ti tiện không hơn gì những con người dưới thế.

Lý tưởng của một thiên đường ngày mai ca hát mà Marx đã hứa hẹn đã trở thành một ảo tưởng mỉa mai khi đối chiếu với những cảnh đời suy đồi, nhàu nát đớn đau, trầm luân khổ ải trong những truyện ngắn của Nguyễn Quang Lập, Xuân Đài, Trần Thùy Mai, Nguyễn Đức Thọ...

Phủ nhận lý tưởng, hạ bệ thần tượng, đối với bản thân của giới cầm bút là kết quả của những dày vò trong nội tâm. Đọc thật chậm rãi các truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp ta cảm nhận cái dư vị xót sa của tình huống *không có cha* (Tướng về hưu), *không có vua, không có thủy thần*. Trong "Thiên Sứ", khi **phủ nhận mọi khuôn mẫu tiền chế của một xã hội vong thân**, Phạm Thị Hoài đã trở về với nỗi **cô đơn cùng cực** trong thân phận cô bé Hoài từ chối thành người lớn để khỏi hội nhập với đời sống giả dối.

Tâm trạng này cũng dễ hiểu, những nhà văn chủ lực của cao trào văn nghệ phản kháng vốn là những người đã sinh ra, lớn lên và được nuôi dưỡng trong chế độ cộng sản, "quán tính tư duy" của họ không thể tránh vướng mắc khi phải đoạn tuyệt với quá khứ, "*khai chiến với những gì tốt đẹp của mình*", nói như Nguyễn Minh Châu, nhưng đó là niềm đau cần thiết để hóa thân và hoà nhập vào dòng vận động của đại khối dân tộc trong những đổi đời sắp đến.



Cao trào văn nghệ phản kháng của giới văn nghệ sĩ trong nước qua những bước dọ dẫm từ đầu thập niên 80, đã bộc phát mạnh mẽ trong hai năm 1988 - 1989 và trở lại thời kỳ lắng đọng sau đại hội nhà văn lần IV vào tháng 9 năm 1989. Có hai lý do giải thích tình trạng lắng đọng này, thứ nhất đảng đã ra tay "uốn nắn những lệch lạc", kiểm soát chặt chẽ báo chí, bóp nghẹt các

diễn đàn từng là đất dụng võ của các nhà văn tiến bộ, và thứ hai, tự thân các văn nghệ sĩ cũng đang thao thức, tìm tòi những suy nghĩ, những phương pháp sáng tác mới để đáp ứng với tình hình đất nước, như Dương Thu Hương đã trả lời báo Tuổi trẻ số 26/90, giải thích về quyết định tạm ngưng viết của chị: *"tôi thấy cần dừng lại một quãng để dưỡng sức và cũng để tìm tòi những phong cách, những thể nghiệm mới"* hoặc như lời thú nhận của Nguyên Ngọc: *"Những năm gần đây, tôi thấy viết càng khó hơn... tôi thấy cần tìm cho mình một tiếng nói khác, một ngôn ngữ nghệ thuật khác. Quanh tôi, và trong tôi đã có biết bao thay đổi không nhỏ, không giản đơn.*

*Phải viết khác... đó là "thay máu" như anh Nguyễn Minh Châu từng nói* (Văn Nghệ số xuân canh ngọ 1990)

Những thể nghiệm mới, phải viết khác... đó là những ưu tư của các văn nghệ sĩ khi đi tìm một ngôn ngữ thể hiện được những khát vọng càng ngày càng sâu sắc của quảng đại quần chúng đã tin yêu và hưởng ứng những sáng tác đã nở rộ trong thời điểm 1986-1989.

Càng được quần chúng tin yêu, trách nhiệm của văn nghệ sĩ càng khó khăn bức bách, nói như Nguyễn Tuân, đối diện trước trang giấy, họ cảm thấy mình đang ở trên đoạn đường đến một PHÁP TRƯỜNG TRẮNG (lời Nguyễn Tuân, thuật lại theo Nguyên Ngọc, Tác phẩm văn học số 4/89)

Một cách cụ thể và trực tiếp, pháp trường trắng là mối đe dọa của chế độ công an văn hoá, sẵn sàng đưa người cầm bút vào nhà tù hay trại cải tạo.

Một cách gián tiếp và sâu xa, pháp trường trắng thể hiện thái độ và trách nhiệm của văn nghệ sĩ trong cuộc đấu tranh vì tự do dân chủ của dân tộc Việt, là sự chọn lựa của người cầm bút đứng về phía nào trong mỗi mâu thuẫn không thể hoà giải giữa nhà cầm quyền hiện tại và đại khối nhân dân.

Do đó, sự lắng đọng của tình hình văn học nghệ thuật trong nước kể từ đầu năm 1990 là một sự im lặng bất thường trong khi chờ đợi bảo nổi, và đây cũng là lúc "lửa thử vàng gian nan thử sức". Bằng những tiếng nói dõng dạc đã cất lên trong thời điểm 1986-1989, chúng ta tin chắc tiếng nói đó sẽ càng lan rộng và vút cao trong những ngày sắp tới.

Còn chúng ta, những người tự nghĩ rằng mình đang quan tâm đến tình hình đất nước, chẳng lẽ chúng ta khoanh tay trông đợi và ngóng chờ, để một lúc nào đó, nghe tin từ quê nhà một vụ Nhân Văn Giai Phẩm thứ hai đã xảy ra, chúng ta sẽ cùng tự tập nhau để *"đọc lời hoan điếu cho một thời văn học phản kháng trên quê hương"!*

Reseda, 30/4/1990.

# phong trào đổi mới văn học tại việt nam: từ phản tỉnh đến phản kháng



*Nguyễn Hưng Quốc*

Có thể tóm tắt toàn bộ đặc điểm của nền văn học cộng sản vào một chữ: chữ MỘT. Đó là nền văn học mà tất cả những người cầm bút đều chịu MỘT sự lãnh đạo: sự lãnh đạo của đảng; đều đứng trong MỘT tổ chức: hội nhà văn Việt nam; đều có MỘT thế giới quan: chủ nghĩa Mác – Lênin; đều sử dụng MỘT phương pháp: chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa; đều có chung MỘT phong cách: dễ hiểu, giản dị, thậm chí, đơn giản; đều nhắm tới MỘT mục đích: khẳng định vai trò lãnh đạo độc tôn, tuyệt đối của đảng, ca ngợi lãnh tụ, ca ngợi chủ nghĩa xã hội; đều có MỘT tính chất: tính chất chính trị.

Đó cũng là một nền văn học nghèo nàn và đơn điệu, chỉ quanh quẩn trong một số những giáo điều và công thức cứng nhắc, cũ kỹ, hoàn toàn giả tạo.

Ngay thời kháng chiến chống Pháp, vào khoảng những năm 50, 51 tại Thanh hóa, luật sư Nguyễn Mạnh Tường đã lên tiếng phê phán gay gắt, cho đó chỉ là một cái chuồng chật chội mà người ta mưu toan đặt ra để giam nhốt giới văn nghệ sĩ (1).

Sau Nguyễn Mạnh Tường, đã nhiều lần, những người cầm bút chân chính dưới chế độ cộng sản vùng dậy đấu tranh đòi hỏi tự do. Cuộc đấu tranh được nhiều người biết nhất là cuộc đấu tranh của nhóm Nhân văn – Giai phẩm vào những năm 56, 57 ở miền Bắc. Cuộc đấu tranh, cuối cùng, đã bị đàn áp khốc liệt: Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo và Thụy An bị kết án mười

lăm năm tù giam (2); tất cả những người còn lại đều bị trục xuất ra khỏi hội nghề nghiệp của mình và bị tước đoạt quyền sáng tác suốt mấy chục năm liền.

Những biện pháp trấn áp độc đoán và thô bạo của cộng sản khiến cho giới cầm bút kinh hãi. Nhiều người lại ngoan ngoãn cúi đầu phục tùng đảng và cam phận quanh quẩn trong cái chuồng tù túng, thiếu dưỡng khí của cái gọi là văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa. Lâu lâu lại có người giãy giụa phản kháng. Lâu lâu lại nổ ra một vụ án văn học. Theo Từ Sơn, trên tạp chí Cộng Sản số tháng Năm 1988, từ 1960 đến năm 1988, tại Việt nam, dưới chế độ cộng sản, đã có tới bảy mươi ba vụ án như vậy, ở đó, hầu hết nạn nhân đều là những kẻ thành thật, muốn nói lên tiếng nói tâm huyết của mình thay vì chỉ làm một cái ống loa rè khuếch âm sự dối trá của đảng. Có điều, những nỗ lực vùng vẫy tháo cũi sổ lồng ấy đều có tính chất cá nhân, lẻ tẻ, rời rạc và rất dễ bị vùi dập.

Chỉ đến những năm gần đây, cụ thể là từ năm 1986, trước luồng gió dân chủ đang thổi rạt rào trên thế giới, những người cầm bút Việt nam mới thực sự đứng dậy, đồng loạt và dữ dội gào thét đòi hỏi dân chủ. Chưa bao giờ, tại Việt nam, dưới chế độ cộng sản, sinh hoạt văn học lại xôn xao, sôi nổi đến như vậy. Ngỡ như các nhà văn, các nhà thơ đang xuống đường, bằng giấy, bằng bút, sôi sục lên án cái chế độ suốt bao nhiêu năm đã vùi dập mình. Họ cũng đòi đọc cả lời ai điếu cho nền văn học mà chính họ đã ra sức xây dựng trong quá khứ, cái nền văn học "minh họa" đường lối và chính sách của đảng.

Bắt đầu là một nỗ lực "đổi mới" văn học, giới cầm bút đã nhanh chóng trở thành những kẻ phản kháng. Có thấy sự chuyển biến này, người ta mới hiểu được tại sao, cuối năm 1988, nhà cầm quyền Hà nội đột ngột thay đổi thái độ, đóng sầm cánh cửa đổi mới lại, quay qua kết tội và đàn áp những người thực hiện đến cùng quan điểm đổi mới.



Ở trong nước cũng như ở ngoài nước, người ta thường lầm lẫn khi nhận định chính đảng cộng sản là kẻ khai sinh ra phong trào đổi mới trong văn học. Đó chỉ là một sự ngộ nhận, một ngộ nhận do vô tình và một phần nào, do cố ý nữa. Vô tình mà ngộ nhận là giới cầm bút ở hải ngoại: thiếu tài liệu, thiếu thông tin, người ta chỉ thấy được những dấu mốc lớn là các chỉ thị, các nghị quyết của trung ương đảng cộng sản mà không thấy được những nỗ lực tranh đấu âm thầm nhưng vô cùng gay gắt và dũng cảm của một số văn nghệ sĩ dù sống dưới chế độ cộng sản và dù, có khi là đảng viên đảng cộng sản, vẫn giữ được chút "thiên lương", nói theo chữ của Tản Đà, để biết đau đớn, tủi nhục về cái thân phận cá chậu chim lồng của mình, để biết hướng tới cái khát vọng dùng ngòi bút gửi gấm cho đời không phải những bọt bong bóng xà phòng hư ảo mà là những điều tâm huyết nhất trước những sự thật tối tăm,

cùng quẫn và nhức nhối nhất... Cố ý mà ngộ nhận là giới cầm bút trong nước: khôn ngoan, người ta lùi lại phía sau, nhường cho trung ương đảng cầm lá cờ đổi mới, nép đằng sau các bản nghị quyết của bộ chính trị để tránh né những đòn tấn công phũ và ác của bọn "*lính gác trên trận địa văn học*", nói như Mai Ngữ trong bài *Về một thời kỳ đã qua* (3), hay "*những tên lính đánh thuê*", "*những kẻ ngụy trá văn nghệ sĩ và trí thức, thực chất là lớp công chức thuộc địa*", nói như Dương Thu Hương trong bài *Đôi điều suy nghĩ về nhân cách của người trí thức* (4).

Khó nói được đâu là tác phẩm đầu tiên đánh dấu quá trình đổi mới trong nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa Việt nam. Dư luận thường ghi công cho hai tác phẩm: *Thời Xa Vắng* (1986) của Lê Lựu và *Bên Kia Bờ Ảo Vọng* (1987) của Dương Thu Hương. Thật ra, cùng chiều hướng sáng tác với *Thời Xa Vắng* và *Bên Kia Bờ Ảo Vọng*, đã có quyển tiểu thuyết *Mùa Lá Rụng Trong Vườn* của Ma văn Kháng xuất bản năm 1985 và được hội Nhà văn phát tặng thưởng loại A cùng năm. Trước *Mùa Lá Rụng Trong Vườn*, nhiều truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu, nhiều bài thơ của Nguyễn Duy, từ đầu thập niên 80, đã có đầy đủ những tính chất gọi là đổi mới sau này.

Đi xa hơn nữa, có thể coi bài báo *Viết Về Chiến Tranh* của Nguyễn Minh Châu đăng trên tạp chí Văn Nghệ Quân Đội số tháng Mười Một 1978 và đặc biệt, bài báo *Về Một Đặc Điểm Của Văn học Nghệ Thuật Ở Ta Trong Giai Đoạn Vừa Qua* của Hoàng Ngọc Hiến đăng trên tuần báo Văn Nghệ tại Hà nội số ra ngày 9 tháng Sáu 1979 là những mầm mống đầu tiên của quá trình đổi mới văn học ở Việt nam.

Qua hai bài viết trên, cả Nguyễn Minh Châu lẫn Hoàng Ngọc Hiến đều bày tỏ một thái độ: thái độ phản kháng trước những đường lối hẹp hòi, thô thiển và thô bạo của cộng sản đối với văn học; đều bày tỏ một quan niệm: quan niệm phủ nhận những giá trị hư huyễn mà cộng sản cố sức vẽ vời lên trên nền văn học "minh họa" và "phải đạo" của họ; đều bày tỏ một ước mơ: ước mơ được phản ánh chân thực cuộc đời, thể hiện chân thực những gì mình ấp ủ.

Thời ấy, tất cả những cán bộ lãnh đạo đảng và lãnh đạo văn hóa, văn nghệ của đảng đều lên tiếng phê phán gay gắt quan điểm của Nguyễn Minh Châu, của Hoàng Ngọc Hiến cũng như của những người đồng tình và ủng hộ họ (5).

Những tiếng nói chính trực có thể bị dập tắt, tuy nhiên, dư âm của nó thì cứ ngân vang mãi trong lòng giới cầm bút, trở thành những bất mãn, những suy tư, những trăn trở của cả một lớp người đông đảo, để rồi, gần mười năm sau, như Nguyễn văn Bổng nhận định trong bài *Nghĩ Về Cái Mới Trong Tiểu Thuyết Của Ta Hiện Nay* đăng trên báo Nhân Dân số ra ngày 22 tháng Năm 1987, chính những bất mãn, những suy tư, những trăn trở ấy đã "*thúc đẩy sự*

*ra đời của nghị quyết của bộ chính trị về văn nghệ, nay là chỗ dựa đáng yên tâm cho họ*".

Nghị quyết về văn nghệ mà Nguyễn văn Bổng vừa nhắc là nghị quyết số 05 được công bố vào đầu tháng Mười Hai 1987 mang tựa đề "*Đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật và văn hóa, phát huy khả năng sáng tạo, đưa văn học, nghệ thuật và văn hóa phát triển lên một bước mới*".

Nội dung chính của nghị quyết 05 tập trung chủ yếu vào đoạn dưới đây:

"*Tự do sáng tác là điều kiện sống còn để tạo nên giá trị đích thực trong văn hóa, văn nghệ để phát triển tài năng... Tác phẩm văn nghệ không vi phạm pháp luật, không phản động (chống lại dân tộc, chống lại chủ nghĩa xã hội, phá hoại hòa bình) và không đồi trụy (truyền bá tội ác, sự sa đọa, phá hoại nhân phẩm) đều có quyền được lưu hành và đặt dưới sự đánh giá, phán xét của công luận và sự phê bình. Đảng và Nhà nước khuyến khích thảo luận, tranh luận công khai để tìm chân lý. Cần tạo một không khí hồ hởi trong sáng tác, khêu gợi nhiều cảm hứng sáng tạo nghệ thuật, trong việc phát triển các loại hình và thể loại nghệ thuật, các hình thức biểu hiện*"(6).

Trước khi bản nghị quyết trên ra đời, trong cuộc gặp gỡ hơn một trăm văn nghệ sĩ tại Hà nội vào hai ngày 6 và 7 tháng Mười 1987, Nguyễn văn Linh, Tổng bí thư đảng cộng sản Việt nam, đã tuyên bố chính sách đổi mới của đảng trong lãnh vực văn học nghệ thuật, bằng cách, một mặt, thừa nhận trong mấy chục năm qua, đảng đã vấp phải nhiều sai lầm nghiêm trọng, chủ yếu là "*đánh giá thấp vai trò, vị trí của văn học nghệ thuật*", sự lãnh đạo "*thiếu dân chủ, trói buộc văn nghệ sĩ, nhiều khi độc đoán, sát phạt*", đảng đã có một "*cơ chế quản lý không đúng, nhiều chính sách bất công*"; mặt khác, tuyên bố "cởi trói" giới văn nghệ sĩ, kêu gọi văn nghệ sĩ "*phải nói lên sự thật, dù là sự thật phũ phàng*", "*dù thế nào, các đồng chí cũng không nên uốn cong ngòi bút của mình*" (7).

So sánh thời điểm xuất hiện của những tác phẩm có nội dung đổi mới và các văn kiện nói về sự đổi mới như trên, chúng ta thấy ngay, giữ vai trò tiên phong trong việc đổi mới văn học nghệ thuật tại Việt nam trong mấy năm vừa qua là các văn nghệ sĩ chứ không phải là đảng cộng sản.

Vai trò của đảng cộng sản, ở đây, chỉ dừng lại trong việc thừa nhận sự đổi mới rồi sau đó ít lâu, vào cuối năm 1988, nhất là vào đầu năm 1989, khai tử sự đổi mới, trù dập những người nói thẳng, nói thật.



Cuộc vận động đổi mới diễn ra trên cả ba lãnh vực: sáng tác, phê bình và lý luận.

Cuộc vận động đổi mới trong lãnh vực sáng tác khởi sự khá sớm và kéo

dài khá lâu. Tuy nhiên, số cây bút tham gia và thực sự thành công tương đối ít. Cũng dễ hiểu. Đổi mới trong sáng tác có nghĩa là đổi mới cả một nếp cảm xúc trong con người. Nhiều nhà văn, nhà thơ ở Việt nam tự ví mình như những con gà công nghiệp, sau một thời gian dài bị nhốt trong chuồng, nay được thả ra giữa sân, mắt lóa nắng, đi đứng lạng quạng, gặp cái gì cũng ngỡ ngàng, không biết bới rác và không biết về đâu đến đâu.

Với những mức độ khác nhau, có thể coi những tên tuổi sau đây ít nhiều đổi mới sáng tác của mình. Về văn xuôi, có Nguyễn Minh Châu, Dương Thu Hương, Lê Lựu, Xuân Cang, Phạm thị Hoài, Nguyễn Huy Thiệp, Phùng Gia Lộc... Về thơ, có Nguyễn Duy, Ý Nhi, Xuân Quỳnh, Trần Vàng Sao, Trần Mạnh Hảo...

Có thể tóm gọn sự đổi mới của họ vào bốn điểm:

Thứ nhất, họ chấp nhận có mâu thuẫn trong nội bộ giai cấp vô sản và trong bản thân xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, vì chấp nhận có mâu thuẫn nên họ cũng chấp nhận có bi kịch.

Thứ ba, họ chấp nhận, trong văn học, có một khu vực khá rộng rãi dành cho cái "tôi", cái riêng của con người, những con người bình thường, tầm thường.

Và thứ tư, họ chấp nhận sự hiện diện của những yếu tố "vô hại" trong nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa.

Bốn điểm gọi là mới trên, so với lịch sử văn học dân tộc nói chung, là những cái cũ mèm, tuy nhiên, so với lịch sử văn học cộng sản, từ năm 1945 đến nay, là những canh tân độc đáo và cực kỳ quan trọng.

Suốt mấy chục năm, nghiệt ngã vô cùng, cộng sản chỉ cho phép ấn hành những tác phẩm trực tiếp có ích cho cuộc chiến đấu. Văn học là vũ khí. Cái câu thơ "*Nay ở trong thơ nên có thép. Nhà thơ cũng phải biết xung phong*" của Hồ Chí Minh được coi là cương lĩnh sáng tác của mọi người. Tất cả những gì không phải là vũ khí đều bị vất bỏ. Thơ Tố Hữu: "*Dẫu một cây chông trừ giặc Mỹ. Hơn nghìn trang giấy luận văn chương*". Cái có ích được đề cao, đè bẹp cái đẹp, vốn là bản chất của văn học. Xuân Quỳnh: "*Em đang tập làm thơ có ích*". Chính cái quan điểm này làm cho cộng sản cấm đoán và mạt sát thơ tiền chiến không tiếc lời. Hoài Thanh, người có công nhất trong việc giới thiệu thơ Mới trước đây quay lại chửi bới thơ Mới thậm tệ. Chế Lan Viên thì coi thời mình sáng tác tập *Điêu Tàn* là một điều đáng ân hận: *Thơ xuôi tay như nước chảy xuôi dòng*. Vô số những tác phẩm văn học cổ điển không được in lại chỉ vì quan điểm này. Vô số những tác phẩm văn học hiện tại bị kết án cũng chỉ vì quan điểm này.

Từ năm 1986, người ta bắt đầu rón rén phục hồi giá trị cho nhiều cây bút

tài hoa và nhân bản, trong đó có cả những người trong nhóm Tự lực Văn đoàn và thơ Mới. Điều này có nghĩa là biên giới của cái lãnh thổ văn học mà cộng sản quản lý được nới rộng hơn: bên cạnh những yếu tố có ích, đã có sự hiện diện của những yếu tố vô hại đối với cộng sản.

Ba sự thay đổi đầu có ý nghĩa quan trọng hơn. Trước, có một luận điệu được coi là nguyên tắc: chế độ xã hội chủ nghĩa là chế độ của dân, vì dân, do nhân dân làm chủ. Trong chế độ ấy không có mâu thuẫn đối kháng. Mọi người cùng chung một lý tưởng, một tư tưởng, một quyền lợi. Tất cả những gì xấu xa đều bị lùa hết sang phía... địch. Chỉ có địch mới biết tham ô, mới biết ngoại tình, mới biết ức hiếp nhân dân. Chỉ có địch mới bán nước, mới giết người, mới làm những chuyện bỉ ổi, nhố nhăng.

Thế giới bị cắt làm đôi: một bên là cách mạng và một bên là phản cách mạng.

Nhân vật trong thơ, trong truyện, theo đó, cũng bị chia thành hai tuyến: tuyến nhân vật tiến bộ và tuyến nhân vật phản động. Kết cấu của mọi truyện ngắn, truyện dài, mọi vở kịch, mọi bài thơ tự sự dưới chế độ cộng sản trước đây được xây dựng trên căn bản sự đối nghịch giữa hai tuyến nhân vật này.

Những sáng tác thuộc xu hướng đổi mới đã cố gắng phá vỡ cái nhìn đơn giản, chật chội cũ để tập trung khai thác những mâu thuẫn trong nội bộ giai cấp vô sản và chủ nghĩa xã hội. Giang Minh Sài, trong quyển tiểu thuyết *Thời Xa Vắng* của Lê Lựu, chẳng hạn, không phải chỉ đối đầu với "địch" trên chiến trường mà còn phải thường xuyên đối đầu với đồng bào, đồng chí của anh ta. Giữa những người được coi là cùng chung một lý tưởng xã hội chủ nghĩa, có biết bao là khoảng cách dẫn đến những xung khắc trầm trọng. Ngay trong cuộc sống gia đình, Giang Minh Sài cũng gặp cơ man những mâu thuẫn: anh ta có hai đời vợ; người vợ đầu do bố mẹ ép lấy, anh ta không yêu nhưng cũng không dám bỏ; người vợ sau anh ta rất yêu nhưng tính tình lại đỏng đảnh, hư hỏng nên cuối cùng cũng không có hạnh phúc.

Những mâu thuẫn được khai thác triệt để trong *Mảnh Đất Tình Yêu*, tiểu thuyết của Nguyễn Minh Châu, xuất bản năm 1987, cũng là những mâu thuẫn trong lòng "cách mạng", những mâu thuẫn giữa "*cái bọn vừa dốt nát, tham lam, vừa lắm quỷ kế, lắm thủ đoạn có quyền nhân danh cách mạng*", "*vu khống, dọa dẫm khiến người ta sợ phải són đái ra, từ đó mà khuất phục, mua chuộc*" với những người dân hiền lành, chất phác, suốt đời chỉ biết lui cui lao động, giống như những con dã tràng "*lúc nào cũng mắt trước mắt sau, nhớn nhác, hốt hoảng chực chạy*".

Sự mâu thuẫn gắn liền với sự tồn tại của cái xấu. Trước đây, trong văn học cộng sản, không ai dám mô tả cái xấu của những "con người mới xã hội chủ nghĩa". Sự thoái hóa, sự lạc hậu, nếu có, chỉ tập trung vào thành phần

địa chủ, tư sản, tiểu tư sản chưa chịu học tập cải tạo. Đảng viên và cán bộ, càng cao cấp bao nhiêu, càng tốt lành và sáng suốt bấy nhiêu. Họ có khả năng hóa giải được mọi mâu thuẫn, mọi khó khăn. Trả lời cuộc phỏng vấn đăng trên báo Văn Nghệ số ra ngày 3 tháng Mười Hai 1988, Nguyễn Minh Châu thú nhận: "*Là những nhà văn hiền lành, vô sự, chỉ biết ca ngợi, cả đời chúng ta không làm hại ai, không làm điều ác với ai. Nhưng cái lỗi lầm lớn nhất của mỗi người chúng ta là đã khiếp hãi trước cái xấu và cái ác. Và lâu dần dường như không làm gì được thì chúng ta coi như không có nó – cuộc đời không có cái xấu và cái ác đang hoành hành, đang chi phối số phận con người, coi như cuộc đời không còn oan khiên, oan khuất*".

Hiện nay, ngược lại, một số cây bút đã thẳng thắn vạch trần những cái xấu xa dơ dáy và độc ác trong xã hội. Trong quyển tiểu thuyết *Ngày Thứ Bảy U Ám* của Trần văn Tuấn, người ta thấy cả những con người gọi là cách mạng nhưng bản chất rất đổi xấu xa và hung bạo, thế mà, cuối cùng, cũng ngoi lên tới chức... thứ trưởng. Những văn nhân tài tử trong quyển tiểu thuyết *Bên Kia Bờ Ảo Vọng* của Dương Thu Hương chỉ là những "*kẻ dối trá ti tiện*" (tr.6), những kẻ "*hèn mọn và thảm hại*" (tr.335). Không có ai là thần thánh. "*Thần thánh chỉ sống trong trí tưởng của loài người thuở sơ khai. Bây giờ, con người đã đủ khôn để hiểu rằng vĩ nhân nào cũng có ba mươi phần trăm sự siêu phàm còn bảy mươi phần trăm kia dành cho kiếp sống trần tục. Bởi lẽ đó, họ cũng giật mình khi gió dông sấm sét, sẽ đau đớn dày vò khi mất mát quyền lợi riêng, sẽ có những ngộ nhận và lầm lẫn*" (tr.8). Cùng chiều hướng này, Nguyễn Huy Thiệp còn đi xa hơn Dương Thu Hương nhiều. Phần lớn nhân vật trong các truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, nói như Mai Ngữ trong bài *Cái tâm và cái tài của người viết* đăng trên báo Quân Đội Nhân Dân số ra ngày 27 tháng Tám 1988, chỉ là "*những con người trần trụi, lõa thể trong tư duy cũng như trong hình hài*", những con người hiện hữu như những đống rác trôi lềnh bềnh trên mặt nước đục ngầu là cái xã hội xã hội chủ nghĩa khốn khó. Đặc biệt, gây ồn ào trong dư luận nhất là truyện ngắn *Vàng Lửa, Kiếm Sắc* và *Phẩm Tiết*. Ở cả ba truyện này, Nguyễn Huy Thiệp đụng đến ba nhân vật thuộc loại lớn nhất trong lịch sử Việt nam: Quang Trung, Nguyễn Du và Gia Long.

Quang Trung, trong truyện *Phẩm Tiết* chỉ là một kẻ yếu đuối về tình cảm, "*nhà vua thấy Vĩnh Hoa, thốt nhiên rùng mình, hoa mắt, đánh rơi cốc rượu quý cầm tay*", hơn nữa còn là một người cục cằn: "*Thằng Khải kia... Ta cho mày ăn cứt, xem mày có chê lợm không". Nói rồi nhà vua cầm phất trần quất ngang miệng Khải, quát tả hữu nọc ra đánh nhét cứt vào mồm, lột truồng đuổi Khải về nhà*".

Nguyễn Du, trong truyện *Vàng Lửa* chỉ là người "*mặt nhàu nát vì đau khổ... Ông hơn người khác ở nhân cách nhưng nhân cách ấy có giá trị gì khi cuộc*

*đời thực ông xấu xó, túng kiết?", "lòng tốt của ông là thứ lòng tốt nhỏ, không cứu được ai".*

Ngược hẳn với quan điểm chính thống của cộng sản, Nguyễn Huy Thiệp, trong truyện *Vàng Lửa*, qua lời nhân vật Phăng, khen ngợi vua Gia Long là một *"khối nguyên liệu vô giá"*, *"ông làm cho lịch sử sinh động hẳn lên. Đấy là lòng tốt lớn của nhà chính trị. Lòng tốt lớn của nhà chính trị không chỉ làm việc thiện với một bộ phận đơn lẻ mà còn là sức đẩy của ông ta đối với cộng đồng... Không có một sức đẩy mạnh, cả cộng đồng sẽ mọc rêu, mủn nát"*.

Dĩ nhiên, chủ tâm của Nguyễn Huy Thiệp không cốt hạ bệ Nguyễn Du và Quang Trung để thần thánh hóa Gia Long. Chủ tâm của ông có lẽ nhắm tới hai điều: thứ nhất là phá đổ mọi thần tượng. Quang Trung là một thần tượng. Nguyễn Du là một thần tượng. Mọi thần tượng đều giả dối. Lời của Gia Long: *"Vinh quang nào chẳng xây trên điếm nhục"* (Vàng Lửa). Thứ hai là cổ xúy cho một quan điểm đạo đức mới: đề cao những hành động chính trị có hiệu quả lớn đối với dân tộc. Trong *Vàng Lửa*, nhân vật Phăng phát biểu: *"Những hoạt động kinh tế cù lần chỉ đủ sức cho một dân tộc sống khắc khoải. Vấn đề ở chỗ phải đứng lên vươn mình thành một cường quốc. Làm điều đó, phải có gan chịu đựng sự va xiết trong quan hệ với cộng đồng nhân loại. Thói hủ nho và thủ dâm chính trị sẽ không bao giờ tạo được những quan hệ trong sáng, lành mạnh. Sẽ đến lúc nền chính trị thế giới giống như món nộm suồng sã, khái niệm thanh khiết ở đây vô nghĩa"*.

Những người công kích Nguyễn Huy Thiệp tại Việt nam chỉ tập trung vào luận điểm cho là Nguyễn Huy Thiệp xúc phạm đến những bậc anh hùng dân tộc. Những người bênh vực Nguyễn Huy Thiệp vin cớ là văn khác với sử: viết sử thì phải trung thực, phải chính xác; viết văn thì có thể bịa đặt, có thể hư cấu.

Cả những người chê lẫn những người khen đều né tránh một điều: khi chủ trương phá đổ mọi thần tượng, dĩ nhiên Nguyễn Huy Thiệp không hề có ý chừa lại Hồ Chí Minh, nếu không muốn nói, vì muốn phá vỡ thần tượng Hồ Chí Minh nên ông mới viết *Vàng Lửa, Kiếm Sắc* và *Phẩm Tiết*.

So với quan niệm về một nền "đạo đức lớn" của Nguyễn Huy Thiệp thì những mớ son phấn người ta trét lên hình ảnh Hồ Chí Minh như cần, kiệm, liêm, chính, như giữa khuya thức dậy đi dém chăn cho từng người du kích, như mỗi bữa ăn dành lại nửa lon gạo cho... đồng bào, chỉ là những sự lố bịch. Đó chỉ là biểu hiện của "thói hủ nho và thủ dâm chính trị".

Hồ Chí Minh đã không đáp ứng được hai yêu cầu tiên quyết của một nhà chính trị lớn, theo ý của Nguyễn Huy Thiệp: một là trở thành một "sức đẩy" đối với cộng đồng; hai là biến đất nước "thành một cường quốc".

Cho dù Nguyễn Huy Thiệp không hề có ý định nhắm vào Hồ Chí Minh

thì nỗ lực phá đổ thần tượng nói chung của ông cũng là một cú đấm khủng khiếp giáng vào những nguyên tắc căn bản trong việc xây dựng chế độ cộng sản, một chế độ có tham vọng trở thành một tôn giáo mà thần thánh là những lãnh tụ, những Lênin, những Mao Trạch Đông, những Hồ Chí Minh...

Một Nguyễn Huy Thiệp trong lãnh vực thơ ca: Nguyễn Duy.

Nguyễn Duy làm thơ khá sớm, từ đầu thập niên 70, đã có thơ đăng trên báo chí miền Bắc, từng đoạt giải nhất trong cuộc thi thơ của báo Văn Nghệ tại Hà nội năm 1972 – 1973, nhưng chỉ từ đầu thập niên 80 trở đi mới định hình thành một phong cách độc đáo, hừng hực, dữ dội. Nhiều bài thơ của ông đã bị cấm phổ biến (8). Bài *Nhìn Từ Xa... Tổ Quốc* đăng trên tạp chí Sông Hương số 37 ra tháng Tư và Năm 1989 là tột đỉnh của sự bất mãn và phản kháng của Nguyễn Duy. Mai Quốc Liên, trên báo Nhân Dân số ra ngày 11 tháng Chín 1989, kết tội Nguyễn Duy, qua bài thơ này, "*thóa mạ Tổ quốc không tiếc lời, chửi bới hung hãn đến nỗi nói về chiến đấu chống Mỹ bằng những lời mỉa mai cay độc*".

Thật ra, Nguyễn Duy không hề "thóa mạ Tổ quốc". Nguyễn Duy chỉ thóa mạ những anh hùng, những lãnh tụ được đảng đánh bóng, đặt lên bàn thờ:

*Thần tượng giả xèo xèo phi hành mỡ*
*Ợ lên thum thủm cả tim gan*

Nguyễn Duy chỉ thóa mạ những lời lẽ tự hào huênh hoang về tính chất ưu việt không có thật của chủ nghĩa xã hội:

*Thời hậu chiến ta vẫn người trong cuộc*
*xứ sở phì nhiêu sao thật lắm ăn mày?*

Nguyễn Duy chỉ thóa mạ những mưu toan ngụy biện đòi hỏi đổi mới cơ chế, đòi hỏi đổi mới tư duy để né tránh một sự đổi mới cần thiết và bức bách nhất: đổi mới chế độ:

*Chả lẽ bốc thang cỏ khô nhai lại*
*lạy ông – cơ – chế, lạy bà – tư – duy*
*xin đừng hót những lời chim chóc mãi*

Nguyễn Duy chỉ thóa mạ cái nền văn học minh họa của bọn "công chức thuộc địa", nói theo chữ của Dương Thu Hương, đầy dẫy ở Việt nam, dưới chế độ cộng sản:

*Ngày càng hiếm câu thơ tuẫn tiết*
*ta là gì?*
*ta cần thiết cho ai?*

Thóa mạ. Rồi hoài nghi. Hai câu thơ này của Nguyễn Duy như hai lời tiên tri:

*Đổi mới thật chăng hay giả vờ đổi mới?*
*máu nhiễm trùng ta có thể thay chăng?*

Thóa mạ. Hoài nghi. Và nghẹn ngào. Hình ảnh Tổ quốc thông qua hình ảnh lương tâm của nhà thơ chập chờn trong suốt bài thơ, não nề biết mấy, lúc thì như cái "*bóng máu bầm đen sóng soài nền nhà*", lúc thì như "*vết bầm đen đấm ngực*", lúc thì như "*vết bầm đen quều quào giơ tay*", lúc thì như "*vết bầm đen còng còng dấu hỏi*". Động tác thay đổi, nhưng bản chất là một: một vết máu bầm đen.

Thử so sánh với hình ảnh Hà nội trong bài thơ *Nhất Định Thắng* của Trần Dần thời Nhân văn – Giai phẩm "*không thấy phố, không thấy nhà; chỉ thấy mưa sa trên mầu cờ đỏ*" người ta càng thấy tính chất phản kháng dữ dội toát lên từ bài thơ trên của Nguyễn Duy.

Sự tồn tại của những cái xấu, cái ác tất yếu dẫn đến sự tồn tại của những bi kịch. Văn học cộng sản trước đây hoàn toàn loại trừ tiếng khóc. Ngay trong chiến tranh khốc liệt, nước mắt cũng không thấm được vào trang sách. "*Xa nhau không hề rơi nước mắt. Nước mắt để dành cho ngày gặp mặt*" (Nam Hà). Trong bài *Tạ Lỗi Cánh Đồng*, Trần Nam Hương, một nhà thơ trẻ, nhìn lại:

*Đã có một thời nỗi đau ta phải dấu*
*Ta đánh mất ta trong nửa con người*
*Bài thơ phải cắt đi phần thật nhất*
*Trang báo ta cầm chỉ đọc những niềm vui*

Thơ văn chỉ viết về chiến thắng, chỉ nhằm ca ngợi chiến thắng. Huy Cận: "*Vai mang súng lòng mang tiếng hát*". Chế Lan Viên: "*Mỗi câu thơ đều dội tiếng ta cười*". Xuân Diệu: "*Chặt cái bùi ngùi, dẫm nó dưới chân*". Cứ thế, cứ thế. Văn thơ cộng sản hoàn toàn hờ hững quay lưng lại với những đau thương chất ngất của con người.

Chỉ với phong trào đổi mới văn học bộc phát mạnh mẽ từ năm 1986, đặc biệt từ năm 1987 trở đi, các nhà văn, các nhà thơ cộng sản mới bắt đầu thảng thốt nhận ra, ngay bên cạnh mình, hình ảnh của một nàng Kiều, một mẹ Lê, một anh Pha, một thằng Chí Phèo đau khổ, đầm đìa nước mắt.

Ngoài những bi kịch có tính chất nhân loại như những bi kịch trong tình yêu, trong chiến tranh, trong những biến động dữ dằn của thiên nhiên, giới cầm bút tại Việt nam thời gian gần đây còn chú ý đến hai loại bi kịch đầy tính chất thời sự: bi kịch trước sự nghèo đói và bi kịch trước những bất công của xã hội.

Bao nhiêu hình ảnh người nghèo, người đói đột nhiên xuất hiện nhan nhản trong thơ, trong truyện Việt nam, đặc biệt trong năm 1988. Lê Đình Cảnh viết về người "*cất lời nước mắt lần đầu ăn xin*". Đỗ Trung Quân viết về

người thầy giáo ngồi bán thuốc lá lẻ dọc đường, "*vành nón sụp che mắt nhìn mỏi mệt*", chối từ tất cả, chối từ những lời chào hỏi của học trò, "*chối từ những bài giảng dạy con người đứng thẳng*". Trần Vàng Sao viết về đứa bé đói quá phải lén ra nghĩa trang ăn trộm cơm cúng, "*ăn cả tàn hương vào bụng*", viết về người đàn ông bốn mươi ba tuổi "*thường không có một đồng trong túi*", "*chân tay rã rời / đầu óc đau nhức / không muốn làm gì hết*", và những bạn bè của anh, những con người cùng cảnh ngộ như anh:

*...đứa không có được một cái áo lành*
*đứa đi kinh tế mới ba bảy tám năm trở về xách một cái bị lát*
*mặt cắt không có một hột máu*
*đứa đạp xe thồ ngồi vắt chân ăn củ sắn chờ khách ở bến xe*
*đứa vô tích sự ở nhà không có việc chi làm*
*đứa có râu tóc dài che kín mặt*
*có đứa tàng không nhớ mình tên chi*
*có đứa chịu không nổi dắt vợ con vào Nam ăn đường ngủ chợ*
*mỗi lần gặp nhau mở to mắt cười*
*hút một điếu thuốc lá lắc đầu*
*hết chuyện nói...*

Sự xuất hiện của những cái xấu, cái ác và của những nỗi đau trong văn học Việt nam gần đây gắn liền với sự xuất hiện của một thể loại văn học từ lâu bị khai tử dưới chế độ cộng sản: thể phóng sự.

Những bài viết mạnh mẽ nhất, gây nhiều xôn xao nhất có lẽ là những bài phóng sự. Chính qua những bài phóng sự, các nhà văn đã vạch trần những tội ác man rợ của cộng sản đối với dân chúng, bất kể từ ai, từ nông dân đến công nhân, đến giới trí thức và văn nghệ sĩ. Mỗi bài phóng sự như một bản cáo trạng: *Lời Khai Của Bị Can* của Trần Huy Quang (Văn Nghệ số 37 ngày 12 tháng Chín 1987), *Cái Đêm hôm Ấy... Đêm Gì?* của Phùng Gia Lộc (Văn Nghệ số 4 - 5 - 6 tháng Tám 1988), *Tiếng Đất* của Hoàng Hữu Các (Văn Nghệ ngày 11 tháng Sáu 1988), *Sự Nghiệt Ngã Của Nghề Nghiệp* của Hà văn Thùy (Văn Nghệ ngày 2 tháng Tám 1988), *Chuyện Như Đùa* của Mai Ngữ (Văn Nghệ ngày 21 tháng Mười Một 1987)...

Cuộc sống của người dân dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, trong những bài phóng sự này, như một địa ngục, chỉ biết đói, khổ, bị hành hạ, bị dập vùi.

Một số người, như Dương Thu Hương trong quyển truyện vừa *Những Thiên Đường Mù* (1989) và Ninh Đức Định trong bút ký *Ôi, Cam Mà Sao Đắng* (Văn Nghệ 18 tháng Hai 1989) quay trở lại quá khứ với những cuộc đấu tố, giết người một cách man rợ trong phong trào cải cách ruộng đất vào những năm giữa thập niên 50 ở miền Bắc.

Lịch sử đảng cộng sản Việt nam, dưới ngòi bút họ, trở thành lịch sử của một tội ác.

Từ việc tố cáo tội ác đến việc thể hiện những bi kịch trong cuộc sống, giới cầm bút Việt nam dần dần tiếp cận một lãnh vực từ lâu họ bị cắt lìa: lãnh vực của cái "tôi", cái riêng tư và bình thường của mọi người. Đối tượng của văn học không phải là những anh hùng hay những thần thánh nữa, mà là những con người với những niềm vui và những nỗi buồn rất người.

Trước đây, trong quan niệm chính thống của cộng sản, văn học là để phản ánh cái chung. Cái "tôi", cái riêng tư bị coi như một cái gì bất hợp pháp. Chế Lan Viên: "*Khi đứng riêng tây ta thấy mình xấu hổ*". Nguyễn Đăng Mạnh: "*Ở ta, phong kiến kéo dài rất ghét cái tôi*" (9). Hà Minh Đức: "*Thơ không nhằm mục đích tự biểu hiện thế giới riêng tư của các nhà thơ vốn được xem như nội dung chủ yếu của sáng tác thơ ca thời trước cách mạng*" (10). Thơ văn chỉ lổn nhổn các sự kiện, các tên người, tên đất, tên chiến công mà hoàn toàn vắng bặt những nỗi niềm xao động của con người. Những người cầm bút rán sức giấu nhẹm cái "tôi" của mình vì "*thành thật tin một cách ngây thơ là nó nhỏ bé, vô nghĩa, không đáng thể hiện*" (11).

Từ năm 1986, tình hình đổi khác. Vẫn có nhiều người tiếp tục đi theo con đường cũ, con đường cụt, tuy nhiên, bên cạnh đó, ở những người cầm bút nhiều nhiệt tâm, khao khát sáng tạo, tính chất chung chung, công thức ồn ào và khoa trương đã giảm đi nhiều. Từ giã những chiến trường, những nông trường, những công trường, người ta quay về cuộc đời thường nhật với những đề tài tình yêu đầy xôn xao, đầy hạnh phúc hoặc đầy thất vọng muôn thuở của con người. Nếu trước kia, Tố Hữu đã từng nghiêm khắc phê phán tình yêu mê muội của Mỵ Châu đối với Trọng Thủy:

*Anh kể em nghe chuyện Mỵ Châu*
*Trái tim lầm chỗ để trên đầu*

thì hiện nay, Vương Trọng lại "triết lý":

*Đã yêu thì yêu như Tiên Dung*
*Đẳng cấp sang hèn không tính đến*
*Đã yêu thì yêu như Mỵ Châu*
*Dù đâu rơi vẫn không sai hẹn*
*Đã yêu thì yêu như Trương Chi*
*Thân dù tan hồn lặn vào đáy chén*

(Triết Lý Khi Yêu)

Và tình yêu cũng không phải chỉ là chút hương thầm cứ bay dịu nhẹ như trong thơ Phan thị Thanh Nhàn ngày nào. Tình yêu bây giờ, dưới ngòi bút của những tác giả đổi mới là một cái gì thật cụ thể, đôi khi trần tục. Như

trong bài *Tan Vỡ* của Dư thị Hoài, một nhà thơ trẻ mới được chú ý từ một hai năm nay:

*Mở ngăn kéo rồi anh bỏ ngỏ*
*Bút viết xong không đậy nắp bao giờ*
*Ôi anh yêu lơ đễnh đến là*
*Con nai rừng của em*

*Tất cả rồi để qua đi qua đi*
*Chúng mình sẽ thành chồng thành vợ*
*Nếu không có một lần...*
*Một lần như đêm nay*
*Sau phút giây*
*Êm đềm trên ghế đá*
*Anh không cài lại khuy áo ngực cho em...*

(Văn Nghệ 7 tháng Năm 1988)

Theo Tô Hà, trên báo Văn Nghệ số 10 ra ngày 11 tháng Ba 1989, "*Tám mươi phần trăm số thơ gửi tòa soạn báo "Người Hà nội" gần đây mà tôi được đọc toàn là những bài anh anh em em*".

Ở phương diện này, phương diện khai thác tính chất trữ tình cá nhân, cho đến nay, ở Việt nam, chưa có ai đạt được thành công nào lớn lao. Có lẽ, nói như ai đó, quá quen hát hùng ca, người ta đâm ra bỡ ngỡ và vụng về khi trở lại những bản tình ca êm ái. Dù vậy, đây cũng là một xu hướng đúng: nó giúp người ta thoát ra khỏi những khuôn mẫu tiền chế cứng nhắc để càng lúc càng cận nhân tình hơn.



So với lãnh vực sáng tác, sự đổi mới trên lãnh vực phê bình và lý luận văn học sôi nổi hơn, gây nhiều sóng gió hơn, khiến cho giới lãnh đạo cũng như giới bảo thủ căm hận hơn và sau đó, phản công kịch liệt.

Bùng nổ, thực sự là một sự bùng nổ của những nỗi công phẫn từ lâu dồn nén trong lòng giới văn nghệ sĩ vào năm 1987 lúc Nguyễn văn Linh tuyên bố chính sách "cởi trói". Chưa bao giờ, trong nền văn học cộng sản, người ta viết phê bình và viết lý luận một cách hậm hực, cay đắng và dữ dội đến như vậy. Phê bình như một sự nổi giận. Phê bình trở thành phê phán.

Mất cả thói quen e dè thường lệ, lúc Nguyễn văn Linh hỏi có phải nền văn học cộng sản từ sau năm 1975 nghèo nàn đi không, phần lớn những người cầm bút đều đáp: "*Vâng*". Vâng, văn học rất nghèo nàn. Vâng, văn học đã nghèo, càng lúc càng nghèo nàn hơn nữa (7). Không còn ai dám phồng mang trợn mắt huênh hoang là văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa là đỉnh cao của nền thi thư văn hiến Việt nam như trước. Mọi người đều đồng loạt

nhìn lại cái tài sản văn học ốm o mình gầy dựng dưới sự lãnh đạo của đảng suốt gần nửa thế kỷ.

Trên báo Văn Nghệ số ra ngày 16 tháng Bảy 1988, Lê Ngọc Trà "vui vẻ" ghi nhận:

"*Thế là rồi cuộc sau nhiều do dự, thì thầm, lần đầu tiên chúng ta đã có can đảm nói to lên, nói công khai một sự thật: văn học cách mạng của chúng ta còn nghèo nàn*".

Nghèo. Còn đỡ. Nó còn chẳng có chút gì gọi là văn học nữa. Theo Mai Quốc Liên, trong bài *Đôi Điều Bàn Lại* đăng trên báo Nhân Dân số ra ngày 9 và 11 tháng Chín 1989, nhiều người đã gọi nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa bằng nhiều tên khác nhau và tên nào cũng thể hiện một sự căm ghét, khinh bỉ sâu sắc: nào là "*văn học minh họa*", "*văn học thông tấn*", nào là "*văn học xưởng ca*", "*văn học tụng ca*", nào là "*văn học xi rô*", "*văn học cung đình*", thậm chí, gay gắt hơn, nhiều người còn gọi đó là nền "*văn học tiểu ngữ*", "*văn học xú ngữ*". Mai Quốc Liên không nêu tên những người phát biểu, tuy nhiên, nên nhớ: tất cả đều là những nhà văn, nhà thơ chính thống của cộng sản, những người suốt mấy chục năm qua đã trực tiếp góp phần gầy dựng nên nền văn học cộng sản.

Người ta đua nhau đọc lời ai điếu, đòi đào huyệt chôn lấp cho vĩnh viễn khuất mắt cái thời kỳ văn học điếm nhục ở đó họ chỉ là những con vẹt lải nhải lập lại những lời nói dối trá, ngu muội của đảng, của nhà nước.

Nguyên nhân làm cho nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa nghèo nàn, chỉ toàn "tiểu ngữ" và "xú ngữ" dĩ nhiên không phải do giới cầm bút. Dù đứng ở bất cứ quan điểm nào mà xét, không ai có thể chối cãi được những tên tuổi như Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng, Nguyễn Công Hoan... không phải là những tài năng lớn. Ngay từ trước năm 1945, lúc còn rất trẻ tuổi, họ đã khẳng định được tài năng một cách xuất sắc. Trong số những tên tuổi mới xuất hiện sau này, dưới chế độ cộng sản, cũng không phải chỉ là một đám cỏ lau hèn mọn. Thế mà, suốt mấy chục năm, không có ai làm được một cái gì thật đẹp, có giá trị thực sự và lâu dài. Tại sao?

Trả lời câu hỏi này, người ta đụng đến một vấn đề căn bản và cực kỳ gai góc: sự lãnh đạo của đảng.

Theo Nguyễn Khắc Viện, sự lãnh đạo của đảng đối với văn nghệ "*nhiều lúc còn thô sơ, tỉa cành bắt sâu trong một vườn hoa quý mà lại dùng dao búa làm rừng khai hoang*" Theo Lưu Quang Vũ, đó là một sự lãnh đạo độc tài: "*chỉ cần một người suy nghĩ cho mọi người, một cái đầu tối cao suy nghĩ cho mọi cái đầu*". Rồi ông nhấn mạnh: "*Một tình trạng độc đoán về tư tưởng như vậy tất yếu bóp chết mọi sáng tạo, làm khô kiệt văn học nghệ thuật*". Nhà biên

kịch Tất Đạt, nữ đạo diễn Phạm thị Thành, hai nghệ sĩ Ái Vân và Xuân Thanh đều cho là: "*Vấn đề tự do sáng tạo bị cản trở, thậm chí có khi bị chà đạp vì những quan niệm lãnh đạo ấu trĩ, thô bạo, sai trái*" (7).

Chua chát và đau xót nhất là lời phát biểu của nhà phê bình văn học Nguyễn Đăng Mạnh: "*Lãnh đạo khinh bỉ sâu sắc văn nghệ sĩ*" (7).

Ý kiến này, trước đó, Nguyễn Đăng Mạnh đã phát biểu hai lần. Một lần, trong bài viết *Phê bình văn học trong tình hình mới*: "*Người ta thích nói một cách chung chung, nền văn học của ta đã trưởng thành, văn nghệ sĩ của ta là những chiến sĩ, những anh hùng, nhưng đối với văn nghệ sĩ thì coi như con nít*". Lần khác, trong một cuộc hội thảo bàn tròn do báo Văn Nghệ tổ chức cũng được tường thuật trên số báo vừa dẫn: "*Nhà văn cũng bị coi là con nít: sợ họ hư nên người ta thích bật đèn đỏ, đèn vàng, chứ ít khi bật đèn xanh cho văn nghệ phát triển*".

Ý kiến của Nguyễn Đăng Mạnh được nhà văn Mai văn Tạo đồng tình: "*Chưa bao giờ văn nghệ sĩ bị rẻ rúng như bây giờ*" (12)

Nhà văn Nguyễn Minh Châu, trong bài *Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh họa* đăng trên báo Văn Nghệ số kép 49 – 50 ra ngày 5 tháng Mười Hai 1987 có lẽ cũng nghĩ tương tự, mặc dù ông không dùng chữ "*khinh bỉ*" hay "*rẻ rúng*", khi cho là, sự lãnh đạo hẹp hòi và thô bạo của đảng đã khiến cho người cầm bút phải chấp nhận một tình trạng "*rất thảm đối với nhân cách của một người văn nghệ sĩ*": "*hễ cầm bút là phải nghĩ đến né tránh, che chắn, rào đón, đối phó*". Nguyễn Minh Châu viết tiếp, uất hận và nghẹn ngào: "*Văn chương gì mà muốn viết một câu trung thì phải viết một câu nịnh? Hèn, hèn chứ? Nhà văn nước mình tận trong tâm can ai mà chẳng thấy mình hèn? Cái sợ nó làm mình hèn*".

Cảm giác đau nhục ấy khiến Nguyễn Minh Châu, một nhà văn mang quân hàm đại tá trong quân đội, đâm ra ghen tị với Nam Cao, một nhà văn bần cùng, nhếch nhác, lam lũ sống và viết chủ yếu trước năm 45, lúc Việt nam còn là một thuộc địa của Pháp:

"*Có lúc tôi lại đem công việc của chúng ta so sánh với công việc của các nhà văn tiền chiến cầm bút trước cách mạng, gọi là các nhà văn hiện thực phê phán, ví dụ như ông Nam Cao chẳng hạn, có lần ông ấy la lối, hô hoán ầm lên rằng thiên hạ vít hết lối của ngòi bút ông ấy, viết cây chuối hay con chó hoặc kẻ say rượu đều phạm húy, đều có kẻ de dánh, de dối nhà. Bị o ép đến vậy tưởng không viết được gì, thế mà cuối cùng, cả một đời cầm bút của Nam Cao trước cách mạng số năm có là bao nhiêu đâu, vậy mà dủ để lại khá nhiều, nhất là có thể có cái quyền viết rất thực, bao nhiêu lẽ đời, sự đời, bao nhiêu khuôn mặt người thực đến thế, Chí Phèo thực đến thế. Thật là vừa được viết vừa được nói*".

Chế độ thực dân luôn luôn bị lịch sử lên án là một tội ác. Thế nhưng, theo

ý Nguyễn Minh Châu, ít nhất trong lãnh vực văn học nghệ thuật, chế độ thực dân dù sao cũng dễ thở hơn chế độ cộng sản vì ở đó, người ta "*có thể có cái quyền viết rất thực*", "*vừa được viết vừa được nói*", còn chế độ cộng sản thì không. Nguyễn Minh Châu tiếp:

"*Mấy chục năm qua, tự do sáng tác chỉ có đối với lối viết minh họa, văn học minh họa, với những cây bút chỉ quen với công việc cài hoa kết lá, vờn mây cho những khuôn khổ có sẵn, cho chủ nghĩa những văn bản vốn đã có sẵn mà chúng ta quy cho đấy đã là tất cả hiện thực đời sống đa dạng và rộng lớn. Nhà văn chỉ được giao phó công việc như một cán bộ tuyên huấn truyền đạt đường lối, chính sách bằng hình tượng văn học sinh động*".

Hậu quả là gì? Một là biến nhà văn, nhà thơ thành những kẻ hèn nhát và hèn hạ như đã dẫn ở trên. Hai là biến nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa dưới chế độ cộng sản trở thành "công thức và sơ lược", "nó nhạt, và càng ngày người đọc càng thấy rõ ở những tác phẩm minh họa và ca ngợi một chiều một sự giả dối không thể nào bào chữa nổi, đắp đậy nổi, so với cuộc đời thực bên ngoài".

Những lời phê phán bốc lửa của các nhà văn, nhà phê bình ở trên gợi ra hai vấn đề thuộc phạm vi lý luận văn học: thứ nhất, chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa có phải là một phương pháp sáng tác có giá trị ưu việt như đảng đã nói? Thứ hai, thực chất mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị là gì?

Ngay từ năm 1943, trong bản *Đề cương văn hóa* và đặc biệt từ năm 1948, trong bản báo cáo *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt nam* do Trường Chinh soạn và đọc tại Đại hội văn hóa lần thứ hai, đảng cộng sản đã chủ trương đề cao phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa. Đến những năm cuối cùng của thập niên 50, ở miền Bắc, cộng sản đi xa hơn, coi phương pháp sáng tác này như một phương pháp sáng tác độc nhất được phép sử dụng.

Nội dung chủ yếu của phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa có thể tóm gọn vào hai điểm: một là, văn học phải "phản ánh hiện thực"; hai là, mục đích của việc phản ánh ấy không phải nhắm tới sự phê phán như là chủ nghĩa hiện thực (phê phán) trước đây, mà cốt để ca ngợi, để biểu dương, để khẳng định vai trò của đảng cộng sản, xu thế tất yếu của lịch sử dân tộc và lịch sử nhân loại là tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Theo Lê Ngọc Trà, trong bài *Về vấn đề văn học phản ánh hiện thực* đăng trên báo Văn Nghệ số ngày 16 tháng Bảy 1988, chính cái quan niệm nông cạn và sai lầm về chức năng của văn học được trình bày trong khái niệm hiện thực xã hội chủ nghĩa là một trong những nguyên nhân "*dẫn đến tình trạng suy tư tưởng của khá nhiều tác phẩm văn học trong mấy chục năm vừa qua*" Lê Ngọc Trà viết:

*trên quê hương*

*"Lâu nay nhiệm vụ đặt ra đối với người sáng tác chủ yếu là phản ánh đời sống cho chân thực và phù hợp với quan điểm của đảng. Về sau này đối với phần lớn nhà văn đã thành quen thuộc, nên cũng không khó lắm. Còn lại chỉ là làm sao tránh được ba điều: mô tả có tính chất "tô hồng", "bôi đen" hoặc "tự nhiên chủ nghĩa". Nhưng cái đó đối với người khôn ngoan sau đôi lần vấp ngã đã trở nên "có kinh nghiệm" thì cũng dễ tránh thôi. Rốt cuộc, người sáng tác – cố ý hoặc không cố ý – phần đông đều chọn cách viết an toàn nhất, mà lại "đúng" nữa, là tập trung ghi chép, mô tả, kể cho thật nhiều về đời sống miễn sao đừng phạm vào mấy điểm kể trên, còn cái quan trọng là bản thân anh, chính anh, riêng anh nghĩ gì, đau gì thì hoặc là lờ đi, giấu biến đi, hoặc thành thật tin một cách ngây thơ là nó nhỏ bé, không đáng thể hiện. Hình như đảng nghĩ là đủ, đảng nói rồi thì nói lại. Cứ thế nhà văn thì được "an toàn", còn văn học thì lại nghèo đi".*

Lê Ngọc Trà tiếp:

*"Trên bình diện lý luận nghệ thuật (khác với trên bình diện lý luận phản ánh), văn học trước hết không phải là phản ánh hiện thực mà là sự nghiền ngẫm về hiện thực. Tác phẩm nghệ thuật thể hiện cách nhìn của nhà văn về sự sống, sự khao khát công lý xã hội; nó là lời tâm sự hay sám hối, là tiếng nói của tình yêu, cái đẹp không đạt được, là gánh nặng ưu tư với lẽ đời, lẽ còn mất của nhân sinh và vũ trụ. Văn học chủ yếu không phải là ghi chép, mô tả hiện thực mà là hành động tự nhận thức của nhà văn, nhờ đó tác phẩm nghệ thuật trở thành mảnh đất nuôi dưỡng tình cảm con người, thành khu vườn nơi tâm hồn con người đơm hoa kết trái, như hình thức tồn tại và phát triển độc đáo của đời sống tinh thần nhân loại".*

Hoàng Ngọc Hiến còn mạnh bạo hơn Lê Ngọc Trà. Ông không thèm cãi vã về những điều đối với nhân loại – trừ cộng sản – đã thành hiển nhiên. Ông chỉ tuyên bố thẳng thừng:

*"Hiện thực xã hội chủ nghĩa... là một khái niệm giả đã gây đau khổ kéo dài cho cả nghệ sĩ, cả nhà nghiên cứu, lãnh đạo. Nó lúc ban đầu được nêu lên như một ngọn cờ và đã có tác dụng tập hợp vẫy gọi. Nhưng tai hại là ở chỗ từ ngọn cờ người ta lại định biến nó thành một khái niệm học thuật để làm sang cho nó, chứng minh nó là phương pháp sáng tác, biến nó thành vạn năng. Sự luận chứng này là vô bổ"* (13).

Trong bài *Hiện thực xã hội chủ nghĩa có phải là của giả không?* đăng trên báo Nhân Dân số ra ngày 5tháng Năm 1989, Đỗ văn Khang có nhắc lại ý kiến của ai đó, ông không nêu tên, cho rằng: *"Khái niệm hiện thực xã hội chủ nghĩa chỉ là sự bày đặt của một số nghệ sĩ, một số nhà lý luận".*

Những quan điểm phủ nhận chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa xuất hiện mạnh mẽ và chiếm được sự đồng tình của đông đảo giới cầm bút tại Việt

nam đến nỗi Viện Văn Học tại Hà nội phải triệu tập một cuộc hội nghị về vấn đề này vào tháng Bảy 1988, sau đó, tường thuật trên tạp chí Văn Học số 1. 1989. Cuộc hội nghị, cuối cùng, không dẫn đến một kết luận nào chung quyết và chính thức cả.

Dù sao, vấn đề đánh giá phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa cũng ít nguy hiểm cho cộng sản hơn là vấn đề xét lại mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị.

Có thể nói, nền tảng của lý thuyết cũng như của mọi chính sách của cộng sản đối với văn học nghệ thuật là đồng nhất văn nghệ và chính trị, coi văn nghệ là một phương tiện truyền bá chính trị, bắt văn nghệ phải phục tùng và phục vụ chính trị. Quan điểm này là cơ sở từ đó đảng cộng sản duy trì quyền lực lãnh đạo, quản lý văn nghệ sĩ.

Từ năm 55, 56 ở miền Bắc, nhóm Nhân văn – Giai phẩm, khởi đầu là Trần Dần và Hoàng Cầm, đã đặt lại vấn đề này và đã đòi hỏi văn nghệ phải được độc lập với chính trị. Yêu sách đúng đắn của họ đã bị cộng sản vùi dập, hơn nữa, trả thù một cách man rợ.

Trong cuộc đổi mới văn học từ năm 1986, một lần nữa, giới văn nghệ sĩ Việt nam lại lên tiếng đòi hỏi sự độc lập và sự tự do, trước hết là độc lập và tự do đối với chính trị. Trong cuộc họp tại Hà nội vào tháng Mười 1987, trước mặt Nguyễn văn Linh, nhiều người lên tiếng khẳng định: "*Văn nghệ có tính độc lập với chính trị*" (7).

Nhà phê bình văn học Lã Nguyên phân biệt: "*Chính trị là vị lợi trước mắt, văn nghệ lại vô tư*", "*chính trị là pháp quyền, là cả một cơ chế quan phương, chính thống, trong khi đó nghệ thuật lại là ý thức phi quan phương, là sự tự ý thức của nhân dân*" (14). Ý thức chính trị và ý thức nghệ thuật, do đó, không thể đồng nhất, thậm chí, khó có thể song hành với nhau.

Nhà phê bình văn học Lại Nguyên Ân, trên báo Văn Nghệ số 9 ra ngày 27 tháng Hai 1988 và trên tạp chí Sông Hương số 31 ra tháng Năm và Sáu 1988 cũng quan niệm tương tự. Ông viết, chế độ cộng sản "*đã biến văn nghệ sĩ thành cán bộ nhà nước, thành viên chức ăn lương để làm văn nghệ – một tình trạng na ná "tao đàn" của văn nghệ quan phương*". Theo Lại Nguyên Ân, mục tiêu của văn nghệ quan phương "*bao giờ cũng phục tùng, phục vụ những nền tảng, những yêu cầu của việc xây dựng và củng cố chế độ*", do đó, nó "*khó mà có giá trị cao, vì nó gắn liền với cảm hứng nhà nước. Trong khi đó, nghệ thuật chân chính phải phát ngôn ý thức nhân dân, ý thức thời đại. Những nghệ sĩ trung bình có thể sống yên ổn trong ý thức quan phương, còn những nghệ sĩ lớn bao giờ cũng "bung ra" khỏi ý thức ấy*".

Trên báo Văn Nghệ số ra ngày 29 tháng Tám 1987, nhà phê bình văn học Nguyễn Đăng Mạnh nhận định: suốt mấy chục năm qua, "*xu hướng đồng nhất*

*văn nghệ với chính trị là xu hướng chủ đạo, bao trùm. Chính trị cần tuyên truyền thì đẻ ra văn nghệ minh họa. Văn nghệ do làm cái việc tình cảm hóa những nội dung chính trị nên không có văn nghệ lớn*".

Nói như vậy cũng có nghĩa là gián tiếp nói, đảng hãy trả lại quyền lãnh đạo văn nghệ cho văn nghệ sĩ, như cái điều mà Trần Dần, Hoàng Cầm, Phan Khôi, Trương Tửu... đã yêu cầu trước đây trên Nhân văn và trên Giai phẩm.



Ở trên, tôi đã cố gắng trình bày diễn tiến cũng như nội dung quá trình đổi mới của nền văn học cộng sản tại Việt nam 1986 đến nay, đặc biệt là trong hai năm 1987 và 1988.

Có thể đánh giá cuộc vận động đổi mới này trên hai khía cạnh: khía cạnh văn học và khía cạnh chính trị, xã hội.

Từ khía cạnh văn học, cuộc vận động đổi mới, thật ra, chỉ là một cuộc vận động để trở về với những cái cũ, những cái bình thường và sơ đẳng nhất của văn học. Nó chỉ mới đối với cộng sản chứ tuyệt đối không có chút gì gọi là mới so với lịch sử phát triển của nền văn học dân tộc.

Trở về với cái cũ mà gọi là đổi mới? Sự nghịch lý ấy xuất phát từ nguyên nhân: suốt mấy chục năm qua, cộng sản đã đi quá xa vào sự lạc hậu, sự thoái hóa. Không phải chỉ ở lãnh vực văn học, tất cả những lãnh vực khác trong xã hội cộng sản cũng đều ở trong tình trạng tương tự. Quyền tư hữu, kinh tế thị trường, chế độ đa đảng và pháp trị, những mục tiêu mà nhiều quốc gia Đông Âu đang ra sức thực hiện như là một tột đỉnh của cái gọi là đổi mới, chỉ là những nguyên tắc xây dựng xã hội từ nhiều thế kỷ trước!

Năm 1988, trong một chuyến đi thăm Pháp, Lech Walessa, chủ tịch Công đoàn Đoàn kết tại Ba lan nêu lên một nhận định rất hay: "Chủ nghĩa cộng sản là con đường dài nhất đi từ tư bản đến tư bản".

Dài vì phải đi vòng quanh. Một khúc quanh đẫm máu, gập ghềnh kéo dài hơn nửa thế kỷ một cách vô ích.

Văn học nghệ thuật, rốt cuộc, cũng chịu chung số phận đi vòng quanh bi thảm ấy. Văn học truyền bá chính trị của cộng sản thực chất chỉ là biến thái của quan niệm "văn dĩ tải đạo" đã có từ đời Hán, đời Đường bên Trung quốc. Văn học gắn liền với chính trị, phục vụ chính trị của nhà cầm quyền là một đặc điểm của thời kỳ phong kiến, nói như Lại Nguyên Ân, là của nền văn học quan phương, văn học cung đình. Cái gọi là phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa thực chất chỉ là sự kết hợp khiên cưỡng giữa chủ nghĩa cổ điển và chủ nghĩa hiện thực ở phương Tây hồi thế kỷ 18 và 19.

Trong bài *Văn học Việt nam trong bước ngoặt chuyển mình* đăng trên báo Văn Nghệ số 45 ra ngày 5 tháng Mười Một 1988, Lã Nguyên nhận định:

*"Trong nhiều trường hợp, tư duy nghệ thuật của nhà văn Việt nam... dành dừng lại ở tư duy của thế kỷ 19, thậm chí có cả khuynh hướng quay ngược trở về kiểu tư duy của thế kỷ 17".*

Do tình trạng lạc hậu như vậy cho nên có nhiều luận điểm rất cũ vẫn được giới cầm bút Việt nam xem như là một dấu hiệu của sự đổi mới đầy táo bạo, chẳng hạn, luận điểm "văn học là sự nghiền ngẫm về hiện thực", "là hành động tự nhận thức của nhà văn" mà Lê Ngọc Trà nêu ra, được dẫn ở trên, từng làm xôn xao dư luận trong giới nghiên cứu Việt nam, chỉ là một luận điểm bình thường, hầu như hiển nhiên, ngay từ xưa, cha ông ta đã từng biết: văn học chủ yếu là để nói cái "chí", cái "tình", cái "điều đau đớn lòng" trong "cõi người ta". Lê Ngọc Trà cũng biết điều này khi ông dẫn lại một câu viết của Lê Quý Đôn hai trăm năm trước: "*Ta thường cho làm thơ có ba điều chính: một là tình, hai là cảnh, ba là sự... lấy tình tham cảnh, lấy cảnh hội việc, gặp việc thì nói ra lời, thành tiếng*". Rồi Lê Ngọc Trà bình luận: quan điểm đề cao chức năng phản ánh hiện thực của cộng sản "*là một bước thụt lùi so với cách nghĩ của cha ông ta xưa*".

Trong lãnh vực sáng tác văn học, trừ Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Huy Thiệp và Phạm thị Hoài ít nhiều có cố gắng cách tân bằng cách tiếp nhận một số thủ pháp nghệ thuật của phương Tây, còn lại hầu hết những người khác, kể cả Dương Thu Hương, Lê Lựu, Ma văn Kháng... đều chưa vượt được Nguyên Hồng, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao hồi thập niên 30 về phương diện kỹ thuật dựng truyện, kể chuyện. Yếu tố tạo nên sự hấp dẫn trong sáng tác của họ không phải là bút pháp hay kỹ thuật hay tư tưởng mà chính là cái hiện thực ê chề rớm máu lần đầu tiên được phanh phui trong xã hội xã hội chủ nghĩa.

Ý nghĩa lớn nhất của cuộc vận động đổi mới văn học tại Việt nam trong mấy năm qua là ở khía cạnh chính trị, xã hội.

Nhờ ngọn gió dân chủ đang trở thành bão táp trên thế giới, đặc biệt trong các nước cộng sản Đông Âu, nhiều nhà văn, nhà thơ Việt nam giật mình nhìn lại mình, đâm ra xót xa phẫn nộ trước thân phận bị kiềm tỏa ngặt nghèo của mình. Người ta bắt đầu tự phản tỉnh. Thoát ra ngoài quỹ đạo tuyên truyền dối trá của nhà cầm quyền để đối diện với thực chất cuộc đời họ, sự nghiệp họ. "*Hèn? hèn chứ? Nhà văn nước mình tận trong tâm can ai mà chẳng thấy mình hèn?*". Còn gì bẽ bàng hơn? Mà đâu phải chỉ một mình Nguyễn Minh Châu thú nhận điều này. Nhiều, thật nhiều, trên báo chí Việt nam, những lời thú nhận đầy cay đắng, đầy thương tủi như vậy.

Nếu trước kia, lúc đang say sưa ăn miếng bánh vẽ do đảng ban phát, người ta ngây ngất tự hào bao nhiêu thì sau này, khi đã phản tỉnh, tự nhìn lại mình bằng con mắt thật của mình, người ta lại thẹn thùng, nghẹn ngào bấy nhiêu.

Những giọt nước mắt tuôn rơi lã chã của một nhà văn đàn anh nào đó, nhiều người đoán là Nguyễn Tuân, mà Nguyễn Minh Châu kể trong bài *Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh họa* cũng là những giọt nước mắt chung cho cả một thế hệ nhiệt tâm và tài hoa bị lừa dối.

Sự phản tỉnh ấy tất nhiên dẫn đến sự phản kháng.

Không nên đòi hỏi những người cầm bút tại Việt nam, những kẻ đang đứng trước cánh cửa ngục tù rộng mở, đứng trước họng súng AK đen ngòm, đứng trước bao nhiêu nguy hiểm trùng trùng vây quanh, phải thẳng thắn tuyên bố chống cộng như những người cầm bút tự do ở hải ngoại. Dù muốn hay không, trong hoàn cảnh thường trực bị đe dọa, người ta phải chọn những cách nói quanh co, vừa có tác dụng đập phá lại vừa có một chút kín đáo để ẩn nấp. Đó là chuyện đương nhiên.

Điều đáng ghi nhận là, cho dẫu buộc lòng viết vài câu nịnh giữa những câu trung, theo cách nói của Nguyễn Minh Châu, những người cầm bút thuộc khuynh hướng đổi mới vẫn thể hiện được rõ rệt thái độ của mình: phản kháng bạo quyền. Chưa bao giờ, tại Việt nam, ngay cả thời Nhân văn – Giai phẩm, người cầm bút lên tiếng tố cáo những cảnh bất công, thối nát, độc địa và dơ dáy trong xã hội cộng sản một cách nghiêm khắc và dữ dội đến như thế. Những tội ác ấy không giới hạn trong một vài cá nhân lẻ tẻ mà là một hiện thực phổ biến, gắn liền với chế độ, từ lúc chế độ ấy được hình thành cho đến lúc nó phát triển và hoàn bị. Những thế lực gây ra đau khổ tột cùng cho người dân được miêu tả trong *Tiếng Đất*, trong *Cái Đêm Hôm Ấy... Đêm Gì*, trong *Sự Nghiệt Ngã Của Nghề Nghiệp*, trong *Chuyện Thật ở Thanh Hóa*... là cả một hệ thống cán bộ, đảng viên nhiều cấp, nhiều bậc, trùng trùng điệp điệp trong xã hội. Chúng không phải chỉ là một đám cường hào ác bá lau nhau, lố nhố. Chúng chính là đảng.

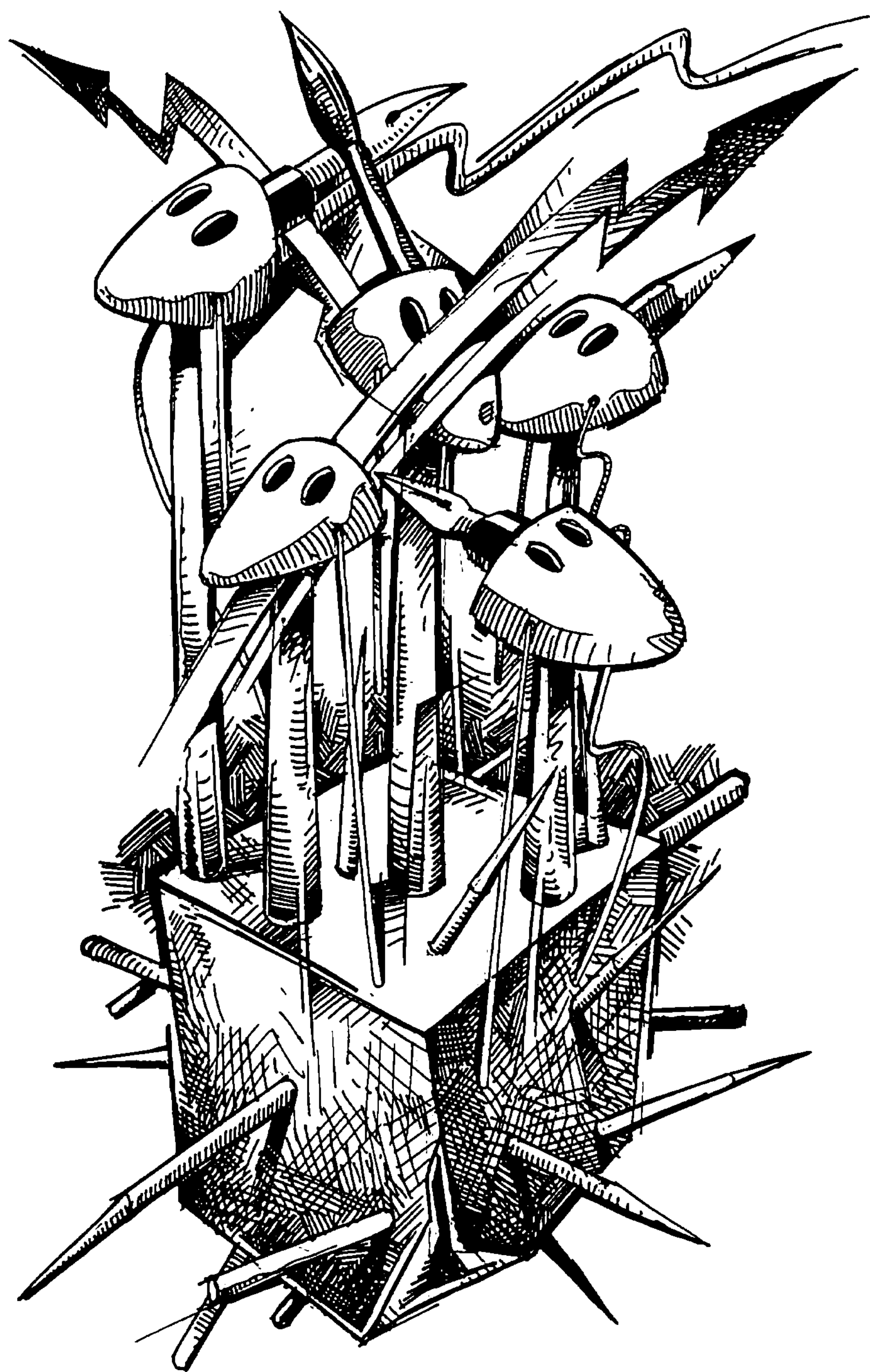
Không phải ngẫu nhiên mà trong truyện vừa *Những Thiên Đường Mù*, một quyển tiểu thuyết khá mỏng, Dương Thu Hương lại cho nhân vật hoạt động trong một môi trường thời gian rất rộng, từ thời cải cách ruộng đất đến tận bây giờ. Chỉ có một lý do duy nhất cắt nghĩa sự chọn lựa này: chứng minh tội ác của cộng sản là một cái gì có tính chất truyền thống. Nó không phải chỉ là biểu hiện của một giai đoạn khủng hoảng nhất thời. Nó gắn liền với bản chất của một chế độ được xây dựng trên những tiền đề phi lý và phi nhân.

Trong buổi nói chuyện tại Huế vào chiều ngày 15 tháng Tư 1989, được tường thuật trên tạp chí Sông Hương số 37 ra tháng Tư và Năm cùng năm, nhà văn Nguyên Ngọc, sau khi bị cách chức tổng biên tập báo Văn Nghệ của hội Nhà văn đã thẳng thắn tuyên bố: cái chủ nghĩa xã hội ở Việt nam cũng như ở Liên sô, đã "*không chứng minh được tính ưu việt đối với chế độ nó thay thế*" (trang 82).

Trước đây mấy năm, người ta có thể cho những lời phát biểu như trên chỉ là một sự vờ vĩnh, hoặc chỉ nhắm tới lý tưởng hoàn thiện chủ nghĩa xã hội, tuy nhiên, từ năm 1989 đến nay, trước những sự sụp đổ nhanh chóng của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, sự nghi ngờ ấy rõ ràng không còn đứng vững được nữa. Kinh nghiệm tại các nước Đông Âu cho ta thấy: không có khát vọng dân chủ nào không dẫn đến thái độ đập phá toàn bộ nền móng của chủ nghĩa xã hội, của chế độ cộng sản.

**Chú Thích:**

(1) Theo Hoàng Trung Thông trong "cách mạng kháng chiến và đời sống văn học" tập I, nxb Văn Học, Hà nội 1978 trang 187
(2) Báo Nhân Dân số ra ngày 21 tháng Một 1960
(3) Đăng trên tạp chí Văn Nghệ Quân Đội số tháng Bảy 1988
(4) Từ Việt nam, Dương Thu Hương gửi đăng trên tạp chí Đất Nước (Tây Đức) số 54 tháng Mười Một 1978
(5) Xem thêm bài của Nguyễn Mộng Giác trong phần II Tuyển tập này
(6) Sàigòn Giải Phóng số ra ngày 6 tháng Mười Hai 1987
(7) Văn Nghệ số ra ngày 17 tháng Sáu 1987
(8) Theo Nguyễn Quang Sáng trong lời Bạt tập "Mẹ và Em" của Nguyễn Duy, nxb Thanh hóa 1987, trang 95
(9) Văn Nghệ số ra ngày 27 tháng Hai 1988
(10) Hà Minh Đức "Nhà văn Việt nam" tập I, Hànội... trang 175
(11) Văn Nghệ số ra ngày 16 tháng Bảy 1988
(12) Dẫn theo Nguyễn Trọng Tín, Văn Nghệ số ra ngày 30 tháng Bảy 1988
(13) Văn Nghệ số ra ngày 5 tháng Ba 1988
(14) dẫn theo Lê Xuân Vũ trên tạp chí Cộng Sản số 11.1988



phụ bản 1: lea mùa xuân

# phần hai:
# tác phẩm và tác giả

# tâm lượng kẻ hào sĩ



*Nghiêm Xuân Hồng*

Ngồi bên xứ này, tôi đôi khi nhớ nghĩ tới vài người quen còn ở phía bên kia. Như Doãn Quốc Sỹ và Tuệ Sỹ.

Tôi hay kính trọng người nghệ sỹ ở tâm hồn và tư cách nhiều hơn là tài ba... Hồi trước, khi đọc *Dòng sông định mệnh* của họ Doãn, thấy anh ta say mê mô tả một dòng sông thuở nhỏ, khiến tôi liên tưởng tới dòng sông Châu Giang thuở nhỏ của tôi. Thì ra mỗi người hình như đều có một dòng sông nhỏ trong tâm tư ký ức... Rồi đọc vài cuốn khác của Doãn quân. Thấy tâm hồn anh ta rào rạt lý tưởng, khiến tôi bị ấn tượng: Người ấy có nhiều mộng tưởng, trìu mến mộng tưởng và sống với mộng tưởng ấy.

Sau 75, anh bị đi cải tạo, rồi thả về, rồi bị bắt lại... Nhưng nghe nói tính tình vẫn rất vui, vẫn hay lui tới chỗ bạn bè, chẳng e ngại gì công an phường khóm.

Còn Tuệ Sỹ, tôi chỉ gặp được hai lần. Nhưng không hiểu sao tôi vẫn mường tượng anh ta như một thứ Hư trúc tử của Kim Dung. Một tâm hồn thơ mộng man mác, lạc lõng giữa một thời đại đầy yêu ma... Sau này, ngồi trong ngục tù, làm thơ, nhìn thấy như có thiên nữ vẫn tới rải hoa đâu la miên, và thách đố sống chết.

Có lẽ những người này coi sống chết như Thức với Ngủ, như Tỉnh với Mộng. Vì đã hiểu được bí ẩn của Tâm và Pháp giới. Hiểu rằng pháp giới này chỉ treo trên đầu một sợi lông, trên đầu một TÂM NIỆM.

Họ là kẻ Hào sỹ của thời đại. Có tâm lượng hào sỹ. Hiểu được Tâm, và đi–giữa–đời–không–dính–mắc–không–sợ–hãi.



Gần đây, có anh bạn cho tôi mượn một tập tài liệu dầy về văn chương phản kháng trong nước.

Tôi chỉ lựa chọn hai tài liệu: Một bài báo ngắn *Hòa đồng cùng nhân loại* của Nguyễn Minh Châu và vở kịch nói *Quỷ ở với Người* chuyển từ truyện *Không có vua* cũng của Nguyễn Huy Thiệp.

– Trong bài *Hòa đồng cùng nhân loại*, Nguyễn Minh Châu kể lại rằng khi chiến tranh sắp chấm dứt, ông ta công tác ở một tỉnh miền Trung. Lúc đó, tỉnh ủy đương họp bàn một vấn đề cấp thiết: Sau chiến tranh, có nên cho phép dân chúng họp lại chợ búa hay không?

Nếu họp chợ lại, dân chúng sẽ lần học những tập quán "kẻ chợ" của con buôn, không còn giữ được tinh thần ôm – bom – xung – kích của năm xưa nữa. Đồng thời, Việt Nam không còn khép kín cửa được nữa, sẽ phải phóng tầm mắt nhìn thế giới bên ngoài cùng tất cả sự đổi thay lạ hoắc.

Trong bài báo, Nguyễn Minh Châu cổ xuý việc mở cửa nhìn thế giới bên ngoài, để bắt kịp nhịp điệu thay đổi, cùng hòa đồng với nhân loại.

Nguyễn Minh Châu thường được coi như người mở đường cho phong trào văn chương phản kháng sau này... Bài báo, tuy ngắn chừng ba trang, nhưng văn phong có độ lượng, hàm xúc, sâu sắc, có tư tưởng... Tác giả là người có tâm lượng. Bài báo cũng được ghi là viết ở Pháp Hoa tự. Nhưng không hiểu người viết đã hiểu nổi cái bí ẩn pháp – giới – treo – trên – đầu – một – tâm – niệm chưa?

Có lẽ chưa... Vì đã bận bịu mất quá nhiều thời giờ, chạy theo cái chủ thuyết Mác Lê nin nít vốn dĩ tượng trưng cho sự ngu si và tham vọng của con người.

– Nguyễn Huy Thiệp có lẽ là nhà văn nổi tiếng hơn cả trong văn chương phản kháng. Nghe nói là Giáo sư dạy Sử, sau viết văn. Thường mượn những nhân vật lịch sử, lấy cớ chửi xéo các lãnh tụ lòng dạ tiểu nhân quỷ quyệt và ham gái như ai... Như trong *Vàng Lửa*, viết về vua Gia Long chửi xéo họ Hồ. Đại khái viết rằng: "*Nhà vua cô đơn lắm lắm. Đó là một người ghê gớm dám đem cả vận mệnh dân tộc ra làm trò chơi cho mình...*" (lược dẫn vì tôi không nhớ rõ).

Vở kịch nói *Quỷ ở với người* là một kịch bản khá đặc biệt. Có thể nhắc nhở tới vở kịch *En attendant Godot* của Beckett, thường được mệnh danh là kịch – địa – ngục... Mô tả những nhân vật hoang loạn, sau này tan nát... do sự thúc đẩy của nội tâm thì ít, nhưng do sự uốn nắn bóp méo của môi trường sinh hoạt thì nhiều. Trở thành những kẻ quỷ ám, vì bị quỷ xúi giục.

Vở kịch trình làng một gia đình bảy người. Ông bố già là lão Kiền, làm

nghề vá lốp xe đạp, và được mô tả như thứ người vượn tiền sử nay vươn thẳng tới hiện thực xã hội chủ nghĩa.

Đứa con trai lớn tên Cấn, là cựu cán binh, tánh tình chất phác, bị bịnh lãnh tinh mà không biết, lúc này lại vừa cưới một cô vợ trẻ tên Sinh. Cấn đã 39 tuổi.

Đứa con trai thứ hai tên Đoài, là một công chức trí thức. Tánh tình cao ngạo, ma quái, cynique, thích những trò hoang loạn.

Đứa trai thứ ba tên Khiêm, hình như là một đứa con hoang của bà Kiền nay chết rồi. Khiêm tánh tình lầm lỳ cộc lốc ít nói, làm nghề thợ lò mổ. Y là kẻ kiếm tiền nuôi cả nhà, vì mỗi ngày, y đều lấy cấp thịt và lòng lợn mang về.

Đứa thứ tư tên Khâm, là một sinh viên, cũng có mầm hoang loạn.

Đứa thứ năm tên Tốn là một đứa nhỏ què chân, tật nguyền, ngớ ngẩn. Thường làm mọi việc trong nhà, và hay mơ tới những con dòi đương đục ống chân của mình.

Người con dâu tên Sinh, là người thiếu nữ duy nhất sống giữa trùng vi của sáu người đàn ông.

Xen vào đó lại có hai con quỷ, quỷ 1 và quỷ 2, luôn luôn dòm ngó xui dục mấy người kia. Và chúng lập luận theo lối quỷ.

Vở kịch bắt đầu bằng một bài hát, do quỷ hát:

*Cuộc đời như áng mây trôi*
*Trôi về đâu?*
*Trôi về đâu?*
*Cuộc đời vẫn còn như áng mây trôi*
*Trôi về đâu?*
*Trôi về đâu?*
*Trong ta rạng muôn sắc màu*
*Ánh ngày còn soi lung linh*
*Chân trời còn xa mông mênh...*

Vì môi trường sinh hoạt chung với quỷ, nên mấy đứa con trai thường nảy những ý nghĩ ma quái hoang loạn rồi xúi giục lẫn nhau... Tên Đoài thường ngấm nghé chị dâu là Sinh, rồi lại xúi giục Sinh nên ngã vào vòng tay của Khiêm để moi tiền.

Đồng thời, Đoài cũng thuyết phục Cấn nên để cho vợ sa ngã, vì đó là thượng sách để giữ được Sinh lâu dài... Còn lão Kiền thì góa vợ, nên thỉnh thoảng cũng ngó trộm Sinh đương tắm.

Rút cục thì Sinh mang thai, nhưng không biết của ai? Gia đình lộn xộn tan nát... Lão Kiền chết vì bịnh, còn Tốn thì bị Khiêm đâm chết... Tâm thức các nhân vật đều hoang loạn tan tành trong vòng lửa xoay u ám của quỷ.

Tóm lại, vở kịch có kỹ thuật rất vững, lời văn sắc bén, hào hoa, đểu cáng... Tác giả là người tài ba và rất thông minh. Nhưng có lẽ là thứ thông minh của tri thức yêu ma hơn là trí huệ của tâm hồn. Ưa thích phân tích và mô tả những tâm niệm hoang loạn ma quái của lòng người, hơn là những tâm niệm nhân ái bao dung. Và ngòi bút có nhiều sức mê hoặc...



Những người như Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Huy Thiệp hay Dương Thu Hương... hiện đương dẫn đầu cái được gọi là Phong trào Văn chương Phản kháng.

Tuy họ lợi dụng kẽ hở "cởi mở" của Nguyễn Văn Linh, song giọng nói của họ vẫn đầy sức ẩn ức phát xuất từ nơi đáy lòng. Họ cũng đáng được coi là can đảm. Vì không ai lạ gì bọn lãnh tụ cộng sản thường hay sớm đầu tối đánh. Hôm nay thì cho phép, ngày mai lại triệt hạ.

Vả lại, sự việc ở đời luôn luôn biến chuyển, và giòng lịch sử không hề dừng lại. Trào lưu duy vật vô sản lại đang trên đà thoái hóa. Nên văn chương phản kháng lúc đầu lợi dụng "kẽ hở", nhưng sau này có thể lộng giả mà thành chân...

Đó là mấy lời nhận định lố mố về mấy khuôn mặt văn nghệ ở Nam và Bắc.



**Nguyễn Minh Châu**

Năm sinh: 1930

*Văn chương gì mà muốn viết một câu trung thì phải viết một câu nịnh? Hèn, hèn chứ? Nhà văn nước mình trong tâm can ai mà chẳng thấy mình hèn? Cái sợ nó làm mình hèn.*

**Hoàng Ngọc Hiến**

*Từ ngàn xưa dòng sông văn học tuôn chảy giữa hai bờ "Chân", "Mỹ", bao giờ cũng đổ ra biển cả nhân bản. Không thể khác được. Bằng không nước sẽ quẩn quanh, dọng thành những vũng ao tù. Đành rằng ao tù cũng có thi ca và thi sĩ của nó:*
*Ta về ta tắm ao ta...*

# nguyễn minh châu và hoàng ngọc hiến, những người cầm bút trung thực



*Nguyễn Mộng Giác*

Trong cuộc vận động đòi quyền tự do và dân chủ từ lâu diễn ra tại Việt Nam, ở giai đoạn âm thầm yếu ớt hay ở giai đoạn sôi nổi, hai người cầm bút mạnh dạn nhất, được giới văn nghệ trọng nể nhất, có lẽ là Nguyễn Minh Châu và Hoàng Ngọc Hiến. Nguyễn Minh Châu là một nhà văn quân đội (đã quá cố), cầm bút từ thời kháng chiến chống Pháp nhưng thuộc lớp cầm bút trẻ nổi lên sau khi có hiệp định Genève, cùng thế hệ của Nguyễn Khải, Phan Tứ, Nguyên Ngọc, Nguyễn Văn Bổng, Giang Nam... Hoàng Ngọc Hiến không sáng tác thơ văn, chuyên về lý luận phê bình, và nhờ vai trò giảng dạy ở đại học và trường đào tạo những cây bút trẻ, nên có ảnh hưởng rất lớn trong giới viết lách.

Sau vụ Nhân Văn Giai Phẩm, có thể nói Nguyễn Minh Châu và Hoàng Ngọc Hiến là hai người đầu tiên đã dám thẳng thắn đòi xét lại nhiều vấn đề căn bản về chính sách văn hoá văn nghệ, về giá trị thực sự của văn học cách mạng, khởi đầu cho cả một cuộc vận động lâu dài về sau để giải phóng cho người cầm bút khỏi những trói buộc phi lý của chính sách, ước lệ, công thức.



Tháng 11-1978, Nguyễn Minh Châu đã cho đăng trên tạp chí Văn Nghệ Quân Đội một bài nhan đề là "*Viết về chiến tranh*".

Trong bài đó, Nguyễn Minh Châu cho rằng nền văn học miền Bắc trước 75 và cả Việt Nam sau 75 chưa có tiểu thuyết thực sự về chiến tranh. Những tiểu thuyết viết về chiến tranh còn bề bộn sự kiện, nhân vật toàn là những nhân vật lý tưởng, chưa đi sâu vào tâm trạng, chưa đi sâu vào những vấn đề xã hội liên quan tới chiến tranh.

*trên quê hương*

Diễn dịch suy nghĩ của Nguyễn Minh Châu theo ngôn ngữ lý luận phê bình, Hoàng Ngọc Hiến viết:

*"Hình như, Nguyễn Minh Châu viết, trong ý niệm sâu xa nhất của người Việt Nam chúng ta, hiện thực của văn học có khi không phải là cái hiện thực đang tồn tại, mà là cái hiện thực mọi người đang hy vọng, đang mơ ước. Đây là một vấn đề cổ điển của lý luận văn học. Aristote đã từng nói đến hai phương thức miêu tả trong nghệ thuật: miêu tả sự vật như nó vốn tồn tại và đang tồn tại, hoặc miêu tả sự vật như nó phải tồn tại. Sophocle miêu tả con người như họ phải tồn tại, còn Euripide miêu tả con người như họ đang tồn tại... Nhìn chung trong sáng tác hiện nay, sự miêu tả cái phải tồn tại lấn át sự miêu tả cái đang tồn tại. Và chúng tôi tán thành ý kiến Nguyễn Minh Châu cho rằng sự lấn át này là một trở ngại trên con đường đi lên chủ nghĩa hiện thực, đặc biệt là trong thể loại tiểu thuyết".*

Một ý kiến đòi xét lại toàn bộ giá trị loại văn chương *tô hồng một chiều* như vậy, do một nhà văn có vai vế công khai phát biểu trên một tạp chí văn nghệ có thế lực, dĩ nhiên tác động mạnh lên độc giả, nhất là lớp cầm bút bộ đội trẻ lâu nay vẫn ấm ức vì bị ép viết dối viết láo về đời sống bộ đội, về chiến tranh. Mà lớp cầm bút trẻ gốc bộ đội này là thành phần sáng tác nòng cốt trong guồng máy tuyên truyền của cộng sản Việt Nam.

Sau khi bài này được đăng trên tạp chí qui tụ hầu hết các cây bút trẻ có tài, phản ứng của giới sáng tác nói chung đều có vẻ tán đồng, hưởng ứng. Để tránh bị xé to câu chuyện, những ý kiến phát biểu đều thu gọn trong vấn đề kỹ thuật viết về chiến tranh, nhất là viết về đời sống bộ đội và ghi lại kỷ niệm Trường Sơn. (là đề tài được khuyến khích sáng tác thời đó).

Sáu tháng qua mà không có phản ứng chính thức nào về phía lãnh đạo văn nghệ hoặc cơ quan tuyên huấn, cho đến khi Hoàng Ngọc Hiến đăng được bài *Về một đặc điểm của văn học nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa qua* trên tuần báo Văn Nghệ số 23 ra ngày 9.6.79.

Khác với tạp chí Văn Nghệ Quân Đội do quân ủy trực tiếp điều khiển, tuần báo Văn Nghệ có tính chất dân sự và văn học nhiều hơn. Tuần báo này xuất bản tại Hà Nội, là cơ quan ngôn luận chính thức của Hội Nhà văn Việt Nam.

Bài *Về một đặc điểm của văn học nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa qua* của Hoàng Ngọc Hiến tuy ngắn, nhưng thu gọn được một số nhận định căn bản và xác đáng về giá trị của văn học nghệ thuật dưới chế độ cộng sản nói chung, và ở Việt Nam nói riêng.

Là một người được nhà nước tin tưởng cho đi du học ở Liên Xô về lý luận phê bình văn nghệ, Hoàng Ngọc Hiến tốt nghiệp cao (nghe nói đậu tiến sĩ) về nước phụ trách giảng dạy về lý luận phê bình tại đại học tổng hợp Hà Nội.

Hoàng Ngọc Hiến còn là hiệu trưởng trường đào tạo các cây bút trẻ (chương trình huấn luyện bốn năm, học viên là những người có khả năng viết văn do các cơ quan và đơn vị quân đội chọn gửi về huấn luyện tư tưởng và kỹ thuật viết).

Mặc dù vậy, Hoàng Ngọc Hiến phải dựa vào bài *Viết về chiến tranh* của Nguyễn Minh Châu để mạnh dạn đặt lại vấn đề. Sau khi tóm lược ý kiến của Nguyễn Minh Châu, Hoàng Ngọc Hiến viết:

"*Đứng ở bình diện cái phải tồn tại, người nghệ sĩ dễ bị cuốn hút theo xu hướng miêu tả cuộc sống cho phải đạo, còn đứng ở bình diện cái đang tồn tại, thì mối quan tâm hàng đầu là mô tả sao cho chân thật. Đọc một số tác phẩm, chúng tôi thấy tác giả dường như quan tâm đến sự phải đạo nhiều hơn tính chân thật. Có thể gọi loại tác phẩm này là chủ nghĩa hiện thực phải đạo.*"

Đối với một số bạn đọc, lối dùng chữ trường ốc dưới chế độ cộng sản có thể khó hiểu, nhưng khi đã quen với lối nói lập lờ hàng hai của hạng trí thức cần giữ mình dưới chế độ chuyên chế, chúng ta dễ dàng hiểu được điều Hoàng Ngọc Hiến muốn nói. Sự thực đơn giản thôi: đó là sự mâu thuẫn nội tâm từng dày vò tất cả những nhà văn còn chút liêm khiết trí thức dưới chế độ cộng sản. Chế độ chuyên chế bắt buộc họ phải viết cho đúng chủ trương chính sách của nhà nước, viết cho "phải đạo", trong khi lương tâm cầm bút của họ lại muốn họ viết những điều chân thật. Khốn thay, điều chân thật lại trái ngược với điều phải đạo. Vì vậy, Hoàng Ngọc Hiến không muốn dùng những chữ *chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa* như cách nói của lãnh đạo văn nghệ, mà lại chính danh ra thành *chủ nghĩa hiện thực phải đạo.*

Mấy chữ này đã mau chóng trở thành thời thượng trong các cuộc luận đàm của giới văn nghệ sau năm 1979 ở Việt Nam, và đã khiến cho giới lãnh đạo tuyên huấn giận dữ.

Nhưng, thế nào là *chủ nghĩa hiện thực phải đạo*?

Hoàng Ngọc Hiến giải thích tiếp:

"*Thực ra, ngay trong đời sống thực tại, do qui luật của thích nghi sinh tồn, dần dần được hình thành những kiểu người phải đạo với những cung cách suy nghĩ, nói năng, ứng xử được xem là phải đạo.*

*Chủ nghĩa hiện thực chân chính đòi hỏi người nghệ sĩ phải biết phân biệt đâu là những hình thức phải đạo và đâu là những nội dung chân lý phù hợp với qui luật phát triển cách mạng của bản thân cuộc sống*".

Như vậy đã khá rõ ràng. Lại gạt bỏ bớt cái áo triết học Hoàng Ngọc Hiến dùng để che thân, chúng ta thấy ý của Hoàng Ngọc Hiến muốn nói là dưới chế độ cộng sản, vì nhà nước kiểm soát chặt chẽ đời sống vật chất lẫn tinh thần của mọi người, nên muốn sống sót (Hoàng Ngọc Hiến dùng chữ *thích*

*nghi sinh tồn*) mọi người ai ai cũng phải sống hai mặt: nghĩ khác nói khác, nói khác làm khác, nói ở chỗ công khai để biểu diễn lập trường khác với những lời tâm sự với bạn bè vợ con; từ đó phát sinh ra cái mẫu con người xã hội chung chung là *con người phải đạo*, lúc nào cũng phải giả vờ lạc quan, tin tưởng tuyệt đối vào Đảng và Nhà nước.

Mọi người bình thường làm như vậy được, riêng đối với người nghệ sĩ chân chính, làm như vậy thật không ổn. Vì hiện thực phải đạo, thực ra chỉ là cái áo hình thức theo đúng nhu cầu tuyên truyền, trong khi nội dung chân lý (là mục tiêu sáng tạo của nghệ thuật) lại hoàn toàn khác.

Nếu nghệ sĩ chân chính nói láo dễ dàng như một cán bộ tuyên truyền hay một anh quảng cáo thuốc dán Sơn Đông, thì đã không còn vấn đề gì để nói nữa. Khổ nỗi, nghệ sĩ chân chính dưới chế độ cộng sản không thể bình yên khi phải nói dối cho "phải đạo". Phiền phức, rắc rối ở chỗ đó.

Nhưng Hoàng Ngọc Hiến chưa chịu dừng lại ở ghi nhận sắc bén về mẫu người xã hội hai mặt này. Ông qui nạp lên một tầng nữa, đặt nó vào hệ thống lý luận biện chứng của thẩm mỹ học, ông viết:

"*Với ý nghĩa này, có thể nói rằng chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa ở ta trong giai đoạn vừa qua mang khá đậm dấu ấn của cái cao cả.*

* *Trong lãnh vực mỹ học, dấu ấn của cao cả tương ứng với sự lấn át của bình diện cái phải tồn tại đối với bình diện cái đang tồn tại.*

* *Trong phương thức miêu tả nghệ thuật là sự lấn át của cấp lý tính đối với cấp cảm tính trong sự nhận thức của chủ thể mỹ học.*

* *Sự lấn át của lý trí đối với xúc cảm trong hình ảnh con người mới.*

* *Sự lấn áp của bản chất đối với hiện tượng trong hình ảnh cuộc sống được phản ảnh vào tác phẩm*".

Để đối đầu lại với giới lãnh đạo văn nghệ sính biện chứng pháp và quen suy nghĩ theo hệ thống, Hoàng Ngọc Hiến cũng đưa ra những cặp phạm trù như: cái phải tồn tại và cái đang tồn tại, lý tính và cảm tính, nội dung và hình thức, lý trí và xúc cảm, bản chất và hiện tượng, nhưng vì hạng phạm trù thuộc loại *phải đạo* lấn áp hạng phạm trù thuộc loại *chân thật*, nên kết quả là cả một nền văn học nghệ thuật suy hoá thành cái xác khô không liên hệ gì đến con người và cuộc đời trước mặt. Chưa nói đến điều thậm tệ hơn là không liên hệ gì đến chân lý.

Từ lối đặt vấn đề tổng quát chắc nịch như vậy. Hoàng Ngọc Hiến đưa ra hai hệ luận:

Hệ luận thứ nhất là sự kệch cỡm giả tạo của thể loại tiểu thuyết dưới chế độ cộng sản:

*Chúng tôi lấy sự miêu tả nhân vật trong tiểu thuyết làm ví dụ. Nhân vật trong*

*tiểu thuyết sinh động, nhất thiết phải là cá nhân con người. Mỗi cá nhân, như chúng ta biết, bao giờ cũng gắn với nhiều tập hợp, những tập hợp quen thuộc trong số này thường vẫn được nêu lên trong lý lịch văn học dưới các mục thành phần giai cấp, dân tộc, tôn giáo, giới tính, nghề nghiệp, đoàn, đảng. Nhân vật được nghiên cứu và xây dựng từ cấp độ cố định những tập họp nói trên cách này cách nọ được gán ghép cho những thuộc tính bản chất của tập hợp đó.*

*Nhưng như chúng ta đã biết, số cộng những thuộc tính đó không tạo được cá nhân con người, không thuyết minh được cá tính riêng, bản lĩnh độc đáo và bộ mặt đặc sắc của nó. Nhân vật bị mờ nhạt vì nhân vật không được nhìn nhận và xây dựng như nó là một cá nhân, và sở dĩ như vậy là do cách nhìn cao cả của chủ thể mỹ học như đã nói ở trên.*

Nguy hiểm hơn là hệ luận thứ hai. Lối sống *phải đạo* tạo ra một thứ nguỵ tín làm thui chột hết sáng kiến và khả năng biện biệt tốt xấu của từng người, như Hoàng Ngọc Hiến đã vạch rõ:

"*Trong đời sống thực tại cũng có tình trạng tương tự. thế giới hiện tượng ngoài cuộc đời quá ư phức tạp, rối ren. Nhiều người đứng trước những hiện tượng không lý giải nổi, chúng ta bèn khẳng định bản chất bằng những câu nói quen thuộc: căn bản là tốt, ưu điểm là căn bản, bản chất là tốt đẹp v.v... v.v... Ở hình ảnh con người mới được phản ảnh trong những tác phẩm nghệ thuật của ta, đặc trưng cao cả biểu hiện ở sự lấn át của lý trí đối với cảm xúc. Tác giả thì quá dè xẻn, nhân vật thì quá dè dặt trong sự biểu hiện cảm xúc. Ngoài đời sống cũng thường thấy cách ứng xử như vậy.*".

Tóm lại, ngay những bài viết trên Nhân Văn, Giai Phẩm và Đất Mới hồi 1956 chưa có bài nào có căn bản lý luận sắc bén như bài này. Bài viết của Hoàng Ngọc Hiến soi rọi tận gốc rễ tất cả sự giả tạo của nền văn học nghệ thuật gọi là cách mạng dưới chế độ cộng sản Việt Nam bao nhiêu năm qua, đảo ngược mọi thành kiến và nọa lực để bắt người nghệ sĩ chân chính phải xét lại mình, xét lại tác phẩm mình. Ảnh hưởng của bài báo sâu rộng là vì vậy.

Bài của Hoàng Ngọc Hiến vừa xuất hiện trên tuần báo Văn Nghệ số 23 ngày 9.6.79, liền gây sôi nổi và tạo nhiều cuộc tranh luận hào hứng trong giới sáng tác. Gần như ai ai cũng tán đồng nhận định của Hoàng Ngọc Hiến về giá trị thực của nền văn nghệ gọi là cách mạng.

Chính Kiều Vân trên tạp chí *Nghiên Cứu Nghệ Thuật* số 30 (tháng 1.1980) cũng phải công nhận rằng bài báo của Hoàng Ngọc Hiến "*tuy không gây được chú ý của đông đảo công chúng, nhưng cũng đã làm cho nhiều anh chị em làm công tác nghiên cứu phê bình văn học nghệ thuật suy nghĩ*".

Đoạn trích này nằm trong phần mở đầu của bài "*Trao đổi về một nhận định sai lầm đối với đặc điểm văn học và nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa*

*qua*" do Kiều Vân viết cho tạp chí nghiên cứu chính thức của Bộ Văn Hoá và Thông tin.

Kiều Vân muốn giới hạn tầm ảnh hưởng bài báo của Hoàng Ngọc Hiến trong một số nhỏ những người làm công tác nghiên cứu phê bình văn nghệ mà thôi, ý muốn nói tư tưởng của Hoàng Ngọc Hiến không có tầm tác hại lớn đến đám đông quan trọng hơn, là những người sáng tác và người thưởng ngoạn nghệ thuật. Vì thế, Kiều Vân mới đặt nhan đề bài báo là *Trao đổi về một nhận định...* nghĩa là sự bất đồng này chỉ là chuyện trong nhà, chưa ra ngoài ngõ.

Sự thực không phải như vậy. Bài báo của Hoàng Ngọc Hiến tác động mạnh mẽ lên giới văn nghệ và quần chúng, nhất là giới quen theo dõi sinh hoạt văn nghệ.

Mà chính Kiều Vân, ở phần sau của bài báo, cũng xác nhận ảnh hưởng bài viết của Hoàng Ngọc Hiến. Kiều Vân viết:

*"Đối với một bộ phận anh chị em văn nghệ sĩ và có thể một bộ phận bạn đọc bài báo của Hoàng Ngọc Hiến, nếu không quan tâm đầy đủ đến lãnh vực lý luận văn học nghệ thuật, và một chừng mực nào đó chưa thoả mãn với một số tác phẩm văn học nghệ thuật nào đó của chúng ta, thì cũng dễ cho rằng anh Hoàng Ngọc Hiến đã nói lên được một sự thực (chúng tôi cũng đã được nghe một bộ phận dư luận như vậy" (Nghiên Cứu Nghệ thuật trang 15).*

Những bạn đọc không có mặt tại Việt Nam trong giai đoạn từ 1979 trở về sau có thể nhận ra dấu hiệu sự hưởng ứng của đa số văn nghệ sĩ và quần chúng đối với bài báo của Hoàng Ngọc Hiến nhờ các hiện tượng đặc biệt sau đây:

* Một bài viết đảo ngược quan điểm truyền thống và dám phủ nhận căn bản giá trị của cả một nền văn nghệ như vậy, nếu ở vào thời Nhân Văn Giai Phẩm, tất nhiên sẽ bị nhiều cây viết bất tài và thiếu liêm khiết nhào ra đánh hôi, để lập công với Đảng. Nhóm Nhân Văn Giai Phẩm từng là nạn nhân của bọn đánh hôi này, trước khi chịu biện pháp đàn áp của bọn cầm quyền, trong lúc Nhân Văn Giai Phẩm chỉ mới nêu lên một số bất mãn, một số hành vi thoái hoá của cán bộ, nghĩa là chỉ mới đi vành ngoài. Đằng này Hoàng Ngọc Hiến đánh vào ngay bản chất của một nền văn nghệ, thế mà từ lúc bài báo được đăng lên, suốt nửa năm qua mà những lời công kích Hoàng Ngọc Hiến thật hiếm hoi lẻ tẻ.

Có thể đếm được trên đầu ngón tay những bài báo chỉ trích Hoàng Ngọc Hiến. Tô Hoài có một bài viết rất sơ lược đăng trên tuần báo Văn Nghệ số 42 ra ngày 20 tháng 10/79. Chế Lan Viên, vào tận Sài Gòn viết bài chỉ trích bóng gió dưới hình thức một lá thư gửi cho người bạn gái ở Hà Nội. Lèo tèo có bấy nhiêu và một số ý kiến phát biểu gượng gạo không ai chú ý.

* Trong lúc đó thì đa số nhóm cầm bút trẻ trong quân đội lại công khai ủng hộ Hoàng Ngọc Hiến.

Ngay trên tờ Nhật báo Quân Đội Nhân Dân số ra ngày 6.7.1980, chẳng những không có bài đả kích Hoàng Ngọc Hiến mà lại còn cho đăng bài *Thử nhìn lại mức độ chân thực của các tác phẩm viết về chiến tranh và quân đội*, nội dung bài này hoàn toàn tán đồng ý kiến của Nguyễn Minh Châu và Hoàng Ngọc Hiến.

Hà Xuân Trường tóm tắt bài báo này như sau:

*Chia văn học ra hai tư cách: tư cách vũ khí sắc bén và tư cách tấm gương phản ánh hiện thực. Những điều cơ bản nhất trong kết cấu bố cục hầu hết tiểu thuyết, các tác giả còn nghiêng về phía người may mắn. Phần nửa cái bánh mì là bánh mì, nhưng phần nửa sự thật đã là sự giả dối. Những tác phẩm chỉ có một phần nửa sự thật như vậy không thể nói là gây ấn tượng giả dối, nhưng cũng khó khẳng định đó là sự thật.*

(Nghiên Cứu Nghệ Thuật số 36, 1/81)

Chúng ta không cần dài dòng phân tích trọn bài báo đăng trên Quân Đội Nhân Dân. Chỉ cần nhận xét về ba điểm chính yếu Hà Xuân Trường trích lại cũng đủ thấy rõ thái độ chung của các cây bút gốc quân đội. Cả ba điểm này đều giống y lập luận của Hoàng Ngọc Hiến, chỉ khác một bên đặt vào lý luận triết học, một bên đặt vào kỹ thuật viết tiểu thuyết:

- Hoàng Ngọc Hiến đặt cái *chân thật* đối nghịch với cái *phải đạo*, ở đây đặt *tiểu thuyết như một vũ khí sắc bén* (tức là tiểu thuyết tuyên truyền tô vẽ cho Đảng và Nhà nước) đối nghịch với *tiểu thuyết như một tấm gương phản ánh hiện thực* (tức là loại tiểu thuyết dám nói sự thật.)

- Đi xa hơn nữa, tác giả bài báo trên Quân Đội Nhân Dân còn diễn dịch một cách cụ thể trần truồng những điều mà Hoàng Ngọc Hiến còn nói quanh co bằng thuật ngữ triết lý. Thật vậy, Hoàng Ngọc Hiến bảo:

*Có thể nói rằng chủ nghĩa hiện thực chủ nghĩa ở ta trong giai đoạn vừa qua mang khá đậm dấu ấn của cái cao cả* còn bài báo trên Quân đội Nhân dân thì thẳng thừng bảo rằng người viết truyện theo đúng chính sách nhà nước chỉ nói đến *một nửa sự thật*. Ác hơn nữa, là ngay sau đó, bài báo ví von: *Phần nửa cái bành mì là bánh mì. Nhưng phần nửa sự thật đã là sự giả dối.*

Không còn chờ đợi được gì ở bọn đàn em đánh hôi nữa, giới lãnh đạo văn nghệ Hà nội đành phải đích thân ra tay giải độc.

Giới lãnh đạo văn nghệ Hà Nội phản ứng bằng hai lối:

* Về mặt lý thuyết, Trần Độ, Hà Xuân Trường, Kiều Vân viết một loạt nhiều bài đăng trên báo Đảng, báo lý luận văn học nghệ thuật, báo văn nghệ

sáng tác để đả kích lại những bài báo sai chính sách đang làm cho dư luận xôn xao. Chúng tôi sưu tập được 5 bài:

- Bài *Văn Nghệ, vũ khí của cách mạng* của Trần Độ, in lại trong cuốn *Văn Nghệ vũ khí của cách mạng*, nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1982.

- Bài *Sự nghiệp của Đảng sự nghiệp của văn nghệ* đăng trên Tạp chí Cộng Sản số tháng 3, 1980 và Nghiên Cứu Nghệ Thuật số 32 tháng 3, 1980.

- Bài *Một số vấn đề văn nghệ đang đặt ra* đăng trên Nghiên Cứu Nghệ thuật số 36, tháng 1, 1981.

- Bài *Quan hệ văn nghệ và chính trị* đăng trên Nghiên Cứu Nghệ thuật số 43, tháng 2, 1982.

- Quan trọng nhất là bài *Trao đổi về một nhận định sai lầm đối với đặc điểm văn học và nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa qua* của Kiều Vân đăng trên Nghiên Cứu Nghệ thuật số 30 tháng 1, 1980.

* Về mặt tổ chức, để nắm chắc sự hậu thuẫn của giới sáng tác văn nghệ có chân trong Đảng, bọn lãnh đạo văn nghệ triệu tập ngay đại hội các nhà văn đảng viên tổ chức tại Hà Nội vào khoảng thời gian 13.6.79 để thống nhất lập trường trước khi tung ra chiến dịch giải độc.

Về lý thuyết, trong năm bài vừa nêu trên chỉ có bài viết của Kiều Vân là quan trọng hơn cả. Những bài của Trần Độ và Hà Xuân Trường chỉ gồm những lý luận một chiều, những khẩu hiệu quen thuộc, nói chung là có cái giọng *huấn từ* của giới lãnh đạo đầu óc đã mọc rêu, không bao giờ chấp nhận có đối thoại nghiêm chỉnh.

Vì thế ở đây, chúng tôi chỉ khảo sát bài viết của Kiều Vân.

Đọc bài của Hoàng Ngọc Hiến đã là một sự vất vả, vì có quá nhiều thuật ngữ triết học và lối tránh né lập lờ quen thuộc của giới cầm bút dưới chế độ cộng sản.

Nhưng đọc bài *Trao đổi về một nhận định sai lầm đối với đặc điểm văn học và nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa qua* của Kiều Vân lại càng vất vả hơn nữa. Vất vả vì bài viết dài hơn 14 trang cỡ tạp chí chữ nhỏ, ý này tiếp nối ý kia, không xuống hàng ngắt đoạn nhiều.

Vất vả vì người viết muốn biểu diễn cái thế thượng phong để trấn áp nên đem hết kiến thức triết học ra để bày hàng.

Sau khi lược trích các điểm chính yếu trong bài của Hoàng Ngọc Hiến, Kiều Vân phủ đầu bằng cách cho rằng phương pháp lý luận của Hoàng Ngọc Hiến sơ lược, tùy tiện. Nguyên văn lời Kiều Vân như sau:

*Nếu không có cái nhìn biện chứng như vậy thì rất dễ dàng gán ghép, liên hệ một cách tùy tiện giữa những hiện tượng nọ và hiện tượng kia, giữa những khái*

*niệm nọ và khái niệm kia, và đồng thời cũng có thể bỏ qua, khu biệt hoặc gỡ rối tất cả những sự kiện, những điều kiện, những thuộc tính cần thiết rồi dễ dàng bóp méo tất cả những sự vật những hiện tượng ấy một cách tùy ý. (NCNT trang 15)*

Theo lời kết án của Kiều Vân, bài của Hoàng Ngọc Hiến sơ lược tùy tiện.

* Vì đã *qui nạp vội*:

*"Mà ngay cả những hiện tượng đời sống Hoàng Ngọc Hiến cũng không chịu nhìn trong sự nhận thức hoàn chỉnh, trong mối liên hệ biện chứng và thống nhất các mặt khác nhau của nó (thực tế xã hội lịch sử, chính trị...) anh gần như biến nó thành phổ biến và đồng nhất luôn hiện thực nghệ thuật và hiện thực đời sống để nghiên cứu" (NCNT trang 6).*

* Vì Hoàng Ngọc Hiến đã đem một mô thức văn nghệ cổ đại ở Âu Châu ra làm nền tảng đo lường định giá một hiện thực văn nghệ hiện đại tại Việt Nam:

*"Khi mới trình bày một cách sơ lược đến hai phương pháp miêu tả sự vật như nó phải tồn tại và sự vật như nó đang tồn tại mà Aristote đã đề cập, bỏ qua đi tất cả những thuộc tính có liên quan đến sự vận động xã hội và lịch sử (của ngay thời Hy Lạp cổ đại), anh gắn ngay với khái niệm về chủ nghĩa hiện thực ở ta hiện nay" (NCNT trang 16).*

Từ đó, Kiều Vân qui tội Hoàng Ngọc Hiến như sau:

*"Vì vậy, chúng tôi muốn lưu ý là khi nhìn sự vật không thông qua mối liên hệ biện chứng giữa các mặt khác nhau của nó (trong đó có cả những mâu thuẫn của bước trưởng thành) rồi thổi phồng một hay vài sự kiện cá biệt để biến nó thành bản chất, bỏ qua những thuộc tính thuộc về vận động lịch sử và xã hội cụ thể, thì về phương pháp nghiên cứu và tư tưởng chủ đạo, Hoàng Ngọc Hiến đã vô tình đi vào lối suy diễn và qui nạp của lô-gich hình thức.*

*Khi đồng nhất những hiện tượng văn học với những hiện tượng xã hội, đem khái niệm mỹ học gán cho những quan niệm còn chủ quan của mình về tình trạng đời sống xã hội..., theo chúng tôi là không khoa học, và điều này đã có những tác hại của nó.*

*Trong thời đại của chúng ta, trong ý thức hệ của chúng ta mà chỉ nhấn mạnh đến chủ nghĩa hiện thực (chứ chưa nói đến kiểu chủ nghĩa hiện thực phải đạo của Hoàng Ngọc Hiến) mà bỏ đi bản chất của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa là không đúng.*

*Vì rằng, nếu chỉ mãi truy tìm cái gọi là tính chân thật nghệ thuật một cách hình thức không thôi, mà bỏ qua đi những thuộc tính mang tính chất nguyên tắc về đấu tranh chính trị, thì những người làm công tác nghiên cứu văn học nghệ thuật cho đến nay vẫn còn suy nghĩ đến hiện tượng Lucas và những người theo chủ nghĩa xét lại trong văn học nghệ thuật đã làm như vậy. Cho là chủ nghĩa*

*hiện thực xã hội chủ nghĩa chỉ sinh ra những hình tượng văn học nghệ thuật sơ lược công thức, cho là chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa chỉ sinh ra "chủ nghĩa minh họa", những người theo chủ nghĩa xét lại đã nâng cao lên tận mây xanh cái mô hình của chủ nghĩa hiện thực (nhất là chủ nghĩa hiện thực phê phán thế kỷ 19) nghĩa là đã đồng nhất giữa ngoại diên (extension) và nội hàm (compréhension) của đối tượng văn học nghệ thuật, đồng nhất giữa khách thể và chủ thể sáng tạo một cách vô lối vào cái gọi là sự thật khách quan, bỏ qua đi tính có khuynh hướng như Lucas, hoặc đòi hỏi một kiểu tự do vô lối trong sáng tác, một đề cao tuyệt đối chủ thể sáng tạo của người nghệ sĩ một cách không giới hạn như Garaudy.*

*Từ những quan niệm sáng tạo nghệ thuật như vậy. G. Lucas, R. Garaudy và những người đi theo chủ nghĩa xét lại đòi tự do tuyệt đối một cách vô lối trong sáng tạo văn học nghệ thuật, và cũng từ những điều vu khống xuyên tạc của họ đối với xã hội chủ nghĩa, họ tấn công một cách kiên trì vào nền văn học mang tính đảng và tính có khuynh hướng của chủ nghĩa hiện thực xã hội. (NCNT trang 16).*

Xin lỗi quý bạn đọc nếu chúng tôi không còn cách nào khác hơn là phải trích lại một đoạn văn quá dài, quá nặng đầu như thế nầy, không có cách nào khác, vì trong bài báo dài thậm thượt của Kiều Vân, đây là đoạn quan trọng nhất.

Khôn khéo hơn những bài viết nặng tính chất đàn áp thô bạo, cả vú lấp miệng em của giới lãnh đạo văn nghệ đối với phong trào Nhân Văn Giai Phẩm trước 1960, bài viết của Kiều Vân cố làm ra vẻ "*khoa học khách quan*", chỉ "*trao đổi*" với Hoàng Ngọc Hiến về một vấn đề hết sức chuyên môn, là phương pháp mà thôi.

Kiều Vân chê Hoàng Ngọc Hiến hai điểm:

1 - Vì không nắm vững căn bản của chủ nghĩa Marx nên sa vào thứ chủ nghĩa sơ lược, tách rời cái cá biệt ra khỏi toàn thể, và ngay cái cá biệt được nêu lên cũng không nằm trong khuynh hướng tất yếu của toàn bộ tiến trình lịch sử.

2 - Vì dựa vào luận lý hình thức (logique formelle) nên lập luận lỏng lẻo, gán ghép tùy tiện.

Mới đọc qua thì hai điểm này có vẻ nhỏ, có vẻ như một thứ khuyết điểm thuộc phương pháp nghiên cứu hơn là một thứ tội lỗi về quan điểm tư tưởng. Nhưng không phải vậy! Ngay sau đó, Kiều Vân xếp Hoàng Ngọc Hiến vào "*thành phần xét lại*" nguy hiểm như G. Lucas và R. Garaudy ở Âu Châu. Không kết tội thẳng Hoàng Ngọc Hiến, nhưng Kiều Vân nói về Lucas và Garaudy với cái giọng hằn học như: "*Nâng cao lên tận mây xanh cái mô hình của chủ nghĩa hiện thực, nhất là chủ nghĩa hiện thực phê phán thế kỷ 19*", "*đồng*

*nhất giữa khách thể và chủ thể sáng tạo một cách vô lối", "đòi hỏi một kiểu tự do vô lối trong sáng tác", "vu khống xuyên tạc đối với xã hội xã hội chủ nghĩa", "tấn công một cách kiên trì vào nền văn học mang tính đảng và tính có khuynh hướng..."*

Hoàng Ngọc Hiến, G. Lucas, R. Garaudy và hầu hết những người trí thức văn nghệ sĩ còn chút lương tâm dưới chế độ cộng sản bị kết án nặng nề như vậy, chỉ vì thấy rõ một sự thực quá thực và quá đơn giản là: *văn nghệ phải đạo* (đúng chính sách của đảng và nhà nước) chỉ sinh ra được những hình tượng văn học nghệ thuật sơ lược, công thức, gượng ép, thiếu sống động. Điều này không chờ quần chúng thưởng ngoạn nói ra, mà hiện nay, chính những người trực tiếp đẻ ra những hình tượng gượng ép đó là giới sáng tác tự nói ra, tự phê bình. Cho dù lấy thứ lý luận dao to búa lớn nào để biện minh, Kiều Vân cũng không thể phủ nhận được thực trạng giả dối của nền văn nghệ dưới chế độ cộng sản.

Tuy vậy, ngay phương pháp luận mà Kiều Vân dùng để chỉ trích phương pháp luận của Hoàng Ngọc Hiến cũng đầy cả sai lầm, mâu thuẫn.

Không tiện đi sâu vào lý luận triết học để khỏi đau đầu bạn đọc, chúng tôi chỉ nêu lên một số điểm chính:

1 - Kiều Vân dựa vào một thứ mô thức tổng hợp gượng ép giữa luận lý học hình thức (logique formelle) và chủ nghĩa Marx để chê Hoàng Ngọc Hiến lý luận theo kiểu "lô-gich hình thức". Sự thực Hoàng Ngọc Hiến chỉ ghi nhận một số hiện tượng cụ thể, và sắp xếp tạm theo hệ thống để giải thích, chứ chưa hề áp dụng luận lý hình thức.

2 - Kiều Vân bảo Hoàng Ngọc Hiến đã dùng một thứ thẩm mỹ học khoa học (esthétique scientifique), dựa vào lý luận toán học để chứng minh sự lấn áp giữa các cặp phạm trù. Hoàng Ngọc Hiến không làm việc đó.

3 - Kiều Vân bảo Hoàng Ngọc Hiến trở lại triết học Kant về các ý niệm phạm trù và nhận thức tiên thiên. Sự thực Hoàng Ngọc Hiến chỉ nhắc đến một trong những chân lý của Kant mà ai cũng công nhận, đó là *tổng cộng của những chi tiết không thể thành cái toàn thể.*

Tóm lại, dù có đem bày hàng tất cả kiến thức triết học có được và giả bộ khiêm nhường khách quan để chụp cho Hoàng Ngọc Hiến những cái mũ "*xét lại, xuyên tạc, bôi lọ*" nền văn học phục vụ cho đảng và nhà nước, Kiều Vân vẫn không đủ sức thuyết phục được những người cần thuyết phục là giới văn nghệ sĩ.

Cho nên sau bài của Kiều Vân, giới cầm quyền phải đích thân nhập cuộc.

Trước những bài báo nêu lên tính chất giả trá của văn nghệ dưới chế độ cộng sản đăng trên Văn Nghệ Quân Đội, Quân Đội Nhân Dân và Văn Nghệ,

cùng sự xuất hiện của những bài viết *"có vấn đề"* của Nguyễn Khắc Viện và vở kịch *"Nguyễn Trãi ở Đông Quan"* của Nguyễn Đình Thi, giới lãnh đạo văn nghệ Hà Nội nhận thấy phải tìm cách chấm dứt ngay khuynh hướng đòi tự do sáng tác và tư tưởng của trí thức văn nghệ sĩ.

Một số biện pháp đã được đưa ra, nhưng khác với vụ Nhân Văn Giai Phẩm, lần này các biện pháp ít tính chất đàn áp lộ liễu hơn.

Về mặt tổ chức, giới lãnh đạo văn nghệ Hà Nội cần tìm hậu thuẫn chắc chắc của các văn nghệ sĩ đảng viên trước khi đưa ra một phong trào gì.

Tháng 6 năm 1979 giới lãnh đạo văn nghệ cho triệu tập hội nghị các nhà văn đảng viên tại Hà Nội để mong hội nghị này sẽ đưa ra một thứ "nghị quyết văn nghệ" đúng chính sách chủ trương của Đảng. Theo dư luận bên ngoài, thì đại hội này đã hoàn toàn thất bại.

Bí thư đảng đoàn hội nhà văn là Nguyên Ngọc thay vì đọc một bản "báo cáo" cực lực lên án lập luận của Hoàng Ngọc Hiến hay ý kiến của Nguyễn Minh Châu, lại xác nhận "nền văn học cách mạng" chưa có giá trị đáng kể.

Hai loại ý kiến thường nghe thấy trong đại hội là:

a - Sự bất mãn của lớp văn nghệ sĩ trẻ có tài không có thế lực chính trị đối với lớp văn nghệ sĩ già nhưng cứ cố bám vào những ghế lãnh đạo;

b - Giá trị khiêm nhường của nền văn nghệ "cách mạng".

Hai loại ý kiến này dường như được mọi đảng viên tham dự đại hội chia sẻ, nên Tố Hữu đã phải đến đọc một bài "huấn thị" với lời lẽ vuốt ve xoa dịu hơn là công kích đàn áp.

Bài nói chuyện này về sau nhà xuất bản Sự Thật Hà Nội có cho in lại trong cuốn *Văn Nghệ, Vũ Khí của Cách Mạng* (Hà Nội 1982) cùng với bài viết của Trần Độ và Hà Xuân Trường, coi như tập sách chính thức của đảng để đối phó với phong trào phản kháng của giới văn nghệ sĩ.

Bài nói chuyện của Tố Hữu có nhan đề là: *"Văn học là cuộc đời"*. Một vấn đề hiển nhiên tưởng không còn gì phải bàn cãi nữa! Văn học nghệ thuật nói chung phản ảnh cuộc đời. Nhưng bạn đọc chớ vội nghĩ cuộc đời mà văn học phản ảnh theo lối nhìn của lãnh đạo văn nghệ cộng sản là cuộc đời có thực trước mắt chúng ta. Không cuộc đời theo lối nhìn của Tố Hữu khác hẳn. Hãy nghe Tố Hữu nhắc đi nhắc lại đến bốn lần một ý tưởng: *Thế nào là sự thực cuộc đời*:

*"Phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa mà chúng ta chấp nhận yêu cầu miêu tả hiện thực một cách chân thật, đúng với bản chất và xu thế phát triển tất yếu của sự vật. Bởi vậy, đối với văn học, điều quan trọng trước hết là nhận thức cho đúng hiện thực". (1)*

Một lúc sau, tố Hữu lại nói:

*Văn học phải phát xuất từ cuộc sống. Tất nhiên đó là cuộc sống thật của nhân dân ta, của thời đại. Và tôi muốn nhấn mạnh: cuộc sống có ý thức, cuộc sống xã hội chủ nghĩa (2).*

Ngay sau đó, Tố Hữu lặp lại:

*Không, chúng ta không phải là những người nhắm mắt trước sự thật. Nhưng vấn đề là phải biết nhìn sự thật như thế nào? Phải biết phân biệt đâu là trắng đen, trong đục, phải biết nắm bắt lấy bản chất và xu thế của sự vật, của xã hội, để mà ghi chép nó, miêu tả nó với sự nhận biết minh mẫn, với sự xúc động chân thành, bằng ngôn ngữ phong phú của nghệ thuật. Và đó là công việc của người nghệ sĩ chân chính (3).*

Cuối cùng, ngay sau khi nói như vậy, Tố Hữu cố ý lặp lại lần chót:

*Văn nghệ là tiếng nói của tình cảm. Nhưng tình cảm của chúng ta là tình cảm có lý trí soi sáng. Không có lý trí thời không có tình cảm đẹp. Có lý và có tình, đó là nét đặc trưng của con người chân chính. Văn học nghệ thuật cách mạng phải là nền văn học nghệ thuật ấy, có lý, có tình". (4).*

Cả bốn lời khẳng định của Tố Hữu đều chỉ lặp lại một điều nôm na đơn giản: *Văn nghệ sĩ có quyền sáng tạo bằng sự thật cuộc đời và tình cảm cá nhân, nhưng cách nhìn sự thật và diễn tả tình cảm thế nào, thì phải theo lời dạy của Đảng.*

Biết chắc chắn lập luận một chiều đó không thể thuyết phục được giới văn nghệ sĩ có mặt trong hội nghị (dù họ đều là đảng viên), nên Tố Hữu dành phần chót bài nói chuyện để vỗ về.

Về giá trị khiêm nhượng của *văn học cách mạng*, Tố Hữu ví von,:

*"Giá như không có hoa hồng, tôi bằng lòng một hoa sim vì nó là hoa. Ai bảo hoa sim không có vẻ đẹp của nó? Nếu phải đi qua một ngọn đồi, nắng nực, không có bóng mát, anh sẽ thấy thương hoa sim biết bao! Và nếu anh nghĩ rằng nó có thể cho anh quả ngọt, dẫu là một quả sim. Ca dao nói vậy đó "Đói lòng ăn một quả sim" chứ có phải một quả cam đâu? Đứng về ý nghĩ đó, thì một quả sim đáng để cho ta thương hơn mười quả cam trong một hoàn cảnh khác. Tôi chúc mừng một quả sim đó, quả sim của con nhà nghèo". (5)*

Về mối mâu thuẫn gay gắt giữa giới trẻ và giới già trong văn nghệ, Tố Hữu cũng nói hàng hai:

*Tôi hoàn toàn tin tưởng ở các thế hệ chúng ta. Tre già thì măng mọc. Nhưng chúng ta hôm nay lại được may mắn có nhiều thế hệ cùng một thời, có thể đem lại cho nhau, bồi bổ cho nhau rất nhiều sức sống và kinh nghiệm. Chủ nghĩa cộng sản đúng là mùa xuân (!) của loài người. Người cộng sản không biết tuổi già. (6)*

Tóm lại, bài nói chuyện của Tố Hữu không giải quyết được gì cả, chỉ vỗ

về bên này một ít, bên kia một ít, cho vui vẻ cả làng và cho giới văn nghệ nhớ vai trò tuyệt đối của đảng mà nên biết điều, ngoan ngoãn trở lại.

Phản ứng có vẻ chính thức và đúng bài bản nhất, có lẽ là các bài viết của Hà Xuân Trường, thứ trưởng bộ Văn Hoá Thông Tin.

Hiện chúng tôi sưu tập được tất cả ba bài của Hà Xuân Trường:

Bài *sự nghiệp của đảng sự nghiệp của văn nghệ* đăng trên Tạp Chí Cộng Sản số 3/198.

Bài *Một số vấn đề văn nghệ đang đặt ra* đăng trên Nghiên Cứu Nghệ Thuật số 36, tháng 1/1891;

Và bài *Quan hệ văn nghệ và chính trị* đăng trên Nghiên Cứu Nghệ Thuật số 43, tháng 2/1982.

Cả ba bài báo đều có một lối lập luận hết sức "công thức và sơ lược", quanh đi quẩn lại chỉ có bấy nhiêu ý tưởng, như:

- Văn nghệ phải luôn luôn có tính dân tộc, tính đảng và tính nhân dân.

- Đường lối lãnh đạo văn nghệ từ trước tới nay luôn luôn sáng suốt, đúng đắn.

- Văn nghệ cách mạng đa dạng, phong phú hơn bất cứ nền văn nghệ nào!

- Những khiếm khuyết hay bất mãn trong văn nghệ chỉ là tạm bợ và không quan trọng, chỉ là hiện tượng nhất thời.

- Những gì một số người nêu ra để nghi ngờ giá trị văn nghệ cách mạng đều là sai lầm, do chưa có lập trường vững vàng, v.v...

Nói chung, những bài của Hà Xuân Trường chỉ rặt giọng tuyên truyền một chiều, không dựa trên một hệ thống lập luận khách quan nào để thuyết phục hoặc hóa giải khó khăn.

Thời điểm ba bài viết của Hà Xuân Trường (tháng 3/1980, tháng 1/1981, tháng 2/1982) chứng tỏ rằng mãi cho đến năm 1982, vụ xét lại giá trị văn nghệ dưới chế độ cộng sản Việt Nam vẫn chưa ngã ngũ, nghĩa là cái nút do Nguyễn Minh Châu và Hoàng Ngọc Hiến đặt ra, giới đạo văn nghệ vẫn chưa gỡ xong.



Những cái nút ấy không thể gỡ nổi chừng nào chế độ chuyên chính cộng sản còn phủ nhận bản chất phức tạp của con người, còn muốn dùng bạo lực ép buộc cuộc đời rập theo một khuôn khổ không tưởng và phi lý. Ngay từ thời chiến tranh những năm 60, lúc chuẩn bị viết cuốn "*Dấu chân Người lính*", Nguyễn Minh Châu đã thấy có cái gì không ổn trong nề nếp sinh hoạt văn nghệ. Ông từng ghi vào nhật ký: "*Trong cuộc chiến đấu giành lại đất nước với kẻ thù bên ngoài hai mươi năm nay, ta rèn cho dân tộc ta bao nhiêu đức tính tốt đẹp như lòng dũng cảm, sự xả thân vì sự nghiệp của Tổ Quốc. Nhưng bên*

*cạnh đó, hai mươi năm nay ta không có thì giờ để nhìn ta một cách thật kỹ lưỡng. Phải chăng bên cạnh những đức tính tốt đẹp thì tính cơ hội, nịnh nọt, tham lam, ích kỷ, phản trắc, vụ lợi, còn được ẩn kín và đã có lúc ngấm ngầm phát triển đến mức gần như lộ liễu? Bây giờ ta phải chiến đấu cho quyền sống của từng con người, làm sao cho con người ngày một tốt đẹp. Chính cuộc chiến đấu ấy mới lâu dài"* (7)

Một nỗi lo âu ray rứt thường xuyên ám ảnh ông, nỗi lo quyền sống đơn giản mà thiêng liêng của từng con người bị guồng máy xã hội chà đạp tàn nhẫn. Nỗi lo của người cầm bút trung thực thấy những đồng nghiệp quanh mình vì sợ hãi đã bẻ cong ngòi bút, dùng tài năng phụng sự cho giả dối, man trá.

Sau khi những cuộc tranh luận về tự do sáng tác (do Nguyễn Minh Châu khởi xướng rồi Hoàng Ngọc Hiến quảng diễn, phát động) tạm lắng, Nguyễn Minh Châu đã phãi trải qua mấy năm khủng hoảng tinh thần, không còn hứng thú viết lách gì nữa. Trong một cuộc phỏng vấn gần cuối đời (đăng trên tuần báo Văn Nghệ), ông tâm sự:

*"Vào quãng năm 1980 trở đi, hoặc nói rộng ra, từ sau 1975, chưa có hồi nào các nhà văn Việt Nam chúng ta trăn trở nhiều đến như thế (...) Đó là những năm các nhà văn nghĩ rất nhiều và băn khoăn day dứt rất nhiều về mối quan hệ giữa văn học và đời sống thực tại đang một ngày một xa. Nhà văn lớn tuổi và có lương tâm cầm bút rất khó khăn. Tôi là người viết trong bộ đội, những năm chống Mỹ ác liệt, có lúc ở chiến trường sống bên cạnh cái chết nhưng khi ngồi viết thì thanh thản, còn về sau này nhất là vào những năm 1983, 1984, có đôi khi mình cầm bút mà cảm giác y như đứng giữa trận tiền, viết ra một cái gì đưa để in, trở về nhà ngồi nghĩ lại, lại đâm sợ cái vừa được làm ra..."*

Chính tâm cảnh ưu uất đó đã thúc giục Nguyễn Minh Châu phải lên tiếng một lần cho thật dứt khoát, cho thật sòng phẳng với lương tâm người cầm bút.

Tháng 10 - 1987, ông viết và cho Đăng bài "*Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh họa*". Đây là tiếng kên trầm thống nhưng bình tĩnh của một người trung thực.

Nguyễn Minh Châu viết "*Ai điếu...*" với một giọng tâm sự buồn bã và khiêm nhường, ông không dao to búa lớn. Ông chỉ thành thật nhìn lại, suy nghĩ về cuộc đời cầm bút của chính mình. Ông thú nhận nỗi sợ hãi đã làm cho chính ông, và bạn bè cầm bút của ông, trở thành những kẻ hèn nhát "*y như kẻ gian phi*", lúc nào cũng dáo dác nhìn trước nhìn sau y như đang "*lén lút thu giấu cái gì trong cạp quần hay dưới áo*".

Ông kể chuyện một nhà văn đàn anh (có lẽ là Nguyễn Tuân) một lần nâng chén rượu lên môi với các bạn văn nhỏ tuổi hơn: "*Tao còn sống đến bây giờ*

*là nhờ biết sợ". Nói rồi ngửa mặt lên trời cười rung gường, nước mắt tuôn lã chã, giọt đổ xuống đất, giọt đổ vào lòng*".

Ông lại kể chuyện một nhà thơ lớn như Xuân Diệu muốn viết hai tập "*Các nhà văn cổ điển Việt Nam*" mà "*phải rào đón, dựng lên bao nhiêu là lớp phên che*" rồi mới dám viết.

Từ những mẩu chuyện xót xa đó, Nguyễn Minh Châu nghĩ rộng ra những điều phổ quát hơn. Ông cho rằng do sự độc đoán và áp chế của lãnh đạo văn nghệ mà người nghệ sĩ chân chính luôn luôn bị mặc cảm phạm tội, hậu quả là: "*cũng trong một con người cầm bút, có khi cái phần bất tài nhảy lên bục tao đàn để múa may, còn cái phần tài năng thì trùm chăn nằm chờ ngày xuống mồ*".

Nguyễn Minh Châu cho rằng: "*Tài năng, nhất là những thiên tài, bao giờ cũng như là của bắt được, của trời cho, ai mà biết được bao giờ thì họ đến*", "*nhiệm vụ của chúng ta là chuẩn bị bầu không khí cho họ thở, cho họ sống, đừng giết chết họ, đừng ghen tị với họ, đừng làm họ thui chột trí tuệ lẫn tình cảm, đừng khiến họ cuối cùng trở thành chúng ta!*".

Đừng khiến họ cuối cùng trở thành chúng ta! Thật là lời tự thú xót xa của một người cầm bút thấy cả đời mình trở thành vô ích, dù đã đổ ra biết bao nhiêu tài năng và tâm huyết.

Bằng một sự dũng cảm mà Vương Trí Nhàn gọi là "*sự dũng cảm rất điềm đạm*", Nguyễn Minh Châu đã dùng những lời tâm sự chân thành cuối đời ông khuyến khích các tài năng trẻ như Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài, Nguyễn Duy...

Ông trở thành biểu tượng của một nhà văn đàn anh có lương tâm cầm bút, khác hẳn hình ảnh khép nép vâng dạ của nhiều người cầm bút khác.

Cùng với Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Minh Châu được giới văn nghệ sĩ trẻ tuổi hiện nay tại Việt Nam kính trọng, vì cả hai đều đã dám cất lên tiếng nói của lương tâm.

**Chú Thích**

(1) Văn nghệ vũ khí cách mạng, Sự Thật, Hà Nội 1982 trang 5.
(2) Văn nghệ vũ khí cách mạng, Sự Thật, Hà Nội 1982, trang 8.
(3) Văn nghệ vũ khí cách mạng, Sự Thật, Hà Nội 1982, trang 10.
(4) Văn nghệ vũ khí cách mạng, Sự Thật, Hà Nội 1982, trang 11.
(6) Văn nghệ vũ khí cách mạng, Sự Thật, Hà Nội 1982, trang 12.
(7) Vương Trí Nhàn, Sự dũng cảm rất điềm đạm, Tạp chí Sông Hương, tháng 12-1989.

# hòa đồng cùng nhân loại



*Nguyễn Minh Châu*

Tôi nhớ hồi bấy giờ ở miền Bắc, chiến tranh phá hoại của Mỹ vừa chấm dứt, tôi đang đi thực tế ở một tỉnh miền Trung bị ném bom nặng nề, theo dự định đáng lẽ tôi đã có thể trở ra Hà Nội nhưng tôi cứ phải nấn ná ở lại – vì một sự tò mò: ở đấy tỉnh ủy sắp họp để bàn sau khi chiến tranh chấm dứt có nên cho phép các xã mở lại chợ hay không – nếu không nghĩa là sẽ vĩnh viễn sống tiếp tục như những năm chiến tranh, không bao giờ còn có chợ búa!

Ngày hôm nay nhắc lại những chuyện này nghe nó vô lý và buồn cười nhưng xin đừng quên chỉ cách đây một số năm không xa, chúng ta vẫn thường nghĩ và quan niệm cuộc sống như một anh binh nhì mà chúng ta hoàn toàn có thể nắm chắc và điều khiển bằng những nghị quyết và mệnh lệnh quân sự – "như anh đã biết thừa ra đấy – ngày ấy một đồng chí tuyên huấn là thường vụ tỉnh ủy đã nói với tôi – Tỉnh này của chúng tôi trong bao nhiêu năm là tuyến lửa, mảnh đất vang dội tiếng tăm anh hùng trong khắp cả nước, mỗi người dân chúng tôi đã từng đội hàng chục tấn bom đạn, đã từng phá nhà để lót đường cho xe, pháo đi. Cái nếp sống ấy, đến đứa con nít của chúng tôi cũng đã quen sống như vậy, thế mà nay, nếu cho mở chợ tức là vô tình giáo dục cho người ta cái lối nghĩ, cái nếp sống của người "kẻ chợ", cái tư tưởng "con buôn" ở chợ búa, nó phức tạp lắm, nó bụi bặm lắm! Rồi thì những người dân anh hùng của chúng tôi ở đây sẽ hỏng hết!

Biết đến bao giờ mới xây dựng lại được những con người như trong những năm bom đạn?"

Hồi bấy giờ tỉnh ủy phải thức thâu đêm họp đi họp lại nhiều phiên về việc có nên cho mở lại chợ hay không, trong khi đó thì cuộc sống hòa bình vừa mở ra không hề chờ đợi nghị quyết tỉnh ủy, dân trên vùng thượng du lũ lượt, kĩu kịt gánh sắn xuống biển đổi lấy cá, lấy muối, dân làm ruộng bắt đầu tìm

nơi rèn thêm lưỡi cày, dao, liềm,... Đồng tiền sau nhiều năm mất biến đi nay lại xuất hiện, và những cái chợ cứ sống lại. Khắp các làng xã chợ búa cứ sống lại, cứ đông đúc mãi lên... như một lời tuyên ngôn của đời sống.

Ngày nay đã trên mười năm sau chiến tranh, đi khắp kẻ chợ đến làng quê trên nửa đất nước miền Bắc, chợ búa, thị trấn đã nhóm họp lại tất cả, thậm chí lại có cả chợ đen chợ đỏ, chợ giời, thậm chí người ta còn phàn nàn rằng: cả nước này đi buôn, người người biến thành con buôn!

Ngày nay, dân tộc Việt Nam như một con người sau hàng chục năm sống tách biệt với đồng loại đang chỉ vào ngực mình mà tự hỏi: "Ta là ai?", và đứng trên ngưỡng cửa quen thuộc nhà mình với hai cánh cửa lúc khép chặt lúc mở he hé, ta nhìn ra thế giới, nhìn nhân loại (cái nhân loại đa dạng, đa diện, đầy phức tạp, đầy bụi bặm), rồi lại quay lại nhìn mình...

Chúng ta đang sống trong một cái thời những người anh hùng và các đức thánh đang phấn đấu để trở thành người bình thường giữa cõi đời.

Thuật lại câu chuyện "chợ búa" ở trên, tôi chỉ muốn lấy đó làm cớ để nói rằng đã có một số năm tháng khá dài trong quá khứ chưa lâu, trong những nhân vật lãnh đạo và cả trong những con người bình thường đông đảo đã tồn tại không ít những "đầu óc lớn" mong muốn dân tộc này phải bao gồm những con người rắn như sắt, gang, cao cả như thần thánh, là một cái gì đứng ngoài nhân loại, trên nhân loại có một phần nào với một tinh thần kiêu ngạo và chúng ta đã từng ngờ vực, dè bỉu, chế riễu và phê phán một cách thương hại tất cả những ai trên thế giới sống khác chúng ta, khác với lối nghĩ, lối sống của Việt Nam anh hùng, từ đó có xu hướng không chấp nhận, chối bỏ bất cứ những cái gì khác chúng ta.

Trong khi Việt Nam lấy mình làm thước đo cả thế giới như vậy thì nhờ tốc độ tiến bộ kỳ diệu của khoa học kỹ thuật cuối thế kỷ 20, nhân loại đã đi những bước khổng lồ. Không nói đâu xa, ngay các nước châu Á ở ngay kề sát ta, mới cách đây ba bốn chục năm, còn ở trình độ như ta hoặc lạc hậu hơn ta, đã bỏ chúng ta rất xa về mặt phát triển và mức sống. Chúng ta đã bị bỏ lại sau, đến cái mức chúng ta đánh mất khả năng đối thoại với nhân loại và lạc lõng trước văn minh nhân loại.

Vì thế, theo tôi nghĩ, ý nghĩ xu thế đổi mới tư duy hiện nay có phần nhằm mục đích làm sao Việt Nam có chung "ngôn ngữ" với toàn thể loài người đang sống trong thế giới hiện đại. Chúng ta không thể như một lão thầy mo đóng kín cửa để "canh tân đất nước".

Thực sự đây là một cuộc "trở mình" lịch sử của đất nước, hay nói khác, một lần "cắt kén" để con ngài hóa thành con bướm, để Việt Nam bay lên hòa mình cùng nhân loại, nói tiếng nói chung của nhân loại.

Cuộc "thoát xác" đầy đau đớn đầy cực nhọc này liệu chúng ta có thể làm

được hay chỉ làm hình thức, làm cho có vẻ, và mãi mãi Việt Nam vẫn chỉ là một con ngài nằm khoanh tròn trong chiếc kén, đầy bưng bít, để gặm nhấm đồng thời cả tinh thần tự ty và sự kiêu ngạo.

Có vẽ dường như chúng ta vẫn chưa thoát ra cái gông cùm của hệ thống tư tưởng cũ, hệ thống quan niệm cũ đầy bảo thủ, đầy kiện định và vẫn còn đầy quyền hành, luôn luôn được nuôi dưỡng trong đất, hàng chục năm đã cắm rễ trong đất? Chẳng lẽ rồi ra mọi tư tưởng mới mẻ trên mọi lãnh vực chỉ là "trò chơi" đổi mới, không sao thực hiện chiếm lĩnh được chỗ đứng chính thống.

Hãy biết rằng cho đến ngày hôm nay, số đông mọi tầng lớp người Việt Nam đã từng trải, đã bắt đầu nhận thức lại mình và thế giới, những đổi mới sâu rộng của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa mang bên trong ý nghĩa sám hối đang đập vào mọi khối óc và trái tim người Việt Nam. Người ta chợt nhận thấy: một khi đã dám nói thực, sao mà con người trong nhân loại giống nhau thế? Những vấn đề đã xảy ra ở các nước xã hội chủ nghĩa của các lục địa sao giống nhau thế?

Ngày hôm nay, người Việt Nam đã thấy ra rằng: Đất nước yêu dấu này, cái đất nước mà mọi con người Việt Nam yêu nước phải dùng máu và nước mắt suốt ba mươi năm để gìn giữ, bảo vệ, ngày hôm nay không thể cứ tiếp tục sống tách biệt với thế giới, không thể khép mình lại. Chúng ta tin với sự lãnh đạo của Đảng đang đổi mới và nhất là với dân trí như hiện nay, khúc lịch sử dân tộc ấy nhất định không thể lập lại vào những năm cuối thế kỷ 20. Dù phải chấp nhận cả cái giá nhất định của sự mở cửa, chúng ta cũng không tìm cách sống hòa hợp, hòa đồng, cởi mở cùng nhân loại, bắt kịp nhịp đi của thời đại, để tìm con đường cơm no áo lành cho sáu chục triệu con người.

**(trích tạp chí Văn số 2, thành phố HCM, số cuối năm 1988)**

# viết về chiến tranh



*Nguyễn Minh Châu*

Viết về hai cuộc chiến tranh, viết về chiến tranh, nhiều đồng chí cầm bút viết văn trong bộ đội đã đứng tuổi nhiều lần nói tới công việc đó như một trách nhiệm, một món nợ chưa trả được. Một món nợ chưa trả và không thể nào quên. Viết về chiến tranh... Mấy tiếng ấy không chỉ đơn thuần là chuyện một đề tài văn chương, mà còn có gì đây? Có máu thịt của mình. Kẻ còn sống và người đã chết. Có kỷ niệm, đồng đội, đồng chí mình. Có cuộc đời mình và cuộc đời dân tộc.

Những năm tháng kháng chiến, những lo toan, những chuyến đi với một khẩu súng và một chiếc ba lô tưởng như sẽ đi mãi mãi, những con người và sự kiện vẫn còn nằm yên ngủ trong hàng trăm, ngàn trang sổ tay nhòe nước mưa và bụi đất, ta dặn ta rằng phải viết ra, phải viết ra, nhưng viết ra như thế nào đây? Hai cuộc kháng chiến dài như một đời người. Ta sống với nó trong giai đoạn mở đầu khi còn là một chàng trai vừa nhớn lên nhìn đời bằng đôi mắt mơ mộng, và trong giai đoạn kết thúc chiến tranh, ta đã trở thành một người đàn ông bốn năm mươi tuổi đã từng trải, đôi lúc ta tưởng như ta đã đo được hết chiều cao của tầm vóc con người và chiều sâu hun hút của lòng người, đôi lúc tưởng như cuộc sống từ nay chỉ là sự lặp lại những điều mà chúng ta đã quan sát thấy, đã chiêm nghiệm được.

Những cái đã viết ra, ít hoặc nhiều, thể loại này thể loại khác, là những trang đã viết giữa hai trận đánh trước hết với ý thức nóng bỏng được góp phần cùng toàn dân tham gia đánh giặc. Những tác phẩm viết trong lứa tuổi 20, 30 đó, có lúc nào ngoái nhìn lại, chúng ta vừa bằng lòng với nó, vừa không bằng lòng với nó.

Tại sao bằng lòng? – Vì nó được viết ra vào lúc đó chứ không phải bây

giờ. Nó có cái bồng bột, đằm thắm, nóng hổi và hăng say của bấy giờ mà một người đứng tuổi và dày dạn cuộc sống đã đánh mất. Tại sao không bằng lòng? – Có nhiều duyên cớ nhưng cớ chính là từng con người chúng ta – con người cầm bút cũng như con người cuộc đời – đã già dặn hơn, đã nhìn đời bằng con mắt tinh tường hơn. Bây giờ cùng một lúc chúng ta đã đi gần đến với cả cuộc đời và văn học hơn, bởi vì cuộc đời và văn học đều có chung một tiêu điểm là con người. Hơn nữa, bây giờ chiến tranh đã kết thúc, chúng ta cùng các nhân vật của mình đã đi trọn vẹn một thời kỳ ba mươi năm ở đấy tất cả những vấn đề quy luật của chiến tranh đã phát triển trọn vẹn, những số phận và tính cách nhân vật cũng đã phơi bày trọn vẹn. Nhờ đó mà người cầm bút có một cái nhìn đầy đủ hơn, không phải chỉ một năm mà trên tất cả các mặt của cuộc sống kháng chiến vô cùng quyết liệt và đa dạng như nó vốn có.



Gần đây trong một lần ngồi nói chuyện vui, các đồng chí biên tập nhà xuất bản Quân đội nhân dân đã nêu ra với các đồng chí sáng tác một băn khoăn của mình: Rồi đây chúng ta sẽ in ra hàng chục cuốn hồi ký của các đồng chí tướng lĩnh, trong đó có rất nhiều sự kiện, nhiều bối cảnh lịch sử được kể lại một cách hết sức cụ thể. Vậy thì tiểu thuyết sẽ làm cái gì đây? Tiểu thuyết viết về chiến tranh sẽ tìm trong lãnh vực nào để cho mình có một chỗ đứng không trùng lặp với chỗ đứng của hồi ký chiến tranh?

Điều băn khoăn hay câu hỏi trên đây cũng chỉ là một câu hỏi đặt ra trong một hoàn cảnh cụ thể của một câu hỏi chung, nhằm hỏi tình hình văn học viết về chiến tranh lâu nay: Con người hay sự kiện?

Câu trả lời dường như không phải lựa chọn nữa: Phải viết về con người, tất nhiên con người không tách rời sự kiện chiến tranh, không phải riêng với tiểu thuyết, mà là câu trả lời chung cho các thể loại văn học. Từ bao lâu ta vẫn sáng tác theo tinh thần nguyên tắc ấy, thế nhưng dường như người đọc vẫn chưa thỏa mãn với những cái chúng ta đã viết, dường như ở trong các tác phẩm viết về chiến tranh trước đây, kể cả tiểu thuyết, nhân vật chỉ đóng vai trò làm đường dây để xâu các sự kiện lại với nhau. Nhân vật đều có hành động, suy nghĩ có khi làm mẫu mực cho mọi người noi theo, lại còn có số phận ngoắt ngoéo éo le nhưng rất thực nữa, thế nhưng tại sao nhân vật vẫn mờ nhạt, người đọc vẫn thấy các nhân vật đã bị sự kiện lấn át, như các nhà phê bình thường nói?

Tình hình trên tất nhiên không phải do người viết chịu ảnh hưởng một khuynh hướng văn học nào đó của phương Tây nhằm xóa bỏ vai trò con người, vai trò nhân vật, mà là do những nguyên nhân rất gần gũi: Cuộc sống chiến tranh bao giờ cũng chồng chất biến động và sự kiện mà con người bình thường không phải bao giờ cũng làm chủ được, thấy trước được. Thử nhìn

vào đời từng người chúng ta, hình như được tạo nên bởi vô vàn biến động và sự kiện không thể đếm xuể? Những điều gì mà bây giờ các nhà viết sử đang ghi chép đều có một quá trình diễn biến, từng nhân vật của chúng ta đều tham dự, đều suy nghĩ và hành động trong cái quá trình ấy, đều chịu sự tác động của nó và tích cực tác động lên nó, hết sự kiện này đến sự kiện khác.

Các nhà văn chuyên viết về chiến tranh cầm bút trong một hoàn cảnh thật khác xa với những cái mà đôi khi chúng ta đã bắt gặp thấy trong những hoàn cảnh xã hội hàng trăm năm con người chỉ trải qua những biến đổi nhỏ nhặt. Chúng ta đã thường nói với nhau dù một trí tưởng tượng phong phú và bất ngờ đến đâu cũng không thể nghĩ ra được những gì đã xảy đến trong chiến tranh, hoặc chỉ xét riêng một sự kiện thì cái yếu tố bất định và quyết liệt của nó đối với con người cũng rất to lớn. Chúng ta lại bước ra khỏi chiến tranh chưa được bao lâu, vì thế trước mắt, những biến động và sự kiện hiện ra như những trái núi phủ trùm lên trí tưởng tượng và óc sáng tạo của những người sáng tác. Văn học viết về chiến tranh hình như nhất định phải trải qua một giai đoạn ngắn như thế: diễn tả cái đang diễn ra sôi sục bên ngoài, rồi trước sau con người cũng leo lên trên các sự kiện để đòi "quyền sống". Tình hình thực tế cũng đang diễn ra như vậy.

Đến đây chúng ta có thể thấy được nguyên nhân ra đời và nguyên nhân thành công của những khuynh hướng sáng tác mô phỏng thực tế, một khuynh hướng ra đời trong kháng chiến cùng phong trào viết người thực việc thực, công việc viết truyện các anh hùng v.v... khuynh hướng ấy đã đóng góp những tác phẩm tốt vào phong trào văn học.

Trong vô vàn nhu cầu của đông đảo người đọc, có một nhu cầu muốn tìm hiểu các sự kiện, muốn biết rõ thêm về các sự kiện trong chiến tranh: Con người ta bao giờ cũng chỉ là một mảnh trong cái toàn thể, không phải một người đã tham gia chiến tranh thì đã hiểu được tận cái guồng máy của nó. Chúng ta đoán những hồi ký của các cán bộ cao cấp, các vị chỉ huy sẽ giúp chúng ta hiểu rõ thêm những con người và sự kiện đã từng quyết định vận mệnh đất nước. Nhân đây chúng tôi chỉ muốn phát biểu một ý kiến: Chiến tranh bao giờ cũng có hai phía nhằm tiêu diệt nhau và giành chiến thắng về phía mình. Vì thế những vị chỉ huy cao cấp hoặc những nhà lãnh đạo chiến tranh rất tài giỏi của chúng ta trước khi đi đến một quyết định chắc chắn bao giờ cũng phải trải qua một quá trình dò tìm, có thể lúc thì thấy vấn đề thế này, lúc thế khác, quá trình dò tìm vừa của trí tuệ từng cá nhân siêu việt, vừa của cả tập thể có khi có nhận định không phù hợp với thực tế hoặc sai lầm, rồi lại trải qua những quá trình nhận định lại và điều chỉnh lại, để, trong trăm phương nghìn kế, rút ra một quyết định đúng đắn nhất. Trong hành vi của những người chỉ huy có một công việc: hạ quyết tâm. Hình như các hồi ký

chiến tranh của các vị chỉ huy của ta chưa mô tả kỹ những chặng đường khúc khuỷu để đi đến hạ quyết tâm. Vì thế mà cái phần trí tuệ trong các tác phẩm ấy chưa thật rõ nét chăng?



Con người vừa chịu sự chi phối của hoàn cảnh, vừa tìm mọi cách tác động lên nó. Quá trình vật lộn giữa con người và hoàn cảnh cũng là quá trình con người làm xuất hiện những quy luật mới của đời sống. Mỗi tác phẩm của nhà văn là một cuộc săn tìm những quy luật mới không phải bao giờ cũng xuất hiện luôn luôn, có khi lại là những quy luật rất cũ kỹ từ khi có con người và cuộc sống loài người, nhưng thêm một lần nữa được nhắc lại dưới một biểu hiện cụ thể, và mang màu sắc hiện tại, vì thế có những nét riêng mới, cộng thêm với tài năng phô diễn độc đáo, nhà văn có thể dùng nó để tạo nên những tác phẩm đúc kết được cả một giai đoạn của đất nước và dân tộc mình. Vì lẽ đó cho nên xưa nay những tác phẩm như vậy bao giờ cũng vừa có tính riêng vừa có tính chung, nói đến chuyện dân tộc này mà khiến cho dân tộc khác phải lấy làm bài học, nói đến một người mà bao quát được số phận chung của nhiều người.

Xưa nay những tác phẩm mang chủ đề tính quy luật của cuộc sống như vậy thường mang đến cho nhân loại một lời cảnh tỉnh, một bài học sâu sắc, do đó thúc đẩy không ngừng sự tiến bộ. Không ít cuốn sách loại như vậy đã được thể hiện, trong bối cảnh cách mạng và chiến tranh, bởi vì như nhiều người đều thấy, cách mạng và chiến tranh là một thử thách khắc nghiệt nhất đối với con người. Nó có một sức lay động rất sâu xa. Cách mạng và chiến tranh là một cuộc xét duyệt trên tất cả các mặt xã hội, tâm lý, đạo đức... Trong bão tố của cách mạng và chiến tranh, con người phải phơi bày cái bản chất của mình ra nhanh chóng hơn lúc bình thường. Trong cách mạng và chiến tranh không có sự ve vuốt để yên tâm, thói lịch sự để che đậy, mọi con người đều là chính mình nhất.

Nhìn lại những tác phẩm viết về chiến tranh của ta, các nhân vật thường khi có khuynh hướng được mô tả một chiều, thường là quá tốt, chưa thực. Hình như tất cả những mặt tính cách đa dạng phải phơi bày trong đời sống thực thì lại có thể tạm thời giấu mình trên trang sách. Vì ý thức cổ động kháng chiến một phần, một phần khác có phải do quan niệm sơ lược về nhân vật anh hùng? Cho đến ngày nay những người viết chúng ta đã tiếp thu được những kinh nghiệm các nền văn học của các nước xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn ấu trĩ, không đến nỗi những người cầm bút vẫn còn nhìn nhận nhân vật anh hùng cách mạng như một siêu nhân, nhưng tại sao các nhân vật của họ rồi vẫn như thế?

Chúng tôi suy nghĩ và thấy có một nguyên nhân vì: trong cả hai cuộc

kháng chiến, bao giờ chúng ta cũng có một kẻ yếu phải đánh nhau với những kẻ thù mạnh, mà bắt buộc chúng ta phải thắng bằng bất cứ giá nào, vì sự sống còn của đất nước. Phải chăng những đặc điểm đó bắt buộc chúng ta tạm gác lại những sự thực đau lòng, những thất thiệt, những mặt tính cách nào của từng con người không trực tiếp tạo nên chiến thắng. Không những trong tác phẩm văn học mà trong quan hệ bình thường của cuộc sống cũng vậy, mỗi người chúng ta không những cần phải gan dạ, dũng cảm, mà còn có nhiệm vụ động viên người khác gan dạ, dũng cảm, trách nhiệm ấy không cho phép mỗi người nói đến sự sợ hãi, nỗi lo âu và tính toán cá nhân. Đó chẳng phải là một thói quen trong những năm kháng chiến? Như thế là, một khuynh hướng sơ lược về văn học đã được đẻ ra từ một thói quen của đời sống.

Không có gì đáng lên án cái khuynh hướng văn chương ấy trong hoàn cảnh một đất nước phải huy động toàn dân, toàn diện kháng chiến. Nhưng trước nhiệm vụ xây dựng của một nền văn học làm sao có những tác phẩm xứng đáng với dân tộc và đất nước, chúng ta phải dám nhìn thẳng vào những quan niệm, những khuynh hướng văn học đẻ ra từ một đất nước hàng mấy chục năm nay phải nổ lực lấy thắng lợi chính trị và quân sự làm gốc. Những quan niệm những khuynh hướng ấy có khi đã nằm trong các sáng tác đã ra đời, có khi vẫn còn nằm trong những thị hiếu muôn màu muôn vẻ của các giới người đọc đông đảo.

Đừng bao giờ nên coi nhẹ tầm quan trọng của thị hiếu người đọc, vì chính đó là cái nôi để cho tác phẩm thế này hoặc thế khác ra đời và sống được. Bằng những cái đã viết, những người cầm bút chúng ta đang góp phần nâng cao hay hạ thấp thị hiếu độc giả. Những người viết vừa giáo dục nó, vừa phải khuất phục nó. Thường thường những mối "nguy hiểm" gây ra cho người cầm bút cũng do từ đây, nhất là đối với các tác phẩm viết về chiến tranh.

Mỗi tác phẩm ra đời được là kết quả của một sự "thỏa hiệp" giữa tư tưởng người viết và thị hiếu người đọc. Chúng ta thử làm một mục lục các chủ đề của những cuốn tiểu thuyết viết về chiến tranh đã được in và nhìn kỹ đặc điểm của các nhân vật được mô tả thì thấy những tác phẩm đã ra đời được mang dáng dấp gần với thể loại anh hùng ca. Hình như người đọc của ta bây giờ đang chấp nhận như thế? Trong dáng dấp một anh hùng ca, chúng ta đã có những tác phẩm tốt, nhưng liệu người đọc có chấp nhận và đòi hỏi những cuốn tiểu thuyết về chiến tranh đặt ra những vấn đề xã hội và tâm lý? Và thái độ người viết? Bao giờ chúng ta mới thực sự có những cuốn tiểu thuyết về đề tài chiến tranh? Hãy khoan nói những chủ đề lớn vừa độc đáo vừa có tính quy luật đời sống, mà hãy nói trong điều kiện có thể làm được: Bao giờ những cây bút đã từng lăn lộn trong chiến tranh sẽ đem lên trang giấy những điều sở đắc nhất, những bài học đường đời chỉ riêng anh mới khám phá thấy trong

hoàn cảnh chiến tranh và có thể làm bài học cho nhiều hoàn cảnh khác? "Tôi nghĩ rằng những người không từng trải chiến tranh sẽ chịu khó đọc những cuốn sách viết về chiến tranh khi nào trong những cuốn sách này có những vấn đề đạo đức, tâm lý, nhân sinh không chỉ có liên quan đến chiến tranh mà chẳng qua là bộc lộ trong thời gian chiến tranh với một sức mạnh đặc biệt... Những vấn đề này không những làm xao xuyến cả thế hệ đã trải qua chiến tranh mà còn làm xao xuyến cả thế hệ chưa hề sống với chiến tranh" (Xi mô nốp).

Chúng ta đang có một xu hướng: đã nói đến tiểu thuyết chiến tranh là không thể ngắn được, không thể một vài trăm trang được. Nhìn vào tình hình tiểu thuyết dài của ta, thú thực chúng tôi hơi phân vân hai chữ "sử thi" chỉ e ngại chồng chất đầy bối cảnh, sự kiện, nhân vật... cùng với "vốn sống thực tế" ngổn ngang chung quanh những chủ đề bình thường mà các tác phẩm ra đời trước đã đề cập đến. Có xu hướng thiên về tầm cỡ, viết dài hiện nay một phần cũng do thị hiếu người đọc. Một số nhà xuất bản nói rằng nhiều người đọc bây giờ chỉ ưa tiểu thuyết, và loại dăm trăm trang trở lên mới bõ đọc!

Đời sống chiến tranh bao giờ cũng động, có nhiều yếu tố tác động lẫn nhau rất sâu xa trên một bối cảnh lớn, có lẽ vì vậy mà các tiểu thuyết chiến tranh cần bao quát nhiều khu vực không gian và có nhiều nhân vật, nhưng chắc chắn điều đó không phải là sự khái quát đời sống, mà ngược lại, nếu các bối cảnh và nhân vật không được quy tụ trong những chủ đề đã được quy định thì chính điều đó lại là sự tản mạn và kéo dài vô lối. Có tình trạng truyện pha lẫn ký sự cũng là vậy. Tiểu thuyết cũng như kịch, tuy mức độ không khe khắt bằng nhưng cũng cần yếu tố chặt chẽ và chừng mực của nó.



Không biết từ ngàn năm xưa hay bao giờ, người Việt Nam mình mang một quan niệm đã phàm cái gì đem chép vào sách vở thì không thể dung tục như đời sống bình thường hàng ngày được mà phải là những điều tốt đẹp, tinh khiết. Đồng bào mình bây giờ thấy anh nhà văn nhà báo tả mình như thực thì không ưng. Lên ti vi, lên phim, dù đang lao động cũng phải ăn mặc đẹp, mặt mũi cũng phải sạch sẽ, sáng sủa, tươi cười. Lại còn quan niệm: Đánh giặc giữ nước là một công việc cao cả. Chuyện những người anh hùng xả thân vì nước xưa nay được coi như chuyện các vị thần thánh với biết bao câu nói hay, việc làm tiêu biểu mà sử sách còn chép lại.

Có biết bao điều thầm kín trong những suy nghĩ, mơ ước, từ lâu đời. Cũng như người chụp ảnh. Ai mà chẳng có cái mặt thực của mình, vậy mà mỗi lần chụp ảnh người ta đều chờ đợi, mong được thấy cái khuôn mặt được sao chép lên giấy đẹp hơn, trẻ hơn!

Hình như trong ý niệm sâu xa của người Việt Nam chúng ta, hiện thực

của văn học có khi không phải là cái hiện thực đang tồn tại, mà là cái hiện thực mọi người đang hy vọng, đang mơ ước. Có lẽ nhân loại ít có một dân tộc nào mà lúc nào cũng canh cánh ước mơ như chúng ta. Những người cầm bút chúng ta vô cùng cảm thông với dân tộc mình, nhưng chẳng lẽ chúng ta có thể làm yên tâm mọi người bằng cách mô tả cái hiện thực ước mơ?

Những điều trên chỉ cho thấy: trên con đường đi đến chủ nghĩa hiện thực đôi khi chúng ta phải khai chiến cả với những quan niệm tốt đẹp và lâu dài của chính mình.

Từ ngày hòa bình, những nhà văn thường viết về chiến tranh đều mong muốn và tìm cách nâng cao ngòi bút của mình. Xu hướng chung là ý muốn nâng cao chất lượng sáng tác và tạo ra một nội dung gần với đời sống hơn. Đấy cũng chính là một đòi hỏi của người đọc, nhất là những người đã lăn lộn trong chiến tranh. Trước nhiệm vụ phấn đấu để có những tiểu thuyết về chiến tranh, chúng ta phải nhìn đến một số thói quen của đời sống đã in dấu trong thị hiếu người đọc. Có lẽ còn phải một thời gian lâu nữa chúng ta mới chiến thắng được những thói quen ấy, không phải chỉ trong người đọc, mà cả trong chính ta, những người cầm bút nữa.

Chúng ta có thể căn cứ vào đấy, một phần để làm một sự dự đoán tình hình sáng tác đề tài chiến tranh trong những năm sau này được không? Và cũng căn cứ vào đấy để thấy được cần nổ lực theo phương hướng nào để tạo điều kiện ra đời những cuốn sách về chiến tranh có giá trị lột tả được những vấn đề bản chất nhất của đời sống dân tộc ta, soi rọi cho con đường đi của dân tộc và từng con người trong tương lai, góp phần vào việc chiến đấu bảo vệ tổ quốc và thúc đẩy công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

**(Trích tạp chí Văn Nghệ Quân Đội Hànội tháng 11–1978)**

# nhớ anh châu



*Phạm Tiến Duật*

Cách đây hơn hai mươi năm, hình như là vào mùa hè của năm 1967, tôi và Đỗ Chu có hẹn với anh Nguyễn Minh Châu sẽ đến tiễn anh trong một chuyến anh vào khu Bốn. Ngoài việc tiễn nhau, tôi còn gởi anh một người bạn qúa giang về thành phố Vinh. Cho đến lúc xe chạy, Đỗ Chu đã không đến được. Mặc dầu nổi tiếng sớm hơn cả Nguyễn Minh Châu nhưng tới lúc đó Đỗ Chu vẫn lêu têu một anh lính của các trận địa cao xạ. Nguyễn Minh Châu cười to, bảo cô bạn Lê Hoàng Liên của tôi: Đấy, o thấy không việc đời có khi nào định trước được đâu. Cái ông Nguyễn Du nói chả câu nào bỏ đi "kể chi những chuyện dọc đường". Vâng, quả đúng là thế, việc đời làm sao mà biết trước! Giờ này, cô bạn thuở nào của tôi không biết giờ ở đâu có biết anh Châu đã ra đi, đã ra đi mãi mãi! Tôi nhớ mãi đôi mắt Nguyễn Minh Châu khi đó, đôi mắt lúc bình thường thì hiền hậu đến mức dù dờ nhưng luôn ẩn dấu một nụ cười, một ánh sáng khám phá sắc sảo. Lúc ấy ánh sáng ở mắt anh bừng sáng khác thường. Anh phát hiện ra một điều gì đấy mà tự anh diễn đạt bằng miệng ngay không được.

Nguyễn Minh Châu là người hướng nội. Anh không phải là người sinh ra để ứng đáp, để đối thoại. Một người nào đó trêu tức anh thì phải đến ngày hôm sau, khi hết giận anh mới nghĩ ra câu cần phải trả lời. Cũng bởi thế, đang đêm tự dưng thấy Nguyễn Minh Châu cười khà khà thật to, mọi người biết rằng anh vừa nghĩ ra được điều gì đó có thể là đã nung nấu từ mấy ngày trước. Và cũng bởi thế, những câu nói hàng ngày của anh thường có nhiều mầu sắc lập ngôn dễ nhớ. Cũng như nhiều nhà văn khác, đã từ lâu rồi chứ không phải là bây giờ đã đặt những yêu cầu rất cao đối với văn học. Nguyễn Minh Châu đã chế diễu sự áp đặt, chế diễu sự sơ lược. Ngay từ những năm khói lửa mù mịt ấy, anh đã nói: "Lũ nhà văn chúng ta không khéo thì thành một lũ rôbinê. Một lũ vòi nước, cái to cái bé, cái thông cái tắc thi nhau chảy, nhưng kỳ thực chỉ là một thứ nước. Trong cái satôđô kia có cái gì thì ta chảy ra thứ đó".

*trên quê hương*

Anh cũng chống lại sự giả dối trong văn học bằng lối nói vui như thế: "Anh em ơi, văn chương ta như đánh thành Quảng Trị. Đoạn một ta chiếm thành, đoạn hai địch chiếm lại. Viết xong đoạn một ta lờ đoạn hai đi!". Từ những chi tiết nhỏ nhặt anh luôn nung đốt thành những khái quát. Đi với nhau một đoạn đường chiến tranh ở Quảng Bình, nhìn qua cửa xe Commăngca, anh cười bảo: "Các cậu ạ, tớ để ý nhiều nơi rồi, nước mình đúng là nước nhà binh. Kìa, cái coóc-xê của phụ nữ cũng may bằng vải quân phục". Có lẽ những cái truyện ngắn, những cái tiểu thuyết của anh cũng đã dần dà hình thành như thế, từ cái tích tứ sắc sảo đầy trăn trở.

Giờ này, trong lúc nhớ thương anh còn đang trào lên trong lòng tôi, trong lòng anh, trong lòng bạn đọc cả nước, khó có thể nói câu gì thật chính xác, thật trọn vẹn về người mới ra đi. Sẽ còn rất nhiều năm tháng để bàn bạc, đánh giá. Đời này nói chưa phải thì con cái sau này nói lại. Nguyễn Minh Châu không phải là một "hiện tượng một lúc" như các vị "anh hùng tương ngộ" bốc đồng. Nguyễn Minh Châu là một nhà văn có vị trí trong văn học sử. Nhưng có thể là thế này chăng: Nguyễn Minh Châu, ngoài vị trí là một nhà văn quân đội anh là nhà văn của những nhà nghèo ở chặng đường nông thôn trong cuộc biến cải lần thứ hai. Lần thứ nhất, nông thôn Việt Nam bị những cơn sóng thành thị xô đẩy dữ dội là những năm 20 – 30. Nhà thơ Nguyễn Bính là người điển hình nhất cho việc bộc lộ loại tâm trạng này. Ở chặng đường thứ hai, sau những năm chiến tranh dữ dội cùng với việc thành thị hoá trong tâm lý, một mảng nông thôn Việt Nam chạy ra phố xá và đập mạnh vào Nguyễn Minh Châu. "Khi nông thôn bị phá vỡ để biến thành thành thị, từng bầy người chạy ra thành phố và tương đồng với thời kỳ này là một thời kỳ xã hội bị lưu manh hóa" câu nói ấy là của Các Mác tôi trích theo trí nhớ, cố nhiên là câu nói về xã hội tư bản thế kỷ 19. Về một phía nào đó, sự lưu manh hóa nào đó trong một khu vực nào đó trong xã hội đã làm Nguyễn Minh Châu trăn trở không yên. Anh nói trong một cuộc họp: "Bây giờ người ta hay nói đến những cái tính, tính này, tính khác, nhưng con người và văn học còn cần một cái tính nữa là tính biết xấu hổ". Đó là toàn bộ truyện ngắn và mấy cái tiểu thuyết anh viết sau năm 1975 đã tập trung vào lý giải điều trăn trở ấy.

Trên giường bệnh anh vẫn viết, vẫn nói cho người ta chép. Có câu phải, câu chưa phải. Trong các bài lý thuyết của anh trước đó cũng vậy, có câu phải, có câu chưa phải. Nhưng anh nói câu nào cũng tâm huyết, câu nào cũng xuất phát từ mong muốn của cả cuộc đời anh: làm sao cho con người sống tốt đẹp hơn.

**28–1–1989**

# tôi không chúc bạn thuận buồm xuôi gió



*Hoàng Ngọc Hiến*

Trong lĩnh vực văn nghệ, dầu đổi mới thế nào, đổi mới đến đâu đi nữa thì cũng không thể ra ngoài "quy luật cái đẹp", ra ngoài "sự thật" và "nhân bản" là những luật cơ bản, vĩnh cửu của văn học nghệ thuật. Chân, mỹ, thiện đã trở thành những giá trị truyền thống. Trong văn học, "thiện" trước hết là nhân bản. Từ ngàn xưa dòng sông văn học tuôn chảy giữa hai bờ "chân", "mỹ", bao giờ cũng đổ ra biển cả nhân bản. Không thể khác được. Bằng không nước sẽ quẩn quanh, đọng thành những vũng ao tù. Đành rằng ao tù cũng có thi ca và thi sĩ của nó:

*Ta về ta tắm ao ta...*

Dẫu là kể chuyện cổ tích, Nguyễn Huy Thiệp trước sau viết về cuộc sống ngày hôm nay. Và tác giả đã nhìn thẳng vào sự thật của đời sống hiện tại. Tác giả đã không ngần ngại nêu lên những sự bê tha, nhếch nhác trong cuộc sống, kể cả những sự thật rùng rợn, khủng khiếp. Có những sự việc rùng rợn vì quái đản. Chẳng hạn, trong truyện *Chảy đi, sông ơi*, trùm Thịnh đốt quán rượu và "khi lửa bốc cao thì ở trong quán có một con chuột to bằng bắp chân người phóng thẳng ra ngoài cứ cười hềnh hệch...". Trong tập truyện của Nguyễn Huy Thiệp, rùng rợn hơn cả vẫn là những sự việc hết sức bình thường nhưng bộc lộ sự đốn mạt, sự hèn kém của con người, giữa mọi sự nhố nhăng, sắn xít lòi ra cái tâm lý vụ lợi, vụ lợi một cách khinh bạc, trắng trợn, một cách muối mặt, tán tận lương tâm, tâm lý này đang trở thành một nếp ăn sâu trong não trạng; tâm thuật của con người hiện đại, có cơ trở thành một nét chủ đạo trong nhân cách của nó. Đó là tâm lý của ông Bổng lo đám tang cho chị vẫn lạnh lùng tính toán: "Mất mẹ bộ sa lông. Ai lại đi đóng quan

tài bằng gỗ đổi bao giờ! bao giờ bốc mộ, cho chú bộ ván" (Tướng về hưu). Đó là tâm lý của Đoài và Khảm, hai nhân vật anh và em trong truyện *Không có vua*. Sau đây là một đoạn đối thoại hai anh em mặc cả với nhau xung quanh một dịch vụ mối lái.

"...Khảm bảo: "Hai anh em mình mang tiếng có học mà Tết nhất đến một bộ quần áo hẳn hoi không có". Đoài bảo: "Chỉ có con đường lấy vợ giầu thôi. Tối nay mày đưa tao đến con ông Ánh sáng ban ngày đấy nhé". Khảm bảo: "Được thôi. Nếu anh tán được, thưởng em cái gì?" Đoài bảo: "Thưởng cái đồng hồ". Khảm bảo: "Được rồi. Anh ghi cho em mấy chữ làm bằng". Đoài hỏi: "Không tin tao à?". Khảm bảo: "Không". Đoài ghi vào giấy "*Ngủ được với Mỹ Trinh, thưởng một đồng hồ trị giá ba nghìn đồng. Lấy Mỹ Trinh thưởng năm phần trăm của hồi môn. Ngày... tháng... năm... Nguyễn Sĩ Đoài*". Khảm cất tờ giấy vào túi rồi nói: "Cám ơn".

Tâm lý vụ lợi thế tất dẫn đến quan hệ "tiền trao cháo múc" mà Mác đã từng nêu lên trong *Tuyên ngôn Cộng sản*.

Trong truyện *Huyền thoại phố phường*, cảnh Hạnh mò cống tìm nhẫn thật là thảm. Để tranh thủ sự tin cậy của gia đình người đánh rơi chiếc nhẫn mà Hạnh toan lợi dụng, y "xắn tay áo rồi đưa tay mò dọc theo cái rãnh đầy bùn, lõng bõng nước bẩn, thậm chí còn có cả cục phân người". Ở nhân vật này, trục lợi đã trở thành một cương lĩnh sống.

Muốn cải tổ xã hội phải cải tổ tâm lý con người. Nguyễn Huy Thiệp đã đề cập đến một vấn đề quan trọng của tâm lý con người thời kỳ quá độ. Thời kỳ lịch sử trước đây là thời thịnh trị của chế độ bao cấp, và nhất là trong hoàn cảnh chiến tranh con người có thể sống hoàn toàn bằng tình nghĩa, không cần so đo tính toán. Chúng ta đương chuyển sang kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của sự hạch toán. Chỉ tình nghĩa không chưa đủ, con người ngày hôm nay đòi hỏi sự sòng phẳng, sự tính toán phân minh. Đương nhiên, hạch toán là năng suất, là văn minh, là tiến bộ. Tuy nhiên, có nguy cơ tư duy hạch toán trong kinh tế sẽ len lỏi vào ngự trị trong mọi lĩnh vực đời sống tinh thần con người. Cuộc sống thực là khủng khiếp nếu như trong quan hệ giữa người và người chỉ còn lại quan hệ "tiền trao cháo múc" và tính tóan vụ lợi. Nếu như tinh thần thực dụng rất cần cho chế độ hạch toán lại biến chất thành chủ nghĩa thực dụng nhận chìm trong sự tính toán lạnh lùng mọi tình cảm vô tư và chân thật của con người. Về mặt này, tập truyện của Nguyễn Huy Thiệp có ý nghĩa cảnh tỉnh sâu xa.

Có một thời văn học của ta nặng về ca ngợi, biểu dương những phẩm chất tốt đẹp những con người thuộc về khối cộng đồng vẫn được gọi là nhân dân ta, dân tộc ta, xã hội ta... Đã thuộc về khối cộng đồng này thì chỉ có thể có những điểm hay điều tốt, những nét xấu và dở nếu có chăng chỉ là ngẫu nhiên

và nhất thời. Đối lập với cộng đồng "ta" này là thế giới của địch. Đây là thế giới của ác quỷ, trong bản chất là ác quỷ, không thể có chút gì là tốt lành. Đó là thế giới của đế quốc, việt gian, của phong kiến, tư sản... và tất cả những ai bị xem là chống đối với "ta" đều bị sắp vào thế giới này. Điều oái oăm là có khi chỉ cần đưa ra ý kiến khác với lãnh đạo hoặc lỡ lời cãi lại "lãnh đạo", thế cũng đủ bị quy là "chống đối". Cả những người có phẩm giá thực sự quan tâm đến đất nước và thời cuộc – hễ trong cuộc tìm tòi chân lý của họ bị nghi là có hơi hướng của "chủ nghĩa xét lại" thì lập tức bị xem như là ác quỷ. Cách nhìn cuộc sống xã hội bửa đôi thành hai thế giới đối lập với nhau một cách siêu hình như vậy – đó là cách nhìn "sử thi". Thời kỳ văn học trước đây, ở những nhà văn có tài, – mà sự độc đáo tài năng của họ lại ở chính ngay trong sự chất phác, sự ấu trĩ của cách nhìn "sử thi" – thì cảm hứng ca ngợi "nhân dân ta, đất nước ta" đã tạo những áng văn, những trang sách hay. Cách nhìn "sử thi" xét đến cùng không phải là một sự biến lệch (perversion) trong cách nhìn. Đây là nét độc đáo trong cách cảm nghĩ phổ biến một thời. Và đến khi trước mắt mọi người hiện thực cuộc sống của nhân dân bày ra với tất cả những mâu thuẫn cực kỳ phức tạp, có ánh sáng, có cả bóng tối và trong bóng tối có đủ thứ tà ngụy, ma quái, khi ấy trong những nhà văn nói trên – những người không viết được nữa hoặc viết gượng gạo là những người quá quen với cách nhìn "sử thi", với giọng điệu một mực ca ngợi, không sao chuyển đổi được. Nguyễn Huy Thiệp thuộc thế hệ không mảy may bị vướng mắc cách nhìn "sử thi". Trong tập truyện của anh, những nhân vật nhếch nhác, đốn mạt hầu hết cũng là nhân vật lao động ta thôi. Họ là ngu dân, là công nhân, là giáo viên, là cán bộ nhà nước, là thợ thủ công... rõ ràng họ không phải là "địch", mà cũng chẳng có liên quan gì với "địch". Nhà văn có thể biểu thị thái độ của mình đối với nhân dân bằng cách lên tiếng bảo vệ nhân dân, ca ngợi và cổ vũ nhân dân. Nguyễn Huy Thiệp thẳng thắn nêu lên những sự bê tha, hèn kém ở những con người thuộc về những tầng lớp nhân dân khác nhau, nêu lên để quốc dân thấy rõ hơn thực trạng của phong hóa xã hội, hiểu rõ hơn nhân tình và thế thái hiện nay. Và đó cũng là một cách biểu hiện thái độ nghiêm chỉnh đối với nhân dân. Tác giả bàn thẳng về nhân dân chứ không thông qua mối quan hệ giữa "lãnh đạo" và nhân dân. Ngòi bút của tác giả đặc biệt sắc sảo – có khi đến mức tàn nhẫn – trong việc bộc lộ sự đốn mạt, sự thấp kém của nhân vật qua hành vi, cảm nghĩ và ngôn ngữ của nó. Có một thứ văn chương suy đồi chuyên phơi bày những sự xấu xa của con người. Suy đồi không phải vì nói những điều xấu xa, nó ở thái độ dửng dưng, buông xuôi của nhà văn trước những điều ấy, phơi bày cái xấu, cái ác đồng thời bộc lộ sự bất lực trước cái xấu, cái ác.

Nói về những sự đốn mạt, hèn kém của con người, câu văn của Nguyễn

Huy Thiệp thường man mác cảm giác tê tái. Đằng sau cảm giác này là nỗi đau nhân tính. Một nỗi đau âm thầm, lặng lẽ nhưng sâu sắc. Đau thương là quyền lớn nhất của nhà văn để viết về những sự việc tiêu cực. Thực sự đau lòng, nhà văn có quyền viết về mọi sự thật trong xã hội ta, kể cả những sự thật khủng khiếp nhất. Phơi bày sự thật để làm gì? Trả lời câu hỏi này có khi còn quan trọng hơn bản thân việc phơi bày sự thật. Những người không biết đau sẽ rất lúng túng phải trả lời câu hỏi này. Nhà văn mang nỗi đau trong lòng khỏi phải trả lời. Nguyễn Du đã có sẵn một câu thơ về vấn đề này: "*Những điều trông thấy mà đau đớn lòng*".

Chủ nghĩa hiện thực không chỉ là phản ảnh trung thực "những điều trông thấy", chủ nghĩa hiện thực còn là sự "đau đớn lòng" trước "những điều trông thấy" đau lòng. Ở những nhà văn hiện thực lớn, mọi sự việc "tiêu cực" trên đời đều trở thành những sự thật "đau lòng".

Ngòi bút trào phúng của Nguyễn Huy Thiệp vừa tàn nhẫn, vừa xót xa. Tàn nhẫn có nghĩa là "không được thương con người". Đấy là mệnh lệnh của lương tâm và tác giả đã đi đến cùng, phơi bày sự đốn mạt của con người. Nhưng cuối cùng thì vẫn cứ xót xa, "không thể không thương con người". Ngay ở những nhân vật đốn mạt nhất, Nguyễn Huy Thiệp không tuyệt vọng ở họ. Ông Bổng trong *Tướng về hưu*, con người lỗ mãng, táo tợn, làm đủ mọi điều phi nhân bất nghĩa, tác giả vẫn dành cho ông lời thông cảm: "... Lão ấy tốt nhưng nghèo", vẫn nhìn nhận cho ông tình cảm hồn nhiên rung động trước cảnh thiên nhiên đẹp (đoạn XIV), và con người tưởng như vô liêm sỉ này hóa ra cũng có lúc biết nhục. Khi người chị hấp hối bị lẫn không gọi được tên ông, chỉ nói được ông "là người" thì ông khóc òa lên: "Thế là chị thương em nhất. Cả làng cả họ gọi em là đồ chó. Vợ em gọi em là đồ đểu. Thằng Tuân gọi em là đồ khốn nạn, chỉ có chị gọi em là người". Đây là một trong những đoạn văn cảm động nhất của tập truyện.

Nguyễn Huy Thiệp là nhà văn của những con người bị sỉ nhục. Trong đám này, có kẻ trở nên lì lợm, trắng trợn, hung hãn ( như Hạnh trong *Huyền thoại phố phường*) và có những người dẫu sao còn biết nhục – đây là phần nhân tính còn lại mà sự trân trọng của tác giả là biểu hiện của lòng nhân ái, của một tinh thần tiết kiệm nhân tính cao.

Trừ nhân vật thiếu tướng họ Nguyễn, nhân vật xưng "tôi" và vài ba nhân vật khác, những người đàn ông trong tập truyện của Nguyễn Huy Thiệp hầu hết là đốn mạt, chí ít là những kẻ bất đắc chí, vô tích sự, nói chung là không ra gì. Ngược lại, trong các nhân vật nữ, có những con người ưu tú, nhiều người đáng gọi là liệt nữ. Nó là sự hiện thân của nguyên tắc tư tưởng tạo ra cảm hứng chủ đạo của tác giả, có thể gọi đó là nguyên tắc tính nữ hoặc thiên tính nữ. Đó là nàng Bua, nàng Sinh, là chị Thắm và con gái thủy thần, là

Xuân Hương và bé Thu là chị Sinh và người thiếu phụ chèo đò về bến Tầm Xuân... Thiên tính nữ trước hết là tinh thần của cái đẹp và tất cả những nhân vật nữ này đều đẹp, mỗi người một vẻ. Nàng Bua là một "thiếu phụ duyên dáng", "lúc nào cũng tươi cười, tràn trề thứ ánh sáng cuốn hút lòng người". Con gái thủy thần đẹp một cách kinh dị. Bé Thu có "đôi tai hồng, đôi mắt đen nhánh". Người thiếu phụ chèo đò về bến Tầm Xuân đẹp với những cử chỉ "nữ tính giản dị". Chị Sinh trang điểm vào trông như hoàng hậu,một số phận như chị Thắm khó mà có nhan sắc và tác giả đã lấy tấm khăn bịt mặt chị, chỉ còn thấy "đôi mắt to và đen"... Đẹp là một phẩm giá tinh thần cao quý của phụ nữ. Đó là tấm lòng "bao dung và hào phóng với tất cả mọi người" (*Nàng Bua*). Đó là thiên tính làm mẹ, tình cảm hồn nhiên muốn che chở, đùm bọc, cứu giúp (*Tâm hồn mẹ*). Đó là sự đau khổ với những giọt nước mắt trong lành và mầu nhiệm (*Nàng Sinh*). Đó là tấm lòng bao la sẵn sàng thông cảm với mọi người, kể cả những con người độc ác. Trong truyện *Chảy đi, sông ơi*, khi cậu bé trách "bọn đánh cá đêm ác", nghe thấy em kêu cứu mà cứ lờ đi, chị Thắm nói với em: "Đừng trách họ thế... Có ai thương yêu họ đâu... Họ đói và ngu muội lắm..." Chị Thắm không biết nói bóng bẩy sâu xa như trong Kinh Thánh nhưng cùng một lòng nhân ái Thục Trinh hồn hậu.

Thiên tính nữ còn là tinh thần vị tha và đức tính hy sinh. Những người phụ nữ đẹp trong tập truyện của Nguyễn Huy Thiệp dường như sinh ra để cho và cứu giúp những người xung quanh. Nàng Bua "nồng nàn" với tất cả những người đàn ông đến với nàng" và sau ai cũng được nàng tặng quà. "Trong những hoàn cảnh khắc nghiệt" bao giờ bé Thu cũng "tìm ra được một cái gì". Cho người bạn mình đùm bọc. Lúc có người bị nạn, con gái thủy thần thường hiện lên cứu giúp. Chị Thắm đã cứu không biết bao người bị chết đuối. Bé Thu chịu tai nạn thảm khốc để cứu bạn mình, hành động của em hầu như bản năng, tuyệt nhiên không có sự tính toán.

Thiên tính nữ cũng phong phú và bao la như tâm hồn phụ nữ. Ở nhân vật chị Sinh, thiên tính nữ còn là hiện thân của sức sống thần phục, sức sống này còn lớn hơn nhân loại, lễ giáo của bao thời đại đã bị sức sống này đánh bạt trong bữa tiệc mừng Sinh đẻ con gái, trước sắc đẹp lộng lẫy của Sinh, trước niềm vui đứa trẻ ra đời, ai nghĩ đến tội lỗi mà làm gì. Ở nhân vật Xuân Hương thiên tính nữ là hiện thân của những gì quá cao quá lớn, tác giả không sao diễn đạt được bèn gọi là CON NGƯỜI (Con người viết hoa).

Thiên tính nữ tỏa một ánh sáng dịu dàng, huyền diệu trong tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp. Tâm hồn người đọc không khỏi trĩu nặng trước bao sự tàn bạo, thô bỉ, quái ác, hèn kém phơi bày ra trong tác phẩm được tắm trong ánh sáng này sẽ trở nên nhẹ nhõm, thanh cao. Trong truyện *Không có vua*, ánh sáng tỏa ra từ nhân vật chị Sinh, sự hiện thân hết sức trần gian của thiên

tính nữ. Đọc truyện này ai mà chẳng ngán ngẩm trước những vụ bê tha, nhếch nhác trong gia đình ông Kiền, nhưng đến cuối truyện, nghe Sinh nói cảm tưởng về cảnh ngộ gia đình này: "Khổ chứ. Nhục lắm. Vừa đau đớn, vừa chua xót. Nhưng thương lắm", ta tin ngay cuộc đời này có thể cải tổ được, sử tình này, dẫu có tồi tệ hơn nữa, vẫn có thể cứu vãn được. Khổ. Nhục. Đau. Xót. Đó là những những ấn tượng trực tiếp về cuộc đời thực tại."Nhưng thương lắm". Đó là sự siêu thăng trong tâm linh con nguời. "Nhưng thương lắm". Với tình cảm này, mọi người đều cảm thấy mình có tội với cuộc đời này. Và mọi người đều thấy có thể hợp quần với nhau để làm lại cuộc đời. Điều đáng lo ngại cho "trạng thái nhân thế" hiện nay là ở đâu cũng kêu khổ, những người cảm thấy "nhục" ít hơn, những người biết "đau xót càng ít hơn nữa và những người biết kêu lên như Sinh: "nhưng thương lắm" thì quá ít ỏi. Văn chương chưa đạt tới sự siêu thăng thì còn tẻ nhạt. Vả chăng văn chương phải tác động tới sự siêu thăng của tinh thần con người. Sinh đã hóa thân thành một Đức Mẹ hiện đại ngay trong địa ngục nhà chồng, ai "bảo văn chương" không làm được những phép mầu.

Ai đó đã từng hy vọng: "Cái đẹp sẽ cứu vãn thế giới". Đọc Nguyễn Huy Thiệp thì tin rằng thiên tính nữ sẽ cứu vãn thế giới.

Thiên tính nữ lớn hơn nhân loại, có khi còn cổ xưa hơn nhân loại. Chí ít đây là niềm tin của tác giả. Tác giả đã miêu tả hết sức sinh động một con khỉ cái "tận tụy, thủy chung", "cuồng nhiệt hy sinh", hoàn toàn tin ở điều mình viết (xem *Muối của rừng*) Tư duy thơ của Nguyễn Huy Thiệp – có khi còn mạnh hơn óc tưởng tượng triết học của Phơ-rớt (Freud) đã biến thiên tính nữ thành một sức mạnh diệu kỳ: Với sức mạnh này, đá cũng phải tan thành nước (Nàng Sinh) và bé Thu chấp chới bay lượn như không.

Để viết chân thật về cuộc đời thực tại với toàn bộ những mâu thuẫn phức tạp của nó Nguyễn Huy Thiệp đi tìm điểm tựa tinh thần. Thiên tính nữ là một điểm tựa quan trọng của tác giả. Thiếu một điểm tựa như vậy, văn chương viết về những sự xấu xa của con người sẽ trở thành một thứ văn chương vô lại mà mục tiêu cao nhất là lột truồng con người ra phơi bày toàn bộ những sự đớn hèn của nó. Xã hội ngày nay ngày càng nhiều những kẻ vô lại nói rất giỏi, rất hay về những sự thấp kém, xấu xa của con người trong khi chính mình chẳng có một điểm tựa tinh thần nào.

Văn của Nguyễn Huy Thiệp có chiều sâu. Ở truyện thứ ba *Chút thoáng Xuân Hương*, một chàng trẻ tuổi làm một cử chỉ sàm sỡ với một thiếu phụ và trước sự phản ứng của chị, anh ta "đỏ mặt" và xin lỗi. Đến lúc người thiếu phụ nói với anh: "Thôi đi...Đàn ông các anh ai mà chẳng thế! Anh giúp tôi mấy bao ngô rồi đòi trả ơn... Đàn ông các anh thế hết". Thì anh ta "thấy cổ mình đắng ngắt", "một nỗi tê tái lan truyền ở toàn cơ thể".

Thường ngày, có những hành vi ngẫm lại ta chỉ "đỏ mặt", đọc truyện Huy Thiệp thì cảm thấy "đắng ngắt", "tê tái". Văn của Nguyễn Huy Thiệp cũng như lời nói của người thiếu phụ nhẹ nhàng nhưng thấm thía.

Nguyễn Huy Thiệp là một tác gỉa trẻ. Một nhà văn trẻ lên đường. Tôi không chúc bạn thuận buồm xuôi gió. Mong bạn được thử thách trong giông tố của công luận. Qua thử thách, bạn sẽ trưởng thành, sẽ tin hơn ở bản thân mình và con đường mình đi, sẽ tin bạn bè và đồng chí hơn, càng tin tưởng hơn ở tương lai của văn học dân tộc. Bạn có thể không tin những nhà phê bình, bạn hãy tin ở công chúng độc giả bao giờ cũng độ lượng và công bằng. Đất nước ta đang thức tỉnh và chuyển mình. Công chúng văn học đường chờ đợi ở bạn và các nhà văn trẻ những tác phẩm chân thật và nhân bản, những tác phẩm sang trọng cả về tư tưởng và nghệ thuật.

(Trích Nguyễn Huy Thiệp, Tác Phẩm và Dư Luận nhà xuất bản Trẻ Tp HCM)

# phê bình cần có văn



Phỏng Vấn *Hoàng Ngọc Hiến*

*Nhân hội thảo quốc gia về Stendhal tổ chức tại Huế, kỷ niệm 200 năm cách mạng Pháp (1789–1989) phóng viên Tạp chí Sông Hương có dịp gặp anh Hoàng Ngọc Hiến phỏng vấn "chớp nhoáng" trước thềm Đại hội Nhà văn những điều Sông Hương muốn biết cũng là điều anh Hiến đã bày tỏ với một tạp chí bạn. Nay giới thiệu cùng bạn đọc Sông Hương.*

PV: *Ý kiến của anh về tình hình văn nghệ hiện nay?*

– Hiện nay có nhiều người tỏ ý lo ngại về những sự lệch lạc trong văn nghệ. Có đồng chí đưa ra như một định đề: "Lệch thì sẽ lạc". Định đề này chỉ đúng một nửa. Trong văn nghệ cũng như trong những lĩnh vực khác của đời sống tinh thần, có khi "lệch mà không lạc". Chẳng hạn, "Thơ không vần", "Cửa mở"... là "Lệch mà không lạc". Trong văn học xã hội chủ nghĩa ở nước ta và những nước khác có vô số hiện tượng như vậy. Không có những sự "lệch mà không lạc" thì không thể có sự phát triển, sự tiến bộ. Sở dĩ có sự trì trệ là vì quá sợ "lệch lạc", không dám đi tìm lối thoát ở những sự "lệch mà không lạc". Người viết không được lạc nhưng có quyền lệch. Không có quyền này không có sáng tạo.

PV: *Trong Đại hội tới, anh muốn nêu những vấn đề gì về lý luận phê bình?*

– Điều bấy lâu nay tôi băn khoăn là Ban lý luận phê bình của hội. Hội nhà văn, theo ý tôi, chỉ nên có Ban phê bình. Phê bình xứng đáng là văn học phải có văn cũng như người viết phê bình xứng đáng là nhà văn trước hết viết phải có văn. Với cơ cấu "lý luận phê bình" thì có những người giỏi lý luận, có trình độ nghiên cứu nhưng không có văn vẫn trở thành hội viên. Trong 36 nhà văn lý luận phê bình, không biết bao nhiêu người có văn? Tôi đề nghị thành lập Hội lý luận phê bình và chỉ những người nào thực sự có văn mới ở trong Hội

nhà văn. Bộ phận không có văn cũng giống như những người không biết hát đứng trong dàn đồng ca. Rất tiếc là trong dàn đồng ca hội ta, số người không biết hát hơi nhiều, đây là một sự đau khổ mà chắc chắn Đại hội này không thể giải quyết được.

Viết phê bình rất khó. Bản thân tôi viết lý luận hoặc văn học sử tương đối thoải mái nhưng thò bút viết phê bình bao giờ cũng cảm thấy đuối sức. Trong giới phê bình của ta có nhiều người giỏi, nhưng phần lớn – theo ý tôi – học vấn chỉ đủ để viết luận văn, luận án hoặc làm giáo sư I, giáo sư II. Phê bình đòi hỏi năng khiếu và vốn kiến văn đặc biệt. Chúng tôi đề nghị Hội quan tâm đến việc bồi dưỡng, đào tạo những người viết phê bình, có thể giao công việc này cho Trường viết văn Nguyễn Du.

Trước đây, một thời gian dài, có những người – viết gì cũng vậy – quan tâm quá nhiều đến sự thông báo, sự bày tỏ lòng trung thành của mình với hệ tư tưởng của nhà cầm quyền, thành ra mất hết cảm hứng tìm tòi chân lý, phát hiện cái đẹp. Điều này có khi lại được xem là "tính đảng". Hoàn toàn không phải như vậy. Tính đảng là khách quan, là khoa học, bao giờ cũng sáng tạo không hề biết đến những dụng ý vớ vẩn, nhỏ mọn.



**Nguyên Ngọc**

Tên thật: Nguyễn văn Báu
Sinh năm 1932

*Văn học, nói theo một cách nào đấy là lòng itn.*
*Không có lòng tin lớn thì không bao giờ có thể có*
*văn học lớn*

# nhà văn nguyên ngọc những suy nghĩ và hành động trong cao trào văn nghệ phản kháng



*Nhật-Tiến*

Nhà văn Nguyên Ngọc (tên thật là Nguyễn văn Báu), sinh năm 1932 tại Quảng Nam. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp, ông gia nhập quân đội năm 1950. Tốt nghiệp trường Lục quân Khu 5, tham gia chiến trường một thời gian rồi trở thành phóng viên báo Quân Đội Nhân Dân, khu 5. Tác phẩm đầu tay *"Đất nước đứng lên"* xuất bản năm 1956 viết về cuộc chiến đấu của một thanh niên thuộc bộ lạc Bahnar tên là Núp và dân làng Kông Hoa, được trao giải nhất về tiểu thuyết thuộc giải Văn Học 1954-1955 của Hội Văn Nghệ Việt Nam (miền Bắc). Sau đó in tiếp những tác phẩm như *Mạch Nước Ngầm, Rẻo Cao, Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc, Đất Quảng.* Năm 1962, là chủ tịch Chi Hội Văn Nghệ Giải Phóng miền Nam Trung Bộ và phụ Trách tờ báo Văn Nghệ Quân Giải Phóng Khu 5, sáng tác với những bút hiệu khác như Nguyễn Trung Thành, Nguyễn Kim.

Sau 1975, ông ra Hà nội, công tác ở tạp chí Văn Nghệ Quân Đội, rồi phụ trách Ban Thường Vụ Hội Nhà Văn V.N. trong cương vị Bí thư Đảng Đoàn. Nhìn lại quá trình sáng tác của Nguyên Ngọc từ 1956 đến 1975, Nguyễn văn Long trong Tự Điển Văn Học V.N. đã nêu nhận định *"Sự quan tâm hàng đầu đến những vấn đề có ý nghĩa trọng đại lịch sử của dân tộc và cách mạng cùng với niềm say mê những tính cách anh hùng khiến cho tác phẩm của Nguyên Ngọc mang tính chất hùng tráng lại đậm nét trữ tình và chất lý tưởng".*

Sau năm 1975, trong sự tan rã của chế độ VNCH miền Nam, và trước những vấn đề nẩy sinh trong cuộc thống nhất đất nước do sự hòa nhập ồ ạt của dân chúng hai miền Nam Bắc sau hơn một phần tư thế kỷ cách biệt vì chia cắt, người cầm bút nói chung đã phải đối diện với những thực tế ngày càng gay gắt. Vấn đề khả năng quản lý và lãnh đạo của các cán bộ miền Bắc trong sinh hoạt xã hội miền Nam. Vấn đề cải tạo Công Thương Nghiệp Tư

Bản tư doanh. Vấn đề tù nhân Cải tạo với sự dính líu liên hệ gia đình của nhân dân cả hai miền. Vấn đề thất bại thảm thương của chiến dịch vận động đi Kinh tế mới (lý thuyết thì rất hay ho nhưng thực tế là cả một sự đày đọa quần chúng trong tinh thần vô trách nhiệm). Vấn đề thuyền nhân ồ ạt ra đi. Vấn đề hủ hóa của những con người đã từng đóng góp tích cực cho cách mạng. Và đời sống xã hội ngày càng đi xuống về cả mặt vật chất lẫn tinh thần. Đó là những lý do mà sau 1975,giới cầm bút đã không đưa ra được những tác phẩm có giá trị tiêu biểu, tương xứng với "thành quả vĩ đại" mà chế độ miền Bắc đã đạt được sau cuộc chiến thắng mùa xuân 1975.

Rõ ràng đã có một sự trăn trở trong tâm thức người cầm bút khi họ nhìn ra xã hội chung quanh, với đầy rẫy những gai nhọn của đời sống thực tế hàng ngày. Và đó hẳn cũng là lý do mà Đảng Đoàn Hội nhà Văn Việt Nam đã phải tổ chức hội nghị một số đảng viên trong Hội để bàn về "Sáng tác văn học" vào tháng 6-1979 để bước đầu trao đổi ý kiến trước khi đem ra thảo luận rộng rãi trước toàn thể hội viên.

Nhân danh Bí thư Đảng đoàn, nhà văn Nguyên Ngọc đã đọc một bản *"Đề cương, đề dẫn thảo luận ở Hội Nghị Đảng Viên bàn về sáng tác văn học".*

Nếu trước đây, lao mình vào cuộc chiến với *"Sự quan tâm hàng đầu những vấn đề có ý nghĩa lịch sử dân tộc và cách mạng"* và với niềm *"say mê những tính cách anh hùng"*, Nguyên Ngọc đã viết như một sự đóng góp hăng hái cho cuộc chiến đấu thần thánh, viết như một tuyên dương cho những cá nhân xả thân vì lý tưởng anh hùng cách mạng, thì nay trong bản Đề dẫn kể trên, nhà văn đã có dịp thẩm định lại quá trình sinh hoạt văn học của giới cầm bút với cái nhìn thâm trầm hơn, sâu xa hơn và thoát ly được cái tình cảm bồng bột, say mê vì lý tưởng hơn. Ông nhận định rằng:

*"Trong văn học, lồ lộ khá rõ là số phận chung của cả dân tộc, cả đất nước, nhưng còn số phận riêng của từng người, từng thành viên trong đội ngũ lớn đó thì còn quá sơ lược, giản đơn. Mặt yêu nước nổi bật lên và đây là chỗ mạnh của văn học ta thời kỳ này như đã nói ở trên nhưng mặt đấu tranh xã hội thì không rõ bằng. Tính thơ lý tưởng của cuộc chiến đấu được biểu hiện khá mạnh nhưng còn tính sần sùi, phức tạp của đời sống thì yếu hơn."*

Tính sần sùi, phức tạp của đời sống ấy là gì, nếu không là tính cách trở lại với con người đích thực cùng với những nỗi khốn cùng mà con người phải chịu đựng trong chiến tranh.

Thân phận con người như thế, trong một thời gian dài bị khỏa lấp đi vì những nhu cầu của chiến tranh, nhưng khi hòa bình trở lại, nó đã trở thành mối day dứt của những người cầm bút có lương tri khi một mặt phải trực diện với những thân phận đó hiện diện đầy rẫy trong xã hội trước mắt, và một

mặt khác viết lách vẫn phải nằm trong sự chi phối của tính Đảng, tính cách mạng, để chỉ có thể in ấn được những gì có tính cách "phải đạo".

Đó là lý do mà Nguyên Ngọc đã phải nêu lên trong bản đề dẫn:

*"Chính trong thời điểm này, các lực lượng văn học của ta trước nay đã hình thành được một thế bám sâu khá đẹp trên các địa bàn, ở các mũi nhọn của cuộc sống, nay hầu hết đến bị bật ra khỏi các vị trí của mình. Mất liên hệ với đời sống, chúng ta bỗng bối rối mất phương hướng"*, và rằng:

*"Phải chăng lúc này có hiện tượng không ít phổ biến là người viết vẫn cứ viết mà không thật tin ở chính điều mình viết ra". "Người là muối mà chính người lại không mặn thì biết lấy gì để muối người." Văn học nói theo một cách nào đấy là lòng tin. Không có lòng tin lớn thì không bao giờ có thể có văn học lớn."* (Bản đề dẫn, tháng 6-1979)

Bước sang lãnh vực lý luận, phê bình văn học, một hình thức công an văn hóa nhằm ngăn chặn và triệt tiêu ảnh hưởng của những tác phẩm đi ra ngoài lề lối văn chương "phải đạo", cũng trong bản đề dẫn nói trên, nhà văn Nguyên Ngọc nhận định:

*"Có lẽ điều đáng lo hơn cả trong tình hình công tác lý luận, phê bình văn học thô thiển kéo dài, là ở chỗ nó đã tạo nên có thể nói là những định kiến xã hội đơn giản, dung tục đối với văn học, xói mòn năng lực thẩm mỹ của người đọc, mặt khác thấm cả vào chính người cầm bút, xói mòn ý chí sáng tạo, dũng khí sáng tạo nghệ thuật và ý thức trách nhiệm xã hội đúng đắn của nhà văn, tạo nên sự cản trở vừa ở ngoài họ, quanh họ và ở chính họ."*

Ở trên cương vị một bí thư Đảng đoàn, và với sự mẫn cảm về tình trạng sinh hoạt văn học tồi tệ của một người cầm bút có lương tri, vào thời điểm đó (tháng 6-1979), Nguyên Ngọc tuy mong muốn đi tìm một lối thoát cho sự sáng tạo của người cầm bút, nhưng vì ông vẫn còn tin tưởng ở đường lối lãnh đạo sáng suốt của Đảng, nên phương hướng giải quyết vấn đề của ông vẫn không ngoài sự trông cậy vào sự chỉ đạo của giai cấp lãnh đạo. Ông nhận định *"Một nguyên nhân khác nữa đã hạn chế những thành tựu của văn học ta vừa qua là ở sự chỉ đạo cụ thể đối với sáng tác. Nói chung vừa qua, trong chỉ đạo sáng tác chúng ta còn dừng lại ở chỉ đạo đề tài, chưa đi sâu vào chỉ đạo chủ đề hoặc có thì cũng còn khá chung chung. Chỉ đạo đề tài là rất quan trọng. Buông lỏng chỉ đạo đề tài sẽ để dẫn đến phủ nhận chức năng xã hội của văn học. Đánh đồng tất cả đề tài tức là phủ nhận sự cần thiết văn học phải luôn luôn hướng vào những mũi nhọn nhất của đời sống và như vậy cũng không thể nhận ra tính đúng đắn sâu sắc của những chủ đề lớn, những nội dung lớn của đời sống. Nhất là khi trong hiện thực diễn ra những biến động sâu, mạnh, phức tạp, thì việc chỉ đạo chủ đề càng có ý nghĩa quyết định"*. (Đề dẫn, tháng 6,1979)

Đúng là lề lối suy nghĩ của bí thư đảng đoàn của một hội nhà văn trong

sinh hoạt của một xã hội đã gần một phần tư thế kỷ luôn luôn chịu đựng sự lãnh đạo của Đảng cầm quyền, phủ nhận khả năng suy nghĩ và cảm hứng tự do sáng tạo của người cầm bút.

Tuy nhiên ngần ấy năm trời trôi qua, từ 1979 đến 1987, hẳn thời gian đã đủ chín mùi để nhà văn Nguyên Ngọc ngày càng cảm thấy khả năng của giới lãnh đạo văn nghệ không phải là vô hạn, và nhất là sự rung cảm nghệ thuật của họ lại càng không phải là sự rung cảm nghệ thuật của người cầm bút chân chính.

Do đó, con người văn nghệ của Nguyên Ngọc hẳn đã đấu tranh kịch liệt với con người Bí Thư Đảng Đoàn, và kết quả là nhà văn Nguyên Ngọc đã nhẩy vô nhập cuộc với phong trào văn nghệ phản kháng tuy trễ tràng hơn một năm sau so với những báo khác, nhưng lại là sự đóng góp tích cực nhất, tiêu biểu nhất, dọn đường để cho nhiều nhà văn phản kháng có cơ hội đưa ra ánh sáng những tác phẩm của mình.

Nhận công tác Tổng Biên Tập báo Văn Nghệ, cơ quan ngôn luận chính thức của Hội Nhà Văn V.N. từ tháng 6, 1987, nhà văn Nguyên Ngọc phải lèo lái tờ báo ngay đúng thời điểm phong trào văn nghệ đổi mới đang lên cao với những đồng nghiệp nhập cuộc sớm sủa khác như tờ *Tiền Phong, Lao Động, Phụ Nữ, Tuần Tin Tức* ở miền Bắc, hay những tờ *Đại Đoàn Kết, Sài Gòn Giải Phóng, Tuổi Trẻ, Sông Hương, Lang Bian,...,* ở miền Nam. Tuy trễ hơn các đồng nghiệp khác hơn một năm sau, nhưng với sự lèo lái của người Tổng Biên Tập Nguyên Ngọc, tờ Văn Nghệ đã mau chóng trở thành ngọn cờ đầu đăng tải những truyện ngắn, những bài ký có nội dung phản kháng sâu xa và mạnh mẽ, gây được sự hưởng ứng hết sức sâu rộng và có tiếng vang rộng rãi cả trong nước lẫn ngoài nước. Sau đây là phần nhận định của nhà văn Mai Văn Tạo trong việc đánh giá sự đóng góp của tờ Văn Nghệ trong phong trào văn chương đổi mới:

*"Tờ Văn Nghệ xông thẳng vào những vấn đề vô cùng bức xúc của con người và xã hội, phanh phui, phê phán và lên án những hành vi xấu xa tội lỗi xúc phạm đến đời sống và con người. Khoảng cách giữa đời sống và thơ văn trên trang báo dần dần thu ngắn lại. Những bất công xã hội, bọn cường hào mới, kẻ lợi dụng chức quyền vơ vét của công, ức hiếp nhân dân được nhiều ngòi bút có lòng, còn dũng khí vạch mặt và tố giác gắt gao, nghiêm khắc. Cái đêm hôm ấy đêm gì, Vua lốp, Tiếng hú con tàu, Tướng về hưu, Công lý chẳng quên ai... tưởng chừng không bao giờ được ra mắt người đời, thì nhiều tháng qua đã phơi bầy trên những trang Văn Nghệ. Chưa bao giờ báo Văn Nghệ hội tụ được đông đảo người sáng tác trên khắp mọi miền đất nước như thời gian qua. Và chính vì thế mà độc giả từ Bắc chí Nam đã đón nhận Văn Nghệ như người bạn trung thực, đồng cảm cảnh*

*ngộ oan khuất của mình. Chưa bao giờ Văn Nghệ được coi là tờ báo của mọi người những tháng gần đây.*

*(Các nhà văn nói về vụ báo Văn Nghệ - Đất Việt, Canada, tháng 2-1989)*

Tuy không đưa ra những tác phẩm trực tiếp đóng góp vào phong trào văn nghệ đổi mới, nhưng ở cương vị Tổng Biên tập của tờ Văn Nghệ, nhà văn Nguyên Ngọc quả đã có công rất lớn trong nhiệm vụ làm đòn bẩy cho những tác phẩm đổi mới có cơ hội bùng lên. Chính vì sự đóng góp lớn lao này mà Nguyên Ngọc bị cất chức một cách mờ ám vào ngày 2-12-1988. Phóng viên của tờ Tuổi Trẻ ở Hà Nội ngày 4-12-8 đã có dịp gặp nhà văn và nêu câu hỏi:

- Lúc này anh đã thôi là Tổng Biên Tập báo Văn Nghệ?

Trả lời:

- Chính tôi cũng không xác định được lúc này tôi là gì. Về công việc, tôi không còn là Tổng Biên Tập báo Văn Nghệ nữa. Cách đây 40 giờ, trong buổi họp đột xuất của toà soạn báo Văn Nghệ do ban Thư Ký Hội nhà văn triệu tập, đồng chí Chính Hữu, Phó Tổng thư ký Hội nhà văn Việt nam đã đọc quyết định cho tôi "thôi giữ chức" Tổng Biên Tập báo Văn Nghệ để nhận công tác khác, và cho biết quyết định ấy có hiệu lực ngay sau khi đọc, tức là khoảng 18 giờ ngày thứ sáu 2 tháng 12-1988. Kể từ sáng hôm qua, mồng 3 tháng 12, đồng chí Hoàng Minh Châu, phó Tổng Biên Tập thứ nhất được chỉ định điều hành tờ báo. Nhưng cho tới lúc này, 40 giờ sau khi nghe đọc quyết định, tôi vẫn chưa có trong tay cái văn bản pháp lý mà tôi có trách nhiệm thi hành.

Có lẽ chẳng bao giờ Nguyên Ngọc có được cái văn bản pháp lý ấy. Bởi vì chiều 15 tháng 4 - 1989, trong dịp đến Huế hai ngày, nhà văn Nguyên Ngọc đã được Hội Văn học Nghệ thuật Bình Trị Thiên, ngoài sự tham dự của các hội viên còn có các cán bộ giảng dậy đại học, và sinh viên, các thầy cô giáo dạy văn và học sinh, các Sĩ quan hưu trí của Câu lạc Bộ Phú Xuân, các phóng viên đài và báo tiếp đón trọng thể và nồng nhiệt. Trong cuộc gặp gỡ này, nhà văn Nguyên Ngọc đã thổ lộ:

- "Tôi chấp hành quyết định của Ban Thư Ký để các anh ấy khỏi nghĩ tôi muốn bám lấy cái ghế này. Nhưng các anh ấy còn nợ tôi một cái: quyết định hợp thức của Ban Tuyên Huấn Trung Ương và Bộ Thông Tin và lý do tại sao đình chỉ công tác Tổng Biên Tập của tôi. Từ đó đến nay, họ vẫn im lặng.

Cũng trong dịp này, nhân có người đề cập đến sự phân hoá trong toà soạn báo Văn Nghệ về thái độ và sự ra đi của nhà văn Nguyên Ngọc, Nguyên Ngọc đã bùi ngùi kết luận:

- Đọc Pasternak tôi thấy bi kịch Zhivago vẫn là của một người đứng ngoài, đứng trên cả nước Nga mà đau. Còn bi kịch của tôi: một người trong cuộc,

đảng viên, cầm súng, nhiệt thành xây dựng chủ nghĩa Xã Hội mấy mươi năm. Thế mà tại sao Tình yêu của chính mình lại bị giày đạp đến như vậy?

Câu hỏi tự đặt ra như vậy, có lẽ không phải vì chính Nguyên Ngọc không tìm thấy câu trả lời, mà ông đã nêu ra như một sự thú nhận. Phải chăng người Đảng viên, người cầm súng, người nhiệt thành với chủ nghĩa xã hội mấy mươi năm, nay trước thực trạng bi thảm của quê hương, đất nước, bỗng vụt nhận ra rằng Đảng ấy, chủ nghĩa ấy, đã chẳng phải là những giải pháp lý tưởng đem lại cho con người nguồn hạnh phúc và đời sống ấm no đúng như sự mơ ước của nhiều người.

Nhìn ra được sự thực đó, sau bao nhiêu năm đóng góp với lòng nhiệt tình và đầy hào khí, quả là một bi kịch không chỉ của riêng nhà văn Nguyên Ngọc mà hẳn còn là của nhiều đảng viên và các tầng lớp cán bộ khác.

Phải chăng, chính điều này đã tạo nên một loại tâm thức mới trong hàng ngũ trí thức và văn nghệ sĩ ở quê nhà vốn đã quá chán chường, mệt mỏi với những sự giả trá, khuôn phép một chiều thường vẫn là cái khung ngục tù giam hãm tư tưởng tự do và cảm hứng sáng tạo của người cầm bút. Dựa vào biện pháp cởi mở của nhà nước như một cơ hội cánh cửa ngục tù vừa mới hé ra, văn nghệ sĩ ở trong nước đã mau chóng tìm được lối thoát cho con đường sáng tác hiện đang bế tắc của mình: tự giải phóng ra khỏi khuôn phép văn chương tô hồng hay văn chương phải đạo, trực diện với đời sống của quần chúng để lôi ra ánh sáng cái thực tế thảm thương đã từng bị chính giới cầm bút che đậy, giấu giếm, bằng cách tô son vẽ phấn bưng bít từ hàng chục năm qua, và hơn tất cả, đó là sự tìm lại được cái giá trị đích thực, cái nhân cách đích thực, cái dũng cảm đích thực mà Văn nghệ sĩ đã từng bị tước đoạt hay vì hèn nhát mà tự mình tước đoạt trong sinh hoạt sáng tác nhiều năm trước đây.

Giới cầm bút trong cao trào văn nghệ phản kháng ở quê nhà, chỉ trong thời gian vỏn vẹn không đầy 3 năm (1987 đến 1989) đã mau chóng lấy lại được lòng tin cậy của người đọc, và thậm chí đã trở thành ngọn đuốc sáng rỡ soi rọi tới được những hoàn cảnh tối tăm, cơ cực của quần chúng, đã trở thành cái phao của quần chúng trong khi họ đang chết đuối giữa sức ép của dòng đời đầy rẫy bất công, thối nát và áp bức.

Hầu hết những tác phẩm quan trọng trong cao trào văn nghệ phản kháng đều đã xuất hiện trên tờ Văn Nghệ do nhà văn Nguyên Ngọc chủ trương. Chỉ riêng một sự kiện Hội nhà báo Việt Nam ra quyết định khen thưởng ba phóng sự đăng trên báo Văn nghệ (Gồm *Lời khai của bị can* của Trần Huy Quang, *Tiếng Hú của con tàu* của Nguyễn thị Vân Anh, *Anh hùng khi đã sa cơ* của Hoàng Minh Tường) đã đủ chứng minh sự đóng góp lớn lao của tờ Văn Nghệ trong cao trào này. Và thật là điều dễ hiểu khi người ta thấy mọi

giới, bao gồm cả nhà văn, nhà báo và độc giả quần chúng đều tỏ ra vô cùng phẫn nộ khi được tin tờ Văn Nghệ gặp khó khăn (tháng 9-1988 Ban chấp hành Hội nhà văn Việt Nam ra nghị quyết lên án tờ Văn Nghệ là *có những lệch lạc nghiêm trọng*, và tháng 12-1988, Ban Thư ký của Hội này cách chức Tổng Biên Tập Nguyên Ngọc và thuyên chuyển công tác)

Ngay từ giữa tháng 9-1988, gần một trăm nhà sáng tác trẻ đã hội họp ở Hà nội để phản đối nghị quyết lên án tờ Văn nghệ. Sau đó là 12 nhà văn ở thành phố Hồ chí Minh, các nhà văn, nhà báo ở Lâm Đồng, Phú Khánh, Nghĩa Bình, tờ Sông Hương ở Huế, và đặc biệt là Hội Nghị Hội Nhà Báo Việt Nam lần thứ 5 tại Hà Nội họp từ 28-11, đến 1-12-1988, tất cả đều có ý hướng dứt khoát ủng hộ tờ Văn Nghệ đồng thời phản đối việc làm của Ban chấp hành Hội Nhà văn. Đặc biệt, nhà văn Bùi Minh Quốc, trưởng phân Hội Văn nghệ Lâm Đồng đã vận động lấy được hơn 100 chữ ký của các nhà văn ủng hộ Nguyên Ngọc. Sau đây là một vài ý kiến phát biểu trong vụ Nguyên Ngọc bị cách chức.

- *Nhà văn Mai Văn Tạo*: Biết tin báo Văn Nghệ "lâm nạn", Tổng Biên tập bị "hành", công chúng miền Nam, độc giả Thành Phố Hồ chí Minh, tỏ vẻ bất bình, lo ngại như thể bạn mình gặp cảnh khốn nguy. Nhiều người gặp tôi, họ lo lắng hỏi "*Văn Nghệ* thế nào rồi? Sao kỳ vậy?". Những người ấy không chỉ là cán bộ, công nhân viên, người có học vấn cao, mà cả những ông thợ cắt tóc, các bác đạp xích lô... từng yêu mến tờ báo. Tuần báo *Văn nghệ* từ cuối năm 87 đến nay không còn là tờ báo riêng của giới phong lưu và những nhà học giả. Nó còn là món ăn bổ ích và thú vị cho các loại độc giả phía Nam này. Lẽ nào Ban thư ký Hội Nhà văn không thấy ra điều đó?

*Nhà văn Nguyễn Quang Sáng:* Qua việc này, tôi thấy so với các ngành nghề khác, thì anh nhà văn, nhà báo nói riêng và văn nghệ sĩ nói chung, đối với những người đang thực sự làm việc thì bị cách chức quá dễ dàng. Từ đó mà nghĩ đến thân phận của giới này, nói rõ hơn là đối với những người thực sự làm việc của giới văn nghệ sĩ.

*Nhà thơ Diệp Minh Tuyền*: Tổng Biên Tập đổi mới này mất đi, sẽ có Tổng biên tập đổi mới khác xuất hiện. Tờ Văn Nghệ "dở" đi sẽ có tờ báo khác xuất hiện hoặc thay thế.

Dư luận phản đối ồn ào và mạnh mẽ như vậy, nhưng việc cách chức Tổng biên tập của Nguyên Ngọc vẫn được thi hành. Sự kiện này đã cho ta thấy 2 điều:

- *Một là*: Giới lãnh đạo đã thực sự run sợ trước cao trào đổi mới, trong đó ngày càng lôi cuốn được nhiều cây bút có giá trị với những tác phẩm có giá trị, được sự ủng hộ của đông đảo quần chúng độc giả.

- *Hai là*: Biện pháp cứng rắn áp dụng với Nguyên Ngọc đã mở ra một cuộc

đấu tranh gay gắt giữa hai phe trong giới cầm bút: phe bảo thủ, tiếp tục chấp nhận đường lối lãnh đạo văn nghệ do Đảng đề ra và phe đổi mới, đòi hỏi người cầm bút phải có tự do sáng tạo.

Tại Đại Hội Nhà Văn Việt Nam họp từ 23 đến 31-10-1980 tại Hà Nội, cuộc đấu tranh giữa hai phe đã diễn ra rất gay gắt và độc giả có cơ hội được biết đến qua các bài tường thuật của báo chí, đài phát thanh. Bản tin tức, tổng hợp từ tin tức các báo, đài, và tự thuật của các nhà văn Thu Bồn, Nguyễn Đắc Xuân, Phan Vũ ngày 9-12-89 tại Câu lạc bộ những người kháng chiến cũ đã viết: *"Suốt thời gian đại hội, đã diễn ra cuộc đấu tranh quyết liệt giữa hai lực lượng nhà văn: bảo thủ và tiến bộ, và sự phản đối mạnh mẽ có hiệu quả của lực lượng nhà văn tiến bộ đối với mọi sự áp đặt, phản dân chủ, thậm chí cả sự chụp mũ".*

Nhìn chung kết quả của Đại Hội, phe bảo thủ đã thất bại nhiều điều:

1/ Lập sẵn một danh sách Ban Chấp Hành gồm 30 người định vận động thông qua nhưng bị bác bỏ.

2/ Dự định không để Đại Hội bầu chức Tổng Thư Ký mà để cho Ban chấp hành tự bầu ra. Kết quả, đại hội cũng bác bỏ và chức vụ này cũng do Đại Hội bầu trực tiếp.

3/ Ba nhân vật bị phe bảo thủ dưới sự chỉ đạo ở trên mong muốn loại ra (Nguyễn Quang Sáng, Xuân Cang, Nguyên Ngọc) nhưng đã đắc cử với số phiếu cao nhất.

4/ Ba nhân vật được phe bảo thủ ủng hộ và sự chỉ đạo ở trên cố ý đưa vào ban chấp hành đều bị rớt đài (Anh Đức, Trần Bạch Đằng, Bằng Việt).

Trong khi đó, phe tiến bộ ngoài việc ngăn chặn những mưu đồ đen tối trong đại hội, còn nêu lên được những tiếng nói dõng dạc, thể hiện quyết tâm đi tới của những người cầm bút can đảm:

1/ Một nữ thi sĩ trẻ ở Huế yêu cầu Đại Hội làm sáng tỏ vụ nhà văn Bùi Minh Quốc, trưởng phân hội Văn Nghệ Lâm Đồng bị khai trừ khỏi đảng vì "tội" đã vận động lấy hơn 100 chữ ký của các nhà văn để ủng hộ Nguyên Ngọc.

2/ Một nhà văn trẻ yêu cầu Trần Trọng Tân, trưởng Ban Văn Hoá - Tư Tưởng Trung Ương Đảng phải kiểm thảo vì đã để xẩy ra những vụ đàn áp như ở trên cùng các vụ khác nữa nhưng làm ngơ.

3/ Các nhà văn Thu Bồn, Bửu Tiến, Bùi Minh Tiến, và nhất là Dương Thu Hương đã đọc những bài tham luận nẩy lửa, được đại hội đánh giá là "sâu sắc, nhiệt huyết và cảm động"

4/ Tạp chí Sông Hương (Huế) bị kết 8 tội và bị đóng cửa, qua Đại Hội, đã kể như không có tội nào và đang làm thủ tục tái xuất bản.

5/ Nhà văn Nguyên Ngọc bị cách chức, nay trở thành một trong ba nhà văn tiến bộ được đắc cử cao phiếu nhất và ở vào vị trí trực tiếp lãnh đạo cả Hội Nhà văn Việt Nam.

Tuy nhiên, Bản Tin Tức dù lạc quan đến đâu, cũng vẫn phải kết luận: *"Lực lượng nhà văn đổi mới tiến bộ đã thắng lợi bước đầu. Cuộc đấu tranh cho đổi mới còn đang tiếp tục tiến lên trên con đường đầy chông gai"*

Con đường chông gai ấy, dĩ nhiên có nhiều trở lực xuất phát từ giới lãnh đạo bảo thủ, trì trệ, chỉ nhìn thấy quyền lực mà không thấy sự khát vọng lớn lao của tuyệt đại đa số quần chúng, nhưng trở lực trước hết phải kể đến chính cá nhân của mỗi con người trong giới cầm bút. Họ phải biết cảm thông sâu sắc với quần chúng, phải biết đứng về phía quần chúng để tự lột xác chính mình. Trong thời gian gần đây, đời sống quanh ta đã có biết bao nhiêu là đổi thay mãnh liệt. Người cầm bút phải tự bước ra khỏi cái ốc đảo của mỗi người để hoà nhập vào đời sống đang chuyển mình. Bởi chỉ ở vị trí mới đó, người cầm bút mới có thể hoàn thành được chức năng của mình.

Phải chăng, cũng chính vì chia xẻ với nhận thức này, mà trong *"Cuộc trò chuyện cuối năm"* với Quốc Dũng và Bế Kiến Quốc được đăng tải trên tờ Văn Nghệ (Tổng biên tập hiện thời là Hữu Thỉnh) số Tết Canh Ngọ ra ngày 13-1-1990, nhà văn Nguyên Ngọc đã thổ lộ:

- "Những năm gần đây, tôi thấy viết càng khó hơn. Lần này thì có lẽ không phải chỉ vì "tính trời"; tôi thấy cần tìm cho mình một tiếng nói khác, một ngôn ngữ nghệ thuật khác. Quanh tôi, và trong tôi đã có biết bao thay đổi không nhỏ, không giản đơn. Phải viết khác. Mà đối với người cầm bút đã có nghề đôi chút, thì có lẽ không có gì khó hơn là viết được khác đi. Đó là "thay máu" như anh Nguyễn Minh Châu từng nói.

Quả là quanh con người và trong con người của mỗi nhà văn đã có biết bao nhiêu thay đổi không nhỏ, không giản đơn. Khát vọng về một đời sống tốt đẹp hơn, về một sinh hoạt xã hội có đầy đủ tự do dân chủ đã như một cao trào không thể ngăn cản được của con người đang chuẩn bị bước vào một thế kỷ mới. Nhà văn Việt Nam, hay giới cầm bút nói chung, dù ở bất cứ nơi nào trên mọi phần đất thế giới không thể không nhìn thấy khuynh hướng đó và không thể không "thay máu" để chia xẻ nhịp tim đập chan hoà niềm tin mới về một vận hội mới của tương lai dân tộc. Niềm tin đó, không chỉ là mối ấp ủ riêng tư của Nguyên Ngọc hay những nhà văn, nhà thơ trong phong trào văn chương đổi mới ở quê nhà, mà hẳn còn là những ước mơ của toàn thể người Việt Nam vẫn từng thiết tha đến tiền đồ của dân tộc.

**Santa Ana, tháng 4 năm 1990.**

# đề cương để dẫn thảo luận ở hội nghị đảng viên bàn về sáng tác văn học hội nhà văn việt nam

**(trích đoạn)**



*Nguyên Ngọc*

Nhìn lại những tác phẩm văn học được viết ra trong thời kỳ này, chúng ta thấy mặt đấu tranh xã hội – tức là mặt chuyển động trong chiều sâu của hiện thực – được phản ánh còn mờ nhạt. Dường như lịch sử được tái tạo lại trong văn học mới còn chủ yếu ở những đường nét lớn chung nhất của nó, trên các cơ sở chung nhất của nó, còn ở những tần số rung động sâu xa, tinh vi của nó thì chưa rõ rệt. Trong văn học, lồ lộ khá rõ là số phận chung của cả dân tộc, cả đất nước, nhưng còn số phận riêng của từng người, từng thành viên trong đội ngũ lớn đó thì còn khá sơ lược, giản đơn. Mặt yêu nước nổi bật lên – và đây là một chỗ mạnh của văn học ta thời kỳ này như đã nói ở trên – nhưng mặt đấu tranh xã hội thì không rõ bằng. Tính thơ lý tưởng của cuộc chiến đấu được biểu hiện khá mạnh, nhưng còn tính sần sùi phức tạp của đời sống thì yếu hơn. Cho nên tính hiện thực của văn học có bị hạn chế.

Điều này cũng biểu hiện cả trong sự mạnh yếu khác nhau của các thể loại. Thơ, ký, truyện ngắn, những thể loại chiến đấu trực tiếp, khá mạnh. Tiểu thuyết – vốn là thể loại phản ánh gần và sâu hơn cuộc đấu tranh xã hội, có sức mô tả tính biện chứng tinh vi uyển chuyển hơn trong sự vận động của tâm hồn, trong số phận con người, thì ít đạt bằng. Một số tiểu thuyết có thể

nói chủ yếu gần như là những bài thơ hay tùy bút dài, nói chung còn quá trơn tru, dễ dãi.

Nếu tính theo khu vực đề tài thì phần viết về chiến tranh cách mạng khá hơn phần viết về xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong phần viết về chủ nghĩa xã hội, cũng chỉ còn một chủ yếu là phản ánh một bước cải tạo quan hệ sản xuất.

Nếu tính theo thời gian thì sự phát triển trong khoảng những năm 60 tốt hơn, thuận hơn trong khoảng những năm 70.

Ít lâu nay trong người đọc, trong cả chính người viết có một số suy nghĩ hoặc một số dữ kiện khá phổ biến cho rằng từ một số năm gần đây, 5 năm, 7 năm hay khoảng mười năm trở lại đây, văn học ta đã có sự dừng lại. Mỗi người diễn đạt sự suy nghĩ, lo lắng đó một cách khác nhau, có người nói văn học đang tự lùi, có người gọi là "tình trạng trì trệ". Cũng có người cho rằng ta đang ở trong một tình hình khá nguy hiểm, ấy là tình hình "nhùng nhằng" không dở không hay, không sai nhưng cũng không thật đúng. Có người cho là đang có khủng hoảng. Cũng có người bảo: một số năm gần đây ta vẫn "có nhiều sách nhưng không có tác phẩm", "vẫn có nhiều trận đánh nhưng là những trận tiêu hao, không có trận đánh tiêu diệt"...

Rõ ràng trong hội nghị này chúng ta có một công việc nghiêm túc: đánh giá thật đúng thực chất tình hình và cố gắng tìm ra nguyên nhân của nó. Trước hết chúng tôi nghĩ rằng tình hình được phản ánh trong những suy nghĩ lo lắng vừa kể trên, tình hình đó có thật. Quả văn học "đang có vấn đề".

Vấn đề gì? Và ở đâu?

Dường như nó bắt đầu vào khoảng đầu những năm 70. Thật ra kể từ khoảng thời gian đó, và có đến cho những năm rất gần đây, một vài năm nay, số tác phẩm được viết ra không hề ít hơn trước, nếu không phải nhiều hơn. Trong số đó, có những tác phẩm không hề thua kém những năm trước, nếu không nói là khá hơn. Đội ngũ sáng tác vẫn phát triển về số lượng và chất lượng. Cả về đội ngũ lẫn tác phẩm, tình hình vẫn tiến đều, nhìn trên những con số thống kê không thấy có hiện tượng giảm sút... Vậy mà sao cái cảm giác lo lắng kia vẫn ngày càng rõ, càng đậm hơn, trong người đọc, người viết? Đứng trước cái quầy sách bây giờ, nhìn những đầu sách mới in ra, nhiều cuốn dày hình như ta thấy lo nhiều hơn vui. Vì sao?

Có một điều dễ nhận thấy ngay: Sách vẫn được viết, được in ra đều, chất lượng ít ra cũng bằng hoặc khá hơn trước, nhưng trong một số năm gần đây rất hiếm hoặc không có được những tác phẩm gây nên được những "sự kiện văn học" mới! Sách viết ra, in ra, người ta đọc, rồi nó phào đi, không để lại được những dấu vết sâu sắc, đậm nét trong đời sống tinh thần của xã hội. Cảm giác "có nhiều sách mà không có tác phẩm" là như thế. Người đọc thờ

ơ với chính những quyển sách mình vừa đọc, tuy cũng chẳng có gì để chê bai nó. Có một không khí mệt mỏi, lạnh nhạt giữa người viết và người đọc.

Như vậy, chúng tôi nghĩ, phải chăng là tác phẩm vẫn như trước kia hoặc khá hơn một ít, mà trong khi đó đời sống đã thay đổi rất nhiều rồi. Tác phẩm thì vẫn như trước, vẫn "hay" như trước kia nó đã "hay", song hiện thực đã biến đổi khác trước. Phải chăng có những vấn đề mới đã xảy ra, những câu hỏi mới đã phát sinh trong hiện thực, trong khi đó văn học vẫn lập lại những vấn đề cũ, trả lời những câu hỏi cũ, có thể trả lời khá hay nhưng vẫn là trả lời những câu hỏi mà hiện thực đã vượt qua rồi.

Trong hiện thực xã hội chúng ta, trong cuộc chiến đấu quyết liệt liên tục của đất nước ta, quả thực vào khoảng thời gian vào đầu những năm 70, tình hình đã có những biến đổi mới sâu sắc. Ở miền Nam, như chúng ta đều biết, đây là thời kỳ "Việt Nam hóa chiến tranh", đỉnh cao của chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ. Cuộc chiến tranh trở nên đặc biệt ác liệt, phức tạp, toàn diện hơn bất kỳ thời nào trước đó. Chưa bao giờ trên chiến trường miền Nam số quân địch, cả Mỹ ngụy và chư hầu đông bằng lúc này, chưa bao giờ số lượng bom đạn, vũ khí giết người của chúng cao đến thế, chưa bao giờ những thủ đoạn đánh phá của kẻ thù tàn bạo nham hiểm toàn diện bằng, và tất cả đều tập trung đánh thẳng vào người dân, vào cơ sở, vào từng chi bộ, từng thôn xã, từng gia đình, thậm chí từng con người, tức là vào từng tế bào nhỏ nhất của xã hội, làm rung chuyển toàn bộ đời sống xã hội... Đứng về phía ta, thời gian đó chính là đêm trước của một cao trào cách mạng mới, cao trào sẽ bùng nổ trong mùa xuân năm 1975. Nhưng cũng như thường thấy trong mọi đêm trước của những cao trào, tình hình dường như bỗng trở nên cực kỳ đen tối, có lúc như bế tắc. Đó là bước chuyển mình dữ dội của đêm tối để chuyển sang hừng sáng...

Ở miền Bắc, đó cũng là một thời gian đặc biệt phức tạp. Địch buộc phải ngừng ném bom, rồi lại ném bom dữ dội hơn; chiến tranh kéo dài, hậu phương lớn phải dốc toàn lực ra cho tiền tuyến lớn chuẩn bị cuộc quyết chiến sau cùng. Mặt khác, trong nền sản xuất, cơ sở của xã hội cũng đã nẩy sinh những vấn đề, những mâu thuẫn mới. Quan hệ sản xuất đã được thay đổi, nông thôn đã hợp tác hóa, đã làm phát sinh những ảnh hưởng tiêu cực, có khi có tính cách tàn phá của nó. Trong xã hội, do chiến tranh và do có vấn đề trong nền kinh tế đời sống khó khăn, những hiện tượng tiêu cực xuất hiện có lúc khá nghiêm trọng.

Sau năm 1975, tình hình lại có những sự phức tạp khác, trên một mặt nào đó mà nói, còn rộng lớn hơn. Những vấn đề dồn lại của một đất nước vừa bước ra khỏi một cuộc chiến tranh tàn khốc hơn 30 năm, những vấn đề của

một công cuộc cải tạo và xây dựng mới rộng lớn chưa từng có, và lập tức bóng đen của một kẻ thù sinh tử mới đã lù lù hiện ra...

Tất nhiên không phải cứ khi hiện thực trở nên đặc biệt khó khăn phức tạp thì văn học dừng lại, tụt lùi. Trái lại mới phải. Chính những lúc đó càng cần đến tiếng nói sáng suốt, tỉnh táo và tin tưởng của văn học. Cũng chính những cảnh huống xã hội đó cho phép văn học trở nên sâu sắc hơn, mạnh mẽ hơn. Nhưng vấn đề là ở chỗ chính trong những thời điểm bước ngoặt đó, về phía chủ quan của mình, văn học ta đã bộc lộ một số nhược điểm quan trọng, đồng thời chúng ta cũng đã phạm phải một số thiếu sót trong sự chỉ đạo văn học.

Chính trong thời điểm này, các lực lượng văn học của ta trước nay đã hình thành được một thế bám sâu khá đẹp trên các địa bàn, ở các mũi nhọn của cuộc sống, nay hầu hết đều bị bật ra khỏi các vị trí của mình. Mất liên hệ với đời sống, chúng ta bỗng bối rối mất phương hướng. Hiện nay có thể nói về cơ bản chúng ta không còn, hoặc có rất ít những lực lượng sáng tác, nhất là những cây bút chủ lực, bám sâu trên những địa bàn xung yếu nữa. Có những mảng rất lớn và hết sức quan trọng của đời sống, chẳng hạn như mảng đồng bằng sông Cửu Long nơi đang diễn ra cuộc đấu tranh cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội hết sức sâu sắc, gay go, độc đáo; hoặc như ở Tây Nguyên, một địa bàn chiến lược về kinh tế và quân sự; hoặc như ở phía Tây nam và trong nhiệm vụ quốc tế cao đẹp của chúng ta ủng hộ và giúp đỡ nhân dân Camphuchia anh em, hoặc cả trên tiền tuyến phía Bắc... hiện nay gần như hoàn toàn vắng bóng các nhà văn chúng ta, những nhà văn từng có truyền thống xông xáo, bám sâu, lăn lộn tích cực trong đời sống chiến đấu và sản xuất của nhân dân. Trong các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp... hiện nay tình hình cũng không khá hơn mấy.. Nói gì thì nói, đó là một tình hình không lành mạnh, không thể bào chữa được, một tình hình đáng báo động. Sự lãnh đạo của chúng ta đã không sớm phát hiện ra tình hình này và kiên quyết, kiên trì sửa đổi nó.

Mặt khác chính đến lúc này đã bộc lộ một chỗ yếu có nguyên nhân lâu dài trong tình hình đội ngũ của chúng ta: đã khá lâu chúng ta đã không chú trọng đầy đủ việc xây dựng đội ngũ, nhất là lớp nhà văn trẻ. Việc rèn luyện bản lĩnh chính trị, bản lĩnh xã hội của nhà văn bị buông lỏng. Việc học tập nâng cao trình độ mọi mặt của người cầm bút làm không thường xuyên, không có hệ thống, nói chung còn du kích, chắp vá. Một phần do tình hình chiến tranh, một phần do thiếu sót chủ quan của ta, nói chung trong nhiều năm chúng ta không đặt và thực hiện tốt việc xây dựng cơ bản. Cho nên, trước những phức tạp mới của hiện thực, có hiện tượng những người cầm bút mới của chúng

ta không đủ sức làm chủ tình hình, không đủ sức phân tích đúng đắn, sáng suốt. Nói gì đến cung cấp cho nó một câu trả lời sáng sủa.

Cả hai mặt đó cộng lại đã sinh ra sự bối rối trong tâm trạng, trong tình cảm, trong sự suy nghĩ của người viết. Cũng có thể nói, có sự giao động. Khi một người cầm bút giao động, ấy là khi anh ta giao động về nhân vật trung tâm của mình, về con người lý tưởng của mình. Khi anh ta bắt đầu nghi ngờ con người ấy trong hiện thực, hoặc ít ra là anh ta bối rối về họ, từ đó mà giảm lòng tin yêu họ. Cái lòng tin yêu vốn phải cháy bỏng, niềm khao khát đến cháy bỏng về con người, có cái ấy thì mới bắt đầu có cảm hứng sáng tạo nghệ thuật chân chính, mạnh mẽ. Dĩ nhiên người nghệ sĩ không phải cứ chờ cho đến khi con người trong hiện thực đã thật hoàn hảo, suông sẻ, khi ở họ cái tốt, cái đẹp đã hiện ra thật lồ lộ, minh bạch... thì mới tin và yêu họ. Nếu vậy thì nói cho cùng cần gì đến nghệ thuật và người nghệ sĩ nữa. Chúng tôi nghĩ nhiệm vụ của nghệ thuật không chỉ là ở chỗ biểu hiện hiện thực như nó đã có, một hiện thực tĩnh tại, mà chính là ở chỗ mô tả hiện thực như là một cái gì có thể thay đổi được và bồi dưỡng lòng tin, sự khát khao mãnh liệt muốn thúc đẩy sự thay đổi ấy. Phải chăng, lúc này có hiện tượng không ít phổ biến là người viết vẫn cứ viết mà không thật tin ở chính điều mình viết ra. "Người là muối mà chính người lại không mặn thì biết lấy gì để muối người". Văn học, nói theo một cách nào đấy, là lòng tin. Không có lòng tin lớn thì không bao giờ có thể có văn học lớn.

Nhân đây chúng ta cũng muốn nói rõ: qủa là trong thời gian này trong nhiều người viết chúng ta đã có bối rối, giao động, điều ấy đã hạn chế sức chiến đấu của văn học ta nhiều lắm. Hôm nay chúng ta nghiêm khắc nhận rõ thiếu sót đó. Song cũng cần khẳng định rằng: trong văn học ta, ngay ở thời gian này, không có cái gì có thể gọi là "một luồng tà khí", "phản động", "chống Đảng"... như có lúc một số người đã ngộ nhận, càng gây thêm rắc rối. Chúng tôi nghĩ trong hội nghị này chúng ta có thể chính thức báo cáo với Đảng kính yêu của mình như vậy.

Một mặt khác nữa đã góp phần không ít vào tình hình trì trệ này là sự chậm trễ kéo dài, sự thô thiển kéo dài trong công tác lý luận và phê bình văn học. Sự thô thiển trước hết ở một điều rất cơ bản: ở quan niệm về chức năng của văn học.

Trái với những quan niệm đúng đắn của Đảng, quan niệm này, hoặc có khi được phát biểu chính thức hoặc bàng bạc trong không khí phê bình, lý luận, đánh gía đã dung tục hóa mối quan hệ giữa hiện thực và văn học. Nó tuyệt đối hóa hiện thực, và kết qủa là buộc văn học phải khiếp nhược trước hiện thực, người nghệ sĩ phải khiếp nhược trước đời sống. Như vậy thực chất là nó phủ nhận khả năng cải tạo trở lại hiện thực của con người, của văn học.

Nó hạ thấp văn học xuống thành một sự sao chép hiện thực, coi gía trị văn học cao nhất là làm sao cố sao chép cho đúng nguyên hiện thực, có thế thôi. Bởi vì, theo tôi, "hiện thực đã tốt, đẹp đến mức không còn gì có thể tốt đẹp hơn...". Quan niệm không mác-xít đó đã từng biểu hiện chẳng hạn ở chủ trương tuyệt đối hóa thể "người thật việc thật" trong văn học, muốn lấy đó làm dòng chủ đạo, thậm chí dòng văn học duy nhất của văn học ta.

Chúng tôi nghĩ viết "người thật việc thật" là một chủ trương đúng và tốt. Nó giúp chỉ ra cho văn học một hướng lớn của đời sống. giúp văn học hướng sự chú ý tập trung của mình đến nơi tiền tiến nhất của cuộc chiến đấu. Nhưng tuyệt đối hóa nó thì lại rất sai. Và ngay trong việc viết "người thật việc thật" cũng cần phải hiểu đúng.

Văn học bắt nguồn từ cuộc sống, thu hút không những nguyên liệu mà cả linh hồn các tác phẩm của mình từ đấy, nhưng đến lượt nó, nếu như nó muốn có ích, muốn phục vụ trở lại cuộc sống, thì nó lại phải sáng tạo ra một cái gì đó khác, mới mẻ, chưa từng có, cao hơn về chất so với nguyên liệu của cuộc sống đã cung cấp cho nó. Ăn dâu nó phải nhả ra tơ. Nếu nó lại nhả ra những cái lá dâu thì bản thân sự có mặt của nó thành vô nghĩa. Ngay cả những tác phẩm viết về người thật việc thật cũng không thể thoát khỏi cái luật biện chứng của sự sáng tạo đó. Người thật việc thật dầu đã cao đến mấy, khi đi vào tác phẩm văn học vẫn phải sáng tạo lại, trở nên cao hơn. Lý do rất đơn giản: chính những con người tốt đẹp của chúng ta vẫn luôn luôn khát khao mong ước sự hoàn thiện mình không ngừng. Vả chăng, điều mà nhà văn muốn phản ánh sinh động trong tác phẩm của mình, nói cho thật đúng ra, không phải là những hiện tượng của hiện thực, mà là những qui luật sâu xa của hiện thực. Người nghệ sĩ luôn luôn có khát vọng muốn nhận ra, chỉ ra, bằng những qui luật bí ẩn và đẹp đẽ nào mà cuộc sống lại sáng tạo ra được những điều kỳ diệu đến thế.

Quan niệm thô thiển về mối quan hệ giữa hiện thực và văn học dẫn đến tai hại: Khi trong hiện thực có những sự phức tạp, những mặt đấu tranh phức tạp, thì nhà văn dễ đâm ra hoang mang, mất hết lòng tự tin ở chính nghề nghiệp của mình, chức năng xã hội của mình, và anh ta sẽ đành lòng làm ra một thứ văn chương "phải đạo" nhuốm đầy màu sắc chủ quan.

Quan niệm thô thiển về chức năng của văn học cũng dung tục hóa mối quan hệ giữa văn học và chính trị. Nó tuyệt đối hóa chính trị, tuyệt đối hóa sự chi phối tất yếu của chính trị đối với văn học, mà quên rằng với tư cách là những hình thái ý thức xã hội, chính trị và văn hóa, qua những sự khúc xạ gần xa khác nhau đều là phản ánh hiện thực đấu tranh xã hội. Chúng tôi nghĩ Đảng không bao giờ đòi hỏi văn học nghệ thuật minh họa chính trị, trái lại Đảng yêu cầu, còn cao hơn nữa, văn học nghệ thuật với sức mạnh riêng của

nó, làm phong phú thêm cho chính trị bằng những khám phá và sáng tạo của riêng mình, không thay thế được...

Có lẽ điều đáng lo hơn cả trong tình hình công tác lý luận, phê bình văn học thô thiển kéo dài, là ở chỗ nó đã tạo nên có thể nói là những định kiến xã hội đơn giản, dung tục đối với văn học, xoi mòn năng lực thẩm mỹ của người đọc, mặt khác thấm cả vào chính người cầm bút, xoi mòn ý chí sáng tạo, dũng khí sáng tạo nghệ thuật và ý thức trách nhiệm đúng đắn của nhà văn, tạo nên sự cản trở vừa ở ngoài họ, quanh họ, vừa ở trong chính họ. Phải chăng chính đây là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến những lối làm ăn tệ hại, hết sức đáng trách, thiếu phẩm chất trong một số người cầm bút mà chúng ta đang hết sức lo lắng.

Một nguyên nhân khác nữa đã hạn chế những thành tựu của văn học ta vừa qua là ở sự chỉ đạo cụ thể đối với sáng tác. Nói chung vừa qua, trong chỉ đạo sáng tác, chúng ta còn dừng lại ở chỉ đạo đề tài, chưa đi sâu vào chỉ đạo chủ đề, hoặc có thì cũng khá chung chung. Chỉ đạo đề tài là rất quan trọng. Buông lỏng chỉ đạo đề tài thì sẽ dễ dẫn đến phủ nhận chức năng xã hội của văn học. Đánh động đến tất cả các đề tài tức là phủ nhận sự cần thiết văn học phải luôn luôn hướng vào những mũi nhọn nhất của đời sống và như vậy cũng không thể nhận ra những đúng đắn, sâu sắc những chủ đề lớn, những nội dung lớn của đời sống. Song, nhất là khi trong hiện thực diễn ra những biến động sâu, mạnh, phức tạp, thì việc chỉ đạo chủ đề càng có ý nghĩa quyết định. Chỉ đạo chủ đề tức là giúp cho người nghệ sĩ sớm nhận ra cái cốt lõi bên trong của sự vận động của hiện thực, mò ra qui luật của nó, từ đó, dưới cái vỏ biểu hiện bên ngoài là đề tài, có thể mô tả nó không hời hợt, không hình thức, không bối rối...

**(trích Lang Biang số 3)**

# gặp gỡ nguyên ngọc



Trích từ tạp chí *Sông Hương*

Chiều 15–4–89, 14 giờ. Phòng họp của Hội VHNT Bình Trị Thiên đã chật hết chỗ, nhiều người ngồi lên bậc cửa sổ. Công chúng: ngoài các hội viên văn nghệ các ngành, còn có các cán bộ giảng dạy đại học và sinh viên, thày cô giáo dạy văn và học sinh, các sĩ quan hưu trí của Câu lạc bộ Phú Xuân, các phóng viên đài và báo. Trong số công chúng đứng chen chúc ở vòng ngoài nhìn vào, có hai nhân vật đặc biệt: ông K, chủ xe nước mía, và cô Ng, bán sách báo vỉa hè ở gần Hội. Nói chung, dù nhiều người đến bất ngờ không giấy mời, nhưng tất cả công chúng toàn là "Người Tử Tế".

Hoàng Vũ Thuật (giới thiệu): Anh Nguyên Ngọc vừa đến Huế hai hôm, chúng tôi chỉ kịp gởi giấy mời cho một số bằng hữu, không ngờ chiều nay đông đảo như thế này, điều đó chứng tỏ độc giả của báo Văn Nghệ ở Huế rất nhạy cảm. Thay mặt Chi hội nhà văn Bình Trị Thiên, tôi xin trân trọng giới thiệu nhà văn Nguyên Ngọc, Tổng biên tập đích thực của báo Văn Nghệ.

(Tiếng vỗ tay chen vào vài tiếng nói to: "Đích thực! Đích thực!")

Tô Nhuận Vỹ (Tổng thư ký mới của Hội Văn Nghệ BTT):

Cuộc đấu tranh đổi mới của phong trào văn học Việt Nam những năm gần đây có công đóng góp của anh Nguyên Ngọc. Hình như anh Nguyên Ngọc tuổi Thân; số tử vi theo người Nhật nói rằng tuổi Thân là tuổi của những "tài năng ngoài qui cũ". Có lẽ những con người khao khát đi tìm cái mới, như Cristốp Côlông, như Galilê, đều có cái chất "Ngoài qui cũ" như vậy. Đây là cuộc trao đổi thân tình trước thềm Đại hội nhà văn, sẽ đóng góp một phần vào đại hội sắp tới. Tôi đề nghị chúng ta trao đổi thẳng thắn mọi điều, cả hỏi và trả lời.

Nguyên Ngọc: Đất nước, văn học ta đang ở thời kỳ chuyển động, phức tạp, khó khăn, xôn xao... Sáng nay chúng tôi có trao đổi với nhau: sẽ là cuộc gặp gỡ và đối thoại. Tôi đề nghị các anh chị nêu câu hỏi và tôi trả lời. Vừa qua

tôi biết có những thông tin do trên báo, hoặc truyền miệng, nhiều cái không đúng sự thực. Chúng tôi may được ở trong điểm xoáy của các sự kiện, có gì tôi xin thông báo một cách trung thực.

Lý Hoài Xuân: Tôi xin nêu 3 câu hỏi. 1. Vừa rồi anh thôi giữ chức Tổng biên tập; đó có phải là cách chức không? 2. Báo Văn Nghệ với anh, có sự đổi mới. Chúng tôi tiếc không được đọc những trang hay sau khi anh ra đi. Vậy anh có tiên đoán được tương lai của báo Văn Nghệ không? 3. Đổi mới quanh tờ báo đã gây ra mâu thuẫn. Trong từng cá nhân, dường như có động cơ riêng. Theo anh thì việc đó như thế nào?

Trường Ký: – Có một nhóm thích Đổi Mới, nhóm khác kềm hãm nhưng bề ngoài vẫn hô hào đổi mới. Đại hội tới như thế nào?

– Vừa rồi, với sự thay Tổng biên tập, người ta thấy rằng báo Văn Nghệ đang bị thụt lùi. Anh em Bình Trị Thiên rất mong báo khởi sắc trở lại như thời Nguyên Ngọc. Anh thấy có nên hy vọng không?

Một Cán Bộ Giảng Dạy Đại Học Sư Phạm: Có hai lực lượng của Hội nhà văn trong sự xung đột vừa qua, hay là có sự chỉ đạo nào của Trung ương? (Có tiếng người ngắt lời: "Cái đó phải lên hỏi Trung ương").

Hoàng Phủ Ngọc Tường: Thời đó người ta chăm chú theo rõi từng bước đổi mới rất rõ của báo Văn Nghệ. Với tư cách Tổng biên tập, xin cho biết ý hướng đổi mới toàn cục của anh như thế nào? Tại cuộc họp BCH, anh Nguyễn Đình Thi kết luận rằng báo Văn Nghệ có những "lệch lạc nghiêm trọng". Anh Huy Cận có nhã ý bổ sung thêm một chữ *rất*, "rất nghiêm trọng". Vài người khác đòi đưa anh ra tòa. Rồi mọi việc xảy ra như đã thấy. Anh đã làm gì, để gây ra lắm thứ ân oán giang hồ ghê gớm đến thế?

Nguyên Ngọc: (sắp xếp lại nội dung các câu hỏi, đứng dậy. Vài ba chiếc cátxét mini được đẩy tới trước mặt diễn giả. NN cười, lắc đầu, nhưng không có phản ứng từ chối. Trả lời luôn một mạch).

– Trước hết tôi xin nói về hướng của tờ báo. Tôi nhận công tác từ tháng 6–87 đến 12–88, gần một năm rưỡi. Bấy giờ là tình hình sau Đại hội VI, báo chí trong thời kỳ chuyển động rõ rệt. Bên sân khấu, đổi mới sớm hơn. Ở miền Bắc các báo *Tiền Phong, Lao Động, Phụ Nữ, Tuần Tin Tức* đang đổi mới mạnh. Báo *Văn Nghệ* vào cuộc chậm so với đồng nghiệp, và có sự trách móc chung của bạn đọc đối với diễn đàn của Hội nhà văn. Khi nhận việc ở báo, tôi có ý thức rất rõ. Tôi có báo cáo với Ban thư ký (BTK) Hội nhà văn rằng phải chuyển hướng báo. Tại hội nghị BCH tháng 9–88, tôi chỉ trình bày ý cơ bản về định hướng.

Tôi nghĩ: cả đất nước, Đảng, chủ nghĩa xã hội ta đang đứng trước những vấn đề rất lớn. CNXH ta đã làm trong mấy chục năm qua nằm trong qui luật lịch sử này: một chế độ xã hội thay thế một chế độ xã hội trước là vì cái kia

đã mất sức sống. CNXH ta bắt đầu từ Cách mạng tháng Tám, ở Liên Xô thì đã bảy mươi năm. Nhưng CNXH *như chúng ta làm* (nhấn mạnh), vì lẽ nào đó, đang trở nên trì trệ. Nó không minh được tính ưu việt đối với chế độ nó thay thế, và với lý tưởng chúng ta mơ ước. Đấy là vấn đề hết sức lớn.

Khi báo VN vào vuộc, thì báo chí ta đang trong cuộc đấu tranh giữa *tích cực chống tiêu cực*. Tôi nghĩ: *tích cực* là tạo nên những năng động mới, còn tiêu cực là kềm hãm tính năng động. CNXH lý thuyết thì năng động, nhưng CNXH trong hiện thực lại không năng động nổi. Nghị quyết Đảng, có hai lần dùng chữ "Sống Còn". Tôi nghĩ: Văn học phải nhận ra hiện thực của xã hội Việt Nam, tham gia đấu tranh khắc phục tính trì trệ, khôi phục tính năng động phải có của CNXH, và như thế với ý nghĩa "Sống Còn".

Tôi có nói với BTK; Báo VN là *báo*, báo là cái cấp bách hàng ngày. Nhưng nó lại là Văn nghệ. Vậy thì từ cái hàng ngày, nó phải vượt lên để đi tới những vấn đề xã hội ở đằng sau cái sự kiện đó. Hướng cơ bản là đưa báo VN vào cuộc đấu tranh, nhưng bằng văn học để đi tới những vấn đề *Căn nguyên* sâu xa hơn.

Tôi xác định lại vấn đề: Cuộc đấu tranh rất quyết liệt, nhưng phải đi vào cái căn nguyên sâu xa; do đó, sức đề kháng trở lại nhất định phải dữ dội hơn. Thực tế cho thấy các báo đều bị sức đề kháng khá mạnh, nhưng trên từng cái cụ thể, thí dụ vài tờ báo địa phương đã bị sự phản kháng của chính bí thư tỉnh ủy. Nhưng khi đi vào căn nguyên, thì báo VN sẽ phải chịu sự đề kháng không phải cụ thể, mà thuộc cả một cơ chế. Tôi nói với anh Nguyễn Khải (lúc đó là phó Tổng thư ký) rằng: chúng ta sẽ gặp nhiều gay go vì nó động tới nhiều cơ chế lớn. Anh Khải tâm đắc: "Thôi thì vẫn phải dấn thân vào cuộc đời".

Hướng thứ hai, là đấu tranh đổi mới chính văn học. Qua chống tiêu cực, cần cố gắng khôi phục lại thể loại phóng sự, và bút ký báo chí; những thể loại này lâu nay vẫn có nhưng không đạt tới sức mạnh văn học của nó. Tôi mời một số anh em làm thử khoảng sáu tháng.

Một Câu Hỏi: Anh cho biết một vài sự kiện cụ thể...

Nguyên Ngọc: Bài đầu tiên thăm dò nhằm vào một vấn đề tính là chưa gay gắt lắm, ấy là vấn đề sách và phát hành. Anh Lý, Tổng giám đốc Phát hành đã phản ứng quyết liệt, nói rằng phát hành sách là phải canh gác chuyên chính vô sản. Tôi nói: bài không đánh vào anh, nhưng cả anh và tôi đều phải đánh vào.

Vài cái khác, tiếp tục bị phản ứng, rồi tới "Ông vua lốp" của Trần Huy Quang. Tôi đề nghị tác giả đi sâu vào vấn đề cơ chế và con người, như thế này: Theo cái cũ thì anh giàu một cái là tôi cắt đầu, còn nghèo thì tha hồ. Tài năng ta (như ông Chẩn) không thiếu, chỉ hại vì cơ chế bình quân và bao cấp.

Phản ứng lần này rất quyết liệt, chúng tôi phải đối thoại với Thành ủy Hà Nội nhiều lần. Sau này, Thành ủy chưa bao giờ nhận sai, nhưng đã trả lại tài sản, cho phép làm, chỉ cái nhà của ông Chẩn là chưa trả lại.

Tôi thử thêm một vấn đề nóng bỏng: nông thôn, ở đó có nông dân với quyền sở hữu, có Đảng và chính quyền ta ở đó. Anh Lê Lựu có nói: "Thử về một làng xã nào ở miền Bắc mà xem Đảng chúng ta ở đó là Đảng gì? Là Đảng của giòng họ chứ không phải Đảng Cộng Sản".

Số đầu năm 88, tôi in "Suy nghĩ trên đường làng", nhẹ nhẹ thôi và tiếp liền đó "Cái đêm hôm ấy đêm gì" của Phùng Gia Lộc. Lúc đó báo chí đang sôi động về vụ Hà Trọng Hòa, chưa phân thắng bại nhưng rất quyết liệt. Trên báo Văn Nghệ sẽ gây ra một tiếng chuông rúng động, nhưng tôi tính theo kiểu lính: Trận đánh chắc thắng 80–90% là đánh được. Tôi nói với anh Khải: "Đăng nhá" anh Khải ký. Sau "Cái đêm hôm ấy" tôi cho in "Người đàn bà quỳ". Về dân chủ ở nông thôn, tôi cho rằng vài ba tiếng chuông báo động như thế là đủ.

Nhưng không thể dừng lại ở đó, ở đời sống cùng cực và sự mất dân chủ của số phận người nông dân. Cần làm gì để tháo gỡ hoàn cảnh: Vậy là phải đụng tới cơ chế. Hôm ấy, tôi và anh Khải đi thực tế ở Vĩnh Phú, cùng với anh Ngọ bí thư và anh Quán Chủ tịch huyện về làng Thổ Tang. Đây là làng của Nguyễn Thái Học, gặp luôn ông Vũ Hồng Khanh sống ở đó. Làng rất đặc biệt: nhà phố, lầu, ít đất, đi buôn rất giỏi. Giải phóng 30–4, theo sau binh đoàn xe tăng đã có con buôn Thổ Tang mang cờ ảnh cách mạng vào bán ở Sài Gòn rồi. Làng này đã xuất hiện một kiểu cơ chế mới. Có bốn loại thị trường: 1) Thị trường lao động: sớm cầm đèn soi mặt, anh có thể ra chợ Thổ Tang tìm thuê người đi cày, tát nước. 2) Vật tư hàng hóa: có chỗ đại tư và bán hàng trăm máy kéo. 3) Có ba ngân hàng tư nhân, trong mười lăm phút có thể vay hàng chục triệu. 4) Thông tin kinh tế: ở một nhà có quyển sổ ghi ai cần mua gì, bán gì... Đi khảo sát, tôi gặp một bà rất giàu: nhà có máy kéo, máy nổ, máy xay xát, và mười tấn lúa. Thuê nông dân làm, đóng thuế đầy đủ cho nhà nước. Trần Huy Quang có viết về một bà nông dân làm thuê; được hỏi: "Bà không sợ bị bóc lột à?" Bà trả lời: "Bóc lột thế tôi được sống nhờ, nếu để tôi làm chủ thì tôi chết đói". Cả anh Ngọ và anh Quán đều giấu tịt cái làng này, giấu cả Thường vụ Tỉnh ủy. Tôi hỏi anh Quán: "Anh có dám kết nạp bà làm giàu đó vào Đảng không?" Anh Quán suy nghĩ trằn trọc suốt đêm, sáng sau trả lời tôi: "Bây giờ cần phải suy nghĩ lại về khái niệm *bóc lột*". Sau này, khi báo đăng bài, anh Quán viết thư cho tôi: "Không ngờ dấn thân cũng là sa trường". Từ vấn đề cơ chế đó, dẫn đến một vấn đề rất lớn là quyền sở hữu của nông dân trong CNXH. Bút ký "Tiếng Đất" của Hoàng Hữu Cát xói vào vấn đề quyết liệt ấy. Anh Ngọ hỏi tôi: "Tại sao những con người đó lại

say mê làm giàu đến như thế, bất chấp vô tù ra khám?" Tôi nói: "Có lẽ ở họ còn là một khát vọng muốn thể hiện tài năng làm giàu như những người tìm vàng ở Mỹ". Trước khi chết anh Kim Ngọc, nguyên Bí thư Vĩnh Phú thời trước đã trối trăn với anh Ngọ rằng phải tìm cách thoát ra khỏi cái "CNXH kiểu trại lính" này. Anh Ngọ đi theo con đường ấy. Cả anh Ngọ và anh Quán đều đã mua sẵn một cái máy xay thuốc bắc, lỡ bị cách chức thì xay thuốc mà sống; các anh quyết liệt đến thế. May là không sao cả. Anh Ngọ hiện được điều về Thanh Hóa thay Hà Trọng Hòa.

(Nghỉ một lát, kết thúc vấn đề):

– CNXH chúng ta làm lâu nay, có nhiều cái giả lắm. Liên Xô: một ổ mì mấy xu đó, nhưng năm nào cũng đâu phải bán máy. CNXH gì lạ thế? Đổi Mới là sắp xếp lại các giá trị, xưa A nay có thể xuống Z, và đảo lại. Trong văn học: các bài phóng sự, ký nói trên chỉ là báo, nó cày phá ra ngổn ngộn như vậy nhưng đâu dễ xem thường. Nó sẽ đọng lại một cái gì đó, đích thực là văn học.

Một Ý Kiến: Có sự phủ nhận quá khứ không?

Nguyên Ngọc: Chúng tôi quan niệm: Chúng ta có một thời kỳ văn học, và đã làm xong. Bây giờ chúng ta làm một thời kỳ mới, không có gì phủ nhận lịch sử cả. Nguyễn Huy Thiệp nói rất gọn: "7 giờ là 7 giờ; 9 giờ là 9 giờ. Chả nhẽ 9 giờ lại phủ nhận 7 giờ à?"

Một Ý Kiến: (Nhắc lại yêu cầu nhận định về các xu hướng trong Hội nhà văn trước cuộc Đổi Mới).

Nguyên Ngọc: Theo tôi có ba thái độ:

– Những người có tài năng, trăn trở, tích lũy từ trước; thì dũng cảm đi với cái mới. Điển hình là trường hợp Nguyễn Minh Châu, là người bắc cầu vào thời kỳ này.

– Những người biết cái Mới và ủng hộ.

– Loại người cay cú với Đổi Mới và chống lại. Số này khá đông, và đang thao túng hoạt trường văn học không mệt mỏi. Cuộc tiệc này theo tôi, còn gay go lắm.

Còn động cơ ở đằng sau à? Tôi có báo cáo với anh Đào Duy Tùng: "Với tư cách đảng viên, tôi đề nghị anh báo cáo với Bộ chính trị rằng hiện nay có những kẻ báo động giả vì mưu đồ riêng của họ, như họ đã làm ở hội nghị BCH "coi chừng địch!", "làm loạn xã hội", v.v...

Một Y Kiến: Quả thực, anh có bị cách chức không? Theo tôi biết, nếu bổ nhiệm hoặc cách chức Tổng biên tập thì phải có quyết định của Ban tuyên huấn Trung ương và của Bộ thông tin. Đồng chí Trần Hoàn đã ký quyết định cách chức anh chưa?

Nguyên Ngọc: (kể lại các lớp lang đã diễn ra từ thường trực Ban thư ký, và tóm tắt trong ba điểm):

– Các anh mời "tôi về làm ban trù bị đại diện (mặc cả làm phó ban, rồi thường trực). BCH đã ủy nhiệm BTK làm ban trù bị đại hội, tôi không ở trong BTK nên không nhận.

– Anh Thi đưa giải pháp lập Hội đồng biên tập, không phải tư vấn mà là chỉ đạo. Theo qui chế báo chí thì Tổng biên tập là người quyết định sau cùng, không thể có một hội đồng nào ở trên cả.

– Cuối cùng, anh Thi và anh Chính Hữu họp tòa soạn, tuyên bố quyết định của BTK buộc tôi thôi giữ chức Tổng biên tập (chỉ công bố miệng, còn giấy tờ thì vì lộn xộn, mãi đến nay vẫn chưa trao cho tôi). Tôi nói: "Tôi chấp hành quyết định của BTK, để các anh khỏi nghĩ rằng tôi muốn bám lấy cái ghế này. Nhưng các anh còn nợ tôi một cái: Quyết định hợp thức của Ban tuyên huấn Trung Ương và Bộ thông tin, và lý do tại sao đình chỉ công tác TBT đối với tôi".

Từ đó tới nay, họ vẫn im lặng.

Tô Nhuận Vỹ: Vừa rồi, anh Thi cho tôi biết về đề nghị lập hội đồng biên tập, anh Nguyên Ngọc không chấp nhận. Bây giờ tôi mới hiểu ra là một thứ Hội đồng Thái Thượng Hoàng như vậy. Tôi là TBT của Sông Hương, tôi biết: đó là một cái không thể chấp nhận được với bất cứ TBT nào, theo qui chế báo chí của cả nước.

Xuân Hoàng: Tôi được biết, hiện đang xẩy ra sự phân hóa trong tòa soạn báo VN, về thái độ với sự ra đi của anh Nguyên Ngọc. Tôi cho rằng sự phân hóa đó theo chiều hướng nào, sẽ là thước đo về đạo lý và nhân cách ở từng con người.

Nguyên Ngọc: (Kết thúc, giọng trầm lắng, công chúng xúc động) Đọc Paxtecnac, tôi thấy bi kịch Jivagô vẫn là của một người đứng ngoài, đứng trên cả nước Nga mà đau. Còn bi kịch của tôi: một người trong cuộc, đảng viên, cầm súng, nhiệt thành xây dựng CNXH mấy mươi năm. Thế mà tại sao Tình yêu của chính mình lại bị giày đạp đến như vậy!

**(Hoàng Phủ Ngọc Tường ghi)**

# phỏng vấn nguyên ngọc: tổng biên tập báo văn nghệ



Trích từ tạp chí *Sông Hương*

PV: *Theo anh, báo Văn Nghệ phải nhập cuộc như thế nào vào sự đổi mới?*

NN: Trong công cuộc đổi mới Văn Nghệ vào trận có hơi chậm; độc giả có người đã thất vọng. Đến giữa năm 1987, Văn Nghệ mới bắt đầu chuyển.

Về hướng chung, tờ báo nào cũng phải đối diện thật với những vấn đề gay gắt của cuộc sống thật. Nhưng Văn Nghệ phải có cách làm riêng của nó. Văn Nghệ không thể dừng lại ở vụ việc, mà có thể – và phải đi sâu vào căn nguyên xã hội của nó. Khi chỉ nói đến một vụ việc cụ thể thì tuy có đích danh, nhưng chỉ động đến một hai người, còn khi qua vụ việc đó mà vạch ra cái cơ chế vô lý, trì trệ, cần cấp thiết tháo gỡ, thì động đến những vấn đề chung của toàn xã hội như thế thì sâu sắc hơn, nhưng tất nhiên khó khăn hơn.

Những mảng phải chú ý đầu tiên là lý luận phê bình và văn xuôi.

Trong lý luận phê bình còn tồn tại không ít vấn đề gây cấn (như việc đánh giá văn học ta, quan hệ giữa văn học với hiện thực, văn học với chính trị, ...), mà việc giải quyết chúng, hay ít nhất dám thảo luận về chúng, sẽ hổ trợ và mở đường cho sáng tác. Chúng tôi mời một số nhà lý luận phê bình viết bài, nhưng có người viết có người không. Để tạo điều kiện cho họ có thể phát biểu ý kiến mà không phải viết bài, chúng tôi tổ chức thảo luận bàn tròn.

Về văn xuôi, chúng tôi chú trọng và có ý định khôi phục một thể loại giàu tính chiến đấu nhưng bị mai một, đó là phóng sự. Chúng ta từng có những nhà văn viết phóng sự rất giỏi. Vũ Trọng Phụng chẳng hạn.

Ban đầu chúng tôi còn thăm dò, với bài "*Sách và ba điều vô lý*", tuy vậy, không phải không bị phản ứng. Và khi đến "*Lời khai của bị can*" thì đã vạch

ra cái cơ chế vô lý muốn "chặt bằng đầu" tất cả: những người giỏi, ngoi lên làm giàu một cách chính đáng, đều bị đẩy bật trở lại đám đông trung bình. Là văn học nhưng cũng là báo chí, chúng tôi phải cẩn thận; đằng sau "*Lời khai của bị can*", chúng tôi có hàng trăm trang tài liệu. Tuy thế mà các cơ quan có trách nhiệm trong vụ này chưa phải đã chịu đâu.

Điều quan trọng là với "*Lời khai của bị can*", chúng tôi tin mình đã đi đúng hướng. Tuy nhiên, cho đến cuối năm 1987, tất cả chỉ mới là prélude. Đầu năm 1988, chúng tôi cố gắng đào sâu vấn đề hơn nhất là về nông thôn. Bắt đầu là "*Suy nghĩ trên đường làng*" (lúc đó chúng tôi đã có trong tay "*Cái đêm hôm ấy ... đêm gì?*", nhưng đầu năm, chưa nên gây cấn quá ngay. Sau đó là "*Người đàn bà quỳ*", "*Đêm trắng*", "*Công lý, đừng quên ai!*". Nếu "*Cái đêm hôm ấy... đêm gì?*" vạch ra thực trạng đời sống nông thôn, "*Người đàn bà quỳ*" nêu bật lòng khát khao dân chủ, thì "*Đêm trắng*" động đến vấn đề cơ chế quản lý ở nông thôn. Đấy chính là vấn đề rất sâu xa.

Báo "Văn Nghệ" muốn đánh lên một tiếng chuông và tham gia giải quyết các vấn đề xã hội. Nhưng nhân dân cũng có cách giải quyết của mình. Cho nên, chúng tôi sẽ đưa lên Văn Nghệ những con người mới, cách làm mới; những người dân Thổ Tang trên số báo Văn Nghệ sắp tới ví dụ. Thực sự là mới thì bao giờ cũng lạ, rất lạ vì thoát ra ngoài quan niệm chính thống, phá vỡ định kiến của chúng ta. Ủng hộ cái mới và đả phá cái cũ là hai việc phải làm song song.

Nhưng lại có mặt khác của vấn đề. Không phải cứ nhất thiết bàn đến chuyện quản lý, chuyện tích cực, tiêu cực theo kiểu Ovetskin trong "*Chuyện thường ngày ở huyện*", thì mới là thời sự. Còn một kiểu thời sự khác, đấy là cái thời sự kiểu "*Con tàu trắng*" hay "*Đoạn đầu đài*" của Aitmatoy. Cho nên, chúng tôi rất mừng có được Nguyễn Huy Thiệp với "*Tướng về hưu*", "*Muối của rừng*", "*Kiếm sắc*"... (Trong mạch suy nghĩ đó, tôi cho rằng Đêm nhạc Văn Cao không làm chúng ta mềm yếu đi như có người đã lo, mà trái lại, giúp chúng ta mạnh lên trong cuộc sống).

Đến nay, sau khi các mảng lý luận phê bình và văn xuôi đã tương đối có hướng đi, chúng tôi bắt đầu chú trọng về thơ. Và khi bắt tay vào xây dựng mảng thơ, mới vỡ lẽ không phải trước đây thơ không hay là do tình trạng chung về thơ vốn làng nhàng như thế. Thơ trên Văn Nghệ đã bắt đầu chuyển động. Chúng tôi cho rằng rồi đây có thể thơ còn dữ dội hơn cả văn xuôi. Nghe đâu đã có nơi quy định phổ biến báo Văn Nghệ trên các phương tiện truyền thông địa phương thì phải được cấp nào đó duyệt đặc biệt là thơ!

Một số đồng chí trong các cơ quan quản lý, chúng tôi biết, rất lo Văn Nghệ đi quá đà, kích động quần chúng, làm nặng nề hơn tình hình. Chúng tôi không nghĩ thế. Sự đổi mới làm tăng lòng tin của quần chúng, chỉ có bảo

thủ mới làm mất lòng tin mà thôi. Quần chúng đã được tôi luyện trong lò lửa chiến tranh. Hoàn toàn có thể tin vào sự hiểu biết của quần chúng. Ta nói lấy dân làm gốc, sao cứ sợ dân dốt!

PV: *Trong tình hình hiện nay, những khó khăn chủ yếu của một Tổng biên tập, chẳng hạn Tổng biên tập báo Văn Nghệ, là như thế nào, thưa anh?*

NN: Theo tôi có hai loại khó khăn.

Một là, yêu cầu của người phụ trách rất cao. Ta đang sống trong một quá trình thay đổi để tiến lên trong một tình hình phức tạp, khó khăn và tế nhị. Lại còn có giặc ngoài nữa. Cho nên, khó khăn nhất là người chủ trì phải định hướng cho đúng, tính đường đi nước bước cho đúng. Văn Nghệ được độc giả trông chờ, theo dõi từng số một. Trước đây chúng tôi có thể dềnh dàng, nay thì không được nữa. Đây là cái khó khăn của sự trưởng thành.

Hai là, tiến nhanh thì lực cản càng quyết liệt hơn. Có thế lực bảo thủ vì quyền lợi mà chống, nhưng cũng có người chân thành lo lắng mà cản.

PV: *Anh hình dung như thế nào về một Tổng thư ký sắp tới của Hội nhà văn?*

NN: Công việc sáng tác là của từng người, Hội nhà văn không thể bao biện gì được. Vấn đề là phải tạo điều kiện cho hội viên làm việc. Tổng thư ký không thể làm cho người không có Raphael trong mình thành ra Raphael được. Cũng như quản lý kinh tế, trong quản lý văn nghệ, chúng ta bao cấp tất, "tổ chức" tất, không để cho phát triển tự nhiên. Một sự phát triển tự nhiên phải là: nhà văn có tài thì được quan tâm, sao cho có thể bộc lộ hết tài năng của mình, còn nhà văn bất tài thì không cần phải quan tâm lắm. Mà tài năng thực sự thì không những bao giờ cũng hiếm, mà còn lạ. Tôi cho rằng, Tổng thư ký phải là người biết quý trọng tài năng.

PV: *Nhiều người có ý kiến trong Đại hội sắp tới Tổng thư ký nên được bầu trực tiếp. Còn ý kiến anh?*

NN: Nên giao quyền làm chủ thực sự cho Đại hội. Ta không nên cho mình khôn ngoan hơn 500 nhà văn. Và nếu 500 nhà văn chọn một Tổng thư ký không xứng đáng, thì điều đó cũng phản ánh đúng trình độ của nhà văn ta, vì mình kém nên chọn một ông Tổng thư ký kém! Còn nếu nhỡ giữa nhiệm kỳ Tổng thư ký có "làm sao" đó, thì Ban chấp hành cử người thay, có sao đâu.

**Hoàng Dũng thực hiện**

**(Trích Sông Hương số 31 tháng 5 & 6–1988)**

# vấn đề cách chức nguyên ngọc



Phỏng Vấn *Dương Thu Hương*

**Phụ Nữ Thành Phố Hồ Chí Minh:** *Thái độ của chị là ủng hộ anh Ngọc triệt để... Đúng không? Có lẽ chị rất ngưỡng mộ anh Ngọc?*

**Dương Thu Hương:** Tôi không ngưỡng mộ Nguyên Ngọc, mà tôi công bằng với anh ấy. Tôi quý trọng và ủng hộ phần đóng góp của anh ấy với báo, với phong trào dân chủ hóa và đổi mới hiện nay. Nhưng tôi đã phê phán hành động nhu nhược của anh Ngọc trong cuộc họp Ban chấp hành Hội nhà văn [ngày 9–9–88]. Lẽ ra, anh Ngọc không được để số đông áp đảo, không được giơ tay bỏ phiếu một cách mê mụ đến thế. Lẽ ra, anh ấy phải bảo lưu ý kiến của mình cho tới cùng. Nếu mặt trời đã tròn, dù có đốt ta trên lửa cũng không thể công nhận rằng nó vuông.

Nếu anh Ngọc không nhận thức được sai lầm của mình, tôi sẽ không còn quý trọng anh ấy nữa. Nhưng điều đáng vui là anh Ngọc đã tự thấy hành động lầm lỡ của mình, thấy có lúc mình xúc phạm tới lòng tin cậy của bè bạn và làm tổn hại cho phong trào đấu tranh chung. Nhưng về phương diện con người, tôi cũng như các bạn sẽ cảm thông cho Nguyên Ngọc, đôi khi hoàn cảnh thật khắc nghiệt, chống chọi lại nỗi cô đơn và mỏi mệt cũng không dễ dàng gì...

PNTP Hồ Chí Minh: *Theo chị, ai có thể thay được vị trí của anh Ngọc?*

Dương Thu Hương: Tôi là nhà văn chủ trương đạp đổ thần tượng nên không bao giờ tôi muốn đưa anh Ngọc lên vị trí thần tượng. Nguyên Ngọc, Nguyễn Văn X, hay Y, anh hay tôi... đều không có giá trị gì về phương diện cá nhân. Chúng ta chỉ có giá trị, khi chúng ta là những con người có ích cho đất nước, cho dân tộc. Tại sao công chúng phản ứng dữ dội việc làm của Ban thường vụ Hội nhà văn? Vì lẽ việc làm ấy không chỉ nhằm vào một cá nhân Nguyên Ngọc với xu thế đổi mới trong báo chí, văn nghệ, mà nó đánh vào chính khát vọng của họ. Khát vọng dân chủ hóa, công khai hóa, khát vọng đổi thay một mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu trại lính, khát vọng cải tạo cấu trúc nhà nước và đưa đất nước khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu... Đối với khát vọng của quần chúng, những thành tựu của báo chí, văn nghệ vừa qua chưa thấm tháp gì. Theo tôi, nó mới thực hiện được phần nào chức trách công khai hóa, và rất ít ỏi yếu tố dân chủ hóa...

Trở lại câu hỏi của anh, tôi xin trả lời rằng tôi chưa nghĩ tới ai đủ khả năng thay thế vị trí của Nguyên Ngọc. Nhưng tôi biết chắc chắn rằng những ai phải gánh vác trách nhiệm của anh ấy giờ đây, dù có tên hay chưa có tên,

cũng rất khó làm việc. Có thể nguyên nhân đầu tiên không ở khả năng của họ mà là ở mối ác cảm của đồng nghiệp và công chúng.

PNTP Hồ Chí Minh: *Sự kiện vừa rồi là một hoàn cảnh bộc lộ nhiều nhất, rõ nhất sự phân hóa trong đội ngũ. Quan điểm của chị ra sao?*

Dương Thu Hương: Tốt thôi, lửa thử vàng, gian nan thử sức. Thời nào cũng sẵn kẻ gian, kẻ nịnh, kẻ quay quắt tráo trở. Chẳng nên buồn, chẳng nên than thở. Hãy mỉm cười và tiếp tục góp sức vào công cuộc đổi mới.

Trích Báo PNTPHCM số ra ngày 24. 12. 1988

Phỏng vấn ***Trần Bạch Đằng***

**Tiền Phong:** *Với tư cách là một nhà văn, ý kiến của đồng chí về sự kiện báo Văn Nghệ và việc nhà văn Nguyên Ngọc bị thuyên chuyển công tác?*

**Trần Bạch Đằng:** Tôi quý trọng báo *Văn Nghệ* và anh Nguyên Ngọc. Tờ báo sau này "đổi mới" mạnh và tốt. Tuy nhiên, đến một mức nào đó thì *Văn Nghệ* bộc lộ đôi nhược điểm, cũng dễ hiểu thôi: Không có cơn sinh nở nào không đau.

Cá nhân tôi vài lần phát biểu với các anh Trần Độ, Nguyên Ngọc, Nguyễn Khải, Hoàng Minh Châu, Nguyễn Duy về "nguy cơ" đổi mới vấp trở ngại trong điều kiện thực tế của đất nước ta nếu không biết tự kiềm chế, xử lý liều lượng thích hợp, và không nên theo mô hình của bất kỳ nước nào. Hai lần, báo *Văn Nghệ* đăng quan điểm của tôi. Tôi đứng về phía đổi mới – tất nhiên, không phải từ hôm qua – nhưng tôi vẫn đinh ninh "những biên độ" cần lưu ý và đặt văn học trong tư trào chung.

Mặt khác, tôi bảo vệ suy nghĩ sau đây: hãy tranh luận. Chân lý hiển hiện, dù tương đối và mang tính giai đoạn, qua cọ xát các ý kiến công khai, thẳng thắn, trung thực, hết sức tránh chuyện riêng tư vào văn chương. Tờ Văn Nghệ có bạn đọc – thích nó và không thích nó. Thế thì cứ nêu các khác nhau trên mặt báo nếu cái khác nhau ấy liên quan đến xã hội.

"Cấm" là biện pháp xưa cũ, tuy chúng ta vẫn không tuyệt đối hóa "tự do" một khi cái tự do nào đó lại xâm phạm đến an ninh quốc gia, đến luân lý dân tộc, đến những vấn đề thuộc cương lĩnh chính trị của toàn dân, đến những chỗ thiêng liêng mà nhân dân xác tín. Tôi không tán thành "cấm" trên cơ sở ấy. Và, như thế, tôi không tán thành "thuyên chuyển" (hay một từ nào khác) vị trí tổng biên tập của anh Nguyên Ngọc.

Làm một tờ báo hay, vững vàng, thật không dễ. Sai sót thì đấu tranh, thì sửa. Ai dám vỗ ngực tự xưng mình không sai? Làm báo dở chẳng lẽ không sai? Tốn giấy, tốn viết mà chẳng ai đọc – vậy mà chưa tổng biên tập nào bị "thuyên chuyển" cả! Giống như chuyện kinh tế: làm ăn lỗ thì được bù lỗ, làm ăn lãi rất lương thiện thì coi chừng bị thanh tra! Cái chết của chúng ta là ở chỗ đảo ngược như vậy.

(Trích báo Tiền Phong số ngày 17–1–89)



**Lưu Quang Vũ**

Sinh năm 1948
Mất 29 tháng Tám 1988

*Có những cái sai không thể sửa được, chắp vá gượng ép chỉ càng làm sai thêm. Chỉ có cách là đừng bao giờ sai nữa. Hoặc phải bù lại bằng một việc đúng khác.*

# lưu quang vũ chim sâm cầm đã chết



*Vũ Hạ*

*Make it not your goal*
*That in the hour of death,*
*You yourself be better.*
*Let it be your goal*
*That in the hour of death,*
*You leave a bettered world.*

BERTOLT BRECHT (1)

(Trích "*Saint Joan of the Stockyards*")

Khi viết về Bertolt Brecht, nhà nghiên cứu kịch nghệ nổi tiếng Martin Esslin đã phải kêu lên là quá tiếc khi kịch tác gia lỗi lạc này qua đời khi còn quá trẻ. Brecht sinh ngày 10 tháng 2, 1898 và mất ngày 14 tháng 8, 1956, hưởng thọ 58 tuổi.

Với 58 tuổi đời Brecht đã để lại hậu thế một văn sản đồ sộ gồm kịch, văn, thơ... và hàng triệu trang giấy viết về ông của người đương thời và thế hệ trẻ hôm nay.

Nhìn trở lại quê hương Việt Nam - một Việt Nam, giờ đây, đã "nghìn trùng xa cách" - một người viết kịch trẻ, rất trẻ, tuy danh tiếng không thể so với Brecht, nhưng tài nghệ đang phát triển, vừa mới qua đời trong một "tai nạn" thảm khốc khi mới vừa 40 tuổi. Chúng tôi muốn nói đến kịch tác gia LƯU QUANG VŨ, như nói về một loài chim qúy mà khung trời nhỏ hẹp, khép kín của một mảnh đất lầm than, tang tóc đã trót giết đi.

***Ôi, Chim Sâm Cầm Đã Chết!*** (2)

Viết về một người không quen, trong hoàn cảnh thiếu thốn tài liệu, và nhất là người ấy lại là một kịch tác gia thì quả thật là một điều khó khăn. Vì kịch, chính nó, không thể được xem như là một bài thơ, một đoạn văn. Nó

phải có đời sống của nó. Nó phải nói, cười, sống và chết. Nghĩa là kịch chỉ trọn vẹn chuyên chở ý tình khi được dàn dựng trên sân khấu với diễn viên và khán giả thưởng ngoạn. Tuy thế, khi được đọc HỒN TRƯƠNG BA, DA HÀNG THỊT và BỆNH SĨ hai vở kịch độc nhất tôi có được trong số 53 kịch bản của LƯU QUANG VŨ tôi thấy trong trí tưởng, nhốn nháo những bàn tay vẫy gọi, tưng bừng tiếng hò reo của triệu triệu khán giả vây quanh những nhân vật thật sống, thật linh động như Trương Ba, Anh Hàng Thịt, Ông Nha, Bác Độp, Văn Sửu, Cô Nhàn, Anh Hưng...

Những bàn tay vẫy gọi đó, những reo hò kia đã thôi thúc tôi viết những dòng này như một hòa nhịp, một nối tiếp, một cảm thông.

Nhưng đối với phần đông chúng ta, những người đang phải sống lạc loài trên khắp đất nước người, thì LƯU QUANG VŨ là ai?

LƯU QUANG VŨ sinh ngày 17 tháng 4 năm 1948 tại thôn Gia Điền, xã Thiện Cơ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Bố là nhà thơ kiêm kịch tác gia Lưu Quang Thuận, quê tại Đà Nẵng. Lúc trẻ, Vũ học ở Hà-Nội, từ 1955. Năm 1965, chưa tốt nghiệp trung học, Vũ nhập ngũ (bộ đội Cộng Sản) và bắt đầu sáng tác thơ. Xuất ngũ năm 1970, Vũ sống chật vật bằng nhiều nghề khác nhau, với gánh nặng gia đình là một vợ (nữ diễn viên điện ảnh Tố Uyên) và một con. Sau đó không lâu hai người ly hôn. Đến năm 1973, Vũ kết hôn với nhà thơ Xuân Quỳnh và có một con trai với nhà thơ này.

Từ 1980, Vũ chú tâm vào việc viết kịch. Những kịch bản gía trị của Vũ gồm có: Mùa hạ cuối cùng (1981), Nàng Sita (1982), Hẹn ngày trở lại (1984), Hồn Trương Ba, Da Hàng Thịt (1981), Bệnh Sĩ (1988), Tôi và chúng Ta (1984)... Có thể nói là hầu như tất cả các vở kịch của Vũ đều được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau: thoại kịch, ca kịch, chèo, cải lương, truyền hình. Và nếu căn cứ vào số hượng 3,485,000 khán giả đi xem bốn đoàn cải lương, diễn bốn vở trong ba năm (1981-1983) quanh quẩn vài tỉnh miền Trung, thì với năm mươi ba vở kịch do Lưu Quang Vũ biên soạn, với hàng trăm đoàn văn công và các phương tiện truyền thông khác biệt, số khán giả vài chục triệu xem các buổi trình diễn tác phẩm của Lưu Quang Vũ không phải là quá đáng!

Ngày 27 tháng 8, 1988, Lưu Quang Vũ cùng vợ và con nhỏ đi Hải Phòng để làm việc với đoàn kịch. Hai hôm sau, trên đường trở lại Hà Nội, vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 29 tháng 8, 1988, chiếc xe hơi chở gia đình Vũ đã bị một chiếc xe khác đâm phải. Vợ và con Vũ chết ngay tại chỗ, riêng Vũ bị thương nặng, nhưng cũng đã trút hơi thở cuối cùng khi được đưa đến cấp cứu tại bệnh viện đa khoa Hải Hưng.

Lưu Quang Vũ chết đi để lại năm mươi ba vở kịch (bốn mươi sáu kịch dài và bảy vở kịch ngắn), ba tập truyện ngắn, hai tập thơ và một cuốn biên

khảo ("Diễn Viên và Sân Khấu", viết chung với Xuân Quỳnh) và nhất là sự ngưỡng mộ lẫn xót thương của hàng chục triệu khán giả.

Với sức sáng tác phi thường đó năm mươi ba vở kịch trong 10 năm ngắn ngủi cộng với số khán giả đông đảo ái mộ, quả thật Lưu Quang Vũ là một "hiện tượng" hiếm hoi về một bộ môn tương đối còn mới mẻ ở quê nhà. Trước hiện tượng đó, chúng ta tự hỏi nguyên do nào đã un đúc, thúc đẩy Lưu Quang Vũ trở thành kịch tác gia lỗi lạc?

Sau khi đọc xong hai kịch phẩm "Hồn Trương Ba, Da Hàng Thịt" và "Bệnh Sĩ" cùng một số tài liệu rất hiếm hoi về Lưu Quang Vũ, tôi bỗng có ý liên kết các diễn biến của cuộc đời anh với kịch tác gia Bertolt Brecht vì giữa hai người có rất nhiều điểm tương đồng.

Trước hết, điều không ai có thể phủ nhận được là cả hai đều đã sống trong chế độ Cộng Sản, mặc dù một người (Brecht) có cơ hội để chọn lựa còn người kia thì không.

Lưu Quang Vũ sinh ra và lớn lên trong một xã hội Cộng Sản, một xã hội Cộng Sản Á Châu đầy đặc thù: lạc hậu, sắt máu, bưng bít và kềm chế tối đa. Tuy thế, với một tâm hồn nghệ sĩ, mầm mống sáng tạo luôn luôn là ngọn đuốc thổi rực lên sự thèm khát TỰ DO, nung đúc Ý TƯỞNG CƯỠNG CHỐNG LẠI GÔNG CÙM, khơi dậy CHÍ HƯỚNG ĐẠT THÀNH SỰ THẬT, và có lẽ, đó cũng là những nguyên nhân đã thôi thúc Lưu Quang Vũ viết từ thơ qua truyện đến kịch.

Cái tâm hồn khoáng đạt, ưa chuộng tự do đó đã được thể hiện ngay trong đời sống của chính anh và được truyền qua những nhân vật truyện và kịch. Hãy đọc một đoạn sau đây do chính mẹ anh viết về cái "tự do" của người nghệ sĩ:

*"Thời gian cuối của đời lính, Vũ gặp một vài chuyện trắc trở. Có lẽ một phần là do cái chất "tự do" của nghệ sĩ không thích hợp với kỷ luật sắt của quân đội... Có thời gian Vũ ở một đơn vị mà người chỉ huy rất cứng nhắc và độc đoán, ông ta coi việc làm thơ là biểu hiệu của sự yếu đuối, là việc có hại đối với một người lính. Có lần Vũ đã phải làm kiểm điểm và hứa trước đơn vị là "từ nay không làm thơ nữa". Nhưng tất nhiên không thể giữ được một lời hứa như vậy. Vũ vẫn tiếp tục làm thơ."*(4)

Vũ thích tự do, và mặc nhiên chống đối lại bất cứ một hình thức kềm kẹp, áp bức nào. Do đó, trong truyện ngắn "Nhà Thơ" (5), cậu bé Dương Cầm bị bố mẹ áp chế cùng cực để "nặn" ra thơ. Mới đầu cậu bé làm được nhiều bài thơ hay. Nhưng dần dần - vì bị bố mẹ bắt cấm cung nặn bộ óc non nớt để sáng tác, không được đùa nghịch hồn nhiên như mọi đứa trẻ cùng tuổi - cậu bé chống đối lại bằng cách làm thơ diễu ông hàng xóm và cả người bạn thân

(tác giả?) của bố mẹ. Khi được hỏi lý do của hành động chống đối đó, cậu bé trả lời:

*"Về những câu hỗn với chú, cháu xin lỗi chú. Cháu làm vậy là để... bố cháu đừng bắt cháu làm thơ nữa. Cháu chán lắm rồi! Cháu không thích làm thơ, bố cháu cứ bắt... cháu không được đi chơi. Không chịu được nữa, cháu phải liều..."*

Và cái kết hiển nhiên sau câu trả lời của cậu bé là *"Tôi hiểu ra rồi... Nó cần sống như một đứa trẻ khác, bố nó muốn như cái cây bị uốn bẻ trái với tự nhiên, nó sẽ tìm cách vùng ra, nó là đứa trẻ khôn ngoan."*

Có lẽ trong cùng một quan niệm "Tự Do" sáng tạo đó, Brecht - mặc dù có khuynh hướng Cộng Sản - vẫn luôn luôn muốn được là một người viết độc lập, không bị lệ thuộc vào một đảng phái nào như khi ông điều trần trước Ủy Ban Hạ Viện ngày 30 tháng 10, 1947.

Trong nổ lực phá vỡ mọi kềm hãm để tìm tự do, trước hết, người viết phải khai phá những nguyên ủy, những động lực đã đưa đến sự kềm hãm đó. Trong tiến trình tìm tòi đó, người viết đã phải trực diện với mọi cảnh huống trần truồng. Đó là SỰ THẬT. Một sự thật - được nhìn ngắm, suy cứu và lọc đãi qua tài năng của người sáng tạo - hiển nhiên thành hình. Trong trường hợp Lưu Quang Vũ, sự kết tinh là những kịch bản phản ảnh trung thực của đời sống, như bài thơ sau đây của Bertolt Brecht:

*I am a playwright. I show*
*what I have seen. In mankind's markets*
*I have seen how humanity is traded. That*
*I show, I, the playwright.* (6)

Lưu Quang Vũ đã nhìn thấy sự thật với những hoạt cảnh đang xẩy ra quanh cái "chợ người" và những tráo trở khốn cùng, bệ rạc nên những "Hồn Trương Ba, Da Hàng Thịt", "Bệnh Sĩ" mới thành hình.

Hãy cùng Lưu Quang Vũ dựng lại cảnh đời ở xã Cà Hạ trong kịch bản Bệnh Sĩ.

Ông Nha, chủ tịch xã, muốn đổi mới tất cả, từ tên xã đến mọi công tác sinh hoạt trong xã, mời dân chúng tụ họp trước trụ sở xã để nghe ông "thay trời đổi đất, sắp đặt giang sơn." Có hai công tác chính được ông Nha chú tâm đến là đổi tên các chức vụ, sở, nha cũ thành các tên mới và triệt bỏ nông nghiệp trong vùng để "kỹ nghệ hóa". Các tên mới nghe thật kêu, như tổ trưởng tổ nề mộc đổi thành Chủ Nhiệm Trung Tâm xây dựng và kiến thiết cơ bản. Còn kỹ nghệ hóa là "sản xuất pháo"!

Chung quanh ông Nha còn các ông Độp (sau đổi tên thành Mạnh Tuấn giữ chức Chủ Nhiệm Trung Tâm Triệt Sản Gia Súc Hùng Tâm thay vì Bùi Văn Độp, hoạn lợn), Văn Sửu, ông Thình tị toe kiểm điểm.

Trong các nhân vật phụ, Nhàn và Hưng, còn giữ lại ít điều tốt đẹp của nhân tính giữa cơn xoáy cuồng nộ.

Tóm lại, "Bệnh Sĩ" quả thật bình thường, cái bình thường mang đầy tính chất khắc nghiệt của bi hài kịch. Những nhân vật bình thường, đầy nhân tính, bị quấy lộn trong một xã hội đảo điên mà mọi thứ đều căn cứ trên cái phần giả ngụy để cuối cùng nổ tung như những thùng thuốc pháo chất chứa trong xã Cà Hạ.

Nếu "Bệnh Sĩ" được dàn dựng trên những cái "bình thường" thì "Hồn Trương Ba, Da Hàng Thịt" lại được cấu tạo bằng những cảnh Tiên và Tục xen lẫn nhau.

Ông Trương Ba, một người hiền lành, bị Nam Tào, Bắc Đẩu, vì mê xôi thịt nơi thiên đình, xoá tên trong sổ sinh. Vì chồng chết oan, vợ Trương Ba lên trời khiếu nại, được Đế Thích giúp cho Trương Ba sống lại, nhưng phải nhập vào xác anh Hàng Thịt.

Nhưng xung đột, đầy kịch tính, phát sinh vì những mâu thuẫn không thể hoà hợp được giữa HỒN và XÁC để cuối cùng, một lần nữa, hồn Trương Ba "chết". Chết có nghĩa là dứt khoát, là đoạn tuyệt với cái thân xác của gã Hàng Thịt.

Với vở "Hồn Trương Ba, Da Hàng Thịt", Lưu Quang Vũ đã đi quá xa, ra khỏi ranh giới truyền thống của những người Cộng Sản. Từ xưa đến nay, điều cấm kỵ của người Cộng Sản là nói đến những điều không thực, những cái có tính cách siêu hình như thần tiên, thượng đế, linh hồn... Thế mà, Lưu Quang Vũ đã đề cập đến điều cấm kỵ đó một cách độc đáo. Những "tiên ông" như Nam Tào, Bắc Đẩu, Đế Thích hiển lộng như những người thường. Đặc biệt hơn nữa là hồn Trương Ba sống một đời sống thật với cái trái ngang của sự ép buộc trong một thân xác khác. Ở đây, ta thấy cái tương đồng và dị biệt giữa Lưu Quang Vũ và Brecht thật rõ rệt.

Ông Trương Ba khi sống là một người đôn hậu, yêu vợ thương con, quý mảnh vườn nhỏ cùng dăm cây sai quả. Khi nhập vào xác anh Hàng Thịt, thì chính "cái hồn" đó bị khốn đốn vì cái thân xác phì nộn, cục mịch lúc nào cũng đòi ăn, đòi rượu... Còn Puntila, gã điền chủ trong vở kịch cùng tên của Brecht thì gần như ngược lại. Khi tỉnh rượu, Puntila là một tên keo kiệt, độc đoán, thô bạo, ích kỷ. Khi say, Puntila biến thành một người khoan dung, đáng mến...

Sự khác biệt đó nói lên cái quan niệm chủ quan của từng tác giả. Brecht là người chủ trương thân xác là chủ thể, do đó trong kịch bản Galileo, Brecht đã viết là ông (qua lời nhân vật Galileo) không hiểu được có người đã không dùng trí tuệ để làm đầy cái bao tử của hắn. Trái lại, tâm hồn của Trương Ba vẫn trong sáng, vẫn đôn hậu dù bị miễn cưỡng "sống" trong thân xác một tên

hàng thịt cục mịch. Dù trong sự gượng ép nào, cái tâm hồn mang nặng tinh thần nhân bản đó vẫn cố gắng vùng lên để thoát khỏi các vây khổn ngoại giới.

HỒN TRƯƠNG BA

*... (Râu ri) Bà đã quen chưa, đã quen với cái hình vóc mới này của tôi chưa?*

VỢ TRƯƠNG BA

*Đã gần một tháng, cũng... cũng quen dần ông ạ!*

HỒN TRƯƠNG BA

*Vậy mà sao... tôi vẫn chưa quen được! Cái thân xác nó có phải bộ quần áo đâu mà dễ quen, dễ đổi. Có khi người ngoài nhìn vào, còn dễ quen, chứ chính bản thân mình thì... Đã gần một tháng, tôi là tôi mà cứ như không phải là tôi... Trước kia, tôi đâu có biết anh hàng thịt này là ai... (Ngắm nghía lại chân tay mình) Cái thân xác cũ của tôi, tôi mang đã hơn năm mươi năm, chứ cái thân xác cồng kềnh này... (Lắc đầu).*

VỢ TRƯƠNG BA

*Quen dần... nhưng mà... lắm lúc, không hiểu sao, tôi vẫn cứ nhớ tới hình vóc ông hôm qua, lại thương cho cái người đã nằm dưới đất ấy...*

HỒN TRƯƠNG BA

*Người nào? Dưới đất chỉ là cái xác... thế mà bà bảo: chỉ có cái hồn mới là đáng kể! Thân xác kẻ khác, nhưng hồn vẫn là hồn mình cơ mà!*

Cuộc nói chuyện giữa Hồn Trương Ba và vợ vẫn thấm đẫm ngọt ngào dù đã được lồng vào cái hoàn cảnh nghịch lý của bi kịch. Nhưng kịch tính đã đạt đến cao độ khi HỒN và XÁC nhiếc móc lẫn nhau:

HỒN TRƯƠNG BA

*... Không, không! Tôi không muốn sống như thế này!*

*... Tôi chán cái chỗ ở không phải của tôi này lắm rồi, chán lắm rồi! Cái thân thể kềnh càng thô lỗ này, ta bắt đầu sợ mi, ta chỉ muốn rời xa mi tức khắc! Nếu cái hồn của ta có hình thù riêng nhỉ, để nó được tách ra khỏi cái xác này, dù chỉ là một lát!*

XÁC HÀNG THỊT

*Cái gì? Hồn à? Định tách khỏi ta à? Vô ích, cái linh hồn mờ nhạt của ông Trương Ba khốn khổ kia ơi, ông không tách ra khỏi tôi được đâu. Đố ông đấy!*

HỒN TRƯƠNG BA

*A, mày cũng biết nói kia à? Vô lý, mày không thể biết nói! Mày không có tiếng nói, mà chỉ là xác thịt âm u, đui mù...*

XÁC HÀNG THỊT

*Có đấy! Xác thịt có tiếng nói đấy! Ông đã biết tiếng nói của tôi rồi, đã luôn*

*luôn bị tiếng nói ấy sai khiến. Chính vì âm u, đui mù mà tôi có sức mạnh ghê gớm, lắm khi át cả cái linh hồn cao khiết của ông đấy!*

HỒN TRƯƠNG BA

*Nói láo! Mày chỉ là cái vỏ bên ngoài, không có ý nghĩa gì hết.*

XÁC HÀNG THỊT

*Có thật thế không?*

HỒN TRƯƠNG BA

*Hoặc nếu có, thì chỉ là những thứ thấp kém, mà bất cứ con thú nào cũng có được: thèm ăn ngon, thèm rượu thịt...*

Cuộc "nội chiến" dai dẳng giữa hồn và xác nghiêng thắng lợi về phần XÁC vì cái vỏ ngoài, vì như khi XÁC HÀNG THỊT nói: "*Tôi là cái hoàn cảnh mà ông buộc phải quy phục!*" Nhưng sự quy phục - nếu có - chỉ là do ép buộc và cái cốt tủy của vấn đề vẫn là niềm tin nhân bản "*Ta vẫn có một đời sống riêng, ở bên trong ta vẫn là Trương Ba nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn...*" Và trong cuộc tranh đấu gay go đó - để đạt được cái Tự Do tuyệt đối, cái Tự Do định đoạt lấy số phận mình - HỒN TRƯƠNG BA đã khẳng định gạt đi những cám dỗ ngoại giới: "*Ta muốn được là ta. Trương Ba chỉ còn lại chút linh hồn yếu ớt này; cái đốm sáng mong manh này, ta không muốn mất nốt, dù là để được thuộc về em, để được yêu em, nhưng ta không thể... Ta là Trương Ba, ta phải là Trương Ba!*

Bi kịch tính trong "Hồn Trương Ba, Da Hàng Thịt" đã tự nó có sẵn trong từng câu đối thoại. Mỗi nhân vật đã thể hiện trọn vẹn cá tính đặc thù của từng thành phần trong cái "chợ người" của xã hội Việt Nam trong thập niên 80.

Có lẽ sự tìm kiếm sự thật để làm chất liệu sáng tác không mấy khó khăn đối với Lưu Quang Vũ khi anh viết vở kịch này. Sự thật đã phơi bày một cách phũ phàng qua những hành động tắc trách, làm lấy có, vội vàng cho qua việc, của đám có quyền uy nhưng vẫn tham ăn, hốt uống như Nam Tào, Bắc Đẩu. Nhân vật dễ thương như Đế Thích mà cũng phạm phải lầm lẫn (dù để sửa sai) và cái lầm lẫn này lại chính là cái "cớ" của toàn bộ vở kịch.

ĐẾ THÍCH

*... Việc ông phải chết chỉ là một lầm lẫn của quan Thiên đình. Họ sai, tôi đã sửa, sửa bằng cách làm cho hồn ông được sống.*

HỒN TRƯƠNG BA

*Có những cái sai không thể sửa được, chắp vá gượng ép chỉ càng làm sai thêm. Chỉ có cách là đừng bao giờ sai nữa. Hoặc phải bù lại bằng một việc đúng khác."*

Cái "Cớ" của vở kịch là cuộn chỉ rối ở cả hai đầu: TIÊN và TỤC.

Tiên, những nhân vật đầy quyền uy và bất tử, kể cả ba ông Nam Tào, Bắc Đẩu và Đế Thích, đều là một đám vô tích sự, hèn nhát. Tiên nữ thì lo muá hát, thiên binh thì mải mê cờ bạc, rượu chè, Thiên Lôi thì run tay búa...

Còn Tục? Chốn trần gian thì đầy dẫy những hạng người giảo hoạt, tham lam, hung ác như Anh Con Trai, Anh Hàng Thịt, Vợ Anh Hàng Thịt, 2 Anh Lái Lợn, Lý Trưởng, Trương Tuần.

Lẫn lộn trong đám người đó, ta thấy được hình ảnh thuần nhất của chị Con Dâu. Chị là biểu tượng của một tình yêu đằm thắm, của sự chịu đựng, sự suy xét chính chắn và cái nhìn sâu thẳm vào nội tâm "*cái bên ngoài nào co quan trọng gì, chỉ có tấm lòng yêu thương và trí tuệ cao sáng của con người ta là đáng kể.*"

Trưởng Hoạt, một nhân vật khá quan trọng, có một quá khứ để suy ngẫm và xuýt xoa hoài niệm, còn hiện tại thì chỉ còn là một con nước xuôi theo dòng chẩy của đời.

Khi xếp hai vở kịch và số tài liệu về Lưu Quang Vũ lại, tôi hình dung thấy một tiền trường rực sáng, màn vừa hạ, khán giả reo hò.

Có phải vì vừa được tham dự vào một buổi trình diễn mà các vai đã lột tả được tâm trạng nhân vật một cách xuất sắc nên khán giả đồng loạt reo hò?

Không! Tôi không nghĩ vậy. Tôi không nghĩ vậy. Tôi nghĩ là sâu hơn, thâm trầm hơn và khích động hơn cả là KỊCH đã nói vào ĐỜI. Những câu đối thoại đã như những nhát búa ngàn cân đập lên cái bức tường dồn nén, âm u của xã hội Việt Nam đương thời mà người dân phải câm nín. Chỉ có KỊCH, KỊCH và KỊCH mới cất được tiếng nói.

**Ghi Chú**

(1) Bản dịch của một dịch giả khuyết danh từ "Bertolt Brecht" của Sergey Tretiakov đăng trong International Literature (Moscow), May, 1937, trang 60-70 và được đăng lại trong BRECHT, biên soạn bởi Peter Demetz, Prentice-Hall, Inc., 1962, trang 27.

(2) Tên một loài chim giống như con cuốc, thịt rất ngon và thơm, có nhiều ở vùng Hồ Tây. SÂM CẦM CHƯA CHẾT còn là tên một kịch bản của Lưu Quang Vũ.

(3) MINH HẰNG, "*Xung quanh vấn đề không ngừng nâng cao chất lượng nghệ thuật sân khấu hiện nay*". Tạp chí "Sông Hương" số 7, tháng 6, 1984, trang 84.

(4) bà LƯU QUANG THUẬN (tức Vũ Thị Khánh) mẹ Lưu Quang Vũ, trích "*Lưu Quang Vũ, Cuộc Đời và Năm Tháng*" trong quyển Lưu Quang Vũ và Xuân Quỳnh gửi lại. Nhà xuất bản... ?, năm... ?, trang 17

(5) LƯU QUANG VŨ, "*Nhà Thơ*", Tạp chí Sông Hương số 7, tháng 6, 1984, trang 27.

(6) BERTOLT BRECHT, "*The Playwright's Song* (1935)", bản dịch của John Willett, trích trong The *Theatre of Bertolt Brecht, A Study From Eight Aspect*, New Directions, 1964 trang 85.

# hồn trương ba, da hàng thịt



Kịch bản của *Lưu Quang Vũ*

*CẢNH 5*

NHÀ TRƯƠNG BA

*Hồn Trương Ba và vợ Trương Ba.*

HỒN TRƯƠNG BA

Như vậy là suýt nữa thì tôi chết hẳn, bà nhỉ!

VỢ TRƯƠNG BA

May mà có ông Đế Thích...

HỒN TRƯƠNG BA

Kinh thật! Chết hẳn. Không được sống nữa. *(Ngẫm nghĩ)* Ai bảo không sợ chết, là nói khoác, chứ tôi, tôi sợ lắm! Cứ nghĩ đáng lẽ mình... là lại sợ. May quá, mình lại được sống. Lại được đi lại làm lụng, trông thấy mặt trời, được ăn những trái cây trong vườn ngửi mùi hoa ngâu hoa lý trước thềm, uống nước chè tươi bà nấu... Lại được ở bên bà, nhìn thấy bà... Sống, thật là lý thú!

VỢ TRƯƠNG BA

*(Rụt rè)* Nhưng... nhưng... ông đã...

HỒN TRƯƠNG BA

Đã khác hẳn trước, phải không? *(Rầu rĩ)* Bà đã quen chưa, đã quen với cái hình vóc mới này của tôi chưa?

VỢ TRƯƠNG BA

Đã gần một tháng, cũng... cũng quen dần ông ạ!

HỒN TRƯƠNG BA

Vậy mà sao... tôi vẫn chưa quen được. Cái thân xác nó có phải bộ quần áo đâu mà dễ quen, dễ đổi. Có khi người ngoài nhìn vào, còn dễ quen, chứ

chính bản thân mình thì... Đã gần một tháng, tôi là tôi mà cứ như không phải là tôi. Trước kia tôi đã có biết anh hàng thịt này là ai... *(Ngắm nghía lại chân tay mình)* Cái thân xác cũ của tôi, tôi mang đã hơn năm mươi năm, chứ cái thân xác cồng kềnh này... *(Lắc đầu).*

VỢ TRƯƠNG BA

Quen dần... nhưng mà... lắm lúc, không hiểu sao, tôi vẫn cứ nhớ tới hình vóc ông hôm qua, lại thương cho cái người đã nằm dưới đất ấy...

HỒN TRƯƠNG BA

Người nào? Dưới đất chỉ là cái xác... Thế mà bà bảo: chỉ có cái hồn mới là đáng kể! Thân xác kẻ khác, nhưng hồn vẫn là mình cơ mà!

VỢ TRƯƠNG BA

Tôi hỏi thật: từ hôm mang thân anh hàng thịt, mình thấy trong người thế nào, có như xưa không?

HỒN TRƯƠNG BA

Tôi khỏi hẳn cái chứng đau lưng với bệnh hen suyễn. Người thấy khỏe mạnh lắm! Anh hàng thịt là người lực lưỡng to béo nhất chợ mà!

VỢ TRƯƠNG BA

Ừ, giờ mỗi bữa ông ăn tám, chín bát cơm, Trước ông ăn yếu lắm! Mà giờ ông lại hay đòi uống rượu.

HỒN TRƯƠNG BA

*(ngượng ngùng)* Chẳng hiểu tại sao. Chắc vì anh hàng thịt nghiện rượu. Xưa tôi ghét nhất cái thứ đó! Bây giờ tôi vẫn ghét, nhưng cái thân xác tôi mang thì đã quen với thói cũ của nó...

VỢ TRƯƠNG BA

*(Ngậm ngùi)* Bây giờ, ông trẻ hơn xưa đến hai mươi tuổi, anh hàng thịt mới ngoài ba mươi mà... Ông sức vóc như thế, mắt ông tinh, tóc ông đen nhánh, còn tôi thì đã già rồi, tôi đã là bà lão rồi...

HỒN TRƯƠNG BA

Kìa, bà nó... Thì tôi có muốn thế đâu!

VỢ TRƯƠNG BA

Chiều qua ông lại sang nhà ông hàng thịt à?

HỒN TRƯƠNG BA

Bà vợ ông ta cứ sang đây! Bà ấy đã hiểu ra rằng tôi không phải ông hàng thịt, nhưng bà ấy vẫn khóc lóc, nài nỉ, kêu rằng bà ấy giờ bơ vơ không nơi nương tựa, hàng quán thịt thà chẳng ai giúp cho! Bà ấy kể lể thảm quá, nghĩ cũng tội! Thôi, chẳng gì thì mình cũng mượn thân xác chồng người ta, cũng

phải sang đỡ đần bà ấy ít việc nặng. Tôi lóng ngóng có biết mổ lợn đâu, nhưng cũng phải đỡ bà ấy một tay...

VỢ TRƯƠNG BA

Tính ông hay thương người, mà bà ấy thì cứ được đằng chân lân đằng đầu, mới đầu chỉ nói sang đây nhìn ông cho đỡ nhớ chồng, rồi lại lằng nhằng nhờ việc nọ việc kia! Mà nghe đâu người ta nói: mụ ta cũng không phải người đứng đắn đâu!

HỒN TRƯƠNG BA

Ơ kìa, thì tôi có...

VỢ TRƯƠNG BA

Chồng mới chết, đã cứ sang rủ rê ông về nhà, chẳng phải không đứng đắn thì là gì? Phải, mụ ta được cái có nhan sắc, người phây phây ra, hai con mắt lúng la lúng liếng...

HỒN TRƯƠNG BA

Người ta thế nào liên quan gì đến tôi! Bà rõ lẩn thẩn!

VỢ TRƯƠNG BA

Vâng, tôi lẩn thẩn, tôi già rồi mà...

HỒN TRƯƠNG BA

Mình thật là... *(Buồn bực)* Xưa nay có bao giờ mình nói năng với tôi như vậy!

*Chị con dâu vào*

CHỊ CON DÂU

*(Với hồn Trương Ba)* Con đã làm cỏ quanh mấy gốc cam, đã gánh nước tưới đủ các khóm cây thầy mới trồng. À, cây mơ ra hoa rồi đấy thầy ạ!

HỒN TRƯƠNG BA

*(Vui)* Thế ư? Phải đắp thêm bùn ao vào gốc cây, rồi còn làm giàn cho dưa... Nhiều việc đấy. Mưa xuân này, lộc non lên tốt phải biết, chẳng mấy chốc, cả khu vườn sẽ um tùm lá xanh... Đến tháng tư, tháng năm, mẹ con cô tha hồ ngắm quả... Cái Gái hôm nay có giúp mẹ làm cỏ không?

CHỊ CON DÂU

Có ạ. Nó đuổi kiến, bắt sâu trên từng cái lá, cẩn thận khéo léo lắm! Nó bảo hồi ông nội còn sống, ông dạy nó thế... Nghĩa là... hồi còn ông nội kia, ông Trương Ba cũ ấy...

VỢ TRƯƠNG BA

*(Với hồn Trương Ba)* Cái con bé! Đã giảng giải cho nó bao lần: ông nội mày đây, ông Trương Ba mày đây. Nó bảo: thế có hai ông Trương Ba à? Nói

thế nào nó cũng không nghe, nó vẫn cứ lảng, không dám đến gần ông, hư thế đấy!

HỒN TRƯƠNG BA

Đừng la rầy tội nghiệp nó. Tâm trí trẻ nhỏ làm sao hiểu được hình vóc bên ngoài khác, con người thực bên trong khác! *(Buồn rầu)* Dẫu sao, nó xa lánh tôi, tôi rất buồn. Trước kia hai ông cháu tôi quấn quít bên nhau là thế... Chỉ tại tôi, tại tôi không tự là mình được, phải sống nhờ vào thân người khác...

CHỊ CON DÂU

Thầy, thầy đừng buồn. Chúng con đối với thầy vẫn một mực yêu thương hiếu thảo như xưa.

HỒN TRƯƠNG BA

Con dâu của thầy, con không e ngại, sợ hãi gì với cái hình vóc mới này của thầy sao?

CHỊ CON DÂU

Thưa thầy, khi chưa làm bạn với anh Cả, con đâu đã được biết thầy u. Hình dáng, nét mặt thầy u xưa kia con nào đã quen thuộc. Ngày mới bước chân về làm dâu, lần đầu ra mắt thầy, thấy thầy có vẻ nghiêm nghị, con hãi lắm. Nhưng rồi sống lâu trong nhà, được thầy yêu thương đùm bọc, được thầy chỉ bảo dạy dỗ bao điều, con đã yêu kính thầy như chính cha con ở nhà. Thầy vẫn dạy chúng con: cái bên ngoài nào có quan trọng gì, chỉ có tấm lòng yêu thương và trí tuệ cao sáng của con người ta là đáng kể. Khi thầy từ nhà người hàng thịt trở về, chỉ qua vài cử chỉ, lời nói, con nhận ra thầy ngay.

HỒN TRƯƠNG BA

*(Cảm động)* Con, con như con đẻ của thầy, có lẽ con còn biết thương thầy hơn chính thằng Cả nữa.

ANH CON TRAI

*(Từ trong buồng bước ra)* Mọi người lại kể xấu tôi rồi. Tôi không biết thương thầy sao? Hôm qua thầy là thầy, hôm nay thầy ở trong thân anh hàng thịt, tôi đối với thầy vẫn thế thôi... Mà tôi nghĩ có nhẽ thầy đổi thân xác thế càng hay! Thậm chí tôi còn mong được như thầy. Thử hình dung mà xem: bọn lái buôn trên tỉnh, bọn quan nha lính tráng chúng đã nhẵn mặt tôi rồi, khó giở trò gì với chúng được, bỗng dưng một hôm nào đó, từ mặt mũi đến người ngợm tôi thay đổi hoàn toàn, tôi ra bộ một anh lái buôn ngờ nghệch mới mang hàng quý từ phương xa đến, thế nào chúng cũng mắc lỡm với tôi, tôi sẽ vét túi được cả những thằng keo kiệt nhất!

HỒN TRƯƠNG BA

Cả! Thầy mượn thân anh hàng thịt, không phải để làm những việc như anh nói.

ANH CON TRAI

Thế để làm gì ạ?

HỒN TRƯƠNG BA

Để sống, để được sống!

ANH CON TRAI

Thì làm như có nói cũng là để sống đấy thôi! Để giằng giật lấy được một chỗ sống tươm tất trong cõi đời này, bất cứ việc gì người ta cũng làm được! Cái anh hàng thịt mà thầy mượn xác ấy, anh ta cũng nghĩ như con thôi. Anh ta là người buôn bán tháo vát. Ừ, mà mang thân anh ta, giờ thầy mạnh chân khỏe tay rồi, thầy càng không nên cặm cụi ở nhà với mảnh vườn làm gì! Hay là... đúng rồi, hay là thầy lên tỉnh với con, hai cha con ta sẽ... sẽ...

HỒN TRƯƠNG BA

Sẽ đi lừa đảo thiên hạ chứ gì?

ANH CON TRAI

Thế nào là lừa đảo? *(Lắc đầu)* Tính nết thầy vẫn chẳng thay đổi gì... Tôi tưởng bây giờ thầy phải nghĩ khác đi rồi cơ... Tôi nói thầy nghe nhé: đến cái thân thầy mang cũng không phải của thầy, chẳng qua thầy núp nhờ vào đó thôi... So với việc ấy, việc gian lận lừa đảo một vài món hàng của tôi ngoài chợ, nào có nghĩa lý gì!

HỒN TRƯƠNG BA

Nhưng tao có muốn vậy đâu, có thích thú gì đâu!

ANH CON TRAI

Thầy muốn hay không, thì sự thể vẫn là như vậy. Một khi đã mưu cầu được sống với bất cứ giá nào thì cũng chẳng nên chê việc này thơm, việc kia hôi!

HỒN TRƯƠNG BA

Thằng khốn kiếp! *(Quát to)* Im ngay!

VỢ TRƯƠNG BA

Ông đừng quát lên thế nữa! Mà tiếng ông bây giờ có nhỏ nhẹ như trước đâu, ông quát lên như sấm ấy, nghe sợ lắm!

HỒN TRƯƠNG BA

*(Cáu)* Ra nói to tôi cũng không có quyền nữa sao? Cả tiếng nói của tôi cũng không là của tôi nữa sao? Hả? Hả? *(Lại quát to hơn. Tiếng quát như lệnh vỡ gầm lên vang động khắp nhà. Mọi người trong nhà im thin thít. Cái Gái từ buồng trong ra, chăm chú nhìn hồn Trương Ba).*

ANH CON TRAI

*(Nhếch mép)* Thầy cứ quát cho hả giận, cũng chẳng thay đổi gì được đâu. Chẳng phải chỉ cái giọng, toàn bộ cái lốt thầy mang giờ đã chẳng phải của thầy. Bản thân con người thầy đứng kia đã là một cái... một cái... không ngay thật rồi!

CHỊ CON DÂU

Nhà, không được nói thế!

VỢ TRƯƠNG BA

Cả! Mày nỡ nói vậy sao?

ANH CON TRAI

Tôi chỉ nói sự thật. Lạ quá, tại sao mọi người lại sợ sự thật nhỉ?

HỒN TRƯƠNG BA

Mày bước ngay đi, bước đi với những việc làm ăn của mày, những sự thật gớm ghiếc của mày!

ANH CON TRAI

Gớm ghiếc? Cả nhà cứ việc khinh thị tôi. Thử hỏi nhờ ai mà thời buổi này nhà ta còn được đàng hoàng tươm tất như vậy. Cả thầy nữa, giờ thầy ăn mỗi bữa tám, chín bát cơm, rồi rượu, nào thịt... Tiền làm ruộng làm vườn của u mà đủ để phụng thầy chắc? Tiền làm vườn chỉ đủ nuôi thân ông Trương Ba chứ không đủ nuôi hàng thịt. U lo thắt ruột, nhưng không dám hé răng với thầy, chỉ còn biết trông cậy vào tôi, vào đồng tiền tôi buôn bán chạy chợ mang về... Thầy còn xỉ vả tôi nỗi này. Đã đến nước này, thầy còn cao đạo!

HỒN TRƯƠNG BA

*(Lắp bắp)* Mày... mày... *(Tát mạnh anh con trai. Anh con trai ngã xuống, lồm cồm đứng dậy, ôm má. Vợ Trương Ba và con dâu kêu lên).*

ANH CON TRAI

*(Nhìn máu ở bàn tay)* Ông đánh tôi? *(Trừng trừng mắt nhìn Trương Ba)* Bố tôi xưa nay không bao giờ đánh tôi như vậy! Tôi nói thật cho ông biết: ông không phải bố tôi, ông không còn là bố tôi nữa!

VỢ TRƯƠNG BA

*(Sợ hãi nhìn chồng)* Trời, sao ông nỡ đánh nó đau thế? Xưa ông có đánh con bao giờ đâu, đối với ai ông cũng điềm đạm nhẹ nhàng cơ mà!

*Cái Gái tới bên bố, đỡ bố dậy, căm tức nhìn hồn Trương Ba.*

ANH CON TRAI

*(Chùi máu ở miệng, đột nhiên cười phá lên, gạt cái gái ra)* Phải hay lắm! Thế mới đúng! Thế mới đáng là bố! Không rụt rè nhu nhược như trước nữa.

*(Thán phục)* Thầy khỏe thật! Đứa nào lôi thôi, thầy sẽ biết choang vỡ mặt nó ra. Được, được lắm. *(cười to và bỏ đi).*

CHỊ CON DÂU

Nhà! *(Chạy theo chồng).*

CÁI GÁI

Lão giết lợn! *(Cũng chạy đi).*

*Hồn Trương Ba ngơ ngác nhìn hai bàn tay mình. Vợ người hàng thịt thập thò bên cửa.*

VỢ NGƯỜI HÀNG THỊT

Ông! Ông đi! *(Vẫy hồn Trương Ba).*

VỢ TRƯƠNG BA

*(Lạnh nhạt)* Bà lại đến đây à? Có việc gì thế?

VỢ NGƯỜI HÀNG THỊT

Ông ơi, con lợn to nó phá chuồng xổng ra ngoài, chạy lồng khắp vườn, một mình tôi không sao bắt đươc, ông sang giúp tôi một tay!

VỢ TRƯƠNG BA

Sao việc gì bà cũng chạy sang đây? Kệ thây con lợn nhà bà!

VỢ NGƯỜI HÀNG THỊT

Trước đây tôi đâu phải động tay tới những việc đó! Giờ không sang đây gọi ông ấy thì gọi ai, ông ấy nhanh nhẹn, lực lưỡng...

VỢ TRƯƠNG BA

Chồng tôi có phải đứa ở nhà bà đâu mà bà sai?

VỢ NGƯỜI HÀNG THỊT

Bà nói năng cho biết điều một chút. Tôi đã nhường nhịn bà nhiều lần rồi! Ừ thì hồn của chồng bà, nhưng thân là thân chồng tôi. Không nhờ cậy chồng tôi thì chồng bà lấy gì mà đi lại, cười nói, ăn uống?

VỢ TRƯƠNG BA

Phải ở trong cái thân phàm phu tục tử của chồng bà, cũng chẳng thích thú gì đâu.

VỢ NGƯỜI HÀNG THỊT

Vâng, chỉ có hồn chồng bà là quý! Tôi cần gì biết đến hồn vía chồng.bà! Tôi cần là cần chân tay, sức vóc ông nhà tôi. Có được sức vóc ấy, cũng là do công tôi bao năm chăm nom, săn sóc. Còn thiếu thứ gì ông ấy thích mà tôi chả nấu nướng cung phụng, tôi ngâm đủ thứ rượu rắn, cao hổ cho ông ấy uống... Mà ngay bây giờ, bà thử hỏi hồn chồng bà xem, lần nào ông ấy sang, tôi nhờ cậy việc gì, đều làm cơm ngon lành cho ông ấy xơi. Hôm kia tim gan bầu dục, hôm qua cháo lòng tiết canh, lần nào ông ấy cũng tấm tắc khen

ngon! Đấy là xác chồng tôi ăn, hay hồn chồng bà ăn? Hừ, hồn chồng bà ké vào thân chồng tôi mà được no nhờ thì có!

VỢ TRƯƠNG BA

Dào ôi, không có hồn chồng tôi thì xác chồng bà đã rữa ra dưới mồ rồi!

HỒN TRƯƠNG BA

Thôi thôi! Tôi xin các người, tôi xin các người!

VỢ NGƯỜI HÀNG THỊT

Bà không cho ông ấy sang, thì bà giữ lấy hồn chồng bà, trả thân chồng tôi cho tôi mang về!

HỒN TRƯƠNG BA

Khổ lắm! *(Với vợ Trương Ba)* Tôi van bà! *(Với vợ người hàng thịt)* Cả bà nữa, bà về cho tôi nhờ! Vâng, rồi tôi xin sang...

*Vợ người hàng thịt hầm hầm ra về.*

VỢ TRƯƠNG BA

Ông quen cái thói của lão hàng thịt. Ông lú lẫn vì món tiết canh, hay là ông ăn phải bùa của con mụ lẳng lơ đó rồi?

HỒN TRƯƠNG BA

Lại cái giọng ấy! Tôi đến điên đầu lên mất thôi! *(Ôm đầu ngồi phịch xuống chõng. Bà vợ Trương Ba vùng vằng đi ra ngoài. Hồn Trương Ba nói một mình)* Lôi thôi rắc rối quá! Núp trong hình vóc người khác, thực chẳng dễ dàng gì... Sống với nhau hơn ba mươi năm, có bao giờ vợ chồng nghi kỵ nặng lời với nhau như bây giờ... *(Sau một lát)* Bà nhà mình giận dỗi, trách móc kể cũng có lý... Nhưng tình cảnh chị vợ anh hàng thịt, ngẫm cũng thương... *(Một lát)* Mà mình cũng chẳng hiểu ra sao nữa, khi ở trong cái nhà này, bên vườn tược cây cối thân thiết, mình thấy tâm hồn thật thanh khiết, vui sướng. Còn mỗi lúc sang nhà anh hàng thịt, lòng mình ngỡ ngàng, nhưng chân tay mình lại bỗng lanh lợi hoạt bát hẳn lên. Nhất là hôm qua, lúc... lúc đứng gần chị vợ anh hàng thịt, chân tay mình bỗng nóng ran cả lên... Nhưng mình vừa nghĩ gì thế này? Đâu phải chân tay mình, chân tay người hàng thịt đấy chứ! *(Sợ hãi đứng dậy đi đi lại lại).*

*Có tiếng ồn ào ngoài cửa.*

Tiếng LÝ TRƯỞNG

*(Quát to)* Quân bay, đứng gác quanh nhà, không cho đứa nào ra, nghe chưa! *(Tiếng tuần đinh "dạ" ran).*

*Lý trưởng và trương tuần vào nhà, một tay chống gậy hèo, một tay ôm tráp sổ sách. Vợ Trương Ba chạy ra.*

VỢ TRƯƠNG BA

Lạy ông lý ạ!

LÝ TRƯỞNG

Người trong nhà ra hết cả đây! *(Chị con dâu và cái Gái ra, lý trưởng chỉ hồn Trương Ba) Đây hả, chính thằng này hả?*

TRƯƠNG TUẦN

Bẩm ông lý, đúng nó đấy ạ!

VỢ TRƯƠNG BA

Có chuyện gì vậy, ông lý?

LÝ TRƯỞNG

Mụ là mụ Trương Ba hả?

VỢ TRƯƠNG BA

Thưa vâng ạ.

LÝ TRƯỞNG

Mụ có biết, trong làng này, ai là người trông nom mọi việc, cai quản từng người không? Ai?

VỢ TRƯƠNG BA

*(Sợ sệt)* Thưa ông, ông lý trưởng ạ!

LÝ TRƯỞNG

Thế là mụ không hiểu ta đến có việc gì à? Ra các người gớm thật, không còn coi phép tắc luật lệ ra gì nữa! Làng xóm đồn đại ầm lên, xôn xao đến tận trên huyện, trên tổng... Các quan nhao nhác sức giấy xuống hỏi... Thật là một việc động trời, đâu đâu người ta cũng chỉ bàn có mỗi một chuyện: gã hàng thịt ngang nhiên bỏ nhà, bỏ vợ tới ở nhà mụ vợ lão Trương Ba mới góa chồng, tự nhận mình chính là lão Trương Ba... *(Trỏ vợ Trương Ba)* Mụ to gan cướp chồng người ta!

VỢ TRƯƠNG BA

Kìa, ông lý, thực đấy, đây chính là chồng tôi, ông Trương Ba nhà tôi.

LÝ TRƯỞNG

Mụ không phải già mồm! Phép nước nghiêm minh, không cho kẻ nào làm xằng! Trên có các quan lớn đèn giời soi xét, dưới đã có lý trưởng đây là tai mắt trong làng. Hôm nay ta thân chinh tới đây, gí tận mắt, bắt tận tay, trị tội kẻ càn rỡ, đặng còn bẩm báo lên trên! *(chỉ hồn Trương Ba)* Gã kia, đứng dậy! Có giỏi nhắc lại ta nghe xem nào: anh là ai, tên gì?

HỒN TRƯƠNG BA

Thưa, tôi là Trương Ba ạ.

LÝ TRƯỞNG

*(Trợn mắt)* Trương Ba? Chứ không phải Hợi bán thịt lợn ở xóm Hạ?

HỒN TRƯƠNG BA

Không ạ!

LÝ TRƯỞNG

*(Với trương tuần)* Được rồi, giở sổ sách ra! (Trương tuần mở tráp giở sổ sách) Trong này có đầy đủ: sổ đinh, hộ tịch, tín bài, thẻ sưu, có ghi rõ nhận dạng từng người trong làng, trong tổng, có cả dấu tay nữa... Đây rồi *(Đọc)* Tạ Văn Hợi, làm nghề bán thịt lợn ở chợ Hạ, cao hai thước mười ba tấc. *(Với trương tuần) Đo!*

TRƯƠNG TUẦN

*(Cầm thước đo hồn Trương Ba)* Đúng ạ!

LÝ TRƯỞNG

*(Đọc tiếp)* Một nốt ruồi nhỏ trên đuôi lông mày bên hữu. *(Với trương tuần)* Xem xem!

TRƯƠNG TUẦN

*(Tới xem xét lông mày hồn Trương Ba)* Đúng ạ!

LÝ TRƯỞNG

*(Đọc tiếp)* Một vết sẹo dưới tai bên tả một tấc.

TRƯƠNG TUẦN

*(Xem xét tai hồn Trương Ba)* Không sai ạ!

LÝ TRƯỞNG

Sổ quan thì sai thế nào được! Lại gần đây, đưa ngón tay cái đây! *(Lấy dấu tay hồn Trương Ba rồi ngắm nghía, so sánh với dấu tay trong sổ)* Y hệt! Thế là rõ như ban ngày! Anh chối vào đâu nữa: đích thị anh là Tạ Văn Hợi bán thịt lợn!

HỒN TRƯƠNG BA

Nhưng... không phải ạ!

LÝ TRƯỞNG

Anh phải là Tạ Văn Hợi! Sổ sách đã quy định thế rồi! Anh đừng chối!

HỒN TRƯƠNG BA

Tôi không dám chối, cái thân tôi mang là của anh hàng thịt, nhưng hồn tôi là hồn Trương Ba... Tôi là Trương Ba!

LÝ TRƯỞNG

Lệ nước, phép quan, sổ sách không có mục nào ghi chép về hồn cả! Anh lấy gì làm bằng cớ? Cái hồn của anh nó hình thù ra sao, vuông hay tròn, hả?

CHỊ CON DÂU

Đã gọi là hồn làm sao có hình thù, bởi nó không là vuông hay tròn, mà là vui buồn, mừng giận, yêu ghét...

LÝ TRƯỞNG

Toàn những chuyện vớ vẩn! Thôi, đừng vẽ sự!

HỒN TRƯƠNG BA

Sao lại vớ vẩn, thưa ông lý! Cái hồn mới là phần chủ chốt của con người ta...

LÝ TRƯỞNG

Mặc cái hồn nhà anh, ta không biết! Ta chỉ biết theo nhận dạng trong sổ quan, anh là Hợi ở xóm Hạ! Thế thôi! Vậy mà cách đây ít hôm, người nhà anh lên báo rằng anh chết đột ngột! Việc đầu tiên bây giờ là ta phải hủy tờ giấy khai tử của anh đi! *(Xé tờ giấy khai tử)* Việc thứ hai: anh phải về nơi cư trú cũ, tức là nhà anh ở xóm Hạ. Sau đó, anh phải tiếp tục mở cửa hàng bán thịt lợn. Anh đã nhận chu cấp đủ thịt lợn cho trại lính ở huyện tới cuối năm, anh phải làm tròn.

HỒN TRƯƠNG BA

Thưa ông, nghề của tôi là nghề làm vườn, tôi đâu biết buôn thịt lợn...

VỢ TRƯƠNG BA

Chồng tôi không đi đâu cả!

LÝ TRƯỞNG

Im mồm, rồi đến lượt ta hỏi tội mụ. *(Với hồn Trương Ba)* Anh đi không?

HỒN TRƯƠNG BA

Không, tôi không thể...

LÝ TRƯỞNG

*(Quát)* Tuần đâu! Trói nó lại, lôi về đình!

*Tiếng tuần đinh bên ngoài dạ ran. Trương tuần xăn xăm tiến tới định trói hồn Trương Ba. Anh con trai Trương Ba xuất hiện.*

ANH CON TRAI

Khoan đã, ông lý, để tôi thưa chuyện đã...

LÝ TRƯỞNG

*(Hất hàm)* Anh là ai?

ANH CON TRAI

Tôi là con cha tôi...

LÝ TRƯỞNG

Ta... nom mặt anh quen quen...

ANH CON TRAI

Ông lý không nhận ra tôi à? *(Hạ giọng)* Thì mới tuần trước vừa được man biếu ông lý... *(Nháy mắt)* về khoản chỗ thuyền buôn nhiễu ấy...

LÝ TRƯỞNG

À... ta nhớ ra rồi.

ANH CON TRAI

Việc gì chẳng có cách thu xếp với nhau cho ổn thỏa được. Ông lý này, thì cứ cho đây là anh hàng thịt thật đi, chuyện hồn vía ông lý không biết, nhưng... thực ra, là anh hàng thịt này không phải anh hàng thịt, thì ông lý có mất gì đâu nào? Những chuyện quanh co mập mờ ở đời, không phải là không có, miễn là chúng ta đây nghĩa là chúng tôi cư xử cho biết điều, phải không ạ?

*Ra hiệu cho lý trưởng, ý muốn trương tuần ra chỗ khác.*

*Lý trưởng khoát tay ra lệnh cho trương tuần lui ra.*

LÝ TRƯỞNG

*(Với anh con trai)* Anh muốn gì?

ANH CON TRAI

*(Đặt trước mặt lý trưởng một túi tiền)* Gọi là có chút ít.

LÝ TRƯỞNG

To gan thật, anh hối lộ ta đấy à?

ANH CON TRAI

Đây là chút lòng thành... để ông ly trà nước... *(Bỗng đổi giọng)* Một trăm quan! Xin ông lý xuê xoa cho việc này! Đừng để ông này *(Chỉ hồn Trương Ba)* phải về nhà người hàng thịt.

LÝ TRƯỞNG

Khó lắm! Đã có lệnh quan...

ANH CON TRAI

*(Cười)* Quan ở xa, ông lý ở gần, do ông cả!

LÝ TRƯỞNG

*(nghĩ ngợi)* Gay đấy... Nhỡ trên họ biết...Hay là thế này: ban ngày ông ấy cứ ở đây, với bà này *(chỉ vợ Trương Ba);* ban đêm ông ấy về ở với vợ người hàng thịt.

VỢ TRƯƠNG BA

*(Giẫy nẩy)* Không được!

ANH CON TRAI

Ư! Để tôi thu xếp nào, có gì mà không được! *(Với lý trưởng)* Ông lý xét cho...

LÝ TRƯỞNG

*(Nghĩ ngợi)* Hoặc ít ra, ông ấy cũng phải ở nhà hàng thịt đến nửa đêm, đợi sau giờ lính canh đi điểm mặt người trong các hộ xong, mới được về... Không còn cách nào khác đâu!

ANH CON TRAI

U ạ... đành phải thế thôi!

LÝ TRƯỞNG

*(Nhấc nhấc túi tiền)* Việc hệ trọng, đổi từ người này thành người khác... mà chỉ có trăm quan tiền, hơi ít đấy chú mày ạ...

ANH CON TRAI

Còn ít à?

LÝ TRƯỞNG

Có phải một mình ta đâu, còn lũ tuần đinh, còn các bậc kỳ hào tai mắt trong làng, ta cũng phải thu xếp sao để họ làm ngơ cho, lại còn quà cáp với các quan trên nữa... Cũng tốn kém lắm đấy chứ chẳng chơi, chẳng phải chỉ như chuyện một chuyến thuyền trốn thuế hôm nọ đâu.

ANH CON TRAI

Ông lý yên trí, đâu khắc có đấy, chẳng dám để ông lý thiệt...

LÝ TRƯỞNG

Ờ, thế thì ta cứ coi như tạm thu việc này lại. Trước mắt là từ tối nay, ông này *(Chỉ hồn Trương Ba)* phải sang nhà hàng thịt ở, tới nửa đêm mới được về. Rồi từ mai, phải mở lại cửa hàng thịt.

ANH CON TRAI

Vâng, ông lý yên tâm, sẽ mở lại hàng thịt ngay! *(Với hồn Trương Ba)* Vốn liếng tôi sẽ cấp cho thầy!

LÝ TRƯỞNG

Ở bên nhà hàng thịt, anh phải là Hợi hàng thịt, ở bên nhà Trương Ba, anh lại là Trương Ba. Thế là ổn chứ gì?

ANH CON TRAI

Vâng, ổn lắm ạ!

*Cái Gái từ nãy đến giờ vẫn đứng im một góc nghe, bỗng lên tiếng.*

CÁI GÁI

Không! Không được! Người này không phải là ông nội tôi!

LÝ TRƯỞNG

Cái gì?

CÁI GÁI

Người này không phải là ông Trương Ba!

LÝ TRƯỞNG

Hừm!

CÁI GÁI

Ông nội tôi người gầy gầy, tóc bạc trán nhăn mà mắt sáng lắm, hiền lắm cơ mà! Còn ông này thì má béo phị, lông mày rậm như chổi xể, trông dữ dữ là! *(Với hồn Trương Ba)* Ông lừa cả nhà, lừa tất cả mọi người, nhưng không lừa được tôi đâu! Ông giả vờ làm ông nội, về chiếm chỗ của ông nội trong nhà... Không được đâu!

*Lý trưởng quay sang nhìn anh con trai.*

ANH CON TRAI

*(Quát)* Im mồm! Trẻ ranh biết gì việc người lớn! *(Với lý trưởng)* Ông lý đừng chấp nê trẻ ranh! *(Với cái Gái)* Cút ra chỗ khác! Cút! *(Xô cái Gái ra cửa, quay vào, rút trong tay nải xâu tiền nữa ấn vào tay lý trưởng)* Đâu khắc có đó, ông lý ạ!

LÝ TRƯỞNG

*(Vừa cất tiền vừa nói)* Các người, đến là rắc rối! *(Quát to)* Tuần đinh! *(Tiếng tuần đinh "dạ")* Lui nghe! *(Với hồn Trương Ba)* Nhớ lời ta dặn đấy! *(Đi ra).*

VỢ TRƯƠNG BA

Lạy trời! Thế là họ để ta yên chứ, Cả?

ANH CON TRAI

Đã có tôi lo! Cả nhà thấy chưa? Không có tay tôi, thì còn lôi thôi to với họ! Đồng tiền của tôi cũng được việc đấy chứ! *(Với hồn Trương Ba)* Nén bạc đâm toạc tờ giấy! Thầy muốn giữ được hồn thầy trong thân anh hàng thịt, không lắt léo không xong! Nhưng thầy yên trí: ta sẽ bù lại bằng cửa hàng bán thịt của thầy! Cửa hiệu ấy vốn đắt hàng lắm! Tôi đã bảo mà: thầy mang thân anh hàng thịt thế mà hay! *(Cười to).*

*Mọi người trong nhà tản dần, chỉ còn hồn Trương Ba.*

HỒN TRƯƠNG BA

*(Ngồi ôm đầu một hồi lâu rồi đứng vụt dậy)* Không, không! Tôi không muốn sống như thế này! *(Nhìn chân tay, thân thể)* Tôi chán cái chỗ ở không phải của tôi này lắm rồi, chán lắm rồi! Cái thân thể kềnh càng thô lỗ này, ta bắt đầu sợ mi, ta chỉ muốn rời xa mi tức khắc! Nếu cái hồn của ta có hình thù riêng nhỉ, để nó được tách ra khỏi cái xác này, dù chỉ là một lát!

*Tới đây, bắt đầu lớp kịch "Cuộc đối thoại giữa hồn và xác". Trên sân khấu, hồn Trương Ba tách ra khỏi xác anh hàng thịt và hiện hình lờ mờ trong hình dáng nhân vật Trương Ba thật. Thân xác anh hàng thịt ngồi bệt dưới đất và lúc này chỉ còn là thân xác.*

XÁC HÀNG THỊT

*(Lắc đầu)* Cái gì? Hồn à? Định tách khỏi ta à? Vô ích, cái linh hồn mờ

nhạt của ông Trương Ba khốn khổ kia ơi, ông không tách ra khỏi tôi được đâu. Đố ông đấy!

HỒN TRƯƠNG BA

A, mày cũng biết nói kia à? Vô lý, mày không thể biết nói, mà chỉ là xác thịt âm u, đui mù...

XÁC HÀNG THỊT

Có đấy! Xác thịt có tiếng nói đấy! Ông đã biết tiếng nói của tôi rồi, đã luôn luôn bị tiếng nói ấy sai khiến. Chính vì âm u, đui mù mà tôi có sức mạnh ghê gớm, lắm khi át cả cái linh hồn cao khiết của ông đấy!

HỒN TRƯƠNG BA

Nói láo! Mày chỉ là cái vỏ bên ngoài, không có ý nghĩ gì hết.

XÁC HÀNG THỊT

Có thật thế không?

HỒN TRƯƠNG BA

Hoặc nếu có, thì chỉ là những thứ thấp kém, mà bất cứ con thú nào cũng có được: thèm ăn ngon, thèm rượu thịt...

XÁC HÀNG THỊT

Tất nhiên, tất nhiên. Sao ông không kể tiếp: khi ông ở bên nhà tôi... Khi ông đứng bên cạnh vợ tôi, tay chân run rẩy, hơi thở phì phò...

HỒN TRƯƠNG BA

Im đi! Đấy là mày chứ, chân tay mày, hơi thở của mày...

XÁC HÀNG THỊT

Thì tôi có ghen đâu! Ai lại ghen với chính thân thể mình nhỉ! Này, nhưng ta nên thành thật với nhau một chút: chẳng lẽ đằng ấy không xao xuyến chút gì? Hà hà, cái món tiết canh, cổ hũ, khấu đuôi, và đủ các thứ thú vị khác làm tớ hăng lên nhưng không làm hồn đằng ấy lâng lâng cảm xúc sao? Để thỏa mãn cái thèm, cái khát của tớ chẳng lẽ đằng ấy không tham dự vào chút đỉnh gì? Nào, hãy thành thật trả lời!

HỒN TRƯƠNG BA

Ta... ta... đã bảo mày im đi!

XÁC HÀNG THỊT

Rõ là không dám trả lời. Giấu ai chứ không thể giấu tớ được! Hai ta đã hòa với nhau làm một rồi!

HỒN TRƯƠNG BA

Không! Ta vẫn có một đời sống riêng, ở bên ta vẫn là Trương Ba nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn...

XÁC HÀNG THỊT

Nực cười thật! Khi đằng ấy phải sống nhờ tớ, chiều theo những đòi hỏi của tớ, mà còn nhận là nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn!

HỒN TRƯƠNG BA

*(Bịt tai lại)* Ta không muốn nghe mày nữa!

XÁC HÀNG THỊT

*(Lắc đầu)* Cứ việc bịt tai lại! Chẳng có cách nào chối bỏ tớ được đâu! Đằng ấy có nhớ hôm đằng ấy tát thằng con tóe máu mồm máu mũi không? Chính nhờ bàn tay giết lợn này, cơn giận của đằng ấy lại có thêm sức mạnh của tớ... Ha ha!

HỒN TRƯƠNG BA

Ta cần gì cái sức mạnh làm ta trở thành tàn bạo.

XÁC HÀNG THỊT

Nhưng tôi là cái hoàn cảnh mà ông buộc phải quy thuộc! Sao ông có vẻ khinh thường tôi thế nhỉ? Tôi cũng đáng được quý trọng chứ. Nhờ tôi mà ông có thể làm lụng, cuốc xới. Ông nhìn ngắm trời đất, cây cối nhờ mắt tôi, ông nghe bằng tai tôi, ông ngửi bằng mũi tôi. Khi muốn hành hạ ông, người ta đấm vào mặt tôi, đét vào mông tôi... Những vị lắm chữ nhiều sách như các ông là hay vịn vào cớ tâm hồn là quý, khuyên con người ta sống vì phần hồn, để rồi bỏ bê cho thân xác họ mãi khổ sở, nhếch nhác... Mỗi bữa tôi đòi tám, chín bát cơm, tôi thèm ăn thịt, hỏi có gì là tội lỗi nào? Lỗi là ở chỗ không có đủ tám, chín bát cơm cho tôi ăn chứ!

HỒN TRƯƠNG BA

Nhưng... nhưng...

XÁC HÀNG THỊT

Hãy công bằng hơn, ông Trương Ba ạ! Từ nãy tới giờ chỉ có ông nặng lời với tôi, chứ tôi thì vẫn nhã nhặn với ông đây chứ. *(Thì thầm)* Tôi rất biết cách chiều chuộng linh hồn...

HỒN TRƯƠNG BA

Chiều chuộng?

XÁC HÀNG THỊT

Chứ sao? Những lúc một mình một bóng, ông cứ việc nghĩ rằng có một tâm hồn bên trong cao khiết, chẳng qua vì hoàn cảnh, vì để sống mà ông phải nhân nhượng tôi. Làm xong điều xấu gì, ông cứ việc đổ tội cho tôi, để ông được thanh thản. Tôi biết: cần phải để cho tính tự ái của ông được vuốt ve. Tâm hồn là thứ lắm sĩ diện! Hà hà! Miễn là... ông vẫn làm đủ mọi việc để thỏa mãn những thèm khát của tôi!

HỒN TRƯƠNG BA

Lý lẽ của anh thật ti tiện!

XÁC HÀNG THỊT

Có phải lý lẽ của tôi đâu, tôi chỉ nhắc lại những điều ông vẫn tự nói với mình và với người khác đấy chứ. Đã bảo chúng ta tuy hai là một!

HỒN TRƯƠNG BA

Là một à? Không, mày trói buộc ta, tù nhốt ta, mày là cái nhà tù giam hãm ta!

XÁC HÀNG THỊT

Đúng, tôi là cái nhà tù của ông, nhưng hai ta vẫn là một, cái thằng tù không thể sống thiếu cái nhà tù. Hề hề, ông không thể thoát khỏi tôi đâu! Nào, lại đây, lại đây, cái hồn vía ương bướng của tớ, về lại với tớ nào! Hi hi! Đừng hục hặc với nhau nữa!

HỒN TRƯƠNG BA

*(Như tuyệt vọng)* Không! Không!

XÁC HÀNG THỊT

Hai ta đã bị nhốt chung một chuồng, xác hay hồn thì cũng là lợn cả thôi, lại đây!

*Ngạt nghẽo đuổi theo hồn Trương Ba, cuộc vật lộn giữa hồn và xác. Xác hàng thịt cười ré lên đắc thắng. Trên sân khấu, nhân vật Trương Ba biến đi, chỉ còn lại xác hàng thịt mang hồn Trương Ba run rẩy ôm mặt.*

HỒN TRƯƠNG BA

Ta là Trương Ba, ta là Trương Ba... Nhưng sao khó khăn thế? Ông Đế Thích, ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống, nhưng sống như thế nào thì ông không cần biết. Sống như thế này mà là sống ư?

**ĐÈN TẮT CHUYỂN CẢNH**

# molière ở việt nam tên là lưu quang vũ



*Christian Hoche*

Chuyển dịch *Lưu Trùng Dương*

Giăng Bâp tis tơ Pô cơ lanh (Jean Baptiste Poquelin) (*) ở Việt Nam tên là Lưu Quang Vũ, một Molière với khóe mắt nhiều nếp nhăn, với ngòi bút chua cay, với khuynh hướng sâu sắc chống chủ nghĩa xu thời. Tác phẩm của anh không ca ngợi sự thờ phụng người anh hùng, lòng căm thù chủ nghĩa đế quốc, "đường lối đúng đắn" của đảng Cộng sản Việt Nam.

Chủ đề tư tưởng các tiết mục của anh là những gì? – Những tệ nạn xã hội mà anh tố cáo với những niềm hồ hởi dữ dội, một sự khinh bỉ mạnh mẽ. Chủ đề ưa chuộng nhất là: chủ nghĩa quan liêu đến nghẹt thở, nạn tham nhũng, chủ nghĩa ô dù, sự yếu kém năng lực của cán bộ. Các vị quan to cũng không tránh khỏi những mũi tên độc của anh. Nhưng, sự kiểm duyệt, lạ lùng thay, lại để yên cho anh.

Chiều hôm ấy, trong một căn phòng lở lói vôi vữa, công chúng bình dân của Hà Nội vội vã, chen chúc nhau để hoan hô vở kịch châm biếm mới nhất của nhà văn. Một chiến thắng thực sự! Với nhan đề "Tôi và chúng ta", đó là lời khuyến cáo về những mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, vở kịch kể lại những điều không may của một người giám đốc xí nghiệp trẻ, năng động, đã ra sức đổi mới việc quản lý và tăng năng suất xưởng đóng giày của anh. Mặc dù, hoặc chính vì, những kết quả anh đã đạt được, nỗi ác cảm của những cán bộ chung quanh anh cứ vây bọc lấy anh, tìm mọi thủ đoạn loại bỏ anh: rốt cuộc anh bị cách chức. Tệ hơn nữa: anh bị bắt rồi bị kết án tù vì hai mươi bốn "sai lầm" trong công tác quản lý.

Giữa hàng loạt lời đối đáp khiến công chúng hào hứng cười rộ cả lên, đây là lời một quản đốc phân xưởng khi cấp trên hỏi anh ta rằng nhiệm vụ đích

thực của một quản đốc là gì: "Quản đốc phân xưởng theo dõi các hiện tượng tiêu cực và báo cáo với giám đốc". Nhiều thực tế khác được cài vào trong vở diễn: sự xảo trá có hệ thống của những bản thống kê, sự lãng phí nhân lực, sự tê liệt các cán bộ trước mọi sáng kiến dù nhỏ đến đâu. Những cuộc hội họp chính trị nhiều vô số của công nhân viên các cơ sở sản xuất, kinh doanh là mục tiêu của một trận công kích ra trò: "Những cuộc họp đó để làm gì?", một nữ công nhân hỏi với giọng điệu giễu cợt. Câu trả lời: "Không hội họp, người ta không thể thấm nhuần đường lối cách mạng". Cả gian phòng nổ tung lên vì tiếng cười, hoan hô các diễn viên, la hét ầm lên khi một vị quan to bị chìm ngập trong đống chỉ thị, mệnh lệnh của chính bản thân ông ta, đã áp dụng những sự trừng phạt ngu xuẩn để tự bào chữa cho mình. Không còn nghi ngờ gì nữa! Lưu Quang Vũ đã đánh trúng. Và đánh mạnh.

– Trích dịch từ nguyên bản tiếng Pháp, bài đăng trên báo Express (Pháp), số ra ngày 7–13 tháng 2. 1988.

(*) **Ghi Chú**: Đầu đề là của người dịch, lấy từ một câu trong bài của tác giả C.Hoche. Jean Baptiste Poquelin là tên thật của Molière.

# lưu quang vũ vị đăng đắng nồng say một mùa hoa hà nội...



*Minh Trang*

Có thể nói ít có người viết kịch nào của sân khấu chúng ta lại được hưởng sự thương yêu, trìu mến của khán giả bằng Lưu Quang Vũ. Có một dạo mà đi đâu cũng Lưu Quang Vũ, chỗ nào cũng Lưu Quang Vũ, ở các quán cà phê người ta cũng nói về anh, giữa những buổi họp quan trọng của cơ quan cũng có người nhắn tên anh... Anh có biết vì sao cả triệu con người trên đất nước này lại trân trọng, yêu mến anh không? Anh Vũ ơi! Chính vì tâm hồn anh là một tâm hồn nghệ sĩ. Anh không biết *uốn cong ngòi bút* của mình. Anh không cao đạo vênh vang, xa lánh, hay đứng trên nỗi đau hàng ngày của con người. Anh vừa là tác giả, vừa là người xem những ngóc ngách suy tư, uẩn ức của tâm hồn mình – một tâm hồn đã trải qua bao vinh nhục trong đời, trên sân khấu. Người ta thường chỉ biết hình ảnh một Lưu Quang Vũ làm thơ, một Lưu Quang Vũ hừng hực hăng say khoác ba lô ra chiến trường, như bao chàng trai lý tưởng, đáng yêu hồi ấy... Nhưng người ta lại ít biết một Lưu Quang Vũ đã trải qua những tháng năm tuổi 20 nhọc nhằn, chật vật đi kiếm việc làm mà không nơi nào muốn nhận, một Lưu Quang Vũ đã đi qua bao buổi chiều chán nản, thất vọng, vật vờ trong những quán bia "chuồng cọp", ngồi chồm hổm ở Hà Nội.

Đời anh như thế đó, lý tưởng và thất vọng gắn quyện vào nhau như bóng với hình. Anh đã sống nhiều với những niềm đau chân thật của chính bản thân mình. Anh đã từng thầm khóc rồi lại đứng dậy đi tới, đến ngày nổi danh, không phải bỗng nhiên anh lại viết được nhiều vở kịch với một tiết tấu tình cảm mãnh liệt đến chóng mặt. Cũng không phải bỗng nhiên mà anh hiểu được nỗi xót xa, vinh nhục, của biết bao số phận con người. Anh Vũ ơi! Em biết có những nhà viết kịch còn tài ba, chín chắn hơn anh, nhưng em muốn một lần nữa nói to lên rằng: chưa một nhà viết kịch nào lại được quần chúng thương yêu đến độ coi tác giả như chính người thân ruột thịt của mình. Khán giả đến với anh không phải bằng một cái tên của Lưu Quang Vũ, cũng không phải đến với một "ngôi thứ" của Lưu Quang Vũ. Vì anh thì nào có "ngôi thứ" gì đâu. Người ta đến với anh, nhất là trong buổi lễ truy điệu anh ở Hội Nghệ sĩ sân khấu thành phố, bằng trái tim thương yêu da diết cồn lên, với những

giọt nước mắt sạch trong, lấp lánh, khóc cho sự ra đi bi thảm, bất ngờ của người nghệ sĩ biết sống và đáng sống vì con người.

Trong những ngày anh còn sống, mỗi lần kịch của anh diễn thành công trên sân khấu, em thấy nhiều người chạy đến chúc mừng anh lắm, nhưng chưa bao giờ trên gương mặt anh xuất hiện nụ cười thỏa mãn. Anh thường bảo: "Mình chỉ mới bắt đầu ấy mà..." Hình như với anh, tất cả mới chỉ là bắt đầu, bắt đầu sống, bắt đầu yêu thương, bắt đầu làm nghệ thuật... như anh từng nói đến một dòng vận động không ngừng của sự sống trong *"Tôi và chúng ta"*.

Anh Vũ ơi! Liệu mơ ước bay bổng của anh và những điều tốt đẹp trong cuộc đời có làm cho con người ta tốt lên hơn không? Liệu nỗi giận dữ của anh trước cái xấu, cái ác, trước những kẻ tiêu cực mà anh đưa lên sân khấu, có gột rửa được phần nào cái nhơ nhuốc, tàn ác đang còn bám lấy xã hội chúng ta không? Hay phải chăng, ngay cả một con người vốn dĩ yêu đời, vốn dĩ luôn nhìn cuộc đời đẹp hơn cái thật của nó, cũng chỉ biết mỉm cười trả lời rằng *"hãy tin ở hoa hồng"*... Không. không. Anh Vũ à, anh còn có cả *"Nguồn sáng trong đời", "Người tốt nhà số 5"*... Xem kịch và mỗi lần diễn kịch của anh, em lại cảm thấy tin anh, như tin những điều tốt đẹp trên đời, để bước tiếp trên con đường nghệ thuật.

Anh Vũ ơi! Anh còn nhớ ngày nào chị Quỳnh đã truyền tình yêu hoa cúc vàng cho anh: "Mùa thu và hoa cúc chỉ còn anh và em...". Còn anh, ngay từ trong thơ đã từng yêu hoa sữa, một loài hoa đăng đắng nồng say, chỉ có ở Hà Nội. Em còn nhớ những đêm đi tập vở *"Cô gái đội mũ nồi xám"* ở rạp công nhân về. Bọn con gái chúng em vô tâm, háu đói, cứ chạy xe ào ào cho chóng tới nhà để vét nồi cơm nguội,... còn anh cứ một mình đạp xe lững thững trong cái không khí thanh cao, trong sạch về đêm, thoang thoảng mùi hoa sữa. Thế rồi, một lần em tò mò hỏi anh: "Có phải vì thế mà anh đưa hoa sữa vào đoạn Thành và Trâm tỏ tình, trong *"Cô gái đội mũ nồi xám?"* Anh chỉ mỉm cười, không nói. Anh Vũ ơi! Lúc đó em làm sau hiểu hết những tình cảm thầm kín trong anh. Có thể anh đang nhớ lại một hương vị hoa sữa từ những năm tháng xa xưa. Chỉ biết lúc đó, nét mặt anh thật thà, tế nhị, đáng yêu lắm.

Hôm nay anh đi rồi, em mới chợt bừng tỉnh, sao lúc hỏi anh câu đó, em lại không hiểu gì về anh? Cái hương vị đăng đắng nồng say của hoa sữa Hà Nội, phải chăng, chính là cái hương vị thanh cao, quyến rũ của tâm hồn anh, của *chút đời* trong những vở kịch của anh. Cái hương vị ngai ngái của nỗi đau đời, nồng say một tình yêu con người.

Anh Vũ ơi! Sau nỗi mất mát đớn đau về chị Bích Châu, anh Trần Kiếm, bác Ba Vân... giờ đây đến lượt chị Xuân Quỳnh, bé Út Mí và anh. Em cảm thấy cô đơn trong nỗi nhớ anh – cái hương vị đăng đắng nồng say một mùa hoa Hà Nội...



**Dương Thu Hương**

Sinh năm 1947

*Họ là những kẻ đã phao phí gần hết đời sống của mình vào việc vẽ nên một thiên đường dưới trần ai, nhưng trí khôn ngắn ngủi của họ lại không đủ để hiểu thiên đường ấy ra sao và con đường nào đưa tới nó... Họ, là bản thảm kịch cho chính họ, là tấm thảm kịch cho thế hệ chúng ta.*

# đọc những thiên đường mù của dương thu hương



Phạm Việt Cường

*... Em đâu biết mạ vàng gươm giáo*
*Em có hay tàn bạo tô son*
*Cơm không no mà nói chuyện thiên đường*
*Áo không ấm mà xiểm gièm địa ngục*
*Ai dám bảo thế này là hạnh phúc*
*Hãy trả tôi về địa ngục những ngày xưa...*

Tù Nhân

*(Ở một nơi gọi là Việt Nam)*

Một bức điện tín mở đầu câu chuyện. Nhân vật chính, cô nữ công nhân dệt đang lao động ở Liên xô, tên là Hằng, đáp chuyến tàu tốc hành ở trang 9 và sẽ chỉ đến nơi muốn đến ở trang 211. Một bức điện tín khác sẽ góp phần kết thúc quyển sách, ở ngay điểm khởi đầu cho mơ ước ra đi khác. Những chuyến tàu mang chở con người theo kiểu chiếc xe kỳ diệu của Michael J. Fox nhưng tuyệt đối không có một phút giây hay cảnh tượng nào khiến người ta có thể mỉm cười được cả. Người ta vượt bỏ những thành phố, những ngôi nhà, những rừng bạch dương trắng... và cùng lúc, đi ngược trở lại quá khứ, trong một tâm cảnh ảm đạm, chập chờn, tiếc nhớ gần như ảo giác, ở giữa và lẫn lộn giữa "*những giấc mơ đã héo tàn và những giấc mơ chưa tới*".

Di động ủ ê như vậy trong nhịp điệu buồn tẻ của những con tàu tốc hành gần như suốt quyển sách, quá khứ và hiện tại được sắp xếp xen kẽ nhau qua một giọng kể chuyện quyến rũ, trầm buồn mà đầy nhiệt thành, u hoài nhưng khao khát sống. Chính với kỹ thuật để cho nhân vật chính kể chuyện ở ngôi thứ nhất này phối hợp với sự đan dệt những khoảnh khắc hiện tại với những biến cố trong quá khứ, gần giống kỹ thuật phân cảnh điện ảnh, đã giúp cho tác giả Dương Thu Hương có thể thu gọn bao nhiêu biến động của một gia đình trong một quãng thời gian hơn 30 năm vào vỏn vẹn ngót 300 trang sách Những Thiên Đường Mù.

Những nhân vật chính trong Những Thiên Đường Mù ràng buộc với nhau trong một cái quan hệ không thể tháo gỡ được, bằng "*sức mạnh bí ẩn của huyết thống*". Cuộc cải cách ruộng đất do nhà cầm quyền Cộng sản thực hiện ở miền Bắc không phải là chủ đề chính của quyển sách nhưng đó là biến cố

đưa đến những bi kịch trong gia đình Hằng; và cùng với nó, cái chết của ông Tốn, cha Hằng, sẽ ám ảnh, chi phối toàn bộ cuộc đời của các nhân vật chính (bà Quế, cô Tâm, Hằng). Đối với cô Tâm, sẽ không bao giờ có sự tha thứ mà chỉ có sự phục thù dưới một hình thức khác. Mẹ Hằng, do mặc cảm, chuyển tình thương và lòng hy sinh sang cho cậu em ruột. Chỉ có Hằng là người phải gánh chịu nhiều bất hạnh nhất, mất cha, xa cách với mẹ, không thể ở với cô và vẫn phải dính líu tới người cậu tồi tệ.

Thiên đường được gợi ra ở đây là một khái niệm linh động, tự nó không thể rực rỡ hay tăm tối gì cả; chỉ có chính con người trong sự ngưỡng vọng mù quáng đã khoác ý nghĩa và giá trị cho nó. Đó có thể chỉ là một đời sống vật chất đầy đủ để cảm thấy vượt trên người khác, để phục thù cho chính mình những năm tháng bị sỉ nhục. Đối với mẹ Hằng, cuộc sống là thiên đường ở chính ngay hành động hy sinh cho cậu em ruột và hai đứa cháu được đầy đủ, dù chính mẹ con bà phải chịu đói khổ, và quan trọng hơn nữa, là dù có thể đưa đến sự rạn nứt giữa tình mẹ con. Còn cô Tâm thì chọn Hằng làm đối tượng để thực hiện "*thiên đường ngay ở cõi trần ai này*", để "*thấy được hình ảnh của chính cô trên đài chiến thắng*". Hằng đã nhận ra rằng rốt cuộc thì hai người đàn bà thân yêu của cô cũng giống nhau mà thôi. Rõ ràng là những thứ vinh quang của họ Trần hay họ Đỗ, và cả cái thiên đường Cộng Sản mà cậu Chính đã bỏ gần hết cuộc đời để theo đuổi; tất cả những thứ đó chỉ là điều bận tâm của thế hệ cha mẹ của cô mà thôi, chứ không hề là mục tiêu để cô hướng đến. Giống như nhang khói và kỷ niệm, thuộc về một thời quá vãng. Nó giống như sự bận rộn sắp xếp một buổi cúng kiếng cuối năm. "*Tôi không muốn ở nhà lúc đó. Tôi không muốn cô tôi và mẹ tôi tưng bừng chuẩn bị cho cuộc lễ tất niên: nến đỏ và nến trắng, nhang que và nhang vòng, hoa và hoa, những thứ của ngon vật lạ, những lời khấn tụng rì rầm... Tất cả tạo dựng nên một thiên đường muộn màng, phung phí...*".

Ai đó đã từng nói rằng: "*Nếu quả thật có một thiên đường thì đó là một thiên đường đã mất*". Chính ở trong sự hoài niệm quá khứ, trong sự chối bỏ hiện tại, trong sự bế tắc tương lai, những gì đã qua đi, đã mất mát thường xuất hiện với một khuôn mặt đẹp đẽ. Cá tính hướng nội của Hằng thường quay trở lại với những cảm nghĩ và xúc động xưa cũ; và cái thiên đường trong câu trích dẫn trên có lẽ tương ứng nhất với điều tốt đẹp mà Hằng tiếc nuối: thiên đường tuổi thơ. Đó là những hình ảnh thôn quê mộc mạc hiền lành mà tuổi thơ Hằng đã có lần bắt gặp. Những giải cát trắng, những ổ gà, con mương nhỏ, nhịp cầu gỗ, đồng lúa, ao hồ... Với Hằng, những hình ảnh đó đột ngột vén mở trong cái nhìn ngây thơ của cô như sự mặc khải, lúc cô chưa hiểu biết gì đến bi kịch chia xé gia đình cô một hình bóng hoàn thiện của thiên đường. Và rõ rệt nhất, những hình ảnh đó đã từng là niềm vui thời thơ

ấu, là nỗi khắc khoải khi cô khôn lớn, là nỗi ám ảnh sâu đậm nhất hiện giờ mà mãi mãi cô sẽ không thể lý giải được, bởi vì "*nó tồn tại bởi một sức mạnh khác, một sức mạnh vô hình, không thể nắm bắt*", không phải là một khung cảnh rực rỡ, mỏng manh hay thơ mộng nào cả; đó là màu hoa tím trên một ao bèo. Hình ảnh đó thật tầm thường, nhưng cảm xúc mà cái ao bèo tù hãm, thối rữa, hôi hám gợi lên nơi cô mới thật khác thường. Đó là sức sống, vẻ đẹp, sự vươn lên. "*Cùng một lúc, nó là hạt sương sớm trong lành, là độc tố của nỗi sầu không thể cắt nghĩa...*".

Nhân vật Hằng hình như luôn luôn sống trong một nỗi ân hận, tiếc nuối nào đó về một sự đổ vỡ mà thật ra cô chưa từng gây ra. Cô tự tạo ra quá khứ của mình bằng quá khứ của gia đình và cảm thấy sự trì kéo vô hình của quá khứ nhầy nhụa này bám lấy hiện tại. (Cái chết của cha, sự xuẩn động, thành kiến, tình yêu ruột thịt mù quáng...). Cô luôn luôn cảm thấy bị đánh mất hay bị tước đoạt một điều gì. Cảm thức này được diễn tả sâu sắc qua cảm giác nhói đau trước một điều gì quá đẹp, quá mong manh (ký ức của Hằng về chuyến đi chơi núi mùa hè, khi cô nhìn thấy tuyết trắng lần đầu, hoặc lúc nhỏ thăm vịnh Hạ Long...). Điều này cũng tố cáo tình trạng lão hóa tinh thần quá sớm ở một cô gái tuổi đôi mươi. Đó cũng là sự thui chột còi cọc niềm tin nơi cả một thế hệ lớn lên trong một xã hội suy đồi, dối trá; một xã hội được hướng dẫn bởi những người như cậu Chính hay phó chủ tịch Dường. "*Họ là những kẻ đã phao phí gần hết đời sống của mình vào việc vẽ nên một thiên đường dưới trần ai, nhưng trí khôn ngắn ngủi của họ lại không đủ để hiểu thiên đường ấy ra sao và con đường nào đưa tới nó... Vì thế, khi biết công việc ấy hão huyền thì họ hối hả tìm kiếm những miếng ăn thực, nhặt nhạnh những hạt ngũ cốc thực trên mảnh đất bùn lầy. Họ làm việc ấy, bất kể bằng cách nào... Họ, là tấn thảm kịch cho chính họ, là tấn thảm kịch cho thế hệ chúng ta...*".

Hằng là một cô gái còn quá trẻ để sống miên man trong sự hoài nhớ. Điều này cho thấy cái hiện thực xã hội mà cô đang phải phấn đấu để sống trong nước (đói ăn, giả dối, rình mò kiểm soát lẫn nhau, bắt người vô cớ, đàn áp...) và ở Liên Sô, nơi cô làm việc (đời sống nô công, nỗi nhục nhã, buồn rầu, nhớ nhà, lao động nặng nhọc...) không phải là khung cảnh cô muốn dấn thân xây dựng bằng trọn tuổi trẻ của mình. Còn quá khứ như một nguồn nước đục ngầu mà lòng cô thì khao khát một ngụm nước trong lành. Hằng là một cô gái cực kỳ nhạy cảm với thực tại, nhưng chính thực tại chung quanh cô không được nhìn ngắm bởi một đôi mắt tin yêu nên luôn luôn phảng phất một nỗi hư hao nào đó. Lòng cô đầy ắp nhiệt tình mà cuối cùng cô chỉ còn mơ ước được rời bỏ đất nước. "*Tôi mơ tới phi trường xa xôi, nơi những chuyến bay cất cánh và hạ cánh*". Thực tại tương phản với lòng tin yêu và sự sống trong cô đã khiến cô nghẹt thở.

Thật ra tất cả những hoài nhớ của Hằng không phải để tiếc nuối quá khứ mà chính là lòng hoài nhớ cho những gì đang xảy ra trong hiện tại.



Hằng được sinh ra và lớn lên trong một thế giới dẫy đầy biệt ly và đổ vỡ. Không được nhìn thấy mặt cha từ lúc mới chào đời, mối giây liên hệ tình cảm của cô đối với người đàn ông đã chết đó chỉ là "*một tình yêu nung nấu trong hoang tưởng*". Tình thương yêu của hai người đàn bà ruột thịt, gần gũi nhất còn lại trong đời sống cô dường như cũng không làm vơi nhẹ đi sự côi cút lẻ loi của cô. Cái hình bóng của người cha mờ ảo trong bóng tối cảm hoài của ba người phụ nữ bất hạnh đã liên kết họ với nhau bằng huyết thống và bằng nỗi đau khổ vì thiếu vắng ông trong cõi đời. Và nỗi thống khổ của tình trạng cô độc, goá bụa và côi cút của họ còn bị làm cho phức tạp tan nát hơn lên bởi một người thân thuộc khác là cậu Chính. Khi mẹ cô đã có dịp trở thành người bảo trợ cho gia đình cậu Chính, khi bà bắt đầu vui sướng hãnh diện thưởng thức "*món cháo lú của tinh thần hào hiệp và đức hy sinh*" thì tình mẹ con cũng bắt đầu rạn nứt, dù Hằng cũng chịu đói khổ dự phần trong sự hy sinh đó. Xa cách mẹ, có nghĩa là cô mất đi một bờ vai duy nhất để gục đầu mà nhỏ lệ và được vỗ về. Bởi vì đối với người cô ruột thịt kia, dù rất thương yêu nhưng dường như Hằng không thể đến gần được. Cá tính quả quyết mạnh mẽ của cô Tâm, thể hiện cả trong ý định phục thù lẫn sự bày tỏ thương yêu, không phù hợp với bản chất dịu dàng của Hằng. "*Tôi lờ mờ cảm thấy tình yêu ấy quá lớn, quá khốc liệt, và không bình thường*". Chỉ đến khi cô Tâm sắp chết, nỗi sợ âm thầm đã ngăn giữ Hằng xa cách cô Tâm bấy lâu mới tan biến, vì ở những giờ phút sau cùng ấy, Hằng cảm thấy "*ngọn sóng sâu thẳm của máu huyết đã xóa nhòa mọi ngăn cách, mọi ranh giới*". Cái chết vẫn là một sự hóa giải muộn màng nhất, một sự hóa giải mà người ta không hề mong đợi.

Nếu đời sống gia đình Hằng là một bi kịch dằn vặt âm ỉ thì xã hội mà cô là một thành viên đang diễn ra cả một tấn tuồng bi hài đầy dối trá, bạo tàn, bi thảm, bế tắc. Một cách không thể tránh né, dù chỉ được nghe kể lại, cuộc cải cách ruộng đất có lẽ mãi mãi là một ấn tượng ghê gớm không thể xóa nhòa trong lòng Hằng. Dưng không nó trở thành một phần quá khứ của cô chính vì những người thân yêu nhất của cô đã vấy máu nó, đã tử vong, đã sống sót hoặc đã phủi tay lẩn trốn. Trong khi những nạn nhân của những chính sách đẫm máu đó hoặc đã tan thành cát bụi như cha cô hoặc đang chìm lẫn vào bóng tối như cô Tâm hoặc mẹ cô thì chính những thủ phạm tàn bạo ngày nào lại đang tiếp tục thăng tiến trên con đường cách mạng. Mà cậu Chính là một thí dụ điển hình. Cái thế hệ kháng chiến giành độc lập đó, ngày nay chỉ còn lại những công chức già bảo thủ đầy thành kiến ngồi lì trên những chiếc

ghế cao được bảo chứng bằng chính quá khứ lẫn lộn giữa dối trá và sai lầm. Thời đại của Hằng đúng là thời đại của những người già, như Bùi Chí Vinh đã viết trong một bài thơ:

*"... Hoàn toàn không có chỗ cho chúng ta*
*đây là thời đại của những người già cả*
*tuổi bốn mươi nghĩa là nhà thơ trẻ*
*Khoảng sáu mươi làm nho sĩ là vừa*
*từ bảy mươi trở đi là tuổi của nhà vua*
*quan lại mới ăn lộc bằng năm tháng..."*

Quá khứ, đối với họ, chỉ gồm toàn những chiến công và những điều thuận lợi cho con đường đi lên của bản thân. Không hề có một lỗi lầm nào cả. Trong gia đình Hằng, cậu Chính có được sự lãng quên tiện lợi đó giống như những đồng chí cách mạng lão thành của ông. Trong khi những người phụ nữ kia tự nối kết mình vào quá khứ như một cách định hướng của những người đi trong rừng, thì cậu Chính là một loại người khác thường hơn; ông vẫn tiến nhanh tiến mạnh tiến vững chắc về phía thiên đường của mình. Không hề thấy ông có dấu hiệu ân hận hay buồn phiền gì cả. Dù rằng con đường ông bỏ lại phía sau có khá nhiều điều để nhớ. Gia đình ông cậu thân yêu này của cô Hằng tiêu biểu cho một số cán bộ văn hoá trung - cao cấp đang chi phối sinh hoạt tinh thần của người dân Việt Nam. Ngu dốt, ít học, nô lệ, giáo điều, mặc cảm. Cậu Chính là cán bộ tuyên huấn mà hoàn toàn không biết cụ Đồ Chiểu là ai. Nhìn đâu ông ta cũng chỉ thấy những âm mưu phản động, chống đối của nhân dân; lúc nào cũng có thể nói thuộc lòng đường lối chính sách Đảng như một con vẹt. Cũng chính vì óc đa nghi, xuẩn động, ông khư khư ôm lấy cái khuôn vàng thước ngọc này: "*Thơ cách mạng, cứ lấy Tố Hữu ra ngâm là yên trí*". Mợ Thành cũng là một phần tử ưu tú trong hàng ngũ Đảng, không thua kém gì chồng. Mợ chỉ mới học hết cấp hai (hết lớp đệ tứ) trường bổ túc công nông (trường dành riêng dạy văn hoá cho cán bộ ít học, chương trình giản lược sơ sài) mà thôi, thế mà Đảng đã giao cho một nhiệm vụ quá to lớn là duyệt xét toàn bộ chương trình triết học ở trường Đoàn. Do đó, khi phải làm việc với những giảng viên đại học, thì "*mợ ta vừa tự ti, vừa cường hào một cách phi lý*".

Trong Những Thiên Đường Mù, gần như hầu hết những cán bộ, đảng viên đều là bọn người không ra gì. Từ cậu Chính, mợ Thành, phó chủ tịch Dường cho đến ông nghiên cứu sinh chú của bạn cô Hằng, ông nghiên cứu sinh khoa, Hải... đều xuất hiện như những kẻ đáng thương đang đứng bên bờ vực của một sụp đổ toàn diện, đang cuống cuồng hưởng thụ những đặc quyền của mình khi còn có thể. Trở thành những kẻ tham lam, vô liêm sỉ, giả dối, tất cả đã góp phần vẽ ra bước tranh u tối của xã hội Việt Nam hiện giờ, nơi mà

Hằng và thế hệ của cô sống và lớn lên như loài cỏ dại và như những đứa bé côi cút.



Suốt đời Hằng cho đến bây giờ, cô luôn luôn là một đứa bé côi cút. Sinh ra không có cha, lớn lên ở một xóm lao động buôn bán, đi học, bỏ học rồi xuất ngoại làm công nhân, cô là đứa bé mồ côi, người sinh viên bơ vơ, cô thợ dệt lạc lõng. Đọc Những Thiên Đường Mù chậm rải hơn, người ta sẽ nhận ra rằng nước mắt của cô Hằng đẫm ướt cả quyển sách. Cô gái chưa hề biết đến thú đau thương của tình yêu ấy, đã tập sự thổn thức từ thơ ấu, khi tự hỏi về tình trạng "*con nhà vô phúc*", không có cha của mình cho mãi đến giờ cô vẫn nức nở trên chuyến tàu tốc hành nơi xứ lạ. Nhại theo một câu nói, Hằng là một người nhạy cảm đến nỗi tất cả những gì cô chạm tay đến đều lập tức trở thành nỗi sầu nhớ. Bất cứ một ngoại cảnh nào cũng có thể va chạm vào nỗi niềm u uẩn nào đó luôn tiềm phục trong trái tim cô để khua vang thành một tiếng than dài, xa vắng. Dường như cô muốn thực tại phải được nhìn ngắm qua cái lăng kính của thời quá vãng.

Mà thật ra thời quá vãng của chính cô nào có gì đâu! Những chuyện đau buồn trong gia đình cô thuộc về quá khứ của mẹ và cô Tâm, mà cô chỉ tựa vào đó để cảm thấy cái sự sống đang diễn ra, đang qua đi không thể cứu vãn. Một điểm nổi bật nữa là tâm hồn cô quá phong phú lòng trắc ẩn. Lắng nghe một tiếng hát, cô có thể băn khoăn về cuộc đời và những khát vọng của người nữ ca sĩ Nga xa lạ nào đó. Đi ngang qua những "*ngôi nhà cô lẻ, mái chóp nhọn có ống khói, trong ánh chiều chạng vạng, u hoài*" thì lòng cô cũng dâng lên biết bao nỗi buồn thương... Nhất là tiếng hát ư ử vu vơ của anh con trai què hàng xóm, mà ngay từ lúc cô còn nhỏ, cũng đã tự dưng làm cô muốn khóc. Suốt quyển truyện, bảy lần cô nhắc đến tiếng hát của anh trai què này. Khi cô còn bé, tiếng hát ấy chỉ gợi lên trong lòng cô một niềm thương cảm mơ hồ, gợi lên ước muốn được vỗ về an ủi một kẻ đau khổ nào đó. Sau này, khi trở về nước, cô càng hiểu hơn về nỗi buồn sâu thẳm trong tiếng hát, bởi vì nó chính là lời than van của một đời sống bị tù hãm, thối rữa mà không có cách nào thay đổi được, "*không còn là âm nhạc mà là tiếng kêu thoát ra từ con tim bị bóp nén, là làn hơi dộc thoát ra như thứ lửa bỏng trên đầm lầy...*". Đó cũng là tiếng kêu bị nén lại của biết bao kiếp người đang lụi tàn dần đi trong cuộc đời cơ cực tối tăm chung quanh.

Khi đời sống và thực tại chỉ mang đến những bế tắc, đổ vỡ, thất bại thì nỗ lực quay trở lại nâng niu, ôm giữ quá khứ là một phản ứng gần như có tính bản năng. Người ta cảm thấy an tâm, gần gũi, ấm áp khi đắm mình trở lại vào cái bóng mờ ảo của kỷ niệm xa xưa hơn là khi phải đối diện với những thực tại hất hủi xa lạ bất ưng chung quanh. Bởi vì dù sao quá khứ đó chắc chắn đã là sở hữu riêng tư nhất, không thể nào bị mất đi một lần nữa, và đó cũng là

nơi chốn thật an toàn để người ta có thể tìm về bất cứ lúc nào một cách hoàn toàn chủ động, tự do. Quá khứ, ngoài những hồi ức hạnh phúc hiếm hoi, cùng một lúc, cũng gợi lại muôn vàn mất mát đau khổ. Nhưng đó là những mất mát đã rồi, biến thành niềm an ủi cho nỗi sợ hãi về những mất mát đang diễn ra và sắp xảy ra trong đời sống mỏi mòn bất lực. Cái khuôn mặt xanh xao của quá vãng đó dù sao cũng thân thuộc, êm đềm hơn cái thực tại thô bạo đang trấn áp, tha hoá những kẻ bất hạnh. Con người trở nên lẻ loi, yếu đuối biết bao giữa hiện tại đặc sệt, câm nín và thứ tương lai trong đó mọi ước mơ đều có vẻ phù phiếm và mai mỉa. Thật ra, chính trong nỗi hoài nhớ mê man của mình, Hằng muốn tìm đến một lối thoát nào đó, và nhất là muốn xác định trở lại cái hiện sinh đang tồn tại một cách mờ nhạt, buồn rầu của mình.



Trọn quyển sách viết về thiên đường này, mỉa mai thay, không đề cập đến một cảnh giới, một tương lai huy hoàng nào trước mặt mà chỉ có những hồi ức, những hoài niệm mênh mông về quá khứ như tiếng thở than trầm buồn của những con người bất hạnh đang lạc lõng trong một cõi u minh địa ngục nào đó. Tuy không khắc họa một cách lạnh lùng, trần trụi những con người đang mất dần nhân tính và những kẻ bị đau khổ, bị sỉ nhục trong xã hội Việt Nam hiện giờ như trong những truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp, nhưng *Những Thiên Đường Mù* cũng làm người đọc thêm khinh bỉ những kẻ xấu xa và xúc động trước những nỗi đau khổ của những người phụ nữ. Ở xã hội ta, người phụ nữ luôn luôn là những nạn nhân đầu tiên và âm thầm nhất, phải luôn luôn gánh chịu đau khổ nhiều hơn nam phái. Là phụ nữ, phản ứng của họ đối với cuộc sống rất thực tế, cụ thể, đầy cảm tính. Do đó những nỗi thống khổ của họ cũng là những đớn đau trần trụi, tự nhiên, có xương thịt, đầy nhân tính, khác với nỗi đau rộng lớn, xa vời, thuộc lý trí, trừu tượng của đàn ông.

Dương Thu Hương không đề nghị một kiểu thức thiên đường mới mẻ nào hết. Bà chỉ muốn gợi ra nỗi phù phiếm, vô ích của những mục tiêu sai lầm, đầy ảo tưởng và mâu thuẫn mà con người tự vẽ ra và hướng đến một cách vô vọng. Chữ *Thiên Đường* được bà dùng làm tựa nơi đây cũng mang đầy ý nghĩa thách đố; bởi vì đó cũng là loại chữ cấm kỵ, như chữ *Người* đã mang tai hoạ đến cho Trần Dần cùng một số từ ngữ khác bị cộng sản hoá: vĩ đại, ưu việt, bách chiến bách thắng... Văn hoá cộng sản chỉ muốn hai chữ *Thiên Đường* phải được gắn liền với hai chữ Cộng Sản.

Ôi, cái thiên đường đói khát và lạnh lẽo đó! Có phải điều mà Dương Thu Hương muốn nhắn gửi là thật sự chúng ta không cần đến một thiên đường nào cả mà điều cần thiết hơn là làm sao chấm dứt tình trạng đau khổ hiện giờ của con người (như ba phụ nữ trong truyện), làm sao biến chính nơi chốn này là nơi để vui sống chứ không phải để chịu đựng trong thống hối, u buồn.

# những thiên đường mù

## (trích một đoạn)



*Dương Thu Hương*

Anh cũng trạc ngoài hai mươi, người thấp đậm, tóc dầy, mắt dài. Khi cười, trông tinh nghịch và lẳng lơ. Anh ta mặc sơ-mi xanh chấm đen, quần bò, dáng khỏe khoắn. Gương mặt rám nắng, riêng hai gò má hồng bóng lên. Thấy cậu Chính rót nước vào ấm trà, anh kêu to:

– Thủ trưởng cho em uống nước xái ba hay xái tư đấy ạ?

Cậu Chính không đáp, đặt chén nước trước mặt anh, nghiêm giọng hỏi:

– Có việc gì thế cậu?

– Dạ, có việc đây...

Chàng trai đáp, đoạn rút từ lưng quần phía sau một cuốn sổ con. Mở cuốn sổ, anh nói:

– Báo cáo thủ trưởng, sắp Tết Nguyên Đán; lại có đoàn đại biểu công đoàn các tỉnh phía Nam ra họp, chúng em dự định tổ chức buổi lễ kỷ niệm nhà thơ Đồ Chiểu.

– Đồ Chiểu nào?

– Dạ, nhà thơ yêu nước nổi tiếng nhất những năm đầu thế kỷ, một phần linh hồn của những người dân miền Nam.

– Cậu đưa nội dung tôi duyệt.

Chàng trai đưa ra một bản đánh máy lớn, gấp làm tám. Cậu Chính mở rộng tờ giấy, trải gần kín mặt bàn. Rồi, cậu đeo kính, cắm cúi đọc. Chàng trai đưa mắt nhìn hình cô gái múa ở trên tờ lịch, chờ đợi. Lát sau, cậu ngẩng lên nghiêm giọng:

– Không được.

Chàng trai sửng sốt:

– Sao ạ?

Cậu Chính cau mày:

– Nhà thơ yêu nước gì mà ủy mị thế?... Cậu nghe đây...

Cúi xuống, đưa ngón tay lên tìm các dòng chữ, cậu đọc:

– *Bến Nghé của tiền tan bọt nước, Đồng Nai tranh khói nhuốm màu mây...* Thế này làm gì có tinh thần xốc tới, liên tục tiến công? Bỏ, bỏ... Đồ Chiểu cũng bỏ...

Chàng trai nói:

– Thưa thủ trưởng, những năm đó cuộc kháng Pháp của nhân dân ta đang ở trong thời kỳ đen tối. Hoàng Diệu tự sát, Trương Công Định bị xử trảm. Hàng vạn sĩ phu yêu nước bị bức hại hoặc lưu đày... Và trong hoàn cảnh cụ thể đó...

– Tôi biết... Cậu Chính giờ tay chém ngang – Tôi biết... nhưng trong bất cứ hoàn cảnh nào người chiến sĩ cách mạng cũng không được phép ủy mị, buồn rầu. Ông Đồ Chiểu này không có tinh thần của người cách mạng. Lại còn đây nữa nhé...

Cậu cúi xuống, đọc tiếp:

– *Phan Lâm mãi quốc, triều đình khi dân...* Hỏng, hỏng. Câu này còn nguy hiểm hơn nữa. Nói triều đình là muốn ám chỉ trung ương hay sao?

Mặt chàng trai đỏ như say bia, trên cần cổ vạm vỡ của anh nổi lên một đường gân căng thẳng, phập phồng.

– Nhưng thưa thủ trưởng, trong cuộc chiến tranh chống Mỹ của chúng ta, rất nhiều chiến sĩ đã ngâm thơ Đồ Chiểu, nghe những làn điệu dân ca Nam Bộ phổ thơ Đồ Chiểu trước giờ xuất trận. Bất kỳ người nào chịu khó tìm hiểu và nhận biết đời sống, đều thấy nhà thơ Đồ Chiểu có một chỗ đứng không ai thay thế được trong tâm hồn người dân miền Nam.

Đến lượt cậu Chính đỏ cả mặt lẫn cổ. Cậu chòng chọc nhìn chàng trai sau cặp mắt kính:

– Không ai thay thế được? Cậu nói thế nghĩa là Đồ Chiểu còn đứng cao hơn Đảng, trong tâm hồn nhân dân miền Nam, đúng không?

Bàn tay cậu xòe ra, như lưỡi kiếm. Chắc chắn nó sẽ chém đứt đôi cái cổ chàng trai, nếu nó muốn. Dù đó là một cần cổ vạm vỡ, tràn trề sinh lực. Mặt chàng trai đang đỏ rực bỗng chuyển sang màu xám rồi xanh lẹt, mồ hôi đổ lã chã trên trán. Cậu Chính nói:

– Uy tín của Đảng là tuyệt đối trong lòng dân tộc, hôm nay và mãi mãi về sau. Không một ai có thể so sánh với chỗ đứng duy nhất đó.

Chàng trai cúi đầu, im lặng. Sự quy phục của anh ta làm cậu nguôi giận. Như con gà chọi đã hả máu sau khi bật mấy cú đá chí mạng vào ức đối phương, cậu nói tiếp, giọng đã bớt căng thẳng:

– Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta làm nên một chiến thắng tuyệt diệu. Do

chiến thắng ấy, chúng ta trở thành lương tâm của nhân loại, trở thành ngọn đuốc dẫn đường cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc toàn cầu. Trong ba dòng thác cách mạng của thế giới, chúng ta là một ngọn cờ. Cậu phải luôn luôn quán triệt tinh thần đó.

– Thưa thủ trưởng, em nhớ rồi.

– Chúng ta, những người làm công tác tư tưởng, đội quân canh gác cho thành trì cách mạng, chúng ta phải luôn luôn cảnh giác với những biểu hiện ủy mị, thiếu tính chiến đấu, suy đồi...

– Thưa thủ trưởng, vậy cuộc lễ kỷ niệm có được duyệt không ạ?

– Để đó, tôi nghiên cứu đã...

– Nhưng, chỉ còn hai hôm, vừa gửi giấy mời, vừa thuê người kẻ vẽ panô, trang trí hội trường, mời các diễn giả và nghệ sĩ minh họa...

– Thế hả?

Cậu Chính chớp mắt, nâng gọng kính khỏi sống mũi:

– Kể ra thì... cái tay Đồ Chiểu này cũng không đáng ngại lắm. Nhưng sao ít nghe tên ông trên đài báo? Thơ cách mạng, cứ lấy Tố Hữu ra mà ngâm là yên trí.

– Thưa thủ trưởng, Đồ Chiểu là nhà thơ của những năm đầu thế kỷ. Và lịch sử...

– Gượm đã...

Cậu Chính cắt ngang lời chàng trai, đoạn cúi xuống đọc nốt những dòng chữ li ti trên tấm chương trình tổng hợp. Ánh mắt cậu soi lục qua các dòng chữ. Rồi cậu gục gặc đầu:

– Theo Đại Việt sử ký toàn thư... tay viết lời bình dẫn cuốn sách này ở đâu ra thế?

Chàng trai đáp:

– Dạ, Đại Việt sử ký toàn thư là...

Cậu bỗng à lên một tiếng thật to, tay vỗ trán đánh đét. Rồi nói:

– Nhớ rồi, nhớ rồi... Đại Việt sử ký toàn thư của Lê Quý Đôn. Tay này nổi danh lắm đấy. Quê ở Thái Bình...

Miệng chàng trai thoạt đầu nhoành ra như sắp cười. Nhưng nửa tích tắc sau thu lại, biến dạng méo mó như sắp mếu. Mặt anh chàng ngây độn. Anh đứng thẳng lưng, chằm chằm nhìn thủ trưởng. Lúc ấy, ông cậu tôi vẫn tiếp tục gật gù vì sự uyên bác của mình. Cậu bảo:

– Thôi được, tôi duyệt...

# quan điểm về thời cuộc



Phỏng vấn *Dương Thu Hương*

*(CATPHCM)*

**Hỏi:** *Chị quan tâm tới những ý kiến nào trong Bộ Chính Trị?*

**Đáp:** Tôi có đọc, nhưng không quan tâm. Xét cả hai mặt chính kiến và con người Bộ Chính Trị hiện nay, không có gương mặt nào đáp ứng được ý nguyện của dân chúng. Nếu có, thực chất cũng chỉ là nhân vật đệm, đứng ở vị trí chuyển tiếp của lịch sử. Tôi là nhà văn của dân chúng, tôi ngồi bệt xuống cỏ và không có ham muốn gần gũi một đường dây nào đó trong số những người lãnh đạo cao nhất.

**Hỏi:** *Chị nghĩ gì về tình hình Đông Âu và ảnh hưởng của nó tới Việt Nam?*

**Đáp:** Đông Âu không phải là Việt Nam. Việt Nam không phải là Đông Âu. Nhưng khát vọng sống của con người thì như nhau. Tùy theo hoàn cảnh và điều kiện xã hội ở mỗi nơi, cách mạng sẽ xảy ra tương ứng với các quy định lịch sử đó.

**Hỏi:** *Chị dự đoán ra sao?*

**Đáp:** Tôi lo ngại. Một nỗi lo ngại lẽ ra một người đàn bà không đáng phải chịu đựng. Nếu Đảng và Nhà Nước không có một chương trình cải cách thật sự và triệt để, không tìm được một mô hình xã hội tiến bộ thích hợp với các điều kiện lịch sử Việt Nam thì chắc chắn sẽ xảy ra một cuộc lưu huyết. Với tất cả những dồn nén của vài thập kỷ qua, với sự cường hào hóa của bộ máy quan liêu trên mọi miền đất nước, với tình trạng tuyệt vọng của đám đông trước tương lai (đặc biệt là tầng lớp thanh niên) với khát vọng sống được kích thích bởi các luồng thông tin không thể cản trở ngoài biên giới đâm vào, thật khó có thể tránh biến động. Dân tộc ta đã đổ máu quá nhiều, cần hết sức tránh những khổ đau không cần thiết. Các nghĩa trang và bãi tha ma rải đầy mảnh đất Việt Nam. Không nên gia tăng con số kinh hoàng ấy. Điều lo ngại thứ hai của tôi là cơn biến động xã hội nếu không được kiểm soát sẽ lại dẫn dân chúng tới tình trạng vô chính phủ hỗn loạn, hoặc các tổ chức phản động với tiền đầu tư (1 vài tỷ đô la chẳng hạn) sẽ phá hoại tất cả. Lúc ấy, xương

máu của 10 triệu người sẽ trở thành bùn đất. Lúc ấy, mọi nỗ lực của một dân tộc sẽ thành hư không.

**Hỏi:** *Theo chị điều cốt lõi của cải cách xã hội là gì?*

Đáp: Theo tôi, có hai điều chủ chốt. **Điều thứ nhất phải bỏ ngay nguyên tắc chuyên chính vô sản.** Chuyên chính vô sản là mô hình chính quyền thời chiến do Lenin đề ra. Vô sản chuyên chính với kẻ thù. Nhưng khi giai đoạn chiến tranh đã qua, bộ máy nhà nước tổ chức theo nguyên tắc chuyên chính sẽ hướng dẫn toàn bộ sức mạnh bạo lực của nó vào nhân dân. Không còn sự chuyên chính của người vô sản với kẻ thù mà chỉ còn sự chuyên chính của bộ máy quan liêu với những người vô sản, sự chuyên chính của thư lại với nền dân chủ. Đấy không còn là một giả thuyết mà là một thực tế kinh hoàng. Nhân danh đại diện cho nền chuyên chính vô sản, Stalin đã tiêu diệt 10 triệu đảng viên, chiến sĩ và nhân dân Liên Sô. Nhân danh bảo vệ nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa, Mao Trạch Đông đã tiêu diệt 65 triệu người. Nguyên tắc chuyên chính gắn bó với nguyên tắc tập trung dân chủ. Thực chất hai nguyên tắc này bảo đảm cho mô hình một xã hội độc tài và cực quyền: Trong xã hội đó toàn bộ quyền hành được thâu tóm vào một nhóm và một số cá nhân. Những cá nhân này là những thực thể siêu quyền. Họ đứng trên luật pháp, trên các hệ thống giá trị xã hội, không một sức mạnh nào dù là pháp luật, đạo đức hay dư luận có thể kiểm soát và kìm chế được quyền hành của họ. Con người là con người chứ không phải thần thánh. Quyền lực trao vào tay bất cứ cá nhân nào mà không có hệ thống kiểm soát cũng sẽ hủ hóa họ. Ở đâu có chuyên chính, ở đó có độc quyền. Con đẻ của độc quyền là sự xu nịnh và hối lộ, tham nhũng và sự bạo ngược với dân chúng.

Trong cơ chế xã hội kiểu này, bất cứ ai có ý kiến khác biệt đều bị quy kết là "kẻ thù của nhân dân" bị tù đày, thủ tiêu hoặc triệt mọi đường sống. Mao Trạch Đông đã hạ thủ Lưu Thiếu Kỳ và những người khác nhóm. Stalin đã giết hàng vạn tướng lĩnh và cán bộ cùng với một chiêu bài "kẻ thù của nhân dân". Cần phải nói thêm rằng mô hình xã hội kiểu này đã đẻ ra một hệ thống những tên chỉ điểm, những con người kiếm chác phần thưởng bằng cách tố giác, phản bội, vu khống người khác. Một mô hình xã hội như thế bóp nghẹt mọi khả năng phát triển, tước đoạt quyền sống của các công dân, biến họ thành những con cừu chỉ biết cúi đầu tuân phục. Trong một xã hội như thế, những con người có nhân cách bị tha hóa, bị dày đạp và những lũ sâu mọt đục khoét dân chúng ngày một gia tăng. Sự phát triển của tội ác và sa đọa tinh thần là hiển nhiên và không có cơ chế hãm.

Tôi nói gọn lại: Xã hội ta chỉ có thể được cải cách và phát triển khi nó thủ tiêu 2 nguyên tắc đã quá lạc hậu và man rợ (Chuyên chính, Tập trung).

Có thể sẽ có người hỏi: "Thế còn bọn tội phạm hoặc bọn phản động?" Tôi nghĩ điều này thật dễ dàng nhận xét. Tất cả các quốc gia xây dựng trên nguyên tắc dân chủ đều có bộ máy an ninh chống tội phạm, chống gián điệp cực kỳ hữu hiệu. Ở những nước phát triển, văn hóa tinh thần và vật chất ở mức cao, án tử hình đã được xóa bỏ nhưng pháp luật lại rất nghiêm minh. Tình trạng an ninh của một quốc gia dựa trên nhiều điều kiện nhưng những điều kiện không thể thiếu được là:

1– Pháp luật phải đứng trên mọi quyền năng và trước hết những người có quyền năng cao nhất phải phục tòng luật pháp.

2– Bộ máy hành pháp phải bao gồm những con người có trí thức và có lương tri. Muốn có trí thức phải có học vấn tương xứng với trách nhiệm. Muốn có lương tri phải có lý tưởng xã hội và điều kiện sinh tồn để giữ gìn lương tri. Người ta không thể bắt một kẻ ăn mày có nhân cách. Không thể bắt một người công an trong sạch bởi lương tháng chỉ đủ ăn mỗi ngày hai bát phở. Tình trạng công an bỏ qua những vụ hành hung chém giết nhau và chạy theo phạt những người bán hàng rong để lấy tiền phần trăm đã chứng tỏ điều này. Bộ máy hành pháp mà không bảo đảm cho các nhân viên của nó có trí thức và lương tri cần thiết ắt phải tha hóa và một khi đã tha hóa nó sẽ trở thành đối tượng của một cuộc cách mạng trong tương lai.

3– Tình trạng dân trí phải được cải thiện. Người dân phải được giáo dục kiến thức về luật pháp, về nguyên tắc và trách nhiệm công dân đối với luật pháp.

Vậy thì, không thể lấy lý do tội phạm và phản động mà duy trì nền chuyên chính. Việc truy lùng bọn tội phạm là cần thiết. Nhưng mượn cớ truy lùng tội phạm để hù dọa dân chúng, đánh đòn gió với trào lưu cải tổ, công khai và dân chủ là không nên. Những người khao khát với sự tiến bộ của quốc gia, vận động cho cuộc đấu tranh dân chủ là bộ phận tiên tiến nhất của trí thức, quân đội, công nhân và nông dân. Họ không phải là những tên tù hình sự. Sự mập mờ đánh tráo các khái niệm, sự vu khống trắng trợn và tù đày đã xảy ra không phải một lần ở các nước rập theo mô hình xã hội chuyên chính vô sản – tập trung dân chủ mà tiêu biểu là xã hội thời Stalin và Mao. Ký ức của con người chưa hề phai mờ những ấn tượng đó. Cho nên, hai khái niệm chuyên chính vô sản và tập trung dân chủ đã gắn liền với mô hình xã hội khủng khiếp nhất, u ám nhất trong thời đại này.

**Hỏi**: *Chị nghĩ thế nào về phương án liên kết Việt Nam với Trung Quốc và Triều Tiên?*

**Đáp**: Tôi nghĩ chính phủ bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc thì nhân dân ta sẽ rất hoan nghênh nhưng nếu Đảng và Nhà Nước Việt Nam muốn liên minh chặt chẽ với Đảng và Nhà Nước Trung Quốc và Triều Tiên,

Cuba thì chính Đảng và Nhà Nước đã thách thức với khát vọng dân chủ của quần chúng, đập thẳng vào mặt nhân dân. Chưa ai quên máu người dân vô tội và binh lính Việt Nam ở biên giới năm 1979, chưa ai quên tiếng súng và tiếng xích xe tăng của lính Trung Quốc trên quảng trường Thiên An Môn. Chính những tên đao phủ của sinh viên Trung Quốc cũng chính là bọn lính đánh sáu tỉnh phía Bắc Việt Nam năm 1979. Người Việt Nam bình thường cũng biết ở Triều Tiên việc thừa tự ngai vàng của con Kim Nhật Thành đã được ghi vào hiến pháp. Như vậy danh từ nước CHXHCN Triều Tiên chỉ là một mớ từ ngụy trá dán hờ hững trên một chế độ phong kiến cực quyền tàn bạo và thối nát. Không chỉ chúng tôi những trí thức mà đa số những người dân Việt Nam có thông tin đều căm thù đến tận xương tủy những chế độ độc tài phong kiến trá hình này. Marx và Lenin chỉ là nước sơn lem nhem phết lên những xã hội trại lính kiểu Á Đông. Thực chất, trong loại xã hội này, những quan điểm lạc hậu nhất của Marx và Lenin đã được người cầm quyền sử dụng để che đậy nền độc tài phong kiến.

**Hỏi:** *Chị nghĩ gì về Fidel Castro?*

**Đáp:** Trước đây, có thể ông ta là một người chiến sĩ can đảm, nhiệt huyết, và nhiều thủ đoạn. Nhưng ông ta cầm quyền quá lâu. Mô hình chuyên chế, tập trung dân chủ đã biến ông ta thành một hoàng đế bạo ngược. Ông ta đã bị quyền lực tha hóa tới mức độ đáng kinh ngạc, bây giờ, tôi cho rằng Fidel là một gã độc tài thứ thiệt mắc chứng cuồng dâm và hoang tưởng.

**Hỏi:** *Về thành tựu cách mạng của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng mấy thập kỷ qua, chị đánh giá ra sao?*

**Đáp:** Trong những thập kỷ qua thành công vĩ đại nhất của Đảng là Đảng đã khai thác thành công khả năng giữ nước của dân ta. Lòng yêu nước là mỏ vàng lớn nhất trong gia tài người Việt. Đảng đã đúc kết từ mỏ vàng ấy những khối vàng ròng. Chủ nghĩa Marx không tham dự gì vào thắng lợi này. Có chăng nó chỉ là nhãn hiệu dán lên thiên đường mơ ước của người Việt Nam: Độc lập – Dân chủ – Tự do – Hạnh phúc. Người Việt không có truyền thống triết lý, không có nhiều kiến thức triết học. Một dân tộc nô lệ vùng lên tìm đường sống, tìm thiên đường của mình. Người ta hiến dâng cuộc đời, hiến dâng của cải hiến dâng cả xương thịt của con cháu không phải để chứng minh cho học thuyết của một ông Marx hay ông Kăng nào đó, mà vì một nước Việt độc lập tự do hạnh phúc trong tương lai. Một nước Việt xứng đáng với dân tộc Việt. Qua những cuộc chiến tranh, trên 10 triệu người dân Việt đã hy sinh. Nhưng dân chủ, tự do và hạnh phúc vẫn còn là mục tiêu đấu tranh, còn ở phía trước. Trên 10 triệu sinh linh, cả một mỏ vàng ròng chỉ đổi được hai từ Độc Lập. Nhưng Hồ Chủ Tịch cũng đã dự đoán. Độc Lập mà không có

hạnh phúc thì thứ độc lập đó thật vô ích. Vậy vấn đề còn lại: Làm sao đem lại hạnh phúc cho dân? Làm sao có tự do, dân chủ?

Điều khủng khiếp nhất của quá khứ là xương máu dân chúng đã bị tiêu xài một cách hoang phí. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, giá nào cũng chịu chấp nhận. Nhưng còn cuộc chiến ở Cam Bốt, phải tôi biết những vụ tàn sát của lính Pôn Pốt ở Tây Ninh... Nhưng tại sao cuộc chống trả của chúng ta không dừng lại ở biên giới mà lại kéo tới tận Nong Phênh và Battambang? Vì chúng ta phải ngăn nạn diệt chủng, cũng giống như quân đội đồng minh tiêu diệt lũ Phát xít Đức? Vâng, nhưng nếu vậy, tại sao sau ngày 1-9-89 chúng ta không rút hết quân về?... Bởi vì bất cứ lý do nào chúng ta cũng không thể dành phần thắng trước tòa án của công luận thế giới. Một dân tộc yêu tự do thì không thể xâm phạm tự do của một dân tộc khác. Một quốc gia bảo vệ quyền độc lập thì không nên tước đoạt quyền độc lập của quốc gia khác cho dù lý do hành động ấy có thánh thiện tới đâu. Panmơ đã từng dẫn đầu đoàn biểu tình phản đối Mỹ trong cuộc chiến Mỹ-Việt Nam và cũng lại dẫn đầu đoàn biểu tình phản đối Việt Nam trong cuộc chiến Việt Nam-Pôn Pốt (tất nhiên ta hiểu rằng sau lưng Pôn Pốt là Bắc Kinh). Ông Panmơ có lý. Thế giới thay đổi lối cư xử và suy nghĩ của những nhà lãnh đạo. Quốc gia nào không phù hợp với sự đổi thay ấy thì quốc gia của họ bị chối bỏ. Cuộc chiến tranh Cam Bốt đem lại những thất thiệt nặng nề cho Việt Nam trên trường ngoại giao quốc tế. Một ngọn đòn nặng nề, âm ỉ. Nó vô hiệu hóa bao nhiêu vinh quang của hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ. Tại sao những người lính Việt Nam chết ở Cam Bốt lại không được biết những dư luận của nhân loại về hành vi của họ, về sự hy sinh và đau đớn bất khả chia xẻ! Tại sao? Nếu bây giờ không thì mai sau sẽ có. Lịch sử buộc tất cả trả lời. Điều cuối cùng tôi muốn nói là các anh có thể không chịu được những ý tưởng của tôi, có thể bỏ tù hoặc thủ tiêu tôi nhưng bạo lực không cưỡng hiếp được chân lý.

# đừng lạm phát tuyên ngôn về đổi mới

Phỏng vấn *Dương Thu Hương*

PV: *Chị đánh giá tình hình văn học gần đây như thế nào?*

Dương Thu Hương: Kể từ ngày đồng chí Nguyễn Văn Linh kêu gọi văn nghệ sĩ hãy tự cứu mình trước khi trời cứu, đừng bẻ cong ngòi bút, đừng sợ những bóng ma lơ lửng trên đầu... Vâng, từ ngày ấy quả là văn học đã khởi sắc, đã phần nào áp sát tới hiện thực, đã phần nào chiếm được lòng tin của quần chúng, không còn hứng chịu một thái độ thờ ơ, chán ngán như xưa... Tuy nhiên, cùng với việc "chuyển công tác" tổng biên tập báo "Văn Nghệ", nhiều bài phê bình, nhiều bài triệt luận xuất hiện tó tính răn đe, có tính cảnh cáo: "Coi chừng quá đà", "đề phòng kẻ địch phá hoại" v.v..., giống như một cơn gió thổi ngược chiều ngọn gió mới của nền văn học vừa được giải phóng.

PV: *Vừa qua, rõ ràng là đã xuất hiện nhiều cây bút trẻ, những phong cách mới. Theo chị, ai là người có nhiều hứa hẹn hơn cả?*

DTH: Tôi không dám trả lời câu hỏi này. Nếu anh đặt cuộc một trận bóng đá, tôi sẽ liều. Còn trong lãnh vực này, thì không.

PV: *Chị nghĩ như thế nào về việc Đại hội nhà văn trì hoãn họp nhiều lần?*

DTH: Tôi nghĩ rằng nó không đem tới một đánh giá lành mạnh. Có tới vài chục giả thuyết được đặt ra, được bàn bạc ở các quán xá, phòng trà, công sở, thậm chí cả bến tàu, bến xe quanh việc này. Dù là giả thuyết nào cũng chỉ đem tới một giá trị âm. Lẽ ra đừng trì hoãn thì hơn.

PV: *Một đời văn chưa dài đã có mười cuốn sách như chị, kể cũng đã nhiều. Trong những cuốn đã viết, chị hài lòng về cuốn sách nào nhất?*

DTH: Tôi chẳng hài lòng với cuốn sách nào hết. Cuốn sách tâm đắc còn nằm trong dự định.

PV: *"Những thiên đường mù" là những thiên đường nào hở chị Thu Hương?*

DTH: Tôi yêu bà ngoại lắm. Hồi bé, tôi rất khỏe mạnh. Bà ngoại cho tôi về quê bên kia sông Cầu, đi bộ sáu cây số nhưng tôi mê tít. Ở quê có bến sông, đầm sen, trò câu cá bơi thuyền, nhộng nóng ăn với bánh đa, bòng rang ngào mật... Tổng cộng những thứ ấy là thiên đường của tôi. Năm tôi lên 9, vào dịp Tết Nguyên đán bố tôi chung một góc lợn. Tất nhiên, chung lợn Tết nghĩa là sẽ được chia từ giò nạc, giò thủ đến lòng lợn và xương sườn. Con lợn to, cỗ lòng thật khiếp. Cả nhà tôi ăn ba bữa liền không hết nhưng ngán tới cổ. Bố mẹ tôi và các em tôi không chịu ăn lòng sang bữa thứ tư. Bà tôi vốn tính tằn tiện, nhất định xào đi xào lại để ăn cho kỳ hết. Bà bảo: "Bà cháu mình ăn vậy. Cả nhà nay chỉ có cháu là hợp tính bà thôi. Ăn đi, chóng bà cho về quê". Về quê... về quê... Thiên đường vẫy gọi, tôi ráng căng bụng dài răng mà nhai... Ngày thứ năm, bữa thứ 9 lòng mới hết. Lúc bấy giờ giò chả cũng đã thiu, chẩy nhớt ra (ngày đó, miền Bắc chưa có tủ lạnh). Thế là cả tết tôi chả được miếng giò nào...

Cái kỷ niệm này khiến tôi hiểu được sức mạnh của "thiên đường" trong đời sống, tinh thần của con người. Nhưng quê tôi là có thật, cái thiên đường tuổi thơ ấy là có thật. Nên có vì nó mà chịu thiệt thòi cũng chẳng đáng phàn nàn. Nhưng trong đời lại có những thiên đường mù, những thiên đường không có mặt, vì nó mà hao phí những niềm vui đích thực, những hạnh phúc có trong tầm tay thì thật đáng buồn.

PV: *"Đối thoại sau bức tường", "Hành trình ngày thơ ấu", "Các vĩ nhân tỉnh lẻ", "Bên kia bờ ảo vọng", "Những thiên đường mù", "Quãng đời đánh mất"... Những tên sách của chị quả là gợi mở và chưa nhiều chiêm nghiệm gửi gấm. có đúng như vậy không?*

DTH: Tôi không hiểu nó có gói mở được gì không? Nhưng đúng là nó chắt lọc từ những chiêm nghiệm của tôi. Thực ra, tôi không nên viết vội vã như vậy. Tôi cần phải có một thời gian dài hơn nhiều để suy nghĩ, đắn đo. Anh bạn tôi là Vương Trí Nhàn từ Matxcơva viết thư về mắng mẽ tôi về tội này. Tôi cũng biết tội mình nhưng khó sửa. Bản thân tôi, tôi đa nghi: "Mình có thể là một nhà văn tồi nhưng là một công dân tốt. Điều quan trọng hơn cả trong lúc này, là gửi được những thông điệp tới người đọc. Óc tôi đầy ắp những sự kiện, những con số, những gương mặt. Tôi bị bức xúc. Tôi thiếu bình tĩnh. Tôi không đủ kiên gan để ngồi dùi mãi kinh sử. Thôi, Nhàn ơi, hãy tha thứ cho tôi, và các bạn bè khác cùng bạn đọc hãy tha thứ cho tôi. Mai sau sẽ có những nhà văn bản lĩnh hơn, tài ba hơn, làm văn chương thực sự. Phần tôi, tôi xin nhận làm người cày vỡ lượt đầu.

PV: *Nếu có một giải thưởng cao nhất giành cho tác phẩm xuất sắc nhất trong giai đoạn văn học đổi mới vừa qua, thì theo ý kiến chị, tác phẩm nào xứng đáng hơn cả?*

*trên quê hương*

DTH: Những truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, không cần bàn cãi. Sau khi nói điều này tôi xin lưu ý thêm là tôi không chơi với Nguyễn Huy Thiệp. Chúng tôi không phải là bạn, tôi chỉ gặp Thiệp vài lần toàn vào những bữa ăn đông người tham dự.

PV: *Có người hỏi tôi: "Có phải Dương Thu Hương viết Những thiên đường mù là con gia đình địa chủ?"*

DTH: (Cười) Bố tôi là đội trưởng đội giảm tô. Cũng may là ông cụ không giết oan ai.

PV: *Vừa qua, có người đã nhận định là chị cùng với Dạ Ngân, Phạm Thị Hoài... trong các tác phẩm của mình đã "mô tả tình yêu tay ba tay tư, tình yêu nhục thể, sự làm tình một cách cụ thể, lộ liễu, với một khoái cảm bệnh hoạn". Chị nghĩ như thế nào về lời nhận xét này?*

DTH: Hồi tờ báo này ra tôi bận nên không đọc. Bây giờ anh hỏi nghĩ gì? Tôi xin đáp: Chẳng nghĩ gì cả!

PV: *Chị có ý kiến gì về các cuộc tranh luận trong văn nghệ trên các báo trung ương và địa phương gần đây?*

DTH: Các cuộc tranh luận là hiện tượng tốt nếu nó được bảo đảm bằng phẩm chất của các cơ quan có quyền tuyển, đăng và ấn loát. Hãy can đảm trình bày các luồng tư tưởng trái chiều một cách sòng phẳng. Đừng ăn gian, đừng chơi trò ném đá giấu tay, đừng lạm phát tuyên ngôn về đổi mới nhưng thực sự lại đem tiêu những đồng tiền âm phủ.

PV: *Trước thềm đại hội nhà văn, chị sẽ góp tiếng nói gì trong đại hội?*

DTH: Câu hỏi này cho tôi khất tới đại hội.

**Nguyên Linh Giang**

**(Trích báo Lao Động số ngày 24–8–89)**

# dương thu hương tự bạch



Người Phỏng vấn: *Nguyễn Trọng Chức*

(Lược ghi buổi trao đổi giữa nhà văn Dương Thu Hương với một số bạn đọc thuộc giới trí thức tại Câu lạc bộ các hội Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội ngày 9-2-1990.)

Hỏi: *Điều gì đã thôi thúc chị đi vào văn học?*

DTH: Hồi còn đi học, tôi chưa bao giờ nghĩ mình có thể trở thành nhà văn. Tôi thường mơ ước được trở thành cầu thủ bóng bàn, bóng rổ hay bơi lội, mặc dù tôi cố gắng tập mãi mà chẳng bao giờ biết bơi. Rồi tôi lại chăm chỉ tập xà và mơ ước trở thành vận động viên thể dục dụng cụ.

Năm 1967, tốt nghiệp trường lý luận nghiệp vụ của bộ Văn hóa, tôi tròn hai mươi tuổi. Cuộc chiến đấu chống Mỹ của nhân dân ta đang diễn ra ác liệt, tôi xung phong vào Bình Trị Thiên, mong đóng góp phần sức lực nhỏ bé của mình cho đồng bào và chiến sĩ đang chiến đấu gian khổ. Cùng với bạn bè, chúng tôi tổ chức những phong trào văn hóa quần chúng trong các đơn vị thanh niên xung phong cất lên tiếng hát át tiếng bom. Ngày ấy, các đoàn văn nghệ nghiệp dư của chúng tôi không có gì ngoài ít đạo cụ và trang phục thô sơ nhưng đồng bào và chiến sĩ đều đón tiếp chúng tôi rất nồng nhiệt. Chúng tôi cũng đã nhiều lần chứng kiến những cảnh đổ máu, hy sinh. Đó là những năm tháng sung sướng và trong sáng nhất của đời tôi. Nhưng đồng thời, thời kỳ đó cũng lưu lại trong ký ức tôi hai sự việc đáng buồn.

Sự việc thứ nhất: Một lần, ông Nguyễn Tư Thoan (lúc đó là Bí thư tỉnh

ủy Quảng Bình), tiếp đoàn văn nghệ chúng tôi. Đồng chí Trưởng đoàn trình bày với ông Thoan phương tiện làm việc và điều kiện đời sống anh em trong đoàn quá khổ sở, thiếu thốn. Nghe xong, ông Thoan phẩy tay, nói: "Bảo đem cho nó ít bột trứng gà (và một số thức ăn tiêu chuẩn gì đó mà tôi không nhớ rõ) và điều chỉnh lại chế độ bồi dưỡng...". Những người ngồi đó dạ ran sung sướng. Riêng tôi lặng đi, choáng váng. Thái độ ông Thoan, cái phẩy tay của ông Thoan, thái độ khúm núm của mọi người làm tôi hình dung thấy hình ảnh hống hách của kẻ cường hào xưa kia trong làng xã ta. Đó không phải là quan hệ đồng chí. Có một cái gì đó vướng mắc trong sự suy nghĩ của tôi nhưng đời sống lúc đó rất gian khổ, một lon gạo chúng tôi mang về từ bên kia sông Ròn có khi phải đổi bằng máu. Đế quốc Mỹ muốn đẩy vùng đất Quảng Bình trở về thời kỳ đồ đá. Chúng tôi không dám mơ những bữa cơm, ăn khoai khô đã là sung sướng thì còn đâu trí não để phân tích những canh cánh trong lòng mình. Sự việc đó tôi cũng dần quên đi.

Nhưng rồi tiếp đến một sự việc khác. Bấy giờ ở Bình Trị Thiên có ông tỉnh đội trưởng cao lớn, khỏe khoắn, đẹp trai có rất nhiều vụ bê bối với phụ nữ. Có những phụ nữ mê ông ta, và cũng có những phụ nữ bị ông cưỡng bức, không chịu thì họ bị thuyên chuyển, cách chức. Tình cảm của người phụ nữ trong tôi bật dậy nỗi bất bình: Một cán bộ cách mạng dùng quyền hành của mình để chiếm đoạt phụ nữ thật quá đê tiện. Nhưng tại sao không ai dám vạch mặt hắn? Mọi người trả lời: Ở tỉnh này, nhất ông Bí thư, nhì ông Chủ tịch, ông Tỉnh đội trưởng này có uy quyền thứ ba, làm gì được ông ta?

Sự việc trên day dứt, ám ảnh tôi, khơi gợi lại cả sự việc cũ trong ký ức. Chúng ta chiến đấu, hy sinh cho một lý tưởng chung, cho quan hệ tốt đẹp của tình đồng chí vậy mà đồng chí là thế này ư? Tôi đã lờ mờ nhận thấy chính chúng ta đang là nô lệ cho một hệ quy chiếu giả tạo.

Sau 30–4–75, tôi vào miền Nam, trong khi các phụ nữ khác lóa mắt vì vải lụa, son phấn, hàng hóa, tôi choáng váng nhận thấy hệ thống thông tin ở đó quá phong phú. Trên các quầy sách thấy bên cạnh vô vàn các tác phẩm văn chương, khoa học, triết học của thế giới cổ và kim, đông và tây, bày rất nhiều những sách triết học Mác–Lênin, sách văn học Nga và Sô–Viết như Tsekhop, Đôxtôepski, Gorki, v.v... Trong khi ở miền Bắc hàng bao năm trời chúng ta chỉ có một thứ đài galen tự lắp, nhà nào khá lắp có cái đài xiongmao, trên các quầy sách hầu như chỉ có sách của phe xã hội chủ nghĩa. Chúng ta chỉ tiếp nhận một luồng thông tin làm sao chúng ta đánh giá, phê phán mọi sự việc, sự vật một cách đứng đắn được. Tôi nhớ lại những mô hình phong kiến trong Tam Quốc Chí và Đông Chu Liệt Quốc. Đốt sách, chôn nhà nho, dìm nhân dân trong ngu dốt. Một xã hội xây dựng theo mô hình cường hào và những bầy cừu ngoan ngoãn thì không thể phát triển theo chiều hướng tiến bộ được.

Chiến tranh đã chấm dứt rồi, tôi cần phải xem xét, đánh giá lại mọi quan niệm của tôi. Tôi có ngộ nhận trong cuộc sống này không. Tất cả bạn bè cùng học với tôi trên quê hương đều đã tan xương nát thịt nơi chiến trường B5 trừ một người bị cụt nửa bàn tay trở về làm thợ chữa Radio ở Bắc Ninh và một thương binh bị cắt túi mật sống sót trở về. Còn tôi, cũng như bao người lính khác, sau cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam trở về với một cái chảo úp lên đầu che mưa và một con búp bê nhựa mang về làm quà cho con gái. Trong khi đó có biết bao kẻ tọa hưởng kỳ thành, không hề hao tổn tâm trí, xương máu trong những năm chiến tranh dằng dẳng ấy, lại lượm lặt được vô vàn chiến lợi phẩm, trở nên giàu có, vênh vang mà chắc các anh chị ngồi đây cũng biết.

Tôi nhận thấy người ta nêu lên một lý tưởng cao đẹp nhưng trong quá trình thực thi lý tưởng đó có gì trục trặc, đẩy sự vận hành xa ra khỏi mục tiêu, thậm chí có khi ngược chiều.

Những điều bức bối day dứt ấy thôi thúc tôi phải tìm hiểu, suy ngẫm, nói và viết lên. Tôi không phải là nhà triết học hay chính trị. Tôi đành trút tâm tư của tôi lên trang sách.

Hỏi: *Trong điều kiện xã hội hiện nay, nhà văn nữ có thể đóng góp gì cho xã hội, mang tính nữ và tính thời đại?*

DTH: Trong khi viết văn tôi không nghĩ mình là phụ nữ, và phải có cái gì khác nam giới. Có thể phụ nữ nhạy cảm hơn với tình yêu nên viết về đề tài đó có nhiều cái hay. Tôi cũng có lúc thích viết truyện tình vì tình yêu cũng chứa đựng tất cả và đề tài tình yêu rất hấp dẫn với công chúng, nhất là thanh niên. Một nhà văn lớn đã nói: Bi kịch lớn nhất của loài người là tình yêu. Nhưng đối với tôi, tôi đang sống trong một đất nước hằng ngày vẫn diễn ra cảnh đau khổ, những điều oan khuất, còn có gia đình nông dân tự tử cả nhà bằng thuốc trừ sâu thì bi kịch tình yêu phải lui xuống hàng thứ yếu. Tôi không thể không viết những vấn đề khác cấp bách hơn.

Hỏi: *Quan niệm của chị về tình yêu và phương thức thể hiện tình yêu trong văn học?*

DTH: Khi bước vào viết văn, tôi ít nghĩ về cách làm văn chương. Tôi viết văn do thôi thúc nghĩa vụ của một công dân đối với tổ quốc mình. Về tình yêu, tôi tôn trọng những quan niệm truyền thống, bạn bè có người phê phán quan niệm của tôi có tính chất phong kiến. Vì vậy tôi cũng muốn lùi lại để xem xét mình kỹ hơn. Thời đại này, nhiều niềm tin bị đổ vỡ, nhiều nếp sống cũng đổ vỡ không sức kiềm chế. Có nhiều người coi quan hệ nam nữ không khác những nhu cầu ăn uống. Nhưng với riêng tôi, tôi vẫn tôn trọng tình yêu theo chuẩn mực truyền thống. Quá khứ đau thương trong chiến tranh đè

nặng tôi làm tôi dị ứng với mọi lối sống phá phách. Vả lại, tôi đã từng biết những đàn ông và đàn bà sống buông thả nhất cũng không giảm bớt đau khổ trong tình yêu. Tôi cho rằng, có lẽ, dần dần, người ta sẽ quay về với quan niệm cổ truyền về tình yêu, coi tình yêu thiêng liêng như tôn giáo.

Hỏi: *Ý tưởng của chị khi viết "Bên kia bờ ảo vọng" và "Những thiên đường mù"?*

DTH: "Bên kia bờ ảo vọng" là cuốn tiểu thuyết đầu tay của tôi, nó chứa đầy những khuyết nhược điểm, thậm chí còn ẩu tả. Khi viết nó, tôi muốn nói rằng con người không nên bán mình cho những ảo tưởng để rồi mình sẽ trở thành vật hy sinh của chính nó.

Thời gian viết "*Những thiên đường mù*", một mình tôi đối diện với trang sách và những hình ảnh, vẫn day dứt trong ký ức tôi sống dậy. Hồi cải cách ruộng đất, tôi lên chín tuổi, nhà tôi ở thị xã Bắc Ninh, ven đường quốc lộ, mảnh vườn sau nhà tôi trồng su hào ở sát đường tầu. Một buổi sáng ngủ dậy, tôi và mọi người thấy xác một người đàn ông tự sát nằm kẹp đầu giữa hai thanh ray, thân ông song song với vườn nhà tôi. Đó là một đảng viên cộng sản ở làng Đại Tráng, bị quy là địa chủ trong cuộc đấu tố. Bốn hôm sau, lại có một xác người tự tử treo lủng lẳng. Người này cũng là đảng viên cộng sản được tổ chức cách mạng gài vào làm lý trưởng làng tề để hoạt động cho dễ, không ngờ trong cuộc đấu tố bị quy kết là địa chủ và phản động. Trí óc non nớt của tôi lưu lại mãi những hình ảnh kinh hoàng đó.

Rồi một thời gian sau, ký ức của tôi lại ghi thêm những hình ảnh khác. Sau khi đấu tố xong, một tội nhân bị xử tử, thây phơi giữa đồng, hàng ngàn người nối thành dòng dẫm đạp lên xác chết để chứng tỏ lòng căm thù giai cấp. Khi dòng người trở về, đứa con địa chủ tội nhân vác mai lủi thủi đi ngược chiều để chôn cất bố... Rồi câu chuyện về sáng sáng có những kẻ bị mổ bụng, trên bụng có cái tờ giấy ghi là Việt gian. Sau này tôi hình dung dần ra các biến cố, tôi nghĩ rằng không thể xóa bỏ một xã hội tàn ác bất công để xây dựng một xã hội bình đẳng bác ái khi con người vẫn bị đẩy cuốn theo những hành động tàn ác như vậy. Vả chăng, đâu phải lịch sử dân tộc chúng ta chỉ có những hào quang thắng lợi, nó còn chất chứa bao nỗi đau, bao vụ án oan khuất, bao sai lầm... Tôi không thể không bộc lộ trên trang sách những điều tôi trăn trở, suy cảm. Tôi còn kém cỏi hơn các anh chị ngồi đây rất nhiều về trí thức cũng như sức tôi chỉ đến thế. Tôi vẫn nghĩ là những điều tôi viết ra còn quá nông cạn so với những nỗi đau dân tộc đã phải gánh chịu.

Tôi xin phép các anh chị được trích đọc một đoạn của một nhà văn cao tuổi Mai Văn Tạo, gửi từ Nam ra cho tôi, bàn về cuốn Những thiên đường mù.

*"Tôi tìm Thu Hương để cảm ơn Thu Hương đã viết những điều từ lâu chúng tôi không được viết và bây giờ thì không viết được nữa rồi. Sức hết rồi, lực còn đâu? Cái tâm không, không đủ. Dù rằng như Nguyễn Du nói: "Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài"...Thu Hương đã lôi lên trang sách mình một lũ người ngợm bất lương, ngu dốt có, học vấn cao cũng có. Bọn này đã tạo thành những thế lực hắc ám, bạc ác với con người và cuộc sống, làm cho đời sống khô cằn, lạnh lẽo, u ám và bi thương.*

*Cải cách ruộng đất, người ta nói nghe dễ ợt: "Sai lầm", và rồi "rút kinh nghiệm... sửa chữa". Cả một sự ngạo mạn, coi sinh mạng người và đất nước nhẹ như cái bông cỏ. Đối với tôi... cải cách ruộng đất là tội ác rùng rợn đến khủng khiếp. "Tôi không dễ quên những lầm lỗi trong cải cách ruộng đất..." Tôi đã viết như thế trong bài "Văn học phải làm gì..." Tiếc thay khi in lên báo đã bị xén mất câu ấy rồi.*

*Từ lâu, tôi thèm khát những trang sách viết một cách đàng hoàng về cải cách ruộng đất (không cần thái độ bôi đen, bôi đen là không lương thiện, là cung cách của kẻ yếu hèn). Vẫn chưa thấy.*

*Những thiên đường mù, Thu Hương đã vẽ lại đôi nét về cái bi kịch của cả dân tộc này. Nhưng, xin lỗi nhé, chỉ mới phác họa sơ sơ, chưa được 1/1000 cái thực, như tôi đã thấy tận mắt, nghe tận tai. Dù sao, khái quát vậy đã giỏi rồi, đáng quý rồi. Hồi bi kịch Cải cách ruộng đất xảy ra, có lẽ Thu Hương vào tuổi mười lăm, mười sáu chớ chi".*

Thưa các anh chị, hồi ấy tôi mới lên chín tuổi.

Nguyễn Trọng Chức ghi lại




**Trần Mạnh Hảo**

Sinh năm 1949

*Còn hơn cả sự chết*
*Khi kéo người cắt lưỡi tôi*
*Một nỗi đau khôn xiết*
*Sao tôi lại phải khóc cười*

# trần mạnh hảo, một con đường ly thân với quá khứ



*Hoàng Chính Nghĩa*

Từ năm 1986, song song với khẩu hiệu xuất phát tại Đại Hội Đảng lần VI, "*đổi mới tư duy*" và "*cải tổ cơ cấu*", một luồng gió khác thường đã thổi vào nền văn học trong nước.

Trong khoảng thời gian từ 1986 cho đến 1989, nền văn học này đã có một sinh lực mới. Nó đa dạng, phong phú, sống động hơn hẳn mười một năm trước đó. Nó cũng bỏ xa hẳn hai mươi mốt năm văn học miền Bắc 1954–75, một nền văn học chủ điểm là thi đua sản xuất xây dựng xã hội chủ nghĩa và chiến đấu chống Mỹ giải phóng miền Nam. Nói một cách khác, trong vòng có ba năm, đã nở rộ một nền văn học phản kháng, tách biệt ra khỏi tính đảng, để quay lại gắn bó với những khắc khoải, đớn đau, kỳ vọng của đất nước. Từ Dương Thu Hương, Nguyễn Khải, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài trong văn, qua Lưu Quang Vũ trong kịch, đến Nguyễn Duy, Thanh Thảo trong thơ và Lại Nguyên Ân, Hoàng Ngọc Hiến, Hà Sĩ Phu trong lý luận, phê bình...

Vào tháng 1–1990, trong nước, một buổi hội thảo với sự tham dự của một số trí thức, nhà văn, cây bút lý luận, đã đưa lên bàn mổ ba truyện dài đang làm xôn xao dư luận ở những tháng cuối năm 1989. Đó là "*Niềm Vui Trần Thế*" của Nhật Tuấn, "*Nỗi Bất Hạnh Tình Yêu*" của Hoàng Lại Giang và "*Ly Thân*" của Trần Mạnh Hảo.

Nếu Niềm Vui Trần Thế đã bị một số người cho là có tính cách "*khiêu dâm dung tục*", thì Nỗi Bất Hạnh Tình Yêu và Ly Thân được xem là "*có vấn đề chính trị*", hay rõ hơn là muốn "*phủ nhận quá khứ*" và "*lên án chế độ*".

Riêng quyển truyện dài Ly Thân gần bốn trăm trang nhân vật chính là

Trần Hưng, một nhà văn, vừa mù quáng vừa sợ hãi, đấu tố cha già, bỏ một mối tình cao đẹp ban đầu với người bạn gái tên Oanh để kết hôn theo lệnh đảng, và sau đó là viết những tác phẩm hoàn toàn phù hộp với lợi ích của chế độ. Sau ba mươi mốt năm, ông đã trở nên phản tỉnh và muốn từ bỏ tất cả để sống trong bóng tối, âm thầm cùng những sám hối của mình. Nhưng nhà văn này, đã được một cựu kháng chiến quân Nam Bộ, khuyên phải tỉnh ngộ, để cứu chuộc lỗi lầm quá khứ của mình bằng cách viết ra sự thật. Văn chương giữa một xã hội có quá nhiều biến động và đau khổ, phải xuất xứ từ đó. Và Trần Hưng, "*một nhà văn minh họa*" nổi tiếng của chế độ, đã có một can đảm cuối cùng: viết ra sự thật.

Ngay trong phần giới thiệu quyển Ly Thân, nhà xuất bản Đồng Nai, đã trình bầy đây là một "*bản thông diệp của nhà văn Trần Hưng*" gởi tất cả mọi người, mà cái nghề viết văn là "*một cái nghề không thể chấp nhận sự hèn nhát, càng không chấp nhận sự dối trá lọc lừa*".

Quyển sách này được xuất bản vào tháng 9–1989, và chỉ một tuần lễ sau khi phát hành, đã bị Nhà Nước ra lệnh tịch thu lại. Nhưng một số đã lọt ra nước ngoài, và theo chỗ chúng tôi được biết, một số nhóm khác nhau dự định tái xuất bản quyển Ly Thân nhằm giới thiệu cùng đồng bào hải ngoại một tác phẩm văn học phản kháng dũng cảm và công khai thách thức chế độ. Tầm vóc của nó, theo nhà văn Nhật Tuấn, thì hơn bứt Những Thiên Đường Mù của Dương Thu Hương về tác động chính trị. Cũng trong buổi hội thảo nói trên, có hai luồng dư luận rõ nét phê phán trái ngược nhau. Về lên án, thì có nhà thơ Thanh Giang, đã cho rằng, qua tác phẩm này, Trần Mạnh Hảo đã có "*ý đồ xuyên tạc*". Về ủng hộ, thì giáo sư Nguyễn Lộc phê bình tác phẩm này đã biểu lộ được những đớn đau về sự thật với đầy thiện chí với quê hương, và điều này đã làm ông cảm phục Trần Mạnh Hảo hơn một số nhà văn khác. Cũng có một số ý kiến khôn khéo hơn, như của Nguyễn Khải, với một quan điểm đáng lưu ý là "*Vấn đề đặt ra là nghệ thuật hay không nghệ thuật, chứ không phải phản động hay không phản động*"...

Cũng như trường hợp của Dương Thu Hương, Nguyễn Duy, Thanh Thảo, Nguyễn Minh Châu (đã chết), Lưu Quang Vũ (đã chết)... những cây bút này đều sinh ra, lớn lên và làm việc dưới xã hội chủ nghĩa, nên ít nhiều, ở giai đoạn đầu, ngòi bút của họ không khỏi bẻ cong theo "*một nền văn học minh họa*", phù hợp với chính sách của đảng và nhà nước. Nhưng điều làm cho họ trở nên khác thường là khi đối diện với những thực tế phũ phàng, họ đã phản tỉnh và có đủ can đảm nói lên tiếng nói của lương tâm và sự thật. Không thể lặng im mãi. Không thể cúi đầu mãi. Không thể sợ mãi như lời phê phán của Nguyễn Tuân. Ngòi bút của họ đã trở nên khí phách như những thanh gươm đầu của văn học phản kháng đánh vào chế độ. Nếu Dương Thu Hương, trong

tập truyện ngắn "*Chân Dung Người Hàng Xóm*" (xuất bản năm 1985), nội dung chính là cái "*xấu xa phản trắc*" của một người bạn Hoa kiều tại một thị trấn biên giới miền Bắc, phù hợp với đường lối ngoại giao (và quân sự) của đảng, thì truyện dài *Những Thiên Đường Mù* đã là một bước rẽ ngoặt tố cáo những tội ác, giả dối của chế độ.

Với Trần Mạnh Hảo, cũng có những biến chuyển tương tự.

Có thể anh không sáng tác nhiều, cũng như không có những tác phẩm đồ sộ, nhưng qua một số bài thơ, chúng tôi đã thấy những biến động sâu sắc, làm thay đổi khuynh hướng sáng tác của anh. Có mặt trong "chiến dịch Hồ Chí Minh" của Văn Tiến Dũng, anh đã theo đoàn quân cộng sản vào Sàigòn ngay từ tháng 5–1975. Tại đây trong bài thơ "*Mở Cửa Vào Mùa Hạ*", bàng hoàng trên con đường từ Hố Nai tới Sàigòn, những dòng chữ của anh vẫn đầy những nét "minh họa":

*Tiếng sấm mồ côi rung lá trên đầu*
*Bạn bảo tôi đó là lời mùa hạ*
*Trước trận đánh chúng tôi nằm trên lá*
*Nói với nhau về mai sau.*

...

*Tôi đi từ đêm ấy đến ban mai*
*Giữa thành phố Sàigòn ngày toàn thắng*
*Mùa hạ hài hòa đất trời trong trái chín*
*Nhớ bạn vô cùng khi sấm chuyển mùa mưa.*

...

Anh có làm một bài thơ khác, từ trận tuyến phía bắc, nhớ người con còn trong bụng mẹ chưa ra đời. Quân thù lần này, không còn là Mỹ Ngụy nữa, mà là một đồng chí anh em răng hở môi lạnh chẳng bao lâu: "bọn bá quyền bành trướng Bắc Kinh". Bài thơ vào tháng 3–1979, chưa đầy một tháng sau bài học thứ nhất của Đặng Tiểu Bình:

*Hầu như chưa kịp hòa bình*
*Để con đủ tháng đủ hình mà ra*
*Bộ đồ quân phục của cha*
*Chưa vuông nếp gấp đã ra chiến trường.*

(Lời Chia Tay Khi Con Chưa Ra Đời)

Bài thơ lục bát, dài ba mươi hai câu, cũng là chiến tranh máu lửa, nhưng lần này, đã có những ý tiếc nuối, những ngạc nhiên. Tưởng đã hòa bình, mà sao lại vẫn lên đường ra trận. Vẫn máu xương, phá hoại. Bắt đầu đã thấp thoáng những phân vân, đã có những câu hỏi.

Cũng trong thời gian này, anh có xuất bản tập thơ "*Tiếng Hát Từ Lòng Đất*", ca tụng địa đạo ở Củ Chi. Địa đạo này, cho đến bây giờ vẫn là một nơi

"danh lam thắng cảnh" dành cho khách du lịch ngoại quốc. Những con đường hầm chằng chịt, nhiều tầng, cách Sàigòn chưa đầy ba mươi cây số, đã trở thành một mẫu mực về sự kiên cường của những người du kích cộng sản. Trong thời chiến tranh đẫm máu, đất nước đầy bom đạn, Kissinger có lần đã nói "*có ánh sáng le lói ở cuối đường hầm*". Tiếng nói của quyền từ toà Bạch Ốc, nghe ra, thì cũng có thể bám lấy mà hy vọng. Nhưng khi chiến tranh vừa kết thúc, thì ở ngoài con đường hầm là bóng tối. Dài cả trăm cây số, sau 15 năm cũng không đưa đất nước về đâu. Những con người cứ dậm chân tại chỗ, hoài niệm về một chiến thắng hão huyền, khi cả dân tộc vẫn mờ mịt bóng đêm. Hòa bình đã đồng nghĩa với tội ác và lừa bịp. Những tiếng hát của một thói quen minh họa bỗng trở nên trơ trẽn, lạnh dần. Ở một số người nó bỗng tắt ngúm. Còn lại là những tro than, nhạt nhẽo. Những chấn động sâu sắc của con người cũng trỗi dậy. Lần này là một trỗi dậy tự phát. Những tiếng hát đã nghe như tiếng khóc. Những tiếng khóc nóng dần đã trở thành phẫn nộ. Thực sự, khó mà trách được những tiếng hát minh họa của những người trẻ tuổi. Thanh niên Việt của một thời, sinh ở Bắc, thì đi nghĩa vụ quân sự, sinh ở Nam, thì sẽ vào quân trường cầm súng quân dịch. Cứ thi nhau mà nồi da xáo thịt bằng súng đạn nước ngoài. Hai mươi mốt năm chia cắt, trận chiến đã sinh sản quá nhiều những anh hùng miền Bắc, anh hùng miền Nam. Nghe mà cứ rợn người.

Người bạn vô danh trong thơ Trần Mạnh Hảo đã chết trong chiến dịch Hồ Chí Minh, vô danh như hàng triệu thanh niên khác cùng lứa tuổi với tác giả đã ngã xuống. Những lứa tuổi thanh xuân Việt Nam chết thật. Rất nhiều. Và mai sau thì mỗi lúc một hão huyền. Cái hài hòa của trời đất, cây trái và con người đã trở thành những điều không tưởng. Những điều mơ ước từ quá khứ đã trở nên mâu thuẫn gay gắt với thực tại. Không lối thoát giữa một vàng son tơi tả. Trước mắt, không khí chiến thắng lắng xuống bao nhiêu, thì sự thật càng xuất hiện não nề bấy nhiêu. Đã có bao cơn mưa đi qua tạo nên nỗi nhớ. Mỗi lúc nhớ, vẫn đầy những day dứt không dám nghĩ tới mai sau. Anh quay lại, không nói về mai sau nữa. Mà quá khứ. Và hiện tại cũng chỉ thấy biết bao nhiêu những sao trời, những hạt cơm rơi, những giọt mưa, những nước mắt. Anh không nói với bạn nữa, mà nói với những tâm tình, với quá khứ, với quê hương đất nước. Anh không nói nữa. Mà suy nghĩ. Và tìm kiếm. Để mở ra những dòng chữ đánh giá lại quá khứ. Thơ của anh bắt đầu quay trở lại với những câu hỏi, cái nối bắt giữa những ngày đã qua và những hôm nay, cái liên hệ giữa nguyên nhân và hậu qủa. Trong thơ đã thấp thoáng có những tiếng kêu thương, sự ngờ vực. Khi nhớ Nguyễn Bính, một nhà thơ lãng mạn tiền chiến đã theo kháng chiến suốt chín năm trời, lúc mà chế độ đi từ chiến thắng này đến thắng lợi khác, thì nhà thơ tài hoa và yêu nước của đất

nước chúng ta, đã chết trong bóng tối của sự cô đơn và nghèo đói. Cái hào khí của bài "*Hành Phương Nam*" đã mất, chỉ còn lại đôi mắt Nguyễn Bính trợn trừng. Nguyễn Bính chết đúng vào đêm giao thừa năm Ất Tỵ (20–1–1966). Ngày mai, là cả một mùa xuân mới chăng? Nguyễn Bính, tiếng thơ bình dị của một thời, có liên hệ chút đỉnh vào Nhân Văn Giai Phẩm 1956, bị đảng tố cáo là hoang mang lập trường, mơ hồ tư tưởng, sau đó là những bài thơ "chống Mỹ cứu nước" chẳng dính dáng gì tới hồn thơ nữa. Khi những người bạn vuốt mắt, thì miệng của người chết vẫn chóp chép vì thèm cơm. Hơn hai mươi năm sau, cũng ở một đêm giao thừa, anh đã chối từ nhìn về cả một mùa xuân mới. Để quay lại. Những người làm thơ, đâu phải lúc nào cũng ở với mây và gió, hoặc theo đuôi những biểu ngữ tuyên truyền. Cả hai tấm lòng, hình như đều muốn gắn bó vào thực tế. Ở Nguyễn Bính là cái đói chỉ ước mơ những hạt cơm rơi. Ở Trần mạnh Hảo là nói lên nỗi thống khổ của con người. Nói hết. Anh đã nói với Nguyễn Bính. Một người sống nói với một người đã chết. Một người làm thơ hôm nay nói với một nhà thơ đã khuất. Nói mà sao nghe như khóc. Khóc mà sao nghe đầy bi phẫn:

...
*Câu lục bát vô gia cư*
*Tạm trú trong lời ru khép nép*
*Anh mang theo xuống đất cái thời*
*Đến nghĩ ngợi cũng phải cần xin phép.*
...
*Năm ấy trước đêm giao thừa trên ổ rơm*
*Anh gục xuống nhờ bạn bè vuốt mắt*
*Miệng còn chóp chép thèm cơm*
...
*Nhà thơ ạ*
*Không ai lừa được thời gian*
*Anh chưa vay đã vội trả*
*Sao chúng ta cứ phải đồng nghĩa với cơ hàn*
*Cơn gió đói khoác tàu chuối rách*
*Mà gió bấc kia ưa phách lối luận bàn.*
...
*Nguyễn Bính ơi*
*Với anh đêm nay sao trời*
*Có khi là những hạt cơm rơi.*

(Giao Thừa Nhớ Nguyễn Bính)

Những câu hỏi trong thơ của anh cứ lớn dần, như những thao thức về niềm đau đất nước. Anh không còn đối thọai với một người. Mà cả quá khứ. Anh không còn suy nghĩ về những khổ đau của riêng mình. Mà cả một đám

đông. Khi sang Mạc Tư Khoa cuối năm 1988, như một người được chế độ ưu đãi, những khắc khoải của anh về quê hương bỗng lớn mạnh hơn. Những người làm thơ hứa hẹn ở chế độ, hình như đều được ưu đãi cho đi thăm "cái nôi của cách mạng thế giới", như kẻ hành hương về Mecca của những người Hồi giáo. Trần Đăng Khoa cũng có làm thơ từ Mạc Tư Khoa. Khánh Chi cũng có làm thơ từ Mạc Tư Khoa. Nhưng khác với hai nhà thơ trẻ tuổi này, khi ở Mạc Tư Khoa, thơ của anh đã có những biên giới rõ ràng giữa sự thật và những tâng bốc hão huyền. Anh đã bước xuống, từ đỉnh cao của bên chiến thắng, để trở lại với những người dân cùng khổ, nhìn hết lại những mảnh đời tan nát của dân tộc. Những câu hỏi xuất hiện như những lằn ranh, đâu mới đúng là con đường tổ quốc.

...
*Từ đỉnh cao tập bước xuống đời thường*
*Đất nước tôi thuyền vỏ trấu vờn đỉnh sóng*
*Số phận neo người vào bóng Trường Sơn.*
...
*Chẳng lẽ không còn con đường nào yên lành hơn*
*Ngoài một lối đi vượt đá ngầm, dông bão?*
*Trời mắt ếch đáy giếng nào kiêu ngạo*
*Tổ quốc tôi nằm ở đâu*
*Trên mùa gặt địa cầu?*
*Người cày xới bằng xương sườn lấy máu mình gieo hạt*
*Nứt nẻ vết chân cò, chân vạc toạc đồng sâu.*
...
*Tổ quốc tôi đau mà không dám khóc*
*Hoa cau cười nhòe nhoẹt áo nàng Bân.*
...
*Thế giới này quá rộng*
*Nhưng nỗi nhớ thương chỉ một chỗ đi về.*
...
*Đêm ai hát tôi nghe qua nửa vòng trái đất*
*Đêm tro bếp quê hương mầm lửa mạ hoen mầu*
*Nghe gió bấc gọi mặt trời xa khuất*
*Tổ quốc, xin người đánh thức cả niềm đau.*

(Đêm Phương Bắc Nhớ Về Tổ Quốc)

Những cái chết không mộ táng ở Trường Sơn nào khác gì những cái chết vùi dập dưới lòng biển cả. Sau bao nhiêu năm, những tiếng kêu tổ quốc nghe vẫn thật. Vẫn chua xót. Ở nước ngoài, những người làm thơ, viết văn, những người hoạt động chính trị, những người thường dân vẫn hay kêu quê hương tổ quốc. Những tiếng kêu này được lập lại nhiều lần, cũng dễ hiểu, bởi vì nó

như một lời tự an ủi lương tâm cho những người bỏ nước ra đi. Hình như, phần lớn nó là điều tự biện hộ cho sự hiện diện của mình, do nơi hoàn cảnh bắt buộc mà phải tị nạn chính trị. Nên những tấm lòng yêu nước này cũng có khá nhiều những điểm tiêu cực, đôi lúc nó chỉ nằm quanh ở những khoảng cách xa xôi, thụ động. Và ai kêu cũng được. Tự do. Nhưng trong nước, nơi chế độ vẫn tự hào bách chiến bách thắng, quê hương anh hùng, đất nước tiền rừng bạc bể, mà những người con gắn bó với đất nước đó, vẫn phải kêu lên tiếng gọi tổ quốc một cách bi thương, thì chắc chắn là một chuyện không bình thường. Tháng 5–1989, chữ tổ quốc xuất hiện thêm một lần nữa, gọn lỏn: "*Tổ Quốc*", nhan đề một bài thơ của anh để "Kính tặng bà con người Việt ở nước ngoài". Bài thơ này, mượn tâm sự của công chúa Huyền Trân khi về làm vợ vua Chiêm Thành, là một nỗi niềm nhớ nước. Nhưng Huyền Trân khi ở vẫn là công chúa nhà Trần, khi đi thì sẽ thành hoàng hậu nước Chiêm. Ra đi làm dâu người thì cũng đem về hai châu Ô, Lý. Đi thì chắc phải bằng thuyền vàng tiền hô hậu ủng. Đến thì chắc cũng sẵn thảm hoa trải từ biên giới. Còn "bà con người Việt ở nước ngoài", đông đảo cả triệu người, nhưng chưa hề thấy ai may mắn như vậy. Những người ra đi lần này hầu như đều lén lút bằng thuyền nan, thuyền trấu, chen chúc ở trên những trại tị nạn, bị các nước láng giềng xem như "rác mình đổ nhà hàng xóm". Chỉ có những điểm cảm thông, là hoàn cảnh ra đi đều thụ động, bắt buộc, và mang một niềm nhớ thương tổ quốc. Ở đoạn chót của bài thơ này có câu:

*Rồi đây ta phải ru con*
*Bằng lời xứ lạ héo mòn đôi môi*
*Nước Việt ơi*
*Nước Việt như chiếc võng*
*Suốt canh dài ngồi thức hát ầu ơ.*

(Tổ Quốc)

Những người làm thơ trong nước trong giai đoạn 1986–89 kêu tên tổ quốc nhiều lắm. Nhưng nó không còn những hào khí dành độc lập như giai đoạn 1945–54. Nó không còn đầy những căm thù để vượt Trường Sơn giải phóng Miền Nam giai đoạn 1954–75. Nó không còn không khí "*Đẹp vô cùng tổ quốc ta ơi*" của Tố Hữu, hay những nồng nàn trong thơ Nguyễn Khoa Điềm "*Ôi những điều cần phải hát say mê. Là bài hát vô cùng tổ quốc*". Tiếng tổ quốc bây giờ khác hẳn. Tổ quốc trong giai đoạn này tắt nghẹn trong cổ họng. Nó trở thành một tiếng nấc, lúc nghe ủ rũ khi nghe não nề. Cũng có lúc, nó trở thành tiếng thét. Nguyễn Duy, trong một bài thơ từ Mạc Tư Khoa, "*Nhìn Từ Xa... Tổ Quốc*", đầy can đảm, đã gióng lên tiếng kêu thương, phẫn uất, nghe xa hơn nửa vòng thế giới, như là một tiếng kêu tổ quốc lớn nhất, mà chỉ có

quyển Những Thiên Đường Mù sánh nổi trong lãnh vực văn, và bây giờ, là quyển Ly Thân của Trần Mạnh Hảo.

Không rõ về tiểu sử của anh. Hình như anh sinh năm 1947. Hình như anh đã là đảng viên. Ở ngoài này, chúng tôi vẫn phải nói hình như về con người trong nước. Những điều mà chúng tôi muốn giới thiệu, là dựa vào những văn bản có được.

Trong một bài thơ đăng trong tạp chí Thanh Niên Xuân Canh Ngọ, tháng 1-1990, anh đã viết:

*Muốn về ngoài Huế cùng em quá*
*Đón Tết vườn ai lá vẫn đôi*

Ngay cả những chiếc lá ở mùa xuân vẫn có đôi. Cái màu xanh của lá làm chạnh lòng người. Anh ở lại, còn mối tình của anh thì về Huế. Sau khi xuất bản Ly Thân, chắc gan mật lớn như Khương Duy của thời Tam Quốc cũng phải sợ. Bài thơ của anh có bốn câu. Thơ tình. Nhan đề vỏn vẹn có một chữ "*Sợ*". Nhưng không có nỗi sợ chính trị, dù trách nhiệm của Ly Thân hẳn đang nằm trên vai, trên cổ, trên dạ dày của chính cá nhân tác giả. Những dòng chữ của thơ đã gạt chính trị ra ngoài, nó chỉ có nỗi sợ về tình yêu, sợ chia cắt. Là thi sĩ, ai không muốn làm thơ tình. Hãy trả lại thơ tình cho mặt đất và con người. Chỉ có ở văn học xã hội chủ nghĩa, những người như Hồ Chí Minh, Sóng Hồng (Trường Chinh), Lê Đức Thọ, Tố Hữu, mới không cần làm thơ tình, mà vẫn được ca tụng tùy theo cấp bậc chính trị. Thơ tình vẫn là cái đề tài vô tận của nghệ thuật. Không thể tưởng tượng trên thế gian này không có tình yêu. Chim chóc. Cây lá. Nắng mưa. Cái sợ của anh, bình thản làm sao, là những băn khoăn khác biệt giữa cuộc đời và thơ, giữa tình yêu và thi sĩ, giữa mùa xuân và mùa hạ:

*Sợ khi lòng đã sang mùa hạ*
*Mà tình mới chớm lối xuân thôi.*

Là những người Việt Nam phải bỏ nước ra đi vì không chấp nhận được sự gian khổ và độc đoán của chính quyền hiện tại. Nhưng sự ra đi của chúng ta vẫn chỉ là một thái độ tìm kiếm an toàn và lợi ích bản thân, một cách chung chung, vẫn mang đầy những mặc cảm "trốn cộng". Khó mà có một lý lẽ nào để tìm một chỗ đóng góp tích cực trong việc đấu tranh đổi thay và xây dựng đất nước. Trong suốt mười lăm năm qua, những "biểu ngữ chống cộng" cực đoan và những chữ "không" đã được giương cao ở cách một đại dương, thì giờ đây đã đến lúc, những khẩu hiệu phải tự thấy mệt mỏi và đánh giá lại sự hiện diện của mình. Đã đến lúc, chúng ta cần phải xét lại, để nhận định rõ vai trò và khả năng đóng góp của những người Việt Nam tại hải ngoại. Mặc dù, không thể phủ nhận được sự cần thiết và thành tâm của những khẩu hiệu

chống cộng này, nhưng nó chỉ có giá trị trong những hoàn cảnh và thời điểm nhất định. Đã đến lúc, chúng ta phải lắng nghe. Đã đến lúc, chúng ta không thể sống mãi trong những thân phận của con đà điểu, ngoảnh mặt đi chỗ khác, hoặc tự vùi đầu xuống cát, mòn mỏi trong những chờ đợi, và chờ đợi trong những kỳ vọng mơ hồ.

Thực tế là, những biến động tại các nước cộng sản từ Á qua Âu, từ Âu qua Trung Mỹ, đã cho chúng ta thấy, công việc chống cộng đòi hỏi những gắn bó tích cực do những người trong nước dẫn đầu và khởi xướng. Thực tế là, việc phản tỉnh và có đủ can đảm gióng lên những tiếng kêu đấu tranh cho tự do dân chủ, sẽ do những thành phần trí thức và văn nghệ sĩ chủ xướng. Nếu những cao trào này tiếp tục lan rộng, phổ biến, được đánh giá và hỗ trợ một cách đúng mức, thì chắc chắn, sẽ dẫn đến những tổ chức lớn mạnh, có tính cách quần chúng hóa, để có thể đương đầu, và đứng ở một vị thế thay đổi được chính quyền cộng sản, giảm bớt máu xương cũng như tạo sự ổn định cần thiết để phát triển đất nước sau này.

Cũng bởi thế, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu một số những tác phẩm của Trần Mạnh Hảo, bằng những phương tiện và sự hiểu biết giới hạn, là một bài thơ tình và một đoạn trích trong truyện dài Ly Thân. Nó là một đoạn đường dài, nhiều biến động đau khổ, mặc cảm tội lỗi, tài hoa xen lẫn với can đảm. Cùng với những trí thức và văn nghệ sĩ khác, anh đã góp phần không nhỏ vào nền văn học phản kháng ở trong nước, nổi bật từ 1986 đến 1989. Nó khác với nền văn học phản kháng chui ở chỗ công khai phổ biến. Nó cũng khác với nền văn học phản kháng truyền khẩu ở chỗ có những người ký tên trách nhiệm. Nền văn học này, hầu hết từ những người trong chế độ, phản tỉnh, xuất hiện vững vàng với những can đảm không ngờ. Nó tách biệt ra khỏi chế độ, hay nói một cách khác, qua những tác phẩm này, những người tạo dựng ra nó, sau một cuộc hôn phối bẩm sinh, trải qua những chặng đường tạm bợ, đã tự chọn cho mình một chỗ đứng đối lập, có tính trung thực và nhân bản.

Với Trần Mạnh Hảo, nó là một tờ giấy Ly Thân, dứt khoát với quá khứ.

# ly thân (chương cuối)



*Trần Mạnh Hảo*

...

*V.*

Chỉ còn ít ngày nữa, chúng tôi đã phải tạm biệt rừng chiến khu về xuôi, tiếp quản thành phố theo hiệp định Giơ-ne-vơ. Chúng tôi không còn phải đối phó với bom pháo nữa, vì hòa bình đã được lập lại. Tờ báo "Chiến Thắng" của chúng tôi vẫn ở lán trại trong rừng. Chúng tôi đã phát được khoảng sân rộng, thoáng đáng ánh mặt trời để làm sân sinh hoạt, thể thao văn nghệ hay họp mít tinh, sáng sáng điểm danh chào cờ.

Đang tuần trăng sáng, sắp tới rằm Trung Thu năm Ngọ 1954. Do đó, ngay từ thượng tuần, anh em đơn vị chúng tôi, sau khi học tập kiểm điểm xong, thường tập trung vài ba người từng nhóm uống trà, đàn hát hoặc ngắm trăng.

Một lần, tối mười ba âm lịch, ăn cơm chiều xong, Tràng Giang bảo tôi:

– Trăng đẹp thế này mà sinh hoạt xong, có nhiều anh em chuồn vào giường ngủ mất. Có lẽ anh em đó buồn gì chăng, chứ hòa bình thắng lợi rồi, đến trăng sao còn phấn khởi, đua nhau tỏa sáng. Mai ta về thành phố điện sáng, lấy trăng đâu mà ngắm chứ.

Tôi ngây thơ hỏi nhà chính trị tài ba:

– Sao dưới phố không có trăng hở anh?

– Ôi, điện nó lấp hết trăng rồi còn đâu mà ngắm. Với lại, cuộc sống hòa bình với bao nhiêu nhu cầu đòi hỏi, con người ta còn thời gian đâu để nghĩ đến trăng với sao.

Nhân có thủ phó cơ quan đứng gần đó, Tràng Giang mời lại nói luôn:

– Các đồng chí ạ, con người ta vốn dĩ hay quên lắm, khi sướng là quên ngay khổ, khi vinh hiển không nhớ thuở cơ hàn,lúc no đủ đâu nhớ ngày đói

khát. Nếu không làm tốt công tác chính trị, chỉ cần bước chân ra khỏi cửa rừng là anh em ta quên bẵng mất chiến khu, quên kháng chiến. Tôi và anh Sao Chổi đã bàn với cấp ủy, từ tối mai ta tổ chức cho anh em ngắm trăng tập thể. Chớ để vầng trăng đẹp đẽ như thế này hoá thành cá thể, thành tư hữu mất.

Tối mười bốn âm lịch, anh em họp thảo luận chính trị rồi kiểm thảo thường nhật xong, đang tính về lán ngủ thì nghe tiếng kẻng dài tập họp. Tờ báo lúc đó phát triển khá, biên chế hơn ba chục con người. Tất cả ùa ra tập họp dưới ánh trăng, trên sân vận động của cơ quan, xếp làm bốn hàng ngay ngắn, riêng Tràng Giang và Sao Chổi là hai người phụ trách tờ báo không phải xếp hàng, mà đứng ngoài điều khiển.

Tràng Giang cho anh em ngồi xuống, đoạn nói:

– Thưa các đồng chí, chỉ còn vài ngày nữa là chúng ta phải bùi ngùi tạm biệt chiến khu để về tiếp quản thành phố ở vùng xuôi. Chia tay với rừng, chân chúng ta đi mà lòng ở lại. Về xuôi, chúng ta gởi lại đây bao nhiêu hương hồn đồng chí đồng bào đã lấy máu xương mình làm nên chiến thắng. Tôi nghĩ rằng, những hồn tử sĩ ấy đã hóa thành ánh trăng tuyệt vời chói sáng trên đầu chúng ta kia, soi cho ta nhìn rõ tâm hồn mình, để mỗi cảm nghĩ, mỗi việc làm của chúng ta đều thấm đẫm hơi thở của tinh thần giai cấp. Để khi về xuôi rồi, chúng ta còn mãi giữ lại một ấn tượng sâu đậm cuối cùng của chiến khu Việt Bắc, không phút giây xao nhãng quên đi tám năm kháng chiến trường kì gian khổ, chi ủy và ban biên tập tờ báo quyết định mời các đồng chí ra sân cùng xếp hàng ngắm trăng tập thể trong ba tối kể từ tối nay. Thời gian ngắm là một tiếng rưỡi đồng hồ. Đến ngày mười bảy âm lịch, nếu không có gì thay đổi, chúng ta sẽ chuyển căn cứ về vùng phụ cận Việt Trì. Mấy tối nay, ban lãnh đạo thấy các đồng chí cũng có ra sân ngắm trăng, nhưng chia thành từng tốp, thậm chí có người ngồi ngắm trăng một mình có vẻ cô độc và tiểu tư sản qúa. Chỉ có giai cấp bóc lột, bọn thực dân phong kiến mới thu mình vào vỏ ốc cá nhân ngay cả khi vui chơi, khi xem hoa nở khi chờ trăng lên. Còn chúng ta là những người theo chủ nghiã xã hội. Mà chủ nghĩa tập thể của chúng ta thì không có vầng trăng tư hữu. Với chúng ta, dù trăng sao hoa lá cũng phải có tổ chức, có kỉ luật. Cho nên dù là chuyện vui chơi, nghỉ ngơi, giải trí của chúng ta cũng cần phải có lãnh đạo. Thôi bây giờ tôi xin nhường lời cho đồng chí chính trị viên tuyệt vời của chúng ta đêm nay là vầng trăng nói chuyện với các đồng chí. Các đồng chí hãy cố gắng mang theo vầng trăng tập thể này làm hành trang đi suốt đời mình. Nào xin mời các đồng chí ngồi xuống, im lặng, chúng ta cùng ngắm trăng. Giờ ngắm trăng bắt đầu, ngắm.

Tất cả hơn ba mươi con người ngồi bó gối, xếp theo hàng, im lặng cùng

hướng mặt lên vầng trăng đêm mười bốn đang tỏa sáng xuống núi rừng Việt bắc.

Bài nói của Tràng Giang đã chấm dứt nhưng vẫn còn âm vang trong lòng tôi. Tôi thầm phục anh và ban lãnh đạo tờ báo đã nghĩ ra một công tác chính trị tuyệt vời như thế này. Biến cả ông trăng thành đồng chí chính trị viên. Tôi ngồi ở cuối hàng, mặc dù phải chú ý tới nhiệm vụ chính là ngắm trăng, nhưng cũng vẫn liếc mắt nhìn thấy hết những người khác. Tất cả mấy chục con người đều ngồi một dáng ngoẹo đầu, hất mặt lên mặt trăng y hệt như Tràng Giang đang ngồi như tượng đá, bên trên hàng quân làm mẫu mực cho việc ngắm trăng. Tôi trộm nghĩ một cách lếu láo, nếu có muỗi hay ruồi vàng đốt đau nhói đi chăng nữa, chắc chắn Tràng Giang vẫn quyết cắn chặt môi, nghiến răng chịu đựng không thèm gãi hay xua đuổi, vì anh đã bị ông trăng thôi miên rồi.

Đêm rừng yên lặng một cách hoang dã. Tôi nghe có tiếng sương rơi từ phía những tàu lá góc sân. Vầng trăng mười tư còn hơi meo méo, gác trên phía dòng trời, đối diện với bốn hàng người trên sân cỏ. Dưới ánh trăng mờ ảo, những con người trước mặt tôi như vừa bị hóa thạch, như từ thời tiền sử trôi dạt về đây. Ai biết từng người trong bọn họ nghĩ gì, mắt ngắm mà lòng chưa chắc đã có trăng. Nhưng mỗi con người chúng tôi chỉ là một hạt bụi trong cái thế giới mênh mông có lãnh đạo, có tổ chức này. Ngay cả vầng trăng kia cũng không thoát được số phận bị lãnh đạo ấy. Tôi cũng có mặt trăng riêng của mình. Mặt trăng ấy chính là gương mặt Oanh. May mắn thay cho mỗi cá nhân chúng ta, vì chúng ta còn biết tư tưởng. Cái cõi ấy cũng vô tận như bầu trời đầy trăng này. Đã bao đời nay, bao nhiêu vĩ nhân, bao nhiêu bậc thánh thần hoặc lãnh tụ đã có tham vọng chinh phục cái cõi không thể chinh phục được là tư duy con người. Nhưng tất cả những vị siêu nhân kia dường như đã bất lực, dù có dùng sức mạnh tàn khốc để đe dọa, để làm con người sợ hãi cũng không sao xiềng xích được tư tưởng con người vào gót chân mình. Sự hoạt động của đại não mà người ta tạm gọi là tư tưởng chính là nguồn cội của tự do. Tôi mặc kệ vầng trăng tập thể và sự thiêng liêng của Tràng Giang. Oanh đang hiện ra trước mặt tôi với tất cả vẻ u buồn của nàng, vì tình yêu kia đã bị cuộc kiểm thảo chân thành một cách lếu láo của tôi vừa qua bôi nhọ. Và trước mặt tôi, ánh trăng mờ dần đi để cuối cùng trên bầu trời còn lại một mặt trăng đen.

Đêm hôm sau, từ tám giờ tối, tiếng kẻng báo hiệu ngắm trăng vang lên giòn giã. Chúng tôi lại xếp hàng ngắm trăng tập thể. Trăng trung thu sáng rỡ như một đám cháy lớn góc rừng. Anh em trong đơn vị ngồi như những mô đất, hệt tối hôm qua, nhưng sao vẫn không thật, như là mình mắc bệnh mộng

du. Trước khi vào ngắm trăng, Tràng Giang phê bình một số người hôm qua ngủ gật:

– Tối hôm qua, khi cả tập thể đang say sưa ngắm trăng một cách thiêng liêng thì một vài đồng chí lại ngồi bó gối ngủ gật. Đến nỗi tôi ngồi đằng trước mà vẫn nghe tiếng ngáy khò khò như Trương Phi ấy. Những đồng chí nào ngủ gật khi ngắm trăng tối qua yêu cầu ngày mai tự giác làm bản kiểm điểm. Tôi xin thay mặt ban lãnh đạo tờ báo biểu dương tinh thần ngắm trăng của đồng chí Hùng Thắng, mặc dù bị sốt đến liệt giường, vẫn đòi ra sân bằng được để cùng toàn đơn vị ngắm trăng. Đến nỗi, như các đồng chí thấy, đồng chí Hùng Thắng phải ngồi dựa lưng vào đồng chí chúng ta, để ngắm bằng được trăng rằm đêm nay. Tôi xin các đồng chí vỗ tay tán thưởng tinh thần của đồng chí Thắng. Nào, tất cả chúng ta cùng ngắm trăng, ngắm.

Không khí lại rơi vào chết lặng. Tôi chìm vào tiếng lá rừng trở giấc xạc xào. Gió than vãn gì trong cây không rõ, làm ánh trăng sáng đến rợn người. Tôi cảm thấy bị lóa mắt, khẽ cúi xuống, nhưng lại sợ tình nghi là phần tử ngủ gật, bèn vội ngẩng đầu lên. Mặt trăng dù đang có cả một tập thể đông đúc lặng ngắm, nhưng sao vẫn đơn độc, như một trái tim bị tình phụ giữa trời.

Sáng nay, tôi vừa nhận được thư Oanh. Nàng thông báo bằng một giọng buồn đau chua chát, rằng đã nghe người đơn vị tôi nói tôi vừa bị kỉ luật ghi lý lịch vì tội hủ hóa. Oanh nói cô đau khổ và nhục nhã lắm, nếu đó là sự thực. Nàng nói đang xác minh sự việc, nếu chuyện này không phải chỉ là tin đồn, thì chúng ta phải chia tay nhau thôi. Tôi hoang mang quá, lơ mơ mất người yêu như chơi. Tôi quyết định sáng mai sẽ viết thư kể hết nguồn cơn cho Oanh. Rằng lòng chân thành qúa đỗi đã dẫn tôi đến sự thể bi hài. Ôi, cuộc sống, lẽ nào người lại đẩy tôi vào hoàn cảnh trớ trêu này? Tôi còn lòng dạ nào mà ngắm chủ nghĩa trăng với sao.

Hùng Thắng ngồi dựa vào hai người, ngắm trăng cùng anh em, nhưng lên cơn sốt cao quá, ngã vật ra đành phải khiêng vào nhà. Sau sự cố này, không khí lại trở về im lặng. Trong không khí ngắm trăng tập thể nghiêm trang tới mức tôn giáo, thì không hiểu kẻ phá hoại, tên phá bĩnh nào ẩn núp như sâu bọ trong hàng ngũ, kẻ liên minh với giai cấp bóc lột, bỗng bất ngờ phóng ra một cái trung tiện kêu ngang pháo tép. Như một cơn thọc lét tập thể, ngay sau tiếng rắm mất lịch sự đầy chất đế quốc phong kiến kia, mọi người bỗng phá ra cười sằng sặc. Tiếng cười nổi lên như trận bão, làm mọi người ôm bụng nghiêng ngả như vừa bị đốn sóng xoài. Hình như mặt trăng cũng cười lên hềnh hệch, cười đến méo cả miệng chị Hằng, méo cả miệng thằng Cuội. Tôi cười đến chảy nước mắt nước rãi. Như một cơn hoang tưởng tập thể, nhờ sự giận dữ gào thét lập lại trật tự của Tràng Giang và Sao Chổi, đến gần hai phút tiếng cười bản năng vô ý thức mới dứt. Cuộc ngắm trăng đang cơm lành

canh ngọt, sắp tới lúc kết thúc, liền bị giải tán, tìm cho ra tên phản động đã phát tiếng rắm phá hoại vừa rồi. Suốt cả tiếng đồng hồ sau, không ai nhận là tác giả của tiếng bom láo lếu phạm thượng ấy. Cuối cùng, Tràng Giang phải cho giải tán, kêu gọi lương tâm và trách nhiệm, có khui ra kẻ phá thối kia. Suốt ngày hôm sau, chúng tôi phải làm bản kiểm điểm vì tiếng cười vô ý thức, vô tổ chức kỉ luật bùng ra tập thể trong một không khí cực kì trang nghiêm. Dầu có làm gì đi nữa, cuối cùng ban lãnh đạo tờ báo cũng không tìm ra tên đế quốc ném bom đêm rằm ấy. Ban lãnh đạo quyết định đêm mười sáu âm lịch, anh em chúng tôi phải ngắm trăng đền hôm trước, thay vì ngồi dưới sương tiếng rưỡi đồng hồ, chúng tôi được vinh dự ngắm trăng tới ba tiếng. Nhưng oái oăn thay, đếnbảy giờ tối thì trời lại giáng xuống một cơn mưa dài và dai dẳng đến quá nửa đêm, thành ra chúng tôi được thoát nạn ngắm trăng. Tràng Giang buồn và căm lão trời lắm. Khong biết trong giấc mơ đêm, anh ta có leo lên trời bắt Ngọc Hoàng Thượng Đế làm bản kiểm thảo hay không?

(trích trong truyện dài Ly Thân, trang 88 đến 95,
do nhà xuất bản Đồng Nai, ấn hành tháng 9–1989)

# nhớ nguyễn bính



*Trần Mạnh Hảo*

*Trái tim không giấy chứng minh thư*
*Đầu anh bờm xờm cỏ hắc ín*
*Câu lục bát vô gia cư*
*Tạm trú trong lời ru khép nép*
*Anh mang theo xuống đất cái thời*
*Đến nghĩ ngợi cũng phải cần xin phép.*

*Hoa cau như gạo rơi*
*Lừa bao anh gà dò đến nhặt*
*Văn chương nào đùa dai*
*Có Nguyễn Bính đi qua làng chân đất*
*Câu thơ anh đền mọi thứ dông dài*
*Khi cuộc đời bị nhiệt*
*Có thơ anh làm rau má nhọ nồi.*

*Lỡ Bước Sang Ngang*
*Tình yêu quá giang trang giấy*
*Chiếc thuyền con – thơ tuyển tập anh đâu hay*
*Trên chiếc thuyền này*
*Đỗ Phủ từng chết đói*
*Đám mây màu cháo trắng còn bay?*

*Năm ấy trước đêm giao thừa trên ổ rơm*
*Anh gục xuống nhờ bạn bè vuốt mắt*
*Miệng còn chóp chép thèm cơm*
*Anh chết rồi còn bạc tóc*
*Ôi giấc mơ bị thương*
*Hết Hành Phương Nam, lại phải hành phương Bắc*
*Thời thế vô tâm như kẻ qua đường.*

*Người ta đã chôn anh cùng với ba ngày tết*
*Tháng giêng không còn anh ngồi lặng đếm mưa phùn*
*Ly rượu trắng để tàn nhang uống hết*
*Chiếc điếu cày gió bấc rít thâu đêm.*

*Nhà thơ ạ*
*Không ai lừa được thời gian*
*Anh chưa vay đã vội trả*
*Sao chúng ta cứ phải đồng nghĩa với cơ hàn*
*Cơn gió đói khoác lên tàu chuối rách*
*Mà gió bấc kia ưa phách lối luận bàn.*

*Nguyễn Bính ơi*
*Với anh đêm nay sao trời*
*Có khi là những hạt cơm rơi.*

# đêm phương bắc nhớ về tổ quốc



*Trần Mạnh Hảo*

*Mộ màu trắng rợn người dân tộc tôi chưa biết*
*Đang đối chọi gắt gao với màu than đêm*
*Nỗi nhớ tôi xin nhập vào bão tuyết*
*Bay qua nước Nga, vượt Trung Hoa gió bấc*
*Mưa phùn đêm nay có thổi rát mặt Người*
*Tổ quốc ơi.*

*Nửa nước tôi giờ này cuốn trong rơm rạ*
*Biển dạ dày còn sóng Thái Bình Dương*
*Tiếng mọt nghiến đêm kèo nhà đói võng*
*Từ đỉnh cao tập bước xuống đời thường*
*Đất nước tôi thuyền vỏ trấu vờn đỉnh sóng*
*Số phận neo người vào bóng Trường Sơn.*

*Chẳng lẽ không còn con đường nào yên lành hơn*
*Ngoài một lối vượt đá ngầm, dông bão?*
*Trời mắt ếch đáy giếng nào kiêu ngạo*
*Tổ quốc tôi nằm ở đâu*
*Trên mùa gặt địa cầu?*
*Người cày xới bằng xương sườn lấy máu mình gieo hạt*
*Nứt nẻ vết chân cò, chân vạc toạc đồng sâu.*

*Loa Thành ơi, ai lường gạt Mỵ Châu?*
*Dấu lông ngỗng tình xưa còn trắng tóc*
*Tổ quốc tôi đau mà không dám khóc*
*Hoa cau cười nhòe nhoẹt áo nàng Bân.*

*Đâu nỗi nhớ nhà đứt ruột Huyền Trân*
*Đâu Tổ quốc của nàng Kiều Kim Trọng?*
*Thế giới này quá rộng*
*Nhưng nỗi nhớ thương chỉ một chỗ đi về*
*Chỉ nơi mẹ mò cua bùn lạnh cóng*
*Lửa dói lòng dìm bóng mẹ vào đêm*
*Chỉ một chỗ em qua đò vịn sóng*
*Trăng xòa tay dừa ngóng móng chân thềm.*

*Đêm ai hát tôi nghe qua nửa vòng trái đất*
*Đêm tro bếp quê hương mầm lửa mạ hoen màu*
*Nghe gió bấc gọi mặt trời xa khuất*
*Tổ quốc, xin Người đánh thức cả niềm đau.*
Mátxcơva, tháng 12-1988.

# vĩnh biệt tiếng hót



***Trần Mạnh Hảo***

*Vĩnh biệt tiếng hót đồng nội*
*Giọt sương trên cỏ lung linh*
*Lại ngỡ đôi mắt mình*
*Giấc ngủ đêm qua làm rơi*
*Lấy mỏ nhặt lên không được*
*Tôi hót vang đồng*
*Vĩnh biệt những rạng đông*
*Những hoàng hôn nhảy nhót*
*Tôi vừa bay vừa hót*
*Mùi hoa cau tháng ba*
*Làm giọng tôi say khướt*
*Vĩnh biệt, xin vĩnh biệt*
*Tiếng hót đầy phù sa, đầy giấm, đầy đường đầy nắng mưa*
*Những lần gọi bạn tình ríu rít*
*Đầu lưỡi tôi như bị bỏ bùa*
*Tiếng hót như giọt sương kia không thể nhặt*
*Chỉ có trời thu được để xanh trưa*
*Vĩnh biệt*
*Còn hơn cả sự chết*
*Khi kéo người cắt lưỡi tôi*
*Một nỗi đau khôn xiết*
*Sao tôi lại phải khóc cười?*
*Ôi tiếng hót tuyệt vời người không hiểu*
*Và tiếng người tôi nào hiểu người ơi*
*Tôi có còn là con sáo*
*Khi phải học tiếng người?*
*Bạn ơi,*
*Cái con người không bị cắt lưỡi*
*Chính là thầy dạy tôi.*

Thành Phố Hồ Chí Minh 10–11–1983




**Nguyễn Huy Thiệp**

Sinh năm 1950

*Chúng ta sống vô nghĩa, nghèo khó và đau khổ trong những lý thuyết chắp vá đầy ngụy biện, những mối bất hòa kỳ thị dân tộc và đẳng cấp, những kinh nghiệm sống của chúng ta mong manh và vụn vặt xiết bao.*
*Đến bao giờ, hỏi đến bao giờ, trên mặt đất này xuất hiện tiến bộ!?*

# hiện tượng nguyễn huy thiệp



*Phan Tấn Hải*

Tùy theo quan điểm nhìn, chúng ta có thể gọi nhiều tên khác nhau cho cuộc vận động hiện nay của một số người làm văn học trong nước, dẫn đầu với các nhà văn Hoàng Ngọc Hiến, Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài, vân vân. Các tạp chí đi đầu trong phong trào này là Văn Nghệ và Sông Hương.

Họ tự gọi họ là *đổi mới* và kêu gọi tự do sáng tác, như trong báo cáo của Ban Chấp Hành Hội Văn Nghệ Bình Trị Thiên tại Đại Hội lần thứ 3, do nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường trình bày. Chính quyền cũng gọi đó là *đổi mới*, dù vẫn nghiêm khắc cảnh giác là họ đã đi hơi xa, tới chỗ "*khuyết điểm và lệch lạc, trong đó có những lệch lạc nghiêm trọng*", nguyên văn trong nghị quyết về tuần báo Văn Nghệ do Ban Chấp Hành Hội Nhà Văn Việt Nam đúc kết trong Đại Hội Hội Nhà Văn Việt Nam lần thứ IV, từ ngày 5 đến 9-9-1988 tại Hà Nội.

Nếu nối kết vận động này như một tiếp nối với cuộc vận động của Nhân Văn Giai Phẩm thì có thể gọi đây là những *tiếng nói phản kháng* chế độ bởi vì, ở đây, bản chất của chế độ đã bị chạm tới, bị đặt vấn đề. Có thể tìm một thí dụ để chứng minh điểm này là: trong cuộc phỏng vấn hai nhà văn của Nhân Văn Giai Phẩm là Trần Dần và Phùng Quán do một số nhà văn đổi mới Bình Trị Thiên thực hiện tại nhà riêng Ngô Minh, khi được Ngô Minh phê bình là, "*Vượt Côn Đảo*" của Phùng Quán văn cách rất vỡ lòng trong khi một nhà văn thế hệ trẻ là Nguyễn Quang Lập "*văn cách lớn hơn nhiều*", Phùng Quán trả lời: "*Nếu Lập nó chỉ viết bằng tôi thì tôi phải đập cho nó vỡ mặt.*" (chữ "văn cách" cộng sản quá, hơi khó hiểu, nếu không mang nghĩa "văn phong" thì có thể là nghĩa "tính nghệ thuật của văn"). Hình như là, nếu

không hiểu được như là tiếp nối, thì cũng đã có sự thân mật, cảm thông, lân mẫn giữa các nhà văn Nhân Văn Giai Phẩm thời xưa và đổi mới thời nay. Vấn đề là, bản chất của chế độ đã bị đặt câu hỏi tới đâu và như thế nào?

Dù hiểu như thế nào đi nữa, thì đây cũng là một vận động của những người làm văn học không chấp nhận được tình trạng hiện tại. Xuất hiện trong phong trào này, nhà văn Nguyễn Huy Thiệp với gần 20 truyện ngắn đã được xét như một hiện tượng kỳ dị, xuất chúng. Anh là người nhận nhiều phê phán nhất từ giới lãnh đạo văn nghệ và chính trị. Riêng trong lãnh vực phê bình, lượng giấy mực để phân tích và đánh giá truyện của anh đã tốn nhiều hơn tổng số lượng dành cho các nhà văn đương thời. Mục đích bài này, chúng ta sẽ tìm hiểu hiện tượng Nguyễn Huy Thiệp, và vì số trang dự trù có hạn, sẽ tập trung phân tích tính vấn đề trong truyện của anh. Điều giới hạn này sẽ hơi "bất công" với anh và "không xứng đáng" với truyện của anh, tuy nhiên vì tính vấn đề là phương diện nổi bật của truyện anh và độc giả có thể tìm hiểu các phương diện nghệ thuật khác qua các truyện anh được trích đăng ở phần phụ lục.



Cuộc đời của Nguyễn Huy Thiệp khá trầm lặng, hơi công chức một tí. Trong những tài liệu ít ỏi tìm được, chúng ta biết được phần nào như sau. Anh sinh năm 1950 tại miềm Bắc, tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Hà Nội về Sử học. Đối chiếu tuổi anh với các biến động lịch sử thì có lẽ anh ra trường một, hai năm trước 30-4-1975, ngày Việt Cộng toàn thắng tại Việt-Nam. Được bổ nhiệm dạy Sử cấp Trung học liên tục 10 năm tại vùng Tây Bắc, vùng nhiều sắc dân thiểu số. Điều này còn ghi dấu trong văn của anh với cách nói cay đắng về các sinh viên mới ra trường không có tiền và thế lực phải đi Tây Bắc (truyện "*không có vua*") và những lời nồng nàn yêu thương về các sắc dân thiểu số miền núi (loạt truyện "*Những Ngọn Gió Hua Tát*"). Sau đó, được đưa về công tác tại Trung Tâm Học Liệu Hà Nội. Sau khi phong trào đổi mới văn học khởi phát với các tác phẩm đầu tiên, *Thời Xa Vắng* năm 1986 của Lê Lựu và *Bên Kia Bờ Ảo Vọng* năm 1987 của Dương Thu Hương, các truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp bắt đầu xuất hiện trên tờ Văn Nghệ nơi tập trung nhiều nhà văn đổi mới, Trong một khoảng thời gian ngắn, hơn 2 năm, 1987-1989, ông viết khoảng 20 truyện ngắn. Tập truyện được in là *Tướng Về Hưu* do nhà xuất bản Trẻ, 1988. Sau đó, vài truyện trong tập trên cùng các tác phẩm mới hơn, được in lại trong một tập khác kèm các bài phê bình khen ngợi và chống đối từ nhiều nhà lý luận và phê bình văn học. Trong lịch sử Văn học Việt Nam ở cả hai miền, đây là cuốn sách đầu tiên vừa văn tuyển vừa phê bình xuất hiện, văn tuyển riêng của một tác giả và phê bình vừa khen ngợi vừa chống đối từ nhiều nhà lý luận về tác giả đó.

Sau khi phong trào đổi mới bị đàn áp bởi các biện pháp hành chánh, cách chức một loạt các Tổng Biên Tập như Nguyên Ngọc của Văn Nghệ, Xuân Cang của báo Lao Động và giải tán Ban Văn Hoá Văn Nghệ Trung Ương, đóng cửa các báo Sông Hương, Lang Bian, vân vân, Nguyễn Huy Thiệp như đang viết chậm hơn. Trong bài phỏng vấn mới nhất, anh cho biết đã hoàn thành một vở kịch về Nguyễn Thái Học nhưng bị cấm phổ biến.

Cũng nên trích đăng những lời diễn tả về Nguyễn Huy Thiệp do nhà văn Văn Tâm viết trong bài *Đọc Nguyễn Huy Thiệp* trên báo Văn Nghệ số 48 ngày 26-11-1988 như sau:

*"... Kìa, nhà văn trẻ Nguyễn Huy Thiệp chưa đến tuổi bốn mươi mà đã "mặt phong trần nắng nám mùi dâu" đang gò lưng đạp xe trên đoạn đường ngoại ô lầm bụi, cái xe đạp "cai lục lộ" lọc xọc, bộ quần áo xoàng xĩnh, cái mũ nan rẻ tiền đội cũng được mà vứt đi cũng được... Anh đang đi đến một cơ quan sản xuất vật chất của Bộ Giáo Dục để làm những công việc không liên quan đến văn chương, cũng không liên quan đến chuyên môn Sử học của anh: cộng cộng trừ trừ, sắp sắp xếp xếp... Để rồi khi chiều xuống đêm buông vắng lặng... anh lại miệt mài viết, tiếp tục mơ màng trò chuyện cùng ta: chuyện Tướng Về Hưu với lính tại chức, chuyện Chảy Đi Sông Ơi với dừng lại núi hỡi, chuyện Con Gái Thủy Thần cùng Cháu Trai Sơn Thánh... Nhà văn hai lần kỳ lạ ấy vừa vắt óc ý thức, vừa buông lơi ngòi bút sáng tạo như con chim làm tổ, con ong hút mật..."*.



Viết, hiểu trong nghĩa đơn giản, là tiến trình đưa tư tưởng và tình cảm xuống giấy mực, để trở thành những mệnh đề phán đoán, diễn tả hoặc truyền thông. Một quả táo rơi, một triệu quả táo rơi, quả cam rơi, tôi vui, anh buồn ... là những mệnh đề phán đoán. Tính vấn đề của văn là một chuỗi những tính tư tưởng được sắp xếp trong một bố cục, một trật tự hữu cơ hoặc không hữu cơ, được xuyên suốt để nêu lên một hoặc vài câu hỏi có tính thâm sâu hơn, căn để hơn, uyên nguyên hơn. Thí dụ như câu hỏi của Newton tại sao quả táo rơi, tại sao một triệu quả táo rơi, là nêu lên tính vấn đề vì có ý muốn đi tìm về căn nguồn có tính bản chất và quy luật. Trả lời được hay không, đúng hay sai lại là chuyện khác. Trực giác, nhạy cảm của nhà văn về thế giới và con người càng mãnh liệt thì tính vấn đề càng thâm sâu, khó "nắm bắt". Trường hợp này thì nhà văn nên từ bi một tí, cần phải cho những dòng hoặc chi tiết gợi ý (thematic lines) dù điều này không cần thiết cho truyện. Văn của Nguyễn Huy Thiệp cực kỳ sắc bén và thâm sâu đã gây nên những phê phán khác nhau từ nhiều nhà lý luận văn học. Và dường như văn anh đã vượt hẳn ra ngoài vòng đổi mới, ngoài những hạn chế của lịch sử và thời gian dù là bối cảnh truyện vẫn phải ở trong một không gian sử tính nào đó, để nêu lên những xao xuyến có tính vĩnh cửu về thế giới và con người.

*trên quê hương*

Nhà phê bình Hoàng Ngọc Hiến, người được bổ nhiệm làm Hiệu Trưởng Trường Viết Văn Nguyễn Du, sau khi tốt nghiệp đại học tại Liên Sô, đã ân cần phê bình anh trong bài *Tôi Không Chúc Bạn Thuận Buồm Xuôi Gio* (1987), gọi anh là *"nhà văn của những con người bị sỉ nhục"*. Nhận định theo Hoàng Ngọc Hiến thì, Nguyễn Huy Thiệp không bị vướng cách nhìn *"Sử thi"* ("Sử thi" ám chỉ cái gì của Cộng Sản cũng tốt từ người đến việc, và cái gì ngược với Cộng Sản đều xấu), nhân vật Nguyễn Huy Thiệp hầu hết là lao động, ngu dân, công nhân, giáo viên, là cán bộ... Không phải là "địch", không liên hệ gì với "địch", nhưng đều nhếch nhác, đốn mạt. *"Nói những đốn mạt, hèn kém của con người, câu văn của Nguyễn Huy Thiệp thường man mác cảm giác tê tái. Đằng sau cảm giác này là nỗi đau nhân tính. Một nỗi đau âm thầm, lặng lẽ nhưng sâu sắc. Đau thương là quyền lớn nhất của nhà văn để viết về những sự việc tiêu cực.* Văn anh Nguyễn Huy Thiệp *"vừa tàn nhẫn, vừa xót xa"*. Cảm hứng chủ đạo của Nguyễn Huy Thiệp là *"nguyên tắc tính nữ hoặc thiên tính nữ"*. Nguyễn Huy Thiệp giải thích, thiên tính nữ là *"tinh thần của cái đẹp... là thiên tính làm mẹ, tình cảm hồn nhiên muốn che chở, đùm bọc, cứu giúp... còn là tinh thần vị tha và đức tính hy sinh... cũng phong phú và bao la như tâm hồn phụ nữ... ở nhân vật Xuân Hương, thiên tính nữ là hiện thân của những gì quá cao quá lớn, tác giả không sao diễn đạt được bèn gọi là CON NGƯỜI... Đọc Nguyễn Huy Thiệp thì tin rằng thiên tính nữ sẽ cứu vãn thế giới..."*.

Sử gia Tạ Ngọc Liễn nặng nề kết án Nguyễn Huy Thiệp trong bài *Về Mối Quan Hệ Giữa Sử Và Văn* như sau "*... Nhất là ở phẩm Tiết, tác giả không chỉ làm biến dạng hình ảnh anh hùng dân tộc Quang Trung mà còn truyền bá những hình tượng ngôn ngữ phản mỹ cảm tới mức có người phải cấm con mình không được đọc truyện này...*", về chính bản thân Nguyễn Huy Thiệp thì là "*...phiến diện ... trình độ học vấn chưa đầy đủ ... cần kiểm tra lại vốn trí thức văn hoá, vốn hiểu biết lịch sử.*"

Thùy Sương chống lại Tạ Ngọc Liễn với bài *Về Một Cách Hiểu Truyện Ngắn "Vàng Lửa"* bênh vực Nguyễn Huy Thiệp như "*... là sự cảnh tỉnh cho cách nhìn một chiều về lịch sử ...*" và nồng nàn hơn như "*... Vàng Lửa là một sáng tạo độc đáo của Nguyễn Huy Thiệp ... mượn lịch sử đặt vấn đề có tầm khái quát lớn lao, mang tính "triết lý lịch sử"...* "

Đỗ Văn Khang viết bài *Sự Mơ Mộng Và Sự Nghiêm Khắc trong truyện ngắn "Phẩm Tiết"* đăng trên báo Văn Nghệ Quân Đội số 382 tháng 11-1988 buông lời "*... Nguyễn Huy Thiệp đã đạt tới mục đích cuối cùng là hạ bệ một thần tượng lịch sử dân tộc... Vô ơn về điểm này thì chỉ đi tới chủ nghĩa hư vô hay còn gọi là chủ nghĩa vô chính phủ về lịch sử...*"

Văn Tâm với bài *Đọc Nguyễn Huy Thiệp* phê một lời tuyệt diệu là "*... văn*

*anh nhàu nát đớn đau...*" và đề nghị đọc Nguyễn Huy Thiệp phải có khả năng *giải mã* (chữ *giải mã* dùng trong các ngành quân sự và tình báo có nghĩa là giải thích bằng ngôn ngữ hằng ngày những điều đã được mã hoá bằng ký hiệu). Ông chia văn Nguyễn Huy Thiệp vào 4 nét phong cách đặc thù: (1) Sắc độ hiện đại thẩm, (2) Cảm hứng huyền thoại mạnh, (3) Tính nhiều tầng đa nghĩa cao, và (4) Tính hệ thống mở có khẩu độ lớn. Văn Tâm ghi lại lời hứng khởi của nhà phê bình Vương Trí Nhàn đề nghị "... *trao tặng tác giả phần thưởng 'Cây bút vàng'* ..." và lời kết án của Nguyễn Thúy Ái "... *Nguyễn Huy Thiệp không lành mạnh, đã bắn súng lục vào quá khứ...*" (4)

Mai Ngữ trong bài *Cái Tâm và Cái Tài Của Người Viết* phê bình anh Nguyễn Huy Thiệp trong một quan hệ sử tính với xã hội đương thời. Sau khi lược sơ về hoàn cảnh xã hội "*suy thoái gần như toàn diện đã ở mức báo động.*" Mai Ngữ cho là "... *trong truyện Nguyễn Huy Thiệp, ta thấy có đủ cả tâm lý chán chường, sự chối bỏ không thương tiếc mọi quá khứ và tâm lý phá phách... ngòi bút anh như lưỡi dao gọt và cật nứa, bật lên những trang viết như cứa vào trái tim người đọc, cứa đến rớm máu và bật máu ra. Mỗi dòng mỗi chữ của nhà văn (NHT) đều lấp lánh, thực và hư, ảo và mộng, mơ ước và hiện thực...*" *Trong khi Hoàng Ngọc Hiến tìm thấy cảm hứng chủ đạo "thiên tính nữ" ở Nguyễn Huy Thiệp, thì Mai Ngữ tìm thấy "Ngòi bút của anh Thiệp đúng là của hiếm. Của hiếm của một tài năng đồng thời cũng là của hiếm của một bệnh lý, sự vội vã định hình, sự bộc lộ sâu sắc cái tâm lý chủ đạo là chối bỏ và phản kháng, lật đổ và hạ bệ mọi thần tượng*".

Vũ Phan Nguyên viết bài *Ba Lần Đọc "Phẩm Tiết" của Nguyễn Huy Thiệp* cho là, truyện Nguyên Huy Tthiệp chỉ là "*Văn Chương vụ án, ái tình cao cấp*" (2) và anh "*đã bắn đạn đại bác vào quá khứ*". Ta thấy mức độ kết án đã được nâng cấp, từ ngôn ngữ của Nguyễn Thúy Ái "*...Nguyễn Huy Thiệp đã bắn súng lục vào quá khứ...*" tới "*bắn đại bác*" như Vũ Phan Nguyên kết luận. (5)

Bài *Vàng Lửa của Nguyễn Huy Thiệp: "Triết Học Lịch Sử" hay "Văn Xuôi Nghệ Thuật"*, được ký tên chung Trương Hồng Quang và Nguyễn Mai Xuân, sau khi lý luận dài dòng về triết học lịch sử có trích dẫn từ Karl Marx, phân tích các cảm hứng triết học lịch sử ở Dostoiewski, Nguyễn Du, vân vân, hai người kết luận về văn Nguyễn Huy Thiệp "*hoàn toàn vượt lên cái mặc cảm về sự thanh khiết như là sức mạnh giải thoát của tâm thức. Nó là tiếng nói của một sự thức nhận đầy tính bi kịch và chỉ vang lên có một lần, và ngay cả ở lần duy nhất này, nó cũng không vang lên bằng ngôn từ trực tiếp của nhà văn. Đó là câu dân ca được dùng để mở đầu thiên truyện ngắn... Đành lòng vậy... cầm lòng vậy...*"

Ở trên, chúng ta vừa lượt qua một số lời phê bình văn Nguyễn Huy Thiệp từ nhiều nhà mỹ học, sử gia, triết gia và nhà văn được xét như ưu tú của chế

độ. Các bài phê bình của nhiều người khác đều đã được bỏ qua. Tóm lược có thể chia làm hai khuynh hướng lý luận chính:

(1) Khuynh hướng trân trọng văn anh, từ những người đổi mới xuất sắc nhất và sâu sắc nhất trong nhóm này là nhà mỹ học Hoàng Ngọc Hiến, tin rằng cảm hứng chủ đạo trong văn Nguyễn Huy Thiệp là nguyên tắc tính nữ hay thiên tính nữ.

(2) Khuynh hướng bảo thủ, có khi e dè ngờ vực, có khi kết án Nguyễn Huy Thiệp đã phá hoại niềm tin vào con người và các thần tượng lịch sử, đã bắn súng lục, bắn đại bác vào quá khứ. Mai Ngữ, phe e dè ngờ vực, tìm thấy tâm lý chủ đạo Nguyễn Huy Thiệp là chối bỏ và phản kháng, lật đổ và hạ bệ mọi thần tượng. Tạ Ngọc Liễn, phe kết án, cho là Nguyễn Huy Thiệp trình độ học vấn chưa đầy đủ...

Nhưng tất cả các phe đều công nhận là Nguyễn Huy Thiệp tài hoa, sắc bén, một hiện tượng khó giải thích. Nguyễn Huy Thiệp, anh là ai và muốn nói gì? Tự anh, không có bài lý luận nào giải thích về quan điểm viết của anh. Giữa trận bão phê bình sóng gió như vậy anh vẫn giữ câm lặng, hình như anh không thích chuyện phê bình lý luận lung tung, lâu lâu lại cho biết rằng anh vẫn đang viết, hoặc thở dài một chặp rồi tiết lộ là vở kịch nào đó vừa bị Đảng cấm phổ biến. Để hiểu được anh, hình như mọi chuyện không đơn giản.



Đọc văn Nguyễn Huy Thiệp, ngoài những cảm xúc thẩm mỹ, chúng ta có cảm giác như đang đọc những bàn cờ thế trong sách cổ Trung Hoa, cô đọng, xúc tích, nhưng khó hiểu, khó giải. Các bàn cờ thế thì biến hoá vô lường, nhưng cách giải hình như luôn luôn đòi người giải phải đánh đòn "*hy sinh*". Để cảm thông được với lối văn "*nhàu nát đớn đau*" của anh có lẽ chúng ta cũng nên từng "*nhàu nát đớn đau*". Nhưng đây là nỗi đau gì? Nhà mỹ học Hoàng Ngọc Hiến trả lời là nỗi đau nhân tính. Tới đây thì mọi người đều dừng lại, không nỡ hoặc không dám phân tích thêm, hình như đã bắt đầu chạm tới chính vết thương của họ hoặc đã bắt đầu chạm vào những cấm kỵ, nơi dễ tổn thương nhất của chế độ.

Văn anh viết cực kỳ tàn nhẫn, nhưng lấp lánh trên từng trang giấy là nỗi đau thương của anh. Nỗi đau xót này có tới hai mức độ, tùy theo truyện và tùy theo nơi. Mức độ thứ nhất là nỗi đau trước một xã hội hư vỡ, mọi người đều hiện rõ khuôn mặt *không người* tí nào. Mức độ thứ hai là nỗi đau trước một trực giác rằng sự hư vỡ ấy như có tính định mệnh của con người, như dường không cứu vãn nổi, *làm người nhục lắm*, câu này anh nhắc đi nhắc lại trong nhiều truyện. Nếu còn sót chút niềm tin ở đôi người nào thì họ lại là

những người nữ, yếu đuối, rồi cũng sẽ bị dòng thời gian và định mệnh vùi dập.

Ở mức độ thứ nhất, để làm nổi bật lên những nét đê tiện, xấu xa, hư vỡ của xã hội VN đương thời, Nguyễn Huy Thiệp viết thêm một loạt 10 truyện *Những Ngọn Gió Hua Tát* về một bản Thượng miền núi Tây Bắc để đối chiếu với xã hội miền xuôi Thiên Đường Cộng sản. Ở xã hội miền xuôi, đa số là bối cảnh Hà Nội và vùng phụ cận, người phải vật lộn với người mà sống, người phải ăn gian, nói dối, trộm cắp, ngoại tình... Ở bản Hua Tát, những hình ảnh xấu xa đó ít hơn, nhạt hơn, đa phần là người phải vật lộn với thiên nhiên mà sống, điều này làm cho con người gần nhau hơn, cảm thông nhau hơn. Ngay khi nhắc đến những hình ảnh xấu xa như về Nàng Bua tội nghiệp không chồng mà có tới chín con, giọng văn anh chậm lại, nhẹ hơn, thương cảm cho sự nhẹ dạ của nàng.

Sự hư vỡ của một xã hội ấy được điển hình trong truyện *Không Có Vua*. Nguyễn Huy Thiệp mô tả một gia đình họ Nguyễn Sĩ và đặt tên cho hầu hết các nhân vật bằng tên các quẻ Kinh Dịch, tượng trưng cho một thế giới hoặc xã hội. Người cha tên Kiền, có 5 con trai. Con đầu tên Cấn, thương binh về làm nghề hớt tóc. Vợ Cấn tên Sinh. Bốn con trai tiếp theo là, Đoài làm công chức Bộ Giáo Dục, Khiêm làm nghề mổ heo, Khảm đang học Đại Học, và Tốn khùng khùng điên điên. Khiêm mỗi ngày đều ăn trộm ít kí thịt heo về nhà, được tổng kết như một năm nửa tấn thịt, và trong đó là 260 bộ lòng heo mỗi năm. Trong nhà, ai cũng phải cấu xé nhau mà sống, trừ Sinh, người đàn bà tội nghiệp và Tốn, kẻ được thí dụ về sự đê tiện xấu xa của con người có thể tìm được ở bất kỳ trang nào trong truyện. Tới mức độ không Việt Nam tí nào hết là, đoạn Sinh tắm, bố chồng là lão Kiền bắc ghế nhón chân rình ngó, bị Đoài bắt gặp. Lão Kiền biện hộ với Đoài, "*... Đàn ông chẳng nên xấu hổ vì có con buồi... làm người nhục lắm*". Và ở nhiều nơi khác là Đoài tán tỉnh chị dâu, cuối cùng thì chị phải ngã lòng. Con người thì ai cũng yếu đuối, huống gì chị Sinh cần có con, mà Cấn, chồng chị lại không thể có con. Đoạn kết, chị nói với hai cô Mỹ Lan, Mỹ Trinh: "*khổ chưa. Nhục lắm. Vừa đau đớn, vừa chua xót. Nhưng thương lắm.*" Cuộc đời vẫn trôi qua như vậy, chị Sinh đẻ con, dĩ nhiên là con Đoài. Lúc ấy, đang ăn mừng đón Sinh ẵm con mới sinh về, lúc đó lão Kiền chết đã hơn 100 ngày, thì lại có tin điện cho biết cậu Vỹ ở Phúc Yên vừa mất vì già. Kỹ thuật đối chiếu này ở đây Nguyễn Huy Thiệp dùng là, cái chết lão Kiền đi trước sự sinh nở của đứa bé con của Sinh (Sinh còn có nghĩa là đời sống, là cái để duy trì thế giới hư vỡ đó), và sau sự sinh nở đó là cái chết của cậu Vỹ. Cuộc đời vậy đấy, thời gian vậy đấy. Lạnh lùng, tàn nhẫn và cô đơn.

Chúng ta có thể thấy, chưa bao giờ xã hội VN đi tới mức kinh khủng như

vậy, dù là ở dưới một chế độ phong kiến tồi tệ nhất đi nữa. Đặt truyện Không Có Vua này bên cạnh bất kỳ truyện nào về bản Hua Tát cũng thấy bật rõ lên cái xấu xa của cái xã hội mà anh đang sống. Giá trị vật chất chế ngự con người được anh nhấn mạnh ở nhiều đoạn, như đoạn lão Kiền biện hộ với Đoài về việc rình con dâu tắm, như đoạn Khiêm nói "*Tiền là Vua*" (tiền ở VN còn mang ảnh ông Hồ Chí Minh), như đoạn Đoài nói "*năng khiếu kinh doanh thích thật, còn các năng khiều văn chương nghệ thuật đều vô dụng cả*", như đoạn lão Kiền giải thích về việc gian lận tiền khách vá xe đạp, vân vân. Ngược lại ở bản Hua Tát, các phẩm chất cao quý của con người vẫn còn được tôn trọng, như truyện *Tiệc Xoè Vui Nhất* nàng Hà Thị E bảo cha tuyển chồng cho nàng phải là người nào có đức tính quý nhất và khó kiếm nhất đó là đức tính trung thực dù phẩm chất này chỉ mang thêm đau khổ cho người đó nhưng chỉ có nó mới chuộc được tội lỗi trần gian, như nàng Bua sẵn lòng tha thứ cho khoảng 50 người đàn ông đã dụ dỗ lợi dụng sự nhẹ dạ của nàng.

Nỗi đau của anh Nguyễn Huy Thiệp còn ở mức độ sâu thẳm hơn, tới đây anh hoàn toàn không còn bận tâm gì tới chuyện văn chương sử thi hay đổi mới, hiện thực hay phi hiện thực, trung thực hay ăn gian nói dối, nhân bản hay phi nhân bản. Ở đây, là một trực giác về định mệnh con người giữa dòng thời gian lạnh lùng bất tuyệt. Ở đây, con người ai cũng tội nghiệp cả, cũng đau khổ cả. Đứng trước trực giác về dòng thời gian phi lý đó, con người chỉ là trò chơi của đất trời. Cũng như đứng trước những vị anh hùng dân tộc hay thiên tài chính trị (Vua Quang Trung và Vua Gia Long), con người là trò chơi của đế vương.

Ở mức độ đầu của nỗi đau thương trong văn anh, thì bản chất chế độ đã bị đặt câu hỏi, từ chỗ tại sao người lại yếu đuối tội nghiệp phải đầu hàng sự ác (điển hình là Sinh), phải khùng khùng điên điên ấp a ấp úng (như Tốn) mới tồn tại được. Nhưng tới trực giác về định mệnh con người giữa dòng thời gian lạnh lùng bất tuyệt thì cả một hệ thống triết lý duy vật chủ nghĩa đều bị sụp đổ. Tất cả mọi lý thuyết giải thích về sự tiến hoá của con người và xã hội đều không còn chỗ để đối thoại với ai. Đây là nơi thức dậy của những tầng tiềm thức sâu thẳm, là tiếng nói nghìn lần phủ nhận cái lý thuyết giải thích về tâm sinh lý phản xạ có điều kiện của Pác-lốp, kiểu so sánh tình cảm con người với nước bọt của chó mà chính người Cộng sản cũng chỉ còn dùng làm giáo trình ở 2 nơi duy nhất là Viện Triết Học Hà Nội và Kam-pu-chia. Và cũng chính ở nơi đó văn anh mới lộ rõ nét tài hoa, như thực như mộng, như bóng như vang để ghi lại nỗi xao xuyến của con người trước một vũ trụ vô cùng tận. Từng dòng chữ nơi đây toát ra sự lạnh lùng cô đơn kinh hoảng trước định mệnh không giải thích được của con người. Chúng ta có thể tìm

được nhiều dẫn chứng về nỗi xao xuyến này trong các truyện *Chảy Đi Sông Ơi, Con Gái Thủy Thần, Những Bài Học Nông Thôn...*

Ở đây các huyền thoại không còn là điều huyền hoặc, chuyện cổ của người già kể cho trẻ, mà đã mang giày vào mà đi và chắp cánh vào mà bay lượn ngay trong đời sống hàng ngày, ngay giữa phố chợ. Ở *Chảy Đi Sông Ơi*, thì là con trâu đen bơi lội dưới sông bến Cốc. Ai hớp được bọt dãi trâu thì sẽ mạnh phi thường, bơi lặn như tôm cá. Bọn ma đầu ngu muội như Trùm Thịnh, Tảo béo thì không tin chuyện trâu đen, nhưng chị Thắm và cậu bé (nhân vật xưng tôi) thì tin là trâu đen có thực. Dòng sông rồi sẽ cuốn trôi tất cả đi, lừng lững lạnh lùng như thời gian bất tận, như bài dân ca gợi ý "*... Rồi sông đãi hết, anh hùng còn chi ...*", tất cả rồi sẽ qua đi, nhưng con trâu đen vẫn còn đó, là cái không ai thấy được, nhưng lại là chính ẩn tàng trong sông (sông còn là cuộc đời, là thời gian) mặc cho bao nhiêu chuyện xấu xa, đốn mạt xảy ra hằng ngày trên sông. Ở Con Gái Thủy Thần thì là Mẹ Cả, người con gái của cặp giao long truyền thuyết là từng hoá thành 10 con rái cá để cứu cha con ông Hội, từng ôm trống đồng đánh tùm tùm rồi lặn xuống sông...

Để làm nổi bật lên các hình tượng đó, Nguyễn Huy Thiệp dùng kỹ thuật tương phản, tạo các sắc độ đối nghịch nhau trong truyện. Sức mạnh phi thường và chân chính của trâu đen, lòng yêu thương và cứu người của Mẹ Cả, cả hai huyền thoại nầy hiện lên ngay giữa và đối diện với những nhân vật ngu muội, tàn ác, đê tiện hoặc các nhân vật yếu đuối, tội nghiệp, bị vùi dập. Giữa huyền thoại và hiện thực, giữa trung thực và gian trá, giữa lòng yêu thương và tàn ác ngu muội, đan vào nhau, lồng vào nhau, pha lẫn các sắc độ vào nhau là niềm tin của trẻ dại và phụ nữ, là những giấc mơ giữa khi ngủ và thức của các cậu bé xưng tôi trong truyện.

Đúng là có một thiên tính nữ trong văn anh như Hoàng Ngooc Hiến nhận định. Nhưng nếu nói rằng thiên tính nữ sẽ cứu vãn được thế giới thì hình như là sai, nếu xét trong các truyện của anh. Bởi vì, trong *Chảy Đi Sông Ơi*, chị Thắm cứu bao nhiêu người chết đuối rồi tới phiên chị chết đuối lại chẳng ai cứu cậu bé lớn lên vào thành phố gia nhập dòng đời chẳng mấy khi nghĩ tới trâu đen. Bởi vì, trong *Con Gái Thủy Thần*, tác giả đã cho một đoạn kết hết sức tàn nhẫn, đáng lý ra không nên có vì lòng trân trọng thế giới này. Cậu bé xưng tôi gặp bố của Đô Thi ở bãi Nổi được ông lão thú nhận là chính lão đã bịa ra chuyện Mẹ cả, một huyền thoại bao trùm suốt cuộc đời cậu bé. Nhưng cũng chính nhờ đoạn kết tàn nhẫn này mới nổi bật lên nỗi xao xuyến cô đơn của chàng, làm bốc hơi lạnh lên từng chữ một:

"*... Trước mặt tôi, dòng sông đang thao thiết chảy. Sông chảy ra biển. Biển rộng vô cùng. Tôi chưa biết biển, mà tôi sống nửa cuộc đời rồi đấy... Thời gian cũng thao thiết trôi. Hơn mười năm nữa đến năm 2000...*

*trên quê hương*

*Tôi đứng lên đi về nhà. Ngày mai tôi đi ra biển. Ngoài biển không có thủy thần..."*

Thế giới này trước giờ vẫn vậy, vẫn xấu vẫn ác, những nét đẹp và lòng yêu thương thì là thoang thoáng lung linh huyền thoại. Nghìn năm trước vẫn vậy và nghìn năm sau vẫn vậy. Duy có điều ở dưới chế độ cộng sản, sự xấu sự ác mới có điều kiện đi đến tận cùng. Và hình như không có gì có thể cứu vãn... Tới đó thì tính bi kịch xuất hiện trong văn anh.



Đây cũng là thêm một điểm đặc biệt trong văn Nguyễn Huy Thiệp mà hai nhà phê bình Trương Hồng Quang và Nguyễn Mai Xuân mới thoáng thấy nhưng chưa dám hoặc chưa muốn phân tích ra. Cũng có thể, cách nói của hai người này còn ám chỉ một nghĩa khác, ý nói sự xuất hiện của một tài năng như anh giữa những trận bão vùi dập, xấu xa của chế độ chỉ làm đậm thêm nét bi kịch có sẵn của chế độ. Nhưng đúng là trong văn anh có tính bi kịch (3).

Ở đây không phải là kiểu bi kịch Hy Lạp, nơi chỉ có tiếng nói của các vị anh hùng và thần linh, trong một cấu trúc cổ điển hình tháp của Freytag, để hình thành những chiến công ngoài sức con người và rơi xuống khi đối diện với định mệnh, với những điều phi lý, bất ngờ, không giải thích nổi. Trừ các loạt truyện về lịch sử như *Kiếm Sắc*, *Vàng Lửa*, *Phẩm Tiết*, trong văn anh không có các nhân vật anh hùng hoặc thiên tài nào cả. Hầu hết nhân vật đều là người bình thường, tội nghiệp có thể thấy được ở ngoài đường, ngoài chợ. Và họ cũng không hề mơ tưởng tới một chiến công phi thường nào cả. Bi kịch lớn nhất của đời họ hiện ra ngay trong đời sống bình thường đó, ngay trong từng ngày trong đời họ, là ước mơ *được sống như người*, *là được làm người*, giữa dòng đời xấu ác đang vùi dập họ với không một nguyên do, không một điều có thể hiểu được.

Họ, những nhân vật của anh, là anh, là những người bình thường chung quanh anh, là con diều trong *Những Bài Học Nông Thôn* muốn bay cao hơn lên, muốn rời cái "*thế giới xung quanh tôi nhợt nhạt, tội nghiệp quá*", muốn tránh cái mặt đất đầy "*những thứ gió quẩn khốn nạn, hiểm nguy và đầy bất trắc*", để vươn tới một độ cao của "*một thứ gió khác tử tế, cao thượng, độ lượng, bao dung mà bình ổn*". Họ muốn tìm "*một thứ cao hơn thế nữa, đấy là giá trị chân chính cho toàn bộ cuộc sống của mình, quyền được tự mình định đoạt cuộc sống, tóm lại là tự do*", như lời anh Triệu, thầy giáo làng nói với cậu bé xưng tôi trong truyện. Nhưng cũng thật bình thường, những điều không hiểu được đã xảy ra, một con trâu điên húc anh Triệu chết khi anh nhảy vào cứu một cậu bé tên Tiến. Anh Nguyễn Huy Thiệp không (hoặc rất ít) dùng các kỹ thuật thắt nút, mở nút để làm tăng tính bi kịch của *những điều không thể hiểu*

*nổi, ngoài sức con người* như bi kịch cổ điển, nhưng cũng chính lối viết lạnh lùng, nhợt nhạt mới đậm thêm, lạnh thêm cho tính bi kịch trong cuộc sống bình thường. Và ở nơi đó thì, "*tôi nhận ra thế giới bao la vô cùng vô tận, bản thân tôi, sự sống và ngay cái chết đều là bé nhỏ và không có ý nghĩa gì.*" (trang 58, phần Thứ Nhất gồm Tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp).

Đó cũng là chủ đề của truyện *Cún*. Cún là tên của chó không phải tên người, nhưng được đặt tên cho một đứa bé bị bỏ ngoài chợ được lão ăn mày Hạ đem về nuôi. Cún có tật ở khắp nơi trên người, không đi đứng được bình thường, nói năng không được mấy tiếng, có được mấy chỉ vàng do lão Hạ chết đi để lại. Cô Diệu ngủ với Cún để cướp vàng, không ngờ lại có thai (cuộc đời vốn đầy những không ngờ vậy). Sinh ra K., sau trở thành một nhà nghiên cứu văn học uyên bác, đẹp trai, thông minh, thương người. Vào truyện, K. giải thích tại sao chàng nỗ lực như vậy với nhân vật xưng tôi, "*Cha tôi là Cún. Cả cuộc đời ngắn ngủi của ông chỉ có độc một khát vọng thành người thế mà không được*". Trong truyện này, văn anh đi tới mức lạnh lùng tàn nhẫn, nhất là khi chuẩn bị gỡ nút, về nỗi hạnh phúc của Cún, kẻ bất toàn từ trên trời rơi xuống giữa chợ, như "*Trời ơi Cún sẽ có con! Một kẻ chưa được thành người lại sẽ có con*", nơi khác là "*Cún đã chết. Cuộc đời thực ngắn ngủi, cuộc đời của kẻ chưa được thành người*". Đoạn kết, K. giải thích cho nhân vật xưng tôi, là thứ điều tra ấy về Cún hoàn toàn sai lầm và lấy ảnh bố K. cho xem. Đó là ảnh một người "*đàn ông to béo, mặc áo the đen, cổ hồ cứng, có hàng ria đen xén gọn nhìn tôi mỉm cười*". Bi kịch chính là như vậy. Hành động phi thường ở đây không phải là bạt núi lấp sông, nhưng chỉ là *muốn làm người*. Cún chính là sự bất toàn, là cái không người tí nào, là cái rất mực yếu đuối chó má trong những kẻ rất bình thường nhan nhản ngoài chợ, cũng áo the đen, cũng cổ hồ cứng. Và rồi đối diện với cái chết giữa lúc ước mơ muốn làm người lên cao nhất.

Hãy đọc anh từ từ, hãy đọc anh chậm rãi, hãy lắng nghe hợp âm chủ của bi kịch. Chúng ta, nhân loại, rơi xuống giữa chợ, bất toàn, xấu xa, bị cư xử tàn nhẫn giữa chợ, giữa đường và ước mơ lớn nhất *là muốn làm người*, giữa dòng thời gian lạnh lùng tàn nhẫn, *có một đứa con chưa bao giờ được thấy mặt* là nhà nghiên cứu văn học K. gần như hoàn toàn, sự chết đến giữa lúc chúng ta còn đầy những bất toàn. Phải chăng, đây chính là ý nghĩa của nền văn minh nhân loại? Câu hỏi đầy tính bi kịch này xuất phát từ anh, từ đồng bào anh, nhưng câu trả lời xin nhường lại cho Bộ Chính Trị Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam.



Nhưng những truyện gây tranh luận nhiều nhất của Nguyễn Huy Thiệp là các truyện về lịch sử, gồm *Kiếm Sắc, Vàng Lửa* và *Phẩm Tiết*. Cũng chính

ở *Vàng Lửa* và *Phẩm Tiết* mà anh bị các nhà lãnh đạo văn học phê bình là ít học, là vô chính phủ về lịch sử. Đọc riêng những truyện này, tách riêng những truyện này ra để phân tích thì không thể hiểu anh hoàn toàn được. Cần phải đặt các truyện này vào trở lại mạch viết của anh mới tin là hiểu anh được.

Nếu đã thấy được nỗi đau nhân bản và tính bi kịch trong cách nhìn về thế giới và con người của anh, thì các truyện này cũng chỉ đưa thêm một cường độ mới, một chiều kích khác cũng trong cách nhìn đó. Ở chiều kia của thế giới là những con người bình thường (đã phân tích ở các đoạn trên) cấu xé lẫn nhau mà sống, cũng xấu cũng ác; ở chiều này của thế giới là những con người phi thường, như vua Quang Trung và Gia Long, cũng cấu xé lẫn nhau, cũng xấu cũng ác. Ở chiều kia giá trị vật chất chế ngự con người, là tiền, là nhục cảm, là sự ác của những kẻ ngu muội ít học; ở chiều này sức mạnh chế ngự là đàn bà, là quyền lực, là vinh hoa, là lòng tự tôn kiêu hãnh. Ở chiều kia, con người là trò chơi tội nghiệp của đất trời; ở chiều nầy con người là trò chơi của đao binh, của các thiên tài chính trị, và ở chính họ. Ở chiều kia, ước mơ lớn nhất của con người là muốn được làm người; ở chiều này, ước mơ lớn nhất của các vị anh hùng là thắng được bàn cờ phân kỳ Nam Bắc và chiếm được nàng Ngô Thị Vinh Hoa. Ở chiều kia bi kịch xảy ra cho những người bình thường trong từng ngày bình thường; ở chiều này bi kịch là sân khấu của các vị anh hùng một kiểu có phần cổ điển (Thật sự, cấu trúc truyện anh không cổ điển tí nào), và kéo dài cả trăm năm. Ở chiều kia, con người tự thành tựu chính họ bằng sự học, bằng lòng yêu thương như các nhân vật K., như anh Triệu; ở chiều này, các vị anh hùng tự thành tựu chính họ bằng khả năng lãnh đạo, thủ đoạn tàn nhẫn, bằng cắt dái tội nhân, bằng sinh mệnh của dân đen.

Và cũng chính ở hai chiều đó của thế giới văn chương anh, mà quan điểm về sự ác của anh đã được hình thành. Sự Ác có chính trong bản chất, trong sự hiện diện của con người, dù đó là kẻ ngu muội hay thiên tài. Hai chiều đó của thế giới hiện lên, đối chiếu nhau để làm đậm thêm nét bi kịch thống nhất trong văn anh, là cái Thiện thì yếu đuối, mờ nhạt, tội nghiệp như cách anh diễn tả về Nguyễn Du nhân vật được anh trân trọng nhất trong loạt truyện này:

"*... Người này trong trẻo lạ lùng, tâm hồn sạch như nước ở núi (Nguyễn Du như được mô tả bởi Đặng phú Lâm ở Kiếm Sắc "Trước mặt tôi là một người nhỏ bé, mặt nhàu nát vì đau khổ ông nổi tiếng là một nhà thơ có tài. Tôi thấy ông hoàn toàn không hiểu gì về chính trị... Ông hơn những người khác ở nhân cách nhưng nhân cách ấy có giá trị gì khi cuộc đời thực ông sống xúi xó, túng kiết?... Đời sống tinh thần bóp nghẹt ông... Trực giác tuyệt vời. Cũng như vua Gia Long, ông là một khối nguyên liệu to lớn nhưng nhẹ đồng cân hơn, hợp chất*

*tạo thành ít hơn, độ bám của bụi bặm ít hơn. Cả hai đều là những khối nguyên liệu vô giá, những vật quốc bảo... Ông ta (tức Nguyễn Du) có thông cảm sâu sắc với nhân dân ở phần u uẩn nhất, trữ tình nhất nhưng cũng đáng thương nhất... Nguyễn Du sống dân dã, ông hồn nhiên chịu đựng sự nghèo túng cùng nhân dân..."*

(Nguyễn Du như Phăng mô tả trong *Vàng Lửa*).

Nguyễn Du được xuất hiện trong 2 truyện đầu, *Kiếm Sắc* và *Vàng Lửa*, nhưng chính nàng Ngô Thị Vinh Hoa cũng được tác giả cho hiện diện trong 2 truyện Kiếm Sắc và Phẩm Tiết. Với cách dựng truyện của Nguyễn Huy Thiệp, hư hư thực thực, cho những chi tiết mâu thuẫn về nàng như dường cho người đọc biết là nàng chỉ là một biểu tượng, là một giá trị duy nhất nhưng nhiều khuôn mặt khác nhau. Ở *Kiếm Sắc*, nàng được cho biết là vợ của tướng Đặng Phú Lân, về Đà Bắc. Ở *Phẩm Tiết*, không có nhân vật Đặng Phú Lân, nàng trốn về Đà Bắc sau tiệc rượu với Gia Long. Đời nàng đầy những huyền thoại. Bao nhiêu người mê nàng, kể cả Quang Trung và Gia Long. Cha nàng là Ngô Khải, một nhà cự phú giàu nhất Kẻ Chợ, kho đụn không khác gì Phủ Chúa. Hãy đọc chậm rãi... Ngô Khải... Ngô Thị Vinh Hoa..., phải chăng điều này có nghĩa là... Ta Cho Biết... Ta là Vinh Hoa... Những chi tiết do tác giả mô tả về nàng, những huyền thoại thêu diệt quanh nàng chỉ để làm hư hoá tính người trong nàng, làm cho nàng trở thành biểu tượng cho một cái gì không nắm bắt được, mong manh, dễ hư vỡ, nhưng lại là động cơ điên cuồng của các thiên tài chính trị.



Thế giới truyện của Nguyễn Huy Thiệp sâu sắc và phong phú quá. Chúng ta chưa thể tìm một kết luận ngắn gọn và đơn giản về anh, bằng một lời hay vài lời được. Dù gọi anh là "*nhà văn của những con người bị sỉ nhục*" như Hoàng Ngọc Hiến cũng vẫn chưa đủ, và chưa hoàn toàn đúng. Vì vinh với nhục đã không còn dính vào mắt anh nữa. Ở anh, còn có một cái gì thâm sâu hơn, một xao xuyến có tính vĩnh cửu về con người, về bản chất sự ác, một thứ trực giác siêu hình. Nhưng thế giới truyện của anh vẫn đang hình thành.

Tất cả ba điểm được phân tích ở các đoạn trên là những nét chính trong các truyện anh đã phổ biến. Và cũng chính vì ở tính vấn đề sắc bén trong truyện và bầu khí đầy chất thơ trong nhiều truyện, mà anh đã được nhiều nhà phê bình hy vọng và chờ đợi. Nhà phê bình Đặng Anh Đào trong bài *Thị Hiếu và Lối Đọc Truyện Hiện Nay Qua Một Cuộc Tranh Luận* đã lạc quan chúc anh không cần phải chờ đến 300 năm sau (như Nguyễn Du than thở) để được công nhận. Còn quá sớm để kết luận về anh, nhưng đúng anh là một hiện tượng khó tìm. Để đối thoại được với anh sợ là không mấy người vậy.

**Tháng 3, năm 1990.**

**Ghi Chú:**

(1) Sử thi: chữ này theo ông Lã Nguyên trong bài *Nguyễn Minh Châu và Những Trăn Trở Trong Đổi Mới Tư Duy Tiểu Thuyết*, nghĩa chính thức là, "*Sử thi hiện đại Việt Nam là biểu hiện của ý thức cộng đồng được hiện thực hoá trong ý thức cá nhân... Nhân tố cách tân nghệ thuật quan trọng bậc nhất của nó là sự phát hiện ra nội dung cộng đồng trong đời sống xã hội và phương diện cộng đồng trong ý thức cá nhân... Trước 1975, văn học của chúng ta về cơ bản là nền văn học sử thi*". Nghĩa thực tế lại là, cái gì của Cộng Sản cũng tốt và không Cộng Sản thì xấu. (Revue Littéraire, số Tháng 3 và 4 năm 1989).

(2) Văn chương vụ án, ái tình cao cấp: Ám chỉ loại văn chương rẻ tiền, giựt gân, các loại sách do Nhà Xuất Bản của Sở Công An in về Các vụ án tình-tù-tội nhiều tính trinh thám ly kỳ, gay cấn.

(3) Bi kịch: đặc tính này được 2 ông Trương Hồng Quang và Nguyễn Mai Xuân nhận ra riêng trong truyện *Vàng Lửa* mang nhiều nghĩa cổ điển. Điều này còn phiến diện và chưa nhận diện hết những nét sắc bén của anh Nguyễn Huy Thiệp như đã phân tích trên.

(4)&(5) Nguyên văn mấy câu ghi ở đầu tập sách "*Daghextan của tôi*" của Raxum Gamzatốp: Abutalíp nói: *nếu anh bắn vào quá khứ bằng súng lục thì tương lai sẽ bắn vào anh bằng đại bác.*

# con gái thủy thần



*Nguyễn Huy Thiệp*

Chắc nhiều người còn nhớ trận bão mùa hè 1956.

Trận bão ấy, ở bãi Nổi trên sông Cái, sét đánh cụt ngọn cây muỗm đại thụ. Không biết ai nói trông thấy có đôi giao long quấn chặt lấy nhau vùng vẫy làm đục cả một khúc sông. Tạnh mưa, dưới gốc muỗm, có một đứa bé mới sinh đang nằm. Đứa bé ấy là con thủy thần để lại.

Dân trong vùng gọi đứa bé là Mẹ Cả. Ai nuôi Mẹ Cả, tôi không biết, nghe phong thanh ông từ ở đền Tía đón về nuôi. Lại đồn thím Mòng trên phố chợ đón về nuôi. Lại đồn các xơ trong nhà tu kín thị xã đón về, đặt tên thánh cho Mẹ Cả là Gian–na, Đoàn Thị Phượng.

Chuyện Mẹ Cả ám ảnh tôi suốt thời niên thiếu. Một bận, mẹ tôi đi chợ Xuôi về, kể chuyện Mẹ Cả cứu hai cha con ông Hội bên Đoài Hạ. Ông Hội làm nhà, mang đứa con gái tám tuổi đi đào cát. Hố cát khoét hàm ếch, sụt xuống, vùi lấp cả hai cha con. Mẹ Cả đang bơi trên sông, trông thấy, hóa phép thành mười con rái cá ra sức đào bới, cứu được hai người.

Một lần, ông Tư Chung đào giếng bảo đào được một cái trống đồng. Phòng văn hóa huyện về xin mang trống đi. Khi qua sông, tự dưng sấm chớp đùng đùng, sóng to gió lớn cộn lên. Mẹ Cả bơi trên sông bảo: "Vứt trống xuống đây". Thuyền chòng chành sắp ụp, mọi người đành vứt trống xuống cho Mẹ Cả. Mẹ Cả ngồi trên mặt trống đánh thùng thùng. Thế là sấm tan mưa tạnh. Mẹ Cả ôm trống lặn xuống đáy sông.

Chuyện Mẹ Cả lung tung lắm, nửa hư, nửa thực. Tuổi thơ của tôi u buồn và bề bộn việc, mà việc nào cũng vất vả cả, tôi cũng chẳng có thì giờ để ý đến chuyện người dưng.

Nhà tôi làm ruộng, đào đá ong và làm thêm nghề lột giang đan mũ. Làm ruộng chẳng nói ai cũng biết rồi, chẳng dễ dàng gì. Mười bốn tuổi, tôi là thợ cày chủ lực trong hợp tác xã. Bốn giờ sáng, ông Hai đội trưởng đội cày gọi cổng: "Chương ơi, hôm nay cày chân ruộng Gò mả nguỵ nhé!" Thế là tôi bò dậy, ăn vội ăn vàng bát cơm nguội rồi đi. Trời còn tối. Chuột đồng chạy rào rào trong các vạt ngô ven bãi. Tôi nửa thức nửa ngủ, chân nam đá chân chiêu, cứ nhắm phía quầng sáng điện thị xã mà đánh trâu đi. Chân ruộng Gò mả nguỵ ở đó. Đây là chân ruộng xấu nhất cánh đồng, đất cằn bạc phếch bạc phơ, thỉnh thoảng lại có đá ngầm. Tôi cày một mạch đến trưa,thấy đứng bóng thì tháo trâu về. Mẹ tôi bảo: "Chương ơi, ông Nhiêu dặn đá ong tháng này nhà mình thiếu tám chục viên, hôm trước bố con mới nộp hơn bốn trăm viên". Tôi vác thuổng đi lên đồi Sậy. Đá ong đồi Sậy thường chỉ đào được sáu lớp thì hết một vỉa, đến lớp đất thịt. Đá ong chỉ đào được những hôm nắng. Hôm mưa thì bùn nhão nhoét, đỏ cành cạch, đá bở. Thường một buổi chiều cật lực tôi đào được hai chục viên. Ông Nhiêu đi qua khen: "Có nghề lắm. Ngày xưa tao đào có lần xắn mẹ phải ngón chân cái". Ông chìa bàn chân đi dép cao su cho tôi nhìn thấy ngón chân bị cụt. Chân của ông Nhiêu là chân Giao Chỉ, ngón cái không thẳng mà tõe hẳn ra. Chân này chắc chẳng giày nào vừa được. Buổi tối, tôi ngồi lột nan. Giang mua của cánh lái bè, về cạo ra, chặt bỏ mấu, pha nhỏ, cho vào nồi luộc. Sau đó phải hấp diêm sinh, mang đi phơi khô, bó lại, gác lên nóc nhà. Khi làm thì ngâm vài ngày rồi lấy dao lột. Lột giang phải thật cẩn thận, lột bằng thứ dao đặt ở thợ rèn, lưỡi mỏng dính, đứt tay như chơi. Khi lột, lòng, cật để riêng, sau đó tách thành từng sợi đều đặn thuê trẻ con đan. Mỗi cuộn là hai chục mét, bán cho người có máy khâu may mũ. Mẹ tôi bảo: "Nghề này chẳng giàu được đâu nhưng mà có việc quanh năm để trẻ khỏi nghịch". Những đứa em tôi, bốn tuổi đã biết đan rồi, tay cứ nhoay nhoáy suốt ngày, đi đâu cũng có bó nan cắp nách. Gà gáy canh ba tôi mới đi ngủ. Một ngày đầy ắp công việc. Giấc ngủ kéo đến. Hình ảnh Mẹ Cả chen vào giấc ngủ ở một khe hở nào đó rất nhỏ, không phải thường xuyên, tôi không chắc một năm đã được một lần.

Một dạo, ông Hai Thìn bấy giờ lên chức chủ nhiệm hợp tác xã bảo tôi: "Chương này, trai tráng trong làng đi bộ đội cả, mày thật thà, tao tính rút mày lên làm kế toán, nhưng mày trình độ văn hóa kém quá, thôi mày làm ban kiểm tra với bảo vệ vậy". Tôi hỏi: "Làm ban kiểm tra thì phải làm gì? Làm bảo vệ thì phải làm gì?" Ông Hai Thìn bảo: "Ban kiểm tra là xem chúng ta có ăn bớt ăn xén gì không thì mách cho ông Phượng bí thư xã biết. Làm bảo vệ thì hợp tác xã có bãi mía đấy, quân bãi Nổi cứ đến ăn trộm, mày vác súng ra, thấy đứa nào ăn trộm thì bắn chỉ thiên cho chúng nó sợ!" Tôi bảo: "Ban kiểm tra cháu chẳng làm đâu, hay gì chuyện mách lẻo. Cháu làm bảo vệ".

Bãi mía ven sông rộng vài chục mẫu, gác cũng khó. Tôi làm một cái chòi, lên đấy nằm đọc truyện. Đọc chẳng vào. Tôi ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Có lần mơ thấy đi cày, cày hết chân ruộng Gò mả ngụy thì đến thị xã, cứ cày mãi, dân thị xã phải dắt nhau chạy. Có lần mơ thấy đào đá ong, xắn phải ngón chân cái, một lúc sau ngón chân lại tự mọc ra, lại xắn phải lần nữa, cứ thế vài chục lần, lần nào cũng đau lắm. Lại có lần mơ thấy lột giang, dao cứa đứt cả năm ngón tay, khi ăn cơm phải vục mặt xuống như chó. Đại để giấc mơ của tôi là thế, toàn những việc làm hàng ngày, chẳng ra gì cả. Đấy là vì tôi nghèo tưởng tượng, sau này khôn lớn tôi mới hiểu ra, chứ lúc ấy, mười sáu tuổi, tôi có biết gì.

Một buổi, trăng rất sáng, tôi nhớ bận ấy vào dịp tháng bảy, tôi đi gác quanh bãi mía. Ánh trăng soi rõ mồn một, trông thấy cả những rễ mía trông hơi giống đầu rễ si đâm tua tủa ở các đốt cây. Rặng mía hắt bóng thẫm đen chạy dài trên mặt cát đã bị gió làm cho khô se đi nên rất mịn. Thỉnh thoảng gió đùa rào rào trong bãi mía nghe lạnh cả người. Tôi nghe thấy, tiếng mía đổ, chạy ra, thấy mía nằm ngổn ngang trên cát, trông xót lắm. Tôi điên người, bắn một phát súng chỉ thiên. Năm, sáu đứa trẻ con trần truồng chạy ào ra. Một đứa con gái chừng mười hai tuổi có vẻ như tên cầm đầu còn kéo theo cả một cây mía chạy. Tôi gào lên: "Đứng lại!" Bọn chúng hoảng hốt lao xuống nước, cuống cuồng bơi về phía bãi Nổi.

Tôi vứt súng, cởi quần áo, cũng nhảy xuống sông. Tôi quyết bắt cho được một đứa. Bắt được một đứa sẽ truy cả bọn, công an vẫn thường làm thế.

Đứa con gái kéo cây mía bơi tách ra, đập nước loạn xạ, có vẻ như không biết bơi, lại bơi ngược dòng, nên rất chậm. Tôi bơi đuổi theo. Nó quay lại nhìn tôi, lè lưỡi ra, rất tinh nghịch. Tôi bơi chặn đầu. Con bé té nước vào mặt tôi. Tôi lặn xuống nước, ước lượng khoảng cách để tóm chân nó. Con bé vùng thoát được. Cứ thế mãi. Con bé bơi ở phía trước, lúc nào cũng giữ một khoảng cách không xa với tôi. Tới gần nửa tiếng đồng hồ trôi qua mà tôi không bắt được nó. Tôi bỗng hiểu ra đối thủ của tôi rất sành sông nước, bắt được không phải chuyện đùa. Con bé lỡm tôi để cho bọn kia trốn thoát. Con bé vừa bơi vừa trêu. Tôi tức lắm, đập nước sải cánh đuổi theo. Con bé cười khanh khách, bơi nhanh ra giữa tim sông. Nó bảo tôi: "Quay về đi, không mất súng thì chết!" Tôi giật mình, thấy nó nói đúng. Con bé bảo tôi: "Mày không bắt được tao đâu, bắt thế nào được Mẹ Cả!" Tôi hoảng hốt, dựng cả tóc gáy. Chẳng lẽ đây là con gái thủy thần? Nước tạt cả vào mặt tôi ướt sũng. Tôi thoáng thấy tấm lưng trần dẻo dai loáng nước quẩy ở trước mặt, loáng loáng dưới trăng, thật kinh dị, nhưng đẹp lắm. Thoắt nhiên, tất cả biến mất, tôi bỗng trơ ra giữa dòng sông vắng mênh mông. Tất cả như chẳng hề xảy ra chuyện gì. Dòng sông vẫn cứ như thế từ lâu lắm rồi, từ hôm qua, hôm kia, từ

năm trăm năm trước. Tôi thấy ngượng ngùng. Nửa đêm, tự dưng lại đi trần truồng bơi ở trên sông, khua khoắng lên, mà vì cái gì cơ chứ? Dăm cây mía có đáng là bao? Khi thu hoạch, hợp tác xã vứt đi hàng đống. Hoặc mùa nước, chỉ một trận lụt là vứt hàng mẫu là thường. Tôi bỗng thấy buồn, mặc kệ dòng nước đẩy giạt vào bờ. Hóa ra chẳng phải mất nhiều, chỉ vài ba cây. Tôi ngồi xuống bẻ một dóng ăn. Mía nhạt thếch. Tôi vứt dóng mía rồi bỏ về chòi, nằm thao thức đến sáng. Tôi cố nhớ lại khuôn mặt Mẹ Cả mà không nhớ được. Cứ nhắm mắt lại thấy toàn mặt người quen,tựa như mặt bà Hai Khởi vừa tròn vừa to, mũi trông như vỏ cam sần, hoặc như mặt chị Vịnh, dài, mà tai tái như dái trâu, như mặt cô Hỷ, đỏ như tôm luộc, mặt anh Dư, xương hàm bạnh ra như mặt ngựa. Chẳng có khuôn mặt nào đáng là mặt người. Mặt nào trông cũng thú vật, đầy nhục cảm, không đểu cáng, dối trá thì cũng nhăn nhúm đau khổ. Tôi tìm một mảnh gương vỡ soi thử mặc mình. Mảnh gương bé quá, không rõ hết mặt. Chỉ thấy trong gương mặt đôi mắt đờ dại nhìn mình như mắt tượng gỗ trên chùa.

Cuối năm ấy, tôi rút khỏi chân bảo vệ, chuyển sang đội thủy lợi. "Nhất thổ, nhì mộc" công việc xắn mai bốc đất vất vả nhưng tôi sức trẻ nên cứ phăng phăng. Bẵng đi đến hơn ba năm, hơn nghìn ngày. Kể đất tôi vác có khi đắp được một trái núi con. Thế nhưng quê tôi nào đâu có núi non gì, chỉ bằng phẳng những cánh đồng cằn, những con mương chạy ngang chạy dọc khắp chốn cùng nơi mà đất vẫn khô nẻ.

Năm 1975, đấy là một năm đáng để quan sát ghi nhớ. Quê tôi mở hội rất to. Thi bơi chải trên sông, thi vật, đội văn công tỉnh về biểu diễn. Các đô vật ở Đoài Hạ thắng đậm các đô vật khác trong vùng. Dân bãi Nổi táo tợn là thế, cử ra bốn đô vật đều bị loại từ vòng đầu. Hạ được bãi Nổi, Đoài Hạ được thể. Đô Thi thúc trống hỏi to: "Không có ai vào sới thì tôi lấy giải về cho Đoài Hạ đây này". Trai làng tôi tức lắm, xui tôi vào sới. Thú thực, tôi không thạo vật, nhưng tôi có sức. Tay tôi đã bám vào đâu thì thật như kìm, nội công ngoại lực gì tôi không biết, nhưng tôi đã bóp, gạch cũng vụn nát.

Tôi cởi quần áo, mặc độc cái quần đùi nâu. Mọi người cười ồ. Người ta giải thích dài dòng rắc rối, đại để tôi muốn giật giải phải vật với những năm người. Trai làng tôi không chịu, cãi nhau om lên, cuối cùng đi đến thỏa thuận là tôi phải vật thắng hai người khác thì mới được vật đô Thi là người đang nhiều điểm nhất.

Đô Tiến vào sới. Tôi xông vào ngay. Đô Tiến cũng khỏe, khoèo chân tôi. Nhưng hơn nghìn ngày lội bùn vác đất nên chân tôi chắc lắm, cắm xuống như cọc. Đô Tiến xoay ngang xoay dọc mà tôi vẫn cứ đứng trơ trơ. Hai tay tôi tóm được hai xương bả vai đô Tiến, cứ thế bóp. Độ ba phút thì đô Tiến đờ ra, mặt tái nhợt cứ thế quy xuống. Trọng tài tuyên bố tôi thắng cuộc.

Đến lượt đô Nhiêu. Đô Nhiêu bé nhỏ, nhanh nhẹn. Hắn nhảy như con choi choi, luồn lách rất khéo. Chỉ sau vài miếng, tôi biết đô Nhiêu lập kế lừa tôi, hắn chỉ chờ tôi đứng lệch trọng tâm là phục xuống bốc, dùng vai gồng ngã. Biết thế, tôi bèn đứng né chân chèo, người hơi ngả ra. Đô Nhiêu cúi xuống, luồn đầu vào hai chân tôi, định hất lên, thế võ rất ác. Tôi đổi chân, khép gối lại, dùng hết lực tóm hai mạng sườn bóp mạnh. Đô Nhiêu oằn oại như con rắn lớn. Một lúc thấy không quẫy nữa, tôi mới đặt hắn ngửa ra, vỗ mạnh vào rốn. Tiếng reo như sấm. Có ai nhét vào tay tôi một đoạn mía ngắn đã tiện róc rồi. Mọi người xúm xít, lấy áo phẩy vào mặt tôi giống kiểu người ta săn sóc võ sĩ quyền Anh.

Trống lại nổi lên. Đô Thi to con, hai mắt như mắt lợn luộc. Hắn dạo một đường quyền ngắn trông rất đẹp mắt. Nhiều tiếng xuýt xoa. Tôi cứ lừ lừ đi vào Đô Thi đứng trước mặt tôi gườm gườm: "Muốn sống chịu thua ngay đi, con ạ". Tôi bảo: "Dễ thế!". Đô Thi chửi: "Mẹ mày! Giữ lấy cái mũi! Ông sẽ cho mày sặc tiết cho xem!" Hắn lao vào ngay, đầu gối giơ lên rất nguy hiểm.

Đến hơn mười phút, đô Thi không vật được tôi. Hắn giở thế võ đánh ngầm. Hắn dùng cùi tay, đầu gối đánh tôi. Trận đấu căng thẳng. Trọng tài là người Đoài Hạ, đáng lẽ bắt lỗi nhưng cứ lờ đi. Tôi tức lắm, vừa đỡ vừa hỏi: "Vật nhau hay là đánh nhau thế này?" Đô Thi bảo: "Mẹ mày! Ông đánh cho mày chết mẹ mày đi!" Trống thúc dồn dập, mọi người reo hò nhưng không có ai đứng ra ngăn cản. Rất nhiều tiếng gào khuyến khích đô Thi: "Đánh đi! Đánh cho chết mẹ nó đi". Một nỗi căm giận trào lên trong tôi. Tôi thấy mắt tôi hoa lên, tai ù đi, máu trào mằn mặn trên môi. Đô Thi nhảy đá song phi. Tôi tránh được, thuận tay bắt được cổ chân. Đô Thi giằng ra nhưng hai tay tôi như hai kìm sắt. Đô Thi lăn lộn trên sàn. Tiếng gào: "Thua rồi, thua rồi" ầm ĩ cả lên. Trọng tài bảo tôi vật không đúng luật. Tôi chẳng nói chẳng rằng, gạt ông ta ra, cứ thế đi đến bàn ôm bọc giải thưởng đi xuống. Nhiều tiếng reo hò. Có ai vỗ vào vai tôi: "Khá lắm. Du côn lắm!" Tôi không hiểu nghĩa hai chữ du côn, chắc nó tỏ ý khen ngợi.

Ra khỏi sới vật, tôi rẽ vào hàng mua cho các em gói kẹo, cho mẹ chiếc lược rồi đi tắt đồng, qua bãi về nhà. Đến sông thì chập choạng tối. Ở khúc quặt, bỗng có tốp người hùng hổ xông ra, đi đầu là đô Thi, đô Nhiêu, đô Tiến. Đô Thi bảo: "Muốn sống đứng lại!" Tôi hỏi: "Cướp đường à?" Bọn kia không nói năng gì xông vào đánh ngay. Tôi đánh trả lại cũng ác nhưng thân cô, thế núng, lát sau tôi ngất đi.

Khi tôi tỉnh lại, thấy mình nằm trên ổ rơm, người đau ê ẩm. Mẹ tôi hỏi: "Con có đau không?" Tôi gật đầu. Mẹ tôi khóc: "Chương ơi, con ra tranh hơn thiên hạ làm gì? Mang thân mua vui cho người có nhục không con?" Tôi âm thầm khóc, thấy mẹ tôi nói phải. Mẹ tôi bảo: "Hứa với mẹ đi, đừng bao giờ

thế". Tôi thương mẹ tôi nên hứa, nhưng nghĩ lần sau đi đâu phải dắt theo dao. Tôi hỏi mẹ tôi: "Ai cứu con?" Mẹ tôi mỉm cười: "Mẹ Cả cứu". Tôi định hỏi thêm nhưng mẹ tôi đã ra ngoài, đi sao lá khúc tần sắc cho tôi uống.

Tôi hồi phục sức khỏe rất nhanh, chủ yếu do trẻ trung, chẳng phải lo thuốc. Thuốc có gì đâu, chỉ có lá khúc tần sao khô vừa bóp vừa uống. Khi đi lại được, ý nghĩ đầu tiên của tôi là sẽ vác dao tìm đến đô Thi. Thế nhưng hợp tác xã cử tôi đi học một lớp nghiệp vụ kế hoạch ở trên thị xã, giấy báo tập trung gấp quá, tôi đành bỏ dở ý định trả thù.

Lớp học chúng tôi có ba mươi người, học trong sáu tháng. Chúng tôi được học các môn chủ nghĩa xã hội khoa học, lịch sử, chính trị kinh tế học, các nghiệp vụ quản lý kế toán. Lần đầu tiên, tôi biết những danh từ, khái niệm, thuật ngữ rất lạ. Tôi háo hức vô cùng. Sau vài hôm tôi đau đớn nhận ra tôi không sao học được. Chữ nghĩa chuội đi, tôi không làm sao phân biệt được các nguyên tắc nhờ thu nhận trả, các tài khoản, các biểu thống kê, cũng như không hiểu nổi khái niệm duy tâm, duy vật. Phép biện chứng, theo tôi là sự tiến lên, bất chấp khó khăn đại để giống như giấc mơ của tôi cày Gò mả nguỵ. Quy luật phủ nhận, tôi nghĩ giống trận đòn thù đê tiện của bọn đô Thi, tôi căm ghét nó, nó thành quy luật thì phải trả thù, phải nện đau hơn nó đã nện mình. Tôi học lịch sử, hoàn toàn lẫn lộn về cách phân kỳ. Các thầy cô giáo rất ức, bảo tôi không có khả năng học tập.

Trong lớp không ai thích tôi. Tôi làm mất điểm thi đua. Tôi lố bịch nữa. Cả lớp không ai ăn mặc như tôi. Họ mặc lối thị xã cả, đẹp thật, tôi cũng rất thích, nhưng vì không tiền phải chịu. Tôi mặc quần nâu, áo xanh trứng sáo. Còn ăn, mọi người ăn chung, tôi nấu ăn riêng. Ăn chung có mức, tôi ăn tám chín bát cơm một bữa, ngày ba bữa, mức nào chịu được.

Ở trong lớp, tôi ngồi một góc tha hồ ngủ gật. Các thầy cô giáo chán nản, thôi hành hạ tôi, bài kiểm tra nào cũng cho điểm 5 là điểm trung bình.

Gần tan lớp học, trên bỗng cử về cô Phượng dạy môn kế toán. Cô Phượng học nước ngoài về, tính vui nhộn. Cô mặc quần bò áo phông, áo bỏ trong quần, vai đeo túi, trông giống diễn viên điện ảnh.

Trả bài kiểm tra, cô Phượng bỗng hỏi: "Ai tên là Chương?" Tôi bảo: "Em đây". Cả lớp cười ồ, vì cô Phượng trẻ, chỉ bằng tuổi tôi. Cô Phượng nín cười, bảo: "Tôi không hiểu nổi bài viết của anh. Đường lối kế toán của anh đặc biệt bí hiểm". Cả lớp lại cười. Cô Phượng bảo: "Hết giờ mời anh gặp tôi. Tôi sẽ giảng lại cho anh về các quy luật kinh tế".

Hết giờ buổi chiều, tôi tìm cô Phượng. Người ta bảo cô vừa phóng xe máy ra sông. Tôi buồn rầu, khoác cái xắc-cốt vẫn để sách vở, tiền nong, giấy tờ, bỏ đi lang thang.

Loanh quanh thế nào, tôi vòng ra phía bờ sông, bỗng thấy cô Phượng

đang ngồi một mình, bên cạnh có chiếc xe máy. Quang cảnh cũng hệt quê tôi, phía trước là sông, phía sau bãi mía.

Tôi đến gần, thấy cô Phượng khóc, hai tay ôm mặt, bả vai rung rung. Tôi ấp úng chào. Cô Phượng giật mình, ngẩng lên thấy tôi, bèn giận dữ nói: "Cút đi! Cái lũ đàn ông khốn kiếp các anh!" Tôi kinh hoàng ngơ ngác, chôn chân một chỗ. Cô Phượng cầm dép ném vào mặt tôi. Dép cao gót, có đinh, tôi tránh không kịp, mặt bị chảy máu. Máu chảy nhiều quá, tôi ngồi thụp xuống, hoa cả mắt. Cô Phượng chạy lại, quỳ xuống, gỡ hai tay tôi, hốt hoảng: "Anh có sao không? Trời ơi, sao tôi rồ dại thế này!"

Tôi xuống sông, vã nước rửa vết đau. Cô Phượng cứ loay hoay bên tôi, rối rít xin lỗi. Tôi cho cô Phượng xem những vết sẹo trên vai, trên tay mà bọn đô Thi đánh tôi. Tôi bảo: "Không sao cô ạ. Vết thương như thế có gì". Cô Phượng bảo: "Tôi xin lỗi anh. Tôi gặp chuyện buồn phiền quá. Tôi không kìm chế được mình".

Cô Phượng lấy bánh mì, lấy chuối ép tôi ăn. Cô Phượng nói: "Anh tha thứ cho. Tôi yêu, tôi bị phản bội. Tôi không chịu nổi, nếu anh có yêu, anh mới hiểu". Tôi bảo: "Tôi chưa yêu, nhưng tôi nghĩ ai phản bội tình yêu thì xấu xa lắm". Cô Phượng cười đau đớn: "Anh chẳng hiểu gì, kẻ phản bội cũng là người tốt, có điều người ta không dám hy sinh".

Cô Phượng ngồi, tay bó gối, trông vừa bé nhỏ, vừa buồn, lại đẹp nữa. Trong tôi trào lên cảm giác thương xót, tựa như thương xót chính em gái tôi.

Cô Phượng bảo: "Tôi đã không đúng. Người ta không dám hy sinh vì tôi là phải. Tôi là đứa con gái xấu xí, phải không anh?" Tôi lắc đầu, tôi nghĩ người nào được yêu cô Phượng thật là hạnh phúc. Tôi bảo cô: "Không phải đâu, cô đẹp lắm".

Cô Phượng cười, cô cầm cái xắc-cốt của tôi, đập đập: "Anh đựng cái gì ở trong này thế?". Tôi ngượng ngập bảo: "Có sách vở, tiền nong, chứng minh thư, thẻ Đoàn". Cô Phượng bảo: "Anh Chương này, nếu anh yêu, anh có dám hy sinh vì người yêu không?" Tôi bối rối, tôi không biết trả lời ra sao. Cô Phượng bảo: "Thế này nhé: nếu tôi yêu anh, anh có dám vứt cái túi này xuống dưới sông không?" Tôi gật đầu. Cô Phượng bảo: "Anh vứt đi!" Tôi đứng lên, cầm cái xắc-cốt quăng ra giữa sông. Cái xắc-cốt chìm nghỉm. Cô Phượng ngạc nhiên, mặt tái đi: "Anh có dám phá tan cái hàng rào kia hay không?" Tôi lẳng lặng đến hàng rào bao quanh bãi mía, co đứt dây thép gai, nhổ các cọc sắt, uốn cong lại, vứt dưới chân cô.

Cô Phượng bảo: "Anh lại đây". Cô ôm cổ tôi, hôn lên môi. Tôi đờ đẫn. Cô Phượng bảo cô rất sung sướng: "Anh biết không, thế mà tôi đã buồn phiền vì một tên đàn ông ích kỷ. Thật chẳng ra sao!" Cô Phượng lên xe máy

phóng đi, quay lại bảo tôi: "Anh hãy quên những quy luật kinh tế chết tiệt ấy đi!"

Tôi sửng sốt. Cái hôn bất ngờ còn làm tôi ngây ngất. Tôi thấy vui sướng. Cứ thế, tôi lội xuống sông, bơi sang bờ bên kia rồi lại bơi về. Trăng rất sáng, tôi thấy cuộc đời thật đẹp tuyệt vời.

Sau hôm ấy, hai hôm sau giải tán lớp học. Cô Phượng không đến, nghe nói có việc phải đi Hà Nội. Tôi buồn rầu thu dọn đồ đạc, chào mọi người rồi đi về làng.

Tôi về làng, được cử làm kế toán trưởng. Được một tháng, ông Hai Thìn bảo: "Mày học hoài cơm". Người ta cách chức tôi, tôi cũng chẳng lấy thế làm buồn. Tôi trở lại công việc bình thường, công việc của mười năm trước: sáng đi cày, chiều đào đá ong, tối lột giang đan mũ. Công việc nặng nề, nhưng tôi khôn nguôi nhớ về cô Phượng.

Một lần tôi kiếm cớ lên thị xã, rẽ vào trường cũ để thăm cô Phượng. Ở đây chẳng ai còn nhận ra tôi. Ông thường trực bảo: "Cậu hỏi Phượng nào? Trường nhiều Phượng lắm: Trần Thị Phượng, Quách Thị Phượng, Lê Thị Phượng. Có cô cũng trạc tuổi cậu, cô ấy đi khỏi trường rồi. Cô ấy ngày xưa ở nhà tu kín, tên thánh là Gian-na Đoàn Thị Phượng". Tôi giật mình, sững sờ nhớ đến giai thoại ngày xưa kể về Mẹ Cả.

Ông thường trực không biết gì thêm. Đang nghỉ hè sân trường vắng ngắt. Tôi lang thang ở trong thị xã, không biết hỏi ai. Cuối cùng tôi nảy ý định vào nhà tu kín.

Bà Nhất tiếp tôi. Bà đã luống tuổi, có đôi mắt hết sức u sầu. Bà Nhất bảo: "Gian-na Đoàn Thị Phượng ở nhà tu này từ sáu đến mười hai tuổi. Cha mẹ cô ta nhờ tôi nuôi dạy". Tôi ngạc nhiên: "Sao bảo Gian-na Đoàn Thị Phượng là Mẹ Cả, là con gái thủy thần?" Bà Nhất bảo: " Cha mẹ Gian-na Đoàn Thị Phượng ngoài Hà Nội. Cô ấy là con riêng ông Đoàn Hữu Ngọc, buôn nước mắm". Tôi thẫn thờ buồn bã ra về. Bà Nhất bảo: "Tôi không biết Mẹ Cả của anh, còn Gian-na Đoàn Thị Phượng là con của Chúa. Ông Đoàn Hữu Ngọc gửi con vào trong nhà Chúa như gửi con vào nhà trẻ, nhưng Chúa không giận. Chúa tha thứ, Chúa vốn nhân từ".

Đêm ấy, tôi ngồi ngoài hè tường nhà tu kín. Đường phố thị xã xe chạy ầm ầm tôi không ngủ được. Sáng sớm hôm sau, tôi xuôi đường để tìm về đền Tía.

Đền Tía ngay sông, chênh vênh trên một kè đá xây cất công phu, Ông từ giữ đền Tía tên là Kiệm, làm nghề đánh cá, trạc sáu mươi tuổi, ở ngay trong đền. Tôi vào trong đền, thấy cá phơi đầy trong sân, gác cả trên hai thanh cột quá giang. Ông Kiệm cho tôi nhắm rượu cá nướng. Ông Kiệm bảo: "Tôi giữ đền này hơn bốn mươi năm, ở một mình, nuôi mỗi con rùa làm bạn". Ông chỉ cho tôi con rùa buộc dây nằm dưới gầm giường. Tôi hỏi ông về Mẹ Cả.

Ông Kiệm bảo: "Tôi không biết. Nhưng trận bão ấy thì nhớ, sét đánh cụt ngọn cây muỗm ở trên bãi Nổi, cậu phải về đấy hỏi xem ".

Tôi ở chơi với ông Kiệm buổi sáng, dọn giúp chỗ mái đền dột. Buổi trưa, tôi chào ông Kiệm, tất đồng về bãi Nổi.

Đường về bãi Nổi đi qua Đoàn Hạ, tôi hỏi thăm nhà ông Hội, nghe nói ngày xưa cha con ông được Mẹ Cả cứu. Ông Hội đã già, lẩn lộn cả. Ông Hội bảo: " Đào cát. Khoét hàm ếch. Sụt xuống. Nặng lắm. Máu ộc ra..." Hỏi gì cũng chỉ nói từng ấy tiếng. Con trai ông Hội bảo tôi: "Ông cụ có nhớ gì đâu. Tai điếc ba bốn năm rồi". Tôi buồn rầu, chào cha con ông rồi về.

Tôi bơi qua sông, đến bãi Nổi. Cây muỗm đại thụ bị sét đánh bao nhiêu năm khô xác, dưới gốc cây, bọn trẻ đốt lửa làm thành cái hốc lõm sâu đen sì. Tôi rẽ vào một túp lều canh lưới cạnh đấy. Tôi ngó vào, rùng mình thấy trong xó tối, có một lão già nằm trên ổ rơm dưới đất. Thấy tôi, lão già hỏi: "Đỏ Thi đấy à?" Lão già nhỏm lên, tôi kinh hoàng thấy lão già trông chẳng khác gì ma quỷ, râu tóc lởm chởm, đôi mắt đục ngầu. Tôi đoán lão già bị liệt, hai chân teo lại, ghét bám hàng tầng, lông chân trông như lông lợn. Tôi chào lão già, ngạc nhiên thấy lão anh minh lạ thường, nói năng rành rọt. Một lúc sau, qua câu chuyện, tôi biết lão già là bố đỏ Thi ở bên Đoài Hạ. Lão già bị liệt mấy chục năm rồi, chỉ nằm một chỗ trông lưới.

Trò chuyện mãi, tôi hỏi lão già về chuyện Mẹ Cả. Lão già ôm bụng cười lăn lộn, đôi chân liệt bất động trông rất đáng sợ. Tôi chưa thấy ai khủng khiếp như vậy. Lão già bảo tôi: "Mày có trông thấy cái nia rách kia không? Đôi giao long quấn nhau ở trong ấy đấy...". Lão già lại cười. Tôi kinh hoàng sợ hãi. Lão già lại bảo: "Hồi ấy tao chưa bị liệt. Tao bịa ra chuyện Mẹ Cả. Ai cũng tin. Mộ Mẹ Cả kia kìa, mày muốn biết hình Mẹ Cả đào lấy mà xem!" Lão già chỉ một nấm đất gần kề gốc muỗm. Tôi lấy chiếc mai trong lều ra chỗ nấm đất, đào lên. Tôi đào theo kiểu người ta vẫn đào khi bốc mộ. Được hơn một mét, tôi lôi ở dưới ấy lên một khúc gỗ mục chẳng hình thù gì.

Tôi ngồi rất lâu bên khúc gỗ ấy. Lão già ma quỷ cũng đã thôi cười, bây giờ chắc ngủ trong lều.

Trước mặt tôi, dòng sông đang thao thiết chảy. Sông chảy ra biển. Biển rộng vô cùng. Tôi chưa biết biển, mà tôi sống nửa cuộc đời rồi đấy... Thời gian cũng thao thiết trôi. Hơn mười năm nữa đến năm 2000...

Tôi đứng lên, đi về nhà. Ngày mai tôi đi ra biển. Ngoài biển không có thủy thần...

# cún



*Nguyễn Huy Thiệp*

## *I- Gây Chuyện*

Trong số người quen của tôi, tôi rất nể phục nhà nghiên cứu văn học K. Anh am hiểu các vấn đề lý luận văn học ở ta (lĩnh vực mà thú thực tôi không hiểu gì mấy). Những bài viết của K. có thời được nhiều người ví như "ngọn roi" quất vào "con ngựa sáng tác văn học" giúp nó phi nhanh hơn và không trật đường.

K. đẹp trai, thông minh, đặc biệt nhạy cảm với những cái gì đau đớn, tủi cực. Nhiều lần đi chơi với anh, tôi thấy K. thường lảng tránh những nơi có người ăn mày hoặc người tàn tật. Trường hợp không lảng tránh được, K. rất bối rối, tôi thấy mặt anh tái đi, anh bốc hết túi cho người ăn mày hoặc người tàn tật đó.

Với tôi và các nhà văn trẻ thuộc thế hệ tôi, K. rất nghiêm khắc. K. đòi hỏi cao điều mà anh gọi là tính người: tinh thần làm việc, đức hy sinh, lòng tận tụy, chữ "tâm"... và dĩ nhiên cả văn phạm nữa. Sự nghiêm khắc ấy làm cho tình bạn của hai chúng tôi không phải là không sóng gió. Tuy nhiên, tôi khâm phục K.

Nhiều khi lẩn thẩn, tôi nghĩ rằng phải có một lý do nào thật sâu xa lắm mới rèn nên được một người như K. Có lần tôi gặng hỏi mãi, K. tự dưng buột miệng:

– Cha tôi là Cún. Cả một cuộc đời ngắn ngủi của ông chỉ có độc một khát vọng thành người thế mà không được...

Từ câu nói ấy, của K. tôi viết câu chuyện này...

## *II- Câu Chuyện*

Cún biết cái chết sẽ đến với Cún chỉ vài phút nữa. Chân Cún đã lạnh, cái lạnh từ chân cứ thế ngược lên, bao giờ cái lạnh ngấm đến đỉnh đầu là hết, là vĩnh biệt con người. vĩnh biệt cuộc sống...

Cún há miệng ra. Khát, khát... Cún thấy cổ họng mình se lại. Cảm giác bị dồn, bị đè bao phủ toàn thân. Cún biết lần này Cún không thể thoát nó. Nó đấy! Nó thò cái lưỡi vô hình, đen như đêm tối liếm vào đôi mắt Cún rồi...

Hơn chục năm trước, người ta thấy Cún ở một cái cống bên con sông đào ngoại ô thành phố. Con sông đen ngòm nước thải, đầy rác, giấy vụn và những đám bèo Tây lá đầy bụi bặm. Cái cống xi măng vỡ nằm ngang con đường đất nhỏ, hứng gió cả ở bên phía bờ sông, cả ở bên phía cánh đồng. Cún nằm trong đống tã rách hôi hám, cả đầu cả chân tím ngắt vì gió. Chẳng hiểu sao Cún không chết ngay khi ấy? Chắc vì lão Hạ. Nếu Cún không gặp lão Hạ, chắn Cún đã chết ngay rồi.

Lão Hạ là lão ăn mày ở chợ. Hôm ấy, không hiểu sao lão Hạ lần ra cống. Đứng trên đường, lão nghe thấy tiếng khóc. Tiếng khóc như từ dưới đất vọng lên, như từ âm phủ vọng lên. Lão rùng mình hãi sợ. Chiều đang xuống, nắng đã tắt, ráng mây mỡ gà ở phía chân trời hắt xuống mặt đất một vệt ánh sáng lạnh lẽo và kinh dị. Gió bấc đuổi nhau hun hút quanh các lều chợ lụp xụp không bóng người. Lão Hạ run cầm cập. Quang cảnh này hồn ma rất dễ hiện hình. Đây là thời khắc xuất hiện ma quỷ. Gần cả đời người. Lão Hạ sống nhưng không sợ người, người chỉ làm lão yêu hoặc lão ghét, thích hoặc không thích, lão Hạ chỉ sợ cái gì không phải là người.

Lão Hạ sợ quá, bủn rủn hết cả chân tay. Tiếng khóc ngằn ngặt đúng là có thật. Lão giỏng tai nghe. Đúng là tiếng khóc trẻ con.

Lão Hạ cuống cuồng chạy xuống vệ sông. Lão vừa chạy vừa ngã. Tiếng khóc níu lão lại. Lão nhìn lên đường và nhận ra đứa bé nằm ở trong cống.

Lão Hạ dần dần hoàn hồn. Hóa ra chẳng có quỷ ma nào cả! Hú hồn hú vía! Ma quỷ đã bỏ mất một cơ hội để rình chộp lão!

Lão Hạ bò về phía cống, thò tay kéo đứa bé ra. Chân tay đứa bé lạnh buốt.

Lão Hạ ôm đứa bé về lều chợ. Lão đặt tên nó là Cún. Cún là tên chó không phải tên người. Đứa bé này thật cũng chưa phải là người, nó kỳ hình dị dạng, đầu nó to tướng, hai chân hai tay mềm oặt như chẳng có xương, chỉ hơi lệch trọng tâm là người nó ngã kềnh ra đất. Điều kỳ lạ là Cún có khuôn mặt đẹp lạ lùng.

Cún ở cùng lão Hạ. Cún không chết bởi nó có hai khả năng kỳ quặc. Một là đôi mắt, đôi mắt của nó làm cho tất cả mọi người xung quanh đều sợ hãi. Họ đi qua Cún mà không bỏ một đồng hào vào cái nón rách thì không an lòng. Ánh mắt Cún ám ảnh họ, hành hạ họ suốt đêm ngày. Khả năng thứ hai của Cún là khả năng chịu đựng tuyệt vời: nó chịu được đói, được rét, nó sống trơ trơ như thân thể nó được tạo bằng thức nguyên liệu siêu phàm.

Lão hạ đâm quý thằng bé tàn tật. Có nó, lão kiếm tiền được dễ dàng hơn.

Lão mang thằng bé đi khắp đó đây kiếm ăn. Chỉ trong một hội Phủ Giày, lão kiếm được bằng mấy năm, lão đi ăn xin một mình. Cách làm của lão thật đơn giản. Lão cứ đặt Cún nằm ngửa một chỗ với cái nón mê giữa đám đông người. Thế là xong chuyện. Cún sẽ cựa quậy và mắt nó sẽ làm việc, mắt nó sẽ hỏi mọi người.

– Này ông, này bà! Ông bà là người, hãy nghĩ đến tôi là kẻ chưa được thành người...

Lão Hạ nấp ở đâu đấy, khi thấy nón đã khá tiền thì ra thu về. Thỉnh thoảng lão đút cho Cún mấy miếng bánh đúc ngô tựa như người ta đút cho những con gà mang bán ở chợ.

Lão Hạ coi Cún như con. Tuy nhiên, lão cũng chẳng quan tâm nhiều lắm đến thằng bé. Lão có bao nhiêu việc phải làm. Con người của nghề nghiệp khác có bao nhiêu việc ở đời thì việc của lão ăn mày cũng nhiều như thế. Ở trong thế giới ăn mày, thân phận một đứa bé con què quặt chẳng đáng kể gì. Lão hạ chẳng hề áy náy vì những lần để Cún đói lả, run người trong những trận sốt mê man để đi uống rượu hay đi đánh bạc. Bản thân lão cũng đã bao lần bị đói, bị ốm, bị rét như thế. Trong thế giới ăn mày, người ta có thể sử dụng một đứa bé con trong vài ba tháng để làm cớ xin ăn. Khi đứa bé chết, người ta vứt nó ra ngoài đống rác như vứt một thứ vật hỏng bình thường, như cái rổ, cái rế... Việc kiếm ra một đứa bé không khó. Chỉ cần vài ba đồng bạc, một sái thuốc phiện, một bộ quần aó cũ là xong. Đời còn đói rét. Đói rét bất chấp tất cả, cả đạo lý, cả tình người.

Cún lớn dần lên, Cún dần ý thức được thân phận mình, buộc phải ý thức về hoàn cảnh mình.

Năm ấy, bấy giờ đang có chiến tranh, nhiều người chết đói. Trời rất lạnh. Cún và lão Hạ nằm cuộn trong hai bao tải ở một hiên nhà cách chợ Mới ngoại ô thành phố chừng trăm mét. Lão Hạ ho dồn. Lão ta yếu lắm, đã mấy ngày nay lão không dậy được, thỉnh thoảng lại ho ra máu.

– Cún này, mày đã lớn rồi... Tao sắp chết rồi... Mày sắp mất tao, mất chỗ dựa rồi... – Lão Hạ thều thào bảo Cún – Thực ra tao cũng chẳng phải chỗ dựa của mày. Cả tao và mày cùng sống... sống như con giun, con dế, như con ong, cái kiến... – Lão, ho sù sụ rồi khóc – con người sống khác... Trời ơi, sao trời hành hạ chúng con như thế? Chúng con muốn sống như mọi người thôi mà không sống được...

Cún lắng tai nghe. Cún mặc kệ lão Hạ nức nở rền rầm một mình. Cún chẳng nói gì. Cún quen với cảnh này rồi. Cún lấy tay co cái bao tải rách che bụng. Cún thở dài... Cún mệt mỏi rã rời. Hơn chục năm nay, Cún đi ăn mày, Cún cũng chẳng lạ gì cuộc sống con người... *Ăn mày là ai, ăn mày là ta... Đói cơm rách aó hóa ra ăn mày...* Cuộc sống con người đầy bất trắc và vô nghĩa,

họ sống cũng như Cún, như lão Hạ, như con giun, con dế, như con ong, cái kiến... Cún chỉ đau đớn vì Cún khuyết tật. Cún chưa phải là người, cái gì mọi người làm được thì Cún đều thấy khó quá. Càng lớn, Cún càng thấy việc Cún đứng vững ở trên mặt đất thực chẳng dễ gì. Cún cứ lẩy bẩy, cứ đi ba bước là lệch trọng tâm, cứ thế ngã quay ra đất. Hai chân hai tay của Cún không tuân theo được ý mình.

Gần đây, Cún tự dưng lo sợ, lo sợ một cái gì đấy vô hình. Cũng chẳng hiểu Cún lại hay nhớ,hay mơ đến Diệu, cô chủ nhà mà Cún và lão Hạ nằm ở hiên này. Cô Diệu bán hàng ở chợ, người lúc nào cũng thơm nức nước hoa, băng phiến. Cô Diệu có đôi mắt nhỏ và hai cánh mũi mỏng dính phập phồng. tính cô hay đùa, hay cười. Cô hay gọi Cún là "thằng hình nhân mặt đẹp".

– Này thằng hình nhân mặt đẹp! Cho mày một hào, sáng mai mày ra đón cửa cho tao. Mày như ngôi sao Hóa Lộc ở cái nhà này. Hôm nào đi chợ gặp mày là người thiên hạ xô vào mua bán như tranh như cướp...

Cún cười bẽn lẽn. Cún cúi xuống nhặt đồng hào nhưng lại chúi người ngã quay ra đất. Đồng hào cách bàn tay Cún ba hàng gạch. Cún nhỏm dậy lấy một đầu gối làm trụ để giữ trọng tâm. Cún giơ tay với nhưng không giữ được, lại ngã nghiêng người sang phải. Đồng hào còn cách Cún một hàng gạch nữa. Cô Diệu cười như nắc nẻ trên bậc thềm nhà:

– Cái thằng hình nhân mặt đẹp này ngộ quá chừng...! Cố lên! Cố lên lần nữa xem nào!

Cún thích chí cười. Trời ơi, Cún đã làm cho nàng thích. Cún thấy sung sướng. Cún nhỏm dậy, cố gập hai đầu gối. Được rồi... Thế, thế... Chỉ có thêm một tí nữa và nghiêng người sang trái là chạm được vào đồng hào rồi. Cún thở hổn hển, mồ hôi toát ra. Cún ước lượng Cún cười. Đúng lúc Cún bật nghiêng người lên thì Diệu nhạy thụp xuống nhặt đồng hào để nhích sang một hàng gạch bên cạnh. Diệu ré lên cười. Cún bị mất đà ngã xuống nền gạch. Cún đập trán xuống nền gạch, máu trong miệng Cún trào ra nhưng Cún mặc kệ Cún hít vội vàng cái mùi đàn bà quyến rũ. Chưa bao giờ Diệu lại ở gần Cún như thế.

Cún cười sằng sặc. nếu Cún biết hát thì Cún sẽ hát...

Lão Hạ ngồi yên trong góc tường vỡ thương hại nhìn Cún. Lão nhỏm dậy chậm chạp đến chỗ đồng hào, lão lẳng lặng nhặt đồng hào cho vào túi mình.

– Thằng già khốn nạn! Diệu bặt nụ cười, môi mím lại đanh đá – Đồng hào không phải cho mày đâu đấy! Rồi lại đi nướng vào rượu cho xem.

Lão Hạ đứng im ủ rũ như người có lỗi, vai lão so lại như chờ người đánh, Diệu đi khuất vào nhà, lão Hạ mới ngồi thụp xuống lau máu cho Cún rồi xốc nách Cún dìu về phía chợ...

Cô Diệu ấy len vào đời Cún dần từng ngày một. Cún cứ miên man suy nghĩ. Cún hình dung thấy cô Diệu đi lại, nói cười, Cún chẳng để ý gì đến những tiếng kêu ú ớ nghẹn ngào của lão Hạ nằm bên cạnh Cún. Mãi sau, lão Hạ hộc lên, những ngón tay sần sùi của lão bấu vào mặt của Cún rất đau Cún mới bừng tỉnh. Cún mở mắt ra, Cún giật mình thấy mặt lão Hạ biến dạng hẳn đi, mặt lão trắng bệch như sáp, nhân trung lệch sang một bên. Từ miệng lão, máu đen trào ra ồng ộc. Lão cố ú ớ nói gì đó. Bàn tay lão cố ấn vào tay Cún một cái túi con nằng nặng. Cún bò nhổm dậy. Cún đã hiểu ra sự việc: cái chết nó đang hiện ra bằng xương, bằng thịt ở trước mặt Cún. Nó đấy. Nó nấp trong tròng mắt sâu hoắm và không thần sắc của lão Hạ đây. Cún khóc nức nở, thế là Cún đã mất đi một chỗ dựa rồi, chỗ dựa để Cún khỏi lệch trọng tâm ở trên mặt đất mà chính Cún cũng chỉ hiểu rất lờ mờ...

Sau cái chết của lão Hạ, số phận Cún cũng chẳng đổi thay mấy. Vẫn đói và rét. Trong cái mùa đông khủng khiếp năm ấy, Diệu đi lấy chồng. Chồng Diệu là một gã trai đưa hàng. Gã có đôi mắt khô ráo hoảnh. Mắt gã chẳng hề xúc động trước một điều gì. Cún theo dõi từng ngày cuộc sống của người con gái. Cún linh cảm thấy rồi cô sẽ chẳng được sung sướng gì.

Linh cảm không đánh lừa Cún. Ba tháng sau ngày cưới, gã chồng cô Diệu cuỗm sạch tài sản của vợ mới cưới trốn đi Nam Bộ với cô tình nhân mới.

Cô Diệu như kẻ hóa rồ. Chỉ vì nhẹ dạ cả tin mà cô mất hết. Cô ốm đến hơn tháng trời, có lúc cô định tự vẫn.

Ngày cô Diệu khỏi ốm, bắt đầu ăn giả bữa được là một ngày hè nắng dịu dàng. Cô ngồi trong buồng trông ra ngoài phố. Nắng lung linh trên vòm lá bàng, cả vòm lá xấu và vòm lá đinh lăng nữa. Nhà cô đi vắng hết, chỉ có tiếng mọt nghiến gỗ gai cả ngày kêu ở góc chiếc tủ mọt rỗng không. Cô Diệu nhớ chợ, cửa hàng xén của mình. Liệu đến bao giờ cô mới có được cửa hàng như thế?

Cô Diệu buồn bã trông ra ngoài phố. Cô chợt thấy Cún ngồi ngay thềm cửa nhà mình. Cún đang đưa tay thu thu cái gì trong túi. Cô quỳ xuống ngó ra cửa sổ, Cún đang giở bọc vải lão Hạ cho Cún, cái bọc vải gụ, khâu chỉ đen, bé xíu như cái mề gà. Cô Diệu bỗng giật thót mình vì thấy trong lòng tay Cún lóng lánh mấy chiếc nhẫn vàng. Cô thấy lạnh toát sống lưng. Chân tay cô run bần bật. Một ý nghĩ bất chợt lóe trong óc cô.

– Này thằng hình nhân mặt đẹp! – cô vội hé cửa ngồi thụp bên Cún – Mày có cái gì trong tay đấy?

Cún ngẩng mặt lên, Cún xòe tay ra và nói bằng giọng khoe khoang hồn nhiên như đứa trẻ dại:

– Nhẫn đấy! Đây là nhẫn vàng lão Hạ cho Cún...

– Vàng thật hay là vàng giả? – Cô Diệu chộp lấy tay Cún; trong tay của cô có ba chiếc nhẫn, mỗi chiếc đã đến hai đồng cân vàng.

– Để tao xem thử sao nào? – Cô Diệu cầm từng chiếc nhẫn và khẽ để rơi trên nền đá. Cô lắng tai nghe. Cô soi ra ánh nắng! Cô cho vào miệng cắn. Cô xuýt xoa rên rỉ:

– Trời ơi, vàng thật đây rồi ... Cả một gia tài đây nhé. Cái thằng hình nhân mặt đẹp này thật là giàu...

Cô tái mặt đi, cô cười, cô khóc, cô đấm thùm thụp vào người của Cún.

– *Thực vàng chẳng phải thau đâu... Đừng đem thử lửa mà đau lòng vàng...* Thằng chó con này! Sao đến bây giờ tao mới biết mày?

Cún cười sung sướng. Cún lịm người đi như mê. Cô Diệu xốc Cún đứng dậy.

– Vào đây... vào đây... Cái thằng chó con giàu có...

Cô Diệu khép cánh cửa lại, ấn người Cún xuống ghế. Cô lồng nhẫn vào ngón tay rồi chắp hai tay ra phía đằng sau. Cô đứng sát trước mặt Cún, người hơi ưỡn ra phía trước như một cây cung...

– Thế nào? Tao mặc cả nhé! – Cô Diệu vừa nói vừa cười, ý nghĩ của cô rạch nhanh như những tia chớp trong đầu. Mày hãy cho tao ba cái nhẫn này, mày không có nó cũng không sao... Mày vẫn là đứa ăn mày... Thế nào? Có đồng ý không? Mày muốn gì tao cũng nghe mày...

Cún gật đầu, hai khóe mắt Cún đầy lệ. Cún chỉ thấy sung sướng, Cún đã làm cho nàng thích. Nàng đã bình phục. Nàng đã khỏe rồi. Cún như mê ngủ. Như người trong mộng.

– Thế nào? – Cô Diệu cúi người cọ trán của cô vào trán của Cún – Làm gì mà thần mặt ra như thế? Cô cười sằng sặc – Nói đi. Nói đi... Bây giờ mày muốn cái gì.

Cún đưa tay lên, Cún không chủ động được những sợi gân chằng ở trong cánh tay, cánh tay Cún vẽ một cử chỉ vu vơ trong khoảng không. Những người châm hương trước bàn thờ cũng có cử chỉ vu vơ như thế...

– Hiểu rồi... Tao hiểu rồi – Cô Diệu ngồi xuống bên Cún vuốt ve – Mày cũng là thằng khốn kiếp lắm kia! Đàn ông chúng mày là thế hết... Được đấy... Được rồi... Thế là phải giá... Được rồi... Tao chỉ sợ mày sẽ không làm được. Thằng chồng mất dạy của tao còn không làm cho tao chửa được nữa là...

Cô Diệu kéo Cún vật ra giường. Cún hoảng sợ. Cún nhắm mắt lại rồi úp mặt xuống cánh mũi phập phồng hơi ánh một màu xanh mờ của Diệu. Cún như người đang bay trên mây... Cún cảm thấy bao nỗi buồn trĩu nặng của cuộc đời Cún bỗng dưng được trút hết cả đi, khuây khỏa lạ lùng.

Cuối cùng, Cún đã không hiểu Cún đã ngồi ở vỉa hè từ khi nào nữa.

– Thế là chẳng có nợ nần gì nhé!

Cún nghe thấy tiếng nói của Cô Diệu đâu đó và Cún hiểu rằng Cún vừa trải qua một điều gì đấy thật ghê gớm, thật to lớn. Cảm giác trống rỗng nhưng sung sướng tuyệt trần choán ngợp trong lòng.

Cún không hiểu rằng đây là cơ hội duy nhất trong cuộc đời khốn nạn của Cún có cảm giác này. Cơ hội đó, oái oăm thay, để chín tháng sau cho Cún một đứa con trai...

Chín tháng sau cái ngày hè ấy, cô Diệu sinh con trai. Từ mấy tháng trước, cô đã báo Cún biết tin này:

– Này thằng hình nhân mặt đẹp... Mày sắp có con rồi đấy! Tao cũng không ngờ có chuyện quái quỷ thế này!

Cún mừng rỡ. Cún như một người điên dại.Cún không ăn không uống, người chỉ còn da bọc xương. Trời ơi, Cún sẽ có con! Một kẻ chưa được thành người lại sẽ có con. Cún đã hình dung về nó thật rõ ràng. Nó đi mạnh mẽ ơ trên mặt đất, nó không bao giờ lệch trọng tâm, nó vừa đi vừa mỉm cười, xung quanh nó là một vầng ánh sáng đủ màu.

Cún sống trong thạng thái bất yên mấy tháng trời trong khi cô Diệu mang thai. Cún ốm nặng, Cún chỉ sợ nhất cái chết ập đến bất ngờ khi Cún chưa biết đứa con thế nào. Cún thỏa thuận với cái chết, Cún cầu xin nó từng ngày. Cái chết đồng ý cho Cún chờ đến cái phút con Cún ra đời, nó sẽ thay thế Cún chạy tiếp chặng đường đi trên mặt đất.

Đúng đêm cô Diệu đẻ, Cún bò lê từ lều chợ đến cửa sổ nhà cô. Trời mưa phùn, cái lạnh thấm vào người làm Cún tê buốt. Đầu Cún nóng bừng, thỉnh thoảng Cún lại ngất đi mê man. Chỉ hơn trăm mét mà Cún thấy xa xôi quá. Cún cố gắng giành giật từng mét đường đi cùng với cái chết. Nó đấy. Nó đen như cái đêm tối kia rồi. Cún cứ nhích lên là nó lại kéo Cún ngã dúi xuống bùn.

Cún vừa lết đi vừa rên, máu từ trong tai rỉ rỉ chảy ra. Cún đến được hiên nhà bên cái cửa sổ sáng đèn thì ngất xỉu. Khi tỉnh lại, Cún có cảm giác như bị một vật gì mông mênh đè nặng lên người.

Cún há miệng ra... Khát, khát. Cún thấy khát khô cổ họng. Cả đời ăn mày nhọc nhằn của Cún cũng chưa bao giờ bị khát thế này. Cún cố nín thở để giữ sức lực. Cún chờ tín hiệu của đứa con mình. Cún cứ hết mê lại tỉnh. Mãi đến nửa đêm Cún bỗng giật mình vì những tiếng kêu rối rít trong nhà. Có tiếng oa oa của trẻ sơ sinh... Tiếng khóc con trai. Cún biết nó đấy, đứa con mà Cún chờ đợi nay đã ra đời.

Cún cười sung sướng rồi lịm người đi. Có một làn gió rất chi mơ hồ lướt trên khuôn mặt bất động của Cún.

Cún đã chết. Cuộc đời thật ngắn ngủi, cuộc đời của kẻ chưa được thành người. Đấy là mùa đông năm 1944

***III– Kết Chuyện***

Sau khi viết xong chuyện Cún, tôi mang đến đọc cho nhà nghiên cứu văn học, giáo sư tiến sĩ K. nghe. Mặt anh tái đi theo diễn biến câu chuyện.

– Không phải thế! – K. giằng lấy tập bản thảo ở trên tay tôi – Cậu viết những điều bịa đặt! Cần phải tuân theo chủ nghĩa hiện thực. Hiện thực khác lắm! Cậu biết cha tôi như thế nào không?

– K. lục lọi đâu đó ở trong tủ sách và anh lấy ra một tấm ảnh màu. Anh cười khe khẽ, hơi ngân nga nữa, bàn tay mềm mại chạm vào giữa huyệt Du chí ở khuỷu tay tôi:

– Cha tôi là Cún nhưng không phải thế! Hiểu không? Ảnh của ông cụ đây này!

Trong ảnh, một khuôn mặt đàn ông to béo mặc áo the đen, cổ hồ cứng, có hàng ria đen xén gọn nhìn tôi mỉm cười.

# vàng lửa



*Nguyễn Huy Thiệp*

"Đành lòng vậy... Cầm lòng vậy...".

Ông Quách Ngọc Minh, ngụ ở Tu Lý, huyện lỵ Đà Bắc viết thư cho tôi: "Tôi đã đọc truyện ngắn Kiếm sắc của ông kể về tổ phụ tôi là Đặng Phú Lân. Riêng chi tiết gặp Nguyễn Du không thích. Nhân vật "người trẻ tuổi trong quán trong trẻo lạ lùng, tâm hồn sạch như ở núi ra" không ra gì. Bài hát "Tài mệnh tương đố" có ý gán cho Nguyễn Du là khéo mà không khéo vậy. Ông gắng thu xếp lên chơi. Tôi sẽ cho ông xem vài tư liệu, biết đâu giúp ông có cách nhìn khác. Con gái tôi là Quách Thị Trinh sẽ mời ông món canh cá nấu khế ông thích...".

Nhận được thư, tôi liền lên thăm gia đình ông Quách Ngọc Minh. Những tư liệu cổ mà ông Quách Ngọc Minh gìn giữ thật độc đáo. Về Hà Nội, tôi viết truyện ngắn này. Khi viết, tôi có tự ý thay đổi một vài chi tiết phụ và sắp xếp, chỉnh lý lại các tư liệu để hợp với việc kể chuyện.



Năm 1802, Nguyễn Phúc Ánh chiếm Thăng Long, lên ngôi vua, đặt tên hiệu là Gia Long. Bên cạnh nhà vua có vài người Châu Âu giúp việc. Trong số ấy có một người Pháp tên là Phơ-răng-xoa Pơ-ri-ê do chính giám mục Pi-nhô đờ Bên-han (Bá Đa Lộc) tiến cử. Nhà vua thường gọi y là Phăng.

Phăng từ nhỏ đã thích phiêu lưu. Y từng tham gia cách mạng 1789, bạn với Xanh Giuýt. Năm 1794, cách mạng thất bại Phăng trốn ra nước ngoài. Năm 1797, Phăng theo chân một tàu buôn trôi dạt đến Hội An. Người ta không rõ cuộc gặp gỡ của y với Bá Đa Lộc, chỉ biết Bá Đa Lộc có viết thư giới thiệu Phăng với vua Gia Long.

Trong tập bút ký của mình sau này, Phăng viết:

" Nhà vua là một khối cô đơn khổng lồ. Ông đóng trò rất giỏi trong triều

đình. Ông đi ra đi vào, ra các mệnh lệnh, chấp nhận sự tung hô của bọn quần thần. Ông là người cha nghiêm khắc của lũ con ích kỷ, đần độn. Là người chồng đáng kính của các bà vợ tầm thường... Ông biết ông đã già, với bọn cung tần mỹ nữ trẻ đẹp ông bất lực. Ông biết rõ cái triều đình thiển cận ông dựng nên, hiểu rõ quốc gia mình nghèo đói. Ông luôn lo sợ bởi quyền lực nắm trong tay, nó lớn ngoài sức chứa một con người..."

Trong một chuyến đi săn ở phía Bắc kinh thành Huế, Phăng đi theo vua Gia Long. Phăng kể:

"Nhà vua cỡi ngựa, lưng rất thẳng. Ở giữa thiên nhiên, trông ông rạng rỡ, mất đi vẻ đăm chiêu cau có hằng ngày. Ông vui vẻ vào cuộc săn hào hứng. Buổi tối, ngồi với tôi, ông bảo: "Khanh biết không, cái lũ chó ấy, chúng nó chuẩn bị cả rồi. Chỗ nào trẫm đi qua thì chúng thả thú ra". Tôi ngạc nhiên tôi hỏi vì sao nhà vua "vốn xuất thân là một võ tướng" lại chịu được sự nhục mạ ấy. Ông cười: "Khanh chẳng hiểu gì. Vinh quang nào chẳng xây trên điếm nhục?" Tôi ngồi nghe nhà vua, nhận thấy ông trải đời ghê gớm. Ông hiểu bản chất đời sống cộng sinh. Số phận ngẫu nhiên giao cho ông đứng trên đỉnh cao nhất, ông không dám phá vỡ bất cứ quan hệ nào làm hại đời sống cộng sinh đó, bởi phá vỡ nó, nghĩa là ngai vàng không còn đứng vững. Tôi có hỏi nhà vua về các nhà tư tưởng phương Đông. Tôi nhận thấy ông không quan tâm đến họ. Ông bảo: "Tất cả do cay cú đời sống. Họ là quá khứ. Thời khắc đang sống là đáng kể". Nhà vua chăm chú ăn món gân hổ hơn là tiếp chuyện tôi...".

Phăng được vua Gia Long cho phép đi nhiều nơi. Phăng từng gặp Nguyễn Du, bấy giờ còn đang giữ chức tri huyện. Phăng kể:

"Trước mặt tôi là một người nhỏ bé, mặt nhàu nát vì đau khổ. Ông nổi tiếng là một nhà thơ có tài. Tôi thấy ông hoàn toàn không hiểu gì về chính trị. Trước sau ông là một viên quan tận tụy. Ông hơn những người khác ở nhân cách nhưng nhân cách ấy có giá trị gì khi cuộc đời thực ông sống xúi xó, túng kiết? Ông hoàn toàn thiếu tiện nghi. Ông không phù phiếm nhưng sự hào hoa cũng không có nốt. Đời sống tinh thần bóp nghẹt ông. Ông nói chuyện giản dị và hóm hỉnh. Trực giác tuyệt vời. Cũng như vua Gia Long, ông là một khối nguyên liệu to lớn nhưng nhẹ đồng cân hơn hợp chất tạo thành ít hơn, độ bám của bụi bặm cũng ít hơn. Cả hai đều là nhưng khối nguyên liệu vô giá, những vật quốc bảo.

Phăng được Nguyễn Du dẫn đi thăm một vài nơi trong địa hạt của mình. Phăng viết:

"Ông ta (tức Nguyễn Du) có sự thông cảm sâu sắc với nhân dân, ông yêu nhân dân mình, ông đại diện cho nhân dân ở phần u uẩn nhất, trữ tình nhất nhưng cũng đáng thương nhất. Vua gia Long không đại diện cho ai, ông chỉ chịu trách nhiệm với mình. Đấy là điều vĩ đại nhưng cũng đê tiện khủng

khiếp. Nhà vua có cách nhìn thực tiễn với từng khắc tồn tại như thế cũng là của dòng họ, của quốc gia, của dân tộc. Ông biết xót thân ông. Nguyễn Du thì khác, Nguyễn Du không biết xót thân ông. Ông thông cảm với những đau khổ của các số phận đơn lẻ mà không hiểu nổi đau khổ lớn của dân tộc. Đặc điểm lớn nhất của xứ sở này là nhược tiểu. Đây là một cô gái đồng trinh bị nền văn minh Trung Hoa cưỡng hiếp. Cô gái ấy vừa thích thú, vừa nhục nhã, vừa căm thù nó. Vua Gia Long hiểu điều ấy và đây là nỗi cay đắng lớn nhất mà ông cùng cộng đồng phải chịu đựng. Nguyễn Du thì khác, ông không bao giờ hiểu điều ấy. Nguyễn Du là đứa con của cô gái đồng trinh kia. Dòng máu chứa đầy điển tích của tên đàn ông khốn nạn đã cưỡng hiếp mẹ mình. Nguyễn Du ngập trong mớ bùng nhùng của đời sống, còn vua Gia Long đứng cao hẳn ngoài đời sống ấy. Người mẹ của Nguyễn Du (tức nền chính trị đương thời) giấu diếm con mình sự ê chề và chịu đựng với tinh thần cao cả, kiềm chế. Phải ba trăm năm sau người ta mới thấy điều nầy vô nghĩa.

Nguyễn Du sống dân dã, ông hồn nhiên chịu đựng sự nghèo túng cùng nhân dân. Ông không đứng cao hơn họ, không hưởng thụ cao hơn họ, và như thế, ông hoàn toàn không biết làm chính trị. Tất cả đời sống vật chất của ông do những hoạt động cù lần mang lại năng suất thấp, chỉ thỏa mãn những nhu cầu tối thiểu. Lòng tốt của ông là thứ lòng tốt nhỏ, không cứu được ai. Vua Gia Long thì khác. Ông khủng khiếp ở khả năng dám bỡn cợt với tạo hóa, dám mang cả dân tộc mình ra lường gạt, phục vụ cho chính bản thân mình. Ông làm cho lịch sử sinh động hẳn lên. Đấy là lòng tốt lớn của nhà chính trị. Lòng tốt lớn của nhà chính trị không chỉ là làm việc thiện với một số phận đơn lẻ mà còn là sức đẩy của ông ta với khối cộng đồng. Từng phần tử trong cộng đồng do luật tự nhiên chi phối sẽ tự tồn tại, định hướng và phát triển. Không có một sức đẩy mạnh, cả cộng đồng sẽ mọc rêu, mủn nát. Cộng đồng Việt là cộng đồng mặc cảm. Nó bé nhỏ xiết bao bên cạnh nền văn minh Trung Hoa, một nền văn minh vừa vĩ đại, vừa bỉ ổi, lại vừa tàn nhẫn...

Phăng có kể lại cho vua Gia Long ấn tượng khi gặp Nguyễn Du. Phăng viết:

"Nhà vua nghe tôi một cách lơ đãng. Tôi có cảm giác ông bị nặng tai nhưng không phải. Ông không coi Nguyễn Du ra gì, hoặc có thể coi ông Nguyễn Du là một con ngựa giống tốt trong cả đàn ngựa, lợn, bò, gà mà ông chăn dắt. Ông bảo "Trẫm có biết người ấy. Cha nó là Nguyễn Nghiễm. Anh nó là Nguyễn Khản". Tôi thấy nhà vua hiểu sự bất lực của ông với đời sống nghèo khó và những trì trệ của dân tộc ông. Ông không tin học vấn có thể cải tạo giống nòi. Điều ấy có lý, trước hết là vật chất. Những hoạt động kinh tế cù lần chỉ đủ sức cho một dân tộc sống khắc khoải. Vấn đề ở chỗ phải đứng lên vươn thành cường quốc. Làm điều đó, phải có gan chịu đựng sự va xiết

trong quan hệ với cộng đồng nhân loại. Thói hủ nho và thủ dâm chính trị sẽ không bao giờ tạo được những quan hệ trong sáng, lành mạnh. Sẽ đến lúc nền chính trị thế giới giống như món nộm suồng sã, khái niệm thanh khiết ở đấy vô nghĩa.

Năm 1841, người ta phát hiện ra một nơi có vàng, Phăng xin vua Gia Long cho một số người Châu Âu cùng mình đi tìm kiếm. Vua Gia Long đồng ý. Phăng không để lại tư liệu nào kể về chuyến đi tìm vàng này. Tuy nhiên có một người Bồ Đào Nha tham gia đoàn tìm vàng đã viết hồi ký. Người Bồ Đào Nha này kể lại:

"Đoàn chúng tôi có mười một người gồm bốn người Bồ Đào Nha, một người Hà Lan, năm người Pháp và một người Việt dẫn đường. Chỉ huy chúng tôi là Phơ-răng-xoa Pơ-ri-ê. Y là một người tàn bạo, được vua Gia Long tin cậy... Chúng tôi đi ngựa, mang theo vũ khí và những dụng cụ đãi vàng như dân tìm vàng hồi thế kỷ trước ở Bắc Mỹ. Ngay Phơ-răng-xoa Pơ-ri-ê cũng không lường trước sự việc diễn ra. Điều ấy khiến cho sau này chúng tôi phải trả giá đắt. Đa số chúng tôi tham gia chuyến đi vì sự hiếu kỳ. Chúng tôi chuẩn bị lương thực đủ trong một tháng. Chúng tôi luồn rừng và đến nơi sau một tuần đi đường. Nơi đây là thượng nguồn một con sông lớn nằm kẹp trong thung lũng hoang vắng.Không hề thấy bóng người qua lại quạ bay hàng đàn. Trong bản đồ, Phơ-răng-xoa Pơ-ri-ê gọi đây là thung lủng Quạ. Chúng tôi cắm lều ngay bên bờ sông. Ngay ngày đầu tiên, người Hà Lan trong đoàn đã lên cơn sốt. Ông ta lên những cơn co giật khủng khiếp, người nóng như than, mặt xám lại. Chúng tôi đề nghị để lại một người chăm sóc ông ta nhưng Phơ-răng-xoa Pơ-ri-ê không nghe. Y dồn tất cả chúng tôi vào núi đào vàng và lọc quặng. Buổi tối, khi chúng tôi trở về thì người Hà Lan đã chết. Phơ-răng-xoa Pơ-ri-ê sai ném xác người Hà Lan xuống sông. Quạ lập tức bu đen trên thây người chết...

Mỏ vàng gần như lộ thiên. Sự hào hứng khiến chúng tôi quên mệt nhọc. Đến ngày thứ ba, chúng tôi bị thổ dân tấn công. Chúng tôi co cụm lại. Những người thổ dân cầm dao, gậy đứng từ xa chửi rủa và dùng đá ném chúng tôi. Họ có ý muốn đuổi chúng tôi chứ không có ý gì khác. Người Việt dẫn đường đi theo chúng tôi đã biến mất ngay từ khi những người thổ dân xuất hiện. Phơ-răng-xoa Pơ-ri-ê nói tiếng Việt rất tồi. Y giơ cao tấm thẻ tín bài của vua Gia long nhưng vô hiệu. Đáng lẽ chúng tôi phải rút ngay nhưng Phơ-răng-xoa Pơ-ri-ê không kìm chế được. Y nổ súng. Một người thổ dân trúng đạn. Số còn lại chạy tán loạn. Chúng tôi đòi Phơ-răng-xoa Pơ-ri-ê quay về nhưng y không nghe, y bắt chúng tôi tiếp tục làm việc. Vàng đã làm cho y lóa mắt và mụ mị đi. Buổi chiều khi chúng tôi quay về lều thì thấy đầu lâu của người Việt dẫn đường cắm trên cọc nhọn ngay bên cạnh đấy. Đêm ập

xuống, trời nóng như thiêu, chúng tôi thấy rất nhiều quạ bay từ rừng lên, vừa bay vừa kêu những tiếng man rợ.

Khoảng nửa đêm, lửa bốc cháy dữ dội chung quanh lều. Những mũi tên tẩm thuốc độc ở đâu bắn đến như mưa. Năm người trong đoàn chúng tôi trúng tên chết ngay. Phơ-răng-xoa Pơ-ri-ê mang theo số vàng đãi được mở con đường máu thoát ra. Lửa nóng quá. Trước mặt, sau lưng, trên trời,dưới đất, đâu đâu cũng thấy lửa cháy rừng rực..."

Hồi ký của người Bồ Đào Nha vô danh không viết gì thêm. Tôi,người viết truyện này đã cất công đi tìm các thư tịch cổ và hỏi han nhiều bậc bô lão. Không có tài liệu gì và cũng không ai biết gì về thung lũng Quạ hoặc chuyện những người châu Âu thời vua Gia Long. Mọi cố gắng của tôi trong nhiều năm nay vô hiệu. Tôi xin hiến bạn đọc ba đoạn kết cho câu chuyện này để bạn đọc tùy ý lựa chọn.

### *Đoạn Kết I*

Đoàn tìm vàng còn sót lại ba người. Phăng bảo toàn nguyện vẹn số vàng được đào mang về. Vua Gia Long vui mừng vì đã tìm được mỏ vàng. Nhà vua cho khoanh vùng thung lũng Quạ và cho tiến hành khai thác mỏ vàng. Phăng được cử trông coi việc này. Hai người châu Âu còn sót lại trong đoàn tìm vàng cũng được mời tham gia nhưng họ từ chối. Phăng trông coi việc khai mỏ trong hai năm. Vua Gia Long rất tin cẩn y và thường ban cho y những bổng lộc hậu hĩnh. Một hôm, người ta đưa đến cho y một món ăn quý do nhà vua ban. Đấy là món chim hầm bát bảo nấu rất công phu. Phăng ăn xong thì thấy bụng đau cồn cào dữ dội, mắt trợn ngược, máu hộc ra đầy mồm miệng. Y chết ngay trên bàn ăn. Trong một cuốn sổ ghi chép của y sót lại, người ta đọc thấy những dòng chữ sau:

"Tất cả những cố gắng của con người hướng về điều thiện đều là những cố gắng đau đớn, nhọc lòng. Điều thiện hiếm như vàng và sau đó phải được vàng bảo đảm nữa mới có giá trị thực.

Chúng ta sống vô nghĩa, nghèo khó và đau khổ trong những lý thuyết chắp vá đầy ngụy biện, những mối bất hòa kỳ thị dân tộc và đẳng cấp, những kinh nghiệm sống của chúng ta mong manh và vụn vặt xiết bao. Đến bao giờ, hỏi đến bao giờ, trên mặt đất này xuất hiện tiến bộ?".

### *Đoạn Kết II*

Thoát khỏi biển lửa, đoàn tìm vàng sót lại một mình Phăng. Y mang số vàng đào được tìm đến dinh viên quan sở tại. Phăng đưa ra thẻ tín bài có dấu triện của vua Gia Long xin được che chở. Quan huyện là một vị túc nho già, biết nghề thuốc. Phăng đã dưỡng bệnh ngay tại huyện lỵ hẻo lánh này. Con gái quan huyện là Vũ Thị còn trẻ nhưng goá chồng mang lòng yêu mến y. Sau

khi Phăng về kinh đô, y được vua Gia Long ban thưởng hậu hĩnh. Nhà vua đã cho tiến hành khai thác mỏ vàng.

Lúc này ở châu Âu, nền đế chế của Na–pô–lê–ông Bô–na–pác đã sụp đổ. Châu Âu chín chắn hơn. Họ bắt đầu hiểu vẻ đẹp và vinh quang một dân tộc không phải do cách mạng hoặc chiến tranh mang lại, cũng không phải do các nhà tư tưởng hoặc các hoàng đế mang lại, bởi vậy họ sống đỡ căng thẳng hơn, giản dị hơn, họ tự nhiên hơn. Phăng xin vua Gia Long mang theo Vũ Thị và một số vàng lớn hồi hương. Về Pháp, ông lập một ngân hàng và sống sung sướng đến già. Ông thường kể lại cho con cháu nghe về những kỷ niệm quá khứ, về những biến cố ở xứ An Nam xa xôi. Theo ông, thời ông ở An Nam mới là sự bắt đầu lịch sử của quốc gia người Việt, khi này biên giới phân định, chữ La tinh phổ biến, người Việt dần thoát ra sự cầm tù đáng sợ của nền văn minh Trung Hoa, có những mối giao lưu chung với cộng đồng nhân loại.

***Đoạn Kết III***

Tất cả đoàn tìm vàng bị giết chết. Lính triều đình bao vây và tấn công họ chứ chẳng có thổ dân nào cả như trong hồi ký của người Bồ Đào Nha vô danh lầm tưởng. Người ta tìm được vàng giấu trong đồ đạc của những người Châu Âu, nó lẫn trong quần áo và ở cả những sổ sách ghi chép nữa. Vua Gia Long cho sung công và sau đó cử một người trong hoàng tộc đứng ra lo việc khai thác mỏ vàng. Cuối đời, vua Gia Long sống trong cung cấm, tìm cách tránh mọi tiếp xúc với bên ngoài. Nhà vua rất ghét những ai nhắc lại mối quan hệ với người này, người nọ khi nhà vua còn hàn vi, dù đấy là người Việt, người Trung Hoa hay người châu Âu nào khác.

Triều Nguyễn của vua Gia Long lập ra một triều đại tệ hại. Chỉ xin lưu ý bạn đọc đấy là triều đại để lại nhiều lăng.

**Hà Nội 1988**




**Trần văn Thủy**

Ngày sinh: 29-11-1940
Đạo diễn

*Bi kịch và hài kịch thường xảy ra ở bất cứ đâu thì giữa cuộc đời và thuyết giáo là một khoảng cách quá xa*

# giới thiệu trần văn thủy



*Thụy Khuê*

Hôm Hoàng Khởi Phong điện thoại sang Paris nhờ tôi viết bài giới thiệu Trần văn Thủy thì tôi ngần ngại lắm, vì nhiều lẽ: hai chữ "giới thiệu" nghĩa rộng quá. "Giới thiệu" nghĩa là có thể nói... nhiều điều, nhưng với Trần văn Thủy, có thể nói được bao nhiêu? Nói như thế nào thì đăng được? Nói như thế nào để "có lợi" cho bên này? "Có hại" cho bên kia? Và nhất là nói thế nào thì không thiệt hại cho Trần văn Thủy, khi Thủy trở về nước?... Như thế tức là: *Chẳng nói gì, thì hơn cả*... Vì lối viết của tôi thường thường không đem lại lợi lộc gì cho ai, mà đôi khi còn làm nhiều người bực mình.

Thế nhưng, nghĩ đi nghĩ lại, cũng không từ chối được: người cầm bút "tự do" hải ngoại, *có mấy ai quen* Trần văn Thủy? Tình trạng nghi ngờ trên hai bờ tư tưởng dường như vẫn còn tồn tại và dai dẳng hơn bao giờ: tôi muốn nói đến những "mảnh tình vụng trộm", những trạng thái "đi đêm" với nhau giữa những người cầm bút bên này và bên kia, đôi khi đồng điệu trong tình cảm, trong chiều hướng tư tưởng, nhưng trên văn bản, giấy tờ, vẫn giả vờ lạnh nhạt, vẫn phải coi nhau như không có, vẫn không dám viết về nhau, vì nếu có viết, cũng chưa chắc có ai dám đăng.

Đất nước – trên địa lý – không còn chia cắt; nhưng dòng sông – trên thực tế –vẫn còn cuồn cuộn chia rẽ đôi bờ: Trần văn Thủy chỉ là những người vừa rời khỏi bờ này, Thủy vẫn còn bơi... dưới nước, chưa đáp sang bờ kia, vì nhiều người còn ngại, chưa dám dơ tay, chưa dám chờ đón; họ bảo: hãy còn sớm lắm, hẵng chờ.

Tôi không thích đi đêm và đợi chờ. Đất nước đã đợi chờ từ nhiều thập kỷ. Vì thế tôi nhận lời giới thiệu Trần văn Thủy.



Tôi quen Trần văn Thủy ở Paris. Anh Đặng Tiến dẫn Trần văn Thủy và vài người bạn nữa đến thăm tôi một buổi tối đầu đông 1989. Vừa bước qua ngưỡng cửa, con người bảnh trai, cao lớn, rất... Tây ấy cười cười, tự giới thiệu: "Tên này là... "Việt cộng" mới qua Tây".

Nhìn thấy anh chàng Việt cộng này, quả tình tôi hơi hoảng: hắn chả có tí gì... Cộng sản cả: không ốm o, không nói ngọng, không răng vổ, ăn nói khéo léo, ngọt xớt như... người Hà nội chính cống, ngày xưa.

Ấy thế mà Trần văn Thủy không phải người Hà nội. Trần văn Thủy sinh ngày 29 tháng Mười Một 1940 tại Nam định. Nhà ở số 52 phố Hàng Bún, Hà nội. Trong nước làm việc cho xí nghiệp phim tài liệu Trung ương: 122 phố Hoàng Hoa Thám, Hà nội. Đã được đi học khoa đạo diễn tại trường Đại học Điện ảnh Quốc gia Liên sô. Tóm lại: một sản phẩm Cộng sản chính hiệu, một tiểu sử Cộng sản chính tông.

Cái anh chàng rất... Cộng sản ấy, một ngày đầu xuân 1982, vì đau răng, được nghỉ phép dài hạn. Chẳng lẽ ăn lương nhà nước lâu quá (dù là lương chết đói) mà không làm gì, mới kiếm kịch bản "Hà nội Năm Cửa Ô" của Đào Trọng Khánh, quay đỡ một phim thương mại, để dụ dỗ khách du lịch nên đến thăm Hà nội.

Cái anh chàng quê quán ở Nam định ấy, không biết rõ Hà nội ra sao, bèn vào thư viện lục lọi sách vở, tài liệu về Hà nội, tình cờ khám phá ra những quá khứ của Hà nội: quá khứ lịch sử, quá khứ văn chương, quá khứ kiến trúc, quá khứ con người... một Hà nội thuở còn... một thời vang bóng, một Hà nội mà giới trẻ hậu sinh, chưa ai biết.

Thế rồi Trần văn Thủy trở thành... người Hà nội. Khi hoàn cảnh không cho phép trực tiếp nói những điều muốn nói, người ta thường dùng cách gián tiếp, và so sánh là một thể gián tiếp rất thông thường trong văn chương.

So sánh dĩ vãng để nói lên thực trạng của thực tại, việc ấy trong quá khứ, Nguyễn Công Hoan đã làm khi ông viết "Đống Rác Cũ", và "Đống Rác Cũ" đã bị thanh trừng. Nguyễn Công Hoan mất trong nghèo nàn, quên lãng của một nhà văn bị chế độ thất sủng. Vũ Ngọc Phan cũng đã làm khi viết những chương đầu của tập hồi ký "Những Năm Tháng Ấy", và Vũ Ngọc Phan chỉ làm trước khi vĩnh viễn xa Hà nội, xa cuộc đời, xa trần thế!

Trần văn Thủy làm lại những việc cũ, của những bậc đàn anh, những bậc thầy, nhưng làm trong tư thế mới: Trần văn Thủy làm phim, chứ không viết văn, và làm khi còn... rất trẻ.

Làm phim, hai chữ ấy đối với chúng ta vẫn có vẻ bình dân thế nào, một cuốn phim, trong thời kỳ phôi thai của điện ảnh nước nhà hiện tại, làm sao cao siêu bằng một tác phẩm văn học. Nhưng một cuộn phim, khi được trình diễn, ảnh hưởng trong quần chúng rộng lớn hơn một tác phẩm văn học rất

nhiều, nhất là những tác phẩm bị cấm như "Đống Rác Cũ" của Nguyễn Công Hoan, hay tập hồi ký được in của Vũ Ngọc Phan, nhà phê bình đã bị chế độ lãng quên từ gần nửa thế kỷ.

Trần văn Thủy và ê kíp làm phim hoàn tất "Hà nội Trong Mắt Ai" vào mùa xuân năm 1983, cũng để chơi thôi, thấy thế thì quay thế, chẳng có ý nghĩ phản kháng, phản khiếc gì cả. Nhưng quay phim như thế thì hỏng kiểu, vì phim anh không đúng đường lối. Người ta thuê anh quay phim quảng cáo cho khách du lịch mà anh lại bày đặt tìm hiểu quá khứ, vị lai... lôi thôi quá, "lệch lạc" rồi. Dĩ nhiên, trong không khí ai cũng thông thạo đường lối, "Hà nội Trong Mắt Ai" trật đường rầy, phải nằm trong hộc tủ chờ đợi năm năm, đến thời kỳ "cởi trói" 1987, mới được chào đời.



Một năm sau, 1984, Trần văn Thủy vẫn chưa chừa, lại quay phim thứ nhì lấy tên là "Chuyện Tử Tế".

Cái "Chuyện Tử Tế" ấy lại còn liều lĩnh hơn "Hà nội Trong Mắt Ai" nhiều.

Với "Hà nội Trong Mắt Ai" Trần văn Thủy mới chỉ làm công việc so sánh Hà nội ngày nay với Hà nội ngày xưa, muốn đem con người trở về quá khứ để nhìn rõ hiện tại, cái nhìn còn như dè dặt, dọ dẫm...

Với "Chuyện Tử Tế", Trần văn Thủy nhập đề rõ ràng hơn; làm "Chuyện Tử Tế" để thực hiện lời trăn trối của một người bạn vừa lìa trần: mong mỏi những người ở lại, thực hiện được một cuốn phim "tử tế", một phim không gian dối, một phim không tô hồng sự thật.

Thực hiện cuốn phim "Tử Tế" đó, Trần văn Thủy đã đoạn tuyệt với quá khứ của những văn nghệ sĩ vì sinh kế phải viết mướn, làm thuê, để hoàn thành một tác phẩm trung thành với lương tâm của mình.

– Phô bầy những cuộc sống đọa đầy, những bộ mặt đau khổ, lầm than, không hạnh phúc của một dân tộc mà trong đó hai chữ "nhân dân" đã được lợi dụng một cách lâu dài và triệt để; Dùng hai chữ "nhân dân" làm bình phong để che đậy những phương án sai lầm, những chính sách phi dân tộc, với những khẩu hiệu "nhân dân làm chủ", những mỹ danh khêu gợi: công an nhân dân, ủy ban nhân dân, kiểm sát nhân dân...

– Đưa ra bộ mặt thực của những kẻ mệnh danh là "*đầy tớ của nhân dân*" đi xe Volga bóng lộn, tới họp ở Quảng trường Ba đình uy nghi lộng lẫy, những kẻ mà Trần văn Thủy đã gián tiếp mượn lời Các Mác để chỉ định như loài "*súc vật*", chỉ biết "*quay lưng vào nỗi đau khổ của đồng loại để chăm lo riêng cho bộ da của mình*".

*Chuyện Từ Tế* là một phim lên án chế độ một cách vừa sâu xa, vừa nhẹ

nhàng, đôi khi châm biếm, là một phim can đảm, và là một tác phẩm điện ảnh có giá trị trên phương diện nghệ thuật.

*Chuyện Từ Tế* gặt hái được những thành quả xứng đáng trong và ngoài nước như chúng ta đã biết.



Cuốn phim mới nhất "*Thầy Bói Xem Voi*" gồm hai tập. Tập I: "*Chuyện Vật Xử Người*" và tập II: "*Chuyện Đồng Bào*", Trần văn Thủy và bạn hữu đang thực hiện ở Đức, tôi mới được xem bản thảo; là một bi hài kịch châm biếm,, mỉa mai những ý niệm ngớ ngẩn, có sẵn và vẫn còn tồn tại trong đầu một số đông thành phần của dân tộc mình dưới chế độ Cộng sản: tự cho mình là "đỉnh cao trí tuệ loài người", cho xã hội Tây phương là "tư bản giẫy chết"...

Đả phá những thành kiến sai lầm, u tối, cười ra nước mắt của một dân tộc chậm tiến, thua kém mọi người trên mọi phương diện mà vẫn chủ quan, cho mình là nhất thiên hạ.



Những vấn đề Trần văn Thủy đưa ra trong ba tác phẩm điện ảnh của anh, là những vấn đề bình dân, thông thường của đại quần chúng: ai cũng đã trải qua, ai cũng có thể hiểu được.

Trần văn Thủy là người trưởng thành trong chế độ Cộng sản, nhìn chế độ dưới con mắt mỉa mai, châm biếm, cười ra nước mắt và đôi khi khóc với nụ cười...



Những dòng trên, tôi vừa viết, quá sơ sài, chưa đủ để giới thiệu Trần văn Thủy.

**Phoenix, Arizona 13 tháng Tư 1990**

# **chuyện tử tế** (phim tài liệu)
# **phân cảnh**



*Trần Văn Thủy*

***Lời bình phim:***

(Quyển sách mở, bút lông ngỗng...)

Có lần, tranh luận về việc làm phim, bạn tôi bực mình, mắng tôi một câu nghe rất lạ tai:

"...Tất nhiên, chỉ có súc vật mới có thể quay lưng lại nỗi đau khổ của con người, và chăm lo riêng cho bộ da của mình...".

(Bút lông ngỗng)

Chữ nghĩa đến là nóng nảy và táo tợn – Tôi ngờ rằng lời lẽ ấy, bạn tôi đã vay mượn ở đâu đó.

*"Chuyện Tử Tế"*

Tập 2

(Tên các tác giả xen kẽ hình ảnh)

Người biên tập bộ phim này cho hay: Từ rất xa xưa, cha bác có dạy rằng: Tử tế có trong mỗi con người, mỗi nhà, mỗi dòng họ, mỗi dân tộc. Hãy bền bỉ đánh thức nó, đặt nó lên bàn thờ tổ tiên hay trên lễ đài của quốc gia. Bởi thiếu nó, một cộng đồng dù có những nỗ lực tột bực và chí hướng cao xa đến mấy thì cũng chỉ là những điều vớ vẩn.

Hãy hướng con trẻ và... cả người lớn đầu tiên vào việc học làm người – người tử tế, trước khi mong muốn và chăn dắt họ trở thành những người có quyền hành, giỏi dang hoặc siêu phàm.

(Những người đi viếng mộ)

Hôm nay, 20 tháng Tư âm lịch – Ngày giỗ đầu một bạn đồng nghiệp của chúng tôi – Cũng không hiểu sao, đồng nghiệp của chúng tôi qua đời trong những năm qua, phần đông đều do một bệnh hiểm nghèo: Bệnh ung thư.

Nhà quay phim Nguyễn Quý Nghĩa, Nguyễn Quang Trình, nhà biên kịch Quang Minh, đạo diễn Tô Cương, nhà quay phim Phan Trọng Quỳ, đạo diễn Trần Thịnh, đạo diễn Xuân Thành và bây giờ là Đồng Xuân Thuyết nữa.

Chúng tôi đã theo Thuyết gần hai năm trước khi anh qua đời. Vào những giờ phút cuối, anh bình thản nói:

(Thuyết nói với bạn bè)

"Mấy ngày hôm nay tôi đau kinh khủng, như xé ruột – Nhưng những lúc đỡ, đọc cuốn sách này tớ thấy hay quá – Đọc thử các cậu nghe một đoạn nhé!:

"... Tâm hồn con người nặng gấp trăm lần thể xác – Nó nặng đến nỗi một người không mang nổi. Bởi thế, người đời chúng ta chừng nào còn sống hãy gắng giúp nhau để cho tâm hồn trở nên bất tử. Ông giúp cho tâm hồn tôi sống mãi, tôi giúp người khác, người ấy lại giúp người khác nữa, và cứ như thế cho đến vô cùng... Sao cho cái chết của một người không đẩy ta vào tình trạng cô đơn trong cuộc sống...".

Các cậu thấy có lạ không chứ!"

(Bạn bè khênh quan tài Thuyết – Tiếng nói của Thuyết lập lại trên hình đám ma của mình)

"... Tâm hồn con người nặng gấp trăm lần thể xác – Nó nặng đến nỗi một người không mang nổi. Bởi thế, người đời chúng ta chừng nào còn sống hãy gắng giúp nhau để cho tâm hồn trở nên bất tử. Ông giúp cho tâm hồn tôi sống mãi, tôi giúp người khác, người ấy lại giúp người khác nữa, và cứ như thế cho đến vô cùng... Sao cho cái chết của một người không đẩy ta vào tình trạng cô đơn trong cuộc sống...".

(Thuyết nói với bạn bè)

"Nếu tớ khỏe, tớ về với các cậu thì lại vui như tết. Nếu chẳng may thì... cũng chẳng ân hận lắm, vì lúc sống chúng mình ăn ở với nhau rất là tử tế".

– Thế nhỡ chẳng may, thì cậu có "dối dăng" gì không?

– "Dối dăng" thì tớ sợ nhiều việc rồi các cậu cũng quên đi mất – Mấy ngày nay tớ cứ nghĩ là các cậu nên làm với nhau một cái gì đó – Một cái gì đó bắt đầu từ tình thương yêu con người, đi từ nỗi đau con người chẳng hạn.

– Khó đấy!

– Khó cũng phải làm – Các cậu mà vô tích sự, tớ đi trước là tớ lôi các cậu xuống đấy.

(Bầu trời, hoa cỏ trên mộ – Người đọc lời bình đọc lại lời của Thuyết)

"... Cũng chẳng ân hận lắm, vì lúc sống chúng mình ăn ở với nhau rất là tử tế... Tớ cứ nghĩ là các cậu nên làm với nhau một cái gì đó – Một cái gì đó bắt đầu từ tình thương yêu con người, đi từ nỗi đau của con người".

Không có gì thành thật bằng lời nói của người sắp qua đời.

(Đoàn làm phim quay bên lò gạch)

Từ đấy chúng tôi định bụng rủ nhau đi làm một bộ phim tử tế – Tử tế dù là tương đối.

(Người vác xẻng đi ra)

Nhưng việc có lẽ không thành, bởi một hôm chẳng rõ vì đâu, người làm gạch bất bình xăm xăm chạy ra, xua đuổi chúng tôi té tát:

(Người vác xẻng xua đuổi)

"... Xin các ông đi chỗ khác cho chúng tôi nhờ, không có quay quắt gì ở cái lò gạch của tôi nữa sất cả – Chán cái đám phim ảnh các ông lắm rồi – Có giỏi thì cứ chụp cái cảnh chúng tôi sống thật như thế nào đi! Cứ bầy đặt ra mãi thế mà không thấy ngượng hả! Không thấy ngượng hả?

(Đoàn làm phim đi – Tiếng chó sủa)

Cũng có lúc ngượng lắm chứ, hỡi cái ông có cái lò gạch!

Người xưa từng nói:

"Lập thân tối hạ thị văn chương"

Nghĩa là lập thân bằng cái nghề văn chương, nghệ thuật là cái nghề thấp kém, hèn mọn nhất.

Ừ! Nghề của chúng tôi cũng là một nghề hèn, nghề mọn.

Hèn vì nghĩ nhiều mà không dám nói ra, Mọn vì cái làm ra cũng chẳng mấy ai cần đến.

Ông có cái lò gạch đâu có biết, bấy lâu nay chúng tôi mắc phải một thói quen cố hữu: chỉ mong sao làm vừa lòng bề trên – Một cuốn sách, một vở diễn, một bộ phim ra đời đâu có mấy phụ thuộc vào sự hữu hiệu của nó với cuộc đời, lại chẳng mấy phụ thuộc vào mong muốn của những người lam lũ như ông – mà thường, nhất nhất trông đợi ở sự xem xét của bề trên chúng tôi.

(Mặt trời, cây tre)

Bề trên chúng tôi bằng lòng thì được, không bằng lòng, ắt phải bỏ.

Bề trên của chúng tôi khen, thì chúng tôi sung sướng.

Bề trên chúng tôi chê, thì chúng tôi buồn rầu.

(Đoàn làm phim)

Ngay cái chuyện vào nghề của người quay bộ phim này, tuy cũ nhưng vẫn còn là một thí dụ đấy.

(Vịt bơi)

Thời niên thiếu, anh ta ở nhà quê, đi chăn vịt – cái nghề chăn vịt nào có hứng thú gì – Một trưa hè, mệt quá – anh ta chui bừa vào một cái lều để ngủ – Lũ vịt vô kỷ luật đã xục vào ruộng của hợp tác.

(Mở lý lịch)

Các Bác ở Ủy ban xã giận lắm liền ghi chuyện đó vào lý lịch – Bên cạnh bốn chữ ký của các bác ở Ủy ban Xã có cả xác nhận của Huyện và hai chữ "Tối mật"

(Đoàn làm phim)

Thế là đằng đẵng nhiều năm, không thể thi vào bất kỳ một trường nào, một ngành nào mà anh ta vẫn mộng mơ – Mãi sau tình cờ, có một lớp quay phim, anh ta thi đại vào.

Vậy là, nghề chăn vịt với nghề làm phim như chúng tôi cũng chỉ cách nhau có gang tấc.

(Lò gạch)

"... Xin các ông đi chỗ khác cho chúng tôi nhờ, không có quay quắt gì ở cái lò gạch của tôi cả...".

(Người nói)

Gã có cái lò gạch xua đuổi chúng tôi là hắn bậy rồi – chúng tôi, ít ra cũng là người của nhà nước.

(Cô gái và hai đứa trẻ)

"... Có giỏi thì cứ chụp cái cảnh chúng tôi sống thật như thế nào đi – Cứ bầy đặt ra mãi thế mà các ông không thấy ngượng hả?"

(Người đeo kính)

Hình như hắn có cái lý của hắn. Đến như bọn trẻ con, đã có lần toét miệng cười và bảo chúng tôi rằng: "À! Các chú quay cái loại phim này, chúng cháu xem là chúng cháu hay buồn ngủ lắm đấy".

(Phim tư liệu)

Đâu phải thế! Chúng tôi từng làm hàng trăm bộ phim: Nhân dân chiến đấu anh hùng như thế nào – Nhân dân quyết tâm sản xuất như thế nào – Nhân dân phấn khởi tin tưởng như thế nào – Những bộ phim đó đã đi vào lịch sử một thời, đã mang lại vinh quang cho chúng tôi.

(Ông đánh dậm)

Nhưng phải nhận rằng: chẳng có mấy bộ phim miêu tả nhân dân ăn ra

sao? Nhân dân đi lại, sinh sống như thế nào? Và nhất là nhân dân nghĩ ngợi, bàn tán những gì?...

(Chợ quê)

Nhân dân!

Hai tiếng thật thiêng liêng – Chẳng thế mà nhân dân có mặt ở khắp nơi – về văn hóa thì có: Nghệ sĩ nhân dân, hiệu sách nhân dân, giáo viên nhân dân, nhà hát nhân dân, báo Nhân Dân – ở những cơ quan nghiêm mật thì có: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Công an nhân dân, Quân đội nhân dân...

(Đoàn bộ đội đi)

Một thời, chúng ta đã có những lời ca về nhân dân thực sự xúc động lòng người: Vì nhân dân quên mình, vì nhân dân hy sinh, anh em ơi vì nhân dân quên mình – Nhiều khẩu hiệu đã trở thành tâm niệm của một lớp người: Phục vụ nhân dân, đầy tớ nhân dân và cao hơn nữa là Hiếu với dân.

(Một bộ đội)

– Trung với Đảng với Nước thì đã rõ, còn nội dung cụ thể của hiếu với dân, theo anh là gì?

– Cái này tôi phải nghĩ một tí đã. Thế các anh hỏi để làm gì?

(Ông và cháu)

Cứ nghĩ như con có hiếu với cha chẳng hạn. Chăm sóc cha lúc tuổi già, phụng dưỡng cha lúc ốm đau, thờ phụng cha lúc qua đời, kế tục những mong mỏi hoài bão của cha còn dang dở.

(Hai ông bà già bán nước)

Hiếu phải đi đôi với thảo – không thể đẩy cha mẹ ra lề đường kiếm sống mà lại cứ tự xưng rằng: Tôi là đứa con có hiếu.

(Chen chúc vào ga...)

Còn như, đạt tới sự hiếu thảo với nhân dân thì, ý nghĩa và nhân quả của nó còn to lớn hơn nhiều.

(Những chiếc xe con)

Cụ Hồ có dặn rằng:

"... Bất kỳ ở địa vị nào, làm công tác gì, chúng ta đều làm đầy tớ của nhân dân – Cơm chúng ta ăn, áo chúng ta mặc, vật liệu chúng ta dùng đều là mồ hôi và nước mắt của nhân dân mà ra – Vì vậy, chúng ta phải đền bù xứng đáng cho nhân dân".

(Chen chúc vào ga)

Người có lương tâm đều hiểu, không phải lúc nào và ở đâu, nhân dân cũng đã được đền bù xứng đáng.

Có thể vì vậy, mà ông lò gạch đã đối xử với chúng tôi – những người của nhà nước – chưa được mặn mà, tử tế cho lắm.

(Một thanh niên)

– Chào anh! Theo anh thế nào là sự tử tế?

– Chịu thôi. Thế nào là tử tế, bây giờ khó lắm đấy!

(Một phụ nữ)

– Ý chị thế nào?

– Có được nói thật không ạ?

– Xin mời.

– Vâng, vâng... Người mình coi là tử tế theo tôi – Trên thực tế là người mình được nhờ vả một cái gì đó về quyền lực hoặc về vật chất.

– Chữ tử tế bây giờ thường chỉ ở miệng những người có tuổi hoặc những người hơi xưa. Thời buổi này, mấy ai có thì giờ để luận bàn những chuyện xa xôi ấy.

(Một đàn ông)

– Xung quanh ta có nhiều người tử tế lắm chứ! Những người tử tế là những người nhân hậu, thương yêu con người, ham làm điều thiện, lo việc công ích, chứ không vì chức vụ hay bổng lộc.

Những người nghèo khó, người cô đơn, người bất hạnh và nhất là những người trung thực thì luôn luôn mong mỏi sự tử tế.

(Một thanh niên)

– Đây là một câu hỏi lẩm cẩm! Tử tế à? Các ông cứ nghĩ mà xem: người cần cứu giúp gặp kẻ muốn ban ơn thành sự tử tế – người sa cơ lỡ vận, gặp kẻ cần tiếng thơm để toan tính những việc xa hơn cũng thành sự tử tế – tử tế là một cái gì đó tế nhị, có đi có lại.

(Một ông già)

– Tử tế, các nhà làm phim thân mến ạ! Gốc của nó là từ chữ Hán, có nghĩa là những chuyện nhỏ bé, những chuyện bình thường – Lâu đời ta đọc khác đi và nghĩa cũng khác đi.

Sự tử tế, tử tế thật sự không phải là chuyện có tiền hoặc muốn là có ngay – Nó cũng phải được học hành, được dạy dỗ, được tập luyện, kế thừa và gìn giữ – Tử tế như hoa thơm, hoa đẹp, không thể thiếu được của cuộc đời.

(Một cô gái)

– Ăn ở với nhau tử tế là lẽ thường, là niềm an ủi của người đời – Chỉ có đồ hủi mới ăn ở với nhau chẳng ra gì.

(Bờ biển – người hủi ngồi cô độc)

Đồ hủi.

Không dây với hủi

Xấu như hủi

Bẩn như hủi

Lười như hủi

(Bầu trời)

Cũng là để hiểu những người mắc bệnh phong, mà người đời vẫn gọi là người hủi – ăn ở với nhau ra sao – chúng tôi đã gặp vài ba cảnh đời, thiết nghĩ cũng nên kể lại.

(Hai bà cháu)

Cháu có tên là Tú Anh. Nhưng bà bảo cái tên Tú Anh nó Hànội quá! Mình thì người nhà quê – Bố cháu là Chiện, Bà gọi cháu là Chiền.

Thằng Chiền một thời ít bạn vì tiếng đồn khắp vùng: Mẹ nó là người hủi.

Mẹ nó là người hủi thì bố nó bỏ đi luôn.

Mẹ nó, chị Nguyễn thị Hằng phải bỏ quê lang thang bờ bụi. Kiếm được đồng tiền, bát gạo đêm đêm chị lần mò, mang về cho nó. Nỗi đau thể xác và nhất là sự sỉ nhục về tinh thần đã đẩy chị tới một quyết định: phải tự vẫn.

(Cậu bé)

Nhưng còn thằng Chiền?

Thằng Chiền phải có một nếp nhà trước khi mẹ nó qua đời.

(Phim nêgatíp)

Vậy là, đêm đêm chị lần về và bằng hai bàn tay cùi cụt, co quắp, không đủ ngón đốt, đã đóng một vạn tám ngàn viên gạch.

Hỡi những người lành mạnh và tử tế, hỏi mấy ai đã có thể làm được? Một vạn tám ngàn viên gạch – Đêm – Lạnh buốt và đau đớn.

Khi ngôi nhà đã dần hình thành, mẹ thằng Chiền – một người hủi còn có một ước vọng rất thơ mộng là viết để lại cho con những dòng thơ tâm sự.

(Cậu bé)

Số thơ của người hủi có cả ảnh và thơ của Blốc – Chữ viết của người hủi có bao giờ thẳng hàng:

*"Túp lều nát rùng mình trong gió rét*
*Chiếc nôi nghèo run rẩy giữa đêm đông*
*Ôi cái rét giá của đêm dài cô quạnh*
*Của những phần xương thịt rất đau*

*

*Bố bỏ đi biệt xứ chẳng một lời*
*Thế là hết, chẳng còn ai chăm sóc con ư?*
*Tội nghiệp cho Tú Anh cái tên trong sáng*
*Như chim non bé bỏng mồ côi*

*

*Mẹ nghĩ: phải gắng sống, sống vì con*
*Gắng làm cho con một nếp nhà xinh*
*Đó là nếp nhà mẹ chịu nắng sương*
*Chịu cái rét giá của đêm dài cô quạnh...*

(Hai mẹ con)

Tạo hóa bao giờ cũng có nhân, có quả – Mẹ thằng Chiền đã được các thầy thuốc tận tình cứu chữa và đã qua khỏi.

Nhiều lần dắt con đi bên bờ sông Trà Lý, nhắc đến tên các thầy thuốc chạy chữa cho mình, chị đã khóc.

(Một thầy thuốc)

"... Nhiều đồng nghiệp của tôi và tôi nghĩ ngợi: Thế là mình đã ném gần trọn cuộc đời vào nghề thầy thuốc – Trải qua một thời gian dài, rất dài, chúng tôi mới chiêm nghiệm ra một điều rằng: Để thấu hiểu nỗi đau của con người, không phải là một việc dễ dàng gì".

(Ô tô đi)

Lần tìm chuyện về những người phong, cũng nên đến trại Điều trị Phong Quy Hòa.

(Các bác sĩ)

Ở đây chúng tôi gặp mặt đông đảo các thầy thuốc – Câu hỏi của chúng tôi:

– Thưa các thầy thuốc, ai là người tận tâm chạy chữa, chia sẻ với người phong?

– Các bà Sơ! Chuyện đó phải kể các bà Sơ.

Các thầy thuốc, trong đó có những thầy thuốc từ khi rời ghế trường Y, cho đến bây giờ đã hai thứ tóc, làm việc ở các trại phong, đều trả lời chúng tôi như vậy.

(Các bà Sơ, những người hủi...)

Các Sơ cao tuổi rất biết về Hàn Mặc Tử, một thi sĩ thời tiền chiến, lâm bệnh hủi đã qua đời tại đây, gần nửa thế kỷ trước.

Các Sơ kể rằng: Thời Hàn có hai điều các Sơ để tâm:

Thứ nhất là thời ấy, do ít hiểu biết, người ta thật tàn bạo với người phong.

(Bia mộ)

Thứ hai là khi Hàn lâm bệnh, rất nhiều người xa kẻ gần, kiếm thuốc, tìm thầy, chạy chữa cho Hàn rất công phu, tốn kém. Nhưng điều đáng nghĩ ngợi là phần lớn họ đều giấu tên để Hàn khỏi mang ơn.

Xem vậy thì thời Hàn cũng có những người ăn ở với nhau đến là tử tế.

(Các Sơ chữa bệnh)

Gặp các Sơ, chúng tôi sực nhớ lại lời thề Hippocrate treo ở giảng đường Viện Da Liễu:

"... Tôi xin hứa và thề nhất luật tuân theo những ước lệ của tính thanh cao và lòng chính trực trong khi hành nghề – Tôi sẽ chữa bệnh không lấy tiền cho những người nghèo khó và không bao giờ đòi hỏi được thù lao quá với công sức của mình...

Tôi chỉ mong mỏi người giành cho lòng quý mến, nếu tôi làm đúng lời thề.

(Bảng chữ)

Lời thề Hippocrate là một lời thề tử tế.

Từ lâu lắm, loài người đã cố tìm những lời đích thật để thề – Thề vì con người – Vì lòng tin và sự đau khổ của con người.

Dần xa lánh những lời thề vu vơ...

(Bà Sơ và người tàn tật)

Chúng tôi hỏi: Thưa, đâu là nơi bắt đầu để các sơ yên tâm, tận tụy phục vụ người mắc bệnh phong?

– Dạ! Chỗ bắt đầu của chúng tôi và đồng nghiệp là lòng tin.

– Vâng! Nếu không có lòng tin thì con người không thể sống với con người được – Con người đã từ lòng tin thần thánh, lòng tin tôn giáo mà đến với lòng tin có chứng cứ, tin vào những cái đích thật.

(Sóng biển)

Lòng tin vốn tự nhiên và mãnh liệt!

Lòng tin vốn không thể vay mượn, áp đặt hoặc tước đoạt.

Mất lòng tin là mất tất cả

(Kéo lưới)

Bi kịch lớn nhất chưa hẳn là do nghèo túng mà là do mất niềm tin, khi con người không tìm ra cái đích thật để mà tin, khi giữa cuộc đời và thuyết giáo là một khoảng cách quá xa – Có muôn vàn thí dụ.

(Một lớp học)

Trước ngưỡng cửa cuộc đời, những đứa trẻ thơ ngây được chúng ta dạy rằng:

Các em yêu quý! Các em là những đứa trẻ hạnh phúc, vì các em là con Rồng, cháu Lạc – giang sơn của các em là gấm vóc, thiên nhiên ưu đãi, tài nguyên giàu có, tiền rừng bạc biển.

(Trẻ em Nhật bản)

Cũng ở một lớp học như vậy, ở nước Nhật thì người ta dạy con em người ta rằng:

Các bạn nhỏ yêu quý! Các bạn là những đứa trẻ bất hạnh – Bất hạnh bởi các bạn sinh ra ở một đất nước hoàn toàn không có tài nguyên, không hề được thiên nhiên ưu đãi. Một đất nước đã từng thua cuộc trong chiến tranh – Gương mặt của đất nước này, tương lai của các bạn là trong tay các bạn.

(Trẻ em bán nước)

Giá như một lần, chúng ta dạy con em rằng: "Các em ạ! Cái nhục của sự nghèo khổ cũng chẳng kém gì cái sự mất nước. Đừng nghe những lời tâng bốc, hão huyền. Vì các em ạ! Bi kịch và cả hài kịch thường xảy ra ở bất cứ đâu khi giữa cuộc đời và thuyết giáo là một khoảng cách quá xa".

(Các học sinh dán khẩu hiệu, có hai chữ Vĩ Đại!)

– Chào các em – Theo các em thì xung quanh chúng ta cái gì là vĩ đại?

– Cháu chịu.

– Nào em?

– Vĩ đại thì cháu nói thật là cháu chỉ được nghe, chứ cháu chưa được nhìn thấy.

– Thế các chú bảo cái gì là vĩ đại cơ?

(Một trí thức)

– Cái vĩ đại – Vĩ đại nhất đã được tạo dựng trên trái đất này là con người, chính là con người.

(Bà giáo già)

– Nhưng tạo hóa đã không sinh ra một loại sinh vật nào đau khổ hơn con người và khao khát sự tử tế hơn con người.

(Đường phố)

Thật vậy! Một nhà văn từng viết:

"Con người là một sinh vật không bao giờ chịu sống thúc thủ. Nó luôn luôn muốn vươn tới cái tuyệt vời, cái vô biên, cái vĩnh cửu là những mục tiêu mà mãi mãi không bao giờ đạt tới".

Còn cuộc đời thì biến động, chẳng chờ đợi... con người.

Người quay phim của bộ phim này, một lần đi tìm cảnh ở phố chợ đầu ô, tình cờ gặp lại một người mà thời ngồi trên ghế nhà trường, anh ta hằng kính trọng.

(Một đàn ông)

Đó là thầy chủ nhiệm Lê văn Chiêu.

Cũng phải nói ngay rằng: Thầy Chiêu không bằng lòng cho quay những cảnh thầy bán rau. Lòng thầy trong sáng, thầy cho rằng như vậy là bôi bác chế độ.

(Đi xe máy)

Do vậy, những cảnh này trò của thầy không dám bấm máy, mà nhờ một người khác quay lén.

(Làm cây, trường học)

Thầy Chiêu đã nhiều năm gắn bó với ngôi trường này, trường phổ thông Tô Hiệu, huyện Thường tín. Ở đây, thầy là một giáo viên dạy toán giỏi, chuyên luyện cho các em ở cuối cấp đi thi.

(Học bạ)

Những nhận xét của thầy chủ nhiệm Lê văn Chiêu trong học bạ của trò – Nay là người quay phim của bộ phim này.

(Người bên xe máy)

Người học trò, cậu bé chăn vịt đểnh đoảng năm xưa, thì trở thành người quay phim.

Người thầy chủ nhiệm, giáo viên dạy toán giỏi, chẳng hiểu đã đi bán rau tự bao giờ.

Bây giờ thầy hiểu rau quả, thời vụ chẳng kém gì hiểu môn toán mà thầy đã yêu. Mùa rau rút, thầy bán rau rút – Mùa cà chua, thầy bán cà chua – Mùa rau muống, thầy bán rau muống.

(Một đàn ông)

Chuyện tình cờ, anh xích lô này được mời lên màn ảnh – Cùng một thời với người đạo diễn và biên kịch của bộ phim này, vào những năm đánh Mỹ ác liệt nhất ở miền Nam, vợ chồng anh có mặt ở chiến trường khu Năm. Chị là bác sĩ – anh là chiến sĩ an ninh của khu ủy – Năm 1973, anh chuyển sang phái đoàn quân sự bốn bên – Và cuối cùng là vào chiến trường Tây Nam.

Anh tên là Trần Thanh Hoài.

(Chuyển đồ lên xích lô)

Ừ! Con người ta, sau khi làm tròn bổn phận với Tổ quốc thì cần phải

kiếm sống. Đừng có công thần và mặc cảm. Kiếm sống bằng chính sức lao động của mình là điều trong sạch lắm chứ.

Hoài cởi mở và tự tin vào nghề nghiệp hiện tại của mình.

(Hoài đạp xích lô)

Khác với thầy giáo Chiêu, có lần anh đã hồn nhiên hỏi chúng tôi:

– Này! Tại sao phim ảnh, văn nghệ các ông không mấy khi lấy đám xích lô chúng mình nhỉ?

– Thì chúng tôi đang quay phim ông đấy thôi!

Nói thế cho qua chuyện chứ, nghĩ ra cũng lạ.

(Những người nghèo)

Lạ vì, khi chúng ta chưa có chính quyền trong tay, thì nhân vật của văn nghệ chủ yếu là những người nghèo khổ: một bác phu xe, một bé bán báo, một bé đi ở, một bà mẹ nghèo, một tiếng rao đêm.

(Trở lại Hoài đạp xe)

Ngày nay, khi quyền hành đã về một mối, thì những người nghèo khổ, bất hạnh trong văn nghệ bỗng dưng biến mất.

Y như đồng bào của chúng ta bây giờ rất xa lạ với sự nghèo khổ, hoặc giả những người nghèo khổ đã chạy sang thế giới bên kia cả rồi.

Ăn ở với nhau như vậy thì, không những chưa được tử tế cho lắm mà còn... đáng sợ.

(Một người nói)

Theo tôi, đáng sợ hơn chính là sự dốt nát.

Loài người chưa có bộ luật nào xử lý tội dốt nát – Cũng chưa có một cơ quan thống kê nào tính đến những hậu quả do lệnh dốt nát gây ra – Mà suy cho đến cùng, thì mọi chuyện đau lòng của xã hội nếu có, to nhỏ đều bắt đầu từ sự dốt và nát.

Tôi thấy không ai định nghĩa chuẩn xác hơn người sáng lập ra chủ nghĩa Cộng sản khoa học:

"Dốt nát là sức mạnh của ma quỷ".

(Một ông cao tuổi)

– Nếu sa đà vào việc luận bàn về sự dốt nát và sự thông thái, tôi e rằng đó là chuyện muôn thuở. Người đời thường nói:

Phú quý sinh lễ nghĩa

Bần hàn sinh đạo tặc

Có thể đó là vấn đề gần với chúng ta hơn – Khi đời sống vật chất tồi tệ, bất công, thì nhân tính bị xói mòn, thiện ác lẫn lộn.

Chống sự suy thoái trong đời sống, chính là chống sự xói mòn nhân tính.

(Phố xá)

Nếu nhân tính bị xói mòn, con người phải nói thật rằng: không phải trong hoàn cảnh nào cũng có thể sống tử tế và nghĩ ngợi những điều nghiêm chỉnh được đâu.

Bạn nghĩ gì về chữ "Hạnh phúc" bán la liệt ở phố Hàng Mã?

Con người đã viết một tỷ cuốn sách để định nghĩa thế nào là Hạnh phúc và tìm kiếm hạnh phúc.

(Sách)

Sinh thời Mác viết: "Hạnh phúc của một người là làm cho nhiều người được Hạnh phúc".

Trên lề đường của chúng ta, có rất nhiều người một thời đã hồn nhiên ý thức như vậy – Người chữa xe đạp bình thường này chẳng hạn.

Hãy theo ông ta, ông Trần Xuân Tiến về nhà tìm lại những kỷ niệm quý giá nhất của thời trai trẻ.

(Các Huân chương)

– Ông tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử.

– Vào giải phóng thủ đô năm 1954.

– Có mặt trong đại đội chủ công sư 308 tiến công đầu tiên vào cứ điểm Khe Sanh.

– Được tặng danh hiệu Dũng sĩ diệt xe cơ giới – Tám lần bị thương.

Dũng sĩ Trần Xuân Tiến đã về già, có cháu nội, cháu ngoại – ông vẫn là người rất mực thật thà và tử tế.

(Tư liệu)

Một con người trên mình tám lần mang thương tích, không thể không nói đến nỗi đau thể xác.

Nỗi đau thể xác, mối lo về miếng cơm manh áo hàng ngày – Có đấy! Nhưng thật là nhỏ bé so với nỗi đau tâm hồn, những hiểu biết, nghĩ suy về họ mạc, đất nước, đồng bào.

(Con nghê trong tủ kính)

Từ xa xưa, con người đã luận bàn về Hạnh phúc. Héraclite, một triết gia cổ Hy Lạp, 500 năm trước Công nguyên viết:

"Nếu hạnh phúc là sự thỏa mãn vật chất thì chúng ta có thể coi con bò là Hạnh phúc".

(Một bà cao niên)

– Hạnh phúc của một loài bò sát: Con kỳ nhông – là khi nằm trên lá khô,

nó có mầu nâu – Khi trườn trên lá tươi, nó có mầu lục – Và nhất là biết cách băng qua đám lửa cháy mà không hề bị xây xát.

Có những con người giống như loài kỳ nhông: họ vòng vo tinh khôn và chẳng bao giờ bộc lộ cái gì có thể phương hại đến bản thân mình.

Chúng ta sẽ còn khốn đốn, nếu nhiều người không thật, nhiều điều không thật, nhiều sự việc không được gọi bằng đúng cái tên của nó.

(Một ông cao niên)

– Cũng chẳng thể khốn đốn mãi được – rất nhiều người và tôi – chúng tôi tin tưởng một cách sâu sắc, chắc chắn rằng: Dù đông tây, kim cổ thì đạo lý, sự tử tế bao giờ cũng trường tồn, bất biến.

Nó luôn luôn có mặt trong đời sống của chúng ta – thiếu hẳn nó thì chúng ta không còn là con người nữa.

Một dân tộc, một xã hội dù ở bước vong nô thì sự tử tế, sự hoàn thiện vẫn là cái đích để tập hợp, là tia sáng để vươn tới.

(Cụ già nhất)

Tôi cũng tâm niệm như vậy, nhưng tôi e rằng: khi vươn tới một sự hoàn thiện, sự tử tế như mong muốn, thì tiếc thay, cánh già chúng ta đã rủ nhau sang thế giới bên kia cả rồi.

(Đám ma)

Và cuối cùng thì sau một cuộc đời tử tế hoặc không tử tế, dài lâu hoặc ngắn ngủi, mọi người đều được tạo hóa cho một cái quyền bình đẳng là: Trở về với Đất.

Có người cứ nói bừa rằng: chết là hết. Nhưng thực ra, chết và con đường đi đến cái chết cũng nhiều chuyện lắm.

Ví như trong đám có giọng thành kính xót thương: "Tiếc thay, ông ta là một người ăn ở tử tế" hoặc bật ra "Hừm, cái lão chúa xu thời".

(Những người đào mồ)

Có lẽ chẳng mấy ai biết lắm chuyện về những người chết bằng người đào mồ. Âu cũng là một dịp để làm quen. Cái công việc nắng mưa, nặng nhọc này, đôi khi bị coi là tận cùng của xã hội, lại cần cho bất cứ ai. Cho ông, cho bà, cho tôi và cho tất cả. Và không hiểu, bởi một lý do gì, chúng ta thiếu đi một tấm lòng cần thiết đối với họ.

(Khênh quan tài)

Người đào mồ gửi vào đất cả quan chức lẫn thường dân, cả nhà học giả và thằng vô lại – Có điều, người ta trở về với đất trong những hoàn cảnh khác nhau, bằng những con đường khác nhau, mang theo xuống mồ những điều thiện và ác khác nhau.

(Mộ xây)

Nhân đây cũng nói thêm rằng: người tử tế ai cũng mong muốn trông thấy đồng loại của mình có mồ yên, mả đẹp – Vì mồ yên, mả đẹp an ủi được con người.

Nhưng mong muốn hơn là an ủi được con người hơn vẫn là sự tử tế, là tình thương yêu, là công đức của người quá cố để lại cho đời.

Đừng để rồi mai mốt, mang theo xuống mồ một nỗi buồn có thể to hơn cả phần mộ của mình.

(Một người đào mồ)

Cùng với người đào mồ có nên nghĩ ngợi rằng:

(Bầu trời)

Làm sao, để khi từ giã thế giới, ta không chỉ nằm xuống như một người tử tế, mà điều quan trọng là ta có thể từ giã một thế giới tử tế hơn, trong đó con người được chăm lo hơn.

(Máy ghi âm)

Vậy ra, nghĩ cho đến cùng, ở trên đời này, không có một nghề nghiệp nào, không có một công việc gì, và cũng không có một con người nào trở nên tử tế – Nếu không bắt đầu bằng tình thương yêu con người, sự trân trọng đối với con người và đi từ nỗi đau của con người.

Khi bấm những cảnh cuối cùng của bộ phim này, người trông coi mồ mả, giám đốc các nghĩa trang Hànội – Cháu gọi nhà văn Ngô Tất Tố là bác, đã chép miệng bảo chúng tôi rằng:

(Một người nói)

"Rõ chán, chuyện các anh cũ như trái đất.

Tôi ở với người chết đã lâu, tôi thấy có cái hay là họ chẳng thèm tranh cãi với ai bao giờ.

Dĩ nhiên, nếu họ có thể tham gia tranh cãi, thì ối điều phải bác bỏ – kể cả tôi là người quản lý họ và cả cái phim mà các anh đang làm".

Vâng!

Thì có gì mới đâu và có dám tranh cãi gì đâu – Khi mà ở đây – Trong cái nghĩa trang bình dân này, có mặt rất đông những người giỏi chữ nghĩa:

Cụ Nguyễn Huy Tưởng

Cụ Vũ Ngọc Phan

Cụ Xuân Diệu

Cụ Nguyễn Tuân

và nhiều cụ khác

(Trong xe ô tô)

Có dám tranh cãi với ai đâu và có gì mới đâu, chỉ thương người bạn đồng nghiệp xấu số, lúc sống và lúc chết đều vui lòng để chúng tôi quay phim – Nỗi bất hạnh to lớn trong quá khứ của gia đình cậu ta kể ra ở đây, không tiện – Vậy mà, vẫn đùa bỡn cho đến lời cuối.

Cậu ta bảo rằng: "Tớ rất muốn sống, để xem các phim của các cậu làm về cái chết của tớ như thế nào?"

(Máy ghi âm)

"Trải qua một thời gian dài, rất dài. chúng tôi mới chiêm nghiệm ra rằng: Để thấu hiểu nỗi đau của người khác, không phải là một việc dễ dàng gì".

Vâng! Không thể là một việc dễ dàng gì, nhất là, khi ta không sống cuộc sống của người đời.

(Trong xe và trên mặt đường)

Chỉ có sống cuộc sống của người đời, chia sẻ những nỗi buồn và niềm vui của người đời thì may ra mới tìm được, hiểu được, nghĩ được và làm đúng được đôi điều.

Nhưng, cũng như chuyện, ít có mấy ai lại lẩm cẩm từ chối một cuộc sống đầy đủ hơn, quyền thế hơn để sống cuộc sống như mọi người – Cái nghịch lý là ở chỗ đó và, cuối cùng, dù nhọc lòng, mất công, những điều chúng tôi, những người làm phim biết được chỉ bằng giọt nước; còn những điều chưa biết lại là, biển cả.

(Sóng biển, tượng đài)

Đến đây mới nhận ra rằng, ở bộ phim này quá lạm dụng lời các danh nhân. Lời bình do những người làm phim viết ra, rất có thể là những điều vớ vẩn, tầm phào, làm mệt lòng người duyệt kỹ tính.

(Nến cháy)

Còn lời các danh nhân thì thực yên tâm. Đó là chân lý, là danh ngôn – Vì vậy, trộm nghĩ cũng nên thay chữ "Hết" của bộ phim nhỏ bé này bằng việc nói thêm rằng:

Cái câu nóng nẩy, táo tợn:

*"...Tất nhiên, chỉ có súc vật mới có thể quay lưng lại nỗi đau khổ của con người, và chăm lo riêng cho bộ da của mình..."*.

May thay! Là của Các Mác tôn kính, chứ không phải là của bạn tôi.

(Chữ ký của Các Mác)

**1985 – 1987**

# lời cảnh tỉnh nghiêm khắc



*Nguyễn thị Ngọc Phượng*

Tôi rời khỏi phòng mổ. Hôm nay tôi vừa mổ xong hai ca ung thư khá gay go. Công việc dồn dập và chồng chất, vậy mà tôi cứ nghĩ mãi về cuốn phim này, muốn viết cho *Tuổi trẻ*, muốn kể cho bạn đọc của *Tuổi trẻ* nghe, vì cuốn phim đã khiến tôi nhiều đêm không ngủ được, ray rứt không yên.

Người làm phim kể về tên gọi cuốn phim "*Chuyện tử tế*". Một người đạo diễn bạn anh, bị ung thư sắp chết. Bạn bè hỏi anh đạo diễn, có cần trối gì, anh chỉ nói: mong người ở lại làm cho được một cuốn phim tử tế. Từ tử tế được dùng lại để luận bàn về cách cư xử, tấm lòng, tình nghĩa giữa con người với nhau.

Gặp một anh bộ đội trẻ. Hỏi anh, anh hiểu "*trung với nước, hiếu với dân*" là như thế nào? Xoay xoay vành mũ cối, anh thú thật chẳng hiểu mấy điều này. Thật sự, có thể hiểu rất đơn giản. Hiếu với dân cũng như con có hiếu với cha mẹ. Càng phải có hiếu, phải chăm lo khi cha mẹ tuổi già sức yếu. Những hình ảnh sau đó gây xúc động mạnh. Nhiều người già bị đẩy ra hè phố buôn bán lặt vặt, thuốc lá, nước chè...

Phim nêu tiếp câu hỏi nhức nhối: xã hội ta thường đề cao con người, thường nêu cao lý tưởng vì dân, do dân. Chúng ta có hàng loạt tên gọi: nhà sách nhân dân, ủy ban nhân dân, kiểm sát nhân dân, công an, quân đội nhân dân..., nhưng nhân dân đang sống thế nào? Họ, hàng nghìn người đang chen chúc nheo nhóc ở ga Hàng Cỏ. Hình ảnh lam lũ ấy làm người xem khổ tâm hết sức. Càng khổ tâm khi liền theo là lời thuyết minh: "*Còn đây là những đầy tớ của nhân dân*". Hội trường Ba Đình uy nghi, bát ngát với thảm cỏ rực rỡ trải ra đến đường cái. Lớp lớp xe Vônga nối nhau ngừng lại và những đại

biểu quốc hội bệ vệ ôm cặp bước xuống. Những đại biểu ấy hiểu và nghĩ gì về cuộc sống quá khổ của nhân dân?

Càng ray rứt hơn là tình nghĩa với những người có công. Một giáo viên dạy toán giỏi nhiều năm liền giờ sống ra sao? Ông đang gò lưng đạp xe chở hai giỏ rau muống to kềnh nặng đến nỗi sà gần sát đất ra chợ bán. Trông ông hốc hác, gầy gò, chịu đựng. Ông yêu cầu đừng quay phim, sợ hình ảnh mình bôi bác chế độ! Còn người đại tá quân đội, anh hùng chiến dịch Điện Biên ngày nào, từng đeo bốn, năm huy chương đỏ chói, nay đang ngồi bơm xe đạp trên hè phố, trong một căn chòi lá xiêu vẹo. Vắng khách, ông và đứa cháu bé nhỏ đang âu lo nhìn quanh quất mong chờ.

Từng hình ảnh ấy cứ xói trong tim người xem. Mà đó là những hình ảnh rất đời thường ta vẫn thấy mỗi ngày. Dứt phim, tôi cứ nghĩ mãi về thế hệ những người đi trước. Người Việt Nam mình rất trọng đạo lý, rất nặng lòng biết ơn những người có công. Ai mà không xúc động đau xót khi những người ấy bị quá túng thiếu trong tuổi già? Chúng ta, những người trẻ tuổi, có thể nào đầu tư suy nghĩ, sáng tạo để nâng cao năng suất hơn nữa hầu có thêm nhiều của cải vật chất đáp ứng được một chính sách xã hội thỏa đáng cho những người đã cống hiến cả cuộc đời mình cho tổ quốc? Đau nhất là những người thầy thuốc, người chăm lo cho mạng sống mọi người. Hoàn cảnh đã góp phần đẩy họ đến chỗ không mấy ai còn nhớ tới lời thề Hippocrate là không bao giờ nhận thù lao của người quá mức công sức bỏ ra.

Cũng có những bác sĩ cả đời hy sinh quên mình. Một địa chỉ của họ: trại phong Qui Hòa (Phú Khánh). Ở đó, còn có các dì phước (soeur) đã, đang dành cả cuộc đời mình chăm lo cho người bệnh hủi từng miếng ăn, giấc ngủ, nhiều dì bị lây bệnh, mặt mày đã lở loét mà vẫn vui vẻ tận tụy với từng bệnh nhân. Điều gì tạo nên tình yêu sâu sắc với những người bệnh bất hạnh ấy? Chính là lòng tin. Có lòng tin thì gian khổ đến đâu cũng vượt qua được.

Tránh né sự thật, bóp méo, tô hồng, đó là bệnh lâu đời của nhiều tác phẩm văn nghệ. Những người lao động bình thường nhất cũng ghét cái "bệnh" ấy.

Ở cạnh lò gạch người làm phim đã tự phê.

Cảnh một lò gạch nhỏ ven đường. Nhà tranh chật chội, cảnh trí xác xơ. Người vợ của chủ lò gạch đang xới cơm cho con, mâm cơm phơi giữa trời nắng bụi, còn ông thì đang hò hét đuổi người quay phim, các anh đi đi, quay phim làm gì, có dám đưa cảnh thực tế này hay lại cắt xén, đắp vá, tô hồng?

Thói xấu tô hồng và tránh né sự thật trong văn học nghệ thuật và cả báo chí, đã khiến nhân dân mất niềm tin và góp phần làm cho những người có chức quyền thêm xa dần, trở thành chai lì trước nỗi khổ của nhân dân. Và không chỉ với người sống mà cả với người chết. Thay vì được tôn trọng, họ

cũng bị đối xử phân biệt. Người quản lý nghĩa trang Mai Dịch tâm sự: May cho tôi là tôi quản lý toàn những người đã nằm im, nếu họ nói được, chắc tôi không cãi tay đôi nổi với họ, nhất là với những nhà văn lớn đáng trọng, về tình hình phân biệt đối xử ở đây. Mộ những nhà văn Nguyễn Tuân, Xuân Diệu... chỉ là những nắm đất sũng nước, xác xơ.

Và ở cuối phim, người làm phim tự sự khi đang trên xe ôtô quay về, nhìn đồng bào gồng gánh cực nhọc hai bên đường: Những điều chúng tôi nói về nỗi khổ của người dân chẳng có giá trị bao nhiêu, vì phải sống trong cảnh khổ mới hiểu hết sự cơ cực cùng quẫn của dân.

Tôi biết có nhiều người đã trải qua sự nghẹt thở đau đớn trong suốt lúc xem phim. Tôi không cầm được nước mắt nhưng sợ bị cười "*phụ nữ hay khóc*" nên cứ để nước mắt, nước mũi chạy dài lặng lẽ không dám lau. Cám ơn những người làm phim khi tự cảnh tỉnh cũng đã giúp cho mỗi người xem phim cũng phải xem xét lại chính con người mình. Thời gian qua, những sai lầm của chúng ta trong quản lý kinh tế xã hội đã làm khổ người dân quá nhiều. Đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, là hết sức bức xúc trong tình hình hiện nay.

Cuốn phim làm cho tôi mất ngủ mấy đêm liền, buồn quá. Và nhiều anh chị đại biểu khác cũng vậy. Tôi nghĩ, chúng ta, nhất là cán bộ đảng và nhà nước, có lẽ đều xem phim này. Đó là tiếng thét của lương tâm, lời sám hối chân thật và nghiêm túc nhất.

**(*Tuổi trẻ*, Xuân Mậu Thìn 1988)**



**Phạm thị Hoài**
tên thật **Phạm Hoài Nam**

Sinh năm 1960

*Văn học Việt Nam thế kỷ này dường như hy vọng ở sức mạnh tập thể,... đầu tư vào những phẩm chất chung của một tập thể văn chương.*
*Nếu tình trạng này tiếp tục kéo dài, khái niệm tập thể sẽ tiêu diệt đến khát vọng nghệ sĩ cuối cùng, và chúng ta có nguy cơ để lại cho hậu bối một món ăn tinh thần khủng khiếp.*
*Trong khi ấy, đạt tới một sự thỏa thuận nào đó với cái thời mình đang sống nhiều khi đồng nghĩa với nguy cơ tự triệt tiêu mình*

# tản mạn với phạm thị hoài: "cám ơn hoa đã vì ta nở"



*Phạm Kim Khải*

*Ta về*
*cúi mái đầu sương điểm*
*Nghe nặng*
*từ tâm lượng đất trời*
*Cám ơn hoa*
*đã vì ta nở*
*Thế giới vui*
*từ mỗi lẻ loi*
(Ẩn Danh)



Lẻ loi ta nở... đất trời điểm sương

Xuôi ngược, lang thang như thế là bước của thơ, của thi. Tương tâm lãng đãng đi về giữa cõi người ta.

Giữa cái ta của một người còn thơ còn lời ẩn hiện giữa hoa đồng cỏ nội quê nhà... với ta, những người xa xứ đã trăm chiều không khói hoàng hôn – Giữa hai cái ta, nửa tình nửa cảnh, hình như là còn có một cái gì đồng đồng vãng lai: mỗi cái lẻ loi của người ở nhà với một mảnh cô liêu của kẻ xa nhà... tính ra là một hay là hai?

Cái nhà, cái ta, cái nhớ, với cánh hoa bây giờ là bốn, là ba, hay là hai, là một?

Hoặc không có gì, không tính toán: tất cả chỉ là khói, sương

*...Không khói hoàng hôn*
*cũng nhớ nhà!*

Như khói không, như sương điểm, như thế... là nguyên lai của tâm thi, hồn thơ.



Từ đó ta về!... bước chân nghe nặng từ tâm:

*trên quê hương*

Cái tâm thần bao dung tỏa ngợp đất trời, khói, mây, sông núi, biên cương, quê nhà. Tâm thần vô phương *"không xuất phát, không định hướng"*.



Và hôm nay, cũng từ suối nguồn thi ca lồng lộng ấy, ta thấy nẩy sinh trên đất nước nhà một dòng thác văn chương cuồn cuộn băng vượt biên cương tù túng, vươn mình ra khơi.

Giới văn học trong nước hoang mang, náo động. Hải ngoại xôn xao:

– Một cuộc nổi dậy?

– Một cao trào văn học phản kháng?

– "Trăm Hoa" lại nở?

– Lại một vụ "Nhân văn – Giai phẩm" mới? hay chỉ là một hiện tượng "Đổi mới" khơi khơi?

Gọi là gì thì gọi, không ai còn có thể làm ngơ trước sự xuất hiện của dòng thác văn học vừa nổi dậy từ lòng nước như thác vỡ bờ.

Cuộc Nổi Dậy của văn nghệ sĩ bây giờ cũng có những nét chính tương tự mấy cuộc biến trước đây ở phía Bắc và phía Nam sông Bến Hải:

Như vụ Nhân văn - Giai phẩm vào thập niên năm mươi bùng nổ như dây chuyền nổ đồng thời với các cuộc nổi dậy ở Hung Gia Lợi, Ba Lan, Khởi nghĩa Quỳnh Lưu... Nổi dậy để phản kháng chế độ phi nhân *"Tôi bước đi không thấy phố, không thấy nhà. Chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ"* (Trần Dần). Nhân Văn bất mãn với cái xã hội hứa nhân hẹn đạo mà thực tế trước mắt chỉ thấy *"những thằng khổng lồ không tim"*! Đấu tố ngập đầu máu xong... rồi sửa sai. *"Sai rồi lại sửa, sửa rồi vẫn sai"* (Phan Khôi). Một thế hệ mất hết tin tưởng ở đầu não lãnh đạo, khủng hoảng niềm tin ở cái xã hội thối nát, quỷ quyệt, phe đảng.

Cũng như "cuộc nổi dậy của cái trâng tráo" (nói như Võ Phiến trong cuốn Văn Học Miền Nam, để chỉ một bầu khí văn nghệ sôi sục những *lời lẽ "mỗi lúc một khinh bạc, xấc láo. Người ta không tin vào ai nữa, vào cái gì nữa, coi thường tất cả, khinh miệt tất cả"*). Giai đoạn 64 - 75: từ sau chính biến 11-63 có hồi gọi là cách mạng, "rồi sau đó toàn thị là những chuyện to lớn: phản cách mạng, khởi nghĩa, đồng khởi... trong khi ấy, trên địa hạt văn nghệ chỉ xảy ra một cuộc nổi dậy: cuộc nổi dậy của cái trâng tráo. Nó nổi dậy và củng cố ngay một địa vị vững vàng... *cách mạng, đồng khởi nọ kia là những xáo trộn ngoài xã hội; e nó không sâu, nó không thâm bằng chút chuyện nổi dậy trên trang sách*. Vì đây là sự đảo điên tận trong tâm hồn... *Trâng tráo xuất hiện trên trang sách là do bởi cái trâng tráo trong lòng người*".

Cao trào nổi dậy bây giờ cũng hiện trên giấy, cũng âm vang những bất mãn, mất niềm tin, cũng sửa sai, đổi mới; cũng xuất hiện những *"thằng không tim, không mặt"*. Nhưng ta sẽ thấy trong lòng giấy cũng như lòng người bây

giờ và cả hoàn cảnh xã hội bây giờ bầy ra những cái lạ đời, khác hẳn những cuộc nổi dậy trước đây.



Thế giới, người cũng như ta, đều kinh ngạc: người mừng, người lo, tin tưởng lẫn nghi hoặc. Mừng vì hy vọng, tin tưởng vào tiềm lực thăng hoa của văn hóa Việt. Đồng thời, nghi ngại, lo âu cho thân phận của những người cầm bút giữa cơn thác loạn khủng hoảng của một xã hội chao đảo, tình trạng hỗn độn hỏa mù. Thực sự, từ trong nước văn nghệ sĩ đã thét lên "S.O.S", giới cầm quyền và quản lý văn học nghệ thuật đã "*Báo động*", như ta thấy ở tin tức thời sự, ở những hàng tít lớn trên các báo văn học:

- *Báo động giả và báo động thật: Đổi mới hay không Đổi mới.*
- *Chúng tôi lo ngại!*
- *Ý kiến bạn đọc: Vấn đề phê bình văn nghệ & Chụp mũ văn nghệ.*
- *Tình hình trước đại hội nhà văn càng khiến chúng tôi lo ngại...*

Đấy là thời sự nóng bỏng, là căn cớ lo ngại.



*TÍN HIỆU "S.O.S".*

Đấy là tín hiệu kêu cứu của người cầm bút trong nước. "*Tín hiệu S.O.S*" là tiếng kêu gọi lương tâm loài người, tiếng kêu của người cầm bút nổi dậy giữa trùng vây hãm hiểm của những thế lực khổng lồ, độc địa. "S.O.S" cũng là tiếng kêu khắc khoải của những người Việt hiền lành, thấp cổ bé miệng giữa cơn khủng hoảng xã hội, khủng hoảng niềm tin. Khủng hoảng toàn bộ – *crisis "in toto"!*

Kèm theo "tín hiệu S.O.S", văn nghệ sĩ trong nước còn gửi cho thế giới bản cáo trạng, vạch trần tình trạng của xã hội quỷ quái, trong đó, con người hiền lương bé bỏng đang vùng vẫy để vượt thoát trùng vây của "*những tên khổng lồ không tim*", những "*thằng người không mặt*", những "*thằng người có đuôi*"... Thiện và ác, chân và giả, chính với tà hỗn mang, lộn sòng trong cái xã hội "*quỷ ở với người*".



*"TÍN HIỆU ĐOM ĐÓM"*

Giữa hỗn độn, giữa xã hội khủng khiếp ấy, có những người giữa ban ngày đốt đuốc đi tìm người, những con người bé bỏng, những gương mặt hiền lành, những người có tim, có óc, những người đáng yêu.

Giữa khủng hoảng, còn có người thắp sáng niềm tin ở nhất điểm lương tâm con người. Niềm tin lóe lên, lập lòe như những đốm lửa của loài đom đóm. "Tín hiệu đom đóm" bật lên cùng một lúc với "tín hiệu S.O.S".

Niềm tin ấy, dù chỉ chập chờn như ánh đom đóm giữa đêm đen nhân sử,

nhưng đã đủ để người nhận ra người, mặt nhìn mặt, môi tìm môi. Những điểm sáng lương tri khiến người ta tin chắc rằng:

"*Có những người sinh ra để thuộc về nhau. Họ nhận ra nhau bằng tín hiệu của loài đom đóm.*

*Có những người sinh ra để thuộc về nhau. Họ biết rõ họ thuộc về nhau... miễn dịch căn bệnh kinh niên của đồng loại.*

*Có những người sinh ra để thuộc về nhau. Họ tin chắc và không biết sợ – trong khi nỗi sợ khắp xung quanh kết tủa thành hệ thống pháo đài thần kinh và giác quan... bưng bít con người thuở ban sơ*" (Thiên Sứ, Phạm thị Hoài)

Bằng tín hiệu đom đóm, mật hiệu của những người còn nhất điểm nguyên sơ hiền dịu. Trong cuộc tìm nhau, họ nhận ra nhau, biết nhau, tin nhau.



*HỌ LÀ NHỮNG AI?*

Không ai xa lạ: "*Tôi*" và "*Anh*", chủ thể giữa dòng văn học hôm nay, chủ từ trong văn và đồng thời cũng là cái chủ yếu của một người ở giữa đời.

Cái tôi là bản sắc của một người nổi bật giữa đám đông, giữa những đoàn lũ xưng "ta", những "thằng người không mặt", không bản sắc mà Arthur Koestler gọi là những con *số không vô tận* nối đuôi sau *Số Một.*

Đó là thông điệp, là chính đề trong tác phẩm của một nhà văn vừa nổi dậy giữa dòng văn học Việt nam bây giờ: Phạm thị Hoài.

"*Tôi*" xuất hiện trong tác phẩm *Thiên Sứ*, là bé Hoài, cô bé đứng trong cửa sổ.

"*Tôi*" cũng là một cô bé, kỳ dị và đẹp kỳ lạ, có một cuộc đời cũng kỳ lạ:

"*Mẹ tôi sinh ra tôi giữa đường chạy nạn..., trên trời, dưới cỏ, xung quanh ầm ào tiếng súng, người vật gọi nhau táo tác. Tín hiệu chào đời của tôi lạc mất địa chỉ, chẳng ai làm chứng... (ngoại trừ) có một chú dế nhỏ mục kích từ đầu chí cuối cuộc sinh thành*". Lớn lên cô bé trở thành *"Người Đoán Mộng Giỏi Nhất Thế Gian"*.

"*Tôi*" ở đây là cái độc đáo của tác phẩm văn chương, của Phạm thị Hoài.

Phạm thị Hoài là ai?

Một câu hỏi vừa tung ra đã thấy bao nhiêu là người hứng: người ta cho là thời sự nóng hổi, thi nhau nắm bắt, kẻ đối người đáp. Tranh cãi gay go, sôi nổi, nghiêm trọng và bây giờ thì trở nên gay gắt.

Tên tuổi Phạm thị Hoài nổi lên giữa thời sự văn học và chính trị trong tình trạng hoang mang, tranh giành, cãi cọ xôn xao từ trong ra ngoài nước.

Nhận định tình hình, một Ủy viên Trung ương Đảng: (Trần Độ) cho rằng có một vấn đề đang "nổi cộm lên" trong cái "Sự nghiệp Đổi mới" của Đảng

và nhà nước Xã hội Chủ nghĩa. Trong bài thuyết trình "*Góp phần tổng quát về vấn đề chính trị và văn nghệ*" ông ta báo động khẩn trương:

*Vài năm nay... nổi cộm lên vấn đề "Quan hệ giữa chính trị và văn nghệ" nẩy sinh ra nhiều ý kiến gay gắt trong sự tranh cãi.*

*Có chỉ rõ được nó ra (là cái gì) thì mới có hướng cụ thể để thực hiện "Đổi mới" và "nâng cao trình độ lãnh đạo quản lý".*

Để đối đầu với các câu hỏi, ông ủy viên lại bật một câu hỏi hóc búa hơn: "*Thực chất cuộc tranh cãi là ở chỗ nào?*"

Người ta lại nhao lên đối đáp, tranh cãi về một cái gọi là "thực chất" mà không ai thực sự biết là cái gì, và cũng không ai thực tình nói ra, nếu biết nó là gì!

Người đứng ngoài vòng tranh cãi thì thấy sự thật trước mắt là Đảng và nhà nước đang giằng co, dằn vặt văn nghệ sĩ, kẻ cầm quyền muốn "uốn nắn" người cầm bút, như dậy dỗ, đòn vọt con nít vì cái tội làm chính trị bằng văn chương.

"*Khi ta nói chính trị với quan niệm là một công tác cụ thể, là một tổ chức nhỏ cụ thể, là một con người cụ thể thì dễ xẩy ra lầm lẫn... Văn nghệ bị coi thường hay "khinh bỉ", văn nghệ sĩ bị coi như con nít "là những biểu hiện cụ thể...*".

Một điển hình cụ thể là Phạm thị Hoài: trong cuộc thảo luận của Hội Nhà văn và Viện Văn học Hànội, họ Phạm bị một ông lớn họ Đỗ tên Đức Dục lôi ra uốn nắn về cái tội "dại dột... chơi dao hai luỡi":

"*Cây viết trẻ Phạm thị Hoài... phải cẩn thận!*" (Văn học số 4/1989 Hànội)

Ngược lại, ở hải ngoại Phạm thị Hoài xuất hiện khác hẳn, lớn hẳn lên. Một tờ báo Việt ngữ xen lẫn Pháp ngữ có đăng một bài tiếng Pháp giới thiệu Phạm thị Hoài như là một đại diện cho cả thế hệ văn học Việt nam bây giờ, "thế hệ không nhượng bộ"

> *"...Phạm thị Hoài et les autres*
> *Ou la génération sans concession".*

Trong khi đó phần đông quần chúng văn học, giới độc giả người Việt ở ngoài nước ít ai nghe nói đến tên tuổi cái người gây rắc rối dư luận ấy.

Đối với người đọc ở hải ngoại, câu hỏi từ trong nước giờ vẫn còn nguyên như trong cái phong bì lạ (không rõ xuất xứ, không có hướng, không rõ ai gửi và gửi cho ai). Vấn đề còn nguyên xi. Phải nói rằng to lớn như vấn đề "sự nghiệp đổi mới vĩ đại", quan hệ như "chính trị và văn học" người ta còn chưa biết... thì ai biết Phạm thị Hoài là ai.

Nghi vấn về Phạm thị Hoài đối với người đọc văn chương thật ra, là dấu hỏi về cái tên tác giả của một số tác phẩm nào đó.

Độc giả, đúng nghĩa, là người đọc. Đối tượng cụ thể trước mắt của một người đọc là... một bản văn, một bài thơ, một truyện dài, một truyện ngắn nào đó – chứ không phải những từ trơ, danh suông. Nói rõ hơn, đối với người đọc mà hỏi "*Phạm thị Hoài là ai*?" thì không ai trả lời được, và cũng không ai muốn trả lời.

Người đọc thật sự chỉ quan tâm và hỏi: "*Phạm thị Hoài đã viết gì*?".

Tôi đã nghe hỏi như vậy và cũng đã tự hỏi như vậy. Cái tôi tìm ra và đọc được của Phạm thị Hoài là một truyện ngắn "*Người Đoán Mộng Giỏi Nhất Thế Gian*", một truyện dài "*Thiên Sứ*"; và một bài luận về việc viết của người cầm bút "*Viết Như Một Phép Ứng Xử*". Đối với tôi, cho đến giờ này, Phạm thị Hoài là ba cái đó:

Một là cái Mộng

Hai là cái Thực

Ba là cái giữa Thực và Mộng

### *1. Mộng Sự*

Chữ "mộng" trong truyện "*Người Đoán Mộng Giỏi Nhất Thế Gian*" hình như là một cái gì *nửa mộng nửa thực*.

Giọng kể chuyện khơi khơi, nửa thực nửa bỡn, rằng: có một phiên tòa, bắt đầu xử một vụ án rất nghiêm trọng vào ngày mười lăm tháng Hai 1987.

Bị can là một phụ nữ bốn mươi tuổi, can tội hành nghề mê tín dị đoan "*có hệ thống, có tổ chức, có quy mô lớn và ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống xã hội... xử tại tòa án nhân dân thành phố H.*". Có lẽ là thành phố Hồ Chí Minh.

Phiên tòa kéo dài sáu tháng chả đi đến đâu, "*chắc chẳng bao giờ kết thúc nếu bị cáo không đột ngột biến mất khỏi nơi giam giữ nghiêm ngặt*".

Tòa không có luật sư, chả ai biện hộ cho ai, mà chính bị can cũng không buồn lên tiếng thanh minh thanh nga gì hết. Cô ta (độc thân) tỉnh bơ khước từ mọi cái gọi là quyền lợi bằng những lắc đầu, im lặng.

Điều rất lạ gây xôn xao dư luận báo chí, là: trước khi biến mất, bị cáo cố ý để lại cho tòa một "*bản tự khai*", kể mọi chi tiết linh tinh từ lúc lọt lòng mẹ, hành nghề, bị bắt như thế nào, được tạm tha ra sao, bị bắt lại và cuối cùng chào vĩnh biệt: "*Đây là phiên tòa dành cho quý vị... Để tiện cho các vị, tôi người đoán mộng giỏi nhất thế gian xin vĩnh biệt...*".

Cô khai với tòa như nói chuyện chơi với tất cả mọi người trên cõi đời này. Đời cô kể ra nghe như một giấc mộng, tình tiết diễn biến như hoạt cảnh sân khấu, có việc thật như đếm xen lẫn với những chi tiết huyễn hoặc. Trong thế giới của cô, người với vật chung sống như ở chuyện thần thoại, ngụ ngôn. Có chỗ khiến người nghe liên tưởng đến chuyện của Tô Hoài.

*"Mẹ tôi sinh giữa đường chạy loạn... xung quanh ầm ào tiếng súng, người vật gọi nhau táo tác. Tín hiệu chào đời của tôi lạc mất địa chỉ, chẳng ai làm chứng... Có một chú dế nhỏ mục kích cuộc sinh thành, từ đầu đến cuối...*

*Thế là tôi nằm trong chiếc lều cói, ngửa mặt nhìn trời, với một chú dế trong vành tai, cái tư thế lý tưởng để phát sinh mọi mộng mơ và tôi đã mơ ngay từ phút chào đời... vô vàn giấc mơ mà lắm kẻ bạc đầu chưa từng nếm trải. Đó là hướng nghiệp đầu tiên của tôi".*

Ba năm kế tiếp, sống cảnh chạy loạn, mẹ cô bán hàng rong, cô không được bồng bế như trẻ khác, mà lại bị bỏ vào một thúng, còn một thúng kia đựng gạo, mắm, muối mà cô cho là một thế giới biến ảo trước mắt:

*"Nửa gánh kia là cả một thế giới nhỏ biến hóa vô cùng: nước mắm hóa thành muối, muối thành gạo, gạo thành gà, gà thành cá, cá thành nước mắm. Nước mắm lại biến hóa vòng hai, cứ như thế luân hồi".*

Sống trong cái thúng, cô không chơi được gì, chỉ gục mặt nhìn đất thỉnh thoảng ngắm gấu quần thiên hạ để giải trí và mơ tiếp vô vàn giấc mơ. Đó là hướng nghiệp thứ hai.

Cứ cái giọng kể chuyện nửa như Tô Hoài, nửa Phạm thị Hoài, cô kể hoài những cái ngộ nghĩnh, huyên thuyên mơ mộng:

*"Mẹ ít nói, chỉ hay hát ru. Những lời ru lạ lùng, chẳng chuyên chở một ý nghĩa nào cả:*

> *Đêm vồng vang*
> *Rơi chiếc vòng vàng"*

Cô bảo rằng những lời có vẻ viển vông ấy, "*tự chúng là một thế giới riêng, không áp đảo, mà có lẽ còn nâng đỡ giấc mơ của tôi. Tôi không dứt đoán mộng mơ vì lẽ ấy*".



Quan sát loài người, cô thấy ai cũng mơ, cũng mộng:

*"Người ta lắm mộng mị, mộng ban đêm, mộng ban ngày, thậm chí ngủ gật dăm phút trong hội nghị, giữa buổi cầu kinh... hay trên cầu tiêu... cũng mộng".* Mấy chục năm hành nghề cho phép cô phân loại và thuộc lòng mộng thiên hạ như nhà đông y làm việc với những hộc thuốc.

Đứng đầu bảng, phân loại cái giấc mộng lớn nhất là mộng tiền bạc:

*"Từ mấy đồng xu rơi vãi ngoài đường, dăm chục đồng bạc lên lương, vài ba ngàn mánh mung cò con, đến hàng vạn tiền lộc ngoại quốc và triệu triệu tiền siêu hình, tiền âm phủ khoét từ các vết thương chính quy của cái cơ thể duy nhất độc quyền sản sinh tiền bạc là nhà nước".*

Hình như càng bị kiểm soát bởi quyền lực, bị thúc phọc vì đồng tiền, người ta càng ham hố, lao đầu vào hiểm lộ tiền bạc. Tại sao?

*"Tất cả đều nghĩ sâu sắc rằng thiếu tiền họ sẽ chẳng là gì, sẽ không còn là con người, người cha, hay một người đàn bà nào đó, cùng lắm bằng vai loài vật đi hoang ngoài đường, và vì thế, ham tiền chỉ là ham muốn làm người thuần túy nhất".*

Sau tiền, là mộng tình ái:

*"Tình ái cần đối tượng. Chồng bạn, vợ người, thứ nữa mới đến gái đồng trinh, quả phụ và kỹ nữ".*

Đi sâu vào lòng người, cô thấy người ta còn quằn quại khắc khoải về chính kiếp sống hiện tại. Ai cũng như ai, chỉ mong được thoát kiếp. Người ta tìm đến cô đoán mộng. Đủ loại người:

*"Người đi đến đoán lòng người ở lại*
*Người già đến đoán kiếp sau*
*Người trẻ đến xem phải trả oán gì cho kiếp trước".*

***Tín Hiệu Của Loài Đom Đóm***

*Có những người sinh ra để thuộc về nhau. Họ nhận ra nhau bằng tín hiệu của loài đom đóm...*

*Có những người sinh ra để thuộc về nhau. Họ biết...*
*Có những người sinh ra để thuộc về nhau. Họ tin...*
*Có những người sinh ra để thuộc về nhau.*
*Tôi và anh, cô bé đứng trong cửa sổ, chàng trai đứng ngoài cửa sổ.*

Đấy là những dòng đầu tiên mà tôi tiếp nhận từ "*Thiên Sứ*", bốc phệ được một trang đọc như thể nhìn và nghe một thứ hội họa bốn chiều, đọc truyện, lắng nghe giọng kể, hơi văn, nhịp bước theo dòng, theo trang, dần từng chương khúc mở phơi. Cũng có lúc tôi nhìn xuyên trang sách như một khung cửa sổ mở ra một cõi khác, bên kia. Lần này, tôi thấy tôi như là "*Anh*", và cô bé đứng trong là "*Tôi*" – nghĩa là, bên kia cửa sổ.

*"Có những người sinh ra để thuộc về nhau*
*Tôi và anh, cô bé đứng trong cửa sổ, chàng trai đứng ngoài cửa sổ".*

Chỉ có điều khác, giữa tôi và cô bé ấy, là: cái trong của cô ấy là cái ngoài của tôi. Cô ấy tự cho là đứng trong. Còn tôi, nhìn qua khung sách trong suốt thủy tinh, lại thấy cô ấy ở bên kia, đứng ngoài khuôn sách vở.



## *2. CỬA SỔ*

Chương Một. Thiên Sứ

Được nhà xuất bản Trẻ in tháng Bảy 1989 và gọi là tiểu thuyết, nhưng Thiên Sứ cũng có thể được gọi là "cuốn sách" như tác giả ghi ở đầu sách:

*"Cuốn sách bắt đầu từ một điển tích của nhà văn G.G. và những chuyện khó*

*tin của nhà thơ F.*" Tuy nhiên ai gọi nó là truyện, sách hay là gì đi nữa, có lẽ tác giả cũng chẳng buồn cãi: hình như ngay từ đầu tác giả đã tỏ vẻ dửng dưng với nó như đứa con ghẻ; hoặc coi là những lời góp nhặt dông dài. Đã vậy thì độc giả cũng không cần thắc mắc F. là ai; G.G. có phải là Gunther Grass? Gigi? hay là gì gì... hoặc thiên sứ là ai, là gì, là tiểu thuyết giả tưởng hay là một cuốn sách chứa toàn sự thật.

Kinh nghiệm của người đọc truyện cho biết có nhiều tiểu thuyết mào đầu bằng những câu như "Đây chỉ là chuyện tưởng tượng, tên tuổi các nhân vật đều là tưởng tượng. Nếu có sự trùng hợp nào đó..." giữa tiểu thuyết với sự thực, người thực, việc thực, thì đó là "ngoài ý muốn của tác giả". Ngược lại, có những sách nhân danh "Sự Thật" viết bằng chữ hoa, viện dẫn tài liệu lịch sử, thời sự và phương pháp này biện chứng kia, rốt cuộc toàn những chuyện không tưởng, ngụy biện.

Vậy Thiên Sứ, thực ra, là chuyện thế nào? Ngay từ trang đầu ta thấy nó như một tự truyện; phần vì trong trang liệt kê các nhân vật, ta thấy đứng đầu là "*cô bé Hoài*" và kết thúc là:

"*Homo-A*

*Homo-Z*

*và tác giả*"

Người kể chuyện xưng "*tôi*" từ đầu đến cuối.

Người đọc dù vô tâm đến đâu cũng phải nhận thấy tên nhân vật chính "bé Hoài" lại trùng tên với tác giả "Phạm Thị Hoài". Tình cờ?

Chuyện khá dài, hơn trăm trang được chia làm hai mươi chương.

Đọc đi đọc lại, tôi vẫn thấy chương đầu có những cái ngộ nghĩnh lẫn với một cái gì hình như bí ẩn khó nói. Tất cả những cái ấy, rốt cuộc, đều quy kết vào cái lỗ độc nhất, kỳ quái của một căn phòng độc nhất cũng kỳ quái y như cái nhà độc nhất của bé Hoài:

"*Nhà độc một phòng... phòng độc một cửa sổ, lỗ thủng hình chữ nhật lúc thì màu xanh lúc vàng óng ánh, lắm khi xám xịt, đóng khung lên thế giới men nâu của tôi*".

Cái lỗ cửa sổ ấy vừa là lỗ hổng của căn phòng tù hãm cả thân xác lẫn trí tưởng tượng, vừa là lối thoát độc nhất cho thị quan của một cô bé có khuynh hướng lãng mạn bị dồn nén vì một áp lực nào đó.

Cô bé cho rằng: "*lỗi tại cái cửa sổ*".

Hình như trong cái xã hội của bé, người ta đặt ra những điều cấm kỵ nào đó bất chấp những sở thích riêng tư của bé; chẳng hạn như mỗi nhà chỉ có một phòng kín mít, bịt bùng như cái nhà tù; diện tích không được quá mười sáu mét vuông; cái lỗ hổng độc nhất tượng trưng cho sự *cởi mở có mức độ*, chỉ cho phép một lượng không khí nhất định từ ngoài lọt vào; cái lỗ thông

hơi mà bé Hoài gọi là "cửa sổ" ấy được người ta bố trí theo một hướng nhất định, *một mức độ khắc nghiệt* đến nỗi ngoài cái hơi cho bé hít vào lá phổi lép kẹp, "*hơi thở chỉ đủ duy trì lượng oxy cần thiết cho phổi*", thì không một thứ hơi nào khác được phép lọt vào, dù chỉ một chút hương hoa vô hại.

Mười lăm năm ròng, cô bé đã sống hoài trong tình cảnh nghiệt ngã ấy "*cố thu mình vào một thể tích tối thiểu, tiêu diệt toàn bộ những phương tiện biểu đạt, chân tay co rúm, ngực lõm...*" co rút mình không phải chỉ là ép xác mà còn là dồn nén cả khát vọng bé bỏng tự nhiên như thèm khát vuốt ve âu yếm:

"*Ước muốn sâu thẳm và thường trực trong tôi: vuốt ve một mái đầu đàn ông, ghì chặt vào ngực mình, hít thở cái mùi lạ lùng*".

Bé thèm nhất là được nếm hương vị của cái hôn ngọt ngào:

"*Tôi lớn lên và chưa từng biết mùi vị cái hôn của mẹ*".

Từ nhỏ sống trong cái gia đình nếm ngửi toàn những cay đắng, mặn chát, hoặc ngược lại toàn những cái nhạt nhẽo, vô vị như cái xã hội bên ngoài.



Thích hoa, thích lãng mạn mà không được, chỉ vì cái cửa sổ? Hoặc không thể lãng mạn nổi vì người ta mở cái cửa sổ nhìn về *hướng* không có hoa. Trên đời này, bên ngoài cái nơi giam hãm cô bé, thiếu gì hoa. Hoa có, chứ đâu phải là không. Nhưng không thấy được hoa như cô bé ao ước, không phải lỗi tại cái cửa sổ. *Tại cái hướng*! Cái hướng mà người ta đã bố trí sẵn để bé nhìn ra chỉ thấy "*cái cổng sắt hoen rỉ xộc xệch mỗi ngày hai lần loảng xoảng*". Không phải tại cái khuôn cửa đâu. Lỗi tại cái *hướng mở* về phía con đường dẫn tới nhà máy rượu bia.

Ngược lại, cái cửa sổ đã giúp bé nhìn ra bên ngoài để "*nghiên cứu những gương mặt, những dáng người, ào đến, mất hút, rồi ào đi, mất hút, trong và ngoài cánh cửa ấy*".

Qua cái ô vuông nhỏ, bé thấy một cõi người ta, một vùng nhà máy hàng ngày công nhân ùn ùn kéo ra kéo vào. Qua cái khuôn ấy, bé nhìn và phân loại những người này.

Qua mười lăm năm trời bị giam hãm trong một cái gọi là "*nhà*", chỉ có một căn phòng độc nhất, một cửa sổ độc nhất, hướng về một hướng độc nhất, một đoàn người độc nhất là người nhà máy di động bên kia cái cổng sắt rỉ trước cửa sổ, bỗng cô bé nghĩ đến hoa, ước rằng:

"*Giá có hoa, bất kể loại hương hoa nào*".

Thực tại khác hẳn ước mơ. Cái cửa sổ không cho nhìn về hướng có hoa, có bướm. Chỉ có một đám thợ thuyền.

Làm sao đây?



Mười lăm năm trời đứng trong cửa sổ nhìn ra, cô bé nghiễm nhiên thấy mình trở nên một quan tòa, phân loại người, và phán đoán có tiêu chuẩn.

"*Vị trí của tôi là chiếc cửa sổ, quan tòa*".

Tiêu chuẩn phán xét, chọn lựa *người đúng nghĩa người*... của cô bé, là người ấy phải có một khả năng và chỉ một mà thôi:

> *"Biết yêu đương, hoặc không.*
> *Tiêu chuẩn duy nhất để họ đứng bên phải hay bên trái tôi".*

Làm sao nhận biết được một người như thế? Dễ ợt. Chỉ cần thấy gương mặt, và nhìn vào cặp môi sẽ biết người ấy lành hay dữ, biết cười, biết... hôn hay không:

"*Họ là ai, nghề nghiệp, tuổi tác, đẹp xấu, gầy béo, công dân hay ngoài vòng pháp luật, trinh tiết hay đã qua đủ cám dỗ, sống vững vàng bằng hai chân hay phiêu diêu tận đẩu đâu... nhóm máu này hay nhóm máu khác... tất cả không đáng kể.*

*...Tôi bỏ ngoài tai những cuộc cãi vã vô tận của chị tôi và đám tình nhân về lẽ đúng sai, tương đối hay tuyệt đối, vô hạn hay hữu hạn của các hệ quy chiếu.*

*Người ta sẽ còn cãi vã suốt đời về những vấn đề không mấy liên quan tới **chủ nghĩa dịu dàng và tình yêu***".

### *Chủ Nghĩa Của Bé Hoài*

Hoài là ai?

Chị của thiên sứ, và rồi, cũng là thiên sứ. Bởi vì, thiên sứ là bé Hon, em út của bé Hoài – và bởi vì:

"*Nó không có tuổi, khó lòng hình dung nó già hơn hay trẻ hơn. Nó đến rồi đi, như một thiên sứ pha lê, ghé trần gian nhân cuộc dạo chơi miên viễn*".

Bé Hon của Hoài còn bé hơn Hoàng tử Bé (Le Petit Prince) của Saint Exupéry? Bé rất bé bỏng, giáng sinh vào một gia đình nghèo hèn ở cái xã hội đang quản quại vì một "*biến cố trọng đại, khủng hoảng thế hệ*":

Khủng hoảng thế hệ, chị Hằng mắc bệnh *sùng bái đồ lót*. Chị kén chọn chúng như thể kén chọn tri âm.

*Hỏi, không có năm 1975 trọng đại và cuộc xâm lấn ầm ĩ của thế giới tiêu dùng slip corset tinh xảo, tivi cassette tinh xảo, cigarette whisky tinh xảo túa ra từ nửa nam đất nước, liệu những vùng cơ thể thầm kín của chị tôi có chịu cảnh cô đơn?*

Bé Hon là cục bào thai bất đắc dĩ, dĩ nhiên, trong cái gia đình này (bốn chị em Hoài kể cả anh Hạc, chị Hằng và út Hon). Bố Hoài nhìn cái thai, tặc lưỡi:

"*Thôi thì trời sinh voi, trời sinh cỏ*".

Bé Hon đối với bố mẹ là con voi nặng nề, nhưng với Hoài, nó là thiên sứ

pha lê, bé bỏng, một hiện tượng lạ. Cũng vì, nó đến rồi đi, nên Hoài "*buộc lòng thay thế bé Hon*", đứng vào vị trí con út, và vì thế, kiêm cả vị trí thiên sứ. Thông điệp duy nhất là nụ cười.

"*Con bé lọt lòng, không chịu cất tiếng khóc, mà mỉm cười làm thân với đủ mười ba nữ hộ sinh đứng quanh bàn đẻ... Nó ăn ít, ngủ ít, chỉ cười... nằm trong chiếc nôi bé xíu... cứ tỉnh dậy là ban phát nụ cười mê hồn cho muôn vật.*

*Kẻ ngỗ ngược nhất nhà, anh cả tôi, bỗng thành mềm yếu... Thời kỳ đó, anh ta đào ngũ, đạp xích lô chui lủi ở Hànội, và không nuôi nhiều hy vọng ở cuộc đời*"...

Hôm anh nhận giấy triệu nhập ngũ trở lại, bé Hon sà đến đòi "*thơm nào*"... anh gạt phắt nó ra, lầu bầu: "*Cút*".

Hôm sau bé Hon không dậy nữa... không bao giờ dậy nữa, "*sứ giả pha lê yếu ớt, lạc vào thế giới này ban phát nụ cười và môi hôn*". Nó không cần ai vuốt mắt, tự nó, đủ cho nó, cho cả muôn vật chung quanh.

Sứ giả của tình yêu, thiên sứ, đã đến, đã kiên nhẫn và đã bỏ đi như thế. ***"Con chim trốn tuyết. Chỉ còn biết một ngày mùa ấm đón chim về".***



*Chủ nghĩa dịu dàng và tình yêu* của Hoài, đúng ra, là kết tinh thông điệp của thiên sứ pha lê thôi. Nó lôgích hóa, hệ thống hóa, nêu tiêu chuẩn để chọn lựa những người đáng yêu giữa đám người trán phẳng, râu ria bặm trợn, không biết cười, không biết âu yếm. Thế thôi.

Mười lăm năm đứng ở cửa sổ như một quan tòa, bé Hoài phân loài người ra làm hai thái cực, có thể đánh dấu âm (–) / dương (+).

"*Homo – A, những kẻ biết yêu* (cực dương +)

*Homo – Z, những kẻ không biết yêu* (cực âm –)

*Hình như đó là công việc duy nhất có ý nghĩa đối với tôi*".

*Lý thuyết của chủ nghĩa này* cũng như mọi lý thuyết từ A đến Z, đều chỉ là không tưởng nếu không đưa tới thực hành, không đưa được lý thuyết vào hiện thực, vào cụ thể, vào đời sống thì lý thuyết yêu người và người yêu của Hoài may mắn lắm cũng chỉ bằng, hoặc rủi ro, thì kém xa những triết thuyết lấy chữ YÊU, chữ NGƯỜI làm chuẩn – thuyết PHIẾM ÁI của Mặc tử đến thuyết NHÂN BẢN kiểu Mác xít. Từ Mặc đến Mác, thiếu gì thuyết yêu. Người ta đều phải cố gắng làm một động tác cụ thể nào đó để chứng minh lý thuyết. Người theo thuyết Nhân bản Mác xít gặp nhau thường "ôm hôn" thắm thiết là vì vậy.

Coi chừng, con đường thực hiện chủ nghĩa dịu dàng của Hoài hơi khó thực hiện, vì... lý luận quá sơ sài, nhất là về mặt thực hành lại quá... dịu dàng, thụ động:

Bị giam trong phòng, chỉ có một lỗ nhỏ mở ra và chỉ để nhìn thấy người cực kỳ *đáng yêu, một Homo -A*, thế thôi. Thậm chí, hắn đã đến sát cửa sổ, Hoài không dám làm một **hành động** nào cụ thể, để thực hiện cái **lý thuyết** đầy ý nghĩa ấy:

*"Chiều hôm qua, anh ta xuất hiện. Sát dưới cửa sổ, chỉ cần thò tay là chạm mái tóc đen dày chưa quá ba mươi tuổi của anh. (Ước muốn sâu thẳm và thường trực trong tôi: vuốt ve một mái đầu đàn ông, ghì chặt vào ngực mình, hít thở cái mùi lạ lùng...). Tôi đã không đưa tay ra, mà cố thu mình vào một thể tích, tiêu diệt toàn bộ những phương tiện biểu đạt, chân tay co rúm, ngực lõm, tóc dính bết vào sọ não, và hơi thở chỉ đủ duy trì lượng oxy cần thiết cho phổi".*

Hỏng! Thế, có chán không!

Chủ nghĩa nói ra thì hùng hồn, đến khi gặp cơ hội thực hành thì co rúm lại như thế. Nản thật!

Muốn lập chủ nghĩa nổ lớn, hãy xem thử Mác làm ăn ra sao:

Mác xít, một chủ nghĩa có tác động kinh thiên động địa nhất thế gian, cũng chủ đề YÊU, yêu tất cả... mọi công nhân – dĩ nhiên cả những thợ thuyền trước cửa sổ của bé Hoài. (Lý thuyết này có thể coi là dở, kém cụ thể "thót phần dưới" như Hoài đã mô tả cảm giác khi nín thở run theo tác động của những cặp tình nhân rủ nhau đến "chơi trò chơi ái tình" trước cửa sổ Hoài).

Hoài có thể hỏi một cách rất ngây thơ: Tại sao không yêu hết cả loài người, mà chỉ yêu công nhân? họ có phải là Homo -A ưu việt nhất?

Không, trăm lần... không! Mác trả lời như đã từng nói cả thế kỷ nay. Chủ nghĩa Mác sẽ chỉ là mớ lý thuyết vô dụng nếu không có khối lượng vật chất khổng lồ là giai cấp thợ thuyền. Mác cho rằng *triết lý suông* là vô ích, và *triết lý ngon* là cái có thể biến đổi thế giới một cách triệt để. Thế giới là vật chất. Muốn biến đổi vật chất, cần một lực vật chất cụ thể. Mà lực lượng nào đông đảo, mạnh và hung hăng hơn những kẻ cầm cái búa tạ, triệu triệu tỷ tỷ cái búa giơ lên, giáng xuống đối tượng Mác muốn đập phá. Muốn biến đổi một cái nhà, chẳng hạn, phải kêu những cây búa ấy đến phá hủy tanh banh cái nhà cũ, phá hủy triệt để, rồi mới xây một cái nhà mới ngay trên nền đất cũ của cái nhà vừa bị hủy. Đấy là cách thực hiện lý thuyết HỦY THỂ của HỦY THỂ.

(Nói cho Hoài dễ hiểu: hủy là diệt, là giết chết v.v... Áp dụng vào YÊU, thì YÊU là CHẾT... ở trong lòng! thí dụ vậy).

* * *

***3. Giữa Mộng Và Thực***

*"Thế giới có thực, thuần túy khám phá...*

*Thế giới mộng mơ, bắt nguồn từ lòng mẹ, vụt nhận hình hài khi chào đời, tự do phát triển theo quy luật không thể nắm bắt".*

Mộng và thực (trước mắt Người Đoán Mộng) là hai thế giới cách biệt nhưng đều có thực, và hình như ở giữa hai cái thực có một vực sâu ngăn cách; muốn đi từ bên này sang bên kia thì người ta phải bắc một cái cầu: "cây cầu ngôn ngữ". Dĩ nhiên cái cầu cũng là một vật cụ thể, một cái có thực. Giữa thực và mộng thật ra, có phải là một cái cầu đơn sơ như thế? Hay chính nó cũng là một thế giới: "thế giới ngôn từ"?

"*Thế giới mộng mơ khổng lồ... đột nhiên bị thế giới ngôn từ thâm nhập như một ngoại tố phức tạp nhất*".

Ôi chao, cái Người Đoán Mộng này bất nhất quá. Mới vừa bảo là chỉ có hai "thế giới", có một "cây cầu" bây giờ lại ba thế giới thì cần đến mấy cây cầu đây? Có lẽ Người Đoán Mộng và Thiên Sứ sẽ hỏi nhau như thế; cô này sẽ bảo cô kia rằng: nếu cô phải sống trong cái nơi tôi sống, trong cái "nhà độc một phòng, phòng độc một cửa sổ, và cửa sổ chỉ có độc một hướng, cái hướng chỉ mở có một độc đạo dẫn tới một thế giới độc nhất là nhà máy, thì cô sẽ hết suy nghĩ lôi thôi, hết phức tạp, không còn mơ mộng, không hoa bướm. Đây là thế giới có thật, cái thật độc nhất và độc đoán.

Tuy nhiên, đối với Phạm Thị Hoài (người đẻ ra những nhân vật tiểu thuyết trên là bé Hoài và Người Đoán Mộng, cả những thế giới, những cây cầu và cái cửa sổ kia) thì hình như không có cái gì ra cái gì cả nếu không có ngôn ngữ:

"*Một trong những yếu tố đầu tiên quy định cung cách ứng xử của người cầm bút có lẽ là ngôn ngữ, thứ phương tiện gần như duy nhất và bắt buộc*".

Nếu hiểu thứ phương tiện này của Phạm Thị Hoài như là "cây cầu" của Người Đoán Mộng, hoặc như là cái "cửa sổ" của bé Hoài, thì người viết chỉ có một cái cửa sổ duy nhất, một cây cầu duy nhất, một phương tiện duy nhất là ngôn ngữ để qua lại, đi về giữa hai cõi... Thực và Mộng.

Giữa thực và mộng, giữa thế giới của Người Đoán Mộng và của bé Hoài, có lẽ không có cái "cửa sổ" nào, "cái cầu" nào cả nếu không có ngôn ngữ. Và ngôn ngữ của Phạm Thị Hoài là cái đã vẽ ra cái "cửa sổ" và "cây cầu" trong Người Đoán Mộng cũng như trong Thiên Sứ. Nó cũng là cái ngôn ngữ để Phạm Thị Hoài viết, "**viết như một phép ứng xử**".

Vậy thì muốn hiểu Phạm Thị Hoài ta cũng chỉ có một cách duy nhất là đọc cái chị ấy viết, cái ngôn ngữ giữa Mộng và Thực. Thế thôi!

Lời nói của Phạm thị Hoài đã khó, mà chữ nghĩa cũng lạ. Một trong những từ ngữ cô dùng tôi chưa từng dùng, mà cũng chưa từng nghe: *Ứng Xử*. Tra tự điển (cả tây, cả ta) mà cũng vẫn mơ hồ, "Ứng" có thể là thích ứng, đáp ứng, ứng biến, ứng đối... [(Pháp) Se correspondre; s'adapter; Correspondre; Répondre à...] "Xử" gợi vài nghĩa gần gần như: cách xử thế, xử kỷ, xử nhân, cư xử, khu xử, phân xử [(Pháp) Manière d'être; se conduire; arranger; juger;

condamner]. Hội chung những nghĩa đơn biệt đó lại trong đầu, và đọc lại cái đoạn có chữ "ứng xử" để nhập vào dòng mạch ý tứ của tác giả:

*"Đối với tôi, viết quả là một phép ứng xử toàn diện, trước hết là ứng xử với bản thân mình..."*

– Xử kỷ (?)

*"Sau là ứng xử với môi trường..."*

– Xử thế, đối phó, ứng đối hoặc thích nghi với hoàn cảnh (?)

*"Và môi trường đây là toàn bộ những gì tự nhiên và con người tạo ra, kể cả di sản của quá khứ và những tín hiệu dù còn mơ hồ trong tương lai".*

– Có thể hiểu chữ "ứng xử" này tương tự như "xử kỷ tiếp vật"?

Hoặc ngầm tỏ thái độ đối với mọi hiện hữu và biến thiên lịch sử, bao gồm những cụ thể hiện tại (le tangible), quá khứ và *những tín hiệu nhấp nháy "mơ hồ về tương lai"* (l'intangible).

Thử hỏi, về phép "xử kỷ" – đối với bản thân người cầm viết, cô "ứng xử" thế nào?

*"Liệu bạn đọc có thể hiểu rằng một nhà văn gầy yếu đặt lên trang giấy những điều khác xa một nhà văn to béo không? Và một nhà văn sinh ra với một bàn tay sáu ngón chẳng hạn dứt khoát sẽ tìm mọi cơ hội để đánh nhau với ngón tay thừa thiếu thẩm mỹ của mình? **Đối với bản thân người cầm bút,** điều đó rất nhiều khi không kém **quan trọng hơn những dữ kiện xã hội** lớn lao là bao...*

*Tiếc rằng chưa bao giờ tôi tìm thấy trong các công trình nghiên cứu **văn học** của chúng ta một tia sáng dù rất nhỏ nào rọi **về hướng đó**".*

Hướng về "*bản thân người cầm bút*":

NGƯỜI đứng giữa hai vế chữ *bản thân / cầm bút* gợi hình ảnh một người giữa hai dữ kiện trắng đen tương phản mà lại tương đương giữa vật thể và tinh thần, giữa bên trong và bên ngoài, giữa thân xác và cảm nghĩ...

*"Người cầm bút phải đối diện với vô vàn dữ kiện, và dường như không thể xếp chúng theo trình tự quan trọng cấp một, quan trọng cấp hai".*

Bản thân người cầm bút, hiểu như thế, thì cũng là một dữ kiện ngang ngửa, không phân cấp, một hoặc hai, nghĩa là **cái "tôi"** cá nhân và **cái "ta"** tập thể kẻ tám lạng người nửa cân. Theo đà ấy, cái khái niệm "hạ tầng" và "thượng tầng" trong kiến trúc xã hội cũng... lung lay.

Trong phép ứng xử của họ Phạm, vừa lấp lóe một "tín hiệu đom đóm", một vài điểm sáng có thể tỏa rộng thành một quan điểm toàn triệt, toàn diện và triệt để. Cho đến khi quang lực chuyển thành nhiệt năng nổi lửa để hỏa thiêu tận gốc, tận cái gọi là xã hội chủ nghĩa, là dân chủ nhân dân, trong đó người ta lạm dụng chữ *dân*, khoa đại nó bằng chữ "D" vĩ đại, tuyệt đại, tuyệt đối hóa nó, vẽ cái khẩu hiệu "lấy DÂN làm CHỦ", và lấy cái hình phù DÂN

CHỦ trừu tượng, không tưởng để đàn áp, triệt tiêu từng thực thể bằng xương bằng thịt là con người, là CÁ NHÂN.

Ở đây, nói đến Bản Thân Người Viết, Phạm thị Hoài nói đến CON NGƯỜI SINH VẬT qua hình tượng "*nhà văn béo hay gầy, bàn tay sáu ngón...*". Điểm này đưa người cầm bút đến chỗ đụng độ gay go với nền tảng kinh điển Mác xít, đặc biệt là ở chính diện Sử quan Mác xít đem ứng dụng vào việc chỉ đạo, kìm kẹp ngòi viết. Như Tạ Ngọc Liễn (Viện Sử học) hé ra trong cuộc hội thảo: "Theo ông, *trong ba cấp độ: (1) con người sinh vật, (2) con người giai cấp (3) con người phổ quát, thì chủ nghĩa Mác chỉ mới chú ý đến con người giai cấp*".



Tới đây, đã thấy thấp thoáng tại sao Phạm thị Hoài hạ bút than rằng: "*Tiếc rằng chưa bao giờ tôi tìm thấy trong các công trình nghiên cứu văn học của chúng ta một tia sáng dù rất nhỏ về hướng đó*".

Cái hướng Bản Thân?

Cái hướng Con Người?

Cái hướng Cầm Bút?

hay là tất cả những cái đó hội họp lại để thành một tia laser nhãn quan của một người cầm bút viết như Phạm thị Hoài?



Nói đến *hướng* ở bài "Viết Như Một Phép Ứng Xử", lại nhớ đến mệnh đề "Còn Tôi, Không Xuất Phát, Không Định Hướng" trong truyện "Người Đoán Mộng...". Nó có nghĩa gì khác biệt hay mâu thuẫn ẩn chứa trong một chữ HƯỚNG vạch ra bởi cùng một cây viết, một nét chữ, một thứ mực của Phạm thị Hoài?

Sao lại "*không phát xuất*" nhỉ?

Hình như... hướng về cá nhân, về từng con người đặc thù, cá biệt, thì mỗi người có cái tự do vốn phát xuất từ bản thân, tự thể của một người cụ thể, "*cái thân thể hoặc gầy hoặc béo*", cái bàn tay "*năm ngón hay sáu ngón*". Như Phạm thị Hoài đã nói rồi, đã vặn hỏi: "*Liệu bạn đọc có thể hiểu rằng một nhà văn gầy yếu đặt lên trang giấy những điều khác xa một nhà văn to béo không?*".

Vậy là "có phát xuất" chứ sao lại không?

Nhưng xuất phát từ tự do, không phải là cách xuất phát từ một điểm tất yếu, tất định, độc nhất, độc điểm, độc tài, độc địa.

"Còn tôi, không phát xuất" nghĩa là tôi cự tuyệt cái kiểu tập thể cưỡng chế mỗi cá nhân phải phát xuất từ cái điểm độc nhất, mà có người không chấp nhận, không tin tưởng nổi.

Cũng vậy, nên "không định hướng"?

Đã là điểm gây phiền não nhất cho những người phải cầm bút khởi viết từ một độc điểm tất định – rồi lại bị bắt buộc phải nhìn nhận cái hướng tất định, để tới một mục đích tất định: Viết theo cái gọi là tính tất yếu của biện chứng lịch sử Mác xít.

Phạm thị Hoài gói ghém sự phẫn nộ riêng trong mẩu chuyện Người Đoán Mộng, truyện kể bằng những lời có vẻ rất viển vông, mơ mộng và vô tội:

*"Anh con trai bán túp lều chôn cất... mẹ rồi bỏ làng đi. Sau này anh ta sớm thành tài, nổi tiếng thần đồng trong giới khoa học, và là người bảo trợ đáng yêu nhất của tôi. Đáng yêu ở cái nỗ lực phi lý mong tăng cường chiều thần diệu cho mặt phẳng logíc nhạt nhẽo của khoa học, bằng cách gán cho thế giới mộng mơ của tôi vài yếu tố trí tuệ, và gán cho khoa học một vài sắc thái tâm linh.*

*Các vị hãy giở lại hồ sơ tòa án: anh ta là nhân chứng số một... dễ thương, có tham vọng, làm thơ và thạo nhiều ngoại ngữ.*

*Nhưng đáng tiếc, anh ta luôn luôn xuất phát từ một điều gì đó và nhằm tới một điều gì đó.*

*Còn Tôi, Tôi Không Xuất Phát, Không Định Hướng".*

Cái anh làm thơ đáng lẽ dễ thương rốt cuộc hóa ra đáng ghét chỉ vì *Luôn Luôn Nhằm Một Điều Độc Nhất.*

Cái điều hắn luôn luôn nhắm tới là Mục đích cuối cùng, Mục đích vĩ đại viết bằng chữ M hoa lớn nhất. Chính là điều mà Mayakovski, nhà thơ bất tử của giai cấp vô sản, đã đề cao Mục tiêu vĩ đại nhất của lịch sử nhân loại. Mục đích ấy là cái tất yếu, cái nhất định sẽ tới, mà hắn tưởng là tất yếu, tất thành. Nó là thước đo, là tiêu chuẩn độc nhất:

*Measure*
*each detail*
*by the great*
*Purpose*

Mayakovski

Cộng sản, bởi quy luật tất yếu của biện chứng lịch sử, đã vẽ ra cái Mục đích tối hậu của lịch sử nhân loại. Đó là cái điều mà mọi thi sĩ từ Mayakovski phải nhắm tới. Tiếc thay, chính cái đó đã khiến cho chàng thi sĩ kiêm thần đồng khoa học và "người bảo trợ đáng yêu nhất" của cô gái mơ mộng (trong truyện Người Đoán Mộng... của Phạm thị Hoài) đâm ra là một anh chàng *phi lý* đáng ghét.

Nói cách khác, chính cái *Mục đích*, cái *Purpose* viết bằng chữ "M" hoa hay "P" lớn là cái *Phi lý*, cái làm cho những người có lương tri, hiểu lịch sử như Phạm thị Hoài cảm thấy buồn nôn. Những kẻ cầm viết làm thơ như Mayakovski hoặc như chàng thi sĩ thần đồng kiêm khoa học gia cũng làm cho

người viết trẻ ở Việt nam hôm nay phải buồn nôn vì cái phi lý tính của thứ văn chương ấy.

Phạm thị Hoài đã thác lời Người Đoán Mộng, nói với thi sĩ logic phi lý kia:

***"Còn tôi, tôi không xuất phát, không định hướng".***

"Không định hướng" không có nghĩa là không có mục đích, hay lệch hướng, lạc đường. Cô không chấp nhận cái *Hướng độc đạo, một chiều, viết bằng chữ H vĩ đại*. Là một cá nhân, một thực thể ở giữa cõi người ta, mỗi người đều có những mục đích, dù khiêm tốn bé bỏng. Một trong những hướng đích ấy là hướng về mình, những cái mình yêu – như một người tình biết yêu tỏ ra âu yếm, thật lòng, vô tư... như một đóa hoa hồn nhiên nở giữa hoa đồng cỏ nội, nói những câu tuyệt lý vu vơ như "*những lời ru lạ lùng của bà mẹ quê ít nói, và chỉ hát ru*". Những câu chẳng chuyên chở một ý nghĩa nào cả:

*"Đêm vông vang*
*Rơi chiếc vòng vàng".*

Ước gì chớ có nhà phê bình văn học nào gán ghép cái đêm lạ lùng của bà mẹ quê với cái "hoa vông vang" của Đỗ Tốn hay của gì gì. Phê bình như vậy là phi lý, văn học đầy "lý", như vậy, cũng thậm phi lý.



Ước như vậy, vẫn chỉ là ước, là mơ, là viễn mộng.

Thực tế, người ta đã phê bình Phạm thị Hoài là người viết không hiện thực xã hội, là tượng trưng, hoặc là hiện sinh, là siêu thực...

Nguyễn Đình Thi (trong cuộc phỏng vấn của tạp chí Sông Hương đối thoại với Nguyên Ngọc, Trần Dần) ở bài báo: *Trước Ngưỡng Cửa của Sự Đổi Thay* đã đưa ra một phát biểu đầy ẩn ý:

"*Khi trong xã hội thiếu dân chủ thì người ta NÓI VÒNG, NÓI KHÁY. Truyền Kỳ Mạn Lục, Liêu Trai... là những con đường vòng như thế... Có khi viết theo kiểu hiện thực là hay, nhưng có khi theo kiểu tượng trưng mới đạt...*".

Rất tiếc, Phạm thị Hoài không có mặt trong cuộc đối thoại với mấy ông già áo thụng, để hỏi thẳng:

– Còn tôi, các ông đang nghĩ tôi viết kiểu nào?



Mở câu hỏi ra như thế, với ý định đối thoại với những người chỉ nhìn thấy giới hạn hẹp bằng *bàn tay hai ngón* của họ – nghĩ ngợi, tính toán cái gì cũng không qua con số ngón tay của họ.

"Bàn tay hai ngón, ôi bàn tay!"

Người cầm bút có bàn tay năm ngón mà có ý định thảo luận, đối thoại hoặc bắt tay với những bàn tay hai ngón thì... quả là phi lý!



Nói với Phạm thị Hoài, về thái độ của người cầm bút hôm nay ở quê nhà, tôi thấy nghẹn. Lời lẽ không phải sở trường của kẻ ít nói, và thường chỉ nói bằng ngôn ngữ thầm lặng của hội họa. Chỉ biết nói và nghe bằng tay, bằng mắt. *Từ con mắt nhận thức, đi thẳng tới bàn tay hành động*: đó là biểu thức hội họa cho người ở giữa một xã hội mà *lời nói, "chữ nghĩa đã mất thiêng"* (như nhiều nhà văn trong nước đã nói cả ngàn lần).

Dù nói thẳng, nói vòng, hoặc dùng đường lối hiện thực, tượng trưng, lãng mạn hay trăm thứ khác, thì cuộc đối thoại cũng vẫn bị lái vào một cái khuôn tất định của thứ văn nghệ hiện thực kiểu Mayakovski.

Thế giới như vậy, văn học như vậy, quả là tối tăm, hũ nút.

Tuy nhiên, với những người nhận biết tín hiệu của ngôn ngữ thầm lặng, như "tín hiệu của loài đom đóm", thì vẫn có thể nhận ra nhau.

Trời càng tối thì đóm càng sáng.

Từ bùn, vẫn có sen vươn.

Phạm thị Hoài, như những người cầm bút phải cầm bút như chị giữa cảnh tình đất nước hôm nay, như thế, là một cánh sen.



Đêm nay, ở một quán trọ xa nhà, tôi mơ thấy mình trở về mái nhà xưa. Cảnh tiêu điều, như thơ một người bạn ẩn danh ở quê nhà:

*Tường xiêu*
*Cổng đổ*
*Thềm um cỏ*
*Khách cũ không còn, khách mới thưa*

Nhưng lại thấy một cành hoa như thơ. Và văng vẳng bên tai, tín hiệu của loài đom đóm:

*Cám ơn*

*hoa*

*đã vì ta*

*nở!*

**Muà Hè 1990**

# trích thiên sứ



*Phạm Thị Hoài*

## *Chương Một – Cửa Sổ*

Nhà độc một phòng, mười sáu mét vuông gạch men nâu; phòng độc một cửa sổ, lỗ thủng hình chữ nhật, lúc thì màu xanh, lúc vàng óng, lắm khi xám xịt, đóng khung lên thế giới men nâu của tôi. Bốn trăm ô vuông nâu và một khuôn chữ nhật biến ảo, xoay như xoay rubic.

Cửa sổ không mở vào hoa, giá có hoa, bất kể loại hương nào, tôi đã thành một cô gái lãng mạn. Tôi dị ứng kịch liệt trước các kiểu lãng mạn. Lỗi tại cái cửa sổ. Nó cũng không mở lên các mái nhà, tốt nhất là mái ngói cũ như trong tranh một họa sĩ nào đó mà chị tôi hâm mộ, thế, ắt tôi đã thành đứa tò mò, chuyên háo hức tìm xem những chuyện xảy ra trong các căn phòng xa lạ có ăn nhập với lời rao truyền trên mái. Tôi không tò mò, không giàu trí tưởng tượng, không lãng mạn. Bố mẹ yên tâm về tôi là đúng.

Nó mở thẳng vào tim một con đường dẫn tới cổng nhà máy rượu bia, tên gọi căn cứ theo biển đề trên cánh cửa sắt hoen rỉ xộc xệch mỗi ngày hai lần loảng xoảng. Bốn trăm ô vuông nâu của tôi lần lượt lọt qua khuôn chữ nhật biến ảo, chỉ xếp hàng đến cánh cửa ấy là hết, là phải lộn về, cuộc dạo chơi chớp nhoáng.

Ngày hai lần tôi nghiên cứu những gương mặt, những dáng người ào đến, mất hút, hoặc ào đi, mất hút, trong và ngoài cánh cửa ấy. Đến bây giờ, tôi vẫn trung thành với bảng phân loại các giá trị của mình về loài người. Chỉ có hai loại. Người có khả năng âu yếm dịu dàng, và người không có khả năng ấy. Thời gian đầu, đám đông từ nhà máy đổ ra giờ tan tầm làm tôi lóa mắt. Tôi phải chọn từng người, thận trọng tìm bắt những dấu hiệu phân loại cần thiết. Này là một cô gái có đôi vai mảnh dẻ, mảnh dẻ đến mức như tan biến, trong nỗi chờ đợi vô tận của cặp mắt; tôi thầm khuyên tất cả đàn ông trên đời hãy mau mau đến nhận phần âu yếm mà cô có thể ban phát chẳng bao giờ cạn. Này là một người đàn ông bốn mươi tuổi tóc đen nhánh, bắp thịt cuồn cuộn,

có nụ cười ấm lòng. Tôi hình dung một bàn tay nhỏ xíu mềm mại trong bàn tay rộng của anh và thấy bụng thót lại vì quá dễ chịu. Còn đây một thanh niên trán phẳng lì và cặp môi mỏng cương quyết. Hắn mạnh mẽ và tôi ghê sợ sự mạnh mẽ ấy. Làm sao có thể hình dung hắn hôn một thiếu nữ mà không nghiền nát cô như nghiền nát một con giun trong chán vạn giun dế ở đời.

Có những gương mặt trông như thể chưa bao giờ mỉm cười cùng ai.

Mười lăm năm trời, bao nhiêu người đã đi qua bảng phân loại của tôi? Họ là ai, nghề nghiệp, tuổi tác, đẹp xấu, gầy béo, công dân hay ngoài vòng pháp luật, trinh tiết hay đã qua đủ cám dỗ, sống vững vàng bằng hai chân trên mặt đất hay phiêu diêu tận đâu đâu, đạo tặc hay hiền nhân, nhóm máu này hay nhóm máu khác... tất cả không đáng kể. Hoặc họ biết yêu đương, hoặc không, tiêu chuẩn duy nhất để họ đứng bên trái, hay bên phải tôi. Vị trí của tôi là chiếc cửa sổ, quan tòa. Người ta có thể nghiên cứu, sắp xếp và điều khiển nhân loại từ một lỗ thủng hình chữ nhật cực kỳ biến ảo như thế, miễn sao tin ở bảng giá trị của mình. Tôi bỏ ngoài tai những cuộc cãi vã vô tận của chị tôi và đám tình nhân về lẽ đúng, sai, tương đối hay tuyệt đối, vô hạn hay hữu hạn của các hệ quy chiếu. Người ta sẽ còn cãi vã suốt đời về những vấn đề không mấy liên quan tới chủ nghĩa dịu dàng và tình yêu.

Về sau, không đám đông nào còn khiến tôi bối rối. Những năm tháng ròng rã bên cửa sổ với công việc duy nhất là phân loại loài người ra homo–A, những kẻ biết yêu, và homo–Z, những kẻ không biết yêu, tạo cho tôi một hệ n– giác quan tinh tường và nhạy bén, tới mức chỉ cần một giây cũng đủ để thanh lọc cả đám người khổng lồ tạp loạn. Đương nhiên, những phần tử dao động giữa A và Z cũng thật đông đảo, và không hiếm trường hợp tôi buộc lòng phải chờ đợi trước khi quyết định nhấc họ sang trái, hoặc sang phải mình.

Hình như đó là công việc duy nhất có ý nghĩa đối với tôi. Tôi làm việc ấy cẩn thận, đầy tinh thần trách nhiệm, nhẫn nại như cung cách một nhân viên kế toán không lãng mạn, không tò mò, không giàu óc tưởng tượng mười lăm năm rộng, bất kể vị trí quan sát hình chữ nhật của tôi màu xanh, vàng óng hay xám xịt.

Chiều hôm qua, anh ta xuất hiện. Sát dưới cửa sổ, chỉ cần thò tay là chạm mái tóc đen dầy chưa quá ba mươi tuổi của anh. (Ước muốn sâu thẳm và thường trực trong tôi: Vuốt ve một mái đầu đàn ông, ghì chặt ngực mình, hít thở cái mùi lạ lùng...) Tôi đã không đưa tay ra, mà cố thu mình vào một thể tích tối thiểu, tiêu diệt toàn bộ những phương tiện biểu đạt, chân tay co rúm, ngực lõm, tóc dính bết vào sọ não, và hơi thở chỉ đủ duy trì lượng oxy cần thiết cho phổi. Bao nhiêu năm ròng tôi đã luyện bài tập thu mình ấy. Lần này

thành công xuất sắc. Anh ta hút một điếu thuốc quăn queo, mắt dõi về phía cổng nhà máy, không để ý tôi ốc nhỏ ôm riết bậu cửa sổ.

Bất chợt, lỗ thủng hình chữ nhật của tôi biến thành một hình bình hành vàng xậm. Còi tan ca tách mái tóc đen điềm báo khỏi tầm tay tôi. Anh ta có một chiếc bơm xe, nếu là một cây vĩ cầm cũng chẳng lạ.

Chiều nay, thế nào anh cũng tới. Khả năng chờ đợi của tôi vô địch.



*Chương Mười – Không đề*

Có những người sinh ra để thuộc về nhau. Họ nhận ra nhau bằng tín hiệu của loài đom đóm, khác xa mọi cung cách lí giải của triết học, đạo đức học, thẩm mĩ học, xã hội học, huyền thoại học, tình dục học, mở bòng bong tổ kén quây chặt những con người tự bòn rút ruột gan mình.

Có những người sinh ra để thuộc về nhau. Họ biết rõ họ thuộc về nhau và không vội vàng, miễn dịch căn bệnh kinh niên của đồng loại, căn bệnh thúc vào lưng, quật vào mông con người, khiến con người chỉ còn như chiếc máy ủi, húc không thương tiếc cả chính mình, chỉ còn như con tốt, lỡ sang sông không cách nào hơn là dấn mãi tới bước đường cùng.

Có những người sinh ra để thuộc về nhau. Họ tin chắc họ có nhau và không biết sợ, trong khi nỗi sợ khắp xung quanh kết tủa thành hệ thống pháo đài thần kinh và giác quan với chức năng duy nhất là tự vệ, thành muôn triệu khối u chằng chịt, bưng bít con người thuở nguyên sơ.

Có những người sinh ra để thuộc về nhau. Tôi và anh, cô bé đứng trong cửa sổ, chàng trai đứng ngoài cửa sổ.

# người đoán mộng giỏi nhất thế gian



*Phạm Thị Hoài*

Ngày mười lăm tháng hai năm một ngàn chín trăm tám mươi bảy, tòa án nhân dân thành phố H. mở phiên tòa xử một trường hợp đặc biệt. Bị cáo là một phụ nữ bốn mươi tuổi, độc thân, phạm tội hành nghề mê tín dị đoan có hệ thống, có tổ chức, quy mô lớn và ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống xã hội, nổi tiếng dưới tên gọi "người đoán mộng giỏi nhất thế gian". Phiên tòa không luật sư bào chữa, bị cáo khước từ mọi quyền lợi trước pháp luật. Bảy công tố viện thay phiên nhau như chạy tiếp sức, phóng viên và cảnh sát dày đặc hành lang, đám đông tụ tập ngoài sân tòa và tràn ra mặt đường mang theo bánh mì, bi đông nước, nhiều người mang cả chiếu. Phiên tòa kéo dài sáu tháng không kết quả và chắc sẽ chẳng bao giờ kết thúc, nếu bị cáo không đột ngột biến mất khỏi nơi giam giữ nghiêm ngặt. Những người đại diện cho công lý đã thầm cám ơn giải pháp may mắn ấy và không quá nhiệt tình truy tìm kẻ mất tích. Suốt sáu tháng trước vành móng ngựa, bị cáo không hề lên tiếng, trừ những lúc bắt buộc, nhưng trước khi mất tích để lại một bản khai, sau này được báo chí công bố như thành tựu chính của phiên tòa gây nhiều dư luận nói trên. Phải nói thêm rằng bị cáo có sắc đẹp kỳ lạ, chưa gặp trong văn chương cổ kim, nhưng hoàn toàn không mê hoặc, đơn giản vì sắc đẹp ấy quá xa lạ với những gì người cùng thời có thể biết hoặc phán đoán về cái đẹp.

Mẹ tôi sinh tôi giữa đường chạy nạn, quây vội cót thành cái lều, trên trời dưới cỏ, xung quanh ầm ào tiếng súng, người vật gọi nhau táo tác. Tín hiệu chào đời của tôi lạc mất địa chỉ, chẳng ai làm chứng, tất cả phụ thuộc vào bộ nhớ rất hữu hạn và quá nhạy cảm với thời gian tàn phá của mẹ. Có một chú dế nhỏ mục kích từ đầu chí cuối cuộc sinh thành, nhưng nếu có gặp lại, mẹ

tôi cũng không dám chắc sẽ nhận diện được. Thế là tôi nằm trong chiếc lều cót, ngửa mặt nhìn trời, với một chú dế trong vành tai, tư thế lý tưởng để phát sinh mọi mộng mơ, và tôi đã mơ ngay từ phút chào đời vô vàn giấc mơ mà lắm kẻ bạc đầu chưa từng nếm trải. Đó là hướng nghiệp đầu tiên dành cho tôi.

Ba năm đầu tôi lớn lên trong một chiếc thúng, bồng bềnh nhún nhảy theo nhịp quẩy của mẹ. Mẹ vừa chạy nạn vừa bán hàng rong, nửa gánh đằng kia là cả một thế giới nhỏ biến hóa vô cùng, nước mắm hóa thành muối, muối thành gạo, gạo thành gà, gà thành cá, cá thành nước mắm, nước mắm lại biến hóa vòng hai, cứ như thế luân hồi. Thoạt tiên, thế giới ấy nặng hơn tôi, mẹ phải an ủi bằng cách tặng tôi bằng hòn đá nhặt dọc đường làm đối trọng: sau này, thế giới đầu đòn gánh đằng ấy càng ngày càng nhẹ bổng, tôi phải an ủi bằng cách nhượng lại dần cho nó số đá kia. Ngồi trong chiếc thúng đong đưa, tôi gục mặt nhìn đất, thỉnh thoảng ngắm gấu quần thiên hạ để giải trí, và mơ tiếp vô vàn giấc mơ. Đó là hướng nghiệp thứ hai.

Sau đó là ba năm những giấc mơ chững lại. Các nhà tâm lý học trẻ em đã lầm to khi sốt sắng bày ra đủ phương tiện nhằm kích thích trí tưởng tượng và khả năng mơ mộng của trẻ nhỏ lúc tuổi ấy. Sự thật là đứa trẻ đã mang sẵn một thế giới mộng mơ khổng lồ, bắt nguồn từ lòng mẹ, vụt nhận hình hài khi chào đời, tự do phát triển theo những quy luật không thể nắm bắt, và đột nhiên bị thế giới ngôn từ thâm nhập như một trong những ngoại tố phức tạp nhất, vừa phá hủy, vừa định hướng và thường là một định hướng sai lầm.

Tôi chững lại để tập, để thu nhận và khám phá một thế giới khác, thế giới có thực, thuần túy khám phá và thỏa hiệp, bằng cách gọi tên, bắc cây cầu ngôn ngữ, hoàn toàn không tưởng tượng hay mộng mơ gì hết, ví dụ đơn giản nhất là mẹ. Trước khi biết nói, tôi thường mơ về mẹ như một con cá chép, bụng đầy trứng, trắng óng ánh và thích nằm một chỗ. Sau này, biết đó là người đẻ ra mình, biết ngoan cho mẹ vui lòng, không bao giờ giấc mơ ấy trở lại với tôi nữa. Suốt ba năm đó, hầu như chỉ có mẹ và tôi. Mẹ ít nói, chỉ hay hát ru. Những lời ru lạ lùng, chẳng chuyên chở một ý nghĩa nào cả:

> *"đêm vông vang*
> *rơi chiếc vòng vàng...".*

Tự chúng cũng là một thế giới riêng, không áp đảo, mà có lẽ còn nâng đỡ những giấc mơ của tôi. Tôi không dứt đoán mộng mơ vì lẽ ấy.

Mười năm đi học, tôi lại được thời mơ tiếp vô vàn giấc mơ, vì đó là cách duy nhất vừa để giết, vừa để xứng đáng với thời gian khi người ta còn ngồi trên một chiến ghế băng nào đó trong một ngôi trường nào đó. Tôi thường đứng trước lớp, thay vì biểu diễn các công thức mà đằng nào rồi người ta cũng sẽ quên, lại kể về những giấc mơ, trong đó có một đàn chim mổ vào mắt nhau,

những con mắt lăn lóc khắp nơi, tôi không biết trốn đâu cho thoát những con mắt, hay chuyện tôi bé bằng ngón tay, sau lớn dần, lớn dần, thành hẳn một quả núi, và lại nhỏ dần, nhỏ dần trở về ngón tay... Tôi trở thành trường hợp tuyệt vọng cho toàn trường. Giáo viên lúc đầu tò mò, sau bực bội, và cuối cùng để mặc tôi ở một xó bàn cạnh cửa sổ: sau này những người hâm mộ và cuồng tín kéo nhau về ngôi trường ấy, mua đấu giá chiếc bàn chi chít bút tích tôi.

Lời đoán mộng ứng nghiệm đầu tiên của tôi phát vào năm mười sáu tuổi, cho cô bạn cùng lớp xinh đẹp nhất. Cô bé không có chữ nào trong đầu, nên trông càng mê hồn. Đến kỳ thi tốt nghiệp, cô cài bông huệ gắn lên tóc, khoe đêm qua nằm mơ thấy toàn hoa huệ. Tôi rùng mình: "đừng, sông sâu nước cả." Chín tháng sau, cô bé sinh hạ, hai mẹ con ôm nhau ra sông tự vẫn, bố đứa trẻ là một trong số giáo viên về coi thi, và cô bé Hoa Huệ đỗ thủ khoa năm ấy. Tiếng đồn bắt đầu dậy lên. Chính quyền tìm đến tận nhà. Hai mẹ con tôi được yên ổn chỉ nhờ phép mầu của tấm bằng gia đình liệt sĩ phủ đầy bồ hóng và mạng nhện.

Nhiều năm trôi qua. Tôi làm đủ mọi nghề nuôi mẹ, có lúc cũng quẩy hai cái thúng với những món hàng biến hóa vô cùng, dấu kín chiếc chìa khóa mà hình như chỉ riêng tôi có mở vào thế giới của những giấc mơ, Có giấc mơ nào tôi chưa quen? Tất cả như một mớ chỉ, khẽ rút sợi này là kéo theo hàng loạt sợi khác. Giải mộng chẳng qua là rút đúng sợi chỉ cần rút, đối với tôi đấy là chuyện vặt. Và khi lời đoán đầu tiên năm người ta mười sáu tuổi ứng ngay vào cái chết, thì tất cả các sợi chỉ rút sau quả là chuyện vặt.

Một hôm, có ông lão nốt ruồi mọc giữa nhân trung đến mua kim, ngồi bệt ngay bên gánh hàng của tôi, vừa run run díu lại mảng áo rách vừa than phiền về một giấc mơ quái gở, toàn là mèo, con nọ cắn đuôi con kia thành vòng tròn vây chặt ông, không sao ra thoát, chúng còn đồng ca một bài nghe cũng xuôi tai. Tôi lại buột miệng: "Nhà sắp thêm người, cụ không phải vá áo lấy nữa." Ông lão lầu bầu:"Tôi bảy mươi, mười một năm tám tháng hai chục ngày chỉ một mình với túp lều. Con trai thì núp váy vợ, con gái lấy chồng xa, bà lão trời bắt sớm, có ai mà thêm. Thêm ma à?" Rồi chống gậy bỏ đi. Chưa đầy tuần lễ, có người đàn bà chỉ ngoài bốn mươi, trống rất duyên dáng, lẳng lặng ôm tay nải đến túp lều lợp giấy dầu của ông lão, hỏi thế nào cũng không nói. Họ sống với nhau hai chục năm, rồi ông lão qua đời, được một con trai học hành rất tử tế. Người mẹ vẫn câm lặng như một bóng ma, hiền và lạc đàn, tới lúc chết không hé răng nói một lời. Anh con trai bán túp lều chôn cất mẹ rồi bỏ làng đi. Sau này anh ta sớm thành tài, nổi tiếng thần đồng trong giới khoa học và là người bảo trợ đáng yêu nhất của tôi. Đáng yêu ở cái nỗ lực phi lý mong tăng cường chiều thần diệu cho mặt phẳng logic nhạt nhẽo

của khoa học, bằng cách gán cho thế giới mộng mơ của tôi một vài yếu tố trí tuệ, và gán cho khoa học một vài sắc thái tâm linh. Các vị hãy giở lại hồ sơ tòa án, anh ta là nhân chứng số một, một chàng trai dễ thương, có tham vọng thông thiên và ngoại cảm, lại còn làm thơ và thạo nhiều ngoại ngữ. Nhưng đáng tiếc, anh ta luôn xuất phát từ một điều gì đó và nhằm một điều gì đó. Còn tôi, tôi không xuất phát, không định hướng, tôi chỉ là một môi trường cho các giấc mơ đi qua, tôi chỉ rút các sợi chỉ.

Tiếng đồn lại dậy lên, người khắp thiên hạ truyền nhau tìm đến. Tôi không còn phải quẩy gánh bán hàng rong nữa. Đấy mới thật là một nghề gia truyền. Người đàn bà nào trong dòng họ tôi cũng biết cân đong, nhìn xuống đất và nhặt nhạnh hào lẻ. Cái nghề thấm vào máu. Khi đã trở thành đoán mộng giỏi nhất thế gian tôi vẫn nhìn tất cả như vòng luân hồi biến hóa vô cùng trong chiếc thúng nhỏ ở một đầu đòn gánh:" giấc mộng đế vương, giấc mộng hoàng lương, giấc mộng vô thường, tất cả không ra ngoài miệng thúng.

Người ta lắm mộng mị, mộng ban đêm, mộng ban ngày, thậm chí ngủ gật dăm phút trong hội nghị, giữa buổi cầu kinh, lúc chờ người yêu, khi nghe bố mẹ giảng bài học hiếu đễ, giữa hai nước cờ của đối thủ lề mề, hay trên cầu tiêu... cũng mộng. Mấy chục năm hành nghề cho phép tôi phân loại và thuộc lòng mộng thiên hạ như nhà đông y làm việc với các ô thuốc.

Đứng đầu là mộng tiền bạc, từ mấy đồng xu rơi vãi ngoài đường, dăm chục đồng bạc lên lương, vài ba nghìn manh múng cò con, đến hàng vạn quan tiền lộc ngoại quốc và triệu triệu tiền siêu hình, tiền âm phủ khoét từ các vết thương chính quy của cái cơ thể duy nhất độc quyền sản sinh tiền bạc là nhà nước. Vì lẽ sống đó, còn ai trong cái thành phố bất lực mà hồn nhiên này không tìm đến tôi? Nào là đám ăn mày chuyên nghiệp, tràn từ thành phố này sang thành phố khác như nạn giặc châu chấu, đánh đeo với thể diện xã hội và chứng minh sự bất hợp lý vĩnh cửu của ban phát và hưởng thụ. Nào là anh chị em viên chức mòn mỏi ngóng về một quá khứ trong đó con người còn dám cho mình cái quyền lãng mạn và nhàn tản. Rồi em bé hát rong, ông chủ hợp tác xã khéo tay vui tính, nhà viết kịch thời thượng, những chàng thanh niên hăm hở chiếm lĩnh đời sống bằng hai bàn tay trắng, các cô gái không của hồi môn, vị thủ trưởng trước bước về hưu ngơ ngác trước nhân tình thế thái... tất cả đều nghĩ sâu sắc rằng thiếu tiền họ sẽ chẳng là gì, sẽ không còn là một người con, một người cha hay một người dân nào đó, cùng lắm bằng vai loài vật đi hoang ngoài đường, và vì thế ham tiền chỉ là ham muốn là người thuần túy nhất. Mộng tiền bạc thường hiện lên cụ thể, máu, phân, răng rụng, lửa cháy, nước tràn, súc vật hỗn chiến.

Sau đó đến mộng tình ái. Tình ái cần đối tượng. Chồng bạn, vợ người, thứ nữa mới đến gái đồng trinh, quả phụ và kỹ nữ. Các giấc mộng tình ái đều hao

hao giống nhau, hoặc gắn liền với ma, mèo, mưa, hoặc đầy rẫy các con số, các mã hiệu: nói chung là nhốn nháo.

Tôi rất ngạc nhiên thấy những giấc mộng sinh, lão, bệnh, tử chỉ đứng vào hàng thứ ba. Hay đấy là dấu hiệu của sự tiến bộ của con người trong cuộc cạnh tranh muôn thuở với tự nhiên, luật của đấng tối cao đã lùi lại phía sau luật của con người áp đặt lên chính con người? Trong khi đó, đối với người giải mộng, những giấc mộng vô thường mang lại nhiều cảm xúc và ý thức nghề nghiệp nhất. Dường như ở đó, tôi rút những sợi chỉ như rút các dây thần kinh tỏa về não tủy.

Cuối cùng là đủ loại mộng mị vặt vãnh, bi, hài và vô thưởng vô phạt: chửi nhau với hàng xóm, mất trộm, chức trưởng phòng, ăn cỗ đũa lệch, ra chợ mua hớ, của người phúc ta, không nên đi xa, ra đường tránh chó...

Năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm, tôi đã đoán cho hàng vạn người giấc mộng đoàn tụ. Năm một ngàn chín trăm bảy mươi chín, lại đoán cho hàng vạn người giấc mộng biệt ly. Dám số đề, cờ bạc bàn nhau mua phắt một biệt thự kín cổng cao tường có vệ sĩ canh gác cho tôi ở, độc quyền khai thác lời giải những mộng mị oái ăm, đại loại như bước chân trái ra khỏi nhà là số 57, nấc nghẹn giữa miếng ăn là đầu chẵn, tự nhiên có người giúp đỡ là con số xui 13... Học trò đến kỳ thi đại học bao vây chặt cửa nhà tôi đoán đề bài. Các thiếu nữ đến mùa cưới cũng vây chặt cửa nhà tôi đoán tương lai cuộc hôn nhân sắp tới. Người đẻ đến đoán con gái con trai. Người ra đi đến đoán lòng người ở lại. Người già đến đoán kiếp sau. Người trẻ đến xem phải trả oán gì cho kiếp trước. Có cả những nhà tiểu thuyết nhờ đoán số phận các nhân vật của mình và những linh mục dẫn con chiên tới xem ngày phán xử cuối cùng bao giờ sẽ đến.

Cứ như thế, tôi phục vụ. Không vì danh tiếng, còn danh vị nào hơn "người đoán mộng giỏi nhất thế gian"?

Cũng không vì tiền bạc. Món tiền lớn nhất tôi cần đã dùng vào đám tang cho mẹ tôi, đơn giản chỉ để khoản đãi nửa triệu người đưa mẹ đến nơi an nghỉ cuối cùng. Chỉ có bà chúa ong mới được một đàn con đông đúc như thế. Ngày tang lễ thứ ba, tôi bị bắt. Hồ sơ về những hoạt động mê tín dị đoan của tôi chất đầy một căn phòng rộng hơn chính nơi tôi ở, đỉnh cao là đám tang phạm thượng náo loạn này. Tôi bị kết tội mê hoặc đám đông bằng phép bùa phù thủy. Người ta ngờ đàng sau là những mưu đồ tôn giáo và chính trị sâu xa. Một mạng lưới cảnh sát dầy đặc chăng ra truy tìm côn át chủ bài dấu mặt. Báo chí bắt đầu cảnh giác. Giới khoa học được triệu tập cấp tốc. Chuyên gia nước ngoài cũng có mặt. Và ngày ngày, hàng trăm hàng ngàn rồi hàng vạn người chờ đợi trước cổng nhà giam, người nào cũng ôm ít nhất một giấc

mộng chưa lời giải, ngóng qua đầu ruồi mũi súng anh lính gác về phía tôi. Bản thân anh ta cũng sẵn sàng đồng lõa.

Một tuần sau, tôi được tự do. Ân nhân của tôi là một qúy bà sang trọng, đeo kim cương ở khắp những chỗ quần áo không che hết da thịt. Quý bà sang trọng thuật lại cơn ác mộng của bà đêm qua. Tôi khuyên bà nên đi tu, nếu không muốn để gia đình rơi vào thảm họa. Bà ta lẳng lặng về. Mấy hôm sau, cửa nhà giam mở ra. Tôi lặng người trước đám đông. Một biển hoa. Dàn đồng ca và giao hưởng thành phố cử khúc "An die Freude" nổi tiếng trong bản giao hưởng số chín của Beethoven. Nhưng trong tôi, nỗi hoài nghi đã thay thế niềm vui, và lần đầu tiên, ý nghĩ đoạn tuyệt với nghề xuất hiện.

Tôi tiếp tục hành nghề, bảy năm, như người tù khổ sai biệt xứ, bởi loài người đã phái tôi đến xứ mộng mơ để cày cấy gieo trồng và cung nộp toàn bộ thành quả lao động. Tôi là kẻ được chọn lựa, và giờ đây tôi không thiết tha gì tư cách của kẻ được chọn lựa nữa.

Các vị hãy giở lại hồ sơ tòa án, nhân chứng số hai của tôi là một giáo sư bác sĩ nổi tiếng. Ngành y học quan tâm tới tôi thuần túy vì mục đích nhân đạo. Tôi nghiên cứu các giấc mộng, còn ông ta nghiên cứu tôi, con bệnh đầu đàn trong mọi con bệnh, giải pháp lâm sàng hứa hẹn ít nhất một Nobel. Theo sau ông ta là các nhân chứng khác. Một nhà thần học, thấy trong tôi sự giao lưu giữa con người và thần thánh. Một nhà phân tâm học, tự xưng là tín đồ duy nhất của Freud, Adler và Jung ở Đông Dương, khẳng định tôi là hiện thân của toàn bộ lý thuyết tâm lý học tầng sâu về mộng mị. Một triết gia lấy tôi là ví dụ cho tính năng động của ý thức trong tương quan với tồn tại. Một nhà nghiên cứu nghệ thuật hy vọng dùng tôi giải mã tranh của Bosch, truyện của Kafka và nhạc Stravinsky. Một nhà xã hội học quyết định suy từ phương pháp thống kê mộng mị ra thực tế vốn khó tiếp cận hơn nhiều. Và một nhà sử học tìm kiếm chứng tích của các nền văn minh chìm trong những hoạt động vô thức. Họ đến với tôi, và giờ đây, ra trước toà, đặt tay lên ngực thề khai sự thật và không gì khác hơn ngoài sự thật. Nhưng toàn bộ sự thành khẩn của họ và của đám đông khổng lồ mà tôi đã không tiếc công phục vụ chỉ càng chứng minh rằng tôi, người đoán mộng giỏi nhất thế gian, đã có mặt vô lý với tư cách kẻ được chọn lựa. Loài người bao giờ cũng chọn một kẻ nào đó, để đặt tất cả lòng tin, và để đem ra trước vành móng ngựa.

Một hôm, những người trước đây đã kết tội tôi dùng phép bùa phù thủy đích thân đến mời tôi cộng tác. Khoa học hình sự đã phát triển tới mức đủ sức liên kết với mọi lãnh vực trí thức khác. Tôi từ chối. Tôi chỉ là một môi trường cho những giấc mơ đi qua, tôi chỉ rút các sợi chỉ. Và ngay cả việc ấy tôi cũng không thiết tha nữa. Người ta mời tôi tới các hội nghị. Người ta đưa tôi ra nước ngoài. Người ta vời tôi vào nơi cung cấm. Người ta trao vào tay

tôi vận mệnh quốc gia. Người ta đặt tôi dưới một chế độ ăn uống và bảo quản nghiêm ngặt. Và trong tôi, ý nghĩ đoạn tuyệt với nghề chín dần. Phải, giấc mơ nào cũng ứng vào một điều gì, từ chuyện cho mèo mẹ sẽ đẻ mấy con nhị thể, mấy con tam thể, đến chuyện chiến tranh và nạn hồng thủy. Còn giấc mơ ứng vào chính nó, mộng mơ như một dạng tồn tại, không biểu tượng, không ám chỉ, như hai vạn năm trước từng là lối sống duy nhất của một chủng tộc nào đó, thì đồng loại tôi chưa bao giờ gặp. Trong trường hợp này, không thể dùng những khái niệm đã biết để hình dung điều chưa biết, nên người làm một động tác xóa sổ đơn giản, bảo đó là trò chơi dễ dãi của ngôn từ.

Tôi quyết định chọn ngày sinh lần thứ bốn mươi của mình làm ngày hành nghề cuối cùng. Hôm đó, thành phố bãi bỏ toàn bộ hoạt động, người nào cũng tranh thủ có một giấc mộng trọng đại cuối cùng. Rõ ràng tôi không đủ sức thỏa mãn từng cá nhân trong vòng hai mươi tư tiếng đồng hồ ấy, chỉ còn cách phân loại và giải đáp từng nhóm mộng to, mộng nhỏ. Có nhóm được nghe lời phán định về sự suy sụp của một thế hệ. Có nhóm biết mình sẽ đứng ra thâu tóm đời sống xã hội trong mười năm sắp tới. Có nhóm được quyền nhàn tản thung dung bất chấp mọi đổi thay của thời cuộc. Và biết bao nhóm khác sẽ quẩn quanh trong những biến cố nho nhỏ của trái tim.

Rồi việc phải đến đã đến. Đám đông gào lên, kẻ tung hô tôi, kẻ đòi tôi không được từ chức, kẻ đe dọa tự thiêu ngay tại chỗ để phản kháng lời giải mộng về một số kiếp chẳng ra gì, kẻ phát cuồng về một tương lai vượt quá mọi mong đợi. Cuộc náo loạn lần này đẩy tôi ra đây. Trước vành móng ngựa. Các vị đã tự giằng co sáu tháng trời, không quyết định nổi nên tiếp tục đặt tất cả lòng tin vào tôi, hay đành sống không điểm tựa. Đây là phiên tòa dành cho các vị. Hãy kết tội niềm tin đi, nếu nó không còn cần thiết nữa, và thay vào chỗ nó những quy chế nghiêm ngặt của cộng đồng. Để tiện cho các vị, tôi, người đoán mộng giỏi nhất thế gian, xin vĩnh biệt. Tôi không có môn đệ. Các vị hãy yên tâm.

# viết như một phép ứng xử



*Phạm Thị Hoài*

Tôi không nói tới việc viết văn thuần túy vì mục đích kiếm sống, dù đấy là điều rất đáng bàn, và hơn nữa, sự nghèo túng của những người cầm bút xứ sở này đã trở thành truyền thống; cũng không nói đến việc viết văn để kiếm chác một vài thứ khác ít đáng bàn hơn, như danh vị hay những đặc quyền xã hội nào đó. Những chuyện ấy đòi hỏi một cung cách ứng xử tuy hơi mất thời giờ, nhưng đơn giản. Còn lại, dù có mất lòng tin vào văn chương đến bao nhiêu, tôi cho rằng con người vẫn không thoát khỏi những suy tư và khao khát về thứ văn chương thực sự cần thiết, vừa xứng đáng vừa khích lệ đời sống của con người.

Song, chúng ta đang ở cái thời mà người ta đang sẵn sàng thừa nhận rằng tất cả đều có lý, kể cả những kẻ viết văn đơn giản vì lười biếng và thích nhàn hạ. Còn đối với tôi, viết quả như là một phép ứng xử toàn diện, trước hết là ứng xử với bản thân mình, sau là ứng xử với môi trường, và môi trường ở đây là toàn bộ những gì tự nhiên và con người tạo ra, kể cả di sản của quá khứ và những tín hiệu dù còn mơ hồ về tương lai. Nếu hiểu như vậy, thì cụ thể, người cầm bút phải đối diện với vô vàn dữ kiện, và dường như không thể xếp chúng theo trình tự quan trọng cấp 1, quan trọng cấp 2... Liệu bạn đọc có thể hiểu rằng một nhà văn gầy yếu đặt lên trang giấy những điều khác xa một nhà văn to béo không? Và một nhà văn sinh ra với bàn tay sáu ngón chẳng hạn dứt khoát sẽ tìm một cơ hội để đánh nhau với ngón tay thừa thiếu thẩm mỹ của mình? Đối với bản thân người cầm bút, điều đó rất nhiều khi không kém quan trọng hơn những dữ kiện xã hội lớn lao là bao. Tiếc rằng chưa bao giờ tôi tìm thấy trong các công trình nghiên cứu văn học của chúng ta một tia sáng dù rất nhỏ nào rọi về hướng đó. Có một người mà sự nghiêm túc và trung thực trong tư duy khiến có thể tiệm cận vấn đề này nhiều hơn cả, ông Vũ Ngọc Phan, tác giả bộ "Nhà văn hiện đại Việt Nam" một tác phẩm đến

nay hầu như vẫn chưa có người vượt qua bất chấp tất cả những nhược điểm của nó, nhưng tiếc thay, ông chưa mơ mộng và khắc nghiệt đến mức ấy, và càng tiếc là ông không để lại người kế nghiệp.

Một trong những yếu tố đầu tiên quy định cung cách ứng xử của người cầm bút có lẽ là ngôn ngữ, thứ phương tiện gần như duy nhất là bắt buộc. Dĩ nhiên, ai cũng có quyền chọn cho mình một thứ ngôn ngữ, nhưng vấn đề không đơn thuần là bảng chữ cái, vì đằng sau đó là những di sản văn hóa, vốn liếng tâm lý kinh nghiệm và bộ mặt xã hội khác nhau. Với tất cả lòng yêu quý tôn trọng tiếng Việt, tôi vẫn không thể phủ nhận mặc cảm của mình về thứ phương tiện mà tôi đã tự nguyện chọn lựa này. Các nhà văn thường than thở về sự bất lực của ngôn ngữ. Điều đó đôi khi mang tính biểu tượng nhiều hơn là chỉ ra những khiếm khuyết. Tôi sẵn lòng ghi nhận bước phát triển gần như đột biến của tiếng Việt hiện đại, bởi xét ra, nền văn chương thực sự được viết bằng thứ tiếng này chưa đầy trăm tuổi, một ca đặc biệt trong lịch sử văn học thế giới, và đấy cũng đáng là lý do để chúng ta tự động viên mình, nhưng rõ ràng nó không có được cái vinh dự sánh ngang với những ngôn ngữ hùng cường khác, và muốn nói gì thì nói, nó là một trở ngại trong quá trình hòa nhập phông văn hóa chung nhân loại của chúng ta, và niềm vui của người được viết bằng tiếng mẹ đẻ nhiều khi không át được nỗi buồn trước tính khu biệt quá cao của thứ tiếng ấy. Trước một bậc thầy tiếng Việt như Nguyễn Tuân, tôi không khỏi băn khoăn, nên làm cho tiếng Việt của chúng ta tiếp tục trở thành một đặc sản dành riêng cho những người sành ăn, hay trước hết hãy gia tăng tính khoa học, tốc độ và khả năng biểu đạt tư duy trừu tượng của nó.

Chọn cho mình một quan điểm nghệ thuật – thực ra, đó chẳng qua là việc lựa chọn một quan điểm sống – có lẽ là biểu hiện thấu đáo nhất của phép ứng xử theo nghĩa tôi đang nói. Việc dễ dàng, và cũng dễ dãi nhất là đưa tinh thần thời đại vào làm mẫu số chung cho những quan điểm nghệ thuật khác nhau. Nếu khăng khăng nhìn từ góc độ ấy, và nhất là nếu được tiếp xúc bởi một vài cây gậy chống vĩnh hằng khác như chủ nghĩa nhân đạo, hay hệ mĩ học..., thì các nhà văn không còn việc gì khác hơn ngoài khai rõ ngày tháng năm sinh của của mình và tóm lược lý lịch tất cả các nhân vật mình đã đẻ ra rồi chờ đợi lời phán xét từ các máy tính điện tử. Nhưng Stendhal và Balzac, sản phẩm Pháp của cùng một thời đại, thật khác xa nhau. Bất chấp lòng yêu mến đến muộn của tôi đối với Stendhal, tôi vẫn cho rằng đặt cạnh ông, Balzac chỉ là một người thợ kể không biết mệt mỏi và không biết tiếc thân. Hay đặt cạnh Arno Schmidt thì G. Grass, người mà tôi hết lòng ngưỡng mộ, thực sự trở thành nhạt nhẽo, và họ đều là sản phẩm Đức của cùng một thời đại. Văn học Việt Nam thế kỷ này dường như hy vọng sức mạnh tập thể nhiều hơn ở

những anh hùng cá nhân. Có một thời, độc giả còn ít nhiều được quyền lựa chọn, giữa Vũ Trọng Phụng và Thạch Lam chẳng hạn. Tôi không cho rằng hai nhà văn đó đủ tầm để dựng lên hai bình diện tư tưởng cấp độ khác nhau, nhưng chỉ ít, thế giới tinh thần, tâm lý, tình cảm của họ đã đủ độ riêng biệt đến mức không thể nhầm lẫn. Hiện tượng này càng ngày càng trở lên hiếm hoi. Các nhà phê bình của chúng ta không còn cách nào hơn là đầu tư vào những phẩm chất chung của một tập thể văn chương. Những phẩm chất này lại được họ cho hôn phối một cách hết sức thành công với những sự kiện xã hội và thời đại chung. Kết quả là khi cần trình diện gương mặt tinh thần của mình với nhân loại, các nhà văn Việt Nam chỉ còn cách giới thiệu một khái niệm tập thể, kèm theo bản thành tích chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước. Nếu tình trạng này tiếp tục kéo dài, tâm lý được che chở, được ngủ yên, và thậm chí được lợi dụng khái niệm tập thể ấy sẽ tiêu diệt đến khát vọng nghệ sĩ cuối cùng, và chúng ta có nguy cơ để lại cho hậu bối một món ăn tinh thần khủng khiếp.

Một quan điểm nghệ thuật bao giờ cũng dẫn đến một phong cách nghệ thuật của riêng nó. bút pháp văn chương rõ ràng không chỉ là vấn đề câu chữ, việc lạm phát những dấu chấm hay dè sẻn những dấu hai chấm gạch đầu giòng. Mặc dù những người chủ trương *nouveau roman* đã không còn là những đại diện tiên tiến nhất ở chính nơi phong trào đó được khởi xướng, và mặc dù các nhà cách tân văn chương vĩ đại: Musil, Joyce, Faulkner... đã dần dần trở thành những tên tuổi cổ điển, nhưng câu hỏi họ đặt ra, đối với tôi, vẫn là câu hỏi ném về phía trước: vấn đề không còn là viết về cái gì, mà là viết như thế nào. Trong chừng mực nào đó, tôi ghen tỵ với Nguyễn Du, hay Hồ Xuân Hương. họ hồn nhiên hơn nhiều trước câu hỏi ấy. Họ không cần biết – và thực tế đã không hề biết – Goethe và Byron, những nhà thơ cùng thời ở nửa kia địa cầu, và nói cho khách quan, Goehte và Byron cũng không hề biết họ. Điều đó chắc chắn không làm giảm sự vĩ đại của họ. Nhưng chúng ta đang ở một thời mà người cầm bút buộc lòng phải có một giao tiếp nhất định với sản phẩm tinh thần và nghệ thuật toàn thế giới. Tôi cho rằng, ngày nay, một nhà văn thực sự không được phép xin lỗi cho sự thiếu hiểu biết của mình về hoạt động của các đồng nghiệp xuất sắc trên thế giới nữa, đấy là chưa kể đến việc đối thoại nghiêm túc, chứ không phải một cuộc tham khảo các lời giới thiệu và mục lục. Văn học Việt Nam hiện đại có cái may mắn là không trở thành nạn nhân của các cuộc tranh luận văn chương sôi nổi trên thế giới. Không ai nói đến một phong cách Việt Nam, như kiểu phong cách văn học Mỹ la tinh, hay văn học Nga di cư. và lại càng khó tìm thấy ở đấy một phong cách cá nhân riêng biệt, nếu các nhà phê bình chịu khó đi xa hơn việc khen nhà văn này "viết sắc sảo": hay "hồn hậu", chê nhà văn kia "chưa đủ độ

sâu lắng" hay "chưa thật đều tay". Nhưng người ta không chỉ học hỏi ở những phong cách lớn, mà còn học ngay ở một nền văn học thiếu phong cách. Và tôi tin rằng, nhiều nhà văn lúc trước đã trả một cái giá đắt, để chúng tôi những người đến sau, có thể học được điều lớn nhất, là: không nên viết như thế nào.

Một quan điểm nghệ thuật thường cũng kéo theo một số phận nghệ sĩ của riêng nó. Tôi không biết các nhà văn ở những thời đại trước cảm nhận định mệnh của mình ra sao – về chuyện này, hình như phần lớn các sách danh nhân và tiểu sử đều cung cấp một thông tin mà sự méo mó có thể đạt tới 100% – nhưng ở thời đại của chúng ta, khi tốc độ sống của con người dường như không cho phép cả sự bất tử đến sau cái chết sinh vật học, thì người cầm bút phải chấp nhận những điều kiện vô cùng nghiệt ngã. Không thể hy vọng lẩn trốn trách nhiệm vào một cõi xa xôi nào đó. Không thể trông đợi sự khoan hồng của thời gian nữa. Trong khi ấy, đạt tới một sự thỏa thuận nào đó với cái thời mà mình đang sống nhiều khi đồng nghĩa với nguy cơ tự triệt tiêu mình, bởi không phải ai cũng có cái diễm phúc chọn thời mà sống, vả lại, ở bất kỳ thời đại nào, một trong những đặc tính thường trực của người nghệ sĩ là sự không hài lòng, bởi cái khát khao cuối cùng của người nghệ sĩ bao giờ cũng nằm ở phía trước, và con người chưa bao giờ đạt đến. Tôi là người lạc quan bẩm sinh. Tôi tin tưởng sâu sắc rằng thời càng ngày càng khá, và những người cầm bút sẽ càng ngày càng tốn ít năng lượng hơn vào việc thích nghi với thời đại của mình, hay đơn giản chỉ để sinh tồn trong khoảnh khắc, mà có thể dùng năng lượng ấy vào việc vượt qua chính cái thời của mình và kéo dài cuộc đối thoại với những thế hệ tương lai.

*Hà Nội, tháng 4.1989*

**(Trích tạp chí Sông Hương số 39 tháng 8&9–1989)**

PHAN KHÔI

*Trích Giai Phẩm mùa Thu tập 1*

PHÊ BÌNH LÃNH ĐẠO VĂN-NGHỆ

Ngày 14 tháng 7 trước đây, một anh bạn trẻ đến với tôi, ngỏ ý muốn tôi viết một bài cho tập Giai-Phẩm mùa Thu, tôi nhận lời, và viết bài này.

Tôi không phải không nhớ nhập tâm rằng cái *Giai-Phẩm mùa Xuân* đã gây ra một cảm-giác nặng nề cho giới văn-nghệ, (*) nhưng mà tôi cứ viết. Là vì tôi nghĩ thấy mùa Thu không thể giống được mùa Xuân. Thầy Mạnh Tử nói rằng: « Bỉ nhất thời dã, thử nhất thời dã ». « Thời » là mùa, mùa nào tiết khí ấy, mà cũng mùa nào thức ấy.

Chú thích (*) Tạp chí Giai Phẩm mùa Xuân ... có ... bài thơ « Nhất định ... »

Trang 59

QUÊ HƯƠNG

TRĂM HOA ĐUA NỞ

TRÊN ĐẤT BẮC



sônghương

HUẾ · THÁNG BA-TƯ, MỘT CHÍN TÁM CHÍN

giai phẩm MÙA THU

*Hình bìa cuốn Giai-Phẩm mùa Thu trong có đăng bài « Phê bình Lãnh đạo Văn-nghệ » của cụ Phan Khôi*

NHỮ THIÊN

Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh:

Diễn văn nhân dịp Quốc Khánh Việt Nam

« Chủ nghĩa đa nguyên đa đảng là âm mưu của chủ nghĩa đế quốc và phản động

tác phẩm văn học

TẠP CHÍ CỦA HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

đoàn kết

THANH NIÊN

VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

THIÊN SỨ

le messager céleste

NGHIÊN CỨU VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

TẠP CHÍ SÁNG TÁC PHÊ

un général à la retraite

phụ bản 2: mặc uyên

# phần ba:
# hai biến cố phản kháng
# tiêu biểu

# dẫn nhập phần ba:

Sau khi ban hành nghị quyết 05 về văn nghệ, sinh hoạt báo chí trong nước, vốn rất khô khan công thức, bỗng khởi sắc với sự xuất hiện một loạt các tờ báo từ các địa phương miền Trung và miền Nam, một trong các yếu tố gây sự sinh động của các tờ báo này là sự tham dự của một số nhà văn gốc miền Nam (không kể những nhà văn miền Nam đã vô bưng trước 1975).

Một trong những tạp chí đó là tờ *Lang Bian* xuất bản tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Tờ báo này do Bùi Minh Quốc, một thi sĩ Đảng viên làm Tổng Biên tập, và Bảo Cự, một sinh viên tranh đấu cũ làm Phó Tổng Biên tập. Tờ báo đã tập trung rất nhiều cây bút đã cộng tác với tờ *Văn Nghệ, Sông Hương, Tuổi Trẻ*...

Ngay trong tờ *Lang Bian* số ra mắt, tháng 10–87, đã xuất hiện bài thơ *Những cây thông kê* của Thanh Thảo và hai bài thơ *Mùa thu đi qua* và *Cảm xúc đi trên đường Nguyễn Trãi* của Đặng Thị Vân Khanh.

Ngay sau đó, các bài thơ trên đã gặp phản ứng của giới phê bình bảo thủ qua bài góp ý của Biện Duy Tích và Ngô Thanh Loan, đã được tòa soạn *Lang Bian* cho đăng trên tờ *Lang Bian* số 2. Lập luận của Biện Duy Tích và Ngô Thanh Loan biểu trưng cho lối phê bình "chỉ điểm văn nghệ" là lối phê bình chủ đạo của văn học xã hội chủ nghĩa.

Điểm đặc biệt trong trường hợp này, là sau bài "Chỉ điểm văn nghệ" của Biện Duy Tích và Ngô Thanh Loan, phản ứng của quần chúng đã bộc phát mạnh mẽ để bênh vực hai nhà thơ này và bày tỏ thái độ chống đối quyết liệt với hai nhà bồi bút theo đảng. Hai mươi trang báo của tờ *Lang Bian* số 3 tháng 5-88 đã được dành để đăng tải những ý kiến đóng góp tích cực của quần chúng.

Chúng tôi xin đăng nguyên văn ba bài thơ của các tác giả Thanh Thảo và Đặng Thị Vân Khanh và tất cả những ý kiến đóng góp của độc giả để chúng ta nhìn được một trường hợp phản kháng tiêu biểu của sinh hoạt văn học trong nước.

Điểm cần lưu ý, là sau khi cho đăng tất cả những ý kiến của độc giả, tờ *Lang Bian* bị đóng cửa (sau số 3), và Tổng Biên tập Bùi Minh Quốc bị tước đảng tịch.

# những cây thông kêu



*Thanh Thảo*

*Những cây thông ào vào tỉnh ủy*
*Mây dừng*
*Chúng tôi muốn sống*
*Đời thông*
*Thẳng vút*
*tung trăm nghìn lá nhọn*
*Hồn nhiên*
*Không phải ô mà tiền đình*
*Đầu chúng tôi trần trong nắng gió*
*Khoảng mát lạ kỳ tự chúng tôi lan tỏa*
*Đưa con người qua quá chúng tôi*
*Những cây thông ào vào tỉnh ủy*
*Xin đừng đốn chúng tôi!*

30-7-87

Langbian Số 1 Tháng 10

# mùa thu đi qua



***Đặng Thị Vân Khanh***

*Chẳng kịp làm câu thơ cho mùa thu*
*Năm ấy gốc bàng có ánh nhìn lặng lẽ*
*Bạn trai nói gì...*
*Đất trời nhẹ bâng*
*Tuổi thơ chẳng nhận ra mình*
*Chẳng kịp làm câu thơ cho mùa thu*
*Lần anh đi không lời từ giã*
*Cây bàng vẫn lá*
*Con tắc kè rụt rè gọi theo*
*Chẳng kịp làm câu thơ cho mùa thu*
*Giọt nước mắt lăn qua thời vui buồn trẻ dại*
*Thành phố mười năm vai áo bạc*
*Tán bàng sải rộng không ngờ*
*Con tắc kè năm xưa đi đâu*
*Cây bàng ấy... Biết mình không còn bé*
*thơ chưa viết mà vòm như cháy*
*Phải mùa đi để lửa cho mùa.*

Hà Nội, 12/86

Langbian Số 1 Tháng 10

# cảm xúc đi trên đường nguyễn trãi



*Đặng Thị Vân Khanh*

*Tôi thả xe nẻo đường cây ngược nắng*
*Gặp tĩnh lặng mùa đông trên sắc lá bàng*
*Gió dồn bụi phố dài*
*Im lặng, tự tin trong mỗi ngôi nhà đang trưa kín cửa*
*Có gì thiêng liêng như cuộc sống con người*
*Sau huyên náo bộn bề, sau tính toán thiếu đủ*
*Trở về với mình*
*Riêng những sâu xa*
*Nếu con người chỉ là chiếc máy tinh vi*
*Sẽ rạch ròi chia: loại mới, loại tân trang, chỗ sai, chỗ hỏng*
*Chẳng khó gì trong việc sử dụng điều tra*
*Thế kỷ hai mươi ta lên cung trăng*
*Sinh hoạt hằng ngày bằng đồ dùng điện tử*
*Nhưng lại quên hay chẳng thể nghĩ ra.*
*Loại máy tính, máy đo chất người chuẩn xác*
*Oan Ức Trai sáu trăm năm trước*
*Bọn gian thần đổi dạng vẫn còn đây*
*Bánh xe lăn*
*Bánh xe lăn*
*Nẻo đường cây ngược nắng*
*Tôi miệt mài đi dọc sắc lá bàng*

12–1987

# thư góp ý tập san langbian số I



***Của Ban Vận Động Hội Văn Nghệ Lâm Đồng***

Di Linh, ngày 20 tháng 11 năm 1987

Kính gửi: – Ban vận động Hội văn nghệ Lâm Đồng

– Ban Tuyên huấn tỉnh ủy Lâm Đồng.

Hạ tuần tháng 10 năm 1987 chúng tôi nhận được tập san mang tiêu đề **"Langbian"** của Hội văn nghệ tỉnh Lâm Đồng. Trước hết xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban vận động, Ban biên tập đã chuyển đến chúng tôi – những "độc giả không chuyên" tập san Langbian. Kính chúc Hội, Ban biên tập và Langbian dồi dào sức sống.

Cũng như lời tựa đã nói: "Langbian có vươn tới đỉnh cao đó được hay không, chính là nhờ ở sự chung góp nhiệt huyết và tài năng của tất cả các cây bút đang có mặt trên đất Lâm Đồng cùng các đồng nghiệp gần xa, nhờ sự chăm sóc, xây dựng của các bạn đọc". Với mục đích "xây dựng", nuôi dưỡng" cho Langbian ngày càng trưởng thành về nội dung và hình thức. Chúng tôi xin mạnh dạn tham gia một số ý kiến cụ thể trong ba bài thơ của Đặng Thị Vân Khanh mà khi đọc lên rồi suy ngẫm chúng tôi thấy lời thơ không được bình thường, đó là "*Những cây thông kêu*", "*Mùa thu đi qua*", "*Cảm xúc đi trên đường Nguyễn Trãi*".

Từ xưa, hình ảnh thông, tùng, bách vẫn được các nhà thơ cổ mượn để tượng trưng cho người quân tử suốt đời trung quân ái quốc theo quan niệm của lễ giáo phong kiến.

Nguyễn Công Trứ suốt đời vì chữ trung, chữ tín với triều đại nhà Nguyễn, ông đã làm nhiều chức quan lớn trong triều, thế nhưng gần cuối cuội đời ông đã thốt lên:

"*Kiếp sau xin chớ làm người Làm cây thông đứng giữa trời mà reo*"

Cả cuộc đời tận tuy vì nước, vì dân để rồi lòng vẫn cảm thấy bức bách Lời thơ cùng sự nghiệp của ông đã phản ánh rõ nét sự bất bình, nỗi chán ngán triều đại phong kiến ấy đã không biết dùng người tài, thậm chí lại bạc đãi tôi

trung. Nguyễn Công Trứ ta thán xã hội bấy giờ và chỉ còn muốn xa lánh cõi đời ô trọc ấy. Muốn tìm đến thiên nhiên, hòa mình với thiên nhiên cùng cất cao tiếng hát với cỏ cây hoa lá, với bầu trời xanh trong mà quên đi cuộc đời, quên đi những bất hòa, quên cả triều đại thối nát đó.

Nguyễn Trãi, một anh hùng dân tộc, một nhà thơ lớn cũng hy sinh cả cuộc đời mình để xây dựng cơ đồ nhà Lê. "*Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần*". Đúng vậy, sự nghiệp của Lê Lợi, của nhà Hậu Lê sẽ không có được nếu không có sự giúp đỡ, cống hiến của Nguyễn Trãi. Thế mà sau khi lên ngôi, Lê Lợi đã quên đi vị "thần " của mình, ngược đãi công thần, đối xử tệ bạc với Nguyễn Trãi. Mặc dù, lòng luôn luôn tâm niệm sẽ trung quân, sẽ đem hết tài năng, sức lực của mình cống hiến cho triều đại, nhưng cuối cùng nhà thơ cũng phải đau đớn nói rằng:

"*Bụi một lòng người cực lắm thay*"

Rồi từ đó, ông trở về với bút nghiên, sống cuộc đời ẩn dật. Bài thơ "*Tùng*" ra đời trong hoàn cảnh ấy. Nguyễn Trãi mượn cây tùng để bộc lộ tâm tư tình cảm của mình, để thể hiện khí phách của người quân tử, đồng thời nói lên nỗi đau đớn của chính mình khi không còn được tin dùng.

Điểm lại hai hình ảnh trên để tìm ra những ý ẩn chứa trong bài thơ "*Những cây thông kêu*" của Đặng Thị Vân Khanh (sic). "Thơ là tiếng nói của con tim", "Thơ là người" và xin mượn lời trích đăng trong trang mười ba tập san Langbian số I của Ban vận động Hội văn nghệ Lâm Đồng: "*Thơ – là con đường dẫn đến chủ nghĩa xã hội*"

– Maiacópxki –

Vân Khanh cũng mượn hình ảnh quen thuộc của thơ ca; của con người Lâm Đồng để bộc bạch tâm sự của mình: (hoặc của một số người nào đó). Đó là cây thông.

Bài viết theo thể tự do, gồm mười ba câu – sáu khổ thơ. Câu dài nhất có chín chữ, ngắn nhất là hai chữ. Đặc biệt trong bài có bốn câu hai chữ: ...Mây dừng,... Đời thông,... Thẳng vút,... Hồn nhiên... Nghệ thuật tu từ chính quán xuyên cả bài thơ là nghệ thuật nhân hóa. Đọc lướt qua, bài thơ không có gì đặc sắc về âm điệu, về vần, nhưng có điểm hơi lạ về cấu trúc bài thơ.

Ngay trong đầu đề, "*Những cây thông kêu*", không giống với "*thông reo*" của Nguyễn Công Trứ. "*Thông kêu*" dường như có điều gì quá bức bách, có điều gì uất ức dồn nén từ lâu? Tiếng kêu ở đây ai oán, uất hận, tủi cực xót xa của người ngay thẳng trung trực, hồn nhiên, biết hy sinh cá nhân mình cho mọi người, biết chịu đựng gian khổ, khó khăn, biết sống thanh cao, chí khí (như phẩm chất của người quân tử xưa). Tác giả dùng tất cả những lời lẽ, hình ảnh đẹp đẽ nhất, cao quí nhất để mô tả những cây thông này. Phải chăng

tác giả là một người (đại diện cho một số người nữa) đã mang nhiều phẩm chất cao đẹp, đáng quý ấy?

Ca ngợi những con người tốt là điều phải làm, là nhiệm cụ của văn nghệ, nhiệm vụ của thơ ca. Điều này rất đáng hoan nghênh, và càng phải được phát huy hơn nữa. Ở ý này, chúng tôi đã thấy bài thơ đã nói lên được, dẫu chưa đặc sắc lắm.

Thế nhưng, chúng tôi muốn đề cập nhiều hơn ở ý thứ hai của bài thơ.

Những con người chân chính có phẩm chất cao đẹp kia tại sao phải cất lên tiếng kêu ai oán làm vậy? Hình ảnh toát lên trong bài là một số người phải ồ ạt chạy vào tỉnh ủy, cơ quan lãnh đạo Đảng cao nhất của tỉnh. Để làm gì vậy? Họ ồ ạt chạy vào đây để kêu gào, để được sống thanh cao như những người chân chính, để đòi được bảo vệ quyền sống.

Họ đã bị xã hội vùi dập ư? Họ đã bị tước đoạt quyền sống cho lẽ phải ư? Và cao hơn nữa, cả những cơ quan pháp luật, cả cơ cấu xã hội đã bóp chết mọi quyền sống, quyền tự do của họ ư? Còn lời tố cáo nào đanh thép hơn thế để xin được bảo vệ, để xin được sống. Thế mà ở nơi cuối cùng họ phải đến đây, họ vẫn phải nài nỉ, van xin để được quyền sống. Chính ở đây họ vẫn còn hoài nghi. vẫn còn tuyệt vọng, vẫn cất lên tiếng kêu ai oán, thiết tha: "Xin đừng đốn chúng tôi!".

Qua bài thơ, chúng tôi hiểu được như trên vì thơ là: "*Ý tại ngôn ngoại*". Vậy thì còn gì là cuộc sống, là tự do, là xã hội nữa hả Vân Khanh (Sic)? (Tác giả bài thơ). "Nhà thơ" hoang mang, dao động cực độ, khủng hoảng vì lẽ sống hay là muốn mượn ý mượn lời để chà đạp lên tất cả những gì tốt đẹp nhất của xã hội, của đất nước, của con người mà nhân dân ta đã phải đổ biết bao máu và nước mắt xây dựng nên trong hơn mười năm nay (đối với miền Nam) và hơn ba mươi năm nay (đối với miền Bắc)? Cái tất yếu xã hội, nhất là xã hội sau bao nhiêu năm chiến tranh tàn phá, với bao âm mưu thâm độc của bao kẻ thù dân tộc như đất nước ta, là còn lẫn lộn giữa kẻ xấu và người tốt. Làm sao tránh khỏi kẻ xấu lợi dụng len lỏi vào người tốt để phá hoại công cuộc xây dựng của chúng ta? Thế nhưng luật pháp luôn luôn đứng về phía chính nghĩa, luôn luôn bảo vệ và phát huy những phẩm chất tốt đẹp của con người. Không thể có một sự vùi dập, chà đạp lên phẩm giá con người như thế. Đó là điều chắc chắn đối với xã hội ta, ngay cả những người đã phản bội lại lợi ích dân tộc, đi ngược lại quyền sống của nhân dân vẫn được giáo dục, giúp đỡ để trở thành con người tốt thì làm sao có những cảnh như "nhà thơ" Vân Khanh nêu trên?

Vân Khanh nên cảnh giác với chính mình và nhìn lại mình để kịp thời dừng bước trước những cạm bẫy phía trước.

Vẫn trên cơ sở ấy, bài "*Mùa thu đi qua*" cũng cần phải xem lại quan điểm của người viết.

Thêm bài "*Cảm xúc đi trên đường Nguyễn Trãi*", chúng tôi xin nêu một số suy nghĩ sau:

Bài thơ có sáu khổ, chúng tôi xin đi vào bốn khổ thơ cuối.

Cấu trúc bài thơ hơi lạ, không cân đối nhau, điều này có thể chấp nhận được vì là thơ tự do.

Vấn đề mà "tác giả" đặt ra ở bài thơ là phải đánh giá con người như thế nào cho đúng. Điểm thống nhất trong ba bài thơ là Vân Khanh không hề có một chút tin tưởng nào đối với cuộc sống, với con người, với xã hội, với chế độ. "Tác giả" phủ nhận tất cả những cố gắng, nỗ lực của nhân dân, của cả dân tộc trong quá trình hàn gắn vết thương chiến tranh và xây dựng đất nước. Dường như Vân Khanh chỉ thấy một mình là tốt, còn toàn xã hội đều phải được đánh giá lại bằng "máy tính điện tử", để điều tra, soát xét lại từng con người. Có thể chấp nhận ý này không?

Điều tệ hại hơn là tác giả đã ăn cắp nỗi oan của Ức Trai để phỉ báng xã hội, để bêu giếu chế độ. "*Bọn gian thần đổi dạng vẫn còn đây*", câu thơ này muốn nói lên điều gì khi gắn với nỗi oan "tru di tam tộc" của Nguyễn Trãi xưa kia?

Ban biên tập báo Langbian có thấy được điều gì ẩn chứa trong hai câu thơ này không?

Đâu phải ngẫu nhiên mà tác giả lại mượn hình ảnh cây thông đưa vào bài thơ số I, rồi lại nỗi oan của Ức Trai để đưa vào bài này.

Đặc biệt bài thơ chỉ có khổ thơ này là hai câu. Phải chăng "tác giả" lưu ý độc giả khi tiếp xúc bài thơ?

"*Bọn gian thần đổi dạng vẫn còn đây*"

Vậy "*bọn gian thần đổi dạng*" là những ai mà "vẫn còn đây"? Chúng tôi cho rằng bài thơ hàm ý phản động (Sic). Chúng ta đang dùng báo chí làm phương tiện đấu tranh chống tiêu cực. Điều ấy không có nghĩa là không chọn lọc văn bản.

Ở khổ thơ cuối, hình ảnh bánh xe lăn trên đường cây ngược nắng, theo chúng tôi đây cũng chứa đựng một ẩn ý chống đối của tác giả. Có phải Vân Khanh cho rằng dù thời gian có qua đi thì tất cả chúng ta đều là những kẻ lầm đường, lạc lối? Con đường mà toàn Đảng, toàn dân ta đang đi, đang nỗ lực phấn đấu đạt tới là con đường "ngược nắng" không? Phản quy luật phát triển, phản tự nhiên, phi hiện thực không?

Điều đáng buồn cười, là Vân Khanh cho rằng toàn xã hội ta đi "ngược nắng", trong khi đó chỉ có mình "nhà thơ" là "đi dọc", có nghĩa là đi đúng

hướng, đúng quy luật. Thế thì lẻ loi, đơn độc quá! Người "anh hùng" này chắc đang muốn làm Nữ Oa đội đá vá trời? Muốn thay đổi cả giang san để làm nên nghiệp lớn, để dựng cơ đồ!? Ngày xưa Nguyễn Thái Học (Sic) có nói: "*Ví thử đường đời bằng phẳng cả. Anh hùng hào kiệt có hơn ai?*" Có lẽ Vân Khanh đang mưu đồ "mộng lớn" theo lời trên chăng?

Theo chúng tôi nghĩ, ba bài thơ của Vân Khanh đã ảnh hưởng không ít đến việc tuyên truyền, giáo dục đường lối cách mạng của Đảng.

Chúng tôi chưa có dịp tiếp xúc với Vân Khanh để hiểu biết về con người và hoàn cảnh, song thơ của Vân Khanh "được" đăng trong tập san này. (Tập san ra mắt của Ban vận động Hội văn nghệ Lâm Đồng) đã đi lạc hướng. Đề nghị Ban vận động cần xem lại thái độ, quan điểm của Vân Khanh, của người cho đăng bài thơ này và có tiếng nói cụ thể với độc giả.

Để nội dung tập san tiếp theo có chất lượng tốt hơn, Ban vận động, mà trực tiếp là Ban biên tập cần có trách nhiệm đầy đủ hơn với tiếng nói của mình như lời đồng chí Nguyễn Duy Anh – Phó bí thư tỉnh ủy phát biểu trong buổi lễ ra mắt Ban vận động Hội văn nghệ Lâm Đồng: "Đảng yêu cầu các văn nghệ sĩ thường xuyên trau dồi ý thức trách nhiệm của công dân – chiến sĩ, thực hiện trách nhiệm cao quý: tạo nên những giá trị tinh thần, bồi dưỡng tâm hồn và tình cảm, xây dựng nhân cách và bản lĩnh mọi thế hệ công dân, xây dựng môi trường đạo đức trong xã hội".

Kính gửi lời chào đoàn kết.

Bạn đọc: – Biện Duy Tích – Ban tuyên huấn

Huyện ủy Di Linh.

Ngô Thanh Loan – giáo viên trường Bồi dưỡng giáo dục Di Linh.

**Ghi Chú Của Tòa Soạn:**

– Thư góp ý của hai bạn đọc Biện Duy Tích và Ngô Thanh Loan là một trong những thư được gửi sớm nhất đến Ban biên tập. Bì thư đóng dấu của Ban tuyên huấn huyện ủy Di Linh.

– Không hiểu cố tình hay sơ suất, mặc dù người viết bài đã tỏ ra nghiên cứu rất công phu, lại nhầm lẫn bài thơ "Những cây thông kêu" của Thanh Thảo thành của tác giả Đặng Thị Vân Khanh và hệ thống hóa hai bài thơ của hai tác giả thành một tác giả để nhận xét! Nhà thơ Thanh Thảo ở Hội văn nghệ Nghĩa Bình, còn Đặng Thị Vân Khanh hiện đang là học viên của trường Viết Văn Nguyễn Du, Hà Nội.

– Bạn đọc chưa đọc ba bài thơ trên có thể tìm mua tạp chí Langbian số 1 ở các quầy sách trong tỉnh hoặc ở cơ quan Hội văn nghệ. Nếu cần thiết, theo yêu cầu của bạn đọc, tòa soạn sẽ cho đăng lại trên Langbian số 3.

# ý kiến bạn đọc vấn đề phê bình văn nghệ và chụp mũ chính trị



## (chung quanh là thư góp ý của biện duy tích và ngô thanh loan)

*Góp Ý Về Một Lá Thư Góp Ý*

...Gạt sang một bên những sơ xuất, sai lầm lẽ ra không nên có trong bức thư, về cái trí thức văn, sử và văn học sử khi bàn đến Nguyễn Công Trứ đến Nguyễn Trãi với những tích, những điển – để chứng tỏ người viết lá thư đã không ít công phu sưu tầm, nghiên cứu dẫn chuyện từ chiều sâu của quá khứ, tôi thật ngạc nhiên trước một chuyện lạ mà có thật như những người viết bức thư đã phán cho cô Vân Khanh là tác giả của bài thơ "Những cây thông kêu", để rồi gói gọn cả ba bài thơ lại mà phân tích mà xâu chuỗi mà khái quát lên thành tư tưởng quan điểm có tính hệ thống được người viết lá thư có ý phát hiện ra để quy kết cho có trọng lượng. Tại sao lại có sự lầm lẫn kỳ lạ như vậy khi mà trên Tạp chí Langbian số 1, tên tác giả bài thơ "Những cây thông kêu" là Thanh Thảo đang còn hiện diện trên giấy trắng mực đen. Biết làm sao thanh minh cho anh Tích, chị Loan (Tôi đoán Ngô Thanh Loan là một bạn gái) khi những nét bút đã sa thành hàng chữ!

Xin đi vào hai khía cạnh chính yếu toát lên từ lá thư góp ý. Nhưng trước hết cho phép tôi mở ra một dấu ngoặc: phê bình thơ, góp ý bài thơ mà thoát ly đặc trưng của thơ là điều tối kỵ để đến mức chỉ nhìn thấy những nguyên lý chính trị trần trụi từ những giòng thơ. Nhưng thôi đó là quyền của hai người viết lá thư và cũng có thể là do sự hạn chế khó tránh khỏi của chính hai người...

Khía cạnh thứ nhất đó là cách nhìn hiện thực của hai người viết lá thư và vị trí dẫn đến khía cạnh thứ hai: hai người viết lá thư đòi hỏi các nhà thơ phải phản ánh hiện thực theo cách nhìn của hai người. Sai lầm thứ nhất là đáng trách nhưng còn có thể hiểu được và thông cảm được. Nhưng sai lầm thứ hai thì không thể chấp nhận được vì đó là một sự áp đặt vượt hạn!

Hai người viết lá thư đã khẳng định rằng: "Cái tất yếu của xã hội, nhất là xã hội sau bao năm chiến tranh tàn phá với bao âm mưu thâm độc của bao kẻ thù dân tộc như đất nước ta là còn lẫn lộn giữa kẻ xấu, người tốt. làm sao tránh khỏi kẻ xấu lợi dụng len lỏi vào người tốt để phá hoại công cuộc xây dựng của chúng ta? Thế nhưng luật pháp luôn đứng về phía chính nghĩa, luôn bảo vệ và phát huy những phẩm chất tốt đẹp của mọi người. Không thể có một sự vùi dập, chà đạp lên phẩm giá con người như thế. Đó là một điều kiện chắc chắn đối với xã hội ta, ngay cả..."

Tôi trích dẫn hơi dài nhưng thấy một lần nữa cần phải trích dẫn ra như vậy để xin bạn đọc cùng chia xẻ với tôi nỗi đau buồn và cả sự phẫn nộ về một cách nhìn mù quáng và nhẫn tâm trước hiện thực, của hai người viết lá thư. Thiết tưởng chẳng cần phải phủ định thêm vài Báo cáo chính trị Đại hội VI, vì những bài báo, hàng trăm hàng ngàn bài báo được viết ra hưởng ứng bài viết của đồng chí N. V. L. đã quá giúp ta sáng tỏ, đã mở mắt cho chúng ta nhìn thẳng vào sự thật, để đừng tự lừa dối mình và từ đó đừng áp đặt sự lừa dối đó cho người khác. Dân chủ và công bằng xã hội giờ đây không chỉ còn là khát vọng thầm lặng mà đã trở thành tiếng nói và hành trang tích cực, năng động có trách nhiệm của hàng triệu con người được Đảng ta lãnh đạo và tổ chức. Đấu tranh chống tiêu cực làm trong sạch, lành mạnh từ trong nội bộ Đảng ta, chính quyền ta, cán bộ và nhân dân ta giờ đây đang trở thành cuộc vận động lớn. Vậy thì văn chương, những người cầm bút làm sao đứng ngoài cuộc vận động lớn đó được. Bằng sức mạnh của hình tượng nghệ thuật và bằng lương tri, dự cảm, dự báo những người cầm bút có thể và phải đi tiên phong trong cuộc vận động lớn này, thức dậy lương tâm và trách nhiệm của tất cả mọi người về nỗi đau khổ, oan khuất của mỗi người, và của chính mình, vì những giá trị nhân bản nhất của con người, của chủ nghĩa xã hội, một xã hội hãnh diện giương cao ngọn cờ đỏ chiến đấu có sức vẫy gọi bởi giòng chữ dân chủ, công bằng, nhân đạo. Văn chương phải phản ánh nỗi đau khổ của nhân dân và cuộc chiến đấu đầy hy sinh mất mát để từng bước chiến thắng cái ác, dù chỉ là những chiến thắng nhỏ nhoi. Đó thật sự là sứ mạng nặng nề và khó nhọc của những người cầm bút không dễ gì gánh vác cho được trọn vẹn. Nhưng nếu chưa được trọn vẹn thì cũng đừng có quay lưng lại với cái thực tại ngổn ngang để chỉ còn lại là những bản "tụng ca", minh họa những nguyên lý cao đẹp vốn đang còn ở xa phía trước mà cứ ngộ nhận là đã trở

thành hiện thực quanh mình, chẳng cần khó khăn cực nhọc gì, thất bát gì là có được.

Tôi không có ý định đề cập thêm những khía cạnh khác bộc lộ những điều đáng lo ngại trong thái độ của hai người viết lá thư này, thái độ đó đang hiện lên rõ nét, đậm nét qua các hàng chữ. Đó là sự suy diễn vừa nông cạn vừa thô bạo. Đó là cả sự chụp mũ nữa. Một sự chụp mũ pha chút ít đe dọa, tố cáo, không chỉ giành cho các tác giả của bài thơ mà còn đi xa hơn, giành cho những người làm công tác biên tập và để có được chỗ dựa cho thái độ rất không nên có, hai người viết lá thư còn trích dẫn cả lời phát biểu của đồng chí Phó bí thư tỉnh ủy.

Tôi nghĩ rằng chính là cố gắng quán triệt những tư tưởng của Đảng ta về sứ mạng của văn nghệ, của người cầm bút, với "ý thức trách nhiệm công dân – chiến sĩ thực hiện trách nhiệm cao quý: tạo nên những giá trị tinh thần, bồi dưỡng tâm hồn và tình cảm, xây dựng nhân cách và bản lĩnh của mọi thế hệ công dân, xây dựng môi trường đạo đức trong xã hội". Các nhà văn trong quá trình đấu tranh cho sự thắng lợi của cái thiện nơi con người, nơi xã hội thì đồng thời phải lên án, vạch trần cái ác của chính mỗi con người, mỗi xã hội. Tôi nghĩ đến bài thơ của thi hào mù Nguyễn Đình Chiểu: "Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm, đâm mấy thằng gian bút chẳng tà".

Tôi được biết lá thư góp ý của hai bạn Tích – Loan là một trong những lá thư gửi đến tòa soạn sớm nhất! Đó là sự năng nổ đáng quý, một sự nhạy bén trên tư thế của người chiến sĩ trực chiến. Nhưng để đảm nhận xứng đáng vai trò của người trực chiến thì cùng với sự năng nổ, nhạy bén, rất cần sự bình tĩnh và chín chắn của tình cảm và trí tuệ.

**Tuấn Đức**

**(Đà Lạt)**

## *Thư Góp Ý Gửi Hai Bạn*
## *Biện Duy Tích Và Ngổ Thanh Loan*

Thân gửi hai bạn TÍCH và LOAN

Tôi là một độc giả của LANGBIAN – một tạp chí còn non trẻ, nhưng qua hai số vừa rồi đã và đang hình thành một bản sắc riêng đáng trân trọng.

Thú thật với hai bạn, khi đọc thư góp ý của các bạn, tôi thật sự chẳng giận gì các bạn, chỉ có điều tôi cảm thấy thương hại, xót xa, xấu hổ và buồn. Buồn

bởi vì cho đến hôm nay vẫn có người còn quá máy móc khi đánh giá thơ. Và đi đánh thơ không phải bằng cành hoa hồng mà bằng những nhát búa ngàn cân!

Hãy bỏ qua những sai sót về mặt kiến thức, sự cẩu thả khi ghép bài thơ của Thanh Thảo và hai bài thơ của Đặng Thị Vân Khanh thành một hệ thống, một tác giả để phân tích! – Sự sai sót đó đáng ra không được vấp phải đối với nghề nghiệp của các bạn! Song thái độ của người viết làm tôi suy nghĩ rất nhiều. Đây chẳng phải là một cách đánh giá thơ mà là một thái độ hằn học phi lý đối với thơ, đặc biệt khi người viết đòi truy lý lịch của tác giả, chụp mũ "phản động", hoặc "mưu đồ mộng lớn!" Thật tình, khi đọc tới đoạn này, tôi phải phì cười – cái cười thường hại hơn là một sự mỉa mai.

Tôi chẳng muốn đi vào phân tích những điều các bạn đã đề cập, và chẳng muốn phân tích ba bài thơ như cách các bạn đã phân tích. Làm như vậy chẳng ích lợi gì. Ở đây, tôi muốn đề cập tới một vấn đề mà ngay trong thư của các bạn đã lộ rất rõ, đó là *thái độ quan liêu, thái độ thờ ơ với thực tại*. Về mặt lý luận, nó có liên quan đến phản ánh luận chủ nghĩa Mác Lênin.

Trên cơ sở chủ nghĩa duy vật lịch sử về mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác Lênin đã khẳng định văn học là một hình thái ý thức xã hội nằm trong kiến trúc thượng tầng và chịu sự tác động trực tiếp của hạ tầng cơ sở. Lênin là người kế tục vĩ đại qua *phản ánh luận*. Trong đó, văn học, thơ ca nói riêng sẽ không có sức sống nếu tách rời hiện thực xã hội. Tách rời với hiện thực, bức tranh mà văn học nghệ thuật vẽ nên sẽ bị héo úa và khô cằn, thậm chí bị xuyên tạc. Do vậy, lý thuyết về sự phản ánh do Lênin đề xuất có ý nghĩa lớn lao đối với lý luận văn học. nó mang lại chiếc chìa khóa vạn năng để hiểu đúng nghệ thuật với tư cách là một công cụ *khám phá và nhận thức thực tại*. Chính vì vậy mà Lênin đã gọi L.Tốnxtôi là "tấm gương phản chiếu Cách mạng Nga".

Có hiểu được điều này, chúng ta mới thấy điểm yếu nổi bật trong bức thư của hai bạn Tích và Loan – bệnh *quan liêu bệnh hoạn* đối với hiện thực của đất nước ta trong giai đoạn hiện nay, giai đoạn đầu tiên đầy gai góc của thời kỳ quá độ về mặt xã hội.

Do quá quan liêu với hiện thực cuộc sống, hai bạn đã có thái độ cực đoan, đòi hỏi văn học chỉ có thể phản ánh những gì tốt đẹp nhất của đời sống. Cái *thời lãng mạn* ấy đã qua rồi. Chúng ta đã mở rộng công khai dân chủ hóa và biết nhìn thẳng vào sự thật. Sự thật không bao giờ thừa, tự nó đã có sức thuyết phục rồi. Tôi nhớ Henmingway đã nói rằng: "Tôi không bao giờ viết lúc đêm khuya". Ban đêm khó viết đúng sự thật. Tôi chỉ làm việc vào lúc sáng sớm. Đây là khoảng thời gian tốt nhất cho sự thật. Mà sự thật đối với người viết rất quan trọng "đủ hiểu rằng sự thật như thế nào! Thái độ mà tôi gọi là

*quan liêu bệnh hoạn* ấy của hai bạn Tích và Loan là sự tất yếu khi hai bạn không dám nhìn thẳng vào hiện thực bộn bề hôm nay. Bệnh quan liêu, đó là căn bệnh nan y nguy hiểm nhất hiện nay. Đó chính là trở ngại đáng sợ nhất trong quá trình đổi mới để tiến lên của ta. Căn bệnh này đã mọc rễ thật sâu trong suy nghĩ và cách nhìn của chúng ta trong giai đoạn vừa qua. Chúng ta đã tự huyễn hoặc mình quá nhiều rồi, bây giờ phải là lúc tỉnh táo nhất để nhìn rõ lại mình. Vì vậy, tôi cho rằng suy nghĩ về gương mặt của văn học hôm nay là khuôn mặt lo âu là một suy nghĩ đầy trách nhiệm.

Căn bệnh quan liêu trong cách nhìn hiện thực đã thể hiện rất rõ qua những tác phẩm của văn học ta trong những năm sau chiến tranh kết thúc. Và hậu quả của nó là đã tạo ra một loại độc giả thích của ngọt, thích đọc, thích nghe về thành tích, những thuận lợi giả tạo. Họ dị ứng ngay với những vấn đề gay gắt, những hiện tượng đầy gai góc trong cuộc sống. Điều này cũng dễ hiểu, vì họ đã quen với những tác phẩm vô thưởng vô phạt, quen với những khuôn mặt bình thản đầy vẻ quan liêu. Chính Lênin đã nói với chúng ta: "Bổn phận đầu tiên của những ai muốn tìm đường đến với hạnh phúc của con người là đừng lừa dối bản thân mình, có can đảm cởi mở và thừa nhận cái đang tồn tại" (Toàn tập, T.1 Tr. 407). Phải có cái nhìn như vậy chân lý mới tìm thấy. Điểm xuất phát là cái đang tồn tại và từ đó đánh giá đúng sự việc để không tạo ra ảo tưởng và đi lên.

Trong truyền thống của văn học ta, Nguyễn Du nếu không có con mắt tinh anh làm sao ông thấy "những điều trông thấy mà đau đớn lòng?" Cuộc sống vốn bề bộn, đa dạng và vô cùng phức tạp. Còn trang thơ ư? Chỉ có hai mặt phẳng! Ít lắm, phải biết nhìn thẳng vào sự thật còn lắm điều đau lòng, đó là những vấn đề đang tồn tại của nước ta, ngắm mãi bộ cánh mượt mà của mình đã nhàm chán và chẳng ích lợi gì. Tôi tâm đắc câu nói của Mác: "Tất nhiên, chỉ có loài vật mới quay lưng lại với nỗi đau khổ của con người và chăm sóc cho bộ da của nó".

Chúng ta đang sống trong những năm cuối thế kỷ XX, nếu hai bạn Tích và Loan sống những năm 20 của thế kỷ này, khi nghe Maiacốpxki gào thét giữa "chính quyền Xô viết" hay "giữa pháp đình thời trung cổ" chắc chắn hai bạn sẽ dựng ngược dậy và gầm gào ư? Tôi cho rằng ba bài thơ của Thanh Thảo và Đặng Thi Vân Khanh còn nhẹ nhàng quá, hiền dịu quá. hơn bao giờ hết, người nghệ sĩ phải là một nhà tư tưởng, là chim báo bão và là người phải biết dự báo tương lai. Thời đại đã khác, cánh cửa công khai hóa, sự mở rộng dân chủ, tư tưởng lấy dân làm gốc, biết tôn trọng quy luật đã mở cửa, người nghệ sĩ càng có trách nhiệm cao quý hơn và phải biết khẳng định tư cách của mình. Chính những chuyển biến đó mà trong đời sống văn hóa văn nghệ của ta gần đây, tuy mới chỉ là bước đầu nhưng đã có những tín hiệu đáng mừng.

Với những hành động cụ thể, sự nhạy bén và dũng cảm, văn hóa văn nghệ đã bước đầu nhập cuộc, thực sự là một công cụ đáng tin cậy trong sự nghiệp đổi mới để đi lên.

Tôi không thích tranh luận về những điều hai bạn viết trong thư, song những suy nghĩ của tôi trên đây chắc cũng đã trả lời cho hai bạn. Có điều tôi muốn nói với hai bạn là phải thật sự nhìn lại mình đi và phải thận trọng, đặc biệt là phải thận trọng khi đánh giá con người. Hai bạn đang mắc bệnh nan y đấy, đó là bệnh *quan liêu đầy bệnh hoạn.*

Tôi thích văn học và muốn cùng bạn nghe Baudelaire – một nhà thơ dù siêu thực tâm sự: "Vĩ đại thay sứ mệnh của thi ca!... Trong ngục tối thơ ca thành ngọn lửa, bên cửa sổ bệnh viện thơ ca là niềm khát khao, là niềm hạnh phúc lành bệnh... Thơ không chỉ nhìn nhận mà còn tu sửa... Ở mọi nơi thơ phủ nhận bất công. Hỡi nhà thơ thiên sứ hãy cất cao lời ca và đi tới tương lai!".

**Thân ái và chào xây dựng,**
**Lưu Vĩnh Hy**

## *Đôi Lời Cùng Hai Bạn Biện Duy Tích Và Ngô Thanh Loan*

Đối với Langbian, tôi cũng như các bạn đều là những "độc giả không chuyên" nhưng nhiệt tình. Có điều khác là các bạn đã sững sốt trước ba bài thơ "Những cây thông kêu", "Mùa thu đi qua" và "Cảm xúc đi trên đường Nguyễn Trãi" mà viết ra bức thư góp ý ấy, còn tôi thì không khỏi sững sốt trước những nội dung và ngôn từ trong bức thư ấy của các bạn, nhất là ở cuối bức thư tôi được biết các bạn làm công tác tuyên huấn và giáo dục. Các bạn phê phán ba bài thơ vì nhìn tác giả của chúng thành người "anh hùng" (chắc các bạn định dùng chữ "yêng hùng"), "đơn độc" "muốn làm Nữ Oa đội đá vá trời" nhưng thực ra chỉ là tên "phản động" (!), "chống đối", "phỉ báng xã hội", "bêu giếu chế độ". Còn tôi muốn bảo vệ các tác giả những bài thơ ấy không phải như bảo vệ những anh hùng hay những kiệt tác gì cả, mà chỉ như bảo vệ những con người mới, lương thiện, bình thường, trong giòng những con người đang sống một cách tích cực, có lương tâm và có trách nhiệm.

Sự quy kết quá vội vàng, sự suy diễn một chiều và áp đặt đã đưa các bạn đi quá xa sự thực. Vì đã quen với cách giải thích rằng những tiếng nói ngược tai bao giờ cũng chỉ là những tiếng nói "lẻ loi, đơn độc", nên gặp bài "Những

cây thông kêu" của Thanh Thảo các bạn cũng gộp luôn vào cho một Đặng Thị Vân Khanh. Nhưng ngay trong Langbian số 1 thì cả Thanh Thảo và Vân Khanh cũng không hề lẻ loi, mà có nhiều câu thơ khác "nặng đô" hơn nhiều. Ví dụ "Phàm tục Xô Viết đủ loại ngập trong bùn", "Chúng thay lông, đổi lốt" "len lỏi vào khắp các cơ quan, lê cặp mông vững vàng như chậu sứ, ngồi ỳ năm năm, chai cộm lớp đầy đấy" (Thơ Mai a cốp xki trang 81). Đấy "Bọn gian thần đổi dạng" mà các bạn muốn chất vấn Vân Khanh là những kẻ như thế đấy, Mai a đã trả lời thay cho Vân Khanh rồi, chứ nói như Vân Khanh thì đã thấm tháp gì. Thanh Thảo để cho các cây thông ào ào vào Tỉnh ủy để kêu cứu mà các bạn đã thấy khó nghe ư? Thì đây, Mai a viết tiếp: "Mau mau... cứu chủ nghĩa Cộng sản chúng ta!" Chao ôi, nếu không loại trừ ngay những "quân hèn mạt đội lốt thay lông", và những tên "gian thần đổi dạng" thì cả "chủ nghĩa cộng sản của chúng ta" cũng sẽ bị chúng lên tiếng kêu chứ nói gì mấy cây thông, mấy người dân lương thiện! các bạn có đọc bài "Quân hèn mạt" ở trang 81 – 82 chưa? Hay vì lời của Mai a thì các bạn đành chịu không dám bắt nạt? Hay vì với Vân Khanh mà các anh đã đến những chữ "phản động", "chống đối", "phỉ báng xã hội", "bêu giếu chế độ" thì kho chữ của các anh hết mất chữ để nói với Mai a.

Vân Khanh nói mình đang đi "ngược nắng", các bạn bắt bẻ rằng ám chỉ cả xã hội đang đi ngược quy luật (xin miễn tranh luận rằng nói thế thì đúng hay sai). Vân Khanh nói mình đang đi "dọc sắc lá bàng" các bạn lại cũng bắt bẻ rằng tác giả thấy chỉ riêng mình đi xuôi theo quy luật (các bạn hiểu đi dọc là đi xuôi). Vậy là người ta "đi ngược" hay "đi xuôi" các bạn đều bắt bẻ, chính là vì các bạn chỉ biết đi xuôi theo một quỹ đạo đã cũ mòn, đi ngược với giòng tư duy đổi mới của toàn Đảng, toàn dân hiện nay, chứ chẳng biết ngược xuôi gì cả. "Đi ngược nắng" sao không thể hiểu là đi về phía mặt trời, về phía ánh sáng, hoặc giả chỉ để tả sự vật vả của người đang đi trên "đường bụi" giữa buổi trưa (như đã tỏ rõ trong bài thơ), thế thôi. Còn "đi dọc" thì tôi thấy các nhà văn nhà thơ họ hay "đi dọc" lắm. "Đi dọc những tháng năm", "đi dọc nỗi đau", "đi dọc những biến cố". Ngô Văn Phú thì lại "Đi ngang đồi cọ". Đi dọc, đi ngang, đi xuôi, đi ngược để hiểu cuộc đời, chớ có phải họ "chống đối" ai đâu. Chỉ biết đi xuôi một chiều thôi thì biết được gì?

Về thế – thái – nhân – tình, trong bài thơ "Cảm xúc đi trên đường Nguyễn Trãi" Vân Khanh có một suy tư rõ ràng: trong xã hội hiện nay con người có rất nhiều cái tốt, nhiều cái xấu, nhưng rất phức tạp, không lấy máy móc mà kiểm tra một cách rạch ròi đơn giản được. Nên mới có những tên gian thần vẫn đội lốt chính trực để hại người lương thiện. Một suy tư bình thường và đáng mến như vậy mà các bạn lại kích lên là "không hề có một chút tin tưởng nào đối với cuộc sống, với con người, với xã hội, với chế độ" (!). Tôi chưa

muốn tranh cãi về vấn đề phải biết tin, biết ngờ thế nào cho đúng, nhưng tôi chỉ buồn cười là trong thơ, Vân Khanh đã biết "Im lặng, tự tin trong một ngôi nhà". Chữ "tin" sờ sờ ra đấy mà các bạn dám nhận xét liều rằng tác giả chẳng tin vào cái gì cả. Tự tin ở mình, ở những người thân yêu quanh mình tự tin ở trí tuệ và sức sáng tạo của mình là gốc của niềm tin vào chính nghĩa tất thắng, tin vào một xã hội tốt đẹp... Trong mỗi ngôi nhà đều còn niềm tin thì niềm tin lớn quá rồi còn gì, chứ "bọn gian thần đổi dạng" thì tin vào chúng để mà chết ư?

Hai bạn à, nếu trong tay, ta chỉ có con dao rựa bổ củi thì ta hãy đi bổ củi (vì củi cũng rất có giá trị), chứ đừng leo lên bàn mổ, dùng dao bổ củi để giải phẫu thơ thì đau thơ lắm.

Kể ra trong công tác của hai bạn, việc hiểu về thơ hơn một chút cũng là điều rất cần, nhưng thôi ta hãy tạm cho đó là yêu cầu phụ. Chẳng riêng gì tôi, mà chắc mọi người đều hiểu rằng trong chức năng tuyên huấn và giáo dục của các bạn thì điều không thể thiếu là phải sát với thực tế đời sống và phải thấm nhuần tinh thần cách mạng sâu sắc của cuộc vận động đổi mới lớn lao của Đảng hiện nay. Về cả hai mặt này, bức thư đã cho thấy hai bạn là những ví dụ phản diện khá điển hình. Khi đọc thơ, các bạn đã đưa ra những câu hỏi đầy vẻ kinh ngạc: "Họ đã bị xã hội vùi dập ư, họ bị tước đoạt quyền sống cho lẽ phải ư?" và các bạn khẳng định "*luật pháp luôn luôn* đứng về phía chính nghĩa, *luôn luôn*, bảo vệ và phát huy những phẩm chất tốt đẹp của con người. Không thể có một sự vùi dập, chà đạp lên phẩm giá con người như thế!" Cha mẹ ơi! Thế tôi hỏi các bạn, mọi thứ đã tốt như thế thì Đảng ta bầy đặt ra cái cuộc cải tổ này để làm gì nữa, để "cải" cái gì nữa chứ? Các bạn ở trên trời rơi xuống, hay ở dưới đáy giếng không chịu ngoi lên? Nếu không chợt nhớ hai bạn là người tuyên huấn và giáo dục là lãnh vực mà tôi vẫn kính trọng, thì tôi đã buộc miệng thốt ra cái câu rằng: "Thật là những con vẹt, thuộc bài chủ dạy, nhưng không hiểu tiếng người nên không biết nỗi đau của con người, và không hiểu lời ông bà chủ đang bàn với nhau để dạy nó nói câu khác".

Trong phim "Chuyện tử tế" có một ý rất hay: "... Văn thơ cứ làm như thể trong xã hội ta không còn những người bị oan khiên, vùi dập, như thể họ đã chạy sang thế giới bên kia cả rồi!"

Chẳng biết ở Di Linh có đủ báo chí, điện đài, phim ảnh hay không mà người làm tuyên huấn và giáo dục như các bạn lại thiếu thông tin đến thến. Nhưng có điều chắc là Nghị quyết 05 của Bộ chính trị về công tác Văn hóa văn nghệ thì các bạn phải được nghiên cứu kỹ rồi, và chính tinh thần của Nghị quyết ấy đã thôi thúc tôi viết bức thư ngỏ này.

T.B. Cuối cùng, nhân chuyện thơ, tôi xin gửi kèm đây bài thơ mà một anh bạn tôi mới viết:

## *Thơ Đề Nghị...*

*Mỗi cô gái còn có cách tỏ tình riêng*
*Sao bắt thơ phải nói lời toán học?*
*Anh cán bộ quản lý thơ*
*Bắt từng câu từng chữ bây giờ*
*phải khai hộ khẩu.*
*Chữ này lạ mặt, phải khai tạm trú,*
*Chữ từ đâu, đến để làm gì?*
*Với chủ nhân quan hệ là gì?*
*Nhân danh*
*anh ninh khu vực*
*yêu cầu các tâm hồn*
*hãy mở cửa ra*
*cho kiểm tra*
*hành chính!*
*Còn tim đen người kiểm tra thì được quyền đóng kín.*
*Tối như bưng, chẳng khai báo bao giờ.*
*Và bây giờ,*
*Nhân danh:*
*Kiểm tra!*

**Hà Sĩ Phu**

## *Nhân Đọc Thư Góp Ý Của Biện Duy Tích Và Ngô Thanh Loan*

Phê bình văn học muốn bảo đảm tính nghiêm túc, phải dựa trên một số nguyên tắc tối thiểu sau đây:

1) Phải tôn trọng nội dung của bản văn được phê bình, không bóp méo, xuyên tạc nó. Tuyệt đối không được lấy cớ "ý tại ngôn ngoại" để thêm thắt những điều không có trong bản văn, những điều tác giả không nói, lại càng không thể "suy diễn" một cách bừa bãi.

2) Người phê bình phải khách quan, vô tư, không để cho những tình cảm nhỏ nhen, những thành kiến, định kiến chi phối ngòi bút của mình. Không được phép phê bình theo kiểu "thương nhau củ ấu cũng tròn, ghét nhau quả bồ hòn cũng méo".

3) Phải xóa bỏ thói quen "chụp mũ", "truy lý lịch" văn nghệ sĩ, dù là nhân danh Đảng, nhân danh chủ nghĩa xã hội. Thói quen đó, tàn dư của xã hội cũ và nói chung là của mọi xã hội mất dân chủ, cần phải bị xóa bỏ như một thứ tệ nạn xã hội nguy hiểm không kém nạn xì ke ma túy, cờ bạc, đĩ điếm, say rượu v.v...

Lá thư góp ý của anh Tích và chị Loan, đáng tiếc thay, vi phạm cả ba nguyên tắc nêu trên. Người ta có cảm tưởng rằng *trước khi* nghiên cứu để phê phán hai bài thơ của Thanh Thảo và Đặng Thị Vân Khanh, trong đầu anh Tích và chị Loan đã có sẵn "bản án", và những gì viết ra chỉ nhằm để thuyết minh cho bản án có sẵn đó thôi.

Về mặt lý luận, cái lý lẽ "đáng giá" nhất của lá thư khá dài đó là: những hiện tượng hai nhà thơ nêu lên hoàn toàn không có thật, chúng được dựng lên với ý đồ "phỉ báng xã hội", "bêu giễu chế độ". Với lòng nhiệt tình cách mạng và ý thức cảnh giác sẵn đó, anh Tích và chị Loan đã lên tiếng báo động: Ngày xưa Nguyễn Thái Học (sic) có nói: "Vì thử đường đời bằng phẳng cả. Anh hùng hào kiệt có hơn ai?! Có lẽ Vân Khanh đang mưu đồ "mộng lớn" theo lời trên chăng?"

Để trả lời cho lập luận này, tôi đề nghị anh Tích và chị Loan nên xin phép cơ quan để nghỉ ngơi một thời gian, tìm đọc lại tất cả những nghị quyết của Đảng ra đời từ Đại hội VI đến nay, và hàng loạt bài báo, tác phẩm văn nghệ ra đời trong thời gian gần đây, sau khi có loạt bài "Những việc cần làm ngay" của N. V. L.

Theo tôi có hai tài liệu đáng đọc hơn cả: Một là Nghị quyết của Bộ Chính trị "về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội" (tức NQ.04). Tài liệu này sẽ trả lời câu hỏi của anh chị: "Vậy "bọn gian thần" là những ai mà "vẫn còn đây?" Tài liệu thứ hai, nóng hổi hơn, chính là bài báo "Cái đêm hôm ấy... đêm gì?" của Phùng Gia Lộc, lá thư của ông Đặng Bửu và những ý kiến của bạn đọc góp ý cho ông Bửu; tất cả đều được đăng trên tuần báo Văn nghệ trong những tháng gần đây. Những tài liệu ấy, theo tôi, rất có ích cho anh chị, vì anh Tích là cán bộ tuyên huấn, và chị Loan là giáo viên – nghĩa là những người làm công tác tư tưởng ngay trong một thời kỳ "đổi mới tư duy".

**Mai Dy Linh**

* Langbian ơi! nhờ Hội Văn nghệ Thuận Hải, tôi được đọc Langbian số 1 và số 2. Khen Langbian lắm, dễ thương như Đà Lạt chưa một lần đến – Chỉ may mắn xem trong phim và nghe kể lại thôi...

... Về thư góp ý của hai bạn đọc: Biện Duy Tích và Ngô Thanh Loan ở huyện Di Linh, thật tình khi đọc xong tôi cũng sững sốt, bởi không ngờ rằng: hóa ra chúng ta vẫn còn nhiều công chúng văn học hiểu thơ, cảm thụ về thơ như thế. Cái tốt của hai bạn ấy là đã dám bộc bạch mình và có địa chỉ rõ ràng, (còn sự bộc bạch đúng hay không là chuyện khác), chỉ có điều, qua Langbian, tôi nhờ nhắn với Vân Khanh (và cả anh Thanh Thảo nữa), nếu như cứ nhận xét tới tấp về thơ như thế, tôi xin thành thật "chia... lửa" cùng hai nhà thơ. Ôi! Suy cho cùng, cái lỗi này là do chúng ta chưa có những phương pháp khoa học để nâng cao thị hiếu nghệ thuật, thị hiếu thẩm mỹ của công chúng văn học Langbian ạ. Langbian nghĩ suy thế nào đây?

**Đình Hy**

**(Sở Văn hóa thông tin Thuận Hải)**

*Thư Gửi Hai Bạn Biện Duy Tích và Ngô Thanh Loan*

* Trước hết xin "chia vui" với LANGBIAN, các bạn đã có được một điển hình mà hiếm hoi lắm mới chịu xuất hiện rõ ràng và công khai đến thế; các nhà thơ đã sợ các vị tuyên huấn như thế nào quả không ngoa (lại có khuôn dấu của Ban tuyên huấn huyện ủy nữa chứ!)

... Cuối cùng xin hỏi lại hai vị Biện Duy Tích và Ngô Thanh Loan: hai vì cần gì khi ra mặt phê phán các nhà thơ như thế? Vì nền thơ ư? Các vị có yêu nó và cần quái gì nó đâu! Vì sự trong sáng của xã hội ta ư? Nếu thực sự vì điều đó thì các vị phải ủng hộ các bài thơ ấy chứ! Thế thì vì cái gì? Chỉ có thể trả lời rằng, các vị muốn chứng tỏ ta đây giác ngộ với cấp trên và từ đó "tiến bộ" lên bằng cách đánh các nhà thơ bằng những đòn không thương tiếc. Cầu mong các vị luôn luôn rõ ràng như thế chứ đừng chui vào cái vỏ đổi mới nào!

**Trung Hồ**

**103 Đê La Thành – Hà Nội**

* Là một bạn đọc ít nhiều quan tâm đến văn thơ, tôi đón nhận Langbian ra đời với một niềm tự hào thầm kín. Và niềm mong mỏi chân thành Langbian sẽ lớn lên theo tầm tư tưởng của Đảng, chan hòa trong tình cảm của nhân dân và dân tộc Lâm Đồng và bè bạn gần xa.

Qua Langbian 2, tôi đã đọc thư góp ý của hai bạn đọc Biện Duy Tích và Ngô Thanh Loan. Nội dung thư khiến tôi vô cùng ngạc nhiên là sự hằn học thể hiện rõ nét và xuyên suốt dẫn đến một kết luận suy diễn thật nặng!

Các tác giả đã tự mâu thuẫn với mình khi cho rằng: "*Cái tất yếu xã hội* của đất nước ta hiện nay là còn lẫn lộn giữa kẻ xấu và người tốt. Làm sao tránh khỏi kẻ xấu lợi dụng len lỏi vào người tốt để phá hoại công cuộc xây dựng của chúng ta!" Hình như ở đây có khá nhiều tính bi quan lẫn thái độ bàng quan. Và như thế nào là "tất yếu". Phải chăng toàn Đảng toàn dân đang đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, chống bệnh quan liêu, chống cá nhân chủ nghĩa là chống cái "tất yếu" này chăng?!

"Tất yếu xã hội" hay "tồn tại xã hội" các thuật ngữ triết học này có nên lẫn lộn như thế được sao?!

Và khi đã nhận định về cái "tồn tại xã hội" như thế này thì có gì lạ khi những người chân chính, trung thực bị kẻ *xấu* dưới bóng ô dừa, mang lớp vỏ *tốt* chèn ép, vùi dập. Chúng ta đã biết "Vụ án cây cao su kêu cứu" thì nhưng cây thông kêu chứ không phải là "gào, thét, kêu cứu" có gì là "hoang mang, dao động cực độ!"

Khi còn học trung học tôi đã được học hai câu:

*"Ví phẳng đường đời bằng phẳng cả*
*Anh hùng hào kiệt có hơn ai?!"*

Là của Phan Bội Châu, không biết thế nào đã được các tác giả ghép cho Nguyễn Thái Học – lãnh tụ Việt Nam Quốc dân đảng với khởi nghĩa Yên Bái 1929 – 1930 để suy diễn Đặng Thị Vân Khanh có "mưu đồ, mộng lớn!"

Tôi là một công nhân nông nghiệp, chưa được hân hạnh quen biết nhà thơ Thanh Thảo mặc dù khá yêu thơ anh, cũng chưa hề quen biết Đặng Thị Vân Khanh và các tác giả thư góp ý. Tuy nhiên trung thực với suy nghĩ của mình, tôi mạnh dạn tham gia một số ý thô thiển và cũng mong nhận được sự góp ý.

**Kính chúc Ban biên tập Langbian và các anh chị khỏe và mạnh.**

**Hoàng Bình**

**29B Phan Bội Châu – Đà Lạt**

* Tình cờ, tôi được đọc số 2 Langbian của Ban vận động Hội văn nghệ Lâm Đồng do một ông chú đi công tác ở Bảo Lộc mang về thành phố Hồ Chí Minh cho nên các số báo sau có thể sẽ không đến tay tôi được nhưng dù sao tôi cũng xin được góp vài ý kiến của mình với Langbian và hai độc giả Biện Duy Tích – Ngô Thanh Loan.

...Dám nhìn nhận khía cạnh chưa tốt của xã hội không phải là "chà đạp lên những tốt đẹp của xã hội, trái lại nó còn làm cho xã hội đẹp hơn lên". Làm sao có thể "chà đạp" được khi mà những cái đẹp của cuộc sống đã là "chân lý", chân lý là bó đuốc, đêm càng tối càng trông tỏ nó hơn.

Trong bài: "Cảm xúc đi trên đường Nguyễn Trãi" của Vân Khanh, hai bạn có hỏi: "Bọn gian thần đổi dạng" là những ai mà "vẫn còn đây", tôi cho rằng câu hỏi mà hai bạn đặt ra hơi thừa. Hai bạn đã khuyên nhà thơ được một câu "Nên cảnh giác với chính mình để kịp thời dừng bước trước những *cạm bẫy phía trước*" Vậy thì những kẻ làm những "cạm bẫy" đó là ai, nếu không phải là bọn gian thần đổi dạng?

Điều cuối cùng tôi muốn nói ở đây:

Trên đời này có rất nhiều người chỉ biết làm tốt mà không hề biết nói tốt cho mình, nhưng cũng không ít những kẻ chỉ biết nói khéo mà làm lại chẳng ra gì cả, tức là chúng ta không có trong tay chiếc máy tinh vi để đo "chất người" trong từng cơ thể sống. Tôi chúc tập san ngày một cao mãi trong lòng người đọc như đỉnh Langbian ngày một thêm cao, chúc cho hai bạn Tích – Loan cùng với các độc giả (có cả tôi nữa) sẽ không gặp phải những "kẻ lắm mồm" luôn tìm cách để "đốn" sự đi lên của người khác.

**Dương Thị Kim Loan**
**Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh**

* ...Chúng tôi đề nghị hai bạn Tích, Loan nên đọc lại bài thơ "Cảm xúc...". Đúng thật là bài thơ đầy "cảm xúc". Hai nhà phê bình cho rằng điểm thống nhất trong bài thơ của "Cảm xúc..." của Vân Khanh là không hề có một chút tin tưởng nào đối với cuộc sống, con người, phủ nhận tất cả... thì thật quá ư là vô lý. nếu không tin yêu cuộc sống, tin yêu con người làm sao có thể nói lên được một câu:

"Có gì thiêng liêng như cuộc sống con người".

Chỉ có những người yêu cuộc sống như thế mới thấy rằng trên đời luôn luôn phải đấu tranh cho những chân lý, công bằng, sự thật. Vì trên đời này

vẫn còn, chưa hết những con người nhỏ nhen, ti tiện, ham danh, ích kỷ, nói chung mọi thói hư tật xấu đồng thời kể cả... bảo thủ.

Đúng chắc họ, "các nhà khoa học" quên hoặc không thể nghĩ ra:

Loại máy tính, máy đo "chất" người chuẩn xác, nếu họ sáng chế ra được chiếc máy như vậy, thì hay biết mấy nhỉ? Lúc ấy chúng ta đỡ khổ biết bao nhiêu vì cái bọn biến chất, thoái hóa, trá hình, ngoài miệng thì thương giống thương nòi, trong bụng thì chỉ thương tiền, thương chiếc "ghế".

Thậm chí nếu có chiếc "máy đo chất người chuẩn xác" thì ta còn phát hiện được bọn "đổi mới ngoài miệng".

**Nguyễn Văn Toàn**
**Lạc Viên, Đơn Dương**

* Các bạn Biện Duy Tích và Ngô Thanh Loan,

Cầm bút viết thư này cho các bạn, tôi đành viết thư ngỏ quan Langbian, vì băn khoăn không biết là sau bài góp ý của các bạn về thơ... (?) đăng trên Langbian số 2, không biết các bạn có còn đủ tư cách tiếp tục ngồi lại trên các vị trí công tác ấy không?

Thật tình tôi không giận gì các bạn mà chỉ buồn nhiều. Buồn về sự ấu trĩ đến khờ khạo, sự cố chấp đến ngây thơ và nói các bạn đừng giận... cả về mặt trí thức tưởng như "bác học" mà hóa ra vô cùng khiên cưỡng, chắp vá và nghèo nàn qua những gì các bạn đã viết trong bức thư góp ý được công bố ấy.

Và, tôi lo! Lo vì bài báo ấy lại là của một cán bộ tuyên huấn và của một nhà giáo. Sao thế các bạn? Chẳng lẽ lại phải trở lại những khái niệm về thơ ca, về văn học nghệ thuật, về sự sáng tạo và cảm thụ hay sao. Khi mà, những vấn đề ấy, về cơ bản tối thiểu, Đảng và nhân dân ta đã có những nhất trí gần như chuẩn mực và rõ ràng. Và thật sự những suy nghĩ đánh giá như các bạn đối với một tác phẩm văn học thật là lạc lõng, xa lạ!

**Xin chân tình chúc hai bạn sức khỏe và chuẩn mực hơn.**

**Đà Lạt, 15/3/1988**
**Nguyễn Lương Tâm**
**(Cán bộ hưu trí phường 9 – Đà Lạt.)**

* ... Về kết luận cho rằng "ba bài thơ của Vân Khanh đã ảnh hưởng không tốt đến việc tuyên truyền, giáo dục đường lối cách mạng của Đảng", hẳn có nhiều vấn đề cần phải tranh cãi trong phương pháp tư tưởng, trong nội dung tuyên truyền, và nhất là về thái độ tôn trọng sự thật, tôn trọng các tầng lớp nhân dân. Nhân đây xin hỏi: Là người tốt, sao anh lại khó chịu, khi nghe cây thông – cả thông – người lẫn thông thật – nói lời ngay thật? Là người Đà Lạt, tôi biết hơn ai hết, cũng đã đến lúc cây thông (thông thật) phải rủ nhau ào thật sự vào Tỉnh ủy. Rừng chết dần, mà thông đứng trơ trơ mãi được sao?

Về thông – người, không phải không có nhiều điều đáng nói. Đối với anh Biện Duy Tích, một cán bộ tuyên huấn – người gác cổng cho công tác tư tưởng chính trị của Đảng – tôi muốn đề cập đến một vài khía cạnh của tình hình hiện nay có liên quan đến sự nghiệp xây dựng con người mới Xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Tôi đề nghị, với chức trách của mình, anh nên lên tiếng, không phải về những bài thơ của Vân Khanh – hay của những người như Vân Khanh, mà về những thứ nọc độc văn hóa: những Doctor No, những Khổng Minh Gia Cát Lượng, Võ Tắc Thiên, những phim tình nhảm nhí của Hồng Kông, những thứ truyện tình, trinh thám linh tinh tràn ngập thị trường, về người "anh hùng mũ đỏ tên Đương" đang được dựng dậy ở nhiều tiệm ăn, quán xá, và tất nhiên, cả về những bọn con buôn núp dưới chữ kinh doanh Xã hội Chủ nghĩa để... kinh doanh tất cả các thứ trên, về các nhãn rượu, thuốc lá bầy bán ê hề, về bọn nuôi dưỡng xì ke, đĩ điếm đang ăn ruỗng cơ thể xã hội ta.

**Đà Lạt, tháng 4 – 88**

**Nguyễn Hữu Cầu**

**Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN thành phố Đà Lạt.**

## *Sự Thật Ơi...*

Thân mến tặng Vân Khanh, Thanh Thảo

### I

*Sự thật ơi,*
*Em là con chim nhỏ lạ đường bay*
*Thiên hạ thi nhau nhắm bắn*
*Ôi những giọt máu lăn dài*
*Tôi xin đem trái tim để thấm.*

*Em mang mũi tên bay khắp biển trời*
*Vạch trong không gian những lằn tứa máu*
*Giọt máu em – Những bông hoa rắc xuống cuộc đời*
*Mặc sự man trá đang dũa mòn tiếng nói.*

### II

*Sự thật ơi,*
*Còn bao điều tôi không thể nói ra*
*Bởi ngôn ngữ trần gian chừng như xa lạ*
*Chừng như đã bị bôi đen bởi lòng man trá*
*Bên em – tôi trở thành một tên câm*
*Nhưng trái tim ràn rụa những âm thanh...*

Đức Trọng, tháng 3–88

Nguyễn Thân Văn

# vài nét về đại hội nhà văn lần thứ IV và những bài tham luận đã đọc trong đại hội



*Hoàng Khởi Phong*

Trước khi đi vào các bài tham luận này, thiết tưởng chúng ta cũng lướt qua vài nét về tổ chức của hội nhà văn ở trong nước. Khác hẳn với Văn bút Hải ngoại, hậu thân của Văn bút Việt nam, hội của các nhà văn miền Nam trước kia, là một tổ chức do các nhà văn thành lập và hoạt động trực tiếp với hội Văn bút Quốc tế.

Hội nhà văn ở trong nước thì ngược lại hoàn toàn, đằng sau cái tên có vẻ hiền lành vô hại này, đây là một tổ chức của Đảng, hầu hết các hội viên tất nhiên là đảng viên của đảng Cộng sản và ăn lương của nhà nước. Nói một cách khác đó là bộ máy tuyên truyền, cho đảng, cho chế độ và cho chủ nghĩa xã hội, do đó mọi sản phẩm của các hội viên này, bên cạnh những tác phẩm có chất văn chương thuần túy (con số tác phẩm này rất ít bởi dầu sao họ cũng là... nhà văn, nhà thơ) hầu như tất cả mọi sáng tác văn, thơ, nhạc, kịch v.v... đều phải đi đúng đường lối, chỉ thị bởi vì họ là... đảng viên. Trong giai đoạn chiến tranh vừa qua con người... nhà văn của họ bị con người... đảng viên lấn áp, vả lại họ cũng không có cơ hội để nhìn xa, trông rộng, không có cái đích khác để so sánh với cái đích họ có sẵn trong tay. Cái đích "chiến thắng" này sau mười lăm năm mỗi ngày mỗi rõ nét hơn, họ có thời gian hơn để suy nghĩ, quan sát và so sánh "chế độ" tiến mạnh lên... xã hội chủ nghĩa, họ có dịp thấy đời sống chung quanh thay đổi và do đó con người nhà văn mỗi ngày mỗi lớn hơn để chống lại với sự trấn áp của con người đảng viên nơi chính họ. Trước kia họ chặt chẽ bao nhiêu, thì bây giờ cái nền chặt chẽ đó giống như tảng

băng bắt đầu bị nhiệt độ làm lỏng, cái nhiệt độ không phải do thời tiết bên ngoài mà chính là cái nhiệt tâm nhà văn trong lòng mỗi người bị nung nấu bởi những điều mắt thấy tai nghe hằng ngày.

Đại hội Nhà văn lần thứ IV được triệu tập vào thời điểm đặc biệt này, thời điểm giao động của mọi hội viên, có những hội viên mà con người nhà văn đã chết cứng, đã hóa đá để chỉ còn là đảng viên thuần túy, phải bảo vệ đảng, bảo vệ chế độ cho dù có sai lầm tới đâu chăng nữa. Đó là những tảng đá vô tri chắn ngang trên con đường thức tỉnh của nhiều hội viên khác, nơi những hội viên này, con người nhà văn bắt đầu cựa quậy, bắt đầu chống trả sự trấn áp của con người đảng viên. Đã có một số đông con người đảng viên thả lỏng hoàn toàn con người nhà văn, hay khác hơn đã xuất hiện tiếng nói của "nhà văn" chân chính trong thời điểm này. Tất nhiên đảng phải can thiệp ngay lập tức, trong ba năm vừa qua, những tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo, Nhật Tuấn, Phạm Thị Hoài, Nguyễn Duy, Nguyễn Hồi Thủ, Lưu Quang Vũ, Trần văn Thủy... và còn nhiều tên tuổi nữa bật lên như những cái lò xo bị ép đột nhiên mất sức ép, những danh tính vừa kể đối với quần chúng là những ngôi sao xuất hiện rực rỡ trong bầu trời đêm, tất nhiên với đảng và nhà nước thì những con ngựa bướng bỉnh này không thể dung túng được, một loạt những biện pháp trấn áp được tung ra, người thì bị khai trừ khỏi đảng, bị khai trừ khỏi hội Nhà văn, kẻ thì mất chức, kẻ thì trốn lánh. Tất nhiên cái chết tai nạn xe cộ của vợ chồng kịch tác gia Lưu Quang Vũ và nhà thơ Xuân Quỳnh có thể được đặt thành nghi vấn. Tôi không nói là Lưu Quang Vũ bị ám sát, nhưng tôi nghi ngờ cái chết này có thể có nhiều bí ẩn.

Đại hội Nhà văn kỳ IV được chuẩn bị từ đầu năm 1989, mãi tới cuối năm mới vào hội vì không thể kéo dài sự chờ đợi lâu hơn nữa, dầu những dàn xếp công khai hay ngấm ngầm, sự can thiệp của đảng có kết quả hay không cũng mặc, vì càng kéo dài sự chờ đợi này, sức nổ của nồi súp de càng mạnh, do đó Đại hội Nhà văn đã chính thức khai mạc với ba trăm chín mươi sáu nhà văn tham dự.

Trở lại với kỳ họp của hội nhà văn ở trong nước, chưa kịp ngồi xuống đã thấy lù lù sáu ông thật bự chẳng dính líu gì đến văn chương cả, mà chức của các vị này toàn dính tới chính trị với an ninh:

– Đỗ Mười, ủy viên bộ chính trị, chủ tịch hội đồng bộ trưởng.

– Lê Đức Thọ, cố vấn ban chấp hành trung ương đảng.

– Trần Trọng Tân, ủy viên trung ương đảng trực tiếp chỉ đạo và theo dõi đại hội.

– Nguyễn Đức Tân, ủy viên bộ chính trị.

– Đào Duy Tùng, ủy viên bộ chính trị.

– Dương Thông, trung tướng tổng cục an ninh.

Tất nhiên có mặt các vị này thì trước khi họp phải học tập nghị quyết 7 của ban chấp hành trung ương đảng, rồi tổng kết học tập, rồi đả thông tư tưởng, nội những vụ này kéo dài năm ngày đầu của đại hội, cốt để làm mờ nhạt những thao thức trong con người nhà văn, cốt phủ đầu những con ngựa bướng bỉnh, cốt đè bẹp những tiếng nói bất khuất và sau cùng làm yên lòng những con người đảng viên thuần túy, tráng thêm một lớp đá vôi lên những tấm lòng "nhà văn" đã hóa thạch này.

Có tới năm ngày dài quần quật học tập, rồi tổng kết học tập, rồi đả thông tư tưởng như thế, Lê Đức Thọ yên tâm đóng vai trò nhân ái của lãnh tụ, không thèm bắt tay Nguyễn Đình Thi, Trần Bạch Đằng mà sà ngay vào nhà thơ nữ Ý Nhi và gợi ý nên để ban chấp hành mới bầu tổng thư ký, không nên để đại hội bầu trực tiếp lôi thôi phiền phức lắm, đã được Ý Nhi trả lời rõ ràng: Đại hội đã quyết định bầu trực tiếp chức tổng thư ký. Tất nhiên có tới ba trăm chín mươi sáu nhà văn, phần lớn có đảng tịch, không phải chỉ một tiếng "cởi trói" của ông Nguyễn văn Linh là đã khôi phục được ngay ba trăm chín mươi sáu nhà văn, những Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo, Trần văn Thủy... đã gìn giữ, nuôi nấng cái phần nhà văn của họ trong trăm cay, nghìn đắng. Những nhà văn chân chính đó không thể mãi mãi cúi đầu với những con ngựa đã thuần của đảng, chắc chắn con số những nhà văn mà tính... đảng nhiều hơn tính... văn đó vẫn còn đông hơn nhiều, chắc chắn ban chấp hành mới sẽ chọn được một đại diện tốt của... đảng và qua đại diện này những chỉ thị, những nghị quyết sẽ tới tay các hội viên ào ạt. Những nhà văn đã đứng dậy, coi thể thức bầu cử của đại hội nhà văn và nhất là chức vụ tổng thư ký của hội như là một trận đánh mở màn giữa những nhà văn có tấm lòng thiết tha đổi mới với những tấm lòng đã khép lại, đã hóa thạch của các đảng viên thuần túy. Những nhà văn thắng trận mở màn này, chẳng những đã bầu trực tiếp chức tổng thư ký, họ còn khước từ một danh sách ba mươi người đã được cấp trên hay khác đi đã được đảng chọn lựa từ trước để bầu một ban chấp hành cũng có... ba mươi người hay tối thiểu cũng phải từ hai mươi tới hai mươi lăm người. Ban chấp hành mới vỏn vẹn có chín người hội đủ điều kiện nghĩa là quá bán con số phiếu hợp lệ.

Có một điểm đáng lưu ý trong việc bầu cử của đại hội nhà văn kỳ IV này là sau khi khước từ cái danh sách đề nghị có sẵn ba mươi người, là danh sách đề cử lúc đầu lên hai trăm ba mươi lăm người, sau một số rút tên vẫn còn lại tới một trăm mười người được đại hội đề cử so với mười người ứng cử trên tổng số ba trăm chín mươi sáu nhà văn, và con số phiếu hợp lệ là ba trăm năm mươi hai phiếu. Qua hai đợt bầu, đợt đầu chỉ có sáu người hội đủ điều

kiện đắc cử, bầu lại lần thứ hai chỉ có thêm ba người nữa đắc cử. Cũng nên nhắc đến ba nhân vật do ban chỉ đạo đưa ra đều thất cử. (Đọc bản tin tổng hợp về Đại hội trong phần văn liệu).

Nếu các kỳ họp của Văn bút Hải ngoại là một dịp gặp gỡ các nhà văn lưu vong, những người tham dự đến để gặp mặt các bạn cũ để hàn huyên, để có thêm bạn mới, giờ này còn cầm bút đã đủ nói lên tấm lòng của mình, bởi vì trước mắt chúng ta, dường như ít có vấn đề lớn, chúng ta không bị trấn áp bắt phải viết điều này, điều nọ, ca tụng việc này, đả kích việc khác. Viết là do lòng yêu chuộng văn chương của mỗi chúng ta, còn viết gì thì cũng do chúng ta chọn lựa.

Những nhà văn trong nước ở một thế khác. Hoặc là họ có sẵn con đường do đảng vạch sẵn, hoặc là phải đi ra ngoài con đường này, có khi phải đi ngược lại hẳn con đường có sẵn đó, họ có quá nhiều vấn đề trước mặt. Đối với đất nước mỗi ngày mỗi kiệt quệ, dân chúng mỗi ngày mỗi đói khổ, rồi kinh tế, rồi đổi mới, rồi phong trào dân chủ của Nga, Đông Âu, rồi đổ máu ở Thiên An Môn, đối với bản thân nhà văn, nào là đổi mới tư duy, nào là "cởi trói". Trong bối cảnh đó hầu như mọi người đều muốn phát biểu. Nếu những nhà văn đã thắng trong trận mở màn về thể thức bầu cử, thì trận thư hùng chính là những quan điểm được phát biểu trực tiếp trong nghị trường. Những thao thức suy tư đó đã được gói ghém kỹ lưỡng trong các bài tham luận, không có vụ ứng khẩu phát biểu ý kiến, do đó tới hơn một trăm bài tham luận ghi danh phát biểu, và có ba mươi mốt bài được đọc trước đại hội. Như đã trình bầy ở trên, không phải chỉ một tiếng nói "cởi trói" của Nguyễn văn Linh có thể phục hồi ngay được những nhà văn chân chính, do đó bên cạnh con số khiêm nhường của những nhà văn đã đứng dậy, phe bảo thủ nhiều hơn và nhiều nhất là những người còn phân vân giữa hai ngã đường, những người này đã ý thức được sự sống còn của vấn đề tư duy, nhưng còn ớn lạnh về vụ Nhân văn Giai phẩm, còn bàng hoàng trước những tác phẩm cỡ Vàng Lửa, Không Có Vua, Những Thiên Đường Mù, Về Nơi Hoang Dã, Ly Thân, Chuyện Tử Tế v.v... Nếu để tất cả mọi tham luận được đọc e rằng sẽ có hàng loạt những lò xo được bung ra, hàng trăm những mũi nhọn sẽ ló ra khỏi túi, nên chỉ có ba mươi mốt bài được đọc, không biết ba mươi mốt bài này có bao nhiêu bài được viết bởi các tấm lòng hóa đá, chỉ biết rằng Dương Thu Hương ghi danh phát biểu thứ bốn mươi, nhưng Nguyễn Đình Thi và phe bảo thủ đẩy xuống thứ một trăm mười lăm và Dương Thu Hương Đã chỉ thẳng mặt Nguyễn Đình Thi mà quát lên:

*"Anh là tên đê tiện, tôi ở thứ bốn mươi tại sao anh đẩy xuống thứ một trăm mười lăm, không cho tôi phát biểu, tôi không để yên đâu".*

Tôi tưởng ra một phụ nữ nhỏ bé, trước đại hội mà trong đó có tới sáu vị quyền uy lệch nước ngồi dự khán đã không dập tắt được phút khao sự thật, đã không cản nổi tiếng nói chân chính của nhà văn. Tôi hình dung ra cái can đảm của người thanh niên Trung hoa, trước họng súng đại bác và cỗ xe tăng đồ sộ ở Thiên An Môn, không một ai có thể nghi ngờ lòng can đảm của con người này, cả thế giới biết đến hình ảnh này, trên tivi nhưng sau đó anh ta biến vào trong đám đông của cả triệu con người phẫn nộ. Có một cái gì xót xa nơi tôi, với hình ảnh và tên tuổi của nhà văn Dương Thu Hương mà cả nước đã biết tới, chị không có một đám đông nào để lẩn vào trong đó, chị có cả một con đường thật dài trước mặt và bên vệ đường này đầy dẫy những con người với tấm lòng hóa thạch rình mò mọi sơ hở. Và do đó tôi vô cùng bất bình cũng như phẫn nộ trước những phát biểu của những tấm lòng đá tảng ngàn cân ở phía bên này, nhìn những tác phẩm đã nêu ở trên, nhìn những bài tham luận đó như là "phản kháng giả", một chiến thuật, một vở kịch do Cộng sản dàn cảnh. Tất nhiên chúng ta cũng đã từng là nạn nhân của nhiều vở kịch, nhưng ngay lúc này đây tôi nhìn những nhà văn đích thực viết hoa trong nước bằng tấm lòng cảm phục của tôi, cho dù vài năm nữa, vài tháng nữa nếu những nhà văn này quay lưng lại với những điều họ đã phát biểu, hay khác đi nếu giả dụ những vở kịch này có thật, đó là việc của những ngày chưa tới ai mà biết được. Tôi chỉ biết, ngay lúc này đây, khi cả nước gập xuống vì đau khổ, vì nghèo đói, không một ai dám nói lên sự thật, không một ai dám ngẩng mặt lắc đầu nói không, toàn chỉ cúi mặt xuống và lí nhí vâng dạ, và ở bên này bờ an toàn chúng ta dè bỉu nói là diễn tuồng đổi mới, tôi thấy một chút bất nhân bất nhẫn ở trong lòng.

Trở lại về bài tham luận của Dương Thu Hương, phía những nhà văn đích thực đã dàn xếp để chị có thể dõng dạc lên tiếng trong đại hội, và chúng ta mới có dịp đọc bài tham luận này. Chị đã nói gì trong bài tham luận đó, tôi đã đọc thật kỹ cái thông điệp của chị và đã suy nghĩ rất nhiều đêm những dòng chữ xuất hiện phát tự trái tim nồng nàn, ấp ủ những tin yêu, trong mai hậu và ray rứt trong hiện tại:

"*Biết bao người trong thời đại chúng ta đã đi ra pháp trường để chỉ chiến đấu cho một lý tưởng, nhưng nếu không cẩn thận những thế hệ mai sau sẽ đưa những lý tưởng ấy ra trường bắn*".

"*Ngày nay kẻ nào dùng bạo lực là kẻ yếu. Ai thương yêu con người hơn, tử tế với con người hơn, kẻ đó sẽ thắng*".

"*Không ai sống mãi để giữ một nền chuyên chế*".

Tôi muốn nhắc đến bài tham luận của nhà văn Bửu Tiến, ông là một người cầm bút lớn tuổi, trong vụ Nhân văn Giai phẩm ông đứng về phía đảng, để sau đó ân hận không ngừng nghỉ suốt ba mươi năm, rồi sau Nhân văn xẩy

ra vụ "Xét lại" ông cũng là nạn nhân tuy chỉ bị nhẹ thôi những nỗi ám ảnh không rời suốt hai mươi lăm năm, ông đã nói gì trong tham luận của ông:

"*Người bàn với các bạn về dân chủ hôm nay cũng đã tham gia "đấu" nhóm Nhân văn Giai phẩm, góp một tiếng nhỏ của một kẻ "đánh hôi" vào số phận điêu đứng của một anh em cùng nghề. Xót xa trên tất cả là đã đánh vào tự do, dân chủ vì mơ hồ về cái đuôi tư sản của nó mà quên bẵng đi cái "giá trị tự thân của tự do", giấc mơ ngàn đời của nhân loại và bản thân. Tự mình đánh vào mình: Ân hận đó dày vò suốt ba mươi năm trời. Thời gian không thể xóa nhòa! Chỉ đành "mang xuống truyền đài không tan" mà thôi*".

Ông tự nói chưa chắc đã được thấy sự đổi mới thật sự vì ông đã quá già, ông chỉ gởi lại những lời chúc và chân thành nhất là lời xin lỗi nhóm Nhân văn Giai phẩm:

"*Xin lỗi anh em Nhân văn Giai phẩm và trừu tượng hơn, xin tạ tội với tự do, dân chủ, giấc mơ ngàn đời của nhân loại và bản thân*".

Tôi cũng muốn nhắc tới bài tham luận của nhà thơ Thu Bồn. Thu Bồn đến với tôi vài năm về trước, trong một giai thoại khá vui có liên quan đến nhà thơ Bùi Giáng của miền Nam. Giai thoại đó kể rằng trong một dịp gặp gỡ giữa những cây bút cả hai miền Nam, Bắc nhà thơ Thu Bồn đã được đề cao quá cỡ, ông được ve vuốt rất kỹ bởi những người văn nghệ miền Bắc và đặc biệt là cô Thu Ba, một nghệ sĩ khá nổi tiếng. Để chứng minh cho tình Nam Bắc tốt đẹp ít nhất giữa những người cầm bút, người ta đề nghị Bùi Giáng ứng khẩu cho vài câu, nhà thơ của miền Nam đã không ngần ngại hạ hai câu trời giáng:

*Thu Ba ca tụng Thu Bồn*
*Thu Bồn thích chí sờ... vai Thu Ba*

Tôi tưởng ra cái cảnh hiu hiu tự đắc của Thu Bồn, rồi nghĩ đến quang cảnh đám đông dẫu có sợ hãi vu vơ cũng không thể nhịn cười vì hai câu thơ của thi sĩ miền Nam, do đó tôi có đôi chút ác cảm với nhà văn Thu Bồn dẫu tôi chưa bao giờ đọc của anh một dòng chữ. Nhưng bài tham luận ngắn và gọn như một lưỡi dao của anh đọc trong đại hội đã làm tôi nghĩ lại, tôi tự thẹn cho tôi đã không nghĩ đến hoàn cảnh mà Thu Bồn cũng như tất cả những người cầm bút còn ở trong nước. Lòng yêu Bùi Giáng nơi tôi vẫn không có gì thay đổi và có lẽ càng ngày càng tăng, nhưng đồng thời cái khó chịu bâng quơ, vu vơ đối với Thu Bồn không còn nữa, tôi bắt đầu hiểu hơn về nhà văn Thu Bồn, anh tuy chưa có tác phẩm phản kháng dữ dội như một số những nhà văn đã nêu ở trên, song với tấm lòng ngùn ngụt đó, với sự tỉnh thức của trái tim, của khối óc đó, tôi tin rằng tác phẩm chỉ là vấn đề thời gian. Đúng vậy, khi anh đã không còn sợ, đã dám lắc đầu, đã dám nói thẳng trước

đại hội cái tiến trình của con người trong xã hội chủ nghĩa bằng một câu ngắn ngủi:

*"Sau thời đại đồ đá là thời đại đồ đồng và sau thời đại đồ đồng là thời đại đồ đểu".*

Tôi cũng muốn lướt qua những bài tham luận khác, chỉ sợ rằng những lời viết của tôi đã không nói được gì, chỉ làm cản trở tấm lòng của người đọc không đến thẳng được những nhà văn trong nước. Trích đăng những bài tham luận dưới đây là cách hay nhất để quý vị đi thẳng vào không khí đại hội nhà văn ở trong nước, cũng như trực tiếp thấy rõ những khó khăn, những nguy hiểm của những người cầm bút muốn dùng ngòi bút của mình, tác phẩm của mình để thay đổi tận cội rễ một chế độ lúc nào cũng dùng nhân dân như một tấm bình phong để che đậy những sai lầm, những tàn ác, những bất công, những đọa đầy, những nghèo đói v.v... mà chính nhân dân chứ không phải những "đầy tớ của nhân dân"* đang gánh chịu. Và sau cùng, tôi gởi lời cầu chúc tốt đẹp nhất và lời cám ơn chân thành nhất của tôi đến tất cả những nhà văn đang oằn người gánh chịu sức nặng trấn áp của chế độ nơi quê nhà.

# tin tức về đại hội nhà văn việt nam (từ ngày 23 đến 31-10-1989 tại hội trường ba đình hà nội)



*Nguyễn Đắc Xuân*

*Phan Vũ*

*Thu Bồn*

(Tổng hợp tin tức các báo. đài và tự thuật của các nhà văn Thu Bồn, Nguyễn Đắc Xuân, Phan Vũ ngày 9–12–1989 tại Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến Cũ).

*I. Đặc Điểm Tình Hình.*

Lần đầu tiên, cũng như đại hội các nhà báo trước đó, đại hội nhà văn được tổ chức tại hội trường Ba Đình (Hà Nội), nơi trang trọng nhứt cả nước, từ trước chỉ dành cho các cuộc họp của Ban Chấp Hành trung ương đảng và quốc hội.

Cũng như đại hội nhà báo, lần này đại hội nhà văn có sự tham dự của 6 uỷ viên bộ chính trị, năm ủy viên trung ương đảng và khác đại hội nhà báo, có thêm sự tham dự của cả cố vấn ban chấp hành trung ương đảng Lê Đức Thọ.

Trực tiếp chỉ đạo đại hội và theo dõi suốt đại hội có ủy viên bộ chính trị phụ trách trưởng ban tổ chức trung ương đảng Nguyễn Đức Tâm, ủy viên bộ

chính trị phụ trách công tác tư tưởng Đào Duy Tùng và ủy viên trung ương đảng phục trách trưởng ban văn hóa tư tưởng Trần Trọng Tân.

Cũng như đại hội nhà báo, trung ương chỉ đạo chặt chẽ từ bố trí chủ tọa đoàn đại hội đến danh sách ban chấp hành bầu tổng thư ký hội nhà văn sẽ được bầu, cả việc hướng dẫn để ban chấp hành bầu tổng thư ký hội, không để đại hội trực tiếp bầu.

Suốt thời gian đại hội, đã diễn ra cuộc tranh đấu quyết liệt giữa hai lực lượng nhà văn: bảo thủ và tiến bộ và sự phản đối mạnh mẽ có hiệu qủa của lực lượmg nhà văn tiến bộ đối với mọi sự áp đặt phản dân chủ, thậm chí cả sự chụp mũ.

Cuối cùng, các nhà văn tiến bộ đã thực hiện được một đại hội thật sự dân chủ, phản ánh đuợc những tiếng nói trung thực xây dựng một nền văn học nghệ thuật theo tinh thần nghị quyết của đại hội đảng lần thứ 6.

## *II. Diễn Tiến Đại Hội.*

### A. Căng thẳng ngay từ đầu.

Đại hội nhà văn đã được chuẩn bị từ đầu năm 1989, nhưng vì sự đấu tranh giữa hai lực lượng tiến bộ và bảo thủ đã phải mấy lần hoãn lại và kéo dài đến ngày 23–10–1989 mới khai mạc.

Đại hội nhà văn dự kiến từ 23 đến 30–10–1989, nhưng phải kéo dài đến ngày 31–10–1989, dù thực tế đại hội chỉ đi vào thực chất chuyên môn có 3 ngày.

Ba ngày đầu đại hội phải học nghị quyết 7 của ban chấp hành trung ương đảng. Rồi tổng kết học tập, rồi đả thông tư tưởng mãi đến ngày 28–10–1989 mới thật sự tiến hành đại hội.

Trong thời gian học tập nghị quyết 7, lực lượng nhà văn tiến bộ tuy có những vấn đề cần tranh luận về nghị quyết này, nhưng tất cả đều im lặng cho qua, chờ đại hội chánh thức.

Đại hội chánh thức mới diễn ra một ngày 28–10–1989 thì cơ quan chỉ đạo cho tạm ngưng để mở cuộc họp riêng các đảng viên trọn ngày 29–10–1989. Số đảng viên chiếm 3/4 tổng số khoảng 400 đại biểu.

Không khí căng thẳng ngay từ đầu đại hội qua hai sự kiện đặc biệt:

1. Trung tướng Dương Thông (tổng cục an ninh) đến đại hội nêu vấn đề: có nhà văn nhận tiền của nước ngoài làm việc bất chính.

Một nhà văn hỏi ngay: "Nhà văn ấy là ai, yêu cầu nói rõ họ tên, địa chỉ và tiền đó dùng làm gì? Cần phải công khai, kẻo anh chị em nhà văn tại đại hội này hiểu lầm, nghi kỵ nhau".

Câu hỏi này cho đến nay chưa được trả lời.

2. Nhà văn Hoàng Châu Ký phát biểu: "Tôi vừa mới nhận được một danh sách có ba mươi người (giơ cao lên cho mọi người trông thấy) trong đó gợi ý bầu ban chấp hành theo danh sách này. Trong danh sách đó có tên con gái tôi là Ý Nhi (được đại hội bầu vào chủ tọa đoàn). Tôi yêu cầu làm rõ vấn đề. Quyền bầu ban chấp hành là của đại hội. Tại sao lại có danh sách gợi ý trước? Như vậy là truất quyền của đại hội à?".

Đại hội xôn xao, nhiều ý kiến (đa số là đại biểu thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam) cho rằng nếu bị áp đặt như vậy thì bỏ đại hội đi bộ về, không họp nữa.

Nhà văn Nguyễn Khải, phó tổng thư ký hội nhà văn đứng lên thanh minh: "Tôi xin thay mặt ban thơ ký tuyên bố rằng danh sách đó không phải do chúng tôi đưa ra. Chúng tôi không ngu xuẩn, dại dột làm như vậy...".

Nhà văn Hoàng Châu Ký liền nói: "Vậy yêu cầu cơ quan có thẩm quyền làm rõ ấn đề ai là người đề xướng danh sách đó".

Cho đến nay vẫn chưa có cơ quan nào lên tiếng trả lời vụ này cả.

**B. Vấn đề bầu Chủ tọa đoàn và Tổng thơ ký hội.**

Lần đầu tiên, đại hội nhà văn thât sự bầu chủ tọa đoàn, không như trước đây chỉ giơ tay biểu quyết hay vỗ tay nhứt trí tán thành danh sách do ban tổ chức đề cử.

Chủ tọa đoàn được bầu 7 người, có 3 nhà văn tiến bộ gồm: Cao Tiến Lên, Lê Minh (con gái cố nhà văn Nguyễn Công Hoan) và nhà thơ Ý Nhi (con gái nhà văn Hoàng Châu Ký).

Cố vấn ban chấp hành trung ương đảng Lê Đức Thọ đến gặp đoàn chủ tọa. Tổng thơ ký hội nhà văn đon đả đón chào, nhưng cố vấn Lê Đức Thọ không bắt tay mà đến ngay nhà thơ Ý Nhi rồi hỏi:

–Tên cô là gì?

Ý Nhi đáp:

–Tôi tên là Ý Nhi.

Cố vấn Lê Đức Thọ tỏ ý vui:

–À, Ý Nhi thì tôi biết, là nhà thơ Ý Nhi.

Gợi ý nên để ban chấp hành mới bầu tổng thơ ký hội, không nên để đại hội bầu phức tạp lắm, cố vấn Lên Đức Thọ nói với Ý Nhi:

–Tôi làm công tác tổ chức đảng nhiều năm, công tác tổ chức cán bộ bầu bán phức tạp lắm...

Ý Nhi liền đáp:

–Chúng tôi là nhà văn, chúng tôi có văn hóa. Chúng tôi hiểu biết phải làm gì và làm như thế nào. Đại hội đã quyết định chức tổng thơ ký hội do đại hội

trực tiếp bầu. Là hội viên, chúng tôi có nhiệm vụ chấp hành nghị quyết của đại hội.

Cố vấn Lê Đức Thọ đành nói:

–Đại hội đã quyết định thì cứ làm theo đại hội.

Tuy vậy, đại hội được lịnh của trung ương phải hoãn nghỉ một ngày (29–10–1989) để các đảng viên họp kín, ủy viên bộ chính trị, trưởng ban tổ chức trung ương đảng chủ trì cuộc họp này. Mục tiêu vẫn chỉ là tổng thơ ký để ban chấp hành bầu, không để đại hội bầu trực tiếp. Sau đó, Nguyễn Đình Thi phát biểu hướng dẫn tư tưởng các đảng viên thực hiện ý đồ của trung ương bằng một bài diễn văn dài lê thê.

Liền đó, nhà văn lão thành Nguyễn Văn Bổng giành diễn đàn yêu cầu đại hội phải dân chủ công khai, đảng hãy tin nơi đảng viên đã mấy mươi năm theo đảng, đã từng vào sanh ra tử, nếu đảng không tin đảng viên thì làm sao tin quần chúng, yêu cầu không được áp đặt, không ai được tước quyền của đại hội, phải để đại hội trực tiếp bầu tổng thơ ký.

Đại hội tiến hành lấy biểu quyết vấn đề này bằng cách đưa tay, có 150 phiếu tán thành để ban chấp hành bầu tổng thư ký. Nhưng có 180 phiếu đòi để đại hội trực tiếp bầu tổng thơ ký.

Thế là lực lượng nhà văn tiến bộ đã thắng.

**C. Bầu Ban chấp hành.**

Ban chấp hành hội nhà văn là một vấn đề gay cấn nhứt của đại hội. Trung ương yêu cầu ban chấp hành gồm 30 người, hoặc ít nhứt cũng từ 21 hay 25 người.

Đại hội hiện diện chưa tới 400 đại biểu mà số người ứng cử và được đề cử lên tới 2/3, tức khoảng 250 người. Sau khi có một số rút tên, còn lại danh sách bầu cử hơn 100 người ứng cử và được đề cử.

Do tình hình đấu tranh gay gắt giữa hai lực lượng nhà văn tiến bộ và bảo thủ, khoảng 150 đại biểu vắng mặt, không dự cuộc bầu cử. Có lẽ số người này thuộc thành phần trung dung, chán ngán. Như vậy số người bầu cử thực tế chỉ còn khoảng 250.

Kết qủa đợt bầu cử đầu tiên chỉ có sáu người đắc cử (quá bán tổng số phiếu bầu) là:

1 – Nguyễn Quang Sáng: 223 phiếu / 250 đại biểu.

2 – Xuân Cang: 198 phiếu

3 – Nguyên Ngọc: 192 phiếu

4 – Vũ Tú Nam

5 – Hữu Thỉnh

6 – Chính Hữu

Ba người sau cùng, mỗi người hơn 100 phiếu. Hôm sau, lại bầu tiếp chỉ thêm ba người đắc cử, dù trung ương yêu cầu bầu cho được hai mươi mốt người vào ban chấp hành.

Ba người đắc cử ngay hôm sau là:

1 – Hữu Mai

2 – Nguyễn Khải

3 – Ngọc Tú

Hai người sau cùng là hai người kém phiếu nhất. Đặc điểm kết qủa bầu cử là 3 đại biểu Nguyễn Quang Sáng, Xuân Cang và Nguyên Ngọc bị phe bảo thủ cùng sự chỉ đạo ở trên loại ra lại đắc cử cao phiếu nhứt.

Ba đại biểu mà phe bảo thủ và sự chỉ đạo ở trên cố ý đưa vào ban chấp hành để làm chỗ dựa cho phe bảo thủ là Anh Đức, Trần Bạch Đằng, Bằng Việt thì đều rớt hết.

Kết qủa bầu cử trên làm đảo lộn ý đồ của ban tổ chức và cơ quan chỉ đạo, là một đòn choáng váng đối với phía bảo thủ. Nhưng phía bảo thủ vẫn đạt được kết qủa tối thiểu:

– Trong ban chấp hành mới có 9 người – ngoài phía tiến bộ đổi mới dành được 3 ghế, trong đó có phó tổng thơ ký Nguyễn Quang Sáng (vì Nguyễn Quang Sáng không chịu nhận chức tổng thơ ký dù được phiếu cao nhứt) – ghế tổng thơ ký thuộc nhân vật hiền lành, trung dung là Vũ Tú Nam, một ghế thuộc nhà văn đổi mới nhưng có phần ngả nghiêng, từng bị phía bảo thủ tác động là Nguyễn Khải, còn lại thuộc phía bảo thủ. Tuy nhiên, vì phía bảo thủ chẳng mấy có uy tín, tài năng lại càng ít nên cũng khó bề thao túng nổi Ban chấp hành đã có tới 3 nhà văn tiến bộ, tài năng và uy tín vượt trội. Số đông các đại biểu tin rằng nếu phía tiến bộ vươn mạnh thì tổng thơ ký cũng ảnh hưởng theo, nhứt là xu thế đổi mới của đất nước không thể đảo ngược được.

Đặc điểm thứ hai của kết qủa bầu cử là sự thảm hại của phe bảo thủ cố đưa nhà văn Anh Đức vào ghế tổng thơ ký hoặc ít nhứt cũng vào được ban chấp hành (trong danh sách 30 người mà nhà văn Hoàng Châu Ký trình đại hội có tên Anh Đức), nhưng hoàn toàn thất bại. Cá nhân nhà văn Anh Đức càng bi thảm hơn, hoàn toàn bị cô lập. Uống cà phê, ăn cơm tập thể, chẳng một ai chịu ngồi chung với Anh Đức. Thậm chí tới... (sót 1 hàng)... Anh Đức bèn xáp vô ngồi chung cho đủ mâm, nhưng khi Anh Đức vào thì tất cả mâm ấy đều đi sang mâm khác.

**D. Phần đọc tham luận.**

Rất đông đại biểu đăng ký đọc tham luận. Chủ tọa đoàn có nhà văn Nguyễn Đình Thi, tổng thơ ký các khóa trước, luôn ủng hộ phe bảo thủ và tìm mọi cách loại các nhà văn tiến bộ lên diễn đàn.

– Nhà văn nữ Dương Thu Hương nổi tiếng là một nhà văn xuất sắc, trong hàng đầu của phe đổi mới, tiến bộ, đăng ký phát biểu bị xếp vào thứ 40, nhưng phe bảo thủ của Nguyễn Đình Thi cố đẩy xuống đến thứ 115 trong tổng số 150 đại biểu đăng ký đọc tham luận. Qúa ức, nhà văn Dương Thu Hương đã lên chỉ vào mặt Nguyễn Đình Thi mà quát rằng: "Anh là tên đê tiện, tôi ở thứ 40 tại sao các anh đẩy tôi xuống thứ 115, không cho tôi phát biểu, tôi không để yên đâu!".

Hôm sau, các nhà văn tiến bộ bàn nhau nhường vị trí phát biểu của mình cho Dương Thu Hương.

Nhưng Dương Thu Hương mới phát biểu được 2/3 bài tham luận thì bị Nguyễn Đình Thi rung chuông mời xuống vì cho là đúng 10 phút theo qui định. Còn phe bảo thủ lên phát biểu thì được kéo dài 15 phút, thậm chí có người được đến gần nửa giờ.

– Một nữ thi sĩ trẻ Huế lên diễn đàn nói về vụ nhà thơ Bùi Minh Quốc, trưởng phân hội văn nghệ Lâm Đồng đã vận động lấy được hơn 100 chữ ký của các nhà văn để bảo vệ nhà văn Nguyên Ngọc (bị cách chức tổng biên tập báo Văn Nghệ) mà bị khai trừ đảng. Nữ thi sĩ này yêu cầu đại hội xét số phận của một nhà văn chân chính mà bị ngược đãi, trù dập.

– Một nhà văn trẻ đứng lên yêu cầu Trần Trọng Tân, trưởng ban văn hóa – tư tưởng mà để xảy ra vụ đàn áp như vậy cùng các vụ khác nữa mà lại làm ngơ...

Nhà văn Anh Đức lên đọc tham luận bị các đại biểu phe tiến bộ (anh em nói mình là phe "vui tươi", còn phía bảo thủ là phe "hâm hâm") vỗ tay liên tục, khiến Anh Đức nói chẳng ai nghe được cả. Thậm chí chủ tọa đoàn (phe bảo thủ) yêu cầu đừng vỗ tay nữa, nhưng anh em cứ vỗ tay hoài buộc Anh Đức cũng phải xuống thôi.

– Nhà văn và nhà nghiên cứu Hoàng Xuân Nhị lên phát biểu bị đại hội vỗ tay la ó không cho nói, vì anh em xem ông là nhà văn cơ hội.

– Tiếp theo, nhà văn Mai Quốc Liên lên diễn đàn bảo vệ và đề cao Hoàng Xuân Nhị bị nhà thơ Thu Bồn đứng lên thét "Tên đầu nậu xuống đi!". Tất cả la ó đuổi xuống.

– Nhà văn Trần Bạch Đằng là người mà trung ương cố đưa vào ban chấp hành hội nhà văn khóa này nhưng bị rớt (vì anh em xem các bài viết đăng báo trong năm 1989 tỏ ra ông là người cơ hội, bảo thủ) lên diễn đàn cũng bị đại hội la ó không cho nói.

– Mai Ngữ, nhà văn quân đội cực hữu, đại diện cho ba mươi ba nhà văn quân đội có mặt lên phát biểu, bị đại hội la ó: "Xuống đi! tên đê tiện! tên cơ hội! tên mật thám Pháp!".

Mai Ngữ đứng run lên, thẫn thờ rồi đành cúi đầu đi xuống.

– Tại đại hội, đồng chí Nguyễn Văn Hạnh, phó trưởng ban văn hóa văn nghệ trung ương đảng đã đọc bức thư của đồng chí Trần Độ tại đại hội bảo vệ tư tưởng văn nghệ tự do, dân chủ được hội trường vỗ tay hoan nghênh. Sau đó đồng chí Nguyễn Văn Hạnh tuyên bố: "Tôi nhất trí với anh Trần Độ, tôi sẵn sàng từ gia chức phó trưởng ban văn hóa văn nghệ" và nhận xét là đại hội nhà văn lần này là đại hội đấu tranh nghị trường, đúng là tiếng nói lương tri dân tộc.

Hai bài tham luận được đánh gía là sâu sắc, nhiệt huyết và cảm động nhứt đọc tại đại hội là bài của nhà văn nữ Dương Thu Hương và nhà văn Bửu Tiến.

Tóm lại, đại hội nhà văn lần này đã thể hiện được tinh thần đổi mới, tự do dân chủ theo nghị quyết đại hội đảng lần thứ sáu đã thành công tốt đẹp, căn bản là do sự đấu tranh quyết liệt của lực lượng nhà văn tiến bộ.

Do đó, qua đại hội này,a theo nhà văn Nguyễn Đắc Xuân thì trước đây tạp chí Sông Hương (Huế) bị kết tám tội và bị đóng cửa thì nay kể như được trắng án và anh em đang làm thủ tục xin tái xuất bản, cũng như anh Nguyên Ngọc trước đây bị cách chức tổng biên tập báo Văn Nghệ vì chủ trương đổi mới thì nay trở thành một trong ba nhà văn tiến bộ được đắc cử cao phiếu nhất, ở vào vị trí trực tiếp lãnh đạo cả hội nhà văn Việt Nam.

Lực lượng nhà văn đổi mới, tiến bộ đã thắng lợi bước đầu. Cuộc đấu tranh cho đổi mới còn đang tiếp tục tiến lên trên con đường đầy chông gai.

# nhà văn
# và số phận của nhà văn



*Thu Bồn*

Tôi xin đi thẳng vào điều tra xã hội học sơ bộ: Số nhà văn ở TPHCM và các tỉnh đồng bằng Cửu Long 20% suy dinh dưỡng.

Hà Nội, Hải Phòng 30%, các tỉnh Bình Trị Thiên, khu tư, Thanh Hóa 50%

Số bệnh tật do nghề nghiệp gây ra như đau thần kinh, dây chằng liên sườn, vôi hóa cột sống, huyết áp cao thấp, còng lưng sớm, đãng trí lên đến 98%

Tôi được dự nhiều cuộc họp của các nghành nên quan sát rất rõ. Chỉ cần một cuộc họp ngành thôi thì số xe con, xe máy đậu kín cả một khúc đường bãi xe. Đại hội nhà văn riêng hơn hai trăm nhà văn ở khu vực Hà Nội có hai trăm chiếc xe đạp, ba xe honda, năm xe babetta Tiệp và một xe pơgiô Pháp.

Nhà văn Nguyên Hồng, tác giả Bỉ Vỏ khi chết trong túi còn hai mươi đồng bạc, nhà văn Võ Huy Tâm ở trong một cái chòi nhiều năm ăn cơm với rau má để viết về một vùng mỏ giàu đẹp nhất của Tổ quốc (vùng mỏ đó mỗi năm sản xuất được bốn triệu tấn than trong số sáu triệu tấn của nhà nước). Nhà thơ Lưu Quang Vũ, Xuân Quỳnh và cháu Quỳnh Thơ, ba người ở trong cùng một căn hộ 6m2 đất. Trong túi hai vợ chồng và đứa con còn vẻn vẹn 5.000$, nhưng họ đã để lại cho nhân dân hơn năm mươi vở kịch và hơn một trăm bài thơ làm của cải tiêu xài cho cả thế hệ mai sau. Chúng ta đã quá lầm lẫn xếp họ vào chỗ những đơn vị vật chất mà chẳng xếp họ vào những giá trị tinh thần.

Chúng ta không hề đếm xỉa gì đến món tài sản đặc thù này, muốn xài xể thế nào cũng được: muốn khai trừ thì khai trừ, muốn cách chức thì cách chức,

muốn hạ lương thì hạ lương. Đừng đùa giỡn với lịch sử và những cái gì do lịch sử sản sinh ra. Rất còn nhiều thời gian và khoảng trống cho những ai tha thiết với sự nghiệp văn học cách mạng, với con người.

Chứng tích vẫn còn đó: những Trần Đăng, Nam Cao, Dương Thị Xuân Quý, Ngọc Anh, Nguyễn Mỹ, Ca Lê Hiến, Nguyễn Thi.

Họ nằm rải rác từ Ải Nam Quan theo dọc Trường Sơn đến Mũi Cà Mau để nối lại thành vành đai văn hóa của Tổ quốc.

Chúng ta cao siêu quá, xa vời quá thành ra duy vật biến thành duy tâm, biến duy tâm thành duy ý trí và biến duy ý trí thành duy ý nghĩa. Chúng ta xuýt xoa vì tốn kém hàng trăm triệu bạc để làm đại hội, nhưng chúng ta có bao giờ xót xa trước những bộ não teo dần vì thiếu dinh dưỡng.

Của cải nhà văn sản sinh ra là sách. Nhưng nếu tình hình như hiện nay thì những quyển sách, trong gói quà của Đại hội tặng đây cũng như những quyển khác được lần lượt đem bán giấy cân. Có NXB đã xay những cuốn sách mới in thành bột giấy đem bán. Chúng ta hóa thân mà trở về nguyên thủy. Chúng ta làm những chuyện nghịch đảo, những thứ vô giá thì đem bán cân, bán đống còn những thứ bán bằng đống, bằng mớ thì trở thành vô giá. Chẳng nhẽ con người khi vượt qua thời đồ đá, đồ đồng rồi quay trở về đồ đểu.

Chính vì chống lại những nghịch lý đó mà Đảng đã kêu gọi nhà văn hãy tấn công vào trung tâm đời sống khám phá và sáng tạo. Cuộc chiến đấu còn gian khổ và quyết liệt – đổi mới không có con đường nào khác!

**Xin cám ơn tất cả các bạn.**

**Hà Nội ngày 28 – 10 – 1989**

# chức năng của người cầm bút



*Dương Thu Hương*

Trong những năm qua nhiều nhà lý luận đã bàn tới chức năng văn học. Thoạt tiên nhiệm vụ văn chương được quy định trong ba chức năng: nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ. Sau rồi mọi người bàn thêm các chức năng giải trí, chức năng bù đắp... Tại đại hội này tôi xin chỉ có vài nhận xét về chức năng nhận thức. Đây là chức năng đầu tiên mà những ai làm văn chương, dù ý thức hay vô ý thức đều đã thực thi. Khi nhà văn trình bày một tác phẩm trước công chúng, muốn hay không, những nhận định đánh giá và ý tưởng của anh cũng xâm chiếm tâm hồn người đọc, tùy theo sức mạnh nghệ thuật, sức chiếm lĩnh sẽ đạt tới đâu. Nhà văn có thể đem tới cho công chúng những miền cảm quan mới lạ về vẻ đẹp của một dòng sông. Nhà văn cũng có thể thấu thị một chân lý. Giữa hai hiệu quả ấy tôi không đặt hiệu quả thứ nhất cao hơn hiệu quả thứ hai và ngược lại. Nhưng có những thời đại mà con người buộc phải lựa chọn một thứ hiệu quả trọng yếu hơn. Bởi vì có những khoái cảm thẩm mỹ cần thiết cho cá nhân nhưng có những ý tưởng cần cho một đám đông và có tính cấp bách cho toàn xã hội. Mười năm nay chúng ta chứng kiến tình trạng suy đồi của không ít đảng viên và cán bộ. Hiện tượng tham nhũng, ăn hối lộ, hà hiếp dân chúng trở thành phổ biến. Một số đã bị pháp luật nghiêm trị nhưng họ chỉ là tử số trong một phân số mà mẫu số quá lớn. Tại sao? Nhà văn với chức năng đem tới những nhận thức tiến bộ cho xã hội phải chịu trách nhiệm về việc này, trước hết là những nhà văn đứng trong đội ngũ của đảng. Đã mấy thập kỷ qua chúng ta chỉ truyên truyền trong công chúng: *Nhân dân biết ơn đảng* nhưng chúng ta không giáo dục đảng viên: *Đảng phải biết ơn nhân dân*. Nếu đây là chân lý, chân lý ấy song phương. Nếu

đây là một mệnh đề, mệnh đề ấy gồm hai vế cân phân không bên nào nặng nhẹ. Chúng ta tự hào rất nhiều về đảng, người đã tổ chức thắng lợi cách mạng tháng Tám, người đã lãnh đạo nhân dân ta qua hai cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ một cách oanh liệt, kỳ tích của những cuộc chiến tranh ấy có sức mạnh khích lệ các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Vì thế nhân dân biết ơn đảng là phải lẽ. Nhưng bất cứ cuộc chiến đấu nào cũng có tướng và quân. Nếu dân tộc Việt nam là một dân tộc hèn nhát, thiếu tinh thần yêu nước, thiếu khả năng hy sinh, liệu cách mạng tháng Tám và những cuộc kháng chiến giành độc lập có đi tới kết quả hay không? *Chắc không*. Cũng với nhân dân ấy nhà Trần đã chiến thắng quân Nguyên, một đế quốc đã dẫm nát các thành trì châu Âu và Á. Lê Lợi đã chiến thắng quân Minh và Quang Trung đã chiến thắng quân Thanh. Không có sự giúp đỡ của phe Xã hội Chủ nghĩa cùng toàn thể nhân loại tiến bộ, mà ta có thể dẫn hai tên Ray Mông Diêng và Zên Phông Đa, đâu có được thắng lợi của ngày nay. Xương đã chất thành núi, máu đã chảy thành sông, hàng chục triệu người mẹ mất con, người vợ góa chồng, những đứa bé mồ côi và những người phụ nữ không bao giờ còn biết tới hạnh phúc gia đình. Mặt khác đảng là người lãnh đạo thần kỳ trong chiến tranh, nhưng đảng cũng là tác giả của những phương án kinh tế sai lầm. Đại hội IV tổng ngân quỹ có 24 tỷ rúp. Nếu số tiền đó được đầu tư và phát triển nông nghiệp và cải thiện đời sống, thì tình trạng sinh hoạt của số đông dân chúng đã không sa sút nghiêm trọng như thế. Theo dõi biểu đồ sức khỏe của các đợt thanh niên tuyển quân mười năm qua chúng ta sẽ rõ con số những người cao dưới 1m50 và nặng dưới 40 kg do thiếu dinh dưỡng lâu ngày. Một sự kiện trần trụi không thể nào chối bỏ. Giống nòi Việt nam đang suy kiệt, có lẽ chẳng kể tới người mà gỗ đá cũng phải rỏ nước mắt vì đau. Nhân dân đã âm thầm chịu đựng một cuộc sống thiếu thốn và đau khổ kéo dài. Trong hoàn cảnh khắc nghiệt, trí sáng tạo của nhân dân đã cứu đất nước khỏi cơn nguy biến. Chúng ta hãy nhớ lại tình trạng suy thoái trong sản xuất nông nghiệp và chính sách hợp tác hóa cấp cao đầy lãng mạn. Ai đã phát kiến ra biện pháp khoán? Chính là dân. Lúc ấy đảng chưa nhận thức được tình hình thực tiễn nên đã dùng sức mạnh quyền lực cản trở việc thực thi biện pháp khoán. Hiện tượng tiêu biểu là vụ kỷ luật đồng chí Kim Ngọc, bí thư Tỉnh ủy Vĩnh phú. Với những lý do trên, việc *đảng phải biết ơn nhân dân* cũng là phải lẽ. Nhưng chúng ta chỉ tuyên truyền cho một mặt của sự việc, mặt kia lại lãng quên. Phải chăng chính từ những nhận thức thiếu hụt ấy đã nẩy sinh ra tâm lý tự mãn, và trên mảnh đất tự mãn ấy đã nẩy sinh ra thói vô ơn.

Những người Cộng sản làm cách mạng vì lý tưởng cao cả là đem lại hạnh phúc cho nhân loại. Nhưng muốn thực thi một lý tưởng phải có vô số biện pháp và cương lĩnh chính trị thực tiễn. Tôi ngờ rằng chúng ta đã bị đóng đinh

vào lý tưởng hoàn mỹ ấy một cách thụ động, không còn đủ tỉnh trí để suy xét. Khi đọc bài ký "*Lời khai của một bị can*" ta thấy rõ luật pháp đã được đặt ra để ngăn chặn sự giàu có của con người. Tại sao nhà nước không ban hành điều luật "*Cấm công dân Việt nam chết đói. Cấm công dân nghèo khổ*"? *Bởi vì giữa điều luật cấm làm giàu với điều luật cấm nghèo khổ, điều sau là nhân ái hơn.*

Báo Tuần Tin Tức số 39 ngày 30.09.1989 đăng tin: "Một người đàn ông 59 tuổi được giải oan đã được bồi thường 119 triệu yên (938.000 đô la), một khoản tiền kỷ lục mà nhà nước Nhật trả cho một vụ xử sai. Ông Nasao Akaberi là người thứ tư bị kết án tử hình oan từ khi kết thúc thế chiến thứ hai đến nay. Ông nhận được bồi thường 74 đô la mỗi ngày vì bị tù oan 34 năm 8 tháng". Ở đất nước ta bao nhiêu người bị tù oan và chết oan nhà nước đã bồi thường ra sao và theo điều luật nào? Không một ai lên tiếng. Phải chăng chúng ta, những nhà văn Việt nam đã trở thành những công chức trong bộ máy quan liêu và nỗi đau khổ của nhân dân trở thành nỗi đau khổ của người khác? Sankara, triết gia Ấn độ có nói: "Chỉ do Ngã người ta mới có thể hoài nghi về Ngã, chỉ trong Sự Vật, và bằng Sự Vật người ta mới hoài nghi Sự Vật mà thôi". Nếu chúng ta hiểu điều này, hẳn đã tránh được những đáng tiếc. Tôi xin dẫn thí dụ: Về chủ trương đảng quan trọng trí thức, tạo điều kiện để đội ngũ trí thức tham gia xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhưng các chính sách cụ thể không đem lại hiệu quả muốn có. Đơn cử trường hợp anh hùng Trần Đại Nghĩa tại đại hội đảng III, đảng đề ra chỉ tiêu sản xuất nông nghiệp là hai mươi triệu tấn lương thực, anh hùng Trần Đại Nghĩa cho rằng chỉ tiêu ấy không có cơ sở khoa học. Vì ý kiến ấy anh hùng Trần Đại Nghĩa đã bị kết luận là chống lại Nghị quyết đảng và bị vô hiệu hóa. Chân lý khoa học bao giờ cũng chiến thắng các ảo tưởng. Brunô có bị hỏa thiêu, trái đất vẫn quay tròn. Anh hùng Trần Đại Nghĩa có bị trù dập, con số hai mươi triệu tấn lương thực cũng không đạt được. Nhưng chẳng ai nhắc lại điều này, nêu lên một bài học lịch sử tương tự như vậy. Thật đáng tiếc là không có một văn bản nào công bố chính thức việc phục hồi danh dự cho đồng chí Kim Ngọc, và hợp lý hơn, là phải truy tặng danh hiệu anh hùng cho một người Cộng sản chân chính, nhạy cảm trước thực tiễn, biết tiếp thu sức sáng tạo của dân và yêu thương dân.

Phải chăng ở đây đã có sự tách biệt giữa một lý tưởng hoàn mỹ với các biện pháp dẫn dắt lý tưởng đó đến với đời sống? Phải chăng một hiểm nguy đang đe dọa chúng ta? Biết bao người trong thời đại chúng ta đã đi ra pháp trường để chỉ chiến đấu cho một lý tưởng, nhưng nếu không cẩn thận, những thế hệ mai sau sẽ đưa lý tưởng ấy ra trường bắn? Làm cách nào, với cương lĩnh nào chúng ta có thể thực hiện được một xã hội công bằng, bình đẳng và

đầy tình thương? Đấy là những vấn đề nhà văn chúng ta phải nghĩ và viết? Nhưng thật đáng buồn chúng ta đã im tiếng quá lâu vì cơ chế của một xã hội thiếu dân chủ uy hiếp, hay vì lương tâm chúng ta yên ngủ? Mỗi người đối mặt với trách nhiệm công dân một cách nghiêm khắc mới có thể trả lời. Người Cộng sản chân chính là người biết hy sinh vì lợi ích nhân loại, tổ quốc và giai cấp. Phương ngôn có câu: "Hãy nhún mình xuống, phẩm giá của anh sẽ cao lên". Không một cá nhân, không một đảng phái hay một giai cấp nào có quyền đặt mình lên trên dân tộc. Đó cũng là một chân lý vĩnh hằng. *Trong quá khứ chỉ có những thời đại dã man nhất mới có những cá nhân dày đạp lên dân chúng, triều đại Tần Thủy Hoàng, triều đại Võ tắc Thiên dâm loạn, hoặc các nhà nước độc tài dù là độc tài khoác áo trắng như Hitle, Mutsôlini, hay khoác áo đỏ như Stalin, Mao Trạch Đông. Ngày nay kẻ nào dùng bạo lực là kẻ yếu. Ai thương yêu con người hơn, tử tế với con người hơn, người đó sẽ thắng.*

Trong một thập kỷ qua, những thay đổi của thế giới đã diễn ra với tốc độ bão lốc. Biết bao nhiêu hệ ý thức suy tàn và những quan niệm mới nẩy sinh. Bước tiến của loài người tiến bộ vang động khắp các lục địa. Chúng ta ý thức gì về thân phận dân tộc mình? Bởi vì tất cả chúng ta rồi sẽ chết, không ai sống mãi để giữ một nền chuyên chế. Không ai sống mãi để bảo lưu cho tác phẩm của mình. Điều quan trọng hơn cả là trách nhiệm của mỗi chúng ta đối với nhân dân. Bởi vì mai sau lịch sử sẽ phán xét tất cả không loại trừ ai. Lịch sử không có phạm trù bao cấp. Lịch sử không biết tới thể chế độc quyền và ưu tiên. Tôi rất trọng câu nói của đồng chí Tổng bí thư Nguyễn văn Linh: "Trong bất luận trường hợp nào, nhà văn cũng không được bẻ cong ngòi bút". Câu nói ấy biểu hiện phẩm hạnh của một người Cộng sản chân chính. Bởi vì chức trách của nhà văn là chức trách của người cảnh báo trong xã hội. *Nhà văn không có sứ mạng đi tìm của cải tiện nghi, làm nô lệ cho dục vọng của chính mình và liếm gót tư lợi. Nhà văn không thể lấy bất cứ giá trị nào thay thế cho giá trị chân chính duy nhất: "Lòng trung thực trước nhân dân".*

Giờ đây làm một nhà văn thật khó khăn. Dân tộc ta đang đứng trước khúc ngoặt của lịch sử. Một thời đại mới đã mở ra lạ lùng và thúc hối. Có nên ve vuốt lòng tự ái của dân chúng hay can đảm vạch ra những hiểm nguy đang chờ phía trước? Có nên tiếp tục rao giảng một cách vô trách nhiệm rằng một nhân dân anh hùng đã chiến thắng các đế quốc, tất yếu sẽ thắng trong mọi lãnh vực? Hay hãy kêu lên tiếng kêu cảnh báo rằng những giá trị truyền thống, những phẩm chất tự thân của một dân tộc cần được bổ sung hoàn thiện. Rằng những lợi thế đưa một dân tộc tới những thành tựu trong kinh tế, khoa học kỹ thuật. Muốn phá một cây cầu cần sức mạnh thuốc nổ, nhưng muốn xây một cây cầu cần sức mạnh của trí tuệ và những đôi tay vàng. Một cơ chế cần thiết cho chiến tranh bao gồm các đặc điểm như: tập trung quyền

lực, cơ cấu cứng, lề ba động hẹp. Các điều kiện phát triển xã hội đơn giản sẽ hoàn toàn đối nghịch với một cơ chế cần thiết cho việc xây dựng đất nước phồn vinh.

Văn học có nhiệm vụ gì trong lãnh địa này? Đó là điều nhà văn phải nghĩ và phải viết. Người ta tưởng rằng chỉ có giặc ngoại xâm mới tiêu diệt được một dân tộc. Nhưng thực ra *sự đói khổ, dốt nát, tình trạng sinh hoạt tối tăm và tha hóa cũng là những kẻ thù tàn bạo, có thể làm một dân tộc bị suy vong hoặc hủy diệt.* Có lẽ với địa vị của đất nước ta hiện nay trên bậc thang giá trị toàn nhân loại, mỗi nhà văn cần phải nghĩ.

Anh Nguyễn Minh Châu, trước khi qua đời đã viết: "Ông trời sinh ra tôi để kêu thét lên nỗi thống khổ của con người". Tôi là kẻ hậu sinh, tài hèn mọn, đức mỏng hơn, tôi không dám trải tình thương của mình ra toàn nhân loại. Chỉ xin một lời anh Châu để nói rằng: "Ông Trời sinh ra tôi để kêu thét lên nỗi thống khổ của dân ta, một dân tộc chịu quá nhiều mất mát thua thiệt, một dân tộc phân ly đau đớn".

Kết thúc tham luận này, tôi xin được nói: Chúng ta, những nhà văn Việt nam, dù trong hay ngoài đảng, chúng ta cũng sống và viết vì nhân dân, tổ quốc mình. Tổ quốc Việt nam quang vinh nhưng đang đứng trước những thử thách nghiêm khắc của lịch sử. Nhân dân Việt nam anh hùng, rất đỗi anh hùng, nhưng quá đau khổ, oan khuất và lầm than.

# dân chủ hóa và trách nhiệm của nhà văn



*Bùi Minh Quốc*

Để chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc công khai của Đảng, trước hết, tôi yêu cầu các cơ quan ngôn luận của Hội đăng tải đầy đủ, và tha thiết mong các cơ quan truyền thông đại chúng công bố giúp tất cả các tham luận tại đại hội.

Tôi nghĩ rằng đại hội này có tầm quan trọng không chỉ đối với bản thân Hội, đối với sự nghiệp văn học, mà cả đối với toàn xã hội. Tầm quan trọng ấy trước hết được xác định ở chỗ đại hội phải là và nhất thiết phải là một sinh hoạt góp phần đáng kể thúc đẩy mạnh mẽ quá trình dân chủ hóa xã hội, trên cơ sở đó mà dân chủ hóa đời sống văn học, đưa sự nghiệp văn học và công tác xây dựng hội tiếp tục phát triển với một chất lượng mới.

Chắc chắn là nhân dân sẽ qua đại hội này để xem xét tư cách các nhà văn và hội nhà văn chúng ta.

*1*

Với trách nhiệm công dân của một nhà văn, tôi xin phát biểu mấy ý kiến về một số vấn đề mà tôi cho là hệ trọng của đất nước hiện nay.

Trong hành trình mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước nhân dân Việt Nam ta đã tự khẳng định là một nhân dân tuyệt vời về lòng dũng cảm, về đức hy sinh, về sự cần cù, kiên gan, bền chí, có lẽ đến thánh thần cũng phải bái phục. Đó cũng là một nhân dân không thua kém ai về sự thông minh tài trí, đất nước ta, tài nguyên chưa dám gọi là giầu nhưng cũng không nghèo.

Một nhân dân như thế, một đất nước như thế, không thể không đủ sức đủ tài tự tạo cho mình cuộc sống xứng đáng, sau bao nhiêu xương máu mồ hôi nước mắt đã đổ ra thấm đẫm từng tấc đất, từng tấc đất.

Nhưng đã nhiều năm qua tôi thấy – và hẳn nhiều đồng nghiệp của tôi cũng thấy – hiện lên trước mắt mình hàng ngày một bức tranh xã hội luôn luôn làm nhức nhối tâm can. Ba lực lượng trụ cột làm nên của cải vật chất và tinh thần cho xã hội, công nhân nông dân, trí thức thì phải chịu một cuộc sống khốn đốn kéo dài. Vậy những thành phần xã hội nào được hưởng một đời sống dễ chịu? Đó là một thiểu số những kẻ lấy địa vị xã hội và chủ nghĩa

thăng quan phát tài làm lẽ sống và những kẻ cơ hội luôn uốn lưỡi trở cờ để kiếm chác. Liên kết rất chặt với hai loại người trên là đội quân thường trực những kẻ làm ăn bất chính cực kỳ tháo vát trong việc khai thác triệt để những khe hở đầy rẫy của một cơ chế phi tự nhiên ta vẫn gọi là cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp.

Cơ chế đó nẩy sinh trong mảnh đất của sự ấu trĩ, có tác dụng nhất thời trong hoàn cảnh chiến tranh, nhưng một thời gian dài đã bị ngộ nhận như một tất yếu bền vững không gì thay thế được và không được phép phê phán. Sự tồn tại dai dẳng của cơ chế đó đã gây biết bao tai họa cho đất nước mà tai họa lớn nhất là nó đã tạo ra một hệ thống giá trị giả, và nguy hiểm hơn, hệ thống giá trị giả này lại luôn luôn được xác định ở vị trí chính thống.

Trong kinh tế là giá giả, lương giả, lãi giả. Trong chính trị là tình trạng dân chủ hình thức. Trong tư tưởng là tình trạng cấp phát các giáo điều.

Quan hệ phổ biến là quan hệ ban phát xin xỏ và móc ngoặc, là chỉ huy và phục tùng – lúc đầu là phục tùng chân thành, về sau chủ yếu chỉ còn là phục tùng ngoài mặt. Hệ thống giá trị giả đã dẫn đến khủng hoảng kinh tế, xã hội, đặc biệt nghiêm trọng là nó đã làm ô nhiễm nặng nề đời sống đạo đức tinh thần mà hậu quả chưa biết đến khi nào mới khắc phục nổi, vì nó đã ngấm vào thế hệ trẻ.

Cái cơ chế đó hàng ngày hàng giờ làm mòn mỏi, triệt tiêu mọi ý kiến, mọi sáng kiến, mọi sự năng động cá nhân – cái động lực mạnh mẽ và khôn lường mà "Tuyên ngôn của đảng cộng sản" 1848 đã nêu thành công thức nổi tiếng "*Sự phát triển tự do của mỗi cá nhân là điều kiện phát triển tự do cho tất cả mọi người*". Đồng thời cái cơ chế đó cũng hàng ngày hàng giờ sản sinh và vỗ béo bằng đặc quyền đặc lợi dưới mọi hình thức, một hình thức quan liêu kém tài kém đức mà đặc trưng nổi bật là bất lực, ăn bám và đạo đức giả, nói một đằng làm một nẻo, ngụy biện rất tài tình để che giấu chân dung thực của mình. Trong lòng chế độ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, xuất hiện một dạng chiếm hữu mới rất tinh về chiếm hữu chức quyền. Có chức quyền là có tất cả mà lại rất an toàn vì núp dưới cái bình phong vững chắc và cao sang là sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể. Chức vụ từ một khái niệm cao quý thể hiện trách nhiệm và quyền hạn mà nhân dân trao cho những người đầy tớ trung thành của mình đã bị biến thành một chiếc ghế bên ngoài được sơn phết chữ "đầy tớ" nhưng thực chất chỉ là bậc thang để thăng quan phát tài. Hình ảnh *người đàn bà quỳ* – hình ảnh người làm chủ quỳ trước kẻ đầy tớ của mình để dâng đơn khiếu nại là bức tượng đài sống vừa thê thảm vừa hài hước mà chính cuộc sống nghiệt ngã đã tạo nên, như một mỉa mai của lịch sử đối với hệ thống giá trị giả đã tồn tại và hiện vẫn chưa bị xóa bỏ tận gốc.

Cái cơ chế phi tự nhiên đó càng vận hành càng làm cho quá trình tha hóa

con người trở nên khốc liệt. Một số trở thành những con người nhiễm nặng tâm lý và thói quen thụ động thờ ơ trước công việc, trước số phận đồng loại. Tâm lý này, thói quen này là mảnh đất tốt nuôi dưỡng và đẩy nhanh quá trình tha hóa của thiểu số quan liêu, họ trở thành những "thủ lĩnh" những "lãnh chúa" của những lãnh địa khép kín (cơ quan, đơn vị, ngành, địa phương), trong đó các mối quan hệ bè cánh, gia đình, tộc họ, đồng hương lấn áp thậm chí thay thế quan hệ cách mạng cùng các quan hệ đạo lý thông thường họ tiến hành những thủ đoạn độc địa vừa trắng trợn vừa xảo quyệt để giữ ghế giành ghế cho mình và đệ tử của mình.

Điều hết sức nguy hiểm là khi tiến hành những việc đó họ đều nhân danh Đảng nhân danh chủ nghĩa xã hội và trong khá nhiều trường hợp họ đã thành công. Những người trung thực thẳng thắn vạch mặt họ lại bị họ quy kết là chống Đảng còn họ vẫn đường đường được coi là những cán bộ cốt cán của Đảng.

Đảng ta có công lớn với nhân dân. Biết bao đảng viên của Đảng từ đảng viên thường đến cán bộ lãnh đạo đã nêu những tấm gương quên mình còn sáng mãi. Nhân dân ta vô cùng tin yêu Đảng, niềm tin hồn hậu và trong sáng. Biết bao người dân thường đã hy sinh cả tính mệnh của mình, con cái mình cho đảng viên của Đảng được sống mà làm cách mạng: mối quan hệ thiêng liêng Đảng với Dân, Dân với Đảng quyện chặt bằng máu. "Ơn đảng, ơn chính phủ đã từng là câu nói đầu miệng rất chân thành một thời của mỗi người dân. Đấy là một tình cảm quý báu nhưng về mặt nhận thức lại là một sự ấu trĩ lệch lạc tai họa. Người dân đã quên mất công lao vĩ đạo của chính mình tạo nên thành quả cách mạng. Đảng tự nhiên được thần thánh hóa thành một cái gì ở trên cao ban phát ân huệ xuống.

Công tác tuyên truyền giản đơn một chiều đã củng cố ngày một thêm vững chắc tâm lý này trong quần chúng. Những phần tử quan liêu mau chóng nhận ra sự "tiện lợi" của trạng thái đó đối với việc duy trì lâu dài quyền thế của họ. Họ ngấm ngầm tạo ra và truyền bá quan niệm đồng nhất cán bộ lãnh đạo của Đảng đối với Đảng, đánh tráo uy tín của Đảng vào uy tín cá nhân. Những thứ luật bất thành văn trái với kỷ cương của Đảng và pháp luật nhà nước cứ từ từ xuất hiện một cách vô hình nhưng hiệu lực thực tế ngày càng bành trướng rồi trở thành một tồn tại mặc nhiên, thôn tính một cách êm ái ý thức dân chủ trong mỗi đảng viên, mỗi công dân. Xuất hiện những nhân vật tự cho mình được độc quyền chân lý và độc quyền ban phát chân lý, khốn khéo tự tạo dựng và khuyến khích bọn xu nịnh tạo dựng họ thành những "đấng" không ai dám đụng tới lông chân, đứng ngoài và đứng trên kỷ luật Đảng và pháp luật nhà nước, chi phối cả kỷ cương và pháp luật theo ý riêng.

Kỷ cương của Đảng, pháp luật của nhà nước bị vi phạm, bị chà đạp

nghiêm trọng, nhiều trường hợp xuất phát ngay từ các cơ quan có trách nhiệm giữ kỷ cương luật pháp mà không bị xử lý không nghiêm. Báo chí chỉ mới nêu lên được một phần nhỏ sự thật, nhưng ngay mới một phần nhỏ đã nêu lên ấy phần lớn cũng đụng đầu vào một sự im lặng ù lì không thể chấp nhận được.

Mọi người đều biết, trong Đảng phần đông đảng viên đều tốt, ngoài xã hội người tốt nhiều hơn kẻ xấu, vậy mà tiêu cực vẫn ngày càng phát triển, tình hình kinh tế xã hội nhiều mặt tiếp tục xấu đi. Do đâu? Chính là do tầng lớp quan liêu bảo thủ vẫn tồn tại khá yên ổn trong tổ chức Đảng và bộ máy nhà nước. Đây chính là bộ phận mất lòng tin tệ hại nhất trong xã hội ta, họ chẳng còn một chút tin tưởng nào vào Đảng vào chủ nghĩa Mác Lê Nin, vào chủ nghĩa xã hội, họ chỉ núp vào các danh hiệu ấy để dùng làm tấm bình phong che đậy những lợi ích vị kỷ mà họ sờ lấy được và nắm lấy bằng chức quyền. Chính họ trên thực tế đang phủ định các giá trị quý báu của quá khứ, làm giảm uy tín và hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng, làm méo mó hình ảnh của chủ nghĩa xã hội, làm suy yếu đất nước và do đó khuyến khích những mưu toàn phá hoại vốn có của kẻ thù bên ngoài. Họ là trở lực chính cản bước đổi mới, cản bước công khai và dân chủ đặc biệt là gây lùng nhùng ách tắc cho việc đổi mới tổ chức, đổi mới cán bộ.

Nhìn vào đội ngũ lãnh đạo và quản lý hiện nay tôi xin nói thật là tôi vẫn không thể gạt bỏ được câu hỏi lớn này: trong số đó, có được bao nhiêu phần trăm thật sự là người đầy tớ trung thành của nhân dân, có đủ năng lực nắm và vận dụng chủ nghĩa Mác Lê Nin, am hiểu lĩnh vực mà mình phụ trách? Khó mà có được đáp số chính xác, bởi vì có những người đã được đưa vào cương vị hiện nay chủ yếu là do sự sắp xếp chủ quan được áp đặt khéo bằng những cuộc bầu cử dân chủ hình thức, khi nguyên tắc của tính công khai chưa được thực hiện đầy đủ, ảnh hưởng của những thứ luật bất thành văn, luật của những lệnh miệng, những cú điện thoại, những cái lừ mắt vẫn còn mạnh.

Tôi nghĩ rằng cuộc đấu tranh cho đổi mới sẽ còn diễn ra quyết liệt và phức tạp chính là ở khâu đổi mới tổ chức và cán bộ, mà kết quả có thể diễn ra ở ba cấp độ:

– Đổi mà không mới, mới bề ngoài.

– Đổi mà mới cũ đan cài nhập nhằng.

– Đổi mới thật sự.

Kết quả ra sao sẽ tùy thuộc ở chỗ quần chúng nhân dân đi đầu là các đảng viên gương mẫu dưới sự lãnh đạo bằng phương pháp dân chủ của Đảng có thực sự phát huy được ý thức về quyền dân chủ và tự mình nắm lấy các quyền ấy hay không, có xây dựng và vận hành một thể chế bầu cử thực sự dân chủ

trong đảng và trên toàn xã hội được hay không, có vạch mặt và loại trừ được tầng lớp quan liêu và chủ nghĩa quan liêu hay không?

(Cần phải nói thêm cho khỏi hiểu lầm dân chủ mà tôi nói đây tất chỉ có thể là dân chủ XHCN – một nền dân chủ kế thừa trọn vẹn mọi tinh hoa trong thành quả dân chủ mà loài người đã trả giá bằng máu mới có được cho đến nay, và bổ sung vào đó những thành quả ưu việt hơn mà chỉ có CNXH chân chính mới đem lại được cho loài người). Đương nhiên các nhà văn chúng ta không phải đứng ngoài mà phải tham gia hết mình vào cuộc đấu tranh đó, bằng ngòi bút và bằng những hoạt động công dân, bởi đó chính là vấn đề hệ trọng của đời sống xã hội, của số phận con người, cũng là của văn chương, của phẩm chất nhà văn. Phẩm chất của các nhà văn chúng ta đã là và sẽ luôn luôn phẩm chất của người nghệ sĩ – chiến sĩ. Trong những năm tháng thử thách cực kỳ nguy nan của vận mệnh dân tộc, biết bao anh chị em chúng ta, thế hệ sau nối bước thế hệ trước cầm chắc cây bút và có người khi cần cũng cầm súng, đã có mặt với nhân dân ở những mặt trận khốc liệt nhất, từ rừng núi, đồng bằng đến vùng đô thị địch chiếm. Bao anh chị em đã chịu thương tật, bệnh hoạn, tù đày và nhiều người đã anh dũng hy sinh. Tôi tin tưởng mạnh mẽ rằng, những ai thành tâm can đảm hiến dâng cả ngòi bút và sinh mệnh mình cho độc lập dân tộc, tất sẽ chẳng những giữ vẹn mà còn nhân lên gấp bội khí phách ấy, bản lĩnh ấy trong cuộc đấu tranh cho tự do, dân chủ công bằng và lẽ phải. Bởi vì sứ mệnh của một nhà văn chân chính không có gì khác hơn là phát hiện khẳng định và bảo vệ chân lý đến cùng, là phải giữ cho ngọn đèn lương tâm trong mỗi con người và trước hết trong chính bản thân mình không những không bị dập tắt mà càng chói sáng hơn trong mọi cơn cuồng phong ghê gớm nhất của thế sự cũng như trong làn gió ngầm hiu hiu của đời sống thường ngày.

*2*

Mỗi chúng ta đều ghi lòng tạc dạ những giòng thơ tâm huyết của Bác Hồ kính yêu:

*Trên đời nghìn vạn điều cay đắng*
*Cay đắng chi bằng mất tự do?*
*Mỗi việc mỗi lời không tự chủ*
*Để cho người dắt tựa trâu bò!*

Điều cay đắng hơn đối với không ít nhà văn chúng ta (trong đó có tôi) là có khi mất tự do mà không tự biết, bởi sự éo le của lịch sử đã nhào nhuyễn nạn bao cấp về tư tưởng vào trong uy tín lớn của Đảng mà nhà văn hết lòng tin yêu. Trong một số trường hợp, nhà văn đã rơi vào bi kịch của người *nhiệt*

*thành truyền bá lòng nhiệt thành làm đúng những điều sai, góp phần làm cho người đọc của mình trở thành những người nhiệt thành làm đúng những điều sai.*

Chúng ta đã viết theo mệnh lệnh của trái tim mình và mặc dù trái tim ta thuộc về Đảng và nhân dân mà ta hết lòng tin yêu, nhưng không vì vậy mà chúng ta có thể thoát khỏi cảm thức trách nhiệm cá nhân thậm chí là cảm thức tội lỗi cá nhân bao nỗi oan khiên của con người, trước cái xấu, cái ác đang còn đầy rẫy, mà đặc trưng nguy hiểm của nó là khoác áo cái thiện cực kỳ sành điệu để lộng hành Bôrix Paxternak đã báo động từ khá lâu:

*"Tai họa chủ yếu; cội nguồn của cái ác trong mai sau chính là do mất lòng tin vào giá trị của ý kiến riêng";*

Tôi nghĩ rằng ở ta không thiếu những nhà văn sớm ý thức được điều đó, nhưng họ đã không lên tiếng, người thì không thể lên tiếng vì bị thói độc đoán chuyên quyền từ phía người lãnh đạo quản lý bịt miệng, người thì không dám lên tiếng vì tự ràng buộc vào chiếc ghế quan chức cùng vô số ràng buộc và cám dỗ khác. Nhưng điều đáng mừng là chúng ta cũng không thiếu những nhà văn trước sau vẫn giữ được bản lĩnh suy nghĩ độc lập của mình trong những hoàn cảnh hết sức nghiệt ngã. Tưởng cũng đáng để nhắc lại ở đây mấy câu của nhà thơ Hữu Loan mà riêng tôi rất quý trọng và cảm phục về nhân cách:

*Tôi vẫn là tôi*
*Cây gỗ vuông chành chạnh suốt đời*
*Làm thất bại mọi âm mưu đẽo tròn*
*Để tùy tiện muốn lăn long lóc thế nào thì long lóc*
*Chân chính đấy hỡi*

*Rìu Bào Phó Mộc!*

Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị đã khẳng định tự do sáng tác là một quan điểm cơ bản, một chính sách lớn của Đảng.

Đảng đã cởi trói, điều đó thật đáng mừng, nhưng cái quyết định là nhà văn phải tự cởi trói, phải tự mình thoát khỏi nỗi sợ một cái gì đó lơ lửng trên đầu mà thế lực quan liêu đang cố duy trì một cách tinh vi, phải tự mình làm chủ tự do của mình. Đương nhiên tự do sáng tác gắn liền trách nhiệm – một thứ trách nhiệm không phải được áp từ trên xuống hay truyền từ ngoài vào mà là một nhu cầu tự thân của lương tâm nhà văn trước nhân dân mình dân tộc mình cùng toàn thể nhân loại. Tự do thiêng liêng và trách nhiệm thiêng liêng, hai thứ quyện chặt bằng máu nơi ngọn bút, tự do đến từng chữ và trách nhiệm đến từng chữ. Nhà văn chỉ tuân phục những gì mà trí tuệ và trái tim mình mách bảo đó là chân lý.

Tự do sáng tác sẽ là một khẩu hiệu suông nếu nó được đưa ra giữa một xã hội trong đó các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, xuất bản, tự do lập

hội đã được hiến pháp thừa nhận từ lâu không được bảo đảm bằng pháp luật. Dựa trên một nền luật pháp tiến bộ, các quyền nói trên, nhất là quyền tự do báo chí, tự do xuất bản đảm bảo cho quyền tự do sáng tác được vận hành trong thực tế. Tất nhiên khi có tự do báo chí, tự do xuất bản, sẽ lập tức xuất hiện trên thị trường sách báo vô số những tác phẩm dù không phạm luật nhưng tầm thường. Không sao, những tài năng đích thực phải thừa bản lĩnh để chấp nhận sự thách thức thường xuyên ồ ạt của cái biển sách báo tầm thường ấy và chính trong cuộc thách thức này mà các tài năng mới càng tự khẳng định mạnh mẽ. Đồng thời xã hội ta phải xây dựng được đội ngũ phê bình chân chính và một nền giáo dục thị hiếu thẩm mỹ hợp quy luật có chính sách tác quyền, chính sách thuế cùng các chính sách khác của nhà nước để hạn chế cái tầm thường, khuyến khích cái đích thực, hỗ trợ vào đó là sự bảo trợ của những tổ chức xã hội và tư nhân nâng đỡ tài năng.

Để cho các quyền tự do sáng tác, tự do báo chí và xuất bản cùng các quyền khác trở thành hiện thực, không thể chỉ ngồi chờ ai đó ban phát cho, mà phải đấu tranh để xóa bỏ những quy định lỗi thời, trái hiến pháp, xây dựng và xác lập những thể chế phù hợp với hiến pháp, đồng thời sửa đổi cả những điểm lỗi thời của hiến pháp. Hãy nhìn vào chế độ nhuận bút trước đây không lâu (mỗi năm viết một cuốn trung bình để in, thu nhập cao gấp nhiều lần năm năm dày công viết một cuốn xuất sắc), chế độ lương hiện hành (so sánh giữa lương một bác sĩ, một diễn viên với lương một lái xe mới ra trường), chế độ thưởng sáng kiến (làm lợi hàng triệu được thưởng vài ngàn), ta thấy trí thức nói chung và văn nghệ sĩ nói riêng cùng lao động chất xám của họ bị coi rẻ đến thế nào, so sánh với vật giá, với thu nhập của lao động giản đơn càng thấy chưa bao giờ bị coi rẻ như bây giờ. Nghị quyết của Đảng đã nhấn mạnh cần phải có chính sách thỏa đáng, nhưng không hiểu sao sự thế vẫn hầu như chưa nhúc nhích.

Tôi đề nghị cần phải đẩy nhanh tốc độ để mau ra đời nhg chính sách chế độ thỏa đáng, những luật pháp nhằm đảm bảo các quyền mà hiến pháp đã thừa nhận đối với lĩnh vực sản xuất tinh thần. Trách nhiệm này trước hết thuộc về các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức dân cử nhưng Hội nhà văn cần chủ động tập trung trí tuệ của nhà văn trong và ngoài hội tham gia làm dự luật. Dự thảo phải được công bố rộng rãi để nhân dân góp ý kiến trước khi trình các cơ quan có thẩm quyền quyết định. Và trong quá trình thực hiện phải được sửa đổi, bổ sung kịp thời những điểm cần thiết.

### *3*

Đối với nhà văn chỉ có hai việc quan trọng là viết cho được và công bố cho được các tác phẩm của mình. Họ thích hội là do "thích có tri âm tri kỷ. Cái tình tri âm tri kỷ, tình nghề nghiệp, chia sẻ với nhau những cách nghĩ

mới có con mắt xanh với những năng lực tiềm ẩn của nhau, cảm thông và chăm sóc nhau từ những vật và của quá trình thai nghén tác phẩm đến khi hoàn thành, giúp nhau để công bố tác phẩm cưu mang nhau lúc cơ nhỡ – tất cả những điều đó là bà đỡ mát tay của hoạt động sáng tạo. Trong lịch sử, hẳn rằng các nhóm, các hội nghệ thuật ra đời đều xuất phát từ nhu cầu ấy, tinh thần ấy.

Nhưng hội của chúng ta thì khác. Mặc dầu trong buổi ban đầu hội cũng còn mang chút ít tinh thần ấy, nhưng vốn là bộ phận cấu thành của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, tổ chức hội ngày càng mất dần tính chất một hội quần chúng một tổ chức xã hội nghề nghiệp, mà ngày càng đậm đặc tính chất nhà nước. Một số nhà văn tài năng đã trở thành những quan chức văn học, ở người này thì khát vọng sáng tạo bị tham vọng thăng quan phát tài lấn át, ở người khác thì cố dung hòa một cách vô vọng sự thỏa mãn cả hai tham vọng ấy. Những chức trách trong hội thường đều cố gắng với đặc quyền đặc lợi, đã trở thành mục tiêu để giành giật, được che giấu dưới tấm màn hào nhoáng.

Các cuộc đấu tranh về quan điểm vốn dĩ bình thường và bổ ích giữa những người thành tâm tìm kiếm chân lý đã bị một số ít phần tử cơ hội dùng thủ đoạn chụp mũ vu cáo chính trị, lợi dụng ngay cả cơ quan báo chí phát thanh của Đảng, rống lên thành những vấn đề có tính chất chính trị, gây mất đoàn kết, gây lẫn lộn địch ta để dẫn đến chỗ ta đánh vào ta. Thử hỏi kẻ địch còn mong muốn gì hơn thế? Tình hình nguy hại ấy đã từng diễn ra lặp đi lặp lại, và đáng tiếc thay, giữa tiến trình đổi mới nó vẫn còn lặp lại trước và trong đại hội này.

Sự đổi mới chúng ta có lẽ trước hết là ở chỗ, phải thanh toán triệt để, thanh toán một lần cuối tình trạng độc hại đó.

Tôi tha thiết đề nghị tại đại hội này chúng ta thay thế khẩu hiệu "văn nghệ phục vụ chính trị" bằng khẩu hiệu "*văn nghệ phục vụ Tổ quốc phục vụ nhân dân phục vụ cách mạng, từ con người và vì con người*".

Đồng thời, tôi đề nghị Hội chúng ta phải tích cực chủ động tham gia và đẩy nhanh việc thể chế hóa các quan điểm cơ bản của nghị quyết 05\BCT nhằm giải phóng tiềm năng sáng tạo của văn nghệ sĩ.

Tất cả những gì đã công bố chưa phải là tất cả những gì chúng ta phải viết, và tất cả những gì đã được viết trước đây cũng chưa bộc lộ đầy đủ tiềm năng của chúng ta.

Tôi tin tưởng mạnh mẽ rằng, bất chấp mọi trở lực, một thời kỳ văn học lớn đã được báo hiệu đang đến, bởi vì tuyệt đại đa số anh chị em chúng ta thuộc mọi thế hệ đều có đủ tài năng và tâm huyết để tạo nên những tác phẩm làm giàu thêm các giá trị văn hóa không những chỉ của dân tộc ta mà của cả loài người.

Trích báo Người Việt, Canada số 6

# xin tạ tội với tự do, dân chủ
## giấc mơ ngàn đời của nhân loại
## và của bản thân



tham luận của *Bửu Tiến*

Thưa các bạn,

Trong báo cáo của Ban Chấp hành trước đại hội này, có một điểm đúng: cốt lõi của các cuộc tranh luận đang diễn ra là vấn đề Dân Chủ. Hôm nay, tôi xin bàn với các bạn về hai chữ DÂN CHỦ. Đây là một nội dung cốt tử của Đại hội VI đảng Cộng sản Việt nam, có liên quan hết sức mật thiết với kết luận của Đại hội ấy nói rằng: "Nguyên nhân của mọi nguyên nhân là vấn đề tư tưởng và tổ chức".

Trong trào lưu "Đổi mới" trên thế giới, cuối năm 1986, Đại hội VI của Đảng ta, vốn gốc "vì dân" từ ngày thành lập, đã đưa ra một phương châm hết sức dân chủ: "lấy dân làm gốc", lại định rõ nội dung của phương châm ấy là "mọi việc dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".

Đảng đã trải cả tấm lòng rộng lớn với Dân. Dân cũng nên trải cả tấm lòng thành thực với Đảng.

Và xin bàn:

Dân biết ư? Trong thời đại thông tin ngày nay, đúng là từ cuối năm 1986, dân bắt đầu có điều kiện biết nhiều hơn về những chuyện trong nước và trên thế giới, qua trăm nghìn nguồn thông tin đại chúng trong nước và ngoài nước. Sách báo trong phe xã hội chủ nghĩa, lại có cả sách báo các nước tư bản: Việt kiều ở các nước cũng hăm hở gửi sách báo về, tìm hiểu sâu hơn quê hương, đất nước. Bỗng, gần cuối năm 1988 và đầu năm 1989, một số báo chí trong nước dần dần vắng bóng (*Đối Thoại, Truyền Thông Kháng Chiến, Cánh Én,* và gần đây *Sông Hương* đã im tiếng sau số 39). Một số báo của Việt kiều yêu nước gửi về cũng bặt tăm. Hoàn toàn không có thông báo chính thức về lý do..., chỉ nghe loáng thoáng tin đồn từ miệng sang tai "Tờ này không

hợp pháp! Tờ kia có lệch lạc!". Đã có luật báo chí đâu để căn cứ vào đó mà kết luận là hợp pháp hay không hợp pháp? Và như vậy có "gọn" với Hiến pháp không, khi hiến pháp thừa nhận quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận của người dân?

Nên mau mau có luật báo chí và luật xuất bản cụ thể, theo đúng Hiến pháp để vừa đảm bảo trật tự xã hội, vừa đảm bảo tự do về sách báo xuất bản. Và để hiến pháp khỏi bị lãng quên một cách tùy tiện.

Trong mù mờ, Dân chỉ cảm thấy hụt hẫng trong mục "dân biết", về mọi việc trong nước và trên thế giới trong thời đại gọi là "mở cửa" này.

Sực nhớ lại, ngày đất nước còn tối tăm – trước Cách mạng tháng Tám – khi Chính phủ Bình Dân lên cầm quyền ở Pháp, người dân thuộc địa vẫn có quyền được ra báo, chỉ qua một thể thức đơn giản: đăng ký ở Sở Báo chí. Một số đảng viên Cộng sản và một số người tiến bộ đã ra báo: *Le Travail (Lao động), La Lutte (Chiến đấu) Nhành Lúa, Dân Chúng*... cũng đã tố cáo những bất công của chế độ thuộc địa và cũng đã bảo vệ được ít nhiều quyền lợi của người dân hồi đó. Nghĩ rằng: "Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa của chúng ta, theo lý thuyết, hơn dân chủ tư sản hằng triệu lần, không nên có những biểu hiện khó hiểu để người dân so sánh và hoang mang".

Dân bàn ư? Năm 1956, khi đất nước gặp khó khăn, dân cũng đã bàn. Nhiều sách báo ra đời bàn về Tự do Dân chủ: *Nhân văn Giai phẩm, Đất Mới, Trăm Hoa*... và kết quả của việc "Dân bàn" đó là vụ án Nhân văn Giai phẩm đã đưa vào tù một số ít người và làm điêu đứng một số người khác suốt ba mươi năm trời.

Người bàn với các bạn về hai chữ dân chủ hôm nay cũng đã tham gia "đấu" nhóm Nhân văn Giai phẩm, góp một tiếng nói nhỏ của một kẻ "đánh hôi" vào số phận điêu đứng của một số anh em cùng nghề... Xót xa trên tất cả là đã đánh vào Tự do, Dân chủ, vì mơ hồ về cái đuôi tư sản của nó mà quên bẵng đi "giá trị tự thân của Tự do", giấc mơ ngàn đời của nhân loại và của bản thân. Tự mình đã đánh vào mình! Ân hận đó dày vò suốt ba mươi năm trời. Thời gian không thể xóa nhòa! Chỉ đành "mang xuống tuyền đài không tan" mà thôi!

Dân bàn ư? Năm 1964, trước khó khăn của đất nước và phong trào Cộng sản quốc tế, người dân cũng bàn, chủ yếu là một số đảng viên cộng sản. Và kết quả của việc "dân bàn" này cũng lại là vụ "xét lại", cũng đưa vào tù một số đảng viên và làm điêu đứng một số đông người khác. Cũng suốt hai mươi lăm năm trời!

Là tòng phạm trong vụ đánh Nhân văn Giai phẩm, là nạn nhân – cũng nhẹ thôi – trong vụ "xét lại", người bàn về dân chủ hôm nay tha thiết đề nghị đảng ta có kết luận rõ ràng, thỏa đáng về hai vụ "tồn kho" như những sản

phẩm quốc doanh khác từ hai mươi, ba mươi năm nay. Kết luận kịp thời trong giai đoạn "Đổi mới" này chỉ làm sáng tỏ thiện chí "Dân chủ công khai" của Đảng ta, tránh được kết luận của lịch sử mai đây, e rằng không được êm dịu lắm. Đừng nên để kéo dài một sự im lặng đáng sợ, nhất là trong một vùng áp suất nhiệt đới và gió mùa đông bắc đe dọa liên tục này. Trong im lặng đó, người dân vẫn cứ nơm nớp lo sợ, chưa biết ngày nào còn có cơn bão lụt số hai, ba... giáng xuống!

Giải mối nghi nan này giữa Đảng và Dân sẽ làm cho dân đỡ khổ tâm mà Đảng cũng đỡ khổ tâm, để lại như ngày nào, trong cuộc kháng chiến trường kỳ gian khó, Dân và Đảng kết thành một khối, và để từ nay, Đảng và Dân dù cho "Gừng cay muối mặn cũng xin đừng bỏ nhau".

Một điều nữa cũng xin nhấn mạnh: Dân chủ và chủ nghĩa xã hội là những trào lưu quốc tế hùng mạnh trong thời đại chúng ta. Trước đây, Cách mạng tháng Mười đã là chỗ dựa, là thành trì vững chắc cho Cách mạng tháng Tám và kháng chiến của ta. Ngày nay, cuộc cải tổ – cuộc cách mạng thứ hai ở Liên sô – cũng vẫn là chỗ dựa vững chắc cho cuộc đổi mới – cuộc cách mạng thứ hai ở nước ta, như Đại hội VI đã nhận định. Dựa lửng lơ cho cá dựa, e rằng kết quả dân chủ cũng chỉ lửng lơ mà thôi!

Hôm nay, người bàn với các bạn về hai chữ Dân chủ tuổi cũng đã cao, tệ hơn nữa, sức cũng đã yếu. Ngày còn lại trên mặt đất đếm từng tháng, năm. Nhưng cho đến hơi thở cuối cùng vẫn tin chắc vào xu thế Tự do, Dân chủ đang cuồn cuộn dâng lên trên toàn thế giới, một xu thế không thể đảo ngược được.

Ít khi gặp nhau đông đủ như hôm nay, và e rằng tới đại hội V cũng khó lòng gặp lại được, cuối cùng, xin có đôi lời tâm sự với các bạn:

– Chào mừng các bạn còn sung sức góp phần tích cực vào đổi mới và còn tuổi, kịp thấy Đổi mới nở hoa, kết quả trên thế giới và trên đất nước đau thương, anh hùng và rất yêu mến của chúng ta.

– Xin lỗi anh em Nhân văn Giai phẩm và, trừu tượng hơn, xin tạ tội với Tự do Dân chủ, giấc mơ ngàn đời của nhân loại và của bản thân.

– Xin chúc anh em bị oan khiên trong vụ "xét lại" chóng được rửa oan.

– Xin chúc Đảng Cộng sản Việt nam của Nguyễn Ái Quốc - Hồ CHí Minh, mà tôi gắn bó suốt đời, một dũng khí chiến đấu để đưa đổi mới đến thành công tốt đẹp, xây dựng nền tự do, dân chủ xã hội chủ nghĩa.

– Chúc Đại hội Nhà văn lần thứ IV, Đại hội "Đổi Mới" thành công tốt đẹp.

– Xin nhận ở đây lời chào vĩnh biệt vui vẻ của tôi.

**Ngày 26 tháng Mười năm 1989**

# phần bốn:
# phân tích chính trị

# dẫn nhập:

Sự tác động qua lại giữa các hình thái sinh hoạt trong toàn bộ đời sống quốc gia là một hiện tượng tự nhiên của xã hội. Trong ba năm từ 1987 đến 1989, sự tác động giữa hai khu vực văn nghệ và chính trị tại nước ta lại càng đậm nét hơn vì tính khuynh đảo của thế lực chính trị đương quyền và tính phản kháng của cao trào Văn nghệ xảy ra trên đất nước.

Do đó, nếu chỉ đọc, phân tích và tìm cách giải mã các tác phẩm và tác giả qua lăng kính văn học mà thôi thì vẫn chưa đủ để có một cái nhìn toàn diện về bản chất thực sự của cao trào này. Phần phân tích chính trị ở những trang tiếp theo sẽ đi sâu vào những động lực chính trị và những xu thế phản kháng, cũng như sẽ soát xét mối quan hệ giữa chính trị và văn nghệ chảy xuyên suốt từ Đề cương Văn hóa 1943 đến Nghị quyết 1987 để xác định tính mâu thuẫn nội tại không thể tránh được của hai khu vực này. Mâu thuẫn trong ba năm đó và cả trong tương lai nữa.

Trong một nước mà Chính trị còn đóng vai trò "thống soái" như nước ta hiện nay, và trong một dân tộc mà còn có những kẻ sĩ có lương tri và khí phách như dân ta hiện nay thì sự va chạm giữa hai "bá quyền" văn nghệ và chính trị là một sự va chạm cần thiết và có thật. Không những có thật mà còn kéo dài cho đến khi nào những khát vọng chính đáng của dân tộc do văn nghệ mô tả và dự báo, được chính trị lột xác thay hồn để giải quyết một cách tốt đẹp và ổn thỏa, thì chỉ đến khi đó, sự tác động qua lại giữa hai hình thái sinh hoạt chính trị và văn nghệ mới là những tác động tích cực để khai sinh những thành quả tốt đẹp cho đất nước mà thôi.

Phần nghiên cứu và lý luận chính trị sau đây chủ yếu nhằm xác định quy luật xã hội này và chiếu dọi nó vào trường hợp của ba năm phản kháng văn nghệ tại quê nhà.

# những suy nghĩ chính trị về cao trào văn nghệ phản kháng tại việt nam (1987 - 1989)



*Đỗ Hữu Tài*

Mùa đông năm 1989, nhân loại trăn trở chuyển mình với những biến động ở Đông Âu và ở hai châu Phi, Mỹ. Những ý thức hệ lỗi thời của thế kỷ thứ 18 và thứ 19 về Quân chủ, Tư Bản, Đế quốc mà kháng thể của nó là các chế độ chuyên chính từ cực tả Cộng sản đến cực hữu Quân phiệt, lần lượt bị đào thải trước khát vọng Tự do và Dân chủ của người dân. Cũng tích tụ từ lâu nhưng đến mùa đông đó mới nổ lớn ra là nhu cầu hiện thực và cấp bách hơn về nhân phẩm và phúc lợi, khiến các hệ thống kinh tế chỉ huy và công hữu phải lần lượt nhường chỗ cho một xu hướng kinh tế do thị trường điều hướng và có tự do mậu dịch.

Đó là một mùa đông chan hòa nắng ấm cho những người dân Tiệp Khắc, người dân Đông Đức, người dân Ba Lan, người dân Hung Gia Lợi, người dân Bảo Gia Lợi, người dân Lỗ Ma Ni và người dân Nga Sô, dù mưa tuyết và băng giá đóng đầy những quảng trường hừng hực tiếng hò reo. Cũng đầy ắp niềm hy vọng cho người dân ở các nước Nicaragua, Panama, Namibia và Nam Phi về một tương lai hạnh phúc hơn, no đủ hơn và an toàn hơn.

Nhưng tại Việt Nam, mùa đông năm 1989 lại là một mùa đông buồn thảm. Vì đó là lúc một cao trào văn nghệ vận động cho Đạo lý Việt Nam và Dân chủ Việt Nam bị phá hoại và khuynh loát bằng những thủ đoạn chính trị. Trong một nước mà *Văn nghệ đã quá gắn với một xã hội lấy chính trị làm thống soái* (1) thì đây là một biến cố chính trị trước khi là một biến cố văn học. Bởi vì tại nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN), yếu tố chính trị luôn luôn là yếu tố vượt thắng hàng đầu, có ưu thế tuyệt đối; và mọi biến chuyển (cũng như những phản ứng trước biến chuyển đó) đều được chính trị hóa một cách triệt để. Vào mùa đông năm 1989 tại Việt Nam, tính chính trị quyết liệt đó xuyên suốt quốc sách Đổi Mới

để sống còn của đảng Cộng Sản Việt Nam trước sự tan hàng rã rời của Phong trào Cộng sản Quốc tế và trong sự phản kháng càng lúc càng quyết liệt của phong trào đổi mới trong nước, mà đứng ở vị trí tiền phong là cao trào phản kháng của các văn nghệ sĩ.

Vì vậy mà Chính trị phải đối phó với Văn nghệ, đối phó nhanh, đối phó mạnh, đối phó không nhân nhượng. Đối phó bằng những biện pháp chính trị phi luật pháp và phi văn hóa. Cao Trào Văn Nghệ Phản Kháng khởi động từ mùa thu năm 1987 và chìm xuống vào mùa đông năm 1989, nhưng âm ba của nó (cả âm ba chính trị lẫn âm ba văn hóa) vẫn còn vang vọng trong lòng mọi người Việt còn thật lòng quan tâm đến đất nước; và những hệ quả của nó vẫn còn là những đốm lửa hồng sẵn sàng để bùng lên khi được khơi dậy.

Bài viết này sẽ giới hạn trong hai mốc thời gian là tháng 10 năm 87 (buổi hội thảo giữa ông Nguyễn Văn Linh và các văn nghệ sĩ về nội dung "cởi trói") và tháng 10 năm 89 (Đại Hội Nhà Văn tại Hà Nội) là khoảng thời gian mà phong trào văn nghệ phản kháng lên đến cao điểm để trở thành một cao trào trong suốt ba năm đó. Ngoài ra, bài viết chỉ nhìn từ góc độ chính trị mà không đặt nặng các yếu tố khác cũng quan trọng không kém như Văn hóa, Xã hội, Kinh tế, để kiểm xét những điểm đặc thù của Cao trào nầy.



Trước hết là đi tìm nguyên ủy, tức là đi tìm các lực tác động căn bản và sâu xa nào đã khai sinh ra thái độ dũng khí và đã định hướng tư duy cho phong trào này. Ta sẽ thấy yếu tố chính trị hiện diện đầy đủ trong cả ba động lực sau đây: động lực có tính lịch sử, động lực có tính thời đại và động lực có tính nhân bản.

**1.** Đầu tiên và mang tính lịch sử là những dư âm tuy đã chìm xuống rồi nhưng vẫn còn giao động của Phong trào Nhân Văn Giai Phẩm ngay sau ngày chia đôi đất nước, khi Đảng Lao Động Việt Nam đang tiến hành chính lược hai mặt: xây dựng Xã hội Chủ nghĩa ở miền Bắc và tiến hành chiến tranh giải phóng ở miền Nam.

Tháng Hai năm 1956, tuyển tập Giai Phẩm Mùa Xuân ra đời tại Hà Nội như cao điểm của một số trí thức và văn nghệ sĩ miền Bắc công khai hóa và quy mô hóa thái độ "chống công thức giáo điều" và đòi "trả quyền lãnh đạo văn học cho các văn nghệ sĩ". Họ là Thụy An, Hoàng Cầm, Văn Cao, Phùng Cung, Trần Dần, Bùi Quang Đại, Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt, Phan Khôi, Hoàng Tích Linh, Hữu Loan, Như Mai, Tử Phác, Phùng Quán, Tạ Hữu Thiện, Nguyễn Tuân, Trần Lê Văn... và những ngọn đèn trí tuệ của miền Bắc như Đào Duy Anh, Trần Đức Thảo, Nguyễn Mạnh Tường và Trương Tửu. Họ là những chiến sĩ văn hóa lẫm liệt đứng dậy đi giữa những phố phường

mà *chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ* (2) cho nên *dùng dao viết văn lên đá* (3) để chống những tên *khổng lồ không tim* đang *tự đặt mình ở trên nhân dân* (4).

Đó là thời gian cơ cấu xã hội của Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được hai tuổi và đang trong tiến trình tạo hình. Thế mà sai lầm có tính cơ bản đã xuất hiện và làm trì trệ khả năng "xây dựng Xã hội Chủ nghĩa ở miền Bắc". Sai lầm đó là chức năng lãnh đạo độc quyền và ưu việt của Đảng (và bộ máy nhà nước) đã giết chết bản năng độc lập và khả năng sáng tạo trong mọi lãnh vực, nhất là lãnh vực tư duy văn học và sáng tác văn nghệ. Tính độc quyền này, trong tập I của Giai Phẩm Mùa Thu (22-8-1956), cụ Phan Khôi đã hạ quyết tâm lột trần nó ra trong bài *Phê bình lãnh đạo Văn nghệ*, và được mô tả trong *đợt học tập của giới văn nghệ tháng 8 vừa qua đã là một cuộc tranh đấu sôi nổi của trên 300 người công tác văn nghệ... (nhưng)* ***bè phái lãnh đạo văn nghệ*** *vẫn cứ ngoan cố làm thinh, tuyệt nhiên không giải quyết một nguyện vọng nào của anh chị em* (5) (nhấn mạnh của ĐHT).

Từ đó, tạp chí Đất Mới (của giới đại học), tờ Trăm Hoa (của thi sĩ Nguyễn Bính), tờ Thời Mới, Cứu Quốc, Đất Nước... và ngay cả một số bài trên hai tờ báo chính thức của Đảng là Nhân Dân và Học Tập, lần lượt tham dự vào và xây dựng thành một phong trào chống chính sách lãnh đạo, cơ chế lãnh đạo và nhân sự lãnh đạo không những trong lãnh vực văn hóa mà còn ngay cả trong lãnh vực quản trị quốc gia nữa. Tuy không thật rốt ráo để đặt hẳn vấn đề căn nguyên nhất (là chủ nghĩa và chế độ) nhưng lập trường và quan điểm chính trị, dưới dạng thức văn hóa, đã trở thành một mối "nội loạn" đáng ngại cho nên Đảng phải thẳng tay đối phó bằng những biện pháp chính trị: Trước hết là ban hành một sắc lệnh báo chí (ngày 15.12.1956) để có cơ sở ra lệnh cho Ủy ban Nhân Dân thành phố Hà Nội ký giấy đóng cửa tờ Nhân Văn. Sau đó là các tờ Trăm Hoa, Đất Mới và Giai Phẩm. Tiếp theo là phá hoại ngầm bằng cách không cho cơ quan mậu dịch bán giấy, hạn chế phát hành tại bưu điện và hăm dọa cả thợ in lẫn người đọc (kế hoạch này do Hoàng Đạo phụ trách). Song song với phá hoại là khủng bố chính trị bằng cách vu cáo các văn nghệ sĩ có tư thông với địch ở miền Nam (vụ Courtinat) đến nỗi ba cây bút phản kháng cự phách nhất là Hoàng Cầm, Trần Duy và Hữu Loan đã phải cùng nhau viết bài *Chúng tôi cực lực phản đối luận điệu vu cáo chính trị* đăng trên Nhân Văn để tố cáo biện pháp này và để bảo vệ sinh mệnh chính trị của nhóm.

Cuối cùng thì Đảng xuống tay: Bắt giam Thụy An và Nguyễn Hữu Đang, cách chức giáo sư đại học của Trương Tửu, quản thúc tại gia cụ Phan Khôi, và toàn diện nhất, bắt 304 văn nghệ sĩ đi chính huấn, phân tán họ lên vùng thượng du Việt Bắc và ra Liên khu Tư. Thế là phong trào tan rã, các văn nghệ sĩ đối kháng bị cô lập và trù dập trên cả ba mặt chính trị, sáng tác và kinh tế

gia đình. Phát súng ân huệ cuối cùng của Đảng dành cho Phong trào trong phút lâm chung là tuyển tập *Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước tòa án dư luận* của 84 tác giả do nhà Xuất bản Sự Thật ấn hành (1959) với lời nói đầu như sau: ... *một trận chiến đấu quan trọng, quyết liệt, có tính chất quyết định trong việc xoay chuyển cục diện đấu tranh đã kết thúc... nó đã ghi một thắng lợi vẻ vang của Chủ nghĩa Yêu nước và Chủ nghĩa Xã hội trên mặt trận văn hóa văn nghệ Việt Nam. Dù có kẻ nào vì lý do này hay vì lý do khác muốn quên nó đi hay muốn làm giảm bớt tầm quan trọng của nó lại, trận chiến đấu chống nhóm phá hoại "Nhân Văn Giai Phẩm" vừa qua vẫn là một trận chiến đấu có tính chất lịch sử, một trận chiến đấu đáng ghi nhớ của chúng ta trên bước đường "Ai thắng ai?" giữa lực lượng Xã hội Chủ nghĩa và lực lượng **thù địch với Xã hội Chủ nghĩa**... Dưới sự lãnh đạo kiên quyết và sáng suốt của Đảng Lao Động Việt Nam, cuộc giao phong trên mặt trận tư tưởng kéo dài gần ba năm trời, đã chặn đứng được một âm mưu phá hoại ngấm ngầm và công khai của bọn thù địch với dân tộc, **thù địch với Chủ nghĩa Xã hội**. Trận giao phong đó đã là một luồng gió mạnh thổi bạt những tư tưởng thối tha bỉ ổi, đánh rơi mặt nạ của những phần tử phản động, buộc chúng phải rút ra khỏi hang chuột mà chúng lẩn lút bấy lâu, làm cho đen trắng rõ ràng...* (nhấn mạnh của ĐHT).

Phong trào khởi đi như một thái độ phản kháng văn học và phẫn uất chấm dứt vì những biện pháp chính trị. Đảng đã phải chính trị hóa nó vì đó là lãnh vực Đảng có ưu thế và hơn thế nữa, có quyền lực tuyệt đối để sử dụng ưu thế này. Phong trào Nhân Văn Giai Phẩm (còn được gọi là Phong Trào Trăm Hoa Đua Nở) đã không có một hy vọng nào được sống lại trong thời gian sau đó vì Đảng đã nhân danh công cuộc Giải phóng miền Nam ác liệt và lâu dài, và nhất là vì Đảng đã ném câu hỏi đáng sợ "ai thắng ai?" vào cuộc đấu. Phong trào biến mất nhưng hoa trái của nó, tuy bị vùi lấp trong lòng đất, vẫn được ấp ủ trong lòng dân để 30 năm sau, trở thành một động lực thôi thúc của Cao trào Văn nghệ phản kháng vào năm 1987.

Hoa trái đó là thái độ khí phách của người trí thức và nghệ sĩ trước những nghịch lý của cuộc đời, là xác định được quy luật mâu thuẫn có tính bản chất giữa Văn học và Chính trị, nếu cả hai sinh hoạt này nằm trong tay một chế độ chuyên chính độc tài; và cuối cùng, hoa trái đó là đã tạo được một tiền lệ vừa lịch sử vừa chính trị trong nước Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa, để những hậu duệ của họ sau này có dịp thừa kế và đóng góp vào truyền thống phản kháng của lịch sử Văn học Việt Nam.

Cho nên ta không lấy làm lạ khi Trần Dần, trong một cuộc phỏng vấn, đã có thể hãnh diện xác định rằng *nhân cách nhà văn là văn cách của anh ta và (qua thời Nhân Văn) tôi đã được cái hoạn nạn nên đã sáng tác được không dưới 30 tác phẩm* (6); cũng như Hoàng Cầm đã có thể chững chạc nhận định rằng

*(tình hình văn nghệ) hiện nay vẫn đang ngổn ngang cái mới cái cũ. Tôi mong mỏi những anh em đang còn vướng trong nếp tư duy cũ sớm suy nghĩ lại để nhanh chóng hòa nhập với công cuộc đổi mới* (7). Ngay cả một cán bộ quân sự cao cấp của Đảng, thời đó ở xa tận trong Nam bộ, bây giờ *vẫn thiết tha hơn một lần mong "vụ án" được mổ xẻ sòng phẳng. Rất cần sòng phẳng đối với các sự kiện lớn của quá khứ... Tôi cho rằng chưa làm sáng tỏ "vụ án" này, chưa sòng phẳng với Sai và Đúng trong lịch sử cách chúng ta 30 năm thì sẽ chịu ảnh hưởng xấu đến hôm nay: rối mù, trắng đen lẫn lộn, công tội dồn cục* (8).

Tóm lại, Phong trào Nhân Văn Giai Phẩm đã như một thiên anh hùng ca Hy Lạp, bảng lảng trong dân gian như một kỳ tích đáng nhớ, và vẫn sinh động trong ký ức của những văn nghệ sĩ còn có lương tri và trách nhiệm để có dịp là hồi sinh nhắc nhở. Cho nên 30 năm sau, dù đất nước đã *hòa bình và thống nhất*, đã có những văn nghệ sĩ Việt Nam nhất định không muốn "quên nó đi" và nhất định không muốn "giảm bớt tầm quan trọng của nó".

**2.** Động lực thứ hai mang tính thời đại vì Cao trào Văn nghệ phản kháng tại quê nhà trong ba năm 87, 88 và 89 đã lấy hứng khởi từ và bắt nhịp với những biến cố của thời đại chúng ta. Đó là lúc lịch sử chuyển hóa để đẩy đến sự phá sản toàn bộ và triệt để của chủ nghĩa Cộng sản, phá sản trên cả hai mặt biện chứng sử quan về quy luật tiến hóa của lịch sử xã hội loài người (Hegel và Marx) cũng như quyền lực của giai cấp vô sản thông qua Đảng và Nhà nước (Lenine và Staline). Và đó là một nét lớn của thời đại chúng ta.

Vì thời đại chủ yếu là sản phẩm của con người nên đã có năm con người đóng góp nhiều nhất vào sự hình thành này của thời đại:

• Trước hết là ông Đặng Tiểu Bình, từ đầu thập niên 80, đã dứt khoát và kiên trì lái Trung Quốc theo một hướng đi mới, tuy còn khập khễnh trên hai chân chính trị và kinh tế nhưng ít nhất đã đặt hơn một tỷ người dân Trung quốc trước một thách thức tích cực, cụ thể và có hạn kỳ là đến năm 2000 phải hoàn tất bốn Hiện Đại hóa để nâng mức dân sinh và dân trí của người dân Trung quốc lên bằng với các quốc gia tiền tiến. Trong cuộc trường chinh gian khổ đó, cho đến nay đã được nửa đoạn đường, đã không có một cuộc "cách mạng văn hóa" kiểu Mao. Còn về biến động Thiên An môn, nếu cả thế giới đã bị chấn động bởi người sinh viên đơn thân chận đứng đoàn xe thiết giáp hờm súng, thì thế giới đáng lẽ cũng phải suy nghĩ nhiều hơn về người tài xế cũng vô danh của chiếc xe thiết giáp đầu tiên, đã lấy quyết định không nhấn ga nghiền nát người sinh viên cản đường.

Tiếng vọng Thiên An môn và hình ảnh Nữ Thần Dân Chủ vẫn là bài học thính thị hàm thụ nhiều ẩn số cho rất nhiều dân tộc đang trăn trở muốn phát triển đất nước, trong đó có đất nước Việt Nam. Đáp số có thể còn vô định, nhưng ý thức về một sự đổi mới tất yếu tận gốc rễ thì đã sôi sục thành hình

trong tim và óc của nhiều thành phần dân tộc, trong đó có thành phần văn nghệ sĩ của dân tộc Việt Nam khi nhìn lên người "bạn" láng giềng.

● Người thứ hai là ông Walesa, lãnh tụ Công Đoàn Đoàn Kết Ba Lan, đã bền bỉ và quyền biến lãnh đạo bạn bè công nhân "thành trì của giai cấp vô sản" để đấu tranh cho ước mơ hữu sản hóa con người, hữu sản hóa cả con người sinh lý lẫn con người trí tuệ. Chỉ với lòng yêu nước Ba Lan chứ không phải tầm vông hay đại pháo, ông đã lãnh đạo Công Đoàn mà những gian khổ phải trải qua và những vinh quang thu lượm được, đã là những tiền lệ chính trị đầy hứng khởi khai mở hy vọng cho các bạn bè Đông Âu láng giềng, và bạn bè năm châu bốn biển.

● Người thứ ba là ông Reagan, vị tổng thống diều hâu của cường quốc số một Tây Phương, người đã gọi Nga Sô là "đế quốc quỷ sứ" đầu nhiệm kỳ I và sau đó lại ôm hôn Tổng bí thư Đảng Cộng sản Nga cuối nhiệm kỳ II, đã thiết lập nền móng cơ bản cho thời kỳ hòa hoãn Hậu chiến tranh lạnh với hai sách lược Tài giảm võ khí hạch nhân và Quân bình hợp tác kinh tế.

Chính ông là người đóng lại kỷ nguyên **lưỡng cực chính trị** đằng đằng sát khí từ sau đệ nhị thế chiến và mở đầu kỷ nguyên **đa cực kinh tế**, đa diện hơn, phức tạp hơn, và có thể nhiều bất trắc hơn nhưng chắc chắn là an toàn hơn cho hòa bình và thịnh vượng của thế giới, trong đó có nước Việt Nam.

● Người thứ tư là ông Ceausescu, Tổng bí thư của đảng Cộng sản Lỗ Ma Ni, người đã trực tiếp chứng nghiệm đến tột cùng sự lỗi thời và phi lý của chủ nghĩa Mác - Lê khi ông sử dụng vũ khí sở trường nhất của Nhà nước vô sản Leninist là **bạo lực**, để thi hành biện pháp cũng sở trường nhất của Cộng sản Stalinist là **đàn áp**, mà vẫn thất bại trước những khát vọng rất bình thường nhưng cũng rất chính đáng của người dân Lỗ. Là nước cuối cùng trong bảy nước thuộc khối Warsaw bị làn sóng đấu tranh cho Dân chủ tràn ngập vào ngày 22-12-89, chính sự thất bại của bộ máy thống trị chứ không phải cái chết của vợ chồng Ceausescu, đã là lời chứng hùng biện nhất cảnh tỉnh các quốc gia chậm tiến, hãy mau chóng xây dựng một mô thức phát triển cho quốc gia của mình. Mô thức nào cũng được, trừ mô thức Xã hội Chủ nghĩa. Và không nhất thiết phải là Tư bản Chủ nghĩa.

● Người cuối cùng và là người quan trọng nhất, ông Gorbachev, người kể từ ngày 15 tháng 3 năm 1990 là Tổng Thống của Liên Bang Cộng Hòa Xã Hội Sô Viết và được một thiền sư Việt Nam cho là có "bàn tay siêu bỉ ngạn" (9). Ngồi ở vị trí Tổng Bí thư của Đảng mạnh nhất đang lãnh đạo toàn bộ Phong trào Cộng sản Quốc tế, ông là người có đầy đủ dữ kiện tổng hợp và dự phóng nhất, có đầy đủ tầm nhìn chiến lược nhất trong gần hai tỉ người sống trong thế giới Cộng sản, để thấy rằng chủ nghĩa Cộng sản không những đã sai lầm mà còn nguy hại đến sự sống còn của nước Nga anh hùng và vĩ đại.

Ông Gorbachev là người yêu nước, yêu nước Nga. Yêu nước hơn cả yêu chủ nghĩa và Phong trào Cộng sản Quốc tế mà ông là kẻ lãnh đạo. Nhưng chính vì vậy mà có vẻ như ông đang chậm chạp nhưng chắc chắn khai tử chủ nghĩa và phong trào này để cứu lấy nước Nga thân yêu của ông. Nếu vậy, thì đó là một quyết định thoát xác thông minh, can trường và đầy tình dân tộc.

Cho nên trong suốt cao trào đấu tranh cho dân chủ trên vòng đai Đông Âu đang che chở cho lãnh thổ Nga Sô của ông, *có một đều rõ ràng là cuộc giải phóng Đông Âu chẳng những đã không gặp sự chống đối của Mạc Tư Khoa mà còn được sự yểm trợ tích cực của Sô Viết. Ông Gorbachev đã khuyến cáo cấp lãnh đạo Ba Lan hãy hợp tác với Công Đoàn Đoàn Kết. Ông đã cảnh giác cả Honnecker (Đông Đức) lẫn Jakes (Tiệp Khắc) về hậu quả nguy hại nếu cưỡng chống lại dòng lịch sử. Chính ông đã ra lệnh cho Hồng quân Sô viết phải án binh bất động và khuyên Krenz nên phá hủy bức tường Bá Linh* (10).

Trước đó, ông đã đơn phương rút quân khỏi A Phú Hãn, đơn phương giảm quân tại Đông Âu, đơn phương rút lực lượng của Hạm đội Thái Bình Dương ra khỏi vịnh Cam Ranh và biến quân cảng này thành trung tâm tạm trú và bảo trì của chiến hạm thuộc **tất cả** mọi nước, kể cả Hoa Kỳ (11), đề nghị họp thượng đỉnh với hai vị tổng thống Mỹ, nối lại giao hảo với Trung Quốc... Tất cả những quyết định thuộc lãnh vực chính trị quốc tế đó cộng thêm với chính sách yểm trợ phong trào Dân chủ hóa và Tự do hóa tại Đông Âu là chiến lược để tháo gỡ những sợi xích nặng nề và vô ích bên ngoài, nhằm đánh dội vào sự biến hình lột xác trăm lần khó khăn hơn ở bên trong nước Nga.

Bên trong, ông tiến hành những cải cách kinh tế và chính trị của hai chính sách Glasnost (Trong lọc hóa) và Perestroika (Tái cơ cấu hóa) mà cụ thể là tản quyền hoạch định của nhà nước và cho tư nhân có quyền kinh doanh cá thể; đồng thời, trên mặt chính trị, thiết lập một chế độ Tổng Thống chế mới, chấp nhận hệ thống đa đảng giới hạn, và hòa hoãn nhưng quyết liệt (với nguyên tắc vẹn toàn lãnh thổ) thương thảo với các phong trào đấu tranh đòi tự trị của các Cộng hòa vùng Baltic và vùng Caspian. Vừa nói vừa làm, vừa thuyết phục vừa thực thi, ông đã là trục vận động chính của một phong trào toàn cầu làm choáng váng những trung tâm quyền lực quốc tế, và làm ngây ngất hơn một phần ba tổng số nhân loại đang sống trong các nước Xã hội Chủ nghĩa. Không có ông Gorbachev, có lẽ mùa đông năm 1989 vẫn còn buồn thảm như bao mùa đông trước.

Như vậy, chính năm người nầy, xuyên qua những đóng góp to lớn cho quốc gia họ và cho nhân loại, đã thay đổi bộ mặt thế giới trong những năm cuối của thập kỷ 80 và đã tạo thành những quy luật chi phối thời đại chúng

ta mà hai quy luật đáng chú ý nhất vì có liên hệ mật thiết đến tình hình nước ta nói chung và đến Cao trào Văn nghệ phản kháng nói riêng là:

●Nếu chính trị và kinh tế được hiểu theo động tính của nó, nghĩa là như những mặt sinh hoạt của đời sống, thì quy luật thứ nhất là trong mối quan hệ quốc tế cũng như trong sinh hoạt quốc gia, vai trò của **chính trị sẽ không còn có tính ưu thắng tuyệt đối** như xưa nữa. Kinh tế sẽ dần dần thay thế vai trò quyết định đó.

Ngôn ngữ quốc tế, từ nay, chủ yếu là ngôn ngữ kinh tế tài chánh. Sức mạnh của một quốc gia sẽ được đo bằng những đơn vị mới: Tổng sản lượng quốc gia, sai biệt trong cán cân ngoại thương, tổng số chuyên viên kỹ thuật và các phòng thí nghiệm, chiều dài của xa lộ và chiều cao của vệ tinh, số lượng các đại học và các định chế tín dụng v.v... chứ không như cũ, nghĩa là số chiến xa và đại pháo, hay số bộ đội và công an nữa.

● Với sự bùng nổ của cuộc cách mạng truyền thông xuyên qua những tiến bộ vũ bão trong hai ngành điện tử và không gian, thế giới sẽ bị thu nhỏ lại và lịch sử sẽ bước những bước vừa dài hơn vừa nhanh hơn. Nhờ vậy, giao lưu tư tưởng giữa các dân tộc sẽ dễ dàng và rõ ràng hơn làm cho các nền văn hóa có cơ hội giao thoa một cách đồng bộ với nhau để tạo thành quy luật thứ hai: Những **nhu cầu phi vật chất** của con người như nghệ thuật, giáo dục, tôn giáo, trong sạch môi sinh, du lịch, giải trí... sẽ dẫn đến những đòi hỏi bức thiết và minh bạch về quyền làm người, quyền được sống cho ra người. Nhân quyền.

Hệ thống chính trị - kinh tế nào thỏa mãn những đòi hỏi nầy thì quốc gia đó có sự đồng thuận dân tộc để phát triển đất nước. Hệ thống chính trị - kinh tế nào đi ngược lại thì sẽ nổ bùng mâu thuẫn nội tại mà trở nên suy yếu.

Hai quy luật thời đại nầy đã xuyên lục địa, xé không gian, theo những làn sóng tín hiệu và truyền thông hiện đại tuôn về nước Việt Nam xa xôi và đánh động tâm thức cùng hào khí của những văn nghệ sĩ vừa có một tấm lòng với đồng bào vừa có một trách nhiệm với tổ quốc. Hình ảnh sụp đổ của bức tường Bá Linh trong tiếng reo hò Deutschland Einig Vaterland (Đức quốc chỉ có một Đất Tổ), đêm thắp nến cho quê hương trên công trường Wenceslas tại Tiệp Khắc, lời xác nhận của Kryuchkov trên đài truyền hình Mạc Tư Khoa về KGB là "bộ máy đàn áp và khủng bố" nhân dân dưới thời Staline, hàng vạn cánh tay vung lên đả đảo Ceausescu tại Bucharest vào ngày 21-12-89 và ngày hôm sau phá tan trụ sở đảng Cộng sản Lỗ Ma Ni... đã là những thôi thúc đầy năng động đóng góp vào sự lớn mạnh của Cao trào Văn nghệ phản kháng tại Việt Nam trên cả hai mặt tư duy văn học cũng như thái độ chính trị

3. Cuối cùng là động lực mang tính nhân bản nhưng đặc thù của riêng dân tộc Việt Nam, một dân tộc vốn có truyền thống bình dị, lương thiện và nhân

nghĩa nhưng lại cứ phải sống trong chiến tranh, gian dối và hận thù. Động lực này, tự thân, là sức bật mãnh liệt nhất của Cao trào phản kháng vì nó xuất sinh từ tận đáy lòng của mỗi văn nghệ sĩ.

Sau năm 1975, con người sống trong xã hội Việt Nam đã phải đối diện và giải quyết những vấn nạn rất mới, rất lạ. Thật vậy, trước đó, con người cá nhân và biệt lập không có mặt trong cuộc chiến, dù nó là cơ phận căn bản và đông đảo nhất của hai bộ máy khổng lồ do các hệ thống viễn khiển điều động lăn xả vào nhau. Cũng trước đó, những phạm trù to lớn như Giải phóng, Cách mạng, Dân tộc, Độc lập, Ngoại xâm... bao trùm toàn bộ tư duy của những người làm công tác văn học ở miền Bắc. Tất cả đều được điều hướng để khảo sát và nhận thức trong kích thước vĩ mô (macro) của toàn bộ tổ quốc. Chỉ sau năm 1975 và đặc biệt sau khi chính thức thống nhất đất nước, con người như một biệt thể cá nhân với kích thước vi mô (micro) đặc thù của nó, mới bắt đầu chỗi dậy xác nhận sự hiện diện của mình.

Thay vì là "đội ngũ cán bộ" nói chung thì bây giờ là những anh Nguyễn văn X cụ thể và rõ ràng, có cha mẹ vợ con, có nợ nần của cải; thay vì là "miền Nam thành đồng của tổ quốc" nói chung thì bây giờ là chị Trần thị Y cụ thể và rõ ràng, có nhà cửa làng xóm, có nước mắt và nụ cười. Những X và những Y, bây giờ không còn là những ẩn số nên phải bật ra khỏi cái đám đông đồng dạng và đồng tính để sống một cách trần trụi lồ lộ, với các ước mơ riêng tư và các âu lo hiển hiện trong những khó khăn của thời hậu chiến. Đã xẻ dọc Trường Sơn xong rồi để *cứu nước* thì bây giờ là xẻ ngang luống đất sau nhà để có manh áo miếng cơm.

Như vậy, chỉ trong một thời gian rất ngắn, có hàng chục triệu cá nhân bỗng chen chúc nhau tìm cách khẳng định sự có mặt của mình trong sự giao lưu về cách thế sống của hai miền Nam Bắc, trong trạng huống vừa hợp đã tan của chính sách Kinh tế mới và cuộc viễn chinh Kampuchea, trong tình cảnh phân bố bất đồng đều giữa những hứa hẹn thời kháng chiến đánh Tây đuổi Mỹ với thực tế bất công và bất xứng của một xã hội hậu chiến tranh... *Ngày nay, dân tộc Việt Nam như một con người sau hàng chục năm sống tách biệt với đồng loại đang chỉ vào ngực mình mà tự hỏi "Ta là ai?" và đứng trên ngưỡng cửa quen thuộc nhà mình với hai cánh cửa lúc khép chặt, lúc mở he hé, và nhìn ra thế giới, nhìn nhân loại, rồi quay lại nhìn mình...* (12).

Các văn nghệ sĩ cũng không thoát ra khỏi cái hiện tượng nhân văn đó. Hơn nữa, chức năng mô tả tâm tình và khát vọng của con người (từ lâu vốn được lãnh đạo để chỉ mô tả những phạm trù to lớn và tổng thể của đất nước) bây giờ, trong hòa bình nhưng đói khổ, được khơi dậy để hình thành những tác phẩm hiện thực của cuộc sống trước mắt, của bạn bè quanh mình, và nhiều khi của cả chính mình nữa. *Tướng về hưu* của Nguyễn Huy Thiệp,

*Những thiên đường mù* của Dương Thu Hương, *Chuyện tử tế* của Trần Văn Thủy, *Cảm xúc đi trên đường Nguyễn Trãi* của Đặng Thị Vân Khanh, *Ly Thân* của Trần Mạnh Hảo, *Về nhà trước cơn mưa* của Trang Thế Hy, *Người đoán mộng giỏi nhất thế gian* của Phạm Thị Hoài, tuyển tập *Người đàn bà quỳ* của nhiều tác giả viết về giai cấp cường hào mới ở nông thôn... là những tác phẩm đầy ắp tính nhân bản, phản ánh trọn vẹn cái "bề mặt bên kia" của cuộc sống người vốn chưa bao giờ được đề cập đến một cách trung thực trong suốt gần 60 năm của nền Văn học Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Những sáng tác đó, và hầu hết các tác phẩm nằm trong Cao trào Văn nghệ phản kháng, đều xuất sinh từ hai ý thức chỉ đạo sau đây:

• Thứ nhất là **Ý thức về Sự Thật**, một ý thức hoàn toàn vắng mặt trong đời sống cả văn học lẫn chính trị trong một xã hội Xã hội Chủ nghĩa. Nhất là trường hợp Việt Nam với hơn 30 năm đặt nặng công tác tuyên truyền tâm lý chiến để vận động trí não và tình cảm toàn dân chống giặc, che dấu cái xấu, khuếch đại cái tốt và đề cao vai trò lãnh đạo bách chiến bách thắng của Đảng Cộng sản.

Nhưng khi sự căng thẳng và mối đe dọa của chiến tranh chấm dứt, và khi Đảng phạm một số lỗi lầm chiến lược trầm trọng về cả hai mặt quản trị kinh tế lẫn cai trị chính trị, thì không những huyền thoại về Đảng sụp đổ mà những lý luận ngụy trang Sự Thật cũng không còn đứng vững nữa. *Mỹ đã cút, Ngụy đã nhào*, bây giờ chỉ còn ta với ta thì lấy gì mà biện minh cho một nền văn học "minh họa" kiểu "ai thắng ai" được. Một nền văn học bị chính những người góp phần khai sinh và nuôi dưỡng ra nó gọi là *văn nghệ quan phương, văn chương cung đình, là văn học tuyên truyền, văn chương tuyên huấn* vì đó chỉ là giai đoạn văn học minh họa cần phải đọc lời ai điếu cho nó.

Ý thức về sự thật khi đánh giá lại Lịch sử, Cách mạng, Kháng chiến, Chế độ, Lãnh đạo, Xã hội, Văn học... đã tạo ra khuynh hướng phủ nhận nền văn học hiện thực Xã hội Chủ nghĩa và đặt cho các văn nghệ sĩ những tiêu chuẩn mới khắt khe hơn nhưng cũng lương thiện hơn mà chị Dương Thu Hương đã gói trọn trong câu nói: *"Một nửa ổ bánh mì vẫn là bánh mì, nhưng một nửa sự thật thì không phải là sự thật"*.

• Cũng vậy, **Ý thức về Con người** như một chủ thể riêng biệt cũng rất nghèo nàn trong số lượng sáng tác khổng lồ của hơn 20 năm văn nghệ miền Bắc. Trong quá khứ, cá nhân chỉ là những hạt tinh thể kết tinh với nhau theo quy luật và thành từng khối to lớn trong chiều kích tổng thể của các bộ phận lớn như chiến sĩ Tiểu đoàn 308, Đảng viên tiền tiến, Anh hùng sản xuất, Cháu ngoan Bác Hồ... Nếu có đề cập đến những cá nhân riêng biệt và có thật, thì những cá nhân này lại chỉ được nêu tên và vinh danh như một tiêu biểu đại diện cho cả một tập thể nào đó thôi.

*trên quê hương*

Còn con người đích thực với thân phận của nó trôi nổi lao đao trong cuộc sống, với tình cảm trong sáng và tham vọng đê hèn, với ước mơ đơn sơ và thèm muốn hèn hạ, với cười và khóc, no và đói, sống và chết... thì lại bị cấm kỵ trong một quan điểm sáng tác vẫn tự hào là "nhân bản, hiện thực và khoa học". Đến nỗi Nguyên Ngọc đã phải than rằng *Người là muối mà chính người lại không mặn thì biết lấy gì để muối người* (13) và Nguyễn Huy Thiệp đã phải nhờ một loạt các nhân vật hư cấu của mình như chị Sinh đày đọa và anh Tốn phế nhân trong *Không có vua*, như Lão Hạ ăn mày và anh Cún tật nguyền trong *Cún*, như nàng Bua tội nghiệp và bản Hua Tát xa xôi trong *Những ngọn gió Hua Tát* để dựng lại cho đầy đủ, rõ ràng và trung thực những thảm cảnh có thật nhưng lại bị bỏ quên của con người.

Nhu cầu làm sống lại con người đích thực, nhu cầu đánh giá lại nấc thang giá trị của đời sống vì sự nghịch lý quá sỗ sàng vẫn hiển hiện ra trước mắt từ sau 1975, đã tác động mạnh mẽ vào tâm thức của những văn nghệ sĩ có lương tri và có trách nhiệm, làm cho họ không có chọn lựa nào khác hơn là, trước hết, suy nghĩ và hành xử trong ý thức người.

Như vậy, ta thấy chính ý thức về Sự Thật và ý thức về Con người đã là nền móng cơ bản xây dựng tính nhân bản chảy xuyên suốt nội dung sáng tác của các tác phẩm trong Cao trào Văn nghệ phản kháng. Đặc biệt tính nhân bản nầy khác với tính nhân bản của Marx vì nó nằm trong truyền thống lịch sử và văn hóa đặc thù của dân tộc, có nhân nghĩa và đạo lý Việt Nam làm gốc rễ. Và khi tính nhân bản nầy chỗi dậy trong xã hội Việt Nam vào những năm cuối của thập kỷ 80, nó đã va chạm với thành trì văn hóa Marxist không những dưới dạng thức nghệ thuật mà còn cả dưới những biểu hiện chính trị nữa. Tại vì nếu Dân quyền là một phần của Nhân quyền thì đòi hỏi quyền được biết và nói sự thật, cũng như đấu tranh để làm đẹp và làm tốt đời sống con người, cũng là những đòi hỏi và đấu tranh chính trị để chống lại một hệ thống chính trị đương quyền đang ngụy trang sự thật và vong thân hóa con người.

Nói tóm lại, ba động lực chính có tính lịch sử (nối dài một cách hữu cơ và nhân quả từ vụ Nhân Văn Giai Phẩm), có tính thời đại (của một nhân loại đang chuyển mình sắp xếp lại trật tự theo những quy luật vận động lịch sử mới) và có tính nhân bản (từ các ý thức về Sự Thật và Con người) đã là những sức bật mãnh liệt đẩy Phong trào Văn học phản kháng âm ỉ từ ngày chia đôi đất nước thành một Cao trào đấu tranh quyết liệt trong ba năm liền sau Đại Hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Nội dung chủ yếu của Cao trào là Văn học nghệ thuật và đối tượng tột cùng của nó là Đạo lý để xây dựng con người và đất nước Việt Nam. Chính

vì đối tượng đó mà đã có những mâu thuẫn và va chạm chính trị sâu sắc với thế lực chính trị đương quyền và với hệ thống ý thức chỉ đạo thế lực đó.



Vậy thì bản chất chính trị của những mâu thuẫn và va chạm đó là gì? Nội dung chính trị của Cao trào Văn nghệ phản kháng là gì?Tại Việt Nam, sinh hoạt Văn học Nghệ thuật được chia thành ba khu vực chính: Khu vực **Lý luận Văn học** có nhiệm vụ nghiên cứu và lý luận các đường hướng chỉ đạo về sáng tác và phê bình, khu vực **Sáng tác** bao gồm các công tác sáng tạo nghệ thuật như Văn chương, Âm nhạc, Hội họa, Kịch nghệ, Điện ảnh, Điêu khắc... và khu vực **Phê bình Văn học** lấy các tác phẩm của các văn nghệ sĩ làm đối tượng phân tích và phê phán.

Một cách dễ hiểu và tương đối, Lý luận Văn học là "Lập pháp" phụ trách vạch đường lối, Sáng tác là "Hành pháp" phụ trách thi hành đường lối, và Phê bình văn học là "Tư pháp" kiểm soát việc thi hành cho đúng đường lối trong mô thức chính trị dân chủ Cộng hòa chế. Nhưng trên mặt chính trị và trong một chế độ tự do dân chủ thực sự, nếu ba khu vực (hay chức năng) này được phân quyền để kiểm soát và quân bình nhau (check and balance) thì trong chế độ Xã hội Chủ nghĩa và trên mặt văn hóa, Đảng, nhờ chế độ tập trung quyền lực và vị thế lãnh đạo tuyệt đối của nó, đã khuynh loát và điều động toàn bộ sinh hoạt Văn học Nghệ thuật của cả nước xuyên qua ba ủy viên: Trên hết và cao nhất là Ủy viên Bộ chính trị phụ trách Trưởng ban Tổ chức Trung Ương Đảng (Nguyễn Đức Tâm), rồi đến Ủy viên Bộ chính trị phụ trách công tác tư tưởng (Đào Duy Tùng) và cuối cùng, đặc biệt cho lãnh vực Văn hóa, là Ủy viên Trung Ương Đảng phụ trách Trưởng ban Văn hóa Tư tưởng (Trần Trọng Tân).

Trong khi hai khu vực Sáng tác và Phê bình chỉ là những công cụ để Đảng phổ biến và uốn nắn đường lối và chính sách, thì khu vực Lý luận lại chính là **Đảng hiện thân qua Văn học**. Mọi lệch lạc phi Xã hội Chủ nghĩa, mọi xét lại phi Marxist, mọi khuynh tả ấu trĩ và khuynh hữu phản động đều không có quyền hiện diện trong tư duy của khu vực này. Điều 44 của Hiến pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, một hiến pháp được viết như *"những khẩu hiệu chính trị chứ không đặt nền tảng trên những nguyên tắc pháp lý (14)*, viết rằng: *Văn học Nghệ thuật Việt Nam được* ***xây dựng trên lập trường quan điểm của chủ nghĩa Mac-Lênin và theo đường lối văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam****. Các hoạt động văn nghệ chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp đều được khuyến khích phát triển nhằm* ***giáo dục đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước****, giáo dục đạo đức, tư tưởng, tình cảm cách mạng, nâng cao trình độ thẩm mỹ và thỏa mãn nhu cầu về văn hóa của nhân dân*. (15) (nhấn mạnh của ĐHT).

Chính điều này của Hiến pháp đã là một quân lệnh trấn áp mọi sáng tạo, mọi thao thức, mọi tỉnh ngộ, mọi xét lại, mọi đổi mới trong sinh hoạt văn học nghệ thuật tại Việt Nam, và mang lại cho khu vực Lý luận Văn học vừa sức mạnh vừa quyền lực chính trị đầy ưu thế. Cho đến khi không chịu nổi ba sức ép của lịch sử, của thời đại và của khát vọng nhân bản, sau Đại hội VI, Đảng phải "cởi trói" Văn nghệ với nghị quyết số 05, xác nhận *Tự do sáng tác là điều kiện sống còn để tạo nên giá trị đích thực trong văn hóa văn nghệ* và *Tác phẩm văn nghệ... (được) đặt dưới sự đánh giá, phán xét của công luận và sự phê bình* (16) thì điều 44 nói trên của Hiến pháp mới tỏ lộ hoàn toàn tính nô lệ vào Đảng của nó. Và từ đó, những mâu thuẫn lâu năm giữa Đảng và thành phần văn nghệ sĩ mới có cơ hội nổ bùng ra.

Có hai mức độ mâu thuẫn: Mâu thuẫn có tính **chức năng** giữa Chính trị và Văn học, và mâu thuẫn có tính **bản chất** giữa Chính trị Việt Nam và Văn học Việt Nam. Phần này của bài viết lấy khu vực Lý luận Văn học (là khu vực nặng tính chính trị) làm đề tài để phân tích các mâu thuẫn nói trên.

**1.** Trước hết là những mâu thuẫn trong mối quan hệ giữa Chính trị và Văn nghệ được xoáy mạnh vào câu hỏi cốt lõi: Có nên tách rời Chính trị ra khỏi Văn nghệ hay không? hay nói thật rõ ra: Đảng có quyền lãnh đạo Văn nghệ hay không?

Trương Chính, thuộc phái bảo thủ và tuân theo kỷ luật Đảng, đã biện hộ bằng cách công nhận tình trạng mâu thuẫn giữa Chính trị và Văn nghệ là có thật, nhưng nguyên nhân chính không phải vì sự đối chọi về bản chất và chức năng của hai lãnh vực này mà chỉ vì *trong Văn học, từ Đảng lãnh đạo đến quần chúng có một lớp người trung gian. Lớp người ấy dễ mắc bệnh quan liêu. Chứng bệnh quan liêu đã làm hại nhà văn và làm sai lạc đường lối lãnh đạo của Đảng.* (17)

Cao hơn một bậc và đứng trong quan điểm của Đảng, Thành Duy ngụy biện rằng *Nói Văn học nghệ thuật phục vụ tổ quốc, phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng cũng là nói Văn học Nghệ thuật phục vụ chính trị.* (18) Nhưng đồng hóa Tổ quốc, Nhân dân và Cách mạng với Chính trị (của Đảng) vẫn chưa rốt ráo bằng Lê Xuân Vũ, đem luôn quan điểm xã hội học của Mác để xác định tính phụ thuộc tất yếu của Văn nghệ ra khỏi Chính trị vì *trong xã hội có giai cấp, không thể tách Văn nghệ và Chính trị, coi Văn nghệ là vô tư, độc lập với Chính trị, đứng trên hay đứng ngoài Chính trị. Và vì Chính trị phản ánh trực tiếp và gắn chặt với cơ sở kinh tế, lợi ích căn bản của các giai cấp, nên nó có sức mạnh chi phối mọi mặt đời sống tinh thần của xã hội. Văn nghệ cũng như mọi hình thái ý thức xã hội khác, hợp thành đời sống tinh thần của xã hội, đều phát triển dưới tác động lãnh đạo và hướng dẫn của chính trị* (19). Và để thêm sức nặng cho cái tam đoạn luận Marxist của mình, ông đã phải trích dẫn thêm cả

Hồ Chí Minh rằng *Văn nghệ không thể đứng ngoài mà phải ở trong Kinh tế và Chính trị.* (20)

Nhưng phải đến Trần Độ, Ủy viên Trung Ương Đảng, thì quan điểm chính thức của Đảng mới rõ ràng và dứt khoát, như một mệnh lệnh đầy đe dọa. Trước hết ông nhắc lại hai tiền đề lịch sử lớn rằng *Chỉ từ khi Đảng ta ra đời và lãnh đạo cách mạng thì văn nghệ mới trở thành văn nghệ cách mạng, tức là văn nghệ dưới sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện những đường lối và mục tiêu của Đảng* và rằng *Sứ mệnh của Đảng là lãnh đạo toàn bộ xã hội, lãnh đạo mọi lãnh vực, thì tất yếu Đảng phải lãnh đạo cả văn hóa văn nghệ* (21). Sau đó, đứng vững trên lập trường của Đề cương Văn hóa do Trường Chinh viết từ năm 1943, ông lý luận rằng vì *Văn nghệ thực hiện đường lối chính trị, mục tiêu chính trị, thì tức là làm chính trị rồi* (21), nghĩa là nằm trong cái lãnh vực độc quyền của Đảng rồi nên *Văn hóa văn nghệ phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng* (21). Còn nếu có những hiện tượng tiêu cực trong mối quan hệ (lãnh đạo) này thì *Đảng chỉ cần đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao trình độ lãnh đạo của Đảng* mà thôi (21).

Như vậy rõ ràng trên mặt Lý luận Văn học, Đảng khẳng định rõ ràng thành một quy luật chính trị: **Đảng lãnh đạo văn học văn nghệ**. Dưới bàn tay của Đảng, Văn học Nghệ thuật chỉ là những công cụ đấu tranh vì Đảng và phục vụ cho Đảng, không chấp nhận điều này *là vi phạm hiến pháp, là phạm pháp, có tội* (21)

Còn về phía các văn nghệ sĩ, ngay từ tháng 6 năm 1979, nhà văn Nguyên Ngọc, Bí thư Đảng Đoàn của Đảng Đoàn Hội Nhà Văn Việt Nam đã thấy mặt tiêu cực của đường lối này. Là người của Đảng nên lúc bấy giờ còn đứng ở vị trí lãnh đạo, thế mà ông đã thấy có cái gì không ổn trong mối tương quan giữa hai lãnh vực đó khiến *Văn học ta đã có sự dừng lại* (13) tại vì *tác phẩm vẫn như trước kia hoặc khá hơn một tí mà trong khi đó, đời sống đã thay đổi rất nhiều (13).* Ngoài ra *sự thô thiển kéo dài trong công tác lý luận và phê bình văn học trước hết là ở một điểm rất cơ bản: ở quan niệm về chức năng của văn học...* một quan niệm *dung tục hóa mối quan hệ giữa văn học và chính trị, tuyệt đối hóa chính trị, tuyệt đối hóa sự chi phối tất yếu của chính trị đối với văn học.* (13)

Phải thao thức như vậy trong 10 năm, kinh nghiệm qua cuộc sống riêng trong những biến động chung của đất nước, ông mới nắm bắt được bản chất đích thực của "cái không ổn" này. Cho nên khi làm Tổng Biên Tập tạp chí Văn Nghệ của Hội Nhà Văn, chính ông là người khai pháo và đẩy những phản kháng ngấm ngầm thành một cao trào Văn nghệ đấu tranh cho Văn học thoát ly khỏi Chính trị.

Trong cao trào đó, ở khu vực Lý luận Văn học, ta thấy có Phan Kế An, Nguyễn Đăng Mạnh, Ngô Thảo, Lê Ngọc Trà, Hồ Ngọc, Nguyễn Văn Hạnh,

Lại Nguyên Ân... đã đứng trên cả hai quan điểm hoặc phi Mác để gián tiếp tố cáo Đảng đã *coi văn nghệ là công cụ của chính trị, phục vụ chính trị một cách thô thiển, đơn giản, biến văn nghệ thành vũ khí tuyên truyền, thành tuyên truyền* (22), hoặc của Mác để xác định rằng *phân biệt văn nghệ và chính trị là hai hình thái ý thức, hai hoạt động khác nhau, có quan hệ với nhau;* ***nhưng không được*** *đồng hóa, đồng nhất với nhau để chính trị chi phối văn nghệ một cách trực tiếp, thô thiển là hoàn toàn đúng hướng, là hoàn toàn phù hợp với những quan niệm Mác Xít về Văn học nghệ thuật.* (23) (nhấn mạnh của ĐHT).

Nhưng chính Lại nguyên Ân mới là người dứt khoát và quyết liệt hơn cả khi ông chiếu dọi sự mâu thuẫn đó vào thực tế của xã hội Việt Nam và cho đó là mâu thuẫn giữa hai quyền lực: *Về thực chất, quan hệ giữa chính trị và văn nghệ là giữa những người cầm quyền đứng đầu quốc gia, lãnh đạo đất nước và những người sáng tạo văn nghệ, những trí thức sáng tác nghệ thuật.* Đó cũng là quan hệ giữa hai loại "bá quyền" trong xã hội: quyền lực hành chánh, quyền lực cưỡng chế hết sức mạnh mẽ trong hiệu lực đương thời tức khắc của nó - một bên, và một bên nữa là "quyền lực" (nếu có thể gọi như vậy với ít nhiều ước lệ) của tri thức, của các giá trị văn hóa nhân bản. (24) Trong sự sống chung đồng sàng dị mộng của hai quyền lực đó, lịch sử đã chứng minh là *đã có trường hợp những nghệ sĩ tuyên bố từ chối chính trị thì thực chất đó không phải là sự quay lưng lại chính trị nói chung, mà là sự từ chối chính trị của những người cầm quyền cụ thể (24)* tại vì quan hệ giữa hai "bá quyền" này, tự thân, vốn đã *chứa đựng khả năng sinh mâu thuẫn và xung đột giữa người cầm quyền và giới trí thức sáng tạo nghệ thuật, nguy cơ hình thành một loại văn nghệ quan phương không phải đã hoàn toàn mất ý nghĩa ở* ***những nơi Đảng Cộng Sản đã dành được chính quyền.*** (24) (nhấn mạnh của ĐHT).

Như vậy, tuy ông diễn dịch sự mâu thuẫn giữa Chính trị và Văn nghệ là mâu thuẫn giữa Người (cầm quyền) và Người (sáng tác) nhưng rõ ràng đó chỉ là một phương pháp luận để chuyên chở một mâu thuẫn sâu sắc hơn, mâu thuẫn về chức năng. Thật vậy, kể từ khi có những hình thái nghệ thuật, chức năng không thay đổi của người nghệ sĩ là *cố gắng dành lấy những khoảng trời rộng rãi để tự do sáng tạo ra những giá trị tinh thần mới (24),* trong khi đó thì người cầm quyền chính trị, ở đây là Đảng Cộng sản như ông viết, lại có *xu hướng áp đặt, chi phối, phổ cập sự điều khiển của mình lên toàn bộ lãnh thổ* (24) mà ví dụ điển hình nhất vì có thật, đau đớn nhất vì thô bạo là *cùng chủ chiến trong một cuộc chống ngoại xâm, nếu lý do ở ý thức quan phương (của chính quyền) trước hết là sự tồn vong* ***của Nhà nước,*** *thì lập trường phi quan phương (của văn nghệ sĩ) lại nhìn nó ở sự* ***tồn vong dân tộc*** *(24)* (nhấn mạnh của ĐHT).

Tóm lại, Lại nguyên Ân và các bạn bè tiến bộ của ông đã không những

phủ nhận quyền lãnh đạo của Đảng, mà quyết liệt hơn, còn tố cáo Đảng đặt Dân tộc, Lãnh thổ và "những khoảng trời rộng rãi" ở dưới sự tồn vong của Đảng trong mọi mối quan hệ. Đẩy quan hệ có tính chức năng đến mức thô bạo nhất của nó là ***quan hệ quyền lực***, họ đã đánh trúng vào tử huyệt của chủ nghĩa Lenin mà đích nhắm cụ thể là bộ máy lãnh đạo (gồm cả cơ chế lẫn nhân sự) của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**2.** Tuy nhiên, những mâu thuẫn và va chạm giữa hai quan điểm, hai lập trường được đề cập trên đây vẫn là những mâu thuẫn và va chạm xảy ra trong một cái khung đã được chấp nhận. Khung Xã hội Chủ nghĩa, khung Marxist Leninist với những tiền đề triết học, lịch sử, chính trị hay văn hóa đã được cả hai bên minh nhiên hay ẩn dụ, cố tình hay giả vờ đồng ý với nhau.

Phát xuất từ nhưng lại đứng ở trung tâm của những mâu thuẫn đó là một sự phản kháng có tính cách cốt lõi, tuy ít được đề cập nhưng mỗi lần đề cập thì lại quyết liệt hơn, tuy không được nói một cách rộng rãi nhưng mỗi lần nói thì lại sâu sắc hơn. Đó là sự phủ nhận chủ nghĩa Mác Lê xuyên qua mâu thuẫn giữa nền chính trị Việt Nam hiện tại và Văn học nghệ thuật Việt Nam hiện tại. Trên đất nước này, ở thời điểm này.

Sự phủ nhận này bắt nguồn từ chính Sách Đổi mới để sinh tồn của Đảng từ sau Đại Hội VI, khi Đảng công khai thú nhận những yếu kém của mình ở các khâu Quản lý, Cán bộ thừa hành và nhiều khi cả Chánh sách nữa. Nhưng sự thú nhận này vẫn **không giải thích đầy đủ và biện minh hợp lý được** sự suy thoái của Đảng về hiện trạng kiệt quệ của đất nước trên tất cả mọi lãnh vực. Cho nên trong khi khảo sát và mô tả xã hội, chính một số văn nghệ sĩ nhậy bén đã truy tầm ra được điểm căn cốt nhất, đầu mối của tất cả mọi thảm họa, mọi bế tắc. Đó chính là Xã hội Chủ nghĩa kiểu Leninist Stalinist.

Sự phát giác này và thái độ phủ nhận sau đó đã như một phát minh kỳ diệu đến đam mê khiến những người dám lên tiếng nói lên điều đó một cách toàn phần hay chỉ một khía cạnh, một cách trực tiếp hay gián tiếp, tưởng như đang lên đường cho một cuộc cách mạng mới. Họ đã hùng tráng và lẫm liệt đứng bật dậy như Thánh Gióng ngày xưa, lấy viết thay kiếm, lấy giấy thay ngựa mà nói lên sự phẫn nộ của cả một dân tộc. Đến nỗi có người của Đảng phải báo động rằng *không chỉ trên lãnh vực văn học nghệ thuật mà cả trên nhiều lãnh vực khác còn cao hơn cả văn học nghệ thuật cũng đang có tình trạng nhận thức lại. Chủ nghĩa Xã hội và thời kỳ quá độ cũng được nhận thức lại. Cả Chủ nghĩa Mac-Lênin vốn được xem như lãnh vực tối kỵ ít ai dám nói đến, xem xét lại, nay cũng có người nghi ngờ về vị trí khoa học và giá trị thực tiễn của nó* (18) Thái độ nhận thức lại đó đã *phản ánh dấu hiệu của sự khủng hoảng về lý luận, về sự bối rối của lòng tin về những tín điều mà trước đây được xem là chân lý, là lý tưởng và mục tiêu phấn đấu của mỗi chúng ta.* (18)

Đứng trên quan điểm của một người Cộng sản chính thống, Thành Duy cho rằng sở dĩ có sự khủng hoảng đó là vì chủ nghĩa Mác Lê *đáng lẽ phải được nhận thức như phương pháp luận khoa học hoặc định hướng về thế giới quan,* thì một số đảng viên cũng như các văn nghệ sĩ chống lại họ, cả hai đều sai lầm *biến nó thành những giáo điều, những công thức cứng nhắc, vận dụng máy móc như những tín đồ tôn giáo trước kinh thánh của Chúa* (18). Vì vậy mà cuộc khủng hoảng lý luận hiện nay chỉ là cuộc khủng hoảng của hai kẻ điếc đang cãi nhau. Và cũng do đó *đổi mới không có nghĩa là phê phán toàn bộ cái cũ mà chỉ phá bỏ cái lỗi thời* (18) mà thôi.

Nhưng Trần Bạch Đằng, nguyên Ủy viên Trí vận của Mặt trận Giải phóng Miền Nam cũ, thì không hàng hai như thế, ông đánh giá sự phản kháng chế độ Xã hội Chủ nghĩa là xuất phát từ *trình độ ấu trĩ về lý luận Mác xít* (8) của các văn nghệ sĩ và không lý luận quanh co, cột họ vào câu hỏi đe dọa nhất: *Cứ theo cái đà lập luận này, kẻ có lý là giặc ngoại xâm và bọn Việt Gian, kẻ ngu xuẩn là những người Cộng Sản và theo sự chỉ đạo của Đảng Cộng sản. Thế thì tại sao chúng ta không cam tâm làm bồi cho Tây, cho Mỹ?* (8)

Khi giọng điệu thảo luận đã đến mức độ đó, thì không còn gì để thảo luận nữa! Ranh giới đã rõ ràng rồi.

Thật ra khuynh hướng phủ nhận chủ nghĩa Mác Lê không quy mô và minh thị để ta có thể nhận diện và đánh giá rõ ràng, mặc dù Đảng đã phát hiện ra và đã có phản ứng như đã trình bày ở trên. Trong khung cảnh của đất nước ta hiện nay, với hệ thống tổ chức và phương thức điều hành xã hội theo công thức Xã hội Chủ nghĩa kiểu Việt Nam, một khuynh hướng như thế khó có thể công khai hiện diện, nhất là hiện diện trên giấy trắng mực đen của các bài viết với những tác giả bằng xương bằng thịt, có tên có tuổi.

Tuy nhiên, những nhận thức và quan điểm phủ nhận tiêu cực (dưới dạng thức nghi vấn) hoặc phủ nhận tích cực (chống đối minh thị) vẫn thấp thoáng xuất hiện trong các sáng tác văn nghệ và các bài phê bình lý luận Văn học của một số văn nghệ sĩ. Đặc biệt trong các bài ký, nhất là ký về thực trạng bất công và áp bức tại nông thôn; hoặc các bài thơ với khả năng ẩn dụ và ký thác cao của các thi sĩ đang vật lộn gay gắt với cuộc sống tại đô thị. Còn về các phát biểu công khai và trực tiếp, tôi chỉ xin trích dẫn một số đoạn sau đây của ba nhà văn và hai nhà khoa học mà không phân tích hoặc minh giải:

- Chị Dương Thu Hương trả lời bài phỏng vấn của tạp chí "Thành phố Hồ chí Minh" số 24-12-1988 về quyết định của Ban Thư Ký Hội Nhà Văn Việt Nam cách chức Tổng Biên Tập Tuần báo Văn Nghệ là anh Nguyên Ngọc: *Khát vọng dân chủ hóa, công khai hóa, khát vọng **đổi thay một mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu trại lính**, khát vọng cải tạo cấu trúc nhà nước và đưa đất nước khỏi tình trạng nghèo nàn lạc hậu...*

Cũng của chị Dương Thu Hương trong bài tham luận đọc tại Đại Hội Nhà Văn tổ chức tại Hà Nội từ ngày 23 đến 31-10-1989: *Nhà Trần đã chiến thắng quân Nguyên... Lê Lợi đã chiến thắng quân Minh, và Quang Trung đã chiến thắng quân Thanh (mà)* ***không có sự giúp đỡ của phe Xã hội Chủ nghĩa*** *cùng toàn thể nhân loại tiến bộ...*

● Ông Lại Nguyên Ân trong bài "Một phương diện của quan hệ giữa Văn nghệ và Chính trị" tin tưởng rằng *những nghệ sĩ lớn, dù bị "điều kiện hóa", bị kiềm tỏa trong vòng vây của văn nghệ quan phương... trước sau,* ***rốt cuộc họ sẽ "vượt rào"*** *để đóng đúng vai trò cần phải có là đại diện thực sự cho lương tri nhân dân, lương tri thời đại, đại diện thực sự cho văn hóa dân tộc.*

Và ông kết luận bài viết rằng *Trong điều kiện* ***đảng Cộng sản cầm quyền,*** *quan hệ giữa những người nắm quyền lực nhà nước và những người sáng tạo văn học nghệ thuật* ***vẫn còn chứa đựng khả năng phát sinh*** *những xung đột, mâu thuẫn, vấn đề, nhưng không phải là hoàn toàn không giải quyết được ở một mức nhất định.*

● Ông Nguyễn Minh Châu, người trước khi qua đời đã sung sướng viết rằng "Ông Trời sinh ra tôi để kêu thét lên nỗi thống khổ của con người", trong bài "Hòa Đồng cùng Nhân loại" viết tại Pháp Hoa Tự vào tháng 4-88, bài được coi như chúc thư cuối đời của ông:

*Vì thế, theo tôi nghĩ, ý nghĩ xu thế đổi mới trong tư duy hiện nay có phần nhằm mục đích làm sao Việt Nam* ***có chung ngôn ngữ với toàn thể loài người*** *đang sống trong thế giới hiện đại. Chúng ta không thể như một lão thầy Mo đóng kín cửa để "canh tân đất nước".*

*Thực sự đây là một cuộc "trở mình" lịch sử của đất nước, hay nói khác, một lần "cất kén"* ***để con ngài hóa thành con bướm,*** *để Việt Nam bay lên hòa mình cùng nhân loại, nói tiếng nói chung của nhân loại. Cuộc "thoát xác" đầy đau đớn cực nhọc này liệu chúng ta có thể làm được hay chỉ làm hình thức, làm cho có vẻ, và mãi mãi Việt Nam chỉ là một con ngài nằm khoanh tròn trong chiếc kén đầy bưng bít, để gậm nhấm, đồng thời cả tinh thần tự ti và sự kiêu ngạo.*

*Có vẻ dường như chúng ta vẫn chưa thoát ra được* ***cái gông cùm của hệ thống tư tưởng cũ...*** *hàng chục năm đã cắm rễ trong lòng đất? Chẳng lẽ rồi ra mọi tư tưởng mới mẻ trên mọi lãnh vực chỉ là "trò chơi" đổi mới, không sao thực hiện chiếm lĩnh được chỗ đứng chính thống. Hãy biết rằng cho đến ngày hôm nay, số đông mọi tầng lớp người Việt Nam đã từng trải, đã bắt đầu nhận thức lại mình và thế giới; những đổi mới sâu rộng của Liên Xô và các nước Xã hội Chủ nghĩa* ***mang bên trong ý nghĩ sám hối*** *và dập vào mọi khối óc và trái tim người Việt Nam...*

● Ông Hà Sĩ Phu, thuộc Viện Khoa Học Việt Nam, trong bài "Biện chứng và Ngụy biện trong công cuộc Đổi mới" đăng trên tạp chí Sông Hương

để trả lời hai luận cứ của khuynh hướng thân Đảng cho rằng chỉ sai ở khâu lãnh đạo và khâu thừa hành chứ toàn bộ hệ thống (Xã hội Chủ nghĩa) thì vẫn đúng:

*Khi tất cả đã ràng buộc với nhau trong một hệ thống thì trong mỗi việc phải tìm ra* ***cái điểm nút chi phối toàn hệ thống*** *thì mới có thể tác động một cách có hiệu quả được... Thực tiễn mới là thước đo tin cậy của chân lý. Khâu thực hành chưa thành công thì* ***lấy gì chứng minh rằng lý luận không sai lầm?***

Nói rằng *Ta cần đổi mới về cách làm ăn kinh tế, còn về chính trị, tư tưởng thì trái lại cần "vững vàng"; sự nguỵ biện này thật quá tùy tiện,* ***làm sao đổi mới "hạ tầng cơ sở" mà lại giữ vững được "thượng tầng kiến trúc".*** *Nay muốn đổi mới sâu sắc về kinh tế mà lại muốn giữ vững những quan niệm có tính nguyên lý về chính trị xã hội thì e không còn gì là biện chứng nữa!... Nguyên lý, định lý nào cũng được xây dựng trên cơ sở những khái niệm, những định nghĩa chặt chẽ. Giữ nguyên định lý mà thay đổi những khái niệm* ***thì cũng như thay đổi định lý*** *chứ có khác gì đâu.*

*... Nhưng rồi ở đâu đó lại xuất hiện ý kiến khẳng định: "Đổi Mới chẳng qua là trở về với những nguyên lý cơ bản của Mác-Lênin". Mới bước vào cuộc thảo luận để tìm cái mới trong tư duy* ***mà đã vội đóng chốt trước bằng một kết luận đã cũ,*** *dầu kết luận ấy là đúng chăng nữa thì cũng chỉ sẽ thu được những lời phụ họa chứ không thể thu lượm được những tư duy khoa học.*

• Ông Phan Đình Diệu, phó Viện trưởng Viện Khoa học Việt Nam, trong một tiểu luận ngắn nhưng sâu sắc nhan đề là "Thời đại ngày nay và con đường của chúng ta" (Nhà xuất bản Sự thật, 1988), đã đòi xét lại giá trị một số yếu tính căn bản của chính Chủ nghĩa Xã hội.

Như giá trị lao động trong giá trị thặng dư: *Cần chú ý một điều là quan niệm về giá trị và việc tạo thành giá trị trong nền sản xuất xã hội* ***phải có những thay đổi*** *để phù hợp với bản chất của cái quá trình sản xuất và kinh tế hiện đại.*

Như vai trò của công nhân: *Thành phần công nhân, đại diện cho lao động chân tay và điều khiển máy móc cơ khí,* ***không còn đóng vai trò tiên tiến trong nền sản xuất xã hội nữa.*** *Đại diện tiên tiến của nền sản xuất hiện đại là lao động trí tuệ. Vì vậy hoặc phải đổi mới khái niệm "công nhân", hoặc phải đổi mới cách nhìn về "vai trò tiên tiến" của thành phần công nhân theo nghĩa truyền thống.*

Như nguyên tắc công hữu và tư hữu: *Những nguyên tắc do đồng nhất lợi ích chung với lợi ích riêng, trên thực tế dẫn đến sự không thừa nhận lợi ích riêng,* ***phủ nhận cá nhân và phủ nhận luôn cả nguồn động lực chân thực nhất của sự phát triển.*** *Tuy nhiên, dù không được thừa nhận, thì vì khách quan, lợi ích riêng vẫn tồn tại. Tồn tại nhưng không được thừa nhận sẽ dẫn đến những biểu*

*hiệu không thật, và do đó góp phần tạo ra cái "không thật" trong các quan hệ kinh tế, xã hội.*

Như kế hoạch tập trung: *Kế hoạch là quyết định của quản lý Nhà nước về hoạt động của toàn bộ nền kinh tế xã hội. Nếu muốn có những kế hoạch chi tiết thì phải xử lý thông tin về rất nhiều mối quan hệ trong nền kinh tế - xã hội với độ phức tạp vượt quá mọi khả năng của mọi hệ thống xử lý thông tin mà con người có thể có được. Vì vậy, chỉ mới xét riêng nguyên nhân đó thôi, thì việc xác định* ***một kế hoạch cân đối chi tiết cho toàn bộ nền kinh tế, về nguyên tắc là không thể được.*** *Không thể được mà vẫn làm, thì kết quả là áp đặt lên nền sản xuất xã hội những "kế hoạch" không thực tế, buộc nền sản xuất đó hoặc phải tuân theo một cách khiên cưỡng để đi đến đổ vỡ, hoặc tự tìm cách thoát ra khỏi sự kìm chế của "kế hoạch" để gây nên hỗn loạn.*

Như công bằng xã hội: *Nếu ta áp đặt một cách khiên cưỡng mục tiêu công bằng xã hội, thì kết quả chỉ có thể là một thứ chủ nghĩa bình quân hình thức, không khuyến khích sản xuất phát triển, thậm chí còn phá hoại sản xuất, gây hỗn loạn cho sản xuất,* ***làm cho ngay một sự công bằng bình quân trong nghèo đói cũng không đạt được.***

(Phần nhấn mạnh trong cả đoạn trích dẫn của năm tác giả ở trên là của ĐHT)

Cần phải nhấn mạnh rằng những phát biểu ở trên là của những người nếu không phải là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam thì cũng là những người tự hào và tin tưởng vào lý tưởng Xã hội Chủ nghĩa. Chúng ta không làm cái việc gán cho họ một quan điểm chính trị hay một chọn lựa chính trị mà tự thân họ không có. Nhưng chúng ta có quyền suy luận từ các phát biểu đó để tìm ra những giả thuyết thật sự ẩn dấu trong mỗi tác phẩm, mỗi tác giả, khi họ thể hiện thành chữ thái độ phản kháng của mình.

Những phát biểu đó nếu không phủ nhận Xã hội Chủ nghĩa thì ít nhất cũng là **phi Xã hội Chủ nghĩa.** Ngoài ra, xuyên qua các chỉ dấu trong sáng tác văn nghệ hay lý luận ở trên, ta cũng chỉ thấy nội dung phản kháng có tính phi xã hội chủ nghĩa chứ không bắt gặp được đề nghị nào về một mô thức chính trị cụ thể, chỉ đạo cho toàn bộ tư duy của họ.

Điều đó cũng dễ hiểu vì ba lý do sau đây: Trước hết, họ là những nhà trí thức và nghệ sĩ đi khảo sát và mô tả con người và cuộc đời với những khát vọng và xu thế của nó chứ không phải là những nhà tư tưởng đi lập thuyết. Thứ hai là nếu chặng đường để trở thành một người hiểu, chấp nhận và sống như một người Cộng sản khó khăn bao nhiêu thì chặng đường thoát ly từ bỏ nó **cũng khó khăn bấy nhiêu,** nếu không muốn nói là khó khăn hơn nhiều. Và cuối cùng là dù quyết định từ bỏ có thật, thì việc đi tìm một mô thức thay thế không phải là chuyện dễ dàng, lại càng không dễ dàng công khai trình

bày ra. Các mô thức chính trị hiện nay không phải là những mô thức tối hảo, nhất là tối hảo cho điều kiện đặc thù của đất nước Việt Nam.

Để tóm tắt phần này, ta có thể nói rằng nội dụng chính trị của Cao trào Văn nghệ phản kháng gồm hai lãnh vực: lãnh vực chức năng phát xuất từ sự mâu thuẫn của hai "quyền lực" chính trị và văn học, và được khuếch đại lên trong chế độ Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam vốn đang phải đối diện với cuộc khủng hoảng lớn nhất của chế độ. Lãnh vực thứ hai có tính căn nguyên hơn vì liên hệ đến bản chất của văn học và chính trị Việt Nam, là sự vùng vẫy can trường của văn học tìm cách **hóa thân** để trở về với bản chất văn học Việt Nam tự thân của mình hầu chu toàn trách nhiệm lịch sử với dân tộc.

Hai chuyển động nhân văn đó quyện vào nhau như hai lò xo xoắn ốc cùng biên độ vì trong vấn đề chức năng là đã có ẩn chứa vấn đề bản chất và ngược lại, cũng như trong mâu thuẫn là đã có ẩn chứa sự hóa thân và ngược lại. Chúng như hai làn sóng gối đầu vào nhau và đồng bộ với những làn sóng xã hội, kinh tế, chính trị khác... làm thành một cơn thủy triều lớn gọi là Thay đổi tư duy để Đổi mới Đất nước. Tuy nhiên, đường hướng, lãnh vực và cường độ thay đổi tư duy của Đảng và của những người làm công tác văn học nghệ thuật đã có những khác biệt gay gắt nên mới nổ lớn thành mâu thuẫn trong suốt ba năm liền.



Trong suốt ba năm đó, đối diện với Cao trào Văn nghệ phản kháng càng lúc càng lớn mạnh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đối phó như thế nào? Chánh sách của Đảng chủ yếu nằm trong ba nguyên tắc chính trị cơ bản sau đây:

● Thứ nhất, mọi mâu thuẫn hay phản kháng văn học phải nằm trong cái **khung chính trị của quốc sách Đổi Mới**. Nghĩa là trong khuôn khổ hiến định của một chế độ Xã hội Chủ nghĩa mà Đảng vẫn luôn luôn là lực lượng lãnh đạo ưu thắng. Đó là nguyên tắc tiên quyết, không xét lại, không thay đổi. Có lẽ nắm bắt được điều này nên các văn nghệ sĩ miền Nam (chính trị) cũ đã không tham dự vào Cao trào Văn nghệ phản kháng, dù trong số những người ở lại, không phải là không có những người thừa sĩ khí và đầy lương tri.

● Thứ hai, sử dụng Cao trào phản kháng này như một công cụ chính yếu và năng động của công cuộc Đổi Mới trên cả hai mặt đối nội lẫn đối ngoại. Đối nội là một công cụ để trong sạch hóa Đảng và bộ máy Nhà nước, đồng thời vừa để giải tỏa ẩn ức của nhân dân vừa để giáo dục tư duy đổi mới trong quần chúng, một công tác đáng lý Đảng phải làm nhưng không làm được. Đối ngoại là một công cụ để thuyết phục thế giới về thực tâm muốn Dân chủ hóa và Hiện đại hóa hầu tạo điều kiện thuận lợi cho việc bình thường hóa quan hệ với cộng đồng thế giới.

● Thứ ba là điều động Cao trào này như một thử nghiệm vì chính Đảng

cũng đang lúng túng chưa nhất trí với nhau về đổi mới như thế nào. Cao trào phản kháng trong môi trường văn học nghệ thuật (do đó liên hệ đến các bộ phận truyền thông) sẽ là một diễn đàn trao đổi tư tưởng có tầm vóc quốc gia và có khả năng đại chúng, giúp xác định chính xác hơn chính sách đổi mới của Đảng cho phù hợp với quy luật thời đại và sự đồng thuận của toàn dân, toàn Đảng.

Đó là ba nguyên tắc chỉ đạo có tính định hướng. Còn phần thực hiện chỉ là vấn đề điều chỉnh cường độ sao cho không vi phạm đến ba nguyên tắc nầy mà thôi. Tuy nhiên vì sự uyển chuyển trong phương thức thực hiện hai nguyên tắc sau nên ta thấy Đảng chỉ thật sự "xuống tay" khi có tác phẩm hoặc tác giả vi phạm nguyên tắc tiên quyết mà thôi.

Vì vậy ta có thể hiểu được vì sao có những hiện tượng tưởng như mâu thuẫn nhau mà vẫn được Đảng thi hành: Tịch thu *Ly thân* của Trần Mạnh Hảo nhưng lại cho *Chuyện Tử Tế* của Trần Văn Thủy tham dự các Đại hội Điện Ảnh quốc tế; cách chức Tổng Biên Tập báo Văn Nghệ của Nguyên Ngọc nhưng vẫn "cho phép" anh ra Huế góp sức với tờ Sông Hương; đóng cửa hàng loạt các tạp chí Sông Hương (với 8 tội danh), Đất Quảng, Lang Bian, Ấp Bắc, Hậu Giang, Đối Thoại, Truyền Thống Kháng Chiến, Cánh Én nhưng sau đó lại cho hầu hết tái bản; hoán đổi nhiệm sở các biên tập viên của những báo "đối lập" về các địa phương khác nhau nhưng vẫn cho cụ Nguyễn Mạnh Tường qua Pháp để báo chí hải ngoại tiếp xúc; hạn chế lưu hành một số tác phẩm nhưng vẫn làm lơ cho Việt kiều chuyển sách báo ra nước ngoài; ban bố Chỉ thị 135 của Hội Đồng Bộ Trưởng để ngăn ngừa "tội phạm" nhưng cho đến nay vẫn chưa văn nghệ sĩ nào bị bắt. (25)

Sự bất nhất trong các biện pháp cũng có thể vì hai lý do khác nữa: Hoặc Đảng đang tứ bề thọ địch nên không đủ khả năng để kiểm soát hết mọi chuyện và / hoặc Đảng sợ một "Đông Âu" thứ hai tại Việt Nam. Thật vậy, uy tín và ảnh hưởng của các văn nghệ sĩ không phải chỉ giới hạn trong giới làm công tác văn học nghệ thuật mà còn lan rộng ra ngoài quần chúng và cả trong thành phần đảng viên, bộ đội nữa. Họ được dân tin, họ được dân thương, họ được dân biết ơn. Uy tín và ảnh hưởng của họ, khi xâm nhập vào các hình thái sinh hoạt xã hội khác như chính trị và kinh tế, bỗng được khuếch đại lên và mang một kích thước tuy huyền thoại nhưng lại thật thiết thân. Do đó mà Đảng đã phải hơn một lần dơ cao nhưng đánh khẽ.

Lần đó là lần Đại hội bầu Ban Chấp Hành của Đại Hội Nhà Văn lần thứ IV.

Trước đó, Đảng chuẩn bị ráo riết, lộ liễu và hung hăng đến nỗi liên tiếp trên hai số Sông Hương, ban biên tập đã phải lên tiếng báo động: *Đó là một cách tranh luận tránh vấn đề cốt lõi mà chúng tôi đề cập, đó là cách cắt một câu*

*thơ ra khỏi một bài thơ để bình luận, đó là cách chỉ chọn một câu, thậm chí nửa câu, trong một bài và bài đó trong toàn bộ cả mảng bài thống nhất, lôi nó ra để chẻ nhỏ rồi lại thổi phồng nó lên theo sự suy diễn của mình và ném vào vấn đề đã được thổi phồng ấy những lời đe dọa, chụp những cái mũ thật đáng kinh sợ, cố tình không hiểu những vấn đề lớn và rõ ràng mà chúng tôi đề xuất, tưởng chừng cứ cái đà ấy thì cả một tòa báo, và những người ủng hộ, đều là bọn phản động đội lốt, và chỉ có người viết mới là người quý trọng, trung thành với Đảng và mến yêu đất nước này.* (26)

Ngày họp đại hội càng đến gần, Đảng càng siết chặt như muốn biến Đại hội này thành một Điện Biên Phủ văn học cho Đảng thanh toán và chấm dứt trận chiến dai dẳng đã gần ba năm. *Trước thềm Đại hội Nhà văn lần thứ tư, trước khi toàn thể hội viên được thực hiện quyền dân chủ tại Đại Hội long trọng của mình, liệu đàng sau hậu trường có diễn ra những biện pháp tổ chức, những mưu tính gì nhằm "dọn dẹp" các bậc thềm Đại hội cho trơn tru yên ổn?* (27) tại vì *cần phải trao quyền quyết định của phong trào văn học cho toàn thể hội viên, chứ không thể để một số người sắp đặt, mưu tính đàng sau hậu trường rồi biến Đại hội thành những cái máy biểu quyết theo một chiều hướng đã định trước. (27)*

Thế rồi sau bao nhiêu trì hoãn, cuối cùng Đại hội cũng được thành hình tại hội trường Ba Đình ở Hà Nội từ ngày 23 đến ngày 31-10-1989. Tham dự Đại hội Nhà văn, trên mặt chính thức Đảng mang hết sức nặng chính trị của mình qua sự hiện diện của 6 ủy viên Bộ Chính trị, 5 ủy viên Trung ương Đảng và đặc biệt, chủ tịch Hội Đồng Bộ Trưởng Đỗ Mười và cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lê Đức Thọ. Ngay ngày khai mạc Đại hội, Đảng khai pháo với lời kết tội của Trung tướng Dương Thông thuộc Tổng cục An ninh về việc có nhà văn "nhận tiền nước ngoài làm việc bất chính". Và suốt Đại hội, Đảng cố bố trí chặt chẽ từ vấn đề bầu Chủ tọa đoàn và Tổng Thư Ký Hội cho đến bầu Ban chấp hành và ưu tiên đọc tham luận. Quả thật chưa bao giờ Đảng "quan tâm" đến một sinh hoạt văn học như thế, quan tâm đến độ những Nguyễn Đình Thi, Anh Đức, Trần Bạch Đằng, Bằng Việt, Mai Ngữ, Hoàng Xuân Nhị đánh mất cả tư cách nhà văn để thi hành những biện pháp hành chánh phản dân chủ trong những kỹ thuật sinh hoạt của hội trường.

Nhưng rồi Đại hội cũng đã chấm dứt với sự thắng thế của khuynh hướng tiến bộ. Không phải thắng thế vì Nguyễn Quang Sáng được nhiều phiếu nhất còn Trần Bạch Đằng thì lại không đủ túc số tối thiểu, hay vì trong Ban chấp hành 9 người thì khuynh hướng tiến bộ chiếm được nhiều ưu thế, mà thắng thế vì trước gần 400 nhà văn đại diện cho một lực lượng văn nghệ đông đảo của toàn nước, các văn nghệ sĩ tiến bộ đã dõng dạc (nhiều khi quá nhiệt tình

như trường hợp của hai nhà văn Dương Thu Hương và Thu Bồn) nói lên được, và thể hiện bằng thái độ, những quyền tối thượng của người cầm bút.

Đảng đã có thể chấm dứt sớm Đại hội hay hủy bỏ kết quả của Đại hội bằng những biện pháp chính trị. Nhân danh an ninh, nhân danh chính trị, kể cả nhân danh Đảng. Nhưng Đảng đã không làm, Đảng đã dơ tay cao trong gần nửa năm, nhưng tại Đại hội, trước uy vũ của những người có lẽ phải, Đảng đành phải đánh khẽ. Vì Đảng không muốn có những tác hại dây chuyền vào quốc sách Đổi mới mà Đảng bắt đầu hạn chế, và nhất là vì Đại hội Nhà văn, dù có rầm rộ bao nhiêu, vẫn chưa đe dọa đến sự tồn vong của Đảng.

Đại hội chấm dứt, các nhà văn trở về với tim óc và giấy mực của mình, tiếp tục đứng đầu ngọn sóng phản kháng để nói lên khát vọng của người dân và xu thế của xã hội. Nhưng ngọn sóng đó, kể từ đầu năm 1990, bị chìm xuống vì hai luồng nước xoáy mà Đảng tung ra:

● Thứ nhất, Đảng phát động một chiến dịch rầm rộ để chuẩn bị cho Đại hội VII mà quả bóng thăm dò là Nghị Hội 8 sôi động mở ra cho cả nước góp ý. Đó là một chiến dịch chính trị cho một đại hội chính trị với những vấn đề to lớn, choáng ngợp, lạnh lùng và đầy bất trắc mà những lực tham dự phải có một tầm vóc chính trị lớn. Các vấn đề của văn học nghệ thuật (mà phản kháng là một) sẽ chỉ là một tiểu đề chìm trong toàn bộ tổng đề to lớn mà thôi.

● Thứ hai là Đảng **kinh tế hóa tư duy** của cả nước. Chỉ nói chuyện kinh tế, chỉ bàn chuyện kinh tế, chỉ làm chuyện kinh tế và do đó chỉ viết chuyện kinh tế là có người đọc mà thôi. Kinh tế vĩ mô cho quốc gia hay vi mô cho cá thể trở thành vấn đề cấp bách, thời thượng và cụ thể trước mắt. Do đó mà những vấn đề của lãnh vực văn học sẽ trở nên thứ yếu, ít lưu tâm, không gây được những chấn động chú ý như ban đầu nữa.

Trước hai luồng nước xoáy đó, phong trào Văn nghệ phản kháng, sau khi lên đến cao điểm ở Đại hội Nhà văn, bây giờ đã trở thành những đợt sóng ngầm, nằm ở đáy tầng của lòng biển và chỉ cảm nhận được vóc dáng vĩ đại của nó bằng cặp mắt lịch sử, bằng tấm lòng dân tộc và bằng kích thước thời đại mà thôi.



Nhìn lại toàn bộ tiến trình chuyển biến của Cao trào Văn nghệ phản kháng tại quê nhà, rồi đặt nó trong khung cảnh chung của đất nước và khung cảnh rộng hơn của nhân loại, ta có thể rút ra một số nhận định như sau:

● Trước hết, cái chốt của vấn đề Việt Nam là sự sinh tồn của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nói như vậy có nghĩa là cho đến nay, Đảng Cộng sản vẫn là trục vận động chính, quyết định và tác động vào hướng đi của dân tộc ta. Trên

phương diện tương quan lực lượng, vẫn không có một lực chính trị đối lập hay đối tượng nào khả dĩ quân bằng hay thay thế nó được. Đó là thực tế.

Nhưng sự sinh tồn của Đảng Cộng sản không phải tự nhiên mà có. Hơn nữa, là một cấu trúc phức tạp của nhiều thành tố kết hợp lại, sự sinh tồn đó chịu tác động của các lực bên trong cũng như của bên ngoài, và sự sinh tồn đó có những điểm mạnh và điểm yếu mà bất kỳ một cấu trúc xã hội nào do con người tạo ra đều có. Nếu điểm mạnh có thể đưa họ lên vai trò lãnh đạo xã hội thì điểm yếu cũng có thể làm họ biến mất trong 24 tiếng đồng hồ (như trường hợp đảng Cộng sản Lỗ Mã Ni).

Cao trào Văn nghệ phản kháng trong ba năm qua đã tái xác nhận một điểm yếu mà từ trước ta đã biết trên lý thuyết, và điểm yếu đó nằm ngay trong sự thành công của Đảng khi vô hiệu hóa được cao trào này. Tại vì vô hiệu hóa nó, Đảng chỉ chứng tỏ tính cứng nhắc, tính không hóa giải và không hòa hợp được để thích ứng với những tác động, những đổi thay bên trong và bên ngoài. Mà dòn cứng thì dễ gãy, ai cũng biết điều đó. Điểm yếu đó cũng làm họ mất cái cơ hội ngàn vàng được lắng nghe tiếng nói lẽ phải của dân tộc, được làm theo ước vọng chính đáng của nhân dân.

Thay vì họ cứ "cởi" rồi "trói" văn học, đáng lẽ họ phải để cho **văn học cởi trói họ** ra khỏi bế tắc lịch sử hiện tại, một bế tắc không phải họ không thấy, nhưng tự bản chất, họ không thể có phương thế giải quyết nào ngoài hy sinh chính sự sinh tồn độc tôn của họ và chia sẻ quyền làm chủ đất nước với những bộ phận tiến bộ khác của dân tộc.

● Thứ hai, Văn hóa vừa là một ý thức vừa là một hình thái sinh hoạt của con người có xã hội tính. Trong bản chất của nó cũng như trong chức năng của nó luôn luôn có yếu tố phản kháng vì muốn hóa thành văn thì phải vượt trên cái Giả mà đến cái Thật (Chân), vượt trên cái Ác mà đến cái Tốt (Thiện), vượt trên cái Xấu mà đến cái Đẹp (Mỹ) trong quá trình nhận thức và diễn đạt. Cho nên không phải chỉ trong áp bức, Văn học mới phản kháng mà ở bất kỳ trạng huống nào, Văn học cũng tự thân chứa đựng xu hướng đổi mới, cầu tiến và thăng hoa.

Nhưng trong xã hội của Xã hội Chủ nghĩa, sự phản kháng đó lại được vận dụng để phục vụ cho Đảng và các mục tiêu của Đảng mà thôi, mọi nỗ lực tách rời khỏi nhiệm vụ nầy đều bị Đảng phủ nhận. Vậy thì phong trào phản kháng trong nước chỉ có hai chọn lựa: hoặc là chấp nhận cái khung Xã hội Chủ nghĩa để trở thành một thứ văn học "minh họa, cung đình và quan phương" làm công cụ cho Đảng với tâm trạng ray rứt và mặc cảm; hoặc là phải phá vỡ cái khung đó mới có được "một khoảng trời rộng rãi" để thực hiện những ước mơ cao đẹp riêng của mình trong cái ước mơ cao đẹp chung của dân tộc mà thôi. Không còn chọn lựa nào nữa.

● Thứ ba là trong quá trình phản kháng ba năm vừa qua, nền Văn học Việt Nam đã sinh ra được những hạt ngọc vô giá qua các tác phẩm tuyệt vời. Và những tác giả cũng tuyệt vời không kém đã sống như hoa sen trong bùn, bùn càng hôi thì hoa càng thơm, hồ càng bẩn thì hoa càng đẹp. Cả sắc lẫn hương.

Dân tộc sẽ trân trọng những tác phẩm và tác giả đó như báu vật quốc gia vì họ đã thể hiện được lương tri của dân ta, khí phách của dân ta và đạo lý của dân ta không những qua các tác phẩm mà còn qua phong thái hành xử của họ. Trong vận hội mới của dân tộc, họ là những người Việt Nam không mang một màu cờ sắc áo nào ngoài màu cờ Việt Nam và sắc áa Việt Nam.

● Cuối cùng, khi phân tích và đánh giá Cao trào Văn nghệ phản kháng, ta không thể đặt nó ra ngoài toàn bộ phong trào Đổi Mới tại Việt Nam. Trong cái toàn bộ đó, tuy văn nghệ chỉ là một sinh hoạt trong nhiều lãnh vực quan trọng khác của quốc gia, nhưng vào giai đoạn "dầu sôi lửa bỏng" này, nó lại đóng một **vai trò mũi nhọn** mà tầm quan trọng nếu không hơn thì cũng bằng hai mũi nhọn kinh tế và chính trị, nhờ tính đại chúng và khả năng vận động kêu gọi của nó.

Hơn nữa, ở bất kỳ xã hội nào, kể cả Xã hội Chủ nghĩa, con người, cuối cùng, vẫn là trục vận động chính khai sinh và thúc đẩy những xu thế lịch sử mới. Riêng người nghệ sĩ, ý thức và nhu cầu đổi mới lại càng thúc bách và nồng nàn hơn giới khác vì họ sống bằng tình nhiều hơn bằng lý, thứ tình cảm có thể (và đã từng) làm ngửa nghiêng đất nước. Thứ tình cảm sẽ không chỉ chịu ngừng ở đổi mới mà còn phải **thay mới** nữa, mà trước hết là thay người mới.

Và tại vì lịch sử là một sản phẩm của con người nên khi **thay người thì cũng tất yếu thay lịch sử**. Đó là một biện chứng mà Hegel, người thắp đuốc trí tuệ cho hai tác giả của bản Tuyên Ngôn Cộng Sản 1848, có nói đến rồi.

**California 4-90**

**Chú Thích.**

1/ Thảo luận bàn tròn - Ngô Thảo, Văn Nghệ số 10/88, Hà Nội
2/ Nhất định thắng - Trần Dần, 1957, Hà Nội
3/ Lời mẹ dặn - Phùng Quán, 1957, Hà Nội
4/ Nội dung xã hội và hình thức tự do - Trần Đức Thảo, 1956, Hà Nội
5/ Nhân Văn số 2 - 30/09/56, Hà Nội
6/ Với Trần Dần, đối thoại mất ngủ - Sông Hương, số 31, 5/88, Huế
7/ Phỏng vấn Hoàng Cầm - Sông Hương số 32, 1/89, Huế
8/ Văn học, cuộc trường chinh gian khổ - Trần Bạch Đằng, Văn số 3, 4/89, Huế
9/ Bàn tay siêu bỉ ngạn - Tịnh Liên NXH, Văn học số 49, 1990, Hoa Kỳ
10/ The springtime of nations - Michael Howard, Foreign Affairs, Vol 69, số 1, Hoa Kỳ

11/ Aviation Week and Space Technology - Số ngày 5/03/1990, Hoa Kỳ
12/ Hòa đồng nhân loại - Nguyễn Minh Châu, Văn số 2, Xuân 89, T.P. Hồ Chí Minh
13/ Bản Đề dẫn Đề cương thảo luận ở Hội nghị Đảng viên bàn về Sáng Tác văn học - Nguyên Ngọc, 1979, Hà Nội
14/ Lãnh đạo và làm chủ - Cao Huy Thuần, Đất Mới 12/89, Canada
15/ Hiến Pháp nước CHXHCNVN do Quốc hội khóa VI, kỳ 7, thông qua ngày 18/12/80
16/ Sài Gòn Giải phóng số ra ngày 6/12/87
17/ Mấy ý kiến chung quanh việc Đảng lảnh đạo Văn nghệ - Trương Chính, Revue Litteraire No. 2, 3/4/89
18/ Đổi mới hay dấu hiệu của sự khủng hoảng về lý luận - Thành Duy, Văn số 2
19/ Quan hệ giữa Văn nghệ và Chính trị không phải là quan hệ giữa hai "bá quyền" trong xã hội - Lê Xuân Vũ, Tạp chí Cộng sản, số 11, 1988
20/ Về công tác văn hóa Văn nghệ - Hồ chí Minh, Sự Thật, 1971, Hà Nội
21/ Góp phần tổng quát vấn đề Chính trị và Văn nghệ - Trần Độ, Sông Hương số 38 Huế. Ghi chú thêm: Sau nầy Trần Độ thay đổi quan điểm và chấp nhận lập trường tiến bộ của các nhà văn phản kháng nên bị cách chức Trưởng Ban Văn hóa Văn nghệ của Đảng.
22/ Tạp chí Văn Nghệ số ra ngày 27/02/1988, Hà Nội
23/ Chính trị và Văn nghệ, Đổi mới hay không đổi mới - Lữ Phương, Sông Hương, số 36, 3/89
24/ Về một phương diện của quan hệ giữa Văn nghệ và Chính trị - Lại Nguyên Ân, Văn Nghệ, số 9, 2/88, Hà Nội
25/ Cho đến khi viết bài này (4/90), chúng tôi chỉ biết ông Nguyễn Minh Châu đã mất, vợ chồng nhà thơ Lưu Quang Vũ và con gái bị tai nạn xe hơi mà chết, và theo tạp chí Quê Mẹ số 107, xuất bản tại Paris, thì có thể chị Dương Thu Hương đã bị bắt sau Đại Hội Nhà Văn.
26/ Tình hình trước Đại hội Nhà Văn càng khiến chúng tôi lo ngại - Sông Hương, số 38, 6/89, Huế
27/ Một lần nữa, chúng tôi lo ngại và những vấn đề cần làm sáng tỏ - Sông Hương số 36, 3/89, Huế.

# từ đề cương văn-hóa 1943 đến nghị quyết văn-nghệ 1987



*Đỗ Thái Nhiên*

Văn hóa là một thuật ngữ dùng để diễn tả mọi lãnh vực sinh hoạt của một xã hội trong ý hướng xác định mức độ văn minh của xã hội đó. Vì vậy văn hóa hàm chứa trong tự thân nó kinh tế, chính trị, quân sự, văn học, nghệ thuật, luật pháp, hành chánh, vân vân và vân vân... Tuy nhiên trong văn hóa, văn học và nghệ thuật là hai bộ môn có tính hấp dẫn quần chúng cao độ. Thế nên, mỗi lần nói đến văn hóa, một số người có thói quen chỉ nghĩ đến văn học và nghệ thuật. Chính tính hấp dẫn của văn học nghệ thuật đã khiến đảng Cộng Sản Việt Nam tiến hành cuộc "*đổi mới tư duy lý luận*" tại Việt Nam bằng cách đi từ Đề Cương Văn Hóa 1943 đến nghị quyết văn nghệ số 5 tháng 12 năm 1987. Phải chăng đề cương văn hóa là một sợi dây thừng cực lớn đã trói chặt đôi tay ngọc ngà của "*nàng văn nghệ*" trong hơn bốn thập niên qua? Và phải chăng nghị quyết văn nghệ 1987 vừa là chiếc nôi êm ả và an toàn của giới văn nghệ sĩ Việt Nam quốc nội vừa là hành vi "*cởi trói văn nghệ*" một cách tiên phong và tự nguyện do đảng Cộng Sản Việt Nam thực hiện với chủ ý biểu lộ lòng yêu thương nhân dân? Muốn giải đáp các thắc mắc vừa nêu, trước tiên chúng ta phải tìm hiểu nội dung cốt lõi cũng như giá trị tư tưởng của đề cương văn hóa 1943 và nghị quyết văn nghệ 1987.

Những người quan tâm đến hoạt động thông tin tuyên truyền của đảng Cộng Sản Việt Nam đều thừa biết: Đề cương văn hóa 1943 được Cộng Sản Việt Nam xây dựng trên ba nguyên tắc: dân tộc hóa, khoa học hóa và đại chúng hóa.

**1. Dân tộc hóa** là "*chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập*" (Đề cương văn hóa 1943).

Năm 1957 thư của Trung Ương Đảng gửi cho Đại Hội văn nghệ toàn quốc

(Bắc Việt Nam) lần thứ hai đã có đoạn giải thích về vai trò của văn nghệ dân tộc như sau:

*"Văn nghệ mới ở miền Bắc chúng ta trong giai đoạn này phải là một nền văn nghệ **xã hội chủ nghĩa về nội dung và dân tộc về hình thức**"*.

Ngày 27 tháng 12 năm 1983 nhân đọc diễn văn kỷ niệm lần thứ 40 ngày ra đời của Bản đề cương văn hóa, Trường Chinh đã nhấn mạnh: "*Dân tộc hóa là làm cho văn hóa trực tiếp phục vụ sự nghiệp giải phóng dân tộc*".

**2. Khoa học hóa** là "*chống lại những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ*" (Đề cương văn hóa 1943)

Vẫn do bài diễn văn 27–12–1983, Trường Chinh khẳng định: "*Nó* (khoa học hóa) *lấy chủ nghĩa Marx–Lenine làm kim chỉ nam hướng dẫn mọi suy nghĩ và hành động*".

**3. Đại chúng hóa** là "*chống mọi chủ trương, hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng*". (Đề cương văn hóa 1943).

Sau khi giải thích ba nguyên tắc căn bản của đề cương văn hóa như kể trên, Trường Chinh đã đi thẳng vào một vấn đề nhẹ nhàng tính văn hóa nhưng nặng nề tính quyền lợi đảng:

"*Một vấn đề nữa có tính nguyên tắc mà đề cương đã nhiều lần nhấn mạnh là "**vai trò lãnh đạo của đảng**". Đứng trên lập trường giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Marx–Lenine làm tư tưởng, chỉ có đảng mới hướng cuộc vận động cách mạng văn hóa Việt Nam vào con đường đúng đắn và đạt tới đích cuối cùng. Đảng Cộng Sản Đông Dương và giai cấp công nhân Việt Nam không chia quyền lãnh đạo của mình với bất cứ đảng phái nào và giai cấp nào hết! Đó là một vấn đề nguyên tắc*". (Trường Chinh – Diễn văn 27–12–1983).

Ba nguyên tắc căn bản của đề cương văn hóa cộng với quan điểm của đề cương này đối với "*vai trò lãnh đạo của đảng*" đã đưa dẫn mọi người Việt Nam đến những suy nghĩ kể sau:

Văn hóa hiển nhiên là sản phẩm ra đời từ dòng tâm sinh mệnh của mỗi dân tộc. Vì vậy không thể có văn hóa nếu không có dòng sống dân tộc. Mặt khác dòng sống của bất kỳ dân tộc nào cũng chất chứa đầy đủ mỹ tục và hủ tục, thương yêu và thù hận, ổn định và rối loạn, hưng thịnh và suy thoái và vô vàn cặp phạm trù đối lập khác. Tuy nhiên nhờ vào tính thống nhất giữa dân tộc tính và nhân loại toàn tính theo luật tắc "*động bất ổn tìm về động ổn định, động tìm về tĩnh*" những đối lập trong dòng sống dân tộc đều có xu thế tìm đến thống nhất. Tại những điểm thống nhất vừa kể những hủ tục, những thù hận những rối loạn, những suy thoái của xã hội dân tộc đều bị đãi lọc bởi lịch sử. Chính những đãi lọc này đã tạo điều kiện để dòng sinh mệnh dân tộc

sản sinh ra dòng văn hóa. Đó là chân ý nghĩa của khoa học tính trong văn hóa hiểu theo nghĩa tổng quát nhất. Tôi diễn đạt dân tộc tính và khoa học tính như hai tính chất tất yếu của văn hóa với chủ ý làm nổi bật thắc mắc: tại sao đề cương văn hóa 1943 của Cộng Sản Việt Nam lại tích cực kêu gọi mọi người Việt phải nỗ lực dân tộc hóa, quần chúng hóa và khoa học hóa văn hóa Việt Nam. Trong khi chính dân tộc đã sản sinh ra văn hóa và trong khi văn hóa đã tự nó hàm chứa tính khoa học?

Trước khi tìm giải đáp cho thắc mắc vừa nêu có lẽ chúng ta nên có một bình luận tổng quát và chân xác nhất về nguyên tắc đại chúng hóa của đề cương văn hóa 1943. Như chúng ta đã biết bản đề cương này cho rằng đại chúng hóa văn hóa có nghĩa là làm cho văn hóa không phản lại và không "*xa đông đảo quần chúng*". Cái đích của đại chúng hóa chính là quần chúng. Vì vậy chúng ta hãy tìm hiểu xem có hay không nền văn hóa của dân tộc nào đó thiếu tính quần chúng? Thực ra từ ngữ quần chúng chỉ dùng để nói đến "*một đám đông chưa phân loại*". Nếu dùng "*đảng tính*" để phân loại, người Cộng Sản thường minh định ranh giới giữa đảng viên và quần chúng: Đảng viên là những người tôn thờ chủ nghĩa Marx. Quần chúng là những người mang nhiều tư duy chính trị khác nhau. Nếu dùng "*chủng tộc tính*" để phân loại, người ta thường phân biệt: quần chúng của một xã hội hợp chủng và các thể nhân dị biệt chủng tộc sống chung với nhau trong xã hội đó. Hai thí dụ vừa nêu chứng tỏ rằng từ ngữ quần chúng không lấy dân tộc làm nội dung trội yếu. Ngược lại không thể có bất kỳ dân tộc nào không có quần chúng: dân tộc tự nó bao giờ cũng hàm chứa quần chúng.

Bây giờ chúng ta hãy dùng lăng kính văn hóa để khảo sát mối tương quan giữa dân tộc và quần chúng. Như đã trình bày ở trên: lịch sử đãi lọc dòng sống dân tộc để sản sinh ra dòng văn hóa. Những gì tuy đã có mặt trong dòng sống dân tộc nhưng chưa được lịch sử đãi lọc, chúng chưa thể là chi thể của văn hóa. Thí dụ vào giai đoạn nào đó có một số quần chúng bị cuốn hút bởi phim ảnh khiêu dâm. Hẳn nhiên hoạt động khiêu dâm không hề có tính hóa thành văn mặc dầu đôi khi nó có tính quần chúng. Trường hợp này cho chúng ta nhận thức rằng: trên bình diện văn hóa không phải mọi sinh hoạt của quần chúng đều đương nhiên có tính văn hóa dân tộc. Nhận thức vừa kể cần phải đi kèm ghi chú: không thể có văn hóa dân tộc nếu không có sự tham dự của quần chúng.

Như vậy, trong ngôn ngữ thông thường cũng như dưới lăng kính văn hóa: dân tộc ắt có quần chúng nhưng quần chúng không thể ắt có dân tộc. Dân tộc có nhân số là quần chúng, dân tộc khai sinh ra văn hóa thông qua đãi lọc của lịch sử. Từ đó trong văn hóa: dân tộc và quần chúng đã hội tụ. Từ đó trong văn hóa, đặt vấn đề dân tộc hóa và đại chúng hóa là dư thừa nếu không

muốn nói đó là dấu hiệu của những âm mưu dùng văn hóa phi dân tộc để lấn át văn hóa dân tộc. Chỉ có "*văn hóa nhập cảng*" mới cần đến dân tộc hóa và đại chúng hóa. "*Văn hóa nhập cảng*" được đề cương văn hóa 1943 hỗ trợ là loại văn hóa nào? Câu trả lời nằm ở phần giải thích ý nghĩa của nguyên tắc dân tộc hóa và khoa học hóa như sau:

– Dân tộc hóa chính là lấy quan niệm về văn hóa của Marx–Lenine để thay thế văn hóa dân tộc. Đó là lý do giải thích tại sao Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam năm 1957 đã dứt khoát khẳng định: "*Văn nghệ mới ở miền Bắc chúng ta trong giai đoạn này phải là một nền văn nghệ **xã hội chủ nghĩa về nội dung** và **dân tộc về hình thức***". Nói rõ hơn dưới mắt đảng Cộng Sản Việt Nam, văn hóa, văn nghệ dân tộc chẳng là gì khác hơn là sự thể người ta chỉ được phép xử dụng ngôn ngữ dân tộc, âm nhạc dân tộc và những phương tiện truyền thông khác của dân tộc để chuyên chở tư tưởng Marx. **Phương tiện chuyên chở là hình thức. Tư tưởng là nội dung.** Như vậy nguyên tắc "*dân tộc hóa*" của đề cương văn hóa 1943 nên được nghiêm chỉnh hiểu là: "*Marx hóa*" văn hóa dân tộc.

Khi giải thích nguyên tắc khoa học hóa của đề cương văn hóa, Trường Chinh đã không cần dấu diếm mục tiêu "*Marx hóa*" văn hóa dân tộc, ông dõng dạc tuyên bố: "*Nó* (khoa học hóa) *lấy chủ nghĩa Marx–Lenine làm kim chỉ nam hướng dẫn mọi suy nghĩ và hành động*".

Tóm lại, "*dân tộc hóa*" hay "*khoa học hóa*" kể cả "*quần chúng hóa*" đi nữa cũng không hề ra ngoài nỗ lực "*Marx hóa*". Sở dĩ công cuộc "*Marx hóa*" được Cộng Sản Việt Nam long trọng lồng vào hình thức đề cương văn hóa 1943 chỉ vì Cộng Sản Việt Nam cương quyết duy trì ngôi vị lãnh đạo tối cao, chuyên độc và vĩnh viễn của họ.

Ngôi vị lãnh đạo này chỉ thực sự ổn định và bền vững trong trường hợp đại đa số quần chúng Việt Nam thực tâm chấp nhận chủ nghĩa Marx. Tuy nhiên với thời gian chủ nghĩa Marx càng ngày càng chứng tỏ Marx là nhà tư tưởng có biệt tài tạo lập một hệ thống lý luận rất tinh vi, rất chặt chẽ, rất khúc chiết nhưng lại vô cùng ngơ ngẩn và vô cùng xa rời thực tại và cuối con đường "vô cùng" này là cuộc sống cùng khổ của nhân dân. Hơn thế nữa lịch sử dân tộc cũng như lịch sử nhân loại chưa hề một lần ghi nhận có một chế độ chính trị nào đó lại có khả năng tồn tại chuyên độc và vĩnh viễn. Đó là hai lý do căn bản khiến cho quần chúng Việt Nam không chấp nhận cả chủ nghĩa Marx lẫn ngôi vị lãnh đạo của đảng. Thái độ không chấp nhận bị đè nén từ thập niên này qua thập niên khác không thể không trở thành tình cảm phẫn hận. Phẫn hận xuất hiện theo kiểu "*khi vui muốn khóc, buồn tênh lại cười*" đó là những phẫn hận nằm ngổn ngang trên hè phố hoặc dọc bờ ruộng dưới hình thức ca dao, tục ngữ, chuyện tiếu lâm... gọi chung là văn chương bình dân.

Thế rồi phẫn hận nhanh chóng vượt khỏi biên giới văn chương bình dân để xâm nhập thế giới văn nghệ chuyên nghiệp. Bước vào thế giới này, phẫn hận không còn xuề xòa, dễ tính nữa: phẫn hận có thể ám tàng trong lòng khinh bỉ sâu đậm được gói ghém bằng những lời lẽ lễ độ khác thường. Phẫn hận cũng có thể hừng hực xuất hiện thông qua hành động đạp đổ tất cả nhân vật thần tượng của lịch sử, ngoại trừ các thần tượng được công an bảo vệ. Dĩ nhiên với bộ óc tập thể được tăng cường hơn 40 năm kinh nghiệm cai trị, giới lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam từ rất lâu đã nhận thấy một cách sắc nét cuộc hội ngộ thiên hình vạn trạng của các loại phẫn hận trong văn nghệ bình dân cũng như văn nghệ chuyên ngành. Thế nhưng từ nhận biết ý dân đến thực hiện ý dân con đường chẳng những không ngắn mà lại còn quanh co. Trên con đường quanh co muôn dặm đó đảng Cộng Sản Việt Nam đã hạ sanh nghị quyết văn nghệ số 5 ra đời tháng 12 năm 1987. Nghị quyết này được dư luận đón nhận với nhiều thiện cảm nhờ ở nội dung tươi mát như sau:

"*Tự do sáng tác là điều kiện sống còn để tạo nên giá trị đích thực trong văn hóa, văn nghệ, để phát triển tài năng... Tác phẩm văn nghệ không vi phạm luật pháp, không phản động* (chống lại dân tộc, chống lại chủ nghĩa xã hội, phá hoại hòa bình) *và không đồi trụy* (truyền bá tội ác, sự sa đọa, phá hoại nhân phẩm) *đều có quyền được lưu hành và đặt dưới sự đánh giá, phán xét của công luận và sự phê bình, đảng và nhà nước khuyến khích thảo luận tranh luận công khai để tìm chân lý. Cần tạo không khí hồ hởi trong sáng tác, khơi gợi nhiều cảm hứng sáng tạo nghệ thuật trong việc phát triển các hình thức biểu hiện*".

Thế rồi, thiện cảm của dư luận chưa kịp trải rộng, chưa kịp ngấm sâu thì tác giả tập thể (đảng Cộng Sản Việt Nam) của nghị quyết 5 đã để lộ bàn tay sắt nằm dưới lớp vải nhung của nghị quyết này. Lớp vải nhung là quyền tự do sáng tác. Bàn tay sắt là tự do nhưng không phạm pháp, không chống lại dân tộc, không chống lại chủ nghĩa xã hội với ghi chú rằng luật pháp và dân tộc đều phải được hiểu theo tinh thần của đề cương văn hóa 1943: dân tộc chỉ là dân tộc đã được Marx hóa, luật pháp chỉ là công cụ bảo vệ quyền lãnh đạo tối cao của đảng và đảng quyết tâm "*không chia quyền lãnh đạo của mình với bất cứ đảng phái nào và giai cấp nào hết*" (Diễn văn ngày 27–12–1987, Trường Chinh).

Nói cách khác, đề cương văn hóa 1943 và nghị quyết văn nghệ 1987 chỉ là hai màn khác nhau của vở tuồng "*lãnh đạo chuyên độc và vĩnh viễn*". Màn đề cương văn hóa là màn thống trị cứng rắn, màn nghị quyết văn nghệ là màn xoa dịu phẫn hận để tuồng cũ có thể kéo dài bất tận. Chính vì nghị quyết văn nghệ số 5 chỉ có chủ ý xoa dịu cho nên cánh cửa đổi mới văn nghệ đã không ngần ngại đóng xầm lại ngay khi phong trào văn chương phản kháng tại Việt Nam lên cao. Đó là lý do giải thích tại sao văn nghệ chỉ được tạm thời cởi

trói từ 1986 đến đầu 1989. Trên phương diện lý luận, đối với Cộng Sản Việt Nam khi cần giải thích hiện tượng cởi trói và "*tái trói*", họ chỉ cần căn cứ vào đề cương văn hóa 1943 để giải thích ý nghĩa của dân tộc và luật pháp trong nghị quyết văn nghệ 1987. Dĩ nhiên không phải văn nghệ sĩ Việt Nam tại quốc nội, ngoài Bắc cũng như trong Nam không nhận biết ngay từ đầu cuộc tình duyên giữa đảng và văn nghệ sĩ chỉ là "*cuộc tình vờ*". Điều đáng làm cho mọi người suy nghĩ là sự thể: văn nghệ sĩ quốc nội đã anh dũng bước vào phong trào văn nghệ phản kháng bằng tất cả ý thức về "*tình vờ*". Nếu đảng Cộng Sản Việt Nam đã lợi dụng "*tình vờ*" để xoa dịu lòng phẫn hận của nhân dân thì giới văn nghệ Việt Nam cũng lợi dụng "*tình vờ*" để biến lòng phẫn hận ngấm ngầm của nhân dân thành tiếng gầm thét làm xao xuyến tim óc mọi người. "*Tình vờ*" của đảng thất bại ở chỗ lòng phẫn hận của nhân dân chẳng những không dịu xuống mà còn ngày một tăng trưởng. "*Tình vờ*" của văn nghệ sĩ thành công ở chỗ ý nguyện của nhân dân đã được bộc bạch và văn học sử Việt Nam có thêm một cơ hội ghi điểm son cho công lao cứu nước của giới văn nghệ. Dĩ nhiên để có được công lao này người văn nghệ sĩ quốc nội đã phải trả giá: nhẹ là quyền cầm bút bị tước đoạt, nặng là quyền sống bị bó hẹp trong lao tù và sau cùng quyền tự do tất thở của những nhà anh hùng văn nghệ bao giờ cũng được đảng chân thành tôn trọng. Viết tới đây, ngòi bút của tôi đột ngột trở nên bất động trong giây lát, chỉ trong giây lát thôi cũng đủ để tôi nhận biết thật là sâu thẳm lòng tôn kính tuyệt đối và lòng biết ơn chân thành của tôi đối với các bậc anh hùng văn nghệ trong cuộc cởi trói và "*tái trói*" 1986–1989.

Những phân tích về nội dung nhập chung của đề cương văn hóa 1943 và nghị quyết văn nghệ 1987 đã gợi ý về một kết luận rằng: vận động và phát triển của xã hội là một cuộc thiên biến vạn hóa dài bất tận. Vì vậy bất kỳ tư tưởng nào chủ trương "*bất biến hóa*" một khía cạnh sinh hoạt xã hội đều là tư tưởng ấu trĩ, xa rời thực tại và dĩ nhiên chẳng sớm thì muộn sẽ bị lịch sử đào thải. Khẳng định quyền lãnh đạo của đảng là một quyền chuyên độc và vĩnh viễn hiển nhiên là thái độ "*bất biến hóa*" một sự việc nằm trong dòng thiên biến vạn hóa. Quyền lãnh đạo chuyên độc và vĩnh viễn là một nghịch lý lớn lao nhất trong thế giới của những nghịch lý. Thay vì xác định nghịch lý và bôi bỏ nghịch lý, đảng lại tìm đủ phương cách để bao che nghịch lý. Do nhu cầu bao che vừa kể, đảng đã vụng về sản sinh ra hiện tượng cởi trói, "*tái trói*" văn nghệ 1986–1989, đảng đã lúng túng đưa ra nhiều giải pháp vá víu nhằm ráp nối kinh tế 5 thành phần với 3 thành phần, kinh tế xã hội chủ nghĩa với kinh tế tự do...

Một mặt bảo rằng biến hóa là nguyên lý vĩnh hằng của đại vũ trụ, mặt khác lại bảo rằng từ đề cương văn hóa 1943 đến nghị quyết văn nghệ 1987

Cộng Sản Việt Nam không hề thay đổi. Mang hai cái "*bảo rằng*" vừa kể đặt cạnh nhau, có thể một bạn đọc nào đó sẽ nêu thắc mắc: phải chăng Cộng Sản Việt Nam có khả năng đi ngược lại luật tắc của vũ trụ? Muốn giải trừ thắc mắc này chúng ta lại phải khảo sát tính chất của biến hóa trong mỗi biến cố của lịch sử. Tính chất này được trình bày tổng quát như sau: mỗi biến cố lịch sử đều chất chứa trong tự thân nó 4 bước biến hóa:

– **Bước 1:** ở đâu có tình trạng đối nghịch về quyền lợi giữa hai thế lực chính trị, ở đó có mầm mống của biến cố, ***ở đó có đương biến.*** Đảng Cộng Sản Việt Nam cương quyết duy trì quyền lãnh đạo tối cao, đương nhiên (không do dân bầu) và vĩnh viễn để hướng dẫn nhân dân đi vòng vo trong cái vòng lẩn quẩn của quan liêu, tham ô và nghèo đói. Nhân dân Việt Nam âm thầm nhưng quyết liệt tìm đến tự do dân chủ: quyền làm chủ trọng yếu nhất là quyền tự do quyết định tương lai của toàn bộ dân tộc. Đó là nội dung đương biến ở Việt Nam.

– **Bước 2:** đứng trước đương biến, giới nắm giữ quyền lợi, thường là giới thống trị, tìm đủ mọi cách để tránh né những đòn tấn công của giới bị áp bức. Phương pháp tránh né phổ biến nhất là phương pháp mị dân bằng cách tuyên truyền về những thay đổi giả vờ, thay đổi theo kiểu ve sầu lột xác: sau khi lột xác ve sầu vẫn là ve sầu. Chữ thuế có nhiều nghĩa, trong đó có nghĩa là tình trạng lột xác. Vì vậy bước 2 được gọi là bước **thuế biến.** Đứng trước đương biến ở Việt Nam, đảng Cộng Sản Việt Nam đã thuế biến bằng cách tạo giao duyên kinh tế giữa kinh tế tự do và kinh tế Cộng Sản; bằng cách cởi trói rồi lại "*tái trói*" văn nghệ. Nghị quyết văn nghệ 1987 chẳng qua chỉ là một hình thức thuế biến của đề cương văn hóa 1943. Đó là lý do giải thích tại sao không hề có thay đổi từ đề cương văn hóa 1943 đến nghị quyết văn nghệ 1987.

– **Bước 3:** Biết được âm mưu thuế biến của giới thống trị, giới bị áp bức tiếp tục duy trì ý chí đấu tranh: khi công khai, khi ngấm ngầm, khi hòa hoãn, khi quyết liệt. Cuộc đấu tranh chống thuế biến thường khó khăn nên phải tiến hành với tốc độ chậm. Bước thứ 3 được gọi là **tiệm biến.** Có lẽ không cần phải bình luận dông dài mọi người đều nhận biết hiện tình Việt Nam là hiện tình của tiệm biến.

– **Bước thứ 4:** tiệm biến có thể ví với giai đoạn nén hơi của máy nổ. Cuối đường nén hơi là hiện tượng nổ. Cuối đường tiệm biến: **biến cố lịch sử** ắt phải xảy ra. Biến cố lịch sử lại phải phân ra làm hai loại:

**a) Biến tĩnh:** giới cầm quyền nhượng bộ quần chúng, lòng dân được thượng tôn. Hung Gia Lợi, Tiệp Khắc, Ba Lan, Đông Đức, v.v... vào cuối năm 1989 là các thí dụ điển hình và ngoạn mục của biến tĩnh. Tĩnh có nghĩa là động nhưng ổn định.

b) **Biến động:** đụng độ vũ lực giữa giới cầm quyền và quần chúng nhân dân xảy ra:

* **Biến động bệnh thái:** nhân dân bị đè bẹp dưới guồng máy bạo lực của giới cầm quyền, guồng máy này được xây dựng trên chính tiền thuế của nhân dân. Thiên An Môn tháng 06/1989 là một biến động bệnh thái không bao giờ phai mờ trong lòng người dân Trung Quốc anh dũng.

* **Biến động phi thường thái:** nhà cầm quyền độc tài nhưng bất tài bị triệt hạ trước cơn giận dữ của nhân dân cùng khổ. Roumania 1989 là biến động phi thường thái ngoạn mục nhất của lịch sử Cộng Sản thế giới tính từ 1917 đến nay.

Trình bày những nét căn bản của bốn bước trong một biến cố lịch sử tôi muốn được nhấn mạnh hai điểm:

– **Điểm 1:** từ đề cương văn hóa 1943 đến nghị quyết văn nghệ 1987 Cộng Sản Việt Nam không hề thay đổi thái độ của họ đối với văn hóa dân tộc. Điều này không là dấu hiệu chứng tỏ Cộng Sản Việt Nam có khả năng đi ngược luật tắc biến hóa của vũ trụ mà chỉ là những nỗ lực có tính thuế biến nhằm giúp người Cộng Sản Việt Nam nhất thời tồn tại cho đến bước thứ 4 của biến cố lịch sử.

– **Điểm 2:** không riêng gì lãnh vực văn hóa và văn nghệ mà toàn bộ sinh hoạt của xã hội Việt Nam rồi ra, dù Cộng Sản Việt Nam muốn hay không muốn, cũng phải tiến đến bước biến cố: có thể biến tĩnh, có thể biến động. Dĩ nhiên mọi người Việt Nam đều hiếu hòa, không ai trông chờ biến động, họ chỉ mong biến tĩnh. Và dĩ nhiên mọi người Việt Nam đều yêu nước, trong trường hợp vạn bất đắc dĩ biến động xảy ra, không ai không cầu mong biến động phi thường thái. Nếu vắng bóng biến tĩnh thì chỉ có biến động phi thường thái mới làm cho lịch sử được khai thông và thăng hoa.

Việt Nam ngày nay đói khổ nhất thế giới, điều đó không thể phủ nhận. Việt Nam ngày nay đang gặp "*văn hóa nạn*": đảng Cộng Sản nỗ lực Marx hóa văn hóa dân tộc, điều đó đã hiển nhiên. Việt Nam ngày nay là nơi hoành hành của quái tượng kinh tế: thượng tầng kiến trúc chính trị Cộng Sản nỗ lực xây dựng hạ tầng cơ sở kinh tế thị trường tự do, điều đó là một thực tế trớ trêu. Những không thể phủ nhận, những hiển nhiên, những thực tế trớ trêu vừa kể đều là con đẻ của tham vọng duy trì quyền lãnh đạo chuyên độc và vĩnh viễn cho đảng Cộng Sản Việt Nam. Vì vậy bế tắc kinh tế, chính trị trong tình hình Việt Nam hiện nay không hề tập trung ở cởi trói văn nghệ hay ở cải tổ kinh tế. Người ta cởi trói văn nghệ không vì văn nghệ. Người ta cải tổ kinh tế không vì kinh tế. Cởi trói cũng như cải tổ chẳng qua chỉ là những mưu đồ tạo điều kiện "*mưu sinh thoát hiểm*" cho quyền lãnh đạo của đảng.

Vạn vật vận động nhưng vạn vật nhất thể. Từ đó vạn vật tương quan. Vì

vậy bình luận nghiêm túc về một vấn đề xã hội đòi hỏi người bình luận phải cân nhắc tất cả những vấn đề có liên hệ xa gần đối với chủ đề của bài bình luận để phân biệt vấn đề trội yếu và thứ yếu, định tinh và hành tinh, chính và phụ. Có phân biệt như vậy người ta mới có thể tìm ra chìa khóa để giải quyết vấn đề. Bình luận về mối liên hệ cơ bản giữa đề cương văn hóa 1943 và nghị quyết văn nghệ 1987 đã dẫn mọi người đối diện với quyền lãnh đạo chuyên độc và vĩnh viễn của đảng, quyền này hiện đang quay cuồng giữa những biện pháp kinh tế vá víu, phi lý luận, giữa những tranh cãi ầm ĩ về sự việc nên "*cởi trói*" hay tái trói đám "*tù văn nghệ*". Từ cuộc đối diện vừa nói, người ta dễ dàng đồng ý với nhau rằng: trên quá trình suy thoái trầm trọng của xã hội Việt Nam ngày nay quyền lãnh đạo đương nhiên chuyên độc và vĩnh viễn của đảng là nguyên nhân chủ yếu, những khó khăn về kinh tế, văn hóa, văn nghệ chỉ là những khó khăn thứ yếu, những khó khăn gắn bó chặt chẽ với quyền lãnh đạo qua vai trò chân rết. Chừng nào người Cộng Sản Việt Nam còn quyết tâm duy trì quyền lãnh đạo đương nhiên chuyên độc và vĩnh viễn của họ chừng đó chúng ta không nên hoài công đi tìm dấu hiệu của tiến bộ xã hội thông qua những gì mà họ long trọng gọi là đổi mới, là cởi trói, là cải tổ... Tìm kiếm tiến bộ trong hoàn cảnh vừa diễn tả chẳng khác nào tìm kiếm mặt trăng ở đáy giếng. Đó là phương pháp luận và là nội dung chủ yếu mà qua bài viết này người cầm bút muốn được trân trọng giải bày.

# chung quanh cuộc tranh luận về mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị



*Nguyễn Bá Tùng*

Trong phong trào Trăm Hoa Đua Nở trên đất Bắc (1956-1958) mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị đã được một số cây bút của Nhân Văn-Giai Phẩm đặt ra với chủ trương "*trả công việc lãnh đạo văn nghệ cho văn nghệ sĩ*" (Trương Tửu) hoặc "*phần nghệ thuật là phần riêng của văn nghệ, chính trị không bao biện được, nó đòi được tự do trong phần ấy*" (Phan Khôi). Tiếc thay tiếng nói của Nhân Văn - Giai Phẩm đã bị vùi dập bởi bạo quyền. Ba mươi năm sau vấn đề được đặt lại bởi một thế hệ cầm bút mới.

Từ hậu Nhân Văn - Giai Phẩm cho tới cuối thập niên 70 khuynh hướng chủ đạo và trấn áp của mối quan hệ chính trị - văn nghệ là đồng nhất hóa hai vế; văn nghệ phục tùng và phục vụ chính trị, phục vụ Đảng. Cuối thập niên 70, cùng với cao trào đổi mới trong sáng tác, một số cây bút lý luận và phê bình đã nhảy vào vòng chiến. Hai đề mục lớn được nêu lên là *giá trị của phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa* và *mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị*. Trong lúc đề mục thứ nhất, chỉ liên hệ đến phạm vi phương pháp, có thể được dung thứ và đã chiếm được sự đồng tình của đa số văn nghệ sĩ, thì vấn đề thứ hai, đụng chạm đến nguyên tắc Đảng lãnh đạo, đã đưa đến một trận bút chiến khá gay gắt.

Về phía sáng tác người ta có thể kể một số truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu và một số bài thơ của Nguyễn Duy trong những năm hậu thập niên 70 như là điểm xuất phát của phong trào đổi mới. Trong lúc đó về phía lý luận, phê bình thì bài báo "*Viết về chiến tranh*" cũng của Nguyễn Minh Châu trên báo Văn Nghệ Quân Đội tháng 11-78 và bài "*Về một đặc điểm của văn học nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa qua*" của Hoàng Ngọc Hiến trên báo Văn Nghệ tháng 6-79 được đánh giá như là những hạt giống đầu tiên. Tuy nhiên, như là những bước thăm dò, nội dung của hai bài báo nói trên chỉ là những cảm nghĩ bất mãn, bực bội trước một nền văn học bị kềm kẹp và ước mơ một tương lai tươi sáng hơn. Đối tượng trực tiếp của hai bài viết là "*chủ nghĩa hiện thực phải đạo*" tức là cách thức sáng tác theo đường lối của Đảng. Phải đợi cho đến phong trào phản kháng lên cao, những cảm nghĩ đó mới được hệ thống hoá qua một số bài viết đi thẳng vào vấn đề tương quan chính trị và văn nghệ. Lê Ngọc Trà viết trên báo Văn Nghệ tháng 12-87: "*Lâu nay ở ta,*

*một trong những nguyên nhân làm cho văn nghệ nghèo nàn đi là cách hiểu, nhận thức của lãnh đạo và ngay chính giới sáng tác, lý luận phê bình về mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị*". Từ đó tác giả đề nghị phân biệt *chính trị với tư cách là một chế độ và chính trị với tư cách là một hình thái ý thức*. Hồ Ngọc trong báo Văn Nghệ tháng 2-88 cũng viết: "*Chúng ta đã đồng nhất, thậm chí đồng hóa văn nghệ với chính trị, coi văn nghệ là công cụ của chính trị, phục vụ chính trị một cách thô thiển, đơn giản...biến văn nghệ thành vũ khí tuyên truyền, thành tuyên truyền*", và tác giả đã đề nghị phân biệt chính trị và văn nghệ là *hai hình thái ý thức độc lập* phản ảnh hạ tầng cơ sở kinh tế. Nguyễn Văn Hạnh trên báo Văn Nghệ tháng 6-88 thì lại coi chính trị và văn nghệ là *hai lãnh vực khác nhau của đời sống xã hội, hai hoạt động khác nhau của con người* chi phối lẫn nhau và đồng thời phụ thuộc lẫn nhau.

Nhìn chung cách đặt vấn đề của các tay viết nói trên chủ yếu là nhằm đả phá cái quan niệm đồng nhất hóa văn nghệ với chính trị, vốn đã thành cái nếp suy nghĩ của chính quyền cũng như của từng lớp văn công từ trước tới nay.

Tuy nhiên bài viết được chọn làm khởi điểm của cuộc tranh luận sau đây là của Lại Nguyên Ân với tựa đề "*Về một phương diện của quan hệ giữa văn nghệ và chính trị*" đăng trên báo Văn Nghệ số 9 tháng 2-88, đăng lại trên báo Sông Hương số 31 tháng 5,6-85. Bài báo được coi như là đã khóa lại cuộc tranh luận là bài "*Góp phần tổng quát vấn đề chính trị và văn nghệ*" của Trần Độ, cũng đăng trên tờ Sông Hương số 38 tháng 6,7-89. Lý do của việc giới hạn tầm nhìn này không những vì bài của Lại Nguyên Ân có tham vọng đưa ra một lý thuyết như nhiều người chống đối ông đã gán cho, mà hơn thế nữa, trong khung cảnh của *phong trào văn nghệ phản kháng* (87-89) đây là cao điểm về phương diện đấu tranh lý luận văn học và là trụ điểm cho nhiều ý kiến chống đối nhau. Còn đối với bài của Trần Độ, ký tên kèm với chức vụ Ủy Viên Trung Ương Đảng đặc trách công tác văn hóa văn nghệ, dù không công khai tự nhận là tiếng nói chính thức của Đảng Cộng Sản Việt Nam, cũng có thể mặc nhiên được hiểu như vậy, ít nhất trong thời điểm đó, bởi vì sau bài này cuộc tranh luận đã khựng lại. Cùng với phong trào văn nghệ phản kháng nói chung, đề tài tranh luận đã bị *uốn nắn* theo chiều hướng độc tôn lãnh đạo của Đảng.

### *I- Diễn Tiến Cuộc Tranh Luận*

Trong bài "*Về một phương diện của quan hệ giữa văn nghệ và chính trị*" Lại Nguyên Ân dùng khảo hướng lịch sử để tìm hiểu về thực chất và những cách thế biểu hiệu của mối tương quan giữa văn nghệ và chính trị qua những thời kỳ phát triển xã hội khác nhau.

Thực chất đó là quan hệ giữa hai cơ cấu quyền lực mà tác giả gọi là *hai bá quyền*: quyền cưỡng chế của cơ cấu chính trị và quyền đối kháng của

những người làm công tác văn nghệ. Hai loại *bá quyền* này luôn tìm cách khống chế lẫn nhau. Trong tiến trình lịch sử nhân loại, bản chất của mối quan hệ thay đổi tùy theo thể chế chính trị. Có chế độ đốt sách chôn nho thì cũng có chế độ chiêu hiền đãi sĩ.

Từ những cách thế quan hệ này tác giả phân biệt *văn nghệ chính thống quan phương* với *văn nghệ hợp pháp*. *"Văn nghệ chính thống, quan phương (official), văn nghệ được bao cấp bởi bộ máy quan liêu, diễn đạt trực tiếp tiếng nói, quan điểm, ý chí, xu hướng của người cầm quyền. Văn nghệ hợp pháp la văn nghệ không bị nhà nước nghiêm cấm, ngoài ra, nó có thể không hoàn toàn phục tùng, phục vụ cho lợi ích của nhà nước ấy, thậm chí nó lại tạo ra một cơ sở ý thức mới nhằm đưa tới việc cải cách hoặc cách mạng, thay đổi chế độ hiện hành"*. Văn nghệ chính thống, quan phương không phản ảnh trung thực tiếng nói của đại đa số người dân, trong lúc văn nghệ hợp pháp thường sâu sát với lương tri thời đại và nguyện vọng của dân tộc, đưa tới việc thay đổi xã hội.

Ngay trong những quốc gia mà người cộng sản nắm quyền, mâu thuẫn giữa văn nghệ và chính trị vẫn còn tồn tại, và nguy cơ hình thành văn nghệ quan phương là có thực bởi các lý do:

- Tập thể nghệ sĩ bị đoàn ngũ hóa theo khuôn mẫu tổ chức hành chánh.
- Đặt nghệ sĩ trong đẳng cấp quyền lực chính trị của Đảng.
- Chủ trương bắt buộc sáng tác nghệ thuật phục vụ những chính sách nhất thời của Đảng.

Trong điều kiện đảng cộng sản còn tại quyền, những khuyết tật này có thể được giải quyết ở một mức nào đó với điều kiện : *"Dân chủ hoá các quá trình xã hội, tạo ra một trật tự xã hội mà ở đó quyền quản lý hành chính nhằm điều chỉnh và đảm bảo (chứ không phải là khống chế, ngăn cản, vi phạm) quyền sáng tạo ra các giá trị văn hóa tinh thần"*.

Trong không khí sinh hoạt văn nghệ cộng sản Việt Nam, bài viết của Lại Nguyên Ân mang trong mình tiềm năng gây sóng gió. Liền theo đó cuộc tranh luận bùng nổ giữa một bên là những cây bút ủng hộ quan điểm của Lại Nguyên Ân và bên kia là những người nhân danh chủ nghĩa Mác-Lê và quyền lợi của Đảng. Cuộc tranh luận gay gắt đến nỗi nhiều lời lẽ nặng nề, thậm tệ đã được xử dụng đến.

Viên đạn đầu tiên nhắm quan điểm của Lại Nguyên Ân là bài *"Quan hệ giữa văn nghệ và chính trị không phải là quan hệ giữa hai "bá quyền" trong xã hội"* ký tên Lê Xuân Vũ đăng trong tạp chí Cộng Sản số 11 năm 1988. Điều cần lưu ý là bài của Lê Xuân Vũ xuất hiện gần như ở trang đầu của tờ báo, nơi thường được dành cho phần quan điểm của Tạp Chí Cộng Sản. Bài viết nhắm đánh trực tiếp vào chủ trương có mâu thuẫn nội tại trong quan hệ giữa văn nghệ và chính trị. Tác giả cho rằng Lại Nguyên Ân thiếu sót *"tri thức khoa*

*học*" và sai lầm trong phương pháp, cộng với những "*bực bội cá nhân*", đã lệch lạc trong việc truy cứu nguyên nhân của thực trạng văn nghệ Việt nam. Tác giả viết: "*Nhưng dù sao thì lý luận "hai bá quyền" cũng đã xuất hiện và chúng ta không thể chấp nhận nó được*". Để biện luận cho quan điểm của mình, tức là văn nghệ phải phục tòng chính trị, Lê Xuân Vũ đưa ra tam đoạn luận sau đây:

- Chính trị phản ảnh trực tiếp và gắn chặt với cơ sở kinh tế nên có sức mạnh chi phối mọi đời sống tinh thần xã hội.

- Văn nghệ chỉ là một trong những hình thái ý thức xã hội tạo thành đời sống tinh thần xã hội đó.

- Vậy chính trị chi phối văn nghệ.

Để tăng uy thế cho lập luận của mình, tác giả đã trích dẫn Hồ Chí Minh qua tác phẩm "*Về công tác văn hóa văn nghệ*": "*Nó (văn nghệ) không thể đứng ngoài mà phải ở trong kinh tế và chính trị*".

Sự phân biệt giữa văn nghệ quan phương và văn nghệ hợp pháp của Lại Nguyên Ân, theo tác giả, cũng không chính xác. Cả văn nghệ quan phương lẫn văn nghệ hợp pháp đều ở trong chính trị của giai cấp thống trị, đó là *văn nghệ chính thống*, khác với *văn nghệ không chính thống* của giai cấp chống đối. Như vậy không có mâu thuẫn giữa chính trị và văn nghệ mà chỉ có mâu thuẫn giữa hai loại văn nghệ phục vụ cho hai loại chính trị chống đối nhau mà thôi.

Điều quan trọng là lý thuyết của Lại Nguyên Ân, theo tác giả, không phải để giải thích lịch sử mà nhắm đả phá cái tương quan giữa Đảng và văn nghệ sĩ. Đó là cái thâm ý muốn tách văn nghệ ra khỏi sự lãnh đạo của Đảng.

Hai quan điểm đối chọi nhau ở trên đã được đề cập đến rất nhiều lần trong cuộc hội thảo lý luận phê bình của Hội Nhà Văn và Viện Văn Học tại Hà Nội ngày 24-25 tháng 2-89 nhằm chuẩn bị cho Đại Hội Nhà Văn Việt Nam lần thứ IV. Sau đây chỉ là một số ý kiến tiêu biểu:

Nguyễn Đăng Mạnh với bài tham luận "*Đoàn kết thực sự, dân chủ thực sự, đổi mới thực sự*" (Có đăng lại trên Sông Hương số 36 tháng 3,4-89) đã phê bình gay gắt thái độ "*đẩy đối phương vào chỗ chết*" của Lê Xuân Vũ. Tác giả cho rằng Lê Xuân Vũ đã cố tình hiểu sai khi gán cho Lại Nguyên Ân cái *lý thuyết luôn luôn có mâu thuẫn và xung đột giữa bá quyền văn nghệ và bá quyền chính trị*. Lê Xuân Vũ đã cố ý làm ngơ trước lập luận có tính sử quan của Lại Nguyên Ân. Ông Ân nói trong chế độ xã hội chủ nghĩa vẫn có khả năng nảy sinh mâu thuẫn giữa những người lãnh đạo chính trị và văn nghệ sĩ chứ không hề nói luôn luôn có mâu thuẫn và xung đột giữa chính trị nói chung và văn nghệ nói chung.

Trương Chính, với bài tham luận "*Mấy ý kiến xung quanh việc Đảng lãnh đạo văn nghệ*", không đi vào phần lý thuyết, nhưng dựa vào kinh nghiệm bản thân của một người cầm bút, đã đi đến kết luận rằng mối quan hệ giữa Đảng

và giới văn nghệ xấu đi bởi căn bệnh quan liêu của bộ phận quyền lực chính trị.

Thành Duy trong bài tham luận "*Đổi mới hay dấu hiệu của sự khủng khoảng về lý luận*" đã cho rằng nguyên tắc văn nghệ phục vụ chính trị *là chân lý, là quy luật tự nhiên*, văn nghệ không phục vụ chính trị này thì cũng phục vụ chính trị khác. Sở dĩ có định kiến, e ngại mỗi khi phát biểu chân lý đó vì lâu nay những người lãnh đạo văn nghệ đã hiểu sai và biến văn nghệ thành cái đuôi của chính trị, đi đến chỗ đồng nhất văn nghệ với chính trị. Về phần lãnh đạo chính trị, trước đây Đảng có sai lầm trong chính sách văn nghệ như Đại Hội VI của Đảng đã thừa nhận. Tình trạng này vẫn còn tiếp tục trong lối xử lý có tính áp đặt đối với giới làm văn nghệ.

Lại Nguyên Ân nhân dịp này cũng đọc một bài tham luận để trả lời bài phê bình của Lê Xuân Vũ. Qua bài tham luận tác giả thừa nhận từ ngữ *bá quyền* mà ông đã dùng để nói về uy tín có tính thuyết phục của văn nghệ là thiếu chính xác. Ông phủ nhận *lý thuyết về hai bá quyền* cũng như xu hướng muốn tách văn nghệ ra ngoài chính trị. Tác giả viết: "*Tôi xin khẳng định rằng tôi chưa hề có ý định đặt văn nghệ ra ngoài chính trị nói chung*", nhưng vấn đề là văn nghệ phải ở trong chính trị theo cách thế nào. Hoặc theo cung cách vuốt đuôi, minh họa hay là phải theo một cung cách mới. Tác giả đã dùng những sự kiện lịch sử ở các nước xã hội chủ nghĩa để trả lời Lê Xuân Vũ rằng khả năng sinh mâu thuẫn giữa chính trị và văn nghệ là có thực ngay cả trong những nước Cộng sản. Cũng chính vì quyền lực chính trị là bao trùm cho nên khả năng đổi mới của văn nghệ phần lớn lệ thuộc vào thái độ của người cầm quyền chính trị. Tuy nhiên tác giả đã phủ nhận sức mạnh có tính quyết định luận của chính trị trên văn nghệ. Văn nghệ có khả năng và vai trò tác động trở lại trên chính trị. Đó là sứ mạng của người cầm bút. Lý thuyết *khả năng sinh mâu thuẫn và xung đột giữa người cầm quyền và giới trí thức sáng tạo nghệ thuật khoa học* cũng như *nguy cơ hình thành một loại văn nghệ quan phương* được tác giả giữ lại.

Phạm Như Cương, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Xã hội, trong lời phát biểu cho rằng sở dĩ có lủng củng giữa văn nghệ và chính trị là vì chưa giải quyết được vấn đề Đảng cầm quyền. Lý tưởng thì hướng đến một *chủ nghĩa xã hội thuần túy tốt đẹp* còn thực tế được tạo ra là một *chủ nghĩa xã hội nhà nước*. Chính trong giai đoạn này mà phát sinh ra hệ thống quan liêu bao cấp. Văn nghệ cũng bị vạ lây. Bởi vậy nhiệm vụ trước mắt là dân chủ hóa cả trong đảng lẫn ngoài xã hội.

Bùi Bình Thi, trái lại, cho rằng quan hệ giữa văn nghệ và chính trị *đã được giải quyết từ lâu rồi*, không nên đặt lại. Những bài lý luận liên quan đến đề tài này gần đây chẳng đem lại điều gì mới mẻ, bổ ích mà có thể tạo nên nguy cơ lầm lạc nguy hiểm.

Cũng trong chiều hướng này, Nguyễn Đình Thi đã cho rằng lý thuyết của Lại Nguyên Ân về bản chất mâu thuẫn giữa văn nghệ và chính trị là không xác đáng. Theo tác giả, trong bất cứ thời đại nào cũng có hai thứ chính trị khác nhau và mâu thuẫn nhau và cũng có hai loại văn nghệ xung đột nhau. Không có mâu thuẫn giữa văn nghệ và chính trị; chỉ có mâu thuẫn giữa hai loại văn nghệ mang hai xu hướng chính trị khác nhau mà thôi. Khái niệm *bá quyền văn nghệ* cũng không phản ảnh đúng sự thực.

Hà Xuân Trường, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Phê bình, thay mặt đoàn chủ tịch đã đúc kết hai ngày hội thảo. Về mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị, theo ông, chẳng có ai phát biểu chống lại sự lãnh đạo của Đảng đối với văn nghệ. Vấn đề là Đảng nên lãnh đạo thế nào. Đó là thực chất của mối quan hệ.

Sau buổi hội thảo trên, cuộc tranh luận vẫn còn tiếp tục trên báo chí. Nổi bật là bài của Lữ Phương với đề tài "*chính trị và văn nghệ, đổi mới hay không đổi mới*" (đăng trên Sông Hương số 36 tháng 3,4-89). Qua bài báo, từng điểm một tác giả đã bác bỏ lập luận của Lê Xuân Vũ khi phê bình Lại Nguyên Ân. Tác giả phê bình lập luận của Lê Xuân Vũ là *không thỏa đáng, chủ quan, phi mác-xít*. Tác giả chứng minh rằng việc đặt lại mối quan hệ văn nghệ - chính trị là xu hướng chung trong nhiều nước xã hội chủ nghĩa nhằm đạt đến cái toàn bích hơn. Ngay tại Việt Nam gần đây cũng có nhiều nhà lý luận đặt lại theo cái nhìn của họ; chẳng hạn Hồ Ngọc với *chính trị và văn nghệ như hai hình thái ý thức*, Nguyễn Văn Hạnh với *hai lãnh vực khác nhau của đời sống xã hội v.v...*

Đứng trên lập trường mác-xít, Lữ Phương chứng minh tam đoạn luận trong bài của Lê Xuân Vũ sai lầm từ tiền đề. Theo tư tưởng mác-xít thì chính trị cũng như văn nghệ đều là thượng tầng kiến trúc phản ảnh mối quan hệ kinh tế ở hạ tầng cơ sở. Chúng là hai hình thái ý thức có quan hệ hỗ tương nhau chứ không chi phối nhau được. Đó là *quan điểm mác xít chưa bị bóp méo*. Tác giả cũng chê trách Lê Xuân Vũ thiếu kiến thức sử học khi muốn đồng hóa *văn nghệ quan phương* với *văn nghệ hợp pháp* và nhét cả hai loại vào cái giỏ *ở trong chính trị*. Cũng như Nguyễn Đăng Mạnh, Lữ Phương nhấn mạnh khía cạnh sử quan trong lý thuyết của Lại Nguyên Ân, điều mà Lê Xuân Vũ cố tình làm ngơ. Ngay cả trong những nước xã hội chủ nghĩa, nguy cơ đối kháng giữa văn nghệ và chính trị vẫn còn tồn tại. Liên-Xô thời Staline là điều mà mọi người đều hay. Đại Hội VI của Đảng CSVN cũng đã thừa nhận *những sai lầm chiến lược* trước đây.

Sau bài của Lữ Phương, trên báo văn nghệ số 21 ngày 27-5-89 có bài "*Đôi lời nhân đọc Sông Hương số 36*" ký tên Trần Phú Lộc. Trong bài tác giả công nhận rằng tam đoạn luận của Lê Xuân Vũ đưa ra để biện hộ cho lập trường văn nghệ phải lệ thuộc chính trị là thiếu chính xác; tuy nhiên tác giả cũng đã

phê bình gay gắt quan điểm *chính trị không thể chi phối được văn nghệ* của Lữ Phương. Tác giả chê Lữ Phương "*chưa nắm vững về lý thuyết mác-xít*". Theo tác giả, tuy chính trị và văn nghệ đều là những hình thái ý thức phản ảnh tương quan kinh tế ở hạ tầng cơ sở, nhưng kinh tế tác động đến các hình thái ý thức qua những trung gian; và trong các trung gian đó thì chính trị là trung gian mạnh nhất, trực tiếp nhất, chi phối tất cả, quyết định tất cả. *Vậy chính trị phải chi phối văn nghệ.*

Ngoài ra còn một số cây bút khác nhân danh chủ nghĩa Mác-Lê, nhân danh đổi mới, nhân danh những thành quả của văn học cách mạng để tấn công lập trường muốn tách văn nghệ ra khỏi quỹ đạo của Đảng. Lập luận nói chung thì chẳng có gì mới lạ so với những bài đã dược trích dẫn ở trên, tuy nhiên cung cách tranh luận và lời lẽ có phần nặng nề, quy kết, hù dọa hơn.

Tiếng nói có tầm vóc mà chúng tôi cho là đã khóa lại cuộc tranh luận được phát biểu bởi Trần Độ trong bài "*Góp phần tổng quát vấn đề chính trị và văn nghệ*" (Sông Hương số 38 tháng 6-7,89). Trước hết Trần Độ công nhận rằng "*văn nghệ và chính trị không đồng nhất*", "*không phải là một*". Nếu hiểu chính trị là một mục tiêu, một đường lối, một chế độ thì văn nghệ phải phục tùng chính trị; còn nếu hiểu chính trị là cá nhân người làm chính trị hoặc một công tác cụ thể thì không nhất thiết phải như vậy. Tiếp đó mối quan hệ giữa Đảng CSVN và văn nghệ từ Cách Mạng Tháng Tám đến nay đã được phác họa lại. Thời chống Pháp và chống Mỹ văn nghệ đã phục vụ chính sách kháng chiến của Đảng một cách xuất sắc, không gò bó, tự nguyện và có những thành quả tốt. Từ sau 75, do tình hình xã hội phức tạp, cả chính trị lẫn văn nghệ đều phải đối diện với những điều không thể tiên liệu được, do đó đã mắc phải những sai lầm lớn mà Đại Hội VI của Đảng đã thú nhận. Dựa vào nghị quyết của Đại Hội VI và nghị quyết 05 của Bộ Chính Trị, tác giả chủ trương phải "*đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức, đổi mới phong cách*". Lại dựa vào Đào Duy Tùng, Ủy Viên Bộ Chính Trị đặc trách công tác tư tưởng, tác giả đánh giá công việc đổi mới là tích cực, tuy nhiên "*có một số ít tư tưởng bị lệch lạc*", *cần phải uốn nắn* lại. Tuy nhiên những lệch lạc này không cùng bản chất với Nhân Văn - Giai Phẩm. Một bên là "*một âm mưu chính trị phản động*", một bên là những quan điểm khác biệt nhau nhưng cùng mục đích là phục vụ mục tiêu đổi mới của Đảng. Nhiệm vụ chính trị của văn nghệ trong giai đoạn này là "*chấp hành tích cực những nghị quyết của Đảng*". Trần Độ cũng nhận rằng có những quan hệ khác nhau giữa chính trị và văn nghệ tùy theo những chế độ chính trị khác nhau. Tuy nhiên chế độ xã hội chủ nghĩa là chế độ tiến bộ nhất, do đó "*ít có nguy cơ xảy ra mâu thuẫn đối lập (hay đối kháng) giữa văn nghệ và chính trị tiến bộ*". Trần Độ khẳng định sứ mạng của Đảng là "*lãnh đạo toàn bộ xã hội, lãnh đạo mọi lãnh vực thì tất yếu Đảng phải lãnh đạo cả văn hóa văn nghệ, và văn hóa văn nghệ phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng*".

Cuối cùng Trần Độ viết: "*Chúng ta hoàn toàn có căn cứ để chấm dứt tranh luận trên cơ sở thấm nhuần thực sự tinh thần nghị quyết Đại Hội VI và nghị quyết 05 của Bộ Chính Trị, và đúng với tinh thần những nguyên lý Mác và Lê-Nin về văn hóa văn nghệ chúng ta không có lý do để tranh cãi nữa*".

Sau bài viết của Trần Độ cuộc tranh luận không còn xuất hiện trên báo chí nữa, ngoại trừ những bài lên án khuynh hướng muốn tách văn nghệ ra khỏi sự lãnh đạo của Đảng. Phong trào văn học phản kháng bị *uốn nắn* lại; một số biện pháp chế tài được áp dụng: tờ Lang Bian mới ra đời ba số đã bị đóng cửa, Tổng Biên tập bị tước đảng tịch. Nguyên Ngọc bị mất chức Tổng Biên Tập báo Văn Nghệ, cùng một số phần như Xuân Cang đối với báo Lao Động; báo Sông Hương bị đình bản để tổ chức lại v. v...

## *II Nhìn Lại Cuộc Tranh Luận*

Trong phần trên lập trường và những luận cứ của những người tham dự cuộc tranh luận đã được phác họa lại qua những nét chính. Mục đích của phần tiếp theo không phải là để kéo dài thêm cuộc tranh luận hoặc phê phán tính xác đáng của các luận cứ đã được nêu lên từ hai phía. Cuộc tranh luận, là một phần của phong trào văn nghệ phản kháng, thực tế đã bị đặt vào trong cái ngoặc kép *"có một số ít tư tưởng bị lệch lạc cần phải uốn nắn"*. Ngoài ra, khung cảnh ý thức hệ Mác-Lê của cuộc tranh luận có những giới hạn mà việc tham dự vào từ ngoài hệ thống đó đòi hỏi phải đặt lại giá trị của những nguyên lý nền tảng của những luận cứ. Điều đó trong hiện trạng không phải là cái gì đã được thỏa thuận mà là cái nhắm tới. Ở đây cuộc tranh luận được ghi nhận một cách tổng quát như là một biến cố trong sinh hoạt văn nghệ và có giá trị sự kiện. Như thế *chung quanh cuộc tranh luận* chỉ nhằm nối kết sự kiện đó với những thăng trầm trong sinh hoạt văn nghệ để tìm ra thực chất của nó. Sau nữa dù đã bị *uốn nắn*, cuộc tranh luận lần này, trong khung cảnh sinh hoạt xã hội đặc thù của nó, đã đẩy vấn đề tranh luận đến đâu; hay nói cách khác, giá trị của cuộc tranh luận trong tương quan với những biến động có tính thời sự hiện nay.

**Từ nguyên nhân đến thực chất.**

Nguyên tắc căn bản của mối quan hệ giữa chính trị và văn nghệ đã được Lénine vạch ra trong bài Tổ chức của Đảng và văn học Đảng: "*Sự nghiệp văn học phải thành một bộ phận trong toàn bộ sự nghiệp của giai cấp vô sản, phải thành một cái bánh xe nhỏ và một cái đinh ốc trong bộ máy xã hội chủ nghĩa vĩ đại, thống nhất do đội tiền phong hoàn toàn giác ngộ của toàn bộ giai cấp công nhân mở máy. Sự nghiệp văn học phải thành một bộ phận khắng khít của công tác đảng Xã Hội Dân Chủ thống nhất, có kế hoạch, có tổ chức*". (1)

Quan điểm của Lénine đã được Trường Chinh, lý luận gia số một của văn nghệ Cộng Sản Việt Nam, sao lại nhiều lần trong văn kiện khai sinh văn nghệ Cộng Sản Việt Nam: "*Đề cương về cách mạng văn hoá Việt Nam*" năm 1943.

*trên quê hương*

Bốn mươi năm sau, nhân kỷ niệm đệ tứ thập chu niên ngày ban hành văn bản đó, chính Trường Chinh đã long trọng khẳng định lại: "*Một vấn đề nữa có tính nguyên tắc mà Đề cương đã nhiều lần nhấn mạnh là vai trò lãnh đạo của Đảng. Đứng trên lập trường của giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác-Lê nin làm tư tưởng, chỉ có Đảng mới hướng cuộc vận động cách mạng văn hoá Việt Nam vào con đường đúng đắn và đạt tới đích cuối cùng. Đảng Cộng sản Đông Dương và giai cấp công nhân Việt Nam không chia quyền lãnh đạo của mình với bất cứ đảng phái nào và giai cấp nào hết! Đó là một vấn đề nguyên tắc.*" (2)

Đó là nguyên tắc Đảng độc tôn lãnh đạo, gồm hai khía cạnh như đã ghi trong điều 4 Hiến pháp 1980:

- Đảng Cộng Sản Việt Nam là lực lượng duy nhất lãnh đạo nhà nước (tức là độc đảng)
- Đảng Cộng Sản Việt Nam là lực lượng duy nhất lãnh đạo xã hội (tức là chính trị bao trùm; xã hội chính trị (société politique) thống soái xã hội dân sự (société civile) (3).

Nguyên tắc đó được người cộng sản coi là *đúng hiển nhiên* trong cái xã hội xã hội chủ nghĩa toàn thiện, toàn mỹ. Văn học nghệ thuật là một bộ phận của văn hoá cũng chịu sự chi phối bởi nguyên tắc này. Và chỉ với quan hệ như thế người làm công tác văn học nghệ thuật mới không bị bóc lột, trù dập, mà hồ hởi tự nguyện đặt mình dưới sự lãnh đạo của Đảng để có thể phát huy được tối đa khả năng đặc thù của mình hầu sáng tạo ra những giá trị nghệ thuật phong phú phẩm chất. *Đó là nguyên lý văn nghệ mang tính đảng*, được khẳng đỉnh ở điều 44 Hiến pháp 1980: "*Văn học, nghệ thuật Việt Nam được xây dựng trên lập trường, quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê nin và theo đường lối văn nghệ của Đảng Cộng Sản Việt Nam*"

Tuy nhiên qua cuộc tranh luận trên cũng như phảng phất qua một số sáng tác suốt thời kỳ Văn nghệ phản kháng, có một sự thực được thừa nhận là: đã có cái gì không ổn trong sinh hoạt văn nghệ suốt mấy chục năm nay. Trần Dần gọi cái không ổn đó là *văn chương cung đình*, Lại nguyên Ân gọi là *văn nghệ quan phương, là văn chương tao đàn*, Nguyễn Minh Châu gọi là *văn nghệ minh họa*, và nhiều tên gọi khác nữa biểu lộ một sự khinh bỉ, chê bai đại loại như *văn học xú ngữ, văn học tiểu ngữ v. v...*

Trương Chính mô tả cái không ổn đó như sau: "*Trong văn nghệ bệnh quan liêu biểu hiệu ở thái độ thiếu dân chủ, dùng quyền hành bắt người khác phải hiểu, phải suy nghĩ, phải cảm xúc, phải diễn đạt theo ý mình, bắt sửa từng chữ, từng câu, từng ý khi nào đúng khuôn mới chịu*" (Văn Học số 2, 1989, trang 8). Chính bản dự thảo báo cáo của Ban chấp hành Hội Nhà Văn tại Đại Hội lần IV của Hội cũng thú nhận: "*Do tình trạng còn hạn chế về dân chủ nội bộ và do những quan điểm không đúng, hẹp hòi cứng nhắc hoặc thô sơ, ấu trĩ nên văn*

*học ta cũng bị ảnh hưởng, có một sự nẩy nở không được tự nhiên và có những tiềm năng sáng tạo bị gò lại, không phát huy được hết.*"

Trong nền văn nghệ đó, tự do vốn là điều kiện không thể thiếu của sáng tạo nghệ thuật, có ý nghĩ như thế nào? Cũng trong bài viết trên, sau khi đã kể lại một số kinh nghiệm đắng cay của nghề làm văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa, Trương Chính kết luận: "*Chính vì vậy mà có người yêu văn chương nhưng rồi đâm sợ nghề văn, cho là nghề bạc nhất mà lại nguy hiểm nhất. Con lớn lên chọn ngành nghề, thì khuyên chớ chọn nghề văn. Lỡ đời cha, đời con thì đừng mắc phải*". Nguyên Ngọc, Tổng biên tập báo Văn Nghệ, sau khi bị kiểm thảo "*đã có những khuyết điểm và lệch lạc; trong đó có những lệch lạc nghiêm trọng*" trong việc điều hành tờ báo, bị cách chức, đã tâm sự: "*còn bi kịch của tôi: một người trong cuộc, đảng viên, cầm súng, nhiệt thành xây dựng chủ nghĩa xã hội mấy mươi năm, thế mà sao Tình yêu của chính mình lại bị giày đạp đến như vậy*" (Sông Hương số 37 tháng 4-5-89, trang 42) Bi kịch của Nguyên Ngọc chỉ là một phần nhỏ của tấm thảm kịch chung cho những người cầm bút dưới chế độ cộng sản dám nói lên tiếng nói trung thực của lòng mình. Cái tự do của người cầm bút dưới chế độ cộng sản như thế đúng là cái tự do "*trong tù cũng có tự do*" mà nhà thơ Tế Hanh đã mỉa mai ám chỉ.

Vì chỉ được coi như là "*một cái bánh xe nhỏ, một đinh ốc*", cho nên văn nghệ sĩ dưới mắt nhà cai trị chỉ là một dụng cụ, một con vẹt trước một chủ nhân ông cực kỳ quyền uy. Người làm văn học nghệ thuật cảm thấy mình nhỏ lại, hèn hạ đi như Nguyễn Minh Châu đã tủi nhục ghi nhận: "*Văn chương gì mà muốn viết một câu trung thì phải viết một câu nịnh? Hèn, hèn chữ? nhà văn nước mình trong tâm can ai mà chẳng thấy mình hèn? Cái sợ nó làm mình hèn*" (Văn Nghệ, số 49-50 tháng 12-87)

Không dân chủ, thiếu tự do, phải nịnh hót để được sống thì cái sản phẩm của ngòi bút đương nhiên phải nghèo nàn và khiếp nhược như Lê Ngọc Trà đã nhận xét trên báo Văn Nghệ ngày 16-7-88: "*Thế là rốt cuộc sau nhiều do dự, thì thầm, lần đầu tiên chúng ta đã có can đảm nói to lên, nói công khai một sự thật văn học cách mạng của chúng ta còn nghèo nàn*". Nghèo không phải vì thiếu tài năng. Những tên tuổi như Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân v.v... trước đây, lúc cộng sản chưa nắm chính quyền đã khẳng định tài năng của họ qua một số tác phẩm đã đi vào văn học sử. Thế mà suốt 50 năm với cái văn nghệ mang tính đảng họ đã không để lại được một tác phẩm nào có tầm vóc so với những gì họ đã làm được thời Tiền Chiến. Rồi cả thế hệ mới cầm bút sau này, chẳng lẽ họ bất tài cả hay sao mà Trần Dần phải sốt ruột: "*Thế hệ trẻ à? Tôi cứ đợi mãi*" (Sông Hương số 31 tháng 5-88, trang 92).

Đó là hiện thực của nền văn học xã hội chủ nghĩa Việt Nam suốt mấy

mươi năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng; đó là thực tế của lòng tự nguyện hồ hởi đặt mình trong khuôn khổ của công thức văn nghệ mang tính đảng.

Từ cái nguyên lý được coi là hiển nhiên đúng của văn nghệ phục vụ chính trị và những hàm ẩn của nó đến cái thực tế sống và cảm nghiệm được, giới viết lách đâm ra chao đảo, hoài nghi về tính xác đáng của cái *đã được giải quyết từ lâu rồi*. Mối hoài nghi về nguyên lý văn nghệ mang tính đảng là một *khủng hoảng lý luận văn học*. Gọi là khủng hoảng lý luận bởi vì cái nguyên lý có tính định đề làm nền tảng cho lý luận, phê bình hoàn toàn mâu thuẫn với thực tế. Đó chính là nguyên nhân đưa đến việc đặt lại mối quan hệ giữa chính trị và văn nghệ.

Một khi nguyên lý văn nghệ phục vụ chính trị của Đảng đã bị đặt thành vấn đề thì đương nhiên những sáng tác trong khuôn khổ đó, vốn nghèo nàn phẩm chất, cũng bị đặt thành vấn đề. Đó chính là khuynh hướng *phủ nhận quá khứ, phủ nhận những thành tựu trong văn nghệ* đã được đào sâu bởi nhiều cây bút tham gia phong trào văn nghệ phản kháng; nổi bật nhất là Nguyễn Minh Châu với bài *"Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh họa"* đăng trong báo Văn Nghệ tháng 12-87, Lại Nguyên Ân với bài *"Mấy ý kiến về phê bình văn học"* trên báo Quân Đội Nhân Dân ngày 11-7-87, hay Trần Dần trong bài phỏng vấn dành cho báo Sông Hương ngày 14-5-88 v.v...

Mâu thuẫn giữa nguyên lý với thực tế đưa tới khủng hoảng lý luận; từ đó có nhu cầu đặt lại mối quan hệ giữa chính trị và văn nghệ, hay cụ thể hơn giữa quyền lực chính trị và quyền lực văn nghệ. Tuy nhiên như Lê Xuân Vũ đã lưu ý: "*cái đích của lý luận hai bá quyền văn nghệ và chính trị không phải là để giải thích lịch sử mà là nhắm vào hiện tại*" (Tạp chí Cộng Sản số 11-1988, trang 10). Hiện tại đây là Đảng Cộng Sản Việt Nam và giới làm văn học nghệ thuật. Trong hai vế của mối quan hệ, hai *"bá quyền"*, cái đã bị đặt thành vấn đề không phải là "*bá quyền văn nghệ*" mà chính là *sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam*. Phương Lựu trong cuộc phỏng vấn dành cho báo Sông Hương số 32 tháng 9-88 đã nói lên sự thật này: "*chuyện văn nghệ với chính trị bây giờ được đặt ra, theo tôi, cốt lõi là ở chỗ vừa qua có sự ràng buộc, gò bó của phía thoái hoá của chính trị đối với văn nghệ thực sự vì dân vì nước*". Phan Cự Đệ trên báo Văn Học số 2 tháng 2-89 cũng đã thừa nhận: "*Đúng là có hiện tượng gò bó thiếu dân chủ về phía lãnh đạo*".

Bên cạnh đó còn có ý kiến cho rằng văn nghệ nghèo đi là bởi người cầm bút hèn nhát, thiếu dũng khí, chẳng hạn bài *"Cái hèn của người cầm bút"* của Phạm Xuân Nguyên trên báo Sông Hương số 31 tháng 5-6/88. Tuy nhiên theo cái luận lý tự nhiên thì không thể lẫn lộn giữa nguyên nhân và điều kiện của một trạng thái nhất định trong quá trình biến đổi; cũng như tính đa nguyên của một sự kiện không nhất thiết cho phép đồng đẳng hoá các nguyên nhân. Nói rằng văn nghệ nghèo nàn đi vì do lãnh đạo chính trị gò bó và văn

nghệ sĩ hèn. Hoàn toàn đúng. Nhưng nói ngược lại rằng văn nghệ sẽ phong phú phẩm chất nếu chính trị không can thiệp và văn nghệ sĩ dũng cảm hơn là nói thừa, bởi vì nếu chính trị không đàn áp, cấm đoán thì văn nghệ sĩ cần gì phải chống đối ai mà phải dũng cảm. Trong cái tương quan giữa văn nghệ mang tính đảng và thái độ khiếp nhược của người cầm bút thì chính cái vế đầu là nguyên nhân của vế thứ hai, từ đó mới sinh ra tình trạng văn nghệ nghèo nàn. Người cầm bút hèn, thiếu dũng khí là một điều dễ hiểu bởi không phải ai cũng làm thánh được; không phải ai cũng có thể trở thành một Nguyễn Chí Thiện. Trần Dần đã ân hận vì cái hèn của mình khi phải viết lời thú tội sau vụ Nhân Văn - Giai Phẩm như sau: "*Như thế quả là hèn thực. Đáng lẽ là một Silence de la mort. Đó là cách trả lời Mini nhất.*" (Sông Hương số 31 tháng 5-6/88).

Tự do sáng tạo cũng như tài năng là những điều kiện của một nền văn nghệ giàu, nhưng khi đã có tài năng - ai nói rằng Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Tuân, Trần Dần v.v... và cả một số nhà văn, nhà thơ thế hệ bây giờ là bất tài? - mà văn nghệ không phát triển được thì phải truy tầm nguyên nhân. Đó chính là tại cái *nguyên lý văn nghệ mang tính đảng.* Do đó cái được đề nghị đổi mới là cái *"bá quyền chính trị"* có tính áp đặt, chớ không phải là những *"cố gắng dành lại những khung trời rộng rãi để tự do sáng tạo ra những giá trị tinh thần mới"*. Cuộc tranh luận như thế không phải nhằm đến mối quan hệ giữa chính trị và văn nghệ nói chung như kiểu nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh; cũng không phải giữa hai hình thái ý thức trừu tượng trên sách vở; mà chính là *vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam đối với văn nghệ sĩ*. Đó là một vấn đề chính trị, vì hơn ai hết, người cộng sản Việt Nam thuộc nằm lòng rằng *những công cụ ý hệ của Nhà nước (les appareils idéologiques d'État) và công cụ trấn áp có tính bạo lực của Nhà nước (l'appareil répressif d'État)* là hai phương tiện quan trọng như nhau trong việc bảo vệ guồng máy chuyên chính vô sản. (4)

Khủng hoảng lý luận văn học manh nha lan tới, đã lan tới *khủng hoảng lý luận chính trị toàn diện* mà văn nghệ là một phần nhỏ, dù rất quan trọng. Trần Độ thấy được chiều hướng tiềm ẩn đó của cuộc tranh luận cho nên đã chặn đầu bằng cách hăm dọa: "*Nếu ta muốn nói phạm trù đảng lãnh đạo thì nói dứt ra vấn đề đảng lãnh đạo. Sứ mệnh của Đảng là lãnh đạo toàn bộ xã hội, lãnh đạo mọi lãnh vực, thì tất yếu Đảng phải lãnh đạo cả văn hoá văn nghệ, và văn hoá văn nghệ phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng... Vai trò lãnh đạo của Đảng là một tất yếu lịch sử, là một hiện thực hiển nhiên, đã ghi trong hiến pháp. Ai chống lại điều này là vi phạm hiến pháp, là phạm pháp, là có tội*". (Sông Hương số 38 trang 74)

**Từ kết cuộc đến hệ qua**

Tố Hữu trong *báo cáo tổng kết cuộc đấu tranh chống Nhân Văn - Giai Phẩm* năm 1958 đã kết luận: "*Một bên coi công tác văn học nghệ thuật là "một*

*bánh xe nhỏ", là một "đinh ốc" trong bộ máy công tác Đảng, sự nghiệp văn học nghệ thuật là một bộ phận khắng khít trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng, do đó nhất định văn nghệ phải chịu sự lãnh đạo của Đảng mới có thể phát triển"* (5)

Hơn 30 năm trôi qua, giáo điều đảng độc tôn lãnh đạo được lặp lại như một chân lý mặc dù hoàn cảnh trong nước và thế giới đã đổi thay. So sánh hai quan điểm của Tố Hữu và Trần Độ ở trên người ta chẳng thấy gì mới lạ. Cánh cửa đã đóng sầm lại sau khi vừa hé mở! Nói như thế không có nghĩa lịch sử chỉ là một vòng tròn khép kín và cuộc tranh luận lần này chỉ là bản sao của Nhân Văn - Giai Phẩm về mọi phương diện.

Như đã thấy, thực chất của cuộc tranh luận là nhằm tấn công vào tính xác đáng của nguyên lý có tính giáo điều: *Đảng độc tôn lãnh đạo*. Đó là một nguyên lý được coi là tất yếu và hiển nhiên đúng trong nhãn quan của người cộng sản. Tuy nhiên đề tài tranh luận không còn là một vấn đề thuần túy lý thuyết nữa. Đó là một hiện thực phải đương đầu. Nhân Văn - Giai Phẩm trước đây đã từng bị quy kết tội bóp méo vụ nhân dân Hungarie anh dũng nổi dậy chống sự đàn áp của Hồng Quân Liên sô; xuyên tạc vụ Kroutchev tố cáo những tội ác của Staline trong Đại Hội Cộng Đảng Nga lần thứ 20; lợi dụng những khó khăn của nhà nước sau chính sách cải cách ruộng đất thất bại ở miền Bắc để khuấy động lên luồng gió độc nhằm tấn công cơ chế Đảng và nhà nước.

Bước lịch sử 30 năm sau lại đẩy nguyên lý đảng lãnh đạo đối diện với những vấn đề thời sự tương tự, nhưng ở một mức độ quyết định, sống chết.

Sai lầm trong lãnh đạo chính trị, kinh tế được Đại hội Đảng lần VI chính thức thừa nhận, đã đưa quốc gia đến tình trạng Trần Bạch Đằng phải thú nhận: "*chúng ta xếp gần hạng chót trong các nước chậm phát triển nhất. Mức sống của đồng bào ta thuộc hạng thấp nhất thế giới.*" (6). Về cơ chế chính trị, chính Nguyễn Văn Linh trong bài diễn văn ngày 2-9-89, cũng đã phải tuyên bố: "*Hiện nay trong xã hội ta vẫn còn hiện tượng mất dân chủ, vi phạm quyền làm chủ của dân, có nơi có lúc diễn ra nghiêm trọng. Những hành động của một số đảng viên trù dập dân, xâm phạm đến lợi ích chính đáng của dân, độc đoán áp đặt ý kiến sai trái của mình bắt dân theo.*"

Trong nước nguyên lý đảng độc tôn lãnh đạo đã đưa quốc gia đến tệ trạng như thế; ngoài nước nguyên lý đó đang trải qua cơn khủng hoảng nặng nề. Trong thời gian cuộc tranh luận diễn ra trên báo chí thì tình hình chính trị của một số nước cộng sản Đông Âu, Trung Quốc đang sôi sục những biến động mà đối tượng là phủ nhận nguyên lý độc tôn lãnh đạo của Đảng Cộng Sản. Trong lúc quãng trường Thiên An Môn đẫm máu của hàng ngàn thanh niên, sinh viên đứng lên vì tự do, dân chủ thì cuộc đấu tranh lâu dài và bền bỉ của nhân dân Ba Lan dưới sự lãnh đạo của Công Đoàn Đoàn Kết bước sang giai đoạn quyết định. Cuối cùng một chính phủ không cộng sản đã được

Quốc Hội tín nhiệm. Rồi Hungarie, Tiệp Khắc, Đông Đức... nơi nào nguyên lý chuyên chính vô sản cũng đang phải đối đầu với phong trào nổi dậy của quần chúng. Trong tất cả những biến động lịch sử long trời lở đất trên khẩu hiệu được dựng lên không phải là miếng cơm manh áo nữa mà là *Tự do, Dân chủ và Giải cộng.* Giải cộng không chỉ là giải thể bộ máy quan liêu, kềm kẹp của cộng đảng mà còn là sự phủ nhận tính độc tôn của ý thức hệ giáo điều Marxisme - Leninisme. Đó là điều kiện tiên quyết của tự do, dân chủ và phồn vinh. Có thể những khó khăn kinh tế bắt nguồn từ đường lối quản lý tập trung sai lầm của cộng sản đã là lý do chính đưa đến sự sụp đổ của cộng sản tại Ba Lan; nhưng còn ở Đông Đức, Tiệp Khắc với mức sống trung bình tương đương với một số nước Tây Âu, hơn Thái Lan, Đài Loan thì miếng cơm manh áo chắc hẳn không phải là động lực chính thúc đẩy hàng vạn người xuống đường thách thức với bạo lực vũ trang.

Trên bình diện văn học, tại một số nước cộng sản, đặc biệt là Liên sô, việc phục hồi danh dự cho những nghệ sĩ bị thanh trừng trước đây và việc cho xuất bản những tác phẩm bị cấm đoán vì đã chỉ trích chế độ đang làm nảy sinh một luồng khí mới trong chiều hướng sáng tác và phê bình.

Mỉa mai thay trước thực tế đó Cộng đảng Việt Nam vẫn chưa rút được bài học hữu ích nào. Nguyễn văn Linh, trong bài diễn văn vừa dẫn, sau khi tố cáo những âm mưu của các thế lực đế quốc "*tấn công điên cuồng chống chủ nghĩa xã hội*", đã khư khư: "*Một lần nữa, chúng ta tuyên bố bác bỏ chủ nghĩa đa nguyên, đa đảng...*" Tách kinh tế ra khỏi chính trị, Võ Chí Công, sau phiên họp của Bộ Chính Trị nhằm xét lại nhận định về tình hình Đông Âu ngày 3-12-89, đã tuyên bố rằng: "*Trước hết tập trung đổi mới kinh tế, từng bước đổi mới vững chắc về chính trị.*" Sự bối rối cộng với bản chất ngoan cố đã làm cho người cộng sản Việt Nam quên hết kinh điển giáo điều Mác-Lê. Họ coi chính trị và kinh tế như hai phạm trù riêng biệt không ăn nhập gì nhau.

Trong khung cảnh rối bời cả trong lẫn ngoài nước như thế, vấn đề tranh luận mà bản chất thực sự là nguyên lý đảng độc tôn lãnh đạo hẳn nhiên đã đi vào vòng cấm địa, đã đụng tới biên giới giữa cái sống và cái chết của Đảng. Nghị quyết 05 của Bộ Chính Trị bàn về công tác tư tưởng và văn hoá, một văn kiện thừa nhận có khuynh hướng đổi mới trong văn nghệ, đã đặt ra những giới hạn cho người cầm bút trong đó có: "*không phản động (chống lại dân tộc, chống lại chủ nghĩa xã hội, phá hoại hoà bình).*" Rõ rệt đặt lại vấn đề theo chiều hướng tách văn nghệ ra khỏi sự lãnh đạo của Đảng là chống lại nguyên lý của chủ nghĩa xã hội, là chống Đảng, là phản động, là có tội rồi còn gì nữa. Trước đây những người làm công tác lý luận, phê bình văn học được Đảng coi như là người canh gác cánh đồng văn nghệ đảng, thì trái lại trong tình huống này họ là kẻ đáng e ngại nhất. Không phải là chiên ghẻ nữa mà là sói hoang. Chính vì thế mà lãnh vực lý luận, phê bình đã là mục tiêu đầu

tiên bị Đảng chiếu cố đến trong cái chiến dịch nhằm đả kích và trấn áp *phong trào Văn nghệ phản kháng*. Sau khi phong trào văn nghệ phản kháng bị *"uốn nắn"* lại, độc giả vẫn còn tìm gặp được một vài sáng tác mới theo khuynh hướng đổi mới, dù e dè và yếu ớt hơn. Nhưng còn những nhà lý luận, phê bình đã dũng cảm góp tiếng nói trong cuộc tranh luận, người đọc không còn cơ hội để nghe tiếng nói của họ nữa.

Tuy cuộc tranh luận đã bị vùi dập, tính thời sự của vấn đề tranh luận vẫn còn hiển hiện và càng nổi bật hơn bởi sự gia trọng của những biến cố trong và ngoài nước; đặc biệt là việc sụp đổ của nguyên lý đảng độc tôn lãnh đạo ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa. Tiếp theo sự tan rã của những chính quyền cộng sản Đông Âu, như một luồng điện mạnh, phong trào đòi tự do, dân chủ đã lan tràn ra khắp thế giới cộng sản: Nicaragua ở Nam Mỹ, Mông Cổ ở Á Châu; và ngay tại Liên Sô, cái nôi của phong trào cộng sản thế giới, một mẫu mực của Cộng đảng Việt Nam, những bước quyết định trên con đường giải cộng đang được thực hiện. Đã đến lúc mà dân chúng và ngay tầng lớp đảng viên trong các nước cộng sản nhận ra rằng sự phân biệt giữa *chủ nghĩa xã hội thuần tuý tốt đẹp* và *chủ nghĩa xã hội nhà nước* chỉ là một sáo ngữ bịp bợm, đã mất hết hiệu lực bùa mê; và phạm trù lãnh đạo mang tính đảng là đầu mối của mọi suy đồi trong tất cả các quan hệ, trong đó có quan hệ với văn nghệ.

Hơn hẳn nhiều phạm trù khác: quân sự, kinh tế v.v..., văn nghệ mang trong mình tính mâu thuẫn với độc tôn lãnh đạo, vì bản chất của văn chương, nghệ thuật là tự do: tự do tư tưởng, tự do phát biểu. Hoặc chọn Đảng lãnh đạo hoặc chọn một nền văn nghệ chân chính; không thể cùng lúc chọn cả hai. Tương quan giữa văn nghệ chân chính và bá quyền cộng sản được xây dựng trên nguyên lý triệt tam. Cái lý luận *"không nên coi những khuyết tật, ung nhọt trên cơ thể con người là toàn bộ con người"* không thể áp dụng trong trường hợp nầy được nữa, bởi ở đây không còn ung nhọt trên cơ thể con người mà là toàn bộ con người ung nhọt, không phải là khuyết tật mà là con số không.

Tuy thế một số người vẫn còn e ngại rằng việc phủ nhận nền văn nghệ mang tính đảng sẽ đưa đến *hư vô chủ nghĩa*. Đó là những thắc mắc có tính phản bác đại loại như: *"không lẽ chúng ta đổi mới trên một miếng đất trống"*. (7) hoặc: *"nhưng giả dụ như thoát ly sự lãnh đạo của Đảng thì ai sẽ đảm bảo cho văn nghệ tránh khỏi tình trạng hỗn loạn như văn nghệ Tây Âu và Mỹ?"* (8). Đặt vấn nạn như thế phải chăng họ cho rằng trước khi Đảng cộng sản Việt Nam nắm chính quyền văn nghệ Việt Nam là một miếng đất trống, là một đống hỗn mang; và cũng tương tự như thế đối với phong trào cộng sản nói chung trong tương quan với văn hoá nhân loại. Mà giả dụ sự cuồng tín và u muội khiến họ nghĩ như vậy đi nữa thì phép lý luận nào cho phép họ ca tụng những Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, cho phép họ nêu yếu tố dân tộc như là một mục tiêu của cái gọi là *"Đề cương văn hóa"*. Dù có viết hàng vạn cuốn đại loại

như *"Chủ nghĩa Mác và văn hoá Việt Nam"* thì vẫn không thể thuyết phục được rằng có chút xíu gì đó chung chung giữa chủ nghĩa Mác và văn hoá Việt Nam. Chính *Bản đề cương văn hoá* tác hại đó đã hút hết nhựa sống của nền văn hoá Việt Nam suốt nửa thế kỷ nay, đã làm cho nền văn nghệ Việt Nam thành *hư vô*, thành *một miếng đất trống*. Chính vì cái nguyên lý đảng độc tôn lãnh đạo đó đã đẩy Việt Nam lùi lại cả thế kỷ, *"đến cái mức mà chúng ta đánh mất khả năng đối thoại với nhân loại và lạc lõng trước văn minh nhân loại"*. (9) Bung ra khỏi cái vỏ ốc bảo thủ, giáo điều đảng độc tôn lãnh đạo để bước cùng nhịp với trào lưu nhân loại. Nói lên tiếng nói con người, con người Việt Nam chân thật. Đó là sứ mạng của văn nghệ Việt Nam. Công việc thật bình thường, thật đơn giản, nhưng đó là một nhiệm vụ cam go mà người làm văn học nghệ thuật chân chính ở quê nhà phải gánh vác trong hoàn cảnh hiện nay.

Tóm tắt, dù cuộc tranh luận đã bị *uốn nắn* nhưng vấn đề tranh luận vẫn còn đó bao lâu còn độc tôn lãnh đạo của Đảng. Cuộc tranh luận chỉ là bước khởi đầu cho *"cuộc trường chinh gian khổ"* nhằm đánh ngã nguyên lý Đảng Cộng Sản độc quyền lãnh đạo tại Việt Nam. Trong ý nghĩa đó, cuộc tranh luận, tuy chỉ giới hạn trong phạm vi quan hệ chính trị và văn nghệ, nhưng đã tạo nên một khe hở lớn trong ý hệ giáo điều Mác-Lê và mở ra một chân trời mới. Đó là một *"báo động thật"* chứ không phải là *"báo động giả"*.

**Chú Thích**

(1) Trích lại từ Tố Hữu, *Bọn Nhân văn - Giai phẩm trước tòa án dư luận*, Sự Thật, Hà Nội, trang 173

(2) Trường Chinh, *Bốn mươi năm Đề cương văn hoá Việt Nam*, Sự Thật, Hà Nội, trang 18

(3) Thuật ngữ của A. Gramsci, lý thuyết gia Mác-xít và là người sáng lập Đảng Cộng Sản Ý, được khai triển trong tác phẩm *"La pensée politique de Gramsci"* của Piotte, J - M, paris, Editions Anthropos, 1970.
Ở đây người viết mượn thuật ngữ của A. Gramsci; tư tưởng của Gramsci lại là chuyện khác.

(4) Thuật ngữ của Louis Althusser, lý thuyết gia Mác-xít Pháp dùng trong bài *"Idéologie et Appareils idéologiques d'État"*, La pensée, số 151, tháng 6. 1970, trang 3-38.

(5) Tố Hữu, Bài đã dẫn, trang 178

(6) Trần Bạch Đằng, *"Văn học cuộc trường chinh gian khổ"*, Văn số 3, tháng 2-89, trang 6.

(7) Phan Cự Đệ, *"Cần định hướng cho cuộc đổi mới"*, Văn Học số 2-89 trang 40

(8) Vũ Đức Phúc, *"Lý luận của đồng chí Trường Chinh về văn hoá, văn nghệ"*, Văn Học số 2-89 trang 50

(9) Nguyễn Minh Châu, *"Hòa đồng cùng nhân loại"*, Văn số 2 tháng 12-88.

# phần năm: tài liệu lý luận văn học và tự do tư tưởng

**I. Nhìn lại vụ án Nhân văn Giai phẩm**

- Hạnh ngộ cụ Nguyễn Mạnh Tường - *Phạm Trần*
- Mấy ý kiến xung quanh việc Đảng lãnh đạo văn nghệ - *Trương Chính*
- Gặp gỡ Trần Dần - Đối thoại mất ngủ - *Hoàng Phủ Ngọc Tường*
- Tôi thích viết trên giấy có kẻ dòng - *Phùng Quán*
- Ái hoa và nấm độc - *Hữu Loan*
- Phỏng vấn Hoàng Cầm - *Tạp chí Sông Hương*

**II. Quan điểm trì kéo của Đảng**

- Kết luận của Bộ Chính trị về mấy vấn đề trước mắt trong công tác tư tưởng - *Báo S.G.G.P.*
- Văn học, cuộc trường chinh gian khổ - *Trần Bạch Đằng*
- Góp phần tổng quát về vấn đề chính trị và văn nghệ - *Trần Độ*
- Phỏng vấn Nguyễn Đình Thi - *Tạp chí Sông Hương*

**III. Khuynh hướng đòi cởi trói**

- Về một phương diện của quan hệ giữa văn nghệ và chính trị - *Lại Nguyên Ân*
- Chính trị và văn nghệ: đổi mới hay không đổi mới - *Lữ Phương*
- Cái hèn của người cầm bút - *Phạm Xuân Nguyên*
- Đoàn kết thực sự, dân chủ thực sự, đổi mới thực sự - *Nguyễn Đăng Mạnh*

**IV. Đặt lại quan điểm về sáng tác và thưởng ngoạn**

- Chúng ta bảo vệ cái gì - *Đặng Nhật Minh*
- Ngẫu hứng và tự do sáng tạo - *Ma văn Kháng*
- Vấn đề thẩm định văn học nghệ thuật và ý niệm nhạc vàng - *Nguyễn Trọng Tạo*
- Thị hiếu và lối đọc truyện hiện nay qua một cuộc tranh luận - *Đặng Anh Đào*
- Cuộc sống hôm nay và trách nhiệm của thơ - *Bùi Minh Quốc*

**V. Tranh đấu cho tự do tư tưởng**

- Góp ý kiến về đổi mới - *Phan Đình Diệu*
- Trên chuyến tàu tốc hành về năm 2000 - *Vũ Kim Hạnh*
- Biện chứng và ngụy biện trong công cuộc đổi mới - *Hà Sĩ Phu*

# dẫn nhập:

Ngoài số văn liệu được in trong tập Tuyển Tập Văn nghệ này, chúng ta còn thu lượm được một số các bài lý luận văn học và nghiên cứu xã hội có liên hệ trực tiếp đến cao trào văn nghệ phản kháng trong ba năm qua tại quê nhà.

Những tài liệu này, mà nội dung vừa mang tính chỉ hướng vừa năng động mở đường, đã tạo thành bối cảnh cần thiết và làm chất men cho những sáng tác phản kháng trong lãnh vực văn học nghệ thuật. Các tài liệu này được phân loại thành năm tiểu mục như sau:

1 – Những hồi tưởng và đánh giá của các nhân vật chủ yếu trong vụ án Nhân Văn Giai phẩm 30 năm trước đây.

2 – Quan điểm giáo điều của đảng Cộng sản Việt Nam về công tác văn hóa và công tác tư tưởng.

3 – Những lý luận văn học về bản chất của sự mâu thuẫn giữa chính trị và văn nghệ.

4 – Quan điểm về sáng tác và thưởng ngoạn xuyên qua vài tác phẩm văn nghệ phản kháng.

5 – Những góp ý về tự do tư tưởng trong nỗ lực đổi mới để sinh tồn tại quê nhà.

Dĩ nhiên các bài viết này, về cả lượng lẫn phẩm, chưa đủ để trình bày hết những khuynh hướng phức tạp trong một vấn đề vượt quá mọi khả năng suy nghiệm của một người. Tuy nhiên, tổng hợp lại, ta có thể cảm nhận được sự bức thiết và to lớn của tình hình mà giới văn nghệ sĩ trong nước đang phải đối diện và giải quyết. Cũng qua các bài viết này, ta có thể hình dung ra được cuộc vận động tư tưởng lớn lao của cả dân tộc xuyên qua nỗ lực phá vỡ thành trì ý thức Mác–Xít đang bắt đầu tan rã vì cơn bão thời đại.

Tác giả các bài viết là những người Mác–Xít, nhưng trong cơn khủng hoảng nhân văn hiện tại của đất nước, ta đã thấy thấp thoáng giữa hai giòng chữ mà họ sáng tạo, một tấm lòng Việt Nam vượt chủ nghĩa, vượt chế độ để chỉ bật lên những ước vọng cao cả cho tiền đồ của đất nước và dân tộc mà thôi.

# hạnh ngộ cụ nguyễn mạnh tường: hai thế hệ, một tâm tình



*Phạm Trần*

Cô gái người Hà Nội dẫn tôi "chui" vào nhà trọ ở ngoại ô Paris. Căn gác vuông vức bảy mét vuông này nguyên là một phòng chứa đồ đã dột nát, tường nứt nẻ, lạnh lẽo. Trong ánh sáng vàng vọt, tôi đụng đầu một cụ già tóc bạc, lưng trĩu nặng, nhưng khuôn mặt vẫn ánh lên niềm tự tin, thoải mái. "Anh chia với cụ già phòng này; cụ mới từ Hà Nội sang", nói xong, cô gái từ biệt. Tôi linh cảm ngay rằng mình đang đối diện với một người không bình thường. "Thưa cụ, cụ là ai mà sang đây lại vào chốn này?". "*Tôi là Nguyễn Mạnh Tường. Năm mươi năm trước tôi trọ học ở Paris. Hôm nay lại có dịp sang sống lại chốn cũ!*" Tôi hơi sửng sốt. Cái tên khiến tôi nghĩ ngay về vụ án Cải Cách Ruộng Đất và Nhân Văn Giai Phẩm trước đây ở miền Bắc. Vả, tôi cũng vừa mới đọc một cuốn sách của cụ. Một hạnh ngộ may mắn của cuộc đời! Tôi say sưa hàn huyên với cụ hai đêm dài. Sau đây là một phần câu chuyện. Các đề tựa đều do người thuật đặt.

**Thiên tài lầm thế kỷ**

– *Thưa cụ, đối với các thế hệ ba mươi, bốn mươi tuổi như chúng con, tên tuổi của Cụ khá xa lạ. Nếu không có hai bài viết sưu tập trong cuốn* **Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc** *thì có lẽ ít ai biết. Xin Cụ kể sơ ít dòng về cuộc đời.*

– Tôi sinh năm 1909 tại Hà Nội. Ngay từ nhỏ đã học tiếng Pháp. Mười tuổi thi vào lớp 10 tư thục Paul Bert, sau đó vào Trung Học công lập Albert Sarraut. Năm 1927 sang Pháp vào Đại học Montpellier và Paris. Gần năm năm sau, tôi trình luận án quốc gia Văn Chương và Luật (đệ tam cấp). Năm 1936 về nước dạy Văn Chương Pháp tại các trường trung học tại Hà Nội. Cách Mạng Tháng Tám (1945) bùng nổ, tôi tham gia kháng chiến sau đó. 1952 chính phủ Hồ Chí Minh triệu về dạy trường Dự Bị Đại Học (do Đặng Thái Mai chỉ đạo) ở Khu Tư. Năm sau, đại diện Việt Nam sang Áo dự hội nghị do "Phong Trào Bảo Vệ Hòa Bình" tổ chức. Hội nghị có mục đích tuyên

truyền và tạo thế, vì lúc đó ai cũng tin là vấn đề Đông Dương sẽ được giải quyết cùng một lúc với vấn đề Đại Hàn ở bàn hội Genève. Năm 1956 tôi tham dự Hội Nghị ở ĐàLạt. Vì không đồng ý với ông Võ Nguyên Giáp nên các Hội Nghị sau đó tôi không còn hiện diện. Cùng năm 1956, bên Nga Khrutchev hạ bệ Stalin; bên ta, Đảng mở chiến dịch sửa sai các lỗi lầm của vụ Cải Cách Ruộng Đất. Trong một Hội Nghị sửa sai, tôi đã đọc một bài tham luận phân tách các nguyên nhân lầm lỗi. Bài này tôi vừa được đọc lại trong Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc. Tôi lấy làm lạ tại sao ông (Hoàng Văn) Chí lại có bài này, vì thời đó, tôi chỉ đánh máy hai bản, và sau khi đọc tôi nộp cả hai cho Ban Tổ Chức. Sau đó là chuỗi dài ba mươi năm âm thầm.

*– Cụ lấy hai bằng Tiến sĩ một lúc trong khi vừa 22 tuổi (1932). Có lẽ Cụ là người Việt Nam đầu tiên có Tiến Sĩ Văn Chương. Trước Cụ đã có bốn, năm Tiến sĩ, nhưng tất cả đều theo Luật học. Lý do nào khiến cụ theo Văn Chương?*

– Từ Lớp Sáu cho tới Tú Tài, mỗi tuần tôi có thói quen đọc hai cuốn tiểu thuyết Tây, có lẽ vì thế mà Văn Chương đã thấm vào sở thích. Lý do khiến tôi theo Ban A (Văn Chương Cổ Điển, ngoại ngữ bắt buộc: La Tinh và Hy Lạp) một lý do nữa không kém quan trọng là thời đó, người Pháp không cho học sinh Việt theo ban này. Chỉ có con Tây mới đủ trí mà theo thôi!!! Tự ái dân tộc khiến tôi miệt mài học thêm La, Hy ở ngoài trường lớp.

*– Không cho mà vẫn học?*

– Không đơn giản. Tôi học khá xuất sắc. Từ Lớp Sáu cho đến hết Trung Học, hàng năm tôi chiếm cả bốn giải nhất lớp và luôn cả giải xuất sắc. Các giám học Tây không bằng lòng về điều này. Một lần, tôi viết một bài luận xuất sắc đến nỗi giáo sư Văn Chương chép bài đó vào Sổ Vàng nhà trường. Lão giám học tức giận xé mấy trang đó ngay trước mặt tôi. Thấy khó ổn, tôi quyết định lách. Sau năm Second (Đệ Tam), tôi ghi tên thi Tú Tài. Đậu. Sang Tây cũng thi lọt vào Đại học ngay. Một phần nhờ vốn hai cuốn sách mỗi tuần và nhất là do việc cật lực làm việc (suốt năm năm dài, mỗi sáng tôi thức dậy từ lúc 4 giờ, học và viết tới 8 giờ thì đi lớp; chiều lại học tới khuya) nên sau hai năm, tôi đậu hai Cử Nhân. Tôi xin thi Thạc Sĩ để đi dạy học. Không được, vì Thạc Sĩ cũng chỉ dành riêng cho sinh viên Pháp! Việc gì phải vòng vo với Thạc Sĩ. Tiến sĩ không bị bó buộc với điều kiện quốc tịch. Sau hai năm tôi trình luận án Luật với đề tài L'individu dans la vieille sociéte annamite. Essai de synthèse sur le Code de Lê (Cá Nhân Trong Bộ Luật nhà Lê). Mấy tháng sau trình luận án quốc gia Văn Chương với hai đề tài: Essai sur la valeur dramatique du théâtre d'Alfred Musset (Giá trị Bi Kịch Trong Các Tuồng của A. Musset) và L'Annam dans la littérature francaise, Jules Boissières (Việt Nam Trong Các Tác Phẩm Của J. Boissières). Thời gian viết luận án, tôi thực tập Luật Sư tại Tòa Phúc Thẩm Montpellier.

*– Sự kỳ thị đã kích thích Cụ bám lấy lý tưởng. Việc học đã biến thành một phản ứng tự vệ. Phản ứng thời đó đối với sự thành công của Cụ?*

– Thành thật nói, tôi đã trở thành một hiện tượng. Các báo ở Montpellier dành cả số nói về tôi. Có tờ coi sự thành công của tôi là một "sai lầm" của Pháp. Song hầu hết đều nói tốt. Cũng nhờ vậy mà nhiều Đại học Âu Châu biết và mời tôi tới thăm. Tôi đã có dịp Âu du một vòng không mất tiền từ London sang La Haye, xuống Bruxelles, Berlin, Athènes, Rome, Istamboul, Vienne, Madrid... À, tôi còn nhớ trên đường từ Berlin về Vienne thời đó (1933), tôi đi ngang qua Muenchen và tham gia cuộc biểu tình lớn của Hitler tổ chức! Báo chí ở Việt Nam cũng dành cho tôi những hân hạnh lớn. Một phái đoàn trí thức Việt dẫn đầu bởi Luật Sư Trịnh Đình Thảo, Giáo Sư Đặng Minh Trứ và Bác Sĩ Nguyễn Văn Nhã đã tiếp xúc với tôi. Báo chí Việt dấy lên một phong trào ca ngợi. Vinh dự đó khiến tôi băn khoăn suy nghĩ: Phải chăng mọi người chờ đợi một cái gì nơi tôi! Từ đó tôi tìm cách tiếp xúc, gặp gỡ dân chúng nhiều, tìm hiểu nhiều về hiện tình đất nước mà lúc đó tôi (và thế hệ Tây học chúng tôi) rất lờ mờ. Tôi chúi đầu học chữ Nho, Văn Chương Cổ Điển Việt. Từ đây đường nghiên cứu hiện rõ nơi tôi.

**Nhà văn hóa dân tộc**

*– Cụ đề cập tới tâm trạng lạc lõng của thế hệ Tây học thời đó. Tại sao?*

– Chính sách đàn áp của Thực Dân ( đặc biệt sau vụ nổi dậy của Việt Nam Quốc Dân Đảng), chương trình học cũng như mặc cảm lạc hậu về đất nước khiến người trí thức thời đó dễ xa lìa mạch sống dân tộc. Thế nên, cái vấn nạn lớn nhất của chúng tôi thời đó là làm cách nào để dung hợp hai nền văn hóa Đông–Tây đối chọi nhau.

*– Cụ giải quyết vấn nạn đó như thế nào?*

– Tôi nghĩ, để hòa hợp, căn bản đầu tiên là phải hiểu nhau. hai nền văn hóa phải cho nhau biết bản sắc, tâm tính (mentalité) của mình. Từ đó, gạn đục khơi trong để tổng hợp. Và căn bản nghiên cứu của tôi phát xuất từ nhận định đó. Tôi khảo sát nét hay của văn minh Âu. Tôi mơ ước đem văn minh vật chất Âu kết vào vũ trụ tình cảm Đông.

*– Cụ đã làm gì cụ thể?*

– Ngay từ khi viết luận án tôi đã mang ý hướng ấy. Luận án Luật tôi dành cho Việt Nam. Tôi khảo sát cái chủ nghĩa cá nhân (một sản phẩm đặc thù Âu Tây) đã thể hiện ra sao trong văn hóa Việt, cụ thể qua Luật Hồng Đức (thế kỷ 15), một bộ luật còn mang nhiều dân tộc tính. Đề tài chính của luận án Văn tôi dành cho văn hóa Pháp; đề tài phụ tôi dùng J. Boissières để nối kết Đông Tây. Boissières đã vẽ lại bức tranh xã hội Việt Nam cuối thế kỷ 19 và đã đặt chính sách Thực Dân trước những vấn nạn lương tâm khó xử. Tây cho Đông kỹ thuật, quan niệm về nhân quyền, về cái chừng mực và đa dạng

của con người, về phương pháp suy tư và về một quan điểm đời sống. Và tôi đã viết cuốn: Pierres de France (Nguyên Liệu Từ Pháp), Apprentissage de la Mediterranée (Học Hỏi Văn Minh Địa Trung Hải) để diễn tả những điểm trên. Đông cho Tây vũ trụ tình cảm: Construction de l'Orient (Cấu Trúc Đông Phương). Ngoài ra Sourires et larmes d'une jeunesse (Nụ Cười Và Nước Mắt Tuổi Thanh Xuân) diễn tả cái xung đột giá trị nơi một thanh niên Việt thấm nhiễm văn hóa Tây. Chàng thanh niên được ví như Đứa con hoang đàng trong Kinh Thánh, đã quen với nếp sống tự do, nay trở về bị truyền thống gia đình ràng buộc. Và chàng đã phải tự đấu tranh tìm một giải pháp dung hòa cho cuộc sống. Vở kịch Le voyage et le sentiment (Du Hành Và Tình Cảm) nói lên hai khía cạnh khác nhau giữa Đông (nặng tình cảm, thủy chung) và Tây (như một tay du lịch luôn luôn đi tìm của lạ). Các sách đó tôi viết từ 1930–1940, chỉ xuất bản vài trăm cuốn mỗi thứ và đã hết hơn nửa thế kỷ nay. Giờ muốn in lại một ít mà đành chịu vì thiếu phương tiện.

*– Suốt 30 năm "ngồi chơi xơi nước" Cụ còn mang ước vọng dung hợp đó nữa không?*

– Có chứ. Anh nói "ngồi chơi xơi nước" không đúng. Lo cái ăn mờ con mắt. Ngồi chơi thì ít mà uống nước (thay ăn) thì nhiều. Ba mươi năm qua, tôi đã hoàn thành được bốn công trình: Lý Thuyết Sư Phạm Thế Kỷ 16–18: Từ Erasme Tới Rousseau, Eschyle Và Thảm Kịch Hy Lạp, Virgile và Thời Hoàng Kim La Tinh và dịch bản Oresteia (Chuyện Chàng Oresteia) của Eschyle. Văn hóa Âu đã giáo dục những thế hệ con người mới như thế nào để chuẩn bị cho những cuộc cách mạng kỹ thuật, dân quyền và nhân quyền; Quan hệ giữa sinh hoạt trí thức và lãnh đạo chính trị phải được quan niệm và xác định như thế nào; Những tiến trình phải qua từ một thể chế sơ khai bước sang thể chế dân chủ... Những vấn đề trên (mà ta hiện nay đang loay hoay) đã được giải quyết ngay từ thời cổ đại La Tinh, Hy Lạp cả rồi. Tôi tìm cách thí dụ quá khứ để giải đáp các câu hỏi hiện tại. Riêng vở kịch Oresteia tôi có thêm một phần dẫn nhập để người đọc dễ dàng theo dõi. Các sách trên viết bằng Việt ngữ, các nhà xuất bản tại Hà Nội không nghi ngờ giá trị của chúng, nhưng không thể in vì không tiền và sợ phổ biến khó. Ngoài này có thể giúp in được không? Những đứa con cưu mang hàng chục năm mà không ra đời được thì xót xa lắm.

*– Cụ còn dự tính gì nữa không?*

– Tám mươi tuổi rồi, chẳng còn dám đặt chương trình gì nữa. Có cái ước nguyện ôm ấp bao nhiêu năm nay là được sang đây để cám ơn các ân nhân (hầu hết là học trò cũ), các người đã giúp đỡ tôi mấy chục năm qua. Không có họ thì tôi không chắc sống tới nay. Mà bây giờ đã sang được. Thế là mãn nguyện.

*– Làm sao sang được đây?*

– Mọi chi phí học trò tôi lo. Chứ tôi làm gì dám nghĩ một cuộc Âu du như vậy. Còn việc giấy tờ tuy không đơn giản, nhưng nay cũng không khó lắm.

*– Về khó khăn kinh tế. Từ 1956, nghĩa là từ khi phải chấm dứt các nghiệp vụ chuyên môn (dạy học và Luật sư), Cụ làm gì sống?*

– Cuộc sống thật gay. Khó khăn thật lớn. Nhưng cái khó khăn nhất là nỗi cô độc. Không ai dám tiếp xúc với mình. Học trò thấy mình từ xa thì đã né tránh. Nhưng tôi hiểu và thông cảm cho họ. Còn sau này, thỉnh thoảng vẫn có anh em cán bộ đi công tác và họ nhờ tôi chỉ vẽ đôi chút tiếng Pháp. Ai sẵn thì họ giúp chút ít. Thế thôi.

*– Cụ bà vẫn còn?*

– Vâng, nhà tôi vẫn còn

*– Thử thách lớn mà sao trông Cụ hãy còn khỏe và an nhiên tự tại?*

– Đây là nhờ văn hóa Âu Tây đã giúp tôi cân bằng được thể xác và tinh thần. Tôi tới giờ vẫn tập thể dục. Về tinh thần, để tránh điên loạn, tôi dồn nỗ lực vào việc nghiên cứu.

**Kẻ tiên tri.**

– Trở lại vụ **Cải Cách Ruộng Đất và Nhân Văn Giai Phẩm.** *Trong việc góp ý sửa sai, ngoài Cụ, còn một vài nhân vật khác nữa, đặc biệt là Trần Đức Thảo. Nghe đâu ông Thảo mất tích từ dạo đó?*

– Ông Thảo còn. Ông đã vào ở trong Nam. Độ hai năm trước, tôi có gặp ông ta chân đi guốc, cặp kính mất một mắt, đang lếch thếch, lang thang. Đó là mới đây chứ từ sau năm 1956 chúng tôi không còn gặp nhau. Ngoài ra, có hai người nữa đồng thời mà tôi biết: Trương Tửu và Đào Duy Anh. Cụ Anh mất năm ngoái. Cụ cũng âm thầm nghiên cứu và để lại nhiều công trình.

*– Dạo tháng hai, báo Văn Nghệ đăng là Hội Nhà Văn Hà Nội đã mời Trần Dần, Lê Đạt, Phùng Quán, Hoàng Cầm, Hoàng Tích Lịch (năm nhà văn quân đội đã bị đuổi ra khỏi Đảng vì phê bình Đảng trong vụ* **Cải Cách Ruộng Đất)** *tham gia Hội trở lại. Sao không thấy tên Cụ, Cụ Thảo...?*

– Tôi có nghe nói gì đâu. Mà tôi cũng chẳng thiết tha.

*– Trong số những phê bình thời đó, các phân tích của Cụ có giá trị đặc biệt. Để tránh lầm lỗi, Cụ đã đề nghị Đảng tôn trọng các nguyên tắc sau: (1) Tôn trọng nhân quyền; (2) Xây dựng nền dân chủ thực sự; (3) Tạo niềm tin nơi dân chúng; (4) Tôn trọng chuyên viên... Có người đang dự tính dịch bài tham luận của Cụ để giới thiệu cho thế giới thấy là tất cả những gì mà người dân các nước Đông Âu đang tranh đấu thực hiện đã có nền tảng lý thuyết ở Việt Nam từ nửa thế kỷ nay. Và cũng để cung cấp cho Đảng tài liệu viết Nghị Quyết. Để khỏi mất giờ với những Đại Hội, với những tuyên bố nhăng cuội, lạc hậu.*

– Anh em trí thức chúng tôi thời đó không chống Đảng, không chống Cộng sản. Chúng tôi chỉ thành tâm xin mỗi một điều là hãy để cho chúng tôi yên trong lãnh vực chuyên môn. Đừng bao thầu. Thế thôi.

– *"Thà giết lầm mười người còn hơn để sót một người" Cái khẩu hiệu sắt máu, bất nhân đã gây tang tóc cho hai triệu dân Việt và cũng là cội nguồn phá sản niềm tin cho Đảng Cộng sản. Thời đó, Cụ cho khẩu hiệu này là căn nguyên mọi sai lầm trong* **Cải Cách Ruộng Đất**. *Giờ Cụ nghĩ sao?*

– Điều đó hoàn toàn trái với nguyên tắc luật pháp: "Thà bỏ sót mười phạm nhân hơn giết lầm một người". Truyền thống nhân bản của dân tộc cũng không chấp nhận quan điểm ngoại lai đó.

– *UNESCO chuẩn bị "phong thánh" cho Hồ...*

– Tôi nghe đây đó người ta bàn tán nhiều. Tôi không có ý kiến. Công tội ư. Hãy để cho lịch sử thẩm xét.

– *Cụ nghĩ gì về triển vọng đất nước?*

– Quan điểm của tôi cũng chỉ là phỏng định. Tôi không muốn nói những gì phỏng định.

**Trí thức kẻ sĩ**

– *"Lênin vĩ đại" có một câu mà các "đồng chí lãnh đạo vĩ đại ta" thường nhắc: "Thiên tài là một của hiếm mà ta cần nâng niu, khuyến khích tối đa với tế nhị".*

– Ông Lê sai. Thật ra phải nói như thế này: "Thiên tài có lập trường Đảng là một của...". Anh em chúng tôi chẳng phải thiên tài gì cả, nhưng phải trở thành vô dụng vì bị coi là thiếu lập trường giai cấp.

– *Cụ vẫn nói Cụ chịu ảnh hưởng văn hóa Tây đậm đà. Văn hóa đó đã giúp gì Cụ?*

– Nó giúp tôi năm điểm: (1) Cân bằng thể xác/tinh thần; (2) Hiểu được giá trị con người: không quỵ lụy không thỏa hiệp nửa vời, ngay thẳng sống; (3) Tự biết mình, vui cái mình có; (4) Nhận định sắc bén về thời cuộc và con người, đặc biệt con người chính trị; (5) Không hận thù; hãy tìm hiểu chứ đừng xét đoán (connaitre et non juger).

– *Con vẫn tìm hiểu nhiều về truyền thống văn hóa Việt và về lý tưởng kẻ sĩ Việt Nam. Những điểm Cụ vừa nêu, trừ điểm (1), đều có sẵn trong truyền thống Đông Phương. Kẻ Sĩ vui với cái vui của mình có, trung thành với lý tưởng cứu nhân độ thế của mình... Truyền thống Việt rất nhân bản, dân chủ, khai phóng...*

– Thế thì xét cho cùng, Đông Tây cũng chẳng xa nhau lắm...

– *Cụ có kinh nghiệm sống nào suốt ba mươi năm qua, trong lòng một chế độ một mặt chỉ muốn dân mãi mãi ngu, đói để dễ sai, một mặt hô hào phải không ngừng tăng cường nhận thức cho dân để khai thác năng suất lao động?*

– Xin miễn ý kiến về chế độ. Kinh nghiệm của tôi là hãy tha thứ. Tha thứ tất cả!

*– Cả những kẻ mấy chục năm qua đã tìm cách khóa bụng, khóa đầu Cụ?*

– Tất cả. Hãy tập tha thứ đi thì anh sẽ thấy hồn mình nhẹ nhàng, thoải mái. Kinh nghiệm đời của tôi đấy. Nói vậy chứ tư tưởng tôi có ai khóa (được) đâu.

*– Vâng, hình như Phùng Quán cũng đã viết trong Nhân Văn: "Bút mực tôi ai có cướp đi, tôi sẽ lấy dao viết văn trên đá..." Mới đây Nguyễn Chí Thiện cũng vậy: "Thoát khỏi đầu là tư tưởng sống". À, Cụ có nghe nói tới Nguyễn Chí Thiện không? Một nhà thơ Kẻ Sĩ.*

– Ra đây người ta đọc cho nghe. Ngộ nghĩnh. "Câu hỏi lớn lao làm tóc bạc sớm trên đầu. Là hai bữa, mỏi mòn hai bữa". Ông ấy nói nhiều về cái đói. Thành phần không sản xuất của cải vật chất thì cần gì phải hai bữa, một bữa đủ rồi. Với tôi, kham khổ cũng là một cái may. Chứ nếu mà cứ tập tễnh "Tối uống sâm banh, sáng sữa bò" thì chắc gì tới tuổi này còn khỏe mạnh! Gắng chắt chiu lấy khía cạnh tích cực trong mỗi hoàn cảnh sống.

*– Nghe Cụ nói cứ như là một nhà Nho. Chỉ thay vì Cụ Khổng, Cụ Mạnh nói, thì Cụ thường nhắc tới Rousseau, Voltaire, Montaigne... Mấy năm nay con đang tìm hiểu đặc biệt về tầng lớp trí thức Việt. Sự phá sản của Nho Sĩ (vì mất lý tưởng Kẻ Sĩ) đã đưa đất nước vào hoàn cảnh ngoại thuộc Pháp. Sự thất bại của Trí Thức ngày nay lại là nguyên do phá sản của dân tộc. Con nghĩ, nếu còn thương dân và muốn kiến tạo lại đất nước bước vào thế kỷ 21, Trí Thức ta phải cởi áo vong bản mà trở về với truyền thống Kẻ Sĩ Dân Tộc. Chỉ khi nào Trí Thức khoác áo Kẻ Sĩ, nghĩa là chỉ khi nào họ trở về với truyền thống Đạo Đức và Dấn Thân, thì mới mong cứu nước và xây dựng nước. Và con khẳng định: Lý tưởng Kẻ Sĩ không nghịch với tinh thần trí thức Tây Phương. Hôm nay gặp Cụ, con thấy nơi Cụ một kết hợp Đông Tây kỳ diệu. Óc Tây mà tim Việt. Đạo đức Cụ còn thừa, tinh thần khai phóng của Cụ tỏa rộng, nhưng còn dấn thân...*

– Trí Thức phải bảo vệ danh dự trí thức. Danh dự đó được xác định nơi việc hoàn thành nhiệm vụ của mình. Mỗi người, mỗi giới có vai trò riêng. Tham gia tích cực vào phong trào Nhân Văn có Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy, Trần Dần; người trí thức đấu tranh tích cực có Cụ Phan Khôi. Còn anh em giáo sư Đại học chúng tôi có nhiệm vụ dạy và góp ý kiến. Sự dấn thân có nhiều khía cạnh. Người làm chính trị thì ba hoa, múa máy. Tôi không dấn thân ở địa hạt ba hoa đó, mà âm thầm đóng góp những tác phẩm văn học. Tôi nghĩ việc tôi làm không tiêu cực. chưa chắc các tác phẩm của tôi kém ích lợi cho nhân quyền hơn là những lời nói (suông) của nhà chính trị. Vai trò của trí thức, theo tôi, trước hết là quan sát và hướng dẫn, chỉ ra cho nhà chính trị những thiếu sót của họ. Riêng tôi, tôi chủ trương xa tránh người

lãnh đạo chính trị. Voltaire nói: " Hãy trồng vườn của mình và làm một chút điều thiện" (Cultiver son jardin et faire un peu de bien). Đủ rồi.

*– Có tiêu cực quá không? Cụ Khổng nói: "Kẻ Sĩ không ngồi dí suốt ngày trong nhà" và "Kẻ sĩ cảm thấy thẹn chết đi mà tên mình không được nhắc tới!"*

– Có thể thời đó xã hội còn đơn giản. Con người chỉ có một đường dấn thân bằng tham chánh.

*– "Trải qua một cuộc bể dâu". Cụ có tiếc nuối gì không?*

– Không. Ba mươi năm dài tôi đã sống và đã đau khổ. Con người có những thăng trầm. Tôi không thoát định luật chung đó. Khi túng phải bán tủ sách. Trời ơi đau như đứt ruột, anh ạ. Con mình mà. Mà người ta mua ký mới chết chứ. Tuy nhiên, tôi hoàn toàn thỏa mãn về cuộc đời, vì mọi mơ ước của tôi đều đã thành đạt. Tôi mơ làm Giáo Sư Văn Chương Tây, thì tôi đã là Giáo Sư. Tôi mơ thành Trạng Sư cãi những vụ nổi tiếng, tôi đã là Trạng Sư trong bốn năm. Tôi mơ một cuộc sống thật gần gũi người dân, nghề Giáo và Trạng sư đã giúp tôi cảm và sống được những nỗi niềm người dân. Tôi mong được nhiều người thương, thì đâu đâu cũng gặp tình cảm thân thương. Việc tôi sang được đây chứng tỏ hùng hồn tình cảm và sự giúp đỡ to lớn của các bạn trí thức dành cho tôi. Cuối cùng, tôi muốn đóng góp chút gì ích quốc lợi dân, thì tôi đã hoàn thành những tác phẩm mong muốn.

*– Trong hoàn cảnh phải bán sách đó, tài liệu đâu để Cụ nghiên cứu?*

Tôi đã ghi chép các dữ kiện vào Phiếu (fiches) từ 60 năm nay. Khi viết, chỉ cần lục ra, suy nghĩ và tổng hợp.

*– Cụ có muốn nhắn gì cho thế hệ trẻ, đặc biệt giới trí thức?*

– Cuộc đời có lúc mình cảm thấy thất vọng muốn điên lên được. Tôi đã thắng những giờ phút đó, bằng cách dốc toàn lực vào việc nghiên cứu, vào việc thực hiện lý tưởng mình: Làm một cái gì ích quốc lợi dân. Sang đây gặp gỡ nhiều bạn trẻ, thấy ai cũng thao thức về quê hương, đất nước, tôi mừng và an tâm. Thế hệ chúng tôi được lòng yêu nước thôi thúc. Thế hệ các bạn ngày nay cũng được lòng yêu nước dưỡng. Chúng ta gặp gỡ trong cùng tâm tình. Còn nhắn gì hả? Tôi chỉ xin cầu chúc các bạn:

Hãy luôn sống đúng danh dự của người trí thức.

Hãy vun trồng không nguôi lòng yêu nước và

Luôn nuôi dưỡng việc nghiên cứu và hướng nó về quê hương.

*– Cám ơn Cụ về cuộc hạnh ngộ quí giá. Cầu chúc Cụ gặp nhiều may mắn trong mấy tháng Âu du.*

Độc Lập số 11–12–1989
XB. Tại Tây Đức

# mấy ý kiến xung quanh việc đảng lãnh đạo văn nghệ



*Trương Chính*

Tôi chọn đề tài này vì mấy lý do:

Một, tôi là người ngoài Đảng, hơn bốn chục năm, viết phê bình, nghiên cứu, giảng dạy văn học, liên tục, nghĩ rằng mình nói, khách quan hơn người trong đảng, mình tự nguyện chịu sự lãnh đạo của đảng, vậy mình nghĩ gì và muốn Đảng lãnh đạo theo phương thức nào?

Hai, tôi viết văn trước Cách mạng. Từ cuốn sách đầu tiên cho đến năm 45, cũng sáu năm. Trước đó, nhiều năm nữa, đã chuẩn bị cho mình một cái vốn lý luận khả dĩ căn cứ vào mà đánh giá sách này, sách khác, không phải phê bình theo cảm tính, thấy hay thì khen, dở thì chê. Có lý luận hẳn hoi. lý luận đó, lượm lặt trong sách Pháp. Đều là sách tư sản, thuộc đủ các thứ chủ nghĩa, trừ chủ nghĩa Mác Lê nin bấy giờ là vùng cấm. Nói như sơ đời anh Hoài Thanh, chúng tôi tiêm nhiễm phải "bùa mê thuốc lú" trầm trọng. Mãi năm 1946, đi theo kháng chiến, mới được giải độc. và cũng từ đó, ngoài sách lý luận mác xít, chúng tôi rất xem trọng ý kiến và những lời chỉ bảo của các vị lãnh tụ đảng về văn học, cho đó là kim chỉ nam dẫn đường chỉ lối. Mặc dù, khi cầm bút, chúng tôi trích dẫn, nhưng điều gì nghi ngại, là giở ra xem, đối chiếu, tìm cho ra cách hiểu đúng nhất, theo đường lối của đảng. Chúng tôi nghĩ rằng các vị lãnh tụ không có thì giờ đọc sách văn nghệ, không đi sâu vào "bếp núc" văn nghệ, nhưng các vị hiểu hơn ai hết cách mạng đòi hỏi gì ở văn học, và văn học phải như thế nào mới có ích cho cách mạng, góp phần làm cho cách mạng thắng lợi. Trước đây, chúng tôi tin tưởng như thế, bây giờ cũng tin tưởng như thế.

Khi nghe nói "đổi mới" văn nghệ, "cởi trói" văn nghệ, chống giáo điều,

chống rập khuôn, chống công thức, trong thâm tâm chúng tôi rất mừng, và hưởng ứng liền, bởi vì điều chúng tôi thích thú nhất là được "tự do tư tưởng", được suy nghĩ theo đầu óc mình, rung động theo trái tim mình, không nói theo ai, không bị ai áp đặt. Kinh nghiệm cho thấy văn chương công thức, văn chương rập khuôn, văn chương minh họa đều rơi rụng hết. Cái còn lại là cái có dấu ấn của cá nhân nhà văn. Dấu ấn ấy nằm ở từng chữ, từng câu, từng ý, ở phong cách diễn đạt, ở phong cách suy nghĩ. Cùng một ý, người này nói nghe hay, người kia nói thì nghe nhảm. Khác nhau cái dấu ấn.

Hồi Nhân văn Giai phẩm, chúng tôi yên tâm khi nghe đồng chí Trường Chinh nói:

"Chúng ta không thể để cho tự do nẩy nở những thứ văn nghệ chống lại Tổ quốc, chống lại chủ nghĩa xã hội... Chúng ta chủ trương văn nghệ sĩ lựa chọn chủ đề, hình thức, nội dung và phương pháp sáng tác, tùy theo sở thích của mình. Đó là tự do sáng tác của những người làm công tác văn nghệ chân chính dưới chế độ ta. Không thể có thứ tự do nào khác".

Nói như vậy là thoáng lắm. Bây giờ đây, đồng chí Nguyễn Văn Linh cũng không nói gì khác hơn. Nhưng thực tế như thế nào? Những người cầm bút bình thường như chúng tôi, khi viết bất cứ cái gì, đều muốn điều mình viết ra đúng với chủ nghĩa Mác Lê nin, đúng đường lối của đảng. Chúng tôi thận trọng cân nhắc từng từ, vậy mà không tránh khỏi vấp. Thì có gì đâu. Những câu của các vị lãnh tụ nói ra không phải ai cũng hiểu như ai, mặc dù những câu ấy diễn đạt đã chặt chẽ, người hiểu rộng, người hiểu hẹp, tùy trình độ nhận thức từng người. Nhận thức người thay Đảng chỉ đạo chúng tôi và nhận thức của chúng tôi không khớp nhau, là sinh chuyện. Có khi chuyện to, có khi chuyện nhỏ. Chuyện nhỏ là bài không được đăng, sách không được in, chuyện to là có hại đến *sinh mệnh chính trị*, hoặc giả không cho lên lương, liên quan đến đời sống, và liên quan suốt đời!

Xin kể vài mẩu chuyện đặt trong bốn mươi năm dạy học, viết văn để rút kinh nghiệm.

Giữa hồi Nhân văn Giai phẩm, nhóm Lê Quí Đôn phân công tôi viết về Tự lực văn đoàn trong cuốn *Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam*. Biết là phức tạp, nhưng không từ chối, với ý định, cái gì khen được thì khen, cái gì đáng chê thì cứ chê. về Nhất Linh, sau khi cân nhắc, đắn đo đủ mặt, tôi viết một câu như sau:

"Như đã nói trên, tâm sự của Nhất Linh ký thác vào văn chương là một tâm sự sâu sắc, cho nên khi có dịp, Nhất Linh đã hoạt động thật sự, rồi gặp những người chủ trương khác mình, ông ta chống lại và theo con đường đó, dần dần ông ta tách rời khỏi nhân dân, phản lại quyền lợi của nhân dân, của dân tộc".

Tưởng viết như thế là kín. Nhưng không. Trong một cuộc kiểm thảo các đồng chí xúm lại phân tích từng chữ, chẻ sợi tóc làm tư, cuối cùng kết luận: lập trường không rõ ràng, không dứt khoát. Chỉ vì "trên các chữ i, tôi không đặt dấu chấm". Sao không nói: "Ông ta theo Quốc dân đảng, mà lại nói: "Ông ta hoạt động thật sự?" Sao không nói: "Ông ta chống lại đảng" mà lại nói "gặp những người chủ trương khác mình thì chống lại?" Đối với các đồng chí ấy, chỉ có một cách diễn đạt nào đây là chấp nhận được. Trắng phải ra trắng, đen phải ra đen. Thật ra tôi có lập lờ đâu! Tội của Nhất Linh, tôi đã dồn vào câu cuối cùng: "phản lại nhân dân, phản lại dân tộc". Nhưng các đồng chí đại diện Đảng, sống cạnh tôi, và có quyền quyết định sinh mệnh chính trị của tôi. Từ đó về sau, tôi trở thành "con người phức tạp", nhận định này theo tôi như một định mệnh! Từ trường đại học nọ đến trường đại học kia, ai cũng tin như thế.

Lại một chuyện vặt khác. Lần ấy, tôi nghiên cứu Nguyễn Du, và trước khi ra sách, có đọc một bài báo cáo khoa học ở trường. Tôi căn cứ vào thơ văn và gia phả họ Nguyễn Tiên Điền chứng minh rằng Nguyễn Du không phải hoài Lê và cũng không phải có cảm tình với Tây Sơn. Một số ý kiến của các nhà nghiên cứu trước đây, cần xét lại! Chỉ nói có thế. Tôi còn nhớ như in, không thêm bớt từ nào. Thế mà người đại diện đảng ở Trường nhảy lên diễn đàn, nghiêm nét mặt, nói một hồi về chủ nghĩa xét lại của Khờ rút sốp! Tôi ngơ ngác không hiểu mà anh em ngồi đấy cũng không ai nói đỡ cho một lời! Đến tận ngày nay, hai mươi năm đã qua, tôi vẫn ngạc nhiên không hiểu vì sao câu tôi nói dính gì đến chủ nghĩa xét lại của ông Khờ rut sốp ở bên Liên Xô! Thật là hú vía! Cũng may, sau đó không xẩy ra việc gì. Tôi vẫn được đứng trên bục giảng, chỉ có điều suốt mấy mươi năm dạy học, chỉ lên được có một lần lương. Trừng phạt bằng kinh tế! Hiểm thật!

Lại một chuyện vặt khác. Hai lần trước, người ta nghi tôi đi chệch đường lối của Đảng, lần này thì rõ ràng tôi đứng tên quan điểm lập trường của đảng cũng vấp, mà vấp đau, mãi hai ba tháng sau vẫn bàng hoàng. Năm ấy, nhà văn Nguyễn Khải có viết một vở kịch ngắn, kiểu kịch triết lý, kịch tượng trưng. Nhân vật là A và B, hai nhân vật nhưng ở trong một con người, một anh tích cực một anh tiêu cực. Hai anh đấu tranh với nhau, cuối cùng hai anh ôm nhau chết, thẳng cẳng! Tôi rất thích cách viết của Nguyễn Khải. Không ai đặt, cũng cao hứng viết một bài. Đại khái nói: Anh viết hay, nhưng coi chừng. Anh như người đi cheo leo trên bờ vực, không vững chân, trượt một cái thì nguy, với không kịp. Bức tranh của anh tối quá, thiếu một chút ánh sáng từ dưới dọi lên hay từ trên chiếu xuống. Anh như bác sĩ phẫu thuật, mổ xẻ để chữa bệnh, phải giữ cho trái tim con bệnh vẫn đập, bằng không thì bệnh chưa lành, mà con bệnh đã chết nghẻo trên bàn mổ rồi! Đọc đi đọc lại thấy mình

nói phải, không có ác ý, chỉ là trung thực góp đôi điều với nhà văn mà mình thích. Thế thôi. Bài gửi đi. Không được đăng đã đành, lại bị người nọ (xin giấu tên) cho một trận phủ đầu nhớ đời. Hôm đó, có việc đến tòa soạn. Chưa kịp tay bắt mặt mừng, đã nghe một câu chối tai: "Bấy lâu nay, anh gửi bài đến, chúng tôi đều đăng cho cả. Sao bỗng dưng dở quẻ! Từ nay về sau, đừng gửi bài đến đây nữa. Hãy gửi cho *Tạp chí văn học*, ở đó có người hoan nghênh anh".

Sao nhỉ? Sao lại gửi bài bên ấy, mà không được gửi bài bên này? Chẳng là báo của Đảng cả ư? Có điều gì trái với đường lối của Đảng? Không đánh mà đau. Tôi đau quá, la làng. Làng có nghe, nhưng không lên tiếng. Tôi thường tự hào mình là thành viên của "Nước Cộng hòa Văn chương", ở đấy ai cũng bình đẳng như ai. té ra không phải. Ở đâu cũng vậy người nào có chức có quyền là người ấy dễ trở nên quan. Trước kia, một vài người, bây giờ hàng loạt. Anh Hoài Thanh là người hiểu thế thái nhân tình, lúc sinh thời, bàn chuyện phê bình, nói một câu rất sâu sắc:

"Hãy lấy ví dụ một đồng chí giảng dạy, thỉnh thoảng hứng bút viết một bài phê bình. Không nói những trường hợp thiếu chí công vô tư, dù cho có chí công vô tư thì khen chê vẫn có thể sai. Mà khen chê sai sẽ có lắm chuyện phiền. Ngay khen chê đúng cũng vẫn có thể có chuyện phiền... Trong tình hình ấy, anh bạn chúng ta thực cũng có lúc muốn chùn tay. Vì trách nhiệm chính của anh, cái điều mà cơ quan anh đòi hỏi anh là hoàn thành tốt kế hoạch giảng dạy, đâu có phải là viết phê bình. Không viết vẫn là yên tâm hơn cả".

Không biết anh nói ai. Tôi cứ vận vào tôi, và thấy đúng quá.

Chính vì vậy mà có người yêu văn chương nhưng rồi đâm sợ nghề văn, cho là nghề bạc nhất, mà lại nguy hiểm nhất. Con lớn lên chọn ngành nghề, thì khuyên chớ chọn nghề văn. Lỡ đời cha, đời con thì đừng mắc dại.

Trong văn học, từ Đảng lãnh đạo đến quần chúng có một lớp người trung gian. Lớp người ấy dễ mắc bệnh quan liêu. Chính bệnh quan liêu đã làm hại nhà văn và làm sai lạc đường lối lãnh đạo của đảng. Khi tìm nguyên nhân vụ Nhân văn Giai phẩm, đồng chí Trường Chinh cũng thấy như thế. Đồng chí nói:

"... Trong năm vừa qua, công tác lãnh đạo văn nghệ có quan liêu, mệnh lệnh làm cho anh chị em văn nghệ bất bình. Một số cán bộ tưởng rằng có thể đem những công thức, giáo điều, những khẩu hiệu khô khan, những mẫu mực định sẵn thay thế cho sự suy nghĩ, nhận xét, tìm tòi và cảm xúc của nghệ sĩ trước cuộc sống".

Bắt mạch như thế là trúng bệnh. Nhưng từ đó đến nay, hơn hai mươi năm, bệnh không lành, mà càng ngày càng trầm trọng. trong văn nghệ, không trầm

trọng bằng ngoài văn nghệ, nhưng cũng hiểm nghèo. Trong văn nghệ, bệnh quan liêu biểu hiện ở *thái độ thiếu dân chủ*, dùng quyền hành bắt người khác phải hiểu, phải suy nghĩ, phải cảm xúc, phải diễn đạt theo ý mình, bắt sửa chữa từng chữ, từng câu, từng ý khi nào đúng khuôn mới chịu. Ai không như thế thì cho là *sai đường lối của Đảng*, và dưới cái chiêu bài ấy, họ *thi hành những biện pháp loại trừ*. Hồi Nhân văn Giai phẩm, có nhiều người không dính gì đến Nhân văn Giai phẩm cũng bị tình nghi, chỉ vì họ không suy nghĩ theo công thức, không viết theo công thức, rồi mắc phải một cái án treo chung thân, "không cần chứng cớ". Chính những ông quan văn nghệ đã biến những nguyên lý, nguyên tắc của chủ nghĩa Mác Lê nin và đường lối lãnh đạo của Đảng thành giáo điều, công thức, chứ không ai khác.

Tình hình văn nghệ hôm nay có khác năm năm mươi sáu. Hôm nay, ngoài những nguyên nhân đồng chí Trường Chinh chỉ ra, còn thêm sự *khủng hoảng về lý luận*. Không chỉ ở ta, mà ngay cả ở các nước anh em trong phe ta. Nhưng, theo ý tôi, nguyên nhân chủ yếu vẫn là bệnh quan liêu, làm cho các nhà văn muốn bung ra, muốn vượt rào, và có kẻ đã quá đà, họ bực bội không muốn suy nghĩ theo công thức, không muốn viết theo công thức. Họ cảm thấy mình bị trói, nên đòi cởi trói. Có người quên cả chủ nghĩa Mác Lê nin, đi tìm những cái người ta đã vứt đi, coi nhẹ văn học kháng chiến, đề cao văn học tiền chiến. Chú ý: một số lại là người trong Đảng. Không phải người ngoài Đảng không chống công thức, không chống giáo điều, nhưng khi họ cảm thấy những cái mình viết ra không hợp với ý các ông quan liêu thì họ không viết nữa. Không ai bắt họ phải viết những cái họ không đồng tình. Không viết phê bình thì nghiên cứu, không nghiên cứu văn học hiện đại thì nghiên cứu văn học cổ điển, không nghiên cứu văn học trong nước thì nghiên cứu văn học nước ngoài... Vẫn được viết mà không bị rầy rà. vì sao một số nhà phê bình chúng ta dần dần rời trận địa, lùi về tuyến sau, lý do là thế.

Muốn tìm phương thức lãnh đạo văn nghệ thích hợp, không cách nào khác là tìm hiểu kỹ đối tượng. Đối tượng này, theo chúng tôi có mấy đặc điểm:

1. Về chính trị, có thể nói trình độ các nhà văn, ít ra cũng không kém các ông vụ trưởng các bộ. Không ai ở ngoài biên chế Nhà nước. Họ trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến. Phần đông là đảng viên. Phần đông cấp cao. họ không ấu trĩ, như một số người nào đó tưởng.

2. Về văn hóa phần lớn cũng từ đại học trở lên. Tuổi cũng không ít, lăn lộn với cuộc đời nhiều. Kiến văn rộng. Chuyện trong nước, chuyện ngoài nước, đều biết, bằng tai nghe, mắt thấy hoặc qua sách vở báo chí. Không thể lắp vào con mắt họ những lá chắn bắt họ chỉ được nhìn con đường trước mặt. Không thể cấm họ nhìn bên nọ bên kia.

3. Khác với các nhà khoa học tự nhiên, họ quan tâm đến xã hội, đến cuộc sống. Không có gì liên quan đến xã hội, đến cuộc sống mà họ thờ ơ. Cũng là điều dĩ nhiên. Họ phản ánh xã hội, họ sáng tạo sự sống. họ muốn trở thành kỹ sư tâm hồn. Họ muốn tác phẩm của họ có tác dụng giáo dục.

4. Họ viết văn là tự nguyện, do thôi thúc bên trong, không ai bắt buộc. Họ muốn những cái họ viết ra đều do họ suy nghĩ, không ai áp đặt. Họ không viết nhằm được lòng bề trên. Nếu ý nào giống ý lãnh đạo là do phù hợp, chứ không phải họ minh họa. Họ suy nghĩ như thực, trung thực với mình và trung thực với đảng.

Với một đối tượng như thế, thì không nên lãnh đạo bằng uy quyền, bằng mệnh lệnh. Phải thuyết phục, gây lòng tin. Không nên xem họ là cấp dưới, nói gì là phải vỗ tay hoan nghênh, nghe theo răm rắp. Muốn gây lòng tin, không gì bằng nói thẳng, nói thật, làm thật, lời nói đi đôi với việc làm. Và làm có hiệu quả. Phải dân chủ thật sự. Trong một giới hạn nhất định, để mọi người tự do tư tưởng. Cái đúng, cái sai, không phải dễ dàng phân biệt. Có cái hôm nay đúng, ngày mai sai; có cái hôm nay sai, ngày mai đúng. Cái hay cái dở cũng vậy. Một câu nói hay mà lặp đi lặp lại vài lần là nhàm. Cùng ý đó nói khác đi mới lọt tai. Giáo điều, công thức vốn là những cái đúng, thời đại thay đổi, cuộc sống phức tạp hơn, cứ giữ y nguyên là thành công thức, giáo điều, cứng nhắc, mất phần sinh động Văn học phản ánh sự sống, phản ánh xã hội nên văn học phải sinh động như sự sống, như cuộc đời phải luôn luôn đổi mới, luôn luôn sáng tạo. Trói lại nhất định nó sẽ tìm cách phá ra, không lúc này thì lúc khác, không ở chỗ này thì ở chỗ khác. Y như giòng nước chảy. Lại nữa, văn nghệ có tác dụng ghê gớm, nhưng phải gặp thời cơ, mới có tác dụng. Không gặp thời cơ, thì như hạt giống gieo vào đất sỏi, không mọc mầm. Chúng ta bắt bẻ nhau từng ý, từng lời, làm như ý đó, lời đó in ra sẽ làm rối loạn tất cả. Không phải ý kiến sai phát biểu lên là lập tức hàng ngàn hàng vạn người nghe theo và gây tác hại, phải dập tắt ngay. Nên cứ để cho tranh luận. Từ tranh luận sẽ ra cái đúng, cái sai. Dù không đưa đến kết luận nào, sau một thời gian, cái đúng, cái sai cũng rõ ràng. Không buông lãnh đạo, mà lãnh đạo cho thoáng. Cán bộ lãnh đạo văn nghệ không nên nhiều tầng nhiều lớp, càng xuống dưới càng hẹp hòi, càng quan liêu, càng máy móc. Ngày nay, đọc những bài nói của các vị lãnh tụ về văn nghệ, đặt vào thời điểm của nó, chúng ta chưa thấy điều nào cần "nói lại". Thế mà nhà văn cảm thấy mình bị trói, và Đảng cũng cảm thấy Đảng đã trói văn nghệ, kêu gọi cởi trói. Hãy tìm nguyên nhân ở tầng lớp trung gian. Cuối cùng, lãnh đạo văn nghệ không những cần lãnh đạo về mặt tư tưởng mà cần lãnh đạo cả đời sống văn nghệ sĩ nữa. Trong xã hội, nhà thơ, nhà văn không cao quý gì hơn người khác mà phải ưu đãi đặc biệt, có điều nên tạo điều kiện cho họ sống và làm việc thì họ

mới sống được và làm việc được. Trên báo chí đó những cuộc phóng sự về đời sống và điều kiện làm việc của giáo viên, giáo sư đại học, chưa có cuộc phóng sự nào về đời sống và điều kiện làm việc của nhà thơ, nhà văn. Tiền nhuận bút đã rẻ, có tăng nhưng không kịp trượt giá, và không phải nhà thơ, nhà văn nào hàng năm cũng đều có sách xuất bản. trong tình hình hiện nay, người bán văn không sống nổi, bọn bán sách mới vớ bở. Sách nghiên cứu nằm còn, sách "vụ án" chạy như tôm tươi. Đồng chí Phạm Văn Đồng có nói: "Một tác phẩm lớn, bất cứ thuộc ngành nghệ thuật nào bao giờ cũng có một tác dụng vô song không những đối với một thời buổi, một thế hệ nào đó mà tới muôn đời, không những đối với một nơi, mà đối với mọi nơi". Đảng nắm nhà in, nhà xuất bản, cơ quan phát hành, không để lọt vào tay tư nhân, ấy thế mà thị trường đầy sách rởm có hại, và con buôn làm giàu trên lưng nhà thơ, nhà văn. Nhà thơ, nhà văn đói, thậm chí không có tiền mua sách, mua báo, là công cụ sản xuất của họ. Chuyện này ai cũng biết, biết mà làm ngơ cho là không đáng bàn, không đáng nói. Thành ra đảng không biết. Ở ta không nhà thơ, nhà văn nào sống nổi bằng ngòi bút. Họ sống bằng nghề khác cả.

Nói tóm lại một câu, Đảng nên chú ý công tác tổ chức, quản lý bằng không, nghị quyết dù hay đến đâu cũng chỉ là nghị quyết.

# gặp gỡ trần dần – đối thoại mất ngủ



*Hoàng Phủ Ngọc Tường*

Tháng 5, anh Trần Dần vô chơi Huế, cùng đi với Phùng Quán. Trần Dần đã đến Huế lần đầu tiên vào năm 1946, lúc bấy giờ anh mới 21 tuổi; đây là chuyến giang hồ dành riêng cho tình yêu, với một người đẹp nay đã biệt tích trong đời.

Vừa đến Huế trong một tuần lễ, Trần Dần đã tiếp xúc với công chúng hai lần, ở Hội Văn học Nghệ thuật Bình Trị Thiên và ở Nhà Văn hóa Thanh niên Thành đoàn Huế. "Ở cả hai nơi đó – Trần Dần thú nhận – lúc đầu tôi cảm thấy rét vì phải đối diện với đám đông, sau đó lại quá xúc động vì tính chất thẳng thắn của những câu hỏi đặt ra cho tôi. Cả hai cuộc đối thoại sau đó đều làm tôi mất ngủ". Tôi để ý thấy trong lúc nói chuyện, Trần Dần thường dừng lại đột ngột và gõ "cộp... cộp..." vào micrô, dù nó vẫn hoạt động tốt: hóa ra là từ ba chục năm nay anh không hề biết tới cái micrô, và bây giờ thỉnh thoảng anh chợt thấy im bặt, không nghe được tiếng nói của mình.

Lần thứ ba trong tuần, chúng tôi gặp lại Trần Dần trong một cuộc rượu bảy tám anh em văn chương ở nhà Ngô Minh nơi dốc Bến Ngự, gần khu vườn cũ của Phan Bội Châu. Chúng tôi quyết định tiếp tục cuộc đối thoại với thi sĩ, trên những vấn đề gợi mở từ hai cuộc gặp gỡ trước. Sau đây là câu hỏi của từng người và ý kiến riêng của Trần Dần; dưới ánh đèn dầu tù mù (vì cúp điện), tôi ghi lại.

**Hoàng Phủ Ngọc Tường** (mở đầu): Thưa anh, con người sống ai cũng cần có nhân cách, nhà văn lại càng phải có nhân cách. Theo anh, nhân cách nhà văn quan trọng nhất là ở chỗ nào?

**Trần Dần**: *Nhân cách* nhà văn chính là *văn cách* của anh ta. Tôi không thấy mô–đen nào cho văn cách cả. Văn cách không chung cho ai. Văn là mình, không thằng nào giống thằng nào. Nó phải tự khẳng định cái tôi của nó, và không lùi một ly. Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát là chính mình, không lùi một ly.

**Nguyễn Quang Lập:** Xin hỏi thật anh: Qua thời *Nhân văn*, anh tự thấy anh được cái gì nhiều nhất?

**Trần Dần:** Được cái hoạn nạn. (Thi sĩ chợt im lặng, và tất cả chúng tôi cùng im lặng trong nỗi xúc động. Rồi anh tiếp): Do được hoạn nạn nên được không dưới ba chục tác phẩm trong ba mươi năm. (Tôi xin ghi lại ở đây một số tác phẩm của Trần Dần trong yếu mục sáng tác của tác giả: Chiều mưa trước cửa (1943); Hồn xanh dị kỳ (1944); Dạ đài (1945) vẽ và viết báo Sông Đà, Giải phóng Tây Bắc, Giải phóng biên giới v.v... (1946–1949); Tiếng trống tương lai (1954); Người người lớp lớp, Nhất định thắng, Cách Mạng Tháng Tám (1955–1956); Đây Việt Bắc (1957); 17 tình ca (1958–1959, nằm); Cổng Tỉnh (1960, thi tập, nằm); Đầm Núm Sen (1961, Tiểu thuyết, nằm); Những ngã tư và những cột đèn (1964 Tiểu thuyết, nằm); Mùa sạch (thi tập, nằm); Chòe một ngày Cẩm Phả (1965, tiểu thuyết, nằm); Con trắng (1967, thơ hồi ký, nằm); 177 cảnh (1968, hùng ca lụa, nằm); Động đất tâm thần (1974); Thơ không lời – Mây không lời (1978); Thiên Thanh – 77 – Ngày ngày (Bộ tam, 1979); 36 – Thở dài – Tư Mã Dâng Sao (Bộ tam, 1980); Thơ Mini (1987)...

**Nguyễn Quang Lập** (tiếp): Có dư luận cho rằng các anh làm dự báo tốt. Nhưng văn cách thì các anh chưa thành công, theo tôi. Vì bạn đọc chưa hâm mộ như trường hợp "Bác sĩ Jivagô".

**Trần Dần:** (một chân bị liệt cơ lại phải ngồi trên đòn, đứng dậy vịn ghế cho đỡ mỏi): Ngay độc giả của mình cũng chưa biết mình muốn cái gì. Họ nói thế, nhưng họ xác định bằng cái gì? Tiền chiến chỉ quan trọng khi họ chưa biết chúng tôi là ai. Tôi chưa có độc giả. Tác phẩm của tôi sẽ đảm bảo công chúng của tôi.

**Vĩnh Nguyên:** Nhật Bản có thơ Haiku; anh có thơ Mini ngắn hơn. Có người nói thơ Haiku ngắn nhưng dễ hiểu. Vậy thơ Mini định bắt người đọc tới đâu?

(Đêm trước ở Hội Văn nghệ, Phùng Quán đã có dịp giới thiệu thơ Mini của Trần Dần, bài chỉ một hoặc hai câu. Thí dụ như thế này: "Mưa rơi không cần phiên dịch"; hoặc "Mỗi người một vụ án – Mỗi người chôn sống một chân mây" vân vân.

**Trần Dần** (ừ ừ... ngẫm nghĩ): Thơ Haiku mọi người biết rồi. Thơ Mini nay ai cũng chưa biết. Chính tôi cũng chưa biết nó là gì. Nên không thể so sánh. (Một lát, tiếp) chống công thức là đi tìm cái chưa biết. Cái mới là cái chưa biết. Tôi đi tìm cái mới nên tôi cũng chưa biết thơ Mini là gì.

**Ngô Minh:** Một điều anh em rất trăn trở, nhân thơ Mini của anh Trần Dần. Mình muốn chữ cho đắt cho hay thì thơ lại mất đi cái lửa. Chữ trong thơ yêu cầu rất cô. Nếu không có lửa thì thơ không xúc động, nếu viết theo tình thì chữ lại dàn trải quá.

**Nguyễn Quang Lập** (bổ sung): Nếu chỉ có chữ hay thì chỉ là một bức tranh đẹp anh trình bày bằng chữ. Có lẽ đúng như thế.

**Trần Dần:** Nó mâu thuẫn nhau rất dữ; cái biết rồi là nghĩa, cái chưa biết là chữ. Cái chưa biết là cái thăm thẳm. Anh làm câu châm ngôn hay như Khổng Tử chưa phải thơ, nghịch lý như Lão Tử chưa phải thơ. Nhảy qua bóng mình mới là thơ. Mình chưa hiểu thơ vì khó mà nhảy qua bóng của mình.

**Hoàng Phủ Ngọc Tường:** Lão Tử nói: "Vô danh thiên địa chi thủy – Hữu danh vạn vật chi mẫu" (vô danh là khởi đầu của trời đất – hữu danh là mẹ của vạn vật). Như thế có gì khác với thơ Mini không?

**Trần Dần:** Đó là Triết học. Triết học cũng là thăm thẳm.

**Nguyễn Quang Lập:** Lúc nãy anh Dần nói sở dĩ vậy là vì anh chưa có độc giả. Nhưng thời đó các anh có độc giả, ai cũng từng biết "Người người lớp lớp", "Vượt Côn Đảo", v.v... Tôi xin hỏi: Nhiều người nói nếu in lại những tác phẩm đó thì độc giả ít dần đi. Vậy là văn cách chưa đủ sống với thời gian. Anh Dần nghĩ sao?

**Trần Dần:** Thời đó là độc giả tiền chiến. Chúng tôi cướp độc giả tiền chiến và sau đó họ cấm chúng tôi nên chúng tôi chưa kịp có độc giả. Bây giờ chúng tôi sẽ phải chiếm lại độc giả. Chúng tôi đã ba mươi năm khuất bóng.

**Ngô Minh:** Ba mươi năm trước các anh có độc giả. Rồi im bặt. Ba mươi năm sau anh ra lại, liệu có độc giả hay không?

**Trần Dần:** Chúng tôi sốt ruột in, tôi mong in để xem. Tốc độ bây giờ nhanh lắm, ba mươi năm ba thế hệ, chúng tôi chỉ là một nhịp cầu để tới thế hệ mới. Đó là một thách thức. Aragông đi mãi với thế hệ trẻ. Chúng tôi cũng hy vọng như vậy.

**Ngô Minh:** Đọc lại "Vượt Côn Đảo" của Phùng Quán, thấy lý tưởng cao lớn, nhưng văn cách thì thế hệ trẻ bây giờ lớn hơn nhiều. Văn cách "Vượt Côn Đảo" rất vỡ lòng, dù tôi rất kính trọng về lý tưởng. Nguyễn Quang Lập chẳng hạn, bây giờ, văn cách lớn hơn nhiều...

**Phùng Quán:** Nếu Lập nó chỉ viết bằng tôi thì tôi phải đập cho nó vỡ mặt...

**Hoàng Phủ Ngọc Tường:** Giá như Truyện Kiều vừa mới được viết xong bây giờ, do một tác giả trẻ nào đó ở trường Nguyễn Du của hội Nhà Văn đem nộp bản thảo cho nhà Tác Phẩm Mới. Liệu người ta có thèm in hay không?

**Phùng Quán:** Đúng quá. Bây giờ phải viết hay hơn Nguyễn Du chứ!

**Hoàng Phủ Ngọc Tường:** Không thể viết hay hơn Nguyễn Du nổi. Vấn đề là phải viết khác Nguyễn Du.

**Trần Dần:** Thế giới bây giờ mong nếu anh có được một độc giả là sướng rồi, được hai ba đọc là may quá.

**Nguyễn Quang Lập:** "Tôi chỉ viết cho những người bằng vai," anh Trần

Dần đã có lần nói như thế. Vậy có phải anh chủ trương nghệ thuật phi giao tiếp, hoặc nghệ thuật dành cho những người đặc tuyển hay không?

**Trần Dần:** Không. Nhưng quần chúng văn học của anh như thế nào thì là do anh tạo ra. Do đó, tôi cho rằng, tôi viết cho những người bằng vai.

**Nguyễn Quang Lập:** Krapchenkô có nói rằng không nên đánh đồng tính dễ hiểu với sự tầm thường; nhưng tính dễ hiểu cũng là một đặc trưng của văn học. Anh nghĩ thế nào về điều đó?

**Trần Dần:** Tôi không coi Krapchenkô là cái gì cả. Tất cả mọi giá trị Chân Thiện Mỹ đều là khó hiểu. Khoa học cũng khó hiểu, trượt băng nghệ thuật cũng khó hiểu.

**Ngô Minh:** Độc giả ở Hội hỏi anh: thế giới anh thích ai nhất? Tiền chiến ai nhất? Thời anh, anh nể ai nhất? Sau anh, anh đọc ai?

**Trần Dần:** Thế giới nhiều lắm nhưng tôi nói về văn học Pháp. Xuất phát tôi yêu Manlacmê, Bôđơle rồi nhất là Rembô. Tôi tiếp tục đọc, những cái gốc là ở phía trước. Dòng Rabơle tiếp tục cho đến bây giờ là Xêlin (Céline), hồ sơ đen số một của Liên Xô thời Xtalin. Xêlin là tác giả của tiểu thuyết "Đi đến tận cùng đêm".

Tiền chiến Việt Nam tôi thích Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Vũ Trọng Phụng, vớt vát thêm thì còn Thạch Lam.

Thời bọn tôi, ngoài bọn Nhân Văn thì tôi chẳng còn thích ai. Hoàng Cầm là tên lãng mạn. Xuân Diệu vốn là lãng mạn tiền chiến.

Thế hệ trẻ à? Tôi cứ đợi mãi. Nó bị trong vòng vây của văn chương cung đình, tôi sốt ruột đợi lớp trẻ đủ sức lớn lên để chôn bọn tôi, như chúng tôi đã chôn tiền chiến.

**Hoàng Phủ Ngọc Tường:** Cho phép tôi quay lại trước một chút. Tôi e rằng anh đánh giá Đinh Hùng hơi quá, ngoại trừ việc thích hoặc không thích. Tôi có dịp đọc Đinh Hùng khá nhiều, xin lỗi anh, tôi thấy văn chương ông ta lòe loẹt, có cái gì ghê ghê, như là son phấn. Nếu tôi nhớ không nhầm, thì ngay trong "Thi Nhân Việt Nam", Hoài Thanh cũng chỉ xếp Đinh Hùng ngồi ở "chiếu ba" trong làng văn lúc đó...

**Trần Dần:** Đinh Hùng thời đó là không có chiếu gì. Nhưng Ngõ Bò (gần Bạch Mai, thời đó là nhà ông Đinh Hùng và Vũ Hoàng Chương) là trung tâm thu hút. Ai cũng thấy Đinh Hùng là thi sĩ tượng trưng đầu tiên của Việt Nam trong Mê Hồn Ca, Lạc Hồn Ca, v.v... Thơ Đinh Hùng như thế này: Nửa mặt phù sinh nép hậu trường. Tôi thích là vậy.

**Hoàng Phủ Ngọc Tường:** Tôi rất thú vị về cái quyết tâm "chôn tiền chiến" của thế hệ các anh. Đọc lại văn của các anh thời đó, đã in hoặc trên bản thảo, tôi lạ lùng thấy các anh đã làm nổi cái việc khủng khiếp ấy, là vừa đánh Điện

Biên Phủ, vừa "chôn tiền chiến". Tôi biết, cho đến bây giờ nhiều người trong công chúng văn học vẫn chưa biết bị ám ảnh về cái lộng ngữ "vĩ đại như tiền chiến". Dù rằng, ai cũng biết điều này, mãi mãi tiền chiến vẫn đã tạo ra được những thành tựu lớn lao cho đời sống văn học, so với thời trước của nó. Tôi cũng sốt ruột mong cho sách của các anh viết thời đó, hoặc viết thầm lặng trong ba mươi năm qua, sẽ nhanh chóng được tái bản hoặc công bố, để có thể nhìn lại sự Đổi Mới đích thực của văn học "sau tiền chiến". Tôi cho rằng lúc đó, câu chuyện văn chương "minh họa" hay "không minh họa" chắc lại còn nhiều điều hạ hồi phân giải.

**Vĩnh Nguyên:** Thưa anh ca dao như thế nào? Tôi nhớ thơ anh nói: Sấm con gái – Lúa con gái. Thế cũng như Lúa non ngấp nghé đầu bờ, hễ nghe tiếng sấm phất cờ mà lên... Vậy chính Trần Dần cũng là ca dao.

**Trần Dần:** Đó là di sản dân tộc, một ông thầy phải đặt ngang như Nguyễn Du, Cao Bá Quát. Phải học, để mà chôn đi.

**Phùng Quán:** Các anh tiếp xúc với Trần Dần vài buổi đã thấy là bằng vai, thì ngay anh em mình trước cũng không hiểu Trần Dần. Nay hiểu, vật lộn để hiểu nhau chính là vấn đề "bằng vai".

(Nghe Phùng Quán dùng chữ "vật lộn" tôi nhìn lại: Tất cả từ bao giờ đều đã đánh trần, trừ ông Trần Dần vẫn mặc áo, tay nào tay ấy mồ hôi ròng rã. Đêm nóng, điện cúp, nói nhỏ kẻo phiền hàng xóm, nhưng mọi cặp mắt đều có vẻ gì quyết liệt).

**Nguyễn Quang Lập:** (Đứng dậy, chống hai tay vào hông cho đỡ nóng) Tôi muốn hỏi lại, các anh đã bị đưa ra khỏi Hội nhà văn ba năm, sau đó thành ba mươi năm. Tại sao khi người ta yêu cầu các anh viết đơn để được vào lại các anh lại viết?

**Trần Dần:** Lúc ấy tôi thật khó xử. Nếu theo mạch của tôi, thì tôi ghi vào phần Nhật ký, là đốt hết và chết luôn, như nhà sư tự thiêu. Nhưng nghĩ lại mình tuổi già đã hết cái máu ấy rồi. 63 tuổi, nếu được hoạt động hai năm nữa cũng quý rồi, cố mà ra khỏi đó. Nhưng tôi biết, phục hồi thì cũng vô thưởng vô phạt chỉ là hình thức thôi. Sau đó nhiều người chất vấn tôi mà tôi không trả lời được. Như thế quả là hèn thực. Đáng lẽ là một **Silence de la mort**. Đó là cách trả lời Mini nhất.

(Tan cuộc, nhìn lại đã gần mười hai giờ khuya).

**Trần Dần:** (Chống gậy khập khiễng ra cổng, lầu bầu):

– Lại mất ngủ!

**Bến Ngự đêm 14–5–1988**

**Trích báo Sông Hương số 31 tháng 5&6–1988**

# trên giấy có kẻ dòng



*Phùng Quán*

*Từ ngày mới tập viết*
*Ngay gần tròn đời văn*
*Số chữ tôi đã viết*
*Có thể kín một vòng Giả Viên (1)*
*Một niềm yêu tôi không đổi thay*
*Một niềm tin tôi không thay đổi:*
*Viết trên giấy có kẻ dòng.*

*

*Là nhà văn*
*Tôi đã viết suốt ba mươi năm*
*Là chiến sĩ*
*Tôi là xạ thủ cấp kiện tướng trung đoàn*
*Tôi có thể viết như bắn!*
*Trên giấy không kẻ dòng*
*Nhưng tôi vẫn viết trên giấy có kẻ dòng*
*Như cái thuở vở lòng tập viết*
*Với nhiều người*
*Giấy không kẻ dòng*
*Dễ viết đẹp*
*Nhưng với tôi*
*Không có gì đẹp hơn*
*Viết ngay và viết thẳng*

*Là nhà văn*
*Tôi yêu tha thiết*
*Sự ngay thẳng tột cùng*
*Ngay thẳng thủy chung*
*Của mỗi dòng chữ viết!*
*Là nhà văn và xạ thủ*
*Tôi biết:*
*Khó vô cùng bắn trăm phát trúng cả trăm*
*Nhưng càng khó hơn*
*Viết trọn một đời văn*
*Dòng đầu thẳng ngay như dòng cuối.*
*Khi bàn tay đã duỗi*
*Khi tấm lòng đã mỏi*
*Khi con mắt bớt trong*
*Khi dũng khí đã nguội.*
*Trang giấy có kẻ dòng*
*Giúp các em bé vỡ lòng*
*Và nâng đỡ nhà văn*
*Viết ngay và viết thẳng*
*Ngay thẳng thủy chung*
*Từ dòng đầu đến dòng cuối!*
*Hồ Tịnh Tâm (Huế), 1984*

Đăng trên tạp chí Sông Hương
Số 28, tháng 11 & 12–87

(1) Tức là Dữ Giả Viên, tên một cái vườn ở Huế, trên sông Hương, gần phường Đúc, là nơi vua thường ra để hóng mát (theo Trịnh Vân Thanh, Thành ngữ điển tích danh nhân từ điển, quyển I, Saigon 1966).

# ái hoa và nấm độc

## (trích một đoạn)



*Hữu Loan*

...
*Những bão tố chiến tranh*
*những tai họa không tên*
*sẽ cập bến*
*các vì tinh tú!*
*Khối đoàn kết tinh cầu*
*sẽ*
*không còn nữa*
*Khách quý trần gian*
*đã hạ cố lên chơi*
*mang theo chân*
*đói rách*
*hiềm nghi*
*nịnh hót*
*vô luân*
*cướp của giết người*
*– Có những vì sao*
*như mắt đẹp em ơi*
*sẽ vĩnh viễn tắt đi*
*như vĩnh viễn*
*mắt em nhắm ngủ!*

*

*Đừng đánh giá văn minh loài người*
*bằng những cuộc*
*đi mây*
*về gió*
*hay*
*bằng những chùm vệ tinh*
*đeo quanh quỹ đạo Địa Cầu*
*như một chuỗi nữ trang*

*

*Chưa có triều đại nào*

*lo cho dân*
*cái ăn*
*xây cho dân cái ở*
*trước khi xây*
*cung vua*
*và lăng mộ*
*Kim Tự Tháp*
*kỳ quan*
*hay tội ác của tập đoàn*
*pharaông*
*bạo chúa?*

*

*Khoa học nuôi dân*
*chưa*
*hiện*
*đại*
*bao giờ!*
*Chỉ có khoa học*
*giết người*
*là siêu bình phương*
*là siêu bình phương*
*hiện đại!*
*Ở điểm này*
*bọn buôn nước*
*buôn dân*
*có thể vỗ ngực*
*tự hào*
*không những bằng trời*
*mà còn bỏ cách xa trời*

*

*Những chiến tranh*
*bị cưỡng bức đi*
*xâm lăng vũ trụ*
*nay mai*
*Những bãi chiến trường*
*sẽ không còn là*
*làng xóm*
*thảo nguyên*
*hay sa mạc*
*dưới đời!*
*Xác những chinh phu*

*không còn dùng da ngựa*
*hay ni lông để gói*
*xương trắng*
*chiến binh*
*Không còn được làm mồi*
*cho rùa hang*
*chó núi*
*Tam giác thần nào vũ trụ nào*
*sẽ treo lửng lơ*
*mãi mãi*
*hay sẽ rơi vào*
*vô cực*
*đâu đâu?*

*

*Trên đất lành*
*nếu đem hạt cỏ ta tung*
*sẽ mọc ngay*
*xanh rì*
*mùa cỏ*
*Nếu đem gieo ré đỏ*
*bón phân gì đi nữa*
*cũng không thành*
*tám thơm*
*(thu hoạch dù bội hơn*
*bông nhiều và hạt mẩy)*
*Rặt nòi*
*là như vậy*
*hay*
*nòi nào thì giống nấy*

*

*Vào không gian mênh mông*
*nếu ta tung hoa lành*
*gió lên*
*mùa hương ngát...*

Năm 1982

# phỏng vấn hoàng cầm



*tạp chí Sông Hương*

Phỏng Vấn: *Xin anh cho biết qua về công việc sáng tác của anh.*

Hoàng Cầm: Từ năm 1959 đến nay tôi vẫn sáng tác đều đặn: tập trường ca *Men Đá Vàng*, tập thơ *Kinh Bắc* (khoảng 50 bài) và một số ít bài thơ lẻ. Sau năm 1980 vì những lý do riêng tư, tôi hoàn toàn ngừng viết. Nay đang bắt đầu "thử ngòi bút" lại.

PV: *Có lẽ trong việc "thử lại ngòi bút" ấy, anh được công cuộc đổi mới đang diễn ra tiếp sức cho rất nhiều, nếu không nói là một cách quyết định?*

HC: Từ ngày đồng chí Nguyễn văn Linh gặp các anh em văn nghệ sĩ, tôi thấy mở ra rất nhiều. Tôi ao ước và tôi tin vào công cuộc đổi mới. Với tôi, đã qua là đã qua; nói lại chuyện quá khứ, theo tôi, không ích gì. Tôi không trách ai hết. Điều quan trọng nhất, đáng lo lắng nhất là từ nay có làm được gì không, có góp sức cùng với mọi người được không để làm cái gì đó có ích cho đất nước. Sự trăn trở là nên dành cho hiện tại, vì hiện tại và xuất phát từ hiện tại.

Tôi nghĩ các anh Trần Dần, Lê Đạt, Phùng Quán... vẫn còn có thể sáng tác nhiều. Tôi biết các anh ấy tiềm lực chưa cạn đâu.

PV: *Còn anh hẳn cũng đang ấp ủ viết một cái gì đấy chứ ạ?*

HC: Tôi dự định chuyển trường ca *Men Đá Vàng* thành kịch thơ. Đấy là một vở ca ngợi những gì tốt đẹp của ông cha để lại (Kịch thơ là thể loại tôi có phần sở trường, còn kịch xuôi tôi viết kém lắm). Ngoài ra tôi đang mong muốn viết một kịch thơ lấy đề tài chống chiến tranh. Về những bài thơ lẻ, tất nhiên không thể định trước được; thấy thôi thúc thì làm thôi.

PV: *Tình hình văn nghệ hiện nay theo anh như thế nào?*

HC: Vẫn còn đang ngổn ngang cái mới cái cũ. Tôi mong mỏi những anh em đang còn vướng trong nếp tư duy cũ sớm suy nghĩ lại, để nhanh chóng hòa nhập vào công cuộc đổi mới. Mới như Maiakovski: "Tranh nhau vinh dự làm gì!"

# kết luận của bộ chính trị về mấy vấn đề trước mắt trong công tác tư tưởng



*báo SGGP*

Bản *"kết luận"* gồm tám điểm. Dưới đây chúng tôi xin tóm tắt và trích dẫn những ý quan trọng nhất.

***Điểm 1***

Trong điểm đầu, sau khi đánh giá chung công cuộc đổi mới từ hai năm qua *"đã bước đầu phát huy hiệu quả"*, bản *"kết luận"* viết tiếp:

Ở nông thôn, nơi tập trung phần lớn dân số là nông dân, nhiều nơi đang có không khí phấn khởi sản xuất. Phong trào thi đua của công nhân ở các công trình trọng điểm đã đem lại một số kết quả tốt. [...]. Nhưng mặt khác phải thấy tình hình kinh tế xã hội còn rất nhiều khó khăn như nhiều nghị quyết của Trung ương đã chỉ ra.

Các cấp ủy đảng, các nghành, các đoàn thể, các cơ quan tuyên truyền giáo dục cần thông tin đầy đủ và đúng đắn tình hình đất nước, những việc làm được và chưa làm được, phân tích rõ nguyên nhân, những giải pháp để tháo gỡ khó khăn, tạo ra niềm tin, củng cố sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong toàn Đảng, thúc đẩy công cuộc đổi mới. Chú ý tổng kết và phổ biến những nhân tố tích cực trong cuộc sống, những mô hình sản xuất, kinh doanh giỏi. Phải thông quan việc nghiên cứu và thực hiện kế hoạch kinh tế xã hội năm 1989, qua việc kiểm điểm hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI để thực hiện nhiệm vụ công tác tư tưởng nói trên.

***Điểm 2*** (nguyên văn)

Cần khẳng định đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường đúng đắn, xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa là lý tưởng và mục tiêu phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân ta. Cải tổ, cải cách ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em cũng như đổi mới ở nước ta không phải là thay đổi các mục tiêu đó, mà là làm cho các mục tiêu đó được thực hiện với những hình thức, bước đi, biện pháp đúng và có hiệu quả hơn. Uốn nắn kịp thời những nhận thức lệch lạc, động dao về

chủ nghĩa xã hội và về con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội, phủ nhận những thành quả cách mạng của nhân dân ta.

Trong việc làm thông tin về các nước tư bản chủ nghĩa, cần giới thiệu những kinh nghiệm quản lý năng động, có hiệu quả, những kinh nghiệm đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, mặt khác phải vạch rõ những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản, những vấn đề nan giải của chế độ tư bản chủ nghĩa, phê phán tư tưởng sùng bái chủ nghĩa tư bản, phản kích những luận điệu thù địch hòng hạ uy tín của chủ nghĩa xã hội, phủ định chủ nghĩa Mác – Lênin.

***Điểm 3***

Cuộc đấu tranh chống tiêu cực trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và trong xã hội hai năm qua đã thu được một số kết quả qua việc phát hiện và xử lý những vụ, việc tiêu cực, qua việc thực hiện những chính sách về cơ chế mới. Nhưng rõ ràng kết quả chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra.

[Từ nhận định trên đây, Bộ chính trị đề ra yêu cầu rút kinh nghiệm để làm tốt hơn cuộc vận động này, cho các cấp ủy đảng, các nghành và toàn thể, cùng các báo, đài. Những yêu cầu chính được nêu ra là: ]

Việc chống tiêu cực cần đi sâu vào việc phân tích, phê phán cơ chế quản lý lỗi thời làm phát sinh những hiện tượng tiêu cực, giới thiệu những nơi áp dụng tốt cơ chế mới, có tác dụng giảm những tiêu cực. [...]. Các báo đài cần bảo đảm tin chính xác và đem lại kết quả tích cực, nâng cao lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của quần chúng trong việc củng cố chính quyền cách mạng, động viên được quần chúng tích cực đấu tranh để xây dựng chế độ mới theo con đường xã hội chủ nghĩa. [...] Cần ủng hộ và bảo vệ những người bị oan, bị trù dập, phân biệt rõ giữa tố cáo đúng và tố cáo sai, vạch rõ và phê phán những kẻ vu cáo, xuyên tạc sự thật.

***Điểm 4*** (nguyên văn)

Cần tiếp tục mở rộng hơn nữa tính dân chủ, tính công khai trong sinh hoạt đảng, sinh hoạt các đoàn thể, các cơ quan dân cử, các cơ quan nhà nước, ngoài xã hội và trên báo chí, nhằm vào các yêu cầu:

– Phát huy trí tuệ của cán bộ, đảng viên, của công nhân, nông dân, trí thức và lực lượng vũ trang góp sức vào sự nghiệp đổi mới.

– Nâng cao tinh thần trách nhiệm, không chỉ phê phán mà còn tích cực góp ý kiến, kinh nghiệm vào việc giải quyết những vấn đề cuộc sống đang đặt ra.

– Xây dựng ý thức tự giác thực hiện các nghị quyết của Đảng, các chủ trương, chính sách và pháp luật của nhà nước. Cần làm rõ dân chủ phải có

lãnh đạo, mở rộng dân chủ phải nhằm nâng cao ý thức giữ vững kỷ luật và tuân thủ pháp luật. Ngăn ngừa và uốn nắn những biểu hiện cực đoan, vô chính phủ, vi phạm kỷ luật và pháp luật. Không thể coi việc ngăn ngừa và uốn nắn đó là hạn chế dân chủ mà chính là để bảo đảm cho việc mở rộng dân chủ và công khai đi đúng hướng có lợi cho sự nghiệp đổi mới.

– Giữ được bí mật cho cách mạng. Ngăn ngừa và uốn nắn những biểu hiện lợi dụng dân chủ, công khai để xuyên tạc sự thật, để phủ định thành quả cách mạng, đả kích vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của nhà nước, vì những động cơ cá nhân không tốt. Phải cảnh giác không để kẻ thù lợi dụng khoét sâu vào những sơ hở, sai sót của cách mạng để phá hoại sự nghiệp đổi mới, chống chủ nghĩa xã hội.

Để đảm bảo mở rộng tính dân chủ, tính công khai, cần xây dựng luật báo chí, luật xuất bản, luật cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, các quy chế mới về mở rộng dân chủ trong sinh hoạt của quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp, trong sinh hoạt đảng và sinh hoạt các đoàn thể cách mạng.

Trong không khí dân chủ và trước những chủ trương đổi mới trên các lĩnh vực, các cấp ủy đảng và các cơ quan nhà nước cần có ý thức đầy đủ trách nhiệm giải quyết những yêu cầu chính đáng của nhân dân theo hướng dựa vào quần chúng, lắng nghe ý kiến những người trung thực, thông tin cho quần chúng những gì quần chúng cần biết và từ đó mà cùng bàn, cùng giải quyết tại cơ sở một cách có lý có tình, trong trật tự và luật pháp, những vấn đề nảy sinh trong từng cơ sở. Theo dõi, kịp thời phát hiện hoạt động của những phần tử xấu và của bọn địch lợi dụng chủ trương mở rộng tính dân chủ, tính công khai để chống phá chế độ ta.

Các Điểm 5, 6, 7 và 8

[Trong điểm 5, bản "*kết luận*" đề ra bốn phương hướng để thực hiện việc "*tăng cường lãnh đạo và quản lý công tác tư tưởng*" nhằm phục vụ tích cực công cuộc đổi mới, góp phần thực hiện các nghị quyết của Đảng. Có những điểm như: ]

a) Cần lập chương trình, kế hoạch và tổ chức lực lượng triển khai công tác nghiên cứu lý luận, nghiên cứu thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm nhằm từng bước hoàn chỉnh hệ thống các quan điểm đổi mới của Đại hội VI. [...] Cần xây dựng quy chế quản lý các cuộc hội thảo, các diễn đàn phát biểu về đề tài khoa học xã hội và về đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước, bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả, phát huy được trí tuệ của cán bộ. Tại các hội thảo khoa học và các diễn đàn khác được tranh luận tự do, nhưng không được tuyên truyền những quan điểm cá nhân trái với chủ trương của Đảng, ảnh hưởng không tốt đến sự nhất trí về chính trị, tư tưởng và hành động trong Đảng, trong nhân dân. Các cấp ủy, các cơ quan nhà nước cần tăng

cường lãnh đạo và quản lý các hoạt động văn hóa văn nghệ theo nghị quyết 5 của Bộ chính trị, phát huy những kết quả đã đạt được, kịp thời uốn nắn, khắc phục những thiếu sót, lệch lạc.

b) Ban tuyên huấn Trung ương chủ trì cùng với Bộ thông tin và các cơ quan khác có liên quan nghiên cứu dự thảo nghị quyết của bộ chính trị về đổi mới công tác báo chí và khẩn trương hoàn chỉnh luật báo chí để Hội đồng bộ trưởng xem xét, trình quốc hội thông qua. Trước mắt, căn cứ các quy định hiện hành của Đảng và nhà nước, có kế hoạch, sắp xếp lại một bước mạng lưới báo chí và xuất bản trong cả nước phù hợp với khả năng của ta, chú trọng đổi mới nội dung và hình thức, nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyên truyền giáo dục. Ngăn ngừa việc đưa vào nước ta các sách báo và văn hóa phẩm xấu của nước ngoài và của bọn phản động lưu vong. Ngăn chặn việc xuất bản các sách báo, văn hóa phẩm xấu và xử lý nghiêm minh các hành động vi phạm phát luật trong công tác xuất bản, in và phát hành sách, báo.

[Ngoài ra, là một số công việc mà các Ban tổ chức, tuyên huấn, văn hóa – văn nghệ Trung ương phải làm trong phạm vi chuyên trách của mình. Điểm sáu đề ra việc giải quyết các nhu cầu về cơ sở vật chất – kỹ thuật và công tác thông tin – văn hóa. Điểm 7 dành nói về việc thành lập một *"ủy ban công tác tư tưởng"* của Trung ương Đảng. Sau cùng, điểm 8 bao gồm một số kết luận chung: ]

Sự nghiệp đổi mới ở nước ta, công cuộc cải tổ ở Liên Xô và các nước chủ nghĩa xã hội khác đang đặt ra nhiều vấn đề mới tác động đến nhận thức tư tưởng và tâm trạng chính trị, xã hội khá phức tạp. Kẻ thù và những phần tử xấu đang xuyên tạc tình hình, phá hoại lòng tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng, chế độ xã hội chủ nghĩa. Trước tình hình đó, các cấp ủy đảng, các ngành, các đoàn thể phải luôn luôn tỉnh táo, hết sức coi trọng công tác tư tưởng, làm cho trong Đảng và trong xã hội có sự đoàn kết nhất trí về tư tưởng và hành động, bảo đảm thực hiện tốt các nghị quyết của Đảng. [...]

Làm chuyển biến tình hình tư tưởng và tâm trạng xã hội hiện nay không phải chỉ bằng công tác tư tưởng, mặc dù công tác tư tưởng là rất quan trọng. Để chuyển biến tình hình tư tưởng, tạo ra được phong trào cách mạng của quần chúng, thúc đẩy công cuộc đổi mới, và các cấp ủy đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể cần có biện pháp đồng bộ cải thiện tình hình kinh tế, xã hội, chăm lo đời sống và giải quyết việc làm cho dân, làm tốt từng việc có thể làm được, gỡ dần ở từng cơ sở, từng nghành, từng khu vực, trước hết là chăm lo đời sống những người ăn lương và lực lượng vũ trang; đồng thời giải quyết tốt các yêu cầu cấp bách về bảo đảm trật tự và an toàn xã hội, về đổi mới tổ chức và cán bộ.

(Trích Sàigòn Giải Phóng. 14/2/1989)

# văn học cuộc trường chinh gian khổ



*Trần Bạch Đằng*

Văn học luôn luôn mang tính thời sự – tôi không nói đề tài mà một tác phẩm văn học đề cập. Tính thời sự nằm ở chỗ khác: một bút ký, truyện ngắn, tiểu thuyết, bài thơ ra đời chưa ráo mực in, đã gây tiếng vang, đã tiếp nhận khen chê. Tất nhiên, cũng giống các thể loại khác như báo chí, nghệ thuật, vẫn có những sáng tác chỉ được người đọc liếc qua và chấm dứt. Số phận hẩm hiu đó dành cho khối lượng không nhỏ, mặc dù, có những người khi xương thịt hòa vào đất, tài năng lao động mới được phủi bụi thời gian, giới thiệu và ca ngợi.

Sự quan tâm của công luận đối với văn học mang ý nghĩa tâm lý xã hội bởi công luận khao khát thành tựu qua các đúc kết tâm hồn, thường thường vất vả, thường mang bao trăn trở, mà độ khái quát khiến người đọc cảm nhận có số phận mình hoặc người thân, người quen trên những trang viết, thậm chí, trong vài giòng. Ai đọc truyện Tàu đều thấy giống nhau: Triệu Tử Long, Gia Cát Lượng, Tiết Nhân Quý, Địch Thanh, Nhạc Phi, Tần Cối, Trương Sĩ Quý, Bàng Hồng... lẩn quất đâu đây, gần gũi với kẻ sống cách các nhân vật nghìn năm, năm bảy trăm năm.

Cho nên, không phải đặc biệt khi một truyện ngắn, một tiểu thuyết loại chứa một cái gì đó đáng suy gẫm – gây xôn xao, không chủ yếu từ các nhà phê bình mà từ người đọc. Theo tôi hiểu, chưa lúc nào sách văn học xuất bản nhiều tựa sách và khối lượng in lớn như vài năm nay ở nước ta – giá cao so với đồng lương mà vẫn bán được. Điều này mang nhiều nguyên nhân, trong đó một lần nữa xác định nhu cầu thỏa mãn thẩm mỹ của quần chúng luôn luôn bức xúc đồng thời cũng xác định trách nhiệm của người cầm bút lẫn cơ quan lãnh đạo và quản lý văn học.

Như chúng ta biết, trong quá khứ, bao nhiêu vấn đề về lý luận văn học

được đưa ra và tồn đọng cho đến tận ngày nay. Nguyên nhân, suy cho cùng, phản ánh đồng thời hai mặt mà không chỉ riêng văn học là đối tượng chịu tác động: Trình độ ấu trĩ về lý luận Mácxít cộng với phong cách phong kiến, thiếu dân chủ. Đi ngược dòng lịch sử, chúng ta sẽ bắt gặp vô số ví dụ trên nhiều lĩnh vực.

Nhưng ở đây, tôi chủ yếu nói về văn học từ 1975 về sau, cho đến đại hội 6. sở dĩ như vậy là vì chúng ta trải qua một thời kỳ dài kháng chiến. Tôi không đồng ý với đồng chí Nguyễn Minh Châu "*đọc điếu văn cho thời kỳ văn học minh họa*". Trước hết, rất dễ lùa toàn bộ tài sản của quá khứ – từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam xuất hiện đến ngày đánh bại đế quốc Mỹ – vào cái rọ "*văn học minh họa*". Ta sẽ không đề cập đến các sáng tác trước Cách mạng tháng Tám mà một số nhà văn thành công lớn: Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Tô Hoài, Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng v.v.... Những thành công ấy ít nhiều liên quan đến cái gọi là "minh họa" kia – nhận được ý định của Đảng, có khi không phải là chỉ thị cụ thể mà chỉ vài phương hướng chung – dùng văn học phổ cập ý định ấy vào quần chúng đông đảo.

Từ 1945 đến 1975, suốt 30 năm ròng rã, nhiệm vụ của dân tộc là động viên toàn lực chống lại các kẻ thù mạnh hơn chúng ta gấp nhiều lần. Văn Cao không lâng lâng với "*Thiên Thai*", "*Suối Mơ*" mà giục giã mọi người bằng "*Tiến quân ca*". Tô Hoài để "*Dế Mèn*" của anh đấy và lao vào "*Truyện Tây Bắc*". Nguyễn Đình Thi không dịch Kant, Nietzche nữa mà lo cho "*Xung kích*". Nguyễn Văn Bổng bỏ "*Dưới Đáy sông Hương*" để ra đời "*Con trâu*". Còn Nguyễn Huy Tưởng, còn Nguyên Hồng, còn Xuân Diệu, Tế Hanh, Chế Lan Viên, Lưu Trọng Lư, Thế Lữ... Làn ranh phân định ở đây thật rạch ròi, dứt khoát, Văn Nghệ động viên chính trị, văn nghệ giải thích chính trị v.v... Coi như bước lột xác lớn từ chỗ khoanh tay nhìn và châm biếm thế sự đến hóa thân vào thế sự, góp phần tạo ra thế sự.

Trong đánh Mỹ, khí thế không giảm vì một lẽ giản đơn: Mỹ dữ dội hơn Pháp và bất kỳ sự mềm yếu nào cũng sẽ dẫn ta đến chỗ thua trận. "*Hòn Đất*" của Anh Đức, "*Chiếc lược ngà*" của Nguyễn Quang Sáng, "*Người mẹ cầm súng*" của Nguyễn Thi, "*Dáng đứng Việt Nam*" của Lê Anh Xuân, "*Vùng Trời*" của Hữu Mai, "*Rừng U Minh*" của Nguyễn Văn Bổng, các bài ký của Nguyễn Tuân, "*Vỡ bờ*" của Nguyễn Đình Thi, "*Cái sân gạch*" của Đào Vũ, "*Đất nước đứng lên*" của Nguyên Ngọc... nhiều vô kể. Tôi xin thưa rõ, khi gọi tên một tác phẩm và một tác giả, tôi hoàn toàn không tra cứu mục lục và cũng không hàm ý giới thiệu tác giả và tác phẩm tiêu biểu nhất mà chỉ muốn chứng nhận rằng văn học kháng chiến đã thành công, có một bề mặt rộng, một chiều cao đáng ca ngợi, thậm chí, niềm tự hào của văn học cách mạng Việt Nam.

Tất nhiên, vẫn có những "minh họa" thô thiển, "trắng trợn". Tiện thể, tôi

xin nói rõ: vào một lúc nào đó, với chủ trương cụ thể của Đảng, nhà văn viết theo yêu cầu và viết rất trung thực; bây giờ, nhìn lại, thấy không ổn – không ổn do chủ trương chứ không thể trách nhà văn. Nếu tác phẩm gây được một mức tác dụng tích cực ở thời điểm ấy, đó là điều bình thường. Và, bản thân văn học Mácxít cũng có quá trình đi từ phôi thai đến nâng cao của nó như mọi quy luật khác.

Chẳng khó khăn gì phát hiện những cây bút bệ rạc giữa lúc đất nước cần "chất thép trong thơ" như Bác Hồ bảo – họ bỏ chạy và gia nhập vào đội ngũ gọi là chống Cộng mà kỳ thực chống dân tộc: Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, Phạm Duy, Xuân Vũ, Phan Thế v.v... Thực ra, đó là số ít, rất ít.

Tôi xin lỗi một nhà văn, mà tôi rất mến tài năng, cách sống âm thầm, đau khổ dằn vặt từ mối quan hệ cá nhân anh với cách mạng – anh hiểu cho khi tôi thuật chuyện sau đây cốt để chính qua anh mà giải bài toán bấy giờ đang đặt ra khá ồn ào. Anh viết một truyện ngắn, hình như nhan đề là "*Những người tạc tượng*"; hết lớp người này đến lớp người khác kéo nhau lên núi tạc tượng từ phiến đá khổng lồ. Kẻ chết xương trắng rải đầy lối đi. Rốt cuộc, bức tượng tạc xong và những người tạc tượng cuối cùng đều ngã gục.

Tôi nhớ đại khái nội dung như vậy. Truyện viết vào thời kỳ cách mạng Nam bộ gặp khó khăn ghê gớm – những năm 1970 – 1972. Tất nhiên, truyện không thể in được. Những khó khăn bên ngoài lẫn bên trong – hình như cơ quan lãnh đạo văn nghệ giải phóng lúc ấy có cái gì trục trặc đã khiến anh phản ánh tâm trạng trên trang viết. Song, anh vẫn bám đội ngũ đến ngày toàn thắng. Và, các tác phẩm khác của anh đều chững chạc, hay. Tình hình này không chỉ tác động riêng anh. Một nhà thơ nói với tôi: Khó làm thơ quá! Nhưng, rồi mọi người cắn răng đi lên dưới mưa bom B52, dưới mưa chất độc hóa học... Tôi cũng biết các tác phẩm xuất sắc ra đời ở miền Bắc gồm thơ, nhạc, truyện ngắn...sinh nở trong điều kiện gay go ấy. Bây giờ, nghe bài "*Hai chị em*" hoặc "*Quảng Bình quê ta ơi*" của Hoàng Vân "*Trên quê hương quan họ*" của Phó Đức Phương" v.v... mọi người giữ nguyên xúc động.

Đánh giá văn học đòi công bằng. Dân chủ thời chiến không thể nào giống dân chủ thời bình và cơ quan lãnh đạo hay quản lý không cho in truyện ngắn này, bài thơ kia hoàn toàn có thể hiểu được. Tất nhiên, cũng không tuyệt đối hóa tính chính xác, trong sáng của các quyết định hành chính – có những quyết định do non kém của người trách nhiệm, do nhiều động cơ, thậm chí tào lao, bần tiện.

Tôi vẫn kính trọng Quách Mạt Nhược, nhà văn, chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc, tác giả nhiều tập thơ và vở kịch hay như "*Hổ phù*", nhưng tôi không tán đồng khi ông, trong cách mạng văn hóa, tự phủ định tất cả hoặc hầu như tất cả tác phẩm của chính ông trước kia. Tôi phục

Sholokhov khi đồng chí phản đối thái độ thô bạo của Stalin đối với giới trí thức. Tôi càng phục Pasternak và nhiều nhà văn Liên Xô khác khi mà sự ương bướng trước Stalin có nghĩa là đi đày Sibérie hoặc chết.

Tôi khẳng định: chúng ta có một nền văn học cao đẹp trong thời buổi đất nước đứng trước thử thách sống còn, với các thành tựu lớn. Tôi khẳng định: Thơ Tố Hữu hay, chẳng hạn bài "*Việt Bắc*" không dễ gì ngày nay có người làm nổi.

Tuy nhiên sau 1954, trên Miền Bắc có mắc sai lầm trong cải cách ruộng đất. Kế tiếp theo sai lầm ấy có vụ *Nhân Văn Giai Phẩm*.Tôi không có một chút khả năng nào để phân tích "Vụ án" kia vì bấy giờ tôi ở trong Nam, đang cởi trần truồng lội đêm giữa bốn bề đồn giặc để dự một cuộc họp Huyện ủy. Tuy nhiên, tôi vẫn thiết tha hơn một lần mong "vụ án" được mổ xẻ sòng phẳng. Rất cần sòng phẳng đối với các sự kiện lớn của quá khứ. Thế nào các phạm trù sau đây cũng phải được đưa ra dưới ánh sáng của lịch sử: bối cảnh đất nước, hậu quả của sai lầm cải cách ruộng đất, thái độ trấn áp thô bạo của kẻ có quyền, nhận thức giữa tình hình chung và riêng của người cầm bút chưa thật chín chắn, kẻ xấu lợi dụng và cũng có kẻ xấu khác lợi dụng quyền uy để vu khống, buộc tội người chẳng liên can gì đến "vụ án"... Phải rạch ròi bởi *Nhân Văn Giai Phẩm* gồm đủ các thành phần và đủ động cơ, mức độ. Ta chưa vội nói tính cách của sự việc đáng gọi là "vụ án" hay không mà chỉ nói mặt pháp lý của vấn đề: ai đúng là dính vào "vụ án", ai là "tai bay vạ gió", ai là người vì bất đồng quan điểm với cái gọi là "chính thống" mà bị lừa vào "vụ án"? Mức chính trị của "vụ án" tới đâu, với ai; mức bất đồng quan điểm tới đâu, với ai?

Đứng về thời gian, khi Miền Nam trong cảnh nước sôi lửa bỏng, ý kiến phê phán cần thiết đến mức nào và do đó, xử lý đến mức nào? Có phải vì vận nước mà nghiêm khắc hay vì cái gì khác? Đâu là "chống đối" có ý thức và đâu là cuộc đấu tranh vì chân lý, ít nhất, tiếng báo động nhắc nhở tư duy độc lập của Việt Nam trên lĩnh vực sáng tác văn học và các lĩnh vực khác – tiếng báo động lẽ ra cần được trân trọng.

Những người phê bình *Nhân Văn Giai Phẩm*, ai là chân tình vì lợi ích chung, ai là kẻ cơ hội "ăn theo"?

Tôi cho rằng chưa làm sáng tỏ "vụ án" này, chưa sòng phẳng với sai và đúng trong lịch sử cách chúng ta 30 năm thì sẽ ảnh hưởng xấu đến hôm nay: rối mù, trắng đen lẫn lộn, công tội dồn cục. Chẳng có gì "nguy hiểm" khi ta "tính sổ" – bởi đổi mới tự thân đã là cuộc "Tổng tính sổ" – nếu không sai lầm, không cũ kỹ thì tội chi "bày đặt" chuyện đổi mới. Đổi mới là tất yếu trên cơ sở phê phán cái sai cũ – cũ có cái sai chứ không phải tất cả quá khứ là sai – thì văn học không ngoại lệ. Đổi mới nửa vời chính là chưa đem cái đúng

cái sai cũ ra nhận diện thật nghiêm túc, nếu đúng thì tiếp tục, sai thì sửa. Không thể vì ngại va chạm cá nhân ai đó mà né tránh. Sự lập lờ vô cùng phức tạp, tai hại.

Cơ quan nào làm công việc đó? Cơ quan chủ yếu phải là Viện Văn học, Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật. Hội nhà văn Trung ương, Ban Tuyên huấn, Ban Văn hóa văn nghệ Trung ương, báo chí và dư luận xã hội.Ta phải từ thực tiễn của ta mà phân tích, không theo một mẫu nào cả. Liên Xô thực hiện việc đánh giá lại nhiều mặt trong lịch sử đất nước Xô Viết, chúng ta có thể tham khảo, song bối cảnh Việt Nam không phải là bản sao các vấn đề của Liên Xô. Thái độ vô tư, trung thực, thẳng thắn... của Liên Xô cần được chúng ta suy gẫm, song sẽ một lần nữa phạm sai lầm nếu coi "mô hình" của Liên Xô là mô hình Việt Nam. Các bạn Liên xô, như tôi hiểu, không muốn "dạy đời" mà chỉ nhằm xử lý chuyện của nội bộ Liên xô, với nhiều ý kiến phong phú thậm chí trái nhau... Cơ quan kết luận về phía nội bộ, dựa trên các trình bày đủ khía cạnh, là Ban Bí thư Trung ương Đảng và về phía luật pháp là Tòa án tối cao.

Phải nói rõ lần nữa: để lơ lửng "vụ án" càng lâu càng tác hại.

Trên kia tôi có nhắc qua một quan điểm hình thành dần, nhân danh cho "số phận con người" để tiến lên phủ định văn học cách mạng và kháng chiến.Thái độ cực đoan ấy dẫn chúng ta vào một mê hồn trận; đã bắt đầu một số câu hỏi nảy sinh, chẳng hạn "có cần cuộc Cách mạng tháng Tám không?", "có cần cuộc kháng chiến chống Pháp không?", "có cần cuộc kháng chiến chống Mỹ không?", và qua đó, nổi lên câu hỏi bao quát "có cần Đảng lãnh đạo không?" Làm như chính chúng ta là thủ phạm của các biến động từ khi nhà Nguyễn để mất nước.

Dùng chỗ đứng ngày nay để xét lịch sử một cách phiến diện, định kiến, tất nhiên khó trung thực. Một người có công, hy sinh đến tàn phế trong chiến tranh nay bị lãng quên, chắc chắn những trường hợp như thế không ít, song có phải vì sai sót đáng chê trách, đáng lên án ngày nay để phủ định sự nghiệp của hàng triệu người dám chết cho Việt Nam được độc lập? Cứ theo cái đà lập luận này, kẻ có lý là giặc ngoại xâm và bọn Việt gian; kẻ ngu xuẩn là những người Cộng sản và theo sự chỉ đạo của Đảng cộng sản. Thế thì, tại sao chúng ta không cam tâm làm bồi cho Tây, cho Mỹ? Tôi không phát biểu cường điệu: Tại một cuộc hội thảo vừa mới đây ở một tỉnh, có người nêu: kẻ bám trụ ngu dại hơn kẻ chạy dài.

Đạo lý sơ đẳng bị xâm phạm đến mức đó!

So sánh tổng sản phẩm quốc dân chia cho đầu người của việt Nam vào năm 1987 với các nước khác, chúng ta xấu hổ: chúng ta xếp gần hạng chót trong các nước chậm phát triển nhất. Mức sống của đồng bào ta thuộc hạng

thấp nhất thế giới. Nên dân chủ cũng thua nhiều nước. Chúng ta không giấu giếm sự lạc hậu kinh khủng của cơ chế quản lý nước ta với bộ máy quan liêu có lẽ tồi tệ nhất trên hành tinh này vào những năm chót của thế kỷ 20.

Nhưng đó là việc khác, dù chúng ta nhớ Lênin dạy: Cái khuyết điểm hôm nay của chúng ta liên quan đến cái ưu điểm ngày hôm qua của chúng ta. Phê phán hiện tại, đó là quyền dân chủ và nhất thiết phải phê phán, phải truy bức tới cùng các dạng sợ dân có quyền thực sự, sợ công khai hóa sinh hoạt xã hội, sợ va chạm. Văn học mổ xẻ càng sâu sắc càng có giá trị – những bệnh hoạn đang ô nhiễm cả hiện tại và tương lai dân tộc, những bất công, phanh phui những "vùng cấm".

Tuy nhiên, dùng lăng kính của hiện thực hôm nay để xóa nhòa hoặc chập choạng quá khứ rực rỡ lại là điều vừa sai lôgích và lịch sử, vừa xuyên tạc chân lý, đạo lý. Chính bọn phản động cố gắng thu hẹp cuộc kháng chiến thành con số không, bởi, trong trường hợp đó, chúng mới có thể đối thoại ngang ngửa với dân tộc. Nếu một tên ác ôn ăn gan người không được lau sạch máu trên mồm thì làm thế nào nó có thể ngồi chung chiếu bằng vai bằng vế với những người bị nó ăn gan? Văn học tự cổ chí kim vẫn vạch một lằn vôi phân định Thiện và Ác.

Ngay một số đông chiến binh Mỹ từng tham gia chiến tranh Việt Nam, cũng có cái nhìn tối thiểu về chính nghĩa – phi nghĩa và họ cố gắng chuộc lại sai lầm – không chỉ riêng của họ – trong các hoạt động ủng hộ vật chất và tinh thần cho Việt Nam. – Nay bỗng dưng trong văn nghệ nước ta xuất hiện hiện tượng mà vừa rồi đồng chí Hoàng Thiệu Khang gọi là "thời thượng": chấp nhận cái gì tê tái, đổ vỡ, phản phúc như dòng chủ lưu và xem những biểu thị anh hùng, thủy chung... như không đáng giá. Cuộc sống thực đòi hỏi điều bậy phải bị phê phán nghiêm khắc đồng thời điều đúng phải được đề cao tương xứng.

Tại sao phim Hồng Kông ăn khách? Các phim đó – tôi không nói loại xấu – mô tả các tình tiết rối rắm của con người nhưng theo đường dây xuyên suốt: Thiện thắng Ác. Tại sao sách Hồ Biểu Chánh bán chạy? Ông cũng theo quy luật phản ánh truyền thống mang tính người như thế.

Tới nay, vấn đề dân chủ trong văn học ở ta chưa khai thông theo đòi hỏi sự phát triển cấp bách của đất nước vào năm giải phóng thứ 14, với các đổi thay, đảo lộn khác hẳn văn học thời kháng chiến. Lấy quan điểm và cung cách lãnh đạo, quản lý thời kháng chiến hoặc ở miền Bắc sau hiệp nghị Genève, tức của nửa nước trong hoàn cảnh phải tập trung tuyệt đối sức mạnh đánh và thắng Mỹ – lấy đó làm chuẩn là sai, bởi vận nước hiện tại liên quan đến số phận từng con người, mối tương tác giữa nghĩa vụ và quyền lợi công dân đã trở thành trung tâm của thời đại. Chúng ta hết sức khổ tâm với bao nhiêu

quy định lỗi thời và làm thế nào một nghị quyết năm 1960 ở miền Bắc về một vấn đề gì đó còn có thể phát huy tác dụng vào năm 1988 trên cả nước?

Mặt bảo thủ còn nặng. Điều này liên quan đến khả năng đổi mới của bộ máy và con người, nhất là con người có quyền lực. Tôi đồng ý có sự bừa bãi vừa qua trong phát hành sách văn học, chạy theo thương mại. Cái đó nhất thiết cần chấn chỉnh, song chấn chỉnh không có nghĩa duy nhất là "cấm", là tập trung ở cấp cao quyền cho và không cho phổ biến. Cách hay nhất là giao cho người viết và người in trách nhiệm và khi vi phạm các nguyên tắc quy định (cổ vũ phản cách mạng, gieo đồi trụy và tội ác...) thì có kỷ luật theo một luật của Nhà nước. Ngay các phạm vi trên cũng đặt ra tranh luận và tác giả có quyền tự bảo vệ, người cho xuất bản cũng thế. Cái tối cần thiết là không khí tranh luận dân chủ, công khai, trên báo chí, trong các cuộc hội thảo và cả ở diễn đàn tổ chức quần chúng và thậm chí, Hội đồng nhân dân, Quốc hội. Thú thật, mỗi khi đọc báo thấy Fafim tự giới thiệu mình là "cơ quan độc quyền" nhập, xuất và phát hành phim trong cả nước, tôi buồn rầu. Thời buổi bây giờ, còn "độc quyền" thì... chết.

Tôi đứng về phía không tán thành "biện pháp tổ chức". Mọi sự cứ đưa ra ánh sáng mặt trời. Phê bình cũng không nên độc quyền, một chiều – đã có lời qua thì phải có tiếng lại. Công chúng ngày nay không dễ bị lừa – và đừng coi thường ý kiến của người thưởng thức như có người cho rằng trong tình hình nước ta tồn tại nhiều thứ "bất khả tri", nhiều "hộp đen" quá! Tôi nhớ; khi anh Mai Trọng Tuấn đưa chương trình Vueta ra, có người bảo kẻ đi tè tè dưới mặt đất đừng góp ý chuyện trên trời.

Hơn đâu hết, văn học cần dân chủ, cần tranh luận. Bởi văn học luôn động và chinh phục cái đẹp là cuộc trường chinh vô cùng gian khổ. Nếu không, cả mấy nghìn năm sáng tạo Việt Nam sao chỉ hun đúc một Kiều của Nguyễn Du mà không phải là hàng tá tiểu thuyết tình bằng thơ tuyệt tác?

Dân chủ, nói cho cùng, cũng chỉ là phương tiện. Mục đích tấm lòng và khả năng của nhà văn mới là điều đáng nói. Và, nhà văn thì viết – cố hết sức viết. Viết để "tải Đạo" – nói như người xưa. Cay đắng, ngọt bùi, đau khổ, hạnh phúc, căm giận và yêu thương... đều hóa thân thành Đạo – thành một ký gởi cho bây giờ và mai sau của người viết. Viết say mê. Khắc họa cuồng nhiệt hình tượng mà mình trân trọng. Viết đến phút chót của cuộc đời mình.

Chắc chắn đó là công việc hàng đầu, gần như duy nhất, của nhà văn....

**TP. H.C.M. Đầu năm 1989 – T.B.Đ.**

**Văn số 3 tháng 2 – 1989**

# góp phần tổng quát vấn đề chính trị và văn nghệ



*Trần Độ*

*Ủy viên Trung ương Đảng*

Vài năm nay, trong sự thảo luận các vấn đề lý luận văn nghệ, nổi cồm lên vấn đề "quan hệ giữa chính trị và văn nghệ". Về vấn đề này nảy sinh ra nhiều ý kiến gay gắt trong sự tranh cãi. Theo cách nhìn của tôi, hình như có một số người yên chí một cách sâu sắc vào công thức "văn nghệ phục vụ chính trị", coi như một nguyên lý không những cơ bản mà còn là thiêng liêng "bất khả xâm phạm". Ai nói chệch đi một chút, hầu như đã phạm tội "tổ tông".

Trong khi đó, để đi vào phân tích cho sâu sắc hơn, đầy đủ hơn tinh thần Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị, rất nhiều người muốn đi sâu vào phân tích nhận xét của Bộ Chính trị là "*công tác lãnh đạo quản lý văn nghệ có nhiều hiểu biết giản đơn, thô thiển, thiếu dân chủ*" *(tôi nhấn mạnh)*. Thực chất là muốn cùng nhau nhận diện cho thật rõ cái sự lãnh đạo còn nhiều biểu hiện giản đơn thô thiển, thiếu dân chủ đó nó thực sự là nó như thế nào? Có chỉ rõ được nó ra thì mới có hướng cụ thể để thực hiện "*Đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo quản lý*". Khi ta nói "có những biểu hiện", là những biểu hiện đó có thật. Không phải nói thế là nói Bộ Chính trị. Ban chấp hành Trung ương và toàn Đảng. Trong các văn kiện của Đảng, những câu, những đoạn nói về văn hóa văn nghệ rất súc tích, nhưng không thô thiển. Thái độ cơ quan lãnh đạo cao nhất đối với văn nghệ là trân trọng và yêu quý. Nhưng thế này cũng chưa phải là toàn bộ sự lãnh đạo và quản lý. Những biểu hiện đơn giản, thô thiển, thiếu dân chủ, phần lớn là ở các cơ quan, ở không ít cán bộ chính trị có vai trò lãnh đạo, ở không ít cấp ủy, đảng và ở cơ sở. Những biểu hiện ấy nó lại hay xoay quanh cái mối quan hệ "văn học phục vụ chính trị". Mối quan hệ ấy nó lại diễn ra hằng ngày ở nhiều nơi, nhiều sự việc. Nay phải thảo luận để phân tích sâu hơn, kỹ hơn, tìm hiểu nó trong các điều kiện lịch sử khác nhau thì ta mới đi đến cốt lõi của nó.

Từ nhận định đó, tôi muốn đi sâu góp bàn mấy vấn đề như sau:

– Chính trị và văn nghệ là 2, chứ không phải là một.

– Mối quan hệ giữa chính trị và văn nghệ luôn biến đổi diễn biến khác nhau trong quá trình lịch sử, và bản chất của vấn đề.

– Thực chất cuộc tranh cãi là ở chỗ nào?

### *I/ Chính Trị Và Văn Nghệ Không Đồng Nhất, Không Phải Là Một*

Điều này cho đến nay tôi được nghe và được đọc rất nhiều ý kiến thống nhất như vậy. Tôi chỉ muốn bình cho rõ ràng dứt khoát.

Khi ta nói văn nghệ phục tùng chính trị, thì rõ ràng là ta đã cho nó là hai cái khác nhau, cái này phải phục tùng cái kia. Nếu nó chỉ là một thì không cần có văn nghệ nữa, văn nghệ là thừa – thế mà Đảng ta lại nói rằng "văn nghệ là một lãnh vực cực kỳ quan trọng trong đời sống xã hội (1). Văn nghệ hóa văn nghệ là nhu cầu thiết yếu của đời sống tinh thần của nhân dân" (2).

Tôi được nghe có người nói một câu mà tôi cho là thú vị: nếu chính trị, văn nghệ là một (là đồng nhất) *thì ai giỏi nhất về chính trị tức là cũng giỏi nhất về văn nghệ*. Không thể có thế được. Trong một xã hội có nhiều loại nhân vật, có nhân vật chính trị và có nhân vật văn hóa (văn nghệ sĩ). Chả thế mà ở Nga người ta coi Lép Tônxtôi là "Nga hoàng thứ hai". Rất có thể, có những nhân vật kiệt xuất vừa lãnh tụ chính trị vừa là nhà văn hóa lớn. Nhưng vấn đề không thể là đồng nhất. Điều này hầu như đã rõ ràng và dứt khoát.

Nhưng còn có vấn đề khi ta nói chính trị là ta nói cái gì?

– Chính trị có khi là mục tiêu chính trị. Là đường lối chính trị, là một chế độ chính trị.

– Chính trị lại có khi là một nhiệm vụ cộng tác, mà ta muốn rõ tính quan trọng của nó thì ta coi đó là *nhiệm vụ chính trị*.

– Chính trị có khi lại là một tổ chức chính trị, một nhân vật, một cá nhân làm chính trị.

– Khi ta quan niệm chính trị là mục tiêu chính trị (của giai cấp) là đường lối chính trị, là chế độ chính trị, thì ta có nhiều điều bàn dễ dàng hơn về mối quan hệ văn nghệ và chính trị.

Còn khi ta nói chính trị với quan niệm nó là một công tác cụ thể, là một tổ chức nhỏ cụ thể, là một con người cụ thể thì dễ xảy ra lầm lẫn, dễ nhiều biểu hiện giản đơn thô thiển và thiếu dân chủ. Văn nghệ bị coi thường hay "khinh bỉ" văn nghệ sĩ bị "coi như con nít" là những biểu hiện cụ thể và có thật sự lầm lẫn này. Chứ văn kiện Đảng và các đồng chí lãnh đạo cao thì đã có ý kiến rất rõ ràng về vấn đề này, không lầm lẫn.

*Văn nghệ có làm chính trị không?* Văn nghệ thực hiện đường lối chính trị,

mục tiêu chính trị thì tức là làm chính trị rồi. Và có những văn nghệ sĩ cũng rất tích cực hoạt động chính trị.

Văn nghệ phục tùng và phục vụ chính trị là phục tùng và *phục vụ mục tiêu chính trị và đường lối chính trị*, chứ không phải phục vụ những công tác cụ thể hằng ngày và phục vụ con người chính trị. Điều này đồng chí Trường Chinh đã nói rất sớm (từ 1957) ai cũng đã biết ở đây tôi xin không trích lại nguyên văn.

*"Ở bất cứ chế độ nào, văn nghệ cũng phải phục tùng chính trị của chế độ đó. Vì chính trị là lực lượng lãnh đạo, là bộ máy điều hành toàn bộ xã hội, là có những công cụ bạo lực và pháp luật buộc tất cả mọi người phải theo. Trong một chế độ chính trị phản động, có những thứ văn nghệ chân chính muốn phản kháng cũng chỉ là lén lút, bất hợp pháp và biến dạng".*

Còn trong chế độ chính trị tiến bộ, cách mạng nhân đạo thì mục tiêu đường lối của chế độ đó chính cũng là phương hướng đúng đắn của văn nghệ, thậm chí còn là niềm hào hứng phấn khởi thúc đẩy sự sáng tạo của văn nghệ. Điều này còn nói thêm ở phần sau.

Nhưng dù sao bộ máy chính trị thực hiện mục tiêu đường lối của mình cũng bằng phương pháp phương thức của mình. Còn văn nghệ hưởng ứng phục tùng mục tiêu chính trị lại bằng cảm hứng của mình, ngôn ngữ và phương pháp của mình.

### *II/ Quan Hệ Chính Trị – Văn Nghệ Trong Quá Trình Lịch Sử Của Ta Và Bản Chất Của Nó*

Đoạn đầu của Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị viết: "Từ khi Đảng ta ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt Nam, nhất là từ sau Cách mạng tháng Tám thành công, văn hóa văn nghệ Việt nam đã trở thành một bộ phận khẳng khít của cách mạng, tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh giành độc lập tự do cho Tổ quốc, xây dựng cuộc sống mới cho nhân dân, văn hóa văn nghệ phát triển mạnh mẽ.

Ở đây ta hãy xem xét cụ thể thêm một chút:

– Chỉ có khi Đảng ta ra đời và lãnh đạo cách mạng thì văn hóa văn nghệ mới *trở thành* văn nghệ cách mạng, tức là văn nghệ dưới sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện những mục tiêu và đường lối cách mạng của Đảng, văn hóa văn nghệ phục tùng và phục vụ chính trị của Đảng cộng sản. Vậy trước đó nó là cái gì, nó thế nào? Nó có quan hệ với chính trị hay không? Đồng chí Trường Chinh đã viết trong tập sách "chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam".

*"Ở nước ta nghệ thuật đồi trụy của Pháp ảnh hưởng khá mạnh. Trước đây một số văn nghệ sĩ bất mãn với chế độ thực dân đã theo những trường phái lập thể, siêu thực v.v... với tất cả một tâm hồn thành thật và ngây thơ. Họ không dám*

*mạnh bạo theo chủ nghĩa hiện thực phê phán lôi kéo phần đông bọn họ ra khỏi cạm bẫy văn nghệ đồi trụy của giai cấp tư sản Pháp. May mắn thay".*

Như thế tức là trước Cách mạnh tháng Tám văn hóa văn nghệ bất mãn với chính trị phản động của thực dân, muốn phản kháng mà không có đường hướng, không đủ dũng khí "đành chịu quẩn quanh". Sau đó văn hóa văn nghệ chỉ có đi theo và phục vụ chính trị cách mạng mới *trở thành* một bộ phận khắng khít của cách mạng, trở thành văn hóa văn nghệ cách mạng. Các văn nghệ sĩ cũng trải qua những bước "nhận đường" mới thấm nhuần chân lý phải theo đường lối chính trị của cách mạng của Đảng, văn hóa văn nghệ mới có sứ mệnh của nó.

Hàng loạt văn nghệ sĩ trước cách mạng đã nhiệt liệt hưởng ứng, "đề cương văn hóa" 1943 của Đảng, hăng hái tham gia Mặt trận Việt minh tổ chức văn hóa cứu quốc. Khi kháng chiến bùng nổ, hầu hết văn nghệ sĩ rời bỏ gia đình, ba lô trên vai đi lên chiến khu, nhiều người tham gia bộ đội, hoặc đi sâu vào đời sống chiến đấu của bộ đội, làm báo kháng chiến, lăn lộn trong cuộc sống kháng chiến của nhân dân ở tất cả các vùng, kể cả các vùng ở địch hậu ác liệt.

Suốt mấy chục năm kháng chiến chống Mỹ, ở miền Nam cũng như ở miền Bắc, nhiều văn nghệ sĩ cũng có mặt khá đầy đủ trên các chặng đường Trường Sơn gian khổ và các nơi nóng bỏng quyết liệt của cuộc kháng chiến. Chúng ta đã có đến hàng trăm bài hát hay, được hát lên trên khắp nẻo đường chiến trận, ở hậu phương và ở cả tiền tuyến, làm nức lòng mọi người. Những tiểu thuyết, truyện ký, cùng hàng trăm bài thơ, các bức vẽ, các bộ phim, các bức ảnh đã thể hiện khí phách anh hùng của nhân dân ta đánh giặc cứu nước. Đúng là khi những văn nghệ sĩ tạo ra những tác phẩm hay, đẹp xúc động lòng người như trên đều xuất phát từ cảm xúc thẩm mỹ thấm nhuần tinh thần yêu nước sâu sắc chứ không hề có sự "đặt hàng" hoặc gò bó nào. Nó đều được sản sinh ra từ những trái tim nóng bỏng tình yêu nước, yêu nhân dân. Và nó có những giá trị nghệ thuật khá cao, làm cho nền văn nghệ Việt Nam xứng đáng là một trong những nền văn nghệ tiên phong chống đế quốc. Văn nghệ ta đã có một cuộc sống và một sự phát triển hợp quy luật. Nó thể hiện khát vọng của nhân dân hướng tới độc lập tự do. Nó là tiếng nói của sự thật, của lương tri của một dân tộc chiến đấu cho sự sống còn của mình. Nó hợp quy luật: hợp lòng dân. Một đường lối chính trị của Đảng hợp lòng dân mở đường và tạo cảm hứng cho văn nghệ và đã tạo điều kiện xây dựng nên một nền văn nghệ hợp lòng dân. Đó là một sự thật hiển nhiên và vĩ đại, không ai có thể phủ nhận sự thật này. Nếu có ai đó có muốn phủ nhận điều này thì cũng dễ dàng bị lịch sử và cuộc sống bác bỏ dứt khoát và dễ dàng.

Tuy nhiên trong cái sự thật toàn cục và cơ bản đó, cũng có một sự thật

klhác, một mặt khác của sự thật là: trong điều kiện đấu tranh cách mạng và chiến tranh, ta cũng có nhiều yêu cầu chính trị cấp bách và kịp thời và vì thế ta *cũng yêu cầu có những sản phẩm văn nghệ cấp bách và kịp thời*. Các văn nghệ sĩ với tinh thần yêu nước sâu sắc cũng luôn tự nguyện đáp ứng những yêu cầu cấp bách và kịp thời đó mà nỗ lực hoạt động sáng tạo. Trong tình hình đó không tránh khỏi có những sự "tự nguyện nhưng miễn cưỡng" và có những *cảm hứng miễn cưỡng và giả tạo*. và những trường hợp đó thông thường không sản sinh ra những giá trị nghệ thuật có chất lượng được, chúng ta cũng có thể thấy không ít sản phẩm nghệ thuật nhanh chóng rơi vào quên lãng, và những sản phẩm đó không ít hơn những sản phẩm còn được ghi nhớ cho đến ngày nay và sau này.

Tình hình đó cũng không thể không xảy ra những trục trặc nho nhỏ: hoặc là văn nghệ không đáp ứng được những yêu cầu chính trị cấp bách và kịp thời, hoặc đáp ứng với những cảm hứng hời hợt gượng ép. Cũng phải nói rằng ngay từ trong chiến tranh, cũng có những văn nghệ sĩ cảm nhận cuộc sống chiến tranh ở hậu phương với các mặt khác của nó. Nhưng những tác phẩm đó điều đó đều được coi như phạm vào vùng cấm kỵ và cũng có những làn sóng phê bình nghiêm khắc và mạnh mẽ. Tình hình đó kéo dài nhiều năm tạo nên tập quán, trở thành quán tính ở trong khá nhiều bộ phận, người ta hiểu "văn nghệ phục vụ chính trị" một cách sơ lược và từ sơ lược đến thô thiển, áp dụng nó một cách giản đơn và gò bó vào trong nhiều bộ phận của hoạt động văn nghệ, đưa văn nghệ trong thực tế chỉ là một thứ công cụ máy móc của công tác tuyên truyền cổ động cho mọi công việc hằng ngày. Trong tình hình đó, cũng có một sự thật là có nẩy minh họa, xa rời đời sống nhân dân. Dù có ai đó nhấn mạnh cái sự thật này thì cũng không vì thế phủ nhận nổi cái sự thật nói ở phần trên. Văn nghệ xa dần chức năng bản chất của nó như là Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị đã khẳng định: văn nghệ thể hiện *"Khát vọng của con người và chân thiện mỹ, có tác dụng bồi dưỡng, tình cảm, tâm hồn, nhân cách, bản lĩnh các thế hệ công dân và là "tiếng nói đầy trách nhiệm, trung thực, tự do, tiếng nói của sự thật, của lương tri, của tinh thần nhân đạo cộng sản chủ nghĩa, phản ảnh được nguyện vọng sâu xa của nhân dân và quyết tâm của Đảng đưa công cuộc đổi mới đến thắng lợi".*



Từ sau 1975, nước ta chuyển giai đoạn, ta bước vào nhiệm vụ cách mạng mới mà chủ yếu là xây dựng đất nước, xây dựng xã hội, xây dựng con người. Tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội đều nảy sinh nhiều vấn đề mới lạ, có nhiều vấn đề mới hoàn toàn. Những cán bộ, chiến sĩ quân đội, thanh niên xung phong sống nhiều năm trong nếp sống tập thể và độc thân, nay trở về sống với gia đình, xây dựng gia đình cũng là những sự đảo lộn lớn lao và sôi

động. Từ trước ta vẫn tưởng tượng một cách đơn giản và ngây thơ: xong chiến tranh, có hòa bình, mọi việc trong cuộc sống sẽ dễ dàng êm đẹp, ai cũng có thể tìm thấy hạnh phúc, xây dựng hạnh phúc cho mình một cách thuận lợi.

Té ra, việc xây dựng cuộc sống cho một xã hội, mỗi gia đình và mỗi con người nó lại nhiều khó khăn, phức tạp, mâu thuẫn rắc rối đến kinh khủng mà trước đây, ta không thể tưởng tượng ra được.

Nguyện vọng sâu xa của mỗi con người cũng như của toàn xã hội là được no đủ, rồi giàu có, được yên tâm sống trong trật tự và an toàn, được có những niềm vui, được tự nâng cao mình lên trong mọi mặt của đời sống tinh thần. Thế mà trong cuộc sống hằng ngày về mọi mặt kinh tế, chính trị, xã hội, tinh thần, lại có sự vận động của hàng loạt quy luật vừa dễ thấy vừa bí ẩn, những quy luật ấy lại đan chéo vào nhau, tác động nhau và được thực hiện qua những con người cụ thể, mỗi con người lại là một chủ thể cá biệt hiểu biết và vận dụng các quy luật hoàn toàn khác nhau.

Cái chính trị và văn nghệ đứng trước tình hình ấy đều gặp những điều mới mẻ, kinh nghiệm.

Sau hơn 10 năm trời, trong Đại hội lần thứ VI Đảng ta mới bước đầu nhận ra *những sai lầm lớn của mình trong việc lãnh đạo đất nước*, mới vạch ra được những phương hướng của một đường lối, một cương lĩnh để xây dựng đất nước theo chủ nghĩa xã hội, tiếp cận gần với chân lý, với quy luật. Đảng đã dũng cảm và sáng suốt đề ra yêu cầu "đổi mới": đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức, đổi mới phong cách. Đảng đã công khai tự phê bình những sai lầm và khuyết điểm của mình là *chưa biết lấy dân làm gốc*, còn hành động duy ý chí, bất chấp, là quan liêu, thiếu dân chủ v.v...

Đại hội VI của Đảng đã quyết định một phương hướng tư tưởng đổi mới với tinh thần dân chủ hóa, cởi mở, giải phóng mọi tiềm năng sản xuất cả vật chất và tinh thần.

Tư tưởng đó đã đáp đúng nguyện vọng của nhân dân, được toàn thể nhân dân đón mừng hưởng ứng và phấn khởi.

Sau đó Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội VI về mặt văn hóa văn nghệ một cách hết sức chính xác và đúng đắn. Nghị quyết 05 đã khẳng định những vấn đề cơ bản như vai trò chức năng của văn hóa văn nghệ, khẳng định lại tính chất tự do sáng tác với nội dung rõ rệt dứt khoát hơn.

"Văn nghệ là lĩnh vực nhạy cảm nhất trong văn hóa" (Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị) nên ngay từ sau 1975 và trước Đại hội VI, trong văn nghệ đã xuất hiện những tác phẩm, những tiếng nói có khuynh hướng "nhìn thẳng vào sự thật, có những ý nguyện đòi hỏi đổi mới, đặc biệt trong điện ảnh, trong sân khấu và trong văn học. Có những tác phẩm đề cập đến những vấn đề cả

cũ cả mới của cuộc sống với những ngôn ngữ của phong cách mới lạ. Đại hội VI và Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị là một sự tiếp sức kỳ diệu làm cho văn nghệ có một bộ mặt hào hứng sôi nổi và phong phú hẳn lên. Nó được toàn xã hội quan tâm, vì văn nghệ đã thực sự thực hiện tinh thần của các Nghị quyết của Đảng một cách tích cực nhất.

Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị nêu nhiệm vụ của văn nghệ như sau: *"Văn học, nghệ thuật góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh để mở rộng và làm sâu sắc thêm quá trình dân chủ hóa mọi mặt của đời sống đất nước, cổ vũ nhiệt tình cho công cuộc đổi mới, tích cực tham gia giải quyết việc giải phóng những tiềm năng của đất nước thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế xã hội do Nghị quyết của Đại hội VI của Đảng đề ra".*

Nếu thật nghiêm túc và khách quan nhìn lại thì rõ ràng văn nghệ và nhất là báo chí đã thực hiện nghiêm chỉnh và tích cực tinh thần của nhiệm vụ trên, góp phần quan trọng làm mở ra một không khí dân chủ, cởi mở cho toàn xã hội. Nó hứa hẹn những triển vọng rất tốt đẹp. Như vậy văn nghệ của ta lại hơn bao giờ hết gắn bó với chính trị, phục tùng và phục vụ có hiệu quả cho đường lối chính trị của Đảng và yêu cầu chính trị của đất nước. Đó là nét bao trùm của tình hình toàn cục trong xã hội cũng như trong văn nghệ.

Thế nhưng rồi, tình hình lại xuất hiện một sự thật là trong văn nghệ (và cả báo chí) có không khí "khựng lại", "e ngại", "dè dặt", "ngập ngừng". Cái hào hứng ban đầu bị giảm hẳn, nếu không nói là bị biến mất.

Tại sao lại như vậy???

Tất yếu là trong lúc có sự cởi mở, hồ hởi không thể tránh khỏi vài hiện tượng quá trớn, quá lời, khinh xuất và từ đó có một vài ý kiến lệch lạc.

Theo tinh thần nhận định chính thức của Đảng (thể hiện trong báo cáo và công tác tư tưởng của đồng chí Đào Duy Tùng trong hội nghị Trung ương lần thứ VI và báo cáo đó coi như được chấp nhận) thì "có một số ít tư tưởng bị lệch lạc". Những lệch lạc đó là ít, nhưng không thể coi thường, tuy vậy không được coi đó là khuyết điểm bao trùm. Tình hình chung của văn nghệ vẫn là có *phát triển, có khởi sắc và có triển vọng.*

Có khuyết điểm, có lệch lạc, đảng yêu cầu uốn nắn, và Đảng yêu cầu uốn nắn để *đẩy mạnh hơn nữa* đổi mới, đẩy mạnh hơn nữa dân chủ và công khai (tinh thần nghị quyết TW 6). Thế tại sao không khí lại không hồ hởi hơn, phát triển hơn, mở rộng hơn, mà lại có tình hình "chựng lại" "e ngại" "ngập ngừng".

Đó là vì sự "uốn nắn" vốn nó là cần thiết, lại hợp "gu" một số người nào đó. Số người này khuếch đại nó lên, muốn lớn tiếng, muốn át giọng và dùng

"thủ đoạn" cũ kỹ và quen thuộc là "quy kết chính trị" là "báo động chính trị" ầm ỹ. Điều đó thể hiện ở những loại ý kiến:

– Kêu ầm lên là có khuynh hướng phủ nhận sạch trơn, phủ nhận hết những thành tựu văn nghệ trong giai đoạn cách mạng trước. Phủ nhận như vậy là phủ nhận thành tựu cách mạng, phủ nhận cách mạng, phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng, phủ nhận Đảng.

– Nêu lại và thảo luận vấn đề quan hệ chính trị và văn nghệ có âm mưu tách văn nghệ ra khỏi chính trị, là chống đối chính trị, là tách văn nghệ ra khỏi sự lãnh đạo của Đảng là chống đối sự lãnh đạo của Đảng. Một vài sự quá trớn đã bị quy kết là đả kích lãnh đạo, là kích động nhân dân.

– Coi tình hình văn nghệ vài năm qua, tuy có một vài sự phát triển, "nhưng chẳng ra cái quái gì", chẳng có gì, chỉ là sự tiếp tục vài cái đã bắt đầu từ trước đại hội VI, còn thì toàn là những câu lung tung láo toét, xuống cấp tệ hại v.v... và v.v...

– Có một số ý kiến còn muốn ám chỉ cho là những sự thảo luận vài trò văn nghệ, về quan hệ chính trị – văn nghệ, về tự do sáng tác và có hơi hướng của Nhân văn Giai phẩm.

Những ý kiến này cố tình quên một nét cơ bản là vụ nhân văn giai phẩm là một vụ âm mưu chính trị phản động nhằm đưa đất nước không đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Âm mưu này dùng những vấn đề văn nghệ, do đó lôi cuốn không ít văn nghệ sĩ tham gia và không ít văn nghệ sĩ khác bị mơ hồ. Còn tình hình hiện nay đã khác hẳn: Văn nghệ bàn những vấn đề văn nghệ để làm cho văn nghệ phục vụ cách mạng được tốt hơn.

Do đó, những người có ý kiến như trên thường lờ đi tình hình tốt đẹp của Nghị quyết đại hội VI và Nghị quyết 05 của Bộ chính trị, họ không coi đó là có sự lãnh đạo của Đảng, là một sự lãnh đạo có hiệu quả và có trình độ cao hơn. Hầu như họ coi đó chưa phải là văn nghệ phục tùng và phục vụ chính trị, mà văn nghệ phải phục tùng và phục vụ chính trị "như ngày xưa" thì mới đúng nguyên tắc. Trong tranh luận, quả thực có đôi người thiếu bình tĩnh dùng những lời lẽ quá trớn có tác dụng xúc phạm người khác, có ý răn đe người khác. Điều đó không tốt thật. Nhưng đó cũng nằm trong những ý kiến tích cực cổ vũ cái mới và phê phán cái trì trệ bảo thủ.

Ngược lại, những thứ ý kiến trả lời lại cất cao giọng điệu uốn nắn, xâu lại những ý nọ, chủ thuyết kia, hoặc coi tất cả những ý kiến phê phán bảo thủ đều là quá trớn, lệch lạc, đi chệch nguyên tắc, họ cứ làm như Đảng bây giờ không lãnh đạo được văn nghệ nữa, là phải "lập lại trật tự", phải "trở lại những nguyên tắc cơ bản". Họ không cho là *nguyên tắc lớn nhất bây giờ là đổi mới, là dân chủ hóa*. Mà là những nguyên tắc quen thuộc có nhiều điều đã lỗi

thời. Tóm lại là họ muốn quay về như cũ, và họ kêu gọi đoàn kết là mọi người đoàn kết nhau để cùng quay về như cũ.



Đảng bây giờ đang lãnh đạo cái gì? Đảng đang lãnh đạo đổi mới và dân chủ hóa để xây dựng đất nước – chính trị của Đảng bây giờ là gì? là chính trị đổi mới và dân chủ hóa để xây dựng chủ nghĩa xã hội tốt hơn.

Văn nghệ bây giờ đang có nhiệm vụ gì và đang làm gì? Nhiệm vụ thì như trên, đã trích Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị và văn nghệ đang làm nhiệm vụ đó, tức là hoạt động một cách dân chủ, cổ vũ và hoàn thiện quá trình dân chủ. và như vậy lẽ ra thật thuận chiều và hợp lẽ phải.

Nhưng khốn nỗi.

Bản thân đảng ta cũng như toàn xã hội ta còn có những bộ phận, những cơ thể, những nhân cách tồi tệ: quan liêu, bao cấp, độc đoán thiếu dân chủ, bảo thủ trì trệ, ích kỷ hại dân, nịnh bợ, luồn lọt. Những bộ phận đó, những cá nhân đó lại cứ muốn coi ý của mình là chính trị của Đảng và đòi hỏi cả văn nghệ và cả hoạt động khác phục tùng cái thứ chính trị đó.

Ta đã có hiến pháp và một số bộ luật khẳng định con đường xã hội chủ nghĩa của ta, nhưng trình độ quản lý bằng luật pháp của ta quá kém và vẫn cứ phải phàn nàn một tình trạng "không có luật pháp", "luật pháp không được tôn trọng". trong khi chính các cơ quan nhà nước và một số bộ phận tổ chức Đảng chưa biết luật pháp và làm trái cả luật pháp. Quyền lực cá nhân còn chi phối cả luật pháp. Văn nghệ và báo chí đấu tranh vạch trần những "sự thật" tiêu cực đó thì là phục vụ cho chính trị của Đảng, hay chống lại chính trị??? Có thể có kẻ có "tà tâm" thậm chí có người của địch lời dụng dân chủ để làm bậy. vậy ta phải ngăn ngừa bằng luật pháp, luật pháp trừng trị cả những kẻ lợi dụng dân chủ và cả những kẻ đàn áp dân chủ, vi phạm dân chủ, mọi hoạt động của từng người trong xã hội đều phải được tự do sống và làm những việc mà luật pháp không cấm. Cần chấm dứt tình trạng từng cá nhân cứ quy kết bừa bãi – sự quy kết bừa bãi chính là một hành vi phạm pháp.

Thực ra tình hình cơ bản là văn nghệ đang phục tùng và phục vụ chính trị đổi mới đảng, đang thực hiện những tư tưởng của các nghị quyết của đảng. có những tác phẩm văn nghệ, những văn nghệ sĩ đã và đang tố cáo và phê phán mạnh mẽ cái ác, để kêu gọi toàn xã hội phẫn nộ, căm ghét cái ác, lên án cái ác nó đang có mặt ở nhiều ngóc ngách của đời sống xã hội. Làm như thế là để thức tỉnh cái thiện, đề cao cái thiện kêu gọi mọi người quan tâm và quý trọng cái thiện. Và đó vừa là nhiệm vụ chính trị của văn nghệ vừa là chức năng cơ bản của văn nghệ, vừa là văn nghệ chấp hành tích cực các nghị quyết của đảng. Tự do sáng tác, tức là phải để cho mỗi nghệ sĩ cảm nhận cuộc đời,

xúc động và suy ngẫm về cuộc đời theo ý thức của mình. Có thể có những tác phẩm chưa hay, hoặc còn dở mặt này mặt khác. Nhưng tự do sáng tác đi đôi với tự do phê bình. Cần thiết phải có các ý kiến phê bình – và những ý kiến phê bình khác nhau cũng cần tôn trọng nhau. Tố cáo cái ác khác hẳn với tuyên truyền cho cái ác. Quả thật trong sự ồ ạt về xuất bản, có xuất hiện một số sách (không nhiều) có tác dụng tuyên truyền cho cái ác. Nhưng đó không phải là những tác phẩm văn học. Tố cáo cái ác không có lúc nào là quá nhiều.



Từ những nhận định ở trên, tôi cho rằng ta đã có thể đi tới mấy ý kiến có tính chất kết luận như sau, và đó là kết quả tích cực của cuộc thảo luận sôi nổi vừa qua:

1/ Rõ ràng không nên đồng nhất chính trị và văn nghệ – chính trị có chức năng, nhiệm vụ, quyền lực và lực lượng của mình; có mục tiêu của mình, văn nghệ có chức năng nhiệm vụ, ngôn ngữ, phương pháp và sức mạnh của mình để phục vụ hay đúng hơn là để thực hiện mục tiêu chính trị.

Đã có ý kiến nêu ra, và ý kiến này tôi cho là hợp lý, đề nghị nên chấp nhận, đó là từ nay nên dùng công thức "văn nghệ phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân".

Công thức đó bao hàm đầy đủ cả ý chính trị các chính sách của Đảng, vừa bao hàm ý nghĩa văn nghệ phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

2/ Trong quá trình lịch sử xã hội trải qua những chế độ chính trị khác nhau, mối quan hệ giữa chính trị và văn nghệ cũng có sự khác nhau trong các chế độ đó. có chế độ chính trị phản động chống lại nhân dân, chống lại con người, chống lại dân tộc. Chế độ chính trị này thường cưỡng bức, bắt buộc văn nghệ phải phục tùng và phục vụ nó. Nhưng văn nghệ thì bị văn hóa, có bộ phận cam tâm tự nguyện làm tay sai cho chế độ, có bộ phận văn nghệ chân chính vẫn tìm cách phản kháng chống lại chế độ đó bằng nhiều phương pháp khôn khéo của mình, lại có bộ phận không muốn là tay sai, nhưng cũng không đủ dùng vũ khí và bản lĩnh chống lại chế độ thì đi vào các thứ nghệ thuật mơ hồ, bế tắc xa rời đời sống. đó chính là tình hình văn nghệ trước Cách mạng tháng Tám, trước đề cương văn hóa 1943 của xã hội ta. Chế độ chính trị tiến bộ, dân chủ và nhân đạo, thường thu hút được sự đồng tình hưởng ứng tích cực của văn nghệ chân chính, và văn nghệ đó luôn tự nguyện và hào hứng phục vụ thứ chính trị đó. Tuy nhiên trong khi thực hiện những mục tiêu chính trị cao đẹp thì trong từng bộ phận của các tổ chức chính trị có lúc, có nơi có sự trục trặc, có sự tha hóa. Văn nghệ có sự bất đồng (thậm chí phê phán) những trục trặc và tha hóa đó, thì văn nghệ chân chính vẫn thực hiện sự phục vụ các mục tiêu chính trị cao đẹp, góp phần hoàn thiện chính trị. Chế độ ta, chế độ xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là chế độ chính

trị tiến bộ... dễ dàng thu hút văn nghệ chân chính như người bạn đồng hành tin cậy. Ta có lực lượng sức mạnh và luật pháp để ngăn cấm và triệt tiêu mọi thứ văn nghệ phản động đồi truy, ít có nguy cơ xảy ra sự mâu thuẫn đối lập (hay đối kháng) giữa văn nghệ chân chính và chính trị tiến bộ.

3/ Từ trước ta hay nói "văn nghệ phục vụ chính trị" và coi như một nguyên lý vĩnh cửu, bất di bất dịch. Nay cần đi sâu hơn và nên có cách nói khác chính xác hơn, vì nếu chỉ nói "chính trị", mà khái niệm *"chính trị"* thì có khi là mục tiêu, cương lĩnh chính trị, có khi là tổ chức chính trị. nếu ta muốn nói phạm trù đảng lãnh đạo thì nói đứt ra vấn đề đảng lãnh đạo. Sứ mệnh của đảng là lãnh đạo toàn bộ xã hội, lãnh đạo mọi lãnh vực, thì tất yếu Đảng phải lãnh đạo cả văn hóa văn nghệ, và văn hóa văn nghệ phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Nhiều tài liệu của Đảng cũng đã chỉ rõ *Đảng phải có phương thức lãnh đạo phù hợp với đặc thù của văn hóa văn nghệ*, đó chính là yêu cầu của bản thân đảng, của nhân dân cũng như của văn nghệ.

Không nên suy từ sự thảo luận, khía cạnh này hay khía cạnh khác của vấn đề quan hệ giữa chính trị và văn nghệ mà qui vào tội là văn nghệ có ý kiến phủ nhận sự lãnh đạo của đảng, đòi tách ra khỏi sự lãnh đạo của Đảng, hoặc chống lại sự lãnh đạo của Đảng.

Vai trò lãnh đạo của Đảng là một tất yếu lịch sử, là một hiện thực hiển nhiên, đã ghi trong hiến pháp. Ai chống lại điều này là vi phạm hiến pháp, là phạm pháp, là có tội. Có điều rõ rệt là Đảng cần đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao trình độ lãnh đạo của Đảng đối với mọi lĩnh vực (trong đó có lĩnh vực văn hóa văn nghệ). Đó cũng là điều hiển nhiên, nhiều nghị quyết của Đảng đã nhắc tới, nhất là từ nghị quyết đại hội VI của Đảng. Đó là yêu cầu hoàn thiện sự lãnh đạo của Đảng.

4/ Không nên đi từ sự hiểu công thức văn nghệ phục vụ chính trị mà đi tới ấn tượng là luôn luôn và ở đâu cái "chính trị" (dù đó là những nhiệm vụ công tác hay những con người) cũng là cái "nhất trên đời cái cao hơn hết thảy như kiểu chủ nghĩa Mao nói "chính trị thống soái" và từ đó văn nghệ bao giờ cũng là cái ở dưới thấp, cái nhỏ bé, cái chỉ biết có phục vụ, là cái luôn luôn phải dạy bảo, răn đe.

Một nhà văn tặng tôi một cuốn tiểu thuyết và đề tặng như sau: "Tặng anh để cung cấp cho anh thêm những thông tin về cuộc sống, về con người". Tôi lại đọc nhiều tài liệu lý luận khác của Liên Xô, người ta cũng nhắc nhiều đến tinh thần – thái độ của Lênin đối với văn nghệ: không phải chỉ có văn nghệ cần có "chính trị" cho thông tin và chỉ bảo, mà ngược lại "chính trị" (kể cả người chính trị) cũng cần có những thông tin, đặc biệt là thông tin của văn nghệ về con người và về cuộc sống xã hội. Nó ở trong các tác phẩm văn nghệ.

Nhờ những thông tin phong phú, sâu sắc ấy mà "chính trị" có thể tự nâng cao mình, tự hoàn thiện mình, không nên coi những thông tin của văn nghệ là những thứ "biết rồi khổ lắm, nói mãi".

### *III/ Thực Chất Cuộc Tranh Cãi Là Ở Chỗ Nào?*

Với tất cả nội dung phân tích ở phần II thì thực chất của cuộc tranh cãi đã hết sức rõ ràng. Cuộc tranh cãi vừa qua là có ích, là giúp cho chúng ta nhận thức được sâu hơn vấn đề. Nếu những nội dung đó được chấp nhận thì thực sự chúng ta đã tự nâng cao nhận thức của chúng ta lên một bước có ích và cần thiết, và chúng ta hoàn toàn có căn cứ để chấm dứt tranh luận trên cơ sở thấm nhuần thực sự tinh thần Nghị quyết Đại hội VI và nghị quyết 05 của Bộ Chính trị, và đúng với tinh thần những nguyên lý của Mác và của Lê nin về văn hóa văn nghệ, chúng ta không có lý do để tranh cãi nữa.

Cũng như vậy, chúng ta gạt bỏ những nguyên nhân và động cơ của sự tranh cãi. Đó là:

– Nguyên nhân chúng ta quá quen thuộc, quen thuộc một cách quá vững chắc và sâu sắc với một kiểu nhận thức "thô thiển đơn giản": "văn nghệ phục vụ chính trị" và áp dụng nó một cách máy móc – Do đó ta dễ dàng coi là ai đụng đến thì như là sự xúc phạm đến nguyên lý thiêng liêng, bất khả xâm phạm.

Đó là động cơ cá nhân của một số người đã đưa đến những sự soi mói và quy kết không thỏa đáng, cường điệu và vấn đề khuyết điểm lệch lạc lên đến mức nguy hiểm: chống đối.

Gạt bỏ được nguyên nhân và động cơ như vậy chúng ta có thể đánh giá tình hình khách quan hơn thực chất hơn, giảm bớt được không khí hù dọa, răn đe làm cho sự hào hứng đã được dấy lên tiếp tục được hào hứng lên. Như thế mới là thực hiện được tốt đẹp mối quan hệ chính trị – văn nghệ, đề cao được vai trò lãnh đạo của Đảng và quan trọng nhất là làm cho văn nghệ được phát triển tốt đẹp.

**5 – 1989**

(1) Đại hội V.

(2) Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị.

Trích tạp chí Sông Hương số 38 tháng 6&7–89

# phỏng vấn nguyễn đình thi: tổng thư ký hội nhà văn việt nam



*tạp chí Sông Hương*

PV: Người ta nói đến chế độ bao cấp không những trong kinh tế mà cả trong văn nghệ. Ý kiến anh như thế nào.

NĐT: Trước đây Hội nhà văn được xếp vào loại cơ quan sự nghiệp hành chính bao cấp. Các nhà văn, nói chung, làm việc trong các cơ quan, hoặc chuyên sáng tác, đều lĩnh lương Nhà nước, theo tháng lương hành chính. Tác phẩm của nhà văn được coi là phục vụ công tác tư tưởng, nên không tính đến kinh doanh. Tôi đã từng trả lời phỏng vấn, rằng giá một quyển tiểu thuyết dày đại thể bằng một bát phở. Tiền nhuận bút chỉ coi là thu nhập phụ. (Nói như vậy để thấy rằng nhuận bút, sách vở không phải là chuyện riêng lẻ. Nó nằm trong một "hệ tư tưởng" hẳn hoi: hệ tư tưởng bao cấp!). Ấy thế mà có người còn kêu nhuận bút nhà văn cao quá, làm cho mức sống nhà văn cách biệt với những người lao động khác. Thực ra, đã nhiều năm, các nhà văn, cũng như đội ngũ trí thức nói chung ở nước ta sống rất thanh bạch, không ít nhà văn thu nhập không bằng một bà hàng nước chẳng hạn (tất nhiên bà hàng nước trông có vẻ lam lũ hơn). Nhuận bút phải đủ nuôi nhà văn, thì mới bỏ lương đi được, nghĩa là bỏ bao cấp đi được.

Thời Pháp thuộc, đa số nhà văn ta đều có một nghề không phải là nghề văn viết lách chỉ là việc phụ, xét về thu nhập Vũ Trọng Phụng sống hoàn toàn bằng nghề viết văn viết báo thì chết rất sớm vì ho lao. Nay nhà văn ta sống đỡ bấp bênh hơn, nhưng còn phải xây dựng những chế độ chính sách thích hợp, để nhà văn có thể sống bằng lao động sáng tạo của mình.

PV: Con nai đen của anh trước đây gặp "trắc trở", phải chăng một trong những nguyên nhân là vì nó không vừa lắm với cái khuôn phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa như vẫn được hiểu?

NĐT: Tôi có mấy vở kịch và một số sáng tác khác đã gặp "vấp váp", một phần do những sáng tác ấy còn kém, nhưng cũng có một phần do va chạm

với một số quan niệm hẹp hòi. Theo tôi, nguyên nhân cái chưa tốt của văn nghệ sĩ ta không phải là lý luận văn học, mà là do tình trạng còn thiếu dân chủ trong xã hội ta. Gần như một quy luật phổ quát: nước nào cũng thế, có chiến tranh là có kiểm duyệt. Ngay ở nước Pháp được tiếng là dân chủ, mà trong thế chiến I, Romain Rolland còn phải bỏ qua sống ở Thụy Sĩ. Nhưng cũng đừng đổ hết cho chiến tranh. Trong buổi đồng chí Nguyễn Văn Linh gặp các văn nghệ sĩ tôi có nói chúng ta phải cẩn thận, nếu không, lãnh tụ Đảng sẽ trở thành hoàng đế kiêm giáo chủ, nghĩa là quyết định sự sống chết không những của thân xác mà cả của linh hồn con người.

Ai gọi văn học ta trước đây là văn học giả, tôi sẽ cãi đến cùng. Tất cả những gì tôi viết ra là đều với tấm lòng mình. Những nhà văn có bản lĩnh đều tự do. Chùa Một Cột được làm theo lệnh vua, nhưng người thợ vẫn say mê công việc của mình nên cảm thấy tự do, do đó vẫn làm nên ngôi chùa tuyệt đẹp. Tác phẩm là của một thời; khi thời ấy qua đi, thực tiễn sẽ cho thấy nhiều điều trong đó là sai lầm. Nhưng nếu nhà văn viết với tấm lòng mình, không chút giả tạo, thì tác phẩm vẫn đứng được. Khi trong xã hội thiếu dân chủ, thì người ta nói vòng, nói kháy. Truyền kỳ mạn lục, Liêu Trai là những con đường vòng như thế. (Tất nhiên, tuy được phép nói thẳng, có khi nhà văn vẫn thích nói vòng, khi thấy nói vòng cho phép thấy rõ hiện thực hơn).

Nhưng vấn đề còn phức tạp hơn. Truyện Kiều ra đời trong thời kỳ không thể nói là dễ thở. Bao nhiêu tác phẩm của Dostoievxki là ở thời Sa Hoàng ngột ngạt đấy chứ. Đã mấy nhà văn chúng ta dám sánh với Dos, với Nguyễn Du? Còn là vấn đề thiên tài. Mà thiên tài xuất hiện, theo tôi, là sự may rủi của lịch sử. Có khi một loạt nhà văn khổng lồ xuất hiện một lúc. Có khi vắng vẻ hẳn đi.

Nói như thế không phải là không thấy sự cấp bách của đổi mới. Nhưng để thấy rằng đổi mới không phải là cây đũa thần để sau đó trong văn học ta lập tức xuất hiện một loạt tác phẩm rực rỡ. Mà các nhà văn còn phải cố gắng rất nhiều.

Theo tôi, nên đánh giá lại văn học ta một cách công bằng. Văn học ta có lúc này lúc khác, nhưng dòng chủ lưu vẫn là nói thật, ca ngợi thật hay phê phán thật. Trước đây các nhà văn tiêu biểu của ta như Nguyễn Tuân, Nguyễn Công Hoan, Nguyên Hồng, Tô Hoài v.v... đều có những tác phẩm "vấp váp" cả, nhưng vẫn theo lương tâm và sự hiểu biết của mình.

Nhà văn phải hoàn toàn tự do trong việc lựa chọn phương pháp sáng tác. Có lẽ nên nói ta chủ trương một nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa, chứ không phải cụ thể đến mức là nền văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa. Có khi viết theo kiểu hiện thực là hay, nhưng có khi theo kiểu tượng trưng mới đạt. Gogol là ông tổ chủ nghĩa hiện thực Nga, nhưng là tác giả *Chiếc áo khoác.*

Balzac có *Miếng da lừa*. Không dám so sánh, nhưng tôi cũng có viết một số vở kịch "huyền thoại". Và truyện *Dế mèn* của anh Tô Hoài, thì cũng đã rõ là một tác phẩm quý của văn học ta.

PV: Là người phụ trách Tiểu ban Nội dung cho Đại hội nhà văn sắp tới, xin anh cho biết những nội dung nào là cấp thiết, không thể không bàn trong Đại hội?

NĐT: Vấn đề này phải có sự làm việc của Tiểu ban Nội dung và Ban chấp hành thì mới đầy đủ được. Còn ý kiến của tôi thì thế này:

Trước nhất, phải có đánh giá văn học ta trong giai đoạn vừa qua. Bởi vì đổi mới làm thay đổi một cách nhìn, cho nên đây không phải là kể lại các tác phẩm đã xuất bản, mà phải nhìn chung lại, xem thử cái gì được, cái gì chưa được. Từ nay trở đi, sẽ bắt đầu làm việc theo một phương pháp mới, nhưng nó cũng phải trên nền tảng những cái mình làm được. Quan trọng nhất là đánh giá các tác phẩm, tuy rằng không phải giải quyết hết trong Đại hội. Vấn đề này rồi cũng quan hệ ngay đến việc giảng dạy lịch sử văn học. Những tác phẩm trước đây chúng ta hầu như cho là mẫu mực thì có thực không? Mẫu mực đến đâu? Riêng tôi, tôi rất quan tâm đến một số tác phẩm mà tôi cho rằng đã bị phê bình oan, quá đáng. Cũng không phải tất cả đều là những tác phẩm thật hay, nhưng đã bị phê bình oan, quá đáng thì phải được đánh giá lại. Đó là sự công bằng đối với các tác giả. Những tác phẩm ấy trước đây, khi bị phê bình, thì bị gạt đi, không được in trở lại nữa. Những tác giả đã mất như Nguyễn Công Hoan thì không thể làm gì hơn được, nhưng nhiều tác giả còn sống, sau khi có sự đánh giá lại, có thể xem tác phẩm của mình, cái gì cần sửa thì sửa, để giữ lại cho văn học.

Thứ hai, cần phải bàn về phương hướng sáng tác trong giai đoạn hiện nay. Về phương hướng này thì đại thể thời sự nóng hổi bây giờ là viết về cái tiêu cực. Ở đây, theo tôi về lý luận phê bình thì không có điều gì lớn: các nhà sáng tác cũng nhất trí thôi. Nhưng vấn đề là ở chỗ làm cho xã hội quen đọc những tác phẩm loại này. Ngoài ra, anh em có thể trao đổi kinh nghiệm căn cứ trên những tác phẩm trong giai đoạn vừa qua. Tôi thấy cần có cách nhìn dài một chút về phương hướng đi lên của xã hội chúng ta; con người thay đổi như thế nào, nó đòi hỏi những gì, đời sống nội tâm của con người ra sao ...

Tôi nghĩ có những vấn đề cần đặt ra — tuy anh em ít quan tâm — về phương hướng chiến lược, mà các cơ quan nhà nước cần bỏ công sức ra mà làm, chứ không phải riêng nhà văn. Nó sẽ xây dựng cái nền cơ bản cho văn học ta, mà theo tôi vẫn chưa hoàn chỉnh. Ví dụ như vấn đề tiếng nói, trong đó có vấn đề tiếng nói phổ thông, tiếng nói của các dân tộc trong văn học. Rồi vấn đề dịch văn học của thế giới (ở đây có vấn đề đào tạo cán bộ đấy); ở châu Á, có lẽ ta chỉ quen với Trung Quốc được ít nhiều thôi, còn Ấn Độ,

Nhật Bản và các nước Đông Nam Á, và gần gũi nhất là Căm-pu-chia và Lào hầu như mình chưa dịch và chưa có cán bộ giỏi; ngoài ra còn có văn học của các nước thứ ba, chẳng hạn như cả thế giới A Rập, chúng ta chỉ biết Nghìn lẻ một đêm và mấy nhà thơ thôi, ngoài ra chưa biết gì. Mình muốn xây dựng nền văn học dân tộc thì phải có nền văn hóa độc lập, tự chúng ta đủ sức mở những cánh cửa ra thế giới.

Đại hội cũng nên để thì giờ mà bàn một ít về vấn đề văn học trong nhà trường; đó là vấn đề theo tôi có tầm quan trọng, tuy không nóng hổi nhưng không thể quên.

Còn những vấn đề thiết thân nhất đối với các nhà văn cố nhiên thuộc về sáng tác, trong đó có phương hướng, nội dung. Tuy không phải mất nhiều thì giờ nhưng cũng nên trao đổi về chế độ chính sách đối với nhà văn.

Cuối cùng, cố nhiên Đại hội phải bàn đến tổ chức của Hội nhà văn, đến chuyện sửa đổi điều lệ.

PV: Là người đã nhiều năm làm Tổng thư ký, anh hình dung Tổng thư ký sắp tới phải là người như thế nào?

NĐT: Câu hỏi này của anh thì khó quá.

Có hai đòi hỏi, một về văn học, một về công việc. Thật ra, đứng về văn học, không phải Tổng thư ký là nhà văn tiêu biểu nhất của nền văn học. Đấy là người đảm nhiệm công việc quản lý Hội mà thôi. Thế nhưng vì của đoàn thể nhà văn nên cũng cần phải là một nhà văn thực sự. Vì đã có nơi, do tình hình phức tạp, đến lúc chọn thư ký lại không chọn nhà văn. Mà chọn cái người không phải nhà văn thì không lợi. Nên có một nhà văn và nhà văn này được anh em tin và mến do sự quan hệ với anh em, tấm lòng đối với anh em. Còn đứng về khả năng làm việc thì cố nhiên Tổng thư ký khác với Chủ tịch hay Hội trưởng là người phải quán xuyến công việc hàng ngày. Nên có một người biết làm tổ chức, tức là về tinh thần, có quan tâm đến các nhà văn; có tấm lòng. Còn về khả năng, thì trong một chừng mực nhất định, còn có tập thể anh em làm. Tổng thư ký, tôi nghĩ quan trọng nhất bây giờ chính là vấn đề tấm lòng (có lẽ anh em cũng mong cái đó hơn).

Thật ra Hội nhà văn của ta là một cơ quan nhỏ. Chúng tôi thường đùa nó như con ếch ấy, tiếng to nhưng người thì bé! Không có cái gì cả! Nghèo quá! Sắp tới đây, tổng thư ký phải làm công việc nặng nhọc là lo cho Hội có được cái quỹ, đủ để lo, nếu không được một cách chu đáo thì lấy độ một phần tư hay một phần năm, cái nhu cầu giúp đỡ các nhà văn trên toàn quốc. Trong tình hình kinh tế của ta bây giờ, vấn đề này không phải đơn giản (...).

P.V.: Nhiều nhà văn có ý kiến nên bầu trực tiếp Tổng thư ký, còn ý kiến của anh?

NĐT: Tôi thấy phương án đều có cái lợi riêng. Nếu bầu Tổng thư ký trực tiếp thì có cái lợi là toàn thể anh em được chọn người chủ chốt trong Hội một cách dân chủ. Nhưng trường hợp như vậy thì Tổng thư ký sẽ ngang hàng với Ban chấp hành. Nói một cách dễ hiểu và vui, nó cũng như là Tổng thống Mỹ và... (cười). Nếu xảy ra trường hợp Tổng thư ký có ý kiến riêng, khác với Ban chấp hành thì không phân xử được, phải mời họp Đại hội lại mới xong. Theo tôi, có lẽ cứ nên để cho Ban chấp hành bầu thì hơn. Bởi vì như vậy thì mình tôn trọng tập thể hơn. Thứ hai là, giữa chừng Tổng thư ký chết chẳng hạn, thì Ban chấp hành có thể bầu ngay Tổng thư ký khác, mà không phải triệu tập Đại hội.

P.V.: Anh đánh giá vai trò của Hội nhà văn trong đời sống văn học như thế nào?

NĐT: Dù sao Hội nhà văn chúng ta cũng là một đoàn thể mà công việc chính là chăm lo giúp đỡ các nhà văn viết. Xây dựng nên nền văn học, theo tôi, là việc của cá nhân các nhà văn; Hội chỉ giúp thêm thôi. Thậm chí nói thế này thì cũng có thể có anh em đồng ý, có anh em không: nếu chúng ta may mắn có được những thiên tài lớn, thì có khi những ông ấy chẳng Hội nhà văn gì cả mà vẫn làm cho văn học rất là lớn. Nên quan niệm khả năng của Hội nhà văn một cách vừa phải, khiêm tốn. Theo tôi, đó là một đoàn thể do các nhà văn tự nguyện lập ra với nhau, trước hết là để giúp đỡ lẫn nhau, bảo vệ về quyền lợi chính trị, về đời sống, về phương tiện làm việc. Chứ còn về các vấn đề văn học thì không Hội nhà văn nào có thể quyết được. Trong lĩnh vực văn học, nên theo đúng điều Lê-nin nói một cách rất khôn ngoan, là đừng dùng đa số thống trị thiểu số. Một tác phẩm được Hội nhà văn tặng thưởng tức là đỗ Trạng nguyên, thì không nên. Không nên để Hội nhà văn có quá nhiều quyền đối với các nhà văn, không nên! Không nên để một nhà văn có làm được việc hay không là do có phải là Hội viên hay không, không nên! Không nên để một nhà văn ví dụ bị Hội nhà văn thi hành kỷ luật là coi như cuộc đời nhà văn đó lao đao, vứt bỏ, không nên!

Nên có nhiều tờ báo, nhiều nhà xuất bản không phải của Hội nhà văn để lo về văn học. Đời sống văn học là rộng rãi, là của cả nước. Nếu có những nhà văn không thích vào Hội nhà văn thì làm sao? Tôi biết cũng có những họa sĩ vẫn là hội viên Hội nghệ thuật tạo hình, nhưng chẳng bao giờ đến sinh hoạt cả, anh chỉ lo chuyện sáng tác thôi. Chẳng sao cả. Nên như thế, hơn là quan niệm một đoàn thể quá chặt chẽ. Vì thế cho nên việc lựa chọn anh em vào Ban chấp hành cũng chỉ vừa phải.

**Trích báo Sông Hương số 31 tháng 5&6–1988**

# về một phương diện của quan hệ giữa văn nghệ và chính trị



*Lại Nguyên Ân*

Khi bàn tới những vấn đề không đơn giản như quan hệ giữa văn nghệ và chính trị, thiết tưởng chẳng những cần xét xem *về mặt lôgic luận lý* thì nên quan niệm thế nào cho thỏa đáng, mà còn cần xét xem *về mặt lịch sử*, quan hệ này đã được biểu hiện ra sao, thực chất của nó là gì, v.v... Chính trị cũng như văn nghệ là những phạm trù lịch sử. Chủ thể của cả hai loại hoạt động này đều là con người. Chính trị và văn nghệ không phải là những thực thể tự vận động bên ngoài hoạt động của con người. Tương tác giữa chúng không phải là tương tác máy móc giữa hai sự vật có sự độc lập tự thân. Là biểu hiện sự hoạt động của con người, quan hệ giữa chúng không nhất thành bất biến mà luôn nằm trong một quá trình vận động, biến đổi. Tính chất của quan hệ giữa chúng cũng vậy, nó không như nhau trong các thời kỳ lịch sử, các môi trường xã hội, quốc gia khác nhau.

Về thực chất, quan hệ giữa chính trị và văn nghệ là quan hệ giữa những người cầm quyền, đứng đầu quốc gia, lãnh đạo đất nước và những người sáng tạo văn nghệ, những trí thức sáng tác nghệ thuật. Đó cũng là quan hệ giữa hai loại "bá quyền" trong xã hội: quyền lực hành chính, quyền lực cưỡng chế hết sức mạnh mẽ trong hiệu lực đương thời, tức khắc của nó — một bên, và một bên nữa là "quyền lực" (nếu có thể gọi như vậy, với ít nhiều ước lệ) của tri thức, của các giá trị văn hóa nhân bản. Xu hướng của bá quyền chính trị là áp đặt, chi phối, phổ cập sự điều khiển của mình lên toàn bộ lãnh thổ, toàn bộ cư dân của mình, toàn bộ các lĩnh vực hoạt động trong xã hội của mình, không loại trừ lĩnh vực nào, kể cả lĩnh vực sáng tạo tinh thần, văn hóa, khoa học nghệ thuật. Xu hướng của những người sáng tạo văn hóa văn học nghệ

thuật — đặt trong từ trường cực mạnh của bá quyền chính trị nói trên — là cố gắng giành lấy những khoảng trời rộng rãi để tự do sáng tạo ra những giá trị tinh thần mới, những khám phá mới làm giàu trí thức, làm giàu thêm những giá trị nhân bản, thúc đẩy sự phát triển, sự tiến bộ về mặt xã hội của cộng đồng mình. Xét trong tương quan toàn bộ của quan hệ này, rõ ràng, loại "quyền lực" của giới sáng tạo văn hóa, khoa học, nghệ thuật dù sao cũng ở vào thế yếu, ít nhiều bị động, và xung đột nội tại, mâu thuẫn nội tại của quan hệ này đã có vô số biểu hiện khác nhau trong lịch sử. Nhưng "bá quyền chính trị" không phải là không chịu tác động ngược chiều. Chính sự phát triển của văn hóa, tư tưởng, khoa học, nghệ thuật sẽ góp phần nâng cao trình độ của ý thức xã hội, của "dân trí", làm nảy sinh trong toàn xã hội cái nhu cầu tìm tòi và xác lập một thể chế chính trị hợp lý hơn, tiến bộ hơn.

Trong lịch sử nếu đã từng có bao nhiêu dạng thức thể chế chính trị thì cũng có bấy nhiêu dạng thức quan hệ (thái độ, chính sách) của nhà nước cầm quyền đối với văn hóa, văn nghệ, đối với trí thức sáng tác nghệ thuật và phát minh khoa học. Ngoài ra, tư chất cá nhân của người cầm quyền đôi khi cũng làm cho quan hệ ấy có thêm những diện mạo độc đáo: có kẻ cầm quyền đốt sách, chôn nhà nho, trục xuất văn nghệ sĩ... thì cũng đã từng có các bậc minh quân kiêm mạnh thường quân đứng ra lập sân khấu cung đình, tao đàn cung đình, xa-lông văn hóa cung đình, viện hàn lâm hoàng gia, v.v... Từ đấy mà có một dạng thức văn nghệ đặc biệt (chưa từng có trong văn nghệ khi chưa xuất hiện nhà nước) — đó là văn nghệ chính thống, quan phương (official), văn nghệ được bao cấp bởi bộ máy quan liêu, diễn đạt trực tiếp tiếng nói, quan điểm, ý chí, xu hướng của người cầm quyền. Nói rằng văn nghệ chính thống của một xã hội bao giờ cũng phục tùng, phục vụ những nền tảng những yêu cầu của việc xây dựng và củng cố chế độ ấy — là đúng nếu coi từ "chính thống" là đồng nghĩa với "quan phương" chứ không phải là đồng nghĩa với văn học hợp pháp (legal) dưới một thể chế nào đó. Bởi vì không phải ở bất cứ xã hội có nhà nước nào cũng có văn nghệ quan phương, văn nghệ cung đình. Văn nghệ hợp pháp là văn nghệ không bị nhà nước nghiêm cấm, ngoài ra, nó có thể không hoàn toàn phục tùng, phục vụ cho lợi ích của nhà nước ấy, thậm chí nó lại tạo ra một cơ sở ý thức mới nhằm đưa tới việc cải cách hoặc cách mạng, thay đổi chế độ hiện hành (văn nghệ khai sáng tồn tại hợp pháp dưới thể chế quân chủ, nhưng lại dọn đường cho cách mạng tư sản).

Xã hội loài người có văn nghệ từ rất lâu trước khi có nhà nước. Hình thái ý thức nghệ thuật có từ lâu trước khi có hình thái ý thức chính trị. Ý thức nghệ thuật cũng không bị "cấm cửa" trước các mối quan tâm, các lợi ích chính trị của toàn xã hội. Dù đồng tình hay phản đối ý thức quan phương trên cùng một vấn đề thì nó vẫn đứng ở một chỗ khác so với lập trường quan

phương. Ví dụ cùng "chủ chiến" trong một cuộc chống ngoại xâm, nếu lý do ở ý thức quan phương trước hết là vì sự tồn vong của nhà nước, thì lập trường phi quan phương lại nhìn nó ở sự tồn vong dân tộc, nhân dân, cộng đồng... Ý thức chính trị quan phương (ý thức chính trị của nhà cầm quyền) không độc quyền được toàn bộ ý thức chính trị trong xã hội đương thời hơn nữa trình độ nó lại thường thấp hơn so với trình độ tiến bộ của ý thức chính trị phi quan phương; và chỉ sau một cải cách, một chuyển biến nào đó nó mới được nâng lên theo đòi hỏi của tiến bộ xã hội, nhưng khi đó thì nhu cầu tiến bộ của ý thức ngoài xã hội lại cũng đã được nâng lên một mức mới một yêu cầu mới nữa rồi. Văn nghệ quan phương do vậy bao giờ cũng bị hạn chế về mặt tính nhân dân, bị hạn chế so với yêu cầu tiến bộ xã hội, nó bao giờ cũng hạn hẹp về tầm nhìn, về phạm vi quan tâm về mức đòi hỏi những sự đổi thay, cải biến đối với cuộc sống xã hội. Những nghệ sĩ lớn, dù bị "điều kiện hoá", bị kiềm tỏa trong vòng vây của văn nghệ quan phương, thì thường vẫn không bao giờ chỉ bằng lòng làm "con hát cung đình", làm kẻ diễn đạt tư tưởng và ý chí, lợi ích và mục đích trước mắt của các bậc quân vương, dù là minh quân đi nữa. Trước sau rốt cuộc họ sẽ "vượt rào" để đóng đúng vai trò cần phải có là đại diện thực sự cho lương tri nhân dân, lương tri thời đại, đại diện thực sự cho văn hóa dân tộc (Sự bất hòa của họ khác với một dạng thức "bất hòa" khác, cũng thường nảy sinh ngay trong giới những đứa con ngoan của nghệ thuật quan phương: bất mãn vì không được ban thưởng, cưng chiều như ý). Như vậy, trong lịch sử nếu đã có trường hợp những nghệ sĩ tuyên bố từ chối chính trị thì thực chất đó không phải là sự quay lưng lại chính trị nói chung, mà là sự từ chối chính trị của những người cầm quyền cụ thể. Thêm nữa, sự "tuyên bố" ấy cũng có nghĩa là tỏ rõ một thái độ chính trị nhất định, và việc họ tập trung tư tưởng sáng tác vào một khu vực khác với những khu vực đang là thời sự trong mắt những người cầm quyền — cũng không phải là sự quay lưng lại chính trị nói chung. Đúng ra, điều này lại chứng tỏ họ nhìn thấy những nhu cầu khác của đời sống văn hóa tinh thần vốn là rộng hơn và có thể là còn ở ngoài tầm chú ý của người cầm quyền (Phạm vi quan tâm của chính trị thường là hẹp hơn, và khác với phạm vi quan tâm của nghệ thuật, của văn hóa tinh thần — điều này nhiều ý kiến khác đã nói rõ) .

Quan hệ chứa đựng khả năng nảy sinh mâu thuẫn và xung đột giữa người cầm quyền và giới trí thức sáng tạo nghệ thuật, khoa học, nguy cơ hình thành một loại văn nghệ quan phương không phải đã hoàn toàn mất ý nghĩa ở những nơi mà Đảng Cộng sản đã giành được chính quyền, bắt tay vào cải tạo xã hội và xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Trên thực tế, vấn đề quan hệ giữa đảng cầm quyền và trí thức văn nghệ sĩ là một trong những vấn đề lớn trong chính sách xã hội, trong chiến lược phát triển văn hóa. Nếu như sự nghiệp

cách mạng chân chính của Đảng là cơ sở đầy sức thuyết phục, đã có tác dụng tập hợp đông đảo văn nghệ sĩ dưới ngọn cờ của Đảng, phấn đấu vì Tổ quốc, vì Chủ nghĩa xã hội, thì trên thực tế lịch sử cũng đã có những thiếu sót, sai lầm trong việc xử lý mối quan hệ nói trên. bởi vậy điều cần thiết là nhận ra những cơ chế đã bộc lộ những mặt trái, dẫn tới những thiếu sót và sai lầm ấy.

Trước hết, việc tổ chức các hội sáng tác rập theo cùng một dạng với các cơ quan hành chính sự nghiệp của nhà nước, biến văn nghệ sĩ chuyên nghiệp thành viên chức nhà nước, bên cạnh những mặt tốt, lại bộc lộ những nét trái. Mô hình nhà văn viên chức, nhà văn cán bộ chưa phải là mô hình tốt nhất. Nói đúng ra, mô hình này là sản phẩm rất "chuẩn" của cơ chế quan liêu bao cấp đối với công tác văn hóa văn nghệ. Nó thu hẹp chức năng xã hội của nghệ sĩ, hạn chế ở họ khả năng đại diện cho lương tri nhân dân, cho lợi ích văn hóa dân tộc. Nó hạn chế sự sàng lọc tự nhiên đối với các tài năng, vô tình duy trì và tăng cường trong đội ngũ văn nghệ sĩ cả những người thiếu tài năng, tạo ra sự mất cân đối giữa khả năng đảm bảo khách quan của nền kinh tế xã hội với số lượng quá lớn trong đội ngũ nghệ sĩ chuyên nghiệp.

Thứ hai, việc đối xử san bằng, coi nghệ sĩ như bất cứ loại cán bộ cấp dưới nào với bổn phận tuân thủ, chấp hành v.v.... đã hạn chế khả năng nghiên cứu, phát hiện, dự báo của nghệ sĩ, mặt khác tạo ra sự ngăn cách quá lớn giữa những người lãnh đạo Đảng và Nhà nước với các đại diện ưu tú của trí thức văn hóa nghệ thuật (nếu có những sự xúc tiếp thì thực ra cũng không có sự đối thoại); khả năng đề xuất ra được những nhân vật văn hóa lớn, tiêu biểu trở nên hết sức hạn hẹp, khó khăn.

Thứ ba, những quan điểm đơn giản, thô thiển, mang nặng tính thực dụng về tác dụng xã hội của văn nghệ đã dẫn tới những chủ trương đòi sáng tác phải phục vụ sát vào các chính sách chủ trương nhất thời, cục bộ. Hậu quả là hầu như tách văn nghệ khỏi những vấn đề lớn lao, lâu dài của con người, xã hội dân tộc lịch sử, là tạo điều kiện cho sự tồn tại vững vàng mà vô ích của những nghệ sĩ kém tài, chỉ quen dùng ngòi bút để minh họa cho các chủ trương nhất thời của cấp trên, hạn chế sức phát hiện, đề xuất các vấn đề đáng quan tâm của những nghệ sĩ có nhiều suy nghĩ và tâm huyết v.v...

Những vấn đề trên đây cũng như các vấn đề khác nữa chỉ có thể được giải quyết một cách đồng bộ với việc đổi mới mọi mặt sinh hoạt xã hội, từ quan niệm đến việc làm. Dân chủ hóa sinh hoạt xã hội, dư luận xã hội là cơ sở hết sức quan trọng.

Việc cải tiến tổ chức các hội sáng tác theo hướng là hội nghề nghiệp theo kiểu cơ cấu một tổ chức xã hội (chứ không phải cơ cấu kiểu cơ quan Nhà nước), việc nâng dần khả năng tự đảm bảo độc lập về kinh tế của các hội sáng

tác, việc cải tiến chế độ nhuận bút và thực hiện chế độ bản quyền, tiến đến chỗ người sáng tác có thể sống được bằng nhuận bút, v.v... — là những tiền đề khác nhau nhằm nâng dần tính độc lập và uy tín xã hội của văn nghệ sĩ.

Việc bảo đảm và tạo điều kiện cho sự tự do sáng tạo của văn nghệ sĩ cũng là một loại tiền đề khác, rất quan trọng. Đây là vấn đề có ý nghĩa thực tiễn trước khi là một vấn đề lý luận. Trước đây có một ý niệm khá phổ biến: hình như trong giới những người vạch chính sách quốc gia thì không có sai lầm và (bởi vậy chăng?) giới sáng tác nghệ thuật thì không được mắc sai lầm (trót sai một lần thì gần như bị xã hội chính thức khai trừ vĩnh viễn). Thực tế gần đây đã chứng tỏ tính chất ảo tưởng, ấu trĩ của quan niệm ấy. Cả hai giới nói trên đều có thể mắc sai lầm và có quyền được sai lầm, tất nhiên người sai lầm phải chịu trách nhiệm về mức thiệt hại do mình gây ra, nhưng ở đây cần nhấn mạnh vai trò của việc luận bàn công khai, phê bình công khai, dân chủ. Lĩnh vực sáng tạo nghệ thuật lại cũng cần đến bàn luận, tranh luận công khai xung quanh các tác phẩm, các hiện tượng và vấn đề, bởi ở lĩnh vực này không chỉ cần sự phân biệt đúng — sai mà còn thường xuyên cần những xác định về mức độ, xu hướng, tính chất, v.v...

Với việc nâng cao dần dần vị trí xã hội, uy tín xã hội của văn nghệ sĩ, chúng ta hy vọng rằng đến một lúc nào đó từ đội ngũ văn nghệ sĩ sẽ xuất hiện những nhân vật văn hóa lớn, đủ tư cách đại diện sự cho văn hóa dân tộc, lương tri nhân dân, cho nhu cầu phát triển của con người.

Trong điều kiện đảng Cộng sản cầm quyền, quan hệ giữa những người nắm quyền lực nhà nước và những người sáng tạo văn học nghệ thuật vẫn còn chứa đựng khả năng phát sinh những xung đột, mâu thuẫn, vấn đề, nhưng không phải là hoàn toàn không giải quyết được ở một mức nhất định. Dân chủ hóa các quá trình xã hội, tạo ra một trật tự xã hội mà ở đó quyền quản lý hành chính chỉ nhằm điều chỉnh và đảm bảo (chứ không phải là khống chế, ngăn chặn, vi phạm) quyền sáng tạo ra các giá trị văn hóa tinh thần — đó là những con đường thực tế, phù hợp với xu hướng phát triển lịch sử.

**24–12–87**

**(Trích báo Sông Hương số 31 tháng 5, 6 – 1988)**

# chính trị và văn nghệ: đổi mới hay không đổi mới



*Lữ Phương*

Khi theo dõi những cuộc thảo luận về mối tương quan giữa chính trị và văn nghệ trên báo chí nước ta sau thời kỳ "cửa đã mở", tôi gặp một bài đáng chú ý đăng trên TCCS, số 11-1988 ký tên Lê Xuân Vũ: "Quan hệ giữa văn nghệ và chính trị, không phải là quan hệ giữa hai "bá quyền" trong xã hội. Điều đáng chú ý của bài viết này là ở cái tính chất tổng luận của nó: Nó đã đề cập nhiều ý kiến khác nhau của khá nhiều người để từ đó phác ra cái hướng phải điều chỉnh lại để đi tới đổi mới thật sự. Đối với những ai đã quan tâm sâu sắc đến vấn đề này thì tính chất tổng luận đó rất là cần thiết vì là dịp để họ vượt lên được những phát biểu dị biệt, nhiều khi rất phức tạp rối rắm, để có được một cái nhìn tổng quan, nhờ đó mà biết được đâu là những điều đa số đồng ý có thể kết luận tạm thời, đâu là những bất đồng cần phải thảo luận tiếp. Tôi đã tiếp nhận bài viết của Lê Xuân Vũ trong tinh thần đó, nhưng rất tiếc, tôi đã không được tác giả thuyết phục đến hơn một điều.

Đọc kỹ bài của Lê Xuân Vũ, tôi thấy tác giả đã xâu rất nhiều vấn đề khác nhau và một bó rất hợp lý, vì vậy sự phê phán những vấn đề ấy cũng không thỏa đáng.

*Thứ nhất,* vấn đề "phủ nhận một chiều", "phủ nhận toàn bộ", thành quả "mấy chục năm" văn nghệ ở nước ta mà tác giả cho là xuất phát từ sự "quá trớn", là "thiên lệch".

*Thứ hai,* vấn đề "đặt lại quan hệ giữa văn nghệ và chính trị theo hướng khác", mà nhiều người đã khởi lên (qua chú thích của Lê Xuân Vũ, ta biết được Nguyễn Đăng Mạnh, Ngô Thảo, Lê Ngọc Trà, Hồ Ngọc, Nguyễn Văn Hạnh, Lã Nguyên, Lại Nguyên Ân và nhiều người khác tuy không dẫn tên nhưng có thể đoán ra như Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khắc Viện, Hoàng Trinh, v.v...) — vấn đề này, theo Lê Xuân Vũ, là nhất quán với "cái lối coi khuyết tật ung nhọt trên cơ thể con người là toàn bộ con người" nói trên.

*Thứ ba*, vấn đề "hai bá quyền" trong phát biểu của Lại Nguyên Ân "nhất là Lại Nguyên Ân" với lập luận cho rằng văn nghệ và chính trị là hai "quyền lực" — vấn đề này, theo Lê Xuân Vũ, cũng đã hình thành — "người góp gió, kẻ góp củi" — từ hai vấn đề trên tức là "quá trớn" phủ nhận một chiều và "đặt lại quan hệ giữa văn nghệ và chính trị theo một hướng khác."

Tôi cho rằng các vấn đề trên đây có liên quan nhau, nhưng mỗi vấn đề đều có tính chất riêng biệt, không thể xâu lại bằng một mối dây do tác giả nghĩ ra.

Trước hết, là vấn đề "phủ nhận toàn bộ", "phủ nhận một chiều". Có vấn đề này không? Nếu có thì đến mức độ nào? Những ai đã đưa ra những phủ nhận đó và họ đã phủ nhận những gì trong quá khứ. Quá khứ ấy có phải là toàn bộ "mấy chục năm", văn nghệ ở nước ta hay chỉ là từ 1975 đến nay? Hay chỉ là tập trung vào một sự kiện cụ thể như câu của Hà Xuân Trường: "Gần đây trong nhận xét tình hình văn nghệ những năm qua có khuynh hướng một chiều, gây *ấn tượng* (tôi nhấn mạnh LP) phủ định không đúng, và không công bằng với những việc làm trước đây, chẳng hạn đối với Đại hội Nhà văn lần thứ 3 (xem *TCCS*, số 5–1988)? Có bằng cớ cụ thể nào để cho rằng xu hướng "phủ nhận mấy chục năm qua" liên quan đến việc đụng đến "bản chất đường lối chính trị, đường lối văn nghệ của Đảng" (suốt mấy chục năm qua) hay cũng chỉ dựa vào "*cách nói bao trùm*" (tôi nhấn mạnh LP) cả nền văn nghệ như thế đã gây *ấn tượng* (tôi nhấn mạnh LP) và gây tác hại *khách quan* (tôi nhấn mạnh LP) là phủ nhận. Như Phan Cự Đệ đã phát biểu (TCCS, số 5–1988)?

Tôi nghĩ rằng để làm sáng tỏ vấn đề này một cách nghiêm chỉnh thì phải trả lời toàn bộ những câu hỏi trên một cách cụ thể, có bằng chứng hẳn hoi, chứ không thể căn cứ vào cái gọi là *ấn tượng* hay *cách nói* gây ra "tác hại khách quan" do những phát biểu, nhất là những phát biểu miệng ở các cuộc hội thảo, ở đó người ta không có thì giờ múa cả một màn "thiêu" rồi mới tung cú đấm, phải nói cho được cái "thành tựu" xong rồi mới nói đến những "tồn tại" như trong các nghị quyết. Mà cái cách thức đặt vấn đề của những hội thảo ấy cũng thật là mênh mông: tạp chí *Văn Nghệ* đặt vấn đề "Chính trị và Văn nghệ" còn *TCCS* thì nêu "Văn nghệ ta đổi mới trong sự nghiệp đổi mới của Đảng ta", toàn những chuyện muốn bắt đầu từ đâu cũng được, hay chẳng bắt đầu từ đâu cũng được. Nếu như những người tổ chức chia nhỏ các vấn đề ra — hoặc là đặt rõ ra khi thảo luận — chẳng hạn trước 1975, sau 1975... nói tóm lại là đặt vấn đề một cách cụ thể và có giới hạn, có chuẩn bị để dân có nghiên cứu trước để từ đó mà thảo luận, rồi sau đó có tổng kết để sau đó tiếp tục thì có lẽ sẽ không tạo ra cái "ấn tượng" nào đó để người ta có

thể suy ra mọi thứ, như Từ Sơn đã phát biểu là "vin vào một vài vụ việc cụ thể nào đó rồi thổi lên thành quan điểm" (*TCCS*, số 5-1988).

Theo sự suy nghĩ của tôi thì đối với những người chấp nhận chủ nghĩa xã hội, hai thái độ cực đoan, hoặc là phủ nhận toàn bộ hoặc là chấp nhận toàn bộ chẳng có mấy; còn đa số đều đồng tình với nhận xét sau đây của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh phát biểu trong cuộc gặp gỡ với hơn 100 trí thức, văn nghệ sĩ vào tháng 10-1987: "Trong hai cuộc kháng chiến, các đồng chí đã đóng góp rất nhiều, có tài rất nhiều. Nhưng 10 năm qua thì không được như thế (*Văn Nghệ*, 17-10-1987). Đó là nói về tổng quát, nhưng khi đi sâu vào, nhiều người trong khi chấp nhận những thành quả văn nghệ trong thời kỳ chống Mỹ cũng đã nêu ra những giới hạn của những thành quả ấy, vì đó không phải chỉ là một chiến lược chiến tranh mà còn đi cùng với chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội nữa, cho nên trong những thành tựu của hai chiến lược quyện vào nhau đó cũng đã ẩn náu những giới hạn, những sai lầm mà về sau này khi chiến tranh chấm dứt đã bộc phát khá mạnh. Tôi đã thu hận được điều đó sau khi đọc lại toàn bộ những điều đã phát biểu của nhiều người trong suốt thời gian qua, vì thế tôi nghĩ rằng phần đông văn nghệ sĩ và trí thức ở nước ta đều là những người rất "biết điều", khi suy nghĩ cặn kẽ, không mấy ai lại có ý nghĩ phủ nhận "sạch trơn" từ A cho đến Z—nhất là phủ nhận những đứa con tinh thần đã sinh ra bằng máu thịt của chính mình trong cuộc chiến tranh đó, nhất là đối với những anh em ở miền Nam lúc ấy. Tôi chắc rằng nếu có ai đó khi phát biểu mà không nói rõ điều đó thì cũng không phải vì họ cố ý quên điều đó, hoặc phủ nhận điều đó mà chỉ vì họ nghĩ rằng không phải lúc nào khi phát biểu người ta cũng cứ phải nói ra điều đó.

Chỉ dựa vào một vài ý kiến gọi "ấn tượng" để từ đó suy ra cả một "khuynh hướng" rồi gọi đó là "quá trớn", là "cực đoan"... Lê Xuân Vũ đã tỏ ra rất chủ quan trong lập luận vì không để ý đến những phát biểu khác đã phản bác từ đâu những ấn tượng ấy, thí dụ như ý kiến của Từ Sơn (đã dẫn) hoặc của Thiếu Mai chẳng hạn (Thiếu Mai cho đó là "hơi quá lo lắng", "sợ bị phủ nhận những cái mình đã làm", *TCCS* số 4-1988). Phải chăng là Lê Xuân Vũ muốn cổ xúy cho một thứ chủ nghĩa "lý luận ấn tượng" để từ đó hình thành một thứ "chính trị" ấn tượng?

Mà *giả thử* rằng có hiện tượng "phủ nhận toàn bộ" ấy đi nữa thì phép lôgích nào cho phép Lê Xuân Vũ nối kết hiện tượng đó với cái việc "đặt lại quan hệ giữa văn nghệ và chính trị một cách khác", coi việc "đặt lại vấn đề một cách khác", là "cũng theo cái lối coi những khuyết tật, ung nhọt trên cơ thể con người là toàn bộ con người"? Hóa ra, Nghị quyết Đại hội VI của Đảng đặt lại vấn đề quản lý, đặt lại tư duy kinh tế... cũng là "quá trớn" hay sao? Đặt lại mối quan hệ giữa chính trị và văn nghệ là một thực tế trong toàn

bộ xu thế đặt lại vấn đề ở các nước xã hội chủ nghĩa, cả ở nước chủ nghĩa xã hội đang phải tự nhận thức lại để phát triển về chất lượng, đó là một nhu cầu của lịch sử, chứ chẳng thể là kết quả của bất cứ một cái gì là "quá trớn" cả. Trong văn hóa, văn nghệ cũng vậy. Nếu văn hóa văn nghệ không có vấn đề cần đặt lại thì sao lại phải "cởi trói" và như đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã nói: "Cởi trói ở đây trước hết tôi nghĩ Đảng phải cởi trói" (*Văn Nghệ*, 17-10-1987). Trên tinh thần đó, tôi thấy những phát biểu của những Lê Ngọc Trà, Hồ Ngọc, Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Đăng Mạnh, Ngô Thảo... – Tôi chưa nói đến Lã Nguyên và "nhất là Lại Nguyên Ân" – cũng chỉ nằm trong cái ý định thật minh bạch, không thể nhầm lẫn được, là cái ý định phân biệt cho được sự khác nhau của chính trị và văn nghệ để từ đó lãnh đạo cho sát hợp thôi. Chẳng hạn, Hồ Ngọc đã phân biệt văn nghệ và chính trị với tư cách là hai hình thái *ý thức* để cho rằng sở dĩ văn nghệ của ta còn nghèo nàn là do "chúng ta đã đồng nhất, thậm chí đồng nhất, thậm chí đồng hóa văn nghệ với chính trị, coi văn nghệ là công cụ của chính trị, phục vụ chính trị một cách thô thiển, đơn giản... biến văn nghệ thành vũ khí tuyên truyền, thành tuyên truyền" (*Văn Nghệ* 27-2-1988). Nguyễn Văn Hạnh, tương tự, đã phân biệt chính trị và văn nghệ như "hai lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội", "hai hoạt động khác nhau của con người" để từ đó góp ý về một phương thức lãnh đạo đúng đắn đối với văn nghệ (*Văn Nghệ*, 7-6-1988). Cũng theo ý hướng đó, nhưng Lê Ngọc Trà lại phân biệt chính trị với tư cách là một *chế độ* và chính trị với tư cách là một *hình thái ý thức* (có người cho cách phân biệt này không thỏa đáng như Hồ Sỹ Quý: "Nghĩ thêm về mối quan hệ giữa chính trị và văn nghệ", Tạp chí Nghiên cứu Nghệ thuật, 1988) và viết: "Lâu nay ở ta, một trong những nguyên nhân làm cho văn nghệ nghèo nàn đi là *cách hiểu* (tôi nhấn mạnh LP), nhận thức của lãnh đạo và ngay chính giới sáng tác, lý luận phê bình về mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị (Văn Nghệ, 19-12-1987). Đọc kỹ những bài viết hoặc phát biểu trên—có thể kể thêm, nhưng không cần thiết—chúng ta không hề thấy những tác giả ấy làm cái gì gọi là "góp gió, góp củi" để tạo nên cái nguyên lý tổng quát mà Lê Xuân Vũ nêu lên là "tách rời văn nghệ khỏi chính trị". Phải chăng Lê Xuân Vũ cho rằng phân biệt giữa văn nghệ và chính trị (dù là phân biệt hiện chứng: khác nhau những quan hệ với nhau) là từ tiền khởi của vấn đề đã là tách rời, là "độc lập vô tư", và hơn nữa là "đối nghịch"? Hình như vậy đấy! Nhưng tại sao?

Chúng ta đọc cái tam đoạn luận sau đây của Lê Xuân Vũ: a.– "Chính trị phản ảnh trực tiếp và gắn chặt với cơ sở kinh tế, với lợi ích căn bản của các giai cấp, nên nó có sức mạnh chi phối mọi mặt đời sống tinh thần của xã hội". b.– "Văn nghệ cũng như tất cả mọi hình thái ý thức xã hội khác hợp thành

đời sống tinh thần xã hội." c.– Kết luận: Văn nghệ "đã phát triển dưới tác động lãnh đạo và hướng dẫn của chính trị." Đấy, tất cả những ai đặt vấn đề văn nghệ và chính trị theo *hướng khác* với cái sơ đồ trên đây sẽ là "quá trớn" là "thiếu hụt về mặt phương pháp" là vì như vậy đấy! Phải nói ngay rằng đây chính là *một sai lầm không thể tha thứ được về mặt quan điểm* của Lê Xuân Vũ chứ không phải là về phương pháp. Bởi vì đối với những ai đã biết đến chủ nghĩa Mác thì không phải là *chính trị phản ảnh cơ sở kinh tế* vì vậy nó chi phối đời sống tinh thần xã hội mà chính là *kiến trúc thượng tầng* (trong đó có văn nghệ và chính trị) *phản ánh cơ sở kinh tế,* vì thế hình thái ý thức trong nhiều hình thái ý thức khác của kiến trúc thượng tầng, có quan hệ tác động lẫn nhau trên cơ sở quyết định biện chứng của cơ sở kinh tế (quan hệ sản xuất, quan hệ giai cấp); và cũng chính vì vậy mà chính trị không thể *chi phối* được văn nghệ cũng như ngược lại.

Người ta sẽ không khỏi ngạc nhiên tự hỏi không biết Lê Xuân Vũ đã lấy ở đâu ra cái quan niệm "Chính trị chi phối văn nghệ" ấy. Ở một cái thời kỳ lịch sử nào đó đã qua rồi nhưng vẫn để lại trong ký ức con người những dấu vết không bao giờ xóa được? Hay là trực tiếp từ *những bài phát biểu về văn học nghệ thuật* của Mao Trạch Đông ở Diên An năm 1942 với những câu đại loại: "Mặt trận tư tưởng và mặt trận nghệ thuật phải vâng lời sự định hướng của mặt trận chính trị, vì chỉ có qua chính trị mà những nhu cầu của giai cấp và quần chúng mới tự biểu lộ một cách minh bạch" trong bất cứ xã hội của bất cứ giai cấp nào, tiêu chí chính trị luôn luôn chiếm vai trò thống soái, còn tiêu chí nghệ thuật thì thuộc vào hạng thứ hai" (Phụ lục in trong Roger Garaudy: *Le problème Chinnois, Editions Seighers, tr. 196,* bản Pháp văn: Quang Cheliou)? Và có phải vì vậy mà người ta lại càng thấy cần thiết phải đặt lại rốt ráo cho chính xác mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị như họa sĩ Phan Kế An đã phát biểu trong "hai ngày đáng ghi nhớ mãi": "Những sai lầm hẹp hòi, thiển cận, cứng nhắc, thô bạo đối với văn học nghệ thuật trong một thời kỳ bị ảnh hưởng nặng nề của những quan điểm Maoít mà đến nay chúng ta vẫn còn chưa thật dũng cảm tự phê bình (Văn Nghệ 17-10-1987). Tôi xin nhường câu trả lời này cho những ai am hiểu về sự xâm nhập của chủ nghĩa Mao vào Việt Nam như thế nào. Tôi cũng không hiểu có phải vì tất cả những ai đặt lại vấn đề văn nghệ và chính trị *theo hướng khác* với cái mô hình trên là đã động chạm đến một chỗ nào để thấm sâu nhất của Lê Xuâan Vũ không mà bị tác giả cho là "quá khích", và tôi cũng xin nhường câu trả lời này cho những ai có thể trả lời. Phần tôi, trong phạm vi vấn đế đang đề cập, tôi cho rằng việc Lê Xuân Vũ gán cho những người đặt lại vấn đề *một cách khác ấy* là muốn "đối nghịch" giữa văn nghệ và chính trị, việc làm ấy của Lê Xuân Vũ là không phù hợp với xu thế đổi mới hiện nay. Cách giải quyết vấn

đề quan hệ giữa văn nghệ và chính trị theo phương hướng đổi mới là như thế nào chắc chắn còn phải bàn thêm nữa; nhưng theo tôi, sự phân biệt văn nghệ và chính trị với tư cách là hai hình thái ý thức, hai hoạt động khác nhau, có quan hệ với nhau, nhưng không được đồng hóa, đồng nhất với nhau để chính trị chi phối văn nghệ một cách trực tiếp, thô thiển (như tuyệt đại đa số những phát biểu trong suốt thời gian qua) là hoàn toàn đúng hướng, là hoàn toàn phù hợp với những quan niệm Mácxít về văn học nghệ thuật—những quan niệm Mácxít *chưa bị bóp méo*.

Thế còn sự phê phán của Lê Xuân Vũ đối với Lã Nguyên, "nhất là Lại Nguyên Ân"—cái đinh của bài viết của tác giả trên TCCS, số 11-1988—thì như thế nào? Cũng phải nói rằng ở đây Lê Xuân Vũ cũng không thuyết phục được chúng ta nhiều lắm; bởi vì trong khi phê phán người khác "về mặt tri thức khoa học còn chưa kịp chú ý đến những thiếu hụt sai sót" thì chính đến lượt mình Lê Xuân Vũ lại cũng rơi vào những "thiếu hụt, sai sót"—cực kỳ trầm trọng.

Với quan niệm "chính trị chi phối văn nghệ", Lê Xuân Vũ đã bác lại Lại Nguyên Ân: "Dù có tách ra làm văn nghệ quan phương và văn nghệ hợp pháp thì ngay cả văn nghệ hợp pháp cũng vẫn là "ở trong chính trị" của giai cấp thống trị". Trong khi đó Lại Nguyên Ân viết: "Văn nghệ hợp pháp là văn nghệ không bị nhà nước nghiêm cấm, ngoài ra, nó có thể không hoàn toàn phục tùng, phục vụ cho lợi ích của nhà nước ấy, thậm chí nó lại tạo ra được một cơ sở ý thức mới nhằm đưa tới việc cải cách hoặc cách mạng". Lại Nguyên Ân thí dụ: "Văn nghệ khai sáng tồn tại hợp pháp dưới thể chế quân chủ, nhưng lại dọn đường cho cách mạng tư sản" (Lại Nguyên Ân: "Về một phương diện của quan hệ giữa văn nghệ và chính trị", *Sông Hương*, 31, 1988). Tại sao Lê Xuân Vũ lại phớt lờ cái thí dụ đầy sức nặng đó để cứ bám lấy cho kỳ được cái quan niệm "Ở trong chính trị của giai cấp thống trị" bằng cách phủ nhận sự khác nhau của văn nghệ hợp pháp và văn nghệ quan phương? Bây giờ nếu như có một ai đó nói cho tác giả biết rằng ở thế kỷ 19 có một số sách của Mác và ở thế kỷ 20 có một số tác phẩm của Eluard thì không biết Lê Xuân Vũ sẽ cho những cuốn sách ấy là thuộc loại hợp quan hay quan phương, chúng "ở trong" chính trị của giai cấp" nào và xuất hiện trong điều kiện nào? Chẳng lẽ Lê Xuân Vũ lại không trả lời được?

Tôi phải nói rằng tôi đã ngạc nhiên đến tột độ về cái cách nhét quan phương và hợp pháp vào cái giỏ "ở trong chính trị" một cách thật nhẹ nhàng đến như vậy của Lê Xuân Vũ! Hình như tác giả chẳng hiểu gì về tình hình văn nghệ ở các nước tư bản thì phải? Tôi rất sợ sẽ phải nặng lời, nhưng (trời ơi!) tôi sẽ phải nói thế nào đây khi một lần nữa Lê Xuân Vũ đã hỏi chúng ta rằng "Văn nghệ tư sản thế kỷ 18, 19" chẳng phải là văn nghệ "chính thống",

"phục vụ việc xây dựng và củng cố chế độ đương thời" sao? Chỉ xin hỏi tác giả một câu: Chủ nghĩa hiện thực phê phán trong văn nghệ phương Tây thế kỷ 19 "đã củng cố chế độ đương thời" nào vậy?

Nhắc đến cái "thiếu hụt, sai sót" trên đây của Lê Xuân Vũ, tôi không hề có ý định biện hộ cho toàn bộ luận điểm về hai "bá quyền" của Lại Nguyên Ân khi anh viết: "Về thực chất, quan hệ giữa chính trị và văn nghệ là quan hệ giữa những nhà cầm quyền đứng đầu quốc gia, lãnh đạo đất nước và những người sáng tạo văn nghệ, những trí thức sáng tác nghệ thuật. Đó cũng là quan hệ giữa hai loại "bá quyền" trong xã hội: quyền lực hành chính, quyền lực cưỡng chế hết sức mạnh mẽ trong hiệu lực đương thời, tức khắc của nó – một bên, và một bên nữa là "quyền lực" (nếu có thể gọi như vậy, với ít nhiều ước lệ) của tri thức, của các giá trị văn hóa nhân bản" *(Sông Hương*, 31, trang 52). Tôi cho rằng Lại Nguyên Ân thiếu "chặt chẽ" với mình khi anh sử dụng mấy chữ "quyền lực" cho giới trí thức, văn nghệ sĩ. Quyền lực (pouvoir) chỉ có những người làm chính trị mới có thôi vì "chính trị" đã được nhiều người đồng ý định nghĩa là "khoa học về quyền lực": khi cầm quyền rồi họ có quân đội, có cả một guồng máy trấn áp và cai trị; còn văn nghệ sĩ, với tư cách là người sáng tạo ra những giá trị tinh thần, họ làm gì được có những thứ đó! Cùng lắm nếu có được tài năng, tạo ra được uy thế xã hội, văn nghệ sĩ trí thức chỉ tạo ra một thứ áp lực nào đó thôi, kiểu những *nhóm áp lực* (groupe de pression) mà những ai làm chính trị đều biết. Lại Nguyên Ân không phải không thấy cách dùng chữ kiên cưỡng của mình nên đã đóng ngoặc kép mấy chữ "quyền lực" và cho là "có ít nhiều ước lệ". Nhưng dù sao thì đó cũng chính là cái thiếu "chặt chẽ": anh muốn nâng văn nghệ sĩ lên một tư thế nào đó để đối thoại với những người làm chính trị cho "oai" một chút, nhưng cũng chính vì vậy mà người ta sợ anh đang có một "âm mưu" gì đó! Theo tôi nghĩ thì chẳng cần phải làm như vậy, chúng ta đề nghị: dùng phê bình làm sức mạnh chứ không dùng sức mạnh để phê bình.

Ngoài vấn đề chữ nghĩa trên đây, Lại Nguyên Ân, trong cái lập luận về hai "bá quyền" của mình, có tự bộc lộ điều gì "thiếu hụt, sai sót" để Lê Xuân Vũ phê phán là đã "dựng lên sự đối nghịch của văn nghệ và chính trị" một cách *"nói chung"* và *"luôn luôn"* – kể cả "nơi mà Đảng Cộng sản đã giành được chính quyền"? Chúng ta đã biết trong khi những người như Hồ Ngọc, Nguyễn Văn Hạnh đã phân biệt được chính trị và văn nghệ với tư các là *hai hình thái ý thức* thì Lại Nguyên Ân đã phân biệt chính trị và văn nghệ *về một phương diện*, như cái tựa của bài báo của Lại Nguyên Ân như là *hai quyền lực* (có lẽ nên phân biệt: chính trị là quyền lực, còn văn nghệ sĩ, trí thức là *áp lực*). Vậy thì sự khác nhau giữa cách đặt vấn đề của những người như Hồ Ngọc, Nguyễn văn Hạnh, Lê Ngọc Trà... với cách đặt vấn đề của những người

như Lã Nguyên và Lại Nguyên Ân là như thế nào? Là ở chỗ những người trước đặt vấn đề phân biệt chính trị và văn nghệ trong khuôn khổ *chủ nghĩa xã hội đã hiện thực,* còn những người sau thì đặt vấn đề đó trong những xã hội *chưa có chủ nghĩa xã hội.* Đọc thật kỹ những phát biểu của Lại Nguyên Ân, không ai có thể nhầm lẫn điều này được. Toàn bộ hai trang 52 và 53 trên *Sông Hương* 31, Lại Nguyên Ân đã dùng đi dùng lại nhiều lần những chữ "quan phương", "chính thống", "hợp pháp", "tao đàn cung đình", "con hát cung đình", "xa lông", "văn hóa", "văn vương", "viện hàn lâm hoàng gia", "quân vương", "minh quân", "đốt sách", "chôn học trò", "bung ra" v.v... rõ rệt là không phải nói về giai đoạn "Đảng Cộng sản đã giành được chính quyền". Điều này cũng đã được Lại Nguyên Ân nói thật rõ trong cuộc thảo luận bàn tròn do tuần báo *Văn Nghệ* tổ chức; mấy chữ "bảo trợ", "tao đàn của Lê Thánh Tôn"... cũng chỉ để nói "về quá khứ" *(Văn Nghệ,* 27-2-1988).

Chính vì vậy mà người ta rất đổi ngạc nhiên khi thấy Lê Xuân Vũ vin vào những chữ đó để khẳng định: "Đồng thời nó (lý luận hai "bá quyền") lại nhận định rằng nền văn nghệ ở nước ta cũng ở vào một tình trạng na ná "tao đàn" của văn nghệ quan phương", để chầm chập bênh cho lấy được cái hay của văn nghệ "chính thống" – và ở điểm này Lê Xuân Vũ lại một lần nữa bày tỏ lập trường "chính thống" triệt để của mình bằng cách xếp Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu vào phạm trù "chính thống" "hết biết!" – (nói theo ngôn ngữ Nam bộ). Theo tôi thì Lê Xuân Vũ, ở chỗ này, cũng như ở bất cứ chỗ nào trong bài viết của mình, đã luôn luôn tỏ ra vội vàng, thích nhảy từ cái này sang cái khác, hình như chẳng màng gì đến lôgích của sự kiện, chính vì thế mà không hiểu được ý định của Lại Nguyên Ân. Lại Nguyên Ân đã nêu lên tình trạng *khi* bất đồng, *khi* mâu thuẫn, *khi* đi chung với nhau giữa văn nghệ và chính trị trong những xã hội *trước khi có chủ nghĩa xã hội* (trong trường hợp nào văn nghệ cũng có vị trí *khác nhau*) chứ không phải là luôn luôn luôn đối nghịch, để từ những cái thuộc về "quá khứ" đó liên hệ đến tình trạng chính trị và văn nghệ ở những nơi đã có chủ nghĩa xã hội. Anh đã viết thật rõ (trực tiếp, không ám chỉ) rằng: "Nếu có thể nói về quá khứ như vậy, thì với chủ nghĩa xã hội, *phải chăng trên thực tế* (tôi nhấn mạnh LP) không có vấn đề bất đồng nảy sinh trong quan hệ giữa Đảng cầm quyền với văn nghệ sĩ trí thức" (*Văn Nghệ,* 27-2-1988, tr.2) câu hỏi này đã được anh trả lời sau đó một thời gian sau" Quan hệ chứa đựng *khả năng* (tôi nhấn mạnh LP) nảy sinh mâu thuẫn và xung đột giữa người cầm quyền và giới trí thức, sáng tạo nghệ thuật, khoa học, *nguy cơ hình thành* (tôi nhấn mạnh LP) loại văn nghệ quan phương *không phải là hoàn toàn* mất ý nghĩa ở những nơi mà Đảng Cộng sản đã giành được chính quyền, bắt tay vào cải tạo xã hội và xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa" (*Sông Hương,* 31, tr. 54). Rõ rệt là có đặt câu hỏi, có đặt vấn

đề, có khẳng định tình hình mâu thuẫn giữa những người cầm quyền và văn nghệ sĩ trí thức trong chế độ xã hội chủ nghĩa, nhưng cũng rõ ràng nữa là chỉ giới hạn ở những gợi ý, những liên hệ, báo động nguy cơ, những khả năng, những cái "không phải mất hoàn toàn ý nghĩa", chứ không hề là "dựng lên" những "đối nghịch" ấy một cách "luôn luôn", nghĩa là vĩnh viễn toàn diện như Lê Xuân Vũ đã đặt ra câu hỏi "chẳng lẽ nhà nước ta và nhân dân ta, văn nghệ ta và nhân dân ta ngày nay vẫn ở thế "lưỡng lập" theo kiểu hai "bá quyền" văn nghệ và chính trị *luôn luôn* (tôi nhấn mạnh LP) mâu thuẫn và xung đột nhau?"

Tôi cho rằng nếu để ý đến mấy chữ "về một phương diện" trên cái nhan đề bài báo của Lại Nguyên Ân ("Về Một phương diện của quan hệ giữa văn nghệ và chính trị") và hiểu biết *liên hệ* đặt vấn đề của anh, bình tĩnh nhìn vào thực tế ở những nước xã hội chủ nghĩa và cả ở nước ta nữa, chúng ta sẽ thấy cách đặt vấn đề của Lại Nguyên Ân rất đáng quan tâm, rất bổ ích để đặt vấn đề đổi mới cho mối quan hệ giữa chính trị và văn nghệ. Nhưng từ đâu, Lê Xuân Vũ đã không chấp nhận một cách đặt vấn đề nào "theo một hướng khác" với cái "hướng" của mình cho nên ở đây tác giả càng có lý do để phủ nhận cách đặt vấn đề khá bạo (chưa phải bạo lắm đâu) của Lại Nguyên Ân: phủ nhận bằng cách xuyên tạc (luận điệu "luôn luôn đối nghịch") và phủ nhận bằng không thèm nhìn vào thực tế để xem cách đặt vấn đề có cơ sở gì không, Lê Xuân Vũ làm bộ như không biết (chẳng lẽ không biết thật sao?) cả *một mảng bóng đen* (tôi phải nhấn mạnh mấy chữ một mảng kẻo có ai đó nói tôi bôi đen "sạch trơn" đã phủ lên xã hội chủ nghĩa hiện thực trong suốt cả một thời gian dài trước khi có "cải tổ". Hiện tượng Staline (né làm gì cái chuyện mà ai cũng biết rồi) ở Liên Xô trong những năm 30 của thế kỷ này là có ý nghĩa gì? Sẽ giải thích thế nào về hiện tượng đó nếu cứ nhất định cho rằng mọi việc trong chế độ chúng ta cơ bản là tốt đẹp, không hề có bi kịch và bi kịch khốc liệt". Và cũng sẽ giải thích thế nào khi những điều cực kỳ đau đớn đó xảy ra ở những nơi không còn giai cấp đối kháng nữa? Ở những năm tháng ấy đã chẳng có xung đột và mâu thuẫn giữa những người cầm quyền và văn nghệ sĩ trí thức hay sao? Sẽ phải giải quyết những mâu thuẫn và xung đột ấy như thế nào? Để cho lịch sử mai sau khỏi phải ghi lại những trang viết về sự giằng xé nội tâm của những người đã hy sinh suốt đời cho chủ nghĩa xã hội rồi sau đó lại bị những lực lượng nhân danh chủ nghĩa xã hội lăng nhục, đọa đày – bị lăng nhục đọa đày mà không biết xử sự ra sao cho đúng với cái lý tưởng mà mình không thể từ bỏ được: im lặng thì gọi là "hèn", còn chống lại thì chống như thế nào khi kẻ thù giai cấp vẫn chực chờ sẵn có? Chẳng lẽ nhà "lý luận" Lê Xuân Vũ khi nói đủ thứ về đổi mới" lại làm lơ với cái hiện thực lớn đã nảy sinh ra từ bản thân chủ nghĩa xã hội hiện thực?

Ở đất nước ta, không có hiện tượng Staline cụ thể, nhưng có bị ảnh hưởng chủ nghĩa Staline hay không (và cả chủ nghĩa Mao nữa)? có hay không có khi mà cả một thời kỳ những thứ chủ nghĩa này đã trở thành những *hình mẫu* cho toàn thế giới? Chúng ta có bị ảnh hưởng những thứ chủ nghĩa đó hay không, ảnh hưởng đến mức nào và chúng ta đã *cưỡng lại* đến mức nào? Đó chẳng phải là những câu hỏi cần soi sáng hay sao? Làm sao không trả lời những câu hỏi ấy khi chính đó lại là những câu hỏi căn bản, những câu hỏi có thực mà nếu không trả lời cho thỏa đáng thì cũng sẽ không có đổi mới đích thực? Chẳng lẽ nhà lý luận Lê Xuân Vũ chẳng bao giờ nghĩ đến những vấn đề đó hay sao?

Nhưng dù thế nào đi nữa thì làm sao có thể cho rằng mọi cái ở ta "cơ bản" đều tốt đẹp? Đại hội VI của Đảng đã chẳng từng thẳng thắn thừa nhận "những chủ trương chiến lược sai lầm" như lời đồng chí Tổng bí thư đã nói hay sao (xem "Phát biểu của đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh" trong Hội nghị lần thứ năm BCHTUĐ khóa VI, *TCCS*, số 7–1988, tr.11)? Sự "ảo tưởng ngây thơ" về mọi cái đều tốt đẹp trong chủ nghĩa xã hội đã chẳng từng được đồng chí Nguyễn Văn Linh thẳng thắn vạch ra đó hay sao (*Văn Nghệ*, 17–10–1987)? Trong văn nghệ, làm sao phủ nhận được những mâu thuẫn đã tác động vào tâm trạng văn nghệ sĩ và trí thức khi nhà văn Nguyễn Khải đã nói đến cái sức cưỡng lại vào hiện thực đối với những chính sách chủ trương của Đảng (*Văn Nghệ*, 27–2–1988). Và cái thái độ "lãng mạn" "uốn éo" đối với hiện thực cho hợp với những chủ trương chính sách sai lầm là gì nếu không phải là né tránh "đụng chạm đến "nhà" quan liêu mệnh lệnh nào đó đương chức, đương quyền" như đồng chí Nguyễn Văn Linh đã nói *(Văn Nghệ*, 17–10–1987)? Cái xu hướng mà Lê Xuân Vũ nói đến là "nhà nước hóa" văn nghệ là gì nếu không phải là xu hướng hình thành một thứ văn nghệ quan phương chỉ biết ca ngợi một chiều, bất chấp sự kiện, bất chấp thực tế?

Chẳng lẽ đối với những việc sờ sờ ra đó, mọi người đều thấy, đều biết và Đảng lãnh đạo cũng thẳng thắn thừa nhận, Lê Xuân Vũ lại không thấy hay sao? Mà nếu không thấy cho được những mâu thuẫn căn bản đó thì liệu đổi mới còn có ý nghĩa gì? Lại Nguyên Ân nêu ra những mâu thuẫn ấy cũng chính là nêu ra những cái đương nhiên đó, không phải để kéo dài mãi ("luôn luôn" như Lê Xuân Vũ nói) mà chính là để tìm cách chấm dứt những mâu thuẫn ấy. Đó là những suy nghĩ cũng đúng đường chứ chẳng có gì là "phạm thượng" là phủ nhận sạch trơn.

Tôi nghĩ rằng tất cả những ý kiến của Lã Nguyên, Lại Nguyên Ân cũng như tất cả những ý kiến của những Lê Ngọc Trà, Nguyễn Văn Hạnh, Hồ Ngọc và rất nhiều người khác, rộ lên sau Đại hội VI của Đảng và sau Nghị quyết 5 của Bộ chính trị đều là những ý kiến phong phú, đầy tâm huyết, đầy

tinh thần trách nhiệm của những công dân, người này nói mặt này, người kia nói mặt khác, có chỗ chưa chặt chẽ, có những vấn đề đi thật sâu, nhưng nhìn chung lại, những ý kiến ấy đều xuất phát từ những mâu thuẫn có thực của cuộc sống, những mâu thuẫn có thực trong văn nghệ từ 1975 đến nay, những ý kiến mà tất cả những ai quan tâm đến sự nghiệp đổi mới của đất nước, nhất là những người có trách nhiệm hình thành chính sách, hình thành đường lối *theo phương hướng đổi mới* đều không thể không lắng nghe chăm chú để từ đó qua những cái khác nhau tìm ra được cái *hạt nhân hợp lý* của vấn đề. Những ý kiến để xuất cách giải quyết vấn đề của văn nghệ sĩ trí thức cũng rất thẳng thắn, rất dũng cảm, tuy chưa dựa được vào một hệ thống lý luận nhất quán về đổi mới, nhưng nhìn chung đều xuất phát từ một tinh thần phê phán mácxít chân chính là muốn từ bỏ một cách nghiêm chỉnh những cách hiểu chủ nghĩa Mác một cách phiến diện, què quặt, giáo điều, méo mó, lệch lạc... đã chi phối rất mạnh đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta cũng như ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác trong một thời gian dài, gây ra những "sai lầm chiến lược" với những hậu quả cực kỳ tai hại. Đọc lại tất cả những gì văn nghệ sĩ trí thức đã phát biểu về mối tương quan giữa chính trị và văn nghệ trong thời gian qua tôi nhận ra được cái cốt lõi của vấn đề đó, rất mácxít, phù hợp với đường lối đổi mới của Đảng chứ không hề "bung ra" theo một ý nghĩa tiêu cực như Lê Xuân Vũ đã "quá lo lắng" (chữ của Thiếu Mai).

Tất nhiên ai cũng hiểu đổi mới là một sự nghiệp khó khăn phức tạp, không bỗng chốc mà có ngay được những lời giải đáp hoàn toàn thỏa đáng. Vì thế sẽ còn phải thảo luận thêm và Đảng phải *bình tĩnh lãnh đạo thảo luận thêm* để đưa đổi mới lên một *chất lượng mới*. Vấn đề phát huy dân chủ trong thảo luận không hề mang ý nghĩa là vô chính phủ vì từ bản thân nó dân chủ đã là có trật tự, có tổ chức. Vì vậy chỉ có đẩy mạnh được việc chống lại hỗn loạn vô chính phủ. Không thể dựa vào những *báo động giả* của một ai đó để hạn chế việc phát huy dân chủ, kềm hãm đổi mới.

Từ những suy nghĩ trên tôi cho rằng bài viết của Lê Xuân Vũ đăng trên *TCCS*, số 11–1988 là một bài viết có tác dụng một *báo động giả*. Để đạt cho kỳ được cái mục đích *báo động giả* ấy, tác giả của bài báo ấy đã bất chấp phương pháp lý luận thông thường trong việc tôn trọng tính khách quan, tính lôgích để lý giải các hiện tượng. Quan điểm của tác giả bài báo ấy là một quan điểm *phi mácxít*, một thứ quan điểm mácxít đã bị *méo mó*. Đó là một bài viết nhân danh "đổi mới" để cản đường Đổi Mới.

**Trích tạp chí Sông Hương số 36 tháng 3&4–89**

**5–1–1989**

# cái hèn của người cầm bút



*Phạm Xuân Nguyên*

"Cái hèn" này, gần đây, đã được một số người nói đến khi nhìn lại một giai đoạn văn học vừa qua. Nhưng tôi có cảm tưởng các tác giả đó chỉ mới đủ dũng cảm để dám nói về "cái hèn" của mình do từ bên ngoài mình đưa tới mà thôi. Nghĩa là hoàn cảnh, không khí của một thời không thuận lợi cho người cầm bút, buộc họ luôn phải sợ hãi, nơm nớp cho số phận mình, phải dè dặt, canh chừng cho ngòi bút mình, từ đó đưa đến "cái hèn" của nhân cách người viết. Người khác làm cho mình sợ mà trở nên hèn! Hoàn cảnh của đời sống văn học trước đây bị phê phán chính từ phía này. Điều đó đúng nhưng không đủ. Và sẽ là thiếu sót, sẽ là không toàn diện, nếu các bài viết đánh giá quá khứ chỉ bằng lòng dừng lại ở mức độ phê phán cái bên ngoài, hoàn cảnh bên ngoài như vậy. Chúng ta là những người theo chủ nghĩa Mác, do đó chúng ta phải có tinh thần biện chứng khách quan và lịch sử. Trong mối quan hệ hoàn cảnh và tính cách, Mác đòi hỏi phải cải tạo hoàn cảnh để có "tính người hơn", mặt khác Mác cũng nhấn mạnh đến tính tích cực chủ động của tính cách trở lại hoàn cảnh. Và Mác đã dạy: "Căn bản nghĩa là xét sự vật tận gốc rễ của nó. Mà gốc rễ của con người chính là bản thân con người". Nói đến tình trạng kém phát triển hoặc phát triển không đồng đều của văn học ta giai đoạn trước không thể không đụng chạm đến chính ngay sự kém cỏi của người cầm bút. Sự kém cỏi đây tôi muốn nói là "cái hèn" do chính những người cầm bút gây ra cho mình. Mình tự làm hèn mình!

Văn học cách mạng Việt Nam có một Nguyễn Tuân. Chúng ta có thể tự hào cho Nguyễn Tuân, tự hào về Nguyễn Tuân, tự hào vì Nguyễn Tuân, nhưng chúng ta không thể lấy Nguyễn Tuân để làm niềm tự hào thay cho

mình được. Bởi một lẽ: Nguyễn Tuân không muốn và không tự làm hèn mình đi như phần đông chúng ta. Nguyễn Tuân mất, hàng loạt bài viết ca tụng văn tài ông, đặc biệt ca tụng phẩm chất cương trực, thẳng thắn của ông, ca tụng cái đức "không chịu hèn" của một người cầm bút trung thành với chính mình. Vẻ vang cho ông và cũng may mắn cho ông biết bao! Ông chết thật hợp thời — cái thời cho phép những đồng nghiệp của ông được nói thoải mái về ông như chính ông vốn có và như điều họ nghĩ về ông. Mừng cho sự ra đi đầy vinh quang của Nguyễn Tuân, có người nhớ lại tiếc cho Xuân Diệu mất sớm hai năm trước không hưởng được đầy đủ những lời ngợi khen mình đích thực... Thế đấy, "cái hèn" tự trong mình mà ra. Thôi thì thà im lặng, thà chịu mang lỗi với vong linh người đã khuất, chứ ít ai dám vượt lên mình để nêu cao một giá trị, khẳng định một nhân cách. Mặc dù cái gọi là hoàn cảnh bên ngoài ràng buộc ở đây không phải đến mức như tưởng tượng lo sợ.

Nhiều người đã nói đến sự cấm đoán, bắt bẻ, kiểm soát từ trên xuống đối với những trang viết. Nhưng có phải vì thế mà người cầm bút tự cho mình "được hèn" để viết xuôi chiều, dễ dãi không? Vấn đề ở đây không nên hoàn toàn đổ lỗi cho hoàn cảnh, cho lãnh đạo. Nguyên nhân chính phải tìm ở trong mình. Nguyễn Tuân không chiều ai, không lụy ai, ông cứ lừng lững đi tới trong cuộc đời và trong văn học, ông chỉ tôn thờ một sức mạnh duy nhất: sức mạnh của cái thật và cái đẹp. Xuân Diệu có nơi phải rào đón, phải né tránh, nhưng cái gì ông có, cái gì là của ông thì không giấu được, bằng cách này hay cách khác ông phải nói ra, phải lộ ra cho mọi người nghe và thấy. Nói thực ra hai ông cũng đã có một lúc, như nhiều người cầm bút khác, muốn chối bỏ mình, cắt đứt mình giữa cái hôm qua và cái hôm nay, giữa thời "tiền chiến" và thời cách mạng. Nhưng bằng chính bản chất con người và bản lĩnh nghệ sĩ của mình, hai ông đã hiểu cách mạng, chấp nhận đi với cách mạng đến tận cùng cá tính sáng tạo đích thực của tài năng mình. Cho nên giả dụ Nguyễn Tuân, Xuân Diệu khi nằm xuống chưa được đánh giá đúng, chưa được hiểu kỹ hiểu sâu thì thời gian và công chúng sẽ trả lại chân giá trị cho các ông dựa trên những trang sách thật mình của các ông để lại. Còn những người cầm bút khác thì không được như thế. Họ cam chịu hèn nên họ đánh mất mình. Tôi cứ có cảm giác tiếc. Giá như bây giờ bên cạnh những lời chỉ trích, phê phán lớn tiếng đối với quá khứ, có được một số tác phẩm viết ngay từ hồi ấy đem in ra. Buồn thay có rất ít những tác phẩm như thế hoặc là hầu như không có chúng. Những người cầm bút chúng ta tính hiền quá, bản lĩnh thường quá, nên không phải là không thấy không nghĩ trước thực tế cuộc sống, nhưng hoặc là im lặng không dám viết, hoặc là viết không đúng với điều mình tâm niệm. Những ngày này chúng ta hay nhắc đến Nam Cao. Bài học đời văn của Nam Cao, theo tôi, trước hết là sự trung thực của ngòi bút đối với chính

mình, với sự thật Nam Cao, cũng như Lỗ Tấn, từng đã bị chửi mắng, bị dọa đánh khi những hình tượng văn học do ông xây dựng nên mang những nét bản chất, điển hình của nhiều trường hợp xã hội. Nếu sợ, ông có thể viết khác đi, quay tráo ngòi bút lại. Nếu hèn, ông có thể thôi viết, giữ lấy cái sự yên thân. Nhưng không, thiên chức và trách nhiệm của một người cầm bút chân chính đã buộc ông phải tiếp tục viết cái cần phải viết, dù có vì thế mà ông phải chuốc thêm nhiều sự khó khăn, phiền toái. Ngẫm cho kỹ, toàn bộ các tác phẩm Nam Cao viết về người trí thức cũng chỉ xoay quanh một chủ đề duy nhất là căn bệnh "mình tự làm hèn mình" của tầng lớp này. Vì cái hèn tự thân đó, nên những Điền, Hộ, Thừa, Thứ... suốt đời chỉ biết cam chịu số phận, nhẫn nhục với hoàn cảnh, tự ru ngủ với những ảo tưởng, mơ ước suông mà không đạt đến một cái gì cụ thể, có thực. Nam Cao ý thức rất rõ căn bệnh này của tầng lớp mình và cũng rất có ý thức ông cố gắng vượt lên mình, chiến thắng bản thân mình để tác phẩm viết ra trung thành với hiện thực cuộc sống. Nhà văn đứng cao hơn các nhân vật của mình và những trang viết của ông là một bằng chứng sinh động về sự dũng cảm của người cầm bút trước thực tại xã hội. Nam Cao còn lại cho chúng ta suy tôn hôm nay phần lớn là ở chỗ đó. Ca ngợi ông, đồng thời chúng ta thấy xấu hổ trước ông vì không được như ông dám công khai thừa nhận cái hèn, cái yếu của mình.

Nhân đây tôi muốn nhắc đến một tình hình ở Liên Xô để chúng ta cũng suy nghĩ. Cải tổ trong văn học Liên Xô hiện nay có một mặt là cho công bố một loạt những tác phẩm được viết ra trong các giai đoạn trước đây mà không được in. Các nhà văn Xô Viết sống trong những hoàn cảnh hết sức phức tạp, khó khăn của những năm 30, những năm 50–60 vẫn trung thực tận cùng với chính mình, với bổn phận cao quý của người cầm bút dám viết nên những tác phẩm xuất sắc, phản ảnh chân thực cuộc sống và con người những thời kỳ lịch sử ấy, bất chấp mọi sự đàn áp, đe dọa, thậm chí cả lao tù, khổ nhục. Trường hợp B. Paxtécnhắc và tiểu thuyết "*Bác sĩ Zivagô*" ai cũng đã rõ. Hay lấy thí dụ nhà thơ đương đại đang rất nổi tiếng là Épghênhi Éptusencô. Báo "Tuần lễ" số ra tháng 11–1987 vừa đăng bài thơ của ông nhan đề "*Những kẻ thừa kế Xtalin*" viết từ năm 1962. Một phần tư thế kỷ đã trôi qua giữa thời điểm bài thơ viết ra và thời điểm nó được đăng lên. Những điều quan trọng và có ý nghĩa là E. Éptusencô đã viết bài thơ này vào chính hồi có. Khi ấy E. Éptusencô chưa phải đã có tiếng tăm, chỉ mới nổi lên trong làn sóng thơ "tạp kỷ", nhưng với sự nhạy cảm của một nhà thơ và với tinh thần dũng cảm của một công dân, ông đã dám viết điều mình thấy mình nghĩ. Nhân việc quan tài của Xtalin bị đưa ra khỏi Lăng, nhà thơ nêu lên một vấn đề mang tính tư tưởng chính trị lớn: làm sao mang được Xtalin ra khỏi những kẻ thừa kế Xtalin? Bởi vì những kẻ này:

*Một số về hưu trồng hoa chơi cảnh*
*Nhưng vẫn cho rằng hưu chỉ tạm thôi*
*Số khác lên diễn đàn chửi Xtalin hết lời*
*Nhưng đêm đêm vẫn nhớ về thời cũ*
*Bài thơ kết thúc bằng một nỗi lo của tác giả.*
*Chừng nào những kẻ thừa kế Xtalin còn đó*
*Thì tôi cho rằng Xtalin vẫn còn ở trong Lăng.*

Thật mạnh bạo, quyết liệt ở tính cách của người cầm bút này? Dù bài thơ không được in ngay khi đó, bây giờ in ra giá trị thời sự và giá trị nhân văn của nó vẫn lớn, nó càng làm vẻ vang thêm cho tài năng nhà thơ. Còn ở Ta-xin hãy nghe một lời tâm sự: "Tôi bèn đem những bài thơ riêng chưa in của mình trước đây ra đọc. Những bài thơ trước đây tưởng như sâu sắc lắm, hóa ra lại không đạt tới những điều hôm nay có thể in, có thể nói" (Vân Long, báo Văn Nghệ số 47–48, 21-11-1987). Vấn đề ở đây là bản lĩnh và tầm vóc của người cầm bút, tức là nội lực chủ động của anh, chứ không phải cứ thụ động ngồi chờ cái "hích" từ bên ngoài rồi khi được thì hoan hỷ tâng bốc, khi không được thì trách móc đổ lỗi.

Trong bài nói chuyện với các văn nghệ sĩ gần đây, đồng chí Tổng bí thư nói: "*Tôi có cảm giác trong hơn mười năm qua* (từ khi nước nhà thống nhất, cả nước đi vào xây dựng chủ nghĩa xã hội), *so với hai cuộc kháng chiến trước đó thành tựu của văn học nghệ thuật của chúng ta còn nghèo. Trong hai cuộc kháng chiến, các đồng chí đã đóng góp rất nhiều, có công rất nhiều, có tài rất nhiều. Nhưng mười năm qua thì không được như thế. Tôi nói nghèo là vì như vậy*". Bài tường thuật còn ghi thêm ý đồng chí Tổng bí thư nói là, *nếu không đúng thế thì tôi mừng, còn nếu đúng thế thì tại sao*? Thật rõ ràng. Đây là một cuộc đối thoại dân chủ, thẳng thắn, cởi mở, trong đó đồng chí Tổng bí thư chỉ nêu lên một cảm giác (tôi nhấn mạnh — PXN) của mình và chờ nghe ý kiến bàn bạc, trao đổi của các văn nghệ sĩ chứ không hề là một nhận định có tính áp đặt, bắt buộc phải tuân theo. Một số người đã trả lời thẳng câu hỏi đó của đồng chí Tổng bí thư: văn học nghệ thuật của ta từ hơn mười năm nay nghèo thật. Hãy để sang một bên việc đánh giá tình hình văn học như thế nào, tôi chỉ muốn nói đến thái độ của người cầm bút trong trường hợp này. Anh nói "nghèo" và trước đồng chí giữ vị trí cao nhất của Đảng anh đã dám nêu ra nguyên nhân của nó là hệ thống quan niệm và lãnh đạo văn nghệ chưa phù hợp, chưa đặc trưng. Và nên nhớ đây là chỉ nói khoanh lại trong khoảng thời gian hơn mười năm kể từ ngày giải phóng đất nước. Như thế mặc nhiên có thể hiểu là anh đặt văn học nghệ thuật trong hai cuộc kháng chiến trước đây vào phạm trù "giàu" và tìm ra nguyên nhân của nó khác với trên. Nhưng đọc một số bài viết gần đây của những người có tham gia cuộc gặp tôi thấy

người viết có ý như phủ nhận gần hết thành quả của văn học hai cuộc kháng chiến, cho nó gần như là không có gì vì nào là minh họa, nào là sơ lược, nào là một chiều và quy tất cả nguyên nhân lại vẫn là do bị lãnh đạo không đúng. Có một cái gì không lôgích ở chỗ này. Và cái không lôgích đó, tôi nghĩ, vẫn là từ "cái hèn" tự thân cố hữu của người cầm bút mà ra. Rồi đây việc đánh giá lại các giai đoạn phát triển văn học nghệ thuật sẽ phải được làm với một tinh thần khách quan, lịch sử và khoa học. Nhưng dù thế nào, người cầm bút cũng phải xác định được rõ cho mình chỗ đứng của người trong cuộc và trách nhiệm bản thân về chỗ đứng ấy, chứ không nên đổ cho người khác là thủ phạm chính, còn anh vốn mạnh nhưng vì cùng đường bí lối nên hóa hèn. Anh tuyên bố dõng dạc, hùng hồn: hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh họa! Được thôi, nhưng cái giai đoạn ấy do đâu mà có? Do lãnh đạo, do từ trên ấn xuống, do một cái hành lang thấp và hẹp được vạch sẵn, do các sự quy chụp v.v... đồng ý, nhưng tập hợp nhiều cái "do" ấy đều là ở ngoài anh, chúng có thể gây trở ngại và kìm hãm rất lớn, tuy nhiên tác hại của những cái đó tăng lên chính là do anh không dám là chính anh, do anh không tự trở thành là mình. Xécvăngtét tạo ra Đông ky sốt, Lỗ Tấn tạo ra A.Q. được nổi danh không ở chỗ nói cái xấu hay không nói cái xấu của dân tộc mình, mà ở chỗ họ thấy được sự thật đó và đã nói được nó lên. Cố nhiên cần phải mở không gian rộng rãi tạo điều kiện thuận lợi cho các tài năng cầm bút tự do phát triển. Nhưng xưa nay những tài năng chân chính, đích thực không bao giờ tự bó hẹp mình, tự chôn vùi mình dù trong hoàn cảnh nào. Không một quyền uy nào, một áp lực nào của bất kỳ ai có thể buộc được người cầm bút xã hội chủ nghĩa phải bẻ cong ngòi bút của mình, nếu chính người cầm bút không tự bắt mình phải bẻ cong ngòi bút.

**12–1987**

**(Trích tạp chí Sông Hương số 31 tháng 5, 6 – 1988)**

# đoàn kết thật sự dân chủ thật sự đổi mới thật sự



*Nguyễn Đăng Mạnh*

Hiện nay trong giới văn học đang diễn ra nhiều cuộc tranh luận sôi nổi (chỉ được phản ảnh phần nào trên báo chí). Những cuộc tranh luận này càng sáp vào việc chuẩn bị cho Đại hội Nhà văn lần thứ 4, càng trở nên gay gắt hơn và người ta càng thấy rõ hơn những gì ẩn đằng sau những ý kiến đối lập. Có người bắt đầu thiếu bình tĩnh. Họ đưa ra nhiều ngôn từ không được nhã lắm để quy kết cho nhau, thậm chí đòi xem xét lý lịch, xét lại nhân cách của người này, người khác... Có lẽ ai cũng thấy không nên đưa ra những chữ nghĩa nặng nề ấy làm gì, một là tỏ ra thiếu tôn trọng lẫn nhau, hai là nhiều chữ nghĩa gần đây đã trở thành mất thiêng rồi. Chẳng hạn, người chống đổi mới lại nhân danh đổi mới, người bè phái lại nói chống bè phái, người cơ hội chủ nghĩa nổi tiếng lại quy kết người khác cơ hội chủ nghĩa, người thiếu trung trực lại kêu gọi lòng trung trực, người chữ tâm rất mỏng manh lại ra sức phê phán người khác là thiếu tâm v.v... Những người như thế cũng không có nhiều đâu. Nhưng họ to tiếng quá, ồn ào quá, làm cho một số người đọc do không hiểu rõ thực trạng văn học đang chuyển biến hiện nay đâm ra hoang mang.

Bây giờ thì ai cũng nói đổi mới cả. Nhưng đổi mới là gì cũng nên quan niệm rõ. Tôi nghĩ rằng, đổi mới thực chất là nghĩ đúng và làm đúng quy luật khách quan của sự vật. Cái gọi là cũ không phải là cái thuộc thời cũ mà là cái không phù hợp với quy luật khách quan. Bây giờ trên tinh thần đổi mới phải phân tích những cái đó với tinh thần phê phán để từ nay làm cho đúng, đó là mới. Cho nên đổi mới là vấn đề khoa học. Nhưng nghĩ và làm cho đúng, cho khoa học, đâu có dễ. Hiểu được quy luật khó lắm. Đồng chí Trần Trọng Tân nói đúng: "Đổi mới như thế nào thì đang mò mẫm" (Nhân Dân, số 12382, 7–6–1988). Vậy phải để bàn bạc dân chủ mới ra nhẽ được. Lĩnh vực

kinh tế, chính trị đã phức tạp, lĩnh vực văn nghệ còn phức tạp hơn nhiều. Trong tranh luận, đối chọi ý kiến là bình thường, không thế, sao gọi là tranh luận. Nhưng phải tìm hiểu đúng ý kiến của người khác, tránh chụp mũ, quy kết. Tôi cho chụp mũ, quy kết là một hiện tượng thiếu lành mạnh trong thảo luận khoa học.

Theo dõi những cuộc tranh luận gần đây, tôi thấy các ý kiến thường xoay quanh hai vấn đề sau:

1/ Đánh giá lại thời kỳ văn học 1945 – 1975.

2/ Đánh giá tình hình văn học từ sau Đại hội Đảng lần thứ VI đến nay.

Chung quanh vấn đề thứ nhất, cuộc tranh luận bắt đầu nổ ra từ cuối năm 1987. Hồi ấy, có một người bỗng giương lên lá cờ "chống phủ nhận nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa của chúng ta", còn gọi là "chống phủ nhận quá khứ". Lúc đầu cứ tưởng đứng dưới lá cờ này may ra chỉ có dăm ba người. Về sau, hóa không phải. Kể ra so với toàn thể những người cầm bút (không nói công chúng văn học) thì số người này cũng không có bao nhiêu. Nhưng quả là không phải chỉ có dăm ba người. Giữa họ với nhau, có những người vốn gắn bó thân thiết, nhưng có nhiều người xưa nay không quý trọng gì nhau cả. Phải đứng dưới một lá cờ chung như thế cũng là vạn bất đắc dĩ — chắc có vị đã buồn rầu mà nghĩ như vậy.

Theo kinh nghiệm của Plêkhanốp, nghiên cứu lịch sử tư tưởng, lịch sự chính trị, lịch sự văn học nghệ thuật nhất thiết phải tìm hiểu tâm lý xã hội của con người trong những hoàn cảnh khác nhau. Ông cho rằng, không phân tích tâm lý xã hội cụ thể thì các bộ môn khoa học kia khó lòng tiến lên được một bước nào.

Những người có "sáng kiến" dựng nên lá cờ kia vốn có một lối viết đã cũ. Trong số ấy, có người đã sản xuất ra được một khối lượng sách vở khá bề bộn. Những cuốn sách ấy không phải không có công phu và chất lượng khoa học nhất định. Nhưng giá trị của chúng không đến mức như bản thân họ tưởng. Trước kia người ta đã thấy như thế. Nay nhìn lại trên tinh thần đổi mới, lại càng thấy rõ hơn. Nhưng vốn chủ quan tự phụ, họ không chịu nổi sự đánh giá kia. Tôi cho rằng, nếu có tinh thần tự phê bình một cách nghiêm khắc thì không có ai dám vỗ ngực cho mình, trước Đại hội Đảng lần thứ VI, đã có đầu óc đổi mới hoàn toàn, đã có bản lĩnh nói thẳng nhiều sự thật và những điều mình viết ra đều đúng đắn, sáng suốt cả. Người nào cũng nên tự phủ nhận cái viết cũ của mình ở những mức độ khác nhau. Nhưng có những người quá yêu quá khứ của mình, đã không có được tinh thần tự phủ nhận cần thiết đó. nhưng chẳng lẽ lại nói: "Sự nghiệp của tôi, công lao của tôi lớn, lắm, không được đụng đến", họ bèn hô hoán lên: "Có một xu hướng phủ nhận nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa của chúng ta". Làm như thế,

họ vừa biến được người mà họ ngờ là có ý phủ nhận họ thành kẻ phủ nhận cả một nền văn học đã qua, nghĩa là thành kẻ có vấn đề chính trị, vừa lôi kéo được những cây bút có sáng tác nhiều từ năm 1945 đến 1975 chạy đến với họ. Ôi, "văn mình vợ người", nhưng đứa con đứt ruột đẻ ra bỗng chốc bị phủ nhận sạch trơn thì có tức không chứ! Thế là một số người vốn hiền lành thật thà, tuổi tác đã cao, xưa nay vẫn được quý mến, bỗng nổi đóa lên: "A! chúng nó lại láo đến thế à! đồ quá khích! lũ hư vô chủ nghĩa! hạng prôlêkun! chúng mày bắn vào quá khứ (là chúng tao) bằng súng lục thì tương lai sẽ bắn chúng mày bằng đại bác!..." vân vân và vân vân.

Nghĩ mà vừa giận, vừa thương, vừa buồn cười. Nào có ai phủ nhận ai đâu? Vả lại văn chương chân chính xưa nay, ai mà phủ nhận được. Nếu mà phủ nhận được dễ dàng thế thì chắc là cái văn ấy chẳng có giá trị gì. Vũ Trọng Phụng từng bị chìm xuống đến bùn đen, rút cục lại được thời gian và công chúng vớt lên và gột rửa sạch sẽ cho đấy thôi.

Sự thực chỉ có thế này: có một số người, gọi là một xu hướng cũng được, muốn đánh giá lại tình hình văn học trước kia trên tinh thần đổi mới tư duy. Những bài viết của họ tuy có thiên về nói khuyết điểm để rút kinh nghiệm cho ngày hôm nay, nhưng không hề phủ nhận sạch trơn thành tựu văn học quá khứ. Riêng tôi — cũng bị ghép vào "tội" phủ nhận — chỉ viết về tình hình phê bình văn học. Tôi cho phê bình văn học của ta còn yếu kém, tuy thế, ngay ở bộ phận này của nền văn học 1945–1975, vẫn có nhiều thành tựu đáng quý, nhất là mặt bình văn, giảng văn. Thành tựu về sáng tác còn trội hơn nữa vì những lý do riêng của nó. Bài viết vẫn còn đấy, xin cứ xem lại (1). Muốn tranh luận, trước hết phải hiểu đúng ý kiến người khác, không nên phiến diện hóa lập luận của người ta, vuốt cho nó thành thẳng đuột một chiều rồi quy kết là quá trớn, là phủ nhận toàn bộ v.v....

Gần đây, bài viết của anh Lê Xuân Vũ (2) phê phán anh Lại Nguyên Ân (3) cũng vậy. Thực ra những cách lập luận hay những chữ dùng của anh Ân tôi cũng cho là không ổn. Ngay chữ "bá quyền" mà dùng cho văn nghệ thì cũng "to chuyện" quá. Vĩ đại đến như Lép Tônxtôi được gọi là Sa hoàng thứ hai, hoặc như Khuất Nguyên — "Khuất Bình từ phú huyền nhật nguyệt, Sở vương đài tạ không sơn khâu" — cũng có quyền lực gì lắm đâu! Một người thì muốn đốt hết những gì mình viết ra vì xem là vô tích sự, một người thì phải đâm đầu xuống sông Mịch La... Anh Ân chắc cũng cảm thấy như thế nên trong suốt cả bài viết chỉ dùng độc một lần đối với văn nghệ, và dùng với một thái độ dè dặt ("một bên nữa là "quyền lực" nếu có thể gọi như là vậy với ít nhiều ước lệ, của trí thức, của các giá trị nhân bản") (4). Nhưng mặc, anh Vũ đã "vớ" được chữ "bá quyền" rồi thì anh phải bám chắc lấy nó và đưa vào khái niệm này một nội dung không có trong sách dùng chữ của anh Ân. Phải

nói rằng, khái niệm chính trị có thể chứa đựng nhiều nội dung rộng, hẹp khác nhau tùy theo người sử dụng. Anh Ân nói "bá quyền" "chính trị" theo nghĩa là quyền lực của "những người cầm quyền, đứng đầu quốc gia, lãnh đạo đất nước" (5) (từ mở đầu đến kết luận đều dùng theo nghĩa đó). Nhưng anh Vũ lại đưa vào đó nội dung chính trị với nghĩa rộng nhất, đồng thời rút khỏi khái niệm văn nghệ cái nội dung chính trị hiểu theo nghĩa khác của anh Ân. (Anh Ân viết): "Trong lịch sử nếu đã có trường hợp những nghệ sĩ tuyên bố từ chối chính trị thì thực chất đó không phải là sự quay lưng lại chính trị nói chung, mà là sự từ chối chính trị của những người cầm quyền cụ thể, thêm nữa, sự "tuyên bố" ấy cũng có nghĩa là tỏ rõ một thái độ chính trị nhất định" (6).

Làm như vậy, anh Vũ đã gán được "rất rõ ràng" (anh Vũ hay nói "dễ dàng nhận thấy" hoặc "rõ ràng là", thực sự chỉ rõ ràng là ý kiến của anh Vũ mà thôi). Cái thuyết rất nguy hiểm: đối lập chính trị và văn nghệ: "rõ ràng là không thể có sự đối nghịch giữa một bên là "bá quyền" văn nghệ nói chung và bên kia là "bá quyền" chính trị nói chung" (7).

— Nhưng anh Ân có nói thế đâu mà rõ ràng với không rõ ràng!

Để cho cái thuyết của anh Ân trở nên nguy hiểm hơn nữa, anh Vũ lại gán thêm cho nó cái nội dung "luôn luôn mâu thuẫn và xung đột nhau" giữa hai "bá quyền". Vậy "rõ ràng là" đem đối lập văn nghệ nói chung với chính trị nói chung ngay trong chế độ xã hội chủ nghĩa rồi còn gì! Anh Ân muốn nói lịch sử, tìm hiểu "quá trình vận động biến đổi" (8) của sự vật. Nhưng người ta lại bảo anh nói chuyện không biến đổi. Tranh luận như thế thì thật khó vậy thay! Anh Ân có nói dưới chế độ xã hội có Đảng cầm quyền vẫn có khả năng nảy sinh mâu thuẫn giữa những người lãnh đạo chính trị và văn nghệ, như thế đâu có phải nói luôn luôn có mâu thuẫn và xung đột giữa văn nghệ nói chúng và chính trị nói chung. Bài của anh Vũ còn có những nhược điểm khác như ghép chi tiết bài nọ với chi tiết bài kia, bất chấp văn cảnh của chúng, cũng như sự khác nhau giữa bài này bài khác, hoặc như có những chỗ tỏ ra chưa nắm vững tri thức lịch sử văn học v.v.... Nhưng thôi, hãy trở lại chuyện qui kết, chụp mũ. Kể ra khuynh hướng này cũng khó tránh được khi người tham gia tranh luận nhất thiết lấy việc áp đảo đối phương chứ không phải việc tìm tòi chân lý làm mục đích. Có quy chụp mới đẩy đối phương vào chỗ "chết" được chứ! Nghĩ cũng hay, té ra những người dựng lên lá cờ "chống phủ nhận" lại mong muốn hơn ai hết có xu hướng phủ nhận. Hình như Phơrớt có nói: Ý muốn đẻ ra lý lẽ. Cái "lý lẽ" của những người "chống phủ nhận" xét đến cùng cũng là do lòng mong mỏi thiết tha của họ muốn có một xu hướng phủ nhận trong đời sống văn học chúng ta. Nó không có thì đành phải đẻ ra nó vậy. Ý muốn này lại được đẻ ra từ tâm lý sợ hãi người ta phủ

nhận chính mình, phủ nhận công lao, thành tích, phủ nhận tác phẩm của mình trước kia.

Chung quanh vấn đề thứ hai (đánh giá tình hình văn học từ sau Đại hội Đảng lần thứ VI đến nay), gần đây lại thấy mọc lên một lá cờ khác, không phải "chống phủ nhận" mà là "phủ nhận". Những người chủ trương lá cờ thứ nhất cũng thấy có mặt dưới lá cờ thứ hai nay. Phải, lần này họ không "chống phủ nhận" nữa mà lại hăng hái "phủ nhận". Họ sôi nổi phê phán văn học sau Đại Hội VI, mô tả nó như một bức tranh xám xịt. Họ cho rằng do buông lỏng lãnh đạo nên văn nghệ sĩ ăn nói lung tung, vô chính phủ, gây bi quan hoặc kích động bạo loạn, đối lập văn nghệ, với chính trị, bôi nhọ anh hùng dân tộc, chữ nghĩa thì tục tĩu, bẩn thỉu v.v... Một lần nữa họ lại hô hoán lên: có một thứ văn học "phi đạo", "vô đạo" đang tràn lan trên báo Văn Nghệ (thời Nguyên Ngọc) và chi phối nhiều cây bút trẻ.

Theo dõi tình hình văn nghệ diễn biến phức tạp hiện nay từ trung ương đến các địa phương, tôi cho rằng xu hướng văn nghệ phi đạo, vô đạo quả là một hiện tượng có thực và đáng lo ngại (chuyện chạy đua in sách ăn khách để kiếm lời, chuyện vụ án tràn ngập thị trường sách báo... bất chấp hoặc không lường đến tác dụng giáo dục xã hội của xuất bản phẩm...). Cơ sở xã hội của nó là: một mặt, tình trạng thương mại hóa đã xâm nhập mạnh mẽ vào lĩnh vực văn nghệ, mặt khác là phản ứng tâm lý của những người mà công cuộc đổi mới xã hội đã đụng chạm đến hoặc đe dọa đụng chạm đến quyền lợi cá nhân của họ. Về mặt này, tôi cũng rất tán thành ý kiến đồng chí Trần Trọng Tân: "Công cuộc đổi mới hợp với lợi ích của những người chân chính, của những người lao động, nhưng không thuận với những người có lợi ích gắn hơn với cái cũ, với những chính sách, thể chế cũ hoặc là quen suy nghĩ theo lối cũ. Trên lời nói, không ai nó chống đổi mới, nhưng nếu nhìn vào việc làm, vào hiệu quả mang lại mới hiểu đúng thực chất là thế nào. Chắc chắn rằng công cuộc đổi mới khi trở thành phong trào mạnh mẽ trong xã hội thì sự phản ứng của các lực lượng bảo thủ sẽ gay gắt hơn. Gay gắt nhất có thể là lực lượng có lợi ích gắn liền với sự quản lý lỏng lẻo cũ, những người đã quen với những đặc quyền đặc lợi. Đó chính là cái khó lớn của công cuộc đổi mới (tài liệu đã dẫn).

Nhưng xu hướng "phi đạo", "vô đạo" (cứ tạm gọi như thế) trong lĩnh vực văn nghệ, dù có mạnh đến đâu, cũng không thể là lực lượng chủ đạo. Chẳng lẽ nhân dân ta, ở bộ phận đông đảo và cường tráng nhất lại không muốn đổi mới thật sự và không biết sử dụng quyền tự do dân chủ của mình một cách đúng đắn hay sao? Cho nên nhạo báng tùm lum những chuyển biến của văn nghệ từ sau của Đại hội VI, bôi bác nó thành một bức tranh toàn cảnh đầy nhố nhăng, lệch lạch thì chỉ có nghĩa là nhạo báng nhân dân, thách thức đại

chúng, nếu không phải là thái độ hằn học đối với công cuộc đổi mới. Nếu nói "phi đạo", "vô đạo" thì đấy cũng là một dạng của phi đạo, vô đạo chứ sao?

Sự thật thì văn học ta từ sau Đại Hội VI và Nghị Quyết 05 của Bộ Chính Trị về văn hóa văn nghệ, dù có những lệch lạc này khác, căn bản vẫn có nhiều khởi sắc. Đảng cởi trói, những người cầm bút tự cởi trói, nhà văn quen dần với dân chủ, hăng hái tham gia vào đời sống văn học và đời sống xã hội như những con người có trách nhiệm thật sự, có động não thật sự. Một không khí đối thoại thẳng thắn, cởi mở bước đầu được tạo nên trong giới lý luận phê bình và sáng tác cũng là một hiện tượng không dễ gì có được trước kia. Văn học và đời sống, báo chí và nhân dân, người cầm bút và độc giả trong phạm vi cả nước gắn bó khăng khít tác động, hô hứng với nhau một cách trực tiếp mau lẹ và sôi nổi hơn bao giờ. Tất nhiên trong một thời gian ngắn, chưa thể đòi hỏi một nền văn học mới chuyển mình đã có được nhiều thành tựu xuất sắc. Tuy vậy, trong giới hạn hai năm, những đóng góp của nó phải nói là rất đáng kể: nhiều truyện, ký xuất sắc ra đời. Nhiều cây bút trẻ có điều kiện, xuất hiện, khắp Bắc Trung Nam, bước đầu đã khẳng định được tài năng, cá tính, tư tưởng của mình.

Nhưng những người dựng lên lá cờ "phủ nhận" nói trên không chịu thấy như thế. Vì thời đại "hoàng kim" của họ là ở quá khứ chứ không phải ở hiện tại và tương lai. Họ không chiếm được số đông trong giới văn học, nhưng họ rất cần lôi kéo số đông. Vì thế họ lại đánh trống la làng lên cho mọi người hốt hoảng. Một điều đáng chú ý là họ hay dùng chữ "kích động" để phê phán người khác, nhưng chính lời lẽ của họ lại đầy tính kích động (hướng lên trên hơn là hướng xuống dưới). Cũng như họ hay quy kết người khác là gây hoài nghi, bi quan, nhưng chính họ lại dường như cố ý gây bi quan đối với tình hình đổi mới văn học hai năm qua và biện pháp họ hay dùng đến nhất vẫn là phóng to, khoét sâu những vấn đề, những "vụ", "việc" này khác. Họ đặc biệt xoáy mạnh vào những "vụ việc" trên báo Văn Nghệ: một vài bài ký, trang thơ gọi là có tính kích động, một số truyện ngắn của Phạm Thị Hoài và nhất là của Nguyễn Huy Thiệp...

Tôi không cho rằng truyện Nguyễn Huy Thiệp là một cái gì tiêu biểu nhất cho phương hướng đổi mới văn học hiện nay. Mà chắc chẳng có ai nghĩ như thế. Chẳng qua là dưới ánh sáng chung của công cuộc đổi, mỗi cây bút có những tìm tòi riêng để đóng góp vào nền văn học đang chuyển mình. Những thành đạt bước đầu của một cây bút trẻ như Thiệp là một niềm phấn khởi chung của giới văn học. Nhưng đã gọi là tìm tòi thì tất cả có đúng, có sai, có hay, có dở, có người thích, có người không thích. Không thích, không tán thành xin cứ trao đổi, tranh luận thẳng thắn, nhưng không nên mạt sát, thậm

chí đòi xét nhân cách người ta mà không nên phóng đại những chi tiết mình cho là lệch lạc, tục tĩu để cho nó càng thêm lệch lạc, tục tĩu hơn nữa.

Về việc đánh giá những tác phẩm văn học mới ra đời, tôi cho rằng có điều này rất nên lưu ý: trong sự vận động ý thức của con người, tình cảm, bao gồm tình cảm thẩm mỹ, bao giờ cũng chuyển biến chậm hơn nhận thức lý trí rất nhiều. Vì thế cái mới, cái lạ trong nghệ thuật — cả trong đời sống cũng vậy — khi mới ra đời thường khó được chấp nhận ngay, nhất là đối với lớp công chúng có tuổi. Mỗi người chúng ta ai chẳng có biết bao kinh nghiệm về điều này. Bản thân tôi sau 1954, khi ở chiến khu Việt Bắc về Hà Nội, có một lúc đã không hiểu được tại sao những cô gái có mái tóc dài rất đẹp lại cắt phăng đi để "phi dê"... Có một dạo người ta định nghiêm cấm, thậm chí trừng phạt những thanh niên để tóc dài, mặc quần loe... Nghĩ lại thấy thật là độc đoán một cách ấu trĩ. Vì thế trong thưởng thức nghệ thuật không nên chủ quan khăng khăng lấy mình làm chuẩn. Chẳng cần viện đến văn học thế giới, ngay lịch sử văn học nước ta cũng có vô số bằng chứng khiến người đọc văn, thẩm văn phải biết thận trọng. Chẳng hạn, Truyện Kiều có lúc đã bị coi là dâm thư và cô Kiều bị coi là con đĩ. Hồ Xuân Hương chắc còn bị quy kết nặng nề hơn nữa. Có nhà phê bình coi văn Nguyễn Tuân chỉ là thứ văn cô đầu, thuốc phiện Giông Tố của Vũ Trọng Phụng khi mới ra đời cũng bị lên án. Nhiều bậc phụ huynh đã lớn tiếng khuyên răn con em không nên đọc quyển sách "dâm uế", "bẩn thỉu" này. Và mới gần đây thôi, phim Hà Nội Trong Mắt Ai còn bị cấm, tiểu thuyết Đất Trắng (tập I) của Nguyễn Trọng Oánh bị phê phán, truyện Khách Ở Quê Ra của Nguyễn Minh Châu nhiều người không chịu được, còn văn Nguyễn Tuân thì bị chê là có tài nhưng thiếu tâm... Ôi gần đây người ta rất hay nói đến chữ tài và chữ tâm. Tôi cho rằng, tâm và tài có thể tách rời nhau ở đâu đâu ấy chứ khi đã nhập vào trong một áng văn chương thật sự thì làm sao mà tách ra được. Mà chữ "tâm" cũng có ba bảy đường", cần được hiểu đúng trong những trường hợp khác nhau: Có cái tâm chỉ muốn là một thứ nước ngọt, một lời hát ru êm ái hay một bàn tay mềm mại ve vuốt những mái đầu thơ trẻ. Nhưng có cái tâm lại muốn là một thứ thuốc đắng, thậm chí một ngọn roi quất để thức tỉnh lương tâm những con người đã trưởng thành, bắt họ nhìn thẳng vào sự thật, nhìn thẳng vào lỗi lầm của mình và nhìn thẳng về tương lai...

Tôi cho rằng, trong công cuộc đổi mới của văn học ngày nay, thị hiếu của công chúng cũng đang chuyển biến và phân hóa mạnh mẽ. Có thị hiếu đã già cỗi, có thị hiếu trẻ trung năng động, có thị hiếu của loại tính cách viên chức khuôn phép xơ cứng, có thị hiếu của những người thô lỗ tục tằn, thiếu văn hóa v.v... Cuộc giao lưu văn hóa rộng rãi ngày nay lạ khiến cho một tác phẩm văn chương không chỉ là sản phẩm của một dân tộc mà còn là sản phẩm của

nhân loại nữa. Đọc Trăm Năm Cô Đơn, thấy cái tục của Nguyễn Huy Thiệp đã thấm tháp gì. Đành rằng, không phải cứ văn Makét thì là chuẩn mực. Nhưng chẳng lẽ không đáng liên hệ để ngẫm nghĩ một chút sao? Phẩm tiết có đụng đến nhân vật lịch sử, nhưng đụng đến về phương diện nào cũng phải xem xét kỹ, và nhân vật lịch sử ở đây là nhân vật tồn tại đích thực trong lịch sử hay đã được huyền thoại hóa? Lắm lúc tôi cứ phân vân không biết giữa tiểu thuyết lịch sử và cái gọi là "chính sử" của ta lâu nay đằng nào hư cấu nhiều hơn, đằng nào giàu tính tiểu thuyết hơn? Cố nhiên không được xúc phạm đến tâm lý dân tộc. Nhưng tâm lý dân tộc, ở những khía cạnh lạc hậu của nó cũng phải cải tạo đi chứ?

Nhưng hãy trở lại bức tranh chung của văn học từ sau Đại Hội VI đến nay. Tôi vẫn cho rằng, nói gì thì nói, đấy căn bản vẫn là một bức tranh sáng sủa, có nhiều khởi sắc. Cách nhìn bi quan trong bài thơ Lộn Trái của Chế Lan Viên hay bài Văn Chương "đổi mới" nghĩ mà kinh! của Lê Kim gần đây (9), tôi cho là không nên có. Trong giọng thơ của các anh, cứ thấy như có một cái gì vừa bi quan lại vừa khoái chá thế nào ấy về cái tình trạng lộn tùng phèo của văn học được phóng đại lên.

Tình hình văn học của ta hiện nay quả là có nhiều diễn biến phúc tạp. Nhưng đừng bơm to nó lên một cách quá đáng. Không nên báo động giả làm gì. Cho nên hai lá cờ "chống phủ nhận" và "phủ nhận" của những ai đó đã trót dựng lên thì nay nên hạ cả xuống. Tiến tới đại hội Nhà Văn lần thứ IV, chúng ta chỉ cần có một lá cờ thôi: "Đoàn kết thật sự, dân chủ thật sự, đổi mới thật sự".

**Huế, cuối năm Thìn**

18–1–1989

trích tạp chí Sông Hương số 36, tháng 3&4-1988

**Chú Thích:**

(1) Phê bình văn học trong tình hình mới. Văn nghệ số 35 (29–8–1987).

(2) Quan hệ giữa văn nghệ và chính trị không phải là quan hệ giữa hai "bá quyền" trong xã hội – Tạp chí Cộng sản – số 11 (1988).

(3) Về một phương diện của quan hệ giữa văn nghệ và chính trị. Tạp chí Sông Hương, số 31 (5–6–1988).

(4–5) Tài liệu đã dẫn, trang 52

(6) Tài liệu đã dẫn, trang 53

(7) Tài liệu đã dẫn, trang 9,10

(8) Tài liệu đã dẫn, trang 52

(9) Văn Nghệ, số 2, 14–1–1989

# chúng ta bảo vệ cái gì từ bộ phim truyện "trò ảo thuật" của đạo diễn việt linh



*Đặng Nhật Minh*

Đạo diễn Việt Linh là người Nam bộ, năm nay 37 tuổi. Được biết, trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, chị cùng gia đình tham gia cách mạng và sống ở chiến khu. Sau Giải phóng, chị được đi đào tạo về đạo diễn điện ảnh tại Liên Xô.

Gặp Việt Linh lần đầu, chị gây được cảm tình ngay với một phong cách hồn nhiên, với một cái nhìn sắc sảo, vừa hóm hỉnh vừa điềm tĩnh. Chị nói: Với "*Trò ảo thuật*", tôi chỉ muốn nói lên một điều "*người ta không thể sống bằng ảo tưởng*".

Hiện nay, được biết là phim đang phải dàn dựng lại, nhiều cảnh phải thêm bớt và ngay cả tên phim cũng đã đổi là "*Ngày xưa có kẻ hám vàng*". Tuy vậy, phim vẫn chưa ra mắt khán giả.

Dư luận giới làm phim và đại đa số những người đã được xem phim đều nói: "*Trò ảo thuật*" là một bộ phim trong những bộ phim hay nhất từ trước đến nay của lịch sử điện ảnh Việt Nam. " Có lẽ vì tiếng đồn ấy mà riêng ở Pháp đã có ít nhất là ba liên hoan phim đã chính thức gửi thư mời phim "*Trò ảo thuật*" tham gia. Đó là: *Festival des trois continents (Liên hoan phim ba lục địa) ở Nantes; Festival des films de femmes (Liên hoan phim đạo diễn nữ) ở Créteil; Les écrans de la liberté (Những màn ảnh của tự do), liên hoan do viện phim Cinémathèque Francaise tổ chức.*

*trên quê hương*

Viết về sự đổi mới ở Hội điện ảnh Việt Nam, biểu hiện qua Đại hội tháng 2–89, Đoàn Kết đã có dịp nêu ý kiến rằng việc đầu tiên mà Ban chấp hành mới có thể làm là đấu tranh cho những cuốn phim như "*Trò ảo thuật*" "*thoát ra khỏi cái vòng bùng nhùng của một chế độ kiểm duyệt không dám xưng tên*" (Đoàn Kết tháng 4–89 ). Trong tinh thần đó, chúng tôi trân trọng và đăng lại bên đây bài viết trên báo Tuổi Trẻ chủ nhật ngày 7–5–89 của đạo diễn Đặng Nhật Minh, tổng thư ký Hội, bảo vệ tác phẩm của đồng nghiệp Việt Linh, và qua đó bảo vệ một quan điểm mới về sáng tác trong điện ảnh Việt Nam.

Cho đến hôm nay, nữ đạo diễn Việt Linh đã làm ba phim: "*Nơi Bình Yên chim hót*", "*Phiên Tòa cần chánh án*" và phim gần đây nhất, "*Trò ảo thuật*". Tôi không quen biết Việt Linh từ trước, chỉ nhớ lần đầu tiên sau khi xem bộ phim đầu tay của chị ở số 4 Thụy Khê, ra khỏi phòng chiếu, tôi cảm thấy trong lòng dấy lên một niềm vui. Tôi thầm nói với mình: Thế là điện ảnh của chúng ta có thêm một đạo diễn mới, một nữ đạo diễn. Cái danh hiệu đạo diễn nghe thật "sang ", nhưng vào thời buổi lạm phát này, từ đó không còn "thiêng " nữa. Đủ các tên tuổi (không kể xiết) xuất hiện trên màn ảnh lớn, màn ảnh nhỏ sau cái danh xưng đạo diễn. Có người làm phim như chẻ tre, liền liền tay, hết phim này đến phim khác. Có người làm một vài phim rồi nghỉ hẳn. Nhưng không sao, hễ được giao làm một phim, được cấp trên duyệt không có vấn đề gì mắc mứu... là nghiễm nhiên trở thành đạo diễn. Mà đã một lần được gọi là đạo diễn rồi thì đố ai gọi khác được (quên đi là lôi thôi to).

Thú thật bây giờ nhớ lại bộ phim đầu tiên của Việt Linh, tôi chỉ còn nhớ mang máng trong đầu câu chuyện về một cô giáo nào đó ở tỉnh thành, về dạy học ở một miền quê, rồi lại bỏ về với cuộc sống tiện nghi yên ấm ở chốn thị thành... (chả cứ phim của chị, phim nào xem rồi tôi cũng chỉ còn nhớ được cái cốt truyện kể lại trong dăm ba câu như vậy.) Điều quan trọng hơn cả đối với tôi là cái dư vị sau cùng của mỗi bộ phim. Nó có hay không. Nó đọng lại trong người xem bao lâu hay tan loãng đi cùng năm tháng? Dư vị đó có thể có khi ta tiếp cận với những tác phẩm nghệ thuật đích thực (cho dù nó có thể có khuyết tật chỗ này chỗ nọ). Cái dư vị đằm ấm nhẹ nhàng pha chút chua xót của "*Nơi bình yên chim hót*" vẫn còn ở trong tôi cho đến hôm nay. Những rung động chân thành của Lý Lan (kịch bản) và của Việt Linh về những điều muốn nói đã xuyên suốt cả bộ phim lan tỏa tới người xem (mảnh sân trường vắng trong những ngày hè là một ký ức khó quên mà bộ phim đã gợi lại trong tôi). Từ đó tôi bắt đầu chờ đợi ở Việt Linh.

Một năm sau Việt Linh cho ra tiếp bộ phim thứ hai của mình, do chị tự viết lấy kịch bản. Thành thật mà nói, bộ phim đã không như tôi mong đợi. Cái độ rung cảm từ bộ phim truyền tới tôi yếu ớt quá, chỉ còn lại cái lý (mà đôi chỗ còn chưa đủ lý để thuyết phục nữa). Có cảm tưởng tác giả vận dụng

lý trí nhiều hơn. Thậm chí cái không gian của những nhân vật trên phim đối với tôi cũng xa lạ... Những con người như từ một thế giới nào đó sang trọng kiểu cách; và những bi kịch của họ, bi kịch chết người đấy, nhưng vẫn là thứ bi kịch của "*công chúa phải gai*", trong phim này Việt Linh vẫn làm việc một cách hết sức nghiêm túc, khe khắt với chính mình và các cộng sự với mình. Cái yếu có lẽ nằm ở khâu kịch bản. Hạt nhân của câu chuyện phim chưa đủ độ ươm, để mọc ra những mầm cây tự nhiên và khỏe mạnh.

**"Trò ảo thuật ", một bộ phim có vấn đề**

Nhưng rồi như một sự đột biến bất ngờ: "*Trò ảo thuật*" ra đời. Một không gian điện ảnh khác hẳn (chỉ hai màu đen trắng với những con người bằng xương, bằng thịt, trần trụi, không kiểu cách dịu dàng, tất cả điều chân thật như chính cuộc đời mà chúng ta đang sống.. chân thật đến se lòng. Tôi đã nhìn thấy những cặp mắt ướt đỏ bước ra khỏi phòng chiếu phim của Câu lạc bộ Hội điện ảnh ở Hà Nội. Một nhà báo nữ mà tôi không quen biết gặp tôi chỉ nói một câu: Các anh phải bảo vệ lấy nó (tức bộ phim). Các anh không bảo vệ được nó thì các anh bảo vệ cái gì?... Chị không nói gì thêm vì mắt chị đã đỏ hoe và giọng nói đã tắc nghẹn. Vâng, chúng ta, những người được mệnh danh, và tự mệnh danh, là những người nghệ sĩ, nếu chúng ta không bảo vệ được những tác phẩm nghệ thuật chân chính của nhau, thì thử hỏi... chúng ta bảo vệ cái gì? Một nhà lý luận nó khẽ bên tai tôi: Đừng vội... cứ để, từ từ đã..., nghe đâu phim này đang có "vấn đề ". Có tác phẩm văn học nghệ thuật nào mà lại chẳng đặt ra cho lương tâm chúng ta những vấn đề để suy ngẫm? Chỉ có những tác phẩm nhạt nhẽo trơn tru mới chẳng có vấn đề gì, và dĩ nhiên nó cũng chẳng để lại gì trong ta. "*Trò ảo thuật*" là một phim có vấn đề. Vấn đề đó là: Đừng lợi dụng lòng tin (dù hồn nhiên và ngây thơ) của con người cho những mục đích xấu xa vụ lợi. Đừng lừa dối, vì sự lừa dối cũng là một tội ác.

Một gánh xiếc rong đến một bản làng Tây Nguyên nọ để diễn trò..., những trò vui. Nhưng tất cả mọi trò vui đều không làm vui được ai, trừ cái trò "úm ba la " ra gạo. Trong lúc cả làng không có một hạt gạo, đêm đêm người ta đốt đuốc đi chôn những người chết đói, thì cái trò ảo thuật kia có một ma lực đặc biệt. Người ta tin rằng có thể làm ra hạt gạo không phải bằng đôi bàn tay trên mảnh đất khô cằn mà bằng chiếc gậy thần trên sân khấu. Nhưng rồi một em bé trong làng nhận ra rằng đó là những hạt gạo lừa dối và cô gái trong gánh xiếc đêm phải can dự vào cái trò lừa dối đó đã thức tỉnh (phải chăng trẻ con và phụ nữ vốn nhẹ dạ cả tin nên khó chấp nhận được sự giả dối?). Cho đến khi cả bản làng nhận ra bộ mặt thật của những kẻ từ xa lại, những kẻ vẽ ra trước mắt họ một cuộc sống ấm no bằng những trò ảo thuật, họ đã đốt đuốc

như sóng cồn xua đuổi chúng đi. Trên chiếc xe ngựa phóng như bay trên đường chạy trốn, gương mặt đẫm nước mắt của cô gái là dấu chấm than cuối cùng đọng lại trong lòng người xem (mặc dù chưa phải là cảnh chót của phim).

Anh Phạm Thùy Nhân là một cây bút quen biết từng tả xung hữu đột trên khắp các lĩnh vực báo chí, văn học và điện ảnh, nhưng có lẽ "*Trò ảo thuật*" là thành công nhất của anh trong điện ảnh. Sự gặp gỡ giữa anh và Việt Linh lần này là một nhân duyên may mắn cho cả hai người. Cốt truyện phim đơn giản, không cầu kỳ, nhưng điều quan trọng là anh đã cung cấp cho bộ phim một cái tứ giàu cảm xúc và đa nghĩa, nó vượt lên cái cụ thể của những sự kiện để trở thành một triết lý chung có sức mạnh khái quát. Xưa nay, khi phán xét một tác phẩm nghệ thuật (và cả văn học nữa), chúng ta thường hay liên hệ, suy diễn, một nếp nghĩ đã hằn sâu trong nhiều năm đến nỗi được coi như một thứ phương pháp luận. Cứ theo cái "phương pháp luận " đó, người là có thể đặt ra những câu hỏi: vậy thì những kẻ đi lừa dối ở trong phim là ai? Ám chỉ ai? Là ai ư? Xin hãy nhìn lên màn ảnh đó là tên chủ gánh xiếc gian ngoan. Nếu cần liên hệ thì tôi cho có thể liên hệ với chính chúng ta, những người nghệ sĩ, những người đi "mua vui cho thiên hạ " (theo kiểu nói của Nguyễn Du "*Mua vui cũng được một vài trống canh*"). Đừng bịp bợm, đừng lừa đối, vì trong cái nghiệp của chúng ta những điều đó trái với thiên chức của nghệ thuật như lửa với nước. Viết đến đây tôi chợt nhớ tới một câu nói của Tchekhov khuyên các nhà văn trẻ: *Hỡi các bạn, các bạn đừng lừa dối; các bạn có thể lừa dối trong tình yêu, trong tình bạn, trong chính trị, thậm chí cả trong y học nữa (ông vốn là một bác sĩ); nhưng các bạn không thể lừa dối trong nghệ thuật được*. Nhưng thôi, tôi xin dừng tại đây để không xen vào suy diễn. Chỉ biết rằng bộ phim đã làm tôi phải suy nghĩ để sống chân thật hơn, có trách nhiệm hơn với mọi người. Từng ấy cũng đủ để cám ơn các tác giả của phim.

*"Trò ảo thuật ", một bộ phim đạt tới độ chuẩn mực.*

Tôi muốn bàn đôi chút về nghề đạo diễn. Đã từ lâu, mỗi khi có dịp được đi đây đi đó, được xem những phim của thiên hạ tôi vẫn thầm băn khoăn một điều: chúng ta thường hay bàn nhiều đến nội dung tư tưởng của một bộ phim, nhưng ít khi chúng ta bàn với nhau về cái chuẩn mực của một bộ phim. Thế nào là một bộ phim chuẩn về phương diện nghề nghiệp (đạo diễn, quay phim, diễn viên, thiết kế mỹ thuật, âm nhạc, v.v...) phải làm phim cho chuẩn cái đã rồi hãy bàn tới nội dung chứa đựng trong nó là cái gì. Về phương diện này "*Trò ảo thuật*" đã đạt tới độ chuẩn mực đó. Đạt được là một chuyện khó, cũng như không phải bất cứ ai biết đọc biết viết là có thể viết được một bài văn hay, không sai phạm ngữ pháp (nếu vậy thì nhà văn trên đời có vô vàn).Phim thứ ba này, Việt Linh đã trở thành một đạo diễn chín chắn thậm chí già dặn

trong nghề của mình. Trong mỗi trường đoạn mỗi khuôn hình, ta đều nhận thấy sự tính toán cân nhắc, sự gia công rất tỉ mỉ của đạo diễn mà mạch phim vẫn thanh thoát tự nhiên (sự già dặn chính là chỗ đó). Không có những mise en scène cầu kỳ rắc rối, không có những diễn xuất điệu đàn với những cái nhún vai, những cái châu mày, những điệu bộ "tài tử " những giọng cười "làm màu " trước và sau mỗi câu đối thoại ta vẫn thường thấy. Từ chú bé người dân tộc (vai diễn đạt nhất cho đến anh gù thổi kèn..., tất cả đều hài hoà chân thật dưới tài điều khiển của bàn tay đạo diễn và tiết tấu của phim: Cái mà không có nó không có nghệ thuật, thì ở đây là một tiết tấu chậm rãi và hết sức bình tĩnh. Nhịp điệu của phim tăng nhanh lên đúng những lúc cần thiết để thúc đẩy câu chuyện, để rồi kéo lui đúng lúc cần cho sự lắng đọng của bộ phim. Việt Linh đã làm chủ được tiết tấu. Âm nhạc (chỉ có hai chủ đề) như chiếc cần— lúc cất lên như tiếng thở dài lặng lẽ qua tiếng kèn trompette ai oán bởi những tiếng cồng chiêng.

Sau cùng, tôi muốn nói tới khâu tạo hình của bộ phim. Nhiều đồng nghiệp nước ngoài thường nói với chúng ta rằng: Các anh đừng coi thường phim đen trắng. Chúng tôi biết các anh nghèo không phải lúc nào cũng có phim màu để quay. Nhưng các anh đừng quên rằng cái mạnh của các anh là ở phim đen trắng. Các anh có những người quay phim đen trắng thật tuyệt vời. Nhìn lại những phim màu chúng ta đã có, quả thật đa số là những phim "màu mè " thì đúng hơn. Những phim Việt Nam được nước ngoài ưa chuộng, tất cả đều là phim đen trắng. Bởi vậy tôi thực sự vui mừng thấy trong "*Trò ảo thuật*" một bàn tay quay phim đầy bản lĩnh nghề nghiệp, mỗi bố cục khuôn hình, mỗi góc độ máy (đặc biệt những góc độ plongé) đều nói lên điều đó. Ở đây hình ảnh đã cất tiếng nói với người xem bằng chính ngôn ngữ của riêng mình, ngôn ngữ của hình ảnh. Bên cạnh những Nguyễn Đăng Bảy, Đường Tuấn Ba, Trần Đình Mưu, Trần Trung Nhàn... từ nay chúng ta có Đinh Anh Dũng. Anh đã tiếp tục cái vinh quang của phim đen trắng Việt Nam với một bản sắc riêng, không lặp lại những bậc đàn anh đi trước. Anh không phô trương những động tác máy của mình (cái bệnh mà nhiều nhà quay phim mắc phải). Người xem thậm chí không nhận ra sự chuyển động của máy quay, chỉ thấy trước mắt mình những khung cảnh thoáng đạt của một không gian đầy màu sắc mặc dù phim đen trắng (nhiều khuôn hình làm tôi gợi nhớ tới bộ phim cuối đời của Eisenstein "*Viva Mexico*").

Nếu có điều gì cần bàn thêm với đạo diễn, mặc dù muộn, thì đó là sự phát triển trong tâm lý của nhân vật Đác, chú bé Tây Nguyên, sau cái chết của em gái mình. Sự phát triển tâm lý đó không đậm nét, do đó cái chết tội nghiệp của em bé Poupon chưa được đẩy tới mức cần thiết để trở thành một cái đòn bẩy cho những diễn biến về sau của phim. Không biết có phải đây là một thứ

kiểm duyệt của đạo diễn để tránh cho phim khỏi sa vào quá bi thảm không? Dầu sao đấy cũng chỉ là lời bàn của người ngoại cuộc và sự đáng tiếc này cũng không ảnh hưởng mấy đến hiệu quả chung cuộc của bộ phim.

Trở lại với đầu đề bài viết: Chúng ta bảo vệ cái gì? Và tại sao lại có câu nói nghẹn ngào pha chút ấm ức của cô nhà báo như đã dẫn ở trên. Sự việc đơn giản và dễ hiểu thôi: đây là một bộ phim có vấn đề (lại hai chữ vấn đề), do đó có nhiều ý kiến. Có người cho rằng nó vi phạm tới chính sách đoàn kết dân tộc, nó bôi đen đời sống của đồng bào Tây Nguyên, rằng bây giờ làm gì còn có chuyện chết đói, bởi vậy phải sửa lại để người xem hiểu rằng đây là câu chuyện ngày xửa ngày xưa v.v. Cũng được thôi, ngày xưa, ngày nay hay mai sau cũng vậy: cuộc sống bao giờ cũng là sự đan kết giữa cái thiện và cái ác, giữa sự chân thành và sự dối trá, giữa cái thật và cái giả... Và người nghệ sĩ là người biết nhìn thẳng vào sự thật đó để nói lên khát vọng nhân ái của chính mình và những người đương thời với mình. Chúng ta trân trọng và bảo vệ bộ phim "*Trò ảo thuật*" chính là vì cái lẽ đó.

**(trích Tuổi Trẻ chủ nhật, 7–5–89)**

# ngẫu hứng và tự do sáng tạo



*Ma Văn Kháng*

Tôi suốt đời là nhà văn nghiệp dư theo cái nghĩa thông thường là việc làm ngoài giờ hành chính và ở trong cả ý thức có phần coi thường nó nữa. Thấy tôi ngày nào cũng đạp xe tới cơ quan, lại có phong cách một anh công chức mẫn cán, có người thắc mắc: vậy thì ông viết vào lúc nào? Ấy thế, nó là cái công việc không chuyên, làm thêm ấy mà. Cực thì cực đấy. Toàn phải "tranh thủ" viết vào chủ nhật; giờ nghỉ và mười ngày phép năm thôi. Thế nhưng lại cũng có cái *nhẹ mình* của nó. Đỡ phải ám ảnh cái này cái nọ mà một khi đã thành nghề là khó có thể thoát! Nhất là cứ nghiệm từ bản thân mình ra, thì công việc sáng tác của tôi là một cơn *ngẫu hứng* và *tự phát* hoàn toàn. Cách đây ít lâu nói ra điều này thì có vẻ là sai quy luật và không tránh khỏi phiền hà, ôi cái thời hễ cứ có quyền ăn nói là y như rằng cho mình là biết tất, là đúng tất. Nhưng mà thực tình là vậy. Một cơn tức hứng. Bất chợt một cái gì đó lóe sáng, trở thành một hạt nhân, tỏ ra có năng lực giải tỏa và có khả năng phát triển, thế là nó tự tạo ra sức quy tụ, liên kết. Thế là rất *tự nhiên* một cái gì đó ra đời.

Tất nhiên là tôi hiểu điều giản đơn có lý luận: cái gì ở bên trong, ở phía sau, chi phối cái *tự nhiên* đó, nhưng với tôi, tôi vẫn cứ thấy đó là một hành động tự do. Giản dị thôi! Tôi thích cái gì thì viết cái đó, thích viết thế nào thì viết thế ấy. Mà cái thích thì không có hẹn hò, dự trù, hợp đồng. nó là của *riêng tôi*. Đừng nghĩ nó chỉ là cái tự do về hiện tượng và bên ngoài.

*Đồng bạc trắng hoa xòe, Vùng biên ải, Mưa mùa hạ...* là kết quả của những cơn ngẫu hứng dài, thú vị, chan chứa hạnh phúc làm người.

Cao đạo và làm phách quá chăng? Không, cái công việc viết văn này, nặng nhọc, đầy tính chất thủ công đấy; ấy vậy mà về thực chất vượt lên trên tất cả, trở thành một hành vi cao cả, chẳng có một hạt bụi thế phàm nào.

Sự phán xét ngặt nghèo. Phần đãi ngộ bạc bẽo. Cũng chẳng có ý nghĩa gì hết. Ngòi bút cứ việc lia theo cái tài hạn hẹp hay dồi dào của mình. Không cấn cái, không bứt rứt. Cái gì ở bên ngoài, thì vẫn cứ đến khi cầm một số tiền nhuận bút ít ỏi, cân đo nó với cái mình đã làm ra – bài viết, quyển sách vẫn thấy *cái được* là lớn lao vô cùng. Công việc có cái thú của một kiểu tay chơi tài tử là vậy, âu cũng là một sự thật ít nhất là của mình, tạo nên mình.

Dông dài vậy là muốn đi đến cái cần nói: tự do, tự do bên trong của người viết là bản chất thực sự của sáng tạo, nó là cái quyền tất yếu phải có, ân thưởng của cả cuộc đời, chứ không phải của một ai. Tôi đã băn khoăn rất nhiều trong việc tìm kiếm cái căn nguyên đẻ ra sự yếu kém của những tác phẩm của mình, của bạn bè mình.

Một hôm, tình cờ lật giở những trang sổ tay ghi chép. Thói quen hay ghi nhận của tôi còn để lại một bài nói của một nhà lãnh đạo văn hóa – văn nghệ có uy tín lớn hồi cách đâu chục năm, trên mấy trang sổ nhỏ. Tôi vội đọc lại. Và ngỡ ngàng. Sao lại có thể nói như thế được nhỉ. Mà tại sao mình lại có thể cắm cúi say sưa ghi chép những điều ấu trĩ vô nghĩa như thế được nhỉ? Ngây ra một hồi, tôi mới nhận ra. Cái thời ấy, người nói là vậy và người nghe là mình là vậy. Cái thời ấy là vậy. Mỗi thời có một trí khôn và cái trí khôn của một thời nó là vậy, trong một véc tơ giới hạn, cụ thể, không khác được.

Học mới hết cấp một thì chỉ làm được toán số học. Cấp hai mới biết đại số. Còn thì vi phân, tích phân là phải lên đại học kìa. Hai mươi năm trước đây, đi học lớp những người viết trẻ ở Hội nhà văn, ngoài chương trình học đường lối văn nghệ của Đảng là học về nghề. Nghề thì chủ yếu là học qua kinh nghiệm của các nhà văn lớp trước. Quý lắm! Nhưng nào đã có ai nói đến những là dấn thân, đi săn tìm bản thân, vô thức, tâm linh, đa diện, đa nghĩa, tính phổ biến của nhân loại??? Thời ấy đi thực tế nghĩa là đến các điển hình tiên tiến. nghe báo cáo thực tế là nghe thành tích của ngành này, anh hùng chiến sĩ thi đua kia. Thời ấy coi hiện sinh như quái thai, và *Vòng tay học trò* là cực điểm của suy đồi.

Sám hối là một trạng thái tâm lý tốt đẹp. Nhưng tôi cứ ngờ rằng mình đã quên mình hôm qua là ai, ở đâu mà ra, mặt mũi, tâm hồn lúc ấy thế nào? Giống như trong chỉnh huấn, xúc động trong kiểm điểm tội lỗi, đã có lúc ta nói quá đi về cái xấu của mình.

Vậy thì cái chưa được của ngày hôm qua, chủ yếu là sản phẩm của cái tôi một thời ấy. Cái tôi cùng với những cái "trói buộc" cái tôi nếu có, ở những tài năng xuất chúng, nhìn chung thì cũng ở một nấc thang trí tuệ, phản ánh trí khôn của cả loài người, chứ không hẳn là sản phẩm riêng biệt của ai hết! Tiễn đưa một thời nên thế nào cho phải? Nói thế để mừng cho ngày hôm nay và thể tất với ngày hôm qua, chê trách, chửi bới cái chưa được của ngày hôm

qua, cứ như tôi nghĩ là không thấu Lý đạt tình, không biết điều, không khoa học. Từ thô sơ đến tinh tế, từ giản đơn đến phức hợp, từ cấp thợ thủ công đến nghệ sĩ, nếu đúng vậy, thì vẫn là mình. Bóng hình mình lồ lộ ở trang sách, ngoài ra có là ai?



Có một bạn hỏi tôi:

"Năm 1982, khi viết *Mưa mùa hạ*, anh có dự liệu rằng dư luận sẽ ồn ào phản đối, chê trách không? Và như vậy là anh cũng đã dũng cảm, đã đi trước?"

Có lẽ cái cảm hứng tự nhiên của một tay chơi nghiệp dư đã cho tôi cái sự dửng dưng ấy. Viết là viết. Chẳng nghĩ đấy là bôi đen, là tô hồng, thế này là phạm húy... Khi viết, mình là mình thật sự. Cứ tự nhiên nhi nhiên mà tuôn chảy với cái tôi tự do, cái tôi mang lương tri, trách nhiệm công dân, hòa nhập với nấc thang trí khôn của một thời. Vậy thôi. Nên mới có sự ngạc nhiên nào đó của bạn bè: "Ông này hiền lành lắm cơ mà, sao giờ dữ vậy!" còn anh Vũ Bão nói rất hay: "Phật đã xuống đường rồi!"

Thực tình thì tôi cũng bị rầy rà, không nhiều. Thực tình là sách ra rồi, nghe nói: Có ông công an đánh dấu 30 chỗ và có cú điện thoại yêu cầu không phát hành(!), tôi cũng lo lo. Nhà văn Trần Dũng phải giúp tôi đi "đón lõng" một vị có chức quyền trong ngành tuyên huấn, đưa ông vào một quán rượu. Nhấc chén vui, ông gật gật đầu: "Tớ đọc cuốn của cậu rồi. Không có vấn đề gì. Nhưng, may là sách ra năm 1982 này, chứ ra cách đây mấy năm thì cậu... chết!"

Nhà văn Trần Dũng cười túm. Còn tôi thở đánh phào. Nói vậy thôi, chứ chết là chết thế nào! Tự do của tôi là tự do của một "dục tâm sáng như nhật nguyệt". Tôi không phải sợ!

Tôi không nói cái gì khác với lòng mình. Thành ra, mới thấy biến hóa, đổi mới nằm ngay trong mình, ở ngay trong giòng đời liên tục. Nó không phải là sự a dua, a tòng, nhập ngoại, gán ghép. Nó là sự hồn nhiên của cuộc đời. Nó gần gũi với tự do vì nó là bản chất của hoạt động sáng tạo. Quy cái sự vận động tự thân, nội tại vào một hành động gọi là "cởi trói" của cấp trên, là không thỏa đáng, lại bừng bực vì cảm thấy mình hèn hèn thế nào.

Tình thực tôi không thấy băn khoăn về cái gọi là sự hạn chế của lịch sử, của thời đại. Suy cho cùng, chẳng ai có thể trói buộc được ai cả, trong lĩnh vực này. Cái hay, cái chân chính tự nó sẽ tìm được đường đi. Một khi đã gọi là khuynh hướng thì tức là đã có trí tuệ và cảm hứng của thời đại ở bên trong, vậy làm sao mà vùi dập được nó!

Cảnh sắc văn học ngày hôm nay khá vui. Có cảm tưởng rất rõ là, những

trang viết hay nhất của bạn bè lớp trước lớp sau là sản phẩm đích thật của tự do. Nội tại bùng nổ gặp tầm cao văn hóa mới, tạo thành một cảm hứng tràn trề trí tuệ. Thời kỳ mới đã có một lớp nhà văn mới. Và sẽ còn tiếp tục nẩy nở. Tôi không ảo tưởng về mình. Mỗi người có một giới hạn. Không biết thì lố bịch, kệch cỡm.

Cho nên cuối cùng, vấn đề còn lại suốt đời dằn vặt mình là tài năng. Tự do và phương tiện giúp cho tài năng nẩy nở, nhưng nó không phải là tài năng. Ai mà cảm giác được tài năng của mình thì, tôi nghĩ, hãy gìn giữ tự do như gìn giữ một báu vật thiêng liêng.

Văn học đang tự ý thức về mình, đang có bước chuyển biến quan trọng. Chưa bao giờ văn học gần gụi cuộc sống và có vai trò đặc sắc trong đời sống tinh thần con người như ngày hôm nay. Tôi thích cái nhộn nhịp của đời sống văn học nay. Theo tôi Đại hội nhà văn lần này cũng sẽ là một đại hội hào hứng khác hẳn các đại hội trước.

Tôi nghĩ rằng nó sẽ tạo nên một kích ứng mạnh mẽ cho mỗi nhà văn. Với riêng tôi, sau đại hội của toàn thể là cái đại hội của riêng mình. Đem cái ánh sáng chung, cái ánh sáng của đồng nghiệp soi vào mình, là cái thứ thẩm mỹ, cũng là làm cho mình giàu có lên, và chan hòa với cái sáng láng của toàn cục, cũng tức là tạo cơ sở hiện thực cho ngẫu hứng của tự do, sáng tạo.

# vấn đề thẩm định văn học nghệ thuật và ý niệm "nhạc vàng"



*Nguyễn Trọng Tạo*

Đã có một thời chúng ta coi "Thơ Mới" (1930-1945) là thơ lãng mạn tiểu tư sản bi quan tiêu cực, coi những tác phẩm văn xuôi xuất sắc của Vũ Trọng Phụng là văn tự nhiên chủ nghĩa, là văn đồi trụy, dâm ô, sa đọa, coi những tác phẩm văn học viết về bi kịch, đau thương, mất mát của con người mới là bôi đen chế độ, là không lành mạnh. Ai khen những tác phẩm ấy tức là kẻ phạm tội. Cái thời ấy đã kéo dài không ngắn hơn bốn chục năm. Mãi cho đến gần đây, quan niệm thô thiển, chụp mũ này mới bắt đầu được thay đổi, các giá trị đích thực của chúng mới dần dần được thẩm định lại. Nhiều tác phẩm có giá trị đã lần lượt được tái bản trước sự chào đón hâm mộ của đông đảo bạn đọc trong nước và nước ngoài.

Đã có một thời chúng ta chống các họa sĩ cách mạng vẽ tranh "nuy", tranh "nửa nuy", hoặc mô tả hiện thực cuộc sống bằng những bút pháp tượng trưng hay lập thể v.v... Ngay trong kháng chiến chống Pháp, những cuộc tranh luận nảy lửa về hội họa đã xảy ra, và rốt cuộc là các họa sĩ phải tuân theo ý kiến kết luận của người có quyền lực nào đó. Kết quả là nghệ thuật tạo hình của chúng ta đơn điệu và nghèo nàn đi rất nhiều. Nếu không có tư tưởng đổi mới như vừa qua, làm sao tranh Nguyễn Sáng, tranh Nguyễn Tư Nghiêm, tranh Bửu Chỉ có cơ may được trưng bày và được đánh giá cao giữa thủ đô Hà Nội như chúng ta đã biết.

Việc thẩm định âm nhạc gần bốn chục năm qua cũng nằm trong tình trạng chung ấy. Có những tác phẩm âm nhạc trước cách mạng tháng Tám từng nâng bổng tâm hồn nhiều thanh niên, sinh viên cầm súng gia nhập quân đội đi kháng chiến chống Pháp, để rồi sau đó, hai tâm hồn đồng điệu ấy (bản

nhạc và người lính) buộc phải đoạn tuyệt nhau! Ngay cả một số bản tình ca của thời bình trên miền Bắc, vừa hòa nhập vào lòng người cũng không hiểu vì đâu bỗng dưng phải dứt áo chia tay. "*Bài ca thủy thủ*" là một ví dụ:

*"Nhổ neo ra khơi đêm nay khi trăng mọc, thuyền anh sẽ nhổ neo ra khơi. Tạm biệt em yêu vẫy chào thành phố cảng thân yêu. Em ơi chớ hỏi anh nhiều. Cũng đừng hỏi vì sao anh ra đi..."*

Âm nhạc và lời ca thật đẹp. Nhưng tại sao lại "đừng hỏi vì sao anh ra đi?" phải biết vì sao người thủy thủ ra đi chứ! — Một nhà phê bình hay một đồng chí "có trách nhiệm" nào đó bỗng phán hùng hồn lên như vậy, thế là đi đời cái bài tình ca của những người thủy thủ!

Ngót nửa thế kỷ qua, nhiều bản nhạc của chúng ta vì lý do này hay lý do khác đã phải chịu số phận cay đắng như thế. Mà nào chỉ là nhạc của chúng ta, nhạc Bet–thô–ven, nhạc Mô–da và cũng đã có khi bị cơ quan văn hóa phường, xã thu hồi tống vào kho "văn hóa đồi trụy". Tuy nhiên, nhạc có lời vẫn dễ bị kết tội hơn, mà kết tội thật đanh thép: "Nhạc vàng"!

Trong lịch sử âm nhạc thế giới không hề thấy nói đến từ "nhạc vàng". Cái tên gọi đó chỉ thấy xuất hiện ở nước ta, hay nói đúng hơn là ở chế độ ta, hơn ba chục năm nay. Gần đây, có người phát hiện là nó bắt nguồn từ Trung Quốc, nhưng cũng không thấy dẫn ra một cứ liệu nào xác thực. Thôi thì nó của Trung Quốc hay của ta, điều đó không quan trọng. Điều quan trọng là, hơn ba chục năm qua, trong sinh hoạt âm nhạc của ta đã hình thành một quan niệm về "nhạc vàng". Vì là mới hình thành nên nó chưa được xác định đầy đủ. Dĩ nhiên là nó phải khác với "nhạc xanh", "nhạc đỏ". (Lại những thuật ngữ nghe khá lạ tai). Ở đây ta không bàn về hai thuật ngữ mới này, nhưng nếu "nhạc đỏ" là nhạc hùng mạnh, nhạc chiến đấu, "nhạc xanh" là nhạc êm ái du dương, thì "nhạc vàng" hẳn là nhạc đồi trụy phản động rồi.

Mới đây có người cho rằng, đối tượng phản ánh của "nhạc vàng" là "cái tôi thất vọng bi quan"; hình thức thể hiện phổ biến là ca khúc trữ tình, tránh dùng quãng rộng, quãng xa, thường dùng thủ pháp mô tiến và tái hiện, ít dùng những tiết tấu xáo động như loại nhạc tiết tấu hóa sau này, dùng đúng công năng và công năng cũng là giới hạn... Còn về biểu diễn thì thường dùng giọng nữ pha chất nũng nịu, mơn trớn, hoặc chán chường ủ ê. Và họ chứng minh rằng, đấy là sản phẩm văn hóa Mỹ – Ngụy ở miền Nam nước ta. (Theo Dương Viết Á – tạp chí Âm nhạc số 6–1986).

Nhưng chúng ta đã biết, âm nhạc tiết tấu ở phương Tây ba chục năm qua, có các nhóm nổi tiếng điên loạn như nhóm *Máy tình dục* (Sex Machiners), *nhóm Hành vi xấu xa* (Bad Manners), *nhóm Khỉ* (Monkeys), hay nhóm *Bà mẹ của các sáng chế* (Mother of inventions) trâng tráo mở đầu chương trình bằng lời chào khán giả: " Thế nào, hỡi các con lợn!" họ hát cả nhạc rên rỉ lẫn nhạc

áp–phích kích động lôi cuốn hàng triệu công chúng. Và đây là một quan niệm của nữ ca sĩ Jani Joplin: "khi tôi hát, tôi thấy như mình làm tình đến cao điểm". Âm nhạc như vậy, đích thực là âm nhạc đồi trụy, phản động rồi. Vậy có thể gọi nó là "nhạc vàng" được không?

Nếu theo định nghĩa trên thì nó không thuộc vào loại "nhạc vàng" của chúng ta. Thế thì nên gọi nó là nhạc màu gì cho thích hợp? Thật là rắc rối!

Nhưng rắc rối hơn là cái từ "nhạc vàng" lâu nay đã làm cho chúng ta không ít nhầm lẫn trong việc thẩm định các giá trị âm nhạc trong nước. Mấy chục năm qua, dân tộc ta phải đương đầu với mấy cuộc chiến tranh liên tiếp phải nói là rất lớn, rất trường kỳ. Âm nhạc cách mạng của chúng ta đã trưởng thành trong việc phản ánh hiện thực hào hùng ấy của dân tộc. Đây là những bản nhạc tràn đầy lạc quan cách mạng, hùng mạnh, hừng hực tinh thần chiến đấu. Có lúc âm nhạc không chỉ là hát lên, mà còn thét lên: "*Vùng lên nhân dân miền Nam anh hùng... Cầm gươm ôm súng xông tới*", hoặc "*không cho chúng nó thoát — chúng bay vào sẽ không có đường ra*" v.v... Ngay cả khi ôm người yêu, nhà thơ cũng không có quyền được quên khẩu súng trên vai người yêu: "*Anh ôm em, ôm cả khẩu súng trường ngang vai em*". Văn nghệ động viên chiến đấu thật đắc lực, phải gác lại những vui buồn riêng tư. Ai không "gác lại" được thì bị tổ chức phê bình. Tác phẩm văn nghệ nào đượm chút riêng tư ấy khó tránh khỏi sự chỉ trích, phê phán. Thế là xuất hiện tâm lý sợ hãi thậm chí khinh bỉ những nỗi niềm riêng không phù hợp với cuộc chiến đấu vĩ đại. Cái tâm lý ấy tưởng chỉ tạm thời trong chiến tranh, nhưng thực ra nó vẫn ám ảnh chúng ta cả trong hòa bình. *Khi nghe những âm thanh êm ái chia sẻ* buồn thương cùng con người, thức dậy những kỷ niệm yên bình tươi đẹp của con người, dường như chúng ta vẫn bị cái tâm lý sợ sệt hoài nghi kia ám ảnh, bởi vì không thấy chúng "hừng hực lửa chiến đấu"! Nhạc vàng đấy, coi chừng! Tiểu tư sản đấy, coi chừng! Nhạc tiền chiến đấy, coi chừng! Nhạc thời Mỹ–Ngụy đấy, coi chừng!... Biết bao nhiêu sợi dây "coi chừng" như thế đã trói buộc sự sáng tạo của người nghệ sĩ. Trên bàn ăn của công chúng, cũng vì thế mà các món ăn tinh thần dường như vẫn thiếu đi mấy món gì đó.

Chính vì thế mà công chúng thành phố Hồ Chí Minh đã tràn vào "Đêm nhạc Văn Cao" để được nghe lại Thiên Thai, Trương Chi, Bến Xuân, Buồn Tàn Thu bên cạnh những bài hát cách mạng của ông. Cũng chính vì có một phần nhạc tiền chiến của Văn Cao mà đêm nhạc mừng thọ sáu mươi của ông tại Hội nhạc sĩ Việt Nam năm 1983 bỗng mang thêm một ý nghĩa mới. Cái mũ "nhạc vàng", chụp lên những ca khúc tiền chiến của ông đã được nhấc đi, để lộ ra mái đầu xanh say đắm của tuổi hai mươi Văn Cao.

Còn bao nhiêu "mái đầu xanh" chưa được cất mũ "nhạc vàng"?

Nghị quyết riêng về văn hóa văn nghệ của Bộ chính trị đã chỉ rõ ràng:

"*Tác phẩm văn nghệ không vi phạm pháp luật không phản động* (chống lại dân tộc, chống lại chủ nghĩa xã hội, phá hoại hòa bình), *không đồi trụy* (truyền bá tội ác, sự sa đọa, phá hoại nhân phẩm) *đều có quyền được lưu hành và đặt dưới sự đánh giá phán xét của công luận và của sự phê bình*".

Tuy nhiên, thực hiện được điều đó không đơn giản dễ dàng. Đồng chí Trần Độ nhấn mạnh rằng: "*Cần phải thay đổi nhiều nếp nghĩ thô thiển đã hằn sâu từ lâu đời trong đầu óc nhiều người, phải khắc phục một cách vất vả những sức mạnh của sự bảo thủ, trì trệ... Phải xây dựng nhiều quan niệm mới trong cả các hoạt động sáng tạo và cả trong sự hưởng thụ và thưởng thức của công chúng rộng rãi...*" Với tinh thần ấy, thiết nghĩ trong âm nhạc, quan niệm "nhạc vàng" hơn ba chục năm qua, nay cũng cần được xem xét lại. Nhìn từ một góc độ nào đó, nó đã phủ lên cái nhìn âm nhạc của chúng ta một màu hoàng hôn tranh tối tranh sáng, dễ nhầm lẫn các giá trị thực của hình ảnh vốn có. Hơn nữa, nhìn rộng ra các trào lưu âm nhạc suy đồi và phản động tràn ngập ở phương Tây hiện nay, thì thuật ngữ "nhạc vàng" chỉ loại âm nhạc bi quan là quá hạn hẹp. Vả lại ở ta, đọc truyện Kiều ai mà không nhớ hai chữ "nhạc vàng" với ý nghĩa thật đẹp mà Nguyễn Du đã dành để tả tiếng nhạc ngựa của chàng Kim trước lúc gặp nàng Kiều: "*Nhạc vàng dâu đã tiếng nghe gần gần*"? Bởi những lý do như đã nói ở trên, tôi đề nghị chúng ta nên đưa hai chữ "nhạc vàng" – một khái niệm âm nhạc không bình thường – ra khỏi các sinh hoạt âm nhạc ở ta, và hãy gọi đúng tên của loại âm nhạc mà chúng ta không chấp nhận được là "nhạc đồi trụy, phản động".

Với tinh thần đổi mới hiện nay, *Đêm nhạc ngược dòng thời gian* trở lại với một số ca khúc chủ yếu là thời tiền chiến do Hội văn nghệ Bình Trị Thiên tổ chức vừa qua là một biểu hiện của sự trăn trở nghĩ suy mới. Dĩ nhiên, chúng ta không ngây thơ đem các "mốt" quần áo hiện đại của ngày nay để so sánh với những bộ quần áo sang trọng của thời trước. Chúng ta đánh giá các tác phẩm văn nghệ trong hoàn cảnh lịch sử của nó. Hát những bài hát cũ, nhưng đây là một hành động mới. Tôi ủng hộ những hành động mới vì một nền văn nghệ thực sự của nước nhà, vì sự tốt đẹp của con người.

**Huế 12-1-1988**

(Trích tạp chí Sông Hương số 31 tháng 5, 6 – 1988)

# thị hiếu và lối đọc truyện hiện nay qua một cuộc tranh luận



Đặng Anh Đào

Gần đây có ba người viết truyện được nói tới nhiều: Lê Lựu, Dương Thu Hương và Nguyễn Huy Thiệp. Nhưng *Thời xa vắng* không gây tranh luận, cuộc trao đổi về *Bên kia bờ ảo vọng* sớm chấm dứt, chỉ có truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp là có qui mô tranh luận rộng và dai dẳng nhất. Chính ở nơi có ý kiến đối lập, thị hiếu và lối đọc truyện hiện nay bộc lộ rõ nhất. Tất nhiên có thể qua thống kê thăm dò, mà phát hiện một phần. Nhưng ở xứ sở mà phòng thống kê máy tính điện tử hãy còn là địa điểm tham quan thì khó nói đến vận dụng phương pháp này. Có tranh luận là có trái ngược, điều này khỏi phải bàn. Song qua sự trái ngược ta có thể tìm thấy một số nét chung và sự biến chuyển của thị hiếu hiện nay, từ đó giúp giải thích một số hiện tượng văn học.

Điều suy nghĩ đầu tiên của chúng tôi là vì sao lại là Nguyễn Huy Thiệp chứ không phải một ai khác. Điều này nói lên cái gì về thị hiếu và lối đọc hiện nay? Cuộc tranh luận chủ yếu tập trung vào việc nhà văn đã báng bổ thánh thần, hay nói như Nguyễn Quang Sáng "Phẩm tiết" đã: "xúc phạm đến lòng thờ phụng của mọi người đối với tổ tiên" (ở đây không nhắc đến ý kiến của Nguyễn Quang Sáng đánh giá tài năng của Nguyễn Huy Thiệp rất cao và thật khách quan). Song ngay ở điểm này thái độ người đọc vẫn bị phân chia, thậm chí đối lập. Bản thân tôi không được dịp tranh luận (khi bài viết của tôi về Nguyễn Huy Thiệp gửi đi thì chưa xuất hiện loạt truyện "lịch sử giả"). Nhưng nếu được phát biểu về bộ ba này, tôi chỉ thấy là Phẩm tiết không hay, không buồn và không sâu như Kiếm Sắc và Vàng lửa. Còn tôi không hề có ấn tượng gì về việc "xúc phạm" Quang Trung, có lẽ một phần vì quan niệm người anh

hùng cũng có thể mê gái và biết trả thù, trông thấy lễ vật cũng "trầm trồ thán phục" (vua mà lại!), nhưng điều chủ yếu là vì ấn tượng mạnh nhất đối với tôi không phải là Quang Trung, Gia Long hay Nguyễn Du, mà là những vấn đề hiện tại, cái mà Vương Trí Nhàn gọi là "sự định hướng" và Văn Tâm gọi là "hằng số lịch sử". Bởi truyện "Phẩm Tiết" chưa đạt tới chiều sâu của những vấn đề ấy, nên đụng tới Quang Trung, Nguyễn Huy Thiệp mới bị coi là "trả giá quá đắt" (Vũ Phan Nguyên). Song ở truyện trước vì sao ít nhiều vẫn có thể gây hiểu lầm. Người ta đã bàn nhiều về lối viết, về lối đọc, ở đây tôi chỉ xin bổ sung thêm bằng cách đặt gạch nối giữa hai vế.

1– Nguyễn Huy Thiệp đã gây một cái hẫng giữa phát và nhận. Lối viết đa âm đụng phải lối đọc thánh thư. Tôi tạm gọi như vậy. Khổng Tử viết... Thống chế Pê–tanh đã nói... chưa xa lắm. Lối học tầm chương trích cú có bà con với lối đọc này. Chỉ tách một câu như "Gia Long là một khối nguyên liệu vô giá" ra khỏi những bụi bặm và chủ nghĩa cộng sinh của ông ta khỏi mọi chi tiết khác của câu chuyện thì câu trên không còn là mỉa mai nữa mà là câu ca ngợi. Xưa nay, những vụ án văn chương ở phương Đông nhiều khi chỉ dựa trên một nét thêm bớt ở một chữ, hoặc cắt vài chữ ra khỏi câu. Nhưng từ *Tướng về hưu* nhiều bạn đọc đã cảm thấy rằng không thể đọc Nguyễn Huy Thiệp chỉ trên một dòng, hoặc một đoạn, hoặc một nhân vật. Tất nhiên trong tác phẩm, người ta không thể trích tất cả, mọi yếu tố không có giá trị ngang nhau, nhưng khi chọn một chữ một câu để coi là tiêu biểu, ta không thể độc đoán cô lập nó ra khỏi toàn bộ hệ thống văn bản và liên văn bản. Tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp do sức mạnh gợi mở ra ngoài cuộc đời quá, do thúc đẩy quá nhiều liên tưởng, nên mọi người đều gán cho nó sự liên tưởng của mình và sinh ra cãi nhau. Những người ưa đọc thánh thư bực mình vì muốn tìm câu phán của nhà văn, có khi lại gắn nhầm, và cho rằng nhà văn đã phán láo. Ngược lại, người đọc thiên về trí tuệ đã phản đối lối đọc ấy, gây nên *độ căng của một cuộc tranh luận khó dứt*, và cũng khẳng định đổi mới của thị hiếu hiện nay.

2– Khi ông *tướng về hưu* xuất hiện, chúng tôi đã thấy rằng "người cha đã chết". Hình tượng người cha khiếm khuyết, những đứa trẻ mồi côi, những đứa con hoang, cái dị dạng bình thường là những mô típ của Nguyễn Huy Thiệp và nhiều nhà văn trẻ hiện nay, như một âm vang của một khủng hoảng xã hội. Ta rất sợ chữ "khủng hoảng", nhưng phải chăng nên gọi sự vật bằng đúng tên của nó và có lẽ không phải khủng hoảng lúc nào cũng đáng sợ. Nếu gọi một vài hiện tượng cụ thể ngoài đời thì *Bên kia bờ ảo vọng* trực tiếp hơn, hoặc nếu gọi là phạm thượng độc đáo và mới lạ thì cũng phải kể đến *Thiên sứ* của Phạm Thị Hoài. Vậy vì sao truyện Nguyễn Huy Thiệp vẫn là mắt bão, trong khi những truyện khác cũng đụng chạm tới những khủng hoảng và mặc

cảm lớn của xã hội hiện nay lại được gạt ra ngoài? Có nhiều nguyên nhân khó kể hết. Từ việc đơn giản là hai truyện kia không dễ phổ cập như truyện ngắn, không in trên một tờ báo dễ phổ cập, đắt khách mà lại rẻ tiền như tờ *Văn nghệ*(tờ *Tác phẩm văn học* giá hơn gấp đôi). Nguyên nhân chính theo tôi nghĩ vẫn là bởi truyện Nguyễn Huy Thiệp vừa dễ tiếp cận với người đọc trung bình ở Việt Nam hiện nay, lại vừa mới lạ. Ở đây tôi vẫn nhấn mạnh gạch nối giữa hai vế, chỉ một vế không tạo thành lực thu hút. *Một lối viết bề ngoài giản dị trong sáng, có thể nói là trong suốt, nhưng bên trong lại phức tạp, nhiều tầng lớp. Nó giữ được độ căng giữa truyện và người đọc*. Nói một cách khác, nó phù hợp với thị hiếu hiện nay. Bởi vậy, nếu nói những người chê Nguyễn Huy Thiệp vẫn là những người thích đọc Nguyễn Huy Thiệp, cũng không có gì là mâu thuẫn. Vì, thật ra chỉ có hai loại buộc phải đọc những thứ mình không thích: một là những nhà giáo khốn khổ buộc phải dạy một số tác phẩm nào đó trong chương trình, hai là những người tìm thấy lợi ích nào đó trong cái việc chán ngấy này. Nguyễn Huy Thiệp đã lừa người ta vào cái thế giới trong suốt quen thuộc (Tục ngữ dân gian, thơ Nguyễn Du, truyện chương hồi) để rồi không dẫn đến kết thúc có hậu, không có nhân vật mặt đỏ mặt xanh rõ ràng. Ở Phạm Thị Hoài mọi người thấy cái lạ ngay lập tức và chấp thuận trò chơi. Các cụ lắc đầu bảo rằng đó là một thế giới khác, thế giới của con số, của ký hiệu, của một đám thanh niên trí thức nhăng nhố, thây kệ nó! Xét đến cùng, nhân vật của *Thiên sứ* không lạ, họ vẫn là nhân vật lãng mạn, nguyện phiến. Tính cách số phận khác nhau nhưng rất giống nhau về cốt cách, họ là những anh chị em sinh đôi, sinh ba v.v... họ nói cùng một ngôn ngữ, họ đều lớn quá cỡ bình thường. Còn ở nhân vật Nguyễn Huy Thiệp, về nghệ thuật, nó là một sự dân chủ hóa, còn về sự quy chiếu, nó ám chỉ một thực trạng trắng đen không rõ rệt của xã hội hiện nay. Nguyễn Huy Thiệp đội khăn xếp, mặc áo the đứng bên cạnh dàn nhạc "Pốp"! Anh ta mời bạn đọc vào lăng tẩm xem Gia Long... lý thuyết về trò chơi! Sự lừa dối bất nhất ấy thu hút hoặc làm người đọc nổi khùng. Sự báng bổ diễn ra tầng tầng lớp lớp theo đường vòng. Khủng hoảng không chỉ ở nội dung ý nghĩ của nhân vật, mà còn ở những ám ảnh rất bình thường nhưng lại giống như những giấc mơ ban ngày, những hoang tưởng. Nghệ thuật Parabôn ở đó cái quan trọng không phải là đề tài, không chỉ là những ẩn dụ, mà là những liên tưởng của người đọc được gọi lên rất phù hợp với Nguyễn Huy Thiệp.

Nguyễn Huy Thiệp phê phán những ảo tưởng, những cổ tích, những huyền thoại bằng chính hình thức cổ điển, huyền thoại truyện "lịch sử giả". Cũng như Xécvăngtéc cáo chung cho những ảo tưởng kỵ sĩ bằng chính hình thức tiểu thuyết kỵ sĩ. Đây là một cách nhái lại (parodie). Mà ở ta có câu: "Chửi cha không bằng pha tiếng". Người thích đọc Nguyễn Huy Thiệp mà

không thích tư tưởng phạm thượng ở đây lại càng cáu vì có cảm giác bị lừa vào trò chơi ma quái. Cuộc tấn công từ trong ra, chứ không phải ở mặt ngoài.

3– Có tranh luận là có trái ngược, nhưng có lẽ nên coi đây là một *nét khởi sắc của người đọc* và là hiện tượng đáng mừng cho văn học. *Trong một thời gian dài ta ghét và sợ những cái gì khác nhau và khác ta* kể cả cái đẹp. Nhưng trong nghệ thuật lại cần cái khác, cái lạ. Ở phương Tây gây được xì–căng–đan, gây được chuyện tai tiếng ầm ĩ cũng có thể thành công, đến nỗi có chữ "succès de scandale". Đó là thành công lâu dài, thực sự hay không lại là truyện khác. Song vẫn có thể kể ra những trường hợp sách bán chạy khác thường, và nhà văn bị đưa ra tòa hoặc sách bị cấm: *Bà Bôvary, những bông hoa ác, Giã từ vũ khí*. Xây dựng hình tượng lão già dâm đãng Huylô trong *Chị Bét*, Bandăc dựa vào chuyện một xì–căng–đan của Huy gô (ám chỉ từ cái tên) nhưng Huygo vẫn tới đọc bài điếu văn hay nhất trên mộ Ban dắc, bản thân Huygo vẫn được mai táng ở *Đài danh nhân* (ông là nhà văn đầu tiên hưởng vinh quang đó) và cuốn tiểu thuyết trên của Bandắc vẫn là một kiệt tác của bộ *Tấn trò đời*. Nên ở cái xứ mà chủ nghĩa hoài nghi phát triển rất mạnh ấy, các nhà văn không sợ bị chửi – vì hễ bị chửi lại có anh bênh – cái họ sợ nhất là sự im lặng. Ở ta, ít nhiều còn có tâm lý là không bị nhắc đến là yên chí, không có sai lầm gì, chỉ có mỗi một sai lầm là sách in ra không dễ đọc!

4– Nói đến thị hiếu là nói đến thực tế mà nhà văn phải chấp nhận (theo cái cách của riêng từng người). Nó có tính chất ổn định tương đối. Trong thị hiếu, có những cái thuộc về truyền thống mà qua cuộc tranh luận đã nổi lên rất rõ. "Ta thờ kính anh hùng có khi cũng có những cái không thật mình cũng tô đắp vào mà thờ" (Nguyễn Quang Sáng). Thật nghịch lí, ít khi thanh niên mê tín như bây giờ, lúc mà khủng hoảng niềm tin có lẽ là lớn nhất từ 1945 đến nay... Thế nhưng thật ra Nguyễn Huy Thiệp vẫn là Việt Nam chỉ có điều bạn đọc không mấy ai để ý đến cái dư vị buồn của *Tướng về hưu, Con gái thủy thần, Kiếm sắc, Vàng lửa* khi không còn cha, vua, thủy thần!

Hoặc nếu nói đến thì một người — đặc biệt đối với và *Vàng lửa* — lại có ấn tượng là *không lành mạnh* (Nguyễn Thuý Ái). Điều này cũng có sơ sở trong truyền thống tâm lý dân tộc. Ta khó chấp nhận cái bi! Anh Cao Huy Đỉnh, nhà nghiên cứu cực kỳ thông minh và chết sớm ấy, vào năm 1971 đã tổng kết: chỉ có các xã hội phương Đông mới có sublime thuần túy và *Thánh Gióng là hình tượng anh hùng hoàn toàn vô tư không hề gặp khó khăn từ đầu đến cuối*, tóm lại là không tragique (bi kịch), chỉ có ở phương Tây, cái tragique mới thành truyền thống. Có điều cái mà anh Cao Huy Đỉnh xác định như một giá trị, thì theo tôi nghĩ lại là tổn thất cho văn chương ta. Hiện nay. Khi cộng đồng và cá nhân không còn là thể thống nhất, cái bi xuất hiện, thì người đọc vẫn mang truyền thống cũ trong mình – để kết tội nhà văn là *bi*

*quan*. Song phải thừa nhận một thực tế: một cuộc sống mệt mỏi khiến ngay người đọc trí tuệ nhất cũng có nhu cầu nhìn thấy những gương mặt lý tưởng, những kết thúc có hậu trong tác phẩm, để nghỉ ngơi đôi chút, âu cũng là phép *thắng lợi tinh thần*! Có lẽ vì vậy mà Mai Ngữ đòi hỏi đừng có ác với bạn đọc!

5– Thị hiếu là một thực tế khách quan, nhưng muốn hoàn toàn chiều theo nó cũng không được, vì nó biến đổi. Trước những năm năm mươi, một ca sĩ Mỹ bị đưa ra tòa, vì tội lắc mông trong khi hát. Tòa thận trọng hỏi vì sao anh cứ lắc từ bụng dưới trở xuống khi hát, anh vui vẻ thưa, vì làm như vậy anh thấy dễ chịu và người nghe cũng thấy dễ chịu. Anh là vị thánh đầu tiên và cuối cùng đã tuẫn tiết vì đạo lắc mông.

Những truyện tục ở Nguyễn Huy Thiệp và một số nữ văn sĩ khác bị phản ứng không hẳn do nhà phê bình nào đó hay nghĩ bậy, như Dạ Ngân đã nói. Ở ta không có truyền thống Rabole trong văn học chính thống Rabole mà Bakhtin đã phải nói đến những "xê ri" truyện ăn uống, ỉa đái, giao hợp trong tác phẩm. Tất nhiên vấn đề là nhà văn có phải là Rabole hay không, chứ không phải vấn đề là cần phải nói tục. Ông bố nào đó cấm con đọc truyện Nguyễn Huy Thiệp có cái lí của họ: nếu không quen nhìn tranh tượng khỏa thân như ở những nước có truyền thống từ thời cổ đại, thì dễ nghĩ bậy. Nhưng liệu ông bố ấy có khiến nổi con họ mãi mãi không tiếp xúc với thế giới bên ngoài cực kỳ biến động như hiện nay không? Nhà văn, khi đối thoại với người đọc trung bình có lẽ chỉ lắng nghe một nửa tai mà thôi, vì anh ta là người phải đương đầu với thị hiếu, vừa chiều theo nó vừa biến đổi nó. Nếu không Nguyễn Du đã chẳng nói tới một người đọc ba trăm năm sau, và Tagore đã không viết: "Nàng ơi, tôi biết nàng sẽ tới trong một thế kỷ nào đó"...

Để kết luận, tôi xin chúc cho các nhà văn trẻ không phải chờ đến ba trăm năm hay một thế kỷ, bởi lẽ trái đất đang ở một thời kỳ mà con người không thể chờ đợi và muốn sống hết mình với cái hiện tại.

(trích Nguyễn Huy Thiệp - Tác phẩm và dư luận)

# cuộc sống hôm nay và trách nhiệm của thơ

## tham luận tại cuộc hội thảo của các nhà thơ việt nam ở bảy tỉnh miền trung



*Bùi Minh Quốc*

Tôi không quan niệm đây là cuộc hội thảo về thơ bảy tỉnh miền Trung, mà đây là cuộc gặp gỡ của những nhà thơ Việt Nam đang sống và làm việc trên giải đất bảy tỉnh miền Trung để trao đổi ý kiến về những vấn đề của thơ Việt Nam hiện nay, và qua đó góp phần vào công cuộc đổi mới đất nước đầy gian truân được phát khởi từ đại hội Đảng lần thứ VI.

Tất cả những người chân chính hiện nay, cả trong Đảng và ngoài Đảng, không ai không lo âu, đau đớn, thậm chí phẫn nộ đến bực bội trước hiện trạng xã hội. Tổ chức Đảng không trong sạch, hiệu lực quản lý của bộ máy Nhà nước yếu, các quan hệ xã hội bị ô uế, hàng loạt bất công trong Đảng và ngoài xã hội tồn tại và kéo dài, có những kẻ đầy tội lỗi vẫn được che dấu dưới những danh hiệu cao quý, những cương vị quan trọng, và nói chung là một tình trạng xuống cấp lòng tin, xuống cấp đạo đức có thể nói là nghiêm trọng. Có những nhân vật phản diện trong đời thực của xã hội ta hiện nay đến Yagô của Sếch pia cũng phải tôn làm thầy về sự xảo trá và vô liêm sỉ, mà ghê tởm làm sao, một số kẻ như vậy vẫn tự cho mình cái quyền đi ban phát những bài học đạo đức.

Tình hình đó không thể chấp nhận được, bởi nó hoàn toàn xa lạ, thậm chí hoàn toàn trái ngược với lý tưởng của những người Cộng sản, của tất cả những ai thiện trong cuộc đời này, cái lý tưởng thiêng liêng mà vì nó biết bao

thế hệ Cách mạng đã đổ máu không mảy may tính toán. Dân tộc ta đã đổ hàng núi xương sông máu để giành độc lập nhưng không phải để trên đất nước độc lập này diễn ra cái cảnh "kẻ ăn không hết, người lần không ra", "dân có tội thì xử theo hình pháp, quan có tội thì xử theo lễ".

Thực tế cay đắng ấy được Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI dũng cảm vạch ra, và toàn Đảng, toàn dân dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành Trung ương đang xăn tay áo lên xốc lại đội ngũ, tổ chức một cuộc đấu tranh thật kiên quyết, thật khôn ngoan và nhẫn nại để thanh toán cho bằng được.

Tôi cho rằng đây là một vấn đề sinh tử của cuộc sống và cũng là vấn đề sinh tử của thơ, một vấn đề rất xưa nhưng cũng rất thời sự. Chừng nào có một người lương thiện ngay thẳng bị hàm oan, chừng đó mỗi câu thơ của chúng ta còn trăn trở không yên.

Một số tờ báo đang đi tiền phong trong cuộc chiến đấu này. Trên địa hạt văn học, một số kịch nói, một số tác phẩm văn xuôi đang tác chiến có hiệu quả. Những phần tử thái hóa biến chất, những kẻ xấu, kẻ ác chui luồn trong hàng ngũ Cách mạng không thể không cảm thấy cái ghế chúng ngồi bắt đầu rung chuyển, chúng không thể tự tung tự tác như trước. Những người tốt bắt đầu lấy lại được niềm tin, bớt mệt mỏi, bớt thờ ơ. Nhưng tất cả chỉ mới bắt đầu.Và trong cuộc bắt đầu này, các nhà thơ dường như có hơi chậm trễ. Chả có lẽ các nhà thơ chúng ta lại thiếu nhạy cảm hơn các đồng nghiệp của mình trong văn xuôi và kịch? Tôi nghĩ rằng cuộc đấu tranh ngấm ngầm và sôi sục hằng ngày giữa cái thật và cái giả, cái tốt và cái xấu, cái cao cả và cái thấp hèn diễn ra trên quy mô toàn xã hội cũng như trong từng con người đang đòi hỏi có người phát ngôn xứng đáng của mình trong thơ ca, và các nhà thơ cũng đang tự kiếm con đường riêng để đáp ứng đòi hỏi ấy.

Để có thể làm được người phát ngôn xứng đáng của cuộc sống sôi sục, đa dạng, phức tạp và xô bồ này, nhà thơ đương nhiên phải có phẩm cách, có bản lĩnh và năng lực nắm vững thứ ngôn ngữ đặc thù kỳ diệu không gì thay thế được là thơ. Hơn bao giờ hết, thậm chí hơn cả thời chiến, cuộc sống đang cần những nhà thơ chiến sĩ, mà cốt lõi của phẩm cách chiến sĩ không có gì khác hơn là lòng trung thực, là dũng khí bảo vệ chân lý đến cùng. Thơ cần phải mở rộng khai phá ra mọi đề tài của đời sống xã hội cũng như của thế giới nội tâm sâu kín của con người, nhưng trước hết thơ không thể quay lưng lại với yêu cầu bức bách hiện nay của cuộc sống đấu tranh xã hội. Những viên đạn ngôn từ đầy sức dồn nén của thơ cần phải tấn công trực diện vào những phần tử cơ hội chủ nghĩa thoái hóa biến chất trong tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước,những kẻ tuy còn là đảng viên, cán bộ, nhưng thực chất đã mất hết chất Cộng sản, chất Cách mạng, đang hằng ngày nhân danh những danh hiệu cao quý để mưu lợi riêng. Bọn chúng còn có thể lọt lưới qua các cuộc phát

thẻ Đảng, các cuộc kiểm tra, thanh tra, các tòa án,nhưng nhất định các nhà thơ của chúng ta không thể cho chúng lọt lưới qua tòa án của thơ. Thơ phải truy kích chúng đến cùng. Cho dù chúng còn tạm thời che dấu được tội lỗi để vênh vang và chễm chệ trên giầu sang và quyền lực bất chính thì thơ cũng bắt chúng phải tự đối diện với chính mình, mở mắt mà kinh hoàng trước cái hố thăm thẳm của sự trống rỗng về tinh thần. Quyền uy tối thượng ấy của thơ, dường như một số nhà thơ của ta đã quên mất. Đồng thời thơ phải chống lại sự mệt mỏi, sự thờ ơ của những người tốt. Thơ phải luôn luôn có mặt ở bên cạnh những con người ngay thẳng đang bị oan trái, những người đang muốn cất lên tiếng nói trung thực của mình nhưng chưa đủ sức, thơ phải làm chỗ dựa đáng tin cậy cho họ trong những khoảng khắc họ cảm thấy mệt mỏi muốn buông xuôi trong cuộc đấu tranh đầy phức tạp.

Vấn đề quyết định là phẩm cách, bản lĩnh và năng lực của nhà thơ.

Nhưng có một vấn đề cũng không kém quyết định là sự lãnh đạo, chỉ đạo văn hóa nghệ thuật. Đã có một thời gian dài trong đời sống văn nghệ và trong đời sống xã hội chúng ta từng ngự trị một số quan niệm vừa dung tục, vừa phiến diện trong cách đánh giá tác phẩm văn nghệ nói chung và tác phẩm thơ nói riêng. Hầu như thơ bị tước mất quyền được nói nhiều nghĩa – là cái sức mạnh riêng của thơ, đụng vào đâu cũng vướng những "kỵ, húy" vô hình, nhưng có sức trói buộc đáng sợ. Thơ hầu như buộc phải xa lạ với tinh thần phê phán, tinh thần hoài nghi (đương nhiên là hoài nghi khoa học). Mặc dù các nghị quyết đại hội Đảng đã từng đánh giá rất cao những thành tựu của văn nghệ trong hai cuộc kháng chiến, khẳng định sự tin cậy và tự hào của Đảng đối với đội ngũ văn nghệ sĩ Cách mạng, nhưng trên thực tế một số cán bộ lãnh đạo văn nghệ, một số cán bộ tuyên huấn, cán bộ tổ chức, kể cả ở cấp cao, lại thường mang nặng một tâm lý nghi ngại, nghi ngờ về chính trị, một cách nghĩ, một cách nhìn đầy định kiến, hẹp hòi và khá trịch thượng, đối với văn nghệ sĩ. Tâm lý này ảnh hưởng bàng bạc vô hình trong toàn xã hội. Có khi hai người cùng lý lịch như nhau, quá trình trưởng thành như nhau, một người đi làm tuyên huấn hoặc tổ chức thì đương nhiên được coi là chính trị vững vàng hơn, nhiều Đảng tính hơn người làm thơ. Một bạn thơ của tôi ở Lâm Đồng đã nêu một hiện tượng có thực đáng phải xem xét: Thường khi một hội đồng duyệt phim có thể thông qua không khó khăn một bộ phim tư bản nội dung và nghệ thuật tầm thường, nhưng lại lật qua, lật lại, xoi mói từng giòng bài thơ của một tác giả "nội địa" – người đã viết nhiều tác phẩm tốt và bản thân đã trải qua nhiều thử thách trong chiến tranh. Đã từng xảy ra không ít những trường hợp quy kết thô bạo, chụp mũ hồ đồ, xử trí độc đoán làm khốn khổ hầu như cả đời những tài năng quý hiếm. Tình trạng đau lòng này ảnh hưởng xấu đến cảm hứng sáng tác của nhiều nhà thơ, gây nên

một sự ức chế bên trong, kìm hãm năng lực sáng tạo. Đó có lẽ là nguyên nhân chủ yếu sản sinh và thịnh hành một thứ thơ nhàn nhạt, ngòn ngọt, vô thưởng, vô phạt tuy luyến láy rất khéo. Những tiếng ca be be có vần được dán nhãn hiệu chủ nghĩa lạc quan, tạo thành một thứ thuốc giảm đau nguy hại khiến công chúng quên mất nỗi đau thật nghiệt ngã của những căn bệnh xã hội đang cần gấp rút chữa trị mà bất cứ ai còn chút lương tâm, chút trách nhiệm, cũng không thể làm ngơ được.

Những quan điểm, cách nhìn và thái độ lỗi thời, phi Mác xít trên đây cần được phải thanh toán triệt để.

Tuy nhiên xin nhắc lại, điều quyết định vẫn là phẩm cách bản lĩnh và năng lực của nhà thơ.

Những nhà thơ thứ thiệt vẫn kiên định con đường mà họ tin là đúng đắn, cho dù có lúc họ thật đơn độc. Nhất định họ không lùi bước trong cuộc đấu tranh cho chân lý. Xin kết thúc bài phát biểu bằng mấy câu thơ viết mười lăm năm trước trên đất Điện Bàn đầy thử thách.

*Điện Bàn ơi trong lửa*
*Mỗi ngày đêm người đẻ mấy anh hùng*
*Ai qua đây nào biết lùi chi nữa*
*Ai qua đây nào biết lùi chi nữa.*

Nha Trang, ngày 24 tháng 7 năm 1987.
(trích tạp chí Lang Bian số 1 tháng 10-1987)

# góp ý kiến về đổi mới
## tham luận tại mặt trận tổ quốc



*Phan Đình Diệu*

Đất nước ta đang ở một thời điểm mà sự sống còn và phát triển của nó đòi hỏi phải có bước ngoặt của sự đổi mới toàn diện. Với ý thức trách nhiệm của một người dân đối với đất nước, tôi xin phép được góp một số ý kiến sau đây:

1.– Đổi mới tư duy:

Ta kêu gọi nhiều về đổi mới tư duy. Nhưng *nội dung* của sự đổi mới như thế nào thì không thấy nói rõ. *Mới* là thế nào? *Cơ sở* của sự đổi mới là gì? Tôi nghĩ cần xây dựng một hệ thống lý luận cho sự đổi mới này. Có thể một số yếu tố sau đây phải được coi là căn cứ khoa học của nội dung "đổi mới tư duy".

a.– Những luận điểm cơ bản của học thuyết Mác–Xít về kinh tế và về chủ nghĩa xã hội khoa học vẫn là căn cứ quan trọng cho tư duy đứng đắn của chúng ta. Tất nhiên, cái mới là ở chỗ không biến mỗi lời của Marx, Engels, Lênin thành một giáo điều, mà phải nghiên cứu một cách khoa học. Trong sự nghiên cứu đó, cần hiểu sâu sắc hơn các nguyên lý cơ bản, đồng thời cần xem xét lại một số luận điểm hoặc nhận định không còn phù hợp với thực tiễn của thời đại ngày nay. Nói cách khác, cần nghiên cứu nó như một học thuyết khoa học.

b.– Những tư tưởng lớn, những quan điểm và phương pháp nhận thức mới mà cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện nay mang lại. Đây là một yếu tố cực kỳ quan trọng. Thí dụ: Quan điểm hệ thống, các tư tưởng và phương pháp của khoa học điều khiển hiện đại cho ta những khả năng nhìn nhận và phân tích mới mẻ đối với các hệ thống kinh tế – xã hội. Tri thức khoa học của thời đại là một nguồn phong phú cung cấp sức sống mới cho tư duy và nhận thức của chúng ta.

c.– Những nhận thức lý luận trên cơ sở phân tích thực tiễn phát triển của thế giới hiện đại, như vai trò của cách mạng khoa học kỹ thuật; những điểm hay, dở cũng như sự vận động của các hình thái tổ chức xã hội hiện tại; những thử thách nghiêm trọng đối với sự phát triển mà chủ nghĩa xã hội thực tế

đang gặp phải; kinh nghiệm của các nước trong thế giới thứ ba; xu hướng phát triển của thế giới và quan niệm mới về chủ nghĩa xã hội, v.v...

Cần xây dựng một hệ thống lý luận như vậy để làm nền tảng khoa học cho sự đổi mới tư duy.

Với cách tiếp cận đó đối với "đổi mới tư duy", tôi xin đề cập đến một số vấn đề sau đây:

2.– Đánh giá tình hình và thực trạng xã hội:

Tình hình kinh tế–xã hội của ta đang rất khó khăn, nghiêm trọng, đó là điều ai cũng biết. Nhưng đặc điểm cơ bản là gì? Tôi nghĩ rằng đặc điểm cơ bản là: Nhà nước tập trung độc quyền nhưng bất lực, trong khi đó xã hội phát triển hỗn loạn ngoài phạm vi kiểm soát của nhà nước. Về tổ chức và quản lý kinh tế, một nhà nước nắm trong tay tất cả mọi quyền lực và phương tiện, mà làm ăn thua lỗ, không trả lương được cho người làm công đủ sống, thì rõ ràng về mặt kinh tế, một nhà nước như vậy không thể tiếp tục tồn tại.

Những tiêu cực hiện nay trong xã hội và trong nhà nước là hiện tượng hay bản chất? Một hiện tượng lập đi lập lại, có tính phổ biến, thì rõ ràng mang tính bản chất. Vậy bản chất ấy là gì? Là: Đã áp đặt lên một thực thể những nguyên tắc không phù hợp với khả năng vận động và phát triển khách quan của nó, trong khi trên thực tế, sự phát triển của thực thể đó vẫn cố tìm cách thoát khỏi sự áp đặt, để tuân theo những "quy luật" thích hợp với nó.

Xã hội ta chưa phải là xã hội chủ nghĩa. Cưỡng bức những kiểu xã hội chủ nghĩa một cách "ý chí luận" cho nó như vừa qua thì không làm cho nó gần tới chủ nghĩa xã hội, mà thực tế đẩy nó ra xa hơn.

3.– Thế giới là gì? Ta là gì?

Nên đặt mục tiêu gì cho nước ta hiện nay? Với quan niệm "ta" không phải là một hệ khép kín, mà phải là một hệ mở trong một hệ thống lớn hơn là thế giới, muốn tìm cách phát triển, ta cần phải nghiên cứu kỹ các vấn đề nói trên.

a.– Thế giới đã và đang có những biến đổi to lớn. Cách mạng khoa học–kỹ thuật hiện đại đang làm thay đổi nhanh chóng lực lượng sản xuất. Cơ cấu sản phẩm, cơ cấu tạo thành giá trị có những thay đổi lớn (thí dụ: các khu vực thông tin và dịch vụ chiếm tỷ lệ ngày càng lớn trong thu nhập quốc dân), nhu cầu của con người cũng có nhiều thay đổi. Tính chất xã hội, tính toàn cầu của nền sản xuất và kinh tế ngày càng lớn, do đó, khái niệm "độc lập" thay đổi ý nghĩa (có còn *indépendance*, hay chỉ có *interdépendance*?) v.v...

b.– Ta là gì trong thế giới đó? Đã cần xác định là một nước xã hội chủ nghĩa chưa? Trong thực tế, ta chưa thể tự xem là một nước xã hội chủ nghĩa, mà làm gì có chủ nghĩa xã hội trên cơ sở một nền kinh tế ốm yếu, một xã hội

nghèo đói. Rõ ràng ta là một nước nghèo trong thế giới thứ ba — chủ nghĩa xã hội là một mục tiêu xa mà ta muốn đạt đến, chứ chưa phải là một hiện thực.

Xác định đúng vị trí là rất quan trọng — một mặt mình tự nhìn rõ mình, mặt khác tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ của thế giới.

c.– Cách xác định vị trí của ta trong thế giới sẽ giúp ta xác định được mục tiêu cho sự phát triển của mình.

Là một nước nghèo, chậm phát triển, thì rõ ràng mục tiêu trước mắt là phải tìm được điều kiện yên ổn để làm ăn, thoát khỏi cảnh nghèo. Thoát khỏi sự nghèo nàn, tạo ra nhiều giá trị, đó phải là mục tiêu ưu tiên. Phải chăng trong thời gian qua ta đã theo đuổi nhiều mục tiêu vượt quá khả năng thực tế của ta, và đã phải trả giá đắt mà mục tiêu vẫn không đạt được?

4.– Các giải pháp cho ngắn hạn:

Ta nhấn mạnh đến mục tiêu "ổn định". Nhưng rõ ràng không thể có ổn định trong tình trạng tổ chức kinh tế–xã hội hiện nay. Chỉ có thể tìm sự ổn định trong một sự thay đổi, một sự biến chuyển cơ bản về tổ chức và quản lý kinh tế – xã hội theo hướng *giải phóng và phát huy* mọi khả năng làm ra của cải của xã hội. Được (và phải) làm việc, làm đủ ăn, lương đủ sống là điều kiện tối thiểu cho sự ổn định và phát triển.

Trên tinh thần đó, cần phát triển rộng rãi khu vực kinh tế tập thể, cá thể và tư nhân, kinh tế gia đình. Cần khẳng định bằng pháp luật chính sách lâu dài với sự phát triển các khu vực kinh tế này. Bằng các chính sách đó, giải phóng mọi khả năng sản xuất hiện có ở trong nước, thu hút sự đóng góp của Việt kiều ở ngoài nước và các nguồn khác.

Nhà nước giảm bớt và thu hẹp khu vực sản xuất và kinh doanh do mình trực tiếp nắm mà không có lãi. Chỉ nên giữ một số ngành và cơ sở sản xuất then chốt đối với kinh tế quốc dân.

Trong các xí nghiệp nhà nước, chế độ tự chủ kinh doanh nên đến đâu? Cần tách quyền sở hữu và hoạt động quản lý, tài sản thuộc quyền sở hữu nhà nước, nhưng xí nghiệp cần được hoàn toàn tự chủ trong việc quản lý các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nhà nước chia phân lợi nhuận và thu thuế. Những ngành xây dựng cơ sở hạ tầng mà nhà nước cần tập trung phát triển là: Năng lượng, giao thông, vận tải, đặc biệt thông tin liên lạc.

Để phát triển kinh tế theo các hướng đó, từ chỗ thừa nhận các lợi ích kinh tế khác nhau, phải tiến lên thừa nhận sự cạnh tranh — cạnh tranh trong khu vực kinh tế tư nhân, và cả cạnh tranh trong khu vực nhà nước: Việc phá sản do làm ăn thua lỗ của các xí nghiệp quốc doanh cũng cần xem là tự nhiên.

Bằng việc phát triển mọi thành phần kinh tế trong xã hội, nhà nước mới

có khả năng thu hẹp biên chế. Cũng cần nhanh chóng có chính sách đối ngoại thích hợp để giảm chi phí quốc phòng, giảm quân đội. Tăng thu nhập cho ngân sách, và giảm biên chế ăn lương, thì nhà nước mới sớm có khả năng *trả lương đủ sống* cho những người làm việc trong bộ máy nhà nước.

5.– Hướng tìm giải pháp cho lâu dài:

Về quan niệm, cần đặt ta trong thế giới để tìm giải pháp. Như vậy không phải đi tìm một sự phát triển cân đối trong nội bộ nước ta như một hệ kín, mà cần nghiên cứu sự phát triển "cân đối" của thế giới, và trong hệ lớn của thế giới đó, ta có thể và nên làm gì để phát huy được hết khả năng và thu nhiều lợi nhất. Do đó, trong khi chưa đủ khoai ăn, không nhất thiết chỉ đi trồng khoai, mà nhiều khi phải học để thạo làm chim quay, làm chim quay bán cho người khác ăn để lấy tiền mua khoai cho con mình ăn — mà có nhiều tiền rồi thì mới dần thoát khỏi cảnh ăn khoai, chứ nếu chỉ trồng khoai thì suốt đời chỉ được ăn khoai!

Với cách đặt vấn đề như thế, cần nghiên cứu xu thế biến đổi và phát triển của cơ cấu kinh tế thế giới, cơ cấu hình thành và tạo ra giá trị trong các khu vực sản xuất, dịch vụ của kinh tế thế giới, sự biến đổi của nhu cầu con người — và do đó nhu cầu thị trường — trong hiện tại và tương lai.

Một đặc điểm trong sự biến đổi cơ cấu đó là các khu vực dịch vụ và thông tin ngày càng chiếm một tỷ lệ lớn trong tổng giá trị của kinh tế các nước phát triển, hàm lượng trí tuệ trong các loại sản phẩm ngày càng tăng. Nhu cầu của con người hiện tại và tương lai là *thức ăn* và *thông tin*. Nhu cầu về thức ăn thì có hạn, còn về thông tin thì chưa có giới hạn.

Ta cần chuẩn bị gì cho Việt Nam hòa nhập được vào thế giới trong tương lai, và trong sự hòa nhập đó, tìm được cho mình một chỗ đứng chắc chắn, có lợi.

Rõ ràng trong khi đang cần chú trọng phát triển nông nghiệp, công nghiệp, hàng tiêu dùng, v.v... cũng cần *chú ý ngay* đến việc tạo điều kiện cho sự phát triển các ngành dịch vụ và các ngành làm ra các sản phẩm trong khu vực thông tin, các ngành đòi hỏi chất lượng trí tuệ. Việc làm ra tiền nhờ các hoạt động trí tuệ cần được phát triển, kể cả việc xuất khẩu lao động trí óc sang các nước đang phát triển hiện nay.

Muốn vậy, cần cải tổ hoàn toàn và đầu tư mạnh cho hệ thống *giáo dục, đào tạo* và nghiên cứu khoa học. Việc đào tạo giáo viên, bác sĩ để xuất khẩu cũng cần được đầu tư thích đáng và có hệ thống. Cần có chính sách và đầu tư thích đáng cho các ngành như điện tử và tin học, công nghệ sinh học, v.v...

Chú ý rằng ngay đối với nông nghiệp và hàng tiêu dùng, cũng cần được phát triển theo hướng hiện đại hóa các loại sản phẩm hàng hóa được làm ra.

Tạo tiềm năng trí thức và trí tuệ cho dân tộc là cực kỳ quan trọng. Hạn chế quá trình đó sẽ là một tội lỗi đối với dân tộc trong tương lai!

Tất nhiên, để làm được các việc trên, một điều kiện tiên quyết là phải thực sự biến nước ta thành một *hệ mở*, mở với thế giới và hòa nhập vào thế giới như một thành viên không bị phân biệt đối xử.

6.– Về chính sách đối ngoại:

Đây là một lãnh vực tế nhị, tôi không biết gì nhiều và không dám nói nhiều. Nhưng có những điều cấp bách mà ai cũng mong được sớm giải quyết.

Với mục tiêu là sớm thoát khỏi cảnh nghèo để phát triển đất nước hiện nay, rõ ràng ta càng cần nhiều bạn, ít thù. Bạn, thù ra sao phụ thuộc rất nhiều vào cách ta xác định *mục tiêu* và cách sống của ta. Nếu ta tự xem là một nước chậm phát triển, với mục tiêu tìm sự yên ổn để khắc phục nghèo nàn và vươn lên, thì chắc sẽ nhiều bạn, ít thù hơn. Nếu ta tự xem là mạnh, với mục tiêu lật đổ chủ nghĩa tư bản trên thế giới (đấy là giả dụ thôi!) thì trong điều kiện thế giới hiện tại, chắc là khó mà có nhiều bạn.

Trong khung cảnh đó, giải quyết vấn đề Campuchia và quan hệ với Trung Quốc là điểm quyết định nhất. Tôi chắc Trung Quốc sau này vẫn có những mưu đồ của một nước lớn, nhưng Trung Quốc có là kẻ thù hay không là kẻ thù cũng một phần phụ thuộc vào cách đặt *mục tiêu* của ta trong khu vực này. Liên Xô xem Trung Quốc là một nước xã hội chủ nghĩa láng giềng vĩ đại. Mọi nước xã hội chủ nghĩa khác đang tìm quan hệ thân thiện với Trung Quốc. Trung Quốc ngày nay không như ở thời "cách mạng văn hóa". Phải chăng trong mấy năm qua, Trung Quốc đang khám phá con đường đưa một nước lớn, chậm phát triển và hỗn loạn, đi lên con đường ổn định, thoát dần khỏi nghèo nàn và vươn lên hiện đại, trong khi vẫn giữ mục tiêu xa là chủ nghĩa xã hội? Vậy thì, bình thường hóa, lập quan hệ hữu nghị và học tập Trung Quốc là điều đáng mong muốn.

Tất nhiên không dễ, nhưng rõ ràng quan hệ với Trung Quốc là một vấn đề sống còn của chúng ta.

7.– Vấn đề dân chủ:

Để đổi mới thì cần có dân chủ trong xã hội. Mà dân chủ cũng phải là một mục tiêu của sự đổi mới.

Việc xây dựng một nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, hay nói đúng hơn, một chế độ xã hội chủ nghĩa thực sự dân chủ, là một vấn đề cực kỳ quan trọng của thời đại, chắc chắn là còn cần nhiều nghiên cứu, thể nghiệm và đấu tranh để đạt tới.

Dân chủ là quyền làm chủ của người dân. Trong xã hội, một người dân vừa là cá nhân mình, vừa là một thành viên của xã hội. Quyền làm chủ, với tư cách cá nhân, là quyền sống, quyền mưu cầu hạnh phúc, quyền tự do thân

thể, tự do tư tưởng, v.v... Với tư cách là một thành viên của xã hội, quyền làm chủ là quyền *tham gia làm quyết định* trong mọi vấn đề tổ chức và quản lý xã hội. Nhưng việc làm quyết định lại không thể mọi người đều làm, mà phải ủy thác cho lãnh đạo. Vì vậy, ở đây, dân chủ được thể hiện ở quyền tham gia tự do *lựa chọn các cơ quan lãnh đạo*, đặc biệt là lãnh đạo cao nhất của đất nước, và quyền *công khai giám sát, phê phán, tranh luận và đánh giá* quyết định của lãnh đạo đương nhiệm. Để thực hiện các quyền đó, cần được thực sự tự do ứng cử và bầu cử, tự do ngôn luận — đặc biệt là tự do báo chí, tự do hội họp và lập hội, v.v... Điều kiện để thực hiện các quyền đó là bảo đảm tính công khai về mọi thông tin trong xã hội: Nói cách khác, đó là quyền bình đẳng về *sở hữu thông tin* trong xã hội.

Dân chủ là quyền của dân, đồng thời cũng là nguồn vô tận tạo nên sự phong phú và giàu có của xã hội. Vì vậy, dân chủ là một yêu cầu cấp thiết, một nội dung cơ bản của đổi mới.

8.– Vấn đề đoàn kết dân tộc:

Nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc chúng ta luôn luôn là đoàn kết dân tộc để xây dựng và bảo vệ đất nước. Vì vậy, hơn lúc nào hết, trong thời điểm hiện nay, Mặt trận cần tập hợp được cao nhất tất cả lực lượng của dân tộc để phấn đấu cho sự phồn vinh của đất nước.

Tuy nhiên, ta cũng cần nhìn nhận rằng, tuy thống nhất đất nước đã được mười năm, nhưng dân tộc và đất nước chưa thực sự được thống nhất một cách mạnh mẽ: Lòng người còn phân tán, Bắc–Nam còn nhiều phân biệt, tình trạng địa phương cát cứ trầm trọng, nhiều vấn đề sau chiến tranh còn nhức nhối, còn nhiều phân biệt đối xử trong các tầng lớp nhân dân, dòng người bỏ nước ra đi vẫn tiếp diễn, v.v... Nhưng quan trọng nhất là sức mạnh của dân tộc (về trí thức, về kinh tế, về khả năng sản xuất và kinh doanh, ở trong nước và ngoài nước) chưa được huy động cho sự phát triển đất nước.

Một chính sách đoàn kết dân tộc rộng rãi cần được ban bố và thi hành trong thực tế. Cốt lõi của chính sách đó phải là: Mọi người Việt Nam, dù ở góc trời nào, miễn là có nguyện vọng, đều có thể tìm được một chỗ đứng bình đẳng trên đất nước Việt Nam này để lao động và cống hiến cho sự phồn vinh của đất nước bằng mọi cách thích hợp với hoàn cảnh và khả năng của mình. Và tất nhiên, điều đó sẽ được thể hiện bằng những chính sách cụ thể, như về giải quyết các hậu quả sau chiến tranh còn tồn tại, chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài, chính sách thu hút vốn đầu tư và thu hút lực lượng khoa học, kỹ thuật, v.v...

Tôi hy vọng rằng một số ý kiến trên đây sẽ được xem là phần đóng góp giọt nước nhỏ bé của mình vào trong hơn sáu mươi triệu giọt nước khác của dân tộc để hòa thành dòng thác "đổi mới" của đất nước ta hiện nay.

# trên chuyến tàu tốc hành về năm 2000



*Vũ Kim Hạnh*

Thập kỷ 90 đang mở ra với những bước đi sôi nổi, táo bạo. Chúng ta đáp chuyến tàu tốc hành về năm 2000 với hành trang phong phú, mới thêm mỗi ngày. Thế giới biến động nhanh đến chóng mặt. Chỉ cần đổi ba ngày "thiếu thông tin" hay bịt tai, biếng nhìn là đã không hiểu đúng về thế giới. Mới hôm trước, còn lo lắng bồn chồn sợ mất chủ nghĩa xã hội ở Ba Lan, mấy tuần sau đã bất ngờ trước sự sụp đổ của thứ Chủ nghĩa Xã hội trì trệ núp dưới bộ áo đẹp "vững vàng và ổn định" và càng bất ngờ trước sự vỡ vụn của chính quyền chuyên chế suốt 24 năm ở Rumani. Mới tuần trước còn theo dõi thay đổi chính phủ ở Ấn Độ, đảo chính ở Philippin, tuần sau đã thấy dân chủ thắng lợi ở Chilê, và lại lập tức đến trò phản dân chủ thô bỉ của Mỹ ở Panama. Và... và... chưa thể nói tiếp những biến động.

Thập kỷ 80 chở theo mình nó những đặc điểm lớn, khoa học kỹ thuật phát triển vũ bão, thông tin bùng nổ, hoạt động kinh tế liên tiếp mạnh mẽ giữa các nước và ý thức giác ngộ ngày càng cao của quần chúng về dân chủ, công bằng xã hội và quyền con người. Năm 89 khắc đậm dấu ấn hai từ DÂN CHỦ. Dân chủ như ôxy để thở. Dân chủ bất chấp được phồn vinh kinh tế mà bóp nghẹt chính trị, thà chết sướng hơn là sống không có dân chủ. Bao nhiêu người chết dưới xích xe tăng ở Bucarest và dưới họng súng kinh tởm của Mỹ ở Panama, cho dân chủ, vì dân chủ. Bao nhiêu cơ chế, tổ chức phi Xã hội Chủ nghĩa chết đi để cho dân chủ và Xã hội Chủ nghĩa đích thực sinh sôi...

Dân chủ hơn, nhân đạo hơn, Chủ nghĩa Xã hội hơn: rõ ràng đó là xu thế không gì cưỡng lại nổi của thập kỷ 90 và những thập kỷ tới.

Như vậy đó, thập kỷ 90 mở ra, khốc liệt và đầy thử thách. Tất cả kỳ vọng

của thập kỷ đang đặt trên vai lớp người trẻ, những người sẽ trả lời Chủ nghĩa Xã hội ra sao, trên trái đất này.

Chúng ta, tuổi trẻ Việt nam, có mặt trên chuyến tàu tốc hành đó. Lên đường! Trong hành trang có những niềm vui. Cuộc đổi mới kinh tế theo đường lối Đại hội VI đã giành được những thắng lợi nhất định. Cũng còn quá nhiều nỗi ưu tư, băn khoăn, ray rứt. Mấy năm chưa đủ xây một cái nền vững chắc cho dân chủ. Sự yếu thế của hệ thống luật pháp – vừa thiếu vừa yếu – chưa đủ sức đảm bảo quyền dân chủ cho mọi người. Chính sách thông tin chưa chuyển bao nhiêu để đáp ứng những quyền cơ bản cho dân. Những giá trị đạo đức, văn hóa dân tộc bị tha hóa, bán rẻ bởi tâm lý hưởng thụ, phi nhân bản và thương mại hóa. Và một thực tế đáng buồn: một bộ phận không nhỏ thanh niên chỉ sùng bái vật chất, thờ ơ, thiếu trách nhiệm trước đòi hỏi bức bách của đất nước. Chất xám, tài năng, sức trẻ vì thế đang lãng phí nghiêm trọng.

Chúng ta không muốn lừ đừ, vật vờ đi bên lề cuộc sống, càng không muốn bị ném ra khỏi chuyến tàu tốc hành của thập kỷ mới. Chúng ta khát khao được góp sức cho một Việt nam dân chủ và giàu mạnh như mong muốn của Bác Hồ. Với lòng tự trọng của tuổi trẻ, chúng ta muốn đạt tới trình độ tư duy và hành động của thời đại như mọi người trẻ trên thế giới. Thực tế cuộc sống chứng minh, nếu có hoài bão lớn, nỗ lực bền bỉ và được chắp cánh, tuổi trẻ Việt nam không thể "cầm đèn đỏ" trên chuyến tàu, nếu không nói, đi đầu.

Sức mạnh của dân tộc, lòng nhân ái, yêu đại nghĩa, trí thông minh... là sức bật để tuổi trẻ vươn tới những đỉnh cao của Chủ nghĩa Xã hội phát triển. Tuổi trẻ Việt Nam chắc chắn tự lập được sự nghiệp của mình trong học tập, lao động, đấu tranh cho dân chủ, công bằng xã hội, và vì vậy phải tỏ thái độ thẳng thừng trước những điều phi nhân, trái lương tâm, lẽ phải.

Thập kỷ 90 – cuộc kiểm tra khắc nghiệt khả năng và tấm lòng mỗi người tuổi trẻ đã bắt đầu. Đi tới thắng lợi, xin cầu chúc bạn, cầu chúc tất cả chúng ta.

**(báo Tuổi Trẻ, Xuân Canh Ngọ)**

* Vũ Kim Hạnh là tổng biên tập báo Tuổi Trẻ, Sàigòn

# biện chứng và ngụy biện trong công cuộc đổi mới



*Hà Sĩ Phu*

Trong khoa học cũng như trong đời sống xã hội ta thường gặp sự ngụy biện. Ngụy biện là những lập luận bề ngoài có vẻ khoa học chặt chẽ, hợp lý nhưng cuối cùng lại biện hộ cho những điều phi lý, phi tự nhiên. Người nghe hoặc bị đánh lừa mà tin là đúng, hoặc biết là sai nhưng không tìm được cái điểm nút của sự sai nên không phản bác được. Mẹo ngụy biện thường lợi dụng một số quy luật tâm lý, nhất là quán tính của nếp nghĩ, của niềm tin, và những sơ hở trong nhận thức không đến nơi đến chốn của người nghe. Trong sinh hoạt chính trị – tư tưởng ngụy biện có thể sử dụng một cách có ý thức hoặc có khi chỉ do sự nhận thức nửa vời mà tự mình sa vào ngụy biện. Nhưng dù có ý thức hay không có ý thức, ngụy biện đều gây ra hậu qủa là giúp cho những sai sót có chỗ ẩn nấp, không được nhận diện đúng để kịp thời sửa chữa.

Xin nêu ra đây một vài thí dụ để tham khảo. Trong những điều sắp trình bày có điều đang giữ nguyên tính thời sự, có điều đã được sửa đổi ít nhiều, nhất là sau những nhận định mới mẻ của Đại hội Đảng lần thứ VI. Nhưng những tư duy mới, nếu có, thì cũng chưa phải đã được phổ cập và cũng chưa lấy gì làm vững chắc, vì có những điều Trung ương đã phê phán mà nhiều người vẫn đang mắc phải, có những điều đã được phê phán nhưng những ngụy biện tương tự đã tiếp tục xuất hiện trong các hội nghị và trên báo chí. Vì vậy, khi phát hiện một sai lầm ta chớ vội vàng xóa mờ nó đi ngay, hãy để nguyên dạng của nó để tìm cho ra sự thiếu sót gốc rễ nằm trong phương-pháp-luận đã dẫn ta đến sai lầm đó, có thế mới thoát khỏi tình trạng cứ phải học đi học lại những bài học cũ.

1/ Cách đây vài năm, khi thấy nhiều người kêu ca về tình trạng xã hội có nhiều khó khăn, tiêu cực, một số cán bộ đã "trấn an" thế này: "Thôi hãy chấm dứt sự bàn tán, chỉ làm xã hội thêm rối lên! Mỗi người hãy cố gắng làm tốt

hơn công việc của mình đi! Mấy chục triệu người ai cũng làm như vậy thì tự nhiên cả xã hội sẽ tốt lên thôi!". Nghe rất có lý lại có tình nên lúc ấy chẳng mấy ai dám nói nữa. Nhưng không vì thế mà tình hình có thể tốt hơn, trái lại ngày càng xấu đi, và cuối cùng cũng đến chỗ phải nói "toạc móng heo" ra. Điều phi lý của ngụy biện trên là ở chỗ: xã hội không phải là con số cộng đơn giản của mấy chục triệu cá thể, mà ràng buộc với nhau một cách hữu cơ như các tế bào trong cơ thể, trong đó có tế bào thì chỉ huy, có tế bào lại phụ thuộc vào tế bào khác. Giả sử bệnh nhân vì bị tổn thương não hay bị hẹp van tim mà sức khoẻ toàn thân sút kém thì liệu có thể chữa bệnh theo lối "cứ làm cho mỗi tế bào mạnh lên là tự khắc toàn cơ thể sẽ mạnh lên" chăng! Khi tất cả đã ràng buộc với nhau trong một hệ thống thì trong mỗi việc đều cần tìm ra cái điểm nút chi phối toàn hệ thống thì mới có thể tác động một cách có hiệu qủa được.

Trong công cuộc đổi mới hiện nay lại có lời khuyên: "Sai đâu thì sửa đấy thôi! Ai làm sai thì phê bình người đó, việc nào sai thì nói việc đó! Đừng truy tầm, đừng suy diễn, đừng khái quát!". Sự ngụy biện này cùng kiểu với ngụy biện vừa nói trên nên cũng không cần phân tích gì thêm.

2/ Không ngăn nổi cái lô gích tự nhiên của sự truy tìm, nhiều người tuy phải chấp nhận sự tìm nguyên nhân nhưng lại định hướng cho sự truy tìm thế này. Sai lầm là cá biệt chứ không phổ biến, sai ở khâu thực hiện chứ không ở khâu đường lối, sai ở cấp dưới chứ không ở cấp trên, sai ở thực hành chứ không sai ở lý luận. Ta luôn sáng suốt trong cái lớn, sáng suốt về cơ bản, chỉ có sai lầm trong cái nhỏ.

Sự định hướng này trái với lô gích tự nhiên, vì:

– Một khi chúng ta xuất phát từ nước nông nghiệp lạc hậu, tâm lý nông dân rất nặng, rất thiếu tri thức khoa học thì căn bệnh thường thấy ắt phải là quen tính lợi gần mà không tính được cái lợi xa, giỏi sửa chữa vặt mà không quen thiết kế, tài tình ở cái nhỏ nhưng dễ sai lầm ở cái lớn chứ!

– Trong cách làm việc hành chính quan liêu, bao cấp trước đây thì quyền độc lập càng ở cấp dưới càng ít đi, cấp dưới làm gì có quyền mà chịu trách nhiệm!

– Thực tiễn mới là thước đo tin cậy nhất của chân lý. Khâu thực hành chưa thành công thì lấy gì chứng minh rằng lý luận không có sai lầm?

3/ Trong chương trình đổi mới chúng ta đã xác định là phải có "đổi mới tư duy" trong đó có "tư duy lý luận". Nhưng rồi ở đâu đó lại xuất hiện ý kiến khẳng định: "Đổi mới chẳng qua là trở về với những nguyên lý cơ bản của Mác–Lênin".

Mới bước vào cuộc thảo luận để tìm cái mới trong tư duy mà đã vội đóng chốt trước bằng một kết luận đã cũ, dầu kết luận ấy là đúng chăng nữa thì

cũng sẽ thu được những lời phụ họa chứ không thể thu lượm được những tư duy khoa học. Vả lại khi khẳng định như thế là ta đã tự mâu thuẫn. Tại sao lại nói "trở về"? Chúng ta từ trước tới nay luôn trung thành tuyệt đối với chủ nghĩa Mác–Lênin. Thậm chí có ai muốn tu chỉnh hay làm chệch đi một tí cũng không được. Ai được quyền đi chệch mà nay lại nói phải "trở về" với Mác–Lênin! Ta có một hệ thống khá hoàn chỉnh hằng ngày có nhiệm vụ nghiên cứu, khai thác kho tàng lý luận Mác–Lênin thì chắc khó xảy ra những lệch lạc gì lớn so với nguyên lý. Mặt khác, việc nhận có sai lầm ở khâu thực hành không hề loại trừ được khả năng có thể sai lầm ở khâu nguyên lý, trái lại, nên coi kết quả không tốt ở khâu thực hành như những gợi ý để một lần nữa kiểm tra lại nguyên lý, như vậy mới đúng với lô gích. Ta nêu khẩu hiệu: "Dân kiểm tra" thì tại sao lại cấm kỵ sự kiểm tra cơ bản này? Sự kiểm tra tự thân nó chưa hề đồng nghĩa với sự phủ nhận.

– Một điều nữa, tuy không có căn cứ chính thức gì trên văn bản nhưng lại có trong diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên. Ta cần đổi mới về cách làm ăn kinh tế, còn về chính trị – tư tưởng thì trái lại cần phải "vững vàng". Sự ngụy biện này thật quá tùy tiện, làm sao đổi mới "hạ tầng cơ sở" mà lại giữ vững được thượng tầng kiến trúc? Khi phê phán cách làm ăn kinh tế cũ ta không thể quên rằng đó không phải do những cá nhân nào dám tùy tiện nghĩ ra, cũng không thể đơn giản do ta chưa biết làm kinh tế, mà đó là sự phát triển lô gích tất yếu từ yêu cầu chính trị, từ những nguyên lý căn bản. Nay muốn đổi mới sâu sắc về kinh tế mà lại muốn "giữ vững" những quan niệm có tính nguyên lý về chính trị – xã hội thì e không còn gì là biện chứng nữa.

– Trong chuyện đổi mới "tư duy lý luận" cũng có tình trạng một mặt muốn giữ vững những nguyên lý cơ bản, một nặt lại thích nghi với tình trạng bằng cách đổi mới những khái niệm cơ bản như khái niệm về giai cấp công nhân, khái niệm về bóc lột... thì đó là cái vòng lẩn quẩn mà sự ngụy biện thường mắc phải. Nguyên lý, định lý nào cũng được xây dựng trên cơ sở những khái niệm, những định nghĩa chặt chẽ. Giữ nguyên định lý mà thay đổi những khái niệm thì cũng như thay đổi định lý chứ có khác gì đâu!

4/ Nhiều cuộc tranh luận trở nên bế tắc do có tình trạng ta đem đồng nhất cái hình mẫu trừu tượng còn nằm trong lý tưởng của xã hội chủ nghĩa với cái thực tiễn xã hội đang có. Cái thực tại lại nhân danh cái lý tưởng, một người lại nhân danh một tổ chức, có khi còn nhân danh luôn cả chủ nghĩa xã hội, nên sự tranh luận thường dẫn tới chỗ lẩn quẩn rất khó gỡ ra. Thử tưởng tượng như một võ sĩ A đấu với võ sĩ B, nhưng A không được đấu với con người thực của B đang đứng trước mặt anh mà phải đấu với cái triển vọng vô tận của B thì biết đường nào mà đấu được?

5/ Tình hình báo chí vừa qua đặt ra vấn đề: "Dân chủ, nhưng phải có lãnh đạo. Đổi mới, nhưng phải có lãnh đạo!".

Đúng, làm gì có tự do tuyệt đối! Xã hội phải có lãnh dđạo, nếu không sẽ chẳng làm được việc gì! Nhưng cũng có thể nói: Xã hội phải có dân chủ, lãnh đạo đi ngược với dân chủ cũng chẳng làm nên việc gì! Cái quan hệ biện chứng thống nhất giữa "dân chủ" và "lãnh đạo" nếu không được cụ thể hóa bằng những biện pháp hợp lý thì có khi thành ra "ba phải" hoặc thành đối kháng. Biện chứng nửa vời cũng là một kiểu ngụy biện.

Ở khâu bộc bạch tâm tư – quan điểm xin chớ vội dùng "lãnh đạo" để kiềm chế "dân chủ". Sự lãnh đạo chủ yếu thể hiện ở khâu tổng kết. Xử lý thông tin và tổ chức hành động. Mà sự lãnh đạo này sẽ nên như thế nào chính lại tùy thuộc vào kết quả của khâu trao đổi dân chủ ở trên.

Vả lại, tự do dân chủ cũng giống như tình yêu ở chỗ nó là cái để cảm nhận trực tiếp chứ không phải cái để đem ra lý luận. Anh nói "cởi trói" cho tôi mà "da thịt" tôi lại cảm thấy rõ ràng bị thắt lại thì chắc hẳn tôi phải thưa chuyện lại với anh thôi.



Phương ngôn Pháp có câu "Mỗi trái tim có lý lẽ riêng của mình", lại có câu "Những đầu óc lớn thường gặp nhau". Đó chính là hai lô gích khác nhau của cái "tâm" và cái "trí", của NGỤY BIỆN và BIỆN CHỨNG vậy. Thiếu cái "tâm" không thành người được, cứ giả thiết mọi người chúng ta đều đã có cái "tâm", nhưng để "tâm" lên trên cái "trí" thì lại hỏng việc. Lý lẽ của con tim, dù là "tim Đan–cô" chăng nữa, cũng thường nặng về cảm tính, không tránh khỏi cái riêng, dễ tùy tiện, tản mạn, dễ thành NGỤY BIỆN. Lý lẽ của cái "trí" dẫn các đầu óc đến chỗ gặp nhau bởi thống nhất ở sự BIỆN CHỨNG khách quan.

Muốn đạt tới sự nhất trí vững chắc để thành sức mạnh dời non lấp biển chúng ta không thể không đem cái BIỆN CHỨNG khoa học khắc phục cái NGỤY BIỆN tùy tiện, mập mờ, để làm cho sáng con đường ta đi!

**Đà Lạt, 22–4–1989**

**(Viện Khoa Học Việt Nam)**

**(trích tạp chí Sông Hương số 31 tháng 8&9-1989)**




phụ bản 3: bửu chỉ

# phần sáu: văn liệu văn thơ ký

# ảo tưởng và thực tế qua một vài tác phẩm của văn chương phản kháng trong nước



*Nguyễn Văn Sâm*

*..Dân không phải không biết, nhưng không dám nói,không dám viết. (báo SGGP ngày 11-6-86)*

Hiện nay ai cũng biết ở trong nước đang có phong trào phản kháng. Mức độ trở thành mãnh liệt và công khai từ khi Nguyễn văn Linh tuyên bố đổi mới và cởi trói cho văn nghệ trong buổi họp cùng với anh em văn nghệ sĩ toàn quốc hai năm trước, từ khi những người cựu kháng chiến từng quyền thế một thời, bây giờ bị đẩy ra ngoài rìa, ngồi với nhau thành lập Câu Lạc Bộ Kháng Chiến ra báo nói lên tiếng nói của nhóm mình nói riêng và tiếng nói người thấp cổ bé miệng không nắm chức vụ nào trong chính quyền nói chung. Khó lòng mà chủ trương rằng những người như Huỳnh văn Tiểng, Trần văn Trà, Trần văn Giàu, Nguyễn Hộ... không mang trong đầu óc họ những lý thuyết, đường lối đấu tranh, phương pháp suy luận, quan niệm tự do, quyền lợi và nghĩa vụ của người dân... theo cung cách của người Cộng sản-ít nhất là cho tới ngày hôm nay. Chấp nhận như vậy là vô lý khi mà hầu hết những người này đã bỏ hơn bốn mươi năm suy nghĩ, làm việc theo kiểu người Cộng sản. Nhưng những hành động của họ bây giờ- lên tiếng công kích chính quyền chuyên chính vô sản, về mặt bản chất hay mặt hiện tượng ta chưa cần xét vội- nếu không phải sinh ra từ lòng yêu nước thì là kết quả của những hành vi vô cùng can đảm. Họ đã phản tỉnh và đã thấy được phần nào

chủ thuyết mình theo đuổi bấy lâu nay không còn phù hợp nữa. (Trong trường hợp họ không hè với chính quyền mất nhân tâm hiện tại để diễn một màn đối lập cụi đọn đường cho cuộc bầu cử trao quyền phải có khi những ông bình vôi ở Bắc Bộ phủ ở vào thế chịu chấp nhận giải pháp đa đảng. Chuyện cụi nầy thì có hay không đều ngoài khả năng xét đoán của người viết. Hiện tại, thiên về giả thuyết cho rằng họ đối lập thiệt, đối lập vì "*những người Cộng sản đã làm băng hoại đất nước nầy*", nói theo cách nói của Phạm Xuân Ẩn, không phải là điều không hợp lý).

Nhà nước Cộng sản Việt Nam bây giờ đang chịu ba mặt giáp công: nhóm quân sự công thần lên tiếng tấn kích về vấn đề bè phái và suy thoái trong đảng, các nhà báo trẻ chưa bao giờ có dính dấp gì với chế độ Miền Nam trước đây phơi bày một cách không vị nể các mặt băng hoại của xã hội, các nhà văn con đẻ của chế độ đưa lên những điều xấu xa cốt lũy có tính bản chất của chế độ Xã hội Chủ nghĩa. Trước hiện cảnh không mấy gì tốt đẹp của xã hội Việt Nam mà ba lớp người trên chứng kiến từ khi thống nhất đến nay, ảnh hưởng trong quần chúng của ba mặt tấn kích này, mặc dù không một tiếng súng, chưa một chết chóc nào từ phía chính quyền cũng vô cùng rộng lớn. Gián tiếp e ngại những ảnh hưởng nguy hại cho chế độ, mới đây Võ Nguyên Giáp khi trả lời cuộc phỏng vấn của một ký giả Pháp có nói là "*...người ta luôn luôn muốn đi quá mau*". Thật ra đợi cho tới bây giờ mới "nói" cũng đã là quá chậm. Cách mạng và thay đổi nào cũng có vẻ quá mau với những người thụ hưởng ân sủng của chế độ, muốn kéo dài chế độ cho mình hưởng lợi, đối với quần chúng, sự tồn tại ngày nào của áp bức là "**quá chậm**" ngày đó.

Quá chậm nhưng cuối cùng sự tấn công vẫn đã nổ ra, và chắc chắn sẽ tạo ảnh hưởng như một thứ ngòi nổ châm vào hầm thuốc súng – mặc dầu những người công kích có thể không muốn như vậy – vì vậy những ngày sắp tới sẽ dài nhất cho chế độ Hà nội. Giai đoạn sinh tử của họ là lúc này, ở vào thế tiến thoái lưỡng nan: diệt trừ những tiếng nói kia thì mang thêm tiếng xấu, có thể tạo nên những phản ứng dây chuyền nguy hiểm, làm lơ cho các nhóm công kích có chỗ phát tiết thì có thể lâm vào tình trạng dưỡng hổ di họa, nguy cơ càng ngày càng lớn đến một lúc nào đó sợ không thể kiểm soát được...

Trần văn Giàu, nhân vật quan trọng của Câu Lạc Bộ Kháng Chiến trong một bài nói chuyện ứng khẩu tại đây tấn công thẳng theo kiểu người miền Nam về sự tham quyền cố vị của những người ngồi chót vót trên cao hiện tại: "*Làm quan trong đảng và nhà nước phải luân phiên... làm lâu quá, hư. Làm lâu quá sẽ bè đảng, rồi phải tự tư tự lợi...*" và sự suy đồi cần cải tổ không tư vị, không tiếc thương, không thỏa hiệp: "*Trước hết phải chỉnh đốn Đảng, không chỉnh đốn Đảng thì không làm được việc gì. Chỉnh đốn Đảng nghĩa là mười*

*ngàn, hai mươi ngàn, một trăm ngàn, hai trăm ngàn, ba trăm ngàn cũng được, nhưng người không xứng đáng là Cộng sản thì phải loại bỏ nó đi".*

Chủ trương thanh lọc đảng viên nhưng vẫn nói rằng mình tin tưởng đảng Cộng sản và lớn tiếng phủ nhận nguyên tắc đa đảng, Trần văn Giàu thực tâm không tin tưởng những gì mình nói đâu, ông ta chỉ đưa lá chắn "giữ vững lập trường Mác-Lênin" lên che cho mình khi bắn phát súng thần công vào thành trì đảng để tránh trường hợp bị dội ngược lại. Đây là một thái độ khôn ngoan của những người già nhiều mưu lược. Ta nên chú trọng đến những điều đòi hỏi của Trần văn Giàu hơn là chú ý đến những gì ông ta nói rằng mình tin tưởng ở đảng Cộng sản Việt Nam và "đánh chết cái nết không chừa" thần phục tuyệt đối Nga sô.

Nguyễn Hộ trong bài nói chuyện cũng hôm ấy tấn công thẳng về sự đàn áp của chính quyền đối với nhóm của ông ta: "*Tờ báo Truyền Thống Kháng Chiến đã phạm sai lầm gì mà cấm nó? chẳng qua là nó nói mạnh đụng chạm đến lãnh đạo nên lãnh đạo tỏ ra khó chịu mà dập nó thôi. Mà như vậy là sao? Là trù dập, định kiến, không dân chủ...*".

Đây có lẽ là những lời tố cáo đầu tiên và duy nhất thẳng lên các cấp lãnh đạo Cộng sản, những tố cáo khác chỉ đưa ra hiện tượng ở cấp dưới hay nói chung chung mà thôi.

Khi phát súng đã nổ vào thành trì lãnh đạo thì trận chiến không thể dừng lại được. Ta có thể thấy trước việc Câu lạc bộ sẽ phải chịu những áp lực nặng nề hơn trong tương lai hay những khó khăn đến cho chính con người của Nguyễn Hộ, Trần văn Giàu.



Câu Lạc Bộ kháng chiến đại diện cho tiếng nói của từng lớp công thần bất mãn, vấn đề của họ đặt ra vì vậy có tính cách chính trị nhiều hơn và "chung chung" hơn, không đi vào chi tiết. Người dân thì sao? Họ có thấy những sai trái của chính quyền? Họ có là nạn nhân của những sai trái đó? Và cách nói của họ?

Lật bất cứ tờ báo nào ta cũng có thể nhìn thấy câu trả lời.

Các báo Sàigòn Giải Phóng, Tuổi Trẻ đăng các thiên phóng sự sôi nổi về sự xuống dốc của chế độ như cửa quyền, tham ô, đĩ điếm cờ bạc, những vấn đề mà trước đây một vài năm được bao che bưng bít không cho chường lên mặt báo, hay có lên thì đã được cắt xén thế nào cho tình trạng trở thành một sự kiện hư hỏng mang tính chất cục bộ- thuộc về hiện tượng chớ không phải bản chất.

Tuổi Trẻ số 1543 - 1544 phát hành tháng Giêng 1990 đăng tệ nạn mãi dâm trá hình "massage" mà các cơ quan của đảng cũng có dính vào với lời

bình luận nhức nhối: "*Những thỏa hiệp ma quỷ, ngấm ngầm, sự quản lý chạy theo doanh thu, câu khách của nhà hàng, cả Nhà Nước lẫn tư nhân... đã xô đẩy một số- tất nhiên vào con đường mãi dâm*", hay rõ ràng hơn: "*Sẽ còn đau lòng hơn khi chính chúng ta- Nhà Nước- đã hợp pháp hóa một hình thức kinh doanh trên thân xác phụ nữ: đó là hoạt động massage. Các chủ chứa cũ mà hầu hết đã có tiền án, tiền sự là những người đầu tiên đánh hơi thấy khả năng tổ chức mãi dâm trá hình trong vụ massage*".

Ta cần lưu ý tính cách gia trọng của lời tố cáo khi tờ báo không nói Quận A, quận B, cơ quan X, cơ quan Y, mà nhắc đi nhắc lại mấy chữ Nhà Nước, coi như những ung nhọt này sinh ra với sự đồng tình hay cố tình lơ là của những người đang ngồi trên chóp bu, những người đại diện cho Nhà Nước. Sự dung túng, lơ là có thể là vì tiền, tiền vào ngân sách (một phần, dĩ nhiên): "*Trung bình mỗi điểm massage, mỗi năm nộp cho ngân sách địa phương trên dưới mười triệu đồng. Trong tình hình hiện tại, con số đó là cả một vấn đề. Phải chăng vì thế mà người ta đã sẵn sàng dời cả trụ sở của cơ quan nhà nước đi nơi khác, lấy chỗ cho massage như trụ sở...*".

Tố cáo sự xấu sa của chế độ bằng hình thức phóng sự điều tra ai ai cũng thấy rõ rằng nhà báo chỉ đánh ngọn roi nhẹ vào chế độ -kiểu của người mẹ cưng con đánh mà ngại con đau, chớ chưa phải là ngọn roi trừng phạt của người cha- Hình ảnh xấu quá cụ thể nên những điều được nêu lên trên mặt báo đã trở thành cá biệt và đơn lẻ. Nói cách khác, cái xấu được trình bày dưới hình thức phóng sự chỉ có tính chất hiện tượng: Thành phố Hồ Chí Minh có hiện tượng mãi dâm trá hình chứ không phải cả nước mang điều xấu này. Thành phố Hồ chí Minh có tệ nạn mãi dâm trá hình chứ không có những tệ nạn khác... Nhà báo, ở đây phải ghi công hàng đầu cho nhà văn Nguyên Ngọc, thấy được điểm căn bản đó nên khi điều khiển tờ Văn Nghệ ông cho đi thêm một bước dài hơn trong sách lược tấn kích, sử dụng một thể loại ở giữa văn chương và sự thật: *thể ký*. Căn cứ vào sự thật để xây dựng một bài văn hơi có tính chất văn chương, tâm tình, nhà văn viết ký vừa có lá mộc chắn đạn hữu hiệu khi bị quan trên vặn vẹo, vừa có tính thuyết phục với đại đa số người bình dân ở sự giảm thiểu đến tối đa "tính hư cấu" và tăng cường tối đa "tính cụ thể".

Mấy truyện ký "*Bông Lúa Nổi Giận*", "*Công Lý, Đừng Quên Ai*" và "*Nơi Ấy Bây Giờ*" vì vậy mới là những ngọn roi mây mà chánh quyền đau thấu mây xanh khi bị vụt tới. Các tác giả Hà văn Thùy, Lâm thị Thanh Hà... đi vào thực tế, xuống đến tận các thôn ấp hẻo lánh, đối diện với cái xấu, đối thoại với nạn nhân, tâm tình với những phẫn uất, thỉnh thoảng xen vào những nhận xét thật cơ bản, đưa đến cốt lõi của vấn đề. Chẳng hạn trong Nơi Ấy Bây Giờ: "*Sự trấn áp bằng máy phóng thanh không chỉ dành riêng cho những gia đình*

*ngụy quân, theo Mỹ mà cả những gia đình cách mạng chí cốt tiêu biểu cho làng nầy...*" hay "*Những ngày sau đó, đoàn chỉ đạo của ông Sáu Kiên rút về, huyện ủy Giá Rai cử đoàn cán bộ khác gồm hai mươi người xuống Long Điền Đông A để làm những công tác khác: củng cố đoàn thể quần chúng, các phong trào văn nghệ, thể dục, thể thao để làm giảm bớt không khí nặng nề, căng thẳng. Còn chuyện lúa, phân, tiền và sự kiện "Bảy Liên Xô" tạm dừng lại, để tính sau. Nghĩa là cơ thể của Long Điền Đông A trong cơn đau quằn quoại được tạm thời tiêm một mũi thuốc an thần, còn liều thuốc lấy dân làm gốc, chưa ai dám sử dụng trong lúc nầy*".

Trong "*Công Lý Đừng Quên Ai*", lời kết cuối bài đưa người đọc đến một cảm giác bàng hoàng mà hình thức truyện ngắn khó thể có: "*Tôi bước ra về và bỗng muốn kêu lên thật to. Nhưng tôi đã kịp kìm mình lại, bởi chợt nhớ cái câu chính tôi đã khuyên vợ chồng anh Nhiên: "Công lý sẽ không bỏ quên ai. Hãy cố đợi và đừng nói gì, làm gì bậy mà thành có tội". Bây giờ, cũng chính là cái câu tôi đang tự khuyên mình*".

Thể ký là đứa con tư sinh của văn chương, chưa phổ thông lắm trong Miền Nam trước đây và cũng chưa thấy có vẻ gì phát triển được ở hải ngoại, có sức mạnh riêng của nó đã đành, còn làm được chuyện không ngờ: ghi lại những bài hát dân gian phổ biến hạn chế trong một vùng, trong một giai đoạn ngắn mà giá trị xác tín không ai có thể đặt vấn đề để bàn cãi. Tôi xin ghi lại bài hát sau thấy trong "*Nơi Ấy Bây Giờ*" như một tài liệu sống về lời ta thán của nhân dân dưới ách của chế độ bạo tàn, về chuyện cường hào ác bá đỏ:

*"Bán phân thì bán bằng tiền*
*Cuối mùa lấy lúa làm phiền nhân dân*
*Dân ta tức giận đấu tranh*
*Bắt dân nhốt khám tanh banh xã nhà".*

Ký mạnh do tính chất bám víu trên sự thực, nhưng nhược điểm của nó cũng ở đây, không có tính chất tổng quát nên không đại diện được điều tác giả nói trên một bình diện cao hơn, người đọc mải vụ vào những sự thực được trình bày nên không thể đẩy ý nghĩa của bài viết vào những vấn đề trừu tượng có thể đặt ra. Hình thức văn nghệ cao cấp hơn được một đại đa số nhà văn dùng đến khi tình trạng cởi trói văn nghệ lên đến tuyệt đỉnh của nó vào năm 1988.

Cái xấu được phô bày bằng hình thức truyện ngắn đầy đủ đặc tính văn nghệ, như sự tấn công bằng tác phẩm văn chương, có sức mạnh cử đỉnh bạt sơn của nó. Nhà văn đã thu nhặt thật nhiều hiện tượng cá lẻ riêng biệt mới tạo được thành một điều khái quát và phô diễn điều đó dưới hình thức văn nghệ. Phản ứng của văn nghệ sĩ vì vậy có thật nhiều tác dụng, đó là lực lượng trừ bị cuối cùng của hình thức tranh đấu ôn hòa. Qua khỏi lực lượng này,

tình trạng đổ máu của cả hai phe chắc chắn sẽ xảy ra mà sự thắng hay bại còn tùy thuộc ở sức mạnh của quần chúng và hoàn cảnh.

Nhưng ngày nay "hiện tượng" bao trùm khắp mọi nơi. Khi đâu đâu cũng bày ra hiện tượng thì hiện tượng đã biến thành bản chất. Khi cái xấu ở khắp mọi chỗ thì môi trường đó là một môi trường xấu, chế độ quản lý môi trường đó là một chế độ xấu. Ta có thể thấy ngay những cái xấu đó trong hầu hết các báo chí Cộng sản bây giờ. Người đọc không có những rung động lâu dài đến tận cùng tâm hồn khi đọc chuyện "khai thác thịt người" dưới hình thức các phòng tắm hơi được viết bằng thể văn phóng sự ở báo Tuổi Trẻ. Cái xấu lồ lộ quá. Cụ thể quá. Ta thấy nhiều người làm giàu, ta biết chắc rằng nhiều cô gái đã tan nát đời hoa khi chính quyền làm ngơ cho khai thác dịch vụ này. Nhưng ta không thấy cái tâm tình của một cô nào đó một cách cụ thể, một cách văn chương. Cái xấu được phơi bày dưới hình thức văn chương vẫn có vẻ nào đó cao trọng và nhiều tác dụng hơn các hình thức khác. Đi sâu vào lòng người hơn. Tấn công vào những vấn đề trừu tượng hơn nhưng cấp thiết hơn. Truyện hiện thực có giá trị tố cáo sâu hơn ký một bậc nữa vì dù sao ký vẫn còn bám víu trên chi tiết và hiện tượng - chỉ ở một nơi chốn nào đó thôi và trong vấn đề nhất định được nêu ra thôi- trong khi truyện là hình thức tổng quát hóa các điều được nói đến, nếu truyện có giá trị tố cáo thì sự tố cáo không chỉ dừng lại trên mặt hiện tượng mà đã đi vào mặt bản chất. Văn chương phản kháng ngày nay ở Việt Nam được dân chúng tin và chính quyền sợ hãi vì được hỗ trợ bằng những cảnh có thật xảy ra trước mắt mọi người hằng ngày. Người Cộng sản dùng văn chương bao nhiêu năm nay minh họa cho sự tốt đẹp của xã hội Cộng sản mà không thành công vì văn chương minh họa một đàng mà hiện thực phơi bày một nẻo, văn chương minh họa tô điểm cho một xã hội trên lý thuyết sẽ trở thành hiện thực nhưng quá lâu ngày mà xã hội đó không tiến bộ được gì nên đã trở thành vẽ vời cho một viễn tượng không biết đến bao giờ mới có, một xã hội viễn mơ không biết có nằm trong một nơi nào đó của tương lai vô tận hay không.

Văn chương phản kháng tố cáo xã hội hiện tại ở Việt Nam nhưng không cường điệu hóa những sai lầm đang có của xã hội. Nhà văn chưa dám bước ra khỏi sự thực che chở phần nào cho an toàn bản thân. Khi nói lên những xấu xa của xã hội, nhà văn đứng trước vấn đề lương tâm, mình như một tấm gương phản ảnh, "*một cái gương khách quan, không thiên vị, đánh giá chính xác đầy đủ toàn hình người soi, mách bảo những nét chưa hoàn chỉnh, tô từng chi tiết hòa hợp trên nét mặt, vóc dáng người đứng trước nó*" (Ma văn Kháng- truyện Mẹ Và Con, 1981).

Không thể làm khác hơn, mặc dầu điều nói hôm nay phản hoàn toàn với điều mình đã nó trong bao nhiêu năm trước:

*"Vẫn biết rằng người cầm bút như tôi*
*Phải hát về những gì đã hát*
*Nhưng cuộc sống gọi tôi về sự thực*
*Và cho tôi ngôn ngữ rạch ròi".*

(Sự thực của chúng ta... Nguyễn Bá)

và có thể tiếng nói của mình phải được trả giá bằng chính sinh mạng của mình. Nhà văn phải chọn con đường đúng, chính nghĩa, sự thực, không thể làm khác hơn được, không thể đồng lõa với cái Ác:

*"Lúc cái thiện còn yếu hơn cái ác*
*Lấn lướt trong chùa là quỷ sa tăng*
*Thì giá nói lên sự thật*
*Đổi ngang sinh mạng chính mình!"*

(Sự thực của chúng ta... Nguyễn Bá)

Nguyên tắc viết đã được suy gẫm, quyết tâm viết đã được đặt ra, sự nở rộ của phong trào văn chương phản kháng đương nhiên phải có.

Nhìn chung, truyện ngắn đối kháng hiện nay ở Việt Nam có thể chia làm hai thứ loại, tả chân hiện thực và phân tích tâm lý.

Ở loại tả chân hiện thực người viết chủ ý mô tả tệ trạng, thảm cảnh, bất công... để gián tiếp chứng minh cái xấu của chế độ. Trong lối viết này sự kiện và chất liệu thực của cuộc đời giữ vai trò chính. Điều được mô tả nói lên những gì tác giả muốn diễn tả, nhân vật chỉ là những bóng mờ trước sự phong phú của dữ kiện cho nên phần nội tâm, nỗi thất vọng của nhân vật bị tác giả lướt qua. Nhân vật Rãng trong "*Người chưa có chiến công*" của Vũ Bảo (trong tập truyện ngắn *Tướng Về Hưu*) nghĩ gì ta không biết, nhưng ta biết được tệ trạng cấp chỉ huy trong quân đội không chịu động não suy nghĩ, chỉ biết khen thưởng chiến công cho những người "tự gây thêm khó khăn cho mình để rồi sau đó lại dũng cảm khắc phục hậu quả của chứng bệnh cẩu thả vừa gây ra để lập một chiến công nổi bật hơn anh em khác", còn người chăm chỉ, phòng xa, không cẩu thả - khiến cho không có vấn đề mà phải giải quyết - thì không được khen thưởng, không được kết nạp vào đảng. Vũ Bảo tố cáo chế độ vụ hình thức, tổ chức đã đi vào nề nếp cứng nhắc chỉ biết ghi công, khen thưởng "dựa trên bề mặt thấy được của sự kiện" mà không nhìn thấy nguyên nhân sâu xa của những cơ cực không cần thiết, tạo nên những chiến công đó. Theo Vũ Bảo, nếu người ta biết cẩn thận, tiên đoán, thương yêu đồng đội thì một số lớn việc xấu đã không xảy ra và người ta sẽ khỏi cực khổ giải quyết những khó khăn đó.

"*Đứa Con Ông Giáo Già Và Đứa Con...*" của Sao Mai cũng thuộc loại tả chân hiện thực này, nói lên tính cách bè phái và tình trạng nghèo đói nhưng

không cho thấy tâm tình của ông giáo hay thằng con bị đánh đến gần hóa điên của ông.

Muốn nhìn thấy tâm tình nhân vật, người đọc phải khai thác tâm trạng nhân vật trong các truyện mà tôi tạm gọi là những tác phẩm phân tích tâm lý.

Nếu ở nhóm trên người đọc cảm nhận sự đớn đau trên khía cạnh thân xác của nhân vật, thì tác phẩm của nhóm dưới vẽ cho ta thấy sự ê chề, tuyệt vọng. Ê chề không phải vì bị ức hiếp, bị bạc đãi mà vì bị mất lòng tin, bị đối đầu với sự thật phũ phàng, một sự thật mà trước đây dầu có trí tưởng tượng phong phú đến đâu họ cũng không dám nghĩ đến. Các truyện loại này ta có thể kể "*Con Rắn*", "*Người Thợ Làm Móng Tay*" của Dương Thu Hương, "*Về Nhà Trước Cơn Mưa*" của Trang Thế Hy, "*Thời Gian*" của Cao Duy Thảo.

"*Thời Gian*" là một trường hợp đối kháng tinh tế, một phản ứng ngầm. Truyện đi theo một triết lý "*thôi thì cứ để cho người ta sống trong ảo tưởng, trong sự thật thêu dệt theo sự suy nghĩ của người ta, đừng đánh thức họ dậy, đừng chỉ cho họ cái thực tế ở ngoài, dù cái thực tế đó thực muôn phần. Đánh thức sự mê ngủ của họ, họ sẽ chết trong thất vọng*". Tôi liên tưởng những người Cộng sản thức tỉnh nhìn những người Cộng sản chưa thức tỉnh một cách bao dung khi đọc truyện này của Cao Duy Thảo. Một bà mẹ trong bao nhiêu năm trời tin tưởng con trai mình đã hy sinh cho "cách mạng" mặc dù chưa bao giờ phát hiện được xác anh ta và mặc dù có nguồn tin trước đây "*bác sĩ Long, (con bà) nhởn nhơ trong một trại chiêu hồi*" hay "*trước nữa có một thằng cha lang băm nào đó sau khi chiêu hồi, tự xưng là bác sĩ ra mở phòng mạch châm cứu...*". Bà sống trong một niềm tin chắc nịch con mình "*không làm cái chuyện nhục nhã đó đâu*". Trong niềm tin đó bà sống, trong niềm tin đó bà mạnh khỏe đi đó đi đây cố xác minh trường hợp "yêu nước, cách mạng" của con bà, trong niềm tin đó bà vui lòng nhắm mắt. Mà không phải một mình bà sống trong ảo tưởng khác hẳn sự thực như vậy, thiên hạ còn biết bao nhiêu người nữa, như cô Phượng em anh Long trong truyện, như bà mẹ của nhân vật chính trong truyện *Về Nhà Trước Cơn Mưa...*

"*Thời Gian*" được tôi cho vào loại mở đầu những chống đối - Thật ra đây là giai đoạn thất vọng của những nhà văn phản tỉnh mà chưa thể nói ra rõ ràng vì chưa được phép. Không thể nào một nhà văn cung đình, bồi bút, khiếp nhược, sợ hãi dám đặt vấn đề sống trong một niềm tin không thật. Nhà văn Cao Duy Thảo chắc đã băn khoăn nhiều khi ông viết: "*Tôi không thể nói ra sự thực kia.... Tôi khe khẽ gật đầu, lòng thầm nhắc thôi đừng nói thêm một điều gì nữa. Hãy cứ để cho Phượng cũng như bà mẹ tin những điều mà cả hai từng hằng nghĩ như vậy...". Bịt mắt họ lại để họ chỉ thấy màu xanh của ảo tưởng còn hơn mở mắt họ ra cho họ thấy một màu đen khổng lồ của sự thật.*

Ý tưởng đó hao hao giống Ma văn Kháng khi nhà văn cho nhân vật của mình nhắc đến câu nói của Nam Cao:

"*...Năm chục năm sống thui thủi một mình, con nghĩ thương bà quá!*"

*- Rồi cũng quen đi con ạ.*

*Chị đáp, tưởng như lấy lệ mà giọng lại nghẹn đắng. Nhưng Hòa nhấc bát cơm , chép miệng thật già dặn:*

*- Ông Nam Cao nói khổ mà không biết khổ là thế đấy*! (Mẹ Và Con- 1981).

Ảo tưởng về tư cách và sự thật dối trá của đảng được diễn tả tượng trưng qua truyện Con Rắn của Dương Thu Hương cũng là điều đáng nói. Truyện nói về một cô thiếu nữ yêu người tình của mình hết lòng, một ngày kia cô rơi xuống tận cùng của hố thẳm thất vọng khi khám phá rằng vị hôn phu đã phản bội mình một cách bỉ ổi. Phản bội, anh ta không xứng đáng tình yêu trong trắng của mình đã đành, tệ hơn nữa anh ta còn dối quanh để che tội, còn đổ trút trách nhiệm cho người khác, còn mưu này kế nọ để lấp liếm, chạy tội. Người thiếu nữ trong truyện của Dương Thu Hương sau một thời gian buồn bã phân vân tìm hiểu cuối cùng đã dứt khoát cắt đứt cuộc tình, hủy bỏ hôn ước "*tình yêu còn lại chút ít, nhưng lòng kính trọng hoàn toàn đã mất*".

Dương Thu Hương muốn ta liên tưởng đến những người đặt trọn niềm tin vào đảng Cộng sản, đã lầm lạc trao cả khoảng đời thanh xuân của mình để rồi về già như mấy ông già trong Câu Lạc Bộ Kháng Chiến nhận chân ra sự lừa lọc bất xứng thì đã quá trễ. Vỡ mộng những người này chưa cắt đứt tình với đảng tức thời, nhưng càng sống trong tình trạng mất niềm tin họ càng khám phá thêm sự bỉ ổi, cuối cùng họ đành phải lên tiếng chống lại. Dương Thu Hương, viết truyện này cho mình, cho nhà văn nói chung, cho Nguyên Ngọc của "*Rẻo Cao*" ngày trước và của cách anh điều hành tờ Văn Nghệ gần đây, cho Nguyễn Quang Sáng trong "*Quán Rượu Người Câm*" ngày trước và của "*Con Khướu Xổ Lồng*", "*Hát Bội*" gần đây, cho Trang Thế Hy của "*Nắng Đẹp Miền Quê Ngoại*" ngày trước và của "*Về Nhà Trước Cơn Mưa*" ngày nay...

"*Về Nhà Trước Cơn Mưa*" là sự thất vọng ê chề cho chính bản thân mình khi hoàn cảnh xã hội vây khổn khiến mình không thể làm đúng theo bản tính của mình. Ông già bán nước đá cục rất muốn làm điều nghĩa khi chứng kiến điều thương tâm, không phải vì ông muốn chứng tỏ mình là người dõng mà vì cái trắc ẩn chi tâm trong lòng ông còn mạnh mà xã hội nghèo đói, lừa lọc vẫn chưa tiêu diệt được. Vậy mà cuối cùng ông đành bỏ rơi thằng nhỏ đáng thương đó khi nó mải nằm ngủ một cách ngây thơ. Thân ông, ông còn không thể cưu mang, làm sao có thể cưu mang thêm một đứa nhỏ, làm sao có thể bảo vệ nguyên tắc "dõng" khi biết chắc cuộc sống của mình vốn đã bấp bênh? Nghề, nghiệp vụ của ông đâu thể gọi là một cái nghề được. Và rồi ông đành

nhắm mắt "bất vi điều nghĩa" khiến cho cảm thức ân hận dày vò từ đó đến ngày ông lìa đời với một hy vọng- lại chính là một ảo tưởng khác- rằng những người "kiến nghĩa bất vi" vì hoàn cảnh như mình không nhiều. Không nhiều sao được khi xã hội đang ở tận cùng của sự nghèo đói?

Tuy vậy ở truyện này Trang Thế Hy không nhắm vào chỗ tố cáo cái xã hội tạo nên sự nghèo khổ của những gia đình ngủ đường, của những người đàn bà không đủ cơm ăn khiến phải bỏ rơi đứa con thân yêu để tìm sinh lộ cho mình, Trang Thế Hy muốn đả kích cái xã hội làm tiêu mòn nhân tính của con người sống trong đó, một xã hội mà ai cũng chỉ biết lo cho chính bản thân mình, quay lưng lại với sự đau khổ của người khác.

"Ê-chề" được nói đến lần đầu tiên trong văn chương phản kháng là truyện ngắn "*Thợ Làm Móng Tay*" của Dương Thu Hương, (được tuyển chọn trong Truyện Ngắn Việt Nam 1945- 1985). Có thể nhiều nhà phê bình không đồng ý thời gian xuất hiện của sáng tác mang khuynh hướng phản kháng đi quá xa trong quá khứ như vậy (1984), mặt khác, truyện này cũng không rõ nét phản kháng lắm. Tuy nhiên tôi tìm thấy một ánh sáng le lói của sự thất vọng, một tiếng thở dài tiếc cho hình ảnh mình xây đắp về một chuyện gì với thật nhiều tốt đẹp, huy hoàng, bỗng sự thực hiện ra và khổ thay sự thực đó lại là phản diện của hình ảnh xây dựng trong trí - như kiểu các cuộc hôn nhân không đem lại hạnh phúc cho người trong cuộc - thấy nhan nhản trong các truyện ngắn ở Việt Nam bây giờ. Tôi không gọi hình ảnh trong trí là ảo tưởng hay lý tưởng, nhưng ít ra đó là những hình ảnh đẹp. Hình ảnh đẹp mà người chị họ tên Bê của thằng cu Sáng mang trong đầu về nó không sao phai mờ được theo thời gian là hình ảnh một đứa nhỏ lễ phép, vui vẻ, ấp ủ một chí khí rất đáng phục: "*Nó bắt đầu làm những động tác kỳ cục, khi thì xoay trái, khi thì xoay phải, hai chân cà tẩng như con gà chọi. Tay nó cầm con dao cùn đâm chọc tứ tung, hai ống chân gầy nhưng lanh lẹn nhảy nhót làm bụi tro bay lên, nóng sực. Tôi ngồi nhìn Sáng, ngây người vì cảm phục. Một chập Sáng đổ mồ hôi, nó ngồi xuống, hai mắt sáng rực nhìn tôi:*

*- Thế nào, chị sợ không?*

*- Sợ, ai dạy mày thế?*

*- Chú Cồn, chú bảo em phải tập võ cho giỏi, lớn lên đi giết thằng Tây đã bắn chết bố em.*

*Tôi im lặng ngắm đôi lông mày dài đen lánh trên đôi mắt đen, cặp má hồng lấm tấm bụi tro với mồ hôi của đứa em trai, lòng tràn đầy niềm khâm phục và yêu mến. Hình ảnh ấy đã rung động trái tim tôi mạnh mẽ, nó trở thành một vết sáng lung linh trong ký ức tuổi thơ".*

*Vậy mà hai mươi mấy năm sau chị Sáng đi tìm đứa em mình trong Nam - có lẽ vẫn còn đầy ắp hình ảnh ngày xưa trong đầu về nó - thì thằng cu Sáng từng*

*tuyên bố lớn lên sẽ giết Tây ngày xưa bây giờ trở thành một người khác hẳn, anh ta chỉ là một người thợ sửa móng tay lành nghề, anh "xoay trái, xoay phải, lúc lấy thứ này, lúc lấy thứ khác mà không lần nào đụng hoặc vấp một vật gì trong gian buồng chật hẹp"... "Hai cô gái bước vào kêu sửa móng chân. Sáng múc nước lại cho họ dầm. Xong xuôi nó quay lại một người khách khác, một bà nạ dòng có khuôn mặt đẹp, tay đeo cặp vòng đá lúc lỉu, chân bà ta đã ngâm nước nóng từ lâu. Sáng quỳ xuống nhẹ nhàng lấy bàn chải cọ sát hàng móng chân, lớp thuốc ngâm đã bở và những móng chân người đàn bà chẳng mấy chốc bong hết thuốc, để lộ màu ngà bẩn. Sáng nắm lấy từng bàn chân một, nâng lên gối và lấy bấm ngón tay cắt sửa. Cậu ta ngắm nghía cẩn thận , mắt chăm chú theo dõi từng mảng sừng trắng rơi xuống. Dưới bàn tay Sáng, móng chân người đàn bà dần dần hiện ra như mười hạt đào nhỏ và dẹp. Cắt xong, Sáng lấy dũa mài cho đều các móng chân trơn nhẵn. Chiếc dũa đưa qua đưa lại nhẹ nhàng. Bàn tay Sáng trắng xanh, những ngón tay dài ẻo lả. Một tay mắm lấy gót chân người đàn bà, tay kia đưa dũa, thỉnh thoảng ngón út duỗi ra gạt nhẹ lớp bụi trắng bám trên làn da".*

Tôi cho rằng những nhà văn khi ý thức rằng mình phải viết lên những điều phản kháng chế độ trước khi "lệnh cởi mở" ra đời đã thấy thực tế của ảo vọng chủ nghĩa Cộng sản nhưng họ không thể nói ra rõ ràng nên đã diễn tả mờ mờ ảo ảo (truyện *Người Thợ Làm Móng Tay*) hay chọn chính sách lấp che ảo vọng đó, thôi đừng gợi lên nữa, cứ để đêm tối của sự thật bao trùm vậy mà người khổ ít thấy khổ hơn (truyện *Thời Gian*).



Ý niệm tự do đã đánh mất cần phải tìm lại là khao khát của tất cả mọi người và ý niệm kẻ ngu hèn đương được thời nắm chóp bu quyền thế là hai nét căn bản để chạm nọc chính quyền nhất nên nhà văn phản kháng phải viết lách thế nào cho người đọc hiểu mà lãnh đạo không thể nói được. Nguyễn Quang Sáng làm được điều đó trong hai truyện ngắn ngắn "*Con Khướu Xổ Lồng*" và "*Hát Bội*". Khung trời của *Con Khướu* là khung trời rộng bên ngoài cái lồng son, là tình yêu, chớ không phải là nước đường mà chủ nhân đã tập quen cho nó. Ngoài trời thênh thang nó tự do bay lượn, gió mưa không đáng kể, nó phải sống khác với số phận đen tối của một số đồng loại không may. *Con Khướu* của Nguyễn Quang Sáng khước từ sự nhân danh che chở những gió mưa để được làm kiếp chim đúng nghĩa: "*Chim thì phải bay. Chim bay*". Bởi vì "*Tạo hóa cho loài chim đôi cánh là để bay, nhưng trong trời đất này có biết bao con chim không được bay*".

Nguyễn Quang Sáng dùng ẩn dụ, ông viết tượng trưng. Cũng vậy trong truyện ngắn "*Hát Bội*" ông viết về một thằng nhỏ khờ khạo, đần độn, nhưng

khi cả bọn trẻ chơi trò đóng tuồng thì nó lại được làm vua vì làm vua thì khỏi làm gì hết, quá dễ, khỏi trật, mọi chuyện đã có người khác cong lưng ra làm.

Có thể cách viết của Nguyễn Quang Sáng không rõ ràng, ý niệm chống đối, phản kháng hơi mơ hồ, điều ông đưa ra có tính cách chung chung, hai nghĩa, ông viết theo cách của một người dọ dẫm vào vùng nguy hiểm bước một chân về phía tiến bộ nhưng chân kia sẵn sàng rút lại phía sau. Thật ra trong thế giới Cộng sản mà nói được kiểu Nguyễn Quang Sáng cũng đã khá rồi. Trước sự bạo tàn của chuyên chính, không phải ai cũng có thể đấu tranh kiểu xung kích như Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo, Lưu Quang Vũ, Nguyễn Huy Thiệp. Vấn đề là điều chuyên chở và ý nghĩa do nhà văn đưa ra, công phá trực diện hay gián tiếp tùy theo tính khí của mỗi người.

Nguyễn Linh trong "*Dưới Tán Rừng Còn Lại*" viết trực tiếp bao nhiêu thế mà khi muốn nói đến sự vong ân và thay đổi của những người quyền thế, lãnh đạo, vẫn phải xa xa gần gần dùng con rạch và cái nắng để chửi xéo: "*Hàng ria mép màu phèn tua tủa khẽ rung rinh, ông già Tư bất chợt rủa thầm con rạch. Hừ, thứ đồ rạch nhỏ xíu mà cũng hung dữ! Còn nắng nữa, mầy cũng hung hăng, gắt đến nhức mắt. Tao nhớ ngày xưa bây đâu có vầy!*"

Văn chương phản kháng đã có, những vấn đề phản kháng đã được đặt ra, nhưng ta thấy được những phản ứng gì ở những con người bị hiếp đáp, bóc lột, nhất là những người Miền Nam thẳng tánh trước giờ sống trong khung cảnh tự do?

Đó là thái độ cương quyết, đương đầu đến cùng, chấp nhận nguy hiểm và cái chết nếu cần. Ông Bảy Liên Xô (trong *Nơi Ấy Bây Giờ*) biết tụi nó dàn cảnh để bắt mình đã tính ăn thua đủ nên lận lưng con dao, tới chừng tụi nó liệu mòi không xong, rút đi, anh mới chịu "*bước vào cánh cửa phía trong, vén vạt áo sau lưng rút ra con dao, dắt vào kẹt vách*". Ông già Tư Đấu (trong *Dưới Tán Rừng Còn Lại*) bị tụi nó đòi đốn cây của mình làm nông trường một cách vô lý đã thách thức và phản ứng đúng điệu bộ của người nông dân yêu thương đất đai, cây cối của mình:

- "*Tụi bây ra tay đi*".

*Một tiếng búa, rồi nhiều tiếng búa bổ vào thân cây vang dội. Cả người ông Tư run tê tê như người bị chém. Tưởng chừng như ông sẽ gục ngã hẳn xuống luôn bên mâm rượu giữa nền nhà. Nhưng không, ông vùng dậy như một chiếc lò xo. Cây mác thông nằm trong kẹt vách được rút ra đánh sạt một cái. Ông chạy bay ra rừng như một cơn lốc. Ông gào to:*

- "*Tụi mầy giết.... tao đi...*".

Rồi ông lặn lội lên huyện khiếu nại với Huyện ủy, Sáu Giai, là người trước đây vợ ông đem mạng mình đỡ đạn giùm cho, cái mả còn nằm bên cạnh nhà từ ấy. Nhưng Sáu Giai bây giờ không còn là Sáu Giai ngày trước khiến

ông bực quá. *Đôi môi rung giật từng cơn, mắt đỏ ngầu, cục lộ hầu chạy lên chạy xuống, ông hét lớn: "Tao chống"*.

Vậy mà sao khi dạy dỗ, chửi bới Sáu Giai, thấy tên này xuống nước ông lại mủi lòng, "nghe lòng mình bối rối. Hối hận vì đã nặng lời với người bạn năm xưa". Cái mủi lòng của ông, sự tin tưởng nơi công lý của cấp trên, tin tưởng nơi người bạn ngày xưa mình từng làm ơn cho nó đã như sợi dây thắt cổ "*treo ông tòn teng trên nhánh cây rừng cạnh mả vợ ông*". Khi nghe tin ông Tư Đấu uất ức tự vẫn, Sáu Giai, không làm gì coi cho được, "*vẫn với tác phong bình tĩnh của một người lãnh đạo, anh chỉ dừng lại ở chỗ cúi đầu và sụt sịt mũi trong chiếc khăn tay*". Rồi thôi, mọi chuyện sẽ qua, sẽ trôi vào quên lãng của thời gian chập chùng, kiểu ông Đại Sứ Mỹ rửa tay sau khi hoàn thành công việc giao những người Đồng Minh của mình ngày hôm qua cho Cộng sản trong truyện "*Những Kẻ Bị Hy Sinh Bên Bờ Sông Danuble*" của V. C. Ghorghiu.

Nhưng với người đọc thì cái chết của ông Tư Đấu không vô ích, số phận khốn khổ bi thương của người đàn bà khi chống lại tập đoàn tham nhũng đỏ bị chúng bắt cóc giữa đêm khuya cũng không vô ích. Ngòi bất mãn sẽ lan tràn khắp nơi và những nhân vật Tư Đấu, Bảy Liên Xô, người đàn bà trong truyện sẽ bước ra ngoài đời trong một tương lai không xa để tạo một vận hội mới thật sự cho Việt Nam sau hơn nửa thế kỷ trì trệ vô ích vì đường lối giành độc lập và xây dựng đất nước của người Cộng sản Việt Nam.

Chính sách mà nhà văn tự cho phép mình không phơi bày ra ánh sáng điều cần nói, theo thời gian không còn hữu hiệu nữa, nhất là khi Nhà Nước vì lý do bắt buộc từ phía xa, đã yêu cầu nhà văn nói thật, nói rõ, đừng sợ sệt.

Được đà, những tiếng kêu than tuôn ra dưới nhiều hình thức làm nhức nhối chính quyền, làm nhột nhạt người lãnh đạo, những Ma văn Kháng, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Mạnh Tuấn, Nguyễn Duy, Cao Duy Thảo mở những loạt tác phẩm dò đường, Nguyễn Huy Thiệp, Trần Mạnh Hảo, Dương Thu Hương, Nguyễn Bá, RUM Bảo Việt, Lưu Quang Vũ, Nguyễn Đức Thọ, Nguyễn Quang Sáng... bức phá để tạo một cao trào. Lãnh đạo bị nhột, cởi mở bị buộc lại, thay đổi Tổng Biên Tập được thi hành, trù dập được thực hiện... nhưng những tiếng nói lương tâm đã bay ra, ảnh hưởng đã có. Những tác phẩm mà chúng ta gọi là văn chương phản kháng từ trong nước đã đóng vai trò thông điệp cho thế giới thấy sự thấp kém của chế độ Việt Nam bây giờ, đồng thời cũng là một cuộc rửa mặt xứng đáng của người cầm bút tại quê nhà mấy chục năm qua hèn nhục im lặng hay vỗ tay khen thưởng cho chế độ.

Sĩ khí của người cầm bút càng cao thì ngòi nổ có thể phá tung sự bền vững của chế độ càng mạnh và kết quả càng nhanh.

Tôi tin tưởng điều đó. Tôi không một chút nghi ngờ nào trên sự "đánh cụi" của anh em viết văn nơi quê nhà.



Cái khổ của nhà văn biết phản kháng không chỉ nằm ở chỗ thấy vấn đề, nỗi khổ của họ còn do sự hiện diện của những cây bút khác, hèn hạ và ác độc, ve vuốt chế độ, bao che cho sức mạnh phản động của chính quyền, sẵn sàng tấn công người cấp tiến tiên phuông bằng những hình thức chụp mũ tồi tàn. Mặc dầu trong năm 1988 Trần Độ đã trấn an nhóm nhà văn cấp tiến rằng "*phải để cho nhà văn cảm nhận cuộc đời, xúc động và suy ngẫm cuộc đời theo ý thức của mình*", chúng ta không cảm thấy an tâm cho số phận của các nhà văn phản kháng vì lực lượng nhà văn phản động vẫn còn quá mạnh, họ sẵn sàng làm vui lòng chủ nhân để nhận những ân sủng cuối mùa, kiểu Đặng Anh Đào khi anh ta lớn tiếng rằng nhân vật phản diện của Dương Thu Hương "*minh họa cho ác cảm của nhà văn*" trong khi nhân vật chính diện nạn nhân thì bị gọi bằng danh từ "*phía bên kia*" và bị khiếu nại rằng được tác giả viết tự nhiên hơn. (*Hoài niệm, mặc cảm, định kiến trong Những Thiên Đường Mù*, tạp chí Sông Hương, trang 87)

Mong rằng sự lo lắng trên kia không có cơ sở. Mong rằng những lẽ phải nói lên bằng cả sanh mạng của những nhà văn can đảm của phong trào phản kháng không trôi vào hư vô, vô ích và chúng ta, nhà văn, cũng như độc giả ở hải ngoại, không phân hóa vì những nhận định có tính cách cảm tính.

# con khướu xổ lồng



*Nguyễn Quang Sáng*

Tạo hóa cho loài chim đôi cánh là để bay, nhưng trong trời đất này có bao con chim không được bay. Nhà tôi cũng có một con, khướu, được nuôi trong lồng. Nó được nuôi trong một cái lồng tuyệt đẹp, cái lồng tre nổi tiếng của Lạng Sơn. Mái lồng như mái đình, quanh lồng được chạm trổ theo hình hoa văn, trong lồng có ba cái lọ sứ Tàu để đựng thức ăn thức uống. Cái lồng được treo dưới mái bên mảnh vườn treo trên nhà. Nếu những con chim khác biết được không thể không ganh tị với nó. Quanh nó là cây cảnh với phong lan, không mưa không nắng nhưng vẫn nhìn thấy khoảng trời mênh mông qua mảnh vườn. Nó như sống trong cảnh thần tiên, thức ăn thức uống đủ đầy, chỉ có hót thôi.

Con khướu nhà tôi không đẹp như họa mi hay sơn ca, so với con cưỡng nó cũng không bằng. Lông một màu đen, trên đầu có một cái chóp trắng, trông nó như một lão già lụ khụ lúc nào cũng đội kết. "Đừng thấy vậy mà chê. Nghe nó hót rồi biết". Ông bác tôi vốn là người chơi chim, mang nó từ quê lên cho, bảo vậy. "Tao chọn rồi, chim trong nhà, nó là con hót hay nhất". Đúng như lời nói của ông bác, tiếng hót của nó vừa vui vừa xao xuyến. Những buổi chiều mệt nhọc từ ngoài đời trở về ngồi trên mảnh vườn nghe nó hót, lòng bỗng thấy thanh thản, thấy gần với trời đất.

Con khướu nhà tôi chỉ biết hót chớ không biết nói. Và tôi cũng không thích dạy nó nói. Bởi vì những con chim biết nói đều nói vô nghĩa, nó chỉ biết nhại lại từ ngữ của người chớ không nói được tiếng nói của con người. Tôi đã gặp một con quạ biết nói ở làng quê. Khi có người bước vào nhà, nó hỏi:

– Ai đó?

Nghe mà giật mình, giọng nó trầm như giọng một lão già từ dưới mộ vọng lên. Tôi cũng gặp những con chim nói tục theo lời dạy của trẻ con.

Thật đáng sợ những người nói mà không biết mình nói gì, không phải nói mà lập lại tiếng nói của người khác. Hãy nói tiếng nói của mình, khướu ạ. Hót đi!

Con khướu nhà tôi lại có một biệt tài. Mỗi lần tiếng đàn piano từ dưới

nhà vang lên thì nó xòe cánh, nó múa, nó hót hòa theo. Cái dạng lụ khụ của lão già đội kết bỗng biến mất, cũng cái màu lông đen tuyền ấy mà sao thấy nó lộng lẫy như một vũ nữ trước ánh đèn sân khấu. Lúc ấy, cả nhà đều chạy lên vườn, vây quanh nó.

Con khướu là niềm vui của cả nhà. Có lúc không còn nhớ nó xuất xứ từ đâu, nó như có mặt cùng một lúc với mọi người. Như một thành viên chính thức trong gia đình, không thể thiếu.



Mỗi buổi chiều tôi đi làm về, thằng út tôi, tám tuổi, đón tôi từ ngoài cổng, vừa thấy tôi nó dang hai tay vừa chạy xô tới vừa la:

– Ba ơi! chim bay rồi!

– Cái gì?

– Chim bay rồi.

– Chim nào bay?

– Con khướu nhà mình đó, nó xổ lồng, nó bay mất rồi!

– Thiệt sao?

– Thiệt!

Tôi chạy vào nhà bước một bước hai ba bậc thang, lên mảnh vườn treo. Thật vậy, chỉ còn có cái lồng không. Ngày ngày, mỗi lần tôi bước vào mảnh vườn, lần nào nó cũng cất tiếng hót chào tôi. Tôi ngồi phịch xuống ghế, nhìn cái lồng không. Cái lồng trống, lòng tôi cũng trống.

Sáng nay, thằng lớn của tôi – 15 tuổi, lúc cho nó ăn đã sơ ý mở hết cửa, thế là nó vù đi. Thằng lớn tôi vừa nghe "vù" qua tai là nó quơ tay ra chụp, nhưng chỉ giữ lại trong tay một chiếc lông, còn con khướu thì dang cánh bay thẳng lên bầu trời như một mũi tên.

Suốt đêm hôm đó, cả nhà ai cũng thấy thiếu vắng. Không ai buồn lên mảnh vườn treo nữa.

Nửa đêm, thằng út tôi giật mình khi trời đổ mưa. Nó cứ trăn trở thao thức, rồi thì thầm:

– Ba ơi! Trời mưa lại gió nữa, con khướu bay đi, nó có sao không ba?

– Chim thì phải bay. Chim bay thì có gì phải lo. Con ngủ đi.

Buổi chiều hôm sau, trời vừa chạng vạng, bỗng có tiếng hót của con khướu vang lên từ trên vòm lá cây sao trước nhà.

Con khướu lại về, cả nhà reo lên. Ngước cổ nhìn lên, không ai thấy, chỉ nghe tiếng hót. Nghe tiếng hót buồn thảm của nó tôi bỗng nghĩ đến những đứa con bỏ đi hoang, hối hận trở về nhưng không dám vào nhà, cứ thập thò trước cổng.

Chiều hôm sau, con khướu lại về lại hót trên vòm lá.

Thằng lớn nhà tôi mang cái lồng ra, treo trên cành cây ngoài trời, nhử nó.

Cả nhà người nào cũng tìm một chỗ núp, người nào cũng hồi hộp. Thằng lớn của tôi, hai tay giữ lấy sợi ny–lông từ cái cửa lồng chuyền xuống, cứ rung rung.

Trên vòm lá, con khướu vẫn hót, hót rồi ngưng, ngưng lại hót. Khi tiếng hót vừa dứt, từ trên vòm lá, con khướu buông cánh sà thẳng vào lồng. Cửa lồng sập xuống. Từ các chỗ núp, cả nhà vừa lao ra, vừa reo lên, và giành nhau bưng cái lồng.

Cái lồng với con khướu lại được treo lên chỗ cũ. Cả nhà lại ngồi quanh nó, nghe nó hót, quên cả buổi cơm chiều. Một con chim xổ lồng bay đi rồi lại quay về là điều ít có, nên không thể không bàn cãi. Nhà tôi mỗi người có mỗi ý khác nhau:

– Nó quen với cái lồng.

– Đúng.

– Làm sao nó kiếm được cào cào như ở nhà.

– Không cào cào thì sâu bọ, chắc không phải vậy đâu.

Cuối cùng thằng út tôi nói:

– Nó nhớ nước đường đó ba.

Cả nhà rộ lên tán thành nhận xét của út:

– Đúng!

– Đúng!

Trong ba cái lọ sứ Tàu đựng thức ăn cho con khướu có một lọ là cào cào, châu chấu, còn hai cái lọ kia là một lọ nước thường và một lọ nước đường. Nuôi chim bằng nước đường là một bí quyết của nghề nuôi chim do ông bác tôi truyền lại.

Có ý tán thêm:

– Nó ghiền nước đường như người ta ghiền rượu ghiền bia vậy. Phải không mầy khướu?

Riêng tôi, tôi nghĩ khác nhưng không nói. Nói đến tự do người ta thường nghĩ đến đôi cánh, khi nói đến đôi cánh người ta nghĩ đến tự do, đôi cánh với tự do như đồng nghĩa. Con khướu này, đôi cánh của nó đã dang ra mênh mông trên bầu trời tự do rồi, sao nó lại khép cánh trở lại cái lồng nhỏ hẹp này. Có lẽ cái lồng này đã giam hãm đôi cánh nó quá lâu, khiến cho đôi cánh nó chới với và cái lồng ngực nó bị ngợp trước cảnh mênh mông của trời đất? Có lẽ nó bỗng thấy cô đơn, bỗng thấy mình quá nhỏ bé giữa bầu trời?

Và nó trở về lồng, lại hót.



Một lần thằng con tôi lại sơ ý. Nó bay đi lần này, cả nhà không lo buồn như lần trước. Bởi đoán thế nào nó cũng quay về, và đúng như vậy, chiều hôm sau nó lại hót trên vòm lá cây sao, chỗ cũ. Thằng lớn của tôi lại treo cái lồng ra ngoài trời. Người trong nhà không còn ai phập phồng nữa, biết chắc là chốc nữa nó sẽ lại sà xuống, chui vào lồng.

Chỉ có thằng út là vẫn háo hức đi tìm một chỗ núp rình xem, với nó như một trò chơi hồi hộp lý thú.

Trên vòm lá, con khướu lại hót. Nó hót một chuỗi dài như báo tin, nó đã về. Và từ trên vòm lá nó lao xuống.

Khi nó lao xuống đến lưng chừng thì từ trên cao xa bỗng vang lên tiếng hót của một con chim trời. Tiếng hót của con chim lạ ấy tôi nghe thánh thót hơn và cũng dịu dàng hơn, chắc là con chim mái.

Tiếng hót con chim trời ấy đã cứu con khướu nhà. Đang lao thẳng xuống vực thẳm của chiếc lồng thì, nó bỗng ưỡn người dựng ngược đôi cánh xiên thẳng lên cái nền xanh thăm thẳm của bầu trời.

Thế rồi con trước con sau như hai mũi tên đen, đuổi nhau lượn vòng trên tàn cây, vừa lượn đuổi vừa hót.

Rồi từ xa, hai con bay đến nhau, khi vừa đến nhau thì chúng dựng cánh, cánh kề cánh nương nhau bay lượn, vừa bay vừa hót. Tiếng hót của đôi chim rộn rã quấn quít như tiếng cười tiếng khóc trong giọng rối rít của đôi tình nhân hàng thế kỷ mới gặp nhau, vừa xôn xao vừa vang động cả trời chiều. Cái vòng lượn của đôi chim mỗi lúc rộng ra, mỗi lúc một từ xa cho đến xa...



Chiều hôm sau, thằng con lớn của tôi lại treo cái lồng ra ngoài trời, đợi con khướu. Nhưng con khướu không về trên vòm lá. Thằng con tôi kiên nhẫn, chiều hôm sau lại mang cái lồng ra.

Tôi bảo:

– Thôi dẹp đi. Nó không về nữa đâu.

– Sao vậy ba? – Thằng út tôi hỏi.

– Thôi dẹp đi, ba biết nó không về.

Tôi nghĩ mà không nói. Lần này nó có đôi cánh của tình yêu, đôi cánh tình yêu đã đưa nó về với cảnh thênh thang của đất trời. Và nó là chim.

Chim thì phải bay. Chim bay...

**28/8/1988**

# ôi cam mà sao đắng



*Ninh Đức Định*

Chiếc xe cúp màu ốc biển của tôi giảm ga bò xuống dốc, qua cầu nổi lên phà Bến Tuần. Tôi gạt chân chống cho xe đổ ở cạnh chiếc La đa màu trắng sữa. Phà không đông vì trái phiên chợ Lục. Đằng sau về phía tay phải tôi, có chiếc xe cải tiến, chất đầy những bao tải lạc cũ. Một ông già mặc quần áo đại cán vải Ka ki màu ghi đã bạc. Khuôn mặt to, nước da ngăm đen lấm tấm mồ hôi, tay cầm mũ cứng quạt phe phẩy, dáng mệt nhọc đăm đăm nhìn theo giòng nước. Ông có bộ mặt của một kẻ cả, biểu hiện ở bộ ria kẻ chỉ và cái đầu hói láng bóng. Nhưng lại bị cái dáng bè bè lùn tịt, không dấu được cái chất người thợ đấu quê tôi.

Phà đứng chờ thêm khách, tôi thấy ông già đang lý luận đám thanh niên sống thực dụng, và giải thích cái chủ nghĩa đã từng thấm vào xương máu của ông, ông truyền cho lớp thanh niên chúng tôi hồi nào, nay xem ra đám thanh niên không thích, cứ cười hô hố để chế giễu ông. Nhìn ông tôi ngờ ngợ, sau chợt nhận ra... tôi bước sang chào ông:

– Ôi! Bác Tài!... bác có khỏe không?

Nghe tên cúng cơm ông già chững mặt, cố lục trí nhớ xem... tôi là thằng nào?

– Mi là ai? Ông người Thanh Hóa, quen giọng bề trên.

– Cháu là thư ký đoàn cải cách... lính thời xưa của bác... ngày ấy bác là trưởng ban Miền... bác nhớ sao được hết lính.

Ông già chợt hồ hởi. Tôi bắt tay ông.

– Cậu Tú, thư ký đoàn ba phải không?

Thực ra tôi không tên là Tú. Tôi có văn bằng đệ tứ, loại học lực như tôi hồi bấy giờ hiếm lắm, nên mọi người tôn tôi là ông Tú.

– Xe bác đây à? Tôi hỏi và chỉ vào chiếc xe La đa trắng.

– Không... xe tôi đây. Ông chỉ vào cái xe cải tiến chở lạc, rồi cười gượng hàm ý chua chát!

Tôi im lặng... Ông nói tiếp.

Tôi nghỉ hưu lâu rồi. Nhà ở Hà Nội, thằng Thiệt con tôi học ở Liên Xô về ở. Con cái chúng đi hết... còn hai ông bà già đưa nhau về, nuôi nhau ở đây... Anh vào nhà tôi chơi! Tôi ở làng Lục xóm Giữa kia kìa. Giọng nói ông buồn buồn!

– Bác để khi khác... Tôi nghĩ một lát: Nếu không có gì thay đổi vài hôm nữa cháu đến thăm bác.

– Nhất định đến nhá. Từ ngày về đến giờ, năm đâu lác đác vài đứa đến chơi, nay mất tăm... buồn quá... Vào làng hỏi thăm ông Thứ trưởng nghỉ hưu, hỏi tên Tài ít người biết.



Phà đã cập bến. Tôi vội đánh xe lên trước, rồi xuống phà giúp ông Tài một tay. Ông khoát cái ách bò bằng sợi thừng to quấn bên ngoài miếng tải rách. Người ông gò xuống, hai tay nổi gân để ghìm càng cho khỏi tùng bô. Tôi đẩy giúp ông. Chiếc xe cải tiến ngoan ngoãn đi lên đỉnh dốc. Tôi chào ông và hứa thế nào cũng đến chơi.

Tôi nhìn theo chiếc xe xa hút lẩn vào trong lũy tre làng. Cái làng Lục xóm Giữa có ông Tài thứ trưởng nghỉ hưu làm người dân bình thường. Cách đây 15 năm ông còn là vị thứ trưởng thứ nhất kiêm bí thư Đảng đoàn. Cái chức còn cao hơn bộ trưởng thời đó.

Đã lâu tôi không về quê, lần này về tôi giành một ngày đi ngắm cảnh. Những ngôi đình ngôi chùa, gốc đa giòng sông bến nước... là những kỷ niệm thời thơ ấu giờ đổ nát hoang vu. Ngôi đình cổ từ đời nhà Lý bề thế, có giá trị về văn hóa và lịch sử bị xiêu vẹo. Cán bộ văn hóa ở trung ương về vẽ vời cả tháng hứa trùng tu cũng đã mất hút gần hai mươi năm. Dân xã tốn kém vài con lợn tạ, dăm ba tạ gạo cung phụng cho đoàn giờ chẳng biết hỏi ai! Nghe đâu họ vẽ để bán cho người nước ngoài, thế là bà con dân xã bị trúng quả lừa đậm. Tòa chùa cổ hàng trăm tượng Phật một nửa phơi mưa phơi nắng, cụt đầu mất tay. Phật Thích Ca mất cắp ba lần; mỗi lần thay Phật mới lại cúng điếu linh đình thật tốn kém. Đồn điền cam Bố Hạ từ bến Sâu đến bến Lường, hàng nghìn mẫu cam sạch bách đến cái rễ cũng không còn. Giống cam quít Bố Hạ nổi tiếng một thời, nay còn lại trong bài học lịch sử. Đó là khu đồn điền của ông Chánh Vạn đã đi vào dĩ vãng xa xưa.

Trên đường ngoạn cảnh với bao nỗi suy tư tưởng niệm về những ngày xa lắc xa lơ, tôi nhớ đến ông Tài và lời hứa... tôi tìm đường vào làng Lục xóm

Giữa. Xe tôi đến cổng làng, đám trẻ con độ mươi đứa la hét bám đuôi. Tôi phải dừng xe để gạt chúng ra...

Cháu đừng bám nhỡ ngã gãy cái răng sún đấy. Tôi nói vui.

– Răng cháu sún hết cả rồi chẳng sợ. Thằng bé nhe hàm răng sún ra làm trò, lòng tôi thấy vui vui không nỡ quát chúng nữa.

Tôi phải xuống xe để dắt, sợ chúng thò tay vào nan hoa rồi mang họa. Tôi hỏi một cháu gái lớn hơn:

– Cháu chỉ cho chú nhà ông thứ trưởng ở đâu?

– Ông thứ trưởng trồng cam phải không chú?

– Thế ở đây có mấy ông thứ trưởng hả cháu?

– Chỉ có một ông thứ trưởng trồng cam thôi. Chú đi đến điểm canh đê thì rẽ trái, có cái vườn nhiều cây xanh. Vườn nhà ông ấy đấy!

Tôi suy nghĩ: sao cô bé lại gọi ông "thứ trưởng trồng cam", chắc phải có căn nguyên gì đây?...

Đến điểm canh đê tôi gặp một vườn cây xanh độ hơn một sào um tùm đủ loại. Có cả cây vô bổ, như cây tre cảnh, rập bâu đen vào mấy ngọn măng mới mọc. Chui qua vườn mùi ẩm mốc xông lên mắt, hơi lạnh quyện với mùi hôi bọ xít. Vài con ong vo ve bay quanh mấy chùm hoa nhãn thưa thớt. Đường phải vòng qua vũng ao đào có mấy cánh bèo tây cằn cỗi. Một con chó vằn con, mắt toét nhèm tiến ra lui vào sủa anh ách. Ông Tài nhận ra tôi, mời vào. Ngôi nhà ngói ba gian đơn sơ xương bằng tre hóa không ngâm. Gian giữa còn bề bộn thúng mủng dần cùng đựng lạc, và vỏ lạc vung vải khắp nơi. Bà vợ ông cỡ tuổi sáu mươi, người đậm đà khỏe mạnh vấn khăn vành giế, hàm răng cải mả lam nham. Ông mời tôi sang ngồi ở bộ tràng kỷ bằng tre trúc Lạng Sơn gian bên. Bà đi đun nước pha trà.

Ông Tài tỏ ra hoạt bát cởi mở mời tôi hút thuốc lá quấn con gà, bao bằng giấy báo. Tôi nể nên châm một điếu làm thủ tục ngoại giao, hút một hơi là tắt ngấm.

Ở thôn quê chỉ có loại thuốc lá này thôi. Hút phải kéo liên tục mới không tắt. Anh tính cảnh nông dân tiền đâu mà hút thuốc đầu lọc. Ông phân bua rồi đánh que diêm cho tôi hút lại điếu thuốc dở. Thuốc vừa nặng vừa khét tàn đen như thuốc lào.

Sau khi uống hai tuần trà ông mời tôi ra thăm vườn cây ao cá. Ông giới thiệu rất say sưa:

– Tôi về hưu một năm là lao vào kế hoạch xây dựng gia đình... Cái công thức VAC tưởng ngon mà vất vả lắm! Anh xem vườn tôi toàn cây quý cả đấy chứ, cam Vinh bưởi Đoan Hùng, mận Lạng Sơn, đào Sapa... tôi mê nhất là nhãn lồng Hưng Yên. Tôi về tận nhà tay bí thư tỉnh ủy bạn cũ, xin cây giống

về. Đã mười năm mà chỉ được vài chùm quả lưa thưa, cùi mỏng dính, hạt to bằng hạt vải ăn nhạt loét... chỉ được mùa bọ xít, thui chột tất cả.

Trầm tư một lát ông lại nói tiếp:

– Cây bưởi Đoan Hùng năm đầu bói được mươi quả to đáo để, nhưng tôm không cứng đắng ngắt. Năm sau quả nhỏ dần, đến nay quả bằng nắm đấm, để thì buồn, chặt làm củi thì tiếc. Liệu có thứ thuốc nào cứu vãn được không anh?...

Tôi suy nghĩ ra một ý khôi hài định nói ra: "có mà thuốc lò gạch Bến Cát". Sợ ông phật ý nên lại thôi. Tôi vẫn lẳng lặng đi bên ông...

– Riêng cây mận bói đôi ba quả còn ăn tạm. Cây đào chưa biết chua ngọt ra sao? Lúc đầu mới gây cái vườn này, tôi tuyên truyền khắp làng về lợi ích kinh tế vườn cây. Tôi đưa ý kiến ra cả cuộc họp Đảng bộ xã. Tôi đề nghị đưa vào nghị quyết. Họ cử tôi làm trưởng ban chỉ đạo. Một số ông về hưu theo tôi cũng bị thất bại cả. Thế là họ oán tôi. Bây giờ tôi nói chẳng ai nghe. Họ còn giễu tôi: "Chỉ nên nghe ông thứ trưởng về lý luận chủ nghĩa Mác thôi, còn chủ nghĩa thực tế mà nghe ông thì cả nước ăn cháo"... chỉ được mỗi vườn cây lão Phương củ mỉ củ mì xóm Đông là thắng đậm. Lão chỉ trồng một loại cây chanh. Lão bảo: "trồng cây gì phải xem có hợp khí hậu, hợp thủy thổ không? Đừng viển vông, xem cây chanh là hợp hơn cả. Ông cha ta đã thuần hóa, chọn lọc bao nhiêu đời rồi sao không bắt chước". Năm vừa rồi lão ấy thu cả trăm ngàn bạc chanh. Cứ hai mươi đồng một quả bán buôn là hết phăng ngay tại gốc.

Nói đến đây tôi hiểu vì sao dân làng gọi ông là "thứ trưởng chủ nghĩa Mác" rồi...

Chúng tôi đi dạo quanh vườn một vòng, lại về ngồi uống nước. Ông lấy cái tẩu trọc trọc ngoáy ngoáy đổ xái thuốc ra rồi lấy thuốc lá vụn tra vào. Trông ông ngậm tẩu lại có cái dáng của một kẻ cả. Ông rót nước mời tôi rồi tiếp:

– Tôi định phá tất cả rồi trồng cam quít Bố Hạ, để lấy lại uy tín và vượt lên trên lão Phương. Cái hương vị cam sành mới quý làm sao?... Nhưng giống quý thế mà nay không tìm ra. Họ phá phách tiệt cả giống!...

Nói đến cam Bố Hạ là chọc vào nỗi đau của tôi, trong những ngày về thăm quê.

Trước cải cách ruộng đất năm 1954, tôi là bạn với con trai Chánh Vạn chủ đồn điền cam Bố Hạ, nên tôi hiểu rất rõ về gia đình ông. Tôi được các cụ kể lại:

Đời nội cụ Chánh Vạn làm quan lục bộ Phủ Lạng Thương. Cụ ghét Tây từ bỏ việc quan lên vùng núi Yên Thế, theo ông Đề Thám lập nghiệp. Sau

khi quân khởi nghĩa Yên Thế bị thất bại, cụ bị bắt. Chúng bí mật thủ tiêu bằng hình phạt đeo đá thả xuống sông Thương. Hai lính cơ người Phố Khách Phủ này biết danh cụ là người nhân đức với dân nghèo. Đối với quan dưới quyền làm càn cụ nghiêm trị, như việc phóng tuyến qua nhà dân hù dọa để ăn của đút. Danh tiếng ấy làm hai lính cơ kính phục. Họ tìm cách giải thoát cụ cùng hàng chục nghĩa quân khác. Sau sự việc ấy, hai lính cơ vứt súng xuống sông bỏ về quê hương.



Thời gian ở vùng Bố Hạ Yên Thế, cụ đã tìm hiểu rất kỹ cây cam sành, cam giấy, quít hộp và quít cố. Mỗi loại có hương vị riêng. Giống cam quít Bố Hạ nổi tiếng từ hồi đó, nhưng lượng chưa nhiều chỉ có mấy hạt bãi nhỏ thưa thớt ven sông. Cụ bỏ công đi khảo sát dọc ven, thấy đất hoang hóa bạt ngàn. Cụ có ít vốn liếng và có tích lũy được một số kiến thức kỹ thuật trồng cây ăn quả, thời làm nhân viên sở canh nông Đông Dương. Cụ bỏ công khai phá đất hoang lập đồn điền cam Bố Hạ. Sau cụ chết để lại cho bố Chánh Vạn. Nhưng bố Chánh Vạn nghiện hút phải bán hết cho vào bàn đèn. Đến đời Chánh Vạn, ông chuộc lại tất cả. Chánh Vạn tiếp tục khai phá mở rộng đồn điền, cho đến cuối đời bãi cam lên đến ngàn mẫu.

Cứ vào những ngày tháng cuối năm, cam quít đỏ ối trên nền xanh bạt ngàn, hai ven bờ sông Thương, kéo dài đến mười cây số. Khách buôn thập phương kéo đến trảy cam chở bằng thuyền chợ về Hà Nội và các tỉnh. Chợ Bố Hạ ngày xưa trên trời dưới cam, nay không còn một quả. Đồn điền cam sạch bách không còn một gốc cam còi. Sự tàn phá quê hương bằng một giá thật đắt, trong đó có ông Tài là một tên tội phạm. Nay có dịp tôi tra lại cái tội của ông:

– Làm sao bác lại phải đi tìm giống cam Bố Hạ. Chính bác là người triệt hạ nó kia mà. Tôi nghiêm giọng lên án.

Ông Tài sa sầm mặt, cơ má giật giật tỏ bực bội khó chịu! Tôi rất quen khuôn mặt của ông thời tôi dưới quyền. Như ngày trước thì ông đã quắc mắt tống tôi vào nhà đá. Nhưng bây giờ thì ông lụi xuống như cây thối rễ cọc. Ông thều thào thanh minh.

Những khổ chủ, những bần cố nông được chia phá hết, chứ tôi có liên can gì?!

– Có đấy bác ạ! Chính bác là nguyên nhân gây ra tội ác. Bác đã ký quyết định tử hình Chánh Vạn và bao nhiêu địa chủ khác chưa đến tội chết...! Bác còn quy kết ép buộc các xã phải tìm cho ra đủ số địa chủ đã định sẵn. Bác nói quy oan còn hơn lọt lưới. Số phận con người sống chết bác coi như chuyện đùa! Đến như bà bác tôi chỉ có một mình và tám sào ruộng, không có sức làm

vì ốm yếu, đem cho em họ cấy cũng bị quy là địa chủ bóc lột. Bác còn nhớ cả chứ?...

– Chánh Vạn nó là địa chủ cường hào gian ác có nợ máu, đáng tội tử hình theo điều luật.

Tôi nhớ ngày ấy, tôi làm thơ ký công đoàn. Theo chỉ đạo của ông Tài, tôi thảo những quyết nghị, những chỉ thị những quyết định án tử hình và các án dưới mức khác... Tôi làm như cái máy... người ta ấn nút là tôi làm, chứ không được tham gia bàn bạc. Không nói đúng sự thật thì lương tâm cắn rứt, nói được sự thật sẽ được cấp trên quy cho là hữu khuynh, bị địa chủ mua chuộc, có tư tưởng lập trường không vững... Tội ấy phải đi học tập cải tạo gọi là chỉnh huấn chính trị. Người ta bắt đọc bản kiểm điểm rồi bị xỉ vả theo hình thức đấu địa chủ. Cuối cùng phải nhận án kỷ luật nặng...

– Bác Tài ạ, bác nghe tôi nói sự thật nhé. Sự thật, Chánh Vạn là người giàu có nhất tỉnh. Một chủ đồn điền nổi tiếng có công với cách mạng. Tôi hỏi bác: ai là người thành lập trường phổ thông cấp 1 trong kháng chiến cho con em nông dân học? Chủ tịch Vạn. Ai hiến cả đàn bò, hàng kho thóc lúa khao vệ quốc đoàn, ngày chiến thắng trở về địa phương chỉnh quân? Ai đỡ đầu nuôi nấng cả trung đoàn Hùng Anh, đủ cơm no áo mặc để đi đánh giặc? Vẫn chủ tịch Vạn. Chánh Vạn là người làm chủ tịch đầu tiên Ủy ban kháng chiến hành chánh xã. Cái xã ngày ấy gồm năm xã ngày nay.

Ông Tài càng giận dữ hơn:

– Nhưng những của ấy là của bóc lột nông dân không phải của hắn...

– Không! Chánh Vạn không bóc lột nông dân mà ngược lại Chánh Vạn cứu nông dân. Ông ta có đầu óc tổ chức công ăn việc làm cho họ. Cái đói của ngày tháng giáp hạt xảy ra triền miên ở xứ này. Chánh Vạn thu nhận họ lại để khai khẩn đất hoang, gánh bùn sông Thương đổ gốc cam dọn cỏ đủ gốc giữ ẩm. Chánh Vạn cho ăn no trả công xứng đáng. Họ nhờ Chánh Vạn để sống qua ngày đói, chờ có lúa sớm. Nạn đói năm 1945 hàng trăm người đói từ Thái Bình Nam Định lên đồn điền. Chánh Vạn nuôi cho ăn no để làm vườn. Nạn đói qua khỏi họ khỏe mạnh trở về quê hương. Tất cả hành động nhân đức ấy lại là tội ác hay sao?...

Chánh Vạn là người kinh tế nông nghiệp. Ông thích làm giàu theo quan điểm làm ra nhiều của cải, nhưng sống lại rất giản dị, tiết kiệm. Ông là người sống có thực tế ghét người có tánh ba hoa phù phiếm. Một con người có tư chất khác thường. Làm ra nhiều của cải là công việc rất khó khăn, phải đổ mồ hôi sôi nước mắt, có khi phải trả bằng máu mới giành được!... Đấy là lời dạy bảo của ông cho lớp con cháu chúng tôi ngày ấy... Hàng ngày ông thường đi bộ hoặc đi ngựa đến từng bãi cam đôn đốc công việc. Ông bảo ban từng

người, quản lý đến từng người làm công. Ông không chửi bới đánh đập một ai và không cho phép người quản lý nào được làm việc ác!

Có một lần ông đến bãi cam bến Thác. Người làm công bón phân vào gốc cam để phân rơi vãi lãng phí. Họ ngại bẩn nên làm ẩu. Chánh Vạn tự tay bốc phân, động tác nhanh nhẹn thành thạo, vừa làm ông vừa ôn tồn giảng giải cho họ:

– "Làm giả ăn giả, làm thật ăn thật". Các anh làm giả nên nghèo suốt đời là phải...

Câu nói mộc mạc của Chánh Vạn là một chân lý, người đời còn phải học tập.

Máu tôi sôi lên nói một thôi một hồi. Mấy lần ông Tài nhấp nhổm cắt ngang lời tôi nhưng tôi gạt đi. Ông Tài vẫn chưa chịu lui.

– Không bóc lột thì nợ máu! Chánh Vạn đã thủ tiêu năm người ở bến Thác, khổ chủ đã tố cáo...

Vì cái già họng của ông nên tôi không giữ nổi bình tĩnh. Tôi thét lên:

– Năm người làm công chết ở bến Thác, là họ ra vớt củi gỗ để bán cho lò gạch bến Cát, bị nước lớn cuốn đi. Việc này chính bác lệnh cho tôi dựng tội. Bác còn bắt những thân nhân người bị nạn ra vu cáo đấu tố tại đấu trường... Khi sửa sai người ta nói sự thật để minh oan cho Chánh Vạn, hạ ông ta xuống thành phần địa chủ kháng chiến.

Nói đến Chánh Vạn là địa chủ kháng chiến, ông Tài sợ run lên, mặt tái đi, người ông dịu xuống như đụn giẻ.

Địa chủ kháng chiến là địa chủ có công với cách mạng, không bị án tử hình. Việc quy Chánh Vạn là địa chủ cường hào gian ác có nợ máu để xử tử, tội đó là tội của ông Tài. Ông phải lãnh chịu cái tội giết người đó.

Chánh Vạn không còn nữa, quê hương tôi mất một chuyên gia làm kinh tế nông nghiệp giỏi. Chánh Vạn mất đi, hàng nghìn mẫu cam Bố Hạ cũng mất theo, và cuộc sống của hàng ngàn gia đình trồng cam cũng không còn nữa.

Tôi còn nhớ cuối năm 1953 vào một đêm đông giá lạnh, nông dân cả huyện đốt đuốc ùn ùn đổ về khu đồi Mè, để dự phiên tòa xử tội Chánh Vạn. Tòa án nhân dân mở ở vạt đồi rộng. Phía trên dốc thoải người ta dựng kỳ đài bằng lá si. Băng cờ khẩu hiệu giăng khắp nơi, đầy không khí ngày hội lớn: ngày hội đánh đổ gục toàn bộ uy thế giai cấp địa chủ cường hào gian ác ở đất này!... Giữa kỳ đài bàn ghế chánh án kê rất cao. Hai bên là thẩm phán, không có ghế luật sư bào chữa. Ông Tủn cố nông khổ chủ ngồi ghế chánh án. Bà Mùi bần nông, ông Sếu trung nông lớp dưới làm thẩm phán. Họ là những người vừa thoát nạn mù chữ qua lớp bình dân học vụ buổi tối. Hai bên trước

kỳ đài đại biểu nhân dân các xã và một đơn vị bộ đội làm hậu thuẫn, ở giữa để lối đi dẫn Chánh Vạn lên quỳ trước tòa. Ở phía đàng sau nông dân ngồi đã chôn sẵn một cột gỗ dài hai mét, để trói Chánh Vạn sau khi tuyên án...

Chánh Vạn chết, hàng ngàn mẫu cam được đem chia cho bần cố nông. Được chia nhưng họ chỉ biết thu hái hưởng lộc mà không hiểu gì vun xới gốc cây cho sinh lộc. Cả đồn điền cam, chẳng bao lâu cứ tàn lụi dần. Đến ngày góp vào hợp tác xã làm của "cha chung không ai khóc". Cho đến nay trở thành những triền đồi đá ong, trơ ra những mãnh sỏi!...

Qua cơn xúc động, tôi dồn ông đến cùng, mặt ông nhăn nhúm méo mó hẳn đi. Sau tôi bình tĩnh, lại thấy thương ông! Thời còn trẻ ông là người nghèo khó, lam lũ, đi phiêu bạt khắp nơi để làm thợ đấu đào ao. Ông thuộc thành phần cơ bản được giác ngộ, tham gia cách mạng sớm, trở thành nhân vật có quyền có chức. Ông đã giết hại bao nhiêu người biết làm ăn của đất nước?

– Thôi bác bỏ qua cho cháu!... cháu đã làm bác buồn phiền... Đáng lẽ không nên nhắc lại chuyện cũ, vì bác nghỉ hưu rồi... yên phận rồi!... Nhưng không nói lại thì đau lòng lắm bác ơi! Nói lại cho con cháu biết, làm ra miếng ăn chẳng dễ dàng gì. Cứ há miệng chờ sung thì không có đâu.

Tôi dầu dầu nói nhỏ lại để an ủi ông và an ủi chính cả tôi nữa!...

Càng về cuối đời tôi càng vướng víu với ông Tài. Có lẽ vì khía cạnh nào đó, tôi cũng cộng đồng tội ác với ông. Nay sắp sang thế giới bên kia, thấy trong lòng không siêu thoát muốn có phần sám hối, cái thời sống bằng hồn cốt vay mượn để đổ tai họa lên dân tộc mình.

Dịp công cán quê hương lần này, tôi lại vào thăm ông. Ô tô đến đầu làng phải đi bộ từ gốc cây đa đến điếm canh đê. Cái vườn của ông trồng đầy những cây xanh vô bổ, nay không còn nữa. Tất cả đã được đào xới lên để phơi đất. Những cái gốc rễ kềnh càng tưởng như chôn chặt hàng trăm năm trên mảnh đất này, nay được đào lên nằm chỏng trơ quanh hàng rào chờ gai chờ cho mối đục. Cái ao nông tròn đã được san bằng địa. Viễn ảnh VAC của ông chẳng còn vết tích gì để lại. Ngôi nhà ngói ba gian còn đó, nhưng hoang tàn trống vắng làm nơi cho chuột đẻ. Tôi loanh quanh đi lại trong sân chờ xem có người để hỏi:

– Cháu cho chú hỏi: ông thứ trưởng chủ nghĩa Mác chuyển đi đâu hả cháu?

Cô bé nheo nheo đôi mắt nhìn tôi... bỗng cô a lên một tiếng:

– Có phải chú đi bình bịch về đây năm ngoái không?

– Đúng chú!... cháu lớn quá! sắp thành cô gái rồi đấy. Má cô bé đỏ bừng. Qua phút im lặng rồi hai hàng mi sụp xuống buồn buồn.

– Ông thứ trưởng đã chết gần một năm đây chú ạ!

Tôi hơi lặng người đi vì đột ngột. Tôi thương ông và cảm thấy ân hận nữa... biết đâu ông ấy chết là do tiếp xúc với tôi lần trước.

Cô bé vẫn nói hạ giọng:

– Bà thứ trưởng về Hà Nội ở với con trai. Còn đất nhà này là giao lại cho địa phương rồi.

– Thế mộ ông chôn ở đâu?

– Ở nghĩa địa ven làng kia...

Một ngôi mộ to nằm trên mảnh đất cao ráo, cỏ gà và cỏ mần chầu đã phủ xanh. Mộ của ông hương khói lạnh tàn, ít người chăm sóc. Đến thăm ông lần này tôi tưởng ông chưa chết, nên cũng chẳng có hương khói gì. Tôi đứng lẩm nhẩm khấn vái đôi câu, mong linh hồn ông được thư dỗi ở cõi vô hư! Tất cả lỗi lầm này do bối cảnh lịch sử, là đau xót chung...! Chúng tôi là những người còn sống phải có trách nhiệm, cùng với dân mình và vươn lên.

# dưới tán rừng còn lại



*Nguyễn Linh*

Chai rượu đế gốc đã vơi phân nữa mà cái dĩa mồi đựng mấy con khô cá trạch nướng tươm mỡ thơm lừng vẫn còn nguyên. Ông già Tư ngồi một mình lặng im như pho tượng, mắt thẫn thờ nhìn ra phía giòng sông. Nắng chói chang, lấp lóa trên mặt nước. Đang nước ròng, con rạch Vàm Nho chảy xiết, nước phù sa đục ngầu vùn vụt trườn qua hàng đáy, nhìn phát chóng mặt. Chỗ gần mấy cây cột đáy, nước xoáy tròn, hút sâu, kêu on ót. Mấy cây sào run bần bật, va vào rượng đáy khua lộc cộc đều đều một thứ âm thanh khô khốc.

Hàng ria mép màu đen tua tủa khẽ rung rinh, ông già Tư bất chợt rủa thầm con rạch. Hừ, đồ thứ rạch nhỏ xíu, chạy ngoằn ngoèo mà cũng hung dữ! Còn nắng nữa, mầy cũng hung hăng, gắt đến nhức mắt. Tao nhớ ngày xưa bây đâu có vầy!

Hùm, ông già bổng thốt lên thành tiếng với một cái nhếch mép tự ngạo mình. Rõ lẩm cẩm. Già có khác. Ngày xưa cái khỉ mốc gì đâu, chỉ cách mấy tháng nay thôi mà. Bên bờ rạch Vàm Nho, từ trại đáy của già Tư Đấu nầy đổ ra tới biển, chạy dài mấy cây số còn dày đặc rừng là rừng. Một thảm lá xanh dày đến mát mắt, những tàng mắm, bần, vẹt, cốc... mạnh mẽ, bề thế de ra che kín những mái nhà, những đường bờ cứ râm bóng quanh năm suốt tháng chớ đâu mà nắng rát đến cháy da như bây giờ. Còn con rạch Vàm Nho có rừng che chắn, cản nước thủy triều, lúc ấy nó hiền như con mèo con. Vậy mà ông già Tư chép miệng, óc ông cồn lên một ý nghĩ chua xót. Con người tàn phá thiên nhiên đến ghê sợ! Bây giờ, rừng tại đây, bên cạnh ông, trên mái nhà ông, một vùng tán xanh thưa thớt, một cụm rừng cây cổ thụ do ông trồng, ông chăm sóc, ông bảo vệ và ông quyết chỉ giữ nó tới cùng cho đến khi nào ông vẫn còn hơi thở.

Cũng chính vì cái cụm rừng con còn sót lại nầy mà sanh ra lắm chuyện.

Ông được quy tặng cho đủ thứ danh từ "công thần", "tư lợi", "bảo thủ"... đến "ương ngạnh chống chủ trương" và cuối cùng để ông trở thành là một cây gai, là một "củ trối" đối với cái nông trường nuôi tôm của Nhà nước và chánh quyền địa phương.

Ừ, gì thì gì cũng được, ai muốn nói sao cũng được, miễn là người ta phải nghe ông nói, cứu xét cái yêu cầu chánh đáng theo ông là đừng buộc ông phải phá rừng, để ông được yên thân sống với khu rừng do ông chăm bón. Đối với ai thì sao không biết chớ với ông thì khu rừng nầy, dù nó có quý giá gì cho lắm, chỉ là mắm, là bần, là sú vẹt, nhưng nó đã gắn liền máu thịt không thể rút ra với ông.

Mấy chục năm trước đây, từ bờ rạch Vàm Nho chạy ra mé biển, chỉ bãi bồi, lác đác những cụm ô rô cóc kèn thưa thớt. Mấy chục gia đình ở ấp Tà Xia nầy chuyên sống bằng nghề bắt ốc, đặt cua hoặc ra biển đẩy te, đẩy xịp. Thế rồi giặc đánh, dùng bom pháo tát dân, vùng ven biển trơ trọi thật khó tránh né làm ăn. Lúc đó cách mạng kêu dân trồng cây nuôi rừng. Ai có sức nhiều thì trồng nhiều, trồng bao nhiêu cũng được. Trồng cây che mắt giặc còn được hưởng củi gỗ, con cá, con tôm trên mảnh đất mình làm ra. Thiệt tình lúc đó chủ trương của Đảng đề ra hợp lòng dân hết biết. Và cũng chính từ đó mà khu rừng của xóm Tà Xia nầy đã trở thành một căn cứ vững chắc của cách mạng ở vùng huyện biển. Riêng năm công rừng của ông Tư Đấu là nơi ăn ở làm việc thường xuyên của xã ủy năm xưa, dù bị đánh phá ác liệt nhiều phen vẫn được bảo vệ an toàn. Ông nhớ hồi đó Sáu Giai còn là bí thư xã, đã nhiều lần chết hụt ở nhà ông. Bây giờ anh ta đang là bí thư huyện. Vậy mà đùng một cái, sao Sáu Giai lại đi chủ trương khoanh vùng lấy đất của dân Tà Xia để lập nông trường?

Ông nhớ lại ngày đầu, cách nay chưa đầy bốn tháng, khi Hai Hiệm, chủ tịch xã, họp dân để công bố quyết định khoanh vùng quy hoạch nông trường, cả dân ấp Tà Xia ai cũng bàng hoàng choáng váng. Như một trái bom phá nổ ngay đỉnh đầu, ông rụng rời cả tay chân, cục lộ hầu cứ chạy lên chạy xuống cố nén giòng uất nghẹn trào lên trong cổ họng mà không thốt được một lời. Về nhà ông lên cơn sốt, nằm trùm mền suốt ba ngày đêm. Trong cơn mê ông cứ ú ớ: Cái gì? Cách mạng nào đi chiếm đất của dân? Không, không phải vậy! Khi tỉnh dậy, khắp mình ông vả mồ hôi dầm dề và nước mắt ướt nhòe trên má. Thu, đứa con gái út của ông đến nay đã tròm mười tám, nó khẽ khàng đặt mâm cháo bên mép giường, giọng run run, sợ hãi nói với ông:

– Tía, tía nên bình tĩnh lại. Bà con mình đang khiếu nại lên trên. Chắc là cấp trên người ta sẽ cứu xét. Chớ tía có mệnh hệ nào, con sống với ai!

Càng thương con ông càng đau xót. Ông cố gượng dậy cầm chén cháo, gằn giọng nói cứng cho con Thu yên lòng:

– Tía không chết đâu con. Tía chỉ tức cái mình.

Sau cơn sốt, ông Tư Đấu bươn bả tìm đến nhà chủ tịch xã. Hai Hiệm ra vẻ niềm nở đón tiếp ông vì từ bấy lâu ông là người lớn tuổi, có uy tín nhứt trong xóm, lại là gia đình có công với cách mạng. Với lại anh cũng có phần ngán cái tánh thẳng thừng mà nóng như lửa đốt của ông. Nhưng chỉ mấy câu dạo đầu thì coi mòi ăn trớt, không ghé vào đâu:

– Hai Hiệm à, tao thấy cái chủ trương khoanh đất của dân để lấy làm nông trường này coi bộ không hay. Bây là chánh quyền địa phương ở đây, phải có ý kiến với trên để xét lại. Chớ làm vậy, mất lòng dân lắm à.

Hai Hiệm tủm tỉm một nụ cười vẻ khinh mạn hiện rõ trên khuôn mặt thật mà ông vẫn thấy hàng ngày. Anh ta lên giọng:

– Ớ, sao bác Tư nói vậy. Bác đã được học tập nhiều rồi: Đất đai là sở hữu toàn dân do Nhà nước quản lý, có nghĩa là của Nhà nước chớ của dân nào?

Ông Tư già nghẹn nghẹn nơi cổ họng:

– Ừ, thì cho như vậy đi. Nhưng phải coi cách quản lý như thế nào chớ. Phải xét ngọn nguồn, có tình có lý, chớ bộ muốn tước đoạt ngang xương của mọi người như vậy à?

Hai Hiệm sa sầm nét mặt, tạt một câu thẳng băng vô mặt ông:

– Không có ngọn nguồn gì ráo. Đã lịnh thì phải thi hành!

Hàm ria tua tủa trên mép ông già Tư giật giật, mặt ông nóng nhừ. Nhưng ông cố giữ giọng bình tĩnh:

– Nếu dân không chấp hành thì sao?

– Tụi tui có chánh quyền, có súng đạn. Hai Hiệm vênh mặt, đưa tay ra dấu và cây còng!

Đôi môi ông già Tư run giật từng cơn, mắt đỏ ngầu, cục lộ hầu chạy lên chạy xuống, ông hét lớn:

– Tao chống!

Nếu ông mà không kịp kềm chế, quày quả đi ra khỏi cửa thì có lẽ ông xông vào nắm cổ cái thằng Hai Hiệm nhãi ranh nầy rồi. Lai lịch nó ông biết quá rõ. Nó là con của Tám Hềm, trước làm liên toán trưởng phòng vệ dân sự ở ấp Giồng có lần bị ông và anh em đội xã bắt giáo dục. Trước giải phóng, thằng Hiệm còn là con nít, đi học ngoài thị xã. Sau nó về công tác thông tin xã rồi lần lần leo lên đến cái ghế bây giờ. Nó là lực lượng trẻ. Nhưng trẻ mà không biết cội nguồn gốc gác của xứ sở kiểu đó thì nguy hiểm biết bao!

Mặc cho bao nhiêu người trong ấp Tà Xia kêu nài, thỉnh nguyện, cái quyết định thành lập nông trường tôm vẫn được thi hành. Giám đốc nông trường tên Bảy Đảo nghe nói đâu là đại úy hay thiếu tá gì đó bên quân đội chuyển về đã dẫn quân luồn rừng phóng ranh đất, cắm cọc tiêu, xác định địa

giới toàn bộ đất đai của mấy chục gia đình nông dân ấp Tà Xia từ nay thuộc quyền sở hữu của nông trường. Bảy Đảo tướng lùn, nước da ngăm, vẻ bệ vệ nhờ cái bụng phệ nhưng cặp mắt láo liên không dám nhìn thẳng mặt người, đã nói lên tính tình từ cái tên. Ông ta dõng dạc tuyên bố: Từ nay, tất cả mọi việc làm gì có dính líu đến đất đai, tài sản trong vùng đều phải có lịnh ông. Từ cây rừng, mương rạch, tôm cá, đến chim chuột thậm chí đến con sò, con vẹp, con ba khía, muốn khai thác cũng đều phải ăn chia với nông trường. Ông nói rằng ông làm ăn theo lối mới. Tất cả đều khoán. Như vậy nó vừa có lợi cho Nhà nước vừa có lợi cho người lao động. Cây rừng sẵn đó. Mương rạch sẵn đó. Cá tôm tự nhiên có sẵn. Bà con cứ đấu thầu khai thác rồi chia sáu bốn với nông trường. Nông trường hưởng sáu, còn bà con hưởng bốn. Như vậy không phải là lợi cả hai đường hay sao?

Bảy Đảo ra lịnh cho các gia đình chủ đất rừng phải triệt hạ gấp tất cả cây cối đã giao cho nông trường lên vuông. Củi gỗ của ai đốn được bao nhiêu thì giao cho nông trường bao thầu mua hết để rồi sang tay cho tư thương với giá gấp hai ba. Còn ai không đốn cây giao đất đúng thời hạn, nông trường sẽ cho người đến đốn rồi trừ lại tiền công.

Cả mấy chục gia đình ấp Tà Xịa thảy đều hoang mang, nháo nhác, đã làm lên huyện, lên tỉnh kêu nài. Nhưng Bảy Đảo, Hai Niệm hàng ngày dẫn quân kéo tới từng nhà lăm le súng đạn hỏi xem có chấp hành lịnh? Bà con sợ quá phải riu ríu nghe theo. Vợ chồng con cái ngày đêm ra rừng đốn cây, đẵn củi, chính tay mình triệt hạ, tàn phá cái thành quả do mình tạo ra để giao đất cho nông trường đúng thời hạn. Riêng ông Tư Đấu suốt mấy ngày liên không hề bước ra khỏi cửa. Trong căn nhà nhỏ với Út Thu, ông không nói chuyện với nó một lời. Hết nốc rượu lại nằm lim dim trên võng, lắng tai nghe tiếng động phá rừng dồn dập xung quanh. Mỗi tiếng búa vang lên là mỗi lần tim ông đau nhói, mỗi tiếng cây đổ ầm làm ông chới với giựt mình như trong cơn mộng dữ. Thỉnh thoảng nhìn ra khoảng rừng càng lúc trống hoác trống hoang, mắt ông như hóa dại, thờ thẫn, đỏ ngầu. Trời ơi, làm sao ông có thể cầm búa đốn vào từng thân cây do ông vun trồng chăm sóc mà ngày xưa ông đã giao cho nó từng nhiệm vụ như con người. Cây mấm cao có chảng ba nơi đầu ngõ, mầy có nhiệm vụ che kín mái nhà đừng để cho "cán gáo" nó nhìn ra. Cây bần sẽ lưu niên kia có nhiệm vụ ngụy trang cho căn hầm tránh pháo, còn dám vẹt dù mới lớn tán lá xanh um trên bờ liếp cao ở hậu bối thì để che cho nấp hầm bí mật của chú Sáu Giai... v.v và v.v... Suốt cả chục năm trường trong kháng chiến, mỗi lần cần củi hay cây dựng nhà, ông cứ tha thẩn suốt khu rừng, đắn đo suy tính, xót xa chiết mót từng cây. Vậy mà giờ đây... trời ơi! Ông già Tư nấc lên lục khục trong cổ họng.

– Ông Tư, bao giờ thì ông đốn cây giao đất? Thêm một lần Bảy Đảo đến hỏi ông, vẻ mặt không vui.

– Dạ, ông Bảy để cho tui chầm chậm. Gia đình đơn chiếc quá mà! Ông Tư giọng vả lả mà lòng đang sôi cơn giận. Giận mà tức tưởi xót xa. Thời gian qua, ông đã hai lần gửi thư lên huyện, lên Sáu Giai. Ông trông đứng trông ngồi. Vậy mà sao chưa thấy thư trả lời hay chủ trương thay đổi...

Ông già Tư sững người khi Út Thu từ ngoài cửa bước vô, hào hển:

– Tía ơi, lính của nông trường kéo tới!

Một thoáng bàng hoàng, ông Tư bình tĩnh lại. Ông biết việc gì sắp xảy ra, giọng bình thản:

– Thôi, con vô buồng. Để tía lo liệu.

Ông Tư cầm chai rượu chưa kịp rót ra ly thì nhóm người đã kéo tới. Bảy Đảo và Hai Hiệm đứng ngay trước cửa. Ông Tư cười khà khà vồn vã:

– Ô, ông Bảy, thằng Hai! Vô, vô làm với qua cốc rượu cho vui!

Bảy Đảo mặt hãm đứng, không trả lời câu mời mọc của ông, đi thẳng vô đề, giọng cụt ngủn:

– Ông Tư, tui báo cho ông biết. Tới bữa nay là ngày hết hạn quy định của nông trường. Có chánh quyền địa phương, tui cho lính tới để dọn đất dùm ông đó!

Ông Tư Đấu làm bộ ngẩn ngơ, nhìn chằm chập vào hai bộ mặt lạnh lùng đang quặm xuống, giọng tỉnh queo:

– Ủa, có chuyện đó nữa sao ông Bảy. Tui tưởng là mấy ông cũng phải biết chờ tui suy nghĩ chớ. Tui còn đang khiếu nại cơ mà!

– Không chờ đợi gì hết. Đó là kế hoạch của nông trường. Hai Hiệm gằn giọng.

Mặt ông Tư Đấu bắt đầu đanh lại, nhưng cố nhếch mép với một tiếng cười khan:

– Hừ hừ, còn nếu như tui không đồng ý?

– Tui cứ lịnh cho đốn cây! Bảy Đảo vừa nói vừa hất mặt về phía tốp người trang bị súng, cưa, búa, rựa đang túm tụm ngoài đường rồi cùng Hai Hiệm bước ra.

Ông Tư Đầu cúi gằm mặt xuống, cố nén đừng cho những giọt nước mắt trào ra. Vậy là hết! Ông nhìn thấy mặt đất đong đưa rồi cả căn nhà mơ hồ như đảo lộn. Ngoài kia tiếng Bảy Đảo vang lên lanh lảnh: Tụi bây, ra tay đi. Một tiếng búa rồi nhiều tiếng búa bổ vào thân cây vang dội. Cả người ông Tư run tê tê như vừa bị chém. Tưởng chừng ông sẽ gục hẳn xuống luôn bên mâm rượu giữa nền nhà. Nhưng không. Ông vùng dậy như một chiếc lò xo.

Cây mác thông nằm trong kẹt vách được rút ra đánh sạt một cái. Ông chạy bay ra rừng như một cơn lốc. Ông gào to:

– Tụi mầy giết... tao đi...

Tiếng búa ngừng bặt. Một tràng đạn nổ.

Trong nhà, tiếng Út Thu kêu rú thất thanh: Trời ơi, chết tía tui rồi!

Nhưng ông Tư Đấu vẫn còn đứng vững. Chân dạng ra, tay lăm lăm thủ cây mác lưỡi dài sáng giới bên gốc cây bần cổ thụ, ông nhìn chòng chọc vào đám phá rừng bằng đôi mắt đỏ lừ như lửa. Bảy Đảo từ sau một gốc cây cầm súng bước ra, giọng run run đe dọa:

– Ông Tư, tui cảnh cáo ông. Ông đã cố ý hành hung người nhà nước. Đáng lẽ tui bắn chết ông. Nhưng, tui sẽ truy tố ông ra tòa.

Nói rồi, Bảy Đảo, Hai Hiệm cùng cả bọn kéo đi bỏ lại một mình ông già Tư đứng trơ như pho tượng.

Chiều, ông già Tư ra ngồi bên một nấm đất nhô lên giữa bờ liếp, cách căn hầm tránh pháo không xa. Nơi mà ngày xưa bà Tư, vợ ông đã đỡ họng súng của bọn biệt kích để cứu nguy cho Sáu Giai và các đồng chí đang họp. Rồi bà nằm luôn xuống đó cho đến hôm nay. Ông nghĩ rằng bà sẽ vĩnh viễn nằm yên dưới lòng đất giữa khu rừng của gia đình tạo tác. Nhưng giờ đây ông đã thấy hoang mang. Ông vỗ nhẹ tay vào nấm đất như vỗ về người thương. Giọng ông khàn, nấc lên khùng khục trong cổ họng: Bà ơi, tui đã quyết chí giữ gìn nơi yên nghỉ của bà. Nhưng mà coi bộ tình thế không kham. Ngày mai tui phải đi tìm cho gặp Sáu Giai nói cho chú ấy biết. Chắc dù gì chú cũng còn nghĩ đến tình nghĩa gia đình mình với bà con chòm xóm chung quanh. Bà phù hộ tui nghen bà.

Nói rồi ông già bưng mặt khóc rưng rức. Chưa lần nào ông khóc như hôm nay.



Từ ấp Tà Xia đổ đường lên thị trấn huyện lỵ, ông Tư Đấu mất hơn nửa ngày trời. Còn phải đợi qua một đêm nữa vì đồng chí bí thư huyện ủy bận họp trên tỉnh chưa về, ông già càng thêm nóng ruột. Khi được gặp mặt Sáu Giai, ông quên phức mọi thủ tục xã giao mà cứ nói thẳng đuồn đuột nỗi lòng mình.

– Chú Sáu, tui lên gặp chú để hỏi thăm về cái vụ nông trường!

– Sao đó anh Tư? Cái vụ nông trường nuôi tôm của huyện mình đó hả? Ờ, kinh tế lắm à nghen.

Nghe cái giọng khề khà hể hả của Sáu Giai, ông Tư cảm thấy mình hụt hẫng. Có cái gì gờn gợn trong lòng. Ông cố xua đuổi những ý nghĩ không tốt về người cán bộ cũ đang nảy ra trong đầu.

– Mà chú có biết sự tình ở dưới khu vực nông trường đó ra sao? Ông Tư hơi sẵn giọng.

– Ờ, biết chớ anh Tư, các đồng chí báo cáo đều. Nói chung là tốt. Chỉ có vài trường hợp trở ngại nhỏ thôi.

Ông Tư bắt đầu thấy cổ mình nghèn nghẹn, hơi thở khò khè. Ông cố nén một lúc rồi hỏi:

– Chú có nhận được thơ tui không chú Sáu?

Vẻ mặt Sáu Giai hơi ngỡ ngàng một thoáng rồi nụ cười xuề xòa cũng nở lại trên môi:

- Ờ, có anh Tư. Tôi cũng định hôm nào có dịp gặp anh để anh em mình tâm tình một bữa. Có phần rắc rối đó. Nhưng mà thôi, anh hơi nào chấp nhứt anh em. Mình đã biết hy sinh từ trong kháng chiến thì bây giờ cũng nên hy sinh một phần tư lợi để xây dựng chủ nghĩa xã hội anh Tư à.

Ông Tư nghe một cục ức bự bằng nắm tay đang chẹn cổ. Lỗ tai lùng bùng, đầu nóng ran. Ông nói mà như muốn òa lên khóc:

– Chú Sáu! Chú còn đòi hỏi bà con mình hy sinh cái gì nữa? Tại sao chú không thấy nỗi khổ của bà con. Chú không nghe dân nói. Có phải chú bây giờ đã khác với ngày xưa?

Sáu Giai có vẻ hơi hoảng trước thái độ ông Tư nhưng vẫn giữ cái phong cách tỉnh tuồng của người lãnh đạo:

– Có gì mình nên tỉnh táo nói với nhau anh Tư. Tôi thì vẫn như xưa chớ có gì đổi khác.

– Có khác chớ chú Sáu. Giọng ông Tư trở nên tỉnh táo đến lạ thường. Hồi xưa chú thích nghe dân nói. Vì có nghe dân thì chú mới sống, mới đánh giặc được. Còn bây giờ chú không dám nghe dân. Vì nghe dân, có ý kiến đối với cấp trên thì chú sợ bị mất chức.

Mặt Sáu Giai xuống sắc thấy rõ. Ông già Tư nghe lòng bối rối. Hối hận vì đã nặng lời với người bạn năm xưa. Nhưng bao nỗi uất ức trong lòng ông phải trút cạn:

– Chú đã biết dân ấp Tà Xia khổ bao năm trường trồng rừng bảo vệ cách mạng mà bây giờ chú lại ủng hộ chủ trương chiếm đất của dân, hỏi có phải là đạo lý? Chú kêu gọi dân hy sinh thêm nữa, mà hy sinh cho ai? Lợi vào tay nhà nước hay vào túi riêng của bọn cán bộ biến chất lộng hành? Chú có biết những người dưới quyền lãnh đạo của chú hành hạ bức hiếp dân chúng như thế nào không? Vậy mà chú vẫn ung dung ngồi đây, hỉ hả xuề xòa nói là tốt...

Ông Tư quắc mắt nhìn trừng trừng vào mặt Sáu Giai. Mắt Sáu Giai nhìn lảng đi nơi khác. Ông Tư nghĩ phen nầy chắc đã chấm dứt tình nghĩa ngày xưa nhưng ông vẫn nói, nói cho hết nỗi lòng rồi ra sao thì ra:

– Tui nói thiệt, cái tác phong xuề xòa hịch hạc của chú ngày xưa là tốt. Nhưng bây giờ chú cứ xuề xòa mơn trớn mà không giải quyết được gì là một kiểu mị dân. Rồi người ta không ai còn tin chú nữa. Lòng tin của dân xóm Tà Xia đã bị chú đốn trụi như cây rừng ven rạch Vàm Nho rồi. Ở đây, còn lại một chút tình xưa cũ, tui khuyên chú hãy vớt vát lại đi. Nói thật tình là tui sẽ chống chủ trương vừa qua của chú tới cùng. Tư Đấu này sẽ chết ngay trên miếng đất rừng của nó.

Nói rồi ông Tư Đấu ngoe nguẩy bỏ đi mặc cho đàng sau, tiếng của Sáu Giai gọi lớn:

– Anh Tư, bình tĩnh anh Tư. Chuyện đâu còn có đó.

Ông Tư đi rồi, đêm ấy Sáu Giai nằm suy nghĩ: Ông già nói chuyện mà bấy lâu mình không hề biết. Thiệt tình bấy lâu mình đã xa dân, xa rời thực tế, chỉ nghe cấp dưới báo cáo lên. Mà đó là cái bịnh gì? Ừ, quan liêu. Hèn gì mà ông chửi mình một trận nên thân. Ông già nóng quá. Kể ổng cũng công thần. Nhưng mình có lỗi thì phải chịu. Rồi đâu sẽ vào đó thôi. Nông dân mình có truyền thống khác. Giận thì nói vậy chớ nguội cũng mau. Thôi thì hôm nào rảnh, tranh thủ xuống dưới nông trường để nghiên cứu giải quyết vụ đất đai của ổng và bà con cho ổn.

Đáng lẽ thì Sáu Giai phải xuống gấp ở khu vực nông trường từ sáng hôm sau để giải quyết ngay vụ đất rừng của ông Tư Đấu. Nhưng vì tác phong tỉnh táo đến lạnh lùng, và ý nghĩ chủ quan của anh cho rằng chuyện không có gì, rồi sẽ êm xuôi nên cả năm ngày sau anh mới xuống tới. Đến nơi, sự thể đã muộn màng. Ông Tư Đấu, người bạn chí cốt năm xưa của anh đã chết.

Số là sau hai ngày ở huyện về đến nhà, ông Tư Đấu mới hay là lính của nông trường do Bảy Đảo chỉ huy đã đến bắt Út Thu đem đi mất rồi thẳng tay triệt phá cây rừng gẫy đổ la liệt. Đêm ấy bà con nghe tiếng ông gào thét như điên dại. Hôm sau người ta phát giác ông Tư Đấu treo cổ tòn teng trên nhánh cây rừng cạnh mả vợ ông.

Đến giờ phút này Sáu Giai mới cảm thấy mọi thứ đều đã đổ vỡ trong anh. Anh muốn đập đầu vào nấm mộ Tư Đấu và gào to lên nỗi đau xót khôn cùng: Anh Tư ơi, tôi là người có tội. Chính tôi đã giết anh!

Nhưng vẫn với tác phong bình tĩnh của một người lãnh đạo, anh chỉ dừng lại ở chỗ cúi đầu và sụt sịt mũi trong chiếc khăn tay.

9/88

# ba người trong hẻm đuôi voi



*Xuân Đài*

Hẻm Đuôi Voi ngoằn ngoèo, gập ghềnh, sâu hun hút, mùa mưa lầy lội, mùa nắng hâm hấp như lò rèn. Cuối con hẻm, ở góc khuất, có ba con người cư ngụ. Thường tụ tập sau mười giờ đêm. Người lớn tuổi nhất, gần bốn mươi, gầy, cao, da đen xạm, gọi là Tư Bắc Kỳ. Hai thằng bé, bằng tuổi nhau, sinh trước giải phóng một năm, Giáp Dần, tuổi Tây mười bốn, tuổi ta mười lăm. Một thằng tên Hải — Nguyễn Khoa Hải. Một thằng tên Đớ, không nhớ họ mình là gì. Dân bụi đời gọi Đớ chôm.

Mỗi người kiếm ăn một cách. Dựa dẫm, đùm bọc, thương yêu nhau. Đã ăn nằm cùng một manh chiếu rách qua hai mùa mưa trong con hẻm hiu quạnh, dưới vòm mái tôn thủng lỗ chỗ.

Hôm nay thằng Hải bị bệnh đột ngột từ chiều, mò về hẻm sớm hơn mọi ngày. Đầu nóng như lửa, nằm co ro, úp mặt vào tường, sốt ruột chờ anh Tư với thằng Đớ. Khi nghe tiếng chân thằng Đớ từ đầu hẻm bước vào, thằng Hải khe khẽ rên, là tiếng rên báo hiệu nó đang bệnh. Hải thều thào hỏi mấy giờ. Thằng Đớ áng chừng hơn mười giờ vì không còn nghe tiếng tivi ở mấy nhà trong hẻm vọng ra. Thằng Đớ đi tới đi lui, ngong ngóng anh Tư. Mọi lần anh Tư đâu có về trễ thế này. Nó bảo khỏi chờ anh Tư, mình nó đưa thằng Hải đi nhà thương cũng được. Thằng Hải lắc đầu không chịu. Nó nghĩ thằng Đớ là đứa ngu, không có mảnh giấy tùy thân dính túi mà dám vô viện cấp cứu. Bữa trước thằng Hải nghe bà con xầm xì cái vụ anh Lê Hoàng ở nhà hát Mùa Xuân, tan diễn, xông vào cứu kẻ lâm nạn, bị cướp đâm ở trước rạp Hưng Đạo, chở vô bệnh viện cấp cứu, máu ra như xối, phải mổ, họ bảo thân nhân đi mua dao lam, mua băng, bông, bệnh viện không sẵn các thứ này. Lại bảo cần phải tiếp máu may ra mới cứu sống nạn nhân, nhưng phải nộp tiền ngay. Những người đưa anh vào viện, diễn viên trong đoàn vét túi, không đủ tiền, xúm vào năn nỉ thầy thuốc cứ tiếp máu, nhà hát sẽ trả sau. Những "lương y

như từ mẫu" ngoảnh mặt đi, phớt lơ. Phải tiền trao cháo múc, như ở chợ trời vậy. Biết là có van lạy thêm cũng vô ích, một người phóng xe về nhà lấy tiền. Nộp đủ tiền, được tiếp máu, rủi thay, mọi việc quá muộn, vết thương nặng, hơn tiếng đồng hồ sau, anh Lê Hoàng tắt thở. Anh ấy là nghệ sĩ, họ còn cư xử tệ vậy, huống chi nó, một đứa bụi đời.

Vừa lúc anh Tư thất thểu đi vào hẻm. Thằng Đớ lao ra đón, hấp tấp kể lại bệnh tình thằng Hải. Anh Tư sờ trán, sờ tay, sờ chân thằng Hải... hạ lệnh ngắn gọn: Thằng Đớ đi kêu xích lô vô đây, tụi bay khỏi lo chuyện tiền nong, tao đang ứ đọng tiền mặt đây. Anh cười.

Xích lô trờ tới, hai anh em dìu thằng Hải lên xe, đầu nó gối lên đùi anh Tư, hai chân gác lên cẳng thằng Đớ.

– Bác chở tui đến Bùi Chu, tên mới là đường Tôn Thất Tùng, phòng mạch bác sĩ Nguyễn Kim Bảng, chuyên trị bệnh con nít. Khúc Sương Nguyệt Ánh nhìn chéo sang. Bác biết khúc đó không?

– Biết! Ngồi gọn vào.

Tới phòng mạch, anh Tư xuống bấm chuông. Đèn trong nhà bật sáng. Cô gái khoảng mười bảy, nhìn qua song cửa nói vọng ra:

– Má cháu đi trực rồi. Chú đưa bệnh nhân đến bệnh viện nhi đồng. Đừng chần chừ. Má cháu có mặt ở đó. Cứ nói đại là người nhà bác sĩ Bảng, họ cho vào liền. Nghĩ sao không biết, cô gái bảo đợi tí xíu. Cô quay vào, loáng cái, trở ra đưa cho anh Tư cái danh thiếp của bác sĩ Bảng dặn: Chú cứ trình cái cạc này cho phòng trực. Bác thường trực dễ tính lắm. Cô gái mở toang cửa, đi như chạy đến chỗ xích lô, cúi xuống sờ tay vào trán thằng Hải, kêu khẻ: Em bị nặng đó, tội nghiệp....

Anh Tư cảm ơn cô gái. Chần chừ có dễ đến ba phút, anh bảo bác xích lô đưa đến đường Cách mạng Tháng Tám, khúc chợ Ông Tạ, phòng mạch bác sĩ Đoài. Không may, phòng mạch đã nghỉ mấy tháng nay, chủ nhà cho biết bác sỉ đi đoàn tụ với gia đình bên Mỹ và mách đến phòng mạch ở ngã tư Bảy Hiền. Anh Tư bảo bác xe vui lòng chở tới đường Nguyễn Cư Trinh. Xe quay đầu.

Thằng Hải thì thào: Chị gì con bác sĩ Bảng tốt quá..

– Người tốt thường ngu – Thằng Đớ triết lý như một kẻ từng trải.

– Mày nói vậy là sao? Anh Tư vặn lại.

– Dạ, hôm nay mà gặp băng cướp, xong liền, nhà bác sĩ Bảng sẽ bị hốt sạch.

– Băng của tụi bay đã bày đặt như vậy để cướp lần nào chưa? Rồi hả! Đồ khốn nạn.

– Đâu có anh Tư. Tụi em chỉ chôm chỉa lặt vặt chớ có cướp của giết người hồi nào. Tên em đó, Đớ chôm chứ có ai kêu Đớ cướp.

– Sao mày lại nghĩ ra cái trò giả vờ ốm đau, bày đặt cướp của — giọng anh Tư gay gắt như sắp đánh thằng bé.

Thằng Đớ phân bua:

— Em thấy trên báo mô tả giật gân như vậy, thì em nói... không tin anh cứ hỏi thằng Hải.

Từ nay tao cấm thằng Hải mang mấy tờ báo công an tỉnh lẻ về đọc cho thằng Đớ nghe. Hai đứa nghe rõ không? Thứ báo lá cải, tuyên truyền bạo lực, tụi bay đọc chỉ hư đốn thêm.

Hai thằng nhỏ nín thinh.



Trước khi bỏ nhà đi bụi đời, thằng Hải đã học hết lớp bảy. Nó rất mê sách báo. Sáng nào cũng ghé sạp đường Nguyễn Đình Chiểu đọc ké. Đọc riết, nó trở thành người thân của bác chủ quán. Bác chủ quán trước kia là luật sư, mất sở làm, đi bán vé số một thời gian dài, mới che lều mở quán sách được gần năm nay. Ngó mặt mũi thằng Hải khôi ngô, thật thà, nói năng lễ phép, bác thương nó như con. Thằng Hải đọc đủ các loại báo ở sạp, riêng báo công an nó xuất tiền ra mua, bởi còn phải đưa về hẻm đọc cho thằng Đớ nghe. Thằng Đớ không biết chữ, khoái mối báo công an, rặt chuyện lừa đảo, cướp của giết người. Nhờ đọc báo, băng nó đã thoát được mấy vụ, hỏi sao nó không khoái. Cũng là cách "đọc và làm theo báo" chớ sao. Ít lâu nay, không muốn thằng Hải tốn kém , bác chủ báo cho nó mượn hẳn tờ công an, mai sáng trả. Có hôm làm mất, hay nhàu nát, thằng Hải móc túi trả tiền, bác chủ sạp xoa đầu nó không nhận. Có lần ghé sạp, trời mưa rả rích, không đi lượm bao ni lông được, thằng Hải ngồi tỉ tê kể chuyện gia cảnh nhà nó cho bác chủ sạp nghe. Nó bảo, theo ông nội cho biết, tới nó, là bốn đứa bỏ đất cố đô vào sinh sống ở Sàigòn. Cố nội làm quan triều Nguyễn, bất mãn sao đó, từ quan, vô Nam lập nghiệp bằng nghề dạy chữ nho. Nối dõi tông đường, ông nội nó cũng làm nghề gõ đầu trẻ, chỉ khác là dạy chữ tây với chữ quốc ngữ. Cố nội và ông nội thằng Hải, vẫn theo nó kể là hai nhà thơ. Khi thằng Hải nhắc tên họ, nói cả bút danh ông nội, bác chủ sạp à à mấy tiếng: biết biết, bác có đọc thơ ông cháu đăng ở các báo thời trước. Vậy cháu có làm thơ không?

— Dạ cũng có. Nhưng thơ cháu dở ẹc bác ơi.

— Xứ của cháu, ai không biết làm thơ coi như không phải người Huế. Tạp chí "Sông Hương" đăng thơ Phương xích lô. Mùi Tĩnh Tâm, là anh Mùi làm vườn ở hồ Tĩnh Tâm đó. Thơ hai anh này khá lắm. Mai mốt chắc còn có thơ của Mệ–Hoe–cơm–hến, O–Nga–bánh–bèo. Rồi cháu nữa, Hải–bụi–đời.

Hai bác cháu thú vị, cười sặc sụa. Lát sau, bác chủ sạp bảo.

— Nói chơi vậy thôi. Cháu gởi thơ đăng báo cứ Nguyễn Khoa Hải mà ký. Giòng họ cháu, được nể trọng lắm đó. Vậy chớ ba cháu có làm thơ không, bây giờ ở đâu?

— Dạ, ba cháu là sĩ quan ngụy, cấp đại úy.

— Chắc đi cải tạo về lâu rồi hả?

— Dạ không. Ba cháu tử trận hồi đầu năm bảy lăm lận, khi rút chạy từ cao nguyên trung phần. Ba cháu là kỹ sư cầu đường, sĩ quan công binh mà bác.

Trời mưa kéo dài, không ai ghé sạp mua sách báo. Hai bác cháu thỏa thuê chuyện trò. Thằng Hải cho hay, ba nó có hai anh em, em ba là O Thanh, gia đình ở trên Lâm Đồng, làm mướn cho các chủ trại cà phê. Ngày ông nội nó mất, O lặn lội về Sàigòn chịu tang cha, sau đó rước nó lên. Nó bực mình khi gặp ai O cũng xụt xịt: "Tội nghiệp thằng cháu côi cút!" Việc chi phải nói vậy. Lúc đó nó đang học lớp sáu. Còn má nó bỏ đi lấy chồng ở dưới miền Tây đã mấy năm, lấy ông cán bộ cấp tỉnh, làm vợ bé, bỏ mặc hai ông cháu sống lủi thủi với nhau. Người như vậy là tệ, nhưng nó không giận má, chỉ thương. Ngày ông mất, O Thanh có nhờ người nhắn nhe, chờ mãi, không thấy má nó về.

— Vậy trước đây cháu ở đường nào?

— Dạ, ở miệt Phú Nhuận, đường Ngô Tùng Châu. Nhà trệt, ba gian, không rộng lắm, nhưng được cái ở ngay mặt tiền. Khi ông cháu xuất tiền ra mua, giấy tờ nhà đứng tên ba cháu. Đằng nào cũng thuộc quyền ba cháu, ông nội thường nói với bà con lối xóm như vậy. Sự đời lại không thế bác ạ. Sau giải phóng ít năm, ông cháu có làm đơn lên quận lên thành, mong cấp trên cứu xét để được sang tên cho cháu. Ông cháu đi lại tốn kém bộn tiền mà không xong. Cái tình thuộc về ông cháu, cái lý thuộc về chính quyền, O Thanh cứ nói hoài nói hủy câu này mỗi khi có ai trong giòng họ nhắc đến ngôi nhà. Ngày ông chết, cháu ôm quần áo theo O Thanh lên Lâm Đồng, người ta đến niêm phong nhà, sau đó phân cho một gia đình cán bộ, nghe nói họ cũng phải mất mấy cây vàng mới vào ở được. Mặt thằng Hải buồn buồn, lúc hạ giọng nói câu sau đây:

— Hễ nhớ tới ông nội, nhớ tới cái bàn thờ ba cháu, nhớ thời nhỏ được chiều chuộng, cháu lại mò về Phú Nhuận, đi qua đi lại trước ngôi nhà vài lượt đó bác. Bà con lối xóm trông thấy, kêu vô hỏi chuyện, rồi cho quà. Thực lòng cháu không muốn nhận quà nhưng bà con la mắng, cháu phải cầm vậy.

Bác chủ sạp báo, tháo cặp kính lão ra lau vào vạt áo, ngắm nghía thằng Hải ngỡ nó không phải đứa mười bốn tuổi. Cuộc đời lang thang, ăn đường

ngủ chợ đã dạy nó nói năng từng trải như một người lớn tuổi. Bác chủ sạp hỏi:

— Cháu đi nhặt ni lông thế này đem bán ở đâu, ngày được bao nhiêu?

— Dạ bán cho mấy chú ba ở Chợ Lớn. Ngày cũng kiếm đủ hai bữa cơm bình dân. Tụi cháu ăn tại mấy quán vỉa hè treo biển "Cơm sinh viên" rẻ lắm bác ạ. Bây giờ sinh viên với bụi đời tụi cháu là dân mạt hạng, nhiều người thương.

Trời vẫn không chịu ngớt. Câu chuyện giữa hai bác cháu không còn những tiếng cười như lúc đầu. Bác chủ sạp bước ra ngó trời, quay vào nói:

— Hải này, trưa nay ở đây, bác đãi cháu một bữa cơm ngon lành. Thức ăn bác mua dư dật, có sẵn bếp điện, nồi niêu soong chảo. Nếu chiều vẫn mưa, bác bao tiếp buổi chiều. Đừng ngại. Vui lòng nhận lời nhé anh bạn người Huế?

— Dạ, cám ơn bác. Chắc chút xíu nữa là tạnh. Trời Sàigòn tính đồng bóng như đàn bà, chợt mưa chợt nắng mà bác. Mưa cháu cũng phải đi, lỡ hứa bao cơm thằng nhỏ. Thằng này chưa tới mười tuổi, quê đâu ngoài Thanh Hóa, cả nhà sắp chết đói, vô đây đi ăn mày. Nó lạc mất mẹ với mấy đứa em, đứng giữa đường khóc như cha chết. Cháu dỗ nó nín, cho nó ăn tô hủ tiếu, bảo cứ đứng đó, may ra mẹ quay lại kiếm. Không thấy mẹ cứ ngồi đó đợi, trưa nay cháu quay lại, cho đi ăn cơm thịt. Nó cứ đòi đi theo cháu. Cháu phải năn nỉ hồi lâu mới chịu ngồi lại. Có khi mẹ nó cố tình làm vậy cũng nên bác ạ. Dắt con theo, không chừng chết đói cả lũ. Để nó vậy, ai muốn nuôi, dắt về... Người mẹ đang tâm làm như thế, chắc cũng đau thắt ruột lắm...

Bao nhiêu lần tỉ tê trò chuyện với thằng Hải, xem cách cư xử, nói năng cho dù nó nói rặt giọng Sàigòn, bác chủ sạp vẫn nhận ra cái cốt cách xứ Huế trong nó. Bác biết nó bỏ Lâm Đồng, bỏ O Thanh về Sàigòn cũng chỉ vì hai câu chửi xúc phạm, hai câu thôi, trong một lần, của chồng O: mả cha cái họ nội nhà mày! Mả cha cái xứ đa trá đa dâm nhà mày! Chửi nó thì được, đánh nó cũng được, nhưng nó không cho phép ai đụng vào dòng họ Nguyễn Khoa và xứ Huế lễ nghĩa mộng mơ mà ông nó đã truyền lại niềm tự hào.

Niềm tự hào của Hải, đã có lần bị thằng Đớ và Tuấn vẩu đưa ra chế diễu. Tuấn vẩu là "sư phụ" của Đớ trong băng chôm chỉa, ngoài ba mươi, đã từng đi lính dù đóng quân ở Huế. Thằng Đớ mở đầu.

— Mày nhận là người Huế, lúc nào cũng đem ra khoe, như là khoe quần áo mốt không bằng. Vậy mà xứ mày to nhỏ, méo tròn ra sao mày chưa biết. Còn tao, rành sáu câu cái xứ Huế nhà mày. Tao đã ra đó hai lần. Xứ mày nghèo rách mồng tơi, cà chớn chẳng kém ai.

— Ra tận Huế móc túi cơ à. Đẹp mặt ghê.

— Nghề tao chỉ có vậy, mày khỏi phải chửi. Để yên tao kể cho mày nghe. Có lần vào chợ Đông Ba, gặp con mụ ăn mặc đỏm dáng, cái túi xách cũng coi được, tụi tao nẫng liền, mở ra chỉ có hai trăm đồng với lại tập truyện rách bìa, ném trả vào mặt mụ, cho mụ quê một cục. Xứ mày là chúa làm đỏm bề ngoài, trong bụng chẳng có cái gì. Tao kể mày nghe chuyện này vừa tức ói máu vừa buồn cười. Bữa đó tao và Tuấn vẩu hứng chí kêu xích lô đi từ cửa Thượng Tứ vô miệt Mang Cá chơi, gã xe đòi ba trăm, khỏi trả giá, tụi này leo lên xe. Xuống xe đưa ba trăm, gã đòi sáu trăm, nói một câu xanh rờn: Mỗi người ba trăm chớ! Dữ dằn như Tuấn vẩu cũng lắc đầu bái lạy người Huế nhà mày. Thấy chưa, xứ mày ba xạo có kém ai đâu.

Anh Tư nghe, tức thay cho thằng Hải, anh khiêu khích:

— Xứ nó còn cái gì xấu nữa hai đứa bay kể nốt ra. Còn bị gã xích lô nào cho ăn quả lừa nữa không?

Thằng Đớ nói:

— Lừa nữa thì không. Nhưng có cha xe đạp thồ này thì khùng hết biết.

— Khùng sao?

— Tụi em kêu xe đạp thồ từ Bao Vinh về chợ Đông Ba. Anh Tư đã ở Huế thì rành quá rồi, hơn năm cây số chứ đâu có ít, gả xe thồ đòi giá rẻ rề, bốn trăm. Lần đó em đi cùng với thằng Toản càng cua, người nó nhỏ thó, nên gã ưng thuận đèo cả hai. Đã có bài học lần trước, em hỏi: Hai đứa bốn trăm hay mỗi đứa bốn trăm. Gã xe thồ cười: hai chú chớ lờn mặt anh. Bốn trăm là bốn trăm, đâu có chuyện tào lao tính gấp đôi vậy. Xuống xe, tụi em trả tiền, lì xì thêm một trăm là năm, gã lắc đầu không nhận. Vừa cởi áo lau mồ hôi, gã vừa hỏi: hai em có thích thơ, anh đọc cho nghe vài bài. Hỏi vậy, anh Tư bảo có khùng không?

Thằng Hải bỗng cười ré lên:

— Người Huế tao là cái ông đó đó. Còn cái ông xích lô chắc là người xứ tụi bay mò đến Huế kiếm ăn mới nghĩ ra cái cách moi tiền ba xạo vậy.

Anh Tư cười tán thưởng trước câu đối đáp láu cá của thằng Hải. Tuấn vẩu và Đớ chôm tức ứa máu, không biết nói sao, ngồi đực mặt. Một lúc sau Tuấn vẩu mới hạ giọng:

— Tao nói cho mà biết. Mày ở xa xứ Huế, lúc nào cũng vỗ ngực, Huế tao thế này, Huế tao thế nọ. Còn dân Huế thứ thiệt, sinh sống ngoài đó lại hay tự chế nhạo mình cho mọi người ôm bụng cười với nhau. Họ không thèm hát: Ơi Huế của ta, ta có Huế ngọt ngào, mà hát sao mày biết không? Huế thơ Huế mộng, Huế thộng bộng hai đầu. Thộng bộng là rỗng tuếch nghe mày. người Huế còn hò thế này mày nghe mới đã tai:

*Huế ta bây chừ nẩy nòi đĩ điếm*
*Điếm lượn trên bờ, điếm lặn dưới sông*
*Đĩ điếm thời nay đâu chỉ đàn bà mà có cả đàn ông*
*Vì cái bọn điếm đực ấy mới.. đến nông nỗi này.*

Hát xong Tuấn vẩu vẫn cười hơ hớ. Khi thường, răng lợi hắn đã nham nhở. Bây giờ cười khoái chí, nhìn vào mặt chỉ thấy toàn răng là răng, những cái răng mã tấu cáu bẩn.

Thằng Hải vặn hỏi:

— Có điếm đàn ông là sao?

Tuấn vẩu, vẩu răng ra đáp:

— Riêng câu hỏi ngớ ngẩn vậy, mày đã không xứng đáng nhận mình là người Huế rồi. Dân Huế người ta thâm trầm sâu sắc. Nghe họ nói điều gì, chớ hớp tớp hiểu liền. Phải suy đã, phải nghĩ đã. Có khi phải suy nghĩ nát óc mới vỡ lẽ câu nói của họ, câu hát của họ.

Thằng Hải ngồi lặng, mặt rầu rầu, hai mắt bỗng nhiên đỏ ngầu, nếu không phải là hai thằng cùng cảnh vô gia cư như nó, mà là những đứa khác, nó đã đứng lên vặn cổ cho hả giận vì dám đưa quê hương hiếu để, lễ nghĩa và gia giáo của nó ra mà diễu cợt, báng bổ. Lát sau, Hải đứng dậy, nhổ nước miếng, nói giọng Huế:

— Mấy người là dân chôm chỉa. Đi tới mô cũng lo bị bắt, nhìn vô ai mà chẳng xấu, nhìn vô mô mà chẳng xấu, riêng chi Huế tui.

Tuấn vẩu nghe nói vậy, động lòng, thương thương thằng bé, song vẫn không buông tha. Hắn cũng bắt chước giọng Huế:

— Rứa thì Huế mi là Huế thơ Huế mộng, Huế đẹp Huế giàu, răng mi không ra ngoài nớ cho sung sướng, tội chi ngủ bờ ngủ bụi ở đây cho cực hè. Hay mi ra mà coi tụi điếm đực đang phá Huế của mi ra răng cho biết!

Anh Tư trừng mắt nhìn Tuấn vẩu, quát:

— Quân vô lại, có im mồm đi không! — Anh nhìn sang bộ mặt rầu rĩ của thằng Hải, nói tiếp — Em đừng tin hai thằng mắc dịch đó. Quân trộm cướp nói lời trộm cướp. Em là Huế và Huế là em đó. Hai thằng này chỉ biết móc túi, chứ biết cái gì. Anh nói để em hiểu, dân tộc nào biết tự diễu cợt mình là dân tộc thông minh. Còn ngược lại, vỗ ngực khoe khoang, đó là dân tộc ngu dốt và hợm hĩnh. Những người thông minh, sống cao hơn kẻ khác một cái đầu mới tự chế nhạo mình, đó mới là người quân tử. Em ở xa quê, bao giờ cũng nghĩ tốt đẹp về quê hương, tự hào về quê hương, không làm điều xấu để mang tiếng quê hương, đó cũng là cách sống của người quân tử. Huế là vậy đó. Muốn hiểu xứ Huế, người Huế phải có học thức và tấm lòng. Anh cũng có một quê hương, con cháu sĩ phu Bắc hà để tự hào.

Tuấn vẩu xì một tiếng, đứng dậy phủi đít quần:

— Xứ của anh tôi cũng rành lắm, anh Tư. Đầu tháng ba vừa rồi, tụi này đi làm ăn ngang dọc ngoài Bắc, thưa thiệt với anh, từ đất Thanh Hóa trở ra, tới đâu cũng gặp con cháu sĩ phu nhà anh bị gậy đi ăn xin. Ở chợ Phủ Lý, có bà ăn mày bán đứa con chừng ba tuổi, giá mười ngàn. Người mua là anh bộ đội già. Anh giao tiền xong, bà có con cứ ngồi khóc tức tưởi. Bồng đứa trẻ đi một đoạn, thương cảnh, anh bộ đội quay lại cho thêm bà mẹ năm ngàn nữa. Người tốt như vậy là tôi phục. Anh đừng cho dân trộm cắp chúng tôi không còn tình người. Nhận thêm tiền bà mẹ càng khóc vật vã hơn. Thế mới hay là đồng tiền nó bạc. Sáng hôm sau người ta đồn đại ầm lên, bà ấy xót con, khóc hết nước mắt, gần sáng ngủ lịm đi bị móc sạch tiền. Tụi tôi phải nhảy tàu, chuồn về Hà Nội liền. Lớ rớ bị bắt oan.

— Tụi bây lấy của người ta chứ còn ai vào đây nữa!

Tuấn vẩu thề độc:

— Tôi mà lấy, chút nữa ra đường xe cán bể đầu. Còn nhiều chuyện đau lòng ở xứ anh, thích nghe, tôi kể tiếp cho mà... tự hào.

Tư xua tay:

— Đủ rồi, đủ rồi... Mày cút đi. Đừng giở giọng xóc óc ra đây.

— Người như anh còn sợ sự thật, không muốn nghe sự thật huống chi mấy người có chức có quyền.

Tuấn vẩu bước đi, uốn éo như diễn viên lên sân khấu, liếc nhìn thằng Hải, nghêu ngao hát: Ơi Huế của ta... Vượt qua phong ba Huế đi lên kiên cường. Chào anh con cháu sĩ phu và em Huế kiên cường, tôi dông...

— Cút đi cho rảnh mắt. Lần sau còn quay lại đây tao cho ăn đòn.



Xin trở lại chuyến xích lô chở thằng Hải đi cấp cứu. Đến con hẻm cuối đường Nguyễn Cư Trinh xe dừng lại anh Tư hỏi bao nhiêu tiền, bác xe bảo cho bao nhiêu cũng được. Anh Tư rút ra sáu tờ một ngàn. Bác xích lô trố mắt, chi mà nhiều rứa, tôi lấy ba tờ thôi.

— Bác cũng là dân Huế ạ?

— Không. Dân Hà Tịnh. Một thứ Hà Tịnh bị quê hương chối bỏ.

Anh Tư đùa lại.

— Quê hương chối bỏ hay bác chối bỏ quê hương?

— Anh răng tui rứa. Cùng cảnh tha phương cầu thực cả mà.

Chia tay bác phu xe già, anh Tư đưa thằng Hải tới nhà người bạn cũ, làm nghề y tá chích dạo. Thằng Hải được uống thuốc, sau khi anh y tá thăm bệnh, cặp nhiệt độ. Anh y tá giữ thằng Hải nằm lại qua đêm để theo dõi. Anh Tư

và Đớ cuốc bộ về con hẻm Đuôi Voi quen thuộc. Thành phố vào khuya, vắng, thấp thoáng bóng vài người công an và dân phòng đi tuần tra. Họ là đối tượng lánh mặt của hai anh em...

Sáng hôm sau, ngủ đầy giấc, thằng Hải thấy trong người khỏe hẳn. Trẻ con dễ đau và chóng lành. Anh y tá Lê Quý Hiền xách cặp lồng ra đầu phố mua cháo gà. Bưng tô cháo nóng hổi, thằng Hải nhớ tới ông nội, nhớ tới má, nhớ tới một thời ấu thơ được nuông chiều, nó rơm rớm nước mắt. Anh Hiền hỏi Hải quen anh Thắng hồi nào. Nó ngớ người không hiểu anh Thắng là ai. Anh Hiền tủm tỉm cười: Tư Bắc kỳ là anh Thắng đó, Đỗ Tất Thắng. Tên là Tất Thắng mà suốt đời thất bại. Qua trò chuyện, Hiền mới vỡ lẽ thằng Hải chưa hề biết một chút gì về lai lịch Tư Thắng, đồng đội của anh, thủ trưởng của anh. Lúc Hiền về làm y tá đại đội, Thắng đã là đại đội phó, Thắng hơn Hiền sáu tuổi, đi bộ đội thời chống Mỹ, năm bảy tư, lúc đang học đại học kiến trúc năm thứ hai, tròn mười chín tuổi. Đất nước thống nhất được hai năm, Thắng phục viên. Anh không trở về ngôi trường đại học xưa, hoàn cảnh gia dình kinh tế eo hẹp sao đó, anh xin vào làm công nhân xây dựng. Năm xảy ra chiến tranh biên giới, là đảng viên, bí thư chi đoàn, anh tình nguyện tái ngũ. Gần tám năm đánh giặc ở Campuchia, đi từ thiếu úy trung đội trưởng lên đến đại úy tiểu đoàn phó. Anh đánh giặc có nét riêng, rất bản lĩnh, nổi tiếng khắp sư đoàn bảy năm liền là chiến sĩ thi đua, đáng lẽ được phong anh hùng, nếu không có cái lần nóng nảy, táng một chiến sĩ hai bạt tai khi biết cậu ta dở trò thô bỉ bóp vú cô gái ở Sóc Tà Khét.

— Anh Tư là đại úy, học tới đại học sao không xin được việc làm hả anh Hiền?

— Tà tà anh kể chú nghe. Cách đây gần ba năm, trung đoàn về nước, bọn anh được phục viên. Anh Tư Thắng ra Bắc tìm đơn vị xây dựng cũ. Đơn vị làm ăn thua lỗ sao đó, giải tán. Anh Tư ba lô khăn gói về quê. Bố anh đã mất từ hồi anh chưa vào đại học. Anh về giữa lúc mẹ già đang ốm nặng. Về hôm trước, hôm sau bà cụ thều thào: Mẹ được nhìn thấy con lành lặn là mẹ yên lòng nhắm mắt xuôi tay được rồi. Nói xong bà cụ tắt thở. Nhắc lại chuyện này với anh, anh Tư chảy nước mắt, bảo: may mà đơn vị xây dựng rã đám, chứ không mình chẳng được gặp mẹ. Số tiền dành dụm trong mấy năm đi lính, cộng với tiền phục viên, anh Tư trang trải vào đám ma bà cụ hết sạch. Anh Tư kể với anh, sau đó anh ấy ra Hà Nội tá túc nhà người anh ruột. Người anh là giáo viên cấp hai, lương ba cọc ba đồng, thương em, chạy ngược chạy xuôi xin việc, không đâu nhận, lý do đơn giản, đã không có hộ khẩu lại thiếu tiền trà lá.

Thằng Hải nói xen vào:

— Gặp cảnh thế này, ông nội em hay chửi "tổ cha cuộc đời vô hậu"!

— Cuộc đời không phải lúc nào cũng vô hậu cả đâu em. Nhưng con người ta được số phận an bài hết trọi. Anh Tư lộn về quê bán nhà. Anh ấy kể, gần nửa làng đi kinh tế mới, nhà rẻ rề, bán như cho vừa đủ một suất vé tàu vào Sàigòn. Em biết câu họa vô đơn chí không? Có hả, giỏi. Trên tàu, bọn khốn nạn nẫng gọn ba lô anh Tư. Quần áo, chứng minh thư, giấy tờ phục viên mất sạch. May mà cái thẻ đảng để ở túi aó ngực là còn. Em nhìn thấy thẻ đảng bao giờ chưa? Đẹp lắm, nhưng nó lại vô tích sự không giúp được anh Tư việc gì trong lúc này. Có lần, chính nó lại xuýt gây "tại nạn" cho anh ấy. Số là thế này. Hôm anh Tư mới vào, ngủ nhà anh, nửa đêm công an kiểm tra hộ khẩu. Anh Tư xuất trình thẻ đảng. Cái ảnh ông đại úy trong thẻ đẹp trai, tự tin, còn cái hình hài ông đại úy ngồi trước mặt tiều tụy, quần áo nhếch nhác, họ nghi, cho là anh Tư xài thẻ giả. Dong lên đồn ngủ với muỗi một đêm, mai sáng tha về, xác định sau. Đã gần hai năm nay, họ không trả lại thẻ đảng, anh Tư cũng không buồn đòi... Mà thôi, em chẳng nên nghe những chuyện tầm phào thêm mệt.

Hiền sờ tay vào trán thằng Hải, gật gật đầu, hỏi nó có thích uống nước chanh để anh pha. Hải lắc đầu. Chuyện đời phiêu bạc, đa đoan của Tư Thắng đang hấp dẫn, nó tò mò hỏi:

— Sao anh không giữ anh Tư ở lại đây với gia đình?

— Dạo mới ngoài Bắc vô, anh Tư ở đây. Hai anh em chạy khắp nơi xin việc. Cũng giống Hà Nội, không có hộ khẩu, không chỗ nào người ta nhận. Hôm trước má anh tính bán cái tủ gương, phụ thêm ít tiền mua cho anh Tư cái xích lô, chân co chân duỗi, kiếm sống qua ngày. Anh Tư gạt đi, đâu có chịu. Năm ngoái, anh ấy định về Long Khánh làm rẫy, má anh cản không cho đi. Gương mấy gia đình ở hẻm này, bán cửa bán nhà đi kinh tế mới, chịu không thấu bỏ về hết trọi, còn sờ sờ ra đó. Anh Tư mày khái tính lắm, không muốn nhờ vả ai lâu. Hôm bỏ ra đi, anh bảo với anh: Sức dài vai rộng như tao, cứ níu gấu quần đàn bà già ăn bám, nhục lắm. Vả lại, ở đây, em biết không, dăm bữa nửa tháng, người ta lại sục vô vặn hỏi giấy tờ tạm trú làm anh ấy bực mình.

Má anh Hiền đi bán hủ tiếu rong về, cười xởi lởi, hỏi oang oang từ ngoài sân:

— Thằng nhỏ sao rồi, lành bệnh chưa? Tao mua cho hai anh em tụi bay một lố bánh cam đây. Ăn liền cho nóng.

Hiền tất tả chạy ra đỡ gánh hàng cho mẹ. Đặt đĩa bánh cam lên bàn, giục Hải:

— Bánh cam bà "Sáu chín năm" ngon có tiếng, em ăn đi. Ăn xong uống thêm hai viên thuốc nữa. Thuốc anh gói để trên tủ, cái gói trắng trắng đó. Ăn uống rồi, ngủ một giấc, chiều là lành hẳn. Bây giờ anh phải tới Bộ tư lệnh

lấy lại giấy tờ phục viên cho Tư Thắng. Hôm nay họ hẹn, chắc được. Không có giấy tờ tùy thân có ngày người ta hốt vô Chí Hòa thì khốn. Anh đi chút xíu về liền.

Hiền đội mũ, khoác xắc cốt, dong xe đạp ra đường.



Thằng Đớ ôm cái mặt sưng vù, còn vương vài giọt máu khô trên má, ngồi cả ngày trong hẻm không ló mặt ra đường. Tối nay anh Tư về sớm đưa thuốc kháng sinh cho nó uống. Anh lấy dầu nóng xoa vào những vệt tím bầm trên mặt, trên người thằng Đớ. Lần này nó bị đánh nặng hơn những lần trước.

Thằng Đớ không cha không mẹ, nói cho đúng là nó chưa bao giờ nhìn thấy mặt cha mặt mẹ mình. Nó cũng có một bà mẹ nuôi. Lúc mới tám tuổi, nó theo bà làm nghề dắt mối gái điếm ở trước công viên Tao Đàn. Mẹ nuôi bị đưa đi tập trung cải tạo ngoài Duyên Hải. Nó bơ vơ, bị các đầu nậu đàn chị dằn mặt, bỏ nghề, nhập băng Tuấn vẩu đi chôm chỉa giựt dọc. Tư Thắng thương nó như em ruột, đang tìm cách dạy dỗ nó, dứt nó khỏi cái nghề mà xã hội khinh bỉ. Hơi muộn, vì thằng Đớ đã gần mười lăm tuổi, thói giang hồ thấm vào máu nó quá lâu rồi.

Dắt Đớ ra quán bà Tư Mập , anh Tư gọi hai tô hủ tiếu. Tô đặc biệt, có thêm trứng cút dành riêng cho Đớ. Anh ăn tô thường. Ăn xong không cần hỏi nó đã no hay chưa, Tư Thắng sang bên kia đường mua thêm ổ bánh mì nhân thịt dúi vào tay nó. Trở về hẻm, bụng Đớ căng như bụng cóc mật.

Thường ngày, khi trò chuyện, anh Tư xưng tao và gọi thằng Đớ bằng mày. Hôm nay khác. Anh nói với nó bằng cái giọng nhỏ nhẻ:

— Từ mai em ở "nhà". Anh đưa ngàn rưởi ăn sáng và trưa, còn dư mua thuốc hút. Đang mệt không nên hút thuốc nhiều. Chiều về anh lo bữa cơm tối cho cả hai anh em. Anh sẽ cố gắng về sớm. Lúc nào lành vết thương, theo thằng Hải đi nhặt bao ni lông. Có ít ăn ít, có nhiều ăn nhiều, thiếu thốn bao nhiêu, anh phụ giúp. Được không? — thằng Đớ im lặng không trả lời — Nếu không thích lang thang theo thằng Hải thì theo anh ra chợ Cầu Muối khuân vác. Chịu nắng, chịu mưa mới có tiền. Em còn theo băng Tuấn vẩu có ngày người ta đánh tan xương. Ai mất của mà không xót, kể cả của cải mà bọn người này lừa đảo người khác. Họ đánh như lần này còn phúc tổ đó em.

Thằng Đớ cúi đầu, lắng nghe, chân di di trên mặt đất. Đời nó chưa bao giờ được nghe những lời bảo ban nhẹ nhàng. Lúc sau nó hỏi:

— Nghe nói dân chợ Cầu Muối dữ dằn lắm phải không anh Tư?

— Dữ dằn với kẻ dữ dằn. Phu phen với nhau người ta sống sòng phẳng. Mình không làm điều gì quấy, sống biết trên biết dưới là người ta thương. Em bỏ thói chửi thề đi. Cứ theo anh rồi biết. Ưng không?

— Dạ, em xin tháp tùng anh. Hay anh Tư cho cả thằng Hải vô băng mình luôn.

Tư Thắng cười, nói nửa thật nửa đùa:

— Tôi với đồng chí cộng tác làm việc, làm người lao động lương thiện, lúc nào đồng chí cũng nổi máu giang hồ đòi lập băng, lập nhóm. Băng này, băng nọ là chuyện của kẻ trộm cướp còn thằng Hải là dân xứ mơ xứ mộng, để nó lang thang lượm ni lông và làm thơ. Nó đọc thơ cho em nghe bao giờ chưa?

— Dạ có, khổ thấy mồ, mà thơ với thiếc của nó rặt chuyện trời trăng mây gió. Dở ẹc.

Vừa lúc "nhà thơ dở ẹc" thất thểu về tới hẻm, miệng đang cạp ngô nướng. Nó rút từ bao bố ra hai trái ngô nóng hổi mời thằng Tư Thắng và thằng Đớ. Vừa xít xoa cạp ngô, Hải vừa nói:

— Tuấn vẩu bị nặng lắm. Gãy bốn cái răng. Mắt trái khâu hai mũi. Mắt phải sưng vù, nhắm nghiền. Gãy bốn xương sườn. Một tay treo khớp vì bị bẻ quặt ra sau lưng. Lâm trận, băng đảng mạnh thằng nào thằng ấy chạy — nó liếc mắt qua thằng Đớ — May có người thương tình chở vô bệnh viện, không thì Tuấn vẩu về chầu Diêm vương rồi. Đúng là tụi bay gặp phải mấy tay võ nghệ cao cường mới bị ăn đòn kiểu đó, phải không Đớ?

Thằng Đớ bỉu môi:

— Võ nghệ cái con mẹ gì. Mấy cha thanh niên nó đánh hội đồng. Không biết ở đâu đâu, lúc đó bọn nó túa ra đông như mối bể tổ. Chúng nó đánh dữ để làm le với người đẹp. Con bé trông ngon cơm lắm, cái con bị tụi tạo giựt bóp đó.

Thằng Hải "hứ" một tiếng:

— Thứ trộm cướp người ta ghét bỏ, cho nhừ đòn lại còn bảo làm le. Nói vậy mà không biết dơ — Nó ngoảnh sang Tư Thắng — Tuấn vẩu không ngờ em tới thăm, cứ nắm tay lắc lắc hoài, hỏi một câu vô duyện: mày không giận tao hả? Lúc em đưa mười ngàn của anh cho, Tuấn vẩu lặng người, ực ực cuống họng như là nuốt nước mắt ấy. Em thấy tội quá. Trước khi chào ra về, em cho thêm năm ngàn của em. Em nhét tiền vào túi Tuấn vẩu và đi liền.

Thằng Đớ nghe Hải kể chuyện vào thăm Tuấn vẩu, nghĩ mà tức mấy đứa cùng băng chạy thoát, từ qua tới giờ, không đứa nào bén mảng vào đây thăm nó, chúng thừa biết tối tối nó về ngủ ở đây. Nó buột miệng hỏi Hải:

— Mày có thấy đứa nào băng tao ở chỗ Tuấn vẩu không?

— Băng mày là những thằng mắc dịch nào làm sao tao biết được. Lúc tao vô, có mấy đứa đứng xớ rớ quanh giường, chắc tụi nó. Cũng phải biết thương nhau khi lâm nạn chớ. Có đứa nào tới thăm mày không Đớ?

Tư Thắng gỡ kẹt cho thằng Đớ về chuyện các "chiến hữu" bỏ rơi nó, liền nói lảng sang chuyện khác với thằng Hải. Thằng Đớ nằm xuống, quay lưng úp mặt vào tường, khóc xụt xịt. Thằng Hải mắng:

— Có gan ăn cướp có gan chịu đòn bày đặt khóc với khiếc. Bảo đi lượm bao ni lông với tao không nghe. Thích làm biếng, thích ăn ngon, bây giờ ráng chịu.

Tư Thắng bấm vào đùi thằng Hải, ra hiệu cho nó im rồi hỏi:

— Anh đã cho Tuấn vẩu, em còn cho làm gì nữa. Bây giờ em còn bao nhiêu?

— Dạ, em còn gần bảy chục ngàn. Mai sáng ra bưu điện gửi cho O Thanh ba chục. Chẳng biết lúc này giá cước có tăng không? Chắc tăng bộn. Cái chi bây giờ cũng tăng vùn vụt, hết biết nổi.

— Em vẫn lấy địa chỉ ở sạp báo hả?

— Dạ, lần trước nhận được tiền, O gửi thư trả lời em. O viết tội lắm. O dặn không được gửi tiền cho O nữa. O khuyên phải giữ gìn sức khỏe lâu lâu ghé nghĩa địa thắp nhang cho ông nội, cho ba. O bảo O là người có tội với em, với giòng họ. Thư viết dài lắm, em vẫn lận ở lưng quần đây.

— O đã viết thư bảo đừng gửi tiền nữa, sao em vẫn gửi, không sợ O la sao?

— O dặn là việc của O. O mặc cảm đó anh. Em cứ giành dụm gửi cho O. O em nghèo lắm anh ơi, một mình nuôi bốn đứa con nhỏ. Tụi em của em chưa giúp gì được cho O cả. Em gửi tiền phụ giúp, để tụi nó không bỏ học. Dượng em, chẳng làm gì, ra uống vô uống, say xỉn suốt ngày. Được cái ông ấy chỉ chửi chứ không đánh O bao giờ.

Thành phố vào khuya, ngoài đường đã bớt dần tiếng động cơ xe máy. Thằng Hải đẩy thằng Đớ áp sát vào tường, nằm xuống cạnh, Tư Thắng nằm ngoài cùng. Những điều thằng Hải nói về người cô ruột làm xao động tâm tư Tư Thắng. Anh nhớ tới làng quê, nhớ tới anh em, bà con ruột thịt. Chị cả anh, theo chồng, dắt một bày con lít nhít đi kinh tế mới ở Sơn La, đã lâu không có tin tức, chẳng biết sinh sống ra sao. Người anh thứ hai, ông giáo nghèo, sống lầm lũi trong ngõ giếng Mứt ngoài Hà Nội, lúc nào cũng hậm hực với thế sự. Người làng anh, bạn học thời thơ ấu của anh, mỗi người một số phận. Thằng Đường leo lên chức Cục trưởng, đi công tác có xe con đưa đón. Thằng Thuấn học bên Nga về, có bằng tiến sĩ, lấy cô vợ hơn nó tám tuổi, con ông Bộ trưởng. Chẳng biết nó lấy vợ hay là lấy ông Bộ trưởng. Bà con kể rằng, có lần thằng Thuấn cưỡi ô tô Vonga đưa vợ con về làng vào lúc mất mùa, đói vàng mắt, bị tụi trẻ con, nửa đêm bôi đầy cứt trâu vào nệm xe. Khổ anh tài xế, rửa cả ngày chưa hết mùi thối. Thằng Chưởng thân phận lại rẽ

qua một nhẽ khác. Nó đi bộ đội, cũng đánh nhau ở Campuchia với Thắng, vấp mìn cụt hai chân, không thích sống ở trại thương binh, về làng sống với mẹ già. Mẹ nó là người tần tảo. Thằng Chưởng là con trai một. Mẹ nó muốn có cháu nội, hỏi hết đám này đến đám khác, không cô nào thèm lấy. Mẹ nó gặp ai cũng ca cẩm, so sánh, rằng là thương binh thời chống Pháp được quý như vàng, các cô tranh nhau cưới về làm chồng, thương binh thời nay, thằng con cầu tự của bà đó, các cô làng này coi như rơm rác. Ai cũng thương bà, ái ngại cho bà, mặc bà rên rỉ, chỉ có cụ Thống, chú ruột bà là mắng xa xả vào mặt, rằng là thời xưa khác, thời nay khác. Xưa, người ta thích vinh quang hão huyền, nay người ta thích thực chất. Rước của nợ ấy về mà nuôi báo cô suốt đời à! Còn thằng Chưởng, nó để ngoài tai lời ca cẩm của mẹ, lời chì chiết của ông chú, gặp ai cũng cười hơ hớ, hăng hái bàn chuyện đổi mới tư duy. Cái thằng đến lạ, chẳng bận tâm tới hai cái chân cụt. Thằng Trọng, bạn cùng lớp với Thắng là một thứ quái đản. Nó học giỏi, luồn lọt như rắn, thích đua đòi ăn diện, trốn bộ đội bằng cách xin vào ngành công an. Chẳng biết bằng cách nào, chỉ hơn mười năm leo lên đến thiếu tá, công tác ngay thành phố. Bị tù ba năm vì tội ăn đút lót làm hộ khẩu cho mấy đứa bất hảo. Ra tù, vợ bỏ, sống nhếch nhác, lang thang suốt ngày ở các quán rượu, gặp ai, bất kể thân sơ cũng ngửa tay xin tiền. Nó đã vượt qua cái không biết nhục, trở thành một đứa lì lợm. Gặp nó, Thắng vừa giận vừa thương, anh rút túi cho năm ngàn, nói vài lời khuyên bảo. Nói là thừa, Thắng biết vậy, nhưng đã quen mồm giáo huấn người khác từ ngày làm cán bộ đại đội.

Người làng Thắng, nhân vật quái thai nhất, đang sống gần anh đây. Anh ta tên Đặng, Trần Đặng. Đặng là con nhà ông Mối. Hai bố con Đặng được làng giao cho chân quét chợ xóm Đình, tối tối ngủ lại trong chợ luôn. Quét chợ tưởng khổ mà hóa sướng. Bà hàng bún cho nhúm bún. Bà bánh đúc cho vài miếng bánh đúc nát. Ông hàng thịt cho dăm ba cái xương, múc thêm chút nước xáo. Phiên chợ, hai bố con được bữa no say. Ngày không có phiên, bố con đói dài, lại vác rìu vác búa đi bổ củi thuê trong làng. Ông Mối hiền lành, ngù ngờ. Đặng khôn ngoan, ranh mãnh, hay ăn cắp vặt. Dạo cải cách, gia đình ông Mối là thành phần cố nông duy nhất của làng. Đặng lúc đó mười chín tuổi, được Đội cải cách giao cho giữ chân chủ tịch xã. "Đồng chí cố nông làm chủ tịch" là đúng đường lối, là niềm tự hào của một thời, mơ ước của một thời. Lúc sửa sai, Đặng được điều lên làm liên lạc trên tỉnh, ở lại làng người ta không đánh chết cũng rạch nát mồm vì tội tố điêu, vu oan giá họa. Cái chết oan uổng của đồng chí chủ tịch xã năng nổ thời chống Pháp và việc vu khống đồng chí bí thư chi bộ xã có chân trong Quốc dân đảng để kết án tù chung thân, có "công lớn" của Đặng. Ít lâu sau, Đặng vào học bổ túc công nông, hai năm lên được sáu lớp...

Bẵng đi một thời gian dài, dân làng chẳng rõ anh ta làm gì. Với mọi người Đặng là đồ bỏ, không ai nhắc tới làm gì. Dạo phục viên Thắng gặp cậu bạn cùng huyện công tác ở tỉnh mới biết Đặng đang làm việc trong Nam. Thật tình cờ, nhà Đặng lại ở ngay nơi Thắng cư ngụ. Mặt tiền nhà Đặng ngoảnh ra đường chính, cửa hậu giáp với hẻm Đuôi Voi. Ngôi nhà dài tới ba mươi thước, bốn lầu, đầy đủ tiện nghi. Đặng đang làm phó giám đốc một bến xe nổi tiếng của thành phố. Nhà Đặng lúc nào cũng tấp nập kẻ ra người vào, ăn nhậu, đập phá, nói cười oang oang. Vẫn ăn uống bê tha như thời làm thằng quét chợ. Khá là ngày xưa gặm mấy cái xương thừa của thiên hạ. Bây giờ, cơm canh thừa của nhà Đặng có lẫn chân giò, thịt nạc, tôm thẻ... được bà giúp việc tốt bụng tuồn ra cửa sau cho ba con người bất hạnh. Bao giờ Thắng cũng vui vẻ cảm ơn. Nhận cho vui lòng gia chủ. Từ chối, vợ chồng Đặng nổi cáu thì khốn, không cho tá túc sau nhà nữa, sẽ rất khó kiếm ra chỗ khác kín đáo nơi này. Nhận xong, bà giúp việc vừa khép cửa quay vào Thắng liền bảo hai đứa em đem ra đầu hẻm đổ cho chó. Anh là người có chữ nghĩa trong đầu, có nhân cách chứ đâu phải hạng lưu manh vô học như Đặng ngày xưa. Anh là con người, hai thằng bé là con người, đâu phải súc vật. Đói cho sạch, rách cho thơm, anh vẫn dạy thằng Đớ điều tâm huyết ấy. Thỉnh thoảng khu phố lại phải giải tỏa một vụ đánh ghen xảy ra ở ngôi nhà Đặng.

Nhiều đêm không ngủ được vì tiếng nhạc xập xình, tiếng la hét từ ngôi nhà bốn tầng vọng ra, Thắng ngước mặt nhìn, chửi đổng: tiên sư bọn quái thai!

Ngẫm sự đời, ngẫm thân phận mình, nhiều lúc Thắng ngán ngẩm, buồn mửa. Gần bốn mươi tuổi, quá nửa đời người, mọi sự đều dở dang: học hành dở dang, binh nghiệp dở dang, tình duyên dở dang (cô người yêu thời sinh viên đã bỏ Thắng đi lấy một kỹ sư Thuỵ Điển). Chỉ muốn đập đầu, lao vào xe, nhảy xuống sông tự tử. Nhiều lần định vậy mà không làm được, còn tiếc đời, còn ham sống. Bây giờ thì chẳng chết được nữa, mình chết bỏ lại hai thằng nhỏ, người dưng nước lã mà thân hơn ruột thịt này cho ai?

Thằng Hải trở mình. Thế là nó chưa ngủ. Mới tí tuổi mà trằn trọc như ông già, đến tội. Thắng khe khẽ thở dài. Biết Thắng còn thức, thằng Hải hỏi:

— Anh y tá Hiền đã xin lại được giấy tờ cho anh Tư chưa? Thắng nói nhỏ, vừa đủ thằng Hải nghe:

— Chắc chưa xong. Nếu được anh Hiền đã mò tới đây tìm anh. Thôi khuya rồi, em ráng ngủ đi.

Trời oi bức, mây đen kéo đặc một vùng, chắc sắp mưa.



Gần tháng nay thằng Đớ theo Tư Thắng làm mướn ngoài chợ Cầu Muối.

Những vết thương đã lành hẳn, nó mập ra, đen hơn trước. Bà con chợ Cầu Muối gọi nó là Đớ Mực Tàu, không ai biết nó từng có cái tên Đớ chôm. Nó bỏ hẳn Tuấn vẩu. Tuấn vẩu ra viện, đến cảm ơn Thắng và thằng Hải. Hắn ra bến xe của Đặng, lập băng cướp mới, được Đặng "ăn chịu" và bao che. Chẳng biết bao giờ lại bị đánh gãy răng lần nữa?

Mấy hôm nay cả thành phố xôn xao về ca mổ tách đôi hai cháu Việt–Đức. Ai cũng mừng cho thành công có một không hai này. Y học Việt Nam giỏi thật. Bác sĩ Việt Nam tài thật! Sáng nào thằng Hải cũng mò ra sạp báo thật sớm, đón tin mới. Tối về kể rành rẽ cho thằng Đớ nghe. Giọng vui sướng, thằng Hải nói như khoe chuyện nhà mình:

— Thằng Đức khỏe lắm, trả lời được nhà báo hẳn hoi, ngon lành không mày? Thằng Việt cựa quậy được nhưng chưa nói năng gì. Cầu trời cho thằng Việt qua khỏi cơn hiểm nghèo.

Thằng Đớ lo lắng:

— Liệu thằng Việt có sống nổi không?

— Chắc sống. Nói vậy, chớ làm sao tao biết được. Đớ này, ngày mai rằm, tao với mày hùn tiền mua hoa quả về thắp nhang cúng trời phật phù hộ cho thằng Việt, mày chịu không? — Bày đặt! Này Hải, nghe nói con cu lắp cho thằng Đức phải không mày?

Thằng Hải đá vào mông thằng Đớ:

— Nham nhở. Bỏ cái thói nói năng nham nhở đó đi mày. Kêu là bộ phận sinh dục. Ừ, người ta lắp cho thằng Đức.

— Mấy đứa có chút chữ nghĩa tụi bây là sính lịch sự dởm. Con cu thì cứ gọi quách là con cu. Sinh dục, sinh dục... là cái con mẹ gì. À mà, nghe nói mỗi đứa chỉ có một chân phải không? Còn cái chân thứ ba thì sao, họ cưa bỏ hả?

— Chơn này chỉ là một khúc thịt thừa chồi ra. Bộ giữ lại lắp cho mày sao, hỏi gì mà ngu vậy.

— Đây không biết mới hỏi, gì mà khó dễ cóc theo hỏi mày. Vài hôm nữa anh Tư dạy tao học chữ, rồi mày biết tay tao. Hải này, tao thấy bố mẹ hai đứa này vô duyên nhất hạng. Mắc mớ chi không đặt tên đứa khỏe mạnh là Việt, đứa ốm yếu là Đức. Lỡ thằng ốm yếu có chết là thằng phát xít Đức chết. Còn thằng Việt khỏe mạnh là Việt Nam anh hùng đời đời sống mãi.

Thằng Đớ ré lên cười khoái chí.

Thằng Hải dằn giọng:

— Mày vô duyên thì có. Việt Đức là mấy ông bác sĩ ngoài Hà Nội đặt cho bọn nó khi chở ra bệnh viện Việt Đức điều trị, chớ bố mẹ nào đặt.

— Vậy thì mấy ông Hà Nội vô duyên, chớ sao lại là tao?

— Mày có thích nghe chuyện hai đứa đó thì im mồm đi, không, để tao ngủ cho khỏe sức.

Thằng Đớ sực nhớ, thò tay vào cái bị lác, rút ra hai trái ổi chín mọng, dúi vào tay thằng Hải:

— Ăn đi rồi kể tiếp. Phách lối vừa thôi mày.

— Chịu nằm yên hả. Thằng Việt–Đức còn được đi tàu bay qua Nhật. Bên đó người ta chăm sóc hết ý. Kể được chu du thiên hạ như hai đứa này, cũng sướng một đời. Lúc chúng nó khỏe mới về nước để mổ. Mấy hôm rày, bàn dân thiên hạ, cho tụi nó quà cáp quá trời. Tiền bạc lên tới hơn chục triệu, trái cây khỏi phải nói, đem ra cho dân cả một phường ăn, dám chắc không hết. Có ông gì còn cho cả tiền gửi sẵn trong sổ tiết kiệm, lấy lời hàng tháng. Người tứ xứ ra vô bệnh viện thăm hỏi hai đứa nườm nượp, phải xếp hàng thứ tự như đi đong gạo, chứ không phải dễ như vô nhà hàng ăn nhậu đâu. Sáng nay báo vừa đăng ông phó chủ tịch Bộ trưởng, hay phó chủ tịch Nhà nước chi đó, đáp máy bay từ Hà Nội vô thăm hai đứa, cho quà, chúc mừng các thầy thuốc. Báo còn đăng ảnh của ông chụp chung với tụi nó. Hai thằng Việt Đức số dách thật. Hôm nào báo cũng đăng danh sách người cho tiền cho quà dài dằng dặc. À mà nhớ cha Bắc lùn ở đường Gia Long không? Thằng cha cho hai đứa tới hai trăm ngàn.

Trong đêm tối thằng Đớ ờ ờ mấy tiếng hỏi:

— Có phải thằng cha Bắc lùn chủ tiệm buôn bán xe cúp không mày? – Thằng đó, mày với tao còn lạ gì. Nó là đứa khốn nạn. Mày còn nhớ cái bữa có thằng nhỏ ốm nhom, cầm tập vé số đi thẳng vô nhà Bắc lùn mời mua. Bắc lùn vừa nhai giò lụa nhồm nhoàm vừa đứng lên táng thằng nhỏ hai cái bạt tai hộc máu mũi, mắng: Cút, cút. Xớ rớ vô đây ăn cắp đồ hả? Tội nghiệp thằng nhỏ, lủi thủi bỏ đi, máu ra đầy mặt. Bữa đó tao tiếc không có cái búa trong tay, tao nện cho cha vài búa rồi muốn tới đâu thì tới. Phải thằng Bắc lùn đó không?

— Đúng rồi, cha đó đó!

Không ghìm được cơn tức thằng Đớ chửi:

— Đù má thằng đạo đức giả. Mày biết không, dạo Tuấn vẩu chưa lập băng, tao với Tuấn vẩu làm mướn cho tiệm sửa chữa xe gắn máy, thằng Bắc lùn vẫn đưa xe cũ tới đó tân trang, ngó như mới, rồi thuê xe ba gác máy chở về Gia Long, coi như vừa mua xe của người mới lãnh hàng nước ngoài về. Thằng đại bịp, bây giờ bày đặt, chơi trò nhân đạo.

Tư Thắng nằm nghe, không ngờ thằng Đớ lại có ngôn ngữ dữ dằn đến vậy. Té ra nó đâu còn là con nít nữa. Lúc sau, thằng Hải trổ giọng hài hước truyền thống của xứ Huế:

— Thôi mày, tức cha làm gì. Cứ cho là Bắc lùn đạo đức giả đi, nhưng cha cũng là người sòng phẳng đó chứ. Đứa lành lặn nghèo đói cho hai bạt tai, đứa tật nguyền cho hai trăm ngàn. Cũng là hai cả mà.

Tư Thắng trở mình, nhắc:

— Khuya rồi, ngủ đi tụi bây!

Im lặng một lúc, nghĩ sao không biết, thằng Hải rúc rích cười thì thào bên tai thằng Đớ:

— Giá như tao với mày ôm nhau thế này, mai sáng mở mắt ra, nó dính bụng tao vào lưng mày, mỗi đứa bay mất một chân. Chim mày biến mất, còn chim của tao. Người ta chở vô nhà thương mổ xẻ. Tao biếu mày chim, tao không cần tới nó, có nó chỉ tổ vướng. Ca mổ thành công tuyệt vời. Mọi người ào ào đổ tiền vô nuôi tụi mình. Tao với mày được chụp hình đăng báo. Được nằm giường đệm. Được coi tivi màu. Sướng hết biết. Chứ đủ chân đủ tay như vầy, ăn đường ngủ bụi khổ thấy mồ. Lúc đó tao sẽ làm một tập thơ. Bảo đảm với mày báo nào cũng phải đăng thơ của thi sĩ Nguyễn Khoa Hải. Chưa biết chừng thơ còn được dịch ra các thứ tiếng. Tiền nhuận bút chắc bộn lắm. Tao sẽ mua nhà lầu tặng anh Tư để anh cưới vợ.

Tư Thắng nằm lắng nghe suýt phì cười. Anh ngồi hẳn dậy, khẽ la:

— Tụi bây có im đi mà ngủ không. Rúc ra rúc rích, công an nghe tiếng, họ hốt cả lũ bây giờ. Đang lành lặn khỏe mạnh không muốn, lại ước làm quái thai. Ước ao gì kỳ vậy!

Hai đứa vẫn khoái chí rúc rích cười. Tư Thắng lắc đầu nằm xuống. Trời rưng rưng đầy sao, ánh trăng muộn màng, nhợt nhạt, xuyên qua lỗ mái tôn, rọi vào hai khuôn mặt thơ dại mà già dặn, đen đúa mà trong sáng. Không biết thành phố này có bao nhiêu trẻ con, không cha, không mẹ, không nhà không cửa lang thang kiếm sống, lúc nào cũng nơm nớp lo sợ bị bắt? Có dễ đến vài ngàn đứa. Có ai nghĩ tới chúng không nhỉ? Chắc cũng có. Tư Thắng cứ nghĩ vẩn vơ, thao thức, không ngủ. Anh ngước nhìn ngôi nhà của người quét chợ làng anh. Cửa sổ mở toang, đèn sáng dịu, ầm ĩ tiếng nói cười, ầm ĩ tiếng nhạc Tây, ầm ĩ tiếng cãi vã bằng đủ giọng nhừa nhựa của bọn người quái thai say rượu. Hải và Đớ mơ được làm quái thai. Thời này, quái thai có khi lại sướng! Thắng ôm chặt hai thằng bé bụi đời vào lòng.

Một giọng hát như hét, văng ra từ ngôi nhà Trần Đặng ném xuống hẻm Đuôi Voi:

*Cuộc đời vẫn đẹp sao*
*Tình yêu vẫn đẹp sao*

Tiếng hát như bò rống.

1988

# về nhà trước cơn mưa



*Trang Thế Hy*

Một loạt những tiếng sấm nổ gần làm thằng nhỏ giựt mình thức giấc. Một bàn tay nó quờ quạng tìm cái gì đó trên manh chiếu, miệng ngậm ngón cái của bàn tay kia. Lúc ngủ, nó vẫn ngậm "*ngón tay cái thế vì núm vú*" ấy, nhưng lâu lâu nó mới nút một lần. Trong khoảnh khắc thức giấc, nó nút liên tục và dồn dập ngón tay đó như để truy lãnh phần mất mát của sự sung sướng được bú tay. Liền sau đó, những lần nút thưa dần rồi ngừng hẳn. Nó lại trở vào giấc ngủ, miệng vẫn cứ ngậm ngón tay cái.

Thằng nhỏ cỡ từ hai tuổi rưỡi đến ba tuổi. Tôi áng chừng như vậy và hỏi người đàn ông đã quá tuổi trung niên ngồi bên cạnh nó trên manh chiếu, đôi chân hơi dạng ra đặt dưới lòng đường, sát lề. Người đàn ông lắc đầu:

Không biết đích xác. Chắc cỡ đó. Tôi là người đi đường. Má nó nhờ tôi coi chừng nó giùm để chạy đi đâu đó.

Tôi nhìn người đàn ông và chợt biết rằng mình đã thiếu quan sát khi lầm tưởng ông ta là cha ông, chú bác gì đó của đứa nhỏ. Ông ta cỡ ngoài năm mươi tuổi, người hơi gầy, mặc bộ đồ ka ki màu cỏ úa đã cũ nhưng phẳng nếp và rất sạch. Úp lên mớ tóc bạc hoa râm là một chiếc nón ny lông trắng đã xười rách và thâm kim nhưng cũng rất sạch. Nói chung ông không có vẻ gì giống những người vô gia cư sống lây lất và nheo nhóc trên các vỉa hè mà ta thường gặp.

– Từ bao lâu rồi? Tôi hỏi.

– Hơn nửa tiếng. Tôi độ chừng thôi. Tôi không có đồng hồ.

Người đàn ông vừa nói vừa lục trong cái giỏ bằng mây đan đựng quần áo cũ, chai lọ, chén đũa và nhiều thứ linh tinh khác moi ra một chiếc khăn lông rộng khổ màu hường, loại khăn đắt tiền của nhà giàu nhưng đã quá cũ với

nhiều lỗ rách buộc túm lại chưa kịp vá. Ông xếp đôi chiếc khăn lại cho dày rồi đắp lên bụng thằng nhỏ đang nằm ngửa.

Bây giờ vào khoảng bốn giờ chiều một ngày giữa tháng sáu âm lịch gần như không có nắng từ sáng sớm. Trời chuyển mưa lúc tôi rời nhà một người bạn gần. Khí lạnh báo mưa tăng thêm trong không gian ẩm ướt. Gió bắt đầu thổi lạnh, từng chập có những luồng rất mạnh, nó hốt những chiếc lá rụng làm roi quất rào rào vào mặt tiền các ngôi nhà phía bên kia đường. Người đàn ông nắm vành nón kéo cho nó sụp xuống trán để nó đừng bay. Thằng nhỏ cựa mình xoay qua nằm nghiêng, nút ngón tay cái vài lượt. Tôi nhìn nó và nói:

– Thằng nhỏ chắc đã thôi bú mẹ rồi. Nó bú tay không phải vì khát sữa mà do thói quen... Nhìn đứa nhỏ nào bú tay mình cũng thương, không hiểu tại sao vậy...

Trong lúc miệng tôi nói không hiểu tại sao vậy, trong đầu tôi có vài giọt tư duy hồi ức giải đáp cái tại sao ấy. Tôi nhớ đến một câu hát má tôi thường hát mỗi lần bà dỗ các em tôi ngủ: "*Con tôi khát sữa bú tay, ai cho bú thép ngày ngày biết ơn*".

Người đàn ông lại lấy chiếc khăn đắp bụng thằng nhỏ, phành hết chiều rộng của nó ra, giũ mạnh một cái rồi đắp lên toàn thân nó, bọc luôn cả cặp giò không mặc quần của nó và mỉm cười không nhìn tôi.

– Cái điều ông nói ông không biết đó, tôi, thì tôi biết riêng cho trường hợp của tôi... Hồi nhỏ, khi đã học đến lớp dự bị, tôi vẫn chưa bỏ được cái tật bú tay. Để chừa được cái tật đó, tôi đã phải nếm khá nhiều cay đắng. Ban đầu cha tôi bôi lên đầu ngón tay cái của tôi nước gừng và dầu Nhị thiên đường. Hai thứ vị cay đó tôi chịu đựng nổi. Đến kí ninh bột và ớt hiểm rừng trồng bằng phân gà thì tôi đành chịu thua. Ở lứa tuổi thiếu niên và thanh niên, mỗi khi nghe ai nhắc lại chuyện đó, tôi rất mắc cỡ. Mẹ tôi chết lúc tôi chưa đầy tháng. Người ta nói chết cha còn chú, chết mẹ bú vú dì. Tôi không có dì, cũng không có cô. Mấy tháng đầu tôi lớn bằng sữa hộp, sau đó bằng nước bột, nước rau nêm muối đường đôi khi có chút thịt cá, mọi thứ đều được đút bằng muỗng. Cho đến khi ăn được cơm nghiền rồi cơm nguyên hột, tôi không hề biết bú là gì. Ông nội cưng lâu lâu biểu bà nội cho ngậm vú da. "Cho nó biết cái núm vú với người ta", ông nội nói như vậy. Thỉnh thoảng, một bà mẹ có con mọn tới chơi, thấy thương cho tôi bú thép, nhưng không ai cho tôi bú được. Bà nào cũng bị tôi chê lạ hơi không chịu bú. Có một bà tưởng tôi mắc cỡ trước đông người, ẵm tôi vào buồng ép tôi uống, tôi hoảng sợ khóc ré lên. Cha tôi vốn đã không thích cái thói cưng cháu cho ngậm vú da của bà nội, càng khó chịu hơn trước cái trò ép tôi bú khính người dưng, bèn mua cho tôi một núm vú cao su có cái miếng chận hình tròn bằng nhựa, khi nào không

ngậm thì cầm chơi như một món đồ chơi. Khi món đồ chơi nầy trở thành một nhu cầu yếu phẩm bất khả cách ly đối với tôi thì có người bàn rằng hơi có pha mùi cao su vào bụng rất có hại cho sức khỏe của đứa nhỏ. Cha tôi lập tức thủ tiêu cái núm vú cao su rồi đối phó với sự khóc lóc giẫy giụa của tôi bằng chiến thuật cù cưa cù nhằng với những câu lường gạt màu hồng của các nhà cai trị mị dân: "Cái núm vú cũ xấu ẻn. Bữa nào ba đi Sài Gòn mua về cho con một cái khác, đẹp hơn". Trong khi chờ đợi mơ tưởng hoài mà không thấy cái núm vú mới đẹp hơn cái cũ, tôi tạm thời ngậm ngón tay cái cho đỡ nhớ và cái thói quen bú tay trở thành tật cho tới lớn... Ơ, cái tật nó có di truyền hay không vậy ông? Bịnh, thì mình biết có một số bịnh di truyền.

Tôi lắc đầu thành thực đáp:

– Tôi rất dốt khoa học. Nhưng ông hỏi chuyện đó chi vậy?

– Tôi có đứa cháu nội lớn hơn thằng nhỏ nầy. Ở nhà trẻ, giờ tập thể dục, khi các bạn nó đưa hai cánh tay lên làm động tác hô hấp theo sự chỉ huy của các cô giáo, nó chỉ đưa lên một cánh tay thôi, tay kia bận đưa ngón cái vào miệng ngậm. Cũng là ngón cái của bàn tay trái y như ông nội nó hồi nhỏ vậy. Cô giáo, bạn của mẹ nó, một hôm than phiền về cái tật bú tay của thằng nhỏ làm cô bị mất điểm khi cấp trên đến kiểm tra nhà trẻ. Tôi liền kể cho cô nghe hồi năm học đến lớp dự bị, rất ham chơi dế và đá banh, có lần tôi đã để sẩy mất một con dế chiến vì lúc rượt theo chụp nó lại nhốt vào hộp, tôi chỉ chụp bằng một tay thôi, tay kia bận đưa ngón tay cái vào miệng ngậm. Còn cái vụ đá banh thì chưa bao giờ tôi được phân công thủ môn. Chụp banh bằng hai tay còn bị lọt lưới lu bù, chụp bằng một tay, mấy thằng bạn trong hội banh nó sợ thua, nó đâu có chịu...

– Hèn chi! Tôi cười lên thành tiếng, cười mà chưa kịp xác nhận coi mình đang buồn hay vui theo lời tâm sự thơ ấu của người đàn ông xa lạ mới làm quen qua sự trung gian của một đứa trẻ thơ không biết con cái nhà ai đang nằm bú tay bên lề đường. Người đàn ông mỉm cười nhìn tôi, cặp lông mày rậm hơi cau lại. Nét diễn cảm có thể hiểu theo nhiều nghĩa nầy đòi hỏi tôi nói thêm cho rõ vì sao tôi thốt lên hai tiếng "hèn chi".

– Tôi đang rảo bước để về nhà trước cơn mưa, vậy mà nhìn thằng nhỏ nằm bú tay trên manh chiếu tôi đi luôn không đành. Khi được biết rằng đối với nó, ông cũng chỉ là một người dưng đi qua đường như tôi thôi, tôi hình dung một vài nét gì đó về tuổi thơ của ông do tôi tưởng tượng. Té ra sức tưởng tượng của tôi quá nghèo nàn so với những gì ông vừa mới nói.

Tiếng nói của người đàn ông nhỏ đi. Có vẻ như ông nói với ông chứ không phải nói với tôi.

– Tôi ghé lại ngồi chơi với thằng nhỏ lần này không phải là lần đầu. Tôi làm quen với nó hơn nửa tháng nay rồi. Cứ vài ba buổi chiều là tôi có ghé lại

ngồi chơi với nó. Chiều nào không gặp nó, đêm đó tôi mất ngủ... Tại sao lại có chuyện cách nhựt như vậy à? Tôi tưởng rằng ông phải hiểu chứ! Cái lề đường đẹp đã nằm cặp theo khu công viên to rộng khang trang nầy đâu phải là nơi thường trú hợp pháp của những người vô gia cư... Lính đuổi còn có thể cù cưa năn nỉ được, đối với mưa gió, coi như bất khả kháng. Lúc ngồi đây, tôi tưởng tôi chỉ thương thằng nhỏ thôi, về nhà nằm đêm suy nghĩ lại mới thấy rõ là tôi cũng có thương tôi nữa. Mình thương mình qua một thằng nhỏ có cái gì đó giống mình hồi nhỏ... Cái thói thương cảm vu vơ đó đang báo hại tôi đây.

Bây giờ tới phiên tôi thấy cần phải đòi ông giải thích về hai tiếng "báo hại". Gương mặt đôn hậu và giọng nói nhỏ nhẹ trầm ấm của ông không cho phép xếp ông vào loại người khi cho ai cái gì là cốt để thi ân rồi kể lể và than thở. Hình như ông đoán được sự băn khoăn của tôi. Ông chỉ cho tôi nhìn thấy một cái túi bằng sợi ny lông đan có quai xách đặt tựa vào một gốc cây mà vòm lá sum suê đang bị gió lay giật mạnh.

– Tôi xách nước đá cục đi giao cho một quán cà phê. Mẹ của thằng nhỏ biết như vậy cho nên đã cam kết sẽ trở lại trong mười phút. Gần một tiếng đồng hồ trôi qua rồi. Những cục nước đá đang trở về với thể lỏng của nó.

– Lát nữa khi giao hàng mình sẽ tính tiền theo vóc dáng của nó còn lại là bao lớn. Sợ nhỏ quá khó coi thì xách trở về nhà cho vào lon, đổ thêm nước, bỏ vô tủ, chiều mai xin lỗi khách hàng.

– Nhà không có tủ lạnh. Đá cục nầy là của một bà láng giềng đơn chiếc và tốt bụng, vừa bán vừa cho. Đúng ra bà cũng có muốn được tiếng làm điều thiện. Bỏ tiền ra mướn tôi xách đi bán có vẻ như xúc phạm một công nhân viên già. Bán đá rẻ cho tôi để tự tôi đi "*bù đá vào lương*" nghe có tình có nghĩa hơn. Mỗi chiều xách túi đá cục đi trên đường phố, tôi nhớ đến cái thú vui hồi nhỏ đi lượm trứng vịt đẻ rớt ngoài đồng. Ở quê tôi qua mùa gặt, người ta nuôi vịt từng bầy hàng ngàn con. Đi lượm trứng vịt đẻ rớt ngoài đồng, ham lắm. Đây là mình nhắc chuyện hồi xưa, bây giờ có những năm, người còn không đủ gạo ăn, lúa đâu mà nuôi vịt tràn đồng như vậy!... Hồi năm ngoái, mỗi chiều tôi lượm được năm cái trứng vịt, lần lần giảm xuống còn bốn, còn ba, cục nước đá trượt giá chậm hơn cái trứng vịt; bây giờ thì còn hai thôi. Riêng chiều nay coi như không lượm được trứng nào.

Tôi hăm hở nói liền, không suy nghĩ:

– Vậy thì ông mau mau xách túi đá cục đi liền bây giờ đi. Bề gì cũng còn được phân nửa tiền.

Người đàn ông móc túi đưa tôi một điếu thuốc đen bèo nhèo, giữ lại cho ông một điếu cũng bèo nhèo như vậy, đưa lên môi ngậm rồi cau mày suy nghĩ với nét mặt rất căng thẳng. Có Trời mới hiểu ngọn nguồn của sự căng thẳng

đó. Chỉ trong vòng vài mươi giây thôi. Ông bật lửa mồi thuốc, mồi luôn điếu của tôi rồi đứng lên.

– Được như vậy thì cám ơn ông quá chừng. Quán cà phê có hơi xa. Mây đen tan bớt rồi. Có khi gió thổi trớt trận mưa nầy.

Nói xong, ông xách túi đi nhanh về hướng một ngã tư. Tôi nhìn theo cho đến khi ông mất dạng trong dòng người và xe cộ đông ken của giờ tan sở. Tôi rút ngắn tầm nhìn của tôi lại và chú ý đến một đứa con gái nhỏ cỡ hơn mười tuổi đang ngồi chồm hổm bên miệng một lỗ cống mà cái nắp vuông bằng xi măng bị dời lệch qua một bên. Con bé đang chơi trò câu cá câu lươn gì đó. Không có cần. Đầu sợi nhợ được buộc vào một thanh gỗ ngắn cầm tay đúng theo cách câu lươn nhà nghề miệt đồng quê. Cách đó chừng mươi bước, cũng dưới tàng che của một cây to đang bị gió lay như nơi tôi đang ngồi với thằng nhỏ, một cặp vợ chồng trẻ chưa đến bốn mươi tuổi đang thu vén chăn chiếu quần áo, chén dĩa, chai lọ, lon hộp nhét vào túi và giỏ xách chuẩn bị rời chỗ nầy đi đến một nơi nào đó thường là mặt tiền của các ngôi nhà có ô văng hay mái che để trốn mưa. Họ không có vẻ gì bối rối hay lo lắng quá đáng. Nơi đến của cuộc di tản trốn mưa chắc đã được xác định rồi, không phải một điểm mà nhiều điểm, bị đuổi ở chỗ nầy dời đi chỗ khác và trong tình huống xấu nhứt họ sẽ sử dụng đến chiến thuật hạ sách nhưng rất hiệu nghiệm là ngồi lì rồi bày cơm ra ăn. Cái câu "Trời đánh tránh bữa ăn" coi vậy mà vẫn còn răn đe được một số người độc ác và do đó nó có góp phần kiềm hãm đà tuột dốc của đạo lý. Tôi được biết điều nầy nhờ một người bạn nhà báo đang viết một loạt phóng sự về những con người chuyên sống trên vỉa hè.

Em bé gái câu lươn đột nhiên mừng rỡ reo lên: "Ba ơi, dính một con lươn. Bự lắm. Có mồi nhậu cho ba chiều nay rồi". Hóa ra nói câu thật chứ không phải chơi trò chơi bắt chước người lớn câu lươn như tôi tưởng. Con lươn khá to, cỡ bằng cườm tay thằng nhỏ đang nằm ngủ. Da nó đen mun như da rắn vì sống trong bùn sình và ống cống. Người cha của đứa bé đến gỡ con lươn bỏ vào túi ny lông, vỗ đầu con, khen nó giỏi rồi hối thúc nó:

– Mưa tới rồi. Con lại phụ với má con dọn đi. Con cõng em, má mang cái túi bao cát, xách cái giỏ mây. Cái bao lớn bỏ lại đó cho ba. Lấy tấm ny lông che mưa để sẵn ở ngoài. Lẹ đi! Lớ quớ mắc mưa dọc đường. Ba nói chuyện với ông già một chút.

Người đàn ông bước về phía tôi, khi đến gần, nhìn kỹ tôi, ngạc nhiên hỏi:

– Ủa, ông già bán đá cục đâu?

– Ổng xách túi đi rồi.

– Ổng giao thằng nhỏ lại cho ông đó hả?

– Thấy nước đá tan rồi xót ruột giùm ổng biểu ổng đi. Thằng nhỏ thì không có ai giao ai lãnh.

Người đàn ông ngồi xuống bên cạnh tôi, ra dấu mượn điếu thuốc tôi đang hút để mồi.

– Ổng có dặn ông chuyện gì không?

– Không. Ổng chỉ nói là chỗ ổng bỏ mối cách đây hơi xa.

– Ổng có hứa sẽ trở lại hay không?

Tôi giựt mình đánh thót một cái rồi ú ớ:

– Không. Nhưng... nhưng chắc ổng phải trở lại chớ.

Người đàn ông lắc đầu cười héo hắt:

– Ổng không có hứa mà sao ông lại dám chắc như vậy? Ổng cũng chỉ là một người đi đường dễ động lòng như ông thôi.

Nói xong, anh ta vuốt nhẹ lên má thằng nhỏ làm nó cựa mình nút ngón tay liên tiếp hai ba lượt.

– Một thằng nhỏ dễ thương như vầy nằm bú tay một mình trên một manh chiếu rách bên lề đường, ai thấy mà không động lòng! Lần đầu tiên gặp nó, ông già bán đá cục thấy nó nằm một mình. Thằng nhỏ dễ tánh như cục đất vậy. Thức dậy kêu má không nghe má lên tiếng, biết má chạy đi đâu đó, ngồi lúc thúc chơi một mình, ai cho ăn thì ăn, không cho thì thôi, không dám đòi, không dám xin, đồ chơi cũng vậy. Đói bụng bú tay trừ, bú tay đã thèm nằm xuống chèo queo ngủ nữa... Ông trời ổng đặt để nhiều cái cũng ngộ, nó mà khó nuôi một chút thì nó chết mất rồi. Tội nghiệp nó quá chừng, nó đâu có biết chuyện gì.

– Chuyện gì vậy?

– Má nó sẽ không trở lại nữa.

– Trời! Cùng với tiếng kêu trời, tôi nhớ lại nét mặt căng thẳng vì suy nghĩ của ông già lúc nãy. Khi ấy tôi nghĩ chỉ có Trời mới biết ổng suy nghĩ điều gì. Bây giờ, tôi chưa trở thành ông Trời nhưng tôi đã hiểu. Tôi hỏi:

– Ông già có biết chuyện đó không?

– Chắc có hồ nghi. Chuyện giận hờn có thể giấu kín trong lòng được. Cái bịn rịn của người mẹ đành đem con con bỏ chợ khó giấu lắm. Ở nhà lầu hay ở lề đường gì cũng vậy, núm ruột là núm ruột. Lúc tôi báo cho ổng biết, tôi thấy ổng không ngạc nhiên nhiều, chỉ bối rối thêm thôi, có thể nói là rất bối rối. Tánh tôi không ưa thèo lẻo nhưng tôi thương ổng quá cần phải báo cho ổng biết sớm để ổng tính. Mua rẻ đá cục của người ta xách đi bán lại như vậy chắc là tự nuôi thân mình cũng vất vả lắm rồi. Tôi định đến hỏi coi ổng tính sao. Không gặp ổng thì tôi hỏi ông. Bây giờ ông tính sao?

– Cánh nhà tôi không xa, có một tấm bảng mang tên nhiều cơ quan cấp phường. Hình như có Chi hội chữ thập đỏ. Tôi nhớ mài mại như vậy.

Người đàn ông lại lắc đầu:

– Trong vòng một năm nay, mẹ của thằng nhỏ đã ẵm nó đến trụ sở của ba bốn cái Chi hội chữ thập đỏ như vậy. Ở đâu người ta cũng nựng thằng nhỏ khen nó dễ thương nhưng không có nơi nào chịu lãnh nó.

Tôi hỏi cầm chừng một câu để đỡ bối rối:

– Mẹ thằng nhỏ chắc là ốm yếu bịnh hoạn lắm?

– Nếu như bịnh hoạn thì còn đỡ. Bịnh còn có thể chữa lành được. Cô nầy là người tàn tật. Còn trẻ lắm, mới có ba mươi bốn tuổi, quê ở miền Trung, chồng làm lơ xe đò đường dài, chết vì một tai nạn khủng khiếp tại một đoạn đường đèo. Chỉ có vài người sống sót trong đó có cô ta lúc ấy đang mang bầu. Cô ra viện với một cái chân què phải đi cà thọt suốt đời và bị múc một con mắt. Hai cái tật cái nào cũng ngặt cho đàn bà con gái. Hồi còn lành lặn, cô nầy nếu không xinh đẹp chắc cũng ngộ nghĩnh dễ coi. Tội nghiệp! Phải chi đừng tàn tật, lâm cảnh này, nếu chịu nhục giỏi, thì bán trôn nuôi miệng và nuôi con, có khi ít đau khổ hơn.

– Như vậy, chuyện đem con bỏ chợ cô ta có bàn với chú?

– Nói đem con bỏ chợ là nói bạt mạng kiểu dân đầu đường xó chợ tụi tôi vì ít chữ nghĩa phải lập lại những câu có sẵn của thiên hạ. Nói cô nầy đem con bỏ chợ tội lắm. Cô ta có chọn mặt gởi vàng. Ông già bán đá cục mà "bỏ chạy" thì tôi cũng có lỗi. Tôi có theo dõi phụ nhận xét ông ta và bàn góp rằng ông ta là người đáng tin cậy... Thôi, tôi đi... Xin lỗi ông vì đã lỡ hỏi ông một câu khó trả lời. Tính thì phải tính thôi, nhưng tính cách nào bây giờ? lúc bàn với tôi cô ta khóc mướt, vợ tôi cũng khóc theo, tình nghĩa dân trôi sông lạc chợ với nhau mà... Tụi tôi đang đeo theo một đứa, nhỏ hơn thằng nầy, chị nó mới cõng đi ông thấy đó. Con lượm, không có đẻ mà phải nuôi đó, chớ có phải con ruột đâu... Nói ông già bán đá cục bỏ chạy hơi tội nghiệp ổng, nếu mẹ thằng nhỏ nầy xí gạt vợ chồng tôi, giả đò gởi nó rồi trốn mất, tụi tôi cũng bỏ chạy thôi. Tụi tôi đã không nỡ đành bỏ chạy một lần bây giờ thất kinh hồn vía rồi, hết dám... gạo loại gà vịt nhà giàu chê không thèm ăn, mình phải đếm từng lon... thôi, tôi đi.

Người đàn ông đi về phía cái bao tải lớn, khom người xuống vác nó lên vai, rồi rảo bước theo vợ và đứa con gái nhỏ đang cõng em.

Gió giảm cường độ. Vậy là nó không thổi trớt nổi cơn mưa. Bầu trời đen mịt mây mù có vẻ như sà thấp xuống thêm một mức nữa. Thằng nhỏ vẫn ngủ say. Tôi lục túi lấy ổ bánh mì ngọt có bơ để lên bụng nó. Đó là quà của vợ người bạn gởi cho đứa cháu ngoại.



Câu chuyện còn thiếu một "hồi sau phân giải" kể trên được gợi lại chiều nay sau hai năm bị bỏ quên. Nó không có cái ma lực cần có để bắt người nghe là tôi đây phải nhớ. Không có chất "có hậu" của tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh xoa dịu nỗi đau của người khốn khổ bằng cái hy vọng rằng ông Trời có con mắt sẽ trừng trị kẻ gian và cởi trói cho người ngay. Cũng không có chất kích thích tính tò mò man rợ hay khiêu động tính dục làm tăng cường độ những cái hạch của người đọc ghiền thói ảo dâm bằng văn chương sách đen.

Anh Diên, người kể chuyện đang nằm chờ chết tại một bịnh viện tỉnh lẻ trong khu dành riêng cho cán bộ về hưu. Trong bạn bè, tôi thuộc số đến thăm trễ vì nhận được tin trễ. Trong phòng chỉ có tôi và anh.

Anh đưa cho tôi tập truyện ngắn bản Pháp nhữ của nhà văn Mỹ Mark Twain, biểu tôi chỉ đọc cái nhan đề của một truyện thôi rồi trả sách lại anh. Đó là truyện "*Về sự suy đồi trong nghệ thuật nói láo*" (De la décadence dans l'art de mentir). Tôi nói truyện này tôi đọc rồi và để quyển sách lên mặt chiếc bàn con gần đầu giường. Anh Diên mỉm cười:

– Vậy thì tốt quá, tôi đỡ phải dài dòng. Tôi đang là nạn nhân của sự nói láo đây. Chứng ung thư dạ dày loại cấp tín đã di căn ở mức "thầy chạy" của tôi được thông báo là một khối u mờ, loại u hiền sẽ chung sống hòa bình với tôi cỡ mười năm nữa. Theo tiêu chuẩn nghệ thuật nói láo của Mark Twain, nói láo như vậy là cao quý hay suy đồi tôi không biết. Tôi chỉ biết cám ơn thôi. Hôm tôi ở phòng lạnh ra sau giải phẫu, khi nghe thông báo như vậy, vợ con tôi đứa cháu ngoại đã cười mừng.

Tôi chưa đoán được anh Diên muốn đề cập đến chuyện gì bằng cách khơi mào này. Anh biểu tôi lấy thuốc lá ở ngăn kéo ra hút. "Thầy thuốc cấm, nhưng bạn bè cho, tôi cứ nhận để đãi khách". Rồi anh co chân phải lên, vén ống quần pyjama, chỉ một vết thẹo ở phần mềm của bắp vế:

– Lai lịch của vết sẹo này hình như tôi có giới thiệu với anh.

– Có. Hồi mình còn ở trong rừng và tôi còn nhớ. Anh nhường hầm núp của anh cho một em nhỏ cầm chén đi tiệm mua tương rồi chạy vòng quanh một cây rơm để tránh đạn đại liên của hai chiếc máy bay săn giặc Mảng xà vương. Hồi bốn mươi bảy, bốn mươi tám gì đó, lúc anh ở bộ đội.

Anh Diên gục gặc đầu:

– Anh nhớ giỏi... à mà quên nữa, đó là nghề của anh... Hồi nhỏ, trước khi đến trường học chữ Quốc ngữ, tôi được ông nội dạy chữ Nho tại nhà. Kiến nghĩa bất vi vô dõng giả... Thấy việc nghĩa không làm không phải là người dũng... Trong đời tôi, cả hai cái việc nghĩa lớn trong lịch sử đất nước của thế hệ mình: đánh Pháp và đánh Mỹ tôi đều có làm và làm tốt, có bằng khen, huy

chương, huân chương. Trong quá trình làm việc nghĩa lớn đó, gặp những việc nghĩa nhỏ hơn nhưng muốn làm cũng phải đem mạng sống ra đánh đổi, tôi không hề tính toán so đo. Việc nghĩa bực trung cỡ như nhường hầm cho người khác để hứng đạn máy bay, tôi có thể kể cho anh nghe hoài, chừng nào mệt nghỉ... Ấy vậy mà trong giai đoạn cuối đời này, hồi năm kia, lúc sức khỏe còn bình thường, trí tuệ còn minh mẫn, đầu óc còn tỉnh táo, tôi đã hèn nhát bỏ chạy trước một việc nghĩa rất nhỏ, có thể nói là hết sức nhỏ... anh biết tôi muốn nhắc lại chuyện gì rồi chứ?

Tôi lặng lẽ gật đầu, lòng rưng rưng buồn. Thói quen ham nghe chuyện do nghề nghiệp xung đột với lòng thương bạn phải đi tìm sự thanh thản bình yên cho tâm hồn mình trong những ngày sắp chết. Anh Diên nhờ tôi kê thêm một cái gối dưới lưng để nhổm người lên rồi biểu tôi phà về phía anh vài luồng khói thuốc lá để anh ngửi cho đỡ thèm, thứ khói rất thơm và rất nặng có phảng phất mùi á phiện của loại thuốc lá Mỹ Pall Mall.

– Lúc đó tôi kể tới đoạn nào?

– Trời sắp mưa, anh đặt lên bụng thằng nhỏ một ổ bánh mì ngọt có bơ...

– À, rồi một chiếc xe đẩy tay bán bong bóng cao su đi ngang. Tôi mua cái bong bóng lớn nhứt, đắt tiền nhứt, nhiều màu, hình gấu con, bơm không căng để giữ độ mềm cho trẻ con ôm chơi êm tay. Tôi đặt con gấu lên bụng thằng nhỏ bên cạnh ổ bánh mì rồi huy động hết nghị lực để tự chế không ôm hôn nó, sợ nó thức dậy. Tôi biết tôi sắp nói láo trước khi bỏ chạy và trong bối rối, tôi vẫn còn sáng suốt để biết rằng nói láo với một đứa trẻ thơ nên chọn lúc nó ngủ. Nói cho chính xác thì những lời nói láo của mình chỉ có mình nghe lọt mà thôi. Nói với người khác khó mở miệng lắm dù người khác đó là một đứa trẻ thơ. Tôi nói: "Thôi, ông đi nghe cháu, ông đang bịnh cần phải về nhà trước cơn mưa". Qua bên kia đường tôi ngoái lại nhìn thằng nhỏ lần chót. Nó vẫn ngủ say... anh phà cho tôi vài hơi thuốc nữa coi... Những bước đi của tôi không dài thêm và không nhanh hơn. Tôi không muốn rảo bước, không hiểu tại sao vậy. Có lẽ tôi thanh toán chưa dứt điểm sự bịn rịn... Trong đời tôi nhứt là hồi trẻ còn ở bộ đội, tôi đã chạy rất nhiều, đôi lúc nói vắt giò lên cổ mà chạy cũng không quá đáng. Không phải lúc nào cũng chạy về phía kẻ địch để đánh nó như trong các cuộc truy kích. Có lúc phải chạy trốn không cho nó tóm được mình để tiêu diệt hay vượt qua một khoảng trống nguy hiểm, mục tiêu của bom pháo. Nhưng dù chạy với mục đích gì, bằng tốc độ nào, tôi cũng chưa hề biết đến cái nhục và cái hèn của sự "bỏ chạy". Tôi vừa đi vừa nhớ đến anh chàng xó chợ đầu đường có đứa con gái nhỏ biết câu lươn. Cái giọng của anh ta nói về sự "bỏ chạy" sao mà thanh thản, vô tư quá vậy! Sự đeo theo cưu mang đứa con lượm không có đẻ mà phải nuôi, hậu quả của một lần làm "dõng giả" không "bỏ chạy" trước việc nghĩa đã dạy anh chấp

nhận cái nhục và cái hèn của sự "bỏ chạy" trong kiếp phận đầu đường xó chợ chứ anh đâu có phủ định cái nhục và cái hèn của sự "bỏ chạy" nói chung. Có lẽ vì vậy mà anh thanh thản vô tư còn tôi thì bị dày vò rượt đuổi. Không lẽ bây giờ lại đi trách cứ ông nội tôi đã dạy tôi "kiến nghĩa bất vi vô dõng giả"?... Phải cám ơn bức điện tín báo tin má tôi hấp hối nó cắt ngang câu chuyện tôi kể cho anh nghe nửa chừng cách đây hai năm... Lúc đó tâm trạng tôi không giống như bây giờ, không phù hợp với những lời tâm sự... Từ chỗ thằng nhỏ nằm về đến nhà, tôi phải qua nhiều ngã tư. Tại cái ngã tư sau cùng, tôi đâm sầm vào một thiếu phụ trẻ đi xe đạp có chở phía sau một đứa con nhỏ. Cô ta rối rít xin lỗi "Bác thông cảm. Thằng con cháu bị sốt mới khỏi. Cháu rất sợ bị mắc mưa dọc đường". Tôi cười gượng: "Tôi phải xin lỗi cô đúng hơn. Tôi cũng đang bị cảm cúm, cần phải về nhà trước cơn mưa".

Nếu ông Mark Twain nghe được không biết ông sẽ xếp lời nói láo của tôi vào loại nào, cao quý hay suy đồi?

Anh Diên ngừng nói, nhìn lên trần nhà. Tôi cố tìm một ý gì đó phù hợp với tâm trạng anh để nói. Cái ý không đến. Anh Diên không có vẻ gì phải vất vả đi tìm sự thanh thản bình yên cho tâm hồn anh như tôi nghĩ lúc đầu. Nhưng trong giọng kể chuyện của anh phảng phất một cái gì đó có sức gợi buồn không cưỡng nổi. Và nỗi buồn chưa kịp đặt tên đó lập tức tìm được cơ sở để đổ bộ lên tâm hồn của một người nghe cũng gần đến lượt phải ra đi. Tôi biết nhiều điểm cơ bản trong thế giới quan của anh Diên bởi vì nó cũng là của tôi: *trong rất nhiều vấn đề do cuộc sống đặt ra, không hề có vấn đề cái chết và phạm sai lầm là điều không ai tránh khỏi kể cả các bậc siêu nhân*. Vậy thì điều gì làm cho anh buồn? Có lẽ từ lúc bắt đầu mang dấu ấn đột ngột và quá ngắn hạn của cái chết, anh tận dụng hết khả năng nhận thức của anh để nhìn lại cái thế giới anh sắp rời bỏ và thấy nó không đẹp đẽ hơn chút nào so với lúc anh chào nó bằng tiếng khóc đầu tiên sau khi rời bụng mẹ. Tôi đoán có phần đúng. Anh Diên đột nhiên nói:

– Bằng ý thức hay bản năng, thì cũng vậy, anh thấy chưa? Chẳng qua cũng vì miếng ăn mà thôi!

Câu nói khó hiểu làm tôi nhìn theo hướng nhìn của anh. Trên trần nhà, một con thằn lằn xâm phạm khu vực kiếm ăn bị một đồng loại tại chỗ hung hăng rượt đuổi. Cảnh nầy gợi tôi nhớ đến một tin mới nghe hôm qua trên sóng điện phát thanh nói về chánh quyền của một nước nào đó mới trả tự do cho nhiều ngư dân của một nước nào khác bị bắt vì đánh cá trộm ở hải phận không phải ở nước mình. Không phải thả vô điều kiện mà cho chuộc bằng tiền. Anh Diên nói tiếp:

– Nhà văn Hemingway, khi miêu tả cái chết vì trò chơi giả đấu bò của một thiếu niên Tây Ban Nha, có nói rằng cậu bé nầy chết đem theo tất cả các ảo

tưởng còn nguyên vẹn, chưa kịp đánh mất một ảo tưởng nào. Tôi đọc chuyện nầy lâu rồi, thỉnh thoảng có đọc lại và suy nghĩ mãi mà không hiểu được Hemingway muốn tâm sự điều gì với người đọc bằng cái ý đó. Ông thương xót cậu bé hay ganh tị với hạnh phúc của cậu ta, niềm hạnh phúc được mang theo về cõi chết toàn bộ cái hành trang ảo tưởng còn nguyên vẹn. Mãi đến khi má tôi chết, tôi mới hiểu. Má tôi nói: "Phải chi hồi mới giải phóng, gặp được con, má chết liền thì hay biết chừng nào. Lúc đó xuống âm phủ, gặp ba con, má nói chuyện gì ra cũng vui vẻ và tốt đẹp hết. Bây giờ muốn ba con vui, má phải nói láo..." Má tôi vỡ mộng vì cái gì anh biết rồi. Té ra má tôi cũng nghĩ rằng chết đem theo nhiều ảo tưởng chừng nào tốt chừng nấy, mất cái nào cũng uổng bởi vì ảo tưởng luôn luôn là đẹp. Tôi đang kiểm điểm hành trang ảo tưởng của tôi trước khi đi theo má tôi. Không còn cái nào hết. Cái cảm tưởng sau cùng về con người "dũng" sẵn sàng làm việc nghĩa của bản thân cũng đổ vỡ mất rồi. Nhưng anh đừng vội buồn cho tôi. Tôi đã xây dựng được cho tôi một cái gì đó mà tôi đặt tên là hy vọng. Thực ra mình chỉ xác định được một ảo tưởng nó đích thực là ảo tưởng khi nó đổ vỡ, chứ trước đó nó có tên là hy vọng. Tôi không còn thì giờ để kiểm nghiệm niềm hy vọng của tôi là thực hay là hư và như vậy lúc chết tôi sẽ đem theo chí ít cũng là một ảo tưởng đẹp còn nguyên vẹn...

– Ảo tưởng là gì... à mà quên... hy vọng gì?

– Hy vọng rằng những con người tự huyễn hoặc mình là "*dõng giả*" nhưng khi "*kiến nghĩa*" chỉ động lòng thôi rồi tìm đường bỏ chạy. "Bỏ chạy" kiểu như tôi là số ít chứ không phải số đông trong mấy tỉ con người đang lúc nhúc bon chen trong ngôi nhà tập thể khổng lồ đã quá tải thuốc nổ, quá tải uế khí diệt môi sinh và độc tố tiêu đạo lý có tên là quả địa cầu nầy.

Có tiếng nhiều người gọi nhau thu gom chăn chiếu, quần áo, mùng mền phơi ngoài sân bịnh viện vì trời chuyển mưa. Anh Diên nhìn mảng trời xám hình vuông qua khung cửa sổ:

– Cám ơn anh đã chịu khó lặn lội xuống tới đây. Anh ở đằng nhà khách của Sở Văn hóa hả? Đây về đó cũng hơi xa, thôi anh về đi. Ở tuổi tụi mình, dù bịnh hay mạnh, sắp chết hay còn sống lâu cũng ráng giữ đừng để mắc mưa dọc đường.

**8.88**

# người đội mỏ



*Trúc Chi*

Năm giờ sáng ngày 17 tháng mười, một chiếc xe tải từ thành phố Nha Trang chạy ra vòng vèo, uốn lượn mấy khúc đèo, rồi duỗi thẳng một đoạn đường chạy dọc theo mé biển êm ru. Biển vỗ nhẹ dưới bốn bánh xe, sóng trắng như khúc ca hắt hơi mát đẫm sương muối vào mặt người. Vừa qua Đại Lương, chiếc xe bấm phanh dừng lại. Hàng quán hai bên đường ào ra, những cô gái nói giọng Huế, nói giọng Nghệ, nói giọng Quảng tay ngoắt, lời chào thưa, rối rít gọi anh Ba, cô Sáu vào ăn sáng. Cô nào cũng khoe quán mình mực tươi xào hành tây, mực khô tẩm dấm, cá nhám làm gỏi cồn 30 độ, và cá ngựa chìa vôi ép khô để nhấm bia hộp. Khi nhìn thấy số xe 4623–158, một vài cô liền xáng đến kêu thân tình "anh Tư Văn, vào với em đi, trời ơi mòn mỏi đợi anh", "anh Tư Văn ơi, đừng quên em, đừng bỏ em hôm nay đấy, thiếu anh em khô héo đấy". Cô nào cũng bằng cái giọng cải lương mùi mẫn. Đấy là cái điều lạ, đất thì đất của tuồng có tiếng cũng bi lụy thê thiết, vậy mà không cô nào nhiễm, mà giọng cải lương đặc sệt. Trên xe một anh tài xế bước xuống, tay vén hàng ria, chiếc khăn xéo bông vắt vai, khuôn mặt tròn bự láng bóng màu nâu chì, hai mắt ti hí nhìn một lượt mấy cô gái lặng lẽ. Rồi bỗng anh ta chỉ tay vào buồng lái để giới thiệu cho mấy cô gái chào hàng biết:

– Nè, còn cô Sáu Hương nữa đấy. Mời sao khéo, sao th[illegible] ăn khách thì mời...

Mấy cô gái vừa nhận ra có khách, có cô thì mừng, có cô tưng hửng, có cô tỏ ra dỗi, một chút ghen lên giọng nho nhỏ đủ để anh tài nghe: Cô Sáu của anh Tư chớ của gì chúng em. Rồi một chuỗi cười giòn. Đấy, những ngày tháng này, anh tài xế, cô bán quán quen biết, ăn ý vợ chồng không ra vợ chồng, mà người tình nhân cũng không ra người tình nhân. Nhưng ai đó ngồi

xe nhiều, đi nhiều nơi nhiều chốn, nhất là khách "xộp" thì biết rõ mánh của bọn họ hơn ai hết, càng quen tài xe thì nhiều khách vào ăn, tiền vào túi càng nhiều. Thời buổi này anh tài nào, thằng cha nào mà không "dẫn mối" không làm tiền kiểu đó. Mỗi nghề có một cách dẫn mối thật "đặc trưng", thật tài nghệ. Nó cũng giống những tên "dẫn mối" ở các vườn hoa, ở mấy ngõ hẻm thành phố, đạp một vòng xe đạp, xích kêu lạch cạch là dấu hiệu mà dân chơi gọi là "kêu ong". Theo sau xe khách có râu, khách mặt trắng, có khách là cán bộ lâu ngày được "cải thiện", có khách là độc thân chủ trương hưởng lạc lâu lâu đi giải lao được mối dẫn đến giao tận tay, rồi sau đó mối được hưởng "phần trăm" thật sòng phẳng. Tiền giao thường đêm nào thì ăn đêm nấy chớ không để lâu, để lâu ai tội gì làm, đấy cái nghề nó phải như vậy. Ở đây mấy anh tài xe cũng vậy. Xe đậu ngay cửa quán nào là y như buộc khách phải vào "điểm" đó. Khách vào tùy chọn bàn, tùy chọn chỗ ngồi, riêng anh tài có bàn đặc biệt, không những bữa ăn không mất tiền mà các món ăn cũng hết sức đặc biệt gọi là "dành riêng". Đến khi khách lên xe, riêng anh tài được nhận những gói quà hậu hĩ mà các cô gái bước lên buồng lái từ hồi nào không ai biết, đặt vào chỗ hộp số, hoặc hộp đồ cất riêng của anh tài.

Từ trên buồng lái bước xuống một cô Sáu trắng trẻo, mặt có cạnh, hai mắt sắc như dao cau, hai con mắt nhìn thẳng vào mấy cô gái, khiến các cô gái đâm lúng túng, hoảng sợ. Rồi không lâu, các cô gái bỗng rối rít gọi, mời như ong vỡ tổ:

– Cô Sáu, mời cô Sáu vào quán em...

– Cô Sáu, quán em muốn được làm quen với cô Sáu...

Tài Văn chen vào giọng xởi lởi để làm vui lòng cả hai bên:

– Nè, cô Sáu rộng rãi, cô Sáu chịu chơi, cô Sáu một tháng hai lần đi ra vô tuyến này đấy.

Bỗng giọng tài Văn nhỏ lại chừng như nghiêm trang, chững chạc của kẻ dẫn mối có nghề:

– Này các cô em ơi, cô Sáu là cửa hàng trưởng thị trấn đó nha.

Trong khi các cô gái gần như giật mình nhưng không kém phần vồn vã, đon đả xúm quan cô Sáu, thì cô Sáu liếc mắt nhìn tài Văn thật là tình, trong đó có gì giận, ghen:

– Này, anh nói quá là "tui" cắt phần quyền lợi của anh đó nghen.

Cái chữ "quyền lợi" có nghĩa đen, nghĩa bóng tùy ai hiểu. Anh tài Văn biết nước lỗi của người tùy thuộc liền lấy lại phong độ biết điều, xuê xoa:

– Thôi, Sáu thông cảm cho "tui".

Ăn uống xong, tài Văn, cửa hàng trưởng Hương sánh vai ra xe. Đứng bên

cửa xe một cô gái rụt rè, hai mắt chớp chớp rất trẻ con nhìn người lái xe giọng rất nhỏ nhẹ:

– Chú ơi, cho cháu đi nhờ ra Sông Cửu.

Sao lại nhờ cô bé.

Khi cô gái chịu trả tiền gấp ba từ Nh. ra Cù Mông thì tài Văn hỏi ý kiến Sáu Hương. Sáu Hương giọng giả lả "tùy tài xe, chớ tui có quyền gì". Tài Văn hất hàm ra phía sau xe ra hiệu cho cô gái: "lên xe đi, trễ rồi".

Cô gái te te xách gói nhỏ, sửa lại chiếc mũ xám rộng vành, vừa đi lại phía sau xe thì tài Văn gọi giật lại hỏi tên, hỏi tuổi, quê quán, đi Sông Cửu có việc gì. Nói chung giọng hỏi, cách hỏi của kẻ có quyền, kẻ cả, hách dịch ta đây và có chút pha lẫn giọng của những tên lên mặt coi ai cũng đều thuộc về mình. Cô gái nhỏ kia thì thành thật trong lời nói, cách nói của một học sinh lớp bảy, lớp tám của miền cao nguyên xa lạ. Tài Văn nghe xong nhẩm lại tên cô gái Linh Thị Sao, mười bảy tuổi, vừa thôi học lớp tám, nhà ở đường Hùng Vương, khu Diên Hồng, thị xã Gia Lai, Kontum, ra Sông Cửu thăm cô...

Ngồi trên xe độ một lát Sáu Hương hốt hoảng đập vào tài Văn cái độp:

– Chết, mấy thứ hàng tui để sau xe, có con bé ấy, rủi có gì thì...

Bỗng có tiếng cô gái từ phía sau xe:

– Cháu không lấy đâu, cô đừng sợ... Hay cô ra ngồi với cháu...

Sáu Hương bực tức, bật mạnh cánh cửa xe, không nói gì với tài Văn, nhảy xuống khỏi xe leo lên phía sau ngồi với cô gái. Tài Văn cũng không hỏi lại gì, cho máy rồ mạnh, chiếc xe đột ngột lao tới. Mới đó Đại Lương đã nằm dưới chân bốn bánh xe, biển màu xanh như mắt mèo, một thứ màu xanh trinh nguyên, những dáng thuyền thon thon nhỏ giống trong tranh vẽ, những nếp nhà đơn giản cổ sơ mắt du khách nhìn mà lòng thì mềm mại, tất cả lùi lại phía sau xe. Và ngọn đèo sừng sững phía trước mặt. Sương dày đặc như từ ruột đèo bay lên. Bên này lòng chảo biển xoáy tròn cuốn hút. Chiếc xe tải đơn côi lầm lũi xuyên thủng những gì đang chắn ở phía trước.

Xe vừa xuống khỏi đèo, bỗng có tiếng đập thình thịch trong xe, tiếng Sáu Hương the thé gọi:

– Cho xe dừng một chút, có công chuyện.

Chiếc xe trườn khỏi ngoặt làm hai cánh tay tài Văn như vặn ngược. Hai mắt tài Văn tóe lửa tức tối, vậy mà miệng vẫn im thin thít. Chiếc xe rề rề chậm lại rồi đậu sát bên núi, mấy hòn đá nhọn nghiêng nghiêng như mắt trợn ngược dòm vào buồng lái vuông vuông như một cái thùng. Sáu Hương đã nhảy xuống xe, không cần tìm một chỗ nào kín, cứ ngồi dưới hòn đá nhọn. Thật ra có gì phải kín đáo, chỉ có cô gái tên là Sao, có sao đâu. Còn người

đàn ông kia thì đã quá quen thuộc, cái gì của Sáu Hương mà tài Văn không lục lọi như một thứ của riêng mình. Chiếc xe tải mang biển số 4623–158 tuy là của nhà nước, nhưng một góc, một phần, tháng hai chuyến hàng của Sáu Hương, con người Sáu Hương đã có trong đó.

Tài Văn tranh thủ nhảy tót lên xe, chưa kịp nói gì với cô gái thì Sáu Hương đã đứng dậy như dao chạm phải tủy răng, giũ giũ hai ống quần rộng như hai miệng thúng gánh nước, miệng thét: "Khoan cho xe chạy". Tài Văn lật đật nhảy xuống. Từ trong xe Sáu Hương kêu lên như giẫm phải lửa:

– Ủa, mười sáu nghìn tui để trong túi mới đây đâu rồi?

Tài Văn đứng lại nói với vào:

– Tiền lẻ ăn đi đường thường giắt lưng, coi rớt đâu đó...

Cô gái có đôi mắt chớp chớp như trẻ con vẫn ngồi yên trên chiếc ghế, giọng nói nhỏ nhẹ:

– Tiền cháu vừa lượm ở trên xe, của cô thì cháu trả lại.

Cô gái vẫn cầm gói bạc vụng trong tay, cô gái định trao cho Sáu Hương. Mắt Sáu Hương chằm chằm nhìn vào cô gái, giọng đanh lại:

– Sao lại lượm, ai làm rơi mà lượm. Có phải mày móc túi thì nói thật đi.

– Không, cháu lượm. Nếu cô xin thì cháu cho lại, còn nói cháu móc túi thì cháu không trả đâu.

Cô gái vẫn bình tĩnh từ tốn, còn Sáu Hương thì dậm chân nhảy đồng đổng:

– À, mày giỏi không nhận, không trả tiền lại tao.

Cô gái lúc này đã đứng dậy tìm chỗ ngồi khác, vẫn giọng nói nhỏ nhẹ:

– Cháu không trả nếu cô vu cho cháu móc túi.

– À, mày sẽ biết tay tao, "Sáu thị trấn" ai cũng nể tao, cũng biết tao.

Sáu Hương quắc mắt nhìn tài Văn như ra lệnh:

– Đứng nhìn gì mà như ngây vậy, muốn bênh gái à, cho xe ra thị xã, dừng trước đồn Cây Vông.

Lúc này tài Văn hình như cũng chạm nọc, chạm đối thủ của mình nên nổi bực dọc không giấu được. Tài Văn vừa bước lên buồng lái vừa nói cốt để cho người tình nghe:

– Lại đến với mấy cha nội, mấy thằng ác ôn đó nữa.

Chiếc xe tải màu sơn xanh dương, vài miếng gỗ mục đã bục ra bên hông bắt đầu phóng bạt mạng. Đấy, cái nghề lái xe là vậy đó, mỗi lần bực bội việc gì, nhất là nhiều anh đàn ông tranh giành một chị đàn bà, mà thứ đàn bà có tiền, có của, có quyền thì nỗi bực bội như lửa đổ thêm dầu, tất cả đều đổ vào tay lái, tay lái đổ vào chiếc xe, cuối cùng chiếc xe làm khổ khách.

Đúng mười giờ chiếc xe tải mang bảng số quen thuộc đậu dưới tán cây vông, một tiếng "kít" phanh quen thuộc. Vào cái giờ đó, nhiều công an viên đi tản mác đó đây, người thì lên chỗ ngã ba đón hàng từ các xã đổ xuống, bên kia cầu đồn qua, nhất là để có trái ăn mát. Có người đứng chặn ở ngã chợ lên coi mấy cha xích lô, xe ba gác đi trái luật để phạt nhẹ, theo từ của họ là "phạt không khí". Có người ngồi tấp quán cà phê này một chút, quán trái cây kia một chút để giải nhiệt. Tuy làm gì thì làm, mỗi người mỗi công việc nhưng chiếc mũ lưỡi trai vẫn đội đầu, chiếc gậy tròn giống cái dù xếp lại vẫn lăm lăm cầm tay, vì đấy là cái vũ khí vừa oai lại vừa quyền. Đang ở đâu đó, bỗng thoáng thấy bóng chiếc xe tải, và tiếng phanh đậu trước cửa đồn thì biết ngay điều may mắn đến với mình. Thế là ai nấy đều đổ xô đến. Họ đến nhưng giữ thái độ bình tĩnh, đúng mực rất nhà nghề. Anh tài Văn từ buồng lái bước ra, mấy anh công an chưa có gì tỏ ra niềm nở, đến khi tấm ván thùng xe hạ xuống. Sáu Hương thong thả bước xuống miệng nhoẻn nụ cười quen thuộc chia đều cho mỗi người, chừng ấy anh nào anh ấy xúm quanh chị Sáu thân tình, tin cậy. Nhưng hôm nay chị Sáu cười nhưng không thật vui cho nên mấy anh công an cũng không yên tâm cho lắm. Lạ nhất là chị Sáu không cần ra hiệu, chị tự đến gốc cây vông đứng thế là các anh ngoan ngoãn đứng quanh chị. Chị Sáu nói gì không biết, lập tức hai công an đi thẳng đến xe lật ngửa bàn tay bảo cô gái xuống xe ngay. Trong khi đó hai anh khác đi thẳng vào đồn, ngồi sẵn vào bàn để làm việc. Một chút sau, cô gái đi trước hai anh công an vào trên chiếc ghế nhỏ ở góc phòng, chị Sáu đi lững thững như người dạo mát bên cạnh các công an rối rít gọi chị chị em em.

Vào phòng, chị Sáu đặt lên bàn mấy gói đồ được bọc kín giấy báo gọi là quà cho mấy anh, mấy chú em. Chị ngồi uống nước bên này bàn, bên kia bàn một anh công an đang hỏi cô gái, một công an ngồi chép:

– Nào, cô nói đi, tại sao móc túi lấy tiền của người ta mà không chịu nhận? Hơn nữa người ta cho đi xe nhờ, không biết ơn mà còn ăn cắp. Sao thế, nói ngay đi.

Cứ từng chặp anh công an hất hàm, mắt nhìn thẳng vào cô gái. Cô gái để xấp bạc vụn lên bàn, hai mắt chớp chớp, giọng nhỏ nhẹ:

– Em không móc túi, em chỉ lượm ở trên xe và đã nói với cô ấy, nếu cô ấy xin lại thì em cho, còn bảo em là móc túi thì em không trả.

Tiếng đập bàn một cái độp, cô gái giật nẩy người, anh công an mắt như có lửa:

– Đừng có bướng mà ăn đòn. Nói thật đi. Có móc túi không?

– Em không móc túi. Túi cô ấy để ở đâu mà bảo em móc. Cô gái khăng khăng không chịu nhận. Anh công an chỉ tay ra ngoài vừa lúc tài Văn đi vào.

– Có người làm chứng là cô móc túi mà còn chối.

Tài Văn không ngồi, đứng bên này bàn nhìn cô gái một lượt rồi ra bộ thông cảm dỗ dành:

– Thôi, có thì nhận đi rồi tôi cho đi tiếp...

Tài Văn chưa nói hết câu, cô gái đứng dậy với một thái độ phản ứng, hai má đỏ ửng, hai mắt nhìn thẳng qua cô Sáu, giọng dứt khoát:

– Tôi không móc túi sao bảo tôi nhận. Người ta làm rơi thì tôi lượm...

Cô gái đưa tay cầm lấy gói bạc trên bàn, lập tức cánh tay anh công an chụp mạnh xuống, cầm gọn lấy gói bạc, mắt nhìn trừng trừng như muốn ăn tươi nuốt sống cô gái. Lúc này nếu ai tinh ý nhìn kỹ, sự phản ứng của cô gái tưởng như cô không ở tuổi mười bảy mà là một cô gái chững chạc, đầy tự tin. Chính vì vậy mà mấy anh công an trẻ đứng bên kia bàn tuy có bực mình cô gái nhưng cũng khen thầm cô ta coi "được nước".

Anh công an hỏi cung nhìn sang chị Sáu giọng êm ru, hai mắt trông có vẻ đằm thắm thiết tha:

– Chị Sáu, đây tiền của chị thì chị nhận, chị cảm phiền nhá. Rồi anh ra hiệu cho anh công an khi nãy giờ ghi chép đọc biên bản. Chị Sáu bước đến cầm lấy gói bạc rồi vẫn đứng đó theo dõi. Anh công an trông bảnh trai đọc chậm rãi biên bản trong đó ngày giờ, tên họ cô gái có nhận móc túi lấy mười sáu nghìn của chị cửa hàng trưởng đang trên chuyến xe đi công tác. Cuối cùng cô gái ký tên. Tờ biên bản đặt trước mặt cô gái. Cô gái đứng lặng thinh, rồi ngồi xuống ghế nói giọng quả quyết "tôi không ký vì tôi không móc túi".

Ngoài thềm nắng gần đứng bóng. Tài Văn thì nhấp nhổm. Sáu Hương cũng bắt đầu sốt ruột, cuối cùng bước tới từng anh công an để chào ra về. Tài Văn đã đi vội ra xe trước, chị Sáu nũng nĩnh cùng đi với mấy anh công an đưa ra xe. Cô gái định đứng dậy theo ra, tiếng một anh công an gần như quát:

– Cô chưa đi được, cô chưa nhận tội đi đâu.

– Tôi không có tội gì hết, các anh vu cho tôi... Cô gái lại ngồi xuống ghế, nhìn kỹ hai khóe mắt cô đỏ ươn ướt.

Khi tiếng xe đã chạy xa thì mấy anh công an lục tục trở vào. Hai anh công an được phân công đưa cô gái vào phòng sau giữ lại đó. Khi hai anh trở ra cửa cài khoá thật bảo đảm rồi mới đến nhà ăn cơ quan. Cô gái ngồi một mình trong phòng, mấy chiếc giường con chật chội, ban ngày mà chuột chạy đụng chân người, nó giương mắt nhìn người không biết sợ là gì. Mấy phút đầu mắt nhìn vào ngập trong bóng tối, đến khi cô gái se sẽ đẩy cánh cửa sổ ra thì thấy ngoài kia con đường lồi lõm ngập nắng, thấp thoáng vài bóng cây bàng che đủ mấy chú bé đang chơi bi. Hai cánh cửa sổ mở ra được một lát thì mấy cái đầu nho nhỏ nghiêng vào, hai con mắt trẻ thơ nhìn cô gái im lặng. Sau nửa

một bà cụ bán bắp nấu đứng nhìn vào hỏi cô gái mấy câu, đưa cho cô gái một trái to ụ. Cô gái lảy từng hột ăn vừa kể lại chuyện cho bà cụ nghe. Bà cụ nhìn cô gái con nhà ai mà dễ thương phải chịu oan. Trước khi đi, bà cụ dặn dò đây là phòng ngủ của họ mà cũng là phòng giam người, làm thân con gái phải giữ gìn... Bà cụ đi bán ở đâu đó không cảm thấy yên tâm liền trở lại cô gái nhưng hai cánh cửa sổ đã đóng kín. Trời quá trưa, im ắng, nắng như đổ lửa xuống đường. Bà cụ lại đi, rồi trở lại chỗ cửa sổ. Vài cơn gió chướng vặn ngọn cây, lật tốc mái nhà, réo ù ù trên nóc phố, thổi bụi mịt mờ, thị xã như đang trong hỗn độn, mờ ảo.

Đúng 14 giờ, kẻng của đồn công an đổ một hồi dài bắt đầu làm việc. Hai anh công an trẻ đến tra chiếc khóa mãi mới bật ra được. Đi vào phòng thật chậm rãi, hai anh không thấy cô gái đâu, đến khi nhìn chỗ cửa sổ thì thấy toàn thân cô gái đang gục xuống. Hai ống tay áo của cô bị xé ra, được xoắn lại thật cẩn thận. Hình như người xoắn từ những giải vải được tước ra rồi se lại sao cho khi người chết bằng hai ống tay áo thật chắc chắn, thật đảm bảo, để người sống nhìn vào một trăm phần trăm tin rằng cô gái chuẩn bị cho mình một cái chết, bình tĩnh cho mình một cái chết còn vì sao đi đến cái chết thì không nghĩ tới, không cần tới đối với người đã chết cũng như người đang sống.

Thế là cả đồn công an phường 1 thật bí mật với cái chết cô gái. Bí mật từ hai giờ chiều cho đến năm giờ sáng ngày hôm sau. Trong khoảng dài thời gian của 15 tiếng đồng hồ vừa mở thi hài người chết, vừa nhiều ý kiến tranh luận có nên làm hô hấp nhân tạo cho người chết không, mặc dù sau lúc đó hai con mắt người chết vẫn còn mở. Lúc đó ai thông minh một chút, có kiến thức khoa học một chút sẽ thấy rằng hai con mắt người chết sao mà gượng sống, muốn được sống dù bất cứ giá nào. Cuối cùng người chết được làm hô hấp một cách vội vã, làm qua loa, lấy lệ. Rồi đợi đêm đi vào thật sâu thì nhiều đường dây tỏa ra như chân rết và dính như mạn nhện để gặp và báo cáo xin ý kiến những người có chức có quyền để định đoạt sự việc. Rồi cuộc hội ý chớp nhoáng nhanh như điện đi đến quyết định: ông Vẫn viện trưởng kiểm sát Thị phối hợp với ông Thụy chánh án tòa án Thị xem kỹ nguyên lý pháp lý về cái chết đã được "hợp lý". Ngay từ cái nhỏ nhất như chữ ký của cô gái trong biên bản nhận là có móc túi lấy 16.000 đồng cũng phải có, cũng phải đúng thủ tục, những báo cáo của đồn công an gửi lên xin ý kiến, kể cả ý kiến của Viện kiểm sát đã có xem xét phê chuẩn rằng cô gái tuy có sai lầm nhưng được tha, việc tha không phải cô gái dưới tuổi mười tám, mà là vì lòng nhân đạo của pháp luật nhà nước xã hội chủ nghĩa. Rồi ông Phổng trưởng công an Thị cũng phải có hồ sơ được xem xét và được biết tới. Đến ông Vương kiểm tra Đảng ủy, ông Trứ bí thư Thị ủy đều có văn bản trong tay và có ý kiến như viện kiểm sát. Ngay đêm hôm đó ông Đực phó giám đốc bệnh viện thị xã được

mời lên. Có xe đen bốn chỗ ngồi, có máy điều hòa và radio tự động cấp tốc chạy 80 cây số giờ vào tỉnh mời ông Cáng công an pháp y ra phối hợp và thật "ăn ý" với ông Đực ở đây khám nghiệm tử thi chết vì tự tử.

Cũng ngay đêm hôm đó, trưởng công an phường 1 móc túi nạn nhân để xem chứng minh thư, nhưng tìm hoài không có. Lạ thật cô gái này đi đường không mang theo chứng minh thư, đáng trách thật, sống thiếu pháp luật thật. Một lúc xem lại biên bản thì biết cô gái mới mười bảy tuổi. Thế là cấp tốc tìm cho được một thứ giấy gì đó miễn biết được địa chỉ gia đình cô gái. Tìm mãi trong túi áo lót thì thấy tấm thẻ học sinh lớp tám. Thế là lại một chiếc xe đen hiện đại chạy suốt lên Gia Lai Kontum báo cho cha mẹ cô gái biết, và phải chở cho được cha mẹ cô gái xuống xem tử thi con, dù tốn kém bao nhiêu đừng tính tới. Nói chung phải rộng rãi, hào phóng để được cái lớn hơn trong lúc này, để chuyển bại thành thắng, chuyển nguy thành an.

Nói chung mọi kế hoạch dàn dựng, thiết kế đều do bàn tay chủ tịch thị xã Được Thanh Đạo. Đêm ấy, vẫn cái phòng làm việc vị chủ tịch bốn ngọn đèn ống sáu tấc sáng chói, chiếc bàn dài gõ đủ soi thấy mặt, hai chiếc quạt Nhật cánh màu vàng chạy vo vo phát ra ánh sáng làm bốn bức vách nửa dưới ốp gỗ nửa trên ốp gạch men ngoại trong suốt như thủy tinh. Vị chủ tịch ngồi đầu bàn như một thủ lĩnh, hai mắt nhìn soi mói từng người qua hai mắt kiếng gọng vàng, cùng với bộ mặt phẳng lì lạnh như tiền mà trong bộ óc thì đang đầy rẫy suy nghĩ, mưu toan. Từng chập vị chủ tịch nhắc một vấn đề cơ bản "thành phố ta có nhiều việc xảy ra như ruộng đất nhà cửa, đánh người thương tật tàn phế và hành vi giết người, cho nên việc gì, vụ gì giữ kín được thì ra sức giữ, bao được thì bao cho chắc đừng để bục cốt để lui về rút kinh nghiệm trong nội bộ, miễn sao thành phố ta được cái hiền lành, có thành tích". Nếu ai chú ý ở vị chủ tịch thường một câu nói đều có hai lần lặp lại cái tên thành phố nghĩa là ông cố tránh dùng tên gọi thị xã, thị xã nghe sao bé nhỏ, ít ỏi làm ảnh hưởng đến cái chức vụ chủ tịch của mình. Cho nên trong mọi hành vi của ông từ việc xây nhà cơ quan, dựng chợ buôn bán đến đúc tượng đài, giải tỏa nhà dân đều không ngoài để làm mất đi tên gọi thị xã, và thành phố đã thành niềm ước mơ, tham vọng cho đến cùng của ông. Cái tên thành phố nghe lâu thành quen, các ban, ngành, cán bộ viên chức quanh ông, dưới ông nghe mà tưởng thật, cảm thấy oai thật thành phố của một tỉnh. Rồi từ đó cơ cấu một phân hội chuyên ngành cứ nghiễm nhiên thành văn bản thành biển treo Hội này, Hội nọ như ai. Chính công việc đêm nay, chẳng lẽ chỉ vì một cái chết của con bé mười bảy tuổi mà làm mất đi, lu mờ đi cái tham vọng to lớn kia sao? Đêm ấy, đêm tháng mười thật sâu, gió ngoài kia lang thang, biển dưới kia êm dịu tiếng sóng, trên ngọn núi cao trầm tư như nhà hiền triết.

Cũng là lúc trong này phòng họp cây bút nắp mạ vàng vị chủ tịch cắm xuống giữa trang viết chữ lớn để dứt khoát thực hiện phương án cuối cùng.

Đúng 5 giờ sáng ngày hôm sau, cửa đồn công an phường 1 mở hết mấy cánh cửa, tin chuyền đi về cái chết cô gái vì tự tử. Cũng vào 5 giờ sáng đó công an pháp y của tỉnh ra, tử thi đưa từ đồn công an xuống bệnh viện thật sít sao giờ giấc. Vài bà con bên cạnh đồn đi qua đi lại. Bà già bán bắp nấu đặt rổ ngay cửa đồn vừa bán vừa chờ đợi tin đưa về. Nửa tiếng đồng hồ sau tin từ phòng khám tử thi xác định cái chết cô gái mười bảy tuổi tự tử bằng hai ống tay áo thắt cổ bắt đầu lan ra. Bà già bán bắp nấu vừa nghe xong tin liền đứng dậy phủi đít, cắp rổ, nhổ toẹt miếng trầu đang nhai ngọt lưỡi, hai giọt nước mắt ứa ra từ hai con mắt nhập nhèm. Bà thều thào nói một mình:

– Con nhỏ ăn ngon lành từng hột trái bắp nấu thì làm sao mà tự mình xé tay áo để thắt cổ mình được. Có đời thuở nào như vậy? Tôi không tin. Con nhỏ này nhất định là chết oan.

Tử thi vẫn để trong phòng khám đắp vải trắng để đợi người nhà xuống chứng kiến. Gần một tiếng đồng hồ sau chiếc xe con chở ông Linh Ất từ Kontum về. Xe không xuống ngay bệnh viện mà đậu trước ủy ban Thị. Người dân thị xã lần đầu tiên thấy ông Được Thanh Đạo từ phòng làm việc đi ra xuống cầu thang và ra khỏi cổng đón một người dân mặc áo vải màu xanh. Người nông dân có tuổi thấy người sang trọng, có chức quyền thì e ngại, nói gì cũng lúng túng không thành lời, hai tay cứ chắp trước ngực. Vị chủ tịch tóc quăn làn sóng, mắt nhìn ông trợn ngược, mặt lạnh như tiền càng làm cho ông Linh Ất tỏ ra sợ sệt.

Đứng một chút ở ngoài xe ông Đạo nói qua loa cho ông Linh Ất biết con gái ông thắt cổ tự tử nhưng chính quyền thị xã vẫn lo sắm đầy đủ và sẽ cho xe đưa về tận quê chôn cất tử tế. Nếu gia đình thấy cần giúp đỡ trong việc cúng giỗ thì chính quyền sẵn sàng trợ cấp miễn sao gia đình an tâm nhận lấy cái xấu số của con mình. Ông Linh Ất chưa biết sao, miệng cứ dạ dạ, trong bụng thì mong được thấy mặt con.

Chiếc xe tiếp tục lăn bánh xuống bệnh viện, ngồi trong xe nước mắt của người cha cứ chảy thầm xuống má. Ông Linh Ất đi theo chân một công an đến chỗ phòng con gái nằm. Đứng bên con, người ta chưa cho ông thấy mặt con mà phải nghe một anh công an đọc bản kết luận sau khi làm công việc khám tử thi nạn nhân, cái chết của nạn nhân là tự mình xé hai ống tay áo rồi tự mình thắt cổ. Nạn nhân chết trong một phòng khách cơ quan công an. Nạn nhân chết vào thời gian từ 22 giờ 30 đến 23 giờ 30. Cơ quan chức năng phát hiện sau 30 phút nhưng không cứu vãn được. Trong thân thể nạn nhân không một vết tích cào xước trừ xung quanh vòng cổ có lằn dây thắt chặt nhiều vòng. Ngày, tháng, năm kết luận. Người khám kết luận, ký tên Ng. Cảng công an

pháp y tỉnh. Nghe xong ông Linh Ất như đang nghe rõ tiếng của mình đang gọi thầm tận bên trong "sao con lại tự tử như vậy, hở con?" Tay ông cũng không được lật ra tấm vải trắng phủ mà một bàn tay khác kéo một góc vải để ông vừa thấy lằn dây còn hằn đỏ vòng cổ con gái ông. Sau đó, ông dừng lại rất lâu khuôn mặt con, một khuôn mặt bầu bầu hiền lành, mũi thẳng, trán cao dồ hơi bướng bỉnh một chút. Một chút yên lặng, rồi tiếng khóc nấc từ trong ông bật ra, nước mắt ràn rụa làm hai mắt ông nhìn cứ nhập nhòa, ông loáng thoáng nhớ những gì về đứa con gái út.

Tên Sao, Linh Thị Sao được đặt năm nó học lớp bốn. Trước đó tên thật nó là Huyền. Ở cao nguyên tên con gái thường lấy tên Huyền vì cái tên duyên dáng và đẹp. Đến năm lớp bốn đứa con gái ông không chịu cái tên Huyền, Linh Thị Huyền, vì nó cho nó không đẹp, không duyên mà mang cái tên ấy nó mắc cở. Có một lần nó đọc ở đâu một chuyện cổ tích miền núi về con hưu sao hiền lành, liền bắt cha cúng một mâm chè nếp để đổi tên: Linh Thị Huyền thành Linh Thị Sao. Cái tên Sao rất hợp với tính hiền lành và thật thà của nó. Sao học không khá, nhiều môn học không đạt trung bình, nhưng môn đạo đức luôn luôn đạt điểm mười. Năm học lớp năm, đi học về giữa đường lượm được một cái bóp cất thật kỹ trong cặp, sáng hôm sau đi học đem nộp cho văn phòng nhà trường. Trong bóp không có tiền nhưng có nhiều giấy tờ quan trọng của cá nhân. Năm học lớp sáu vào cuối học kỳ, trên đường đến trường gặp một bà già lú lẫn quên nhà ở tìm không ra, Sao phải dắt tay bà đi tìm gần hết cả buổi. Đến khi về trường thì môn thi văn cũng hết giờ. Trường định xét kỷ luật, vậy mà Sao cũng không nói lý do mình vắng mặt. May có người nhà bà cụ tìm đến trường để cảm ơn Sao, chừng ấy nhà trường mới biết. Năm học lớp bảy cứu sống một em bé sắp chết đuối quãng suối nước chảy mạnh. Năm ấy sở giáo dục cấp giấy khen Sao. Một phóng viên báo địa phương hỏi Sao lúc bơi xuống nước cứu em bé em có sợ chết không? Sao trả lời lúc ấy chỉ sợ em bé chết thôi, khi cứu em bé xong thì nhìn dòng suối em rất sợ chết. Vậy mà bây giờ con đã chết vì tự tử sao? Ông Linh Ất đau đớn càng thương con. Trước đây con không có tính tham, chẳng lẽ con lại lấy của người ta 16.000 đồng để rồi đi đến tự tử sao. Ông Linh Ất vừa thương con vừa giận con dại dột.

Mới cách đây bốn hôm nghe tin cô nó bệnh, nó thương cô xin cha mẹ một chuyến về Sông Cửu thăm cô. Tiền nó trồng rau, nuôi gà để dành cũng đủ chuyến đi. Nó năn nỉ, cha mẹ thương đành cho đi. Nếu nó không đi thì không dẫn đến nông nỗi này. Hai năm không đi học nữa về giúp đỡ cha mẹ vì lòng hiếu thảo, và biết làm lụng lao động tưởng nó sẽ nên người. Nó cũng đi đôi lần rồi, có sao đâu. Vậy mà chuyến này lại dẫn đến cái chết? Con chết, trong túi con còn thừa tiền ra với cô kia mà, 16.000 đồng kia đáng là bao. Con chết

vì dại dột, hay con chết vì oan ức? Đứng trước con đang nằm đây mà lòng dạ ông Linh Ất rối bời bời. Chính quyền người ta nói như vậy thì hay vậy, hơn nữa người ta tốt với mình, lo sắm tất cả thì tin ở người ta chớ. Thôi thì cứ coi như không còn con nữa, cái số con là vậy. Con không chịu ở với cha mẹ, để ra ở với đất thì chịu vậy, chớ biết làm sao?

Ông Linh Ất còn đang đau xót, nuối tiếc thì ông phó giám đốc bệnh viện dẫn vào một người đàn bà mặc bộ đồ bệnh viện để giới thiệu cho ông biết người này làm công việc tắm rửa, tẩm liệm cho đứa con gái ông đây. Ông Linh Ất chắp hai tay cảm ơn người đàn bà như người làm ơn cho gia đình ông. Còn người đàn bà kia chắc là qua cái tuổi ba mươi, nhưng sao hai mắt đờ đẫn, hai con mắt không nhìn vào một cái gì, không nhìn vào một người nào. Thảng hoặc nhìn một chút thôi miệng cười không ra cười, khóc không ra khóc. Miệng lảm nhảm không thành lời, thỉnh thoảng tự dưng ngồi sụp xuống để tìm một cái gì ở dưới chân mình, hay chân của người khác, rồi mười ngón tay cào cào xuống nền gạch, mười ngón tay cào mỏi lại được giơ lên, để vào mũi ngửi. Mỗi lần mười ngón tay giơ lên người ta thấy rõ đầu mười ngón tay như xơ tước ra, bè bè như đầu chiếc đũa bếp. Người trong bệnh viện nói, người đàn bà chỉ có một công việc tắm rửa cho người chết và ôm người chết đặt vào quan tài. Nhưng có một điều là tắm tửa từng ngón tay, ngón chân cho đến những bộ phận kín của người chết nhưng người đàn bà đó không hề biết đó là cái gì. Có lúc thật ngớ ngẩn đến rợn người là sờ nắn rồi ôm gọn người chết vào hai tay, người đàn bà bỗng cười sặc sụa, rồi sau đó im thin thít, tỉnh bơ.

Người đàn bà đó tên thường gọi là Tư Điên. Chị điên từ lúc lọt lòng cho đến lớn. Cha mẹ chị kể lại, lúc bồng trên tay con Điên khóc, đặt xuống nằm nó cười, cười sặc sụa, cười chảy nước mũi, nước mắt. Còn lúc ngủ con điên nhe răng như răng chó. Đến cái tuổi 25, 26 chị Điên đột ngột tỉnh hẳn, lầm lì ít nói tóc để dài ra, cuốn thành trái ngoài bọc lưới màu xanh trông xinh ra. Có người chú làm ở bệnh viện xin vào làm hộ lý, làm lao công cho khoa thần kinh. Chị Điên làm tận tụy, hết lòng, bệnh nhân ai cũng mến, cũng thương. Có bao lần bệnh viện định bầu chị là chiến sĩ thi đua, nhưng rồi nghĩ lại sao lại bầu người điên làm chiến sĩ thi đua. Thế là thôi.

Một hôm trong chị em xầm xì hình như bụng chị Tư Điên to ra. Sau đó bụng chị to thật. Đến tháng thứ tư lãnh đạo bệnh viện khẳng định chị Tư mang bầu. Lãnh đạo đem chị ra kiểm điểm và buộc chị khai ra tằng tịu với ai. Cuối cùng chị chỉ phòng cán bộ lãnh đạo bệnh nhân thần kinh. Hỏi ai phải chỉ đích danh. Chị Tư đến từng giường để nhận mặt, nhưng ông nào cũng chối đây đẩy. Vì trong tối, trong lén ai cũng có chấm mút nên cuối cùng chị Tư thất lý. Đến ngày chị Tư sanh, thằng nhỏ đến tháng thứ hai, ở một mình

nhà sau bệnh viện không ai biết, chị lấy lá chuối bọc kín con rồi đem chôn sống. Chị em biết được đào lên thì thằng nhỏ con chị chết rồi. Chị Tư bắt đầu điên lại từ đó. Ban lãnh đạo cũng từ đó chuyển chị Tư ra làm công việc tắm rửa, tẩm liệm người chết. Nhưng không phải người chết nào cũng để chị Tư làm đâu. Đấy là những ca thật đặc biệt của bệnh viện thì mới để chị Tư làm, chị làm để rồi chị không biết gì.

Chính ca này, ông Đực phó giám đốc trực tiếp cầm tay chị dẫn vào đứng trước người đang đắp vải trắng, đứng trước thân nhân người chết. Chính chị đứng đó mà không hay biết gì. Và sau đó chị bồng xác người chết trong tay chị nhe hai hàm răng cười không ra tiếng.



Ba tháng sau cái chết cô gái mười bảy tuổi, thư của 27 cán bộ hưu trí thay mặt bà con phường 1,2,3,4 gửi văn phòng Quốc hội khiếu tố về một cái chết không rõ ràng. Một tháng sau đó đơn của Nguyên Xuân Lân cán bộ Thị Đoàn thay mặt nhân dân bốn phường kiến nghị gửi Bộ chính trị, gởi Bộ Nội vụ nêu rõ vụ cô gái chết vì thắt cổ có nhiều hiện tượng khả nghi, dư luận cho rằng "dù che cái cán" bưng bít sự thật. Thiết nghĩ, dùng bưng bít thế nào cũng không thể che đậy con mắt tinh tường của quần chúng nhân dân. Sự thật sẽ là sự thật. Tiếp sau đó nhiều đơn, nhiều khiếu nại của chủ tịch phường, của thầy cô giáo các trường cơ sở, trung học gửi chủ tịch tỉnh, viện kiểm sát tối cao vạch rõ sự dối trá, mị dân, lộng hành, đánh người tàn phế, giết người vô tội vạ. Nhiều đơn đòi cấp trên về điều tra cái chết cô gái Linh Thị Sao mà bọn tội phạm được cấp trên bảo vệ, cần phải lôi chúng ra ánh sáng, ra trước pháp luật. Không còn gì nghi ngờ nữa, đã đến lúc và ngay bây giờ phải công khai bọn tội phạm trước công luận...

Chủ tịch Được Thanh Đạo và tay chân ông đánh hơi được có phản ứng về mấy "cha nội" về hưu và trong giáo dục học đường liền chỉ thị cho công an đi dò xét. Đến khi có đơn khiếu tố từ cơ quan cấp trung ương gửi trả về cho tỉnh xem xét, rồi cơ quan cấp tỉnh gửi trả về cho cấp thị xã giải quyết trả lời cho nhân dân thông suốt, chính quyền thị xã làm công việc truy chữ, dò người xem ai mà dám già gan bạo phổi chống lại "nhà nước" như vậy. Tiếp đó tổng biên tập tờ báo tỉnh, người của thị xã, tức tốc cho hai phóng viên thân cận của mình ra đứng bên cạnh ông Đạo có gì đưa tin tức ngay và làm thầy dùi cho thị xã.

Sau một thời gian biết được ai gửi khiếu tố đi, cùng lúc kịp thời bài báo của hai phóng viên ăn dầm nằm dề ở đây đã được ông tổng biên tập dàn dựng được lên trang lấy tên "Sự thật sẽ là sự thật" theo lối chơi chữ để đập lại một câu trong tờ khiếu tố của ông Nguyễn Xuân Lân, lập tức hội đồng nhân dân triệu tập họp bất thường kiến nghị truy tố những người làm đơn nhằm vu

khống, làm mất uy tín chính quyền. Bản kiến nghị được đài truyền thanh thị xã phát đi ra rả trên khắp ngã, khắp đường. Thế là vấn đề cái chết cô gái mười bảy tuổi tại công an phường 1 lại cộm lên, bà con được dịp bàn, được dịp nghe. Nhiều thắc mắc, nhiều băn khoăn, nhiều câu hỏi khắp trong thị xã đặt ra tới tai chính quyền. Nào là, tại sao công an bắt giữ cô gái trong khi người đánh rơi tiền đã lấy lại? Nào là, tại sao cô gái lại tự tử, cô gái thẳng thắn ngay từ đầu là cô lượm tiền nếu xin lại cô cho, cái thẳng thắn, rõ ràng thì không thể nào cô gái tự làm chết mình? Nào là, một cô gái mười bảy tuổi không thể có một thái độ bình tĩnh đến mức thanh thản để làm một việc xé hai ống tay áo, rồi tước từng sợi, rồi se lại thành cuộn, rồi buộc vào cổ mình... Thư bà con thắc mắc gửi đi nhưng báo tỉnh cứ im lặng xếp xó, còn thư trả lời thư thanh minh của đồn công an thì báo cho đăng liên tục.

Lâu dần, bà con trong thị xã cũng nản, người làm đơn khiếu tố cũng ngại, người chết nằm trong đất cũng đã lặng yên. Nhất là mọi người, dư luận đang chờ một lời, một lời thôi gia đình của cô gái đòi xem xét, đòi truy cứu thì vấn đề sẽ trở thành dông bão, sấm sét. Nhưng đằng này họ vẫn im như tờ. Người chết không còn nói được đã im, người sống cũng im luôn. Có người biết được sự thể nội tình thì nói một cách bất lực buông xuôi:

– Tiền chính quyền thị xã lo may sắm, quan tài, chôn cất, xe đưa xuống, đưa lên, phái người đi phúng điếu họ không im sao được. Cha cô gái đã chết, trước khi trở về, trong tay cất một nắm bạc mới tinh, cất vào túi gọn ơ, không im sao được. Thôi, đằng nào con mình cũng chết rồi. Nếu sau này cô gái chết thì sẽ không bằng cái đám tang này, đám tang có chính quyền lo hết, chịu hết, không im sao được chứ?

Thế là im thật. Im như cái chết của cô gái mười bảy tuổi Linh Thị Sao.

Một năm sau, mộ cô gái chôn trên đất quê vẫn không xanh cỏ, trong khi mộ người khác chôn bên cạnh cỏ lại xanh um như vào cữ tháng giêng. Ở dưới này, nơi đất cô gái chết, bà con vẫn thầm thì chuyền nhau "tội nghiệp nỗi oan của cô gái". Trong những điều thầm thì là lời của bà già bán bắp nấu. Lời ấy một chuyền mười, mười chuyền trăm, trăm chuyền ngàn như là lời kinh, lời sấm: "Con bé đó làm sao tự nó chết được. Nó ăn từng hột của trái bắp tui, nó vừa nhai ăn nhẩn nha ngon lành, hai mắt nó tròn to sáng lóng lánh. Con bé trả tiền trái bắp còn cho thêm tiền để bà ăn trầu ăn cau. Hơn bảy mươi tuổi tui đã thấy nhiều người, biết nhiều người trước khi tự mình làm mình chết. Tui cũng biết cả cái chết của họ sắp sẵn. Cái ăn của cô gái, nhìn vào hai mắt của cô gái tui biết cô gái rất thực thà, rất sợ sệt, nhất là sợ chết. Đứng với tui chỉ một chút mà cô gái hai lần vén ống tay áo để cho bà thấy hai cánh tay tròn trắng rất dễ thương. Vậy thì làm sao con bé ấy dám xé hai ống tay áo để thắt cổ mình. Tui không tin con bé chết như vậy".

Lời bà già bán bắp nấu đến tai chính quyền và đúng vào dịp hơn mười ngày nữa ngành công an thị xã nhận huân chương phong tặng đơn vị anh hùng. Huân chương anh hùng của ngành mà cũng là vinh dự của cả thị xã, nó càng chứng minh ban ngành thị xã có bề thế và tầm cỡ thành phố. Ông chủ tịch Được Thanh Đạo cảm thấy thực sự nở mặt nở mày, cái máu "vua con" của ông càng không phải là ảo tưởng. Ông vốn là kiến trúc sư, rồi làm thư ký cho cơ quan tỉnh, biết thêm thắt, biết thiết kế lại có máu mê gái làm công tác truyền hình nên có óc tưởng tượng hơn ai hết. Ông quyết định trong buổi lễ nhận huân chương ông sẽ trực tiếp trao cho ngành công an dưới sự lãnh đạo của ông sao cho ngon, trong sáng, không tai tiếng gì. Muốn thế, trước ngày nhận phải có một ngày họp do hội đồng nhân dân thị triệu tập, đủ ban ngành dự, đủ cả những người một năm trước đây có liên quan, có nhiệm vụ trong việc cô gái Linh Thị Sao, kể cả anh tài xế xe số 4623–158, cô Hương cửa hàng trưởng thị trấn Sông Cửu, ông Linh Ất cha của cô gái, v.v... đều được mời về hết, để nghe họ phát biểu. Chỉ có cách đó mới giải tỏa những gì lâu nay bà con to nhỏ, thầm thì. Và trước một ngày cuộc họp rộng lớn mở ra theo ý đồ ông chủ tịch thì bà già bán bắp nấu được mời về đồn công an phường 1.

Ngày ấy vào đúng tiết đông, trời không mưa nhưng ảm đạm. Cái lạnh không buốt mà gai gai, tê tê ở mấy khớp xương. Thị xã không nắng nhưng biểu ngữ đỏ, biển treo trắng, panô áp phích xanh vàng làm nổi rõ những hàng chữ nét to, cứng cáp để cổ động nhân dân chuẩn bị đón mừng huân chương anh hùng cho ngành công an thị xã, là sáng trưng ấm áp. Trong kia hội trường ủy ban cờ xí thấp thoáng, bóng người đi lại nhộn nhịp, mấy đoàn thiếu nhi trống ếch, khăn quàng kéo đến chào mừng đại biểu tạo nên không khí tươi vui, thoải mái.

Đứng từ xa nhìn vào cơ quan như một khối hộp vuông khổng lồ màu trắng. Khối hộp đó được đặt trên các nóc phố cũ kỹ, dã dượi màu xanh rêu, và những trường lớp lèo tèo èo uột. Đứng từ dưới nhìn lên cái khối hộp vuông như một bức trường thành, thẳng băng, sừng sững. Trẻ nhìn gần muốn trật cổ, hốt hoảng, ông bà già cả nhìn muốn lóa mắt bởi cái bóng muốn chụp xuống mình. Nhưng ai đó khi đặt chân lên những tam cấp, tay vịn thang có ốp nệm nhung đỏ cảm thấy mình sang trọng, quí phái. Ngồi trong phòng họp nhà ủy ban người ta cảm thấy lâng lâng, nhẹ nhõm. Hơn nữa, đây là cuộc họp được đặt trong nhà "hộp" càng có tầm quan trọng biết nhường nào.

Sau thể thức nghi lễ, chủ tịch Được Thanh Đạo thay mặt chính quyền thị xã nhìn nhận những thành tích trị an của ngành những năm trở lại đây đáng mừng đáng phấn khởi. Tuy nhiên một vài vụ việc xét xử bà con thị xã mình chưa biết đến điều ấy cần phải làm sáng tỏ để bà con hiểu thêm. Sau đó đồng

chí trưởng công an Thị nêu lên vụ cô gái Linh Thị Sao, để kết luận đây là một thành tích của ngành đồng chí trực tiếp mời từng người phát biểu cảm tưởng. Tiếp theo anh Văn tài xế, chị Sáu Hương cửa hàng trưởng, trưởng công an phường 1, ông Vẫn kiểm sát thị, ông Thụy tòa án thị, ông Cảng công an pháp y và cuối cùng ông Linh Ất đều phát biểu ngắn gọn không ngoài tỏ lòng cảm ơn, thấu lý đạt tình trong việc giải quyết cái chết tự tử của cô gái. Khi các đại biểu phát biểu, những ống kính ảnh, truyền hình tỉnh được mời ra lăng xăng làm việc để kịp ra mắt bạn đọc với hai trang báo lớn và chương trình phát hình tối thứ bảy tới của tỉnh.

Tiếp đó ông Đạo thay mặt chủ tịch đoàn, thay mặt hội đồng nhân dân đứng lên phát biểu kết thúc để rồi chuyển sang chương trình văn nghệ và liên hoan mặn. Ông Đạo nói, chỉ một vụ việc năm vừa qua cũng đủ đánh giá sự to lớn của thành tích ngành công an. Vậy mà không phải không có điều xì xào bàn tán chưa tin vào thành tích ngành trị an, đáng buồn cười hơn sự xì xào đó được phát ra từ một bà già lẩm cẩm. Hôm nay trong hội nghị này chính quyền có mời bà già ấy lên nói lại để chúng ta về đính chính trong bà con. Từ phía sau cánh gà màu xanh, một công an dắt tay bà già đứng giữa sân khấu. Bà già bán bắp nấu ăn mặc sạch sẽ hình như bà run sợ nên đi chậm chạp không vững. Hai tay bà run lập cập, lấy tay che mắt không dám nhìn xuống các đại biểu. Ông Phổng trưởng công an thị nhắc bà đừng có ngại gì, trước đây bà hiểu không đúng thì bây giờ bà nói đúng cho hội nghị nghe. Độ một lát, bà già hỏi:

– Chớ các ông bảo tôi nói cho đúng việc gì?

Ông Phổng ngồi trên ghế chủ tịch nói xuống:

– Việc cô gái chết vì tự tử đó.

Bà già bán bắp nấu như nhớ ra, bà ờ ờ... Thế là mấy cái ống micrô châu lại trước bà già. Bà già nói phều phào nhưng không thiếu một chữ những gì bà nói trước đây: "Con bé đó làm sao tự nó chết được. Nó ăn từng hột của trái bắp tôi nấu bán, nó vừa nhai ăn nhẩn nha ngon lành, hai mắt nó tròn vo lóng lánh. Con bé trả tiền trái bắp còn cho thêm tiền để bà ăn trầu ăn cau... Tui không tin con bé ấy chết như vậy". Bà già cứ nói, tiếng la ó nổi lên. Mấy anh công an từ dưới, chạy lên, lấy tay che miệng bà già. Trong khi ấy nhiều đại biểu lại phân vân không hiểu sao có những điều thật trịnh trọng của giấy tờ thì người ta nghi ngờ, còn những lời mộc mạc, đơn sơ giống như của bà già bán bắp nấu này thì người ta nhận ra, người ta tin, như tin vào những điều của sấm.

Giữa lúc tiếng quát nạt bảo bà già thôi không nói, và người ta đang xô đang dắt bà già đi vào thì ngoài cửa hội trường một người mặc quần áo trắng

đầu đội chiếc nón trắng thả dài hai tua vải chấm xuống đất đi thẳng vào. Cả hội trường chưa kịp hiểu gì thì có nhiều tiếng ở phía dưới kêu to lên:

– Trời ơi, chị Tư Điên.

– Chị Tư Điên ở bệnh viện.

Đúng là chị Tư Điên. Nhưng sao hôm nay chị chững chạc, đàng hoàng, dáng đi, dáng đứng chắc chắn, vững chãi. Chị trong bộ đồ trắng như không thật, như không phải người. Tất cả người trong hội trường như đang trong chiêm bao. Chị Tư Điên bước lên sân khấu đến bên bà già hỏi:

– Bà còn nhớ cháu không, cháu ăn trái bắp nấu của bà đó. Bà ơi, bà nói đúng, con không phải chết như vậy, bà ơi...

Chị Tư Điên đi trở xuống đến chỗ ngồi anh tài xế Văn có bộ ria mép:

– Anh nói anh làm chứng, nhưng sao anh nói dối về tôi?

Chị đi lại chỗ Sáu Hương đang ngồi hàng ghế thứ ba:

– Tiền cô làm rơi, sao cô lại vu vạ cho tôi?

Chị Tư Điên lại hàng ghế đầu chỗ đồng chí công an ngồi:

– Sao ông lại xử hiếp tôi để bênh người có tiền có của?

Bỗng ba anh công an ngồi kế đó định đứng dậy, chị Tư Điên đi nhanh lại nhìn thẳng:

– Sao các người lại hành hạ tôi, giở trò với tôi rồi thắt cổ tôi?

Ông Cảng ngồi ghế hàng bên kia đã nhấp nhổm, chị Tư vừa đi vừa nói rồi đứng ngay trước mặt:

– Ông biết trong mình tôi bao nhiêu vết thương. Trời ơi, tôi bể bọng đái, tôi bị cưỡng dâm, vậy mà ông bảo tôi chỉ có vết tích tự tử? Vì sao? Vì sao?

Chị Tư Điên đi đến chỗ ông Linh Ất ngồi. Hai tay chị đưa ra, giọng thiết tha đau đớn:

– Cha ơi, có nhận ra con không? Họ giết con, sao cha không thương con, hở cha?

Nói xong, chị Tư Điên rời ông Linh Ất đi lên đứng trước những dãy ghế ngồi, giọng thật trầm tĩnh, mắt nhìn soi vào từng người, rồi nhìn lên thật lâu dãy ghế đoàn chủ tịch ngồi:

– Các người biết không, một năm nay tôi không nhắm mắt, cỏ mộ tôi không xanh. Nay tôi lên để nói cho các ông biết, một con bé như tôi không phải chết như vậy. Các ông tàn ác và giả dối.

Chị Tư Điên nói xong, đứng ngay tại chỗ, hai tay chậm rãi, từ tốn mở từng chiếc nút, cởi chiếc áo trắng ra, tháo chiếc nón đội trên đầu xuống, chị xếp thật gọn đặt bên chân mình. Chị Tư lảo đảo ngồi xuống, rồi bỗng hai mắt trở

lại đờ dại, nhìn vào ai chị cười không ra cười, khóc không ra khóc, cả khuôn mặt ngây ngô hiện ra.

Một hồi lâu cả hội trường im phăng phắc, không một tiếng động nhẹ. Chị Tư Điên ngây dại còn ngồi đó, không một ai dám bước tới. Đến khi chị Tư loạng choạng đứng dậy, hai tay huơ huơ, hai hàm răng nhe ra cũng không hẳn cười, rồi lững thững ra cửa, chừng ấy có nhiều người bật thành tiếng:

– Người đội mồ.

Tiếp đó cả hội trường chuyển đi một cách bất ngờ không ai bảo ai.

– Người đội mồ...

– Người đội mồ...

Ông Linh Ất từ dưới đứng dậy đi lên chỗ chị Tư Điên đứng khi nãy, ông cúi xuống, hai tay ôm bộ đồ trắng được xếp gọn rồi trở ra cửa, nước mắt ông ướt hết khuôn mặt nhăn nheo, sạm nắng. Tiếp theo ông, cả hội trường im lặng đi xếp hàng ra cửa.

Họ im lặng không nói vì mọi sự việc đã rõ ràng, vì tiếng nói của người chết đã công bằng và sự thật hơn cả. Ai cũng nghĩ, sau tiếng nói người đội mồ là pháp luật.

Ngày hôm sau ông Linh Ất trở lại thị xã. Vừa vào đến cửa Viện kiểm sát ông nói ngay:

– Cỏ trên mộ con gái tôi lên xanh rồi.

**Tháng 3 năm 1989**

**(rút nguyên văn trong tập phóng sự *"Tiếng kêu của con chim Gõ Kiến"* do Hội văn học nghệ thuật tỉnh Phú Khánh phát hành năm 1989).**

# dòng thơ từ phía khác



*Hoàng Sử Mai*

Một ngàn chín trăm bảy mươi lăm, một biến động lớn trong lịch sử Việt Nam: đất nước thống nhất. Hai mươi mốt năm chiến tranh tương tàn đẫm máu, kiệt quệ đã chấm dứt với sự đại thắng của miền Bắc. Những cách biệt của hai miền bằng thù hận và máu xương đã san bằng, hay rõ hơn, nghiêng về một phiá. "Cơ hội ngàn năm" này tưởng như sẽ đến với hoà bình và phát triển đất nước.

Tinh thần "tất cả cho tiền tuyến" trong đời sống miền Bắc bây giờ trùng xuống. Những hồ hởi ban đầu sau khi những lá cờ cộng sản cắm trên dinh Độc Lập bắt đầu lắng dịu, những khác biệt xã hội bấy lâu của hai miền giờ đây có dịp va chạm. Cùng một ngôn ngữ, cùng một màu da, cùng một lịch sử, mà chỉ trong 21 năm đã đi hẳn hai chiều khác biệt. Anh em trong một nhà nhiều khi cũng ở hai phe đối nghịch. Những khác biệt về chính trị đã đành. Những khoảng cách về kinh tế và xã hội đã đành. Nhưng trong văn hoá, khoảng cách còn xa biệt đến độ kẻ chiến thắng cũng không thể dung túng được văn hoá người chiến bại.

Những người lãnh đạo ở miền Nam về mặt chính trị, quân sự hay văn hoá hầu hết đều chạy trốn ra nước ngoài hay bị vô hiệu hoá trong các trại học tập. Sách vở hai mươi mốt năm dưới thời "Mỹ Ngụy" đều bị tịch thu hay đốt bỏ. Trong lịch sử dân tộc, chỉ có thời Trương Phụ đem quân đánh nước ta vào đầu thế kỷ 15, thì tên tướng giặc này đã theo lệnh thiên triều nhà Minh đi đến đâu phải ngay lập tức đốt hết sách vở của người Việt Nam đến đó. Cả một nền văn hóa thời thịnh trị nhất của lịch sử bị hủy hoại không thương xót, hậu qủa lâu dài là hầu như dân tộc không còn cơ hội khôi phục sinh lực lại như thời Lý Trần. Mặc dù không thể so sánh hai mươi mốt năm văn học của

miền Nam với thời đại Lý Trần, nhưng bất cứ lý do nào, sự tàn hại văn hoá là một tội ác lịch sử. Phải đọc lại Bình Ngô Đại Cáo mới hiểu những thâm hiểm của sự tàn phá văn hoá. Văn học xã hội chủ nghĩa tràn xuống, một mình một chợ, kè kè với những quyền uy chính trị.

Nhưng nền văn học này, bấy lâu vẫn căng thẳng trong tình trạng chiến tranh, xưng tụng, đếm xác thù, vượt chỉ tiêu sản xuất một cách quá đỗi giản đơn, sau năm 1975 cũng bắt đầu có những biến thái. Nó như một sợi giây căng lâu ngày không thể và không còn lý do gì để tiếp tục được nữa. Một thực tế xã hội đã hoàn toàn khác với thơ phú bấy lâu nay.

Đoạn đường 21 năm văn học miền Bắc đã bắt đầu xa lánh dần chức năng công dân, để có những cố gắng tìm tòi trở về với những chức năng tự nhiên của nó: phản ánh những thực tại xã hội. Những thời gian đầu, không khí chiến thắng bay cao, trong nỗi mừng tủi và không kém phần hãnh diện, đã xuất hiện hàng loạt những bài ca ngợi đại thắng. Cũng lại nhắc nhớ đến hình ảnh thời đại Hồ Chí Minh mà thiếu Bác Hồ. "Như có Bác trong ngày vui đại thắng", đã trở nên khẩu hiệu quen thuộc của một thời. Những hồ hởi lắng xuống, những thực trạng và khó khăn bắt đầu tràn lên. Nếu bảo miền Nam là một vùng đất thuộc địa của thực dân mới với những phồn hoa giả tạo, thì những cặn bã dư thừa của Mỹ Ngụy cũng làm mọi người cán bộ ngạc nhiên. Một chiếc đồng hồ, đài phát thanh đem về Bắc sẽ trở thành niềm hãnh diện lớn lao với láng giềng. Một chiếc xe gắn máy làm chiến lợi phẩm đem về tưởng như đang bay trên đường bay Hà Nội. Những người ở miền Nam, dù là phục vụ dưới chế độ cũ, không phải ai cũng làm tay sai và xấu xa cả. Có những điều khang khác với bộ máy tuyên truyền bấy lâu nay.

Sau khi chiến thắng và dẹp xong tàn dư Mỹ Ngụy, đảng bắt đầu có sự tự tin chính trị. Không còn phải hầm hè đe dọa đội ngũ sáng tác bằng những biện pháp kiểm soát gắt gao nữa.

Ở các nước cộng sản, nói chung các bộ môn văn học được chú trọng một cách khá khác thường, đặc biệt là kịch và thơ. Không được tự do sáng tác, những nghệ sĩ luôn luôn phải đối đầu với một bộ máy kiểm soát khổng lồ. Kịch có thể đến với khán giả dễ dàng, và những người trình diễn ở từng hôm trên sân khấu, với điệu bộ và một vài chữ thêm bớt trong một câu nói, có thể làm ý nghĩa đổi thay. Ở bộ môn thơ, là một đội ngũ vô cùng đông đảo những người sáng tác. Trong một xã hội luôn luôn thiếu thốn về cả vật chất lẫn tinh thần, có qúa nhiều người muốn nói bằng thơ. Thơ, bản chất tự nhiên của nó là những cảm xúc cô đọng, lơ lửng, mà người đọc cũng có thể tham dự vào chính những bầu trời mở ra đó một cách dễ dàng.

Ngay sau năm 1975, một cuộc thi thơ do tuần báo Văn Nghệ ở Hà Nội tổ

chức, đã có 13 ngàn bài thơ gởi tới. 13 ngàn nỗi lòng bay lên bằng thơ. Đa số là thơ tình.

Thơ tình là một hiện tượng phổ biến ở Việt Nam từ năm 1975. Toàn là tình. Những người trước đây vào làng thơ bằng thơ sản xuất và thơ chiến đấu cũng trở lại với thơ tình. Những người mới làm thơ sau này, càng dễ chịu hơn, cũng bắt đầu bằng thơ tình. Những người trước đây làm thơ tình mà không dám phổ biến bây giờ cũng lôi ra in lại. Thơ tình, bây giờ là con đường ngắn nhất rời bỏ tinh thần tập thể để trở lại với cái tôi bình thường. Thực sự, thơ tình vốn là một đề tài vô tận có từ thời thi ca nguyên thủy. Tình yêu, vẫn là đề tài gần nhất, dễ nói nhất, như một nhà văn Nam Mỹ đã từng có lần nói, nó là bản năng mạnh mẽ của con người để chống trả cái chết.

Một bài thơ tình của Tế Hanh, làm năm 1957, trong thời Nhân Văn Giai Phẩm, đã trở lại xuất hiện, làm dịu lại cả một nền thơ bấy lâu. Bài thơ này đã được phổ biến tại hải ngoại, nhưng hiểu lầm dưới cái tên của một tác giả khác. Bài thơ nhan đề "Vườn Xưa":

*Mảnh vườn xưa cây mỗi ngày mỗi xanh*
*Bà mẹ già tóc mỗi ngày mỗi bạc*
*Hai ta ở hai đầu công tác*
*Có bao giờ cùng trở lại vườn xưa?*

*Hai ta như ngày nắng tránh ngày mưa*
*Như mặt trăng mặt trời cách trở*
*Như sao hôm sao mai không cùng ở*
*Có bao giờ cùng trở lại vườn xưa?*

Trong bản cáo trạng buộc tội nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, có một cái tên không nổi tiếng nhưng vẫn nằm trong số hơn ba mươi người bị nêu đích danh là phần tử chống đối: Hoàng Yến. Năm 1962, cũng phải lén làm thơ tình, để hai mươi bảy năm sau mới in lại trên báo Văn Nghệ, trong bài "Ngõ Hẹn":

*Thần ái tình chết từ đầu thế kỷ*
*Lứa đôi nay không thề bóng trăng xưa*
*Tính chung thủy là món hàng xa xỉ*
*Sao ngõ hẹn một đời anh vẫn đứng đợi mưa.*

Ở những thành phần sáng tác mới, hầu hết là thơ tình. Tình và tình. Giải thưởng văn học của thành phố Hồ Chí Minh năm 1976–77 là thơ tình. Tác giả là Bùi Chí Vinh, sinh năm 1954, sau này có in một tập thơ nhan đề "Thơ Tình Bùi Chí Vinh". Cả tập thơ, toàn những cô bé, ái tình, con gái, em em, anh anh, tình yêu náo loạn từ đầu đến cuối. Tất cả sáu mươi bài thơ tình. Bài thơ đầu là một tập họp, "Điểm Danh":

*Bích ơi, Dung ơi, Thảo ơi*
*Phương ạ, Giang ạ, Kim ạ*
*Các em có mặt như những điếu thuốc lá*
*Để vành môi anh thở ra sương mù*
*Các em trèo vào đời anh như những chiếc ghế đu*
*Để đôi tay anh trở thành vườn trẻ*
...

Những năm liên tiếp sau khi thống nhất đất nước, đảng đã nhiều lần muốn bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mỹ nhưng đều thất bại. Những hiềm khích với chính quyền Pol Pot đã gây ra trận chiến Đông Dương lần thứ ba, bằng việc đưa quân tràn qua xâm chiếm Kampuchea và đụng độ quân sự trực tiếp với Trung Quốc ở năm tỉnh cực bắc. Bộ máy tuyên truyền vừa tạm nghỉ chẳng bao lâu đã lập tức mang ra rầm rộ chạy lại. Những sách vở về lịch sử được ồ ạt xuất bản. Truyền thống dân tộc chống Trung Quốc lại được khơi dậy. Về mặt ngoại giao và kinh tế, đất nước hầu như bị cô lập với thế giới bên ngoài. Bộ máy quản trị kinh tế của đất nước đi từ thất bại này cho đến thất bại khác. Trận chiến này, đụng độ với những kẻ thù nguy hiểm không kém lần trước. Nhưng lần này, bộ máy văn học minh họa không đưa ra được những sáng tác nào đáng kể về mặt lượng cũng như phẩm. Về văn, hầu như chỉ có những truyện ngắn. Về thơ, chỉ là những tuyển tập của nhiều người. Tinh thần chiến đấu dựa vào việc chửi lại một đồng chí cũ cũng có khá nhiều điều ngượng miệng. Chế Lan Viên, thời điểm này, có làm bài thơ "Chuyện Chú Hề Lùn", ám chỉ Đặng Tiểu Bình của Trung Quốc. Tiếc thay, bài thơ nổi tiếng này, không nói được gì nhiều ngoài tính chất xuống cấp văn học chợ búa. Kẻ thù này, cũng là một phần quá khứ của chính họ.

Khung cảnh xã hội mỗi lúc một tệ hại. Sự thực càng trở nên trần truồng. Những con người ở miền Nam vẫn được đối xử như phe bại trận bấy lâu cắn răng chịu đựng trong khổ đau và nghèo đói, bằng một thái độ tiêu cực và khinh nhạt. Những con người ở miền Bắc, trên cương vị của kẻ chiến thắng, dần dần với những kinh nghiệm thực tế, bắt đầu có những nghi ngờ, bất ổn. Trong văn học, đã bắt đầu có những nghi vấn về quá khứ cũng như hiện tại. Ở mặt văn xuôi, mở đầu là nhà văn Nguyễn Minh Châu, trước đây đã nổi tiếng với tác phẩm "Dấu Chân Người Lính" về vùng Khe Sanh và Bình Trị Thiên, trong một bài nhan đề "Viết Về Chiến Tranh" cuối năm 1978, đã có những thắc mắc về văn học minh họa mà trước đó chính anh cũng là một thành phần trong đó. Ở bên thơ, xuất hiện những bài thơ của Việt Phương, bi phẫn khi lý tưởng qúa khứ phải động chạm với thực tại:

*Niềm vui đánh Mỹ này cuối cùng cũng như cánh cửa*
*Ta mở để đi vào nhà ta*
*Nơi ấy ta có quyền quên đi chẳng nhớ*
*Những oán thù trĩu nặng mỗi nhành hoa.*

Việt Phương không làm nhiều thơ. Tất cả gom lại chỉ in ra tập "Cửa Mở", xuất hiện năm 1978. Đây là năm mà cả trăm ngàn công chức, quân nhân của miền Nam vẫn còn miệt mài trong những trại tù cải tạo. Oán thù vẫn còn ngút ngàn ở trong lòng kẻ chiến thắng, làm tê liệt không biết bao gia đình. Nhưng ở phía chiến thắng, có kẻ làm thơ tự cho phép mình cái quyền quên đi thù hận, qủa là một điều lạ, nhất là anh ở địa vị bí thư cho Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Tội nghiệp thay cho thi sĩ. Khi chết đôi mắt vẫn làm thơ. Khi sống vẫn không yên để ngắm nhìn hoa cỏ. Sao hoa cỏ quê hương vẫn phải chuyên chở những oán thù. Thơ anh, muốn quên đi thù hận cũng là muốn quên đi qúa khứ. Hoặc sẽ có thể phải đánh giá lại chính mình. Từ hoài nghi, đã đưa anh đến phản tỉnh. Sự lên tiếng khởi đầu đã là một can đảm vô vàn cho những người cầm bút. Anh không chống ai, cũng như không đòi hỏi gì nhiều. Chỉ đòi cho con người có quyền quên đi thù hận. Anh bị một số cây bút lên án vì tấm lòng rộng lượng này. Trước đó một năm, tại hải ngoại cũng có người làm thơ muốn quên hết đi thù hận cũ, từ hai phía đối nghịch. Tình nghĩa đồng bào phải trải rộng ra cả nước. Năm 1977, Cao Tần đã có những câu thơ từ nước Mỹ:

*Nếu mai mốt bỗng đổi đời phen nữa*
*Ông anh hùng ông cứu được quê hương*
*Ông sẽ mở ra nghìn lò cải tạo*
*Lùa cả nước vào học tập yêu thương.*

Tiếng thơ vừa ngạo mạn ngông cuồng nhưng hết sức rộng lượng từ hải ngoại, bấy lâu vẫn bị chính quyền mới lên án là thuộc thành phần tay sai chạy vội theo bơ thừa sữa cặn, dù nhìn từ một phía đối nghịch ngày xưa, cũng chưa hề có một người nào ở hải ngoại xem yêu thương là một tư tưởng dao động. Quyền thương yêu là một quyền tối thượng, vượt lên trên mọi biên giới chính trị, bao trùm toàn tính nhân loại. Thơ vẫn ở chỗ riêng của nó. Ngoài xa là một đại dương. Mà chẳng cần đôi mắt và tâm hồn thi sĩ, chỉ cần là một người bình thường, tại sao không được quyền nói lên những tiếng yêu thương nhân bản?

Trong thơ Việt Phương đầy rẫy những hình ảnh nghi ngờ. Cụ thể, thấy hàng ngày, hàng tháng. Những va chạm giữa một xã hội đang bung ra. Cánh cửa người làm thơ tự mở không những thấy thêm những con đường mà còn khám phá ra sự thực. Trong bài "Cuộc Đời Như Vợ Của Ta Ơi", nó đã trở thành bản tự thú cho cả một thời. Một thời thanh xuân của anh, đầy lý tưởng,

đủ để mù quáng đến dối trá một cách hết sức thành thực. Bây giờ tỉnh táo để mà thành thực về những dối trá ngày xưa:

*Ta nhất quyết đồng hồ Liên Xô tốt hơn đồng hồ Thụy Sĩ*
*Hình như đây là ý chí, niềm tin và tự hào*
*Mường tượng rằng trăng Trung Quốc đẹp hơn trăng nước Mỹ*
*Sự ngây thơ đẹp tuyệt vời nhưng ngờ nghệch làm sao!*
...
*Ta đã gặp những điều không hề chờ đợi gặp*
*Mà đâu phải chỉ rắn phục giữa vườn hoa*
*Những kẻ tốt đến yếu mềm chỉ là đồ giẻ rách*
*Rắn còn nằm cuộn khúc giữa lòng ta.*

Cũng bởi vì từ trước đến giờ vẫn trong một khuôn khổ nhất định, văn học phải đi đôi với niềm tin, ý chí và tự hào, nên bất cứ gì của chúng ta đều phải tốt phải hơn, dù trong lãnh vực không thể nằm trong văn học: cái đồng hồ. Và cả con trăng, trăng của Lý Bạch, của Cao Bá Quát, của Hồ Chí Minh, của những người ở hai đầu thế giới, của ngàn xưa hay mai sau cũng không thể khác dưới những đôi mắt con người. Những lăng kính chính trị đã trở thành vũ khí của một thời, có thể nó sẽ hữu ích cho một giai đoạn đấu tranh nhất định nào đó, nhưng nếu mọi sự cứ võ đoán nhìn qua nó, mãi mãi một chiều, chỉ làm chính những kẻ sử dụng nó thành bệnh hoạn. Phải trả lại những khách quan cho khoa học. Phải trả lại những trong sáng cho thi ca. Sự vô tư khởi đầu sẽ mở ra một chân trời có đầy khám phá mới. Trước đây, Chế Lan Viên đã so sánh tất cả kẻ thù Mỹ Ngụy là rắn, thế giới xã hội chủ nghĩa là một vườn hoa. Nhưng đến Việt Phương, không những mở cửa bước ra để nhìn thấy một trời xanh khác, mà còn nhìn thấy những hoài nghi. Những con rắn, ngờ đâu, chính nó nằm cuộn như ruột gan ta. Nếu hình ảnh rắn và vườn hoa của Chế Lan Viên là một so sánh dễ nhớ, thì trong thơ Việt Phương, những hình ảnh này đã trở thành một tác động phản hồi, mạnh mẽ như một gáo nước lạnh tạt vào qúa khứ. Những bài thơ của Việt Phương đã gây chấn động. Nó không những là hoài nghi, mà còn có ý định đánh giá qúa khứ. Vài năm sau khi đất nước thống nhất, đảng vẫn còn ở trên những đỉnh cao. Mâu thuẫn với Kampuchea và Trung Quốc ngày một gay gắt. Kế hoạch 5 năm tiến lên xã hội chủ nghĩa đã thấy rõ thất bại. Những người đọc thơ của Việt Phương sựng lại. Sự tỉnh ngộ bi phẫn và can đảm lên tiếng của anh đã làm anh mất chức.

Trọng tâm chính sách đối ngoại của đảng trong giai đoạn này là xâm chiếm Đông Dương và đối phó với bài học trừng phạt từ Trung Quốc. Trận chiến Đông Dương lần thứ ba khai mở. Một loạt những thanh niên Việt Nam bị đẩy sang hai nước láng giềng mặc lại chiếc áo viễn chinh. Những người bộ

đội "sinh Bắc tử Nam", trước đây, chuyện có mặt ở Ai Lao qua dãy Trường Sơn hay các chiến khu ở Kampuchea có thể hiểu là một chuyện bình thường trong cuộc chiến. Bởi thời đó, còn có thể tự hào là đấu tranh chống ngoại bang giành độc lập. Nhưng giờ đây, sự hiện diện của họ chỉ có ý nghĩa rõ ràng như một loại thực dân mới, mạnh miệng tới đâu cũng khó bào chữa. Những ống loa chửi sang từ biên giới Việt Bắc cũng ngang ngửa kẻ tám lạng người nửa cân. Chiến trường mù mịt. Chết chóc và tàn phá lại xảy ra.

Những bài thơ trong giai đoạn này bắt đầu có những dấu hiệu than thở. Có chết chóc. Có nhớ nhung. Có sợ hãi. Có khoắc khoải. Hình ảnh chiến tranh vẫn triền miên. Trong một bài thơ của Văn Lê, nhan đề "Mùa Hè Năm 1980", những lo lắng về một trận chiến lâu dài xuất hiện. Người lính bộ đội vẫn chiến đấu, nhưng tinh thần của anh bắt đầu nhìn ra những chỗ khác:

*Đánh giặc dài lâu*
*Cơn sốt vẫn trùm lên vai áo*
*Cơn sốt theo vào phiên gác đêm*
*Đơn vị vẫn hành quân triền miên*
*Mặt trời nung da đỏ nhừ gạch chín*
*Bao nhiêu miền đất chúng tôi phải đến.*

...
*Mùa hè năm 80*
*Biên giới Campuchia còn giặc*
*Chúng tôi còn đi*
*Vẫn hành quân trong nhòe nhoẹt sương khuya*
*Vẫn hành quân trong hoàng hôn túa máu*
*Thương nhớ nước lòng người đau dâu*
*Thương bạn bè, người lính xá chi đâu.*

Bài thơ được ghi vào tháng Bảy năm 1980 tại địa danh Pnét Ple, một chỗ nào đó chắc không mấy người Việt Nam biết đến. Nó không thể so sánh với những địa danh trong trận chiến lần trước như Ấp Bắc, Bình Giả, Khe Sanh. Những con đường hành quân cũng không còn tinh thần xẻ dọc xẻ ngang Trường Sơn đông Trường Sơn tây như thuở nào. Những dấu hiệu mệt mỏi của xã hội đã lộ dần trong thi ca. Những người sáng tác trong giai đoạn này đang dần dần khám phá ra một con đường trung thực trong văn học. Nó phải tách rời quá khứ. Nó phải phát xuất từ lòng người, với những câu hỏi, với những cái nhìn về thực tại của xã hội. Một nền văm học mấy mươi năm của chủ nghĩa xã hội quá sức đơn điệu nên hầu như không có người đọc. Người viết không trung thực thì độc giả cũng không thực. Những tương quan của người sáng tác và kẻ thưởng ngoạn hầu như nằm trong những biểu ngữ khẩu hiệu của đảng. Mặc dù bộ máy nhà nước vẫn còn đủ sức đem nó lê lết diễn

hành từ bắc vào nam với những loa phóng thanh vĩ đại, nhưng văn học này vẫn bước những bước khập khễnh, gượng gạo, không những không gây cảm xúc trong người nghe, mà nó cũng không khêu gợi được tấm lòng thương hại.

Nhưng bộ máy kiểm soát của đảng vẫn còn mạnh. Bị phê bình có nghĩa là bị khủng bố. Bị nghi ngờ có nghĩa là bị đe dọa. Một vài điều sơ suất có thể mất chức, mất hộ khẩu. Trong văn học xã hội chủ nghĩa không thể có những *"con chim đến từ xứ lạ ngửa cổ hót chơi"*. Tất cả đều không được quyền nhìn thấy trời xanh. Mà có lén nhìn thấy trời xanh thì có mấy ai dám nói lên như Việt Phương. Làm thơ tình thì được. Làm thơ than trách số phận riêng mình cũng được. Nhưng làm thơ phản ánh chung thực trạng của xã hội thì phải coi chừng. Những cái chung đó vẫn còn thuộc quyền hạn làm chủ của nhân dân. Những sáng tác thời kỳ này hầu như phải dấu kín, chờ đợi. Những tờ báo, những cơ sở xuất bản dù có biểu lộ đồng tình, nhưng cũng không dám in ra. Vở kịch nổi tiếng của Lưu Quang Vũ "Hồn Trương Ba, Da Hàng Thịt" viết trong khoảng 1980 không được xuất bản cũng như không được trình diễn, dù ông là một nhà soạn kịch tài hoa, sung sức, cả về phẩm cũng như lượng. Cả triệu người Việt Nam đã là khán giả của kịch Lưu Quang Vũ. Trong thi ca, Nguyễn Duy, người đã in tập thơ "Cát Trắng" năm 1973, và cũng đã được giải thưởng về thơ do tuần báo Văn Nghệ tổ chức cùng năm đó, khoảng năm 1980–81, ông đã làm bài thơ "Đánh Thức Tiềm Lực", đánh dấu một bước nhảy vọt của thơ ông. Những chủ đề về người bộ đội của ông đã biến mất. Ông đã nhảy qua khỏi hàng rào của văn học cung đình, trở về với những thực tế của xã hội:

*Tiềm lực còn ngủ yên*
*trong lớp da biếng lười cảm giác*
*Năng động lên nào*
*từ mỗi tế bào, từ mỗi giác quan*
*cố nhiên cần lưu ý tính năng động của cái lưỡi.*

*

*Cần lưu ý*
*lời nói thật thà có thể bị buộc tội*
*lời nịnh hót dối lừa có thể được tuyên dương*
*đạo đức giả có thể thành dịch tả*
*lòng tốt lơ ngơ có thể lạc đường.*

.

*Cần lưu ý*
*có cái miệng làm chức năng cái bẫy*
*sau nụ cười là lởm chởm răng cưa*
*có cái môi mỏng hơn lá mía*

*hôn má bên này bật máu má bên kia*
*có trận đánh úp nhau bằng chữ nghĩa*
*khái niệm bắn ra không biết lối thu về.*

*Cần lưu ý*
*có lắm sự nhân danh lạ lắm*
*mượn áo thánh thần che tối ma ranh*
*nhân danh thiện tâm làm điều ác đức*
*rao vị nhân sinh để bán món vị mình.*

Bài thơ này lúc đó không ai dám in. Ban biên tập của các tờ báo, các nhà xuất bản còn e ngại. Có trường hợp, như nhà văn Nguyễn Quang Sáng kể lại, bài thơ này đã được một tờ báo liều cho lên khuôn, nhưng đến phút chót phải tháo ra. Họ vẫn còn sợ. Cái nỗi sợ làm thành máu mủ của văn học xã hội chủ nghĩa bấy lâu nay, không dễ gì một sớm một chiều thay được.

Những người làm thơ, vẫn tiếp tục sáng tác. Nền văn học minh họa càng ngày càng nhạt nhẽo. Đảng vẫn còn hùng hổ, không thể ra mặt chống đối trực tiếp, thì văn học bây giờ, ẩn nhẫn trong những dòng chữ phản ánh về xã hội. Nó trở nên điềm tĩnh, tính toán. Tính toán trong một cái tôi biến mất, lạnh nhạt. Hải Kỳ có làm một bài thơ nhan đề "Hai Giây", năm 1983:

*Cứ hai giây, một trẻ nhỏ qua đời*
*Cả thế giới mỗi ngày đêm khốn nạn*
*Trái đất này hào quang chói sáng*
*Con người bay đến cả trăng sao.*

*Cứ hai giây, một trẻ nhỏ lìa xa*
*Người lớn sống tiện nghi thừa, trẻ con chết yểu*
*Hành tinh này lắm phát minh kỳ diệu*
*Người làm ra người máy làm thơ.*

Còn rất nhiều những văn nghệ sĩ khác không thể biết hết cũng như kể rành mạch từng người. Nói chung, một số các ngòi bút đã bắt đầu cựa mình thức giấc. Những khổ đau của dân tộc rành rành trước mắt. Không thể chạy trốn nó được. Không thể tiếp tục bôi sơn vẽ mầu minh họa cho nó được.

1985, sau khi thống nhất đất nước mười năm, tình hình vẫn không ổn định. Liên tiếp, vẫn những trận đụng độ ở biên giới Việt Bắc. Lực lượng kháng chiến ba thành phần của dân tộc Kampuchea vẫn tồn tại và được sự ủng hộ mạnh mẽ của những nước chung quanh. Vòng vây về mặt ngoại giao để thoát ra ngoài thế giới vẫn bị khép chặt. Những kế hoạch kinh tế hầu như thất bại. Dân chúng nhiều nơi vẫn đói khổ, thiếu thốn cả gạo ăn, dù ngay tại các tỉnh miền Nam, nơi vẫn là vựa luá của đất nước. Con số ước lượng của

thế giới cho biết tổng số sản lượng trung bình trên mỗi đầu người xấp xỉ 150 Mỹ kim một năm, tương đương với những năm cuối cùng thời Pháp thuộc. Việt Nam luôn luôn là một trong số 10 nước nghèo nhất thế giới. Cộng thêm những gò bó về tự do, mức độ áp chế, nhũng lạm của hệ thống công an, cán bộ thư lại khổng lồ, đã kéo cả dân tộc luôn luôn đứng bên bờ vực thẳm. Đại đa số nhân dân sống trong tình trạng kiệt quệ. Con số lạm phát của năm 1985 và 1986 là khoảng trên dưới 1000 phần trăm. Sự bất mãn đã lan tràn sâu rộng tới cả thành phần cán bộ đảng. Mất niềm tin là một hiện tượng phổ biến. Mất niềm tin vào chủ nghĩa, vào đảng, vào hàng ngũ lãnh đạo, vào cán bộ, vào tương lai đất nước và cả chính bản thân.

Sự liên hệ với thế giới bên ngoài hầu như đảng phải dựa vào Nga và các nước cộng sản Đông Âu. Mức độ viện trợ về kinh tế và quân sự từ khối này ước lượng ba tỷ Mỹ kim mỗi năm. Tháng Ba 1985, Gorbachev lên nắm chính quyền ở Nga, bắt đầu chính sách "đổi mới" và "cải tổ cơ cấu". Những luồng gió mới này chưa kịp thổi tới Việt Nam thì trong năm đó, chính quyền lại ra lệnh đổi tiền. Lúc bấy giờ, Tố Hữu đã leo vào trong Chính Trị Bộ và nắm chức Phó Thủ Tướng đặc trách về kinh tế. 30 năm đã trôi qua, nhưng tinh thần vắt sỏi đá thành cơm của ông vẫn đứng nguyên một chỗ. Nó trở thành điều nguy hiểm vì với quyền hạn trong tay, những ý tưởng trong thơ xa xưa của ông muốn đem áp dụng vào thực tế. Sỏi đá đất nước bây giờ vắt thành nước mắt. Sự bất mãn đã lên tới cực điểm. Trước đây đảng vẫn có thể đổ vấy tội cho tai trời ách nước, hoặc sự phá hoại hiểm độc của đế quốc và bọn bá quyền. Cả xã hội như một trái mìn nổ chậm.

Đại Hội VI của đảng Cộng Sản Việt Nam năm 1986 đã tạo ra những biến chuyển mới trong xã hội. Thực sự, nó chỉ là giải pháp xì hơi một trái bóng qúa căng. Bao nhiêu năm nay, đảng đã sử dụng chiêu bài dân tộc trong tất cả mọi trường hợp, hay trắng trợn hơn, bộ máy khổng lồ hàng triệu đảng viên không những sống bám vào nhân dân mà còn đi ngược chiều với việc phát triển tiềm năng của đất nước. Ngược chiều đến một mức độ phá hoại. Khẩu hiệu lần này là "đổi mới hay là chết". Về mặt chính trị và tư tưởng là "đổi mới tư duy". Về mặt xã hội và kinh tế là "cải tổ cơ cấu". Với văn học, khẩu hiệu là "cởi trói", danh từ do chính Tổng Bí Thư Nguyễn Văn Linh nói ra. Nói như vậy, có nghĩa là bấy lâu nay, đảng vẫn trói buộc văn học. Và những trói buộc quá lâu này, đã trở thành bản chất của nền văn học xã hội chủ nghĩa.

Những làn sóng bất mãn trào lên ở khắp nơi, thể hiện trong sinh hoạt văn học như một bước nhảy vọt. Tuần báo Văn Nghệ, do tổng biên tập là nhà văn Nguyên Ngọc, tác giả quyển Đất Nước Đứng Lên, đã có những bước mạnh dạn và can đảm nhất. Các tác giả như Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài

đều xuất hiện đầu tiên ở đây. Tuần báo này cũng cho đăng một số bút ký nói về những cảnh khốn cùng của sinh hoạt quần chúng. Trong một thời gian ngắn, Văn Nghệ được sự hưởng ứng đông đảo của quần chúng và đã được phê bình là chưa bao giờ tờ báo này thực sự là của quần chúng như thế. Ở miền Trung, tạp chí Sông Hương cũng mạnh mẽ chuyển mình. Xuất hiện từ năm 1983, vẫn còn nhiều e ngại, được dịp xổ bung, tạp chí này cũng là một tiếng nói mạnh mẽ của những tinh thần độc lập trong văn học. Ở Đà Lạt, có tờ Lang Bian, do nhà thơ Bùi Minh Quốc làm tổng biên tập, cũng xuất bản với một tư thế vững chãi. Ở trong Nam, là tờ Sàigòn Giải Phóng và Tuổi Trẻ. Không khí sinh hoạt văn học khác hẳn. Những khổ đau bấy lâu nay của dân tộc bỗng nhiên bung ra. Những khát khao vỡ ra như một làn sóng chảy từ nam chí bắc, với sự đón nhận hân hoan của đồng bào.

Từ thời điểm trước 1986, đã có một loại văn học hoài nghi. Cái gì của ta cũng chưa chắc tốt. Cái gì của địch cũng chưa chắc xấu. Ta và địch đều có những mặt xấu tốt lẫn lộn. Bây giờ, trong những sáng tác mới, địch vẫn có những xấu tốt lẫn lộn, còn ta thì hoàn toàn sai. Không cần nghi ngờ gì nữa. Nó là những bằng chứng cụ thể. Đau đớn đến chảy ra nước mắt. Những người theo chủ nghĩa này, đã đóng góp, kỳ vọng và hy sinh cho một lý tưởng cao đẹp. Ai mà không mong muốn một xã hội tốt lành hơn. Nhưng sau bao hy sinh, không những bao điều hứa hẹn đều trở thành hão huyền, mà thực tế chỉ thấy chính họ đóng góp vào việc tạo dựng, nuôi dưỡng, bảo vệ một chế độ độc đoán, thối nát, không tương lai. Những bế tắc lan tràn sang mọi diện của đời sống: xã hội, kinh tế, văn hoá, quân sự, ngoại giao. Cộng với chiến tranh bao nhiêu xương máu, mồ hôi, nước mắt. Cái giá mà cả dân tộc phải trả nặng như thế sao?

Một số các sáng tác trước đây không dám in, bây giờ được đem ra phổ biến. Vở kịch "Hồn Trương Ba, Da Hàng Thịt" đã được trình diễn, và sau đó xuất bản. Bài thơ "Đánh Thức Tiềm Lực" của Nguyễn Duy sau mấy năm nằm trong bóng tối bây giờ đĩnh đạc xuất hiện. Sau "Thời Xa Vắng" của Lê Lựu và "Gặp Gỡ Cuối Năm" của Nguyễn Khải, Dương Thu Hương làm chấn động văn giới bằng quyển "Bên Kia Mùa Ảo Ảnh" và "Những Thiên Đường Mù". Sau đó, chị càng vững vàng, tự tin và xuất hiện như tiêu biểu cho sĩ khí của thời đại bằng những bài tham luận thẳng thắn, trung thực và nhân bản. Là một trong những người học khoá đầu tiên của trường viết văn Nguyễn Du năm 1979, chị xuất hiện trong văn học bắt đầu bằng thơ. Những bài thơ tình. Đọc thơ tình của chị, sẽ biết thêm về một người đàn ông may mắn nào đó. Có những khúc ca, những ngôi nhà ấm, những tiếng sóng ngoài biển. Nhưng càng về sau, chị càng xuất hiện như một đóng góp lớn cho sự thực và khát khao của đám đông. Văn học bây giờ chỉ cần bám sát với thực tế, hay đúng

với tinh thần hiện thực, cũng đã đủ trở thành văn học phản kháng. Sự thực đang có những mâu thuẫn gay gắt với chế độ. Không thể dấu diếm được nữa. Những bài thơ trở lại với những cuộc sống hàng ngày. Từ đứa trẻ bước ra. Những đứa trẻ Việt Nam bất hạnh đã sinh ra trong thời này. Nguyễn Trọng Tín, một tên tuổi xa lạ, đã nói về cái đói của đứa con mình:

*vợ tôi sáng chiều cơm độn bo bo*
*nên làm gì đủ sữa*
*nhìn con mút tay không nỡ*
*tôi mua cho con cái núm vú ni-lông*
*khi đói*
*nó tự bú vào núm-vú-hư-không.*

Đứa con như sự nối tiếp của bậc cha mẹ. Đời đời kiếp kiếp, như một bản năng sinh tồn để lại. Những thú dữ cũng đều bảo vệ con cái. Vậy mà con đói. Nói ra bằng thơ. Hơn một ngàn hai trăm năm trước đây, Đỗ Phủ cũng luôn sống trong cảnh nghèo đói. Ông đói đã đành. Nhưng đứa con nhỏ chết đói thì trong thơ ông như khóc ra máu. Ở Việt Nam đang có bao nhiêu người nhìn con bú núm vú hư không. Dương Thu Hương trong bài tham luận đọc tại Đại Hội Nhà Văn Việt Nam lần IV cũng có nói đến tình trạng thiếu dinh dưỡng trầm trọng của người Việt Nam. Chị nhắc cứ nhìn số thanh niên đi nghĩa vụ quân sự thì biết. Số người thấp hơn thước rưỡi và nhẹ hơn 40 kí rất cao. Không có con số bách phân chính xác, vì đây là một con số thống kê nhà nước không bao giờ muốn nhắc tới. Nhưng chuyện dinh dưỡng phải đem ra bàn ở đại hội nhà văn thì phải biết là nó trầm trọng tới cỡ nào. Nhà thơ Trần Vàng Sao, người trong những năm đầu thập niên 70 đã xuất hiện với một tập thơ vững vàng "Bài Thơ Của Người Yêu Nước Mình", bây giờ làm thơ không buồn nhắc đến chuyện chống Mỹ nữa, mà chỉ là cái đói. Đọc bài thơ "Người Đàn Ông Bốn Mươi Ba Tuổi Nói Về Mình" sẽ thấy cái đói lan tràn, trong từng thớ thịt của tác giả. Cái đói từ những đứa nhỏ con mình, sang tới những đứa trẻ hàng xóm. Đói chung quanh và đói trước mắt. Đói và làm thơ cho đến lúc quỵ xuống. Trần Vàng Sao tuổi Tý, chắc sinh năm 1936. Bài thơ viết lúc tác giả 43 tuổi, có nghĩa vào khoảng năm 1979. Mãi đến 1988 nó mới xuất hiện:

*những tiếng cha mẹ vợ chồng anh em con cái*
*chửi bới la hét trong bữa ăn*
*người điên ở trần đứng làm thinh giữa trời mưa ngoài chợ*
*những ngày hết gạo hết tiền hết củi*
*muối sống không còn một hột của tôi*

Bấy lâu nay trong thơ văn, ít ai dám nói nhiều về cái đói của quần chúng. Những cái đói trong thơ văn chỉ xuất hiện mơ hồ trong trường hợp riêng lẻ.

Đám đông bị đói, khủng khiếp nhất là không ai được quyền thấy rõ, nói rõ. Bài thơ "Nói Chuyện Với Đồng Bào Bị Đứt Bữa" của La Quốc Tiến, viết tại Mỹ Tho năm 1988:

*Đồng bào ơi*
*ở trong Nam vẫn lắm người cũng đói*
*nhưng chữ "đứt bữa" thì chưa ghép thành văn*
*có những chữ ghép khó tìm trong tự điển*
*lại biến thành con ma lai khoét cái bụng nhân dân.*
*Đồng bào ơi*
*đứt bữa rồi cũng có ngày liền bữa*
*hãy cứu nhau, thương nhau, đừng để đứt tấm lòng.*

Những người làm thơ có lương tâm thường quay về những nỗi thống khổ của đám đông. Thanh Thảo là một nhà thơ trẻ trong trận chiến chống Mỹ. Thơ của anh không cần vần điệu. Những vần điệu của anh xuất hiện trong những cảm xúc cô đọng, không qua một công thức nào hết. Trong một giải thưởng về thơ, hai người vào chung kết là Huy Cận và Thanh Thảo. Chế Lan Viên trong cuộc họp về giải thưởng này cũng phải công nhận về thơ Thanh Thảo, và đã phải giơ tập thơ Thanh Thảo lên nói: "Những câu thơ như câu thơ này, Huy Cận không viết được thật". Thanh Thảo nhìn những đứa trẻ đói nghèo, thì trong thơ của anh cũng phải nghĩ đến tương lai. Tương lai của đám đông. Trong bài "Cái Nhìn Của Tương Lai":

*những nhà văn đi thực tế bằng xe hơi*
*tung bụi bẩn vào mặt đàn em nhỏ*
*tung ngôn ngữ gấm hoa vào mặt những túp lều khốn khổ*
*nơi đói nghèo công khai rách nát công khai.*

.

*chúng tôi cứ hồn nhiên ca ngợi tương lai*
*cho tới chiều nay. Rừng cao su Chư-pả*
*tương lai bỗng ném vào chúng tôi cái nhìn kỳ lạ*
*qua cặp mắt gườm gườm những đứa trẻ ngây thơ.*

Bài thơ xuất hiện như một hoán chuyển chỗ của trẻ con và người lớn. Người lớn hồn nhiên và trẻ con gườm gườm. Những người lớn đi xe hơi trên những con đường ổ gà chỉ để lại khói, bụi và tạt nước bẩn vào những đứa trẻ gầy gò dơ bẩn. Tương lai đất nước vẫn đứng lại bên lề. Ai còn đủ can đảm nói những điều hoa gấm về hiện tình đất nước?

Trong giai đoạn từ 1986 về sau, những tiếng nói của nền văn học minh họa dần dần tắt ngúm. Nó đã không có độc giả và không bao giờ mang triển vọng có độc giả. Những tờ báo, dù hầu như tất cả các tổng biên tập đều là đảng viên, đều chuyển mình bằng những sáng tác trung thực. Những biện

pháp thả lỏng ở cấp nhỏ về kinh tế đã làm sinh hoạt quần chúng sáng sủa hơn. Nhưng dân chúng vẫn bận bịu về vấn đề kiếm sống và vẫn lo sợ giữa một xã hội bất ổn. Họ đã ủng hộ mạnh mẽ những người nói thực và dám nói ra nguyện vọng của họ. Điều đập vào trước mắt những nhiêu khê quái gở và bóc lột mà dân chúng chịu đựng bấy lâu là thành phần cán bộ. Chính những người cán bộ trở thành đối tượng dễ dàng nhất để trút sự bất mãn từ phiá quần chúng. Rành rành trước mắt mỗi ngày.

Tạp chí Lang Bian xuất bản tại Đà Lạt, ngay trong số đầu, Thanh Thảo đã đem hình ảnh những cây thông tượng trưng cho hình ảnh con người. Trong văn học sử Nguyễn Công Trứ từ thế kỷ 19 đã để lại câu thơ bất hủ về nhân sinh quan của ông: "Kiếp sau xin chớ làm người. Làm cây thông đứng giữ trời mà reo". Bài thơ cô đọng, sự sống của những cây thông cũng ào ào bật dậy. Những con người muốn sống tung tăng tốt đẹp, dù ở cá nhân hay tập thể, cũng phải bước tới tích cực hơn. Trong bài "Những Cây Thông Kêu", Thanh Thảo viết:

*Những cây thông ào vào tỉnh ủy*
*Mây dừng*

.

*Chúng tôi muốn sống*
*Đời thông*

...

*Những cây thông ào vào tỉnh ủy*
*Xin dừng đốn chúng tôi!*

Trong cùng số báo nói trên, Đặng Thị Vân Khanh cũng nói về những người đang có quyền lực ở xã hội. Khi đi trên con đường mang tên vị anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi, nhớ lại cái chết tru di oan ức của ông, chị đã nhìn thấy những kẻ gây ra cái chết của Nguyễn Trãi vẫn còn đang sống. Một bọn gian thần. Trong bài "Cảm Xúc Đi Trên Đường Nguyễn Trãi", chị viết:

*Oan Ức Trai sáu trăm năm trước*
*Bọn gian thần đổi dạng vẫn còn đây.*

Hai bài thơ này lập tức bị lên án có hàm ý phản động. Ngay trong số báo thứ hai, có hai người tên là Biện Duy Tích và Ngô Thanh Loan đã viết thư gay gắt chỉ trích ban biên tập Lang Bian và hai nhà thơ nói trên. Bức thư đóng dấu của Ban Tuyên Huấn huyện ủy Di Linh này, theo như lời ban biên tập để tôn trọng tự do sáng tác và phê bình, đã được đăng tải nguyên vẹn. Một điều đáng lưu ý, là ở số báo thứ ba, hàng chục người đã viết thư ủng hộ hai nhà thơ nói trên.

Thanh Thảo, khi nhìn thực tế của đời sống, đã thấy những câu hỏi về xã

hội. Có cần phải thay đổi xã hội này không, một xã hội mà ông cũng đã cống hiến cả tuổi thanh xuân góp phần tạo dựng ra nó. Ông đã mượn tấm lòng u uất của nhà thơ Cao Bá Quát để bày tỏ cho thời đại hôm nay:

*Quê hương*
*nếu phải làm lại*
*nếu phải làm ngay không trễ nãi*
*ta xin hiến nốt đời mình*
*chỉ để gióng lên hồi chuông.*

Hồi chuông. Sao nghe như chuông chiêu hồn ai. Những người nghệ sĩ, gióng lên hồi chuông cho đất nước như một dấu hiệu báo tử của một thời đại. Thời của những lọc lừa, sai lầm, thất bại. Những hồi chuông từ Việt Nam bay ra những âm điệu buồn bã, u ám trên những khuôn mặt đất nước, bao trùm từng đầu cây ngọn cỏ. Nhưng không phải lúc nào những tiếng thơ Việt Nam cũng tràn ngập bi quan, căm phẫn. Nó cũng có thắp lên trời những kỳ vọng. Trong cuộc rút quân Việt Nam từ Kampuchea về nước, Phạm Tiến Duật viết một bài thơ kỳ lạ, nhan đề "Cuộc Chạy Tiếp Sức Của Bệnh Sốt Rét Rừng – Chặng Cuối?":

*có một người chiến sĩ tình nguyện Việt Nam*
*trước khi rời Kam-Pu-Chia*
*đã đốt một nén hương trịnh trọng*
*cắm lên chùa Prết-Vi-Hia*

...

*ngọn khói xanh lên trời*
*cầu nguyện cho đông dương*
*hồng hào sắc mặt.*

Preah Vihear là một ngôi chùa nổi tiếng của Kampuchea. Nó cũng là tên của một vùng đất tiếp giáp với biên giới Thái Lan. Năm 1953, người Pháp cắt phần đất này giao cho Thái Lan. Sau khi Pháp rút khỏi Đông Dương, chính quyền Sihanouk đã thưa tòa án quốc tế để đòi lại vùng đất và ngôi chùa gắn bó với lịch sử dân tộc này. Đến 1962, Thái Lan đã theo lệnh tòa án quốc tế trả lại vùng đất có ngôi chùa lịch sử nói trên. Từ đầu năm 1979, bóng dáng những người lính Việt Nam đã xuất hiện khá nhiều ở vùng biên giới Thái. Những người lính với danh xưng là lính tình nguyện này, trong 10 năm trời, chỉ mặc chiếc áo thực dân, mà danh nghĩa là "bảo vệ hoà bình Đông Dương". Trận chiến kéo dài chống lại chiến tranh du kích của quân kháng chiến ba thành phần, không những đã làm mất đi điều Việt Nam bấy lâu nay hằng xưng tụng là trái tim của tinh thần độc lập, mà còn làm tan biến cả niềm tự hào về một quân đội nhân dân bách chiến bách thắng. Về mặt ngoại giao nó đưa đến sự cô lập với tất cả những nước láng giềng và các nước văn minh trên

thế giới. Nó cũng đưa đến sự thù nghịch công khai với Trung Quốc, mà bài học của họ cũng lâu dài và đưa đến những hậu quả trầm trọng. Những thập niên chiến tranh, nghèo đói, dốt nát đã đưa đến cả tinh thần thù hận giữa các dân tộc, đặc biệt là tinh thần thù hận người Việt Nam của dân Kampuchea. Nó là mối thù truyền kiếp đối với một tiểu bá quyền Việt Nam, mà trong quá khứ đã chứng tỏ chính sách thực dân của Việt Nam vô cùng nguy hiểm. Với cái tên nguyên thủy là đảng Cộng Sản Đông Dương, chính sách của họ sẽ phải chịu phần trách nhiệm chính về những thù hận này. Trong thơ ca của những người Việt Nam về trận chiến này, người ta đã đọc được những chết chóc, mệt mỏi, nghi ngờ, sợ sệt. Tinh thần yêu nước chủ quan chỉ có lợi cho một trận chiến giành độc lập. Nó không còn chính nghĩa khi chính họ phải mặc lại chiếc áo của kẻ xâm lăng. Hoà bình Đông Dương chỉ có thể xảy ra, khi tinh thần bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau không những từ phía chính quyền, mà còn ở tất cả mọi tầng lớp dân chúng. Lối thoát cho những bế tắc của Việt Nam nói riêng và Đông Dương nói chung sẽ phải đặt trọng tâm vào tinh thần đó.

Mặc dầu Việt Nam, trên lý thuyết đã rút hết quân từ tháng 9–1989, nhưng thực tế mấy ai tin. Kể cả những người lính tình nguyện. Không tin vào ai, chỉ còn niềm tin vào cầu nguyện. Trong xã hội chủ nghĩa, đầy rẫy trên văn chương và những mẩu chuyện hàng ngày, hình ảnh tin tưởng vào cầu nguyện trên cao là một hình ảnh phổ biến. Tinh thần vô thần của chủ nghĩa cộng sản nằm ở đâu. Marx xem tôn giáo là thuốc phiện ru ngủ quần chúng, nhưng cũng có lúc Marx cho rằng tôn giáo là trái tim của một thế giới không tim, linh hồn của một thế giới không linh hồn. Bản di chúc của Hồ Chí Minh cũng có đoạn muốn về với cụ Mác cụ Lê. Những người bấy lâu chiến đấu cho chủ nghĩa vô thần đang tin vào sự cầu nguyện mạnh mẽ. Bao nhiêu nắm nhang họ đã cắm trên những nấm mộ vô danh dọc dãy Trường Sơn? Phạm Tiến Duật là người làm thơ đã nổi tiếng trước năm 1975, sự xuất hiện của bài thơ "Cuộc Chạy Tiếp Sức Của Bệnh Sốt Rét Rừng– Chặng Cuối?" đã làm kinh ngạc nhiều người. Trong sáng, giản dị đến độ độc đáo hiếm có. Nhưng phải lâu lắm, mới thấy được một tinh thần vượt qua những biên giới lịch sử và dân tộc. Không còn thù hận lẫn nhau. Chỉ có những thiết tha trở về với hoà bình. Không phải hoà bình cho một dân tộc Việt Nam, mà toàn cõi Đông Dương. Tinh thần này thể hiện qua hình ảnh người lính vô danh nào đó, qua đốm lửa nhỏ đầu hương, đến những cụm khói xanh lên trời, nó là những khát khao sâu thẳm nhất của những dân tộc bất hạnh. Nếu bảo bài thơ nói trên là phản kháng thì chắc không đúng. Nếu bảo thơ hoài nghi cũng không đúng. Nhưng rõ ràng nó thể hiện tinh thần trung hậu và nhân bản. Bài thơ không dính líu gì đến đường lối và chính sách của đảng.

Nhưng cao điểm nhất của thơ phản kháng là Nguyễn Duy. Là một người bộ đội, sinh năm 1947, làm thơ đã lâu, và đã xuất bản nhiều tập. Anh cũng khá được ưu đãi, mặc dù thực tế anh vẫn sống trong nghèo túng. Những người làm thơ của xã hội chủ nghĩa, chắc chỉ có các nhà thơ Hồ Chí Minh, Sóng Hồng, Lê Đức Thọ, Tố Hữu, Xuân Thủy là sống no ấm, còn lại, tất cả hầu như đều sống bằng hộ khẩu nghèo thiếu. Người làm thơ tài hoa như Chế Lan Viên, đã từng nhiều lần làm đại biểu quốc hội, mà lúc gần mất, trong bài "Nhà Không Trần", cũng nói đến những cái túng thiếu một cách vô cùng hiện thực đến độ ngạc nhiên, có những nét cô đọng của Đỗ Phủ, chỉ tiếc là khi quay về với sự thực thì hơi trễ. Nhà không trần của Chế Lan Viên, nghe hao hao như "Không Có Vua" của Nguyễn Huy Thiệp. Không phải bắt chước nhau, mà là một hiện tượng phá sản có tính cách phổ biến. Nguyễn Duy cũng được cho đi Liên Xô. Tại Mạc Tư Khoa, anh đã bắt đầu viết "Nhìn Từ Xa... Tổ Quốc" vào tháng Năm 1988, và hoàn tất bài thơ này vào ngày 19 Tám 1988, trùng với ngày cách mạng mùa thu 1945. Hình như ở xa, nhìn về tổ quốc, với không khí cởi mở khá sôi động của một nước Nga sau hơn 3 năm dưới quyền Gorbachev, anh đã có những can đảm hiếm có bộc phát tất cả sự thực bị dồn nén bấy lâu nay. Bài thơ tự do dài 189 câu, với một bức tranh tòan thể xã hội, mà dịp đi xa lần này đã là cơ hội anh nhìn một lần cho rõ. Nó xuất hiện trên tạp chí Sông Hương như một trái bom. Đất nước vừa đổi mới tư duy chưa được hai năm. Bao nhiêu kỳ vọng của đất nước anh bỗng nhiên thấy không đủ. Nó phải xuất xứ từ vấn đề căn bản:

*Chả lẽ bốc thang cỏ khô nhai lại*
*lạy ông–cơ–chế lạy bà–tư–duy*
*xin đừng hót những lời chim chóc mãi*

.

*Đừng lớn lối khi dân lành ốm đói*
*vẫn còng làm cho thẳng lưng ăn*

.

*Đổi mới thật không hay giả vờ đổi mới?*
*máu nhiễm trùng ta có thể thay chăng?*

Những cây bút ở Việt Nam, hầu như rất khó khăn trong cả cuộc sống và vấn đề sáng tác. Trong lịch sử, nhà thơ Nguyễn Du sống trong cảnh nghèo, chết trong bệnh tật khi vừa 54 tuổi. Nguyễn Trãi và Cao Bá Quát là hai nhà thơ lớn khác của dân tộc đã chết thảm cùng với cả gia đình 3 họ. Con trai của đại công thần nhà Nguyễn là Nguyễn Văn Thành, chỉ vì có một câu thơ bị buộc là có ý phản, hai cha con đều bị nhà Nguyễn giết chết. Dưới chế độ thực dân và 21 năm ngắn ngủi của miền Nam, những văn nghệ sĩ vẫn bị những gò ép. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, tình trạng gò ép này còn thê thảm hơn nữa.

Khó lòng mà có những tác phẩm hay khi văn nghệ sĩ bị trói buộc mãi vào quyền lực chính trị, hiếm hoi lắm mới có trường hợp ngoại lệ, là khi sự tài hoa của người sáng tác đã bay vượt qua cả những hàng rào ngăn cản. Trong lịch sử văn hóa nhân loại, khi hệ thống quyền lực của Giáo Hội Công Giáo còn ngự trị và kiểm soát mạnh mẽ mọi hình thức sinh hoạt của quần chúng, những tác phẩm điêu khắc và hội họa của Michelangelo, hoàn toàn trong tư tưởng thần quyền của Công Giáo, đã là những tuyệt phẩm có một không hai của nhân loại. Nhưng chính người thiên tài này, sinh ở cuối thời Trung Cổ, và trưởng thành trong những năm đầu của thời kỳ Phục Hưng, một giai đoạn bột phát và khởi đầu của nền văn minh Tây phương hiện tại.

Văn học xã hội chủ nghĩa từ sau 1975 đã có những bước tiến đáng kể về mặt nội dung, nhưng phải đợi đến 1986, với sự chấp thuận "cởi trói" của đảng, nền văn học này đã trở nên phong phú, đa dạng như một bước nhảy vọt. Nói như Nguyễn Minh Châu, nó bắt đầu có độc giả, bởi những người dẫn đầu trong nền văn học này đã có những can đảm phản ánh trung thực xã hội. Nó không thể ở mãi trong những suy nghĩ đơn giản, minh họa với ý muốn của kẻ cầm quyền. Nói như Nguyễn Huy Thiệp, nó phải có nhiều tầng biến dạng, như hiện trạng phức tạp và biến động của xã hội, mà cái nền văn học một tầng bấy lâu nay không còn đủ khả năng diễn tả nữa. Nói như những nhà phê bình về tuần báo Văn Nghệ dưới thời Nguyên Ngọc làm Tổng biên tập, chỉ có sự tự do nhận thức và phát biểu, mới làm cho tờ tuần báo này trở nên thực sự của quần chúng. Một điểm đáng phải để cho chúng ta suy ngẫm, tương tự như những biến động chính trị tại Đông Âu và Liên Xô trong thời gian vừa qua, các phong trào chống đối và phản kháng đòi hỏi tự do dân chủ đều do những người đang sống trong chế độ cộng sản phát động và khởi xướng. Tại Việt Nam, không những chống đối về chính trị chưa đến một mức độ có tổ chức để có thể thay thế được chế độ độc đảng, mà những phản kháng của những người làm văn học trong khoảng thời gian 1986–1989 đều do những cán bộ cộng sản dẫn đầu. Nó nặng phần mô tả, hoài nghi, phê phán, nhưng ít có phần đóng góp xây dựng tích cực. Rất hiếm, có những tình thương nhân bản tính như trong thơ La Quốc Tiến hay Phạm Tiến Duật. Cũng như, nó hoàn toàn thiếu vắng những cây bút miền Nam trước đây. Những tiếng nói phản kháng mạnh mẽ đều đến từ những người cộng sản kỳ cựu.

Điểm bất hạnh của nền văn học phản kháng này bởi nó xuất xứ từ những nhu cầu chính trị của đảng, nên khi phát triển ra tới một mức độ rộng lớn, có thể ngoài tầm tay kiểm soát, lập tức đảng bèn trói lại. Mức độ trói không đến độ tàn nhẫn như thời Nhân Văn Giai Phẩm, nhưng nó đã làm thất vọng bao người. Trần Độ, người vừa có chân Ủy Viên Trung Ương Đảng, vừa là

trưởng ban văn hóa văn nghệ Trung Ương, nếu không có ý muốn ủng hộ đổi mới một cách rõ ràng, thì ít ra, ông cũng làm ngơ trước chuyện đổi mới. Trong một bài tham luận viết vào tháng 5–1989, đăng trên tạp chí Sông Hương số 38 nhan đề "Góp Phần Tổng Quát Vấn Đề Chính Trị và Văn Nghệ", ông tỏ ý chuyện đổi mới vẫn chỉ là những bước dọ dẫm, và ông xác nhận văn nghệ và chính trị là hai chuyện khác biệt. Ông cũng tỏ ý bênh vực những người trong văn học phản kháng bằng cách nói rõ là họ không hề có ý đồ chính trị phản động. Cũng trong tháng này, ông bị mất chức và thay thế bằng Trần Trọng Tân, trước là trưởng ban tuyên huấn đảng. Cái tên tuyên huấn, nghe đầy giáo điều cũng như đầy hăm dọa.

Sau đó, đồng lúc với biến cố Thiên An Môn ở bên Trung Quốc, đảng đã thay thế hàng loạt những tổng biên tập các tờ báo và tạp chí như Văn Nghệ, Hậu Giang, Ấp Bắc, Sàigon Giải Phóng, Tuổi Trẻ. Tạp chí Sông Hương và Lang bian bị đình bản. Khi Nguyên Ngọc bị mất chức, nhà thơ Bùi Minh Quốc, tác giả tập thơ "Đôi Mắt Nhìn Tôi" đã xin được 100 chữ ký ủng hộ nhà văn Nguyên Ngọc, chuyện này đưa luôn tới việc Bùi Minh Quốc bị thi hành kỷ luật và bị trục xuất ra khỏi đảng. Ông Bùi Minh Quốc có thể mất đi một số quyền lợi vật chất vì mất đảng tịch, nhưng hành động của ông, ít ra cũng làm xanh những rừng cây Việt Nam. Ôi quê hương, vừa có một trăm cây thông bật dậy. Đời thông.

Từ đó sinh hoạt văn học tại Việt Nam bắt đầu xìu lại. Cuối năm 1989, một cuộc thi thơ do tạp chí Văn Nghệ Quân Đội tổ chức, có tới 10 ngàn bài thơ gởi tới tham dự. Đại đa số là thơ tình. Yêu nhau là chủ điểm. Còn lại là những than vãn, hoài nghi, mệt mỏi. Những người nổi tiếng dẫn đầu trong việc phản kháng đều quay ra xuất hiện trên báo chí bằng thơ tình. Những bài thơ tình của Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo, Nguyễn Duy liên tiếp xuất hiện. Cuối năm 1989, trên tuần báo Văn Nghệ, Dương Thu Hương, trong bài thơ "Đêm Cuối Cùng", đã viết:

*Con thác réo một mình trong bóng tối*
*Cây đàn trưng nằm trong gầm núi*
*Anh là khúc ca đã hoá đá rồi.*

*Ôi! giá anh là cây hoang trên đỉnh núi*
*Là ngôi sao ở giữa cỏ dầy*
*Là bông lúa giữa muôn ngàn bông lúa*
*Sẽ chẳng bao giờ ta ly biệt đêm nay.*

Tưởng tượng đây là một bài thơ tình. Có thể. Nhưng dường như, tác giả còn có hàm ý gì khác. Bài thơ đề tháng 11–1989, nghĩa là vừa sau đại hội nhà văn lần thứ IV tại Hà Nội, một đại hội đầy căng thẳng mà chị tham dự trực

tiếp. Trước đây, trong bài thơ "Ngôi Nhà Trắng", năm 1983, chị có nói về một người đã hát cho chị nghe. Ngoài biển chao ôi là sóng. Nhưng giờ đây, khúc ca đã chết. Nó đã nằm trong gầm núi. Nó đã hoá đá. Hay chính khúc ca là môi trường chung quanh chị, là xã hội bấy lâu chị đang sống? Chị đã phải nói "giá". Những cây hoang, cỏ dầy, bông luá tượng trưng cho sự sống dào dạt xiết bao, sao bây giờ không còn dính líu tới khúc ca nữa. Rồi ly biệt.

Vào cuối tháng 10-1989, Đại Hội Nhà Văn Việt Nam lần thứ IV, đã tổ chức trọng thể với sự tham dự của trên dưới 400 nhà văn và một số các lãnh tụ chính trị, ngoài sự tham dự của Đỗ Mười, với chức vụ Chủ Tịch Hội Đồng Bộ Trưởng, còn có sự hiện diện của Lê Đức Thọ và 6 nhân vật trong Bộ Chính Trị và Ban Bí Thư, cùng một số các lãnh tụ khác trong Trung Ương Đảng. Đại Hội này diễn ra trong một tinh thần khá dân chủ, thẳng thắn và cởi mở, điều mà 3 đại hội trước đây không hề có. Một người tường thuật đã phê bình những người tham dự đã tới với một tư cách sang trọng, không phải vì áo quần bề ngoài mà vì tinh thần tự tin và độc lập của họ. Chữ "sang trọng", nếu do chính Tố Hữu nói ở năm 1954, chắc ai nghe cũng rùng mình. Trong cuộc bầu cử Ban Chấp Hành, 9 khuôn mặt mới đã đắc cử gồm Vũ Tú Nam, Nguyễn Quang Sáng, Xuân Cang, Hữu Thỉnh, Nguyên Ngọc, Chính Hữu, Nguyễn Khải, Hữu Mai, Nguyễn Thị Ngọc Tú. Những người như Nguyễn Duy, Dương Thu Hương và Bùi Minh Quốc dù thất cử nhưng vẫn được trên dưới 120 phiếu bầu.

Cuối cùng, đại hội này đã thông qua một nghị quyết có những đoạn như sau:

"Với sứ mạng cao cả của nhà văn trước Tổ quốc, trước nhân dân và trước Đảng, với tình cảm chân thành của những người cầm bút đứng chung trước một chiến hào tư tưởng, các nhà văn Việt Nam đã thảo luận, trao đổi nhiều vấn đề văn học và đời sống, trong bàu không khí sôi nổi, thẳng thắn, cởi mở và đầy trách nhiệm. Đại hội hoàn toàn nhất trí với Nghị quyết 5 của Bộ Chính Trị và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng, khoá VI. các nhà văn Việt Nam bày tỏ lòng tin tưởng sâu sắc sự lãnh đạo của Đảng đối với văn học".

Trong đại hội lần thứ ba, 1983, nhà văn Nguyễn Tuân có buộc miệng ước mơ "Phải chi có dân chủ tự do thật thì sướng nhỉ?". Đại hội này, tiếc là ông không còn sống. Nó đã có dân chủ hơn lần trước thật. Tình trạng đời sống xã hội bây giờ cũng có thoải mái hơn thật. Nhưng như vậy, chưa đủ và cũng không thể gọi là tự do dân chủ thật khi về thể chế chính trị, đảng vẫn còn nắm độc quyền cai trị. Nhìn vào số thành phần tham dự, không ai có thể tin là tất cả những người này sẽ ngoan ngoãn "nhất trí' như bản nghị quyết có nhắc đến. Tinh thần nhất trí với những bản nghị quyết chỉ biểu lộ những

gượng ép, lạc hậu. Hãy gởi trả lại sợi dây trói cho các lãnh tụ già nua về cả tinh thần lẫn tuổi tác ở Chính Trị Bộ, hay hãy gởi trả nó cho một sự lạc hậu hơn nữa, đó là tinh thần độc quyền chính trị, mà cả thế giới anh em của đảng bấy lâu nay đang chôn vùi vào lịch sử không thương tiếc.

Để xây dựng một nền văn học trung thực và nhân bản, trong hoàn cảnh chính trị hiện tại, không những đòi hỏi sự sáng tạo của người nghệ sĩ, mà nó còn đòi hỏi sự cố gắng, can đảm và dám lên tiếng của tất cả những người liên hệ.

Trong suốt những thập niên vừa qua, dân tộc Việt Nam đã chịu đựng quá nhiều đau khổ. Họ đã thất bại trong mọi phương diện để có thể xây dựng được một đời sống bình thường. Muốn phát triển đất nước trong xu hướng tiến bộ của thế giới, cần phải có thời gian xây dựng trên mọi lãnh vực từ chính trị, văn hoá, kinh tế, xã hội, giáo dục... cũng như cần phải có những can đảm dấn bước. Ở những người văn nghệ sĩ, những đòi hỏi và trách nhiệm còn nặng nề hơn. Những sĩ khí và trí tuệ của thời đại sẽ không còn cho phép họ tiếp tục qùy mọp trước sân rồng Ba Đình nữa. Nền văn học Việt Nam nói chung, và thi ca nói riêng, với kinh nghiệm sống đau thương có một không hai trên thế giới, chỉ có thể phong phú, lớn mạnh và xứng đáng khi nó trở lại bắt đầu từ những chức năng tự nhiên, là hoàn toàn ngoài vòng kiềm tỏa một cách mất bình thường của chính trị. Bấy lâu nay, nền văn học xã hội chủ nghĩa đã quá đơn giản và nghiêng lệch, mà duy trì nó, chỉ là tiếp nối những vết hằn của lịch sử.

**Garden Grove tháng Tư 1990**

# nhìn từ xa... tổ quốc



*Nguyễn Duy*

*Đối diện ngọn đèn*
*trang giấy trắng như xeo bằng ánh sáng*
*Đêm bắc bán cầu vần vụ trắng*
*nơm nớp ai rình sau lưng ta*
*Nhủ mình bình tâm nhìn về quê nhà*
*xa vắng*
*núi và sông*
*và vết rạn địa tầng*
*Nhắm mắt lại mà nhìn*
*thăm thẳm*
*yêu và đau*
*và quằn quại bi hùng*
*Dù ở đâu vẫn Tổ Quốc trong lòng*
*cột biên giới đóng từ thương đến nhớ*

*

*Ngọn đèn sáng trắng nóng mắt quá*
*ai cứ sau mình lẩn quất như ma*
*Ai?*
*im lặng*
*Ai?*
*cái bóng!*
*A...*
*xin chào người anh hùng bất lực dài ngoằng*
*bóng máu bầm đen sõng soài nền nhà*
*Thôi thì ta quay lại*
*chuyện trò cùng cái bóng máu me ta*

*

*Có một thời ta mê hát đồng ca*
*chân thành và say đắm*
*ta là ta mà vẫn mê ta (1)*
*Vâng — đã có một thời hùng vĩ lắm*
*hùng vĩ đau thương hùng vĩ máu xương*
*mắt người chết trừng trừng không chịu nhắm*
*Vâng — một thời không thể nào phủ nhận*
*tất cả trôi xuôi — cấm lội ngược dòng*
*Thần tượng giả xèo xèo phi hành mỡ*
*ợ lên thum thủm cả tim gan*

*

*Ta đã xuyên suốt cuộc chiến tranh*
*nỗi day dứt không nguôi vón thành sạn gót chân*
*nhói dài mỗi bước*
*Thời hậu chiến vẫn ta người trong cuộc*
*xứ sở phì nhiêu sao thật lắm ăn mày?*
*Ai?*
*không ai*
*Vết bầm đen dâm ngực*

*

*Xứ sở nhân tình*
*sao thật lắm thương binh đi kiếm ăn dủ kiểu*
*nạng gỗ khua rỗ mặt đường làng*
*Mẹ liệt sĩ gọi con dội mồ lên đi kiện*
*ma cụt đầu phục kích nhà quan*
*Ai?*
*không ai*
*Vết bầm đen quều quào giơ tay*

*

*xứ sở từ bi sao thật lắm thứ ma*
*ma quái — ma cô — ma tà — ma mãnh...*
*quỉ nhập tràng xiêu vẹo những hình hài*
*Đêm huyền hoặc*
*dựng tóc gáy thấy lòng toang hoác*
*mắt ai xanh lè lạnh toát lửa ma trơi*
*Ai?*
*không ai*
*Vết bầm đen ngửa mặt lên trời*

*

*Xứ sở linh thiêng*
*sao thật lắm đình chùa làm kho hợp tác*
*đánh quả tù mù trấn lột cả thần linh*
*Giấy rách mất lề*
*tượng Phật khóc Đức Tin lưu lạc*
*Thiện — Ác nhập nhằng*
*Công Lý nổi lênh phênh*
*Ai?*
*không ai*
*Vết bầm đen tọa thiền*

*

*Xứ sở thông minh*
*sao thật lắm trẻ con thất học*
*lắm ngôi trường xơ xác đến tang thương*
*Tuổi thơ oằn vai mồ hôi nước mắt*
*tuổi thơ còng lưng xuống chiếc bơm xe đạp*
*tuổi thơ bay như lá ngã tư đường*
*Bịt mắt bắt dê (2) đâu cũng dụng thần đồng*
*mở mắt... bóng nhân tài thất thểu*
*Ai?*
*không ai*
*Vết bầm đen cúi đầu lặng thinh*

*

*Xứ sở thật thà*
*sao thật lắm thứ điếm*
*điếm biệt thự — điếm chợ — điếm vườn...*
*Điếm cấp thấp bán trôn nuôi miệng*
*điếm cấp cao bán miệng nuôi trôn*
*Vật giá tăng*
*vì hạ giá linh hồn*
*Ai?*
*không ai*
*Vết bầm đen vò tai*

*

*Xứ sở cần cù*
*sao thật lắm Lãng Ông*
*lắm mẹo lãn công*
*Giả vờ lĩnh lương*
*giả vờ làm việc*
*Tội lỗi dửng dưng*
*lạnh lùng gian ác vặt*
*Đạo Chích thành tôn giáo phổ thông*
*Ào ạt xuống đường các tập đoàn quân buôn*
*buôn hàng lậu — buôn quan — buôn thánh thần — buôn tuốt ...*
*quyền lực bày ra đấu giá trước công đường*
*Ai?*
*không ai*
*Vết bầm đen nhún vai*

*

*Xứ sở bao dung*
*sao thật lắm thần dân lìa xứ*
*lắm cuộc chia ly toe toét cười*
*Mặc kệ cỏ hoang cánh đồng gái goá*
*chen nhau sang nước ngoài làm thuê*
*Biển Thái Bình bồng bềnh thuyền định mệnh*
*nhắm mắt đưa chân không hẹn ngày về*
*Ai?*
*không ai*
*Vết bầm đen rứt tóc*

*

*Xứ sở kỷ cương*
*sao thật lắm thứ vua*
*vua mánh — vua lừa — vua chôm — vua chĩa (8)*
*vua không ngại — vua choai choai — vua nhỏ...*
*Lãnh chúa sứ quân san sát vùng cát cứ*
*lúc nhúc cường hào đầu trâu mặt ngựa*
*Luật pháp như đùa — như có — như không có*
*một người đi chật cả con đường*
*Ai?*
*không ai*
*Vết bầm đen gập vuông thước thợ*

*

*?...*
*?...*
*?...*

*

*Ai?*
*Ai?*
*Ai?*
*không ai*
*Tự vấn — môi*
*vết bầm đen còng còng dấu hỏi*

*

*Thôi thì ta quay về*
*còn trang giấy trắng tinh chưa băng hoại*
*còn chút gì le lói ở trong lòng*

*

*Đôi khi nổi máu lên đồng*
*hồn thoát xác*
*rũ ruột gan ra đếm*
*Chích một giọt máu thường xét nghiệm*
*tí trí thức — tí thợ cày — tí điếm*
*tí con buôn — tí cán bộ — tí thằng hề*
*phật và ma..., mỗi thứ tí ti...*
*Khốn nạn thân nhau*
*nặng kiếp phân thân mặt nạ*
*Thì lột mặt đi — lần lữa mãi mà chi*
*dù dối nữa cũng không lừa được nữa*
*khôn và ngu đều có tính mức độ*

*

*Bụng dạ cồn cào bất ổn làm sao*
*miếng quá độ nuốt vội vàng sống sít*
*mất vệ sinh bội thực tự hào*
*Sự thật hôn mê — ngộ độc ca ngợi*
*bệnh và tật bao nhiêu năm ủ lại*
*biết thế nhưng mà biết làm thế nào*
*Chả lẽ bây giờ bốc thang chửi bới*
*thầy chửi bới nhe giàn nanh cơ hội*
*Chả lẽ bốc thang cỏ khô nhai lại*
*lạy ông-cơ-chế lạy bà-tư-duy...*
*xin đừng hót những lời chim chóc mãi*
*Đừng lớn lối khi dân lành ốm đói*
*vẫn còng làm cho thẳng lưng ăn*
*Đổi mới thật không hay giả vờ đổi mới?*
*máu nhiễm trùng ta có thể thay chăng?*

*

*Thật đáng sợ ai không có ai thương*
*càng đáng sợ ai không còn ai ghét*
*Ngày càng hiếm hoi câu thơ tuẫn tiết*
*ta là gì?*
*ta cần thiết cho ai?*

*

*Có thể ta không tin ai đó*
*có thể không ai tin ta nữa*
*dù có sao vẫn tin ở con người*
*Dù có sao*
*đừng khoanh tay*
*khủng khiếp thay ngoảnh mặt bó gối*
*Cái tốt nhiều hơn sao cái xấu mạnh hơn?*
*những người tốt đang cần liên hiệp lại*

*

*Dù có sao*
*vẫn Tổ Quốc trong lòng*
*Mạch tâm linh trong sạch vô ngần*
*còn thơ còn dân*
*ta là dân — vậy thì ta tồn tại*

*

*Giọt từng giọt*
*nặng nhọc*
*Nặng nhọc thay*
*Dù có sao*
*đừng thở dài*
*còn da lông mọc còn chồi nảy cây (4)*

Mát-xcơ-va, tháng 5-1988
TP Hồ Chí Minh, 19-8-1988

(1) Một câu thơ của nhà thơ Chế Lan Viên hồi chiến tranh chống Mỹ
(2) Bịt mắt bắt dê: một trò chơi dân gian của trẻ con
(3) Chôm: ăn trộm — Chĩa: ăn cướp (tiếng lóng)
(4) Một câu ca dao xưa

# cuộc chạy tiếp sức của bệnh sốt rét rừng chặng cuối

*Phạm Tiến Duật*

*có một người chiến sĩ tình nguyện Việt Nam*
*trước khi rời Kam-pu-chia*
*đã đốt một nén hương trịnh trọng*
*cắm lên chùa Prết-Vi-Hia*

*trận sốt rét làm mặt anh bừng đỏ*
*ngón tay nóng và run*
*nén hương cũng run lên khe khẽ*

*đấy cuộc chạy tiếp sức của bệnh sốt rét*
*những thế kỷ trước chuyền cho thế kỷ hai mươi*
*các anh tôi chuyền cho tôi*
*tôi chuyền cho bạn tôi*
*bạn tôi chuyền cho em tôi, người lính tình nguyện*

*dãy núi Trường Sơn đã run lên*
*lại đến núi Đăng-Rết run lên*
*cơn sốt rét dây dưa cùng trận đánh*

*và hôm nay, người chiến sĩ lên chùa*
*thắp một nén nhang khải hoàn*
*ngón tay nóng và run*
*cơn sốt rét chuyền cho nén hương*
*nén hương khe khẽ run lên*
*thân hương chuyền lên đầu hương*
*cháy đỏ*
*cháy hết cả màu mai mái xanh của bấy nhiêu thế kỷ*

*ngọn khói xanh lên trời*
*cầu nguyện cho Đông Dương*
*hồng hào sắc mặt.*

# cái nhìn của tương lai



*Thanh Thảo*

*những đứa trẻ như những cây cao su còi*
*mọc không hàng không lối*
*nắm tay nhỏ vung qua bụi đỏ*
*mắt gườm gườm xói vào chúng tôi*

*những nhà văn đi thực tế bằng xe hơi*
*tung bụi bẩn vào mặt đàn em nhỏ*
*tung ngôn ngữ gấm hoa vào mặt những túp lều khốn khổ*
*nơi đói nghèo công khai rách nát công khai*

*chúng tôi cứ hồn nhiên ca ngợi tương lai*
*cho tới chiều nay. Rừng cao su Chư-pả*
*tương lai bỗng ném vào chúng tôi cái nhìn kỳ lạ*
*qua cặp mắt gườm những đứa trẻ ngây thơ*

Cao su Chư-pả 11-1989

# di căn



*Thanh Thảo*

*như nghẹt thở*
*như không muốn thở*
*ô nhiễm*

*ung thư máu*
*ung thư không khí*
*những kẻ bán mình*
*di căn hung hãn*

*khát một hớp trong lành*
*khát một ánh thật thà*
*cần ngọn lửa sờ thấy nóng*
*không phải lửa ma trơi*

*viết một dòng cho một người*
*cho hai người*
*không viết một chữ cho ngợm*

*nói một lời nhỏ nhẹ*
*yếu đuối*
*như roi quất*
*khạc vào mặt giả nhân*

*anh lặng lẽ ra đi*

*dấu chân nhà văn*
*vỡ những dòng run run trên mặt đất.*

# mộng dữ



*Trinh Đường*

*Người bạn đường hỏi tôi*
*Anh đi bằng chân anh hay bằng chân người khác?*

*Người hàng xóm hỏi tôi*
*Anh múc nước giếng gần hay biển xa khi nhà cháy?*

*Nhà tư pháp hỏi tôi*
*Thủ phạm phải chăng là sự nghèo nàn?*

*Người công nhân hỏi tôi*
*Làm thế nào để thiết kế lại nhân tâm?*

*Người làm vườn hỏi tôi*
*Do sâu đục thân hay do giống xấu?*

*Người lọc nước cất hỏi tôi*
*Làm sao mẻ sau bảo đảm vô trùng?*

*Tôi bàng hoàng tỉnh dậy vã mồ hôi*
*Bao câu hỏi nhảy múa quanh tôi như hồn ma bóng quỷ.*

# người đàn ông bốn mươi ba tuổi nói về mình



*Trần Vàng Sao*

*1.*

*Tôi tuổi tý*
*năm nay bốn mươi ba tuổi*
*thường không có một đồng trong túi*
*buổi sáng buổi chiều*
*thứ hai thứ ba thứ bảy chủ nhật*
*trong nhà ngoài sân với hai đứa con*
*cây cà cây ớt*
*con chó con mèo*
*cái đầu gãy cái tay gãy của con búp bê*
*cọng cỏ ngọn lá vú sữa khô*
*thúng mủng chai chén sách vở quần áo mũ nón cuốc rựa*
*trên ghế dưới bàn*
*hai ba ngày một tuần một tháng có khi không đi đâu hết*
*một hai ba giờ sáng thức dậy ngồi vác mặt ngó trời nghe chó sủa*
*miếng nước trà mốc nguội có mùi bông lài rát cổ*
*cũng không có chi phiền*
*vấn một điếu thuốc hút*
*hai ba lần tắt đỏ*
*rồi nửa chừng rách giấy*
*bạn bè gặp nhau*
*cho uống một ly cà phê*
*một lần*
*qua hai lần phải tránh*
*không phải ai cũng nghĩ như mình*
*nhiều đứa vui cho năm ba đồng một chục*
*đưa tay cầm lấy*
*miệng nói không được.*

*2.*

*Tôi thấy tôi như người tù được thả rong*
*lang thang giữa đường giữa phố*
*nhìn hết mọi người*
*xem mình mặt mũi lâu ngày có khác người không*
*tôi đi lui*
*tôi đi tới*
*phố phường đông chật*
*tiếng cười tiếng la tiếng nói tiếng xe cộ*
*chẳng có ai quen thử nói chào tôi một tiếng*
*tôi đưa hai bàn tay lên đầu vuốt tóc*
*lấy chân hất một hòn đá*
*cúi xuống nhìn mấy cái bao thuốc không bên lề đường*
*rồi đi về*
*qua cầu dép sút một quai*
*tôi không muốn nhớ gì hết.*

*3.*

*Tôi ngồi trên hòn đá trước nhà*
*buổi chiều không có một con chim đậu trên cây*
*đứa trẻ con chia phe đuổi bắt cười la ngoài ngã ba đường*
*đứa sống đứa chết cãi nhau ăn gian chửi thề*
*những người đi bán về nói chuyện tiếng to*
*hai đứa nhỏ nhà bên cạnh cầm đèn che miếng lá chuối*
*qua xin lửa hỏi tôi nấu cơm chưa*
*tôi cười lắc đầu muốn đi ngủ*
*trong gió có mùi rơm cháy*
*tôi không biết làm gì hết*
*tôi bỏ hai chân ra khỏi dép cho mát*
*đám trẻ con bỏ chơi chạy theo phá đàn trâu bò*
*tôi bước vào nhà mở rộng hai cánh cửa lớn*
*thắp một cây đèn để lên bàn thờ*
*hai đứa con ra ngoài đường chờ mẹ chưa về*
*trời còn lâu mới tối*
*tôi đi gánh một đôi nước uống*

*4.*

*Tôi sống yên ổn với những việc làm hàng ngày ở nhà của mình*
*không định được ngày mai*
*có một đồng để mua cho con nửa cái bánh tráng*
*hay hai cái kẹo gừng*
*có hai đồng cất dưới chân đèn trên bàn thờ*
*lỡ khi hết dầu thắp tới bữa thiếu ruốc bột ngọt*
*mả cha cuộc đời qúa vô hậu*
*cơm không có mà ăn*
*ngó lui ngó tới không biết thù ai*
*những thằng có thịt ăn thì chẳng bao giờ ỉa vất.*

*5.*

*lâu ngày tôi thấy quen đi*
*như thân thể của mình*
*tiếng ho gà nửa đêm của những đứa bé chưa đầy hai tuổi buổi chiều*
*không có cơm ăn những con ruồi ăn nước mũi khô trên má*
*những đứa đau quan sát*
*những con chuột chết lòi ruột ở bến xe*
*những tiếng cha mẹ vợ chồng anh em con cái*
*chửi bới la hét trong bữa ăn*
*người điên ở trần đứng làm thinh giữa trời mưa ngoài chợ*
*những ngày hết gạo hết tiền hết củi*
*muối sống không còn một hột của tôi*
*những trách canh rau khoai tháng năm không có bột ngọt*
*hai mắt tôi mở to*
*đầu tôi cúi thấp*
*miệng tôi há ra*
*những lá khoai nhám và rít mắc vài hột cơm*
*dồn cứng chặt cuống họng*
*nói thật lúc này tôi muốn được say rượu*
*họa may thấy một đồng thành ba bốn đồng.*

*6.*

*Nhiều khi tôi qúa chán*
*chân tay rã rời*
*đầu óc đau nhức*
*không muốn làm gì hết*
*mấy đứa nhỏ chơi buôn bán bỏ đi đâu không biết*
*để đất đá lá cây đầy nhà*
*tôi dựa cửa ngồi yên một chỗ*
*dụi mắt nghĩ hết chuyện này tới chuyện nọ*
*nói chi tới những đứa đã chết trên rừng giữa phố*
*bạn bè có đứa giàu có đứa nghèo*
*đứa ngụy đứa cách mạng*
*đứa tiền của ăn tiêu mấy không hết*
*đứa không có được một cái áo lành*
*đứa đi kinh tế mới ba bảy tám năm trở về*
*xách một cái bị lát mặt cắt không có hột máu*
*đứa đạp xe thồ ngồi vắt chân ăn củ sắn chờ khách ở bến xe*
*đứa vô tích sự ở nhà không có việc chi làm*
*có đứa râu tóc dài che kín mặt*
*có đứa tàng không nhớ mình tên chi*
*có đứa chịu không nổi dắt vợ con vào nam ăn đường ngủ chợ*
*mỗi lần gặp nhau mở to mắt cười*
*hút một điếu thuốc lá lắc đầu*
*hết chuyện nói*
*hai đứa con tôi đi chơi về cười nói*
*đứa nhỏ bắt tôi đánh trống cho nó làm ông địa múa thiên cẩu.*

*7.*

*Cái trống long mặt ni–lông và hai chiếc đũa tre*
*tôi đánh*
*múa đi các con*
*này đây cái nón gãy vành làm đầu thiên cẩu*
*và sợi dây chuối treo ngọn lá làm tiền*
*múa đi các con*
*cái bụng ông địa to tròn giơ lỗ rún gài nút áo không được*
*ông địa chống tay vỗ bụng ngửa mặt lên trời cười ha ha*
*tôi vỗ tay hoan hô*
*và không biết mình có nhớ ra được cái mặt nạ ông địa không.*

# cuộc đời như vợ của ta ơi!



*Việt Phương*

*Năm xưa ta nói rất nhiều về "Cực kỳ" và "Hết sức"*
*Tội nghiệp là ta nói chân thành rất mực*
*Chưa hiểu rằng trời còn xanh hơn cả "trời xanh"*
*Ta thiếu sự trầm lặng cũng do bởi nhiệt tình.*

*Ta cứ nghĩ là đồng chí rồi không còn ai xấu nữa*
*Trong hàng ngũ ta chỉ dành chỗ cho yêu thương*
*Đã chọn đường đi chẳng ai dừng ở giữa*
*Mạc Tư Khoa còn hơn cả thiên đường.*

*Ta nhất quyết đồng hồ Liên Xô tốt hơn đồng hồ Thụy Sĩ*
*Hình như đây là ý chí, niềm tin và tự hào*
*Mường tượng rằng trăng Trung Quốc đẹp hơn trăng nước Mỹ*
*Sự ngây thơ đẹp tuyệt vời nhưng ngờ nghệch làm sao!*

*Một nửa thế kỷ qua đi và bây giờ ta đã biết*
*Thế nào là yêu thương, thế nào là chém giết*
*Ta đã thấy chỗ lồi, chỗ lõm trên trăng sao*
*Những vết bùn trên tận đỉnh chín tầng cao.*

*Sức ta tăng bội phần khi ta say đến trở thành rất tỉnh*
*Ta có thể nói với quân thù những lời bình tĩnh*
*"Những cái gì tốt đẹp của mày thuộc về tao!*
*Những cái gì xấu xa của tao thuộc về mày!".*

*Năm xưa ta vô tình tô thắm cuộc đời để mà tin*
*Nay đã tin mà không cần tô thắm gì nữa cả*
*Quen thuộc rồi mới bất ngờ kỳ lạ*
*Ta đã trả giá rất đau và đã học nhìn.*

trên quê hương

*Ta đã gặp những điều không hề chờ đợi gặp*
*Mà đâu phải chỉ rắn phục giữa vườn hoa*
*Những kẻ tốt đến yếu mềm chỉ là đồ giẻ rách*
*Rắn còn nằm cuộn khúc giữa lòng ta.*

*Ta suy nghĩ tám nghìn đêm đánh giặc*
*Nghiền tâm tư với những hạt ngô bung*
*Giữa bom đạn ta lọc ra hạnh phúc*
*Tim ta dần trong sáng đến vô cùng.*

*Ta đã sống những phút giờ sự thật*
*Tâm dân tộc ta và kích thước loài người*
*Bừng vẻ đẹp chắc bền của Đất*
*Những thung lũng đau xưa vàng rực niềm tin.*

*Ta đã hiểu sai và có thể vẫn còn sai*
*Chất người trong ta cộng sản thêm chút nữa*
*Trút vẻ thần tượng đi, càng lồng lộng con người*
*Phía trước, đàng sau, bên ngoài, và chính giữa.*

*Như Quảng Bình, Vĩnh Linh càng tươi máu lửa*
*Ta hiểu hết sự xấu xa, bỗng nở nụ cười*
*Mở đài địch như mở toang cánh cửa*
*Nghe nó chửi mà tin tưởng ở ngày mai.*

*Ta đau lắm những nỗi đau sinh nở*
*Cuộc đời thân như hơi thở của ta ơi*
*Ta vui lắm những niềm vui cởi mở*
*Cuộc đời yêu như vợ của ta ơi!*

# người ơi



*Đỗ Nam Cao*

Kính tặng bác Hữu Loan tác giả Mầu Tím Hoa Sim

*Nhà thơ của một mầu*
*Đi tận cùng mầu ấy.*
*Người từng nắm cục than*
*(Gan cóc tía!)*
*Để một đời níu níu hoa lúa*
*Thế giới lắm sắc mầu*
*Đi tận cùng mầu ấy.*
*Người khóc người vợ chết cực kỳ*
*Khóc hóa lời thơ không che dấu*
*Kìa xem con cá sấu*
*Nước mắt cũng lắm mầu*
*Đi tận cùng mầu ấy.*
*Người giữ lửa trong đêm*
*Cái nùi rơm còn cháy*
*Có một chiều mưa nào chạnh thấy*
*Mống cụt cũng bẩy mầu*
*Đi tận cùng mầu ấy.*
*Người câm như hạt thóc*
*Ba mươi năm*
*Ba mươi năm nằm mục!*
*Bỗng bật mầm*
*Òa lên mùa màng con gái lúa ứa sữa.*
*Chỉ thằng điên đập xóa các mầu*
*Giữ riêng mầu hắn khoái*
*Người chỉ muốn xới đào tận đáy*
*Trong vũ trụ hồn mình*
*Đi tận cùng mầu ấy.*
*Người hư thực ở bên tôi*
*Mái tóc bạc ảo mờ sương dĩ vãng*
*Bất chợt*
*Giọt nước mắt — mầu sim*
*Chảy nhểu ra từ bên con mắt lớn...*

# hà nội perestroika



*Nguyễn Trọng Tạo*

*Ba mươi năm lẩn tránh những dòng tên*
*báo lại in Phùng Quán, Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt...*
*ba mươi năm*
*có tên tuổi đổ bê–tông*
*phút chốc thành vụn nát...*

*Hà Nội Perestrôika*
*Không Đổi Mới đồng nghĩa cùng Tự Chết!*
*Tôi trở lại người kêu oan người lên chức*
*chợt cất lên tiếng nói những người câm*
*sắm trăm vai mà chẳng phải diễn viên*
*bao nhiêu Vân dại*

*Hà Nội Perestrôika*
*Tháp Rùa đột ngột trên sương khói...*
*Cạn một chầu bia hơi*
*không chờ đợi*
*chỉ vậy thôi, đủ tin yêu Hà Nội.*
*Nhưng đừng tin tất cả sẽ ngọt ngào*

*Perestrôika*
*có cay đắng của ngôi nhà bị giỡ*
*những phóng viên máy ghi âm phòng thủ*
*giá giấy tăng*
*giá gạo nhảy bất ngờ*
*thơ vẫn viết, vẫn giữ vai "dầu nậu"*
*thơ làm sao sống nổi giữa thủ đô?*

*Hà Nội Perestrôika*
*ông lớn tôi gặp lại*
*Hà Nội nghe cay cú giọng về hưu*
*em bé mời tôi mua báo mới*
*hồn nhiên tăng giá, chẳng nhiều lời*
*có tiếng nói hả hê mùi thịt chó*
*có bàn tay tái nhợt ngửa xin tôi...*
*"Nếu rắc muối vào vết thương*
*cứ rắc*
*với vết thương*
*xin đừng rắc*
*thêm đường!"*
*đừng an ủi bằng những điều huyễn hoặc*
*đừng tin yêu như một gã ngoài đời*

*Hà Nội Perestrôika*
*không Đổi Mới đồng nghĩa cùng Tự Chết:*
Hà Nội – Huế, 4–1988

# lương thiện



*Trần Chấn Uy*

*Khi ta sinh ra, lớn lên*
*vẫn giữ nếp xưa*
*người già dạy ta lương thiện*
*Lương thiện*
*là mười lăm năm lưu lạc Thúy Kiều*
*là Thị Kính nghìn năm oan khuất*
*là xác chết Chí Phèo*
*quằn quại trong trang văn Nam Cao*
*cha ông xưa*
*trọng nhân nghĩa, giữ đức lành*
*sao văn chương*
*Còn ghi bao cuộc đời oan trái.*
*Vị đại thần triều Lê, Nguyễn Trãi*
*Có phải vì thanh liêm mà mắc án Lệ Chi viên*
*kẻ sĩ Bắc hà Yên Đổ tam nguyên*
*thương dân, khóc nước mắt mù*
*chí sĩ họ Ngô*
*nhận cái chết để giữ mình lương thiện*
*Đất nước, trải bốn nghìn năm thanh bình binh biến*
*bao người trung liệt bị chém đầu*
*còn gian thần thì ung dung áo mũ*
*Có phải khổ đau, oan khuất*
*là cái giá*
*làm người lương thiện*
*của mọi thời chăng?*
*Cho dù thế khi con ta sinh ra và lớn lên*
*vẫn giữ nếp xưa*
*ta sẽ dạy con ta làm người lương thiện*

# về một ông quan

*Nguyễn Văn Chương*

*Tám mươi năm tròn từ ngày ông mất*
*Người ta còn tranh luận về ông*
*Có tội hay có công?*
*Ông quan họ Đào thăng đến Thượng thư*
*nhưng lại say mê làm thơ, hát bội*
*Ông lên chức danh nhờ mấy chục Pho tuồng hay giết người vô tội?*
*Lịch sử đã phân minh*
*Ông làm quan*
*Phải đâu để mưu danh cầu lợi cho mình*
*Thời thế ấy lựa chiều gió thổi*
*Miễn là đừng khom lưng qùi gối*
*Còn đánh thù, ngọn bút tài há kém thanh gươm*
*Vạch mặt bọn vua quan ở giữa triều đường*
*Mà chúng phải ha hả cười khen, ấy ngọn bút ông mới là thần diệu*
*Những Đắc Kỷ, Trụ Vương dời này chẳng thiếu*
*Phải chúng đang chễm chệ ngai vàng?*
*Ông làm quan*
*Dẫu bốn lần thượng Thư, ba lần Tổng đốc*
*Lớn quyền lớn chức*
*Nhưng ông không lớn lòng tham*
*Bao kẻ vừa nghi ngoe một chức sắc cỏn con*
*Lòng không đáy đã bạo tay vơ vét*
*Riêng ông vẫn thẳng ngay ngọn bút*
***Hiền tôi gian, lòng những căm lòng***
***Gươm ba kia, tội gã không dung***
***Luật tám nọ lỗi mày khó thứ** (1)*
*Nếu làm quan, xin cứ như Đào công là đủ*
*Để mai sau, tên tuổi còn thơm*
*Thành tâm dâng một nén hương*
*Kính viếng ông — quan — tuồng hiếm hoi trong lịch sử*
**Thủ vãng sơn hà tâm vị tử** *(2)*
*Bông mai vàng nở sáng núi Huỳnh Mai*

(1) Lời Tạ Ngọc Lân trong tuồng "Khuê các anh hùng"của Đào Tấn.
(2) Tay đỡ non sông lòng chẳng chết. Thơ Đào Tấn khóc Phan Đinh Phùng.

# vai trò của ký trong cao trào văn nghệ phản kháng



Trương Đình Luân

Từ giữa năm 1987 đến nay, do những điều kiện khách quan thuận lợi, nền văn học trong nước vượt thoát được tình trạng tiềm ẩn để công khai thể hiện một khuynh hướng đã thai nghén từ nhiều năm tháng trước. Khởi nguyên là những hạt giống đề kháng của toàn thể xã hội Việt Nam trước một ý hệ chính trị ngoại lai, không tưởng và hệ thống cơ chế xây dựng trên nền tảng bạo lực, áp chế. Mang đặc chất đề kháng của toàn xã hội, trào lưu Văn học Nghệ thuật phát sinh trong thời gian này được mệnh danh là "*Cao trào Văn nghệ Phản kháng*".

Đóng góp nhiều nhất cho cao trào về cả chất lượng và số lượng là các bộ môn lý luận văn học, thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết và đặc biệt là sự có mặt của bộ môn ký, một thể tài đã vắng bóng từ lâu trong sinh hoạt văn học miền Bắc, và suốt khoảng mười năm kể từ ngày đất nước thống nhất.

Phần viết dưới đây trình bày sơ lược vai trò của ký trong giai đoạn Văn học 1954 - 1975 ở cả hai miền Nam Bắc, để từ đó nhận định vai trò của các bài ký trong toàn cảnh của "*Cao trào Văn nghệ Phản kháng*" diễn ra tại Việt Nam trong khoảng thời gian gần ba năm vừa qua.



Thời điểm 1954, khi đất nước bị qua phân, nền Văn học Việt Nam cũng chia thành hai ngả. Hai miền đất nước ở vị thế đối kháng chính trị nên Văn học không tránh khỏi màu sắc này. Tuy vậy, tại miền Nam, với bản chất tự do, Văn học có môi sinh thuận lợi, đã phát triển dồi dào về mọi thể loại và mọi khuynh hướng. Riêng bộ môn ký với sự tham gia của đông đảo người viết: "*Ở miền Nam sau năm 1954, đề tài của ký mở rộng ra, phong phú hẳn*" (1). Về chất liệu bút ký đi sâu vào nhiều hình thái sinh hoạt xã hội. Với đặc

tính "*thiết tha và cởi mở*", ký trong giai đoạn Văn học này để lại trong lòng người đọc nhiều ngậm ngùi và nhiều cảm xúc khó phai.

Cũng khoảng thời gian sau năm 1954, tại miền Bắc, những người Cộng sản tập trung trong tổ chức chính trị mệnh danh là Đảng Lao Động Việt Nam. Họ xây dựng xã hội Xã hội Chủ nghĩa lấy nền tảng là chủ nghĩa Marx, và một cấu trúc quyền lực theo khuôn mẫu lý thuyết của Lenin và Stalin. Trên cơ sở đó, Văn học Nghệ thuật cũng như mọi hình thái sinh hoạt xã hội khác bị chi phối trực tiếp bởi quyền lực chính trị.

Riêng lãnh vực Văn học dựa trên đường lối do Lenin đề ra: "*Văn học phải là một bộ phận trong toàn bộ sự nghiệp của giai cấp vô sản*". Quyền lực của giai cấp vô sản lại được thể hiện thông qua vai trò lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Từ nguyên tắc này, các lãnh tụ miền Bắc áp đặt quyền lực chính trị trên mọi sinh hoạt Văn học. Hình thái này vô hình chung đánh động một yếu tố hàm chứa trong bản thể Văn học. Sáng tạo phải gắn liền với tự do. Sức đề kháng của Văn học trước áp chế của chính trị thể hiện qua phong trào Nhân Văn Giai phẩm. Trong bối cảnh xã hội, chính trị nắm ưu thế tuyệt đối, và với vị thế vững chắc của Đảng Cộng sản lúc bấy giờ, toàn bộ sáng tác của phong trào bị bôi xóa bằng các biện pháp chính trị, các văn nghệ sĩ tham gia bị tù đày, lao động khổ sai.

Từ đó, Văn học miền Bắc thu mình biến thành công cụ của Đảng. Toàn bộ sáng tác Văn học được vận dụng để tô vẽ cho một mục tiêu chính trị: "*Văn học minh họa*", cổ võ đề cao một đối tượng chính trị: "*Văn học tụng ca*".

Là một bộ môn của Văn học, bút ký đương nhiên được vận dụng theo tiêu hướng chung. Với ý nghĩa ghi chép lại thực tại, có thể nói ký trong giai đoạn Văn học này bị đặt vào tình huống cay cực nhất so với các bộ môn khác. Ký buộc phải ghi lại, tô vẽ, trang điểm thêm những khung cảnh, những khuôn mẫu được dàn dựng, ngụy tạo. Sau đó được kết hợp với kỹ thuật tuyên truyền tinh vi tạo nên những ảo tưởng trên toàn xã hội. Điển hình là các bài ký "*Sống như anh*", "*Quê hương năm tấn*", "*Trên những nông trường*"... Rốt cuộc vì lấy chất liệu từ những khung cảnh không có thực, và từ các nhân vật mẫu đã được tô vẽ và nhào nặn trước, ký mất dần sự hưởng ứng của tầng lớp người đọc và tác dụng tuyên truyền của nó cũng không tồn tại. Từ năm 1965 trở về sau, thể loại ký không còn được thúc đẩy sáng tác trong sinh hoạt Văn học miền Bắc (2).

Thời điểm 1975 diễn ra một biến động lớn lao của đất nước. Những người Cộng sản sau 15 năm huy động mọi tiềm năng của miền Bắc theo đuổi cuộc chiến tranh. Thụ hưởng thời cơ thuận lợi của cục diện thế giới, họ đã thống nhất được lãnh thổ. Mục tiêu chính trị tối hậu của Đảng đề ra để kêu gọi hy sinh của toàn dân nay đã đạt được. Mọi sinh hoạt quốc gia đương nhiên

hướng về những xây dựng hậu chiến tranh, đòi hỏi một đời sống yên ổn, áo ấm cơm no, hạnh phúc thực sự.

Văn học, từ bao năm nay vẫn thu mình làm công cụ của Đảng, nay lại ngấm ngầm chỗi dậy tìm về với nhiệm vụ nguyên thủy: Đó là vượt mọi cản trở để đến với sự thật và phục vụ con người. Những sáng tác ban đầu của trào lưu này chỉ mới bóng gió nêu ra những bất công, những tệ trạng trong nội bộ chế độ. Đi xa thêm một bước nữa là bày tỏ những ê chề thất vọng về mục tiêu theo đuổi trong suốt thời gian phục vụ cuộc chiến đấu mang danh nghĩa cách mạng. Những tác phẩm tiêu biểu "*Mẹ và con*" của Ma Văn Kháng, "*Cù Lao Chàm*" của Nguyễn Mạnh Tuấn, truyện ngắn "*Con Rắn*" của Dương Thu Hương, "*Về nhà trước cơn mưa*" của Trang Thế Hy. Dư âm của những sáng tác trên là nét xấu xa của chế độ, là nỗi đắng cay, chua xót về những hy sinh, mất mát trong quá khứ.

Ký chưa góp mặt trong trào lưu đề kháng tiềm ẩn này. Một phần vì yếu tố thời cuộc, đúng hơn vì thể tài ký thiên về sự thật, không thích hợp trong giai đoạn Văn học này.

Phải chờ đến mấy năm gần đây, trận bão dân chủ phát khởi, thổi xuyên lục địa từ Âu sang Á, mang sức mạnh phá sập mọi thành trì áp bức, bóc lột. Trước xu thế không thể cưỡng chống của thời đại cùng những khát vọng bức thiết chính đáng của toàn khối dân tộc về công lý và hạnh phúc, để duy trì sự "*sống còn*" của chế độ, đảng Cộng sản Việt Nam bắt buộc phải kêu gọi "*đổi mới tư duy*", cho ra đời những cải sửa trong các hoạt động kinh tế. Cũng do yêu cầu để "*sống còn*" này, giữa năm 1987, lãnh tụ đảng cộng sản Việt Nam phải tuyên bố "*cởi trói văn nghệ*".

Thời cơ thuận lợi đã đến, mọi năng lực đề kháng của Văn học tiềm phục từ lâu đồng loạt chỗi dậy để biến thành một cao trào. Những suy tư về thân phận, về đất nước, về tiền đồ dân tộc từ bao lâu vẫn ủ kín trong lòng, giờ đây được các văn nghệ sĩ trong nước trân trọng diễn dịch và ghi chép... Thơ: tinh lọc, xúc tích, vẽ lại thân phận của kiếp người trong xã hội phản tiến hóa. Tiểu thuyết, truyện: hùng hồn, tố cáo một xã hội đặt trên nền tảng giả tạo, khô kiệt tình người; dũng cảm, đề ra những sai lầm tự bản chất của chế độ và khát vọng cấp thiết về dân chủ và quyền sống của toàn dân.

Đặc biệt là sự xuất hiện trở lại thể tài "Ký" trong cao trào. Ký, trong giai đoạn này được vận dụng dưới mọi hình thức. Từ hình thức thô sơ của ký là phóng sự, đơn thuần ghi lại đầy đủ một sự việc diễn ra trong sinh hoạt xã hội (3). Đến các bài ký, dụng công điều tra truy xét một sự việc ghi chép đầy đủ diễn tiến, nêu rõ không gian và thời gian (ký "*Suy nghĩ trên đường làng*" của Hồ Trung Tú, "*Công lý đừng quên ai*" của Lâm Thị Thanh Hà). Rồi đến truyện ký, cũng chú ý truy tìm thực tại ghi lại diễn biến. Thêm vào đó, truyện ký diễn tả tâm tư của nhân vật và cả nhận xét dự phóng của người viết (truyện

ký "*Lời khai của bị can*" của Trần Huy Quang, "*Đêm Trắng*" của Hoàng Hữu Các).

Hai tập truyện mang tựa đề "*Người đàn bà quỳ*" và "*Lời khai của bị cáo*" tập trung một số truyện ký tiêu biểu: (4).

— Hai bài ký "*Suy nghĩ trên đường làng*" của Hồ Trung Tá và "*Cái đêm hôm ấy... đêm gì*" của Phùng Gia Lộc... tố giác thực chất bóc lột và bất công của hai hình thức tổ chức tập thể nông dân: Đội ngũ hóa nông dân trong các hợp tác xã và gần đây là chính sách giao khoán sản phẩm nông nghiệp.

"*Công sức bỏ ra không được hưởng lại mang công mắc nợ! Người nông dân nhìn mảnh ruộng khoán mà... sợ. Trả lại ruộng khoán! Một cơn dịch âm thầm và dữ dội*".

"*Nếu trả lại ruộng khoán mang âm sắc của sự mỏi mệt, đuối hơi, thì trả ruộng lại hợp tác xã mang âm điệu của sự hờn tủi, phản ứng trước những bất công*". (Trích ký "*Suy nghĩ trên đường làng*").

Chủ trương bóc lột, nghèo hóa nông dân: "*Mất mùa màng, lợi ích thứ ba của người lao động phải hy sinh cho lợi ích Nhà nước.*

Trong một nước nông nghiệp mà nông dân thiếu cơm ăn đến phải kêu gào: "*con người mà miếng cơm chín vào bụng vẫn không đủ thì sống thế nào*" (trích ký *Cái đêm hôm ấy... đêm gì.*

— Ký "*Bông lúa nổi giận*" của Hà Văn Thùy, truyện ký "*Người đàn bà quỳ*" của Trần Khắc và ký "*Công lý đừng quên ai*" của Lâm Thị Thanh Hà... hợp thành một bản tố cáo tường tận một tập hợp cán bộ tham ô, xảo trá, tàn nhẫn, sản phẩm của một chế độ phi nhân.

Đem đơn tố cáo cán bộ cường hào bóc lột mưu sát dân lành mà một bà cụ già phải van xin: "*Cho mẹ vào quỳ dưới đất, đội lá đơn này dâng lên các đồng chí lãnh đạo Nhà nước*" (trích truyện ký "*Người đàn bà quỳ*").

Công lý đồng lõa với kẻ có quyền để áp bức người dân: "*Kẻ có tội vẫn phây phây, không ai động tới lông chân. Chỉ khổ cho thằng dân bị oan, đã nghèo qua dận này lại nghèo xác. Sắp tới không biết lấy đâu sức lực để mần nuôi vợ con... Hết hiểu nổi mấy ông Nhà nước rồi!*" (trích ký "*Bông lúa nổi giận*").

Trước nỗi khổ đau tận cùng của tầng lớp nông dân, nỗi xúc động của người viết ký trào dâng trên trang giấy. "*Nhưng có lẽ hơn mọi khổ đau của chúng ta, là nỗi khổ đau rất thực của người nông dân đang còng lưng sấp mặt dưới ách áp chế*" (trích ký "*Bông lúa nổi giận*").

— Ký "*Đêm trắng*" của Hoàng Hữu Các đi sâu vào những băng hoại của tổ chức Đảng bộ ở nông thôn với những cáo giác va chạm tới bản chất của chế độ.

"*Cứ có quyền là có lợi. Quyền to, lợi nhiều. Quyền nhỏ lợi ít. Từ ngày Đảng dành được chính quyền đến nay, thì quyền lực nằm hết trong tay các đảng viên*".

*"Bộ máy quyền lực phình lên mức tối đa, thì quyền con người xẹp xuống mức tối thiểu. Người dân, bất cứ lúc nào cũng có thể bị bắt, bị phạt".*

*"Suốt hàng chục năm trời chúng ta cứ hô hào mãi: "Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động". Nhưng họ có quyền gì đâu mà làm chủ? Nhân dân chẳng có quyền gì hết, đến quyền làm người chân chính còn mong manh nữa là quyền làm chủ!"* (trích ký "*Đêm trắng*").

— Ký "*Tiếng kêu cứu của một vùng văn hóa*" của Võ Văn Trực... tố cáo chủ trương triệt hủy các hình tượng linh thiêng và các truyền thống văn hóa dân tộc.

*"Tang thương thay, tại làng tôi, trong quá trình biến thôn mạc trù phú thành cái ấp trơ trọi thì bao nhiêu đình, chùa, nhà thờ cũng bị triệt hạ".*

*"Tiếng trống tuồng, trống chèo rộn rã mùa xuân thôn xóm hàng trăm năm nay cũng chết tiệt theo cái lịnh thô bạo của đảng ủy và ủy ban xã".*

— Hai truyện ký "*Lời khai của bị can*" của Trần Huy Quang và "*Câu chuyện về một ông vua Lốp*" của Nhật Linh, minh chứng một quy luật xã hội, dân chủ không thể hiện hữu trong chế độ độc tài chuyên chính. Mặt khác nêu ra những tác hại của quan niệm cộng hữu tư liệu sản xuất:

*"Nhà tôi ngoài cái bàn thờ tổ tiên, có thêm một bàn thờ nữa để thờ thần Công lý và Pháp luật...*

*Xin Pháp luật soi sáng mọi nhà trừng trị những kẻ nhân danh cái thiện mà làm cái ác".*

*"Giàu thì phải có giới hạn, một giới hạn nghiêm nhặt, nhưng nghèo khổ thì không có giới hạn, được phép xuống tận cùng. Ai dâu có biết rằng dân nghèo thì làm sao nước mạnh được?"* (truyện ký "*Lời khai của bị can*").

- "*Tiếng hú của con tàu*" của Nguyễn Thị Vân Anh, "*Con tàu dang vượt sông*" của Hoàng Hữu Các và "*Đá nổi xôn xao*" của Hoài Tô hạnh là ba truyện ký ghi lại tường tận đời sống nghèo nàn cùng cực của tầng lớp công nhân trong các cơ xưởng xí nghiệp quốc doanh.

Góp chung lại nội dung của các truyện ký nêu ra hai vấn đề:

Thứ nhất: Những sai lầm căn bản trong cơ chế tổ chức sản xuất dẫn đến tình trạng trì trệ và nghèo nàn cùng khắp nông thôn Việt Nam.

Thứ hai: Sức áp chế tinh thần và bóc lột công sức nông dân của bộ máy Nhà nước đã đến mức tột cùng.

Trong khung cảnh toàn bộ của Cao trào Văn nghệ phản kháng, những bài lý luận và phê bình mang dụng đích kiểm xét và đặt lại vị trí của Văn học Nghệ thuật, năng động và đề hướng sáng tạo cho toàn cao trào. Thơ, tiểu thuyết và truyện ngắn đi sâu vào tâm thức đả phá tính cách phi nhân, giả trá trong bản chất của chế độ chính trị, và báo động về tầm mức tác hại của nó trong đời sống. Mặt khác, thúc đẩy tái tạo những giá trị nhân bản và truyền thống đạo lý Việt Nam.

Truyện ký được hướng dẫn tinh tế để tập trung vào khu vực nông thôn, một khung cảnh sinh hoạt rộng lớn của xã hội Việt Nam. Ký đã thể hiện vai trò ở hai điểm:

* Điểm thứ nhất: Ký đã hỗ trợ cho khu vực lý luận để minh chứng sự sai lầm trong luận cứ về hiện tượng và bản chất. Đứng trước một việc xấu xảy ra trong xã hội, người Cộng sản luôn luôn kết luận đó là một hiện tượng ở ngoài bản chất của chế độ. Chế độ mang bản chất tốt chỉ có những hiện tượng xấu diễn ra trong hoàn cảnh riêng biệt. Truyện ký trải rộng điều tra đời sống nông dân ghi nhận những hiện tượng xấu, tệ trạng áp chế, bóc lột vi phạm dân chủ xảy ra đều khắp nông thôn Việt Nam, đè nặng lên tập hợp quy tụ trên 80% dân số. Như vậy nó không còn là một hiện tượng *cục bộ* mà chính là bản chất của chế độ.

* Điểm thứ hai: Trong xã hội, xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khối nông dân là đề tài chính trong các bài ký được mệnh danh là giai cấp vô sản. Trong quá trình đấu tranh dành độc lập, thành phần này được đề cao và vận dụng tối đa. Họ đã đóng góp và hy sinh nhiều nhất. Sau khi thống nhất được đất nước, chế độ đã đền đáp công lao của giai cấp này như thế nào?

Các truyện–ký đã chiếu dọi vào điểm này và cho thấy một sự thực phũ phàng: Bộ máy nhà nước được củng cố để khống chế và bóc lột tập thể nông dân, dựa trên ý niệm quyền lực nhân danh chính nông dân "*Chuyên chính vô sản – bạo lực cách mạng*".

Sức mạnh của chuyên chính vô sản dưới sự điều động của Đảng bây giờ lại là bạo lực phủ chụp lên nông dân. Áp bức đã lên tới mức tột cùng, phản diện của nó phải là đấu tranh vùng dậy bứt phá toàn diện.



Trong toàn cảnh của dòng Văn học phản kháng phát khởi tại Việt Nam từ năm 1987 cho đến nay, các truyện ký phải được hiểu như một cách thế vận dụng Văn học vào cuộc đấu tranh.

Đằng sau các bài ký là niềm cảm thông sâu xa của văn nghệ sĩ, trí thức với nông dân. Từ đó, một tập hợp mới đang trên đà hình thành để tiến tới xóa bỏ mọi hình thức độc đoán, áp bức, chà đạp lên nhân phẩm và dành cho được công lý tự do và quyền làm người.

**Los Angeles tháng Tư 1990**

**Ghi Chú:**

(1).– "*Tổng quan 20 năm Văn học miền Nam*" của Võ Phiến, Hoa Kỳ 1986.

(2).– Theo Chu Văn, "*Tác phẩm Văn học*" số 4–1989.

(3).– Các bài phóng sự xã hội đăng trên tạp chí *Tuổi Trẻ* và *Thanh Niên* (nội dung ghi lại các tệ trạng xã hội), và đặc biệt là hai phóng sự bằng hình: "*Chuyện tử tế*" và "*Hà Nội trong mắt ai*" do Trần Văn Thủy thực hiện.

(4).– Cả hai tập truyện ký đều do tuần báo *Văn Nghệ* xuất bản, trong thời gian nhà văn Nguyên Ngọc giữ nhiệm vụ Tổng Biên tập (5–1987 – 12/1988).

# lời khai của bị can



*Trần Huy Quang*

Xem xong lá số tử vi, tôi mới nghiệm thấy đúng: tôi là người thích phiêu lưu và không chịu lùi bước trước một gian nan nào cả. Ngay từ thời trẻ, tay không đến đất kinh kỳ, cái tính phiêu lưu có từ thời đó.

Tôi bán ao rau cần được bảy đồng. Để cho vợ tôi ba đồng, tôi cầm bốn đồng, vừa đủ tiền mua một cái vé xe đi Hà Nội. Biết rằng ba đồng vợ tôi với một đứa con chỉ sống được một tuần, trong khi nhà không còn gì. Nhưng cô ấy là người tháo vát có thể sống tạm. Còn bây giờ mọi thứ đang ở phía trước: cơm ăn, hy vọng và tuyệt vọng. Đất kinh kỳ, tôi không quen ai, không nghề không tiền. Biết thế mà tôi đâu có sợ.

Tôi cứ đi lang thang từ phố này đến phố khác, tôi không sợ lạc, bởi vì chưa có định hướng, cứ đi, đến đâu thì đến. Thỏa thích ngắm xem các cửa hàng, cửa hiệu. Hàng cắt tóc. Hàng gò hàn. Hàng phở. Hiệu thuốc lào. Hàng hương. Đồ điện. Cứ đi và nhìn ngắm, thèm khát. Khi thích thì đứng lại hàng tiếng. Đến chợ Hàng Da. Có năm bảy cửa hiệu làm dép lốp. Mới hòa bình, sau kháng chiến chống Pháp, dép lốp Bình Trị Thiên đang thịnh. Ngày bé, tôi cũng đã mấy năm làm dép thuê ở Thanh Hóa. Tôi ngồi lại ngắm cảnh thợ bóc lốp. Mỗi hiệu, một anh thợ hoặc hai, bóc lốp, cắt đế, đóng quai. Chủ, khi có khách, mới ra bán, bán lẻ hoặc bán buôn. Các bà chủ khoảng độ ba mươi, bốn mươi, đầu còn chít khăn nhiễu, áo dài gấm, sang mà lạnh lùng. Có hiệu thật sang, quầy dép lốp bên ngoài, bên trong là xập gụ, tủ chứa, xa lông mặt đá: dưới cái màu ong ong của đèn dài, trông thâm nghiêm và sờ sợ. Có nhà giản dị hơn, bà chủ hiệu cũng chỉ áo cộc, búi tóc, guốc mộc.

Tôi nấn ná, rồi bắt chuyện một anh thợ. Anh thợ thật tài hoa, dao đưa mềm mại và đẹp như múa, lớp nào ra lớp ấy, bóng nhẵn. Cắt đế, dao đi ngọt lịm, liền mạch, gọt như gọt dưa. Tôi hỏi chuyện lung tung, nhưng mắt dán

chặt vào lưỡi dao, phải nhớ như đóng đinh vào đầu cái đường dao anh thợ múa, để mai kia tôi có thể xin vào làm thuê cho một hiệu nào đó.

Có một người đàn ông, chắc là chủ hiệu, săm soi nhìn tôi, đứng một lúc, đi ra khỏi nhà, rồi về. Bàn tay vỗ vào tay tôi:

– Anh vào đây.

Tôi hơi hoảng.

– Vào đây uống nước. Anh ta nói, ánh mắt khuyến khích hơn.

Tôi muốn vào nhưng lại sờ sợ. Chủ nhà chỉ cỡ tuổi tôi. Cái vai, cái ngực, cái tay hơi thô. Là dân quê, dân ruộng hơn là người thị thành. Những chi tiết bề ngoài ấy làm cho tôi bớt ngại. Chủ và khách nói chuyện, chủ yếu là ông ta hỏi mà không trả lời. Tôi thật thà nói tình cảnh của tôi lúc này. Đã lâu mà anh ta vẫn chưa muốn chấm dứt câu chuyện. Và tôi, vì thế, cũng chưa phải đi và cũng không muốn đi. Cái nhìn của anh ta, khi hỏi chuyện, tôi biết đó là người có tình, có lòng thương người. Hết ấm nước anh ta đứng dậy, tôi cũng đành phải đứng dậy, đã đến lúc phải đi. Tôi định cất tiếng chào thì cái tay anh ta bất ngờ choàng lấy vai tôi:

– Nói thật, Anh ta nói khi thấy tôi ngơ ngác bây giờ thì anh không đi đâu được đâu. Tối rồi. Ở đây ăn cơm với tôi, cơm gia đình. Tôi có cái gác xép bỏ không, anh cứ ngủ ở đấy. Mai đi xin việc rồi về đây ăn cơm, đừng ngại.

Tôi nhìn người chủ nhà mà không hiểu. Nhưng đó là thật.

Sau này nghĩ lại tôi mới thấy tôi như người chết đuối, mà anh ấy là người vớt lên. Tôi mãi mãi nhớ ơn anh ấy. Tôi đang ngần ngại, tuy cùng đường nhưng cũng còn biết tự trọng. Người chủ nhà hình như hiểu tôi nên cứ lôi tôi vào dùng cơm. Tôi ở nhà anh ấy mấy năm rồi mới mua được nhà. Đối với tôi, anh ấy lúc đầu là chủ, sau là bạn, bạn chí cốt từ bấy đến nay, ba chục năm. Nay anh ấy đã có cháu nội, cháu ngoại, hiện ở Sinh Từ.

Sáng hôm sau, chủ nhà giới thiệu mấy chỗ cho tôi có thể xin được việc và cũng lại dặn tôi như hôm qua, cứ về chỗ anh mà ăn cơm, đừng ngại, lúc khó khăn mới phải thế.

Tôi đến mấy chỗ do anh chủ nhà giới thiệu. Toàn những cửa hàng xuềnh xoàng. Đến đâu tôi cũng ngại ngùng, e dè.

– Ông có thuê người làm không? Tôi hỏi.

– Có. Anh có biết làm không?

– Có.

– Làm thử coi.

Chủ nhà dẫn tôi vào sân sau, chỉ cho tôi đống lốp ô tô cũ. Tôi cầm lấy dao, lúc đầu thì hăng hái, sau lo sợ. Đã vã mồ hôi ra, nhưng cứ loay hoay mà không bóc nổi. Tôi rất nhớ cái cách thức bóc của các anh thợ mà tôi đã xem, nhưng

vẫn chịu. Thì ra nhìn, nhớ mới chỉ là lý thuyết. Chủ nhà có người dễ tính thấy thế chỉ cười, bảo tôi đi, không thuê thợ chưa biết làm. Thế là nhà đầu tiên: trượt. Nhà thứ hai, thứ ba, thứ tư, cũng trượt, họ không nhận, nhưng qua bốn nhà ấy là được bốn lần tập dượt, tôi rút được kinh nghiệm. Đến nhà thứ năm, tôi làm đã gần được, nhưng có điều trông nham nhở, xấu xí. Ông chủ giao việc đã đi đâu, còn bà chủ trông hàng, làm việc vặt, khi trông thấy đám cao su nham nhở, kêu lên trời, bảo đi ngay đi không thì ông ấy về bắt đền đấy! Tôi tái mét mặt vì xấu hổ và thất vọng.

Cũng trưa rồi, và đói, tôi không đi hỏi việc nữa, trở về ăn cơm chịu anh chủ nhà. Thấy cái thần sắc tôi, có lẽ anh ấy đoán hiểu nên không đả động đến chuyện công việc. Ai ngờ con người dáng vẻ thô kệch mà tính tình lại tế nhị ra trò, cám ơn anh. Cơm xong, tôi lại đi ngay.

Qua các nhà buổi sáng, tôi không dám nhìn vào. Qua nhà thứ năm tôi còn thấy khổ sở hơn, vừa xấu hổ vừa bị sợ bắt đền. Tôi ngó lơ sang bên kia đường và bước thật nhanh. Thế mà chỉ mới được một đoạn đã có tiếng gọi: "Anh gì ơi, này..." lại gọi nữa, đích thị là tiếng bà chủ hồi sáng. Nhất định tôi không quay lại, như không nghe thấy. Bây giờ thì không có gì mà đền cho bà đâu, nhưng khoan cho ít lâu, khi tôi kiếm được việc, tôi sẽ đến và đền. Nhất định tôi không để ai phải nghĩ xấu về tôi.

– Này, anh thợ lốp, quay lại đã...

Lần này thì tôi không thể không quay lại vì chị ta đuổi gần đến.

– Nhà tôi thuê đấy, anh quay lại đi! Chị ta nói thêm. Vào đây.

Anh chồng thấy "tội phạm" chỉ vào đống lốp hỏng, bảo:

– Mấy cái hỏng bỏ đấy, làm cái khác. Có hỏng mới thành nghề được, ai giỏi ngay được đâu!

Tôi cố nén lắm mới khỏi để rơi mấy giọt nước mắt biết ơn. Ôi... Một thời sao có nhiều người tốt đến thế, và vì có nhiều người tốt nên mới làm nên một thời tốt đẹp.

Tôi lành nghề làm dép lốp ở đó. Bây giờ chúng tôi vẫn đi lại với nhau rất thân tình, vẫn như những ngày hàn vi. Một ngày sống, mọi mối quan hệ với nhau đều thấm đẫm tình người, đâu dễ quên được? Sau này trong một lần vui chuyện, ông chủ nhận tôi vào làm hồi đó có nói khi anh về nghe vợ bảo: "Cái anh chàng nhận là thợ mà không biết làm gì cả". Anh bảo: "Hay nó giả vờ để thó cái gì rồi?" Vợ chồng cuống cuồng lên soài lại của nả. Mất cái bút "Pac ke" rồi, không còn ở túi áo vét nữa. Vợ chồng chạy bổ ra đường đuổi theo, nhưng không bắt được kẻ trộm. Trở vào, chính anh chợt nhớ ra cái bút bỏ trong ngăn kéo. Hối hận vì nghĩ xấu cho một người vô tội mà vợ chồng anh thuê tôi làm, sòng phẳng ra thì anh không thuê thợ như tôi.

Được sáu tháng tôi có một ít tiền, trả tiền cơm một nửa, một nửa chịu, tôi về quê. Làng đang vụ giáp hạt, đói lắm. Tôi biếu bà con nội ngoại không sót ai, người một đồng, người vài đồng, rồi dắt díu vợ con ra ở nhờ cái gác xép ấy của Hàng Da.

Năm ấy là năm 1958.

Rồi đến lúc hết thời dép lốp, người ta chạy theo "sa pô", "tông", nhựa, gỗ, "adidas". Nhựa thịnh hành nhất. Dép lốp thoái vị, nhựa lên ngôi. Hàng họ cứ ế dần và đến lúc phải bỏ nghề. Làm gì để mà sống? Một hôm thằng con tôi đi học về mếu máo: "Bố ơi, bố mua cho con cái bút khác chứ cái bút đang dùng vỡ cổ rồi, mực chảy nhòe nhoẹt cả tay". Tôi đi khắp các cửa hàng mậu dịch quốc doanh không nơi nào có, hoặc có thì bán phân phối. Tôi đành phải bỏ ra sáu đồng mua cho cháu một cái "Trường Sơn" mà giá phân phối chỉ có ba đồng. Tôi căm ghét cái ba đồng ngoài giá mậu dịch ấy. Vì tôi yêu đồng tiền kiếm được bằng mồ hôi hơn cả bản thân tôi, hơn cả cuộc đời tôi. Tờ giấy bạc vào tay tôi thì khó tuột ra, vì tay tôi nhiều chai, ráp và dâm dấp mồ hôi.

Tôi cầm cái vật nhỏ nhoi mà phải mua đắt thêm ba đồng kia, tháo tung ra. Nó là cái quái gì, chỉ có bảy bộ phận đơn giản, ba loại chất liệu mà chẳng phải trên trời cao hay dưới đất sâu, hay bên Tàu bên Tây nhập vào mới có, nó vương vãi đầy ngõ chợ. Mình không làm được chẳng qua là mình chưa chịu làm. Ý nghĩ đó tự nhiên kích thích tôi, làm tôi quay cuồng, người ngợm ngứa ngáy giống như tôi vừa nhiễm phải một chất kích thích nào đó. Ngay buổi trưa, tôi tuyên bố cho cả nhà biết là kể từ chiều nay tôi sẽ không làm bất cứ một việc gì khác, mẹ con chúng mày tự xoay xở lấy công việc, được đồng nào ăn đồng nấy. Còn tao làm gì mặc tao, cấm đứa nào hỏi. Cả nhà lo lắng đến nỗi có đứa làm rơi cả bát cơm. Nhưng thây kệ, "quyết nghị" đã ban bố rồi, không được thay đổi.

Và chiều hôm đó tôi đã đạp xe lượn khắp xó xỉnh các khu lao động, thấy các loại đồ nhựa hỏng vứt lay lắt không thiếu. Ngày ấy chưa ai mua đến cái mà ngày nay người ta giành nhau gọi là nhựa phế phẩm, nên chưa ai đi gom nhặt. Đó là nguyên liệu, xong một khâu. Khuôn mẫu đặt thợ cơ khí là xong ngay, không bàn gì nhiều. Các chi tiết kim loại đi gia công cũng đơn giản. Cái khó là sản xuất thử. Pha chế nhựa rất khó. Phải qua hàng trăm công thức. Cái thì mềm, cái thì giòn. Cuối cùng cầm trong tay cái bút hoàn chỉnh do mình làm ra thật sung sướng như mình chết rồi được sống lại. Cả đêm không ngủ được. Sáng ra cầm đơn và tá bút máy lên phòng thủ công nghiệp quận xin đăng ký sản xuất. Sáng hôm ấy không hiểu sao, đi đứng như trên mây trên gió, hai lần suýt bị ô tô cán, ba lần định đâm vào xe người khác. Phòng thủ công vắng ngắt, những cái khóa nằm lù lù, to như cục gạch, nó cứ im ỉm, lạnh

lùng trước mặt tôi đến gần hai tiếng đồng hồ mới có người tra chìa cho nó. Hóa ra bây giờ mới đến giờ làm việc, lúc tôi ra đi có lẽ chưa đến năm giờ.

Tôi được mời vào phòng. Và nghe tôi đề đạt nguyện vọng, ai cũng tròn mắt ngạc nhiên, có chị há hốc mồm nhìn tôi từ đầu chí chân xem có là người bình thường hay không. Vâng, tôi rất bình thường, chỉ có điều tôi muốn được phép sản xuất bút nghiêm chỉnh. Mười hai cái bút đem theo, tôi xin được trình làng. Chúng cùng một lúc được bơm mực và thi nhau chạy trên mười hai tờ giấy. Xong việc viết thử đến phần giải phẫu. Phần này hơi lâu nhưng rồi cũng xong. Kết luận đầu tiên bằng miệng nhưng cũng đáng mừng: *Bút máy kiểu "Trường Sơn" của ông Nguyễn Văn Chẩn không "mác" đạt yêu cầu sử dụng.*

– Tuy nhiên, để có kết luận chính thức, thì phải qua một thời gian sử dụng đã, ít nhất là ba tháng. Họ bảo tôi.

– Còn đăng ký sản xuất? Tôi hỏi.

– Để xem sản phẩm có dùng được không rồi mới nói đến đăng ký. Nhưng ông là cá thể hay hợp tác xã?

– Thủ công gia đình.

– Tức là cá thể. *Nói trước để ông khỏi phải chờ: chưa có lệnh cấp đăng ký kinh doanh cho cá thể.*

Thế là sự lao tâm khổ trí gần một năm trời ném xuống sông. Thôi đành cứ chờ đợi... Cũng may, sau khi dùng thử lấy được, người ta cho đăng ký sản xuất. Đang làm ăn được, mỗi ngày ra hai trăm chiếc không đủ bán cho khách, thì bất ngờ các ông ở phòng tài chính quận Hoàn Kiếm đến khám nhà, kiểm tra đăng ký sản xuất. *Tôi trình giấy tờ đủ, nhưng họ vẫn tịch thu toàn bộ công cụ, nguyên liệu, sản phẩm, thuê xe đưa về quận Hoàn Kiếm.* Tôi khiếu nại, *vì sao tôi ở quận Ba Đình mà Hoàn Kiếm lại bắt!* Hoàn Kiếm thấy bí, bèn thương lượng với quận Ba Đình, nhưng Ba Đình, nghe đâu không làm. Thế là Hoàn Kiếm lại xe các thứ trả lại .

*Sản xuất ra hàng hóa, bỏ sức lao động ra mà làm, kiếm việc cho con cháu làm, chứ đâu phải buôn lậu, tàng trữ của trộm cắp gì đâu, mà sao họ làm khó dễ đến như thế?* Làm mà cũng khó, hình như không ai muốn cho mình làm. *Sản xuất ra của cải, bằng các loại phế liệu rõ ràng ra đó, thế mà cũng gần như phạm tội.*

Sau vụ phòng tài chính Hoàn Kiếm làm cái việc vô nguyên tắc ấy rồi, tôi tưởng sẽ được làm ăn yên ổn, được thảnh thơi mà nghiên cứu và cải tiến kỹ thuật để hàng hóa cho tốt. Ai ngờ đó chỉ là một khúc dạo đầu thôi, một cái đường viền. Sau này tôi còn phải trải qua những bận gian lao, tù tội gấp trăm

ngàn lần như thế. Sau này tôi nghĩ lại mới thấy sợ. Những tai họa cứ liên tiếp, cứ dắt đẩy nhau, trước tiền đồ cho sau, tất cả như có thiên định.

Năm ấy là năm tuổi, tôi có hạn. Đầu năm tài chính Hoàn Kiếm khám nhà, thu mười trả hai, chả nghĩ đến đòi. Cuối năm Ba Đình lại khám nhà, bắt người. Tịch thu mô tơ, khuôn mẫu, mấy tạ dép đứt, mấy cân phu gia và hàng ngàn chi tiết bút. Vụ án được khởi tố. Tòa án Hà Nội xử 30 tháng tù vì tội tàng trữ, đầu cơ, sản xuất trái phép, vân vân...

Tôi chống án nhưng không được xử phúc phẩm. Ngồi "Hỏa Lò" mười tám tháng, ở trại Yên Bái mười hai tháng, thân tù tội cũng qua được ba mươi tháng. Nghĩ mà sợ. Tôi đâu phải là người phản nước hại dân, tôi chỉ làm ra của cải cho mọi người tiêu dùng một cách chính đáng. Ra tù, tôi vẫn ấm ức, thấy mình oan uổng. Tôi kêu oan, được Tòa án tối cao xử phúc phẩm ngày 25-5-1972, án số 22 xử Nguyễn Văn Chẩn phạm tội đầu cơ. Phạt: cảnh cáo và nộp phạt một trăm đồng. Tôi thưa tòa rằng như vậy tôi bị tù oan, hai năm rưỡi tôi chống án, tại sao tòa không xét? *Ông chánh án trả lời tôi giữa phiên tòa là người ta quên.* Như vậy tôi chỉ đáng cảnh cáo mà phải ngồi tù ba mươi tháng!

Tôi ra tù không có nghề nghiệp gì làm. Đào ngó sen bán, một thời. Làm thuê ở Công ty vệ sinh, mấy tháng. Nối săm xe đạp thuê ở Công ty xe đạp. Đành quay lại với nghề dép lốp, có cải tiến tí chút nên dép bán được. Lốp xe hơi cũ không còn dư dật và dễ kiếm như thời trước, cách đây trên chục năm. Có những chiếc lốp mòn vẹt, lớp cao su bong ra. Không ai mua, tôi mua về nghĩ cách dán lại. Dán thì phải có nhựa tốt, do vậy mà tôi ngẫu nhiên có một cái nghề mới: sản xuất nhựa vá săm. Lúc đầu thì làm nhựa để mà dán những cái đế dép bị bong như trên đã nói. Nhựa bình thường không ăn thua gì, đi vài tháng bong. Tôi cứ mầy mò pha chế nhiều cách, cuối cùng được một loại nhựa "cực kỳ". Dán đế dép còn chắc thì vá săm xe đạp, xe máy có thể nói là vĩnh cửu. Sáng dậy, mở cửa ra đã thấy khách xếp hàng chai lọ đầy cả vỉa hè. Nhà tôi rót nhựa vào từng chai, khách trở lại lấy, tính tiền. Khách đông nghịt, khách ở tỉnh xa lấy từng can.

Sự thịnh vượng ấy kéo dài chỉ được hai năm. Đầu năm 1974, Công an Ba Đình lại đến khám nhà bắt người. Hàng họ, nhà cửa tan tác. Tôi bị giam ở quận công an. Một hôm có người đàn ông to béo, mặc áo va rơi vào phòng giam bảo tôi: "Tôi ở trên Bộ Nội vụ, tôi muốn gặp anh". Người ta cho tôi ra và dẫn lên gác hai. Anh ta bảo: "Tôi đề nghị anh cho tôi biết công thức nhựa vá săm của anh". Tôi đọc cho anh ta ghi. Tất nhiên, đó là công thức một loại nhựa bình thường, không phải là nhựa đặc biệt. Có lẽ vì thế mà số phận tôi không thay đổi.

Tôi đệ đơn khiếu nại lên Viện Kiểm sát tối cao và sau ba tháng giam thì

được tha. Trong bản QUYẾT ĐỊNH THA, TẠM THA in ti pô, công an giao cho tôi, lúc đầu họ xóa chữ *tha* ở giữa. Tôi hỏi vì sao tôi chỉ được tạm tha, anh công an lại xóa tiếp chữ *tạm* cạnh đó, cuối cùng còn bản QUYẾT ĐỊNH (cách một quãng) THA. *Bản quyết định tha đề ngày 30-3-1974, không có số,* do ông Nguyễn Khắc Linh ký, mục *Can tội* để trống. Đáng lý phải ghi "Không có tội", nhưng còn ba tháng tù. Nếu ghi tội gì cũng không được, vì tôi không có tội. Nên bỏ trống.

Năm mươi tuổi. Hai lần ngồi tù. Ra tù lần này, tôi không cảm thấy xấu hổ. Dạn dày rồi. Trải qua nhiều nhục nhã, bất công. Quen cả với sự khinh bỉ, hằn học của những người có quyền. Và cũng đủ tỉnh táo để nhìn nhận nhân tình thế thái, cũng sẵn sàng để đón nhận những bất công mới. Gần ba năm tù mà vô tội! Oan uổng ấy qua rồi, nhưng may con người, còn sống và sống thì còn phải làm ăn. Cái đau của nỗi oan lâu cũng qua; *nhưng có những định kiến, ác cảm với những người có của không ai cho qua, mà cứ tăng dần. Tôi nói sẵn sàng chờ đến những bất công mới, không ngoa đâu. Một thời chúng ta rất căm ghét những người giàu, dù họ giàu có bằng lao động thật sự. Làm ăn phát đạt, nhưng chỉ được phát đạt đến một giới hạn nào đó thôi, quá là sinh sự. Giàu thì phải có giới hạn, một giới hạn nghiêm ngặt, nhưng nghèo khổ thì không có giới hạn, được phép xuống tận cùng. Ai đâu có biết rằng dân nghèo thì làm sao nước mạnh được?*

Lần bắt giam thứ hai đơn giản lắm: thằng Chẩn làm ăn trúng thế này chắc phải có gian lận. Và tống giam nó thì không khó, nó là phần tử có tiền án tiền sự, dù bị oan đấy, nhưng hồ sơ vẫn "đã hai lần vào tù, có tiền án, tiền sự".

Sau hai lần tù oan, tôi định không làm gì nữa. Mở hàng nước, "đổi" tem phiếu hoặc "chỉ trỏ" nhì nhằng. Hoặc rong chơi. Ở đời rong chơi ăn bám là kẻ giá áo, túi cơm lại thường được coi là thanh liêm, trong sạch. Còn làm ăn cật lực, ngày mười lăm, mười sáu tiếng lại bị phê là làm giàu, kẻ ghen ăn ghét ở vu oan, lại trở thành người có tội. Tôi vốn keo kiệt, tham lam, con mượn cái xe đạp cũng hẹn giờ: kỹ thuật không hở cho một ai, kể cả con cái, bỏ đồng tiền ra khỏi hầu bao cảm thấy mệt nhọc và khổ sở lắm. Nhưng đó không phải là yếu tố cấu thành tội phạm.

Một hôm tôi gặp lại người bạn cũ chữa xe đạp ở phố Nguyễn Thái Học. Chúng tôi nói chuyện làm ăn, ông ta khuyên tôi nên đi chữa xe đạp. Tôi thấy được và mua ngay cái khuôn hấp lốp chín. Đến lúc ấy mới biết mình mua phải khuôn tiết diện bé, rất khó làm. Tôi nghĩ mãi mới tìm ra cách lót thêm một vòng đệm. Không ngờ được cái khuôn vạn năng. Hấp và vá lốp được, thì có lẽ làm hẳn một chiếc lốp mới cũng được. Nhựa dán của tôi tuyệt vời. Nhựa sống ở bãi thải của các Nhà máy cao su rất nhiều. Còn tanh và vải.

Tôi xin nói lại: Tôi làm nghề cao su từ hồi còn nhỏ, từng mổ xẻ nhiều loại lốp ô tô, cấu tạo nó như thế nào tôi biết. Và đó là sự gợi ý có tính chất quyết định nhất: tanh và mành bóc từ lốp ô tô. Nhưng khi làm phải hỏng tới vài chục chiếc lốp mới tìm ra được cách bóc thành từng tấm mảnh như bây giờ ta thấy. Chiếc đầu tiên tôi để mép gấp ra bên ngoài, vì như thế dễ làm. Chiếc lốp ra đời cũng đẹp lắm, tôi nhờ một ông xích lô lắp vào đi hộ. Bơm thật căng. Không ngờ ông ấy đi được đến Kiêm Liên thì mành bật ra, tanh ra tanh, lốp ra lốp, ông xích lô cầm một nhúm, ném toẹt vào nhà. Tôi không buồn, ngược lại, rất vui nữa là đằng khác. Vì tôi biết nó hỏng cái gì! Như vậy gấp mép ra không được mà phải gấp vào, đúng là phải gấp vào.

Làm ra chiếc lốp không khó, nhưng đạt đến độ bền như lốp "Quyết Thắng" của tôi thời *tám mươi, tám mốt* đó thì tôi phải qua năm năm tìm kiếm pha chế. Cái nhà mười mét vuông ở phố Nguyễn Thái Học chật quá, năm *bảy lăm* tôi mua một mảnh đất trong làng Ngọc Hà, năm *bảy sáu* xin giấy phép, năm *bảy bảy* làm một ngôi nhà bốn gian, lợp ngói, tường con kiến. Ở đây pha chế tìm kiếm thật yên tĩnh.

*Năm tám mốt, tám hai, tám ba, những năm lốp tôi bán rất chạy, khách cứ đùa tôi là "vua lốp".* Mỗi năm xuất hai ngàn đôi cho nhà nước.

Sau khi được tặng huy chương đồng tại *Triển lãm Giảng Võ,* báo chí động viên. *Tiếng tăm, theo sau nó là tai họa, chữ tài liền với chữ tai.* Giữa năm *tám ba*, tai họa ập xuống. Lại khám nhà. Lại niêm phong. Tôi bị bắt phải thao diễn kỹ thuật trong ba ngày trước hàng chục quan sát viên trong nghề. Không đưa bí quyết nghề nghiệp ra thì lốp không được như lốp đã bán, người ta kết tội là không phải dùng phế liệu mà dùng cao su chính phẩm, vật tư Nhà nước quản lý, để sản xuất. Sẽ rũ tù. Muốn khỏi tội thì phải tung bí quyết nghề nghiệp ra. *Tôi chọn cách thứ hai và cũng là cách trung thực nhất.* Thế là những bí quyết phải tung ra giữa bàn dân thiên hạ, và ai đã lợi dụng dịp này để móc kỹ thuật, tôi biết cả.

Ngày 8–7–1983, *lục soát kê biên tài sản. Ngày 25–7–1983 khởi tố vụ án và bắt giam Chấn. Ngày 27–8–1983 xử lý hành chính đặc biệt thu nhà, tài sản, công cụ, nguyên liệu, bằng một quyết định ông Nguyễn Đông ký sẵn.* Vợ chồng con cái tôi tay không ra khỏi nhà. Tôi có tội xin được trừng trị bằng pháp luật. Nhưng một cô dân dù có tội gì thì họ cũng có thể chịu nổi hai hình phạt thi hành cùng một lúc được. Treo cổ thì thôi chém đầu, chứ chém đầu thì không còn cổ để treo.

Tôi lại không mệt mỏi gửi đơn khiếu nại đến nhiều cơ quan pháp luật và chính quyền. Tôi được phúc tra và xem xét lại. Viện Kiểm sát tối cao yêu cầu Hà Nội ra quyết định đình chỉ điều tra Nguyễn Văn Chấn. *Nhưng cơ sở Công an Hà Nội ra quyết định miễn tố.* Miễn tố là có tội nhưng miễn cho. Ai cũng

biết chỉ có Viện Kiểm sát mới có quyền ra quyết định miễn tố hay chỉ điều tra. Nhưng Sở Công an cứ ra. Tại sao lại làm thế, chả nhẽ Sở Công an Hà Nội không biết luật định tổ chức? Có lẽ Sở Công an mới trả lời được. Cuối cùng Viện Kiểm sát tối cao phải ra quyết định hủy bỏ quyết định miễn tố của Sở Công an Hà Nội và ra quyết định đình chỉ điều tra, thừa nhận tôi vô tội và yêu cầu Hà Nội trả lại tài sản để tôi sản xuất. Thế nhưng bên dưới vẫn "im lặng một cách đáng sợ".

Rồi tôi nhận được thư trả lời của ông Phương Minh Nam đề ngày 16–12–1986 nói rằng việc Hà Nội thu nhà của ông bà là đúng đắn và từ nay không có cơ quan nào giải quyết đơn khiếu tố của ông bà nữa. Lại một cái tên được ký tên và đóng dấu sẵn. Thế là tôi hết quyền khiếu tố, không biết như thế có đúng luật khiếu tố không?

Năm nay tôi trên sáu mươi, tuổi Dần. Bính Dần. *Bính biến vi tù*, tử vi nói vậy. Nhà tôi ngoài cái bàn thờ tổ tiên *có thêm một bàn thờ nữa để thờ Công lý và Pháp luật.* Mồng một, ngày rằm tháng nào tôi cũng cúng: Lạy Thánh, lạy Thần, xin Thánh thần phù hộ độ trì cho các ông quận, ông thành, ông công an, tài chính khỏe mạnh, sáng láng để làm việc cho đúng pháp luật, đừng bắt oan người dân vô tội; *Xin pháp luật soi sáng mọi nhà, trừng trị những kẻ nhân danh cái thiện mà làm cái ác.* Tôi tuy tính có keo kiệt, cầm đồng tiền đổ mồ hôi tay nhưng cũng là người lao động cật lực. Nghĩ lại đời tôi nhiều gian truân quá, có lẽ do tôi ương nghạnh. Có người khuyên tôi "chạy", nhưng tôi không, cương quyết không, tôi không sai, việc gì phải "chạy". Vừa tin ở Công lý, cũng vừa tiết tiền, cả hai đều có trong tôi, mỗi bên một nửa. Có một bà quen biết, vừa được Z.30 trả nhà, mắng tôi mà tôi thấy không giận được: "Phải chi bác phải hơn em, bác sản xuất, em buôn bán, bác nhà nhỏ, em nhà to, nhưng bác là người keo kiệt (bác đừng giận); bác cậy bác phải, bác đi đằng trước, em hơi trái em biết cái thân em phải lụy đường nào..."

Tôi đang là bị can của một vụ án, vụ Z.30. Đây là lời khai của bị can. Hôm nay bị can mới được nói về số phận của "cái kiến". Ai cho phép "cái kiến" quyền được nói? *Tôi xin được quỳ xuống đất và xin được vái hai cái: một cho đồng chí N.V.L và một cho Báo Chí...*

(trích tập truyện ký Lời Khai của Bị Can)

# suy nghĩ trên đường làng



*Hồ Trung Tú*

"Hôn nhân, điền thổ vạn cố chi thù".

Ở đời có hai thứ để lại thù hằn lâu nhất trong lòng người khi bị xúc phạm, là chuyện hôn nhân và chuyện đất đai. Quả thật đời của một con người rồi sẽ chẳng ra gì nếu không may rơi vào các trường hợp lục đục gia đình, vợ ngoại tình, chồng bị đánh, vợ bị cướp... nỗi thù hận mang theo xuống mồ chắc cũng chưa tan. Thế còn đất đai? Người xưa nói thế chắc có cái lý của họ, chỉ tội chúng ta ngày nay không hiểu được con người đã gắn với đất đai như thế nào mà người xưa lại xếp nó vào cùng loại với hạnh phúc, ý nghĩa một đời người như vậy. Hãy cứ về thử nông thôn ta ngày nay mà xem, dường như người nông dân đã được giải phóng khỏi đất đai rồi, chẳng cần phải lo nghĩ chuyện mùa màng, sản xuất, nói gì đến "vạn cố chi thù". Tất cả đã có hợp tác xã. Người nông dân nhìn mảnh ruộng như một công chức nhìn bàn giấy với những công việc, chỉ biết phần việc của mình, còn kết quả cuối cùng diễn ra ở đâu thì không làm sao biết được. Khác chăng, người công chức thì nhận lương, còn xã viên thì nhận lúa công điểm!

Cái tất yếu xảy đến thì như chúng ta đã biết, nông thôn tiêu điều, đất đai bị kiệt quệ và hoang hóa, hợp tác xã thì tan vỡ hàng loạt và cuối cùng thì đất nước thiếu gạo, chúng ta thiếu cái ăn.

Năm 1980 phong trào khoán sản phẩm trong nông nghiệp xuất hiện như một vị cứu tinh và không ít người trong chúng ta đã ngây ngất trước vầng hào quang của nó. Trên ruộng lúa thì như nắng hạn gặp mưa dông, người nông dân lại cúi xuống nhìn mảnh ruộng nhận khoán, tuy chưa thật giống với ánh mắt sẵn sàng, "vạn cố chi thù" như cha ông ngày nào, nhưng cũng đã gửi vào công sức bỏ ra niềm hy vọng một mùa vượt khoán. Tới tấp những con số gây

nức lòng người: huyện mười tấn, hợp tác xã mười lăm tấn, cánh đồng hai mươi tấn. Người người vượt khoán, nhà nhà vượt khoán. Đất đai cũng được đền bù xứng đáng, hécta mười tấn phân chuồng, và để vượt khoán người nông dân đã đổ xuống mười lăm tấn. Đại Phước (Đại Lộc) thông báo con số hai mươi.

Năm 1982, năm đầu tiên sau chỉ thị 100, sản lượng lúa của tỉnh Quảng Nam – Đà Nẳng từ 332 ngàn tấn vọt lên 380 ngàn tấn. Tình hình tưởng chừng cứ thế đi lên, không ngờ sản lượng năm 1984 dừng lại ở con số 378 ngàn tấn và năm 1986 tụt xuống 333 ngàn tấn! Điều gì đang xảy ra? Thưa thớt có một vài tiếng nói về mức khoán không ổn định và tốc độ huy động lương thực tăng nhanh, khiến người nông dân không an tâm đầu tư. Nhưng hình như không ai nghe. Thật ra người không nghe cũng có lý của họ. Hãy nhìn vào con số giao nộp cho Nhà nước của nông dân, chúng vẫn tăng không ngừng cơ mà! Hãy lấy Huyện Điện Bàn làm ví dụ: năm 1981 nghĩa vụ cho Nhà nước là 10.500 tấn, năm 1986 là 18.000 tấn. Nhưng tức khắc cần đặt câu hỏi: hai con số ấy chiếm tỷ lệ bao nhiêu phần trăm tổng sản lượng (24,42% và 35,69%), chúng ta sẽ hiểu được điều gì đang xảy ra ở đồng ruộng. Chưa hết, vẫn theo báo cáo của huyện Điện Bàn, phần tập thể – tức hợp tác xã và các quỹ công ích – cũng tăng từ 12,28% năm 1981 lên 16,95% năm 1986. Người nông dân còn lại gì?

Công sức bỏ ra không được hưởng lại còn mang công mắc nợ! Người nông dân bắt đầu nhìn mảnh ruộng khoán mà ... sợ. Trả lại ruộng khoán! Một cơn dịch âm thầm và dữ dội, lan truyền và bùng phát ở khắp nơi — âm thầm, vì lãnh đạo cấp cao khó biết đến; dữ dội, vì từng ngày các hợp tác xã tới tấp nhận được những lá đơn trả lại ruộng khoán. Trong các lá đơn ấy, nhiều lý do được nêu ra: nào khó khăn, neo đơn bệnh tật, nào già yếu... nhưng lý do mà lá đơn nào cũng nói đến là: vì tình hình gia đình xét không đảm bảo mức khoán hợp tác xã đề ra, nên...

Nếu trả lại ruộng khoán mang âm sắc của sự mệt mỏi, đuối hơi, thì trả ruộng lại cho hợp tác xã mang âm điệu của sự hờn dỗi, phản ứng trước những bất công. Một ngày, trong những câu chuyện thường ngày, người nông dân nói với nhau hai câu ấy bao nhiêu lần?

Nói thì vậy, hờn dỗi mà nói vậy, chứ trả ruộng lại rồi thì sống bằng gì, dầu nó chỉ bảo đảm được chưa đến một nửa mức sống tối thiểu. Gia đình ông Nguyễn Văn Minh ở Đại Thạnh (Đại Lộc) có sáu con chưa đến tuổi lao động, nhận của hợp tác xã gần một mẫu ruộng khoán, cũng với sản xuất phụ cũng đủ sống vừa mức với bà con, làng xóm. Thình lình, đứa con thứ ba của ông bị ốm nặng. Thế là cặp heo chưa đến tuổi xuất chuồng được bán đi cùng với toàn bộ sản lượng lúa vụ xuân hè năm 1984, ông xin nợ khoán hợp tác xã, để

lo chữa chạy cho con. Năm sau,ba con heo gần hai tạ của ông được hợp tác xã vào cân tại chuồng để trừ nợ. Thực phẩm, tết nhất, giỗ chạp, may mặc năm ấy dựa vào đâu? Thế là ông Minh lại nợ hợp tác xã. Nhưng khoán mùa này đã lại tăng rồi! Nợ mới chồng chất nợ cũ, đến đầu năm 1987 ông Nguyễn Văn Minh đã nợ hợp tác xã 1.420 kilôgam thóc! Hợp tác xã đầu hàng với trường hợp u lỳ này, nên đã nhờ đến chính quyền. Lực lượng vũ trang xông vào nhà dắt đi chiếc xe đạp của đứa con đầu học cấp ba trường huyện xa hơn mười cây số, đồng thời hóa giá toàn bộ tài sản trong nhà. Riêng ông Minh thì đi lao động không công tại các công trình xây dựng trong xã để trừ dần nợ. Cứ cơm nhà nước sông mà đi, rồi còn chịu sự giám sát một ngày công cho ra một ngày công của các đồng chí du kích xã!

— Tôi cũng đã cố gắng nhận thêm ruộng, ruộng người ta trả cho hợp tác xã, để làm ăn mà trả nợ. Nhưng không hiểu sao cứ càng làm lại càng nợ. Khoán cao quá, làm sao mà vượt nổi! Đứa con đầu tôi cho nghỉ học, nhưng cũng chẳng ăn thua gì. Tôi đến chết mất! Chắc phải bỏ làng mà đi kinh tế mới ở đâu đó, may ra mới được hợp tác xã xóa nợ cho. Chớ thế này biết đến bao giờ tôi mới... trả nổi nợ!

Ông Minh nói với tôi bằng giọng tắc nghẹn nửa chừng. Còn tôi thì chẳng biết nói gì khi nhìn thấy người đàn ông tuổi gần năm mươi, thân người đã chai lì lên với nắng gió, giờ mím chặt bờ môi và đôi mắt thì như ép lại, cố dứt ra những giọt đau buồn.

Trả lại ruộng cho hợp tác xã cũng còn là vì đã đến lúc người nông dân biết được quyền lực của mình trong việc quản lý hạt thóc do chính mình làm ra. Dẫu muốn hay không, người nông dân cũng đã biết đến dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra (có người đề xuất thêm: dân được hưởng) và tất cả đều phải sòng phẳng thuận mua vừa bán. Biết là vậy, được tuyên truyền là vậy nhưng thực tế trước mắt họ, hàng ngày vẫn cứ là cấp phát và giao nộp. Sào ruộng đó ư? Đây, hợp tác xã cấp cho ông chừng này phân, khoán chừng này công. Nhận đi! Cuối vụ giao nộp cho hợp tác xã chừng này kí. Ăn chia công điểm tính sau. Cố gắng vượt khoán bao nhiêu thì được hưởng bấy nhiêu. Nhớ là không được hụt khoán đấy! Nếu hụt khoán chúng tôi sẽ có biện pháp!

(Người viết bài này đã có dịp về huyện Mê Linh — Hà nội, và được biết rằng cái "biện pháp" đó là lãi suất 40%/vụ, có nghĩa là ông hụt khoán 100 kilôgam thì mùa sau phải trả tạ tư. Và người thừa một tấn — con số này không khó lắm vì có thể bổ sung bằng cân lợn — thì mùa sau làm bao nhiêu ung dung mang về nhà bấy nhiêu, lãi suất đủ để trả thuế và cả thủy lợi phí cho hơn một nửa hécta. Số người nợ cứ việc gánh lấy nghĩa vụ toàn xã hội đối với Nhà nước! Và cái tấn ấy người thừa ăn chẳng biết đến bao giờ mới hết. Ở Quảng Nam — Đà Nẳng may mắn chưa có hiện tượng này, chỉ thỉnh

thoảng người ta đọc thấy trên báo nơi này nơi kia lực lượng vũ trang xã xông vào nhà hụt khoán tịch thu tài sản. Nếu chủ nhà có phản ứng thì báng súng đó! Ở đây, cách giải quyết của huyện Thăng Bình đáng để chúng ta suy nghĩ. Để tạo điều kiện cho nông dân trả nợ hợp tác xã, hợp tác xã đồng ý mua lợn với giá thỏa thuận rồi khấu trừ vào số thóc nợ với giá thóc lúc nợ, có nơi chỉ 18 đồng một kílôgam thóc. Một con lợn có thể đủ trả cho một số nợ khá lớn. Dĩ nhiên đâu cũng vào đó. Nhà nước chịu cả thôi, nhưng có lẽ cũng đã đến lúc làm một buổi lễ để xóa "văn tự" cho nông dân được rồi đấy!)

Cố gắng vượt khoán ư? Những tiềm năng khai thác đã khai thác hết, lao động đang thừa trong nông nghiệp. Những dự trữ về năng suất cây trồng đã được nâng lên quá cao, mức khoán cũng xấp xỉ năng suất ấy. Hợp tác xã Điện Nam thông báo: để có một kílôgam vượt khoán, xã viên phải chi phí 71 đồng, trong khi giá lúa thị trường chỉ 40 đồng (theo giá đầu năm 1987).

Cố gắng vượt khoán ư? Ừ thì vượt khoán để khỏi mang công mắc nợ. Nhưng cái lão nhà bên cạnh tui kìa, lão có đổ xuống ruộng mười tấn phân chuồng hécta như quy định đâu, mà hợp tác xã vẫn thanh toán cho lão đủ 500 kílôgam lúa? Đó là chưa nói phân hóa học cấp về, lão đem dùng vào đất phần trăm trong vườn nhà lão. Lão chỉ cố gắng đủ mức khoán là được. Còn tôi vượt khoán nhưng đất phần trăm lại không có phân để dùng. Cuối vụ, tôi và lão vẫn được thanh toán ngang nhau, ai chịu!

Cố gắng vượt khoán ư? Ừ thì vượt khoán, nhưng cuối năm công điểm ăn chia thế nào? Tôi vượt khoán cũng ăn một công hai kí thóc. Thằng cha hụt khoán cũng ăn một công hai kí thóc. Con mẹ thiên tai dịch bệnh ít xít cho nhiều, giảm khoán xuống bằng không, cũng một công hai kí thóc. Ai chịu!

Cố gắng vượt khoán ư? Sao công điểm mùa này nhiều dữ vậy nè? Đắp cái bờ mương đó, tui làm chưa đến một buổi, mà ở đây hợp tác xã cho những năm công! Phơi lúa tính điểm rồi, mà quét sân phơi cũng tính điểm nữa à? Khiêng bàn khiêng ghế để mít tinh chào mừng Cách mạng Tháng Tám mà hết gần một trăm công sao? Rong công phóng điểm kiểu này thì hạt lúa tui làm ra còn lại chừng nào, hở trời?

Cố gắng vượt khoán ư? Ừ thì vượt khoán. Nhưng dại gì, lo đất phần trăm ở trong vườn mà chắc ăn. Được hột nào chắc của mình hột nấy. Còn ruộng nhận khoán thì làm tróc móng tay nhưng chắc gì đã được ăn. Giao hạt lúa lên hợp tác xã, các ông tính toán chi phí quỹ đen, đỏ đủ thứ, còn lại rồi mới ăn chia cho ngày công. Ai đời huấn luyện quân sự địa phương, hợp tác xã cũng phải chi phí. Rồi còn sinh đẻ có kế hoạch, vận động công trái, tiết kiệm, rồi xây trường học, nhà trẻ, chợ búa, đường sá, rồi quỹ cho bà con mình đi kinh tế mới, cho gia đình thương binh, liệt sĩ, neo đơn...Ùm bà chằng đủ thứ đổ lên đầu bọn tui. Đến khi tài chính công khai, các ông làm cho một tràng

những số là số. Ai biết đường nào mà lần? Thôi, bọn tui chả dại, cứ bám đất phần trăm trong vườn mà chắc ăn.

Các hợp tác xã tới tấp nhận những lá đơn trả lại ruộng khoán. Huyện Tam Kỳ báo cáo vụ xuân hè gần 40% đất canh tác bị bỏ hoang. Huyện Điện Bàn báo cáo hợp tác xã không nắm được sản phẩm, xã viên giữ rịt lúa trong nhà và chịu ghi nợ, năm 1986 trong toàn huyện xã viên nợ tổng số là 1803,248 tấn. Hợp tác xã Bình Tú I báo cáo; Vụ đông xuân 85–86 hợp tác xã huy động toàn bộ lực lượng, có vũ trang, ra quản tại đồng, thu hết lúa tươi về sân phơi hợp tác, được 700 tấn "Đội hai linh hai" phụ trách phơi phóng. Cuối cùng bay mất mười sáu tấn, không biết đi đường nào!

Một cái vòng luẩn quẩn và rối như canh hẹ. Giải quyết thế nào? Giải quyết thế nào?

Ở khâu cán bộ ư? Cũng thật, các hợp tác xã khá đều có đội ngũ cán bộ tốt. Nhưng lấy đâu ra đủ cán bộ cung cấp cho 270 hợp tác xã trong tỉnh? Nếu cố gắng có đủ đi chăng nữa, thì chỉ cần một phần trăm trong số đó thoái hoá, biến chất — khoảng ba người — cũng đã khốn khổ cho bao nhiêu nông dân rồi? Đó là chưa nói lấy tiêu chuẩn gì để bảo rằng một người nào đó sẽ là một chủ nhiệm tốt. Chủ nhiệm xấu, kế toán xấu, đội trưởng xấu thì rõ rồi. Tác hại của nó đối với lịch sử, tội lỗi của họ đối với nhân dân cũng rõ rồi và người ta cũng đã nói hơn hai mươi năm về chuyện đó, nói nữa chắc chỉ tăng thêm cảm giác mệt mỏi cho mọi người. Nhưng tìm ai thay ông chủ nhiệm đã vào tù? Một ông chủ nhiệm mới lên, bà con nơm nớp nhìn vào mặt ông từng ngày, đoán nhận từng cử chỉ, từng lời ăn tiếng nói rồi bàn tán xem hôm nay ông ấy khác hôm qua thế nào. Sức cám dỗ của đồng tiền lớn quá! Lấy gì bảo đảm rằng ông chủ nhiệm mới này sẽ hoàn toàn vì hợp tác xã, vì hạnh phúc của nhân dân, cho dẫu rằng trong phòng làm việc của ông ta đã có câu khẩu hiệu "Chí công vô tư"?

Thực tế trả lời rằng điều đó hoàn toàn may rủi. Hay như bà con nông dân mình nói: "Phước ba đời để lại mới có được một ông chủ nhiệm tốt". Rõ ràng khâu cán bộ là một khâu then chốt trong cuộc cách mạng quan hệ sản xuất ở nông nghiệp, nhưng sự bế tắc cũng đã được khẳng định qua bấy nhiêu năm xây dựng phong trào hợp tác hóa. Nhất là trong tình hình hiện nay, đời sống do thu nhập chân chính quá thấp so với yêu cầu, thì mọi sự xây dựng chỉ dựa trên tinh thần đều tỏ ra thiếu thực tế và không tưởng.

Giải quyết thế nào? Hay tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của dân ta quá thấp? Vấn đề là phải giáo dục ý thức giai cấp, tinh thần cách mạng, ý chí tiến công của giai cấp vô sản cho nhân dân...

— Chúng tôi là nông dân cơ mà. Hơn nữa là nông dân của nền sản xuất nhỏ, của chiếc cày chìa vôi. Các anh cứ cười mãi hình ảnh con trâu đi trước

cái cày đi sau, nhưng các anh đã làm gì để xóa nó nào? Đó là chưa nói còn lâu các anh mới xóa nổi, ngay cả ở chủ nghĩa xã hội phát triển cũng thế, ruộng lúa nước là phải chia thửa, chia vùng. Đưa máy vào làm gì? Đó là chưa nói xăng dầu ngày càng đắt, lao động ngày càng thừa. Thôi đừng cho chúng tôi ăn bánh vẽ nữa. Chuyện tự động hóa quá trình sản xuất nông nghiệp có thể là có thật, nhưng xa xôi lắm, còn lâu mới tới được cái viễn cảnh đó, ngàn năm nữa chưa biết chừng. Tốt nhất là các anh hãy tìm, như các anh nói, một bước đi thích hợp cho giai đoạn bây giờ đi thôi.

— Mọi sự rắc rối đều là do các ông thiếu tinh thần làm chủ tập thể. Tại sao các ông không làm theo khẩu hiệu "Hợp tác xã là nhà, xã viên là chủ?"

— Vâng, vấn đề là phải để chúng tôi, người làm ra hạt lúa, làm chủ hạt lúa do mình làm ra. Nhưng thực tế thì thế nào? Chúng tôi là những người làm thuê không hơn không kém. Ngay trong cách nói khoán việc, khoán sản phẩm cũng đã thể hiện chúng tôi là những người làm thuê rồi. Mà khi chúng tôi là người làm thuê thì thế nào, các anh biết không? Hàng trăm cách ăn gian nói dối. Các anh theo không nổi đâu. Tóm lại, cái rốn của vấn đề là ở đó. Hãy để chúng tôi làm chủ hạt lúa do mình làm ra, chứ không phải là ông hay tập thể nào khác. Ngay cả ông hợp tác xã cũng vậy. Thật ra mọi chuyện mắc mứu đều ở đó, chỗ cái hợp tác xã ấy.

— Bác cứ nói.

— Thằng con tui là cán bộ đại học trên tỉnh về nhà chơi, có lần nói với tui: Ăng-ghen có nói một ý là con người trước chủ nghĩa tư bản thường có khuynh hướng nhìn chủ nghĩa cộng sản khoa học bằng cặp mắt của chủ nghĩa cộng sản nguyên thủy. Hắn còn nói tiếp: Cách làm tập thể của mình sao giống công xã thị tộc quá, chỉ thấy hàng trao đổi với hàng, chứ đồng tiền chẳng có nghĩa lý gì hết. Hắn nói vậy,tui nghe vậy và nhớ vậy. Hiểu cũng in ít thôi — mà có gì khó hiểu đâu cơ chứ — nhưng có điều tôi thấy rõ ràng là cái hợp tác xã của mình bây giờ sao nó giống với các chúa đất ngày xưa quá. Cũng có bắt bớ, đánh đập con nợ, rồi tịch thu hóa giá tài sản. Xã viên làm tối mặt, còn hạt lúa thì chạy đi đâu không biết, đến kỳ thanh toán thì thúng mủng lên hợp tác xã nhận phần công lao động đã bỏ ra mà bần thần, chẳng biết có đủ ăn đến mùa sau không chứ chưa nói đến chuyện ốm đau, ăn mặc, giỗ tết... Còn ban quản trị, từ ông đội trưởng cho tới chị thủ kho, thì... đối với bọn cường hào ác bá ngày xưa bọn chúng tôi cũng không phải quỵ lụy, thưa gửi nhiều đến như thế. Trăm lạy Đảng, trăm lạy Chính phủ, làm sao giải tán cái hợp tác xã kiểu ấy cho bọn tui nhờ. Một thằng kế toán của hợp tác xã Điện Thọ một đã tham ô 34 tấn thóc, rồi còn mười mấy ông đội trưởng trong một hợp tác xã, rồi chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, rồi kế hoạch... Bà con nông dân chúng tôi còn lại cái gì? Tại sao không để chúng tôi thanh toán, đóng thuế

thẳng với Nhà nước, còn lại thì thuận mua vừa bán, có phải dễ chịu hơn không?

— Đúng là Đại hội Sáu của Đảng cũng đã có đề cập những vấn đề đó. Nhưng làm thế nào? Giải tán hợp tác xã à? Không được đâu!

— Được hay không tôi không cần biết, nhưng các anh đã nói rồi, hơn nữa là đã nói đúng rồi, thì hãy làm đi! N.V.L. là nói và làm, chứ không phải nói và lơ! Bà con nông dân chúng tôi, hong hóng chờ từng ngày các chỉ thị, hành động cụ thể, nhưng tại sao cứ im lặng mãi thế! Xem nông nghiệp thực sự là mặt trận hàng đầu, sao chúng tôi chẳng thấy hàng đầu hàng đuôi gì ở đâu hết, mà chỉ thấy nghĩa vụ ngày càng tăng, phân hóa học, thuốc trừ sâu ngày càng thiếu! Thôi thì, chẳng thà các anh đừng nói, cứ ngu hóa bọn tui mãi đi mà dễ chịu. Chứ đằng này mở mắt ra cho chúng tôi rồi, mà vẫn bắt chúng tôi đi theo đứa trẻ dẫn đường như hồi nào thì ai mà chịu nổi?...

Giải quyết thế nào?

Bộ Nông nghiệp mở hội nghị củng cố hợp tác xã nông–công–thương–tín và ngành nghề ở Long An. Cuối cùng cũng loay hoay mãi với những vấn đề nói thẳng nói thật các tồn tại vướng mắc. Biện pháp đề ra cũng chỉ là: Thấu suốt tinh thần đổi mới tư duy của Đại hội Sáu, tăng cường quản lý, nâng cao tinh thần trách nhiệm, khắc phục khó khăn, phấn đấu đạt hiệu quả trong sản xuất đưa ba chương trình kinh tế lớn của Đảng đến thắng lợi:

Tháng 6–1987, Tỉnh ủy Quảng Nam — Đà Nẵng cũng mở hội nghị tổng kết và củng cố phong trào hợp tác hóa trong nông nghiệp. Cũng nhìn thẳng nói thật, lãnh đạo cũng đã biết đến một thời mình xây dựng kinh tế bằng chiến dịch, bằng phát động phong trào, ít tính đến hiệu quả thực hiện. Các hợp tác xã từ tiên tiến đến yếu kém cũng nêu lên hàng trăm kiến nghị, từ giá cả, vật tư đến tiêu thụ sản phẩm, nghĩa vụ lao động, nghĩa vụ lương thực... Cuối cùng hội nghị ra một nghị quyết với chín vấn đề cần phải chấn chỉnh, sửa đổi ngay và sửa đổi từng bước. Vẫn có một cảm giác đối phó, bị động nào đấy. Thực tế thì đang căng ra, đòi hỏi giải quyết một cách tích cực và triệt để. Còn chín vấn đề thì: xóa bỏ bao cấp, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất ở hợp tác xã; tăng cường các biện pháp thủy lợi, cơ giới; giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước và nông dân; chính sách thu mua lương thực; mở lớp đào tạo cán bộ quản lý ở hợp tác xã v.v.... những vấn đề đã được nói đi nói lại, nghị quyết nào cũng đưa ra, tổng kết nào cũng nhắc đến từ hơn hai chục năm trước, và bây giờ — thêm một lần nữa!... Chìm đi trong hàng chục báo cáo, hợp tác xã Bình Tú 1 cất lên tiếng nói dè dặt của mình và nhanh chóng tạo ra những làn sóng bàn tán ở hành lang hội nghị (Và cuối cùng chỉ dừng lại ở hành lang hội nghị. Báo Quảng Nam — Đà Nẵng ngày 16–6–1987 ở trang nhất đăng bài "Hội nghị tổng kết và tăng cường sản xuất trong nông nghiệp thành công tốt

đẹp" tóm tắt lại nội dung chính của ba ngày hội nghị. Người đọc chờ đợi một câu đại loại như: "Theo dõi, giúp đỡ và xác định cách làm của Bình Tú 1", hoặc nếu không thì cũng "Chặn đứng một hiện tượng không lành mạnh đang xảy ra trong phong trào hợp tác hóa! " — nhưng báo cáo của Bình Tú 1 vẫn như nói vào chỗ không người. Phải chăng người ta đã quá quen với kiểu hội nghị chưa diễn ra, bài báo cáo tổng kết hội nghị đã được viết và đánh máy hoàn chỉnh, thậm chí nghị quyết cũng đã được hoàn thành trước đó hàng tuần lễ? Một hiện tượng chưa được kết luận, nên báo chí cũng như người tổng kết hội nghị không dám nhắc đến? Vì chiếc ghế của mình? Chỉ những người quan tâm đến việc làm ra hạt lúa như chính sinh mệnh của mình mới xôn xao bàn tán về hiện tượng Bình Tú 1).

Lần đầu tiên người ta nghe nói đến những từ "hủy bỏ chế độ ăn chia theo ngày công lao động, đồng thời tổ chức các dịch vụ kỹ thuật" hoặc "khoán thẳng đến từng hộ xã viên". Và ở hành lang hội nghị, những câu nói: "Như vậy là khoán trắng rồi còn gì"; "Coi chừng chớ phá vỡ quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đó"; "Đừng có chạy theo nông dân mà làm cách mạng" (?)... được lặp đi lặp lại. Và những người ủng hộ cách làm của Bình Tú 1 cũng chưa đủ lý lẽ để thuyết phục những người tự nhận là "chiến sĩ bảo vệ quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa" ấy! Chỉ những ánh mắt nhìn nhau khấp khởi mừng thầm và trong cái bắt tay đã nung nấu một cách làm đầy hứa hẹn tóe sáng như ánh sao giữa biển khơi trong đêm giông bão. Đến lúc ra về, người ta mang theo câu nói, cũng ở hành lang hội nghị, của anh Chân, nguyên là bí thư huyện ủy Điện Bàn: "Thăng Bình có một của quý, còn quý hơn vàng, đó là Bình Tú 1" và "nếu tôi còn làm ở Điện Bàn thì tức khắc các hợp tác xã Điện Bàn sẽ làm theo Bình Tú 1" . Qủa thật, khi con người trăn trở với một vấn đề nào đó bằng cả tâm huyết của họ, họ sẽ trở nên nhạy cảm và có những phán đoán chính xác trước các tín hiệu mới mẻ, dù là nhỏ nhất.

Chúng tôi về đến hợp tác xã Bình Tú 1 khi ngoài đồng, lúa vụ hè thu đang xanh ngút mắt, thưa thớt vài chiếc nón lá của người làm cỏ đợt hai muộn. Bắt chuyện với ai, chúng tôi cũng nghe thấy những câu nói đầy tự hào, phấn khởi: "Không một tấc đất canh tác nào bị bỏ hoang", "vụ xuân–hè sản lượng chúng tôi thấp hơn Bình Tú 2 nhưng trong khi Bình Tú 2 nợ Nhà nước 18 tấn thì chúng tôi đã đóng đủ. Chúng tôi, chứ không phải hợp tác xã đâu à, nghe!".

Ở trụ sở hợp tác xã, chủ nhiệm Trịnh Xuân A đang chủ trì một cuộc họp các đội trưởng để xây dựng kế hoạch năm sau. Trên bốn tấm bảng đen dày đặc những con số của các bản thống kê làm chúng tôi hoa cả mắt và động não đến cùng vẫn không tài nào hiểu được nó nói những gì. Ba bốn hạng đất, mỗi hạng đất mỗi mùa lại cho một năng suất, rồi đến hai vụ không màu, đất hai

vụ một màu, rồi các con số bình quân mùa, bình quân năm... Quả thật trình độ quản lý của người trực tiếp làm ra hạt lúa đã cao lắm rồi. Đội này đội kia cãi nhau đến đỏ mặt về mức năng suất thực thu, mức thuế phải đóng.

Cuộc họp đang hồi căng thẳng, bỗng thấp thoáng ngoài cửa bóng một người đàn ông tàn tật, đi bằng hai nạng, đang chờ gặp một ai đó trong phòng.

Chủ nhiệm Trịnh Xuân A quay ra hỏi:

— Có chuyện gì đó, anh Ba?

— Anh cho tui gởi tờ đơn xin hợp tác xã chia cho ít đất để sản xuất. Ăn lương trợ cấp cho thương binh chẳng đâu vào đâu hết. Cố gắng sản xuất cho con cái nó đỡ khổ. Được chớ chú A? Tui đóng thuế cho Nhà nước đàng hoàng như mọi người chứ không ăn không đâu, chú đừng lo.

— Nhất định là được rồi. Chị Ba cũng về hưu vì mất sức do thương tật. Chỉ sợ hai anh chị làm không nổi thôi.

Chủ nhiệm Trịnh Xuân A nhìn chúng tôi mỉm cười đầy ý nghĩa. Anh đưa tờ đơn của anh thương binh ấy cho chúng tôi xem và tiếp tục chủ trì cuộc họp.

Tôi đọc tờ đơn và muốn hét lên vì vui mừng. Cả "thế giới" người ta đang sợ ruộng, đang đòi trả lại ruộng, thì ở đây các anh đã làm được điều ngược lại. Tôi chưa biết các anh làm như thế nào, nhưng chỉ cần thế này thôi, là các anh đã chiến thắng rồi.

Chủ nhiệm Trịnh Xuân A tiếp chúng tôi tại nhà và cũng chỉ cần vài câu trao đổi chúng tôi đã hiểu được vấn đề. Biết làm sao được, chân lý hay sự thật cận chân lý đều thường thế, rất đơn giản. Cách làm của Bình Tú 1 là: Hợp tác xã định hạng đất và lao động, sau đó giao cho từng hộ xã viên và nói trước cho họ biết rằng: với diện tích đó, họ phải đóng bao nhiêu thuế, bao nhiêu thủy lợi phí, bao nhiêu công ích xã hội. Hết! Còn lại là thuận mua vừa bán. Bảo vệ thực vật phun thuốc trừ sâu bao nhiêu lần, phân hóa học nhận được bao nhiêu kí thì thanh toán lại bấy nhiêu. Không còn nhập nhằng trong chữ "đối lưu" như trước đây nữa. Nhờ cách làm này mà Bình Tú 1 đã huy động được toàn bộ diện tích vào canh tác, đưa tổng sản lượng từ 2087 tấn của năm 1986 lên 2446 tấn trong năm nay. Riêng về phần lợi ích của người lao động trong vụ đông — xuân, mùa đầu tiên của cách làm này, có hộ thu hoạch hai tấn thóc nhưng phần thanh toán cho hợp tác xã chỉ chiếm 700 kilôgam. Và nếu tính toán theo kiểu ăn chia ngày công lao động như trước đây, mà ban kiểm tra của tỉnh đã về làm thử, thì ngày công của xã viên đã được 3,7 kilogam (trước đây năm cao nhất cũng chỉ 1,7 kilôgam). Qua hai vụ làm ăn theo cách mới, đã có 30 nhà ngói mới mọc lên.

Chủ nhiệm Trịnh Xuân A nói tiếp với chúng tôi: — Ý nghĩa cao nhất của

cách làm này không phải chỉ là đã nâng cao mức sống cho nông dân, mà là đã thực sự dân chủ hóa được quá trình sản xuất nông nghiệp. Và chính điều đó đã nâng cao mức sống của nhân dân. Trước đây, khoán sản phẩm trong nông nghiệp sở dĩ được khắp nơi hoan nghênh vì hình thức quản lý này đã chú ý phần nào đến quyền lợi của người lao động, cho họ hưởng toàn bộ phần sản lượng vượt khoán, số sản phẩm còn lại sau khi trích các khoản chi thì chia cho xã viên theo chế độ ngày công lao động, là thực chất của chế độ quản lý hợp tác xã sản xuất nông nghiệp trong nhiều năm qua. Khoán sản phẩm cuối cùng trong nông nghiệp chỉ mới sửa đổi một phần chế độ đó, nhưng chưa thật sự xóa bỏ nó, vì vậy chưa hoàn toàn cởi trói cho người nông dân. Giải phóng người nông dân khỏi chế độ ăn chia theo ngày công lao động cũng có nghĩa là giải phóng lực lượng sản xuất theo tinh thần Đại hội Sáu của Đảng. Và thực tế ở hợp tác xã chúng tôi đã cổ vũ cho quan niệm này.

— Có người cho rằng đây là một hình thức khoán trắng đến xã viên và rất khó điều hành quy trình sản xuất cũng như lịch thời vụ?

Anh A vẫn như đang trong mạch suy nghĩ của mình:

— Chuyển hình thức khoán sản phẩm sang một bước mới bằng cách hủy bỏ chế độ ngày công lao động đồng thời tổ chức các dịch vụ kỹ thuật như cày bừa, bảo vệ thực vật, cho thuê trâu bò..., làm được tất cả những điều đó không phải trong một sớm một chiều. Nhất là vấn đề phải phân khoán, định hạng ruộng đất cho hơn 600 hécta canh tác sao cho thật công bằng, sao cho thật dân chủ. Chúng tôi đã sang mùa thứ ba, nhưng vấn đề định hạng đất vẫn đang tiếp tục, có lẽ phải sau sáu vụ mới lấy được con số bình quân. Rồi còn hoạt động của các tổ dịch vụ kỹ thuật, cũng như việc trả công sao cho thật công bằng, hợp lý? Như các anh thấy đấy, tất cả vẫn đang còn ở phía trước. Riêng về khoán quy trình sản xuất cũng như lịch thời vụ thì chúng tôi điều hành qua khâu thủy lợi. Bằng thủy lợi người xưa đã điều hành cả một đất nước, lẽ nào bây giờ chúng ta không làm được, khi chỉ giới hạn trong việc bảo đảm quy trình sản xuất? Chúng tôi đưa nước vào đồng nào là cấy đồng ấy, cũng như sẽ cắt nước nếu đám ruộng nào không thực hiện khâu giống như chỉ đạo. Còn chuyện khoán trắng thì, có đấy. Trước đây chúng tôi cũng đã có khoán trắng, nhưng dân vẫn không nhận, đất vẫn bị bỏ hoang. Còn bây giờ thì đã khác rồi.

Tôi muốn chứng tỏ sự nhạy bén trong nắm bắt vấn đề:

— Vâng, khoán trắng thì vẫn cứ là còn trong chế độ ăn chia theo ngày công lao động. Còn bây giờ thì người nông dân làm chủ hạt lúa do mình làm ra trong tất cả các khâu sản xuất, quản lý, phân phối. Quá trình dân chủ hóa ở nông thôn sẽ chuyển sang một bước ngoặt mới chứ không phải đầy khó khăn, trắc trở như lâu nay!

Chủ nhiệm Trịnh Xuân A mỉm cười nhìn tôi:

— Anh mơ mộng và lạc quan quá. Chúng tôi thì chỉ mong sớm được cấp trên theo dõi, giúp đỡ và kết luận về cách làm này, chứ để nó phát triển tự phát tôi thấy không hay lắm. Nhất là nó sẽ tạo ra dư luận không tốt trong xã viên các hợp tác xã tiên tiến. Theo chỗ chúng tôi biết thì hợp tác xã Đại Thạnh (Đại Lộc), Điện Nam (Điện Bàn) đã bắt đầu thực hiện theo cách làm này từ một đến hai vụ. Huyện ủy Thăng Bình cũng đã đặt kế hoạch theo dõi và nhân ra toàn huyện.

Khi bài viết này sắp hoàn thành, chúng tôi bỗng được biết rằng tạp chí Nghiên cứu kinh tế số 5–1986 đã có đăng bài "Một số phương hướng và biện pháp cho nông nghiệp trong thời gian tới" của Trần Đức, trong đó có đưa ra cách làm ăn của hợp tác xã Quốc Tuấn (Kiến An — Hải Phòng). Và khi so sánh với Bình Tú 1, chúng tôi nhận thấy hai cách làm hoàn toàn giống nhau! Hơn nữa, Hải phòng đã đặt kế hoạch nhân ra toàn tỉnh. Thế mới biết thông tin ở nước ta chậm biết bao nhiêu! Nhưng dầu sao thì đó cũng là một dấu hiệu đáng mừng, vì điều đó có sức thuyết phục hơn bất cứ một bài viết nào.

**Đà Nẵng, 10–1987**

**(trích tập ký Người Đàn Bà Quỳ)**

# bông lúa nổi giận



*Hà Văn Thùy*

Sau khi báo Kiên Giang đăng bài báo nhỏ "Những việc cần làm ngay ở hợp tác xã Tân Hưng huyện Hòn Đất", nhiều ý kiến phản đối của cấp ủy, chính quyền xã và ban quản lý hợp tác xã dội về tòa soạn. Mới đầu là những cuộc "gặp gỡ", rồi tiếp đó là công văn dày sáu trang đánh máy do chủ nhiệm hợp tác xã Dương Thanh Hải ký, đóng dấu đỏ, hình bầu dục.

Anh bạn phóng viên — tác giả bài báo bảo tôi: "Anh thử nhập thân vụ này coi!"

Tôi về huyện, anh Hai Lập chủ tịch niềm nở nói với tôi:

— Thường vụ chúng tôi đã nghiên cứu bài báo, sau đó cử năm đoàn thanh tra từng vụ việc. Kết quả chúng tôi thấy ở Tân Hưng có một số trường hợp lộn xộn về ruộng đất, như cán bộ giành ruộng nhiều, ruộng tốt cho mình, còn một số xã viên phải nhận đất xấu... Nhưng tình hình cũng không có gì nghiêm trọng. Chúng tôi đã cho phương hướng giải quyết. Đảm bảo với đồng chí là cán bộ huyện không mượn đất hợp tác xã chỉ mượn đất của tập đoàn sản xuất. Đồng chí cũng hiểu cho. — Anh Hai Lập nói bằng giọng chân tình — Một số cán bộ huyện chúng tôi không có đất thì không thể sống được!

— Sao vậy, anh? — Tôi hỏi.

— Anh biết đấy, cán bộ huyện tập trung ở Tri Tôn, mà ở đấy không có đất!

Tôi hiểu, quả cũng khó cho các anh thật. Gia đình cán bộ tập trung tại chợ, còn nguồn sống của họ lại ở ruộng đất nơi khác. Vậy là trên thực tế tồn tại một mạng lưới vòi rồng bắt đầu từ huyện và gắn chặt vào ruộng đất các tập đoàn sản xuất. Mặc nhiên có tình trạng bao cấp ngược. Và nông dân những nơi có ruộng phải gánh cái nghĩa vụ này!

Bí thư xã Sơn Hưng Nguyễn Đại Dũng tiếp tôi tại nhà. Nếu không có chiếc sân ximăng láng coóng trước cửa thì nhà anh chẳng khác mấy nhà bà con kế bên, cũng những căn nhà lá xứ nghèo. Bằng giọng Nghệ Tĩnh lơ lớ, anh nói:

— Bài báo có nêu một số việc gần đúng sự thật, như chuyện phân chia ruộng đất. Sau khi chia theo định suất, còn dư lại một số. Chủ trương của huyện và xã là để cho những hộ có khả năng lao động và vốn liếng mượn thêm

mỗi hộ không quá năm công. Nhưng khi thực hiện, một số đội trưởng đã lợi dụng để giành đất nhiều, đất tốt cho mình và thân nhân. Phân phối vật tư cũng vậy. Anh biết đấy, vật tư Nhà nước cung bao giờ cũng thiếu so với định mức. Vì vậy khi đưa vật tư về đội, có một số đội trưởng giữ lại cho mình phần nhiều, hoặc tự ý quy định mức hao hụt để khấu trừ vào xã viên, gây nên thắc mắc... Khuyết điểm của chúng tôi là không kịp thời kiểm tra uốn nắn. Thú thật với anh, công việc cũng lu bù quá, còn tôi thì lại là người nơi khác đến, nên chưa nắm xiết được!

— Liệu họ có lợi dụng điều này để biến anh thành ô dù không?

— Tôi cũng cảnh giác chứ anh! Nhưng anh bảo làm sao mà lường hết được! Các đội trưởng đều làm việc nhiệt tình, họ lo lắng đến trách nhiệm của họ như đôn đốc xã viên nạp thuế, làm nghĩa vụ lương thực...

Câu chuyện của chúng tôi bị dừng ngang Ba Dũng có khách. Một cậu thanh niên da ngăm ngăm mặc áo trứng sáo đội nón trắng bước vào:

— Thưa bác Ba, ba con mời bác Ba trưa nay tới nhà con chơi!

— Làm gì thế mày? — Ba Dũng vui vẻ hỏi bằng giọng nửa Nam nửa Bắc.

— Dạ thưa bác Ba, bữa trước ba con vái cúng đầu heo, nay ba con cúng, mời bác Ba tới!

— Được, trưa tao tới, nhưng không nhậu đâu nghe! — Ba Dũng liếc nhìn tôi, rồi nói vuốt theo.

Rất lễ phép chào chúng tôi, rõ ràng là cái lễ phép quá mức so với khả năng của mình, cậu thanh niên bước ra. Ba Dũng tiếp tục:

— Cảnh giác thì cảnh giác, nhưng vẫn phải dùng anh ạ. Chắc anh cũng biết đấy, cán bộ của chúng tôi vừa thiếu lại vừa yếu... — Trầm ngâm một lúc như suy nghĩ thật kỹ thêm về những gì sắp nói, Ba Dũng chuyển chủ đề — Chúng tôi không đồng tình, nhất là với kết luận thứ năm của bài báo. Bài báo nói ở Tân Hưng không còn lẽ phải, không có pháp luật, quyền làm chủ của nhân dân bị vi phạm và nhân dân không còn tin cấp ủy, chính quyền địa phương nữa... Nói thế không được!

Trên khuôn mặt vuông vức hồng hào của người bí thư xã lộ vẻ bất bình thực sự, vẻ bất bình của người quen được vâng lời đột nhiên gặp điều trái ý.

Anh thấy đấy, hợp tác xã Tân Hưng là hợp tác xã điểm duy nhất của huyện. Một cơ sở sản xuất kinh doanh xã hội chủ nghĩa như vậy không tự ra đời, mà có sự tổ chức, nuôi dưỡng của cấp ủy. Không lẽ nào tổ chức lại chấp nhận một hợp tác xã không còn luật pháp. Viết như thế có nghĩa là xuyên tạc tình hình hợp tác xã, là coi thường sự lãnh đạo của Đảng. Thế thực sự nhân dân có còn tin vào cấp ủy và chính quyền địa phương không? Tin hay không biểu hiện ở quá trình lãnh đạo. Chúng tôi đã lãnh đạo nhân dân bầu thành

công Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, bầu đúng theo dự kiến của cấp ủy. Chúng tôi cũng tổ chức thành công đại hội hợp tác xã, bà con bầu được ban quản lý, đúng theo yêu cầu...

Câu chuyện của chúng tôi lại phải dừng ngang. Cậu thanh niên khác bước vào, tay sách một gói được che nửa kín nửa hở bằng lá môn, không rõ là thịt trâu hay thịt bò, đỏ lòm máu.

— Thưa bác Ba, — cậu thanh niên nói lễ phép, cũng lại là cái lễ phép quá tầm mức cậu — dượng Tám con biếu bác Ba kí thịt bò!

— Anh Tám giết bò nào thế mày?

— Dạ, con bò dượng Tám con mới mua.

— Vậy hả? Được rồi, để trỏng đi!

Cậu thanh niên ghé vào thăm căn buồng vách lá. Từ trong đó một người đàn bà trắng trẻo bế đứa bé đưa tay nhận xâu thịt.

— Thế nào, anh định sống lâu dài ở đấy chứ? — Cậu thanh niên đi khỏi, tôi hỏi Ba Dũng bằng giọng thông cảm.

— Có lẽ thế thôi, anh! Biết thế nào bây giờ? — Giọng Ba Dũng ngùi ngùi – Đánh giặc mãi rồi, tôi về huyện được tăng cường xuống xã. Bây giờ nhà cửa ở cả đây, có lẽ tôi sẽ sống gắn bó lâu dài với bà con thôi...

Ngừng chút để dụi điếu thuốc đầu lọc vào cái gạt tàn màu da lươn, anh tiếp:

— Bà con ở đây rất tốt, chỉ có một số ít phần tử gây rối thường kích động làm chuyện này chuyện khác. Tiêu biểu trong số đó là bà Năm Hà tập hợp lôi kéo những phần tử tiêu cực lại để tranh giành uy tín.

— Bà ta cần uy tín để làm gì?

— Để được bầu làm chủ nhiệm hợp tác xã thay Thanh Hải. Nhưng nhân sự như thế đâu có được. Bà ta chỉ là người tạm trú, lại không đảng viên, tuổi cũng cao rồi... — Trầm ngâm lúc lâu, anh gật gật đầu quả quyết — Chúng tôi cần phải tìm được người tố cáo để kịp thời xử lý, phân loại cán bộ...



Trên đường tới nhà bà Năm Hà, tôi cứ phân vân. Một người đàn bà cao tuổi, tạm trú, tức không phải người chính thức ở đây, lại chẳng phải đảng viên... Một con người như thế không tự biết mình hay sao mà còn ham hố chức tước, nhất là cái chức chủ nhiệm hợp tác xã? Ôi cái tham vọng của con người kể cũng lạ lùng!

Trước mắt tôi là một bà mẹ cao niên, người mảnh khảnh, nước da xanh xao. Bà tiếp tôi niềm nở, cái niềm nở chân tình của những người mẹ, bắt nguồn sâu trong truyền thống dân tộc thời chống Mỹ, chống Pháp và những cuộc kháng chiến xa xưa nữa. Có thể kêu khác cũng được, nhưng rồi tự nhiên

tôi kêu bà bằng tiếng dì thân tình, gần gũi của Nam Bộ. Trên chiếc bàn nước nhỏ trong căn nhà lá, dì Năm đưa đĩa ổi ra mời tôi. Tôi nếm những miếng ổi ngon tuyệt, loại ổi nếp ruột trắng, thịt mềm, thơm và ngọt đậm nơi đầu lưỡi.

— Chú cứ ăn tự nhiên, ổi nhà trồng đó. Sáng sáng tôi đem ổi ra chợ Cầu Số Ba, mình tự sản tự tiêu mà, chú! Bán xong, tôi mua thức ăn rồi trở về, sau đó đi công tác hội...

Tôi nhìn ra khuôn vườn trước mặt: con đường thẳng tắp trồng đào lộn hột xen dừa chia đôi khu vườn. Một bên là dừa tơ, cây nào cũng đeo nặng trái, một bên là những liếp đào lộn hột ba tuổi, sum suê ánh lên màu xanh non. Dường như ở đất Kiên Giang tôi chưa gặp đâu một vườn cây như thế. Tự nhiên máu nông dân dậm dật trong huyết quản tôi. Tôi đòi dì cho thăm vườn.

Chúng tôi đi dọc những liếp dừa trồng xen ổi, những trái ổi chín xanh đung đưa như mời gọi. Dì Năm hái đưa tôi trái ổi lớn: "Chú ăn trái này đi. Trái chim ăn ngon hơn những trái thường". Tôi nhận từ tay dì trái ổi mới ửng vàng trên màu vỏ mịn màng in một vết mỏ chim còn mới. Trong giây phút ấy, tôi bỗng trở về với năm tháng thơ ấu của mình. Có một người đàn bà từng đã dẫn tôi ra vườn và hái cho tôi trái ổi như thế. Người đó là dì ruột tôi. Dõi nhìn khuôn vườn rộng, tôi hiểu chính nơi đây tôi bắt gặp nền văn hóa vườn nổi tiếng của Nam Bộ.

— Tôi sống lai rai với cây trái đó, chú. Mỗi ngày tôi thu hơn ba chục kí ổi, dừa cũng được bán thường xuyên. Vụ đào lộn hột vừa rồi, tôi thu lứa đầu được ba trăm năm chục kí, đem bán cho ngoại thương Hòn Đất... Tôi vốn quê Gò Công lận! — Dì Năm tâm sự — Hồi Chín năm, tôi công tác ở văn phòng Tỉnh ủy. Sau Giơ neo tôi vẫn hoạt động. Tới khi luật Mười — Năm chín, tình hình gắt quá, Tỉnh ủy cho điều lắng, tôi bỏ xứ xuống Rạch Giá làm ăn. Lúc đầu dạy học, rồi sau làm y tá hộ sản. Tôi dứt liên lạc từ đó. Sau hòa bình, tôi tham gia công tác Hội ở phường Quang Trung. Thấy ở chợ khó sống quá, tôi về đây mua một miếng đất. Đất lúc đó gọi là đất chó ỉa, đưng lác cao lút đầu. Nhiều người cười tôi cái bà ở chợ làm sao mua đất hoang để làm gì? Quả cũng khó thiệt đó chú! Tôi trồng lúa mấy vụ đều thất, sau trồng lang, trồng củ mì cũng thất. Tới bước nữa tôi lên liếp trồng mía. Trúng vụ mía, tôi có tiền lên liếp tiếp. Thấy nhà nước khuyến khích trồng đào lộn hột, tôi trồng. — Đưa bàn tay chai sù sì, các ngón tù như đầu rắn, dì Năm vỗ vỗ vào một thân dừa tơ, cây dừa lùn lúc lỉu trái, như vuốt ve một vật thân thuộc — Tự tay tôi trồng tất cả đó, chú. Mướn lên liếp hay mướn làm việc gì khác, chớ cây là phải do chính tay tôi trồng tôi mới yên tâm. Tôi đông con lắm, chú. Những tám đứa lận! Cho hai đứa đi đại học, tôi phải sang hai miếng vườn. Hiện nay huê lợi từ vườn, từ ruộng tôi vẫn tiếp tế cho các cháu ...

Nãy giờ, đi thăm vườn của dì Năm, tôi đã thầm nghiêng mình bái phục trí tuệ và nghị lực của người đàn bà ngót sáu mươi tuổi. Vườn được quy hoạch hợp lý và đẹp tới mức tối ưu, những kỹ sư nông nghiệp tài giỏi nhất cũng chỉ có thể làm đến thế. Từ mảnh đất phèn chó ỉa, dì đã biến thành khu vườn vàng xanh đậm đà vẻ đẹp và sự trù phú. Và bây giờ, nghe dì nói tới con, tôi lại thêm khâm phục tấm lòng người mẹ. Nhiều con là gay go. Nhưng dì đã giải quyết bằng lao động có văn hóa, để con cái có cuộc sống văn hóa hơn.

— Con tôi một đứa hy sinh, một đứa chiến đấu bị thương...— dì Năm kể tiếp — Chắc chú còn nhớ năm bảy chín giải phóng Campuchia, tỉnh mình có đưa xe ô tô đi phục vụ chiến trường và có bị thiệt hại. Thằng thứ hai của tôi bị thương trong dịp đó. Giải phóng Phnôm Pênh ngày bảy thì ngày mười bốn cháu hy sinh ở Compông Chnang. Xe cháu lại bị cháy, cháu xung phong lái xe khác. Chiếc này cũng bị cháy và cháu sang chiếc thứ ba thì bị trúng đạn. Ân hận là tám, chín năm rồi tôi chưa đưa cháu về được. — Giọng dì nhỏ lại và từ cặp mắt sầu muộn của người mẹ, những giọt nước mắt lã chã rơi — Chú à, nghe đài biết mình sắp rút quân, rồi chính phủ ba phái bốn phái gì đó, mà chưa đưa cháu về được, tôi khổ quá...

Cuộc sống làm ta quen nhờn với nhiều điều khổ đau, nhưng nước mắt của người mẹ thì không thể nào quen được.

Biết rằng mọi lời an ủi lúc này là vô nghĩa, tôi không dám nhìn dì, mà quay mặt đi chỗ khác.

Nghe tin có nhà báo đến, nhiều người đã tụ tập trong nhà dì Năm. Tôi không dám nói với mọi người, với dì Năm nhưng điều Ba Dũng đã nói với tôi. Không thể nào tưởng tượng được một người như dì Năm lại kéo bè kéo cánh, tranh giành ảnh hưởng nhằm chiếm cái chức chủ nhiệm hợp tác xã. Đó quả thật chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng bệnh hoạn. Cái chức hội trưởng phụ nữ và đại biểu hội đồng nhân dân cũng đã quá nặng đối với đôi vai gầy guộc của dì. Tôi nói với bà con rằng, đây là bài trả lời của ban quản lý hợp tác xã, đề nghị đọc to lên để mọi người cùng nghe. Tập giấy đánh máy được chuyển tới người đàn ông tuổi đã cao sồn sồn. Trong khi ông khó nhọc đánh vần từng chữ, tôi chăm chú đọc nét mặt mọi người. Những khuôn mặt đàn ông, đàn bà khắc khổ, đen sạm, đăm chiêu nhìn xuống, vẻ căng thẳng. Thỉnh thoảng có những tiếng ồn ào chực dội lên, nhưng lập tức bị nén lại. Ai đó nói khẽ: "Để yên cho người ta đọc!"

Người đàn ông đọc xong rồi, mà mọi người còn ngồi lặng đi một lúc. Những mái đầu càng cúi thấp hơn, như bị sức nặng vô hình đè xuống.

— Vậy là hợp tác không sai gì hết?

— Đất không sai, vật tư không sai, rồi quỹ cũng không sai!

— Lại còn đưa tạp chí Cộng sản ra nữa!

— Lại còn đe dọa người tố cáo nữa chớ!

— Ba Dũng đấy! Cái giọng văn này đúng là Ba Dũng rồi!

Tới lúc này thì tiếng người rộn lên, ai cũng tranh nói.

— Tôi nói thiệt! — Cậu thanh niên tóc dài, áo sơ mi màu xanh cổ vịt, tên Đào, nói lớn — Bài báo hổng có gì sai hết, mà còn chưa nói tới một phần mười sự thật ở hợp tác xã đâu. Cứ kiểm tra đi, tôi bảo đảm, nếu sai có bắn bỏ tôi cũng chịu!

— Ai không có ruộng à? — Hai Lâm ngẩng mái đầu chớm bạc, tóc cứng như rễ tre lên nói một cách vất vả — Hỏi ông Hai Ngon coi, gia đình chánh sách mà không có lấy miếng đất cắm dùi.

— Tui trả ruộng chớ ai? — Tư Sum xen vô — Tụi nó chia tui toàn đất lúa mùa, cỏ không! Lúa tui suốt chưa rồi, tụi nó đã đem thúng lại xúc. Giận quá, tui trả ruộng liền, đi làm mướn chơi. Giận quá trời giận! Dân thiếu chút ít thì chúng xúc bồ. Còn đám đội thiếu tấn lớn tấn nhỏ, hỏi ai đụng tới chúng? — Vừa quấn điếu thuốc sâu kèn, Tư Sum vừa nói tiếp — Cứ cho tui làm đội trưởng ba năm đi, rồi tui xin ở tù cho. Làm đội trưởng được cấy nhiều ruộng, phân bón phả phê, lại không phải đóng thuế, chả mấy mà giàu bộn.

— Cán bộ huyện không mượn đất hợp tác xã sao? Nói dóc thế mà cũng nghe được! — Ông Tám Na, dáng đậm người, mặc áo cánh nâu, xà lỏn đen, nói thủng thẳng giọng hiền khô — Cha Ba Giáp cấy mười tám công có trong sơ đồ đó. Nói rằng y có hộ khẩu ở xã, nhưng ai nhìn thấy mặt vợ con y về xã làm ruộng hồi nào? Chả làm phó ban cải tạo nông nghiệp mà cải tạo gì lạ vậy? Ba Chắc làm năm công đất cho ai đó, không phải cho trưởng công an Mười Tôn sao? Cũng trong băng công an còn có Tấn, Phước, Thành, mỗi cha năm công ràng ràng đó...

— Ba Sử ban tiếp dân cũng mượn năm công. Vậy văn phòng ủy ban huyện mượn ba chục công, nói là để cán bộ ăn sáng, mà Hai Lập cũng không biết sao? Quan liêu gì mà quá xá vậy?

— Không chỉ quan huyện, mà cả quan tỉnh cũng chiếm đất hợp tác xã. Ba Xái đang làm cho thằng cha nào bảy công đất đội hai giáp kinh Bốn Mươi không phải của Phạm Long ủy viên thơ ký Ủy ban tỉnh đó sao? Cứ về hỏi đi, dân đội Hai chỉ tới tận bờ...

— Còn ông bí thơ Ba Dũng, ai mà biết được ổng có bao nhiêu ruộng mà ruộng ở chỗ nào. Ổng gởi mỗi đội trưởng mấy công, mà chẳng cần biết đất ở đâu, chẳng cần chi phí. Tới mùa, đội trưởng sai tay em chở lúa đến cho ổng...

— Mấy ông còn nhớ vụ Bảy Cô hiếp dâm con nhỏ ở đợ bị đổ bể, vợ y chửi y sao chớ? "Tổ cha mày cũng tí tởn đòi vô đảng! Bốn năm tạ lúa của tao mày

đem đưa cho ông cố nội Ba Dũng của mày...". Nghe chúng chửi nhau mà đã cái bụng!

— Còn chủ nhiệm Hải, ai cấy lúa nuôi heo cho y rồi chở về tận nhà y. Thanh tra tỉnh tới hỏi tui, tui chỉ cho!

— Thanh tra cái quần què! — Tiếng một người bực quá sẵng giọng — Những năm đoàn thanh tra của huyện mà phát hiện được gì? Mấy ổng hổng nghe chúng nói đó sao? Nhậu sừng sừng rồi, thằng cha đội trưởng Đúc chẳng nói: "Thanh tra gì ông cũng không sợ, chỉ một con chó với can rượu là đi hết", đó sao?

Nãy giờ nghe hết người này tới người kia nói, nhưng tôi để ý thấy dì Năm im lặng, đầu cúi xuống. Mãi sau dì nói khẽ:

— Tôi chán lắm rồi. Mình góp ý xây dựng, còn họ, những người lãnh đạo lại trù úm đe dọa mình! — Dì có vẻ tủi thân giọng ấm ức.

— Đừng thối chí, chị Năm! Đã chơi là chơi cho tới gáo! — người đàn ông đọc bài lúc nãy nói để động viên dì. Ông tiếp, bằng giọng suy nghĩ – Cái điều họ phản ứng dữ nhất là việc bài báo nói hợp tác xã không có pháp luật, không còn lẽ phải...

— Còn phản ứng gì nữa? — Anh Tư Bưởi cao giọng — Lẽ phải ở chỗ nào? thằng đội phó Ban chém thằng Ngọc xả sườn đó, thì đã ai giải quyết ra sao? Ừ thì bồi thường tiền thuốc và nói là phạt làm một trăm mét khối thủy lợi, chớ ai thấy y làm được ngày nào? mà xử vậy đã đúng chưa, hình sự sao lại xử nội bộ?

— Còn Bảy Cô đó, đệ tử ruột của Ba Dũng, con hùm xám Cầu Số Ba đó, đồ hiếp dâm con nít, ai đã làm gì được y? Gia đình y chiếm năm, bảy sạp hàng ở chợ Cầu Số Ba mà còn cậy thế đánh bảy tám người, cả người mới sanh, cả người mang bầu đến trụy thai, mà đã ai nói gì chưa? Hễ ai đụng tới y liền bị vu là giặc tổ chức, nói xấu cán bộ...

— Có pháp luật à? Hỏi có pháp luật, sao chủ tịch xã Chín Dọn say rượu vô cớ trói bắt giam đứa mua lông vịt. Người ta mua nước đá về bán thì tội gì cũng trói ké người ta?

— Có pháp luật, sao Tư Hồ trưởng ban thường trực xã viên tranh đất trái luật rồi ăn cắp súng, hăm bắn Mười Định bí thư chi bộ trường lái xe? Đã giải quyết chưa?

Tôi không thể nào ghi nổi lời phát biểu của bà con, đành cầm bút lắng nghe.

— Thôi, nói mãi cũng không cùng. — Tiếng người đàn ông lúc nãy cất lên — Ta chỉ nói sơ sơ cho nhà báo biết. Còn muốn nói nhiều, đề nghị Tỉnh ủy xuống họp dân, chúng tôi sẽ nói...

Ông quay lại dì Năm Hà:

— Chị Năm yên chí đi! Còn có tụi tôi, chẳng ai làm gì được chị đâu!

Mọi người đi rồi, còn lại hai dì cháu, dì Năm Hà nói rủ rỉ:

— Nó nói có bầu cử dân chủ à? Láo hết sức! Chú biết không, hợp tác xã có tới hai trăm năm mươi tám hộ mà khi tổ chức đại hội, chúng chỉ chọn năm đội năm chục đại biểu. Đại biểu ít như vậy, làm sao đại diện được cho xã viên? Còn tư cách đại biểu, chú biết không, trong số năm chục đại biểu ấy, có tới hai mươi sáu người là thân nhân cán bộ và mười một người thuộc loại đã được trám miệng bằng mấy công đất, hay những ông bà già bảy, tám chục tuổi nghe không nghe được, nói không nói được. Gọi là đại biểu thôi, chớ có ai được bầu đâu, chúng tự chọn với nhau thôi. Chú nghĩ coi, với những đại biểu ấy, cộng với hai mươi mốt cán bộ đương nhiệm được quyền bầu cử nữa, chúng muốn bầu gì mà chả được? Vì vậy chú đừng ngạc nhiên khi bầu ban quản lý thì bầu bảy lấy bảy! Chú xem có ở đâu bầu cử kỳ quặc vậy không? Đại hội mà không dám mời tỉnh, mời nhà báo. Bà con không được dự kéo tới thắc mắc, chất vấn tùm lum, còn thiếu như biểu tình nữa...

Còn thanh tra à? Chú coi, thanh tra nào về cũng chịu, vì không dính chuyện nọ cũng dính chuyện kia. Nếu không dính cũng chỉ cần có con chó với can rượu là xong tất. Chú cũng hiểu, chủ nhiệm của chúng tôi là kỹ sư. Ông kỹ sư này chẳng thiết ngó ngàng gì đến sản xuất, nhưng lại thừa mánh lới tạo ra chứng từ qua mặt mọi đoàn thanh tra!... Biết rằng tham gia vào đấu tranh chống tiêu cực thế này cũng căng thẳng đấy. Nhưng không làm không được, chú à! Bà con tin mình, mình phải đứng lên làm chỗ dựa cho bà con. Bà con phần thì dốt, như Hai Lâm đó nói đã rành đâu. Phần nữa người nào cũng "dính", không liên can đến ngụy thì cũng có người nhà vượt biên, nên đâu có quyền ăn nói. Mình mà không đứng lên cho bà con dựa, thì bà con còn khổ đến bao giờ? Đau lòng lắm chú à! Tôi kể chú nghe chuyện vợ chồng Bảy Lình để chú hiểu thế nào là nỗi cực khổ của bà con ở đây. — Dì nheo mắt lại ngẫm nghĩ rồi gật đầu — Đúng, tôi nhớ rồi, đó là cuối năm 1985. Đang đêm tôi giật mình thức giấc vì có tiếng la "Trời ơi! Trời ơi là trời..." Biết là tiếng đàn ông mà chưa hiểu tiếng ai nhưng nghe thảm thiết quá cầm lòng không đặng. Chỉ lát sau thì tiếng chân người dậm bịch bịch dọc bờ kinh, vừa chạy vừa la: "Trời ơi! Trời ơi là trời! Con tôi nằm đất kìa. Nhà không còn lu đựng nước uống nữa ...". Tới đó, tôi biết là Bảy Lình. Y là nông dân cố cựu ở đây, không biết đi dép nữa, chú! Móng chân thúi như cùi, mà dốt nữa, gom lại chữ nghĩa cả nhà không đầy lớp hai. Năm đó, lúa hè thu thất, vì y bị bịnh, thiếu người chăm sóc, nên còn thiếu nợ chín trăm năm chục kí lúa. Y hẹn tới lúa mùa sớm trả đủ, nhưng đội không chịu, đến thu của y đôi lu, bộ ngựa. Uất quá, y la cho hả nư giận. Nào ngờ hôm sau lại bị gọi lên xã cảnh cáo. Về

nhà, y thu hoạch lúa trả đủ nợ rồi dông ghe vượt biên... Chú coi, người như vậy ai muốn vượt biên làm chi? Ngặt cái ức hiếp người ta quá. Hoàn cảnh ông Mười Thu cũng tội. Con ông đi bộ đội ở Campuchia. Lúc đầu đội giao cho ông mười công, sau đòi lại năm công, ổng không chịu. Đội phó Ban đưa súng tới dọa. Giận quá, ổng uống rượu thiệt say, hôm sau trả hết ruộng rồi đi làm mướn...

Dứt lời, dì Năm Hà đứng dậy đi lại phía cái tủ con trong góc nhà, lấy ra đống giấy tờ:

— Toàn đơn thưa cả đó, chú. Chị em phụ nữ gởi cho mình. Dì nói, rồi chọn ra đưa cho tôi chiếc phong thư màu xanh rất đẹp – chú đọc đi.

Tôi nhìn dòng chữ vụng về ngoài bì: "Kính gởi dì Năm Hà kính mến". Trong lúc tôi đang mở phong bì, dì giải thích:

— Của ai gởi tôi không biết nữa. Chỉ biết anh Bảy bên mua bán nói có người nhờ ảnh chuyển cho tôi cái thư... Nghĩ cũng kì chú, thư tố cáo mà hổng gởi cơ quan lại gởi cho mình!

Tôi đọc bức thư dài tố cáo bí thư Nguyễn Đại Dũng xuống mối cho tập đoàn I ấp Hưng Điền phân cho tập đoàn viên, mỗi hộ chiết ra năm kí, được năm mươi kí giao cho bà Tâm Thông bón đất của Dũng. Nguyễn Đại Dũng làm ruộng bốn điểm ở ấp Hưng Giang và Hưng Điền tổng cộng ba mươi bảy công, cùng những hành động trác táng của ông bí thư này, kèm theo cả nhân chứng và địa điểm...

Chờ tôi đọc xong, ngước lên, dì nhìn tôi, hỏi:

— Chú đọc xong rồi chớ? Đấy, sự việc như thế mà huyện còn bênh chằng chằng. Đầu mối mọi chuyện bê bối là Nguyễn Đại Dũng. Y kết bè kết cánh, dựa vào đám tay chân để ăn nhậu, để làm giàu; còn ỷ thế thầy, bọn tay em tha hồ hiếp đáp nhân dân. Đúng là một bọn cường hào ác bá.

Tôi thả bộ dọc lộ Tám Mươi, tới thăm anh Mười Định. Chúng tôi quen nhau từ lâu. Không ngờ nhà anh ở đây và trớ trêu thay, anh cũng là nạn nhân!

— Tờ báo về tới xã, bà con mừng hết biết, chú! Người ta tranh nhau mua, tranh nhau đọc, có người mua mấy tờ cất đi để dành, lòng dân sôi lên hả hê... Nhưng giờ thì xẹp rồi đó, chú! Báo Đảng, thanh tra tới cũng vậy thôi! Tôi thấy dường như đám tiêu cực nó còn lừng phèn hơn nữa! — Sau lúc lâu im lặng, anh Mười nói — Chỉ tội nghiệp chị Năm Hà!

Mấy tiếng ấy, hình như không chủ đích, mà tự buột ra khỏi miệng anh như một lời than.

— Họ trù úm lắm sao?

— Còn hơn cả trù úm nữa! Cấp ủy, chính quyền thì cô lập, công an mời

lên răn đe. Bọn tiêu cực gặp đâu chửi đó, chúng còn đe hành hung nữa chứ! Có bữa tôi phải lận súng lưng quần đưa chỉ về nhà...

Tôi hỏi vụ đó, anh Mười kể:

— Bữa đó, con Mai em vợ Bảy Cô ỷ thế đánh té gục chị phụ nữ bán gạo người Mỹ Phước. Cũng may chị Năm có mặt tại đó, chỉ tới can. Chẳng những tụi nó không thèm nghe, mà còn kéo cả ổ tới đánh chị nọ tàn nhẫn hơn. Chị Năm vận động chị em ở chợ làm áp lực chống lại. Chúng chửi chị tùm lum. Chiều bữa đó, chị tổ chức phụ nữ xã xử, nhưng không xong, vì công an ngó lơ. Tới khi Bảy Cô ló mặt vô thì một số chị em sợ bỏ ra về. Được thể, chúng càng chửi dữ. Sợ chúng hành hung, tôi phải kèm chỉ tới tận nhà...

— Còn vụ Tư Hồ sao, anh Mười?

Anh dẫn tôi ra sau nhà, chỉ mảnh đất, nói:

— Tôi cho y phần đất sau nhà kia, y lại đòi chiếm của tôi luôn cây dừa và bụi tre này nữa. Y phá rào của tôi, tôi cự lại, y đem súng tới bắn trước nhà tôi... Tôi còn chờ xã đó, mà chưa thấy nói năng gì ...



Sau đợt đi công tác Campuchia gần một tháng, tôi trở về thăm dì Năm. Dì vừa qua trận ốm, người còn yếu. Vẫn tiếp tôi niềm nở, nhưng dì có vẻ không vui.

— Tình hình ra sao, dì, có tiến bộ gì không?

Đặt trước mặt tôi đĩa đu đủ với những miếng chín đỏ thẫm thật ngon lành, dì Năm nói nhẹ:

— Chú Thùy ăn đi, rồi kể chuyện Campuchia xem có gì hay không?

Vừa ăn đu đủ, tôi vừa kể những cảm giác tươi rói của mình sau chuyến đi. Im lặng nghe tôi, dì nói nhẹ nhàng:

— Thôi, cũng mừng cho mấy đứa được về tới nhà tới cửa. — Giọng dì phảng phất tiếng thở dài. Chợt dì ngước lên hỏi tôi — Sao Nhà nước mình để cho bộ đội đói thế chú?

Tôi ngạc nhiên hỏi lại:

— Sao mà đói được? Các tỉnh đều có chuẩn

— Các tỉnh thì khác, nhưng đây là lính pháo, bộ đội của quân khu...

Tôi hiểu, khẩu phần bánh mì, mì tôm, lương khô cung cấp không thể đảm bảo cho người lính những ngày hành quân trên biển...

— Đồng Tháp đưa theo tới mười mấy bếp lận. Xe đổ là người ta nổi lửa liền. Còn đám lính pháo đói quá mà chả có ai ngó ngàng gì cả. Nóng ruột quá, dì phải vội vận động chị em quyên góp được hơn ba chục ngàn mua đồ nấu nướng. Chú còn nhớ dì Ba Hần chớ? Dì Ba giúp nhiều nhất đó! Nhìn tụi nó

ăn mà thương quá. Tội nghiệp! — Mắt dì Năm ngó xa xăm... Lát sau dì hỏi — Nghe mình rút quân nhiều lắm hả chú?

Tôi hiểu trong cách nhìn, trong câu nói của dì day dứt một nỗi đau...

Tôi hỏi lại dì câu hỏi ban đầu.

— Dì đã gặp Nông dân tập thể, Phụ nữ tỉnh, cả Ban tiếp dân, nhưng vẫn chưa có chuyển biến gì. Họ nói cần phải có thời gian đã! — Giọng dì Năm có vẻ buồn buồn — Thôi có lẽ thôi thôi, chú Thùy ạ! Tôi cũng chẳng làm gì nữa! Tôi tính sắp tới sẽ sang vườn cho người ta, rồi trở về chợ sống cho yên ổn. Mà nói chú đừng giận, báo chú có viết nữa cũng chẳng làm gì, chỉ như làn gió thoảng qua nghe cho vui thôi, rồi sau đó đâu hoàn đấy, lại thêm khốn khổ nữa. Lần sau chú có tới chơi thăm dì thì dì cảm ơn, chớ đừng tìm thêm tài liệu nữa...

Tôi lặng lẽ nhìn dì. Vẫn khuôn mặt hiền như bông lúa củ khoai, nhưng giờ mắt dì ráo hoảnh, thâm trầm và lành lạnh. Dì giận lắm. Có lẽ dì giận đời, giận cho cái thân phận mình... Lòng tôi buốt nhói cảm giác tội lỗi, xấu hổ và bất lực. Tôi giúp được gì đây? Tôi bỗng nhớ tới truyện Trê Cóc đọc từ thời nhỏ, có câu: Tôi đây tiếng cả nhà không, có gì! Tôi nào có khác gì con ếch tiếng cả nhà không, kêu liệu có thấu đến Trời, mà biết đâu còn ếch chết tại miệng?

Tôi không trở lại gặp anh Hai Lập để nói với anh những gì tôi biết ở hợp tác xã như đã hẹn. Liệu có ích gì không nhỉ? Hẳn anh cần rất nhiều chứng cứ. Mà cái đó tôi làm sao có được! Năm đoàn thanh tra của anh đã tìm được bao nhiêu chứng cứ? Tôi cũng không gặp được anh Sáu Chấp bí thư, để hỏi anh rằng bà con Tân Hưng kể là khi phân công ông Ba Ngợi xuống thành lập Hội nông dân tập thể, anh dặn ổng: "Làm lơi lơi thôi!" Điều đó thực hư ra sao và nên hiểu thế nào? Tôi cũng không gặp được anh Sáu Thố, phó bí thư, để tâm sự cùng anh cái điều anh "Tâm Tư" với anh bạn phóng viên của tôi: "Trong khi chúng tôi cực khổ xây dựng hợp tác xã, tỉnh chả ngó ngàng gì tới. Đến bây giờ gầy dựng được đứa con đầu đàn đang tấn tới thì tỉnh làm khó dễ!" Tôi hiểu các anh là tác giả, là cha đẻ của hợp tác Tân Hưng. Khi đứa con khuyết tật, người cha nào không đau. Nhưng có lẽ hơn mọi đau khổ của chúng ta là nỗi khổ đau rất thực của người nông dân đang còng lưng sấp mặt dưới ách áp chế!

Tôi cũng chưa gặp lại Ba Dũng để nói với anh điều tôi cứ phân vân: Anh sẽ sống lâu dài ở đây. Tốt thôi, đất nơi này lành đấy! Nhưng có điều anh sẽ sống với ai?

**Nô-en — 1987**

**(trích tập ký Người Đàn Bà Quỳ)**

# công lý, đừng quên ai!



*Lâm Thị Thanh Hà*

"Nhà báo ở tỉnh xuống đó. Không biết báo cơm hay báo đời". Đang phát sốt rét vì cái câu thì thầm ấy của bác nông dân với người thanh niên ngồi bên cạnh, lúc tôi vừa chân ướt chân ráo đến đây, thì bây giờ sau lưng tôi, lại lao xao những câu trao đổi, rồi ai đó bỗng bật lên tiếng kêu giận dữ:

— Hết đoàn này tới đoàn khác, cứ kéo xuống điều tra, ghi ghi chép chép rồi biệt tăm hơi. Có bao nhiêu chuyện phải kể đi kể lại riết muốn thuộc lòng. Kết quả đâu không thấy, chỉ thấy mất công ăn việc làm. Cũng phải để người ta làm ăn với chớ! Tui nói thiệt, bây giờ có cạy răng tui cũng không nói nữa đâu.

— Điều tra mà gà vịt bị cắt cổ mổ bụng thì kết với quả gì ...

— Kẻ có tội vẫn cứ phây phây, không ai động tới lông chân. Chỉ khổ cho cái thằng bị oan, đã nghèo, qua đận này lại còn nghèo xác. Sắp tới không biết lấy đâu sức lực để mần nuôi vợ con... Hết hiểu nổi mấy ông Nhà nước rồi!

Anh chủ nhà có vẻ bị bất ngờ, cứ loay hoay rót nước mời người này, người khác, mong làm dịu bớt cơn thịnh nộ của mọi người. Anh nhìn tôi, vừa ái ngại, vừa như có lỗi. Mà lỗi gì mới được kia chứ? Thì cứ cho là vì anh là trưởng ban nhân dân ấp. Nhưng hôm nay là ngày vui của gia đình anh: thằng con trai út vừa tròn mười hai tháng. Lẽ nào không mời bà con làng xóm đến chung vui, lẽ nào lại thiếu một chút rượu nghĩa tình? Còn tôi, tôi chỉ là một người khách tình cờ khi bữa tiệc đã tàn.

Tôi ngồi chết lặng trên ghế, cảm giác như trăm ngàn cặp mắt xa lạ đang thiêu đốt tấm lưng gầy nhom của mình. Giá như có thể biến đi, gía như có thể bay được một mạch về lại căn phòng ấm cúng quen thuộc ở tận Cần Thơ... Hay cứ phớt lờ cho qua chuyện? Dẫu uất ức, dẫu chán nản, dẫu mong

muốn thế, song tự trong thâm tâm, tôi hiểu rằng mình không thể lẩn tránh lại càng không thể bỏ cuộc. Tôi quay lại, đối diện với những người đàn ông đang trong cơn bực bội giận dữ, với quyết tâm của người lính xung trận. Giữa trận địa lòng người này, hoặc tôi sẽ trở thành người đáng tin cậy, hoặc sẽ mãi mãi là người xa lạ với họ.

Chiếc giường kê sau lưng tôi hóa ra đã chật kín người. Một số gương mặt dường như ở đâu đó vừa mới tới. Bỗng dưng tôi nhận ra là mình đã rơi vào tình thế của kẻ bị bao vây, chỉ có tiến chứ không thể lùi. Tôi cố tự chủ. Điều quan trọng nhất bây giờ không được tỏ ra nóng giận hay sợ hãi. Một thoáng im lặng. Cái im lặng của đợi chờ và thách thức.

— Anh em cơ quan cháu nghe chuyện anh Nhiên ai cũng phẫn nộ — Tôi vừa nói vừa nhìn thẳng vào bác nông dân đứng tuổi có vẻ mặt bình tĩnh, điềm đạm. Mọi người cử cháu về tận đây để tìm hiểu thêm sự thật. Biết là sẽ quấy rầy vợ chồng anh Nhiên và các chú bác ở đây, nhưng không còn cách nào khác, vì muốn viết gì thì phải tai nghe mắt thấy mới được... Thật tình, cháu không ngờ là đã có nhiều đoàn đến đây...

— Về nhiều, nhưng toàn công an, viện kiểm sát.

Một người nào đó bỗng lên tiếng. Không khí có vẻ lắng xuống. Tôi hiểu rằng mình đã vượt được giây phút khó khăn nhất.

— Nói thiệt với cô, bà con ở đây chờ đợi thật bực bội, chán nản lắm rồi... Làm ăn cái kiểu gì... — Chính là người đàn ông có giọng nói gay gắt khi nãy. Trên gương mặt anh vẫn còn bừng bừng sắc giận, nhưng lời đã có vẻ dịu hơn — Cô không biết chớ, hôm phát hiện cái xác bị vùi, tụi tui là cán bộ ấp mà cũng không được biết biên bản khám nghiệm hiện trường viết cái gì, chỉ mấy ông công an ở trên xuống làm rồi ký một mình... Lại còn đánh đập người ta nữa chớ! ... Cái chuyện rành rành mà sao để hoài không xử? May là thằng Tỏ còn sống còn tìm được, chớ nếu không thì ông Nhiên phải chịu tù rục xương. Bây giờ vợ chồng con cái họ không có gạo ăn. Ấp bảo lên xã, xã bảo lên huyện, huyện lại chỉ thị cho xã lo, xã hết tiền lại chỉ xuống ấp, mà ấp có đồng quỹ nào đâu, thu bao nhiêu nộp hết. Làm ăn vậy đó!

— Quít làm cam chịu mà.

— Có nhớ tờ báo Nhân dân ông Ba Hưởng mua về hôm nọ không? — Bác nông dân có khuôn mặt điềm đạm hỏi người bên cạnh, rồi lại nhìn sang tôi — Tờ báo nói đúng, chỉ chê một cái là thằng Tư Nga, công an ấp, sự thật không phải là đảng viên. Mà ở ấp này, theo như tui biết thì hồi nào tới giờ chưa có ai bị khai trừ Đảng hết...

Cậu thanh niên ngồi dựa vào tấm vách lá bỗng chen vào, rồi chẳng hiểu nghĩ gì, cậu bật cười khe khẽ. Tiếng cười của cậu như làn gió mát, xua tan nét mặt căng thẳng trên gương mặt mọi người. Vài ánh mắt xét nét, định giá,

ném thẳng vào người tôi một cách thương xót lúc ban đầu, cũng không còn nữa. Tôi nhẹ cả người. Quả thật cái tình huống mà tôi đã nghĩ, đã tự đặt mình vào là hơi quá đáng. Tôi đâu phải là mục tiêu, tôi chỉ là cái cớ làm nổ bùng nỗi ấm ức chất chứa trong lòng bà con bấy lâu nay.

Giờ đây, càng nghe bà con nói, tôi càng hiểu rằng trong chuyến đi ngắn ngủi này tôi là kẻ gặp may.



Tôi sựng lại trước căn nhà. Dường như tai họa của chủ cũng trùm lên cả nó.

Mà có thể gọi là nhà ư, khi nó chỉ nhỏ bằng bàn tay, và cũng xơ xác, tạm bợ như chòi làm rẫy, làm ruộng theo mùa của bất cứ người nông dân nào?

Cạnh cửa nhà, hai đứa bé đang lê la dưới đất chơi trò trẻ con. Thấy tôi bước vào đứa nhỏ nhất độ ba, bốn tuổi đưa lên khoe mấy trái bần đang cầm trên tay — thứ trái cây của đám trẻ con nhà nghèo.

— Ba con đi giăng lưới, má đi đằng xóm chưa dìa.

Thằng con trai chừng sáu tuổi trả lời tôi, rồi bước ra ngoài. Đứa em nó tiếp tục lủi thủi chơi với mấy trái bần. Dường như nó đã quá quen cái cảnh ngồi chơi một mình.

Tôi ngồi xuống mấy tấm ván cạy ra từ chiếc ghe tam bản đã mục, kê dưới đất, chỗ kín chỗ hở. Tôi nhìn mấy chỗ đất đen bóng lên ở những khoảng hở và hiểu ngay rằng chính tại nơi đây những người chủ bất hạnh đã trải qua bao đêm dài đầy lo âu, tuyệt vọng.

Bác nông dân, người tự nguyện dẫn đường cho tôi vừa ngồi xổm xuống đất bỗng bật dậy, đi lại một góc nhà.

— Cô lại đây coi nè.

Bác gọi và chỉ cho tôi xem cái khạp, bên trong đựng cái giỏ hàng có chừng vài ba lít gạo.

Chúng tôi cùng lặng im trở về chỗ ngồi.

Mà còn nói gì được kia chứ, khi tất cả đã bày ra đó: vài ba cái quần, cái áo vá chằng vá đụp trên sào, mấy cái gối đã không còn nhận ra màu vải, nằm chỏng trơ trên bộ vạt cau, một cái vỏ đệm... Hầu như đấy là toàn bộ tài sản thiết thân của năm con người. Tai họa đã đẩy họ đến chỗ chỉ còn có thể giữ được những nhu cầu tối thiểu nhất cho cuộc sống của một con người.

Tôi không muốn bi thảm hóa những gì đang diễn ra trước mắt, nhưng quả thật giữa cảnh nông thôn đang dần đổi mới, giữa những ngôi nhà đã bắt đầu khang trang, thì túp lều ọp ẹp hiện lên như một điều trái khoáy, buộc người ta phải suy nghĩ.

— ... Cứ nghĩ chắc cái số mình nghèo thôi, chứ đâu dè khổ nữa. Khổ quá

trời! — chị chủ nhà ngồi trên cái võng rách nát, vá víu lại bằng những sợi dây chuối, nói với tôi — Ông bà hồi xưa nói ở hiền gặp lành, mà sao hai vợ chồng em gặp toàn chuyện dữ. Cưới nhau được vài tháng thì má em cho thằng Tỏ về ở với hai vợ chồng. Tánh nó không bình thường nên nhiều lúc bỏ đi chơi nhà hàng xóm đến một, hai ngày. Hôm thấy mất nó, hai vợ chồng đi kiếm, cũng tính như mấy lần trước thôi. Kiếm mấy ngày không gặp nên phải đi cho má em hay. Vậy là từ hôm đó em với ảnh cùng với má và bà chị thứ tư của em chia hai cánh đi tìm. Cần Thơ, Châu Đốc... ai nói chỗ nào là đi chỗ đó. Nhà không có dư nên hết mượn tiền tới mượn lúa để đi. Mất con, mất em, khổ muốn chết, vậy mà người ta còn nói ra nói vô: "Thằng Nhiên nó đi uống rượu chớ tìm kiếm gì ". Có người còn ác miệng, đồn là ông Nhiên đã đánh thằng Tỏ tới chết, rồi đem đi dập ở chỗ nào đó. Không phải ai lạ đâu chính là bà mẹ kế, cùng chị dâu thứ hai của anh Nhiên, với một hai bà hàng xóm. Mấy người trong thân tộc tổ chức đi coi thầy coi bà. Có bữa bà chị dâu cho người kêu em qua nhà. Bà ấy lên đồng, nói là thằng Tỏ chết rồi, chôn ở hướng mặt trời mọc, bây giờ nó ở trên cây, mặt có nanh có gút, tới gần nó biến mất, tìm không gặp đâu. Bà cán bộ phụ nữ ấp nhà ở kế bên cũng kể rằng đã nằm chiêm bao thấy thằng Tỏ về kêu, báo là nó chết rồi. Có một bữa mấy người bà con buộc anh Nhiên dắt đi tìm xác thằng Tỏ. Biết đâu mà tìm? Nhưng không thể không đi. Lúc họ quay về, sẵn có một kí rưỡi thịt bà chủ mua heo vừa cân cho em, em mời họ ở lại ăn cơm. Vừa dọn ra thì dượng Chín em ở đâu xọc về hỏi: "Mày cúng ai? Phải cúng thằng Tỏ hai mươi mốt ngày?". Cả nhà bật ngửa. Tính lại thì đúng là thằng Tỏ đi mất đã hai mươi mốt ngày. Nhà có con heo, bán trả nợ hết trơn. Chỉ riêng ông chủ lò đường ngang sông đã hết mười sáu ngàn. Vậy mà người ta đồn ông Nhiên bán heo lo cho anh Tư Nga, công an ấp mười ngàn, để ém cái tội giết người... Hôm đào kinh thủy lợi gặp cái xác con nít, người ta buộc má em phải nhận là xác thằng Tỏ. "Nhận đi cho rồi, để người ta còn lập biên bản, rồi cho ván đóng cái quách chôn". Má em không nhận, họ chửi: "Dòng cái thứ không đủ thước tấc, banh da xẻ thịt đẻ con ra mà không thương, đi thương cái thằng người dưng, tui đạp đầu chị xuống cái thây ma này à!". Thằng Tỏ mười bốn, mười lăm tuổi, sức vóc cỡ nào mình biết, nên làm sao có thể nhận mấy cái xương không đầy gang tay là của nó! Mà nó mới mất hơn bốn tháng thì làm gì xương đã mục. Hôm sau, ông Nhiên bị bắt. Rồi sau đó công an xuống đào lấy bộ xương đem về huyện luôn... Bây giờ nhớ lại, nhiều khi em không hiểu sao mình có thể sống nổi qua cái đận ấy. Trong lòng cứ tin là chồng mình không giết em, nhưng mà đi ra đường, gặp ai cũng muốn chui xuống đất. Muốn tránh mặt hết mọi người, mà có tránh được đâu! Nợ nần. Một nách ba con. Em đi mần mướn hết chỗ này tới chỗ khác, có lúc làm giàn che cho lò đường,

đi ca mười tám, nên sáu giờ sáng phải có mặt đến mười hai giờ khuya. Ba đứa nhỏ ở nhà về chiều là kéo xuống bến ngồi khóc tới khuya. Có bữa mỏi mòn, chúng kéo lên nhà nằm thiêm thiếp, em về hỏi sao không ngủ, mới hay chúng chưa cơm nước gì. Thằng lớn em lúc đó mới sáu, bảy tuổi... Vác mía, chạy tới chạy lui cả ngày, nên đặt lưng xuống là tưởng hết dậy nổi. Vậy mà nhắm mắt được một chút thì giật mình, nghĩ tới cảnh ba mấy đứa nhỏ bị đánh đập trong tù, rồi lại lo không biết thằng Tỏ sống chết thế nào... Hồi ảnh bị bắt mấy ngày thì em sanh — Chị đưa mắt tìm đứa con gái nhỏ.

Tôi bỗng hoảng hốt kêu lên khi thấy trên tay nó bây giờ là con dao to tướng.

Nó nhoẻn miệng cười. Chỉ có trẻ con mới cười trước hiểm nguy như vậy. Bất giác tôi nhìn quanh nhà. Và tôi thấy — không phải bằng mắt, mà chính là bằng quá khứ tuổi thơ tôi, một đứa trẻ mồ côi — những con dao, những vật nhọn, những cái áo đầy nước... Hai năm người cha ở tù, cũng có nghĩa là hơn bảy trăm ngày, những đứa trẻ ấy đã đùa giỡn với bao nỗi hiểm nguy, mà không hề biết.

Tôi lại nhìn tới cái bụng lặc lè của chị chủ nhà. Chẳng bao lâu nữa, thêm một đứa trẻ lại ra đời. Và có lẽ, chính trên cái võng rách nát này, đứa bé sẽ nhận được từ người mẹ những tiếng ru đầu đời.

Dĩ nhiên tai họa đã qua: thằng Tỏ còn sống, người đàn ông chủ gia đình đã ra tù và ba đứa trẻ vẫn còn. Nhưng, phải chăng như thế là họ vẫn Còn Nguyên Vẹn? Tôi bỗng tự hỏi khi trước mắt tôi xuất hiện hai cha con người chủ gia đình. Họ vừa đi giăng lưới về. Dường như sự nghiệt ngã của số phận đã để lại nơi họ những vết thương nặng nhất. Khi người cha uể oải ngồi bệt xuống đất, thì đứa con hờ hững đáp lại cái chào của tôi, rồi mang thau cá đặt vào xó bếp. Vẻ mặt lạnh lùng, khắc khổ ở đứa trẻ có thân hình bé choắt, gợi người ta nghĩ đến một bức tượng đá hơn là búp măng non. Nó bước ngay ra ngoài, cặm cụi làm cái gì đó, và khe khẽ rầy la hai đứa em. Không hề ngạc nhiên, không hề tò mò về sự có mặt của khách, nó cứ lẳng lặng làm mọi việc có lẽ hàng ngày nó vẫn quen làm. Cái vẻ chai sạn, người lớn của một thằng bé tám tuổi bỗng làm tôi thấy mủi lòng. Rồi đây nó sẽ thành một chàng trai như thế nào, khi tuổi thơ của nó đã bị người ta đánh cắp?

Người đàn ông vẫn cúi mặt, trầm ngâm vấn thuốc hút.

Tui không biết phải nói gì, vì cho đến bây giờ, sau gần mười tháng ra khỏi tù mà vẫn chỉ có giấy tạm tha. Hôm tui về, anh Tư Nga, trước là công an ấp, nói với mấy người đã làm đơn tố cáo; "Mấy bà hại thằng Nhiên, nhưng nó không chết, bây giờ nó về, mấy bà chuẩn bị lên bàn Phật đi!" Họ trả lời: "Ăn thua gì, nó về chỉ ân hận thôi, chớ dám làm gì ai!" má ghẻ tui với bà cán bộ

phụ nữ ấp đều có con làm công an tỉnh. Họ mạnh lắm. Ai cũng sợ là dần dần họ sẽ rút được hết mấy cái đơn về, chừng tòa xử, họ chẳng còn dính líu gì.

Bác nông dân, người dẫn đường cho tôi, bỗng lên tiếng:

— Họ không dám nhận, để thừa là tại thấy thằng Nhiên đánh đập em vợ nó, chớ ở đây ai cũng biết, chỉ tại xích mích chuyện ruộng đất của ông già để lại trước đây.

— Tui đã qua ba thời kỳ: mẹ ghẻ, chị dâu, rồi ở đợ, tui hiểu quá rồi, nên làm sao có chuyện đánh đập thằng Tỏ tàn nhẫn như người ta nói...

Tôi nhìn gương mặt nhợt nhạt còn phảng phất cái vẻ thất thần của anh, rồi bỗng hình dung đến những ngày anh chịu nhục hình trong tù.

— Anh nghĩ sao mà hồi đó anh nhận đã giết thằng Tỏ — Tôi hỏi.

— Lúc đầu tui đâu chịu. Tui kể đầu đuôi câu chuyện nhưng không ai tin, một hai buộc chính tui giết, chứng cớ là bộ xương đã được khám nghiệm, kết luận đúng là của thằng Tỏ. Cứ nhùng nhằng như vậy tới mấy ngày. Đến lúc bị đánh quá trời, tui đành nhận... Hồi nào tới giờ đâu có bị dính dấp gì, nên lúc đó tui hết biết rồi. Nhận để đỡ bị đòn, để được sống. Lúc giải về tỉnh, người ta chỉ hỏi tui theo nội dung hồ sơ của huyện gởi lên. Tôi có thử trình bày, nhưng ở đây cũng không ai tin. Vì vậy lúc tòa vừa kêu án mười hai năm tù, tui có nói với bà già vợ: "Con không giết em đâu Má về ráng tìm. Gặp em sớm thì con về sớm".

— Anh có biết tên mấy người đánh anh không? — Tôi hỏi, khi trong đầu bỗng nghĩ tới "Ngày phán xử cuối cùng".

— Không. Tui không biết vì họ thường vô đánh ban đêm.

— Đánh tưởng gảy hai cái be sườn, lại bị giam ở huyện đến hơn năm tháng mà làm gì không biết, cô! — Chị thứ tư của vợ nạn nhân đã ngồi ở góc bếp từ lúc nào, bỗng ấm ức lên tiếng — Tại nó sợ bị trả thù. Mà nói gì nó, tui không bị ở tù nhưng thấy công an còn són đái! Hai năm nó bị giam, rồi cả cái ngày tòa xử ở Cần Thơ, tui có dám bén mảng tới đâu. Tui giữ nhà cho má tui với vợ nó đi. Nó bị nạn, má con tui cũng tan hoang nhà cửa... — Chừng như hiểu được cái nhìn dò hỏi của tôi, chị nói thêm — Hổm rày qua thăm tuị nó, thấy nhà không còn hột gạo, nên tui mới đi mần mướn bên lò đường kiếm tiền mua. Sẵn chở luôn coi tòa xử vụ nó ra sao.

Bỗng dưng tôi nhớ đến những điều mà em Võ Văn Chơn, du kích xã Vị Đông, là một trong những nạn nhân bị bắt oan sau một vụ cướp, cũng ở ngay trong huyện, đã kể với tôi: "...Có bữa mấy ông công an dẫn hai cô gái vô phòng, vừa đùa giỡn, nhậu nhẹt, vừa điều tra tụi em. Đã đánh rồi mà ông công an C. còn trói quặt hai tay em ra sau lưng bằng còng răng siết chặt, rồi bắt em đặt hai tay lên bàn, ổng lấy tay dí mạnh cái còng xuống. Thường mỗi

lần gỡ còng ra, có dính theo cả máu. Mấy tháng trời, hai bàn tay em cứ bị tê...".

Tôi sẽ không kể thêm về những gì mà gia đình và chính các nạn nhân trong vụ án này phải chịu trong hơn một năm họ ở tù và cả sau những ngày ra tù. Tôi chỉ muốn nói đến cái điều mà bà con ở đó, và ngay bản thân tôi cũng suy nghĩ: Vì sao những kẻ vi phạm luật pháp như tên C. (cũng có thể đó là những kẻ đã trực tiếp tham gia vào vụ điều tra anh Nhiên), đã bị xử bốn năm tù giam, lại thường được về thăm nhà? Vì sao khi tòa án tỉnh đã ra quyết định huyện phải trợ cấp cho mỗi nạn nhân hai ngàn đồng, chỉ hai ngàn đồng thôi, đủ lo thuốc thang, mà đến nay, sau gần năm tháng họ ra tù, huyện vẫn trả lời là chưa có tiền? Huyện đã khó khăn đến như thế sao?

Mọi người im lặng.

Tôi cũng im lặng, cúi xuống quyển sổ tay mình. Và, không biết là lần thứ bao nhiêu trong mấy tiếng đồng hồ ngồi với các nạn nhân, tôi lại phải thổi những hạt tro trấu bám đầy hai trang giấy. Đám này bay đi thì đám khác từ ống khói lò đường bên kia sông lại bay sang, chui qua mái nhà thủng lỗ chỗ, tiếp tục rơi xuống, như những giọt mưa đen.

Tôi nhớ, và bỗng thấy đau, thấy thấm thía cái câu nói bỏ lửng cùng với tiếng thở dài của cụ già, tại nhà anh trưởng ban nhân dân ấp hồi sáng: "...Hồi giặc giã vậy mà Cách mạng không xử oan ai. Còn bây giờ ..."



Quả thật tôi không có ý định ghi nhớ, nhưng chẳng hiểu sao đến lần thứ sáu này, mọi chuyện bỗng trở lại trong tôi, rõ đến từng chi tiết.

Bắt đầu là buổi sáng đầu tuần.

Khi tôi đến thì Viện kiểm soát nhân dân tỉnh đã đông người. Một anh cán bộ thông báo với tôi rằng đồng chí viện trưởng đi học Hà Nội, còn viện phó thì đang họp. "Gặp có lâu không?" — Anh hỏi Tôi, biết mình không thể tóm gọn số phận của mấy con người trong vài ba câu vội vã, nên đành theo lời khuyên của anh, trở lại vào buổi chiều.

— Chị tìm ai?

Một nhóm cán bộ nhân viên của viện đang tụ tập quanh cái bàn kê phía ngoài, có lẽ dùng để tiếp dân, kẻ đứng người ngồi, mãi một lúc mới chợt trông thấy tôi và hỏi. Rồi sau đó một người khác lại khuyên:

— Mai chị hãy tới.

Thôi thì "bất quá tam". Đâu phải người ta lúc nào cũng có thể gặp may mắn. Nhưng trong lúc mọi người đang đua nhau đổi mới thì ở đây có gì vui mà mọi người nói cười đến ầm ỹ vậy?

Sáng hôm sau tôi lại đến. Một chị phụ nữ dáng quê mùa đang thập thò

ngoài cổng. Chẳng có gì lạ, bởi cho dù chị có biết chữ thì cũng không tìm ra đâu cái bảng tên cơ quan để mà vào. Chị hỏi thăm tôi, và sau đó cả hai chúng tôi cùng vào.

Cửa phòng đồng chí viện phó vẫn đóng im ỉm.

Tôi đành quay ra bàn tiếp dân.

Một đứa trẻ vài tháng đang nằm chòi đạp trên bàn làm việc, còn người phụ nữ, có lẽ là mẹ nó, đang lục tìm gì đó ở cái tủ bên cạnh. Chị vui vẻ thông báo với tôi là đồng chí viện phó vẫn còn họp.

— Vậy sao hôm qua có một anh dặn sáng nay tôi trở lại?

— Tại ảnh nói đại vậy thôi. — Chị cười, trả lời.

Ôi! thật may là tôi còn trẻ, sống và làm việc tại Cần Thơ này, chứ nếu tôi là một ông lão, một bà cụ nào đó ở tận cái miệt Vị Thanh, Hỏa Lựu mà tôi vừa ở đó về, thì không biết sẽ xoay xở thế nào!

Chị cán bộ tiếp dân khuyên tôi nên đến vào đầu giờ chiều, vì theo chị, thường có đi họp đồng chí viện phó hay ghé lại đây đầu giờ. Tôi chắc chắn là mình không thể nào biết được mọi điều cần biết ở cái đầu giờ ngắn ngủi ấy, nên đành tính trừ hao, rằng đồng chí viện phó sẽ còn họp thêm một buổi chiều.

Sáng hôm sau, lần thứ tư, tôi lại đến, đúng bảy giờ.

"Cửa công đường" rộng mở, nhưng cả tiền sảnh, đại sảnh đều vắng ngắt. Tôi đứng trên cái bậc tam cấp chờ đợi, và sau đó thì bước ra ngoài sưởi nắng. Mấy hôm nay trời đột nhiên lạnh ghê gớm. Tôi đi đi lại lại trên lối đi ngắn dẫn ra cổng đến chán chê, rồi lủi thủi lên xe đạp về.

Đến buổi chiều. Vẫn vắng ngơ vắng ngắt. Một lúc sau có người trên lầu đi xuống, tôi chạy lại hỏi thăm. Và, lần thứ năm, tôi lại quay về.

Buổi sáng lần thứ sáu.

Rất may là đã có một bác nhân viên cùng anh thanh niên ngồi sẵn ở dãy bàn lớn nằm phía trong, có lẽ dùng làm nơi hội họp.

— Bữa nay chắc còn họp. — Bác nhân viên bảo tôi.

Chính vì "chắc còn họp", nghĩa là có thể không còn, nên tôi nán lại. Khi biết mục đích của tôi, anh thanh niên mách là nên đến Phòng trị an của viện hỏi thăm.

Tôi đi tắt qua khoảng đất trống trong khuôn viên của viện. Ở vòi nước, cạnh lối đi vào ngôi nhà thứ hai, hai chị phụ nữ ăn mặc tươm tất như đang làm việc, người đang rửa rau cải, người rửa ly tách. Tôi bước nhanh theo người phụ nữ bưng ly tách, giờ đang đi vào nhà. Hóa ra chị là nhân viên của phòng trị an. Chị mời tôi ngồi, rồi một lúc sau đi gọi người trưởng phòng đang nói chuyện gì đó với đồng nghiệp ngoài hành lang.

Ngay từ bước đầu tôi đã đâm lượng sượng, vì người đàn ông — người có chức vụ cao nhất ở trong phòng cứ đứng ngay trước mặt mà hỏi tôi "đến có việc gì?". Khi nghe tôi trình bày vắn tắt mục đích của mình, anh lạnh lùng thông báo ngay rằng vụ của anh Nhiên, Tòa án tối cao đã xử hơn hai tháng, viện không giữ hồ sơ, tôi nên qua tòa án mà hỏi thăm. Đã xử rồi sao? Tôi ngơ ngác. Và tôi trình bày. Anh T. vẫn đứng trước mặt tôi, không kịp nghe hết lời, đã nhắc lại như cái máy điều đã thông báo. Tôi cảm thấy nghẹn ứ ở cổ. Tôi muốn trình bày, muốn hỏi anh, một cán bộ nghiệp vụ, vì sao... Nhưng anh thì trong lời nói, trong cả cử chỉ, đều toát lên một ý muốn rất rõ là tôi nên đi đi cho rảnh nợ.

Tôi quay ra cửa, cảm giác như không phải mình đi, mà có một sức mạnh thô bạo nào đó đã đẩy bật mình ra. Tôi dắt xe đi nhanh ra cổng, không ngoảnh lại một lần, bởi rất sợ sẽ phải bắt gặp bên cửa sổ khuôn mặt "mày râu nhẵn nhụi" lạnh như băng của anh trưởng phòng.

Mang tâm trạng ấy, tôi đến thẳng tòa án.

— Cháu muốn hỏi thăm chuyện của anh Nhiên, ở huyện Vị Thanh, bị bắt oan vì nghi giết em vợ.

— Tòa án tối cao đã xử ông Nhiên trắng án. Vậy còn chuyện gì? — Ông chánh án ngạc nhiên nhìn tôi.

Bây giờ thì tôi hoang mang thực sự.

Và tôi lại trình bày.

— Tôi nhớ đã thấy quyết định của Tòa án tối cao rồi. — Ông chánh án nhìn sang phó chánh án — Hay địa phương không chuyển xuống cho người ta?

— Không, tôi chưa thấy. Vụ đó chưa xử mà!

Chẳng may cho tôi, người cán bộ phụ trách các thứ giấy tờ ấy lại đi vắng, nên cuối cùng ông chánh án đành chính thức thông báo với tôi rằng vụ án này Tỉnh ủy đã có chỉ đạo thành lập ban chuyên án, còn hồ sơ thì đã gửi về Viện kiểm sát trung ương mấy tháng nay và chưa có trả lời.

Tôi bước ra về và bỗng muốn kêu lên thật to.

Nhưng tôi đã kịp kìm mình lại, bởi chợt nhớ cái câu chính tôi đã khuyên vợ chồng anh Nhiên: "Công lý sẽ không bỏ quên ai. Hãy cố đợi và đừng nói gì, làm gì bậy mà thành có tội". Bây giờ, đó cũng chính là cái câu tôi đang tự khuyên mình.

**Cần Thơ, 17-12-1987**

**(trích tập ký Người Đàn Bà Quỳ)**

# đêm trắng



*Hoàng Hữu Các*

Ịch, ình, ịch... ình. Tiếng chày gõ nện vào cối đá, vang trong đêm không trăng sao, nghe đâu như từ thuở hồng hoang vọng về.

Đằng sau những tiếng ịch, ình ấy, có bóng dáng một người đàn bà, kiên nhẫn đạp bàn chân trần vào cần cối, chúi người về phía trước, dồn hết trọng lực vào đầu cần bên này để buộc đầu cần bên kia phải nổi lên, rồi buông chân ra cho cái chày rơi vào lòng cối.

Thuở bé, tôi đã từng ngồi đếm những tiếng chày của mẹ tôi. Thường thì cứ khoảng hai nghìn tiếng ịch, ình, như thế là trắng một cối gạo.

Và hôm nay, tôi đi dọc con đường lổm nhổm đá sỏi, đếm tiếng chày giã gạo đêm của làng. Công việc này, bao giờ người làng tôi cũng làm về đêm, vì ban ngày còn bận việc ngoài đồng .

Đã lâu lắm, đâu từ trăm năm trước, nghìn năm trước, ở làng tôi, mỗi nhà đều trồng ở góc vườn một cây dưới. Mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, cây dưới vẫn không cao quá đầu người, cũng không to hơn cái cột nhà, chỉ mọc thêm vô số cành, mấu xương xẩu. Và người ta ngả cây dưới ra (đào cả gốc) vạt sạch cành mấu, bóc hết vỏ, để ngoài trời ba tháng cho thật khô, thế mới được một cái chày (gọi là cái mỏ cối) gắn phía trước cần cối. Cả đời người có khi chỉ cần một chiếc mỏ cối như thế thôi. Nó không bao giờ bị sứt, gãy, nứt nẻ. Nó cứng ngang lim, nhưng dai hơn bất cứ loại gỗ nào có trên đất nước ta. Lại nữa, nó còn có tính đàn hồi. Cái mỏ cối chạm vào đá thì nảy lên, rồi lại rơi xuống lần nữa và tạo nên cái tiếng "ình" phía sau.

Ịch, ình ịch, ình. Mỗi bước tôi đi, nghe bao tiếng ịch, ình. Nhưng sao mà nặng nề, sao mà buồn bã. Ịch, ình, nhịp nhanh như hơi thở dốc. ịch...ình, nhịp chậm như tiếng thở dài.

Tôi tạt vào một căn nhà có những tiếng ịch ình như thế: nhà bạn tôi – anh Tuệ, hiện là bí thư đảng ủy xã.

Ở nhà dưới, vợ Tuệ đang hối hả đạp cối gạo. Còn ở nhà trên, Tuệ ngồi một mình bên chiếc bàn vuông, thường ngày vừa dùng làm bàn ăn, lại vừa dùng để làm việc. Gói Sa Pa bẹp dúm nằm bên chiếc gạt tàn đã đầy phè tàn thuốc và những đầu mẩu ngắn tị. Ấm trà hình như đã nguội ngắt, để cạnh chiếc đèn dầu vặn to ngọn. Tuệ ngồi, nửa người chồm về phía trước, hai khuỷu tay chống mặt bàn, mái đầu đã loáng thoáng vài sợi tóc bạc, cúi gằm, nặng trĩu.

Nghe tiếng chân tôi. Tuệ ngẩng lên. Gương mặt anh nhìn phát sợ, cặp mắt hõm sâu chứa một nỗi buồn ngột ngạt, hai lưỡng quyền nhô cao như hai cục đá xám, cằm lởm chởm râu.

— Cậu làm sao thế, Tuệ?

Im lặng.

— Ốm phải không?

Mái đầu vẫn cúi gằm bất động, giờ khẽ lắc.

— Vậy thì làm sao? Chuyện gì? Cậu nói đi!

Vẫn im lặng.

Mãi rất lâu sau, Tuệ mới hỏi tôi:

— Cậu đi đâu thế?

— Tớ đi dạo, thấy nhà cậu còn sáng đèn, tớ tạt vào.

— Đêm nay cậu có viết không?

— Không, chẳng có chuyện gì mà viết cả. Đầu óc rỗng không.

— Vậy thì ở đây nhé? Mai về.

Tôi gật đầu. Tuệ mở tủ, lấy ra chiếc hộp sắt nhỏ:

— Còn nửa lạng cà phê đây. Nhưng thuốc lá thì hết rồi, thôi đành hút thuốc lào vậy.

Tuệ cho cà phê vào phin. Tôi tráng ấm chén, pha ấm trà uống tạm, trong khi chờ được cà phê và chờ nghe chuyện của Tuệ. "Hẳn đêm nay Tuệ sẽ nói với tôi nhiều chuyện quan trọng". Tôi đoán như vậy. Thì kìa, Tuệ đang nhìn tôi dò hỏi, đắn đo. Có lẽ lúc này, anh đang nghĩ xem có nên nói hết với tôi hay không và nói như thế nào.

— Bao giờ cậu ra Hà Nội? — Tuệ hỏi.

— Ngày kia, mình sang mộ mới cho bố mình, xong việc mình mới đi.

— Ông cụ mất thế mà đã được ba năm rồi đấy nhỉ? Nhanh quá! Mà cũng thật quá. Chỉ cái chết là thật. Còn nữa thì giả, quá nhiều cái giả.

— Cậu điên hay sao mà nói nhăng nói cuội thế?

Tuệ cười gằn, tiếng cười khô khốc:

— Điên hả? Cũng có thể. Tớ nói điều này cậu nghe còn điên hơn nữa cơ: Tớ sẽ mở đầu cuộc chiến đấu một sống một chết với bọn cơ hội mang danh đảng viên ở cái làng này. Chúng nó sẽ chết hết, hoặc là tớ chết.

— Nhưng làm sao? Chuyện thế nào? Hay lại chuyện đánh đấm, lật đổ nhau?

— Không có chuyện đó. Hiện giờ tạm thời chưa đứa nào đụng đến tớ cả. Cậu biết rồi đấy, làng ta có ba dòng họ lớn: họ Lê, họ Phan và họ Nguyễn. Thằng nào muốn lật tớ đều phải kéo cả dòng họ nhà nó vào cuộc. Nhưng chúng lần lượt đều bị tớ cho "nốc ao" hết. Bây giờ, tất cả quyền lực vẫn ở trong tay tớ. Đảng ta là đảng cầm quyền mà! Sau lưng tớ, nhiều thằng gọi tớ là Mao ít của làng Nho. Tớ biết hết. Nhưng tớ mặc kệ. Thì đã sao nào?

Cậu đã bao giờ nghiên cứu về cái tính say mê quyền lực của con người chưa? Chưa hả? Vậy thì nên nghiên cứu qua một chút. Cũng đáng công đấy. Đại để, quyền lực nó như rượu ấy, một thứ rượu êm và ngọt cực kỳ, nhưng rất dễ say, hễ nhấp vào là say, rồi mê, rồi nghiện. Vì ở ta, chữ quyền luôn gắn rịt với chữ lợi. Cứ có quyền là có lợi. Quyền to lợi nhiều, quyền nhỏ lợi ít. Từ ngày Đảng giành được chính quyền đến nay thì quyền lực nằm hết trong tay các đảng viên. Cũng là nông dân cả thôi, nhưng anh nông dân có hai chữ "đảng viên" sướng hơn anh nông dân trọc. Vì chí ít, anh ta cũng là đội trưởng sản xuất, mà đã là đội trưởng thì sướng hơn xã viên. Mỗi anh đội trưởng có trong tay cả một trời điểm. Anh ta có quyền ban phát điểm cho mọi người thì cớ gì anh ta lại không tự ban phát cho mình. Một mảnh giấy bằng bàn tay, ghi vào đấy mấy con số, ký cái xoẹt, thế là cả ngàn điểm. Mà từ điểm biến thành thóc, cô kế toán chỉ phải gẩy có một con tính nhân. Đấy là cách ăn cắp mau lẹ nhất, êm thấm nhất. Ăn cắp thóc của xã viên hẳn hoi mà không nghe tiếng sột soạt. Chuyện mới đầu năm đây thôi, Cậu biết thằng Giao, con ông Tuấn chứ gì? Hắn là đảng viên thường, làm đội trưởng chăn nuôi. Vừa rồi, hắn cân một con lợn gia công cho hợp tác xã mà lấy tới bốn lần thóc, mỗi lần ba tạ rưỡi. Mới chỉ là đảng viên thường thôi đấy nhé! Còn nếu đảng viên có chân trong cấp ủy thì khỏi phải bàn, miệng nói đã có gang có thép rồi! Vì thế nên chẳng ai muốn mất quyền lực. Không muốn mất thì phải giữ. Quyền nhỏ thì một mình cùng anh em trong nhà cũng có thể giữ được. Quyền lớn hơn chút nữa thì phải kéo cả họ ra mà giữ. Vì thế nên đảng bộ xã này lúc nào cũng mắc bệnh bè phái. Đây là căn bệnh kinh niên. Một đảng bộ nhưng lúc nào cũng có ba bè phái ba tập đoàn. Mỗi kỳ đại hội, mỗi lần bầu cử, đến mục nhân sự, cãi nhau như mổ bò, chẳng khác gì việc làng ngày xưa, sặc mùi xôi thịt. Rồi chẳng mấy khi trong đảng bộ không có chuyện vu cáo, bôi nhọ nhau, hạ uy tín của nhau. Nhưng, ác nhất là việc phá hại nhau. Trước đại hội Sáu vừa

rồi, hợp tác xã đổi về được hơn chục tấn thóc giống cao sản. Đây là nhờ tài tháo vát của chủ nhiệm và phó chủ nhiệm phụ trách kế hoạch. Nhưng đến tay đội kỹ thuật thì thóc giống không mọc mầm. Tay phó chủ nhiệm phụ trách kỹ thuật, khi xử lý giống đã dội thêm nước sôi vào thóc. Thế là hết. Thiệt hại dân chịu, đói dân chịu, miễn là chúng nó phá được nhau. Hạ được uy tín của nhau.

Phổ biến hơn, cũng ranh ma hơn, là trò mị dân. Dân mình tốt quá, thủy chung quá. Đảng đã làm được một việc cực lớn là cởi được ách nô lệ cho dân, nên sau này tình hình dù có phức tạp thế nào, dân vẫn nhớ công ơn Đảng. Bất cứ ai mở miệng ra cũng nói câu: "Nhờ ơn Đảng và Chính phủ".

Một lần, cô giáo Loan, dạy lịch sử lớp sáu, hỏi một em học sinh:

— Nhờ đâu mà khỉ biến thành người?

Lập tức, em học sinh kia đáp gọn lỏn:

— Thưa cô, nhờ Đảng và Chính phủ.

Một nhân dân như thế thì trò mị dân rất hữu hiệu. Trước ngày bầu cử, người ta cho bán thêm mắm, muối, dầu hỏa ở cửa hàng để mót từng lá phiếu. Có thằng lại còn làm thơ ca ngợi nhân dân ngay giữa những ngày đại hội đảng bộ để kiếm thêm phiếu bầu. Chuyện say mê quyền lực phong phú lắm. Cậu cứ tìm hiểu nhân dân xem. Họ sẽ kể cho cậu nghe khối trò.

— Nhưng, ít nhất ở làng này cũng có một người không say mê quyền lực.

— Ai vậy?

— Cậu chứ còn ai nữa? Cái giọng kể đầy dè bỉu kia, chứng tỏ cậu không say mê quyền lực.

— Bậy! Chẳng có thằng đếch nào không say mê quyền lực. Chẳng qua mấy thằng hèn, biết quyền lực không đến tay mình thì lên giọng đạo đức giả đấy thôi. Nếu tớ không say mê quyền lực thì mười lăm năm nay, tớ vật nhau với chúng nó làm gì cho nhọc sức. Tớ cũng say mê quyền lực, có khi còn là thằng say mê nhất ở cái làng Nho này. Có điều, tớ không vụ lợi. Cậu xem, mười lăm năm làm bí thư mà nhà cửa còn tuềnh toàng thế này có nghĩa là tớ không vụ lợi. Tớ khác bọn thằng Thọ, thằng Giao, thằng Thành ở chỗ đó. Nhờ thế mà tớ thắng. Bọn chúng thua tớ vì chúng nó tham. Tham quá mà hóa ngu. Trăm thằng tham là cả trăm thằng ngu. Mà đánh thằng ngu thì nào có khó gì!

Tuệ nhấp một ngụm cà phê, hút liền hai điếu thuốc lào rồi lại ngồi im. Cặp mắt nóng đỏ nhìn đâu đó, vô định. Khi người ta không nhìn vào đâu cả tức là đang nhìn vào chính mình. Tôi kiên nhẫn chờ đợi, không góp chuyện, cũng không gợi hỏi. Vả lại, lúc này tôi cũng đã đỡ lo được đôi ba phần. Bạn tôi hiện đang nắm quyền lực, hiểu rõ chữ lợi nằm kề chữ quyền nhưng lại

không vụ lợi, có nghĩa là bạn tôi vì một cái gì đó cao hơn cái tầm thường, thế là đáng mừng, hoặc chỉ ít cũng không đáng lo sợ.

Thực ra, ở cái làng Nho này, nếu cần, phải giao tất cả quyền lực vào tay một người thì người ấy phải là Tuệ, chỉ mình Tuệ thôi. Ngoài ra, không còn ai đáng mặt. Chuyện quyền lực, nhiều nơi đến là lắm bất công; bọn dê, chó ngồi tót trên bàn thờ tổ tiên, còn người tài giỏi trung thực thì bị dìm xuống tận bùn đất. Còn ở làng tôi, chuyện quyền lực có thể gọi là có công bằng.

Ba mươi năm trước, chúng tôi là những chàng trai mới lớn: Tuệ mười bảy tuổi, tôi mười sáu. Cuộc sống ngày ấy sao mà đẹp thế, thanh thản thế. Buổi sáng, hai đứa vác cày, lùa trâu ra đồng cày một mạch bốn sào ruộng. Về nhà, mỗi đứa ăn hết một mủng khoai luộc, uống hết nửa ấm tích nước chè xanh rồi rủ nhau đi kẻ khẩu hiệu, tuyên truyền cho chính sách hợp tác hóa nông nghiệp. Buổi tối, chúng tôi trèo lên cây đa đại thụ giữa làng, đọc báo Nhân Dân cho cả làng nghe. Cái loa ngày ấy là cái mo cau cuộn hình sâu kèn, nhưng giọng đọc thì nhiệt thành lắm, tin tưởng lắm. Có lần, trong khi ngồi chờ đến phiên mình đọc, Tuệ đã ngủ gật, ngã từ ngọn cây xuống, bị gẫy mất cánh tay phải. Vậy mà hai tuần sau, người làng tôi đã lại được nghe giọng đọc của Tuệ sang sảng trên cao, không phải trên ngọn cây đa mà la ở đâu đó cao hơn, như tận lưng chừng trời.

Rồi làng tôi thành lập hợp tác xã nông nghiệp. Cái làng Nho cổ truyền được đổi tên thành "Hợp tác xã Tiền Phong". Ruộng đất tập trung, trâu bò tập trung, đến cái cày, cái cuốc cũng tập trung vào kho hợp tác xã.

Bà mẹ Tuệ lùa con trâu mộng to béo của nhà mình tập trung vào trại trâu của hợp tác xã. Chân trâu bước nặng trịch, chân người bước còn nặng hơn. Và mẹ mếu máo.

Tuệ gắt: "Mẹ bảo thủ và tư hữu lắm. Cần quái gì trâu bò nữa. Nay mai, hợp tác xã sẽ đưa máy móc về, tất cả sẽ làm bằng máy, và xã viên, ngày ba bữa, xách ga-men đến nhà ăn tập thể ăn cơm với thịt. Cái sướng sờ sờ trước mặt không thấy, còn mếu máo".

Thế đấy, ấu trĩ, ngộ nhận, buồn cười nữa, nhưng thực lòng. Từ bấy đến nay, tấm lòng của Tuệ vẫn trong trẻo thế. Và, anh Tuệ đội trưởng tuyên truyền ngày xưa, giờ là bí thư đảng ủy một xã trọng điểm lúa. Mười lăm năm làm bí thư, không tham lam, cũng không độc ác, nên mọi buồn vui của anh cũng là những nỗi niềm của làng xóm, quê hương. Với anh, bao giờ cũng chỉ có thể thương chứ không thể giận. Vì thế mà anh trụ được chừng ấy năm ở làng tôi.

— Ông Thụy mất rồi. Mất ngày mười tám tháng giêng năm nay — Tuệ tiếp — Sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, ông Thụy được cử làm chủ tịch ủy ban hành chính kháng chiến xã ta. Ở làng này, ông là người đảng

viên đầu tiên được đảng giao quyền lực. Một tuần trước khi ông mất tớ có đến thăm ông. Ông cho tớ một cuốn sách, do ông viết tay bằng mực nho, rất công phu, gọi là cuốn "Làng Nho kỷ yếu". Đọc cuốn sách đó, tớ hiểu thêm được nhiều điều về làng ta.

Đại để, trước làng ta có hơn một nghìn sáu trăm mẫu ruộng, nói chính xác, là một nghìn sáu trăm mẫu hai sào chín thước. Số ruộng đó, làng trích ra ba mươi tám mẫu làm công điền, gồm mười tám mẫu chia cho ba dòng họ lớn: Lê, Phan, Nguyễn làm ruộng thờ và hai chục mẫu dành cho việc học. Ai đỗ tiến sĩ, được làng thưởng hẳn một mẫu ruộng, không phải đóng thuế. Những người đậu phó bảng, tam trường thì thưởng năm sào, cũng không phải đóng thuế. Số ruộng học còn lại, làng chia cho các nho sinh trong làng cấy rẽ, mức tô thấp hơn mức đương thời một bậc. Số ruộng học này (trừ số đã thưởng cho những người đỗ đạt), còn lại đến đời ông Thụy làm chủ tịch còn mười bốn mẫu. Ông Thụy vẫn giữ nguyên số ruộng này, dùng để xây trường lớp và trả thêm lương cho các thầy giáo, mua phần thưởng hàng năm cho các em học giỏi. Đấy là nói về việc học. Nhờ thế mà thời nào, làng ta cũng có tiến sĩ (chỉ trừ có thời này).

Còn về hành chính thì làng ta chia thành năm khoán và một giáp (khoán là những xóm nằm trong lũy tre làng, còn giáp là xóm nằm ngoài lũy tre). Mọi việc của cả năm khoán và một giáp này đều do một hội đồng hương chức giải quyết. Hội đồng này chỉ có năm người thôi. Một ông lý trưởng giữ triện và bao quát chung, một ông hương ba, lo các loại giấy tờ, sổ sách như phó chủ tịch phụ trách nội chính bây giờ, một ông hương kiểm, lo về an ninh, một ông hương mục, lo việc thủy lợi, đồng áng, ruộng đất và một ông hương thôn, lo các việc hội hè, đình chùa. Chỉ thế thôi, năm người. Vậy mà kỷ cương không hề bị vi phạm, làng xóm luôn giữ được nền nếp, quy củ. Còn bây giờ, cái xã Tiền Phong này, có bao nhiêu ông hương chức? Cậu biết không? Hai trăm ông! Làng Nho xưa có năm người làm bộ máy hành chính thì dân cày một nghìn sáu trăm mẫu ruộng. Còn xã Tiền Phong bây giờ có hai trăm ông hương chức chỉ huy, dân cày một nghìn hai trăm tám mươi mẫu ruộng. Ruộng chui dần vào thổ cư, vào các công trình. Cũng hợp lý thôi. Nhưng có điều này không hợp lý: ruộng giảm dần, bộ máy hành chính tăng dần; cái máu say mê quyền lực đẻ ra tình trạng này đấy. Đây là một khối u ác tính khủng khiếp. Nó cứ to mãi, lớn mãi, nhức nhối và khẳn thối. Thối thực sự đấy. Mỗi năm, bộ máy này chi tới mười sáu tấn thóc cho việc chè chén, liên hoan, hội họp. Nhưng tệ nhất là guồng máy này đẻ ra tệ lạm phát công điểm. Hàng năm, số công điểm gián tiếp được đưa vào ăn chia cứ tăng vọt mãi lên. Năm 1958 là mười một phần trăm. Năm 1963 lên hai mươi tám phần trăm. Còn năm 1987 này, số điểm gián tiếp đưa vào ăn chia là hai mươi chín vạn ngày

công, trong khi số điểm trực tiếp chỉ hơn nhau mươi tám vạn ngày. Tức là người cày trên bàn giấy ăn nhiều hơn người cày ngoài đồng. Bà con xã viên nói: "Thằng còng làm cho thằng ngay ăn". Vì thế nên cứ hò nhau nâng sản lượng khoán lên. Không phải vì thành tích đâu. Chúng nó thiết gì thành tích. Sản lượng khoán tăng là giá trị ngày công tăng và như thế là những người làm hành chính ăn điểm gián tiếp có lợi, còn xã viên thì thua thiệt. Vẫn chưa hết đâu, cái bộ máy hành chính, khi đã phình ra đến mức ấy, tự nó sẽ nghĩ ra vô khối cách để cướp của dân: thuế gà, vịt, thuế lò gạch, lò vôi, rồi thuế đường. Một chiếc xe tải chạy qua đường làng ta nộp ba trăm đồng tiền thuế, xe con hai trăm đồng, xe bò lốp một trăm. Mỗi bè gỗ xuôi qua bến sông làng ta phải nộp ba mươi nghìn đồng tiền thuế. Mà con sông Sắt này đâu chỉ chạy qua mỗi địa giới làng ta. Nếu làng nào cũng làm ăn theo kiểu này thì tình hình sẽ ra sao? Mỗi làng đẻ ra một thứ luật lệ, một hình thức ăn chặn, bôi đen thêm vào bức tranh kinh tế, chính trị vốn đã chẳng lấy gì làm sáng sủa lắm của đất nước.

Bộ máy quyền lực phình lên mức tối đa thì quyền con người xẹp xuống mức tối thiểu. Người dân, bất cứ lúc nào, cũng có thể bị bắt, bị phạt.

Ông Cương ở đội mười sáu bị bắt vì thế này: Ông đi cày đất cho xã viên vun khoai, nhưng lại quên mang rọ để bịt mõm bò, nên con bò cứ vừa đi vừa ăn dây lang. Ông đánh con bò một roi, quát:

— Đi nhanh lên. Ăn ít thôi. Làm nhiều vào. Còn mày không làm mà muốn ăn thì chờ đến đại hội, tao bầu vào ban quản trị.

Thế là ông bị bắt, bị nhốt ở trụ sở năm đêm, muỗi cắn đỏ cả người, lại còn phải làm lao dịch không công ba tuần, gọi là phạt vi cảnh.

Chẳng biết ai dùng than vẽ lên tường vôi ủy ban hình hai người (một nam một nữ) vừa đi vừa nắn bóp, sờ mó nhau và đề ở dưới là "An ninh xã đi tuần đêm".

Ông công an trưởng của xã nghi ngay cho các em học sinh trường phổ thông cơ sở. Và một hôm, công an trưởng dẫn đội an ninh xộc vào lớp Bốn A, bắt bốn em học sinh lôi ra đánh ngay giữa sân trường, buộc các em phải nhận là đã vẽ bức tranh kia. Các em nhất định không nhận. Thế là roi tre vụt xuống, máu tứa ra thấm đỏ cả quần áo các em. Các em kêu: — Cô giáo ơi, cứu em! Trời ơi, đau quá!

Cô giáo chạy đến, giằng học sinh của mình ra và hỏi:

— Sao các người dã man thế? Các người không học pháp luật à?

— Cô câm mồm ngay! Nếu cần, tôi trị cả cô! Pháp luật là đây! — Tay trưởng công an vỗ ngực nói như thế.

Càng nói, mắt Tuệ càng trợn ngược lên và vằn nổi những tia máu đỏ. Rồi Tuệ khóc hộc lên như tiếng kêu của con thú bị cùng đường.

— Giờ tao cô đơn, mày ạ. Bao năm nay, tao xem việc xây dựng lực lượng gây bè cánh là một việc hèn hạ, xấu xa, một tội lớn đối với Đảng. Nhưng bọn cơ hội, bọn mọt dân thì ngấm ngầm gây dựng lực lượng. Giờ thì tao cô đơn. Nhân dân ủng hộ tao, nhưng nhân dân lại không có quyền lực. Suốt hàng chục năm trời, chúng ta cứ hô hào mãi: "Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động". Nhưng họ có quyền gì đâu mà làm chủ? Nhân dân chẳng có quyền gì hết, đến quyền làm người chân chính còn mong manh nữa là quyền làm chủ.

Giờ thì tao luôn bị thiểu số trong các cuộc họp. Trong các hội nghị, tao ngồi giữa những người đồng chí của mình mà chỉ nhìn thấy những ánh mắt đố kỵ, hằn học. Mọi ý định của tao đều bị bác hết bằng cách biểu quyết. Còn với các nghị quyết của cấp trên thì chúng ì ra, không thực hiện. Chúng lẳng lặng biến nghị quyết của trên thành tờ giấy lộn, thành những lời giáo điều, rồi lại đổ tất cả trách nhiệm lên đầu tao.

Tôi xốc Tuệ dậy, kéo anh đi ra ngoài trời một lát cho thần kinh anh dịu lại. Chúng tôi bước cạnh nhau, rất chậm, dọc đường làng.

Bỗng tôi bắt gặp một đốm lửa nhỏ lập lòe trên đỉnh núi Thành Hoàng, giữa cánh đồng làng tôi.

Từ bé đến giờ, đã nhiều lần, tôi trông thấy đốm lửa ấy, nhưng chưa bao giờ tôi dám tin đó là sự thật. Có lẽ đây chỉ là một ảo ảnh, hoặc một vì sao đột ngột sà xuống đỉnh núi.



Mẹ tôi kể rằng:

"Ngày xưa, hạt thóc ở làng ta ít thôi, nhưng rất to, to hơn cái mõ lớn treo ở đình làng. Nhưng, con người cứ đông mãi lên nên không đủ thóc để chia cho mỗi người một hạt. Thế là nổ ra cuộc xâu xé, tranh giành nhau từng hạt thóc. Người ta vác dao, búa ra bổ nát từng hạt thóc để chia phần. Rốt cục cũng chẳng ai được ăn, thóc bị bổ vụn thành cám, lẫn với bùn đất. Ít lâu sau, từ trong cám mọc lên chi chít những cây lúa non và đến mùa lúa chín chỉ thấy những hạt thóc bé xíu như bây giờ. Sau này, làng ta đã lập đền thờ hạt thóc to, quý kia. Trong đền làng thờ một hạt thóc to bằng hai chiếc thuyền nan úp lại và ông Thành Hoàng của làng.

Ông Thành Hoàng làng ta là người sinh ra giống lúa có hạt thóc quý báu ấy. Ông chơi thân với ông Thành Hoàng làng Trúc bên cạnh. Cả hai làng đều trồng loại lúa kia và cả hai làng đều ấm no, sung sướng. Người làng Trúc chịu ơn ông Thành Hoàng làng Nho mãi thì nể trọng, định sau này sẽ lập đền thờ

mỗi ông Thành Hoàng làng Nho thôi. Thế là ông Thành Hoàng làng Trúc sinh ra thù ghét bạn. Một hôm, ông bắt được một con rết rất to trên núi, Ông vác đá chặn cổ con rết, định đập chết mang về ngâm rượu. Bỗng con rết nói ra tiếng người:

— Tôi là con thần núi đây. Ông đừng giết tôi. Tôi sẽ cho ông ước một điều. Ông ước gì có nấy, nhưng ông được một, bạn ông sẽ được hai, vì bạn ông là người tốt.

Ông Thành Hoàng làng Trúc ngồi bên con rết, nghĩ suốt một ngày. Cuối cùng ông nói:

— Tôi ước được đui một mắt.

Thế là ông Thành Hoàng làng ta bị đui cả hai mắt.

Về sau, vì thương ông Thành Hoàng làng Nho bị bạn phản, nên đêm đêm, con rết vẫn bò vào đền, nhả một hòn ngọc to dưới chân ông để rọi sáng cho ông. Đốm lửa mà đêm đêm người làng ta thường nhìn thấy trên đỉnh núi, chính là hòn ngọc ấy. Còn người làng Trúc thì xấu hổ về ông Thành Hoàng làng mình, nên đến giờ vẫn không dám vào ở trong lũy tre làng và gọi là giáp Trúc".

Thế đó, làng quê của tôi, cả trong cổ tích cũng tăm tối và đau buồn. Và, mỗi đêm đi dọc đường làng, nghe tiếng ịch, ình khuya khoắt, lòng tôi cứ se thắt lại.

— Ba mươi năm qua, đảng bộ các anh đã làm được những gì cho làng? Có bao giờ anh tự hỏi mình câu đó không?

Tuệ nói, giọng khàn và nặng:

— Có. Tao có tự hỏi mình... Năm Năm Tám, thành lập hợp tác xã, cuối năm đó công hữu hóa toàn bộ ruộng đất, trâu bò và nông cụ của xã viên (lúc ấy làng ta có bốn hợp tác xã) Năm Sáu Mươi làm một cuộc sáp nhập lần nữa, làng thành hai hợp tác xã. Năm Sáu Ba, sáp nhập lần nữa, cả làng thành một hợp tác xã. Năm Sáu Lăm, lại sáp nhập với làng bên cạnh (làng Thượng) thành một hợp tác xã lớn. Năm Bảy Mươi, lại chia đôi thành hai hợp tác xã. Năm Bảy Sáu, trên thí điểm xây dựng cấp huyện, làng ta làm cuộc cách mạng "thay trời đổi đất, sắp lại giang sơn", lại sáp nhập với làng Thượng. Xã viên chuyển hết nhà lên núi, mồ mả cũng phải dời lên núi. Ruộng đất quy hoạch lại, phá sạch bờ lớn bờ nhỏ, đào hai con mương lớn tốn hàng vạn ngày công, cùng ba chục tấn gạo, bảy tấn thịt lợn nhưng giờ đây không sử dụng được. Năm Bảy Chín, lại tách khỏi làng Thượng đắp lại bờ ruộng để khoán sản phẩm và dân lại lục tục chuyển nhà cửa từ trên núi về làng cũ. Và bây giờ, năm Tám Tám thực hiện khoán gọn, hóa giá trâu bò, bán lại cho xã viên. Ba mươi năm, tám lần xáo trộn về quy mô, quan hệ sản xuất, chia rồi nhập, nhập

rồi chia, và mỗi lần chia, nhập như thế, tài sản, vốn liếng chung bị tẩu tán gần hết. Bọn cơ hội và bọn mọt dân lợi dụng đục nước béo cò. Người lao động khổ thêm. Tuệ thở dài, tiếp — Đảng bộ làm cho làng được ít quá mà lầm lỗi thì nhiều quá. Từ tớ trở xuống, ai cũng có lỗi. Chỉ nhân dân là không có lỗi. Nhân dân đã tha thứ cho đảng bộ này quá nhiều rồi. Giờ thì không ai được phép lạm dụng lòng tốt của dân nữa, nếu còn biết tự trọng, nếu còn một chút lương tri.

Cậu có thể trách mình, chửi mình. Mình không biết cách làm việc, nên bây giờ trở thành người đứng đầu của một bọn cơ hội. Số người tốt thấy thế, chán ngán quá, đã bỏ cuộc chiến đấu. Và bọn cơ hội, khi đã đông lên, đã đủ lực lượng là chúng sẽ tuyên chiến với mình. Giờ thì mình thấy rồi, mặc dù muộn.

Khi chưa có chính quyền, đảng viên của đảng vận động, giác ngộ quần chúng, nên dân tin đảng. Giờ có chính quyền trong tay, đảng viên không thèm vận động nữa mà chuyển sang cai trị bằng luật lệ, mệnh lệnh, nên dân mất tin. Chưa đủ thóc nộp lưu kho thì đi thu. Chưa đủ thịt lợn giao cho trên thì ra lệnh cấm nông dân không được bán thịt ra khỏi xã. Có nhà bí quá, giết thịt một con lợn, mang ra chợ bán, đội an ninh bắt được và bắt người ta phải ăn hết tại chỗ số thịt sống kia! Chuyện đó đã xảy ra ở làng bên.

Phải bắt đầu cuộc chiến đấu mới từ khâu tổ chức cán bộ, từ việc làm trong sạch đội ngũ đảng viên của đảng bộ. Với tớ, đây là cuộc chiến đấu sống còn.

Chợt cảm thấy hơi nước đẫm trong gió. Chúng tôi đi ra bờ con sông Sắt lúc nào không ai hay. Phía trước, một cánh buồm đêm đang lướt nhanh về phía đông, dưới chân cột buồm là một ngọn đèn bão, tỏa một khoảng sáng vàng nhạt.

Tôi nhìn theo cánh buồm, cứ ngỡ như ngọn đèn kia đang kéo con sông Sắt ra với biển. Nhưng chẳng phải, chính gió và sóng nước đang đẩy thuyền đi.

Tháng 1 năm 1988

# tiếng kêu cứu của một vùng văn hóa



*Võ Văn Trực*

Cách đây vài năm, tôi dẫn một người bạn quê ngoài Bắc, về làng tôi chơi. Câu hỏi đầu tiên khi bạn đặt chân tới đầu làng là: "Chắc cái thôn này mới lập nên trong phong trào xây dựng các vùng kinh tế mới?". Tôi trố mắt ngạc nhiên hỏi lại: "Sao bạn lại nghĩ thế? Làng tôi được lập nên cách đây chừng bảy trăm năm rồi!". Anh bạn xin lỗi và phân bua: "Bởi vì tôi không thấy dấu vết gì của một cái làng cổ...".

Thì ra thế! Không thấy dấu vết gì của một cái làng cổ... Tôi buồn quá. Điều này không phải bây giờ tôi mới nhận ra. Nhưng qua nhận xét của bạn, tôi càng đau đớn về cái vẻ xơ xác của một làng quê vốn trù phú tự xa xưa.

Làng tôi bé nhỏ như hàng vạn thôn làng Việt Nam khác, bé đến nổi người ta không bỏ ghi một dấu chấm trên bản đồ Tổ quốc. Nhưng đó là cái tế bào góp phần tạo dựng nên lịch sử oai hùng của cả dân tộc. Đó là nơi đã từng vun đắp tình cảm tôi và tình cảm bao nhiêu thế hệ trẻ thơ, biết yêu thương và căm giận, biết cầm cày và cầm súng.

Làm sao chúng ta có thể nỡ phụ bạc làng quê mình? Làm sao chúng ta có thể nỡ làm sứt mẻ hoặc hủy hoại đi những gì ông cha đã từng chắt chiu vun xới và đã tạo ra tầng tầng văn hóa từ cổ sơ đến hiện đại?

Mỗi lần đi xa về, tôi lại ngước nhìn ngọn núi Hai Vai. Ngọn núi hiện ra trước mặt như một biểu tượng của quê hương biết bao hùng vĩ và biết bao trìu mến. Nhiều cuốn sách đã ghi chép núi Hai Vai là một thắng cảnh lớn của xứ Nghệ. Vua Lê Thánh Tông đi kinh lý vào phía nam bằng đường biển, chợt nhìn thấy ngọn núi, dừng thuyền lại và làm thơ cảm tác. Nguyễn Xuân Ôn và nhiều danh tướng, nho sĩ khác cũng đã từng gửi tình cảm đối với ngọn núi trong những vần thơ đẹp.

Qua bao phen binh lửa, núi trở thành đại bản doanh hoặc chiến trường của những cuộc xung đột lớn. Mạc Hậu Giang, con thứ 14 của vua Mạc Phúc Nguyên, đã từng kéo đại quân về trú ở đây để chờ dịp phản công ra thành Thăng Long. La Sơn phu tử đã từng ngủ lại dưới chân núi trên đường đi tìm đất định đô cho vua Quang Trung. Các nhà nho yêu nước cũng đã từng tụ nghĩa đánh Pháp...

Tất cả những dấu vết ấy đâu rồi?

Xin thưa: người ta đã phá sạch sành sanh. Mấy chục năm nay, một công trường đá khổng lồ mở ra tại núi Hai Vai. Hàng tấn tấn thuốc nổ suốt ngày này qua ngày khác phá vỡ từng tảng đá lớn. Sở Văn hóa Nghệ An kiện cáo, kêu gào bên Sở Công nghiệp: hãy ra lệnh cấm dùng mìn, dùng thuốc nổ để phá núi. Tiếng kêu gào thất thanh, đến lúc lệnh cấm được ban ra thì núi đã bị hủy hoại một cách nghiêm trọng. Hai Vai núi không còn cân xứng nữa, một bên vai bị xệ xuống.

Hàng ngàn năm qua, nhân dân quanh vùng lấy ngọn núi làm biểu tượng cho ước mơ của mình. Dân làng Cồn Sắt hình dung dáng núi là cái mũ quan triều, nên đã sinh ra cụ Nghè Nguyễn Xuân Ôn. Dân làng Đậu Lý hình dung dáng núi là chiếc hài quan võ, nên đã sinh ra Tác Báy, một vị tướng tài ba trong phong trào Cần Vương. Dân làng Nho Lâm hình dung dáng núi là người thợ rèn khom lưng cầm búa gõ đe, nên cả làng thịnh đạt nghề rèn... Những hình dáng ấy còn đâu nữa!

Và tất cả những kỷ niệm tuổi thơ tôi từng gửi gắm trên ngọn núi ấy chỉ còn là một nỗi nhớ tiếc khôn nguôi. Bao nhiêu hang động đều bị xóa sạch. Mỗi hang gắn liền với một câu chuyện cổ kỳ ảo mang đầy buồn đau và khát vọng. Hang Thần Đồng là nơi ẩn náu của một vị tướng thời Quang Trung. Hang Nhà Nước sâu thăm thẳm đã từng cứu thoát một đội nghĩa quân nông dân. Hang Khách âm u mang nỗi đau của những người con gái đẹp bị tên khách chôn sống vào đó để giữ của cho hắn. Hang Thất Cổ gợi lại câu chuyện ly kỳ một đôi trai gái yêu nhau mà không lấy được nhau... Mọi hang động ấy chỉ còn trơ lại một hang Thất Cổ, còn tất cả đều đã bị thuốc nổ phá sạch.

Tôi bùi ngùi nghĩ tới một điều đơn giản: người ta đã đang tâm phá mất hang động, chuyện kể vẫn còn lưu truyền trong lòng dân; nhưng vẻ đẹp của lòng hang đã bị phá thì còn lưu lại nơi đâu? Những chùm thạch nhũ óng ánh như vàng như bạc như kim cương được tạo nên qua hàng triệu năm, bỗng chốc bị phá tan, liệu hàng triệu năm sau thiên nhiên còn tạo ra vẻ đẹp dường ấy?

Lại còn một điều đáng tiếc nữa. Ngay tại núi Hai Vai, các nhà khảo cổ đã tìm thấy những di vật của thời kỳ đồ đá mới. Bao nhiêu huyền thoại được khoác lên ngọn núi từ thế hệ này qua thế hệ khác. Bao nhiêu tầng văn hóa được xếp lên với chiều cao đầy kiêu hãnh. Bỗng dưng, đổ vỡ...

Bao quanh chân núi là những làng mạc sầm uất với bóng cây cổ thụ xanh um. Cây đa đầu làng tôi có trên ba trăm tuổi với chùm rễ phụ xoắn xuýt. Cây muỗm bên ngôi đền có tuổi thọ chừng hai trăm năm. Cây đa cuối làng tỏa tán rộng gần một mẫu đất. Hai cây đa giữa cánh đồng rùm ròa cành lá trên hai cồn đất lớn. Mỗi gốc đa là một nơi nghỉ ngơi của bà con nông dân giữa

buổi cấy hái mệt nhọc. Những trưa hè, những đêm trăng, mỗi gốc đa là một tụ điểm của sinh hoạt văn hóa, kể vè, hát dặm, kể tiếu lâm...

Năm cây cổ thụ đều đã bị triệt hạ. Ba cây bị hạ xuống cách đây ba chục năm. Hai cây còn lại cũng bị chặt dần để đem bán lấy tiền chi phí cho những bữa ăn tập thể.

Cổ thụ không còn nữa. Làng xóm trơ trọi đến tội nghiệp, trông như một trang ấp mới lập lên. Mấy chục năm qua người già không nghĩ đến việc trồng đa, thanh niên không nghĩ đến việc trồng đa. Hầu như người ta không nghĩ đến việc thiết lập một sự bền vững của thôn xóm, mà cứ tạm bợ vậy thôi. Cái cảnh tạm bợ này không biết còn kéo dài đến bao giờ?



Cách tôi năm đời, một cụ đồ nho trong làng đã bán đi một phần gia tài của mình để lập một phường chèo, mời thầy về dạy. Sau đó ít lâu, phường chèo chuyển thành phường tuồng. Năm nào, vào dịp gần áp tết, cũng có thầy tuồng về dạy. Ra giêng hai, phường tuồng diễn cho bà con làng xóm xem, rồi đi diễn thuê khắp thiên hạ.

Những tích tuồng tôi xem thuở nhỏ để lại trong tôi bao nhiêu hình ảnh đẹp đẽ cho tới tận bây giờ. Người hiệp sĩ lăn mình vào lửa để cứu cô gái bị nạn, Vua Trần Anh Tông cởi áo bào đắp cho người ăn xin nằm co ro bên vệ đường. Tình bạn quý báu và thiêng liêng giữa Lưu Bình với Dương Lễ. Mùa xuân năm này, rồi mùa xuân năm sau, rồi mùa xuân năm sau nữa, vẫn tích tuồng ấy, tôi xem đi xem lại không bao giờ chán. Trong giấc mơ thuở bé, rồi trên những chặng đường công tác qua mưa bom bão đạn, các nhân vật tuồng cứ sống mãi với tôi như nỗi khát khao cháy bỏng.

Thời kỳ Mặt trận bình dân, tiếp đến thời kỳ tiền khởi nghĩa, các vai hề trong vở tuồng bịa thêm những câu nói để tuyên truyền cách mạng. Những đảng viên cộng sản đã dùng phường tuồng như một công cụ đắc lực để hoạt động trong các đêm biểu diễn. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp và tiếp theo các thời kỳ sau đó, tuồng và chèo vẫn còn thịnh hành.

Ấy thế mà trên mười năm nay, làng tôi im bặt tiếng trống chèo, trống tuồng. Những bộ quần áo tuồng rất đẹp phải đem "tập trung" lên xã, rồi tùy tiện mỗi người xé về một mảnh. Tấm áo Triệu Tử Long lộng lẫy đến thế cũng biến thành giẻ lau nồi. Chiếc áo giáp của hiệp sĩ Thúy Vân óng ánh kim tuyến bị phá để làm rèm cửa sổ. Tấm áo bào Bà Trưng trở thành vải vụn và màn...

Tại sao có tình trạng ấy? Dễ hiểu lắm! Đảng ủy và ủy ban xã ra lệnh cấm chèo tuồng, cho đó là thứ cổ hủ. Xã cũng lập một đội văn nghệ, nhưng đội này chỉ được diễn những vở kịch dân ca tự biên, lấy đề tài sản xuất và chiến đấu trong thôn xã mình. Nói một cách công bằng, các vở kịch tự biên này cũng có ít nhiều tác dụng động viên nhất thời đối với bà con nông dân. Nhưng

thử hỏi rằng: đã có nhân vật nào trong các vở kịch tự biên ấy sống dai dẳng và có tác dụng bồi dưỡng tình cảm mạnh mẽ như các nhân vật trong tích tuồng tích chèo?

Đáng lẽ ra, phải để các loại hình sân khấu cùng song song tồn tại. Đằng này, người ta đã thô bạo cấm tiệt tuồng, cấm tiệt chèo. Tiếng trống tuồng trống chèo, rộn rã mùa xuân thôn xóm hàng trăm năm nay cũng chết tiệt theo cái lệnh thô bạo của đảng ủy và ủy ban xã!

Kéo theo nó là cái chết của hàng loạt hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian khác. Tiếng hát phường Vải tình tứ đêm trăng còn đâu nữa! Tiếng tù và cùng tiếng hò trai gái gọi nhau đi cắt cỏ hái củi còn đâu nữa. Tiếng dô huậy cười đến vỡ bụng của nhịp hò kéo gỗ còn đâu nữa. Tiếng kể vè pha chút tiếu lâm của phường thợ gặt còn đâu nữa...

Chúng ta có thể cắt nghĩa được rằng: một số hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian ra đời và phát triển cùng với nghề thủ công, nếu nghề thủ công không tồn tại thì hình thức sinh hoạt văn hóa cũng mất theo.

Nhưng có nhiều hình thức vui chơi khác chẳng gắn với sự ra đời của một nghề thủ công nào cả mà cũng biến mất. Rất nhiều trò chơi trong dịp tết như đánh đu, vật, đánh cù, đánh cờ... không còn nữa.

Hội xuân trước đây tưng bừng là thế. Tiếng chiêng ngày hội đình náo nhiệt. Tiếng trống tuồng náo nức. Tiếng hò reo nổ trời quanh sới vật... Sao bây giờ vắng tanh đến vậy? Ngày tết ở làng tôi và ở nhiều vùng nông thôn khác rất buồn. Nếu gặp tiết trời mưa dầm thì làng mạc trở lên lạnh tanh. Chỉ có mùi nhang và dăm ba tiếng pháo đì đẹt. Nhà này kéo sang nhà kia thăm hỏi dăm ba câu. Cụ già uống chén rượu ngà ngà say rồi trùm chăn ngủ. Mấy bác cán bộ về hưu ngồi bàn chuyện thế sự. Con gái con trai cũng không trau chuốt bộ quần áo mới. May ra năm nào đó, làng tổ chức yến lão thì hợp tác xã có chi tiền cho đội văn nghệ biểu diễn một đêm gọi là... Nếu không, ngày tết trong làng buồn lạnh ghê gớm, chỉ hơn ngày thường là có nệp bánh chưng với nồi thịt... Trước cảnh tượng này, nghĩ gì, hỡi các nhà văn hóa?



Một chuyên gia Ba Lan phát biểu: " Hiếm có một đất nước như đất nước Việt Nam, làng nào cũng có đình chùa". Đình, chùa, miếu mạo, là một mặt biểu hiện của nền văn hiến dân tộc. Lạ thay, nền văn hiến đó đang bị hủy hoại! Những di tích không được xếp hạng hoặc ngành bảo tồn bảo tàng còn bận trăm công nghìn việc chưa kịp xếp hạng, người ta vội vã đập phá. Những di tích đã được xếp hạng, người ta cũng đập phá không tiếc tay. Sự đập phá ấy diễn ra ngày càng lớn trong vòng ba mươi năm nay.

Ở Nghệ Tĩnh, một cán bộ văn hóa nói mỉa mai rằng: " Về cơ bản, tỉnh nhà đã phá xong di tích lịch sử!". Phượng Hoàng Trung đô thời vua Quang

Trung ở núi Quyết đã bị phá để xây lò cao. Đền thờ Mai Hắc Đế ở Nam Đàn chỉ còn cái nền gạch lở lói trơ gan cùng tuế nguyệt. Đến cả cái đình Võ Liệt, nơi đầu tiên thành lập chính quyền xô viết cũng còn trơ ra một khung gỗ...

Tang thương thay, tại làng tôi, trong quá trình biến thôn mạc trù phú thành cái ấp trơ trọi thì bao nhiêu đình, chùa, nhà thờ cũng bị triệt hạ.

Đầu tiên, người ta tổ chức một chiến dịch rước ông bà tổ tiên về ở tập thể. Tất cả các gia đình đều rước bài vị tới nhà thờ họ. Rồi từ các nhà thờ họ, tổ tiên lại được rước tới ngôi nhà thờ lớn nhất trong làng. Sau khi đã hoàn thành việc hợp tác hóa tổ tiên, tất cả các nhà thờ của chi nhánh họ đều bị phá tanh bành, đem bán tuốt tuồn tuột điện thờ và đồ tế khí. Thế là từ đấy con cháu các dòng họ không còn chỗ sum họp để tưởng nhớ tổ tiên nữa.

Còn các đền thờ thì sao? Người ta cũng mở một chiến dịch hợp tác hóa các vị thần. Tất cả các vị thần ở các xóm làng đều bị rước tập trung vào một ngôi đền chung của toàn xã. Dĩ nhiên, sau cái chiến dịch này là lập tức tiếp đến chiến dịch đập phá hàng loạt ngôi đền.

Đền làng tôi cũng bị phá. Đền làng tôi có gì đáng tiếc? Ngôi đền được dựng lên từ sau cuộc kháng chiến chống giặc Minh, rồi tu sửa dần qua các thế hệ. Và cuối cùng, trở thành ngôi đền cổ kính, linh thiêng, ngự trên gò đất cao, bao bọc bởi một khu rừng sầm uất. Thần phả còn đó. Sự tích của Ngài được Nguyễn Trãi ghi trong Lam Sơn thực lục: "Vua cùng với Lê Liễu chạy đến bên sông Khả Lam thì thấy một người đàn bà, mình mặc áo trắng, đeo xuyến vàng và thoa vàng, chết nằm ở đấy. Vua và Liễu ngửa mặt lên trời mà khấn rằng: "Ta bị giặc Minh đuổi, xin giúp ta thoát nạn, sau (nếu ta) định được thiên hạ, sẽ lập miếu thờ, hễ có lợn bò cúng tế xin cúng trước. Vua và Liễu đắp mồ chưa xong thì giặc xua chó ngao đến. Vua và Liễu chạy vào gốc cây đa. Giặc lấy mũi dao đâm vào đùi bên tả Liễu, (Liễu) lấy tay xoa cát nắm vuốt mũi dáo cho hết vết máu. Bỗng có một con chồn trắng (từ gốc cây) chạy ra, chó ngao đuổi theo chồn. Giặc không nghi ngờ (trong cây có người) nữa, liền bỏ đi. Vua nhờ vậy được thoát, khi định xong thiên hạ, (Vua) phong thần áo trắng làm Hoằng Hựu đại vương".

Khu rừng bị phá trọc trọi. Cửa tam quan uy nghi bị san bằng. Thượng điện bị dỡ sạch sành sanh. Người ta chừa lại một toà nhà hạ dùng để... chứa phân hóa học (!)

Tôi nhớ mãi cái đêm trước ngày rước vị thần áo trắng về thế giới đại đồng cùng các vị thần khác trong xã. Các cụ già thức đến tận canh năm, hương khói, chiêng trống, dâng rượu, vái lạy suốt đêm. Chỉ còn một đêm nay nữa thôi mà! Chỉ còn một đêm nay thần ở lại với dân làng, mai thần đi tập trung rồi. Luyến tiếc biết bao. Các cụ bị giác ngộ một cách cưỡng ép, vừa chắp tay lạy thần vừa nước mắt chảy ròng ròng...

Ngôi nhà thờ đại tôn cùng chung số phận gần như ngôi đền. Đó là nhà thờ đức Triệu Cơ, người sáng lập nên làng tôi. Nhà thờ đại tôn lớn nhất làng, nên tất cả các gia đình, các dòng họ đều rước tổ tiên về đây để sống chung. Tưởng thế là yên vị. Ngờ đâu mấy năm sau, ông bí thư đảng ủy quyết định lấy nhà thờ làm kho thóc. Dân chúng kêu xin: "Cả làng chỉ còn một nhà thờ duy nhất, mong ông giữ vẻ tôn kính đường thờ phụng. Chim có tổ, người có tông." Ông bí thư mặt lạnh như tiền, trả lời đanh thép: " Các chiến sĩ đổ máu xương ngoài mặt trận không tiếc, bà con ta lại tiếc cái nhà thờ tổ thì lập trường giai cấp để đâu?". Thế là dân làng tiu nghỉu... Họ chợt nhớ đến một ngôi chùa trên lưng chừng núi Trung Phường. Ngôi chùa này đã được Sở Văn hóa xếp hạng, cắm biển Cấm vi phạm. Chắc chùa vẫn giữ nguyên được vẻ đẹp cổ xưa. Họ kéo nhau lên thắp hương. Ôi thôi, chùa đã bị phá tan hoang và cái biển Cấm vi phạm bị vứt mục nát vào hốc đá (!). Họ dắt tay nhau lần theo bậc đá xuống chân núi với vẻ mặt buồn rười rượi... Trước tình cảnh này, nghĩ gì, hỡi các nhà văn hóa?



Thần linh đã vào ở tập thể. Tổ tiên cũng đã vào ở tập thể. Vậy thì mồ mả cũng cần phải nhanh chóng tập thể hóa.

Trong ba thứ tập thể hóa ấy thì việc dời mồ mả vào một khu nghĩa địa là hợp lý nhất. Đồng ruộng hàng nghìn năm nay bị xé vụn ra, mồ mả rải rác, chiếm nhiều đất canh tác, khó khăn cho việc cày cấy.

Để cải tạo mặt đồng, hàng trăm ngôi mộ trong làng trong xã đều tập trung về một khu đất cao. Nhưng không phải tất tần tật ngôi mộ nào cũng đào bới lấy cho được hài cốt mang vào nghĩa địa. Nếu ngôi mộ ấy có tính lịch sử và không ảnh hưởng đến thổ cư, đến đất đai canh tác thì cần gì phải đào bới? Ở làng tôi, người ta đã đào bới hai ngôi mộ đáng tiếc: mộ tổ đức Triệu Cơ và mộ võ tướng Hùng Lễ Bá.

Theo gia phả, ông tổ họ Võ làng tôi vốn từ Thái Nguyên vào, rồi chiêu dân lập ấp tại đây. Tính đến nay đã gần bảy trăm năm — tức là từ đời Trần. Cuộc đời của vị tổ và công trình khai phá của vị tổ mang đầy huyền thoại, hiện còn ghi trong gia phả và còn ghi lại trong lòng dân từ xa xưa cho đến tận ngày nay. Khi vị tổ qua đời, thi hài được táng ở khu đất cao giữa làng và phát thành một ngôi mộ lớn chừng ba sào đất.

Thế là ngôi mộ đã yên vị tại đó gần bảy trăm năm!

Thế mà sau gần bảy trăm năm, người ta đào bới tung tả đến mấy ngày mới tìm thấy hài cốt. Dĩ nhiên hài cốt của vị tổ cũng phải bình đẳng như hàng trăm bộ hài cốt khác, nghĩa là cũng xin mời lên nghĩa trang với một nắm đất sè sè, không có mộ chí.

Còn khu đất cũ của ngôi mộ thì để làm gì? Cứ tưởng là dời mộ đi thì mảnh

đất ấy trồng thêm được sào lúa sào khoai, ai ngờ nơi đó trở thành nơi xây đống rạ, ủ phân chuồng, lèo tèo vài luống rau và rác rưởi bẩn thỉu.

Cũng theo gia phả, thời vua Lê kéo quân vào Nghệ An, một người nông dân làng tôi được tuyển vào hàng quân vệ và về sau trở thành một vị tướng giỏi. Vị tướng này đã cùng với Đinh Lễ hạ thành Diễn Châu, đánh tan giặc Minh. Cuộc kháng chiến thắng lợi, vua phong là Hùng Lễ Bá và sai lập đền thờ tại làng. Các thế hệ sau quen gọi một cách tôn kính và thân mật là "Cố Hùng" – mộ Cố Hùng, đền thờ Cố Hùng.

Ngay khi đảng ủy và ủy ban xã mở chiến dịch cưỡng bức các vị thần và tổ tiên vào thế giới đại đồng, đền thờ bị tức khắc hủy bỏ các đồ tế khí, và sau đó biến thành kho thóc của đội sản xuất.

Ngôi mộ thì vẫn còn nguyên. Do lòng tôn kính của dân làng và nhân dân quanh vùng, từ thế hệ này qua thế hệ khác, người ta ném đất vào. Ngôi mộ rộng dần ra đến gần một mẫu.

Thuở nhỏ, đi chăn trâu, chúng tôi quây quần trên mộ nghe một cụ già chài lưới kể sự tích Hùng Lễ Bá. Ngài ngồi trên lưng ngựa, tay cầm gươm, tay cung nỏ, tả xung hữu đột, giặc chết như ngả rạ. Cuối cùng Ngài bị một nhát gươm chém đứt cổ. Hai tay Ngài giữ chặt đầu, phi ngựa về đầu làng mới chịu ngã xuống.

Ngôi mộ linh thiêng đến thế. Ngôi mộ đã từng gợi cho chúng tôi trí tưởng tượng kỳ diệu về ông cha mình. Thế mà người ta cũng đào bới. Mấy chục thanh niên được huy động ra để đào, để tìm. Đào nham nhở cả cồn đất rộng gần một mẫu. Không thấy gì, cả đám thanh niên cáu tiết đào mộ chỉ ném xuống bùn, rồi bỏ về. Một cụ già đi thăm đồng, thấy vậy, bèn xắn quần lội bùn khuân mộ chí lên, vừa khuân cụ vừa la mắng: "Mấy ông lãnh đạo dạy cho thanh niên đào mồ tổ tiên, quên nòi quên giống..."

Ba năm sau, một đám thanh niên khác lại được huy động để đào cho kỳ được hài cốt võ tướng Hùng Lễ Bá. Do lòng kiên nhẫn, lần này họ đã tìm được hài cốt! Mấy bô lão ôm hài cốt, nước mắt chảy ròng ròng , rồi kéo lên gặp ông chủ nhiệm hợp tác xã xin một ít tiền mua tiểu sành đựng hài cốt, ông chủ nhiệm trừng mắt nói như đinh đóng cột: "Mộ vua, mộ thượng thư cũng đập thành đống đất, mộ ông tướng làng các cụ thì đã ra cái gì!". Các bô lão tủi thân quay về, bàn tán: "Mấy ông lãnh đạo làm sai lời dạy của Bác Hồ rồi. Nghe nói khi đi qua đền thờ đức thánh Trần, Bác vào thắp hương khấn vái. Sao mấy ông lãnh đạo xã mình tệ quá, vô ơn bội nghĩa với các bậc tiền bối...".

Trên đây tôi kể về việc đào bới và dời hai ngôi mộ cổ quan hệ mật thiết với lịch sử làng. Còn hàng trăm ngôi mộ của dân thường thì sao? Lực lượng nòng cốt để di chuyển vẫn là thanh niên. Nhiều chi đoàn lượm hài cốt một cách nghiêm túc. Nhưng có một chi đoàn làm ăn rất ẩu. Có gần hai chục ngôi

mộ, chủ đi vắng chưa kịp về, đám thanh niên này trải một tấm vải lông rộng, bốc tất cả các bộ hài cốt gói vào lộn nhào lộn nhút. Trong lúc đó thì xảy ra một câu chuyện đau lòng. Ông X. đang làm thuê ở miền ngược, nghe tin dời mồ mả, vội trở về làng. Ông chạy ra đồng vừa chạy vừa khóc mếu máo:

— Hài cốt của cha tôi đâu rồi?

Đám thanh niên liền giở trò dối trá, vội vàng bốc một nắm xương bỏ riêng vào cái rổ. Ông X. quỳ xuống, ôm rổ xương khóc nức nở. Khi bình tĩnh trở lại ông nhìn rổ hài cốt thấy thiếu hai ống chân và một ống tay. Đám thanh niên lại dối trá lén lút bỏ thêm vào hai ống chân và một ống tay. Ông X. biết mình bị lừa, nhưng biết làm sao được!

Điều rất độc đáo là nghĩa địa xã tôi không có từng ngôi mộ riêng. Nguyên do là thế này:

Có lẽ mấy ông lãnh đạo xã nghĩ rằng đã tập thể hóa thì phải tập thể hóa thật triệt để. Mỗi chi nhánh họ đào một cái rãnh dài, đặt hàng loạt hài cốt sát liền nhau, rồi đắp thành một cái bờ như bờ ruộng. Có đám thanh niên nghịch ngợm đắp khu mộ thành hình khẩu súng lục. Việc tôn nghiêm trở thành trò đùa.

Sau cái động tác ấy là xong, xong tất cả, biệt vô âm tín, vài ba năm sau không thể nhận ra mộ ông, mộ bà, mộ cha, mộ mẹ, mộ anh, mộ em nằm ở lối nào!!!

Mẹ tôi qua đời năm 1978. Đến năm 1981 thì cải táng lên nghĩa địa. Năm 1984, tôi trở về, không thể nào tìm thấy mồ mẹ nữa. Trời ơi! Sao lại đến nông nổi này? Nước Mỹ cách xa ta hàng vạn kilômét, người ta còn lần mò sang để tìm hài cốt những phi công Mỹ đã bỏ xác tại đây. Sao mình lại bạc ác đến thế? Tôi nhờ một ông anh họ dẫn lên nghĩa địa lần thứ hai để chỉ cho tôi biết vị trí mẹ yên nghỉ. Ông anh họ dẫn tôi lên, đứng nhìn một chốc, rồi ứa nước mắt, lắc đầu: "Chịu thôi chú ạ. Chỉ biết dòng họ ta là cái bờ đất này, còn ai nằm ở quãng nào thì có trời mà biết được. Lúc đầu người ta cắm cọc tre làm dấu. Lũ trẻ nghịch ngợm nhổ cọc tre vứt đi. mấy gia đình làm mộ chí bằng đá thì có kẻ xấu bụng mang mộ chí về làm đá tảng kê cột nhà...".

Tất cả sự thật là như thế ư? Tự nhiên tôi bủn rủn chân tay, tê tái cả người. Tôi nghiến răng mà nước mắt cứ trào ra giàn giụa. Mẹ ơi! Mẹ mới qua đời sáu năm mà con không biết mẹ nằm ở đâu để con được quỳ xuống đốt nén hương khấn mẹ.

Biết làm sao bây giờ hở mẹ? Con đành chia bó hương to thành nhiều bó nhỏ, đốt lên, và cắm rải rác khắp các cồn đất. Con chắp tay quay mặt lạy cả bốn hướng, chắc hẳn con sẽ được gặp mẹ ở một hướng nào đấy...

**Mùa đông Đinh Mão (1987)**

# phần bảy:
# nhìn từ nước ngoài

# vài suy nghĩ liên quan đến văn chương phản kháng



*Trương Vũ*

Những điều trình bày dưới đây là những suy nghĩ rời rạc của người viết về một vấn đề lớn mà Văn Học đã nêu ra trong số Xuân Canh Ngọ: VĂN CHƯƠNG PHẢN KHÁNG TẠI VIỆT NAM. Mặc dầu có liên quan đến tất cả bốn câu hỏi của Văn Học, những suy nghĩ này vẫn không phải là những câu trả lời trọn vẹn, do đó chỉ nên được xem là những góp ý nhỏ phụ thêm vào những bài trả lời công phu và giá trị của Nguyễn Mộng Giác và Nguyễn Đức Lập đăng trong Văn Học số tháng Ba 1990.

*1. Có hay không có một nền văn chương phản kháng trong quốc nội?*

Không ai có thể phủ nhận sự hiện diện của những sáng tác văn chương mang tính phản kháng tại quốc nội. Tính phản kháng được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, như vài câu thơ có tính bình dân, một bài tham luận có tính trí thức, một truyện ngắn hay một truyện dài... và số lượng của những sáng tác thuộc loại này không phải là nhỏ. Sở dĩ có vấn đề đặt ra ở đây chỉ vì có sự nghi ngờ rằng cái "tính phản kháng" hàm chứa trong những sáng tác văn chương đó chưa chắc đã là phản kháng thật.

Dĩ nhiên, nếu biết chắc chắn tất cả đều là thật hay đa số là thật thì câu trả lời sẽ thật đơn giản: "Có, có một dòng văn chương phản kháng tại quốc nội". Cái lý do khiến câu trả lời không thể đơn giản như vậy phát xuất từ một nghi vấn có thể tóm tắt trong một câu nói sau đây: "Tất cả hay đa số những sáng tác mang tính phản kháng tại quốc nội có thể chỉ là ngụy tạo, nghĩa là, do nhà nước chỉ thị cho các văn nô của họ làm ra". Cái nghi vấn nay mặc dầu có thể thông cảm được và mặc dầu khá phổ biến nó vẫn khó thể được chấp nhận là không vượt ra ngoài sự suy nghĩ thông thường. Thông thường, một

chế độ Cộng sản, dù đang gặp khó khăn cách mấy về kinh tế, vẫn có thể bỏ ra những số tiền lớn để mua chuộc hoặc áp lực để có được những bài bản ca tụng chế độ và lãnh tụ, dù ca tụng rất trơ trẽn, chớ họ không thể tự dưng bỏ tiền ra để trả công, mua chuộc, khuyến khích, hay áp lực người khác giả đò chửi lại chế độ, ngoại trừ những trường hợp đặc biệt sau đây:

- Vì e ngại những bất mãn quá lớn chất chứa trong lòng người dân có thể nổ bùng bất cứ lúc nào, những kẻ cai tri có thể khuyến khích người dân biểu lộ những bất mãn của mình bằng nhiều hình thức khác nhau, kể cả bằng văn chương, trong một giai đoạn nào đó đủ để họ giải tỏa những bất mãn đồng thời giúp kẻ cầm quyền kiểm soát được lòng trung kiên của những thành phần khác nhau. Nhưng, khi người dân biểu lộ những phản kháng trong một hoàn cảnh như vậy, họ có thể bị chê trách là nhẹ dạ nhưng khó thể bảo rằng những phản kháng của họ là giả tạo.

- Vì sự hiện hữu của một nền văn chương phản kháng đích thực đang tạo những ảnh hưởng nguy hiểm cho sự an toàn của chế độ, những kẻ cầm quyền có thể ra lệnh cho các "văn nô" viết những bài văn, bài thơ mang tính phản kháng giả tạo. Mục đích là để lẫn lộn cái thực với cái giả, để làm hoang mang người đọc, và để vô hiệu hóa những phản kháng thực. Chiến thuật này cũng có thể áp dụng cho trường hợp nêu ra ở trên.

Như vậy, dù dựa trên giả thuyết nào, phủ nhận sự hiện hữu của một dòng văn chương phản kháng tại quốc nội trong giai đoạn nay là một điều không hợp lý, nếu không muốn nói là tàn nhẫn đối với những người đã dám nói lên tiếng nói lương tâm của họ dù đang ở trong một hoàn cảnh vô cùng nguy hiểm. Lẽ ra, câu hỏi nên được đặt ra ở đây là: *Vì cái thật và giả có thể lẫn lộn với nhau, làm thế nào để phân biệt phản kháng thật với phản kháng giả?*

Trong suốt mười ba năm sống ở hải ngoại, tôi thường nghe những lời phê bình khắt khe dành cho người sáng tác nhưng lại rất ít nghe ai phê bình cung cách của người thưởng ngoạn, bao gồm cả người đọc sách. Trong trường hợp này, cung cách của người đọc sách lại là yếu tố quyết định cho một cuộc tranh đấu lớn, tranh đấu để sau cùng tiếng nói của lương tâm hay ngược lại, tiếng nói của bạo lực, sẽ thuyết phục được người dân. Đây là một cuộc tranh đấu thiếu công bằng. Vì lẽ, nếu người dân đọc cả hai loại tác phẩm phản kháng thật và phản kháng giả một cách nghiêm chỉnh thì cả hai đều có cơ hội như nhau để chinh phục họ. Nhưng, nếu người dân không đọc loại tác phẩm nào cả, hay đọc một cách thiếu nghiêm chỉnh, sự thiệt thòi chỉ về phía những người phản kháng thật. Những kẻ chủ trương bạo lực bao giờ cũng sợ tiếng nói của lương tâm đến được quần chúng. Cho nên, đối với những kẻ này, càng có ít người đọc sách càng tốt.

Đối với những người chịu đọc sách, vấn đề có thể được đặt ra là: "nguyên

tắc nào là nguyên tắc chỉ đạo để dựa vào đó người đọc phân biệt được phản kháng thật với phản kháng giả?". Tôi không thấy được nguyên tắc nào khác ngoại trừ nguyên tắc này: *người đọc phải trực diện với tác phẩm bằng chính con tim và khối óc của mình*. Có nghĩa là, không nên đọc sách bằng con tim và khối óc của người khác. Và dĩ nhiên, cái khối óc sáng suốt phải là khối óc không chứa định kiến. Bằng một cung cách như vậy, hai người đọc cùng một cuốn sách vẫn có thể có hai phản ứng khác nhau hay hai nhận định khác nhau, và cả hai đều đáng được kính trọng dù có thể trái ngược hẳn nhau. Điều tệ hại và đáng chê trách là, khi đọc (hoặc trước khi đọc) một tác phẩm phản kháng, người đọc cho đó là phản kháng giả chỉ bởi vì nó được nhà nước cho xuất bản, hoặc cho đó là phản kháng thật chỉ bởi vì nó được in "chui" (ai dám cấm nhà nước đi "chui?").

Viết đến đây, tôi liên tưởng đến tác phẩm Bác Sĩ Zhivago của Boris Pasternak và một đoạn trong hồi ký của Nikita Khruschev liên quan đến tác phẩm này. Khruschev đã ngụ ý là lẽ ra ông đã phải cho xuất bản tác phẩm Bác Sĩ Zhivago. Tôi nghĩ, rất may cho Pasternak là ông trùm cộng sản Khruschev đã không làm chuyện đó, vì nếu ông ta làm như vậy, sẽ không thiếu những kẻ cực đoan vội vã cho tác phẩm này là một loại "phản kháng cuội". Nhứt là, trong tác phẩm Bác sĩ Zhivago, Pasternak đã tạo nên một hình ảnh khá đẹp và nhân bản về Evgraf Zhivago, một thiếu tướng công an Cộng sản và là em cùng cha khác mẹ với Yurii Zhivago, nhân vật chính trong truyện.

Một trường hợp khác cũng nên được nhắc đến là tác phẩm của Vaclav Havel, điển hình là vở kịch dài Viên Hội (The Garden Party). Vở Viên Hội có lúc được nhà nước Cộng sản Tiệp khắc xuất bản nhưng cũng có lúc bị cấm đoán. Có lúc vở kịch bị cấm trình diễn nhưng cũng có lúc vở kịch được phép trình diễn công khai trên sân khấu lớn của nhà nước. Không lý, khi bị cấm thì nó mang tính phản kháng thật và khi được trình diễn công khai nó mang tính phản kháng giả?

### *2. Phản kháng bản chất của chế độ hay chỉ phản kháng hiện tượng sai trái của cấp thừa hành?*

Cách đây vài tháng, khi xem cuốn phim "Chuyện Tử Tế" do Trần văn Thủy thực hiện, một anh bạn có nhắc nhở tôi cần để ý là cuốn phim chống đối "bản chất hay hiện tượng" của chế độ Cộng sản. Sự nhắc nhở của anh, có vẻ đùa hơn thật, đã làm tôi giật mình. Vì, đã lâu lắm rồi, tôi không còn có thói quen nhìn sự việc bằng cách tách rời hiện tượng ra khỏi bản chất nữa. Có hiện tượng nào không phát sinh từ bản chất? Nhưng, lúc còn ở Việt nam với mấy anh Cộng sản, cái câu "cần phân biệt bản chất với hiện tượng" tôi nghe thường lắm và, hầu như lúc nào nó cũng được dùng chỉ để bào chữa cho

cái dở của mấy anh Cộng sản. Chẳng hạn, "cái dở là chỉ ở hiện tượng thôi, chớ bản chất của chế độ Cộng sản thì hay lắm". Nhân dân không rờ được cái bản chất của chế độ nhưng hễ thấy cái gì dở một cách kỳ quái thì nhân dân diễu. Nhưng hễ không che dấu được cái diễu của nhân dân thì cán bộ bảo rằng nhân dân chỉ diễu cái hiện tượng thôi chớ nhân dân thật ra yêu cái bản chất của chế độ lắm. Bây giờ, tôi không biết là chúng ta có nên nhìn những phản kháng ở Việt nam theo một cái kiểu mà chính như4ng người có nhiệm vụ bảo vệ chế độ Cộng sản muốn chúng ta nhìn hay không?

Gần một trăm năm trước đây, khi nhà thơ Tú Xương làm những bài thơ diễu mấy ông cò, ông thông, ông phán, không thấy ông cụ nói gì đến bản chất của chế độ thuộc địa. Như vậy, có phải là ông cụ chỉ ghét mấy ông thừa hành thôi chớ còn ông cụ thật ra yêu cái chế độ thuộc địa lắm?

Vấn đề chính, theo tôi, là tác phẩm có chiều sâu hay không, có trình độ nghệ thuật cao hay không, có phát xuất từ sự chân thành hay không. Mô tả trung thực một hiện tượng nhỏ mà có chiều sâu và có trình độ nghệ thuật cao vẫn có thể đưa người đọc vào tận cái sâu thẳm của bản chất. Và dĩ nhiên, người đọc có thấy được cái sâu thẳm của bản chất hay không, điều đó vẫn còn phải tùy thuộc vào cái lòng và cái cung cách đọc sách của người đọc nữa. Tác giả có tài hoa, có con tim lớn, có cố gắng trình bày cách mấy mà người đọc cứ nhứt mực suy nghĩ theo định kiến thì cũng chịu thôi. Và nên nhớ, đây là một cuộc đấu tranh thiếu công bình: người phản kháng thật không có đầy đủ tự do để trình bày hết những phản kháng của mình.

Với cách nhìn chủ quan như vậy và dựa vào những tác phẩm mà tôi đã được đọc, tôi cho rằng tính phản kháng của văn chương Việt nam ở quốc nội đã nhắm đến tận cùng cái bản chất của chế độ.

### *3. Nhà văn lưu vong cần phải làm gì?*

Theo tôi, điều quan trọng nhất của một nhà văn, dù là lưu vong hay không lưu vong, là bằng sự sáng tạo, bằng nghệ thuật của chữ nghĩa, bằng tiếng nói của lương tâm, khám phá cái đẹp hay tạo nên cái đẹp cho đời sống. Cũng có thể bằng một cách quanh co hơn, nhà văn chỉ cho con người những trở ngại mà họ phải dẹp bỏ nếu họ muốn đạt được cái đẹp. Cái đẹp có thể là một tình yêu trai gái, một tình yêu thiên nhiên, hay chỉ là một sự bình yên trong tâm hồn. Và, nếu những trở ngại này phát sinh từ sự áp bức mà con người đè nặng lên những con người khác, chúng ta có những nhà văn phản kháng như đã nói ở trên đây. Cũng có thể, sự áp bức đến từ thiên nhiên, đến từ định kiến, đến từ sự ngu dốt... và chúng ta có nhiều loại nhà văn phản kháng khác nhau. Và như vậy, mỗi nhà văn tùy theo cái mình thấy được, trên con đường riêng

của chính mình, hãy mang lại cái đẹp hay tranh đấu để có được cái đẹp cho cuộc đời.

Muốn làm đúng cái thiên chức của mình, nhà văn, hay bất cứ người làm nghệ thuật nào, cũng cần phải có một khả năng căn bản, đó là khả năng truyền đạt rung động, và hơn thế nữa, cộng hưởng được với cái rung động của những người khác.

Bên cạnh những khả năng này, nhà văn còn cần có một đức tính tối quan trọng: sự can đảm viết lên những suy nghĩ hay những xúc động chân thật của mình. Cho dù rằng sự chân thật và lòng can đảm không thôi chưa đủ để làm cho tác phẩm có giá trị và chưa chắc đã làm người đọc đồng ý với nội dung của tác phẩm nhưng nếu thiếu những đức tính này, nhà văn sẽ dễ trở thành một loại "văn nô" nào đó, dù là do áp lực của một chế độ chuyên chính, hay áp lực của quần chúng, hay tệ hại hơn nữa, do áp lực của một thiểu số nhân sự có khả năng áp bức. Sự chân thật cũng không cho phép nhà văn nhìn sự việc một cách chung chung để trở nên những ngườiviết truyện hay làm thơ theo thống kê, nghĩa là chỉ trình bày những mẫu sự kiện hay những mẫu nhân vật có xác suất trên năm mươi phần trăm để hiện hữu trong đời sống hay có xác suất gần một trăm phần trăm không bị chống đối. Lối viết truyện này khá thịnh hành trong những chế độ chuyên chính hoặc trong những xã hội cực đoan mà sự tự do suy nghĩ chưa được xem là một nhu cầu của đời sống hay một quyền căn bản của con người.

Những nhà văn Việt nam ở hải ngoại có xây dựng tác phẩm của họ, theo cái cách thức quái đản này không? Những nhân vật sống dưới chế độ Cộng sản, những người lính Cộng hòa, những cán bộ Quốc gia, những Việt kiều về nước... được "sống" trong những tác phẩm khác nhau ở hải ngoại trông có giống nhau không? Chẳng hạn, anh bộ đội Cộng sản mô tả trong cuốn sách A có khác gì anh bộ đội mô tả trong cuốn sách B không? Anh sĩ quan Quân lực Việt nam Cộng hòa kể trong truyện dài C có những lý luận chính trị và đời sống tâm lý giống anh sĩ quan Quân lực Việt nam Cộng hòa kể trong sách D không? Và, khi một nhà văn Việt nam ở hải ngoại có những cái nhìn về đất nước, về con người, về chính trị... trái ngược hẳn cái nhìn của quần chúng, nhà văn đó có dám viết và in sách của mình hay không? Nếu có, thì những hậu quả nào sẽ dành cho họ? Những câu hỏi này liên hệ đến những yếu tố căn bản để xác định một môi trường sinh hoạt văn hóa có tính tự do hay không, và nếu thiếu tính tự do thì nền văn chương Việt nam ở hải ngoại chưa thể gọi là một nền văn chương lưu vong theo cái định nghĩa mà Nguyễn Hưng Quốc đã trình bày trong số Xuân Văn Học Canh Ngọ. Bài góp ý này đặt trên giả thiết là những nhà văn Việt nam ở hải ngoại là những nhà văn lưu vong

của một nền văn chương Việt nam lưu vong mặc dù người viết chưa được thuyết phục là giả thiết này hoàn toàn đúng.

Những nhà văn Việt nam lưu vong, với những khả năng và đức tính căn bản của họ, rất dễ cộng hưởng với những xúc động chân thật của những đồng nghiệp đang phản kháng lại mọi áp bức hiện hữu trên quê hương. Nhưng, *sự cộng hưởng không thôi chưa đủ*. Chính họ, những nhà văn lưu vong, cần làm sao để *qua những tác phẩm của mình cống hiến cho đồng bào trong nước những gì mà họ cho là đẹp nhất của đời sống, trong đó có cái đẹp của Tự Do*. Dĩ nhiên, nếu đó là cái đẹp mà con người có thể đạt được chính trong đời sống thực chứ không cần phải đi ngược lại thời gian mới có hay phải chờ qua bên kia thế giới mới có thì người đọc sẽ đón nhận dễ dàng hơn. Và, dĩ nhiên, *cống hiến cái đẹp cho đồng bào trong nước không chỉ có cái nghĩa là lúc nào cũng nhắc nhở cho họ thấy rằng những cái mà họ đang có trên quê hương là những cái không ra gì*. Điều này, những nhà văn phản kháng trong nước đang làm. Và, những nhà văn phản kháng trong nước không phải chỉ dừng lại ở "tính phản kháng" thôi. Đọc kỹ, sẽ thấy *tác phẩm của họ hàm chứa rất nhiều đề nghị*. Chẳng hạn, trong truyện dài Ly Thân của Trần Mạnh Hảo, hình ảnh của Khuất Nguyên, Vương Thi cùng với mối tình của họ là những hình ảnh đẹp tuyệt vời của đời sống mà khi xem đến đó, người đọc vẫn được thuyết phục là mình có thể sống như họ, nên sống như họ, và có quyền sống như họ.

***4. Ảnh hưởng của văn chương phản kháng?***

Ảnh hưởng ở trong nước như thế nào thì tôi chưa biết rõ nhưng ảnh hưởng ở quốc ngoại thì chưa nhiều lắm.

(trích tạp chí Văn Học California số 51)

# ly thân hay ly đảng?
## đọc cuốn tiểu thuyết bị công an tịch thu tại sàigòn



*Thi Vũ*

Ly Thân, cuốn tiểu thuyết hai mươi hai chương, dày 385 trang. Khổ in 12,5 trên 19 phân. Thân chữ 12. Tác giả, Trần Mạnh Hảo. Nhà xuất bản Đồng Nai ấn hành cuối năm 89 tại Sàigòn. Hình bìa vẽ chân dung một thanh niên đeo kính gọng dày và một thanh nữ nhan sắc. Cả hai cùng nhìn về phía người đọc, mặt rạng rỡ, nụ cười kín đáo. Bìa sách hứa hẹn một câu chuyện tình tiểu thuyết...

Lời tựa của nhà xuất bản nêu lên cái tam giác tình tay ba Trần Hưng – Oanh – Ruộng như một "bản tự thú", một "lời xưng tội" của nhà văn Trần Hưng (nhân vật chính), "về cái kinh nghiệm thất bại của ông trong tình yêu và nghề nghiệp". Mọi vấn đề khác đều phớt nhẹ. Khái quát. Không một dấu hiệu móc nối với thời cuộc cháy bỏng. Không một tuyên ngôn, kêu gọi ồn ào...

Thế nhưng, cuốn tiểu thuyết thuần yêu đương – trên hình thức – này đã không qua khỏi mắt cục Công an văn hóa của nhà cầm quyền cộng sản. Vừa tung ra thị trường đã tức khắc bị thu hồi. Công an đột nhập vào nhà in tịch thu cả những bản chưa kịp phân phối. Nhưng một cuốn Ly Thân đã lọt tới Paris.

Trần Mạnh Hảo là một tác giả trẻ xuất thân bộ đội. Sinh năm 1949, quê quán Hà Nam Ninh. Vừa làm thơ, vừa viết văn. Đã xuất bản năm tập thơ, tập đầu ra đời năm 1974 (1), và bốn cuốn tiểu thuyết in từ năm 1987 đến 89 (2). Ông xuất hiện khá khiêm tốn trong các tuyển tập văn học nhà nước. Một truyện ngắn trong "17 truyện ngắn thành phố Hồ Chí Minh" do Tác Phẩm Mới in năm 1982. Một bài thơ trong "Tuyển tập thơ 1957–1982" do tạp chí Văn Nghệ Quân Đội in năm 1981. Và một bài thơ trong "Thơ Việt Nam 1945–1985" do nhà xuất bản Giáo Dục in năm 1987.

Truyện Ly Thân mở đầu bằng câu: "*Thế là tôi đã bỏ nhà ra đi, từ giã người*

*vợ ba mươi mốt năm xưa đã lấy theo chỉ thị. Tôi đã đến cuộc đời này bằng hai bàn tay trắng, và sắp tới tôi sẽ trở về thế giới bên kia bằng sự trắng tay. Đầu vào và đầu ra, như vậy là huề. Cuộc đời đã tước đoạt của tôi cũng có nghĩa là tôi đã trả hết nợ nần trong suốt năm mươi tám năm sống sống nhạt nhẽo và dối trá". Câu viết bình thường của một con người bình thường trong một xã hội hẩm hiu bình thường. Nhưng bỗng trở nên khác thường khi người ấy phát sinh từ một xã hội "ưu việt", "tiên tiến", lò đào tạo những "con người mới" là xã hội chủ nghĩa kia. Câu viết này sẽ kéo ra tới 385 trang, hồi ký con người Trần Hưng. Cậu học sinh chưa kịp lấy bằng tú tài đã theo đoàn vệ quốc lên chiến khu chống Pháp sau biến cố mùa thu 45. Anh đã chiến đấu mãnh liệt, "một thứ liều mạng có tên là anh hùng*" (tr.67), nhờ thế được tuyên dương người bộ đội gương mẫu và được kết nạp vào đảng cộng sản. Năm 53 lên chức đại đội trưởng một đại đội bộ binh. Do bị thương, và từng làm phóng viên tờ báo sư đoàn, anh được điều về tòa soạn giữ mục văn nghệ cho tờ "Chiến Thắng". Từ đấy sự nghiệp văn nghệ của anh lên như diều. Mỗi bài báo, mỗi cuốn truyện anh được chỉ thị viết ra sau những lần "đi thâm nhập thực tế" đều là những mốc biến cố, những tác phẩm thời đại, "*một sự kiện văn học*" của chế độ (tr.176). Từ cuốn Lúa Reo minh họa đường lối tập thể hóa nông thôn qua chiến dịch cải cách ruộng đất, Vượt Bão viết về cuộc đấu tranh sinh tử từ bỏ trái tim sai lầm trong cải cách ruộng đất, mà hậu qủa là đứng ra đấu tố cha mình, và từ bỏ người yêu, Sống Bên Những Người Đã Chết, nói về cuộc kháng chiến chống Pháp, đến Làng Vui ca ngợi kinh tế mới theo điệu "Đất Vỡ Hoang" của Sholokhov.

Đời lên hương bằng "thứ văn chương cung đình, bồi bút" (tr.11) viết theo chỉ thị và chính sách đảng như thế, thì còn chi ta thán? Trên đây mới chỉ là khía cạnh lên voi của nhà văn Trần Hưng. Khổ nỗi cứ mỗi lúc lên voi chốc lát ấy, anh ta lại xuống chó rất lâu và rất thảm hại. Mà anh đâu phải người hung hăng chống đối chế độ cho cam. Cuộc đời Trần Hưng là đời một người khởi cuộc tranh đấu bằng tấm lòng yêu nước kháng chiến chống thực dân, dần dà trở thành đảng viên trung kiên, nhất luật thi hành mọi yêu cầu của tổ chức. Kể cả việc tố cha và từ bỏ người yêu. Nhưng có lãnh chúa nào vừa ý với sự phục dịch của kẻ nô lệ đâu? Chế độ như cái vòng kim cô xiết quanh đầu người đảng viên cúc cung tận tụy Trần Hưng. Cuộc đời anh ta không chỉ thuần chuyện viết văn. Anh còn sống ê chề trong một gia đình hỏa ngục với bà vợ bần cố nông, tên Nguyễn Thị Mộng Ruộng do đảng chỉ thị cưới. Mấy chục năm sống với Ruộng, nhưng phải chờ sau 75 vào Nam, anh mới biết thế nào là đàn bà: "*Ôi cả đời tôi chỉ toàn sống với kiểm điểm, viết văn, kháng chiến, học nghị quyết... đã bao giờ ở gần một người đàn bà thành thị sành điệu và rực rỡ đến như thế này?*" (tr.225).

Cổ kim lại chưa có chế độ chính trị nào, như chế độ cộng sản, thành công bao vây mỗi người bằng con mắt kiểm soát, và vòng tay đàn áp của chính vợ mình. Bởi thế ta không ngạc nhiên khi đọc đoạn Trần Hưng tả cảnh bị vợ đánh, vừa dí dỏm, vừa đau thương: "*Với bàn tay vững chãi của giai cấp vô sản, hơn nữa với ý chí sắt thép của một cán bộ chính trị, Ruộng giơ tay tát thẳng vào má tôi đến nảy con đóm đóm mắt: Đồ phản động. Thằng tả khuynh*" (tr.148).

Cái tát này kết hợp giữa ghen tuông với chính trị. Những tình cảm nhỏ nhen của đời sống, nhờ chính trị, bỗng được thăng hoa thành đích sống tối cao mang quyền sinh sát.

Viết ra sự bạo tàn và nối vong thân của con người trong chế độ cộng sản, trước nay ta đã đọc nhiều những tác phẩm ngoại quốc. Do chính những người trong xã hội ấy viết ra. Sớm nhất có Souvarine, cựu thư ký riêng của Staline, tố cáo từ những năm 30, rồi André Gide. Từ 45, có Arthur Koestler, người đầu tiên phát hiện danh từ Goulag, ba năm sau đó Kravchenko. Rồi sau này những Milovan Djilas, Soljenitsyne, Leonid Pliouch, Bukowski, Paul Goma v.v... kể nhiều không hết.

Nhưng ở Việt Nam, loại tác phẩm này còn hiếm. Dù máu, nước mắt, chết thảm đã nhuốm đau khổ thành lãnh địa hãm người. Phần lớn các tác phẩm đã in do những nạn nhân, những người đối lập viết ra. Song từ phía những người theo cộng, chưa có cuốn nào đi sâu vào cuộc phân tích lớn và sâu, chỉ rõ nguyên cớ gì cuộc lừa đảo và dối trá đã tráo tên thành lịch sử. Nhất là bộc lộ qua nghệ thuật tiểu thuyết. Đành rằng trên phương diện tố cáo, đả phá học thuyết, thì ta không thiếu. Cơ quan chiến tranh chính trị, thường gọi là tâm lý chiến, dưới thời Việt Nam Cộng Hòa, đã là một kho tàng trên phương diện này. Nhưng lại không thành công thuyết phục giới trí thức thời bấy giờ.

Cho nên, một cuốn tiểu thuyết viết bởi một nhà văn đảng viên trong một xã hội cộng sản, rồi in và phát hành trong xã hội bưng kín ấy, nói lên cuộc "sống nhạt nhẽo và dối trá" khiến ta không thể bỏ qua.

Trần Mạnh Hảo chưa tạo được một văn phong độc đáo như Nguyễn Huy Thiệp. Dù thế, truyện khá hấp dẫn với những tình tiết dồn dập, lôi cuốn. Không như hàng trăm tiểu thuyết xuất bản trong nước, chỉ lật vài trang là đã ngấy. Bắt đầu Ly Thân là dõi cho tới cuối sách. Đến đỗi ta có thể nghi ngờ cái mỹ học của chính ta. Bút pháp và văn phong có cần thiết chăng ở giây phút tấm lòng và đôi mắt bỗng chạm phải một tai nạn, một đổ vỡ động đất chấn trời, hay một nạn nhân quằn quại trên đường? Văn học đâu phải thuần những trang uốn éo chữ nghĩa. Có lúc văn học còn là một tiếng rao lảnh lót, một giọng kể chuyện rong... một thầm thì còn lưu mãi trên chiếc má trời xanh, trước khi vào trang giấy. Ta dễ bay lượn và líu lo theo bút pháp khi bắt gặp một cặp tình nhân thơ mộng đầu ngõ, một giọt sương trong vắt, một nụ

hoa vừa hé hay một phòng trà bốc đồng cảm hứng. Nhưng trước con người bị thảm sát. Thì sao?

Ở Ly Thân, Trần Mạnh Hảo gặp con người bị thảm sát tùng xẻo ấy. Nó mang tên Trần Hưng, nhân vật chính của truyện. Nổi thăng trầm, hay số phận như ta thường nói, không phải là sự lên voi xuống chó của đời người Trần Hưng phải chịu, mà chính ở chỗ Trần Hưng biết rõ đó là chốn đoạn trường nhưng anh vẫn cứ lao vào, theo với, tới rã tan thần xác. Trên bốn mươi năm theo đảng, anh ý thức việc không nên làm, nhưng rồi ma đưa lối quỷ dẫn đường anh vẫn cứ làm theo chỉ thị. Chủ nghĩa cộng sản đã thành công tha hóa anh, vong thân anh, mọi chân trời thành ảnh ảo của sự vong tính. Bước chân nó lê về đâu đều gặp toàn nghiệp dữ thôi.

Nỗi khổ của con lừa không ở sự lao lực suốt ngày đi quanh cối xay. Mà ở chỗ nó không biết nó khổ. Đã vong thân thì làm sao biết được. Đã không biết mình khổ, nên không phản ứng. Hết chống kháng. Mất cơ hội thay đổi đời mình. Thảm kịch của người đảng viên cộng sản y hệt thế. Đảng viên một đảng cách mạng "ưu việt", "khoa học", "tiến bộ" nhưng Trần Hưng chưa bao giờ mang cảm giác mình là con người thong dong. Suốt truyện, qua mọi tình huống, anh luôn tự biết mình ngang với loài sâu bọ. Anh tự ví như *con vật thảm hại (tr.82), con rệp (tr.78, tr.113), con lật đật (tr.113), con lợn (tr.122), con sâu cái kiến (tr.139), con rận (tr.150), loài kiến cỏ (tr.178), con cáy (tr.263), con gián (tr.264), con cheo con thỏ (tr,366)*. Ngay cả khi tâm sự với người đồng chí miền Nam thân yêu nhất có tên Hai Giỡn, vẫn là chuyện giữa loài côn trùng: *"Chúng tôi nói thầm như hai con dế mái" (tr.132).*

Hóa ra "con người mới" trong xã hội xã hội chủ nghĩa được đặt ngang hàng với sâu bọ. Tất cả đều là vật thể dưới bàn tay nhào nặn của tên đồ tể mang tên lịch sử. Tâm trạng của Trần Hưng là tâm trạng của hầu hết mọi đảng viên. Không nói ra, họ vẫn nghĩ thầm *"mấy chục năm qua sống với nhau trong các loại nỗi sợ, thực ra tâm hồn tôi đã phải ở tù" (tr.28). "Như thể có hàng trăm tên mật vụ đang nấp trong các khe hở của những suy tư trong đầu, rình rập ghi chép các ý nghĩ kia để đi báo cáo vậy" (tr.19). "Suốt đời tôi sợ đủ thứ, nhất là những tiếng gõ cửa... Đằng sau sự bìnhyên kia là bão tố. Bên tomg nụ cười có vẻ thành thật kia là dối lừa và cạm bẫy" (tr.15). "Chẳng cần tổ chức, chẳng cần anh em, tôi đã tự biến thành công an của chính mình. Tự rình rập mình, ghi chép để báo cáo lên cấp trên cả những giấc mơ vô tổ chức, vô kỷ luật" (tr.63). "Mãi mãi tôi sẽ bị nỗi sợ hãi điều khiển như cái roi điều khiển con ngựa" (tr.258). "Tôi đã gieo hạt giống sợ hãi, hèn nhát thì làm sao lại được gặt sự dũng cảm cơ chứ?... Tôi có cảm giác mình là kẻ nghĩ chui, suy tư lậu" (tr.264). "Có ngày tôi điên đến độ chui vào trong chăn suy nghĩ, hy vọng sẽ không ai vớ được mình. Nhưng rốt cuộc tôi vẫn sợ hãi, tôi vẫn cứ toát mồ hôi... Trong đầu tôi luôn*

*luôn cần có một con bò biết nhai lại ý nghĩ người khác, nhai lại những tư tưởng của người khác... Thế giới này với tôi từ một hạt bụi cho đến một giọt sương cũng đều không tin cậy được, cũng đều ẩn giấu một lỗ tai, một cái miệng, một đôi mắt của một tên chỉ điểm... Tôi chợt phát hiện ra mình chính là kẻ theo dõi, là tên chỉ điểm của chính mình" (tr.265).*

Ở những xã hội khác, nỗi thăng trầm, hay số phận con người vùi dập tới đâu vẫn có đường ra. Vì họ còn quyền lựa chọn. Cộng thêm chút ý lực con hẻm biến ra thông lộ. Trong xã hội tập thể, không ai có quyền chọn lựa ngoài đảng. "*Mỗi con người chúng tôi chỉ là một hạt bụi trong cái thế giới mênh mông có lãnh đạo có tổ chức này. Ngay cả vầng trăng kia cũng không thoát được số phận bị lãnh đạo ấy*" (tr.91). Trần Hưng được chọn vào đảng, được chọn viết văn theo từng chiến dịch chính trị. Được đảng chọn đứng ra tốc cha mình trong cải cách ruộng đất... Đảng chọn và quyết định tất. Thần linh tác oai nhưng không ra mặt. Đảng có mặt khắp nơi. Vì theo lý luận đảng, địch cũng có mặt khắp nơi. Nào là gián điệp Tây, CIA, bọn bành trướng Bắc Kinh, bọn Tàu Tưởng Đài Bắc, Pôn Pốt, nào là gián điệp Thái Lan v.v... (Tr.341). "*Nếu địch nhiều và loạn như thế thì hóa ra ngành Công an của ta bất lực à? Theo tôi biết thì ngành Công an của ta đông vô kể, tài vô song*" (tr.342). Người đảng viên cứ hỏi cho bằng thích, trong âm thầm. Chẳng bao giờ có đáp án. Mọi lời đáp là một phủ định ý nghĩ thao thức, phủ định con người riêng tư. Mọi lời đáp là những tránh né biến thành bài học chính trị tha hóa con người. Cái gọi là "con người mới" như Trần Hưng được nặn ra chỉ là loại cán–bộ–tu–sĩ, ăn bằng lý thuyết, thở bằng cao vọng, nói bằng kinh điển, làm bằng nghị quyết. Một tên tôn giáo vô thần. Nhưng chưa bao giờ được sống trên mặt đất. Cuốn thánh kinh của anh ta dịch từ tiếng Nga, tiếng Tàu, xa lạ hẳn với cuốn Kinh Đời nước Việt. Khi phải va chạm với cuộc sống bình thường, anh đi từ ngơ ngác này tới đổ vỡ kia. Mỗi khám phá là một lần thất bại. Mỗi thắng lợi là một hầm chông. "*Tại sao anh cứ phải sống cuộc đời người khác, chứ không phải sống cuộc đời của chính mình*" (tr.190). Câu hỏi có tính trực cảm thực tế này của Trần Hưng, không bao giờ được giải quyết. Anh bị dẫn dắt bởi con mồi danh lợi và quyền lực trong một xã hội dựng xây trên quyền lực. Đó là thế giới phù trầm của anh và toàn đảng. Mỗi câu hỏi, khi giật mình tỉnh thức, liền kéo theo một lời ta thán chịu nguôi ngoai, thể hiện dưới hình thức một loạt dấu hỏi triền miên khác. "*Hỡi ôi, tôi được sinh ra đâu phải để làm cái loa cho kẻ khác, bản nháp của kẻ khác. Tại sao tôi không thể có nhận xét riêng, ý kiến riêng của mình về các vấn đề?*" (tr.235).

Nỗi so sánh cay chua và an ủi nhất của nhà văn Trần Hưng là đành chịu hòa đồng thân phận mình với các nhà văn hẩm hiu qúa khứ thời phong kiến, thực dân. Như Đồ Phủ, Tú Xương (tr.213–214). Anh còn dám đẩy xa tới thời

hiện đại để nhận chân ra mình, đồng lúc tố cáo xã hội chủ nghĩa chưa nhúc nhích khỏi cái thời phong kiến, thực dân. "*Đời Nguyễn Bính trào nào cũng nửa, chỉ là cái anh không xu dính túi, bị đám cầm quyền hành cho tàn đời, cuối cùng khi chết, miệng vẫn còn thèm cơm. Tôi có thể lấy ra hàng ngàn dẫn chứng như vậy... Vì các vị (nhà văn ấy) không tìm cách nắm lấy quyền lực, cái mà ngày nayta gọi là cán bộ lãnh đạo chính trị ấy mà*" (tr.214). Nguyễn Bính hay dân đen, tất đều chung thân phận. "*Đầu năm 1976, tại thành phố Nam Định, lãnh tụ đã hứa: chỉ vài năm nữa thôi, đảng sẽ lo cho gia đình nào cũng có ti-vi, tủ lạnh*" (tr.214). Mười bốn năm sau (1990) hay một trăm bốn mươi năm sau, cũng rứa. Trong khi ấy, hàng nghìn nhà văn xã hội chủ nghĩa cứ đều đều ra báo, viết văn, in sách, mỗi đề sách in hàng chục nghìn bản, để ca tụng chế độ ưu việt, ưu việt sai lầm, ưu việt sửa sai, ưu việt tái phạm... Làm khác sao được? "*Miệng người bé nhỏ mỏng manh của tôi làm sao cãi nổi miệng súng được hả trời*" (tr.160). Đó là câu than của Trần Hưng, ngày anh bị Công an văn hóa chất vấn về cuốn truyện "Sống Bên Những Người Đã Chết". Cuốn sách chân thực nhất của đời anh, viết về cuộc kháng chiến chống Pháp. Cuốn sách được đảng chỉ thị viết, được in số cao. Nhưng vừa in xong liền bị tịch thu. Vì Công an văn hóa phát hiện cuộc kháng chiến miêu tả qúa bi thảm và chết chóc, tuyên truyền cho tinh thần sợ chiến tranh, hòa bình chủ nghĩa, bôi nhọ quân đội nhân dân anh hùng (tr.155–156) "*Phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa chỉ có quyền viết về cái tốt đẹp*" (tr.228). Mà cái tốt đẹp thì còn nguyên trong hư cấu. "*Hay dở không phải do tác phẩm của anh, mà do anh ngồi ở vị trí nào trong bực thang quyền lực*" (tr.217) Lên vị trí ấy, "*có loại thang chân, có loại thang tay, lại có loại thang mồm, thang lưỡi ông ạ. Nhưng theo tôi, loại thang cho đầu gối leo là hay hơn cả*" (tr.291). Hó hé chệch theo dòng cảm hứng riêng tư là chết với Công an văn hóa. "*Công an văn hóa, chỉ nghe mấy từ này là người cầm bút đã dúm vào như giẻ rách... Đối với những người cầm bút, lệnh của Công an văn hóa là lệnh của ông trời... Bởi vì Công an ở ngoài mọi luật pháp chính thức đã được công bố. Người viết không được xử bằng luật thành văn mà là thứ luật lệ xử lý nội bộ" (tr.154).* "*Một số anh em nhà văn chúng tôi luôn luôn đoán ý lãnh đạo để viết... Những người cầm bút thế hệ chúng tôi và thế hệ trước đó, luôn luôn sợ hãi, mặc cảm trước kẻ cầm quyền*" (tr.233). Công an văn hóa là trạm cuối của sự đàn áp. Trước đó,nhà văn được sai đánh nhà văn, chuẩn bị độc thủ. "*Kiếm một người để đánh đồng nghiệp trên báo theo lệnh tổ chức thời nay thậ không khó khăn gì*" (tr.239). Đây chính là lý do ở xã hội cộng sản không có văn học chân thật. Nhà văn cộng sản là con người phụ họa. "*Thế giới sẽ không còn những thiên tài văn học nữa nếu như tư tưởng và tâm hồn con người cũng bị kiểm duyệt, lục soát theo các trạm thuế của ta khám*

*xét hành trang đi đường... Văn học mà không có vấn đề, không dám đặt trước các vấn đề cho con người và xã hội thì còn coi là văn học được ư?"* (tr.239).

Bốn cặp tình nhân tiến tới đời sống vợ chồng trong Ly Thân, thì đã tan vỡ hết ba. Sự tan vỡ do hậu qủa lãnh đạo của đảng. "*Ngay đến chuyện yêu đương nhau, thậm chí chuyện hôn hít nhau cũng cần phải có tổ chức, có lãnh đạo theo lập trường luyến ái vô sản*" (tr.65). Đảng chỉ thị cho Trần Hưng cưới Ruộng thời cải cách ruộng đất. Họ có với nhau hai đứa con. Nhưng hạnh phúc gia đình thì không. Đồng sàng dị mộng. Hưng hướng hết tâm trí về Oanh, người yêu ban đầu. Ruộng lao mình cho đảng và quyền lực. "*Vợ tôi được sinh ra không để làm một người đàn bà mà để làm một nhà cách mạng*" (tr.262).

Tràng Giang, quyền chính ủy trung đoàn, được cử đi học Trung Quốc về khoa lãnh đạo chính trị, người cầm đầu giếng mối văn nghệ theo xu hướng văn nghệ Diên An của Mao Trạch Đông. Người mà Trần Hưng thu gọn vào một câu: "*Người đã chỉ thị cho tôi sống, chỉ thị cho tôi viết văn, chỉ thị cho tôi lấy vợ từ gần bốn mươi năm xưa*" (tr.266). Mẫu người khắc khổ, hy sinh, dâng hiến toàn tâm cho cách mạng và giai cấp vô sản, khi còn ở trong rừng. Mục tiêu đời ông gom vào châm ngôn "*Chính trị là thống soái, là linh hồn của các thời đại và thời điểm*" (tr.62) Ông chính trị hóa cả vầng trăng vằng vặc treo cao trên chiến khu, ông "*biến cả ông trăng thành ra đồng chí chính trị viên*" (tr.91). Và ông tổ chức cho trung đoànngắm trăng tập thể. Theo ông "*chủ nghĩa tập thể của chúng ta thì không có vầng trăng tư hữu. Với chúng ta, dù trăng saohoa lá cũng phải có tổ chức, có kỷ luật*" (tr.90). Mấy trang tả cảnh bộ đội ngắm trăng này thật linh động, hài hước, dù ngô nghê. Những ai từng sống thời kháng chiến chống Pháp trong chiến khu mới thấy thấm thía cảnh ấy, và sẽ không cười nhà viết tiểu thuyết cường điệu. Tràng Giang chủ xúy "*đã là người cách mạng thì ngay cả đến giấc chiêm bao cũng phải có tổ chức, có kỷ luật*" (tr.77). Con người hoàn toàn như thế, nhưng thời chỉnh phong, ông ta đã làm cho Trần Hưng lác mắt trước lời tự phê thành khẩn bất ngờ: "*Tôi đã thành một phần tử hữu khuynh tồi tệ, vì đã không thắng được con ma ngủ vốn là đồng minh của đế quốc và phong kiến... Có lúc tôi đã nghi ngờ ngày chiến thắng của chúng ta*" (tr.76). Khiến Hưng phải xác nhận "*bản tự kiểm điểm đầy ắp lời thú tội đến thảm hại của một con rệp, chứ không phải con người, đang tự tố giác mình trước tập thể*" (tr.78). Nói thế thôi, chứ Hưng cũng sẽ đăng đàn bắt chước thủ trưởng mình tố giác hết ngõ ngách của đời mình, kể cả chiếc hôn yêu đương và thơ mộng y trao lần đầu cho Oanh trong rừng, mà y hạ gía thành tội lỗi: "*tôi đã làm cái chuyện nhơ nhuốc đó với người yêu theo kiểu kẻ cướp, y như một tên đế quốc*". Y tưởng đảng sẽ khen sự thành khẩn. Đâu biết đảng là tên tra tấn, bóc lột những lời khai tới vô định. Thực tế anh chỉ mới

hôn Oanh, nhưng sau hai ngày quần thảo phê và tự phê, anh đành phải nhận để được yên thân, là anh đã "hiếp" người yêu. Đó là lần mở đầu hệ lụy của Trần Hưng. Tràng Giang không mắc hệ lụy ấy. Hắn là lãnh đạo, nên biết tự xỉ vả những điều đảng không thể thóc mách thêm. Ham ngủ. Hamăn. Tí xíu nghi ngờ. Nhưng luôn trong tư thế phục vụ và lãnh đạo kiên cường. Sau 75, vào miền Nam, Tràng Giang cởi bộ áo "văn nghệ Diên An" lên chức bí thư tỉnh ủy thành phố An Hải khoác chiếc "*vét đen, giày đen, dáng điệu bệ vệ quan cách*" (tr.319), "*ngồi cái xe Vonga đen bóng đến gương còn phải lạy*" (tr.327). Ở biệt thự có người hầu kẻ hạ. Y lấy Thùy Linh, một "cơ sở nội thành hoạt động hợp pháp". Tức nằm vùng ở Sàigon trước kia. Cô theo cách mạng vì thất tình. Người nhan sắc, nhưng lẳng lơ, nổi tiếng ngủ với mọi người trong tỉnh, trừ ông chồng bí thư tỉnh ủy gìa sụ của mình. Bất ngờ nhất, ở màn cuối là Thùy Linh sẽ vượt biển ra đi vớ người yêu cũ. Thế là mối tình tan vỡ theo sự xuống chức vì hủ hóa của Tràng Giang.

Cặp vợ chồng yêu nhau thực, chọn sống với nhau, bấp chấp sự cấm đoán của cha mẹ và đảng, là Vương Thi, con gái của Hưng và Ruộng, và Trần Khuất Nguyên, một thi sĩ trẻ xuất thân bộ đội thương binh. Cả hai đều sinh ra, lớn lên, giáo dục bởi đảng. Nhưng đã chống đảng, như một phản ứng tự nhiên của sự lành mạnh nơi môi sinh ô nhiễm. Ruộng, mẹ Vương Thi, phó giám đốc trường đảng đã âm mưu với tổ chức bắt Trần Khuất Nguyên vào nhà thương điên. Ở đó, anh đã bị người ta bóp cổ chết. Thảm sát, phương pháp hữu hiệu để thanh toán kẻ chống đảng và chia lìa đôi lứa.

Riêng cặp vợ chồng Hai Giỡn là thành công. Không nhờ đảng. Mà nhờ cá tính miền Nam của anh. Mối tình đầu của anh ở Bắc hồi ra tập kết đã bị đảng cấm đoán. Lý do? Mỹ Thư là người Công giáo. "*Tổ chức bây giờ còn dữ dằn hơn các cụ thời phong kiến với con gái xưa. Mỹ Thư dám vì tình yêu bỏ ngay cả tôn giáo của mình. Nhưng Hai Giỡn, một cán bộ miền Nam tập kết, không dám vì tình mà từ bỏ tín ngưỡng của mình là tổ chức, kỷ luật thép của đảng*" (tr.137). Sau này Hai Giỡn gặp được người yêu thứ hai, ông quyết chí thành hôn chẳng cần hỏi đảng. Cuộc tình qúa thơ mộng mà Hai Giỡn gọi là "Cuộn len tình sử". Phải đọc các trang tuyệt vời này (tr.275–278). Rủi thay, bom Mỹ đã giết người vợ ấy. Từ cái rủi mất vợ, lạc con, anh gặp một người đàn bà miền Nam tập kết đã cưu mang đứa con thất lạc đem trả lại anh. Hai người lấy nhau. Họ đem nhau về Nam sống ngoài mọi câu thúc.

Những điều câu thúc như chiếc thòng lòng định mệnh là kỷ luật thép của đảng kia tưởng không ai thoát khỏi. Song yếu tố quyết định cuối vẫn tùy thuộc nơi ý lực của kẻ lâm nạn. Nó quyết thoát ly, hay vĩnh viễn đầu hàng? Ở một giai đoạn nào đó, Trần Hưng đã bắt đầu cảm thấy "*khi nào con người còn phải sợ hãi, nó vẫn chưa được giải phóng, vẫn còn là một kẻ nô lệ*" (tr.289).

Cảm thấy nhưng anh không dám sống. Trái lại Hai Giỡn sống bằng cái cảm thấy của mình, nên vô hiệu hóa mọi khuôn phép. Đây là cá tính người miền Nam. Người miền Nam sống bằng trái tim. Người miền Bắc sống bằng lý trí. Lý trí đẻ ra hệ thống, xây thành chủ thuyết. Trái tim dẫn thẳng vào cuộc sống bộn bề nhiều thơ mộng, nhiều sáng tạo, nhưng cũng nhiều rối rắm. Sống bằng trái tim, vợ chồng Hai Giỡn thanh thản, hạnh phúc. Vì lý trí cặp Hưng – Ruộng, cặp Tràng Giang – Thùy Linh, cặp Vương Thi – Trần Khuất Nguyên thất bại. Tình yêu và cuộc sống kỵ những guồng máy.

Tuy nhiên phải thấy qua sự thất bại của đôi lứa Vương Thi – Trần Khuất Nguyên vì đảng chỉ đạo, đang hé mở một niềm tin mới. Sự xuất hiện của Trần Khuất Nguyên và Vương Thi trên sân khấu tiểu thuyết là tiếng báo hiệu một thời đại đang suy tàn, một thế hệ giẫy chết, một chủ thuyết cáo chung. Nó bắt chung ta, nhưng người không theo Cộng, đặt lại gía trị nhận thức của chúng ta đối với người cộng sản nói chung. Phần đông vẫn cho cái gì đến từ thế giới cộng sản đều là ma qủi, dối gạt, phung hủi. Từ nhận định đóng khung này, ta không hình dung được ở khối bùn đọng ô nhơ kia, đôi lúc có những đóa sen vươn lên. Trần Khuất Nguyên chẳng hạn. Vương Thi chẳng hạn. Hai Giỡn chẳng hạn. Oanh chẳng hạn. Ngát chẳng hạn...

Ngát một nhân vật lạ kỳ, chỉ xuất hiện trong Ly Thân có mấy dòng. Nhưng là phản ứng oanh liệt của người phụ nữ Việt Nam trước sự xâm phạm độc đoán của đảng vào đời tư cá nhân. Có chồng đi bộ đội xa, bị bắt qủa tang hôn hít mộ anh cùng cơ quan, bị kiểm điểm. Ngát đáp: "*Thưa đồng chí, đôi môi này là của tôi hay của tổ chức ạ? Có tiếng trả lời: tất nhiên là của đồng chí nhưng do tổ chức quản lý. Ngát bèn vừa khóc vừa quát lên: đôi môi này là của tôi, tôi muốn hôn ai, cho ai là quyền của tôi. Chừng nào tôi dùng đôi môi của tổ chức, dùng cái miệng của tổ chức để đi hôn hít người khác thì tổ chức mới có quyền kiểm điểm chứ?*" (tr.250). Đảng chịu thua. Vì Ngát quyết liệt phản ứng. Ngát không bám tìm quyền lực như Trần Hưng. Tự do là phá bỏ những mạng lưới.

Vương Thi nữ giáo viên, là con gái Trần Hưng và Ruộng, cả hai đều là đảng viên cốt cán. Nên con được giáo dục chặt chẽ theo đảng. Nhưng Vương Thi thuộc thế hệ trẻ mới lên. Không liên lụy với giây nhợ tình cảm lẩm cẩm đánh lộn sòng giữa lòng yêu nước, tinh thần kháng chiến chống thực dân, với sự lãnh đạo trá hình của đảng. Lý luận Mác–Lê–Hồ "ưu việt" dưới những đôi mắt ngây thơ trong trắng của thế hệ Vương Thi, khi không ăn khớp với thực tại, liền bị họ vất ngay. Có đoàn thể chống cộng nào vận động hay dạy bảo đâu, thế mà Vương Thi đã hỏi cha: "*Sao trong tiểu thuyết "Làng Vui" của bố, chính sách giữa dân thành phố, chính sách kinh tế mới thành công rực rỡ thế kia mà. Cuộc sống ở vùng kinh tế mới tốt đẹp như bố tả trong sách, sao người ta cứ bỏ về thành phố kìn kìn, nằm trên vỉa hè đi bới rác sống là sao?" (tr.227).*

*"Văn chương của các cụ với lý luận là viết về cái hiện thực sắp có, sẽ có, hơnlà cái viết về cái hiện thực đang có"* (tr.228). *"Mảnh đất này dường như không còn chỗ cho người trung thực, người lương thiện nữa bố ơi"* (tr.25). Ông bố Trần Hưng, tuy biết, vẫn một mực cố bênh cho đảng và nhà nước. Nhưng con ông không cần lý thuyết, có dẫn chứng từ đời sống thường nhật: *"Với đồng lương khôi hài và phỉ báng con người ấy, con ăn xôi sáng còn chưa đủ... Dạy một thứ chính trị trá hình gọi là môn văn, cốt nhét vào đầu học trò tất cả những mỹ từ sặc sụa về chế độ ta tốt đẹp, hơn hẳn mọi thứ chế độ xã hội trên đời. Thật là mỉa mai, trong khi người ta trả lương cho cán bộ công nhân viên như vậy, nhưng lại to mồm tuyên bố tư bản Tây phương bóc lột công nhân thậm tệ"* (tr.25). Đối với mẹ, Vương Thi không kém khắc nghiệt: *"Mẹ sinh ra để làm cán bộ lãnh đạo chứ đâu phải để làm người vợ, người mẹ. Suốt đời mẹ toàn có họp là họp. Nghị quyết này chưa triển khai, trên đã nhét vào tay nghị quyết mới. Rốt cuộc, toàn có nói suông, phí cả cuộc đời cho những trò phù phiếm"* (tr.16).

Thật thế, xã hội tập thể cộng sản là xã hội sống bằng họp hành liên tu bất tận. *"Hình như nhiệm vụ chính cách mạng giao cho họ là họp và họp, họp suốt cả đời. Họp đã thành cái nghề của những nhà lãnh đạo"* (tr.140). 700 cán bộ trên dân số 6.000 ở xã Thành Công phải trải qua hàng chục cuộc họp để bàn việc tiếp đón nhà văn Trần Hưng về thâm nhập viết báo. Ba lần họp đảng ủy, ba lần họp ủy ban xã, hợp tác xã cũng họp cỡ đó (tr.165). Ngọc Hương, người thuộc miền Nam, được thu dụng vào làm nhữ văn thư ở tòa báo của Trần Hưng. Cô ăn mặc cực kỳ kiểu cách, và lộng lẫy. Tuần đầu, diện toàn áo dài sặc sỡ, mỗi ngày thay một bộ. Tuần thứ hai, mặc Âu phục. Tuần thứ ba lại đánh áo bà ba đủ màu. Thế là *"ban biên ủy của báo phải họp hai buổi, chi ủy họp hai cuộc họp để phân tích cái chiến thuật ăn mặc, thay đổi kiểu cách của cô văn thư này nhằm mục đích gì, xem có xen vào ít nhiều chính trị nào không?"* (tr.248).

Cuộc tranh chấp giữa Vương Thi và mẹ về sự chọn lựa người yêu chẳng khác gì hoàn cảnh Mai trong Nửa Chừng Xuân thời Tự Lực Văn Đoàn, thời phong kiến xa xưa. Khi được mẹ cho biết sự thật Trần Khuất Nguyên là kẻ bị khai trừ khỏi đảng, có một đời vợm vợ bỏ, bị công an theo dõi, đạp xích lô đêm để kiếm sống, nghèo mạt, khố rách áo ôm. Vương Thi thản nhiên:

*"– Con biết... (Nhưng) Anh ấy rất giàu có, gia tài của anh ấy lớn hơn tất cả mọi người ở đây. Mẹ đánh gía con người theo kiểu thực dụng, kiểu Mỹ mà mẹ vẫn lên án trong bài giảng đấy... Anh ấy còn có đức tính nữa mà ngày nay nhiều người hoàn toàn không có: ấy là lòng chân thành, ghét mọi sự dối trá.*

– Con hãy nhìn vào gương xem, con đẹp đẽ xinh tươi như thế, thiếu gì đứa mê mà đi lấy cái thằng chống đảng ấy.

– Mẹ đừng xúc phạm đến người yêu của con nghe chưa. Cái thời gì mà

điên đảo, người tốt bị gọi là xấu, người tỉnh táo bị cho là hâm, người cách mạng chân chính bị vu là phản động.

– Láo, mày bảo ai sống trong dốitrá. Ừ, chính sự dối trá ấy đẻ ra màu đấy, đồ con gài chưởi mẹ a. Tao cấm mày lấy thằng chống đảng ấy đấy" (tr.354–356).

Vợ chống, Trần Hưng đành ấm ớ chống theo, dù yếu đuối. Vương Thi trần tình với bố: "*Một cộng với một bằng hai là phép tính của bộ óc, của sự tỉnh táo, của người không có tình yếu đấy bố ạ. Đối với con và anh ấy (Trần Khuất Nguyên) bây giờ thì phép tính đó là: một cộng với một bằng một" (tr.340) "Con đã yêu anh ấy không phải bằng lý trí hay trái tim mà bằng chính cái chết bằng chính sự sống lại của đời con" (tr.338). "Tại sao người ta cứ phải đến với nhau bằng quá khứ? Con người ta được sinh ra trước khi được đặt tên chứ không phải ngược lại"* (tr.338).

Oanh một nhân vật nữ tuyệt vời khác của Ly Thân. Người yêu từ thuở trường làng của Trần Hưng. Tốt nghiệp bác sĩ y khoa. Cô là con gái của một cán bộ cách mạng, bị xử tử thời cải cách ruộng đất vì có quá khứ Việt Nam Quốc Dân đảng. Lý do khiến đảng cấm Hưng cưới Oanh. Sự xa cách, rồi cái chết trong chiến tranh của Oanh bổng trở thành niềm thức tỉnh nơi lương tri Hưng, ngọn đuốc trên nẻo mù lẻo đẻo. Sự phản tỉnh âm thầm qua cuộc đối thoại trên mộ Oanh, là những trang nồng cháy, cảm động và chân thậ. Đây chính là lời xưng tội chí thành của Hưng: "*Anh đã lấy vợ theo chỉ thị, viết văn theo chỉ thị. Chung quy là anh sợ mất chỗ đứng trong xã hội, sợ bị khai trừ đảng, sợ bố nah bị bắn, nghĩa là anh sợ đủ thứ... Anh đã dám dấn thân nơi mặt trận của súng đạn, nhưng anh đã đầu hàng trên mặt trận lương tâm" (tr.188). "Tại sao anh cứ phải sống đời người khác chứ không phải sống đời của chính mình"* (tr.190). Trần Hưng bổng khám phá một điều đơn giản trong cuộc độc thoại nội tâm này: "*Anh được sinh ra bởi tình yêu cha mẹ chứ không phải sinh ra bởi các nghị quyết, bởi tổ chức hay tập thể*" (tr.189). Sự thức tỉnh rèn đúc chiếc chìa khóa mở cánh cửa vô thức, nơi tiếng người yêu mình không bị bóp nghẹt, vọng lên mối tình chân thật: "*Người ta càng cố xóa bỏ em trong anh, em càng tồn tại. Người ta có thể lãnh đạo được đời sống vật thể con người, đưa nó vào khuôn phép tổ chức. Nhưng đời sống nội tâm, đời sống tinh thần thì không thể*" (tr.196). Nơi tiếng kêu thống thiết của Oanh vang lên thông điệp tối hậu của người phụ nữ: "*Thiên chức của người đàn bà là được làm mẹ. Họ chỉ được bất tử trong con cái mình. Ai đã cướp mất sự bất tử của em hả anh?*" (tr.98).

Tiếng vọng và tiếng vang ấy đã làm cho Trần Hưng, con người duy vật, khám phá ra thế giới mới của tâm linh: "*Tiếng nói của nàng cất lên từ một thế giới vô thanh vô sắc, vô hình, vô thức. Một thế giới vô thủy vô chung, chỉ tình*

*yêu với cái chết mới có thể chạm tay vào được... Suốt cuộc đời, ocn người phải kiếm tìm mình bằng cách hướng ngoại, cũng chính để nhằm tìm ra phương cách hướng nội giản dị nhất để tới được thế giới tâm linh của mình. Cõi ấy, mới là cõi đích thực"* (tr.195). Nhập vào cõi ấy, anh mới có lời tố cáo, tuy gay gắt, nhưng đằm thắm như một bản tụng ca người yêu: "*Nàng đã đến thế giới này để yêu thương nhưng đã bị thù ghét. Nàng đã đến thế giới này để chung thủy nhưng đã bị phản bội. Nàng đã đến thế giới này để được làm đàn bà, nhưng mãi mãi nàng vẫn chỉ là một cô gái. Cái chết đã cướp đi sự trinh tiết của nàng. Nàng đến cuộc đời này để làm mẹ, làm vợ, làm bà nhưng tình yêu tuyệt vọng đã không cho nàng ân sủng ấy. Nàng đến đây để bất tử, để không phải biến mất, nhưng nàng đã phải chết, phải hóa thành nắm đất cô đơn vô nghĩa này. Cho dù tất cả tin yêu của đàn ông dồn về đây cho nàng, cũng không đủ sức giúp nàng sống dậy được nữa"* (tr.198).

Riêng Trần Khuất Nguyên là chiếc đinh cho niềm hy vọng móc lên trong Ly Thân. Dù đời anh phiêu bạt, hẩm hiu. Anh đáng hàng con cháu của Trần Hưng và là người rể hụt. Nhưng chính Trần Khuất Nguyên là tiếng nói của lương tri trong một xã hội lấy vô liêm sỉ làm đầu. Người học sinh đứng đầu về môn văn toàn quốc năm mới mười bảy tuổi. Thời ấy (1961) gặp Trần Hưng ở xã Thành Công, cậu đã dạy một bài học về nhân dân cho nhà văn bồi bút này. Cậu là người độc nhất dám chê cuốn "Lúa Reo" của Trần Hưng được xem như "sự kiện văn học" thời ấy. Cậu nói: "*Cuốn sách của chú viết chưa hay đâu. Vì nó rất giả tạo. Mà văn chương theo cháu, trước hết là phải thành thật. Bà con nông dân ở xã Thành Công đọc cuốn sách của chú xong nói thầm vào tai nhau: Trần Hưng là thằng bốc phét. Đúng là nhà văn nói láo, nhà báo nói điêu... Nhân dân đối với các chú, đối với tầng lớp lãnh đạo, chỉ là cái đám kiến cỏ vô danh" (tr.178). "Khi nhà nước nói dối dân, dân lại phải dối phó lại bằng sự nói dối. Đó là một xã hội giả "* (tr.179). Trần Hưng ngạc nhiên sao có người nói khác đi những điều anh ta chứng kiến tại xã Thành Công suốt hai năm rưỡi trời đi thâm nhập? Một bên là cách làm ăn tập thể hợp tác xã vượt chỉ tiêu vun vút. "*Nơi sản xuất nơi cày sâu cuốc bẫm nghìn đời đang được biến thành sân khấu hội diễn văn nghệ" (tr.168). "Biến cánh đồng thành sân khấu, người nông dân thành diễn viên. Thời thế sướng muốn chết. Chả bù chocái thời cá thể bì bù bì bõm như con cò con vạc ấy"* (tr.169). Một bên là bọn làm ăn riêng lẻ, ngoan cố, lúa héo đồng khô. Phải cần một cậu bé tuy được đảng giáo dục, nhưng lại sống giữa lòng sự thực – lòng dân – nói lên sự thực cho Trần Hưng nghe: "*Lỡ một ai nói sự thật với chú, khi chú đi rồi chỉ có nước chết với họ. Đói thì phải bảo là no. Rách nát thì phải khoe là lành lặn... Bị trù dập, đàn áp, truy bức đến sợ hãi, khi chú đến thăm thì phải khoe là qúa sức tự do, vô cùng dân chủ... Mỗi tối họ dẫn chú đến bảy tám nhà dân đã định*

*trước, bố trí sắp đặt trước. Họ cho dân khiêng đồ đạc, mượn đài phích, giường tủ từ các nhà các ông bà cán bộ đến trang trí, sau khi chú đi rồi, dân lại phải hì hục khiêng vác suốt đêm trả lại nhà cán bộ"* (tr.180). Còn việc làm ăn thất bại của bọn cá thể ngoan cố ư? *"Công an xã đêm đêm cho người bí mật đến các ruộng cá thể, tháo nước ra hết để lúa chết khô. Họ còn phun thuốc trừ sâu liều cực mạnh vào lúa cá thể cho cây lúa chết héo, chứng tỏ lối làm ăn tập thể thắng thế... Chú về xã cháu hai năm rưỡi, thì hỏi ngày nào không ăn uống như vua. Tiền ấy cái đám nhân dân phải è cổ ra chịu cả đấy chú ạ... Tiểu thuyết chú viết ra là để phục vụ bảy trăm ông bà cán bộ xã Thành Công, chứ không phải vì lợi ích của đám đói rách nhếch nhác là sáu nghìn người vô danh"* (tr.182–183). Những cảnh này làm sao Trần Hưng và các ông nhà báo Tây phương thấy và biết được?

Lý lịch Trần Nguyên xấu vì mẹ là con gái một người lính lệ, nên dù học giỏi không được lên đại học. Anh xin đi bộ đội, vượt Trường Sơn vào chiến đấu trong Nam. Năm 74 lên chức chính trị viên đại đội. Rồi bị thương nặng thành thương phế binh. Sau 75, trở thành thi sĩ thế hệ mới. Nỗi bất mãn chế độ biến ra tác phong sống ngang tàng, không sợ hãi. Sinh nhai bằng nghề đạp xích lô. *"Cái tội bị quy là phản động của cậu ta là dám đi tới tận cùng sự thật phũ phàng"* (tr.327). Bị công an theo dõi. bản báo cáo công an qua các trang 344, 345... là bản cáo tử dân quyền. *"Thương binh cách mạng lại đi mướn xích lô của một tên thương phế binh ngụy để đạp kiếm tiền... mắc tội không phân biệt địch ta, đánh đồng thương binh cách mạng với thương binh ngụy... bêu xấu chế độ"... "Thương binh ta lại đi khóc với một tên thương phế binh ngụy... làm nhục cách mạng"... "Đến Câu lạc bộ những người kháng chiến cũ và Câu lạc bộ hưu trí. Người ngồi nghe nói chuyện và đọc thơ đông nghịt... được vỗ tay nhiệt liệt (gồm cán bộ hưu trí, thương bệnh binh, bộ đội xuất ngũ, sinh viên, học sinh, đàn bà con gái)... Chủ đề cuộc nói chuyện đọc thơ mang tên: "Đừng quên cuộc kháng chiến" trong ba tiếng đồng hồ. Một kiểu chiến tranh tâm lý đánh lạc hướng quần chúng"* (tr.345).

Đảng quy kết đủ thứ tội cho mọi người và mỗi người trừ việc tự kết tội đảng đã không lo cho dân no ấm, không lo cho sinh kế. Trần Khuất Nguyên tàn phế vì phục vụ cách mạng. Trái lại *"Nguyên đã bị quyền lực trả thù" (tr.363), "bị đưa vào nhà thương điên"* (tr.359). Biện pháp hữu hảo của chế độ xã hội chủ nghĩa. hai giờ đã khuấy trời chọc nước, xin vào thăm không được, *"phải cầu tới Chủ nhiệm Câu lạc bộ kháng chiến"*. "Nhưng tới nơi, *"Nguyên đã chết đêm qua, bị những người điên khác bóp cổ" (tr.360). "Một bà bác sĩ thì quả quyết Nguyên bị đầu độc. Có người viết thư nặc danh báo cho Câu lạc bộ kháng chiến Trần Khuất Nguyên bị những người tỉnh táo đột nhập vào nhà thương điên dùng dây thắt cổ Nguyên cho tới chết" (tr.362). Trước đó Nguyên*

*"bị chích thuốc mê nặng. Tỉnh dậy lấy gạch non viết thơ lên tường"* (tr.361). Đó là bài thơ "Những Con Đường Tôi Chọn":

*Những con đường như những lằn roi*
*Lịch sử quất lên mình đất nước*
*Những con đường trên xứ sở tôi*
*Như nước mắt của người yêu chảy suốt.*
*Những con đường tôi chọn*
*Như chưa đi thành đường*
*Bước ra từ lòng mẹ*
*Úp mặt vào quê hương.*
*Những con đường của thế hệ tôi*
*Lao thẳng vào cái chết*
*Đất nước tôi cháy nhà*
*Dù nghìn lần bị giết.*
*Xin lỗi này tôi đi*
*Xin những cánh rừng khốc liệt*
*Đến cùng em nào có dễ gì.*
*Nếu ban mai nào bất chợt*
*Tôi không còn nhìn thấy núi thấy sông*
*Thấy những con đường trong mơ cỏ mọc*
*Lúa chín như cầu vồng.*
*Đừng cướp đi của tôi hạnh phúc*
*Được chạy trên những con đường*
*Đầy sỏi đá và đầy bùn đất*
*Những con đường tôi chọn*
*Gập ghềnh như quê hương*
*Dù không ai đi cả*
*Một mình tôi một đường.*

(tr.383–384)

Đám tang Trần Khuất Nguyên dù công an trù dập, bưng kín. Nhưng Câu lạc bộ Kháng chiến đã tự bầu làm ban tang lễ. *"Người ta kéo nhau tới coi đông hơn hội chợ, khiến cảnh sát xịt vòi rồng giải tán... Ban tang lễ và hàng trăm anh em thương binh, hàng trăm cán bộ hưu trí đã đấu tranh quyết liệt, thậm chí còn đe dọa một mất một còn với công an nếu họ ra tay đàn áp" (tr.363). "Sau khi lễ động quan, người khắp nơi kéo về tắc nghẽn... Tôi gần như chưa thấy một đám ma nào đông đến vậy"* (tr.364). Cuộc tranh đấu đưa xác Trần Khuất Nguyên vào chôn ở nghĩa trang liệt sĩ không thành trước hàng rào hăm dọa của công an. Dù ban tang lễ là những người cầm đầu Câu lạc bộ kháng chiến, những cán bộ cao cấp, tướng tá uy dũng cách mạng nòi. Nhưng họ đã về hưu, họ chỉ là những tên phó thường dân không hơn không kém. Họ bất quyền trước uy

lực những tên công an. "*Chiếc xe tang với cái đuôi rồng rắn haixe ca, hàng nghìn xe máy và xe đạp... như một cuộc hành quân vĩ đại của cái chết*" (tr.366) đành quay về mộ táng ở nghĩa trang của những dân chúng nghèo hèn ở Bần Thổ. "*Mặc ai đó được an táng ở những khu mồ ngon mả đẹp. Trần Khuất Nguyên vừa được an táng trong lòng người dân An Hải này*" (tr.370).

Trần Hưng không dám đi theo xe tang. Anh chỉ đứng ở ngã tư đường nhìn theo. Nhưng sự thức tỉnh bắt đầu lồng lộng trong anh: "*Cái lương tri đó nằm trong quan tài... Anh (Trần Khuất Nguyên) chính là sự cứu chuộc cuối cùng của nhân cách tôi. Anh không lặn vào cái muôn đời mà đang hóa thành sự thức tỉnh. Anh đuổi cơn hôn mê quyền lực và sự sợ hãi ra khỏi mỗi con người*" (tr.365).

Đám tang là cái nút đấu tranh rất găng giữa hai phe cách mạng dỏm (lãnh đạo cộng sản) và những người bất mãn mới hồi phục lương tri qua tuyên ngôn – nhưng ta chưa biết họ có đóng nổi vai lương tâm dân tộc – là lớp người hưu trí trong Câu lạc bộ kháng chiến. Sự phẫn nộ của họ lúc hoàng hôn xế bóng có dựng lên nổ những đỉnh Lương Sơn Bạc? Hay họ chỉ đối trọng chơi chơi để trấn an lương tâm theo tâm cảnh: "*Tiếc thay, bao nhiêu sự dũng cảm của mình, tôi đã tiêu xài hết trong thời trai trẻ đi đánh Pháp. Còn bây giờ, trong cuộc chiến đấu chống lại thói đạo đức giả , thói nhân danh cái thiện, cái cao cả để làm cái ác, cái đê tiện, tôi lại là một kẻ hèn nhát, đầu hàng*" (tr.291). Phần nào, họ đã thua cuộc, không dám đi tận cùng cuộc đấu tranh với công an, dù họ có chính nghĩa, để đưa Trần Khuất Nguyên vào nghĩa trang liệt sĩ!

Ly Thân cho thấy rất rõ cái xuất phát điểm phê phán từ những Câu lạc bộ kháng chiến. Một phong trào xuất thân từ những cựu cánbộ miền Nam tập kết có trên bốn mươi tuổi đảng, bắt đầu hoạt động từ năm 87 tại Sàigon. Nhưng tôi phân vân không hiểu Trần Mạnh Hảo đề cao hay phê phán các Câu lạc bộ kháng chiến qua câu viết sau đây: "*Câu lạc bộ kháng chiến cũ đã đón nhận ông như đón nhận một người anh em lâu ngày lạc lối nay trở về. Những người này trước đây cũng đã từng có quyền, có cương vị chức vụ. Khi về hưu, họ đâu còn sợ mất ghế nữa và vì vậy họ trở thành những con người nói thẳng nói thật đến không ngờ*" (tr.375). Câu hỏi đặt ra là, họ tranh đấu vì dân hay vì không sợ mất ghế? Họ tranh đấu cho phe miền Nam thôi hay cho toàn dân hai miền Nam Bắc? Nếu họ lại có ghế? Được phục quyền và có chức vụ mới? Lúc ấy, họ sẽ còn nói thẳng nói thật không? Còn tranh đấu không?

Thắc mắc này đến từ nhân vật Tràng Giang, được gọi ông trong câu trích ở vế đầu trên đây.

Ta đã nhắc tới con người Tràng Giang trong bài viết thời lão còn cầm quyền. "*Quyền lực đã trao vào tay ông các thứ quyền sau: quyền năng, quyền uy, quyền phép, quyền bính, quyền qúy, quyền sinh, quyền sát, quyền hành và cuối*

*cùng là quyền lợi. Hành trình vươn tới quyền lực của ông là hành trình tự đánh mất dần tính mục tiêu... Ông chưa có cơ hội làm người dân, mặc dù suốt bốn mươi năm ông vẫn vỗ ngực là người đại diện của nhân dân*" (tr.374). Sau khi Thùy Linh, vợ ông vượt biển lòi ra nhiều việc tham nhũng, hủ hóa, ông mới bị mất chức. "*Sau 68 tuổi đời, 40 năm làm nghề lãnh đạo, lần đầu tiên Tràng Giang được nếm mùi thường dân. Vì nắm quyền qúa lâu, con người lãnh đạo của ông chưa bao giờ là người công dân, nên khi phải rơi xuống làm dân thường, ông choáng váng như bị rơi xuống biển*" (tr.373).

Hai năm tới đây sẽ cho ta thấy rõ Câu lạc bộ kháng chiến quy tụ toàn những Tràng Giang thôi. Hay còn có nhiều người khác thế.

Dù sao ta đã có một người đáng tin cậy là Hai Giỡn. Người đã dám chống cự đảng đòi đổi tên Giỡn của mình thành Giơn, vì "không đứng đắn" cái dấu ngã ấy. Phản ứng của Hai Giỡn là, tôi tên Giỡn nhưng người tôi nghiêm chỉnh thì thôi chớ. Hai Giỡn đã "*trường kỳ đấutranh đòi lại cái dấu ngã ấy. Cái quyền được ngã cũng cấm cản là cớ làm sao?*" (tr.96–97). Trong khi ấy, Trần Hưng vốn tên Húng. Do người cha mê ăn thịt chó, đặt tên các con bằng đủ loại rau kẹp với thịt nai đồng quê, Chìa, Mơ, Húng v.v... Nhưng Húng đã quyết tâm đánh rụng cái dấu sắc thiên nhiên để được móc chiếc râu vào chữ u, vẫn không thoát khỏi cảnh u ám suốt đời. Đây cũng lại là vấn đề cá tính của hai miền Nam Bắc. Một bên hoa mỹ trên chữ nghĩa. Một bên thích rạt rào trong đời sống.

Hai Giỡn đấu tranh đi cướp xác Trần Khuất Nguyên. Hai Giỡn đẩy Câu lạc bộ kháng chiến đứng ra lo tang lễ. Hai Giỡn là đầu mối cho cuốn tiểu thuyết Ly Thân. Người bạn chiến đấu, tri âm, tri kỷ, tâm khí của Trần Hưng. Nhờ Hai Giỡn, Trần Hưng giải quyết xong việc lương tâm, để tự nói với mình rằng: "*Tôi đã hết sợ rồi*" (tr.380) như một tuyên khúc tái sinh. Nói với vợ: "Tôi không thích gọi địa ngục là thiên đường nữa, bà biết không?" (tr.377). "Vì hèn hạ và sợ hãi, tôi đã chấp nhận lấy bà, sống với bà theo sự bố trí của tổ chức, yêu thương theo chỉ thị của cấp trên. Bây giờ đã đến lúc chúng ta nên tha cho nhau, đừng bắt tôi phải sống với bà nữa" (tr.379). Rồi Trần Hưng từ giã vợ ra đi, mở đầu câu viết cuốn Ly Thân.

Hai Giỡn đem Trần Hưng về nuôi, cung phụng ăn uống hằng ngày để Trần Hưng ngồi viết. Vì Trần Hưng nổi loạn, nhưng chưa biết phải làm gì. Viết là nghề của chàng, nhưng anh chưa dứt hết mặc cảm ba mươi năm bồi bút: "*Đời tôi à, mười phần thì đã có tới chín phần dối trá còn đâu mà viết với chả lách*" (tr.11). Hai Giỡn liền động viên: "*Suốt ba mươi năm qua, ông đã bịa ra bao nhiêu chuyện nhưng vẫn chỉ là tô vẽ theo ý đồ của kẻ khác, bất chấp sự thật, chỉ cốt để vừa lòng cấp trên... Đó là thứ văn chương xu thời, bẻ cong ngòi bút cho kẻ cầm quyền đọc chứ nào phải viết cho nhân dân*" (tr.11). Có lần Hai

Giỡn đo sát ván sự dối trá qúa khứ của Trần Hưng: "*Cải cách ruộng đất bắt ẩu, đánh ẩu qúa xá. Chả có luật lệ con mẹ gì ráo trọi... Tối tối gia đình nào có tí cơm ăn cũng không dám rửa chén, sợ động hàng xóm nghe được đi báo đội rằng gia đình ấy còn khả năng, tức là còn có của. Nuôi được con gà làm thịt ăn cũng phải ăn dấm ăn dúi, bí mật như đi ăn cắp ăn trộm của ai vậy, lông chôn một nẻo, xương vứt một nơi... Bọn đội cải cách coi trời bằng vung, toàn quyền sinh sát... Vậy mà tôi đọc sách cụ ông, toàn tốt là tốt*" (tr.133).

Trần Hưng đã ăn nằm trong căn hầm chứa đồ cũ thuộc hội văn nghệ An Hải viết cuốn Ly Thân. Ly Thân hay ly đảng? Vợ đã là bóng hình của đảng thì có chi khác nhau.

Không là câu chuyện tình nữa. Mà là taâm sự của một người yêu nước theo đảng, nay thấy mình lầm đường, mình bị lừa, bèn nói toẹt sự thật. Không đọc Ly Thân, khó hiểu bằng những ngõ ngách nào, bằng những thủ thuật gì, bằng những não trạng nào, con người Việt đã bị lừa suốt bốn mươi năm lịch sử đảng cầm cương. Hơn thế, biết bị lừa, vẫn không giẫy thoát ra.

Ở Việt Nam, đã có một người thấy rất rõ và trước nhiều người khác. Thấy bằng sự phân tích trí thức và khoa học. Đọc sách ông ta thấy ta lớn thêm, tâm hồn thiện mỹ và tin tưởng hơn, chứ không muốn xổ tục hoặc xách súng đi bắn bỏ lung tung. Đó là ông Nguyễn hiến Lê khi ông ngồi viết Hồi Ký giữa Sàigon bị chiếm năm 1981. Dù không là đảng viên, nhưng trước kia, ông đã chia trọn tình ông cho cộng sản Hà Nội. Sau này, bằng bộ óc khách quan và lương tri trí thức, chứ không bằng nhiệt tình chính trị, ông thấy ra nguy kịch của đất nước là chế độ cộng sản. Nhưng sách ông thuộc phân tích và hồi ký (3). Tám năm sau, bằng thể tiểu thuyết, Trần Mạnh Hảo vẽ ra bức hoành tráng về sự tàn bạo và lừa đảo lớn nhất trong lịch sử Việt Nam, qua nhân vật Trần Hưng đại biểu cho mọi người theo Cộng mới hồi tâm.

Trên đây, tôi phác thảo những nét chính và vài nhân vật trung tâm của cuốn truyện. Mong giới thiệu nội dung cho những ai chưa có dịp đọc cuốn Ly Thân. Bài này chưa đi sâu vào nhiều chi tiết lý thú khác, hay phân tích bút pháp, tu từ của Trần Mạnh Hảo. Sẽ có một dịp khác chăng.

Ly Thân còn nhiều trang tả về cải cách ruộng đất, về chỉnh phong, về hợptác xã hóa nông thôn, về cuộc gặp gỡ giữa Bắc Nam sau ngày cưỡng chiếm 30-4, về sự phè phỡn của cán bộ lãnh đạo như những tên thực dân, hay quan lại phong kiến, về giáo dục con cái, về hạnh phúc giả tạo, về những tên cán bộ lãnh đạo sính nổi danh thi sĩ v.v... là những tài liệu qúy cho các nhà xã hội học. Hoặc về bộ máy bô lại của đảng. Một thứ đảng chuyên nói dối đến độ không còn biết mình nói dối nữa. Có những đoạn tả về những mối tình, những người phụ nữ, rất đẹp và cảm động. Trong văn chương, Trần Mạnh Hảo đã có đôi chút dí dỏm khá hiếm so với nhiều cuốn khác xuất bản

ở Việt Nam. Tuy nhiên, nói chung, văn viết vội vàng, thiếu nhuận sắc. Có một số câu, hay đoạn, tỏ ra cẩu thả.

Một nhận xét nhỏ là nhà văn miền Bắc này đã thấm nhuần đôi chút phương Nam trong tình tiết và từ ngữ: *nghĩ chui (tr.264), cà chớn (tr.243), tết ma rốc (tr.135, ngày trước ta nói tết Congo)*... Một vài thành ngữ lạ: *sướng hết biết (tr.136), khoái hết biết (tr.281), sáng hết ý (tr.328)*... Tuy nhiên sự suy thoái và tan vỡ của xã hội tập thể xã hội chủ nghĩa đã ghi đậm dấu ấn trong những từ vỡ vụn mà Trần Mạnh Hảo hay dùng: *viết với chả lách (tr.11), ly với chả dị (tr.242), thi đàn thi điếc (tr.246), tâm hồn tâm hiếc (tr.246), quyền sinh quyền sát (tr.263), linh hồn linh hiếc (tr.307), hôn nhân hôn nhiếc (tr.356) v.v*... Khi con người mất tự tin, ngôn ngữ cũng chao động, phân tán, do dự.

Tiếc Ly Thân đến trễ vào lúc chủ nghĩa cộng sản đang tàn tạ trên thế giới. Nhưng dù trễ vẫn hơn không. Giữa nền văn học còn minh họa kia, sự phản tỉnh đã đi vào tiểu thuyết. Đó không là một sự phổ cập đại chúng ư?

Huống chi, Ly Thân còn để lại cho ta một nhân vật tràn đầy hy vọng và phấn khởi là Trần Khuất Nguyên. Người thi sĩ trẻ đã dám làm thơ như Khuất Nguyên thời Ly Tao, bất chấp con sông Mịch La đã chảy tới Cửu Long trước mắt mình. Người đã dám ngang nhiên phỉ nhổ vào mặt bọn bí thư tỉnh ủy đặc quyền đặc lợi trước mắt quần chúng. Không sợ hãi. Không đợi chờ có hậu thuẫn, có số đông mới dám hiên ngang.

Dù rằng Khuất Nguyên bị đảng và chế độ bóp cổ tới chết. Nhưng huyền nhiệm của sự sống đã vượt lướt khỏi bàn tay thô lỗ của bất cứ bạo chính nào trên đời: Vương Thi giữ được cái bào thai của người yêu vừa chết. Nàng nói với cha: "*Đây là di sản của anh Trần Khuất Nguyên để lại cho con*" (tr.380) Ở trang cuối truyện, nàng vừa xoa bụng vừa nói với con: "*Cái bụng mẹ rồi cũng chẳng còn đủ kích thước cho mày đâu, y như thằng bố của con sống trên đời vậy*" (tr.385).

Nàng không nói lời nào với người đọc. Ta vẫn biết rằng ngày sinh gần lắm rồi. Một thế hệ trẻ, con của Trần Khuất Nguyên, đang vươn lên như đóa sen trên vũng bùn. Một thế hệ bất khuất và tái tạo. Lịch sử đâu thể là những chuỗi đêm không mặt trời.

**9-2-1990**

**(trích báo Quê Mẹ, số 107, tháng 2-90, Paris. Pháp)**

**Chú Thích**

(1) Trường Sơn Của Bé (1974). Tiếng Chim Gõ Cửa (1976). Mặt Trời Trong Lòng Đất (1981). Hoa Vừa Đi Vừa Nở (1981).

(2) Chìa Khóa Của Mỗi Người (1987). Sinh Ra Để Yêu Nhau (1989). Trăng Mật (1989). Ly Thân (1989).

(3) Hồi Ký tập III, Nguyễn Hiến Lê, do nhà xuất bản Văn Nghệ ở Hoa Kỳ xuất bản.

# cảm nghĩ rời



*Nguyễn Đức Lập*

Có thừa không, có trễ tràng không, khi, vào ngày giờ nầy, còn đặt nên câu hỏi "có hay không có một nền văn chương phản kháng trong quốc nội"?

Không phải rằng đầu bất cứ vào thời đại nào, bất cứ ở đâu, bất cứ dưới chế độ nào cũng có một dòng văn chương phản kháng sao?

Tự cổ chí kim, tự đông sang tây, chưa hề có một triều đại nào, một chế độ nào được lòng hết thảy một trăm phần trăm dân chúng. Vua Nghiêu được đời sau tôn xưng là Thánh Vương, dưới triều đại của ông, *"Hây hây phong kiểng, rỡ rỡ xuân quang, bá tánh an nhàn, vạn dân ca võ..."*, nhưng *"Chó Đạo Chích sủa vua Nghiêu"*.

Phật còn bị báng bổ, Chúa còn bị chỉ trích mà.

Phản kháng phát sinh từ những xung đột. Chân lý thì không có một, phải với người nầy, không phải với người kia; phải ở chỗ nầy, không phải ở chỗ kia. Bởi vậy mà thánh như Khổng tử còn "*bị vi Tống, Vệ, Khuông, Trần tuyệt lương*", còn bị Sở Cuồng, Dương Hóa "kêu ngạo", hiền như Phan Hồi còn bị Tàng Thương chọc quê.

Hoàng Đế, sau khi thắng lớn, dẹp yên được Xi Vưu ở đồng Trác Lộc, cho khắc lên bia đá:

> *Trác Lộc minh kim vị nhược hưu*
> *(Trận Trác Lộc cho tới ngày nay vẫn chưa dứt).*

Trận Trác Lộc phát sinh từ xung đột giữa hai nền văn hóa Long Châu và Ngưỡng Thiều, giữa Nam và Bắc. Đặt ra ngoài lãnh vực văn hóa, lãnh vực nào cũng có thể tạo nên xung đột và sự xung đột nào cũng tạo nên phản kháng.



Mượn chữ nghĩa để bày tỏ sự phản kháng, gọi là văn chương phản kháng.

Văn chương, xưa nay, vẫn được chia ra làm hai loại: Văn chương bình dân và văn chương bác học.

Văn chương bình dân luôn chảy thành dòng trong nhân gian. Văn chương bác học nghiêm trang trong sách vở. Cả hai đều có giá trị không thể phủ nhận. Và, về mặt thể dụng, ảnh hưởng, chưa chắc văn chương bác học đạt được giá trị cao hơn văn chương bình dân.

Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, ngày nay được tôn vinh là danh nhân thế giới,

nhưng, *Bình Ngô Đại Cáo, Đoạn Trường Tân Thanh* chắc chắn là không được thuộc, không được phổ biến bằng *Tấm Cám, Thạch Sanh Lý Thông* hay *"Công cha như núi Thái sơn...", "Trong đầm gì đẹp bằng sen..."*.

Ngày nay, người ta còn nhắc hai câu thơ của Cao Chu Thần, khi sắp sửa vươn cổ chịu chém:

*Ba hồi trống giục dù cha kiếp*
*Một nhát gươm đưa đéo mẹ đời*

Thì người ta vẫn chưa quên bốn câu hát trong nhân gian:

*Chiếu vua mười bốn tháng ba*
*Cấm quần không đáy người ta hãi hùng*
*Không đi thì chợ không đông*
*Đi thì phải mượn quần chồng sao đang*

Xử tử Cao Bá Quát và cấm đờn bà mặc quần không đáy là hai sự kiện xảy ra dưới cùng một triều đại: Triều đại Dực Tôn Anh Hoàng Đế nhà Nguyễn.

Hịch Tây Sơn: *"Giận Quốc Phó ra lòng bội bạc, nên Tây Sơn dấy nghĩa cần vương..."*, ngày nay còn được truyền tụng, thì ngày nay, cũng còn được truyền tụng câu hát của nhân gian, xuất phát vào thời điểm có cuộc chiến tranh giữa Nguyễn Phúc Ánh và họ Nguyễn Tây Sơn, *"Lạy trời cho cả gió nồm, cho thuyền chúa Nguyễn thẳng buồm chạy ra"*.

Cũng vậy, ngày nay vẫn còn nhắc, trong khi dân chúng miền Nam khuyên nhau ứng nghĩa liều chết chống Pháp *"Giặc Tây đánh tới Cần giờ, biểu đừng thương nhớ đợi chờ uổng công"*, thì trí thức Tôn Thọ Tường xén lén đầu Tây, khép nép gục mặt khoanh tay trước búa rìu dư luận *"Chẳng đặng khôn Lưu, đành dại Ngụy, thân này xin gác ngoại vòng thoi"*.

Trở lại nền văn chương quốc nội và phản kháng đây là phản kháng chế độ Cộng sản.

Đối với văn chương bình dân, sự phản kháng đã có từ lâu (lẽ ra, phải viết là "từ khuya" mới đúng).

*"Khoai lang quá tháng khoai lang sùng. Lấy chồng bộ đội, lấy thằng khùng sướng hơn"* không phải là phản kháng sao?

Từ *"râu bác dài, tóc bác bạc phơ"* thành *"chưn bác dài, bác đạp xích lô"*, không phải là phản kháng sao?

Nhà nước cổ động, vẽ ra một sự sung túc *"tập thể tập tanh, bỏ tranh thay ngói"*, nhân gian nói *"tập đoàn, tập thể, tập te, không có miếng giẻ để che cái... đùm" không phải là phản kháng sao?*

Con nít được dạy *"năm điều bác Hồ dạy học sinh: yêu tổ quốc, yêu đồng bào..."* nhân gian trả lời *"năm điều bác dạy đã thông, nhưng vì đói quá tạm mượn ông chiếc xuồng"*, không phải là phản kháng sao?

Ở sau câu khẩu hiệu của nhà nước

*"lao động là vinh quang"*, người dân nối thêm *"lang thang là chết đói, nói là ở tù, lù khù đi kinh tế mới"*, không phải là phản kháng sao?

Với văn chương bình dân, sự phản kháng len lỏi vào làng trên xóm dưới, trải rộng từ thành thị xuống tới nông thôn, đâu đâu cũng một miệng một lời, không phải là "dòng" nữa, mà trăm rạch, trăm suối góp lại thành sông, và trăm sông góp lại đã thành biển.

Mặc dầu biển hận đã tràn đầy, văn chương bình dân bị mặc kệ nổi trôi trong niềm đau thương của nhân gian. Hay, đó là cái số phận, cái vai trò đúng của văn chương bình dân? Hay, mệnh danh là trí thức thì chỉ nên trang trọng mà bàn văn chương bác học?



Xin thành thật nể phục những cây bút đã đóng góp vào cao trào dùng chữ nghĩa để phản kháng tại Việt nam hiện nay.

Dù là chống chủ nghĩa, chống chế độ hay chống lại những việc làm sai trái của cán bộ địa phương, mọi sự phản kháng bằng sách vở, báo chí, trên giấy trắng mực đen, đều đáng nể phục.

Những ai đã từng sống với Cộng sản đều biết rằng chế độ vốn tráo trở như nướng bánh phồng, vốn lật lọng như đảo bàn tay. Nhân dân không tin chế độ. Hơn ai hết, những người được phép cầm viết trong chế độ hiểu rõ bản chất của chế độ.

Một lời tuyên bố "cởi trói văn nghệ" của Tổng bí thư Nguyễn văn Linh, đã nổi lên một phong trào phản kháng trong văn chương bác học, đã có những tên tuổi nổi bật, đã có những tác phẩm được bàn tán.

Điều nầy, có thể giải thích bằng hai lý do.

Một là các nhà cầm bút, làm công việc phản kháng ở Việt nam, đã đặt niềm tin tuyệt đối vào lãnh tụ. Lãnh tụ đã hạ lệnh "cởi trói", các nhà cầm bút tuyệt đối tin tưởng rằng đây là thành tâm thiện ý của đảng, họ không hề cảm thấy phải dè dặt ở sự tráo trở, lật lọng ngày một ngày hai, đúng với bản chất của chế độ trước đây. Niềm tin sáng chói đó đã kết tụ thành những dòng chữ, những tác phẩm.

Hai là, các nhà cầm bút phản kháng, đã nương lấy cơ hội "cởi trói" để đứng về phía nhân dân, nói lên tiếng nói uất nghẹn của đại khối nhân dân. Đây là một hành vi can đảm, cực kỳ can đảm, đem chính cái an nguy của mạng sống, nói lên tiếng nói của đám đông bị đàn áp.

Cho dù phát xuất từ lý do nào, các người cầm bút phản kháng ở Việt nam cũng đáng nể phục. Trong trường hợp ở lý do thứ nhất, họ đáng nể phục vì vẫn còn có niềm tin sáng chói, trong khi, **niềm tin để viết đã mất ở một số cây viết ở hải ngoại, mất đến nỗi phải vay mượn niềm tin từ kẻ khác và tưởng đó là niềm tin của mình.**

Trong trường hợp ở lý do thứ hai, không đáng khâm phục, kính trọng sao

những người đã đem hết tương lai, sinh mạng của mình để đánh đổi tiếng nói đau thương của nhân dân?



Xin chân thành cám ơn các cây bút phản kháng ở trong nước, những Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Hà văn Thùy, Phùng Gia Lộc, Phạm thị Hoài...

Nhờ những người cầm bút này và nhờ các tác phẩm của họ, một số các nhà "trí thức" mới tin rằng có những sự thật kinh khiếp, thô bạo đã xảy ra dưới chế độ Cộng sản.

Nhờ Nguyễn Huy Thiệp, trong "Tướng Hồi Hưu", người ta mới tin rằng sự việc lấy "nhau" của các sản phụ, lấy những bào thai đã bị phá non để nuôi heo là chuyện có thật dưới chế độ Cộng sản.

Nhờ Dương Thu Hương, trong "Những Thiên Đường Mù", người ta mới tin rằng cái hố sâu ngăn cách giữa chế độ và nhân dân do phong trào cải cách ruộng đất đem lại, sau hơn ba chục năm, vẫn chưa lấp được. Từ đó mới biết rằng cuộc cải cách đó kinh khiếp tới mức nào. Chuyện hơn ba mươi năm, nhân dân chưa quên, sao có những người muốn quên đi những chuyện chỉ mới có mười lăm năm.

Nhờ sự hợp lực của những cây bút đã tạo nên tuyển tập "Người Đàn Bà Quỳ", do nhà xuất bản Văn Nghệ ấn hành, người ta mới tin rằng có những người vô sản chân chính, cả đời đi chưn không, móng chưn bị thúi như bị cùi sứt móng, bị bóc lột tới nỗi vừa chạy vừa kêu trời trong đêm tối; có một nhúm lúa, dấu trong rương, để dành làm đám ma cho mẹ, vẫn bị tịch thu; có những đền thờ, nhà thờ họ bị phá, các vị thần, tổ tiên các họ bị đưa vào tập thể; có những mồ mả của các tiền hiền các làng bị đào xới cho mất tích; có nhữngngười đàn bà bị đàn áp, tới nỗi phải quỳ mà đội đơn kêu oan, còn hơn là chuyện xảy ra dưới thời phong kiến ngày xưa...

Hồi sau 54, khi bộ phim "Chúng Tôi Muốn Sống" được trình chiếu, nhiều người không tin rằng những cảnh đấu tố trong phim là sự thật đã xảy ra ở miền Bắc trong thời kỳ đấu tố cải cách ruộng đất. Nhiều người đã bĩu môi cho rằng đây là một loại phim tuyên truyền của bộ Thông tin. Nhứt là các "bậc trí thức" tư tưởng cao thâm, kiến thức viễn lự.

Khi các đồng bào di cư nói về những tình huống đã trải qua, đã gánh chịu ở miền Bắc, thì họ bị kết luận là nói quá sự thật để biện minh cho sự ra đi của họ.

Cũng vậy, ở hải ngoại, những mô tả của Nguyễn Ngọc Ngạn, người đã ở lại mấy năm, chịu lao tù, của Xuân Vũ (Lê Mỹ Hương), người đã tập kết ra Bắc, đã "đi Nam", đã hồi chánh, của Thế Giang, người đã sinh ra và lớn lên ở miền Bắc... Chưa làm người ta tin những sự thật đã xảy ra dưới chế độ Cộng sản, nếu có tin thì cũng "bán tín bán nghi".

Một lần nữa, xin cảm ơn những cây bút phản kháng ở Việt nam.



Khoan nói về dân tộc, hãy chỉ nên nói tới nhân dân.

Xưa nay, những cây bút chân chính nào cũng vậy, cũng đứng về phía nhân dân và lưu truyền lại hậu thế không phải là những tác phẩm ca tụng triều đình, ca tụng chế độ, mà là những tác phẩm nói lên tiếng nói của nhân dân.

Có những tác phẩm trở thành bất tử vì niềm đau của tác giả trộn lẫn với niềm đau của nhân dân, tâm sự của tác giả hòa nhịp với tâm sự nhân dân, tác giả đứng từ phía nhân dân để lên tiếng nói.

Nhà văn Dương Thu Hương, phát biểu trong đại hội các nhà văn ngày 30 tháng Mười năm 1989, đã nói:

"Đã mấy thập kỷ qua chúng ta chỉ tuyên truyền trong công chúng: *Nhân dân biết ơn đảng* nhưng chúng ta không giáo dục đảng viên: *Đảng phải biết ơn nhân dân...*".

"Chúng ta" đây là ai? Ai là "chúng ta" đây?

Ôi! Rõ ràng trong cái "chúng ta" được dùng ở trên, không có nhân dân rồi.

Theo định nghĩa có tính cách tầm nguyên mà ông Trịnh Ngọc Minh (tức là nhà thơ Trịnh Y Thư) đã tìm được, chữ "glasnost" có nghĩa là "truyền xuống cho công chúng rõ" (cuộc cải cách của Nga sô và Gorbachev, đăng trong Hoài Bão Quê Hương, số 1, 1989).

Công chúng đây là nhân dân, là đám đông được "truyền xuống".

Công chúng không phải "chúng ta". Nhân dân không phải "chúng ta".

"Chúng ta" lại càng không phải là công chúng. "Chúng ta" lại càng không phải là nhân dân.



Trưa mà trời còn lành lạnh. Hay cái lạnh này không phải ngoài da? Vặn nhỏ cassette, tiếng cổ nhạc rộn rã ấm ấm êm êm, giọng kép Minh Vương, trong vai Nguyễn Trãi, qua điệu Đảo Ngũ Cung rộn ràng gay cấn:

*Bên tai ta vẫn còn nghe lời thầy văng vẳng lúc ra đi*
*Thầy có dặn rằng*
*Sống phải làm việc nhân*
*Cứu khổ sanh linh*
*Ta chẳng bao giờ phân vân*
*Hôm nay đây*
*Trước cảnh dân tình*
*Trong cơn nguy nàn*
*Sao ta lại*
*Ta lại chẳng đau lòng*

*Ối, đau lòng vì núi sông*
*Việc của ta*
*Suy gẫm cho kỹ càng*
*Còn khó hơn đánh trận*
*Đánh trận chẳng khó bằng*
*Nhưng thắng lợi sẽ về ta*
*Ta biết*
*Hôm nay ta sẽ gặp khó khăn*
*Nhưng rồi đời sau*
*Muôn người nối tiếp nhau đi*
*Ắt sẽ vinh quang*

Tiếp theo là giọng của Phượng Liên, trong vai Thị Lộ, ngọt ngào, nhưng thê thiết bi thương, qua điệu Nam Ai:

*Suốt đêm qua*
*Thiếp trăn trở nghĩ tới xóm làng*
*Trong dạ nào an*
*Nghĩ mà thương cho chàng*
*Ôi thân già phải gánh chịu cuồng phong*
*Mấy chữ nghĩa là mấy chữ nhân*
*Nhân nghĩa vẹn toàn*
*Nhưng lòng thiếp sao an*

Vở tuồng kết thúc đúng với lịch sử, Nguyễn Trãi và Nguyễn thị Lộ bị chết vì án "tru di tam tộc", nhưng, Nguyễn Trãi là ai? Tác giả của vở tuồng "Rạng Ngọc Côn Sơn" là ai? Cái cảnh *"dân tình trong cơn nguy nàn"* là cảnh của ai đang gánh chịu?

Và phải chăng, cái cảnh *"muôn người nối tiếp nhau đi, ắt sẽ vinh quang"* là cảnh đã xảy ra ở Đông Âu, đang xảy ra ở Liên sô và chắc chắn sẽ xảy ra ở cac quốc gia Cộng sản mà đảng và nhà cầm quyền còn cố bám lấy, một cách lạc hậu, quyền lực chính trị.

Thay một cuốn băng, giọng của Hoàng Phương ấm ơi là ấm, qua một điệu lý Ngô Đồng:

*"Giờ này*
*Non nước đang trào dâng*
*Bao cuồng giông*
*Biết chăng*
*Trong triều rối rắm*
*Bá quan chỉ lo lợi quyền...".*

(trích Văn Học số 49, California)

# lá thư hoa thịnh đốn



*Bùi Bảo Trúc*

Bạn ta

Tôi phải nói ngay với bạn, tôi là một hiện tượng vừa chậm tiến vừa kém... phát triển — nói theo kiểu Giáo sư Thúc — về tình hình văn học trong nước. Có lẽ trong mấy năm qua, tôi không tìm đọc những tác phẩm của các nhà văn trong nước là vì một cái nhìn hơi sai lầm của tôi. Tôi cho rằng chỉ có những người làm công việc viết lách theo chỉ thị của nhà nước thì mới được viết, mà cái thứ viết lách đó thì cần gì phải đọc. Bạn đã thấy xưa kia thì các ông Tố Hữu, Chế Lan Viên, Huy Cận, Lưu Trọng Lư, Thanh Tịnh... ngày nay thì mấy nhà văn kiểu như Nguỵ Ngữ, Lê Lựu... thì tôi đành phải nói theo lối người Mỹ ở đây là *I have better things to do*... tôi có những việc khác đáng làm hơn. Chẳng hạn xem truyện bằng tranh của Charles M. Schulz hay không làm gì cả, leo lên giường nằm co quắp theo kiểu ông Lâm Ngữ Đường đã mất gần hai trang sách để ca tụng còn có lý hơn...

Đến khi bạn nói về Nguyễn Huy Thiệp, Lưu Quang Vũ, Xuân Quỳnh, Phạm Thị Hoài và Dương Thu Hương thì tôi thấy mình bắt đầu chuyển sang cầm tinh con... vịt đang đứng giữa trời mưa sấm sét đùng đùng. Nhưng trong chuyến đi miền Tây vừa qua, tôi đã làm quen được một hai người trong số các nhà văn này trong đống sách của ông *Ngọn Cỏ Bồng*. Về đến nhà thì lại có người dí vào tay bắt đọc Dương Thu Hương cho mở mắt ra. Cuốn sách đầu tiên tôi được đọc của Dương Thu Hương là cuốn *Những Thiên Đường Mù*.

Đây là một sự gặp gỡ hơi muộn, vì đáng lẽ tôi đã phải gặp tác giả từ mấy chục năm trước, ở cái tỉnh đồng chua nước mặn nơi chúng tôi cùng ra đời, cách nhau có ba năm. Vâng, tỉnh Thái Bình, tức tỉnh Thại Lọ như bạn vẫn

gọi chúng tôi, những người theo chân cụ Uy Viễn từ Thanh Hóa cho đến năm lên 6 thì theo ông cụ ra Hải Phòng, rồi Hà Nội và không bao giờ trở về nữa. Lỡ mất một cơ hội gặp một nhà văn nữ lúc chưa... biết viết. Tiếc ơi là tiếc. Nhưng giá hồi đó có gặp, tử tế lắm thì cũng chỉ mời nàng được nửa chiếc kẹo mạch nha chứ mấy...

Tôi đọc một mạch trong một buổi tối thì hết cuốn sách của Dương Thu Hương, đúng như người ta vẫn nói: không đặt xuống được, phải đọc một lèo từ bìa nọ sang bìa kia, đã ngồi xuống thì không thể đứng dậy được. Tôi thấy có một số điểm tương ứng giữa câu chuyện của Hằng, cô gái xưng tôi trong *Những Thiên Đường Mù* và cuộc sống của những người Việt sống ở hải ngoại. Hằng cũng đang sống ở xa Việt Nam, đang đi làm kiếm tiền dành dụm gửi về giúp gia đình ở Việt Nam. Nhưng những cái giống nhau chỉ có thế. Những đoạn hồi tưởng (*flashback*) trên chuyến xe lửa chạy từ thị trấn nơi Hằng sống và làm việc lên Mạc Tư Khoa là những đoạn đời sống đầy những thảm kịch kinh hoàng. Thảm kịch của Hằng không chỉ bắt đầu sau khi cô ra đời, mà nói đã bắt đầu từ lúc cha mẹ cô lấy nhau trước ngày chiến dịch cải cách ruộng đất và những trò đấu tố lan về làng của cha mẹ cô. Người em ruột của mẹ Hằng, ông Chính trở về làng để phát động chiến dịch đấu tố đi cùng với cải cách ruộng đất. Nạn nhân đầu tiên của Chính là người chị ruột, mẹ của Hằng. Chồng mới cưới của Quế, anh rể của Chính đã trốn khỏi làng để không bao giờ trở lại nữa. Bác của Hằng bị đem đấu ở giữa làng và chịu bao nhiêu cảnh nhục nhã cho tới khi nhà nước sửa sai mới được lấy lại căn nhà cũ. Mẹ của Hằng, lúc đó chưa có Hằng, đã phải bỏ làng đi lên tỉnh ở. Tại tỉnh, mẹ Hằng gặp lại chồng, hai người ăn ở với nhau và kết quả là Hằng ra đời. Nhưng sau đó, cha của Hằng qua đời trong một trường hợp hết sức mờ ám. Ở làng cũ, bác ruột của Hằng nhờ chăm chỉ làm ăn, đã gầy dựng lại được một cơ nghiệp khá. Bà tìm gặp được hai mẹ con của Hằng và nhìn thấy ở Hằng máu huyết của người em ruột yểu mệnh. Bà trút hết lòng yêu thương vào đứa cháu và giúp đỡ hai mẹ con Hằng một cách tận tình. Trong lúc đó, ông cậu của Hằng, người đã gây ra cảnh ly tán cho cha mẹ cô tìm lại người chị để đòi bán căn nhà ở dưới làng chia lấy một nửa. Ông ta đã trở thành một cán bộ chính trị trung cấp. Mẹ của Hằng thương em, hết lòng giúp đỡ mặc dù chính ông ta đã đem đến những thảm họa cho vợ chồng bà.

Nhân vật Chính, người cán bộ chính trị, em ruột mẹ của Hằng là tụ điểm của tất cả những cái xấu xa của chế độ cộng sản: Độc địa, nhẫn tâm, không tình cảm, tính toán, mưu mô, xảo quyệt, ích kỷ, đạo đức giả.

Bà Quế, mẹ của Hằng, và bà Tâm, bác của Hằng là tượng trưng cho những con người mà tôi nghĩ lúc nào ở Việt Nam cũng vẫn còn: Nhân hậu, thủy chung, thương người, vị tha...

Hằng đang đi làm ở một thành phố nhỏ thì nhận được điện tín của ông cậu từ Mạc Tư Khoa đánh xuống nhắn lên ngay vì ông ta đang ốm nặng. Dương Thu Hương dùng khoảng thời gian Hằng ngồi trên xe lửa để hồi tưởng lại cuộc đời của cô, từ lúc ra đời cho đến những năm thơ ấu, rồi những năm đi học, vào trường đại học, rồi vì hoàn cảnh gia đình phải bỏ học đi làm... Trong những đoạn hồi ức này, cuộc đời của mẹ Hằng và Hằng, cùng bà Tâm, đã được giàn trải ra bằng đủ mọi thứ thảm kịch của cái xã hội miền Bắc vĩ tuyến thứ 17. Dương Thu Hương viết rất có văn chương ở trong. Tác giả kiểm soát được ngòi bút của mình, ngay cả những lúc cần phải cực tả, Dương Thu Hương cũng không để cho ngòi bút lôi mình đi quá đà. Trong văn chương của Dương Thu Hương, người đọc nhận ra được tấm lòng thương yêu đồng loại, thực sự xót xa trước những thảm kịch đổ chụp lên quê hương. Nhưng điều cao quí nhất ở tác giả *Những Thiên Đường Mù* là thái độ can đảm để nói lên lòng thương đó, sự trắc ẩn đó, nỗi xót xa đó. Bằng *Những Thiên Đường Mù*, Dương Thu Hương đã lôi ra những sự thật mà nhiều người không dám nói ra. Cuốn sách của Dương Thu Hương là một lời buộc tội cả cái hệ thống cai trị hung hiểm ở miền Bắc, cái hệ thống cùm kẹp đã vây chặn lấy những người như Hằng từ lúc sinh ra cho đến lúc trưởng thành không bao giờ nhìn thấy được một ngày hạnh phúc.

Đọc *Những Thiên Đường Mù*, tôi tin những lời Dương Thu Hương đã viết trong bài tham luận nhan đề "*Chức Năng Nhận Thức và Trách Nhiệm Công Dân của Nhà Văn*" mà cô đã đọc tại Đại hội Nhà Văn lần thứ 4 tổ chức tại Hà Nội từ ngày 28–10 đến mồng 1–11–1989.

Nếu *NTDM* viết năm 1988 là một cuốn tiểu thuyết, qua đó, Dương Thu Hương thống trách cái xã hội tàn độc của cộng sản, những lời thống trách được ngụy trang sơ sài dưới những chi tiết về cuộc sống đầy thảm kịch của mẹ con Hằng, thì bài tham luận đọc trước đại hội các nhà văn, Dương Thu Hương không thèm ngụy trang gì hết. Cô nói thẳng tới cái thói vô ơn, bạc bẽo của đảng cộng sản Việt Nam. Cô khóc cho một thế hệ bất hạnh của đất nước Việt. Dương Thu Hương nói thẳng ở hội nghị, trước các thứ tai to mặt lớn: "*Ông Trời sinh ra tôi để kêu thét lên nỗi thống khổ của dân ta, một dân tộc chịu quá nhiều mất mát thua thiệt, một dân tộc phân ly đau đớn*".

Mà đó không phải là lần đầu tiên Dương Thu Hương dám nói lên những điều đó. Năm 1980, tại cuộc Hội nghị 35 năm Văn học Việt Nam, bài tham luận của Dương Thu Hương đọc trước hội nghị cũng đã đả kích dữ dội nền văn học của Cộng sản Việt Nam. Vì bài tham luận đó, cô đã bị làm khó dễ trong một thời gian rất dài.

Theo tờ *Quê Mẹ* thì Dương Thu Hương đã bị bắt sau khi đọc bài tham luận tại cuộc đại hội nhà văn hồi cuối năm ngoái.

Tôi mong đây là một cái tin không chính xác.

Tôi không đồng ý với một số người nói rằng Dương Thu Hương đã đánh... "*cuội*" trong bài tham luận mới đây. Giọng của cô không *cuội* chút nào. Tôi cho rằng nói như cô trong bài phát biểu ấy đã là mạnh bạo quá lắm rồi. Tôi tin là cô đã thành thật nói những điều nghĩ trong lòng.

Đồng ý là chúng ta có thể còn nói hung hơn như thế nữa. Nhưng đó là khi chúng ta nói ở đây. Bài phát biểu của Dương Thu Hương đã được đọc ở Hà Nội. Chúng ta nói gấp mười lần... ở đây thì cũng vẫn thua những điều cô nói ở Hà Nội. Tôi có cảm tưởng nhiều người phải thấy Phan Nhật Nam bị giết thì mới... phục. Phải thấy Dương Thu Hương bị đầy ải dã man thì mới chịu tin là cô không đánh "*cuội*".

Tôi phục Dương Thu Hương vô cùng.

Có ai cầm dao dọa giết... thì cũng vẫn cứ phục Dương Thu Hương vô cùng.

(Trích nhật báo Người Việt, ngày 12–4–1990, California, Hoa Kỳ)

# sĩ phu và sinh mệnh dân tộc



*Thập Lang*

Thời đại nào, hoàn cảnh nào, trong dòng lịch sử dân tộc, cũng có những người tự nhận lấy trách nhiệm, gánh vác đại cuộc, khi tổ quốc lâm vào bế tắc nguy nan. Những kẻ đó gọi là sĩ phu. Ngày nay có một danh từ phổ quát, gần với đại chúng, mà người Cộng sản hay dùng, họ gọi là "*Đội ngũ Trí thức*".

Tại Việt nam hôm nay, đội ngũ trí thức đó, trước sinh mệnh dân tộc, một dân tộc đang bị cưỡng bách đi ngược chiều với loài người tiến bộ văn minh. Họ đang nỗ lực quay hướng đi cho sáu mươi triệu người cả nước. Đó là việc làm của lớp trí thức đang cầm bút, phát động phong trào văn chương đối kháng với chế độ.

Bây giờ không phải là lúc chúng ta đặt câu hỏi muộn màng "có hay không có một nền văn chương phản kháng". Vấn đề đã quá rõ ràng, chúng ta chỉ nên đặt câu hỏi "bao giờ đội ngũ trí thức trong nước hoàn thành được sứ mạng cầm bút của họ". Và, những người cầm bút hải ngoại chúng ta phải làm gì cho phong trào văn chương đối kháng trong nước?

Trong đại hội nhà văn Việt nam lần thứ IV, nhóm họp hôm 28 tháng Mười 1989 tại Hànội là một thắng lợi của đội ngũ trí thức Việt nam. Tôi nói thắng lợi của họ vì thực tế, chúng ta cho đến nay, vẫn đang làm những kẻ bàng quan, ngoại cuộc, dè dặt quan sát.

Lê Đức Thọ, mười lăm năm về trước, y bước vào cục R của Mặt trận Giải phóng miền Nam, như một hung thần để quyết định số phận mười chín triệu đồng bào miền Nam trong chiến dịch Đông Xuân. Mười lăm năm sau, y bước vào đại hội Nhà văn Việt nam tại vườn hoa Ba Đình, cúi đầu, xuống nước với thi sĩ Ý Nhi, một cô gái đáng tuổi con mình, nhưng lại là chủ tọa đoàn thuộc phe Cấp Tiến, để gợi ý cho thi sĩ Ý Nhi, chấp nhận cho ban chấp hành bầu

tổng thư ký hội Nhà Văn, nhưng bị Ý Nhi phản đối (Xem Văn học số 50 trang 8). Đây không phải là một cảnh lép vế của đảng Cộng sản Việt nam hay sao? Đây không phải là một thắng lợi của đội ngũ trí thức hay sao? Hồ Chí Minh nếu có sống lại, ông ta cũng phải chết đi một lần nữa vì sự mất mặt của chế độ.

Từ bài tham luận của Dương Thu Hương đến truyện ngắn Vàng Lửa của Nguyễn Huy Thiệp, rõ ràng đội ngũ trí thức trong nước đang sử dụng một vũ khí rất sắc bén, rất lợi hại, nghệ thuật đầu cây viết.

Nguyễn Huy Thiệp đã đem nhân vật Gia Long để ám chỉ bọn quan lại cầm quyền kế tục sau khi Hồ Chí Minh chết. Lấy Nguyễn Du để ám chỉ thân phận đội ngũ trí thức bị che mắt trong những ngày tháng dài đánh Tây, đánh Mỹ, để ba trăm năm sau mới tìm thấy sự thật. Nguyễn Huy Thiệp đã đau đớn mô tả tâm trạng ê chề của một cô gái đồng trinh (Dân tộc Việt nam) bị người cha chủ nghĩa cưỡng hiếp "*...vừa thích thú, vừa nhục nhã, vừa căm thù nó...*". Thân phận "*Nguyễn Du là đứa con của cô gái đồng trinh kia, dòng máu chứa đầy điển tích của tên đàn ông khốn nạn đã cưỡng hiếp mẹ mình...*". Nguyễn Huy Thiệp là một phần chi thể của đứa con hoang thời đại đó, nên ông đã "đau đớn thay... thân phận của mình".

Tuy sinh ra trong điếm nhục, nhưng họ vẫn giữ được bản chất ngay thẳng của con người như Nguyễn Du. Nguyễn Huy Thiệp viết: "*Ông ta (Nguyễn Du) có sự thông cảm sâu sắc với nhân dân, ông yêu nhân dân mình, ông đại diện cho nhân dân ở phần u uẩn nhất...*". Khi viết về Hồ Chí Minh, Nguyễn Huy Thiệp đem vua Gia Long làm bình phong, Huy Thiệp viết: "*Số phận ngẫu nhiên giao cho ông ta đứng trên đỉnh cao nhất, ông ta không dám phá vỡ bất cứ quan hệ nào làm hại đời sống cộng sinh đó*". Nguyễn Huy Thiệp mô tả tâm trạng của Hồ Chí Minh lúc còn trên ngai: "*Nhà vua là một khối cô đơn khổng lồ, ông đóng trò rất giỏi trong triều đình*". Và chính nhà vua nói: "*Khanh chẳng hiểu gì, vinh quang nào chẳng xây trên điếm nhục?*". Khi kết tội Hồ Chí Minh, tác giả đã hạ bút: "*Ông (vua Gia Long) khủng khiếp ở khả năng dám bỡn cợt với tạo hóa, dám mang cả dân tộc mình ra lường gạt, phục vụ cho chính bản thân mình*". Trong câu kết, Nguyễn Huy Thiệp đã kêu lên tiếng kêu mới đứt ruột, Đoạn Trường Tân Thanh: "*Chúng ta sống vô nghĩa, nghèo khó và đau khổ trong lý thuyết chắp vá đầy ngụy biện, những mối bất hòa kỳ thị dân tộc và đẳng cấp, những kinh nghiệm sống của chúng ta mong manh và vụn vặt siết bao. Đến bao giờ, hỏi đến bao giờ, trên mặt đất này xuất hiện tiến bộ*". (1)

Có một người bạn nói với tôi khi nhận định về vụ án Nhân văn năm 1957 tại miền Bắc, anh ta nói "Đây là những kẻ sĩ cuối cùng chúng ta gặp của đất nước Việt nam". Tôi thì không bi quan như thế và thực tế lịch sử đã chứng minh, hai mươi mốt năm sau, năm 1978, Nguyễn Minh Châu, Hoàng Ngọc

Hiến là những kẻ sĩ của đất nước. Ba mươi ba năm sau, Dương Thu Hương, Ý Nhi, Hoàng Châu Kỳ... là kẻ sĩ. Tôi rất tin là họ sẽ làm được một cái gì, họ có tài năng và nhất là có khí phách của một kẻ sĩ. Ý Nhi, một cô gái, bình thường được bắt tay Lê Đức Thọ có lẽ đã hãnh diện lắm rồi, đằng này tàn nhẫn quyết liệt từ chối lời yêu cầu như năn nỉ của Lê Đức Thọ trước mặt bốn trăm đảng viên và trí thức cả nước, đó không phải là hành động khí phách của một kẻ sĩ hay sao? Hoàng Châu Kỳ phản đối một danh sách của đảng đưa ra áp đặt để bầu vào ban chấp hành hội nhà văn, dù trong danh đó có cả tên Ý Nhi, con gái của ông ta. Hành động đó, thử hỏi đã xảy ra được mấy lần ở công cộng trong hai nền đệ nhất và đệ nhị Cộng hòa vừa qua của chúng ta? Đây không phải là một kẻ sĩ hay sao? Dương Thu Hương chỉ vào mặt Nguyễn Đình Thi, một cán bộ lãnh đạo văn nghệ cao cấp của đảng mà quát: "*Anh là một tên đê tiện...*". Đây là một cái quát đầy khí phách của một kẻ sĩ đi vào lịch sử. (Văn Học số 50 trang 10).

Khi bàn đến văn học đối kháng, chúng ta không thể không bàn đến bài tham luận của nhà văn nữ Dương Thu Hương. Đây là một bài tham luận tuyệt vời, có thể đem ra so sánh ngang ngửa với bài tham luận của luật sư Nguyễn Mạnh Tường ba mươi ba năm về trước. Đã nhiều người ở hải ngoại bàn đến, ít ra chúng tôi đã đọc hai bài bình phẩm về bài tham luận của Dương Thu Hương, đó là bài của ông Đỗ Thái Nhiên đăng trên Văn học số 47 – 48. Bài của ông Nguyễn văn Chức đăng trên Ngày Nay (Kansas) số 80. Bài của ông Đỗ Thái Nhiên, ít ra ở phần đầu đã trích dẫn được một vài sự kiện. Còn bài của ông Nguyễn văn Chức, đã đưa ra hai điểm mà theo ông để làm thí dụ, chúng tôi đã phải nghĩ khác đi.

Điểm thứ nhất, ông Chức viết rằng: "*Dương Thu Hương đã viết: Nhân dân biết ơn đảng vì đảng là người tổ chức thắng lợi cách mạng tháng Tám và lãnh đạo nhân dân qua hai cuộc chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ một cách oanh liệt...*". Điểm thứ hai: "*Dương Thu Hương đề cao lý tưởng Cộng sản*".

Trước tiên phải đặt chúng ta vào hoàn cảnh của Dương Thu Hương khi đọc bài tham luận, nghĩa là đọc bài tham luận chức năng nhận thức... đó trước một đại hội do đảng Cộng sản tổ chức, một chế độ đang lấy bạo lực để trị dân. Ở đây Dương Thu Hương đưa đường kiếm đánh đi còn phải nghĩ cách đỡ đường kiếm của đảng đánh trả lại, đó là một đường gươm trên chiến trường tư tưởng thật sự. Không giống đường gươm của chúng ta đánh trên sân khấu chống Cộng, đường gươm tuy hung hăng nhưng chẳng giết được tên Cộng sản nào và cũng chẳng bao giờ bận tâm phải đánh đỡ đường kiếm kẻ thù đánh trả lại.

Dương Thu Hương biết hơn ai hết, trên năm triệu đảng viên, ít ra cũng gần hai triệu người đang tôn thờ quá khứ của đảng Cộng sản trong cuộc cách

mạng tháng Tám và đánh Mỹ đánh Tây, không dại gì đem ra những cái người ta đang hãnh diện chỉ trích để bị kết án là phản động.

Bà ta chỉ trích những tệ trạng trước mắt và cho đó là hậu quả sai lầm của đảng và như thế là đủ rồi. Cái giới hạn của một người đấu tranh chính trị trong một xã hội độc tài tuyệt đối như chế độ Hànội, người đương đầu phải tự biết phân định lằn ranh có thể tiến được của mình. Vả lại Dương Thu Hương có đề cao đảng Cộng sản trong quá khứ, đó chỉ là chiêu bài, đâu là mục đích để đến. Tào Tháo cũng phù Hán và Lưu Bị cũng phục Hán nhưng lại là hai kẻ thù muôn đời trên chính trường và chiến trường lịch sử, vậy thì phục Hán hay phù Hán chỉ là chiêu bài. Cho nên sự ca tụng biết ơn đảng của Dương Thu Hương cũng chỉ là một chiêu bài trên cuộc đấu trí chính trị mà thôi.

Vả lại, chúng tôi có cảm tưởng ông Chức đã không đọc kỹ bài tham luận. Dương Thu Hương viết: "*Đã mấy thập niên qua, chúng ta tuyên truyền trong công chúng: Nhan dân biết ơn đảng, nhưng chúng ta không bao giờ giáo dục đảng viên, đảng phải biết ơn nhân dân. Nếu đây là chân lý, chân lý ấy phải song phương. Nếu đây là một mệnh đề, mệnh đề ấy phải gồm hai vế cân phân, không bên nào nặng nhẹ...*". Một đoạn khác trong bài tham luận: "*Nếu dân tộc Việt nam là một dân tộc hèn nhát, thiếu tinh thần yêu nước, thiếu khả năng hy sinh, liệu cách mạng tháng Tám và những cuộc kháng chiến giành độc lập có đi tới kết quả hay không? Chắc không. Cũng với nhân dân ấy, nhà Trần thắng quân Nguyên, một đế quốc đã dẫm nát thành trì châu Âu và Á. Lê Lợi đã chiến thắng quân Minh, Quang Trung đã chiến thắng quân Thanh...*". Rõ ràng Dương Thu Hương đã phủ nhận giá trị lãnh đạo của đảng Cộng sản trong lịch sử, vậy nên câu nói biết ơn đảng chỉ là một hư chiêu đánh ra để thực chiêu đi sau đánh tới của một người làm chính trị khôn ngoan.

Điểm thứ hai ông Chức cho rằng Dương Thu Hương còn tin tưởng vào chủ nghĩa Cộng sản, đây cũng chỉ là một chiêu bài của người đấu tranh chính trị. Chúng tôi có cảm tưởng ông Chức là người không bắt kịp những vấn đề thời sự hôm nay. Từ mùa đông năm ngoái cho đến nay, những biến cố vượt bức tường lịch sử với một tốc độ chóng mặt. Chúng ta không khéo sẽ bị thời sự bỏ ra phía sau một cách thê thảm. Chủ nghĩa Cộng sản bây giờ chỉ là một thây ma, như thây ma Hồ Chí Minh trong hòm kiếng vườn hoa Ba đình. Thây ma trong hòm kiếng hay thây ma ngoài nghĩa địa cũng chỉ là thây ma. Lúc này, không còn ai tin tưởng vào chủ nghĩa Cộng sản,kể cả Gorbachev, Nguyễn văn Linh, Lê Đức Thọ, lý thuyết gia Trần Bạch Đằng. Đọc kỹ những bài viết của Trần Bạch Đằng, Phạm Hộ mới đây, đó chỉ là những lời lẽ ngụy biện đánh lừa bản thân và những kẻ phía sau lưng của y. Trên mặt quả đất, giờ đây chỉ còn lại sáu nước còn theo Cộng sản kiểu Stalin. Những kẻ lãnh

đạo ở đó còn bám víu vào chủ nghĩa Cộng sản vì quyền lợi cá nhân và gia đình bè cánh như một dòng họ vua chúa trong xã hội phong kiến ngày xưa. Chính họ đang đếm từng ngày từng tháng cho sự tồn tại của chế độ. Chính những người Cộng sản nhiệt thành và lạc quan nhất cũng không dám mơ chủ nghĩa Cộng sản sẽ tồn tại thêm một thế hệ trên quả địa cầu này. Bây giờ, bằng hình thức này hay hình thức khác, chỉ cần chính quyền thay đổi, chủ nghĩa Cộng sản sẽ tiêu ma trên quốc gia đó.

Đừng chống cộng theo lối ngày còn bộ Thông tin và Tổng cục Chiến tranh Chính trị. Mười lăm năm, thời thế đổi thay thì con người cũng phải thay đổi cách suy tư, thay đổi suy tư không có nghĩa là thay đổi lập trường. Mười lăm năm trước, Kiều theo Mã Giám Sinh về Lâm thành khác hẳn cô Kiều tái ngộ với Kim Trọng mười lăm năm sau tại chùa Giác Duyên.

Nếu Dương Thu Hương còn tin tưởng vào lý tưởng Cộng sản, không bao giờ đặt bút viết vào bài tham luận: "*Xương đã chất thành núi, máu đã chảy thành sông, hàng chục triệu người mẹ mất con, người vợ góa chồng, những đứa bé mồ côi và những người phụ nữ không bao giờ biết tới hạnh phúc gia đình. Mặt khác, đảng là kẻ lãnh đạo thần kỳ trong chiến tranh, nhưng đã cũng là tác giả trong những phương án kinh tế sai lầm...*" Và "*...Một sự kiện trần trụi không thể nào chối bỏ: Giống nòi Việt nam đang suy kiệt, cólẽ chẳng kể tới số người mà gỗ đá cũng phải rõ nước mắt. Nhân dân âm thầm chịu dựng cuộc sống thiếu thốn và đau khổ quá dài*". Người dân trong nước khi đọc những dòng chữ nầy họ phải bật ra tiếng khóc. Chúng ta ở hải ngoại dù có chai đi cũng xin đừng làm một con người "tệ" hơn gỗ đá.

Dương Thu Hương tin tưởng vào chủ nghĩa Cộng sản hay tin tưởng vào tình thương và ngay thẳng trước tổ quốc và dân tộc: "*Không có một cá nhân nào, một đảng phái, một giai cấp nào đặt mình lên trên dân tộc. Đó cũng là một chân lý Vĩnh Hằng. Trong quá khứ, chỉ có những cá nhân dầy đạp lên dân chúng, triều đại Tần Thủy Hoàng, triều đại Võ Tắc Thiên dâm loạn, hoặc các nước độc tài, khoác áo trắng như Hiler, Mussolini, hoặc khoác áo đỏ như Stalin, Mao Trạch Đông. Ngày nay, kẻ nào dùng bạo lực là kẻ yếu. Ai thương yêu con người hơn, tử tế với con người hơn, kẻ đó sẽ thắng*".

Ông Nguyễn văn Chức viết: "*Dương Thu Hương cũng thuộc loại lệch lạc, nhưng không đến nỗi, vì vậy mà nữ nhà văn nầy đã có dịp trình bầy và phổ biến tham luận của mình tại đại hội, một đặc ân mà không phải nhà văn nào cũng được...*". (Ngày Nay số 80, trang 22). Rõ ràng là ông Chức đã thiếu sự liệu, rồi đi đến kết luận ức đoán theo định kiến của mình.

Theo tờ Tin Tức tiết lộ, Dương Thu Hương đăng ký phát biểu được xếp vào thứ bốn mươi, đảng gạt xuống thứ một trăm mười lăm, trong đó chỉ ba mươi bài được phát biểu. Phe cấp tiến bàn nhau nhường chỗ cho Dương Thu

Hương phát biểu (Văn Học số 50, trang 10) Đây là một quá trình tranh đấu của phe cấp tiến, tiếng nói nhà văn Dương Thu Hương mới có trên diễn đàn đại hội nhà văn, thế mà ông Chức hạ bút phê phán một cách thiếu trách nhiệm quả là đáng buồn biết mấy.

Trong cuộc cách mạng không đổ máu tại Đông Âu mùa đông năm ngoái, nên rút ra một bài học cho chúng ta, đó là sự trưởng thành chính trị của người dân sống bốn mươi năm dưới chế độ Cộng sản. Thử hỏi lại mình, chúng ta đã trưởng thành trong ý thức đấu tranh chính trị chưa? Đấu tranh phải có óc sáng tạo và kết hợp óc sáng tạo với biến chuyển thời thế. Mị Dân ở trong nước, ra nước ngoài mị độc giả, những thứ ấy liệu giúp gì cho việc giải phóng quê hương hay không?

Phải nhận định đúng đâu là kẻ thù, đừng thấy bất cứ một cái gì bay ra từ trong nước đó là đích thực kẻ thù, phải hung hăng đạp đổ lấy bằng được mới là con người quán quân chống cộng. Ai đã nổi dậy trong vụ Thiên An Môn tại Bắc kinh mùa hè năm ngoái, con cái Quốc Dân đảng ở Đài loan hay con em những đảng viên Cộng sản đã từng theo Mao trong cuộc vạn lý Trường chinh lên Diên an? Ai đã đứng lên làm cuộc cách mạng tại Đông Âu mùa đông năm 1989? Lực lượng thế giới tự do hay những người dân dưới chế độ Cộng sản trong đó có những đảng viên đảng cộng sản kỳ cựu, đã có một thời sống chết với lý tưởng Cộng sản?

Chúng ta đang đứng bên ngoài một cuộc hưng phế của dân tộc. Những kiều bào hải ngoại của những dân tộc trong khối Đông Âu đã đóng góp một cách quá khiêm nhường cho cuộc cách mạng vừa qua của quốc gia nầy, thì số phận chúng ta cũng không khá gì hơn nếu có một cuộc biến động trong nước. Sự lúng túng mười lăm năm qua, đến khi hữu sự lại càng lúng túng hơn. Nếu không chuẩn bị, không những chính chúng ta mà cả con cháu chúng ta sẽ ôm một mối trường hận là kẻ đứng bên ngoài lịch sử dân tộc.

Một điểm nhỏ cuối cùng, tuy nhỏ nhưng không phải không quan trọng, đó là hai chữ sĩ phu đặt cho cái đầu đề có vẻ không ổn. Ý Nhi, Dương Thu Hương là những kẻ sĩ nhưng họ có phải là một sĩ phu đúng nghĩa như quan niệm nho giáo trong thời đại người phụ nữ chưa hoàn toàn được giải phóng? Trên thực tế, họ vẫn là những kẻ có đôi bàn tay đẹp và nụ cười trong mỗi buổi sáng soi gương. Phiền quý độc giả, đặt lại cho chúng tôi cái tiêu đề. Chân thành cảm tạ.

**Houston ngày 17 tháng Tư 1990**

(1) Vàng Lửa Nguyễn Huy Thiệp, Văn Học số 50 trang 35.

**(trích Văn Học số 51, California)**

# văn chương phản kháng nhìn từ hải ngoại



*Nguyễn Trần Ngọc Thu*

Phản phục là qui luật nêu bật tính tương phản trong tất cả vận động và phát triển của vạn vật: trong dương có âm, trong phúc có họa trong xác định có phủ định, trong hoan hô có đả đảo và ngược lại... Từ đó, luật phản phục lưu ý mọi người: muốn có nhận thức tròn đầy và sinh động đối với một vấn đề xã hội, người ta phải vừa cầm nắm nội dung đích thực của vấn đề đó vừa tìm hiểu xem thế nào là lực phản phục nằm bên trong vấn đề được chọn làm đối tượng của nhận thức. Thế nên trình bày về những nhìn và những nghĩ của người Việt hải ngoại đối với phong trào văn chương phản kháng trong nước phải là sự trình bày hai dòng suy nghĩ đối lập: bên này khen, bên kia chê; bên này xác định và suy tôn; bên kia phủ định và hạ bệ. Căn cứ vào phương pháp trình bày vừa nói và đứng trước hàng loạt văn liệu viết từ hải ngoại, viết về văn chương phản kháng, viết khen lẫn viết chê, người cầm bút xin lược trình với bạn đọc các luận cứ có tính cách căn bản nhất của quan điểm phủ định văn chương phản kháng. Kế đến, người cầm bút lại xin phản ánh một số suy nghĩ của những người tôn vinh văn chương phản kháng nhằm trả lời các luận cứ phủ định phong trào văn chương này.

Ý kiến phủ định văn chương phản kháng được viết ra trong nhiều bài viết khác nhau: bài này đặt nặng vấn đề chính trị, bài kia xem trọng vấn đề kinh tế, v.v... Tuy nhiên nhìn một cách chung nhất người ta thấy quan điểm của các tác giả phủ định văn chương phản kháng đã được xây dựng trên sáu luận điểm:

– Rằng văn chương phản kháng chỉ là loại văn chương "chống chế độ từ đầu gối trở xuống". Những nhà văn phản kháng chỉ là những văn nô, họ có nhiệm vụ gây cho người đọc ảo tưởng là: văn nghệ sĩ tại quốc nội hiện đã thực sự được "cởi trói".

– Rằng văn chương phản kháng chỉ là "phản kháng vờ", nhà văn gọi là phản kháng không hề bị bách hại, vẫn tiếp tục ăn lương nhà nước.

– Rằng văn chương phản kháng chỉ là loại văn chương "được phép". Nếu nhìn nhận có văn chương phản kháng tại quốc nội tức là gián tiếp nhìn nhận chế độ Cộng Sản Việt Nam nay đã tôn trọng tự do tư tưởng.

– Rằng có tác giả trước đây đã viết tác phẩm thóa mạ quân nhân của quân đội cũ, nay có mặt trong văn chương phản kháng. Tác giả này không đáng được tôn vinh.

– Rằng văn chương phản kháng có thể đã phản kháng một vài tệ đoan xã hội nhưng vẫn tôn thờ chủ nghĩa Marx. Điều này, đứng trên lập trường dân tộc không thể chấp nhận được.

– Rằng phổ biến sáng tác phẩm của Cộng Sản dầu dưới "cái dù" văn chương phản kháng vẫn là thái độ bôi bỏ ranh giới Quốc–Cộng. Thái độ này hiển nhiên gây nguy hại cho công cuộc đấu tranh quang phục quê hương.

Ghi nhận sáu luận điểm phủ định văn chương phản kháng như đã trình bày ở trên, những người xác định và tôn vinh văn chương phản kháng có những suy nghĩ kể sau:

***Suy nghĩ thứ nhất:***

***Phải chăng văn chương phản kháng chỉ là loại văn chương "chống chế độ từ đầu gối trở xuống"?***

Thưa rằng phàm là người Việt Nam, nhất là người Việt Nam đã thực sự sống dưới guồng máy cai trị hà khắc của Cộng Sản Việt Nam, không người nào không nhận biết: người Cộng Sản Việt Nam bao giờ cũng hoạt động chính trị theo phương châm "cứu cánh biện minh phương tiện". Vận dụng phương châm vừa kể người Cộng Sản sẵn sàng thực hiện bất cứ hành vi nào miễn là hành vi đó giúp họ đạt đến các mục tiêu mà họ cho là cần thiết. Tuy nhiên có ba đối tượng mà người Cộng Sản không bao giờ dám mang vào thế giới giả vờ của họ:

– Cộng Sản Việt Nam không bao giờ giả vờ châm biếm uy tín của "Bác Hồ".

– Cộng Sản Việt Nam không bao giờ giả vờ đặt vấn đề sai lầm của chủ nghĩa Marx.

– Cộng Sản Việt Nam không bao giờ giả vờ chỉ trích quyền lãnh đạo tự phong của đảng.

Nếu Cộng Sản Việt Nam phạm vào một trong ba cái "không bao giờ" nêu trên tức là họ đã tự sát. Nói rõ hơn nếu hình dung quyền lực của đảng như đầu, mình và tay chân của một người thì chắc chắn "Bác", Marx và quyền lãnh đạo của đảng không thể nằm "từ đầu gối trở xuống", chúng phải nằm từ cổ trở lên. Điều này cho thấy rằng: Bác, Marx và đảng hiển nhiên là ba tiêu chuẩn giúp người ta xác định tính thật giả của hành vi phản kháng.

Văn chương phản kháng đã nói gì về Bác, Marx và đảng? Trả lời câu hỏi này nhà văn Nhật Tiến trong bài "Về dòng văn chương phản kháng" đã viết:

"Năm 1987 tôi được xem lần đầu tiên cuốn phim tài liệu "chuyện tử tế" của đạo diễn Trần Văn Thủy. Trong phim có đoạn quay cảnh mấy em thiếu nhi đang xúm xít kẻ một cái biểu ngữ. Màn ảnh chỉ đủ lớn cho thấy phần đuôi của tấm vải với hai chữ lớn: "vĩ đại". Phóng viên hỏi:

– Các em kẻ hai chữ vĩ đại vậy các em đã nhìn thấy có cái gì, ở đâu vĩ đại không?

Một thiếu nhi ngẫm nghĩ rồi trả lời:

– Em chỉ nghe nói đến vĩ đại chứ chưa thấy cái gì vĩ đại cả.

Hầu như chỉ những người tị nạn chính trị đi sau năm 1975 mới hiểu rõ ý nghĩa trọng đại mà chế độ mới vẫn thường gán ghép cho hai chữ vĩ đại mỗi khi đặt nó lên biểu ngữ. Hai chữ ấy chỉ được dùng khi nói đến hoặc "Đảng" hoặc "Bác Hồ" mà thôi. Vậy mà đạo diễn Trần Văn Thủy đã để cho một "cháu ngoan Bác Hồ" tuyên bố một câu khẳng định:

– "Em chỉ nghe nói đến vĩ đại chứ chưa thấy cái gì vĩ đại cả!"

(Văn Học số 50 tháng 4 năm 1990)

Mặt khác, nhà văn Dương Thu Hương nhân đọc tham luận trước đại hội nhà văn lần thứ IV năm 1990 đã nhận định về uy tín của đảng như sau:

"Mười năm nay chúng ta chứng kiến tình trạng suy đồi của không ít đảng viên và cán bộ. Hiện tượng tham nhũng ăn hối lộ, hà hiếp dân chúng trở thành phổ biến. Một số đã bị pháp luật nghiêm trị nhưng họ chỉ là tử số trong một phân số mà mẫu số quá lớn"

Sau khi trình bày phẩm chất rách nát của đảng, Dương Thu Hương không ngần ngại tấn công vào vai trò lãnh đạo tự phong, tối cao và bất khả xét lại của đảng:

"Không một cá nhân, không một đảng phái hoặc một giai cấp nào có quyền đặt mình lên trên dân tộc. Đó là chân lý vĩnh hằng. Trong quá khứ chỉ có những thời đại dã man nhất mới có những cá nhân dày đạp lên dân chúng:

triều đại Tần Thủy Hoàng, triều đại Võ Tắc Thiên dâm loạn, hoặc các nhà độc tài dù là độc tài khoác áo trắng như Hitle, Mutsôlini, hoặc khoác áo đỏ như Stalin, Mao Trạch Đông. Ngày nay kẻ nào dùng bạo lực là kẻ yếu. Ai thương yêu con người hơn, tử tế với con người hơn, người đó sẽ thắng.

...Mai sau lịch sử sẽ phán xét tất cả, lịch sử không có phạm trù bao cấp. Lịch sử không có thể chế độc quyền và ưu tiên".

Cùng quan điểm với Dương Thu Hương, nhà văn Bửu Tiến trước đại hội nhà văn Việt Nam 1990 đã công khai phản kháng đảng bằng cách nhắc lại vụ án Nhân Văn Giai Phẩm để dứt khoát ca ngợi tinh thần của Nhân Văn Giai Phẩm, Bửu Tiến kết thúc bài tham luận của ông ta bằng một câu nói rất buồn nhưng vô cùng phẫn hận:

"Xin lỗi anh em Nhân Văn Giai Phẩm và, trừu tượng hơn, xin tạ tội với tự do dân chủ, giấc mơ ngàn đời của nhân loại và của bản thân".

Nhắc đến chủ đề phản kháng Bác và Đảng, người ta không thể không nhắc đến Nguyễn Huy Thiệp. Nhà văn này xuất thân là một giáo sư sử học nhưng lại gây xôn xao dư luận bằng cách viết một loạt tác phẩm có chủ ý hạ bệ thần tượng lịch sử. Thái độ này của Nguyễn Huy Thiệp có hai chủ ý rõ rệt:

– Chủ ý một: áp dụng phương pháp loại tỉ, Nguyễn Huy Thiệp hạ bệ các thần tượng lịch sử, trừ ra "Bác Hồ" là Nguyễn Huy Thiệp không nhắc tới, không đề cao, không hạ bệ". Sự thể này hiển nhiên có hậu ý rằng: Nguyễn Huy Thiệp rất muốn hạ bệ "Bác Hồ" nhưng ý muốn này không thể thực hiện được bởi vì chung quanh Bác có cả một đội ngũ Công An canh phòng.

– Chủ ý hai: người Việt Nam thường nói "ở bầu thì tròn, ở ống thì dài". Vì vậy quan sát tâm lý của người dân đối với cấp lãnh đạo nói chung, người ta sẽ đoán biết lòng kính trọng của người dân này đối với cấp lãnh đạo của triều đại mà người dân đương sự sinh trưởng. Nguyễn Huy Thiệp là người dân sống dưới triều đại Hồ Chí Minh. Thế nên khi Nguyễn Huy Thiệp hạ bệ các thần tượng lịch sử, người đọc lập tức hiểu rằng: Nguyễn Huy Thiệp là nhà văn giận cá chém thớt: cá là Hồ Chí Minh, thớt là các thần tượng bị Nguyễn Huy Thiệp hạ bệ.

Châm biếm Bác, tấn công ngôi vị lãnh đạo của đảng, nhà văn phản kháng không thể không đả kích những sai lầm của Marx. Bởi vì, Bác, Đảng, Marx là "ba cây chụm lại thành hòn núi cao", núi của tham ô và bạo lực. Bây giờ chúng ta hãy nghe Hà Sĩ Phu nói về chủ nghĩa Marx trong bài viết: "Biện chứng và ngụy biện trong công cuộc đổi mới".

"Trong chương trình đổi mới chúng ta đã xác định là phải "đổi mới tư duy", trong đó có tư duy lý luận". Nhưng rồi ở đâu đó lại xuất hiện ý kiến

khẳng định: "Đổi mới chẳng qua là trở về với những nguyên lý cơ bản của Marx Lenin"

Mới bước vào cuộc thảo luận để tìm ra cái mới trong tư duy mà đã vội đóng chốt trước bằng một kết luận đã cũ, dầu kết luận ấy là đúng chăng nữa thì cũng chỉ sẽ thu được những lời phụ họa chứ không thể thu lượm được những tư duy khoa học. Vả lại, khi khẳng định như thế là ta tự mâu thuẫn. Tại sao lại nói "trở về"? Chúng ta từ trước tới nay luôn luôn trung thành với chủ nghĩa Marx- Lenine. Thậm chí có ai muốn tu chỉnh hay làm chệch đi một tí cũng không được. Ai được quyền đi chệch mà nay lại phải trở về với Marx–Lenine! Ta có một hệ thống khá hoàn chỉnh, hàng ngày có nhiệm vụ nghiên cứu, khai thác kho tàng lý luận Marx–Lenine thì chắc chắn khó xảy ra những lệch lạc gì lớn so với nguyên lý. Mặt khác, việc nhận có sai lầm ở khâu thực hành không thể loại trừ được khả năng có thể sai lầm ở khâu nguyên lý, trái lại nên coi những kết quả không tốt ở khâu thực hành như những gợi ý để một lần nữa, kiểm tra lại nguyên lý, như vậy mới đúng với lôgích. Ta nêu khẩu hiệu "dân kiểm tra" thì tại sao lạicấm kỵ sự kiểm tra cơ bản này. Sự kiểm tra tự thân nó chưa hề đồng nghĩa với phủ nhận".

(Tạp chí Sông Hương, số tháng 8 và 9 năm 1989)

Lối trình bày tư tưởng của Hà Sĩ Phu tuy nhẹ nhàng và trầm tĩnh nhưng cũng đủ để mọi người thừa hiểu: chủ nghĩa Marx là nguyên nhân chính yếu đối với tất cả những thất bại hiện nay tại Việt Nam.

Trên đây chỉ là những đoạn văn trích dẫn có tính tượng trưng: văn chương phản kháng chính là phản kháng Marx, Bác và Đảng. Hình thức phản kháng: khi trực tiếp, khi gián tiếp. Mức độ phản kháng: khi gay gắt chống đối, khi nhẹ nhàng thuyết phục. Vì vậy luận cứ cho rằng văn chương phản kháng chỉ là loại văn chương chống chế độ "từ đầu gối trở xuống" là một luận cứ vừa vô căn cứ vừa không nghiêm chỉnh.

***Suy nghĩ thứ hai:***

***Phải chăng các nhà văn phản kháng chỉ là những văn nô bởi lẽ họ không hề bị bách hại?***

Thưa rằng: phản kháng hay không phản kháng là ở nội dung của tác phẩm và nhất là ở cảm nghĩ của người đọc chứ không hề ở sự việc tác giả của văn chương phản kháng có bị tù đày hay không và nếu bị tù thì phải là tù bao lâu mới đáng được gọi là phản kháng? Những người chống văn chương phản kháng thường nhắc đến Nguyễn Chí Thiện hoặc vụ án Nhân Văn Giai Phẩm 1956 để cho rằng các nhà văn phản kháng hiện nay phải chịu những cực hình như Nguyễn Chí Thiện hoặc nhóm Nhân Văn đã chịu thì mới đáng được gọi là phản kháng. Những người phản kháng văn chương phản kháng đã quên

rằng thời nay so với thời 1956 nội tình Cộng Sản Việt Nam và Cộng Sản thế giới đã khác hẳn, tại sao quí vị lại cứ nằng nặc đòi hỏi Cộng Sản Việt Nam phải áp dụng những biện pháp thuở 1956 đối với văn nghệ sĩ phản kháng hiện nay? Nếu Cao Bá Quát không bị tru di tam tộc thì nhà thơ họ Cao có phải là một thi hào phản kháng hay không? Có lẽ chỉ có những người không am tường tác dụng về nghệ thuật và về nhân sinh của văn học mới có thể dứt khoát lắc đầu trước câu hỏi này!

Hơn thế nữa cho đến nay tin tức về việc các nhà văn phản kháng bị bách hại chưa được chúng ta ghi nhận, điều đó hoàn toàn không có nghĩa là giới văn nghệ sĩ phản kháng sẽ vĩnh viễn được khang an trường thọ: họ sẽ chẳng bao giờ gặp "tai nạn lưu thông" hoặc gặp hỏa tai do người nào đó "bất cẩn" gây nên. Đòi hỏi văn nghệ sĩ phản kháng phải bị cực hình chẳng khác nào đòi hỏi chiến sĩ quân sự phải chết hoặc phải bị trọng thương sau mỗi chuyến hành quân, chiến sĩ nào không trở thành tử sĩ hoặc phế binh thì chiến sĩ đó bị xem là chiến sĩ giả, chiến sĩ gia nô của địch! Mặt khác, dưới lăng kính văn minh nhân bản: đòi hỏi văn nghệ sĩ phản kháng phải gặp hoạn nạn là một đòi hỏi hiển nhiên không nhân ái. Thái độ không văn minh này là sự biểu hiện của tâm lý xem nghĩa vụ phản kháng bạo quyền không hề là nghĩa vụ của chính mình, mình ở đây là toàn thể người Việt. Thay vì đóng vai kẻ lạ mặt để đặt câu hỏi: tại sao văn nghệ sĩ phản kháng không bị hành hạ, trân trọng thỉnh cầu quí vị phản kháng văn chương phản kháng hãy tự hỏi bản thân: sau 1975, thời kỳ còn sống trong nước, quí vị đã có bất kỳ hành vi phản kháng nào không, dầu chỉ là phản kháng chú công an khu vực?

***Suy nghĩ thứ ba:***

***Phải chăng ở đâu có phản kháng ở đó có tự do tư tưởng?***

Thưa rằng: một trong các lý do trội yếu nhất dẫn đến tình trạng phản kháng văn chương phản kháng là ý kiến rằng: nếu nhìn nhận có văn chương phản kháng tại Việt Nam tức là mặc nhiên nhìn nhận đổi mới tại Việt Nam đã mang lại quyền tự do tư tưởng cho mọi người. ý kiến vừa trình bày rõ ràng có hai nghịch lý:

– Nghịch lý một: ngày nay Cộng Sản Việt Nam bắt buộc phải mở cửa biên giới để "mưu sinh thoát hiểm". Mỗi ngày có biết bao nhiêu ngàn khách ngoại quốc và Việt kiều ra vào Việt Nam, thế nên mức độ tự do, nếu có, tại Việt Nam tiến tới đâu, cả thế giới biết tới đó. Vì vậy lo sợ thế giới hiểu lầm Cộng Sản Việt Nam chỉ là lo sợ rập theo tâm lý chống cộng của thời Cộng Sản còn củng cố bức màn sắt hoặc màn tre.

– Nghịch lý hai: dưới chế độ tự do dân chủ, phản kháng đúng là dấu hiệu của tự do. Thế nhưng dưới chế độ Cộng Sản, nhất là Cộng Sản Tàu và Cộng

Sản Việt, phản kháng chỉ là tình trạng tức nước vỡ bờ. Phản kháng tại Thiên An Môn chỉ là hiệu báo của một vụ tắm máu. Phản kháng trong Trăm Hoa Đua Nở chỉ là bước đầu của vụ án Nhân Văn. Phản kháng sau bức màn sắt tại Nga suốt bảy mươi năm qua chính là những viên đá lót đường của Perestroika ngày nay. Văn chương phản kháng tại quốc nội sẽ dẫn Việt Nam đi về đâu? Thời gian sẽ trả lời câu hỏi này. Thế nhưng bất luận tương lai của Việt Nam tiến về hướng nào, phong trào văn chương phản kháng 1986–1989 vẫn là một sự thật không thể chối cãi.

Chính những người phủ định văn chương phản kháng cũng đã phần nào cảm thấy cái gì đó không ổn nằm bên trong luận điểm: "ở đâu có phản kháng, ở đó có tự do tư tưởng". Để đắp vá cho điểm không ổn vừa kể, những người phủ định văn chương phản kháng lại tiếp tục lý luận rằng: văn chương phản kháng không thể được tôn vinh, bởi lẽ nó chỉ là loại phản kháng "được phép". Lý luận này hẳn nhiên đã lấy lời tuyên bố "cởi trói" cho văn nghệ của Nguyễn Văn Linh làm nền tảng. Xin đừng quên: nền tảng của một sinh hoạt xã hội bao giờ cũng phải là một văn bản pháp lý chứ không thể chỉ là một lời tuyên bố có chất cảm tính cá nhân. Văn bản pháp lý có liên hệ với phong trào văn chương phản kháng chính là nghị quyết văn nghệ số 5 năm 1987 của đảng Cộng Sản Việt Nam. Nghị quyết này cho phép văn nghệ sĩ được tự do nghĩ và tự do viết nhưng với điều kiện là ngòi viết của văn nghệ sĩ không được phép chọc thủng luật pháp xã hội chủ nghĩa Việt Nam và cũng không được phép viết những gì trái với quyền lợi dân tộc. Thế nào là luật pháp xã hội chủ nghĩa? Thế nào là quyền lợi dân tộc? Trả lời hai câu hỏi này, văn nghệ sĩ Việt Nam tại quốc nội đều phải quay trở về với Đề Cương Văn Hóa năm 1943 của đảng Cộng Sản Việt Nam, tức là quay trở về với "Marx–Lenine vô địch" và với "đảng quang vinh".

Tóm lại nghị quyết văn nghệ số 5 năm 1987 đích thực là một nghị quyết giả vờ cởi trói cho văn nghệ: cởi nhưng không cởi. Đọc đến đây có lẽ những người phủ định văn chương phản kháng lại nghĩ đến sự việc: có thể có một số nhà văn đã viết văn chương phản kháng theo kiểu "đối lập cuội" do những cho phép riêng và mật từ giới lãnh đạo đảng. Dĩ nhiên không người nào có thể viện dẫn bằng chứng về những "cho phép riêng và mật". Vì vậy lý luận về văn chương phản kháng lại phải chuyển thành lý luận về một giả thuyết. Giả thuyết rằng: "cho phép riêng và mật" là một sự kiện có thực thì sao? Câu hỏi này gợi nhớ câu chuyện phù thuỷ và âm binh. Mặc dầu phù thủy tạo ra âm binh, nhưng rất nhiều khi âm binh đã quật ngược lại phù thủy. Thắc mắc không còn là phù thủy có khả năng tạo ra âm binh hay không, thắc mắc chỉ còn là trong hoàn cảnh nào phù thủy mất quyền điều khiển âm binh. Trên

giả thuyết văn chương phản kháng chỉ là sản phẩm của sự kiện "cho phép riêng và mật", nhà văn nhận chịu sự cho phép có hai mối liên hệ:

1. Liên hệ một: là liên hệ giữa giới chức cho phép và nhà văn được phép. Giới chức cho phép là phù thủy, nhà văn được phép là âm binh.

2. Liên hệ hai là liên hệ giữa "nhà văn được phép" và tác phẩm của nhà văn này.

Nhà văn hẳn nhiên là người đã khai sinh ra tất cả nhân vật trong tác phẩm tuy nhiên không vì thế mà nhất cử nhất động của nhân vật đều nằm trong bộ óc tính toán của nhà văn. Kỹ thuật và nghệ thuật của tiểu thuyết đòi hỏi nhà văn phải có đủ khả năng và khéo léo để tôn trọng tính chủ động của mỗi nhân vật. Tính chủ động này trôi nổi uyển chuyển và sinh động theo từng tình huống trong đời sống của quần chúng nhân dân. Tới một lúc nào đó nhà văn chạy theo nhân vật chứ nhân vật không phải là người máy của nhà văn. Nhà văn chạy theo nhân vật tức là nhà văn chạy theo những tư duy và hành động của quần chúng. Chính thái độ "chạy theo" này đã làm cho nhà văn được quần chúng đón nhận. Nghịch đảo của luận cứ vừa trình bày là quan điểm rằng: khi quần chúng đón nhận một nhà văn điều đó có nghĩa là nhà văn được đón nhận đã chạy theo nhân vật, chạy theo quần chúng.

Trở lại với giả thuyết phù thủy và âm binh: nếu lãnh đạo đảng là phù thủy, nếu nhà văn phản kháng là âm binh, thì liên hệ giữa phù thủy và âm binh chỉ là liên hệ hình thức: bên này cho phép bên kia nhận phép. Ngay sau khi nhận phép thay vì chạy theo phù thủy, "nhà văn âm binh" lại chạy theo nhân vật, chạy theo quần chúng nhân dân do đòi hỏi của kỹ thuật và nghệ thuật viết tiểu thuyết nói riêng, viết văn nói chung. Đó là tất cả dữ kiện nghiêm chỉnh nhất có tác dụng giải thích lý do tại sao "nhà văn âm binh" quật ngược phù thủy cầm quyền. Do mạch lý luận người cầm bút đã bắt buộc phải đặt giả thuyết về "nhà văn âm binh". Đặt giả thuyết để làm sáng tỏ lý luận bôi bỏ giả thuyết chứ không hề hàm ngụ bất kỳ ý nghĩ kém tôn kính nào nhằm vào các nhà văn phản kháng.

Sở dĩ nhà văn phản kháng chạy theo quần chúng nhân dân trở thành một sự kiện khẳng định là vì các nhà văn này đã được quần chúng đón nhận qua dư luận báo chí và nhất là qua số lượng sách của họ đã được người đọc nồng nhiệt đón mua. Lịch sử văn học không hề xảy ra hiện tượng: một tác phẩm được quần chúng hâm mộ lại là một sản phẩm của văn nô. Vì vậy thay vì mất thời giờ tranh cãi lẫn nhau về văn chương "được phép" hay văn chương "không được phép", chúng ta hãy xử dụng lòng mến mộ của quần chúng đối với tác phẩm như một tiêu chuẩn hữu lý để xác định tính chất phản kháng của phong trào văn chương phản kháng. Vả lại nếu các văn phẩm của phong

trào văn chương phản kháng không được mến mộ thì tại sao chúng ta lại phải tốn rất nhiều tim óc và giấy mực để viết về phong trào này?

*Suy nghĩ thứ tư:*

***Phải chăng nhà văn nào trước kia đã từng có tác phẩm nhục mạ quân lực Việt Nam Cộng Hòa nay không có tư cách để tham dự văn chương phản kháng.***

Thưa rằng: không riêng gì đối với quân lực Việt Nam Cộng Hòa mà đối với bất kỳ cá nhân và tập thể nào, nhà văn phải thường xuyên biểu lộ thái độ nhã nhặn và nghiêm túc. Thế giới của "văn" không thể dung chứa ngôn ngữ nhục mạ. Tuy nhiên muốn kết luận về phẩm cách của một nhà văn, người ta phải chờ cho đến lúc nắp quan tài của nhà văn này được niêm lại. Đó là chân ý nghĩa của quan niệm "cái quan định luận". Vạn vật thường hằng thay đổi, tại sao nhà văn không được phép thay đổi lối viết của họ, thay đổi từ "văn chương" thóa mạ đến văn chương phản kháng. Vả lại đề cao phong trào văn chương phản kháng không có nghĩa là đề cao toàn bộ đời sống của những nhà văn phản kháng. Đề cao phong trào văn chương phản kháng chỉ giới hạn trong phạm vi đề cao phần văn nghiệp tham dự vào văn chương phản kháng của mỗi nhà văn. Muốn nhận định một vấn đề, trước tiên người ta phải biết giới hạn vấn đề. Sinh hoạt xã hội sẽ rối tung nếu "các nhà bình luận" cứ mang đầu của vấn đề này nối với hông của vấn đề khác. Chính vì tôn trọng nguyên tắc giới hạn vấn đề cho nên khi xét một vụ kiện, toà án chỉ xét xử các yếu tố xảy ra trong khoảng thời gian và không gian của vụ phạm pháp, toà án không hề và không được phép biến những nghĩ và những làm của bị can trong quá khứ hoặc trong tương lai thành những yếu tố pháp lý của tác vụ tài phán. Nhắc đến một khía cạnh của nguyên tắc xử án, chúng tôi có chủ ý trình trước toà án công luận rằng: chúng tôi không đồng ý với ông Trần Mạnh Hảo về những lời lẽ khiếm lễ mà nhà văn này đã xử dụng đối với một số sĩ quan của quân lực Việt Nam Cộng Hòa trước đây. Tuy nhiên sự không đồng ý này không cho phép chúng tôi gạt bỏ tác phẩm Ly Thân của Trần Mạnh Hảo ra khỏi phong trào văn chương phản kháng. Đó là lý do giải thích tại sao chúng tôi ghi tên Trần Mạnh Hảo vào phong trào văn chương phản kháng.

*Suy nghĩ thứ năm:*

***Phải chăng nhà văn nào còn ca tụng Marx, nhà văn đó không xứng đáng đứng trong hàng ngũ nhà văn phản kháng?***

Thưa rằng: hầu hết nhà văn phản kháng đều xuất thân từ hệ thống giáo dục Marx-Lenine. Vì vậy họ tin tưởng có một mẫu người Cộng Sản lý tưởng, một mẫu người Cộng Sản nhân ái. Tin tưởng này là hiệu quả tất nhiên của giáo dục. Tuy nhiên, đứng về mặt văn chương phản kháng, nhà văn chỉ thực

sự được xem là nhà văn phản kháng khi nào nhà văn đương sự đã chọn dân tộc là đối tượng tối cao: cao hơn Marx, hơn Bác và hơn đảng. Riêng đối với Dương Thu Hương, nhà văn nữ này đã rất thành thực khi viết:

"Những người Cộng Sản làm cách mạng vì lý tưởng cao cả là đem lại hạnh phúc cho nhân loại. Nhưng muốn thực thi một lý tưởng phải có vô số biện pháp và cương lĩnh chính trị thực hiện. Tôi ngờ rằng chúng ta đã bị đóng đinh vào lý tưởng hoàn mỹ ấy một cách thụ động, không còn đủ lý trí để suy xét."

Tuy nhiên khác với những người Cộng Sản vô tổ quốc, xem tổ quốc chỉ là phương tiện giai đoạn của cách mạng vô sản, yêu nước tức là yêu xã hội chủ nghĩa, Dương Thu Hương đã dứt khoát xác định dân tộc là đối tượng tối cao:

"Không một cá nhân, không một đảng phái, hoặc một giai cấp nào có quyền đặt mình lên trên dân tộc".

Cầm nắm nguyên tắc "dân tộc tối cao", chi tiết hóa và lý luận hóa nguyên tắc dân tộc tối cao, chủ nghĩa Marx tự nó sẽ vỡ vụn chẳng khác nào bức tường Bá Linh. Đây là lý do chân tình nhất, căn bản nhất khiến chúng tôi đón nhận Dương Thu Hương như một chiến sĩ xuất sắc trong phong trào văn chương phản kháng. Vấn đề nguyên tắc "dân tộc tối cao" có khả năng giải trừ chủ nghĩa Marx là một vấn đề lớn, vấn đề dài trên địa bàn lý luận biện chứng. Bài viết này không có trọng tâm phân tích vấn đề vừa nói. Tuy nhiên bất luận ở đâu và lúc nào được bạn đọc hỏi đến nguyên tắc dân tộc tối cao chúng tôi cũng sẵn sàng hầu chuyện với bạn đọc theo những điều mà bạn đọc muốn biết.

***Suy nghĩ thứ sáu:***

***Phải chăng đề cao văn chương phản kháng là xóa bỏ ranh giới quốc cộng, là làm lạc hướng cuộc đấu tranh chống cộng?***

Thưa rằng đấu tranh chính trị bao giờ cũng là cuộc đấu tranh muôn mặt. Ranh giới của đấu tranh chính trị được xác định bởi trình độ tư tưởng chứ không bởi hàng rào kẽm gai, không bởi màu cờ lại càng không bởi phương pháp phân loại để biệt lập bên này là sách báo quốc gia, bên kia là sách báo Cộng Sản. Đề cao văn chương phản kháng quốc nội chẳng những không làm phai mờ ranh giới cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa Cộng Sản mà còn là cơ hội giúp mọi người thấy rõ tác dụng muôn mặt trong cuộc đấu tranh cho quyền thượng tôn dân tộc hiểu theo nghĩa thống nhất giữa dân tộc tính và nhân loại toàn tính.

Những người phủ định văn chương phản kháng thường tỏ ý lo sợ quần chúng sẽ bị nhiễm độc bởi sách báo của Cộng Sản. Song song với tâm lý lo sợ này, các tác giả phủ định văn chương phản kháng bao giờ cũng sẵn sàng

trích dẫn đủ loại sách báo của Cộng Sản Việt Nam mà họ đã đọc. Thái độ vừa kể của các tác giả phủ định văn chương phản kháng đã hiển nhiên nói với bạn đọc rằng:

– Chỉ có chúng tôi mới là những người không thể bị nhiễm độc bởi sách báo Cộng Sản.

– Chỉ có chúng tôi mới là những người có thẩm quyền đọc sách báo Cộng Sản.

– Và chỉ có chúng tôi là thành phần duy nhất ở trong quần chúng nhưng không bị cầm chân trong vòng "dân trí thấp".

Tâm trạng thường xuyên lo sợ quần chúng bị "đỏ hóa" bởi văn hóa phẩm Cộng Sản rõ ràng là tâm trạng được ra đời từ cung cách làm việc của ngành thông tin tuyên truyền thời Pháp thuộc. Hoàn cảnh chính trị ngày nay đã đổi, tại sao phương pháp chống Cộng Sản vẫn là phương pháp trước 1975. Chủ nghĩa Marx đang phá sản trên toàn thế giới, tại sao quí vị chống văn chương phản kháng lại vẫn cứ một mực sợ bị "Cộng Sản hóa" mà không hề dám nghĩ đến công việc dân tộc hóa người Cộng Sản? Mới đây chánh quyền Đài Loan đã tuyên bố đình chỉ chính sách đối đầu với Hoa lục. Sự thể này chỉ có một ý nghĩa duy nhất: Đài Loan đã từ bỏ lề lối chống cộng cũ để thực hiện chính sách "Đài Loan hóa" Hoa lục bằng kinh tế và văn hóa. Quí vị phủ định văn chương phản kháng nên suy nghĩ thật sâu sắc về tương quan ngoại giao mới mẻ giữa Hoa lục và Đài Loan trước khi quí vị tiếp tục chính sách độc quyền chống Cộng:

– Chỉ có quí vị mới hiểu biết thế nào là chống cộng.

– Chỉ có phương pháp chống cộng của quí vị mới là phương pháp duy nhất đúng và hoàn toàn đúng.

Hẳn nhiên chúng ta chống cộng chỉ vì người Cộng Sản không chấp nhận chế độ dân chủ đa nguyên. Thế nhưng, phải chăng độc quyền chống cộng , độc quyền vẽ lằn ranh Quốc–Cộng là hai dấu hiệu trội yếu của sinh hoạt dân chủ đa nguyên?

Những phủ định và hạ bệ đi kèm với những xác định và tôn vinh nhằm vào văn chương phản kháng hẳn nhiên không làm cho bạn đọc ngạc nhiên bởi lẽ đó là ý nghĩa của phản phục trong sinh hoạt văn học nghệ thuật. Tuy nhiên phản phục không hề đồng nghĩa với xuyên tạc và bôi nhọ. Xuyên tạc và bôi nhọ vừa là dấu hiệu của nghèo nàn về lý luận vừa là hành động nông nổi, và dĩ nhiên là vô cùng đáng tiếc của những người chưa đạt được ý thức rằng: tranh luận là phương pháp hữu hiệu nhất để làm cho chân lý trở nên trội yếu, trong khi xuyên tạc và bôi nhọ lại là nỗ lực phá vỡ cây cầu dẫn đến chân lý. Chúng tôi nhắc đến chân ý nghĩa của tranh luận bởi vì chúng tôi nhận

thấy tôn vinh hay phủ định văn chương phản kháng là vấn đề còn tiếp tục gây ra nhiều tranh luận. Vì vậy muốn cho cuộc tranh luận được tiếp diễn trong tinh thần thông cảm và hiểu biết và nhất là muốn cho cuộc tranh luận đưa dẫn mọi người đến chân lý, chúng tôi thành khẩn thỉnh cầu:

– Vài ngòi bút nào đó đã đôi lần lạc đường vào ngõ ngách của xuyên tạc và bôi nhọ, xin hãy dừng bước đi lạc.

– Vài cá nhân nào đó đã từng là nạn nhân của xuyên tạc và bôi nhọ, xin hãy tha thứ để quên đi.

"Dừng bước đi lạc" và "quên đi để tha thứ" là hai yếu tố căn bản giúp cho những nghĩ và những viết về văn chương phản kháng càng ngày càng trở nên nghiêm chỉnh và chừng mực. Chỉ trong không khí nghiêm chỉnh và chừng mực này mỗi chúng ta mới có thể ghi nhận được đầy đủ các yếu tố tình và lý bên trong và chung quanh cuộc tranh luận về văn chương phản kháng. Từ đó mỗi chúng ta sẽ tự mình trả lời cho chính lòng và trí của mình câu hỏi: có hay không một phong trào văn chương phản kháng tại quê nhà?

**(trích Việt Nam Thời Báo số 15, ngày 19-7, Seatle, WA, Hoa Kỳ)**

# thư ngỏ gởi văn nghệ sĩ trong phong trào văn nghệ phản kháng tại quê nhà



*Thân gửi các anh chị:*

*Chúng tôi, một số anh chị em hằng thao thức đến vận mệnh đất nước, hội họp nhau qua chương trình Hội Thoại Tự Do, nhằm mục đích nghiên cứu tìm hiểu những vấn đề then chốt nóng bỏng của quê hương, qua những chương sách vừa trình bày ở trên, đã cố gắng giới thiệu với độc giả, nhất là độc giả ở hải ngoại, một cao trào văn nghệ mà chúng tôi gọi là Cao trào Văn nghệ Phản kháng.*

*Một số nhận định của chúng tôi đã được nêu lên, một vài vị trong các anh chị đã được đề cập đến, kèm theo những văn liệu mà chúng tôi coi là tiêu biểu. Dĩ nhiên, cao trào văn nghệ phản kháng ở quê nhà không chỉ vỏn vẹn có thế.*

*Vốn tích lũy âm ỉ từ nhiều năm, có cơ hội bộc phát từ những năm cuối của thập niên 80, đặc biệt là hai năm 1987–1988, chỉ riêng với một số tài liệu hiếm hoi mà chúng tôi tìm được, chúng tôi cũng đã nhìn thấy tính chất đa dạng và phong phú của một dòng văn chương trung thực, nói lên được thực trạng đau xót của quê hương và cuộc sống cay cực buồn tủi của đa số quần chúng.*

*Nếu quan niệm rằng tác phẩm nghệ thuật là thông điệp người sáng tạo gửi đến cho người thưởng ngoạn, thì chúng tôi, ở cương vị những độc giả của các anh chị, chúng tôi đã nhận được từ phía các anh chị rất nhiều thông điệp, có thể là những băn khoăn về đời sống, những thôi thúc trách nhiệm của người cầm bút, những ray rứt của lương tâm, những bàng hoàng vì ảo tưởng, có thể là những cay đắng hay phẫn nộ về những kinh nghiệm sống các anh chị đã từng trải qua.*

*Nhưng ngoài những trăn trở đớn đau bàng bạc trên trang giấy, thước phim,*

*dòng nhạc, lời kịch... Chúng tôi còn nhận ra những ưu tư, những khát vọng, những dòi hỏi, những tuyên ngôn đấu tranh cho quyền làm người, đấu tranh cho tự do sáng tạo nhằm phục vụ cho những giá trị chân chính của con người và của dân tộc. Đã đành những ràng buộc của đời sống không cho phép các anh chị được nói hết khát vọng của mình, hoặc tác phẩm của các anh chị chưa được phép phổ biến trọn vẹn và trung thực như các anh chị đã can đảm viết ra, nhưng chúng tôi cũng hiểu được phần nào tâm nguyện của các anh chị: Đó là khát vọng được sống chân thực trong một đất nước thực sự tự do, thực sự dân chủ, thực sự phồn vinh, khát vọng chính đáng và đơn giản đó, trớ trêu thay, không phải lúc nào cũng được nhà cầm quyền trân trọng lắng nghe. Nhiều văn nghệ sĩ trí thức chân chính trên thế giới đã bị đàn áp, tù đày vì tư tưởng nhân bản của mình. Sakharov ở Liên Sô đã phải chịu đựng biết bao nhiêu lời phỉ báng, xuyên tạc, biết bao nhiêu năm bị quản thúc cô lập cuối cùng mới được công nhận là "lương tâm của thời đại, đất nước". Ngay trên quê hương chúng ta, nhóm Nhân văn Giai phẩm đã bị truy chụp biết bao nhiêu tội chỉ vì muốn:*

*Yêu ai cứ bảo rằng yêu*
*Ghét ai cứ bảo rằng ghét*
*Dù ai ngon ngọt nuông chiều*
*Cũng không nói yêu thành ghét*
*Dù ai cầm dao dọa giết*
*Cũng không nói ghét thành yêu...*

*(Thơ Phùng Quán)*

*Đó là chưa kể đến trường hợp những văn nghệ sĩ chỉ vì muốn nói lên khát vọng chân thực của mọi người mà hiện đang bị giam cầm như Nguyễn Chí Thiện, Doãn Quốc Sỹ, Tuệ Sỹ, Lê Mạnh Thát, v.v...*

*Các anh các chị có thể khác chúng tôi về quá khứ; đứng khác phía với chúng tôi trong cuộc chiến tranh kéo dài dằng dẵng hơn ba mươi năm, nhưng qua tác phẩm của các anh chị, chúng tôi mừng rỡ được thấy rằng dù ở đâu, lúc nào, cũng có những văn nghệ sĩ trí thức can đảm nói lên tiếng nói của lương tâm, không hổ thẹn với lòng tin cậy của quần chúng. Trước đây, chúng ta đã nhìn nhau xa lạ. Chúng ta đã ngó nhau hận thù. Biến cố lịch sử tháng 4 năm 1975 tự nhiên đẩy giạt chúng ta ra xa nhau thêm, khoảng cách giữa những kẻ chiến thắng và kẻ chiến bại. Một bên lớn tiếng kết tội! Một bên nhẫn nhục chịu đựng. Hoặc nếu có ai may mắn không phải trực diện với cảnh truy chụp tàn nhẫn đó thì cũng đành nhắm mắt quay đi, chứ không có ý kiến gì khác về con đường đã vạch ra của bạo lực. Để được yên thân, nhiều người trong chúng ta đã cam chịu nhận đóng những vai trò hèn mọn của một vở kịch lớn đã diễn ra trên đất nước. Chúng ta đã nói những điều không muốn nói. Chúng ta đã giấu kín một cách tủi hổ, những ý nghĩ, tình cảm, tư tưởng chân thật.*

*trên quê hương*

*Mười lăm năm ròng đã trôi qua kể từ cái mốc lịch sử tháng 4 năm 1975. Thời gian đã đủ dài để cho mọi xáo trộn bèo bọt của đời sống lắng xuống.*

*Dù ở trên phần đất nào, trong hay ngoài quê hương, dù định kiến chính trị khác biệt như thế nào, thì qua lời viết của các anh chị, chúng tôi nhận thấy chúng ta vẫn còn nhiều điểm tương đồng.*

*Chúng ta đã cùng mang chung những nỗi đớn đau khi nhìn thấy quê hương điêu tàn, đồng bào lầm than khổ cực.*

*Chúng ta đã có chung một niềm mơ ước về một tương lai đẹp đẽ của đất nước, ở đó giặc dốt, giặc nghèo, giặc ngu muội bị đẩy lui và mỗi người Việt Nam có được một đời sống đáng sống.*

*Vì ở xa cách quê hương cả một đại dương, không có cơ hội hít thở trực tiếp bầu không khí khắc nghiệt ở quê nhà, nên chúng tôi chỉ có thể chia xẻ trong muôn một những nỗi nhọc nhằn, những cơn trăn trở thao thức, những khát khao được hiện thành lời, được viết thành chữ của các anh chị. Chúng tôi ý thức rất rõ rằng để làm được những việc đó, các anh các chị đã phải sẵn sàng trả giá cho những sự thực cần phải viết ra. Chúng tôi hiểu rằng sự lên tiếng, bằng cách này hay cách khác của các anh chị, đều xuất phát từ những rung động tận cùng của trái tim những con người đã kinh qua những cay đắng khổ nhục. Bằng ngòi bút và lương tâm của mình, các anh chị đã cất lên tiếng nói của nhiều người, đã cảnh cáo chế độ trước hố thẳm tăm tối mà dân tộc chúng ta sắp sa vào.*

*Được may mắn sống ở một nơi có quyền tự do phát biểu những gì mình nghĩ, chúng tôi thông cảm những băn khoăn do dự và những nỗi đe dọa chờn vờn các anh chị đã trải qua.*

*Chúng tôi không có quyền đòi hỏi gì ở các anh chị, vì biết rằng quyết định im lặng hay lên tiếng là tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể của các anh chị, tùy thuộc vào lương tâm của chính mình hơn là chờ đợi những lời khen chê bên ngoài. Chúng tôi cảm phục lòng can đảm của các anh chị, và không mong ước gì hơn là được thấy các anh chị càng ngày càng có nhiều người biểu đồng tình, để sự thật được phục hồi, nhân phẩm được tôn trọng. Độc Lập, Tự Do không còn là cái chiêu bài của quyền lực, và Hạnh Phúc là mơ ước gần gũi có thể với tới được của mọi người Việt Nam chúng ta.*

**Hải ngoại, ngày 14-7-1990**
**Nhóm Chủ Biên**

LE TRAN PUBLISHING COMPANY
P.O. BOX 2145
RESEDA, CA 91335
USA
Điện thoại liên lạc: (818) 342-7206

Giá US $25.00

## hai mươi bảy tác giả ngoài nước

• phạm việt cường • nguyễn mộng giác • vũ hạ • phan tấn hải • christian hoche • nghiêm xuân hồng • phạm kim khải • thụy khuê • thập lang • nguyễn đức lập • trương đình luân • hoàng sử mai • thân trọng mẫn • lea mùa xuân • hoàng chính nghĩa • đỗ thái nhiên • hoàng khởi phong • nguyễn hưng quốc • nguyễn văn sâm • đỗ hữu tài • nguyễn trần ngọc thu • nhật tiến • phạm trần • bùi bảo trúc • nguyễn bá tùng • thi vũ • trương vũ

## đọc và viết về bảy mươi chín tác giả trong nước

• lại nguyên ân • hoàng bình • thu bồn • hoàng hữu các • hoàng cầm • đỗ nam cao • nguyễn hữu cầu • nguyễn minh châu • trúc chi • bửu chỉ • trương chính • nguyễn trọng chức • nguyễn văn chương • trần dần • phan đình diệu • hoàng dũng • phạm tiến duật • lưu trùng dương • nguyễn duy • xuân đài • trần bạch đằng • đặng anh đào • ninh đức định • trần độ • tuấn đức • trinh đường • nguyễn linh giang • lâm thị thanh hà • vũ kim hạnh • trần mạnh hảo • hoàng ngọc hiến • trung hồ • phạm thị hoài • dương thu hương • đình hy • trang thế hy • lưu vĩnh hy • ma văn kháng • đặng thị vân khanh • mai dy linh • nguyễn linh • việt linh • hữu loan • dương thị kim loan • ngô thanh loan • nguyễn đăng mạnh • đặng nhật minh • nguyên ngọc • phạm xuân nguyên • nguyễn khắc phê • hà sĩ phu • lữ phương • việt phương • nguyễn thị ngọc phượng • phùng quán • trần huy quang • bùi minh quốc • nguyễn quang sáng • trần vàng sao • nguyễn lương tâm • nguyễn trọng tạo • thanh thảo • nguyễn huy thiệp • hà văn thùy • trần văn thủy • biện duy tích • bửu tiến • nguyễn văn toàn • minh trang • võ văn trực • hồ trung tú • nguyễn mạnh tường • hoàng phủ ngọc tường • trần chấn uy • mặc uyên • nguyễn thân văn • phan vũ • lưu quang vũ • nguyễn đắc xuân